

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
SA MÔN THÍCH THÔNG BỬU



Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

Đạo tràng Diệ Pháp Liên Hoa
Tổ đình QUÁN THẾ ÂM

Tập một (Bảy phẩm)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Bính Tuất - 2006

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

KINH ẤN TỔNG

Tổ đình QUÁN THẾ ÂM
90 Thích Quảng Đức - Phường 5 - Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh - ĐT: 08.8.448905
E-mail: thichthongbuu@hcm.vnn.vn

Lời Tái Bản

Tác phẩm “Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận” xuất bản lần thứ nhất số lượng đủ cúng dường chư Tăng Ni an cư kiết hạ trên toàn quốc, một số lượng theo khả năng của Tổ đình thì quá lớn, lại thêm phần biểu tặng các hàng thức giả cùng đồng bào Phật tử nên vẫn còn thiếu.

Rất mong lần tái bản thứ hai này sẽ đến tận tay người hâm mộ.

Lần tái bản này vẫn giữ nguyên như lần đầu xuất bản.

Chúng tôi mong nhận được lời chỉ giáo của Chư Tôn Hòa thượng, nhất là sự góp ý xây dựng của hàng thức giả và các giới Phật tử xa gần, và xin được nhận sự hỷ tâm cúng dường ấn tống của các vị hảo tâm, để lần tái bản sau được viên mãn hơn.

Trân trọng.

Lời Phi Lộ

Ở đời, có người định xây cất một ngôi nhà, nhưng lúc nào cũng cảm thấy sự chuẩn bị chưa hoàn hảo. Hễ có gỗ thì lại thiếu gạch ... Thế là lại hẹn từ năm này đến năm khác, thường thường chịu cảnh ở nhà thuê,

Về những bộ kinh lớn của Phật giáo, lý do thường chờ cho đủ điều kiện xuất bản sách nên thường phải đọc tác phẩm nước ngoài. Chúng tôi đánh liều gom lại những bài đã diễn giảng ở các khóa học để làm tài liệu và tu chỉnh thành sách, hầu cống hiến những vị có duyên với đạo tràng và kinh Pháp Hoa. Kinh điển của Phật giáo thì không biết sao kể hết, nhưng bộ kinh được in đi in lại, tái bản không biết bao nhiêu ngàn lần thì có thể nói chưa kinh nào đạt số lượng in nhiều bằng kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Các tác phẩm dịch nghĩa, chú giải, giảng luận về kinh Pháp Hoa đa phần còn ở các học

giả, dịch giả, chơn sư, pháp sư, giảng sư Trung Hoa, chứ Việt Nam thì vẫn còn quá ít. Trong lúc đó thì ở Việt Nam, hầu như đa số Tăng tín đồ đều là độc giả của bộ kinh này. Có một điều đáng lưu ý là đa số người trì bộ kinh này chỉ đọc hoặc tụng suông vậy thôi, chứ chưa tư duy để hiểu, để đạt kết quả như thế nào. Và buồn nhất là đa phần chỉ thích đọc, hoặc tụng chứ chưa tiến đến **thọ trì chuyên sâu**. Nếu như một sách thuốc dù linh nghiệm, người lương y có chuyên đọc, mà không thực hành thì cũng không thể chữa lành bệnh. Quyển sách điện, dù tuyệt đỉnh đến đâu, nhưng người kỹ sư chỉ đọc suông thì làm sao có nguồn điện.

Đức Phật thuyết giảng truyền dạy những lời chơn thật như vậy, mục đích là để cho hàng đệ tử thực hành theo, hầu cũng được an vui giải thoát như Ngài. Nếu chưa giải thoát thì cũng được thanh thản an vui. Thuở Phật còn tại thế thì rất nhiều người nghe, tin, thọ trì và chứng quả. Khi Đức Phật vừa nhập Niết Bàn thì cũng còn một phần thực hành theo phương cách kinh Pháp Hoa, nhưng dần dần ngày càng ít. Đến bây giờ thì gần như “thuyền neo bến vắng”, nghĩa là người đọc tụng vẫn còn nhiều, nhưng người áp dụng thực nghiệm theo đường lối kinh Pháp Hoa thì quá ít.

Tại sao như vậy ?

Tại vì ý nghĩa bộ kinh này ẩn mật và cao siêu quá. Chỉ có Phật với Phật mới hiểu trọn vẹn, còn chư vị Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng thì vẫn chưa hiểu rõ ráo. Hướng gì chúng ta là phạm tục thì làm sao hiểu hết được! Vì chưa hiểu nên lời biếng thọt trì, chưa áp dụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa vào đời sống. Tuy vậy, vì bộ kinh có sức hấp dẫn và truyền cảm về mặt màu nhiệm, nên đa số đều say mê đọc tụng, nhất là phẩm Phổ Môn.

Chúng tôi được sự truyền dạy của Bồ Tát Quảng Đức, nhất là bắt chước phần thọt trì của Ngài vào đời sống hằng ngày, đặc biệt là bước đường hành đạo của Ngài. Được phước báu gọi nhân ân đức, nên để đền đáp ân Thầy trong muôn một, chúng tôi khiêm tốn mở đạo tràng diễn giảng bộ kinh này đã bảy năm, từ 1979 đến tháng 9 năm 1985. Thời gian sau đó, chúng tôi không còn diễn giảng, nhưng vẫn tiếp tục thọt trì kinh Pháp Hoa. Lần thứ nhì, chúng tôi trở lại đạo tràng từ năm 1992. Lần này chưa tiếp tục diễn giảng kinh Pháp Hoa, mà trước nhất phối hợp với mười vị Giáo Thọ Sư, giảng giáo pháp phổ thông cho năm khóa học thường xuyên vào ngày Chủ nhật hằng tuần. Số lượng học viên hàng ngàn người, ai ai cũng tinh tấn tu học. Về sau các học viên này cũng được nghe

giảng kinh Pháp Hoa nhưng ít áp dụng lý kinh vào cuộc sống hằng ngày. Lời dạy của kinh là lời dạy của kinh, còn phương pháp sống hằng ngày là phương pháp sống hằng ngày, vì vậy cho nên chưa có thể gọi là thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sen nhờ bùn mà nở. Ao bùn nhờ sen mà thơm. Đọc tụng mà không rút tĩa những lời dạy nơi kinh, để áp dụng vào cuộc sống cho chính bản thân mình hằng ngày thì đọc tụng ít đem lại sự lợi ích. Ví dụ như hai câu kệ phẩm Phương tiện:

***“Thị pháp trụ pháp vị
Thế gian tướng thường trụ”***

Dịch thoát :

***Pháp tịnh trụ trên pháp động.
Tướng thế gian hằng còn.***

Nếu người hành trì Pháp Hoa mà chạy vào núi, hoặc tìm nơi thanh vắng để tu thì người ấy rất khó chứng đắc. Giữa sự ồn ào náo động, mà mình giữ được tâm hồn an tịnh, thế mới ***“Thị pháp trụ pháp vị”***.

Đêm nằm trên tàu hỏa, tàu chạy ồn ào náo động, mà mình vẫn ngủ ngon giấc, là mình đã sống theo quy tắc ***Pháp tịnh trụ trên pháp động***.

Các hình tướng trong thế gian thủy đều vô thường. Vậy tại sao Đức Phật dạy nơi phẩm Phương tiện rằng ***Tướng thế gian hằng còn ?***

(Xin xem phần giảng luận nơi phẩm Phương tiện tập này).

Thành tâm dâng công đức phổ truyền kinh cúng dường Tam Bảo, cúng dường Bồ Tát Quảng Đức, cúng dường chư hiện tiền Tăng.

Những điều thô thiển thiếu sót không làm sao tránh khỏi, kính mong các bậc cao minh chỉ giáo, chư thiện hữu tiếu nạp.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm. Xin tất cả đều kết thành Bồ Đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM
Sa môn THÍCH THÔNG BỬU

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 1

PHÂN NGHI THỨC

- Nghi thức là gì?
- Diễn giải nghi thức khai kinh

I - MỞ ĐẦU

Một ngày không đọc sách, ngu ba năm. Một tín đồ tôn giáo một ngày không tụng đọc kinh chú hoặc tịnh niệm thì lú lẫn nhiều đời. Phật giáo đặc biệt hơn, là khi đọc tụng kinh chú, phải trải qua một nghi thức khai kinh. Nếu thiếu phần này thì giảm mất một phần sự lợi ích của việc đọc tụng.

Ví như không đọc Tịnh Tam Nghiệp thì cả thân khẩu ý dơ bẩn, không đọc Tịnh Pháp Giới thì Đạo tràng dơ bẩn. Đạo tràng và thân, miệng, ý đều dơ bẩn thì thời kinh đó chỉ tiếp cận với ma hoặc cấp âm thấp, chứ làm sao cảm ứng được với các pháp giới ngoài quả đất, nhất là với Tam Bảo. Chỉ thiếu Tịnh Pháp Giới và Tịnh Tam Nghiệp mà mất sự lợi ích như thế, huống gì mất toàn bộ nghi thức khai kinh. Nhiều sách chỉ chú trọng giảng giải về phần

kinh điển, mà quên đề cập phần nghi thức khai kinh.

◆ NGHI THỨC LÀ GÌ?

Là khuôn phép và mẫu mực, tức những thể thức khuôn mẫu phải thực hiện đúng khi cúng lễ, hay đọc tụng kinh điển. Thiếu khuôn mẫu và thể thức thì thời đọc tụng kinh chú này thiếu phần ý nghĩa. Hoặc nếu có tụng đọc đúng nghi thức, mà không hiểu ý nghĩa của từng lời, từng câu văn khai kinh thì cũng khó đạt được sự lợi ích. Bởi vì đọc tụng để khai thông tư tưởng mà không hiểu nghĩa lý thì tư tưởng khó mở thông. Hơn nữa, Pháp Hoa là bộ kinh quan trọng nhất của đạo Phật, bất nhip cầu xuyên thông từ phàm phu tánh đến Phật tánh. Cho nên, khi đọc tụng bộ kinh này rất cần sự hỗ trợ của nghi thức khai kinh, kể cả chuông mõ, các món âm nhạc cửa chùa và trầm hương, hoa quả ...

Nhận thức được tầm quan trọng quá cần thiết, nên chúng tôi lược ghi phần nghi thức khai kinh đúng quy pháp, hầu giúp hàng sơ cơ, hoặc các vị Cư sĩ tại gia, hoặc giới học Tăng, học Ni khỏi bỡ ngỡ khi nhận trách nhiệm làm chủ lễ công cộng, hoặc một mình đọc tụng. Chúng tôi cũng giải nghĩa một số nét cần thiết của nghi thức khai kinh, hầu gây thêm nghi pháp cho các hành giả Pháp Hoa. Rất mong được truyền đạt sâu rộng và thừa hành đúng Chánh pháp.

◆ NGHI THỨC KHAI KINH PHÁP HOA

1/. Quỳ khấn

Vị chủ lễ quỳ gối dâng ba cây hương ngang trán, thâm khấn nguyện. Tất cả đại chúng cũng quỳ như vị chủ lễ, nhưng không cần có hương.

2/. Tịnh Khẩu nghiệp chơn ngôn

Tu rị tu rị ma ha tu rị, tu tu rị sa và ha
(*Tụng chú này để hơi miệng không hôi*)

3/. Tịnh Pháp Giới chơn ngôn

Vị chủ lễ và đại chúng cùng đọc nho nhỏ câu:

Aum lam tóa ha (ba lần)
– Có thể đọc gọn : **Aum Lam**

4/. Tịnh Tam Nghiệp Chơn Ngôn

Tất cả cùng đọc nho nhỏ như câu trên

Aum ta phạ bà phạ, thuật đà ta phạ, đạt ma ta phạ bà phạ thuật độ hám (ba lần)
– Có thể đọc gọn : **Aum Xi Lâm**

5/. Phổ cúng dường chơn ngôn

Aum nga nga năng, tam bà phạ phiệt nhựt ra hũm (ba lần)

Tụng chú này lời kinh sẽ là lời thưa chuyển hương hoa dâng cúng dường khắp mười phương.

6/. **Xướng lễ dâng hương** (*Vị chủ lễ xướng lớn*)

Nguyện đem lòng thành kính
 Dâng nhờ đám mây hương
 Ngát tỏa khắp mười phương
 Cúng dường ngôi Tam Bảo
 Thề trọn đời giữ đạo
 Theo tự tánh làm lành
 Cùng Pháp giới chúng sanh
 Cầu Phật từ gia hộ
 Tâm Bồ Đề kiên cố
 Chí tu học vững bền
 Xa biển khổ nguồn mê
 Chóng quay về bờ Giác

7/. **Kỳ nguyện**

(*Vị chủ lễ tiếp tục xướng lớn*)

Nam mô A Di Đà Phật,

Hôm nay, ngày tháng năm đệ tử
 chúng con thành tâm quỳ
 trước Đại hùng bửu điện, (*hoặc tại bàn thờ tư gia*)
 phát thệ nguyện đọc tụng thọ trì kinh Đại thừa Diệu
 Pháp Liên Hoa. Nguyện thập phương thường trụ
 Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni
 Phật, thập phương Tam Thế Nhất Thiết chư Phật,
 chư vị Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng, chư hiện tiền
 Tăng từ bi gia hộ cho đệ tử chúng con, Bồ Đề tâm
 kiên cố, phước huệ song tu, tự giác giác tha, giác

hạnh viên mãn, cùng tất cả pháp giới chúng sanh, nhất thời đồng đắc vô thượng chánh đẳng, chánh giác.

8/. Xướng lễ (*dành riêng chủ lễ*)

Đấng Pháp Vương vô thượng
 Ba cõi chẳng ai bằng
 Thầy dạy khắp trời người
 Cha lành chung bốn loại
 Quy y tròn một niệm
 Dứt sạch nghiệp ba kỳ
 Xứng dương cùng tán thán
 Ưc kiếp không cùng tận
 Phật chúng sanh tánh thường rỗng lặng
 Đạo cảm ứng không thể nghĩ bàn
 Lưới đế châu ví đạo tràng
 Mười phương Phật bảo hào quang sáng ngời
 Trước bửu tòa thân chúng con ảnh hiện
 Cúi đầu xin thệ nguyện quy y

9/. Đảnh lễ Tam Bảo

Chí tâm đảnh lễ

Nam mô tận hư không, biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trú Tam Bảo. (*một lạy*)

Chí tâm đảnh lễ

Nam mô Ta Bà Giáo Chủ, Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Long Hoa Giáo Chủ Đương Lai Hạ Sinh Di Lặc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Vương Bồ Tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát. *(một lay)*

Chí tâm đánh lễ

Nam mô Tây Phương Giáo Chủ Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đông Phương Giáo Chủ Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát *(một lay)*

10/. Khai chuông mõ

(Tất cả ngồi bán già hay kết già)

Chuông khởi ba tiếng nhẹ	○ ○ ○
Mõ nhịp theo bảy tiếng, ba nhẹ	● ● ●
bốn hơi mạnh	● ● ●



Chuông ○	Mõ ●
Chuông ○	Mõ ●
Chuông ○	Mõ ● ●

Nhập dùi chuông và dùi mõ trên miệng chuông mõ, chờ chủ lễ.

11/. Tụng bài: **Kệ Tán Dâng Hương**

(Đại chúng đồng tụng hoặc tán, tán nhịp bốn)

Bách hội vừa bén chiêm đàn
 Khấp phương pháp giới ba ngàn tỏa xông
 Khí hải nội lực viên thông
 Mây từ tùy xứ hư không kết vân
 Thuần ý thẩm diệu triêm ân
 Phật lực thể nhập toàn thân nhiệm màu
 Nam mô hương vân cái Bồ Tát *(ba lần)*

12/. Kệ khai kinh

Pháp vi diệu thẩm sâu vô lượng
 Trăm ngàn muôn ức khó tìm cầu
 Hôm nay đủ duyên con trì tụng
 Nguyện hiểu chơn thật nghĩa nhiệm màu
 Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
(niệm danh hiệu Bốn Sư Thích Ca ba lần)

11/. Tán thán kinh

Hơn sáu muôn lời gồm bảy quyển
 Rộng chứa đủ vô biên nghĩa màu
 Nơi cổ nước Cam lồ rịn nhuần
 Nơi miệng chất đề hồ dịu mát
 Bên răng ngọc trắng vang Xá Lợi
 Nơi lưỡi sen hồng phóng hào quang
 Dầu cho tạo tội hơn núi cả
 Chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng.
 Nam mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát

(niệm ba lần)

13/. Tụng ngũ bộ chú

Aum lam - Aum xì lâm (Aum chính âm Aum)

Aum ma ni pame hùm,

Aum chiếc lệ chủ lệ chuẩn đề sa và ha.

Bộ lâm.

(niệm ba đến bảy

lần)

14/. Văn phát nguyện

Kính lạy đấng Tam giới tôn

Quy mạng mười phương Phật

Con nay phát nguyện rộng

Thọ trì kinh Pháp Hoa

Trên đền bốn ơn trọng

Dưới cứu khổ tam đồ

Nếu ai thấy hoặc nghe

Đều phát tâm Bồ đề

Khi xả báo thân này

Sinh về cõi Cực lạc

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

(niệm danh hiệu ba lần)

15/. Văn ngưỡng bạch

(Vị chủ lễ ngưỡng bạch, hoặc đại chúng cùng tụng cũng được).

Ngưỡng bạch Phật Pháp Tăng vô tận Tam Bảo từ bi chứng minh.

Đệ tử tên là pháp danh
 . . nguyện vì bản thân, vì cha mẹ bà con, vì người
 thân kẻ sơ, vì mọi người và vì chúng sanh, nay con
 trì tụng kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Kính lạy kinh Diệu Pháp Liên Hoa, bản kinh
 của tuệ giác bình đẳng cao siêu, bản kinh dạy cho
 Bồ Tát và được chư Phật hộ trì.

Kính lạy tất cả Pháp bảo trong quốc độ này và
 trong mười phương quốc độ.

Kính lạy Đức Thích Ca Mâu Ni, Đức Phật Giáo
 Chủ Bốn Sư, đã tuyên thuyết kinh Pháp Hoa.

Kính lạy Đức Đa Bửu, Đức Phật đã làm chứng
 cho kinh Pháp Hoa là pháp thực tướng.

Kính lạy Đức Di Lặc, Đức Phật đương lai, đã
 phát khởi kinh Pháp Hoa và tiếp dẫn những người
 hành trì Pháp Hoa vãng sinh Đâu Suất Tịnh Độ.

Kính lạy Chư Phật khắp mười phương.

Kính lạy tất cả Pháp bảo kinh Pháp Hoa, trong
 quốc độ này và khắp mười phương quốc độ.

Kính lạy Bồ Tát Văn Thù, vị Pháp sư Pháp
 Hoa.

Kính lạy Bồ Tát Phổ Hiền, vị khuyến phát
 Pháp Hoa.

Kính lạy Bồ Tát Quán Thế Âm, vị đại sĩ toàn
 diện, ban cho chúng sinh pháp Phổ Môn, nơi kinh
 Pháp Hoa.

Kính lạy tất cả Tăng bảo cùng các vị Bồ Tát,
 các vị Duyên Giác và các vị Thanh Văn trong kinh

Pháp Hoa, trong quốc độ này và khắp mười phương quốc độ. (Đến đây đi vào tụng phần chính văn).

Lưu ý: Mỗi lần tụng một phẩm, hoặc nửa phẩm cũng đều phải khởi đầu bằng nghi thức khai kinh. Có nhiều nơi tụng một ngày một bộ bảy quyển. Tụng như vậy ít đạt kết quả, bởi vì khi thân thể uể oải thì tư tưởng làm sao tiếp thu để liễu nghĩa kinh. Tụng mà không liễu nghĩa thì bị kinh chuyển, tức là rơi vào mê mờ.

II - NỘI DUNG

Giảng luận

Quy khấn

Tập trung sáu giác quan vào giây phút niệm hương, giúp hành giả dễ tập trung tư tưởng và phát tâm thành kính tin sâu, nguyện thiết, nhất là tạo khung cảnh trang nghiêm thanh tịnh, cộng thêm mùi trầm hương nghi ngút, mùi hoa thơm ngào ngạt, âm thanh lắng đọng, sắc tướng huy hoàng, đàn tràng trang nghiêm, giúp hành giả Pháp Hoa dễ nhập niệm từ bi.

1/. Tịnh khẩu nghiệp chơn ngôn

Thường thường miệng mình bị nước miếng làm cho dơ ứ, nếu không đọc Tịnh khẩu nghiệp chơn ngôn thì lời đọc tụng sẽ có mùi dơ ứ.

2/. Tịnh pháp giới chơn ngôn

Đạo tràng dầu có trong sạch bao nhiêu, âm tử vẫn tràn ngập. Quần áo, thân thể có tắm giặt sạch sẽ cách nào cũng vẫn còn ẩn chứa nhiều chất uế trước. Bởi vì cõi này là cõi ngũ trước ác thế, tức là cấu tạo bằng năm thứ dơ bẩn độc ác. Đức Phật dạy muốn thanh tịnh đạo tràng thì đọc Tịnh Pháp Giới chơn ngôn. Không đọc Tịnh Pháp Giới chơn ngôn thì hành giả chỉ giao hảo với loài ma thấp, thời khóa tụng đó khó thấm nhập vào các cõi cao hơn.

3/. Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn

Dù đã trì niệm Tịnh Pháp Giới chơn ngôn, nhưng không đọc Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn thì vẫn không đạt sự lợi ích, bởi vì thân khẩu ý chưa được thanh tịnh.

Chú ý: Chẳng những giờ khai kinh mới đọc tụng Tịnh Pháp Giới chơn ngôn và Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn, mà bất cứ lúc nào, trước khi đi ngủ, đi ăn, tắm rửa, thay quần áo, cắm hoa vào bình, dâng quả lên đĩa để cúng ... *vân vân* ... cũng đều phải đọc Tịnh Pháp Giới chơn ngôn và Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn. Có thể đọc ngắn còn năm chữ: **Aum lam, Aum xì lâm** cũng được.

4/. Xướng lễ dâng hương

Vị chủ lễ xướng, đại chúng thành tâm chú ý nghe từng lời, từng câu, hoặc tất cả đồng đọc theo nhịp khánh. Tất cả tâm thành, tư tưởng quyện với

trầm hương, kết thành một vầng mây lành, thơm ngát tỏa khắp mười phương, cúng dường Phật Pháp Tăng. Đồng thời phát lời thệ nguyện, trọn đời gìn giữ, hiển hưng chánh pháp. Tự tánh của con người vốn là hiền, là thiện. Nguyện theo tự tánh ấy mà thực hành các điều lành. Nguyện cầu chư Phật từ bi gia hộ cho con, cùng với tất cả chúng sanh không chán bỏ việc làm tu phước và tu tuệ, nhất là tuệ tâm khai mở. Nhờ tâm chí tu học vững bền này, mà chúng con xa rời biển khổ, nguồn mê, mau chóng quay về tự tánh giác ngộ của chính mình.

5/. Kỳ nguyện

Lời xướng lễ đã bộc bạch tâm thành. Nhưng để khắc sâu vào tâm khảm, nên cần nhấn mạnh thêm ngày giờ, danh tánh. Xin khắc kỳ thệ nguyện, nguyện tu thành Phật, tức là phát tâm Bồ đề rộng lớn. Kính mong Tam Bảo chứng minh và gia hộ.

6/. Xướng lễ

Dâng hương và kỳ nguyện xong, vẫn chưa tròn khóa lễ. Cần phải xướng lớn thành tiếng, để rồi sau đó mới lễ lạy đấng Pháp Vương, tức là Đức Phật. Đức Phật tối thượng ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới không ai sánh bằng. Đức Phật là bậc Thầy, chẳng những dạy riêng cho loài người, mà chung cho muôn loài, trong đó có cả loài trời. Bốn loài nói chung kể cả thấp sanh, noãn sanh, thai sanh và hóa sanh.

Nay con hiểu được Đức Phật là bậc Thầy tối tôn, nên con một lòng xin quy y, để cầu dứt sạch nghiệp chướng A Tăng kỳ kiếp. Đức Phật cao thượng như thế, nên dù con có xứng tụng, tán dương Phật trọn đời, hoặc trải nhiều đời, nhiều kiếp, cũng không thể đủ lời để tán dương.

Phật tánh của chúng sanh cũng rộng lạng như tánh của chư Phật. Cho nên **con đường cảm ứng** giữa chúng sanh và Phật nó tiếp nối nhau rất thông suốt, sự nhiễm mầu này không thể nào nghĩ bàn cho cùng tận được. Chúng con không chấp đạo tràng chật hẹp, nơi một ngôi chùa hoặc một quốc độ, mà là trùm phủ cả vũ trụ, cả hư không bao la đều là đạo tràng. Ánh hào quang sáng ngời của chư Phật khắp mười phương đều soi rọi vào thân con. Chúng con thề nguyện trọn đời xin trở về nương tựa và y theo chư Phật.

7/. **Đảnh lễ Tam Bảo**

Quá khứ, hiện tại và vị lai chư Phật, chư Bồ Tát, chúng con đều nguyện xin lễ lạy. Lạy một Đức Phật là lạy muôn ngàn Đức Phật. Chẳng những chỉ lạy chư Phật, mà còn lạy chư vị Bồ tát, chư Hiền Thánh Tăng. Chẳng những chỉ lạy ở một phương, một cõi, mà lễ lạy khắp cả mười phương, ba cõi.

8/. **Khai chuông mõ**

Đây là âm nhạc trợ lực cho hành giả Pháp Hoa

kinh trong giờ phút trì tụng (*ý nghĩa chuông mõ xem giải nghĩa nơi bài các khóa trước*).

9/. Tụng bài kệ tán hương

Phàm là con người thì ai ai cũng đều có mùi thơm và mùi hôi. Mùi hôi thì tụ nơi các hạch mồ hôi và thoát ra nơi các lỗ chân lông, còn mùi thơm thì tụ hội ở nhục kế, giữa đỉnh đầu. Nơi đây quy tụ một trăm dây thần kinh. Y học gọi nơi này là Bách hội, hoặc Bá hội, tức là một trăm dây thần kinh tụ hội tại điểm này. Người nào càng tu luyện thì ngày càng thải bỏ những mùi hôi, mùi thối nơi cơ thể. Thải hết mùi hôi thì tự nhiên mùi thơm hiện hữu. **Bách hội vừa bén chiên đàn** – Ý nói là nơi huyết Bách hội vừa chớm có mùi thơm, như hương chiên đàn hải ngạn (*loại gỗ hương quý bên xứ Ấn Độ, cũng ví như gỗ kỳ nam, gỗ trầm của Việt Nam vậy*). Khi hương thơm tỏa từ huyết Bách hội thì cả ba ngàn đại thiên thế giới đều thoảng mùi hương này.

Muốn huyết Bách hội tỏa hương thì phải tu đủ nội lực nơi huyết “khí hải” (*biển hơi ở dưới rốn*). Hơi nóng từ huyết này tròn thông khắp cơ thể thì vắng mây lạnh nơi ý mới kết để tỏa nhập vào không gian. Lúc ấy chẳng những thấm sâu vi tế, mà còn diệu hữu. Nội lực thuần thiện, cũng còn gọi là

Phật lực, đã thẩm nhập toàn cơ thể một cách mâu nhiệm.

Muốn thông suốt yếu lý này, xin thẩm sâu vào phần giải nghĩa tựa kinh Lăng Nghiêm (*xem bản dịch bài kệ tựa kinh Lăng Nghiêm phía sau*).

10/. **Kệ khai kinh**

Lời Đức Phật dạy được kết tập lại thành kinh điển. Kinh điển là pháp môn vi diệu, cao siêu không thể dùng trí thông minh để suy luận nghĩ bàn được. Đã trải qua trăm ngàn kiếp mà con vẫn còn mãi ở địa vị phàm phu tục tử nên khó gặp được pháp Diệu. Hôm nay gặp được lời Phật, tức là gặp được pháp môn vi diệu, nên nguyện đọc tụng thọ trì và hiểu thâm sâu vào nghĩa chơn thật mà Đức Phật truyền dạy.

11/. **Tán thán kinh Pháp Hoa**

Bộ kinh Pháp Hoa, nói cho đủ là kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, chia thành bảy quyển (*trọn bộ*), hai mươi tám phẩm. Nếu theo nguyên văn chữ Nho, chúng ta có thể tính đến hơn sáu vạn chữ, đầy đủ nghĩa lý Nhất thừa sâu sắc, mâu nhiệm và huyền bí. Tụng và tu luyện theo kinh này lâu ngày, nước miếng nơi cổ không còn hôi, hoặc chát mặn nữa, mà nó lại ngọt ngon (*cam lồ là nước bất tử - bất tử dịch, vị ngọt như mật*).

Nhuần được nhiều nước miếng dịu mát và bổ dưỡng như chất sữa. Hai hàm răng quý báu vang như ngọc reo (*Xá lợi là ngọc*). Sức nóng nơi lưỡi tỏa ra “từ trường” vang xa. Người đời dù tạo nhiều tội lỗi bằng núi, bằng non, nhưng khi tỉnh tâm, đọc tụng thọ trì Diệu Pháp Liên Hoa, trì tụng đến khi nào liễu nghĩa, lúc bấy giờ hạ thủ công phu tức là Thọ và Trì, dù chừng vài chữ, hoặc vài dòng nơi kinh này thì tội lỗi to lớn kia nhất định liền được tiêu trừ.

12/. Tụng Ngũ bộ chú

Các chùa, hoặc các Đạo tràng, khi khai kinh đều tụng chú Đại bi. Riêng Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm thì lại tụng **Ngũ bộ chú**. Mỗi pháp môn có một đặc thù của nó. Đặc thù của Đạo tràng này là hướng đến chỗ luyện pháp môn **đồng khí tương cầu**. Ngũ bộ chú gồm năm bộ thần chú rút gọn:

1. **Aum lam**: là mật chú Tịnh Pháp Giới chơn ngôn.

2. **Aum xì lâm**: là mật chú tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn.

3. **Aum mani pamế hùm**: là mật chú Quán Thế Âm linh cảm chơn ngôn.

4. **Aum chiếc lệ chủ đề chuẩn đề sa và ha**: là tóm gọn mật chú Chuẩn Đề chơn ngôn.

5. **Bộ lâm**: là mật chú trên đỉnh đầu của Chư Phật.

(*Muốn rõ, xem bài giảng giải về Ngũ bộ chú*)

13/. **Văn phát nguyện**

Kính lạy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và hết thảy mười phương chư Phật. Con phát lời thệ nguyện rộng lớn **Thọ** và **Trì** kinh Pháp Hoa. Trên đền bốn ân lớn (*ân Tam Bảo, ân Quốc gia thủy thổ, ân phụ mẫu sanh thành, ân chúng sanh*). Dưới cứu khổ ba đường là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Khi con trì tụng kinh này, nếu ai thấy hoặc nghe đều phát tâm tu cầu đắc trí tuệ (*Bồ đề là trí tuệ*) và câu sau cùng là bỏ giả thân này nguyện được vãng sanh Cực lạc quốc.

14/. **Văn ngưỡng bạch**

Văn ngưỡng bạch này không tụng, dành riêng cho vị chủ lễ xướng, đại chúng lắng nghe.

Ý nghĩa văn ngưỡng bạch này là trùng tuyên lại các phần trên. Đặc biệt là xin lễ lạy kinh Diệu Pháp Liên Hoa, lạy chư Phật, lạy Đức Phật Di Lặc, các Đức Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Phổ Hiền, Bồ tát Quán Thế Âm, chư tôn Bồ tát và lạy tất cả ngôi Tam Bảo, các Ngài Thanh Văn, Duyên Giác quốc độ này và mười phương các quốc độ khác cũng đều kính lễ.

TÊN BỘ KINH

Đề tên kinh Pháp Hoa, nếu tính theo số chữ để trì niệm thì có chín chữ: “**Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh**”. Nếu tính đúng theo tên đề bộ kinh thì có mười lăm chữ: “**Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp, Chư Phật Sở Hộ Niệm**”. Giải nghĩa đại cương chín chữ:

1/. Nam mô

Nam mô còn đọc là nãng mô, na ma, nãng mạc ... dịch nghĩa: quy y, quy mạng, lễ bái, cúng dường, cứu ngã, độ ngã.

- *Quy y*: Trở về nương tựa.
- *Quy mạng*: Đem cả thân mạng trở về.
- *Lễ bái*: Lạy xá.
- *Cúng dường*: Thành tâm dâng cúng.
- *Cứu ngã*: Xin cứu con thoát khỏi phiền não nghiệp chướng.

- *Độ ngã*: Độ là chở, ngã là con. Xin độ con - Độ có nghĩa là chở con qua khỏi biển sanh tử luân hồi.

2/. Đại thừa

Thừa nguyên đọc là thặng. Thặng dịch là xe, đại thặng chiếc xe lớn. Ý nói pháp môn Tiểu thừa chỉ lo độ mình, còn pháp môn Đại thừa cũng ví như chiếc xe lớn tự chở mình và chở nhiều người khác,

loài khác. Kinh Đại thừa là những bộ kinh rộng độ cho các pháp giới chúng sanh đến đích thành Phật. Tạm ví như chương trình Đại học và Tiểu học ở thế gian vậy. Trong những bộ kinh Đại thừa chia làm hai loại: Quyền (tạm) đại thừa và Thật đại thừa. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh thuộc về Thật đại thừa.

Tu theo kinh điển Đại thừa đúng nghĩa, là không chỉ đọc tụng suông. Dù đọc tụng rõ ràng, kể cả thuộc rành rẽ từng câu, từng chữ cũng chưa phải tu theo Đại thừa. Phải hiểu nghĩa kinh. Phải thực hành đúng phương pháp kinh hướng dẫn. Phải áp dụng lời kinh vào đời sống hằng ngày của chính mình và nhiều người, nhiều loài chung quanh mình.

3/. Diệu pháp

Thế nào là pháp Diệu? Toàn bộ kinh, quyển nào, phẩm nào, câu nào, chữ nào cũng đều là pháp Diệu cả. Nàng Rồng (Long Nữ) tám tuổi nghe kinh Pháp Hoa liền đắc quả thành Phật trong nháy mắt. Năm ngàn người bỏ pháp hội ra đi. Năm trăm người ngồi lại nghe. Thập bát Phật Đa Bửu Như Lai từ đất vọt lên ... Mỗi mỗi đều là pháp Diệu.

Từ pháp **thô**, tu luyện chuyển sang pháp **tế**. Từ pháp **tế** tu luyện chuyển sang pháp **vi** thì ai ai cũng có thể tu luyện được. Nhưng từ pháp **vi**, tu luyện để chuyển sang pháp **Diệu** thì rất ít người chứng đắc. Nhưng cũng còn có người đắc. Từ **Diệu**

nhập vào **Diệu hữu** thì trong giới tu học Phật chưa được bao nhiêu.

GAum Tập niệm về Chánh niệm vẫn chưa là Diệu. Từ Chánh niệm tung trái ra Vạn niệm vẫn chưa là Diệu. Từ Vạn niệm quay về Tam niệm (*pháp môn Tịnh Độ*) vẫn chưa là pháp Diệu. Từ Tam niệm quay về Nhị niệm (*pháp môn Thiên quán, kể cả Trung quán song chiếu*) cũng chưa là pháp Diệu. Từ Nhị niệm bùng khai Nhất niệm (*tức là Vô ngôn vô tự*) cũng chưa là pháp Diệu. Khi nào chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân, khi nào Ứng Vô Sở Trụ, khi nào Trí Đạt Vô Sanh, khi nào Diệu Âm, Quán Thế Âm, Phạm Âm, Hải Triều Âm không còn ở ý quán, mà đã chuyển sang trí quán, quán sâu năm pháp quán: “Chơn quán, thanh tịnh quán, trí tuệ quán rộng lớn, bi quán và từ quán”, khi nào đắc tổng trì, khi nào tâm đắc Diệu Trang Nghiêm, khi nào trải hạnh nguyện Phổ Hiền ... lúc ấy mới gọi là Diệu pháp, mới gọi là Diệu hữu.

4/. **Liên Hoa**

Giải nghĩa Liên Hoa là bông sen thì ai mà không biết! Đồng ý là trong các loài hoa thì hoa sen là loài hoa có nhiều đặc điểm. Nhưng tại sao Đức Phật lại mượn tên loài hoa này để đặt tên bộ kinh quan trọng? Chúng ta sẽ được giải thích rằng: kinh Diệu Pháp là kinh nêu rõ phương pháp tu chứng

Diệu hữu, dành cho những ai nhập trần mà không nhiễm trần. Bông sen là loài hoa vào bùn không nhiễm bùn, lại hoa quả cùng lúc, chỉ cho quyền thật như trí, cho nên Đức Phật mới mượn tên loài hoa này để đặt tên cho bộ kinh.

Thứ nhì, ai chịu trầm tư để đạt cả lý lẫn sự thuộc về sức sống của loài hoa này thì người ấy ngộ được lý đa chiều của Bát Nhã. Đồng ý! Bát Nhã không đơn thuần ở lý đa chiều, nhưng nếu không mở cửa nguyên lý đa chiều thì hỏi đến bao giờ nhập vào nhà Bát Nhã? Kinh Pháp Hoa không đơn thuần ở nguyên lý Nhất thừa, mà nó hàm chứa tất cả nguyên lý Bát Nhã. Cầu một cây là lý Nhất thừa Pháp Hoa và thuyền không đáy là lý Bát Nhã. Cả hai nằm song song với nhau và cùng chung nhau một mật nghĩa, đó là giúp người sang sông. Khi đã sang bờ rồi thì ai còn cần thuyền không đáy, hoặc cầu một cây để làm gì nữa. Khi đã giải thoát, đã chứng đắc quả vị chánh giác rồi thì còn cần nương tựa Pháp Hoa, Bát Nhã làm gì nữa? Nhưng khi chưa giác ngộ mà không y theo phương pháp Diệu hữu của Pháp Hoa mà tu thì làm sao chứng đắc “Chơn không” của Bát Nhã. **Chơn không** và **Diệu hữu** cả hai đều thâm thiết. Nếu thiếu thì người tu luyện rất khó chứng đắc. Phải trải qua trung quán song chiếu, nghĩa là phải quán Giả và quán Chơn. Một mình Tề Thiên Đại Thánh đến thời kỳ đó phải có hai tên:

Tôn Hành Giả và Tôn Ngộ Không, tức là phải trung quán song chiếu, tức là quán và chiếu, chiếu cả pháp tu và pháp ngộ.

Còn nhiều nguyên do để hoa sen được ghi tên vào tựa bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nhưng nếu có giải thêm hàng trăm nguyên do nữa thì cũng là phụ mà thôi. Điều đáng hiểu mà chúng ta chẳng chịu hiểu và đây là điểm chính yếu của danh từ hoa sen được ghép với bộ kinh Pháp Diệu, để thành đề kinh Diệu Pháp Liên Hoa: Đó là cái hoa sen nở trên đầu của mỗi con người, cũng như hoa sen ngàn cánh nở nơi nhục kế của Đức Phật, tại Hội thuyết kinh Thủ Lăng Nghiêm vậy.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm không phải khởi từ miệng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà là do một Đức Hóa Phật, tức là Đức Phật Thích Ca hóa thêm một Đức Phật Thích Ca thứ hai. Lúc ấy trên đỉnh đầu Đức Phật Thích Ca có Đức Phật thứ hai, ngồi trên hoa sen ngàn cánh, tuyên thuyết thần chú Thủ Lăng Nghiêm:

BÀI KỆ TỰA KINH LĂNG NGHIÊM

Bấy giờ Đức Phật

Từ giữa nhục kế

Phóng trăm hào quang

Sáng giữa vọt mạnh

Ngàn cánh sen báu

Hóa thân Đức Phật
 Ngồi giữa hoa sen
 Đánh phóng mười sáng
 Trăm báu quang minh
 Mỗi mỗi sáng chiếu
 Đều hiện thấy rõ
 Kim Cương mật tích
 Mười cát sông Hằng
 Cầm chày chống núi
 Đầy khắp hư không
 Đại chúng nhìn thấy
 Hãi sợ thưa rằng
 Cầu Phật thương cứu
 Một lòng vâng Phật
 Thấy nơi trên đỉnh
 Một Phật phóng quang
 Tuyên thuyết thần chú

Kinh Thủ Lăng Nghiêm là thời kỳ hoa sen ngàn cánh nở nơi đỉnh đầu của Đức Thế Tôn. Kinh Pháp Hoa thì hoa sen hợp với kinh Đại thừa Pháp Diệu thành tên bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Vậy trình độ thọ trì kinh Pháp Hoa là trình độ đọc tụng để hiểu biết và hành trì theo phương pháp vi diệu, hầu giúp cho trăm dây thần kinh nơi Bách hội của mỗi hành giả, mỗi dây thần kinh tỏa mười tia sáng. Ngàn tia sáng trên đỉnh đầu thành một hoa

sen bằng ánh sáng. Ngàn cánh sen bằng từ trường nở nơi hành giả Pháp Hoa kinh, điều kiện sơ khởi bắt buộc phải hợp đủ bốn chữ: Diệu Pháp và Liên Hoa.

Có pháp Diệu mà không dám nhập trần thì chỉ mới đạt có một nửa. Trái lại, nếu nhập trần mà thiếu pháp Diệu thì lại càng thiếu sót hơn. Nhập trần không nhiễm trần, đó là Liên Hoa. Không nhiễm trần vẫn chưa đủ, cần phải nở hoa giống như sen. Nở hoa vẫn chưa đủ, cần phải tỏa hương, phơi nhụy, hiến đời. Tỏa hương phơi nhụy vẫn chưa đủ, cần phải có hạt quả hiện tiền (*hoa quả đồng thời*).

Nói chung là chẳng những bắt chước hoa sen, sống đúng như cách sống của hoa sen, mà chính bản thân mình nơi đỉnh đầu phải nở một hoa sen hào quang ngàn tia sáng, như Đức Phật ở Hội Thủ Lăng Nghiêm. Được như vậy mới gọi là Liên Hoa, như thế mới gọi là Diệu Pháp.

5/. Kinh

Kinh và sách, hai ý nghĩa tuy giống mà khác nhau. Sách thuộc diện văn hóa dòng đời, kinh thuộc diện lời dạy dỗ của tôn giáo. Sách nặng về phần vật thể, kinh nặng về tâm linh và lại còn bao gồm vật thể. Kinh nằm riêng địa hạt tôn giáo. Mỗi tôn giáo có một số quy ước về kinh của tôn giáo đó: kinh Phệ Đà của đạo Bàlamôn, Thánh kinh Cựu

ước, Thánh kinh Tân ước của đạo Thiên Chúa, kinh Coran của đạo Hồi, Ngũ kinh của đạo Khổng, Lão Tử Đạo Đức kinh của đạo Lão ... Riêng đạo Phật thì là lời dạy của Đức Phật Thích Ca, trong đó có một số lời đối thoại của hàng Bồ Tát, hàng trời thần quỷ rồng người. Suốt 49 năm, trên lịch trình truyền bá của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo pháp của Ngài được chia làm ba phần: “Kinh - Luật - Luận”. Kinh cũng có nghĩa là xâu kết từng lời dạy thành một hệ có sau trước. Bài học này chỉ nêu khái niệm về chữ kinh, nếu giảng giải chữ kinh thì còn nhiều chi tiết. Xin quý vị tham khảo sâu về chữ kinh nơi các tài liệu liên quan.

KINH PHÁP HOA

Chữ kinh này thuộc về kinh chứ không phải luật, luận. Kinh Pháp Hoa do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chư vị Bồ tát và quỷ thần tuyên thuyết tại Hội Pháp Hoa, núi Linh Thứu (*Ấn Độ*). Ngoài những lời dạy của Đức Phật và Bồ tát thì lại còn có một số câu đối thoại của thánh chúng tại Hội Thượng Pháp hoa. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, trưởng lão Ma Ha Ca Diếp tập hợp một ngàn vị Thánh Tăng để kết tập giáo pháp của Đức Phật lại thành hệ thống. Cũng ví như một sợi chỉ kết những hạt châu lại, thành một xâu chuỗi vậy!

Đại hội kiết tập này, do Ngài Tôn Giả A Nan tường thuật, chín trăm chín mươi chín vị Thánh Tăng nghe và đồng ý thì Ban kết tập mới ghi chép vào lá bối, sau này mới có ấn bản lưu hành phổ biến sâu rộng. Đại hội kiết tập này tuy kiết tập nhiều bộ kinh, nhưng quan trọng nhất, có tánh cách xiển dương chánh pháp là bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

(Xin xem thêm phần dịch giải bài tựa Hoằng Truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa của luật sư Đạo Tuyên ở phần phụ lục).

III - TÓM KẾT

Bài học số một này ghi đại cương những nét cần thiết tên đề bộ kinh Pháp Hoa, gọi cho đủ là Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Giáo Bồ Tát Pháp, Chư Phật Sở Hộ Niệm.

Dù ghi tóm lược đại cương, nhưng chúng tôi hy vọng giới học Phật, nhất là các vị hành giả Pháp Hoa kinh quyết tâm nhập sâu phần thực dụng của các phẩm toàn bộ kinh. Cũng mong bộ Pháp Hoa giảng luận này đến tận tay giới học giả, giới nghiên cứu Pháp Hoa, hy vọng góp phần nào về mặt tài liệu để bớt sự nhọc mệt kê cứu của quý vị.

Sách giới hạn số trang, nên không tài nào đầy đủ mọi dẫn chứng, nhất là phần giải nghĩa văn tự. Mong sự thông cảm và xin mời chúng ta cùng thẩm

sâu từng bài, từng phẩm, tiếp tục đi sâu vào toàn bộ kinh.

- Phật pháp chẳng lìa thế gian pháp
- Bông sen chẳng rời bùn
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chẳng tách xa cuộc sống của mọi người giữa dòng đời trong đục.

Cầu nguyện Phật Tổ gia hộ, chư Thiên giới, chư tôn Hộ pháp tiếp sức cùng chúng tôi, để đồng liễu thông Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh. Bộ kinh tối tôn, tối mật và thù thắng nhất, bộ kinh gồm đủ phương pháp sống, là gia bảo chung cho cả muôn loài.

Kính mong các bậc cao minh chứng giám, quý vị thức giả, trí giả hộ trì. Toàn thể hành giả Pháp Hoa kinh và những ai tu cầu hoa sen pháp Diệu Đại thừa kiên trì tu luyện.

Kính lạy Tam Bảo, kính lạy Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật gia hộ, chư Thiên giới quyền uy, Long Thiên Bát bộ Hộ pháp, hợp lực đồng tâm tu học và phổ truyền bí pháp Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa ngày càng sâu rộng.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.



Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại Thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 2

PHẨM TỰA - Thứ nhất

I - MỞ ĐỀ

Bộ kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển, chia hai mươi tám phẩm. Phẩm thứ nhất, được gọi là phẩm Tựa. Muốn dễ hiểu phẩm Tựa, chúng ta phân thành

sáu đoạn gồm sáu nét lớn. Bài học số hai này gồm hai nét chính:

- **Bảy điểm thành tựu**
- **Phương pháp dẫn nhập**

Vì bài học tóm gọn, mong quý vị nghiên cứu, hoặc tham câu tu học, nhất là hành giả Pháp Hoa hãy thẩm sâu từng chữ, từng câu của toàn phẩm kinh và cũng nên trực tiếp, hoặc gián tiếp nghe giảng giải, nhất là cần phải thọ trì, thực tu, thực luyện, thực nghiệm, thực hiểu và thực biết thì mới liễu ngộ được giáo pháp vi diệu của kinh Pháp Hoa. Nhược bằng chỉ đọc tụng hoặc nghiên cứu suông thì không bao giờ đạt được ẩn nghĩa. Bởi vì ẩn nghĩa của Pháp Hoa không cho phép bất cứ ai được ngâm nghĩ, suy lường, chứ đừng nói là tính toán. Dù bạn là một Giáo sư Tiến sĩ Toán, bạn cũng không thể nào làm xong một bài toán chia mười cho ba. Nhưng cậu bé học sinh lớp một, có thể xếp giấy chia thành ba phần, mà không hề thừa, hoặc thiếu. Trái lại, vị Giáo sư Toán thì dù có tìm mọi cách để chia mười cho ba, cũng vẫn còn thừa. Vậy kính mong quý vị hành giả Pháp Hoa đừng nên suy lường, nhất là đừng nên “tính toán”. Hãy thực hành, thực tu, thực luyện, thực nghiệm và thực chứng, dù chỉ chứng ngộ được một chữ. Bởi vì kinh Pháp Hoa không phải là “sự kiện”, mà là “sự thực”. Mặc dù toàn bộ kinh

Pháp Hoa có nhiều câu, nhiều chữ quá sâu xa, quá huyền bí, có chỗ mới xem qua, cứ ngỡ tưởng là trừu tượng, nhưng mà nó là sự thực, tức là nguyên lý chơn thật, đối với những ai thực tu, thực chứng.

II - NỘI DUNG

Chánh văn

1 - Như vậy Ta nghe! Vào một lúc nọ, Đức Phật đang trụ trong núi Kỳ Xà Quật nơi thành Vương Xá cùng một vạn hai ngàn vị đại Tỷ kheo câu hội. Tất cả số này đều là bậc A La Hán. Tất cả lậu đều dứt sạch, mọi phiền não không còn. Việc tự lợi cho chính bản thân đã tròn đủ, đã dứt được mọi ràng buộc trong các cõi, tâm đã đạt tự tại. Tên các Ngài ấy là: A Nhã Kiều Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lô Đà, Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lãng Già Bà, Ta Bạc Câu La, Ma Ha Câu Si La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lâu Na, Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La ...*vân vân*... Đây là những vị Đại A La Hán, hàng trí thức của chúng.

Lại còn có hai ngàn vị, toàn những bậc còn học và không phải học nữa.

Tỷ kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề và sáu ngàn quyến thuộc đều cùng câu hội. Thân mẫu của La Hầu La là bà Tỷ kheo Ni Da Du Đà La và quyến thuộc cũng đang hiện diện tại hội Pháp Hoa.

2 - Bậc đại Bồ Tát gồm tám vạn vị, đều bất thối chuyển, ở nơi đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, tất cả đều đã chứng pháp Đà Ra Ni, nhạo thuyết biện tài. chuyển pháp luân bất thối và đã từng cúng dường vô lượng trăm ngàn Đức Phật, trồng sâu cội công đức nơi Chư Phật. Thường được Chư Phật ngợi khen, đã dùng đức từ để tu thân. Khéo chứng trí tuệ Phật, thông đạt đại trí, đến bờ giải thoát, danh rộng truyền khắp vô lượng thế giới, hay độ vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh.

Hiệu của chư vị Bồ tát là: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quán thế Âm Bồ tát, Đắc Đại Thế Bồ tát, Thường Tinh Tấn Bồ tát, Bất Hưu Tức Bồ tát, Bửu Chưởng Bồ tát, Dục Vương Bồ tát, Dũng Thí Bồ tát, Bửu Nguyệt Bồ tát, Nguyệt Quang Bồ tát, Mãn Nguyệt Bồ tát, Đại Lực Bồ tát, Vô Lượng Lực Bồ tát, Việt Tam Giới Bồ tát, Bạt Đà Bà La Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, Bửu Tích

Bồ tát, Đạo Sư Bồ tát ...*vân vân*... Các vị đại Bồ tát như thế tám ngàn người đều tụ hội.

3 - Lúc bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn, cùng với quyến thuộc hai muôn Thiên tử đồng câu hội.

Lại có Minh Nguyệt Thiên tử, Phổ Hương Thiên tử, Bửu Quang Thiên tử, bốn Ngài Đại Thiên vương, cùng với quyến thuộc một vạn Thiên tử đồng câu hội.

Tự Tại Thiên tử, Đại Tự Tại Thiên tử, cùng với quyến thuộc ba vạn vị Thiên tử câu hội.

Chủ cõi Ta Bà: các Ngài Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm ...*vân vân*... Cùng với quyến thuộc một vạn hai ngàn vị Thiên tử đồng câu hội.

Có tám vị Long vương: Nan Đà Long vương, Bạt Nan Đà Long vương, Ta Đà La Long vương, Hòa Tu Kiết Long vương, Đức Xoa Ca Long vương, A Na Bà Đạt Đa Long vương, Ma Na Tu Long vương, Ưu Bát La Long vương, cùng nhiều trăm ngàn quyến thuộc đều câu hội.

Có bốn vị Khẩn Na La vương: Pháp Khẩn Na La vương, Diệu Pháp Khẩn Na La vương, Đại Pháp Khẩn Na La vương, Trì Pháp Khẩn Na La vương, cùng với trăm ngàn quyến thuộc thảy đều câu hội.

Có bốn vị Càn Thát Bà vương: Nhạc Càn Thát Bà vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà vương, Mỹ Càn Thát Bà vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà vương và nhiều trăm ngàn quyển thuộc đồng câu hội.

Có bốn vị A Tu La vương: Bà Trĩ A Tu La vương, Khư La Khiên Đà A Tu La vương, Tỳ Ma Chất Đa La A Tu La vương, La Hầu A Tu La vương và cùng bao nhiêu trăm ngàn quyển thuộc đồng câu hội.

Có bốn vị Ca Lâu La vương: Đại Oai Đức Ca Lâu La vương, Đại Thân Ca Lâu La vương, Đại Mãn Ca Lâu La vương, Như Ý Ca Lâu La vương và cùng nhiều trăm ngàn quyển thuộc câu hội.

Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hi và nhiều trăm ngàn quyển thuộc đồng câu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

4 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn được hàng tứ chúng vây quanh cúng dường, cung kính, tán thán, tôn trọng, bèn vì các vị Bồ tát mà thuyết kinh Đại thừa tên là “Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp, Chư Phật Sở Hộ Niệm”.

Nói kinh này xong, Đức Phật ngồi xếp bằng nhập chánh định “Vô Lượng Nghĩa Xứ”. Thân và tâm của Đức Phật đều không lay động.

Khi đó trời mưa hoa Mạn Đà La, hoa Ma Ha Mạn Đà La, Hoa Mạn Thù Sa, hoa Ma Ha Mạn Thù Sa, để rải trên Đức Phật cùng hàng đại chúng, khắp cõi này, sáu điệu vang động.

Lúc bấy giờ trong chúng hội, các hàng: Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà, Nhơn và Phi nhơn, và các vị Tiểu vương cùng Chuyển Luân Thánh vương. Tất cả đại chúng ấy đều đặng thấy việc chưa từng có, vui mừng chấp tay một lòng nhìn Phật.

5 - Bấy giờ, Đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chận mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A tỳ, trên suốt thấu trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh ở các cõi kia.

Lại thấy các Đức Phật hiện tại nơi các cõi ấy và nghe kinh pháp của các Đức Phật ấy thuyết. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ và những người tu hành đặc đạo.

Lại thấy các vị đại Bồ tát dùng các pháp như duyên, bằng lời tín giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ tát.

Lại thấy các Đức Phật nhập Niết bàn. Lại thấy sau khi các Đức Phật nhập Niết bàn, đem Xá lợi của Phật mà thờ nơi tháp dựng bằng bảy báu.

Giảng luận

1/. Bảy điểm thành tựu của phẩm Tựa

Phần duyên khởi của phẩm Tựa, gồm bảy yếu tố thành tựu (*thất chủng thành tựu*). Các bộ kinh khác có sáu yếu tố, kinh Pháp Hoa đến bảy điểm thành tựu:

- ① Tín thành tựu
- ② Văn thành tựu
- ③ Thời thành tựu
- ④ Chủ thành tựu
- ⑤ Địa điểm thành tựu
- ⑥ Nhân sự thành tựu
- ⑦ Nhân chứng thành tựu

❶ Tín thành tựu

Như vậy : Tức là niềm tin thành tựu.

Kinh của Bàlamôn thì chữ Oai và chữ Aum đứng đầu. Kinh Phật (*kinh nào cũng vậy*) thì chữ “như vậy” đứng đầu. “Như vậy đó!”. Ai nếu tin thì

đọc tụng, thọ trì, bằng ai không tin thì thôi. Chữ “Như vậy” đứng trước mới đúng kinh Đức Phật thuyết.

② Văn thành tựu

Ta nghe : Đây là nghe thành tựu.

Hai chữ **Ta nghe**, nếu dịch **tôi nghe** thì không sát ý. Ta đây là chúng ta, gồm Ngài A Nan và đại chúng một ngàn vị A La Hán cùng nghe. Nghe bằng chơn tâm, chứ không phải ý nghe, tức là chơn ngã nghe, chứ không nghe bằng đại ngã như đạo Bàlamôn và lại càng không phải nghe từ tiểu ngã. Cũng không thể nghe ở sáu giác quan. Lại càng không phải là do tai nghe. Ai dùng tai nghe kinh này thì sự nghe chưa thành tựu, vì tôi nghe là nghe của cá nhân Ngài A Nan là sai.

③ Thời thành tựu

Một thời : Đây là thời thành tựu.

Chỉ có một thời điểm đó, chứ không có thời điểm thứ hai, thứ ba hay bất cứ một thời điểm nào khác (*cũng ví như quả banh nơi chân cầu thủ*).

④ Chủ thành tựu

Đức Thế Tôn : Đây là chủ thành tựu.

Kinh này do Đức Phật Thích Ca chủ thuyết, Đức Phật thuộc về chủ thành tựu. Bởi vì kinh là do

vị Giáo chủ tuyên thuyết, Đức Phật chủ trương và cũng chính Đức Phật thuyết.

⑤ Địa điểm thành tựu

Tại núi Kỳ Xà Quật : Đây là địa điểm thành tựu.

Núi Kỳ Xà Quật, có nơi còn gọi là núi Linh Thứu (*núi Linh giống hình con chim Thứu*), hoặc Linh sơn. Địa danh này là nơi đất linh của thành Vương Xá, một thành phố phồn vinh, của xứ Ấn Độ thuở ấy.

⑥ Nhân thành tựu

Nhân sự : Đây là nhân sự thành tựu.

Gồm có chư vị Bồ tát, cùng hàng Thánh Tăng, trời thần quỷ rồng, nhơn và phi nhơn.

Ai diễn thuyết thu hút độ mười vạn thính giả thì vị ấy đã thành công to lớn lắm rồi. Ở đây Đức Phật thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa và chuẩn bị thuyết kinh Pháp Hoa, số thính chúng đã lên đến số muôn triệu tỷ. Nhất là số thính chúng này, đa phần là những bậc danh tiếng lẫy lừng khắp cõi trời thần quỷ rồng, nhơn và phi nhơn. Một sự thành tựu về chất lượng và số lượng thính giả đã vượt trên mức ước tính đếm, tức là vượt ngoài sự tưởng tượng của thế nhơn.

Đặc biệt nhất: Sự hiện diện các Ngài Đại Bồ tát. Đây là thành phần nhân sự thành tựu tuyệt nhất.

Bồ tát Văn Thù, Bồ tát Di Lặc, cùng chư Bồ tát Ma Ha Tát đều có mặt tại Hội Pháp Hoa.

Một buổi lễ hoặc một buổi diễn thuyết nào, dù hình thức có cực kỳ trang nghiêm, long lẫy, số thính chúng có đông đến hàng ngàn, hàng vạn, hàng ức, mà thiếu sự hiện diện chứng kiến của các bậc thức giả, trí giả có danh vị, hoặc có địa vị trong xã hội thì buổi lễ, hoặc buổi diễn thuyết ấy mất đi khá nhiều phần trọng thể.

Hội thuyết kinh của Đức Phật Thích Ca, chẳng những đông đủ hàng đệ tử bốn chúng, xuất gia, lẫn tại gia, mà còn có cả vua các cõi trời, vua cõi người tại xứ Ấn Độ, cùng đông đủ quyền thuộc của vua. Cũng có vua và quyền thuộc các cõi rồng, nhất là đông đủ tám bộ trời rồng quỷ thần. Đó là Trời - Rồng - Dạ xoa - Càn Thát Bà - A Tu La - Ca Lâu La - Khẩn La Na - Ma Hầu La Già - Đông đủ tám bộ Hộ pháp, đều có mặt.

Siêu nhất là hàng Bồ tát thì đông đến một trăm bốn chục ngàn vị. Các Ngài Đại Bồ tát như: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát - Quán Thế Âm Bồ tát - Đại Thế Chí Bồ tát - Thường Tinh Tấn Bồ tát - Bất Hư Tức Bồ tát - Bảo Chưởng Bồ tát - Dược Vương Bồ tát - Dũng Thí Bồ tát - Bảo Nguyệt Bồ tát - Nguyệt Quang Bồ tát - Mãn Nguyệt Bồ tát - Đại Lực Bồ tát - Vô Lượng Lực Bồ tát - Việt Tam Giới Bồ tát - Hiền Hộ Bồ tát - Di Lặc Bồ tát - Bảo Tích

Bồ tát - Đạo Sư Bồ tát cùng chư vị Đại Bồ tát hiện hữu nơi Hội Pháp Hoa. Pháp hội quá trọng thể lại có thêm sự hiện diện của chư Bồ tát, nên càng thêm phần trọng thể.

Pháp môn vi diệu nhất thừa pháp nhập trần như bông sen vào bùn không nhiễm bùn. Nhờ nhiều yếu tố thành tựu này, nên đã đạt đến tầm mức tối quan trọng.

⑦ Nhân chứng thành tựu

Đức Phật nào thuyết kinh mà được một Đức Phật quá khứ đến tại hội thuyết kinh để chứng minh tăng thêm sự trang nghiêm thì bộ kinh đó được coi là bộ kinh vua của các kinh và được ghi là bảy điểm thành tựu. Nếu không thì chỉ được ghi có sáu điểm thành tựu.

Bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, trong khi Đức Phật Thích Ca đang thuyết thì tháp báu hiện ra. Trong tháp báu có Đức Phật Đa Bửu Như Lai, vị Phật thuộc quá khứ. Ngài lại nhường nửa tòa mời Đức Thích Ca cùng ngồi để tiếp tục thuyết hoàn mãn hội Pháp Hoa (*xem phẩm Hiện Bửu Tháp*).

Như vậy nên mới bảo rằng kinh Pháp Hoa có thêm phần nhân chứng tuyệt hảo. Nhờ nhân chứng tuyệt hảo như thế nên đã khiến cho thính chúng ai đủ nhân duyên nghe đều tuyệt đối khởi niềm tin sâu sắc.

Phần duyên khởi bộ kinh Pháp Hoa đạt đến bảy điểm thành tựu. Đây chính là kim chỉ Nam, giúp cho đàn hậu học noi theo, mỗi khi muốn đề xướng một sự việc trọng đại thì phải tuân thủ bảy phép thành tựu, thuộc phần duyên khởi này. Nho giáo chỉ cần ba điểm thành tựu: thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Quản trị học Đông phương cần đến bốn điểm thành tựu: Pháp - Tài - Lữ - Địa. Phật giáo thì đến bảy điểm thành tựu.

Hành giả Pháp Hoa kinh khi áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, bất cứ địa hạt nào, nhớ đừng rời bảy điểm thành tựu này, dù sự việc và hình thức có khác, nhưng phải đủ bảy điểm

2/. Phương pháp dẫn nhập

Đa phần chúng ta, những ai tu học kinh Pháp Hoa, ít người chú trọng đoạn kinh mang mật nghĩa về điểm này, tức là điểm dẫn nhập. Có hàng ngàn, hàng vạn cách dẫn nhập. Dẫn nhập hay thì thành tựu lớn. Vào lớp, học sinh cấp một ồn ào, cô giáo muốn dẫn nhập bài giảng đầu giờ, nên đưa thước gạch đập nhẹ vào bảng đen mấy tiếng, khiến cả lớp im phăng phắc, các em chú ý trăm phần trăm vào lời mở đầu của cô giáo. Nhưng vị Giáo sư Đại học thì lại không thể dẫn nhập giống phương pháp cô giáo Tiểu học.

Vị giảng sư Phật giáo ở các Đạo tràng thì dẫn nhập bằng cách cùng niệm Phật ba lần. Nhưng vị Linh mục Thiên Chúa giáo thì lại dẫn nhập bằng một bài Thánh ca, do toàn ban đồng xướng, với một điệu nhạc vừa trầm vừa rung cảm. Mỗi mỗi đều có một lối dẫn nhập riêng. Đặc biệt kinh Pháp Hoa, sau khi thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa xong, Đức Phật quán thấu căn cơ đại chúng đã đúng “thời”, tức là đúng thời điểm, không thể sớm hơn, mà cũng không thể chậm hơn. Đức Phật liền khẩn cấp truyền dạy pháp vi diệu nhập đời.

Tức là pháp môn vi diệu đã đúng lúc nhập đời, để làm cho đời bớt thô, hầu nhập vào tế, vào vi, tiến đến nhập diệu, rồi diệu hữu. Một pháp môn tối ư quan trọng, cho nên không thể dẫn nhập như những bộ kinh khác. Riêng bộ kinh Pháp Hoa, khi đã đủ nhân duyên, Đức Phật chọn cách lặng thinh nhập định và phóng quang, khiến cho đại chúng từ ngạc nhiên này, chuyển sang ngạc nhiên khác. Bất buộc mỗi người phải tự tập trung tâm ý để theo dõi những hiện điềm biến tướng khác lạ này. Thế là, Đức Phật đã thành công ngay từ giây phút mở đầu. Thành công nhờ phương cách dẫn nhập khác lạ.

Đức Phật chờ cho toàn thể đại chúng, trời, thần, người, quỷ, rồng, kể cả hàng chúng đệ tử, nhất là hàng Bồ tát và Đại Bồ tát, tất cả đều ngưỡng vọng, mong cầu, chú tâm. Hàng chư thiên thì mưa rải hoa

quý cúng dường, đất rung động sáu diệu. Tất cả đều nhất tâm kính ngưỡng, chấp tay hoan hỷ, mong cầu được biết việc gì sẽ xảy ra. Tại sao Đức Phật lại nhắm mắt, nhập định lặng thinh? Sự nhắm mắt lặng thinh của Đức Phật có hai điểm chính: Một là, chờ cho đại thánh chúng nhất quán, ai ai cũng mong được lãnh hội giáo pháp. Hai là, nhắm mắt yên lặng để chọn ai giới thiệu bộ kinh, hầu tăng thêm phần tuyệt diệu cho bộ kinh.

Hai chủ điểm đã hội đủ thuận duyên. Lúc bấy giờ Đức Phật tập trung thần lực vào con mắt thứ ba, phóng tỏa ra luồng ánh sáng. Con mắt thứ ba, nằm giữa chận mày là con mắt nội lực. Nói cách khác, là con mắt nội tâm. Ánh sáng từ con mắt nội tâm của Đức Phật soi về phương Đông, rộng xa khắp mười tám ngàn thế giới. Thấp nhất là cõi địa ngục A Tỳ, cao nhất đến cõi trời Sắc Cứu Cánh.

Tất cả đại chúng nơi Hội Pháp Hoa, nhờ ánh sáng này mà đã thấy rõ khắp các cõi ấy. Thấy thấy chư Phật, nơi các cõi thế giới ấy, đang thuyết pháp. Thấy tất cả bốn chúng đệ tử chư Phật của các cõi thế giới ấy, đang hành đạo và đắc đạo. Thấy rõ chư vị Bồ tát, của các cõi thế giới ấy, đang rộng độ chúng sanh. Đồng lúc ấy, lại cũng được thấy các Đức Phật, nơi các thế giới ấy, đang nhập Niết bàn. Và sự xây bảo tháp, thờ xá lợi của các Đức Phật nơi các thế giới ấy.

Tất cả đại chúng nơi Hội Pháp Hoa, của Đức Phật Thích Ca, đang từ ngạc nhiên này chuyển sang ngạc nhiên khác. Chẳng khác nào một đoàn người, đang ngồi giữa đêm tối, bỗng có một ánh đèn pha, rọi chiếu cho tất cả thấy rõ được những điều hy hữu chưa từng có.

Đáng lý đến đây, Đức Phật mở mắt, mỉm cười và truyền dạy pháp Diệu Hữu, Đại thừa. Nhưng không, Đức Phật vẫn tiếp tục nhắm mắt, nhập định, khiến cho sự phân vân của đại chúng, càng lúc càng dâng cao.

Mục đích, Đức Phật muốn nơi đại chúng có người đầy đủ uy tín, đứng lên tự hỏi những điểm khác lạ này và cũng chính trong đại chúng phải có người siêu việt xuất hiện, tự đứng ra giải thích. Chính lời giải thích này là lời giới thiệu hấp dẫn nhất, hùng hồn nhất. Được như vậy mới đủ sức năng động của bí quyết chiếc chìa khóa thần, đưa vào khai mở cho một bí pháp vi diệu nhập đời.

Đúng vậy, Đức Bồ tát Di Lạc đứng lên hỏi Ngài Đại Bồ tát Văn Thù. Nhờ vậy mà Ngài Văn Thù mới đủ duyên giải thích những nghi vấn của đại chúng.

Chánh văn

**6 - Lúc bấy giờ, Bồ tát Di Lạc nghĩ rằng:
Hôm nay Đức Thế Tôn hiện điềm, biến tướng vì**

nhân duyên gì, mà có điềm lành này? Hiện Đức Phật còn đang nhập chánh định, việc biến hiện hy hữu không thể nghĩ bàn này, nên hỏi ai? Ai đáp được?

Bồ tát nghĩ tiếp: “ Nay có Ngài Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi, về thuở quá khứ đã từng thân cận cúng dường vô lượng Chư Phật, chắc chắn Ngài rõ biết tướng hy hữu này. Vậy ta nên nhờ Ngài giải thích !

Lúc ấy, hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ và hàng trời người thần quý rồng ... *vân vân* ... đều cùng nghĩ: Tướng thần thông hiện chiếu sáng của Đức Phật, nay nên hỏi ai ?

7 - Lúc bấy giờ, Bồ tát Di Lặc muốn giải tỏa chỗ nghi của mình và quán xét tâm niệm của cả bốn chúng Tăng, Ni, thiện nam, tín nữ, kể cả trời người thần quý rồng ... *vân vân* ... mà hỏi Ngài Văn Thù rằng: Vì nhân duyên gì mà có tướng lành thần thông này phóng hào quang lớn chiếu soi khắp một vạn tám nghìn cõi ở phương Đông, thấy rõ hết thấy sự trang nghiêm nơi các cõi của Chư Phật ở đó ?

Giảng luận

Xưa nay, các bậc siêu việt, hiền thánh, yếu nhân thành tựu viên mãn sứ mạng của mình, phần

lớn không chỉ riêng do các Ngài, **mà là nhờ phần trợ lý đóng góp rất quan trọng.**

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc siêu nhân, vượt trên sự thành tựu hạnh nguyện, một phần nhờ ở sự trợ lý siêu tuyệt. Bộ kinh Pháp Hoa siêu đẳng hơn các bộ kinh khác, là vì bộ kinh này có phần dẫn nhập đã quá đặc biệt, mà phần trợ lý lại còn đặc biệt hơn.

Toàn thể đại chúng pháp hội Pháp Hoa, càng lúc càng dâng cao niềm kính ngưỡng và càng háo hức ý niệm đợi chờ, kể cả một trăm bốn chục ngàn vị Bồ tát, nhất là các Ngài Đại Bồ tát cũng đang phân vân, thắc mắc. Trong số ấy có Ngài Di Lặc, là vị Đại Bồ tát có uy tín nhất và điềm tĩnh nhất, cũng lấy làm phân vân, định đứng lên bạch Phật, để được bày tỏ nỗi niềm phân vân và trông đợi của chính mình cùng cả đại chúng. Nhưng nhìn mãi, Đức Phật vẫn trong tư thế nhập định.

Trong lúc băn khoăn, Ngài Bồ tát Di Lặc trực nhớ, là tại Đạo tràng có sự hiện diện của Bồ tát Văn Thù. Chỉ có Ngài Văn Thù mới hiểu rõ những hiện tượng khác lạ này, bởi vì Đức Văn Thù là vị cổ Phật hiện thân Bồ tát đã từng trợ duyên chánh pháp, về thuở chư Phật, thuộc nhiều đời kiếp quá khứ xa xưa.

◆ **Đóng vai ỡm ờ**

Bồ tát Di Lặc, là vị Bồ tát sắp làm vị Giáo chủ, thay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vậy mà Ngài không biết gì về hiện tượng phóng quang này ư? Ngài thừa biết. Nhưng ở đời mấy ai chịu đấm mà không ăn xôi? Có ai thông minh mà giả vờ dốt nát, để bị bạn mình “xài xể” giữa công chúng? Ngoài Ngài Bồ tát Di Lặc, Đạo tràng còn tìm có ai? Các Ngài chia nhau **đóng kịch**, để mở khai tâm trí đại chúng. Các Ngài giả vờ dốt nát, giống như sự dốt nát của kẻ khác thì mới độ được họ. Các Ngài hạ thấp phẩm giá, để mài mòn cái cá vị, cái tiểu ta của kẻ khác. Những ai còn tự cao, tự đại, cho mình thông minh xuất chúng, xin hãy sớm chiêm nghiệm đoạn kinh này.

*

**

Chánh văn

Bồ tát Di Lặc lập lại nghĩa này bằng thơ kệ:

8 - Kính thưa Ngài Văn Thù !

Duyên gì Đức Đạo Sư

Từ lông trắng chận mày

Phóng quang chiếu khắp cõi

Trời mưa hoa Mạn đà

Cùng hoa Mạn thù sa

Gió thơm mùi chiên đàn

Hoan hỷ lòng đại chúng

Do nhân duyên như thế

Mà cõi đất nghiêm tịnh
Khắp thấy thế giới đây
Rung động cả sáu diệu
Bốn bộ chúng bấy giờ
Thân ý đều an vui
Gặp điều chưa từng có

9 - Hào quang chặn mây Phật
Chiếu sáng khắp phương Đông
Một vạn tám nghìn cõi
Đều ánh như sắc vàng
Từ địa ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu Đảnh
Trong các thế giới đó
Cả sáu loài chúng sanh
Chết sanh theo các đường
Đủ nghiệp duyên lành dữ
Thọ báo tốt lẫn xấu
Nơi đây đều thấy rõ

10 - Lại thấy các Đức Phật
Bậc thánh chúa Sư tử
Đang diễn thuyết kinh điển
Mầu nhiệm vào bậc nhất
Tiếng Chư Phật thanh tịnh
Âm thanh thật êm dịu
Chỉ dạy chư Bồ tát
Vạn ức vô số vị

Tiếng Phạm âm thâm diệu
 Khiến mọi người thích nghe
 Chư Phật ở cõi mình
 Đang giảng thuyết chánh pháp
 Dùng đủ món nhân duyên
 Cùng vô lượng thí dụ
 Hầu tỏ rõ pháp Phật
 Để khai ngộ chúng sanh
 Nếu có ai bị khổ
 Nhàm sanh già bệnh chết
 Phật vì thuyết Tứ đế
 Để dứt trừ các khổ
 Nếu gặp người hữu phước
 Đã từng cúng dường Phật
 Chỉ cầu pháp thù thắng
 Liên thuyết hạnh Duyên giác
 Nếu như có Phật tử
 Tu tập những công hạnh
 Để cầu tuệ vô thượng
 Phật thuyết pháp rất ráo

11 - Ngài Văn Thù Sư Lợi !

Chúng tôi tại nơi đây
 Thấy nghe như thế ấy
 Và hàng ngàn việc khác
 Thấy đều thấy rõ hết
 Nay sẽ lược trình bày.

12 - Tôi thấy các cõi kia
Bồ tát, cát sông Hằng
Đã dùng mọi nhân duyên
Chỉ cầu chứng Phật đạo
Hoặc có vị bố thí
Vàng bạc, ngọc, san hô
Trân châu, ngọc như ý
Ngọc xà cừ, mã não
Kim cương và trân bảo
Người hầu cùng xe ngựa
Kiệu cang nạm ngọc báu
Hoan hỷ đem bố thí
Hồi hướng cầu Phật đạo
Nguyện chứng đắc Phật thừa
Siêu vượt trên ba cõi
Chư Phật hằng ngợi khen
Hoặc có vị Bồ tát
Xe tứ mã, xe báu
Bao lơn che tàng đẹp
Trau chuốt đem bố thí
Lại thấy có Bồ tát
Bố thí cả vợ con
Thân thể cùng tay chân
Để cầu đạo vô thượng
Lại thấy có Bồ tát
Đầu mắt cả thân thể
Đều hoan hỷ xả thí

Đề cầu đắc tuệ Phật

13 - Ngài Văn Thù Sư Lợi !
 Lại thấy các quốc vương
 Đi đến chỗ Phật ngự
 Thưa hỏi đạo vô thượng
 Rồi vui vẻ bỏ ngôi
 Cung điện lẫn vợ con
 Xuất gia cạo râu tóc
 Khoác vào mình pháp phục
 Hoặc lại thấy Bồ tát
 Mà hiện làm Ty kho
 Một mình nơi vắng vẻ
 Ửa vui trì kinh điển
 Cũng thấy có Bồ tát
 Dũng mãnh và tinh tấn
 Vào ẩn nơi núi sâu
 Tư duy về Phật đạo
 Và thấy bực ly dục
 Thường ở chỗ trống vắng
 Sâu tu môn thiền định
 Đắc năm pháp thần thông
 Lại thấy nhiều Bồ tát
 Chắp tay trụ thiền định
 Tuyên hàng nghìn bài kệ
 Tán thán đấng Pháp vương
 Lại thấy có Bồ tát

Trí sâu chí bền chắc
 Hay hỏi pháp nơi Phật
 Nghe hiểu mới thọ trì
 Lại thấy hàng Phật tử^(*)
 Định tuệ đều đầy đủ
 Dùng vô lượng thí dụ
 Vì chúng mà giảng pháp
 Thích vui thuyết giáo pháp
 Chỉ dẫn các Bồ tát
 Phá dẹp các binh ma
 Mà đánh rền trống pháp
 Cùng thấy vị Bồ tát
 Tĩnh mịch yên lặng ngồi
 Trời rồng đều cung kính
 Chẳng lấy đó làm mừng
 Lại thấy có Bồ tát
 Ở rừng phóng hào quang
 Cứu khổ chốn địa ngục
 Khiến đều nhập Phật đạo
 Lại thấy hàng Phật tử^(*)
 Chưa từng có ngủ nghĩ

(*) Từ Phật tử trong ngữ cảnh này không có nghĩa tín đồ đạo Phật tại gia mà là các vị Đại Bồ tát như Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cũng được gọi là Phật tử.

(*) Đây chỉ các Đại Bồ tát

Kinh hành ở trong rừng
 Siêng năng cầu Phật đạo
 Cũng tu đủ giới đức
 Oai nghi không thiếu sót
 Lòng sạch như châu báu
 Tu cầu chứng Phật đạo
 Và thấy hàng Phật tử^(*)
 An trụ đức nhẫn nhục
 Bị kẻ Tăng thượng mạn
 Mắng chửi cùng đánh đập
 Thấy đều vui nhẫn nhục
 Để cầu chứng Phật đạo
 Lại thấy có Bồ tát
 Xa rời sự vui chơi
 Tránh quyến thuộc mê muội
 Ưa thân cận bậc trí
 Tâm chuyên trừ náo động
 Nhiệt niệm nơi núi rừng
 Trải ngàn vạn ức năm
 Để cầu chứng Phật đạo

Giảng luận

Đoạn thứ nhất: Ngài Bồ tát Di Lặc hỏi Bồ tát Văn Thù, duyên cớ nào mà Đức Thế Tôn hiện

điềm biến tướng và phóng quang chiếu khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông và cảnh trí cũng khác thường, nào là trời mưa hoa, trong gió lại có thoảng thơm mùi hương chiên đàn. Đất rung động sáu điệu, hết thấy bốn bộ chúng đệ tử Đức Phật, nơi hội Pháp Hoa, đều hoan hỷ vì gặp điềm lạ tốt đẹp chưa từng có.

Việc hiện điềm biến tướng phóng quang của Đức Phật Thích Ca cũng chẳng khác nào việc trời nắng hạn sắp mưa lớn thì mây đen mịt mù, sấm chớp sáng lòa, đất chuyển rung, gió thổi mạnh, cây cỏ chuyển mình, vạn vật kể cả mọi người nơi sắp mưa đều rộn ràng đón mưa. Bởi vì ai đã là người lớn thì đều hiểu rõ việc sắp mưa, ngoại trừ các em bé thơ.

Ở đây Đức Phật hiện điềm lành, biến tướng khác thường, cảnh vật chuyển động, người người đều hoan hỷ. Nếu mọi người không biết việc tốt sắp xảy ra thì tại sao lại hoan hỷ? Nếu như trời đất sắp bão tố liệu có ai vui mừng không? Vậy thì việc đại kiết tường sắp đến là việc gì, nếu không phải là Đức Phật sắp thuyết pháp lớn, pháp tối ư quan trọng thì là việc gì? Tất cả bốn chúng, trong đó có hai chúng cư sĩ mà còn biết rõ như thế. Cho nên Bồ tát Di Lặc chỉ là giả vờ đóng vai ỡm ở hỏi Bồ tát Văn Thù, mục đích muốn làm nổi bật thêm việc thuyết bộ kinh quan trọng. Mặt khác là nêu thêm một

phương pháp dạy cho đời sau, ai muốn làm việc gì tối ư quan trọng thì phải chờ đủ mọi yếu tố, nhất là mặt nhân sự. Ví như tổ chức đại lễ thì phải có xương ngôn viên. Bồ tát Di Lạc có hỏi thì Bồ tát Văn Thù mới có lý do giới thiệu rằng, Đức Phật Thích Ca sắp thuyết bộ kinh tối tôn, tốt mật, đó là kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Mục đích gọi cho thánh chúng, những ai tò mò, hoặc khao khát càng thêm sự chú ý để nghe.

Đoạn hai: Hào quang từ lông trắng giữa chận mày của Đức Phật Thích Ca, chiếu soi sáng khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông, trên đến trời Hữu Đỉnh, dưới thấu soi khắp cõi địa ngục A Tỳ. Sáu loài chúng sanh kể từ loài trời trở xuống đến Tam đồ, đại chúng nơi hội Pháp hoa, núi Linh Sơn đều nghe và thấy rõ cả sự sinh ra từ loài nào, chết thành giống gì. Nghiệp lành lẫn dữ, khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông.

Đoạn thứ ba: Đặc biệt là đại chúng hiện ở tại thế giới Sa Bà khi được nương hào quang của Đức Phật Thích Ca thì chẳng những chỉ thấy, mà còn nghe rõ tiếng thuyết pháp của chư Phật khắp mười tám ngàn cõi.

Đoạn kinh này nếu cách đây vài trăm năm thì ngoài những vị tu chứng mới tin, còn hầu hết quần chúng đều cho là huyền thoại. Nhưng ngày nay đã có máy và đài truyền hình, giúp mọi người mở rộng

tâm kiến thức, nên chẳng ai còn thắc mắc. Đặc biệt chư Phật khắp mười tám ngàn cõi, ở phương Đông không chỉ riêng dạy cho hàng thấp kém, mà là đang chỉ dạy cho hàng Bồ tát, số đông hàng vạn triệu triệu vị. Riêng bốn bộ chúng và chúng sanh thì chư Phật ở mười tám ngàn cõi phương Đông này, cũng thuyết Tam thừa như Đức Phật Thích Ca ở cõi Sa Bà. Những ai nhàm chán sanh lão bệnh tử thì chư Phật nơi mười tám ngàn cõi này thuyết pháp Niết bàn. Nếu là hàng người đủ phước duyên, đã từng cúng dường chư Phật để cầu pháp thù thắng thì chư Phật ở các cõi đó thuyết hạnh Duyên Giác. Nếu có hàng Phật tử biết tu tập pháp lớn, phát Bồ đề tâm cầu đắc tuệ vô thượng thì chư Phật nơi các cõi này đều thuyết dạy pháp Ba la mật, tức là pháp rốt ráo, cầu chứng quả vị Phật.

Đoạn kệ này Bồ tát Di Lặc trình bày cho hàng đệ tử của Đức Phật và chúng sanh cõi Sa Bà thọ đó và bây giờ biết rằng, không chỉ riêng Đức Thích Ca phương tiện thuyết ba thừa, mà chư Phật khắp mười phương, nhất là chư Phật nơi mười tám ngàn cõi ở phương Đông, đều áp dụng pháp phương tiện, thuyết pháp ba thừa: Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Phật thừa.

Đọc tụng tu trì đến đây, nếu ai còn phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa, hoặc Nam tông, Bắc tông là hai thì không chỉ riêng hủy báng Đức Phật Thích Ca, mà

còn hủy báng chư Phật khắp mười tám ngàn cõi ở phương Đông, cùng chư Phật khắp mười phương vậy.

Đoạn bốn: Bồ tát Di Lặc trình bày tóm lược cùng Bồ tát Văn Thù rằng đại chúng nơi hội Pháp Hoa, không chỉ riêng thấy nghe một vài việc, mà cả ngàn việc diệu kỳ nơi mười tám ngàn cõi ở phương Đông và tuần tự trình bày những việc quan trọng nơi đoạn này.

Đoạn năm: Số Bồ tát và Đại Bồ tát ở mười tám ngàn cõi ở phương Đông, nhiều hơn số hạt cát của sông Hằng (tại Ấn Độ). Tất cả hàng Bồ tát này, có số vị dùng nhiều nhân duyên chỉ cầu chứng quả vị Phật. Có nhiều vị bố thí tất cả vàng bạc châu báu xe ngựa kiệu cang để hồi hướng cầu thành Phật. Có nhiều vị bố thí tất cả các loại xe tốt. Có nhiều vị bố thí cả vợ con. Cũng có nhiều vị bố thí cả thân thể tay chân đầu mắt để cầu thành Phật đạo.

Ngày nay ở cõi Sa bà tuy là thời chánh pháp mờ suy, nhưng nhờ kinh Pháp Hoa nên cũng có nhiều vị cúng dường cả tài sản, lại có nhiều vị xả thí cả thân mạng.

Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình

Làm đèn soi sáng nẻo vô minh ...

Đoạn sáu: Bồ tát Di Lặc trình bày với Bồ tát Văn Thù việc mộ đạo, nghe pháp và xuất gia của các vị vua chúa nơi mười tám ngàn cõi ở phương Đông.

Các vị Bồ tát làm thân Tỷ kheo ở nơi vắng vẻ. Cũng có nhiều vị ẩn nơi núi sâu. Cũng có nhiều vị lại ở những nơi trống vắng. Hoặc có nhiều vị chuyên tu thiền định, thuyết hàng nghìn bài kệ, tán thán hạnh Đức Phật. Lại cũng có nhiều vị thường đến hỏi Phật về các chỗ pháp bí yếu. Lại thấy nhiều Phật tử (Đại Bồ tát) đã đủ đầy giới định tuệ, thường vì chúng sanh thuyết pháp, chỉ dẫn nhiều vị Bồ tát, dẹp phá các binh ma, luôn đánh rền trống pháp. Lại thấy có hàng Bồ tát, chỉ yên tịnh ngồi. Dù hàng trời rồng cung kính, nhưng chẳng vì vậy mà vui mừng. Lại thấy nhiều vị Bồ tát, ngồi ở rừng phóng hào quang, cứu khắp chốn địa ngục, khiến nơi đó được nhập Phật đạo. Lại thấy có hàng Phật tử chẳng hề có sự ngủ nghỉ, thường đi kinh hành, đầy đủ oai nghi tế hạnh, giới đức, chuyên tâm tu cầu Phật đạo. Lại thấy hàng Phật tử, trụ nơi đức nhẫn nhục, thường bị nhiều kẻ tăng thượng mạn chửi mắng, miệt nhục, mà vẫn chịu nhẫn, tâm tâm niệm niệm chỉ cầu Phật đạo. Lại thấy nhiều Bồ tát rời bỏ sự vui chơi, tránh xa sự mê muội của quyến thuộc, thường gần các bậc trí, tâm chuyên trừ mọi sự náo động, vui định nơi núi rừng, trải qua thời gian lâu xa, để cầu chứng Phật đạo. Đọc qua đoạn này, nếu ai hành trì Pháp Hoa thì liền cắt đứt sự phân biệt, sự so sánh thầy này hay, thầy kia dở, vị Ni này có đức, vị Ni kia thiếu tài, vị này giữ giới, vị nọ thiếu uy ... Nếu ai

còn phân biệt như thế thì người đó chưa thọ trì kinh Pháp Hoa. Bồ tát mà còn đa hạnh như thế, vậy chúng ta đòi hỏi chư hiện tiền Tăng tất cả đều giống nhau như in, như đúc thì làm sao độ chúng sanh. Lỗi này trong giới tín đồ đa phần đều phạm phải.

Chánh văn

14 - Lại thấy vị Bồ tát

Dâng thức ăn ngon bổ
 Cùng trăm thứ thuốc men
 Dâng cúng Phật cùng Tăng
 Áo đẹp hàng thượng hạng
 Giá trị vàng ngàn muôn
 Hoặc thứ y vô giá
 Dâng cúng Phật và Tăng
 Dùng ngàn vạn ức thứ
 Nhà báu gỗ chiên đàn
 Chọn giường nằm sang đẹp
 Để cúng Phật và Tăng
 Rừng vườn thật thanh tịnh
 Hoa quả đều sum sê
 Suối trong lã ao tắm
 Cúng dường Phật và Tăng
 Cúng thí như thế đó
 Các món cúng tốt đẹp
 Vui vẻ chẳng hề nhàm
 Để cầu đạo vô thượng

- 15 - Lại thấy vị Bồ tát
Giảng nói pháp tịch diệt
Dùng đủ lời hướng dẫn
Dạy vô số chúng sanh
Hoặc thấy vị Bồ tát
Quán sát những pháp tánh
Đều chẳng có hai tướng
Cũng ví như hư không
Lại thấy hàng Phật tử
Tâm chẳng hề mê đắm
Dùng món diệu huệ này
Mà cầu đạo vô thượng
- 16 - Thưa Bồ tát Văn Thù
Lại thấy vị Bồ tát
Sau khi Phật diệt độ
Cúng dường Xá lợi Phật
Lại thấy hàng Phật tử
Xây dựng các tháp chùa
Nhiều như cát sông Hằng
Nghiêm sức khắp cõi nước
Bửu tháp cao và đẹp
Đến năm nghìn do tuần
Bề ngang rộng xứng nhau
Khoảng hai nghìn do tuần
Trong mỗi mỗi tháp miếu
Đều có nghìn tràng phan

Màn báu treo phủ khắp
 Tiếng linh báu hòa reo
 Đông đủ trời thần rồng
 Nhân và cả phi nhân
 Hương hoa lẫn kỹ nhạc
 Thường kính dâng cúng dường
 Ngài Văn Thù Sư Lợi
 Thấy các hàng Phật tử
 Vì cúng dường Xá lợi
 Nên trang hoàng chùa tháp
 Cõi nước đẹp tự nhiên
 Thù thắng và trang nghiêm
 Như cây thiên thọ vương
 Bông hoa đang bùng nở

17 - Phật phóng hào quang sáng

Tôi cùng cả chúng hội
 Thấy nơi quốc độ đó
 Các thứ thật tốt đẹp
 Thần lực của Chư Phật
 Trí tuệ đều hy hữu
 Phóng những đạo tịnh quang
 Soi sáng vô lượng cõi
 Chúng tôi thấy việc này
 Đặng điều chưa từng có

18 - Xin Bồ tát Văn Thù

Giải tỏa lòng chúng nghi

Bốn chúng đều mong đợi
 Nhìn Ngài và nhìn tôi
 Đức Thế Tôn cố chi
 Phóng tỏa quang minh này ?
 Bồ tát kịp thời đáp
 Giải nghi cho chúng mừng
 Được những lợi ích gì
 Phật phóng quang như thế ?
 Khi Phật ngồi Đạo tràng
 Chúng được pháp thâm diệu
 Vì muốn thuyết pháp đó
 Hay là sắp thọ ký ?
 Hiển bày các cõi Phật
 Các báu đều trang nghiêm
 Cùng thấy các Đức Phật
 Đây không là việc nhỏ
 Ngài Văn Thù nên biết
 Bốn chúng và Thiên Long
 Ngóng nhìn Ngài thuyết giảng
 Những gì xin Ngài giải !

Giảng luận

Đoạn bảy và tám: Bồ tát Di Lặc trình bày tiếp với Bồ tát Văn Thù rằng: Đại chúng và Ngài thấy các vị Bồ tát ở mười tám ngàn cõi phương Đông,

đem dâng thức ăn nước uống và cúng hàng trăm thứ thuốc men lên Đức Phật và chư Tăng. Kể cả y phục loại quý cũng dâng cúng dường Đức Phật và chư Tăng. Lại còn cúng dường nhà ở, giường nằm loại quý, kể cả vườn rừng cây trái, suối ao nơi tắm rửa để Đức Phật và chư Tăng có đầy đủ phương tiện. Tất cả sự cúng dường ấy đều hồi hướng cầu thành Phật đạo.

Lại có những vị Bồ tát, với âm thanh êm dịu thường diễn thuyết pháp tịch diệt, độ vô số chúng sanh. Đặc biệt có những vị Bồ tát, quán thấu các pháp tánh, đều chẳng hề có hai tướng. Ví như khoảng hư không chẳng hai, cho nên các pháp tánh làm sao lại có hai? Lại còn có những hàng Phật tử, tâm không chỗ mê đắm. Tất cả các hàng Bồ tát và Phật tử này, dùng các món diêu huệ, mà cầu chứng đạo vô thượng.

Mục đích các đoạn kệ này nhắc nhở khuyên hành giả Pháp Hoa kinh không đắm chấp, nhất là không được phân biệt là có hai tướng. Nếu không chứng đắc, hoặc liễu ngộ pháp “Bất nhị” thì khó thọ trì kinh Pháp Hoa. Thế gian có nhiều người còn mê mờ, hoặc tham đắm muốn ôm tròn hư không vào làm của riêng cho mình. Trái với số người mê muội thì có hạng người khác muốn chẻ hư không thành hai phần, để mình dành một nửa. Nói ra ai cũng thấy những điều mê muội ấy là xấu, nhưng

thường chính mình ham thích đóng vai kẻ mê muội mà không hay!

Đoạn chín: Bồ tát Di Lặc trình bày với Bồ tát Văn Thù rằng: Ngài và Đại chúng nương hào quang Đức Phật Thích Ca, thấy rõ mười tám ngàn cõi ở phương Đông. Sau khi các Đức Phật diệt độ, có những vị Bồ tát lo xây tháp cúng dường xá lợi Phật. Chẳng riêng hàng Bồ tát, mà hàng trời người thần quỷ rồng, cùng phi nhơn thường đem hương hoa kỷ nhạc đến cúng dường tháp miếu. Các hàng Phật tử, vì sự cúng dường xá lợi Phật nên trang hoàng tháp miếu lộng lẫy trang nghiêm.

Sự mục kích của Bồ tát Di Lặc và đại chúng nơi hội Pháp Hoa tại cõi Sa bà không phải chỉ riêng trình bày cho Ngài Văn Thù, mà là để chỉ dạy chúng sanh về các cõi đời sau này. Ai phát khởi lòng tin và tin sâu, tin vững chắc thì đọc tụng thọ trì, ai chưa tin phải tư duy để khởi niềm tin, còn nếu không tin thì khoan đọc tụng thọ trì in sao viết chép cúng dường. Vì niềm tin là quan trọng, cho nên mới mở đầu kinh đã gặp hai chữ “*Như thị*”, tức là “*Như vậy*”. Chơn lý là như vậy không thể khác hơn. Công thức toán là như vậy, không đúng thì không có đáp số. Muốn có trí tuệ phải khởi đầu từ niềm tin, không có niềm tin không bao giờ có trí tuệ.

Đoạn mười: Bồ tát Di Lặc tán thán về sự tuyệt diệu của luồng hào quang mà Đức Phật Thích Ca đã

giúp đại chúng thấy rõ những điều huyền nhiệm không thể nghĩ bàn, khắp mười tám ngàn cõi phương Đông.

Nếu vào thế kỷ thứ mười lăm, hoặc mười sáu mà có ai nói rằng: nhà tôi có máy tivi màu, mở nút, điều chỉnh đúng tần số thì thấy mọi hiện tượng khắp năm châu Úc Âu Á Phi Mỹ thì chắc chắn chẳng có một người tin! Nhưng bây giờ thì ...?

Đoạn mười một: Bồ tát Di Lặc trình bày những dữ kiện mà Ngài và đại chúng đã mục kích, để rồi xin Bồ tát Văn Thù giải thích giúp đại chúng khỏi còn phân vân, thắc mắc. Tại sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập định và phóng quang như thế? Đức Phật khai mở cho đại chúng thấy rõ rồi làm gì nữa đây? Đức Phật muốn thuyết pháp quan trọng, hay là muốn thọ ký cho ai? Mong Bồ tát Văn Thù đã rõ biết việc này, bởi vì Ngài đã trợ tuyên chánh pháp trải nhiều ngàn Đức Phật, vậy nay kính mong Ngài giải thích cho đại chúng vui mừng.

Bồ tát Di Lặc nêu mười một đoạn kệ là tiên phong khai mở chỗ nương chờ của đại chúng, để Bồ tát Văn Thù theo đó mà giải bày. Cũng ví như Bồ tát Di Lặc đưa xe ủi mở một con đường giữa khu rừng mênh mông, hầu giúp cho Bồ tát Văn Thù dễ dàng rộng mở và hoàn thành một xa lộ tráng lệ, đủ sức hấp dẫn, đại chúng mới thông dong đi vào chính điểm châu báu.

Chúng ta, những hành giả kinh Pháp Hoa đa phần vướng phải một lỗi lớn là không nhuần nhuyễn từng lời kinh và chưa chịu đem lời kinh áp dụng vào cuộc sống hàng ngày.

Ví dụ muốn thực hiện một công trình đại quy mô, cho tổ chức, cho gia đình, hoặc cho đạo giáo thì điều kiện trước tiên là phải đưa toàn thể những thành viên trong đơn vị đi tham quan những nơi đang và đã thành công. Nếu không thì quay phim chiếu cho toàn thể thành viên xem trước. Chẳng những xem mà phải mời người uy tín thuyết minh tường tận.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành công lớn trong việc truyền bá kinh Pháp Hoa là nhờ hai Ngài Bồ tát Di Lặc và Văn Thù đóng vai đề khởi ở phần phẩm Tựa.

Hành giả Pháp Hoa phải trải qua nhiều giai đoạn tu học. Trước nhất phải đọc tụng hiểu rõ rồi thọ trì in sao viết chép. Sau cùng là cúng dường và phổ truyền những phương pháp sống nơi kinh Pháp Hoa, sau đó mới bưng khai tởa chiếu để khai thị ngộ nhập tri kiến Phật.

III - TÓM KẾT

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa hàm chứa nhiều bí pháp, nhiều mật nghĩa, vừa rộng lớn, vừa vi diệu, vì nó hoàn toàn nhập trần, song không nhiễm trần.

Bông sen vào bùn, nhưng chẳng hề nhiễm bùn. Lại nữa, bí pháp kinh Pháp Hoa không hề lìa xa trần tục, nhưng mà không bị ô nhiễm bởi trần tục.

Thêm một điểm đặc sắc khác, đó là không bị dòng đời đục trong cảm dõ, hoặc đồng hóa, và cũng không hề bắt buộc giáo điều đối với dòng đời.

Bí pháp kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa là bí pháp dành riêng cho trình độ siêu Đại học, trình độ thức giả và trí giả. Sức chở của nó là chiếc xe lớn, chuyên chở đại chúng, thu hút những dòng tư tưởng lớn, chuyển những tư tưởng vị kỷ, cá biệt, chật hẹp, thấp hèn nhập vào cõi mênh mông. Phương pháp xóa dần tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tiến tới hài hòa bản sắc cộng đồng, hòa hợp đại chúng. Siêu vượt ra ngoài phạm vi không gian, lẫn thời gian, siêu vượt ngoài phạm vi cá thể, gia đình, quốc gia, nhân loại, để hòa nhập cùng muôn loài, lẫn cỏ cây hoa lá đồng chung một Pháp Diệu Đại thừa.

Phương pháp Liên Hoa Đại thừa Pháp Diệu là phương pháp mở trói mọi sự ràng buộc bởi bóng tối si mê. Chủ đích của pháp Diệu là chính mình tự giải thoát. Một bí pháp chẳng hề hai, mà cũng chẳng phải một.

Riêng về bài này, mong giới thức giả và các vị tu học viên, nên thẩm sâu vào bảy bí quyết thành tựu của đoạn mở đầu: ❶ Như vậy ❷ Ta nghe

③ Một thời ④ Đức Thế Tôn ⑤ Tại núi Kỳ Xà Quật
 ⑥ Nhân sự: Tứ chúng, cùng trời, thần, quỷ, rồng, nhân, phi nhân và chư Bồ tát ⑦ Nhân chứng Bồ tát Văn Thù và Đức Phật Đa Bửu Như Lai (tuy Đức Phật Đa Bửu chưa được nêu ra ở phẩm Tựa).

Liễu được nghĩa đoạn mở đầu thì mới áp dụng đủ bảy pháp thành tựu cho cuộc sống của chính mỗi chúng ta, vào mọi hoàn cảnh. Liễu nghĩa Pháp Hoa thì chuyển Pháp Hoa nhập đời (*Sử Pháp Hoa*), bằng không chúng ta sẽ bị Pháp Hoa chuyển (*Pháp Hoa Sử*).

Bộ kinh nào cũng có phẩm Tựa, nhưng mỗi phẩm Tựa đều có từng nét khác nhau. Riêng phẩm Tựa kinh Pháp Hoa thì quá siêu việt. Mới mở phẩm Tựa đã thấy phần mầu nhiệm của bộ kinh, vì vậy nên bộ kinh Pháp Hoa mới là kinh vua của các kinh, vì nét nào, đoạn nào, phẩm nào cũng siêu đẳng cả. Nhưng phẩm Tựa chiếm phần thẳm sâu khó suy luận. Rất mong hành giả Pháp Hoa tinh lọc chất mật ngọt của mía, đừng nhai nuốt cả xác bã của nó. Hãy tinh lọc ý nghĩa sâu mầu của phẩm kinh, đừng cố chấp nơi văn tự ngôn ngữ của kinh.

Kính mong các bậc cao minh chứng giám, quý vị thức giả, trí giả đồng hành. Toàn thể hành giả Pháp Hoa kinh và những ai tu cầu hoa sen pháp Diệu Đại thừa kiên trì tu luyện.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, Hộ pháp hộ trì cho nhân loại sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập vào đại vũ trụ, thơm ngát hương sen vi diệu. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả cùng là Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.



Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 3

PHẨM TỰA - Thứ nhất

(Tiếp theo)

- Cách thức và người giới thiệu.
- Nhân sự nòng cốt.
- Tình cảm và lý trí.
- Giải thoát không gian và thời gian

I - MỞ ĐẦU

Bài số hai đã bàn giải hai nét chính của phẩm Tựa.

Hai nét trọng yếu này không những áp dụng vào việc tu luyện Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, mà là Đức Phật còn mở khai cho chúng ta được nhập vào dòng đời ở mọi địa hạt văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị, mỹ thuật ... Áp dụng trong suốt dòng thời gian cho cuộc sống của chúng ta. Có người đặt câu hỏi: Chỗ nào? Xin thưa: Thấm sâu vào kinh mới chứng nghiệm.

Trong phẩm hai, phẩm Phương tiện, quý vị sẽ liễu thông phần này. Dù phương tiện nhưng phải chia viển và cận thì mới dễ hiểu. Chín thời phổ quảng giáo pháp trước là “quyền”. Từ Pháp Hoa về sau là “thực”. Quyền tức là phương tiện. Riêng về

phương tiện lại chia ra hai, rồi hai chia hai nữa, hai nữa chia hai nữa, ... chia mãi ... chia chừng nào liễu ngộ, mới tổng hợp về một. Lúc ấy là lúc đi vào thực tướng của các pháp.

Thế nào là cận và viễn phương tiện? Chính thời thuyết kinh, trước khi vào Phật thừa là viễn phương tiện. Đức Phật nhập định, nhắm mắt ngồi yên, phóng quang từ giữa chạn mày (*con mắt thứ ba*). Đại chúng nơi Đạo tràng hội Pháp Hoa, nương hào quang của Đức Phật mà chiêm quan khắp mười tám ngàn cõi thế giới, đó vẫn còn viễn phương tiện. Tất cả các pháp, Đức Phật đã thể hiện trong thời kỳ chuyển tam thừa, đều là viễn phương tiện.

Hiện nay hằng ngày ta niệm Phật, ngồi thiền, đi chùa, lạy Phật, cúng dường, sám hối, tụng kinh, mới là cận phương tiện. Những việc tu luyện, lễ bái, tụng kinh đối với chúng ta, chúng ta cũng vẫn để nó tồn đọng ở cận phương tiện. Chính cái ăn, cái mặc, cái ngủ, cái nghỉ, bao gồm các địa hạt văn hóa, kinh tế, xã hội ...*vân vân*..., những điều gắn liền với cuộc sống hiện hữu của chính bản thân chúng ta là cận phương tiện. Đạt mọi thứ cận phương tiện hằng ngày, chuyển hóa từ thô, tế sang vi, diệu, để rồi nhập cứu cánh, ấy mới thực sự là đọc tụng và thọ trì kinh Pháp Hoa, mới thực sự khai thị ngộ nhập Phật tri kiến, mới mở - thấy - biết - gặp gỡ - nhập = Phật tánh. Khi chưa biết và chưa tin chính mình có sẵn

Phật tánh thì bằng mọi cách làm sao cho mình mở, mình khai, mình thấy, mình biết để mình tin, để mình gặp gỡ, để mình hòa nhập lại Phật tánh của chính mình. Cho nên mọi địa hạt liên quan đến cuộc sống đều là cận phương tiện. Nương cận phương tiện để đạt viễn phương tiện, nương viễn phương tiện để đạt cứu cánh, tin nhập Phật tánh và rốt ráo thành Phật. Vào phẩm Phương tiện chúng ta thăm sâu hơn.

Bài số ba này vẫn còn ở cận phương tiện, so với thời kỳ thuyết ba thừa pháp. Bài trước, chúng ta đã thông qua duyên khởi và phương pháp dẫn nhập. Bài hôm nay chúng ta tiếp tục bàn thảo thêm bốn nét còn lại (*toàn phẩm Tựa chia sáu nét*).

II - NỘI DUNG

Chánh văn

Bồ tát Văn Thù giải nghi

19 - Lúc bấy giờ Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với Ngài Di Lặc đại Bồ tát cùng các vị Đại sĩ: “Các thiện nam tử! Như chỗ ta xét nghĩ thì nay Đức Thế Tôn, khi muốn thuyết pháp lớn luôn mưa pháp lớn, thổi loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn và diễn nghĩa pháp lớn.

Các thiện nam tử! Ta từng ở nơi các Đức Phật đời quá khứ thấy diềm lành này. Phật trước kia phóng hào quang rồi, liền thuyết pháp

lớn. Cho nên biết chắc rằng, hôm nay Đức Phật phóng quang thì cũng lại như vậy. Đức Phật muốn cho chúng sanh đều đặn nghe pháp mẫu nhiệm, mà tất cả trong đời khó tin theo, cho nên mới hiện điềm lành này.

20 - Các thiện nam tử! Như vô lượng vô biên A Tăng Kỳ kiếp về trước, bấy giờ có Đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, diễn nói chánh pháp. Ban đầu, giữa, rốt sau, ba chặng đều lành, nghĩa lý rất sâu xa, lời lẽ khéo mâu, thuận một không tạp, đầy đủ cả tướng Phạm hạnh thanh bạch.

Phật vì người cầu đạo Thanh Văn, nói pháp Tứ đế, dứt khỏi sanh già bệnh chết, cứu cánh Niết bàn. Vì hạng cầu quả Duyên giác, nói pháp mười hai nhơn duyên. Vì hàng Bồ tát, nói sáu pháp Ba La Mật, làm cho chúng đặn quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành bậc nhứt thiết chủng trí.

Giảng luận

Bồ tát Văn Thù cho đại chúng biết rằng Ngài đã từng trợ tuyên chánh pháp cho Chư Phật thuở quá khứ. Đức Phật nào trước khi tuyên thuyết pháp

lớn cũng đều nhập định hiện điềm, biến tướng, phóng quang như Đức Phật Thích Ca hôm nay vậy. Bởi vì trước những cơn mưa lớn thì lúc nào cũng phải có sấm chớp lẫn mây đen vần vũ. Nếu thuyết các pháp lớn mà không hiện điềm biến tướng thì ở đời rất ít người tin theo.

Chúng ta vào đời muốn làm việc gì quan trọng, phải khởi những dấu hiệu đặc biệt trước khi khai mở sự việc quan trọng. Hãy áp dụng đoạn kinh này vào sự sống. Khi sự sống đạt kết quả, đem kinh nghiệm này đưa vào phương pháp tu hành cầu giải thoát về mặt tâm linh.

Về vô lượng kiếp quá khứ, có Đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai gồm đủ mười tôn hiệu, thuyết pháp cũng chia ba thừa, mỗi thời kỳ một thừa.

① **Bốn pháp Diệu chắc thật:** Dành cho hàng cầu Thanh Văn.

② **Mười hai pháp Duyên sanh:** Dành cho hàng cầu Duyên Giác.

③ **Sáu pháp Ba La Mật:** Dành cho hàng cầu Bồ tát.

Nếu lướt qua đoạn này, giới tu học Pháp Hoa sẽ không liễu ngộ được kinh A Hàm ẩn chứa nơi kinh Pháp Hoa.

1/. Thời kỳ thứ nhất: Bốn pháp Diệu chắc thật

- ❶ Pháp khổ chắc thật
- ❷ Pháp tập hợp nhân khổ chắc thật
- ❸ Pháp dứt khổ chắc thật
- ❹ Pháp nhập đạo giải khổ chắc thật.

Cây khổ chia thành ba nhánh:

- Khổ khổ
- Hoại khổ
- Hành khổ

Ba nhánh này ra hoa kết trái thành tám trái khổ:

a/. *Pháp khổ chắc thật* (Khổ đế)

1. Sinh khổ
2. Già khổ
3. Bệnh khổ
4. Chết khổ
5. Thương yêu xa lìa - khổ
6. Oán ghét ở chung nhau - khổ
7. Cầu chẳng được - khổ
8. Năm uẩn chứa đầy - khổ

(Năm uẩn: Sắc - Thọ - Tưởng - Hành - Thức)

b/. *Pháp tập hợp nhân khổ chắc thật* (Tập đế)

Tập đế nó ẩn nơi tám mươi bốn ngàn phiền não, nó có mặt khắp mọi nơi. Không giữ gìn tâm ý để vừa khởi tà niệm là phiền não dấy lên, cấp tốc nó tập hợp đầy đủ các phiền não phụ cận, làm khổ con người. Muốn biết ai chỉ huy tám mươi bốn ngàn phiền não này thì phải thuộc tên hiệu danh mười phiền não gốc.

Mười phiền não gốc là: Tham - Sân - Si - Mạn - Nghi - Thân kiến - Biên kiến - Giới cấm thủ và Tà kiến. Mười phiền não gốc này nó thuộc con nhà **Kiết Sử**. Kiết Sử chia hai nhóm: Lợi Sử và Độn Sử.

c/. Pháp dứt khổ chắc thật (Diệt đế)

Muốn trừ khổ, trước nhất thuộc nhào bài thơ đoạn mười phiền não gốc:

“**Tham - Sân** nghiệp chướng không chừa
 Bo bo mà giữ tương đưa ích gì ?”
 Dứt **Si** - dứt **Mạn** - dứt **Nghi**
 Mới mong phổ đạo Từ bi ích đời
Thân kiến - Biên kiến buông rơi
Kiến thủ - Giới cấm người ơi chớ màng
Tà kiến dẫn đến điêu tàn
 Đoạn mười phiền não tâm an ý hòa.

Muốn dứt khổ để nhập đạo giải khổ, phải dứt trừ mười phiền não gốc. Muốn dứt trừ, chia hai thời kỳ tu luyện: Thời kỳ thứ nhất trải qua thứ lớp “**Kiến đạo sở đoạn hoặc**”. Đặc thứ lớp một, tu luyện thứ

lớp hai: “*Tu đạo sở đạo hạnh*”. Đến đây luyện tu đắc Thánh quả phải luyện tu bốn món gia hạnh:

- ① Noãn vị
- ② Đảnh vị
- ③ Nhãn vị
- ④ Đắc thế đệ nhất vị

d/. *Pháp nhập đạo giải khổ* (Đạo đế)

Tu đắc dứt khổ tức là đã trải qua bốn gia hạnh, đắc Thánh quả, nhưng mới dứt khổ chứ chưa giải khổ. Dứt có thể trở lại, vì sự lý chưa viên dung, cần phải nhập đạo giải khổ. Muốn nhập đạo giải khổ, cần phải tu chứng đắc ba mươi bảy phẩm trợ đạo:

Tóm lược 37 phẩm trợ đạo:

- ① Bốn món niệm xứ.
- ② Bốn món chánh cần.
- ③ Bốn món như ý túc
- ④ Năm căn
- ⑤ Năm lực
- ⑥ Bảy phần Bồ đề
- ⑦ Tám phần Chánh đạo

Tổng cộng 37 phẩm trợ đạo.

*

**

THI KỆ TÓM GỌN DỄ NHỚ

Bốn niệm xứ và bốn chánh cần

Bốn như ý túc ấy nguyên nhân
 Năm căn – Năm lực luôn vắng lặng
 Bảy phần Bồ đề đạo đã gần
 Cộng tám chánh đạo tròn duyên hợp
 Ba mươi bảy phẩm – trợ đạo phần

2/. Thời kỳ thứ hai: Chuyển pháp Duyên Giác thừa

MƯỜI HAI PHÁP DUYÊN SANH
 Dành cho những ai cầu Duyên Giác



Chư Phật quá khứ Thọ nhận liên tại, chư Phật vị lai cũng đều chuyển ba thừa pháp, chia ba thời kỳ. Đức Phật Thích Ca cũng chuyển ba thừa pháp.

CHUYỂN MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

“Nước non vẫn nặng lời thề
 Nước ra biển cả vẫn về cùng non”.
 Còn ta sao chẳng sắt son
 Chưa quay trở lại để tròn nguyên xưa.

*
 **

Dứt mê tối - Hành lọc lừa
 Chẳng lưu thức biến - Xóa chừa sắc danh
 Sáu cửa thuận diệt tịnh thanh
 Tiếp xúc - Thọ nhận rành rành pháp không
 Ái nhiễm dứt, đắc thần thông
 Nhớ lưu lời Phật ngoài trong tinh tường
 Hữu đắc diệu - Nhập chơn hương
 Sanh phước, mở trí muôn phương thấm nhuần
 Già kinh nghiệm - Hết giống sân
 Mười hai nhân dứt, nhập thân Phổ Hiền.

*
 **

Đến đây hành giả Pháp Hoa tư duy thế nào? Pháp Phật phương tiện chia ba thừa pháp, để hướng dẫn từng thời kỳ, chứ không bắt buộc từng người phải tu thừa này hay thừa khác. Người muốn thực hành Pháp Hoa phải học và tu bốn pháp Diệu chắc thật và mười hai pháp Duyên sanh (*Tứ đế và Thập nhị nhân duyên*). Thời kỳ thứ ba mới tu vào sáu pháp Ba La Mật. Bộ kinh Pháp Hoa có sáu pháp Ba La Mật của Bồ tát tu (*Ba La Mật là rốt ráo*). Chúng ta khỏi mở rộng ở phần giảng luận.

Ai căn bản Tứ đế và Thập nhị nhân duyên và Lục Ba La Mật, khi vào hành trì Pháp Hoa sẽ vững vàng căn bản, dễ chứng đắc. Ai chưa học và tu ba thời kỳ pháp này, nên quay lại học kỹ ở kinh Pháp Hoa cũng đầy đủ ba thời kỳ pháp, nhưng quá tóm gọn. Nếu không có căn bản ba thời kỳ pháp, sẽ vất vả như cậu học trò chưa có thể học sinh mà đã nhận thẻ sinh viên, bước vào Đại học thì chỉ “học đại” mà thôi. Hành giả Pháp Hoa kinh chưa học và tu nhuần nhuyễn về ba thời kỳ pháp mà đã vội vàng vào hành trì Pháp Hoa thì chỉ có “**hoa pháp**” mà thôi. Tức là khi gặp Pháp Diệu sẽ hoa mắt.

*

**

Chánh văn

Kế lại có Đức Phật, cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, kế lại có Đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế đến hai vạn Đức Phật đều đồng một tên hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh và cũng đồng một họ, họ Phả La Đà.

Ngài Di Lặc nên biết! Đức Phật trước, Đức Phật sau, đều đồng một tên, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh có đầy đủ mười tôn hiệu, những pháp được nói ra, đầu, giữa, sau đều lành.

Đức Phật rốt sau, khi chưa xuất gia có tám vị vương tử: người thứ nhất tên Hữu Ý, thứ hai tên Thiện Ý, thứ ba tên Vô Lượng Ý, thứ tư tên

Bửu Ý, thứ năm tên Tăng Ý, thứ sáu tên Trừ Nghi Ý, thứ bảy tên Hương Ý, thứ tám tên Pháp Ý.

Tám vị Vương tử đó có oai đức tự tại, đều lãnh trị bốn châu thiên hạ. Nghe vua cha xuất gia chứng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, họ đều bỏ ngôi vua, cũng xuất gia theo, phát tâm Đại thừa, thường tu hạnh thanh tịnh, đều làm bậc Pháp sư, thưở trước đã từng ở chỗ nghìn muôn các Đức Phật, vun trồng các cội lành.

Giảng luận

Mật nghĩa tám Vương tử

Đọc kinh văn, chữ nghĩa rất rõ ràng. Rằng thưở xưa, có một vị vua sanh tám vị Vương tử. Vua bỏ ngôi xuất gia, thành Phật, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai và tám người con cũng theo vua cha xuất gia, đắc đạo làm Pháp sư. Nhưng đây chỉ là hiểu theo nghĩa văn tự. Còn ẩn nghĩa là thế nào? Mật nghĩa của đoạn văn kinh này là sao? Chứ hiểu đơn thuần theo văn tự thì còn gì là Diệu Pháp.

Trong mỗi chúng ta, ai cũng có Tâm và Ý. Tâm là vua, ý là vương tử. Tám Vương tử tượng trưng cho tám thức. Muốn thọ trì kinh Pháp Hoa, phải gồm cả tâm lẫn ý. Chẳng những nhãn - nhĩ - tỷ - thiệt - thân - ý, cả sáu đều ý thức, mà đòi hỏi phải đủ cả tám

đều phải ý thức (*tám Vương tử*) thì mới thọ trì kinh Pháp Hoa, tức là tám Tâm vương, nhưng không phải cả tám tỉnh thức cùng một lúc.

❶ Trước nhất, người con thứ nhất **Hữu Ý**. Phải hữu ý, tức là ý phải hiện hữu.

❷ Tiếp theo, người con thứ nhì **Thiện Ý**. Khi đã hiện hữu, lúc ấy mới xả bỏ điều ác, luôn luôn hiện hữu điều thiện.

❸ Tiếp theo người con thứ ba **Vô Lượng Ý**. Khi ý đã luôn luôn hiện diện và thức tỉnh, nhất là ý đã toàn thiện thì ý mới bao la rộng mở, đến vô lượng, vô biên, thấu rõ các pháp, thấy rõ các pháp giới

❹ Tiếp theo là người con thứ tư **Bửu Ý**. Giai đoạn thứ tư, ý đã quý báu sáng chiếu như ngọc minh châu.

❺ Tiếp theo là người con thứ năm **Tăng Ý**. Bốn giai đoạn qua, ý đã thuần thực, tức là đã hiện hữu, đã thức tỉnh toàn diện, vừa uyên, vừa bác, quý báu tinh ba. Lúc này, ý bước vào ngưỡng cửa hòa hợp. Tăng có nghĩa là hòa hợp. Ý hợp cùng với bảy giác quan.

❻ Tiếp theo là người con thứ sáu **Trừ Nghi Ý**. Giai đoạn này, ý đã phá được sự ngờ vực, không còn nghi ngờ. Trái lại, ý đã có một niềm tin kiên cố. Không còn nghi chỉ còn tin. Tin tưởng tuyệt đối nơi

chân lý. Tin mình có Phật tánh. Tin mình sẽ thành Phật.

⑦ Tiếp theo là người con thứ bảy **Hương Ý**. Giai đoạn này là giai đoạn của Mạc Na. Mạc Na là thức thứ bảy của con người. Thức này kiên chấp, thuần thực, duy nhất có một chủ hướng, là vận chuyển tất cả những gì của sáu giác quan, Mạc Na thu nhận được mang về cho A Lại Gia, tức là nhập kho tạng thức và ngược lại, chuyển từ tạng thức, đem giao qua cho sáu giác quan. Tu luyện đến thời kỳ hướng ý là lúc Mạc Na đã hoàn toàn hòa hợp với sáu giác quan, nên chỉ có một “chủ hướng” duy nhất. Tin mình có tánh Phật.

⑧ Cuối cùng là người con út **Pháp Ý**. Giai đoạn sau cùng, ý đã thấm nhập các pháp. Đây là giai đoạn A Lại Gia thức đã chuyển sang vô thức và đã biến thành bạch tạng thức, thấm nhập trùng trùng pháp giới bao la.

Có được tám vương tử - tám ý như thế thì Tâm (*phụ vương*) mới Nhật, mới Nguyệt, mới Đăng, mới Minh, mới Như Lai.

Ngài Bồ Tát Văn Thù nhắc khéo đại chúng, ai muốn tu đắc kinh Pháp Hoa, trước nhất phải tu luyện tám tâm vương phải diệu hữu, được thiện, được quý báu, được rộng mở, được trừ nghi, được đúng hướng, được đắc thực tướng các pháp. Tức là

tám thức phải chuyển sang vô thức. Phải làm vương tử, phải rời thế tục, nhập vào thanh tịnh, trang nghiêm (*tám vương tử xuất gia*). Phải chuẩn bị chuyển sang trí, sang tuệ, hầu nhập tâm lóe sáng như đèn, như mặt trăng, như mặt trời. Ý đang vào thời kỳ khai thị ngộ nhập Phật tri kiến.

Hai vạn Đức Phật đều đồng một danh hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Đức Phật sau cùng thứ hai vạn, khi chưa xuất gia Ngài làm vua và có sanh tám Vương tử. Vua cha xuất gia thành Phật, hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, vị Phật sau cùng thứ hai vạn, có tám Vương tử cũng xuất gia. Thời kỳ này, có Bồ tát Diệu Quang trợ tuyên chánh pháp cho Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Đức Phật vì Bồ tát Diệu Quang và đại chúng thưở đó mà thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Thời pháp này kéo dài sáu mươi tiểu kiếp, mà mỗi tiểu kiếp là mười sáu triệu tám trăm ngàn năm. Thính chúng cũng ngồi luôn nơi Đạo tràng sáu mươi tiểu kiếp.

Nhiều học giả nghiên cứu đến đoạn kinh này, bán tín bán nghi. Nếu không tin thì không thuộc hàng thức giả, nếu tin thì quá xa thực tế. Có thời pháp nào đến sáu mươi tiểu kiếp mà cả vị thuyết lẫn những người nghe vẫn ngồi im lặng, chú ý nghe và cảm thấy nhanh chừng một bữa ăn.

Thời kỳ kiếp tăng, con người sống hàng triệu tuổi. Thời kỳ kiếp trụ, con người sống hàng ức ức tuổi. Vậy một thời pháp lâu như thế, chẳng có gì là lạ cả. Nhưng với thời kỳ kiếp giảm chúng ta đang sống đây, rất ít người thọ đủ một trăm tuổi. Vậy mà đem trình bày rằng, có Đức Phật thuyết một thời pháp suốt sáu trăm ngàn năm, mà đại thánh chúng nghe cảm nhận nhanh khoảng chừng một bữa ăn. Nếu y theo kinh, theo văn tự mà giải nghĩa, liệu rằng được mấy người tin. Chẳng những khó tin, mà còn hoang mang. Chính mật nghĩa là ở chỗ đó. Chính pháp diệu là ở chỗ đó. Phần bí thuật ngôn ngữ văn tự ở chỗ rất sâu kín đó. **Sáu mươi tiểu kiếp, ngắn bằng thời gian ăn xong một bữa cơm!**

Chúng ta thường đọc trong giáo thuyết của đạo Phật: “Không gian vô biên, thời gian vô tận”. Câu kinh trên mang ý nghĩa thời gian vô tận. Giáo sư Đại học mới đủ khả năng chứng minh được hình học vũ trụ. Học sinh Trung học làm sao vẽ được đường bay cho phi thuyền vũ trụ. Chỉ có hành giả Pháp Hoa kinh, mới liễu tri đoạn kinh tả về thời gian sáu trăm ngàn năm ngắn bằng khoảng một bữa ăn. Nghiên cứu sinh Pháp Hoa kinh, hoặc người tụng đọc Pháp Hoa kinh thì làm sao liễu nghĩa được đoạn kinh này. Đạo Phật là đạo giải thoát. Như vậy, không chỉ đơn thuần lo giải thoát không gian, còn thời gian thì không cần giải thoát,

mà lại xưng là hành giả Pháp Hoa kinh, hoặc là đệ tử của Đức Điều Ngự Sư thì cũng oan ức cho đạo Phật và tội nghiệp cho người ấy.

Ai liễu nghĩa, thâm nhập vào đoạn kinh này thì mới giải thoát được thời gian. Thời gian một sát na và một tiểu kiếp, mười sáu triệu tám trăm ngàn năm, bằng nhau. Thời gian một bữa ăn và thời gian sáu mươi tiểu kiếp bằng nhau. Hiểu được mới liễu nghĩa. Có liễu nghĩa mới là hành giả Pháp Hoa. Có liễu nghĩa mới tu chứng Pháp Hoa kinh.

Đại tướng Nãi Mộc (*Nhật Bản*) áp dụng quy tắc này, giúp nước Nhật thắng đệ nhất thế chiến. Gần đây nhất, tại Việt Nam, trong sách lược giải phóng quê hương đã khéo áp dụng quy pháp rút ngắn thời gian, qua một câu gồm tám chữ: “***Trường kỳ kháng chiến nhất định thành công***”. Hai chữ “***trường kỳ***” nó giải quyết tất cả. Sáu mươi tiểu kiếp rút gọn vào một thời thuyết pháp, thật ra quá mật nghĩa. Ai muốn khám phá nét mật nghĩa này, nên nghiên cứu lời của Đại tướng Nãi Mộc (*Nhật Bản*) và câu châm ngôn tám chữ, của hai cuộc chiến giành độc lập của Việt Nam. Nếu chưa bằng võ thì xin mời xem một tuồng lớp, hoặc một vở kịch tại rạp hát, hoặc trước máy truyền hình, có lẽ sẽ dễ bằng võ vấn đề hơn.

Chánh văn

21 - Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai lúc đó nói kinh Đại thừa tên “Vô Lượng

Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm”. Nói kinh đó rồi, Phật liền ở trong đại chúng ngồi xếp bằng nhập chánh định “Vô Lượng Nghĩa Y Xứ”, thân và tâm chẳng động.

22 - Khi ấy trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha Mạn đà la, hoa Mạn thù sa, cùng hoa Ma ha Mạn thù sa, để rải trên Đức Phật, cùng đại chúng. Khắp cõi nước Phật, vang động sáu điệu.

Lúc đó trong hội, hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Cư sĩ, nữ Cư sĩ, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn la na, Ma hầu la dà, nhơn, phi nhơn, cùng các vị tiểu vương, các vị Chuyển Luân thánh vương ... *vân vân* ... Các đại chúng đó đặng điều chưa từng có, vui mừng, chấp tay, chú tâm nhìn Phật.

23 - Bấy giờ, Đức Như Lai Nhật Nguyệt Đăng Minh từ tướng lông trắng giữa chơn mày phóng luồng hào quang chiếu cả một vạn tám nghìn cõi ở phương Đông chẳng nơi nào không trùm khắp. Các cõi mà hiện giờ chúng ta đang thấy, chính là các Phật độ đó vậy !

Bồ tát Di Lạc nên biết! Khi đó trong hội, có hai mươi ức Bồ tát thích nghe pháp, các vị Bồ tát ấy thấy ánh sáng chiếu khắp các cõi Phật, đặng điều chưa từng có, nên muốn biết vì duyên

cớ gì mà Phật phóng ánh quang này. Khi ấy trong hội có vị Bồ tát, hiệu Diệu Quang, có tám trăm người đệ tử.

24 - Bấy giờ, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai xả định vì Diệu Quang Bồ tát thuyết kinh Đại thừa, tên “Diệu Pháp Liên Hoa, Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm”, trải qua sáu mươi tiểu kiếp, chẳng rời chỗ ngồi.

25 - Lúc ấy trong hội, người nghe pháp cũng ngồi nghe đến sáu mươi tiểu kiếp, thân tâm đều không lay động, nghe Đức Phật thuyết pháp cho là như trong khoảng bữa ăn. Bấy giờ, trong chúng chẳng có người nào thân tâm sanh lười mỏi.

Giảng luận

Năm đoạn kinh văn này, Bồ tát Văn Thù trùng tuyên lại ý nghĩa: Thuở quá khứ, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa vừa hoàn mãn, Đức Phật liền nhập Chánh định Vô Lượng Nghĩa Xứ.

Liên lúc ấy, trời mưa hoa cúng dường. Tăng Ni Phật tử cả Đạo tràng, kể cả trời thần người quỷ rồng đều ngạc nhiên, gặp điềm lành chưa từng có.

Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như

Lai từ lông trắng giữa chặn mây phóng một luồng hào quang sáng soi về phương Đông trùm khắp các cõi, cũng giống như điềm hôm nay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện điềm biến tướng vậy. Các cõi mà qua luồng hào quang từ chặn mây Đức Thích Ca phóng ra soi rọi cho mọi người trong hội đang thấy, cũng chính là các Phật độ mà luồng hào quang của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai xưa kia từng chiếu soi vậy.

Bồ tát Văn Thù lại nhấn mạnh rằng: Đạo tràng lúc đó gồm hai mươi ức vị Bồ tát, cũng đón điềm lành và cũng ngạc nhiên. Đạo tràng lúc đó có Bồ tát Diệu Quang và tám trăm vị đệ tử của Bồ tát này.

Đại chúng đang phân vân thắc mắc thì Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai xả định và vì Bồ tát Diệu Quang thuyết kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, suốt thời gian dài sáu mươi tiểu kiếp. Đại thánh chúng cũng ngồi yên nghe pháp suốt thời gian sáu mươi tiểu kiếp.

Trì tụng qua năm đoạn này chúng ta tư duy thế nào? Tại sao thuở quá khứ lâu xa vô lượng kiếp về trước, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai trước khi thuyết kinh Pháp Hoa, phải nhập định phóng quang hiện điềm lành. Ngày nay Đức Phật Thích Ca sắp thuyết kinh Pháp Hoa, lại cũng nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ, rồi cũng phóng quang,

hiện điềm biến tướng y như Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai.

Chúng ta lọc những gì thuộc về mật nghĩa nơi năm đoạn kinh này, để áp dụng vào đời sống hằng ngày của chúng ta.

Chánh văn

26 - Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai trong sáu mươi tiểu kiếp thuyết kinh đó rồi, liền từ ở chúng ma, phàm, Sa môn, Bà la môn và trời người, A tu la mà tuyên bố rằng: “Hôm nay vào nửa đêm, Như Lai sẽ nhập vô dư Niết bàn”.

Khi đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai liền thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng và bảo các Tỷ kheo rằng: “Ông Đức Tạng Bồ tát này kế đây sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng chánh giác”. Đức Phật thọ ký xong, vào nửa đêm, bèn nhập Vô Dư Niết bàn.

27 - Sau khi Đức Phật diệt độ, Diệu Quang Bồ tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải tám mươi tiểu kiếp, vì người mà diễn thuyết.

28 - Tám người con của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai đều học với Ngài Diệu Quang. Ngài Diệu Quang dạy bảo cho đều vững bền ở nơi đạo Vô thượng chánh đẳng

chánh giác. Các vị vương tử đó cúng dường vô lượng trăm nghìn vạn ức Đức Phật, đều thành Phật đạo. Vị thành Phật rốt sau hiệu là Nhiên Đăng.

29 - Trong hàng tám trăm người đệ tử, có một người tên Cầu Danh. Người này tham ưa danh lợi, dầu cũng đọc tụng các kinh mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất, nên gọi là Cầu Danh. Người này cũng trồng nhiều nhưn duyên căn lành nên đặng gặp vô lượng trăm nghìn vạn ức Đức Phật mà cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen.

30 - Bồ tát Di Lạc nên biết! Diệu Quang Bồ tát lúc đó đâu phải người nào lạ, chính là ta đây. Còn Cầu Danh Bồ tát là Ngài đấy.

Nay thấy điềm lành này, cùng với xưa không khác, cho nên ta xét nghĩ, hôm nay Đức Phật Như Lai sẽ thuyết kinh Đại thừa tên “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp, Phật Sở Hộ Niệm”.

Giảng luận

Mượn tích xưa dẫn việc nay

Năm đoạn kinh văn này bổ túc giúp chúng ta rõ thêm nghĩa kinh. Quá khứ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa suốt thời gian sáu mươi tiểu kiếp. Khi thời pháp đã hoàn mãn, Đức Phật tuyên bố giữa

đại chúng, nửa đêm hôm đó sẽ nhập Niết bàn. Đồng thời thọ ký cho Bồ tát Đức Tạng thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Đúng nửa đêm hôm đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai nhập Niết bàn.

Bồ tát Diệu Quang thay Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, thọ trì kinh Pháp Hoa suốt tám mươi tiểu kiếp.

Tám vị Vương tử của Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, đều được Bồ tát Diệu Quang dạy dỗ, cho đến khi đắc thành quả vị Phật. Vị thành Phật sau cùng là Đức Phật Nhiên Đăng.

Trong số tám trăm đệ tử của Bồ tát Diệu Quang, có một vị tên là Cầu Danh. Ngài Cầu Danh cũng đầy đủ phúc duyên, phụng sự cúng dường vô lượng Chư Phật, nhưng sự tu hành có phần giải đãi, thường hay đến những nhà giàu sang để hóa độ, nên đời gọi là Cầu Danh. Nhờ nhiều túc duyên thiện lành, nên đến nay gặp Đức Phật Thích Ca thọ ký sau này sẽ thành Phật.

Xưa Bồ tát Cầu Danh - Nay Bồ tát Di Lặc

Xưa Bồ tát Diệu Quang - Nay Bồ tát Văn Thù

Tích xưa như điềm nay, cho nên quyết định rằng: Đức Phật Thích Ca sắp chuyển pháp lớn thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Sự luân lưu trong cõi phàm tục này không thể dễ dàng trí

suy lường, dùng mắt phàm để quan sát. Phải có mắt tuệ như Bồ tát Văn Thù mới quán chiếu những sự bất khả tư nghì. Ai tư duy sâu về năm đoạn kinh này thì đều rõ biết tất cả mọi sự tạo tác lành dữ trong cuộc sống hằng ngày của chính mình, nó luôn hiện hữu.

Việc làm của chư Phật quá khứ và chư Phật hiện nay, việc làm của chư Bồ tát quá khứ cũng như của chư Bồ tát hiện nay không hề sai khác.

Xưa Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai hiện điềm biến tướng nhập định phóng quang và thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nay Đức Phật Thích Ca cũng y như vậy!

Chuyển di dù cách xa bao lâu, rồi cũng hoàn lại. Cho nên người hiểu đạo làm gì cũng nghĩ hậu quả của nó.

Chánh văn

Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, trùng tuyên ý nghĩa trên, bằng thơ kệ tóm gọn:

**31 - Ta nhớ thuở quá khứ
 Vô lượng vô số kiếp
 Có Phật Nhân Trung Tôn
 Hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh
 Đức Thế Tôn thuyết pháp
 Độ vô lượng chúng sanh
 Vô số ức Bồ tát**

Khiến vào trí huệ Phật

- 32 - Khi Phật chưa xuất gia
 Vua sanh tám Vương tử
 Thấy Đại Thánh xuất gia
 Cũng theo tu Phạm hạnh
- 33 - Phật thuyết kinh Đại thừa
 Tên là Vô Lượng Nghĩa
 Ở trong hàng đại chúng
 Mà rộng tỏ phân biệt
 Phật thuyết kinh này xong
 Liên ở nơi pháp tòa
 Ngồi xếp bằng nhập định
 Tên “Vô Lượng Nghĩa Xứ”
 Trời rưới hoa Mạn đà
 Trống trời tự nhiên vang
 Các trời rồng quỷ thần
 Cúng dường đấng Thế Tôn
 Hết thấy các cõi Phật
 Đồng thời vang động lớn
- 34 - Phật phóng quang giữa mây
 Hiện các việc hy hữu
 Ánh sáng chiếu phương Đông
 Mười tám nghìn cõi Phật
 Chỉ sinh tử nghiệp báo
 Của tất cả chúng sinh
 Lại thấy các cõi Phật

Đồng các báu trang nghiêm
Màu lưu ly, pha lê
Ấy bởi Phật quang chiếu

35 - Lại thấy hàng trời người
Rồng, thần, chúng Dạ xoa
Càn thát, Khẩn na la
Đều cúng dường Phật mình

36 - Lại thấy chư Như Lai
Phật đạo tự nhiên thành
Thân màu như núi vàng
Đoan nghiêm và vi diệu
Như trong tịnh lưu ly
Hiện ra tợ vàng ròng
Thế Tôn nơi đại chúng
Dạy thuyết nghĩa thâm diệu

37 - Mỗi mỗi các cõi Phật
Chúng Thanh Văn vô số
Do Phật quang soi rọi
Thấy hết đại chúng kia
Hoặc có các Tỷ kheo
Trú yên nơi núi rừng
Tinh tấn gìn tịnh giới
Dường như giữ minh châu

38 - Lại thấy chư Bồ tát
Bố thí và nhẫn nhục

Nhiều như cát sông Hằng
 Ấy nhờ Phật sáng soi
 Lại thấy hàng Bồ tát
 Thấm sâu các thiền định
 Thân tâm chẳng lay động
 Để cầu đạo vô thượng
 Lại thấy chư Bồ tát
 Biết pháp tướng tịch diệt
 Tự ở quốc độ mình
 Thuyết pháp cầu Phật đạo

39 - Bảy giờ hàng tứ chúng
 Thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng
 Hiện sức thần thông lớn
 Hết thảy lòng mừng vui
 Mỗi người tự hỏi nhau
 Việc này nhân duyên gì ?

40 - Bạc trời người tôn kính
 Vừa từ chánh định dậy
 Khen Bồ tát Diệu Quang
 Ông là mắt của đời
 Hết thảy đều tin về
 Luôn giữ gìn tạng pháp
 Như pháp mà ta nói
 Chỉ ông mới chứng biết
 Thế Tôn khen ngợi xong

Khiến Diệu Quang vui mừng
Liên thuyết Pháp Hoa kinh
Trải sáu mươi tiểu kiếp
Chẳng rời khỏi tòa ngò
Diệu Pháp mà Phật nói
Chỉ pháp sư Diệu Quang
Là trọn hay thọ trì

41 - Phật thuyết Pháp Hoa này
Khiến chúng vui mừng rồi
Liên chính trong ngày đó
Bảo với hàng trời, người
Nghĩa thật tướng các pháp
Đã nói các ông rồi
Ta nay đứng giữa đêm
Sẽ vào cõi Niết bàn
Các ông lòng tinh tấn
Phải rời sự buông lung
Chư Phật rất khó gặp
Ức kiếp gặp một lần

42 - Thấy các con của Phật
Nghe Phật sắp nhập diệt
Thấy thấy đều sầu não
Sao Phật gấp diệt vậy ?
Đấng Thánh chúa Pháp vương
An ủi vô lượng chúng

Sau khi Ta diệt độ
 Các ông chớ buồn lo
 Bồ tát Đức Tạng đây
 Nơi Vô lậu thiết tướng
 Tâm đã chứng thông đạt
 Kế đây sẽ thành Phật
 Hiệu Tịnh Thân Như Lai
 Cũng độ vô lượng chúng

43 - Đêm đó Phật diệt độ
 Như củi hết, lửa tàn
 Chia phân các Xá lợi
 Mà xây vô lượng tháp
 Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni
 Đông như cát sông Hằng
 Lại càng thêm tinh tấn
 Tu cầu đạo vô thượng

Giảng luận

Đoạn này Bồ tát Văn Thù trùng tuyên thơ kệ tóm gọn, trình bày Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai về thưở quá khứ, thuyết pháp độ vô số chúng sanh, vô số Bồ tát.

Chưa xuất gia, Phật là vua sanh tám Vương tử và tám Vương tử cũng theo vua cha xuất gia.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thuyết Đại Thừa Vô Lượng. Thuyết xong, Đức Phật

nhập định Vô Lượng Nghĩa Xứ, trời mưa hoa cúng dường. Đức Phật phóng quang giữa chạn mây chiếu mười tám ngàn cõi ở phương Đông.

Trời người quý thần nường hào quang thấy rõ tướng hảo của Chư Phật các cõi ấy. Thấy Chư Phật thành tựu các công đức, thân sáng tợ lưu ly. Thấy cả chúng sanh các cõi ấy.

Thấy chư Bồ tát các cõi ấy tu hạnh bố thí nhẫn nhục, kể cả những vị trụ sâu vào thiền định. Cũng có nhiều vị Bồ tát thuyết pháp và tu cầu Phật đạo. Tứ chúng lại thấy Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai hiện sức thần thông quan trọng. Mọi người tự hỏi nhau vì nhân duyên gì mà Đức Phật hiện điềm biến tướng lạ như thế.

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai xả định, khen ngợi Bồ tát Diệu Quang và vì Bồ tát Diệu Quang thuyết kinh Pháp Hoa, trải sáu mươi tiểu kiếp. Ngài Diệu Quang Pháp sư triệt ngộ phụng giữ thọ trì. Sau đó Phật tuyên bố cho đại thánh chúng biết trong nửa đêm nay sẽ nhập Niết bàn.

Hàng đệ tử nghe Đức Phật nhập diệt thấy đều ưu buồn. Đức Phật an ủi là có Bồ tát Đức Tạng thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai, sẽ thay Phật rộng độ vô lượng chúng. Đức Phật nhập Niết bàn, hàng đệ tử xây vô lượng bửu tháp để phụng thờ Xá lợi Phật. Hàng đệ tử của Đức Phật số đông nhiều

hơn cát sông Hằng, càng tu hành tinh tấn, nhất tâm cầu thành Phật.

Câu chuyện của đoạn kinh lược tả về Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thời quá khứ. Các nhân vật của những đoạn thơ kệ này như trong một câu chuyện cổ tích. Vậy mà thử hỏi trong giới Phật giáo đồ, cả Tăng lẫn tục, liệu được mấy người nhớ? Trái lại, truyện hư cấu Tam Quốc, Phong Thần, tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung ... *vân vân* ... chỉ đọc qua một vài lần mà rất nhiều người thuộc nhớ từng nhân vật. Thật cũng lạ thay !

Rất mong bộ Pháp Hoa giảng luận này sẽ thay chỗ nhớ của quý vị.

Chánh văn

**44 - Riêng Pháp sư Diệu Quang
 Vững giữ Phật pháp Tạng
 Suốt tám mươi tiểu kiếp
 Rộng thuyết kinh Pháp Hoa
 Còn tám vị Vương tử
 Được Diệu Quang mở khai
 Vững bền đạo vô thượng
 Được gặp vô số Phật
 Cúng dường Chư Phật xong
 Thuận theo tu đạo lớn
 Nói tiếp đắc quả Phật
 Lần lượt thọ ký nhau**

Đấng Phật rớt đời sau
Hiệu là Phật Nhiên Đăng
Đạo sư của thiên tiên
Độ thoát vô lượng chúng

45 - Pháp sư Diệu Quang đây
Có một người đệ tử
Tâm thường cửu biếng trễ
Tham ưa nơi danh lợi
Cầu danh lợi không nhàm
Thường đến nhà giàu sang
Bỏ bê việc tu tập
Buông hết không thông thuộc
Do vì nhân duyên ấy
Nên gọi là Cầu Danh
Nhưng cũng làm nghiệp lành
Được gặp vô số Phật
Cúng dường nhiều Đức Phật
Thuận theo tu đại đạo
Đủ sáu Ba La Mật
Nay gặp Đức Thích Ca
Thọ ký sau thành Phật
Hiệu là Phật Di Lặc
Rộng độ hàng chúng sanh
Số đông nhiều vô lượng

46 - Sau Phật ấy diệt độ
Kẻ lười biếng là Ngài

Còn Pháp sư Diệu Quang
 Nay thời chính là Ta
 Ta thấy Phật Đăng Minh
 Điềm sáng trước như thế
 Cho nên biết rằng nay
 Phật sẽ thuyết Pháp Hoa
 Tướng nay như điềm xưa
 Là Chư Phật phương tiện
 Nay Phật phóng hào quang
 Tiếp bày nghĩa thực tướng
 Các người nay nên biết
 Chắp tay một lòng chờ
 Phật sẽ rưới mưa pháp
 Toàn bộ người cầu đạo
 Ai người cầu ba thừa
 Nếu có chỗ nghi hối
 Phật sẽ dứt trừ cho
 Khiến hết chẳng còn nghi

Giảng luận

Pháp sư Diệu Quang vâng giữ lời Đức Phật
 Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, phụng trì giáo
 pháp suốt tám mươi tiểu kiếp, rộng thuyết kinh
 Pháp Hoa. Bồ tát Diệu Quang giáo huấn tám vị
 vương tử, một lòng tin đạo vô thượng, gặp cúng
 dường Chư Phật. Cả tám vị đều nối tiếp thọ ký nhau

thành Phật, vị thành Phật sau cùng hiệu Nhiên Đăng Như Lai, đạo sư của chư Thiên, chư Tiên.

Bồ tát Diệu Quang cũng còn có tám trăm đệ tử, trong số có một vị tên là Cầu Danh, do vì tu hành biếng trễ, cầu danh lợi không nhằm chán, kinh điển không thông thuộc. Tuy nhiên vị Cầu Danh này cũng có gieo trồng nhiều phúc đức nhân duyên, nên được gặp rồi phụng sự cúng dường vô lượng Chư Phật, tròn đủ hạnh Lục Ba La Mật, nên kiếp này gặp Đức Phật Thích Ca Như Lai và được thọ ký sau này sẽ được thành Phật, hiệu là Di Lạc Như Lai, đủ mười tôn hiệu, rộng độ vô lượng chúng sanh.

Lúc Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai diệt độ, vị Bồ tát Cầu Danh đó là Ngài (*tức là Bồ tát Di Lạc*), còn Diệu Quang Pháp sư chính là Ta (*tức là Bồ tát Văn Thù*).

Tướng điềm hiện nay, giống y tướng điềm thuở xa xưa. Vì vậy nên chắc chắn là Đức Phật Thích Ca Như Lai sắp thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phổ bày nghĩa thực tướng của các pháp. Vị nào nơi Đạo tràng hiện tu cầu ba thừa pháp thì nay hãy chú tâm nghe lãnh hội Nhất thừa pháp. Nếu còn chỗ nào nghi ngờ thì từ từ Đức Phật sẽ thuyết kinh Pháp Hoa, giải trừ hết mọi nghi hối, khiến cho tất cả không còn tư tưởng chấp ba thừa pháp.

Mật nghĩa đoạn kinh này, chúng ta đã thấy rõ. Ngài Bồ tát Văn Thù và Ngài Bồ tát Di Lặc đóng vai chỉ trích và chịu chỉ trích, mục đích là để cảnh tỉnh đại chúng thuở đó, đồng thời để lưu truyền lời cảnh thức này lại cho hậu thế ngàn sau.

III - TÓM KẾT

Phẩm Tựa tạm chia thành tám nét chính để dễ hiểu, kỳ thực thì có vô số. Nhưng dù bao nhiêu nét, cũng chẳng quan trọng. Điều cốt yếu là chúng ta nên nắm sáu phần cốt lõi của phẩm kinh:

1. Bảy điểm thành tựu.
2. Phương pháp dẫn nhập.
3. Cách thức và người giới thiệu.
4. Nhân sự nòng cốt.
5. Tình cảm và lý trí.
6. Giải thoát không gian và thời gian

Trong sáu nét này, đáng lưu ý nhất là “Tình cảm và lý trí” luôn luôn song hành. Quá thiên lệch về tình cảm, sẽ dẫn đến sự trì trệ. Quá thiên lệch về lý trí, sẽ dẫn đến tình trạng khô khan. Vào đời, biết bao nhiêu nhân vật tên tuổi bị thất bại cay đắng cũng do cách điều hành sự việc thiên lệch một bên: hoặc lý trí, hoặc tình cảm.

Nếu bộ kinh Pháp Hoa không phải do Bồ tát Di Lặc gợi ý khai mở và Bồ tát Văn Thù trợ tuyên thì kinh Pháp Hoa không thành công to lớn như vậy.

Chưa có một quyển sách, một bộ kinh nào, đông người sùng bái như kinh Pháp Hoa. Suốt dòng thời gian, từ khi Phật còn tại thế, cho đến ngày nay, càng ngày số lượng tái bản càng vượt cao gấp bội. Số người đọc tụng, thọ trì, in sao, viết chép, cúng dường, nghiên cứu, chú giải, thực hiện mỗi lúc mỗi đông. Hai Ngài Bồ tát dùng thân pháp gì mà đặc biệt như thế ?

Ngoài tính cách Đại Bồ tát được đời xưng tụng, hai vị Bồ tát này, mỗi vị hiển bày một đức tính cần thiết cho dòng đời:

- Bồ tát Di Lặc sử dụng tình cảm siêu đẳng.
- Bồ tát Văn Thù ứng dụng lý trí tuyệt vời.

Cả lý trí và tình cảm hài hòa nhau, để biến thành chất sống vô cùng phong phú. Chúng ta vào cuộc sống hằng ngày, nên ứng dụng quy pháp này, hầu nâng cao nếp sống cho bản thân, gia đình, tộc họ và muôn loài.

Tình cảm và lý trí trở thành lý Bất Nhị, chẳng phải một, mà cũng chẳng là hai. Làm bất cứ việc gì phải hội đủ hai yếu tố theo nguyên lý Bất Nhị. Làm gì phải có lý có tình: Có lý thiếu tình chẳng làm, có tình thiếu lý không thực hiện.

Phẩm Tựa - Mở đề kinh Pháp Hoa hội đủ lý tình. Ngài Di Lặc tình cảm, Ngài Văn Thù lý trí. Tình lý giúp sáng tỏ Pháp Diệu từ ban đầu.

Hành giả Pháp Hoa liễu nghĩa phẩm Tựa, như người nắm chiếc chìa khóa vào cổng nhà. Liễu nghĩa phẩm Tựa, mới thấy tầm mức quan trọng của bộ kinh tối thượng này, có liên quan mật thiết đến đời sống hiện hữu của chính mình, mà hàng ngày mình không thể nào thiếu Diệu Pháp Liên Hoa.

Bất cứ ai, còn hiện sống trên quả đất này, còn thở không khí này, kể cả trời thần quỷ rồng, muốn vươn lên, thấm nhập vào hai chữ an vui và thoát khỏi sự trói cột, bởi không gian, thời gian, nét nhăn và muốn giữ nụ cười hằng hữu trên môi, với bớt hoặc chấm dứt giọt lệ ai hoài thì không thể thiếu phương pháp vi diệu bông sen nhập trần này, tức là không thể thiếu Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh và muốn đạt ngộ hữu hiệu pháp diệu nhập đời thì trước nhất phải thấu suốt tường tận phẩm Tựa kinh Pháp Hoa.

Hai bài học số hai và ba chỉ giải đại cương những nét căn bản. Phẩm Tựa kinh còn chứa hàng vạn triệu điều ẩn nghĩa. Phẩm Tựa và toàn bộ kinh, đang hoan hỷ mở cửa đón mời các hành giả Pháp Hoa, nhất là những bậc đã nghiên cứu thẩm sâu từng chữ, từng nét hoặc từng phần pháp Diệu Đại thừa bông sen nhập thế (*kinh Pháp Hoa*).

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 4

PHẨM PHƯƠNG TIỆN - Thứ hai

- Đức Phật xả định và phân tích.
- Mười như vậy.
- Ba lần Tôn Giả Xá Lợi Phất thưa thỉnh và ba lần Đức Phật chưa nhận lời.

I - MỞ ĐẦU

Liễu nghĩa phẩm Tựa là đã nắm được chiếc chìa khóa vào cổng Pháp Hoa. Thấm sâu vào phẩm Phương Tiện là hành giả đã bước lên thêm Pháp Hoa, để chuẩn bị vào liễu nghĩa hết các phẩm là đủ chìa khóa làm chủ ngôi nhà Diệu Pháp Liên Hoa. Ai ai cũng mong ước như vậy.

Đến nay, số người đọc tụng kinh Pháp Hoa càng ngày càng đông. Nhiều nơi không đủ kinh để

tụng. Nhưng đọc tụng để mà đọc tụng, chứ ít thấy ai đọc tụng để đem “Pháp Diệu” nhập đời, áp dụng vào cuộc sống của chính mình hằng ngày.

Cuối thế kỷ thứ V, đầu thế kỷ thứ VI (574-622), bộ kinh Pháp Hoa được Ngài Cưu Ma La Thập dịch từ chữ Phạn sang chữ Trung Hoa. Đầu tiên, kinh chữ Hoa này được chuyển sang Nhật Bản. Vị Thái tử nước Nhật thời đó, đã giải nghĩa thành một bộ “Luận về kinh Pháp Hoa”. Cũng từ đó, bản Hiến pháp Nhật Bản, gồm mười bảy điều khoản, đã căn cứ theo tinh thần bộ kinh Pháp Hoa này. Và bằng Hiến pháp này, vị Thái tử Nhật (Shotoku) đã thiết lập bộ luật đầu tiên ở Nhật, đến nay ngót một ngàn bốn trăm năm và vẫn truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, có ảnh hưởng thấm sâu trong giới quần chúng Nhật, ích lợi lớn rộng nhờ áp dụng thực tiễn tinh thần kinh Pháp Hoa vào cuộc sống văn minh, thực dụng của cả một dân tộc.

Ở Việt Nam chưa gặp nhân duyên thuận hợp, cho nên kể cả trong giới Tăng tín đồ, cũng vẫn còn lơ là đối với kinh Pháp Hoa hướng hồ người thường, tức là chưa thấm sâu, lan rộng vào đời sống hằng ngày thuộc các tầng lớp quần chúng. Ví dụ như phẩm Phương Tiện, liệu được mấy người thấm sâu vào tận “nghĩa gốc” đầu đề phẩm kinh, chứ đừng nói là cốt lõi của toàn phẩm. Hiểu sai hai

chữ Phương Tiện thì khó liễu nghĩa toàn phẩm kinh.

Phương Tiện là phương cách tiện dụng để thích hợp mọi căn cơ của chúng sanh. Phương thuộc Lý, Tiện thuộc Sự. Dĩ bất biến là phương, ứng vạn biến là tiện. Bất biến tùy duyên và tùy duyên bất biến. Tùy duyên là tiện, bất biến là phương. Độ sanh thuộc tiện, cứu cánh thành Phật thuộc phương.

Các kinh Đức Phật tuyên thuyết từ trước thuộc về tiện. Từ Pháp Hoa trở về sau các kinh thuộc phương.

Phẩm Phương Tiện này là chiếc cầu nối giữa hai thời kỳ: Quyền và Thực. Tức là quyền biến và thực tướng các pháp. Trước thì quyền, từ đây về sau là thực.

II - NỘI DUNG

Chánh văn

◆ Đức Phật xả định và phân tích

1 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn từ chánh định an lành mà dậy, bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Trí huệ của các Đức Phật sâu xa vô lượng. Môn trí huệ đó khó hiểu, khó vào. Tất cả hàng Thanh Văn cùng Bích Chi Phật đều không biết được, là vì sao vậy?”

Phật đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức vô số các Đức Phật, trọn tu vô lượng đạo pháp

của các Đức Phật, dũng mãnh, tinh tấn, danh tốt đồn khắp, thành tựu pháp rất sâu chưa từng có, tùy nghi mà nói pháp, ý thú khó hiểu.

Xá Lợi Phất ! Từ Ta thành Phật đến nay, đã dùng các món nhờn duyên, các món thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìm dặt chúng sanh, khiến xa lìa lòng chấp, là tại vì sao? Đức Như Lai đã đầy đủ phương tiện, tri kiến và Ba La Mật.

Xá Lợi Phất ! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, đức vô lượng vô ngại lực, vô sở úy, thiên định, giải thoát tam muội, đều sâu vào chốn không ngần mé, thành tựu tất cả pháp chưa từng có.

Xá Lợi Phất ! Như Lai hay dùng các cách phân biệt, khéo nói các pháp, lời lẽ êm dịu, làm vui đẹp lòng chúng.

Xá Lợi Phất ! Tóm lại mà nói, vô lượng vô biên pháp chưa từng có, Đức Phật thấy đều thành tựu rồi.

Giảng luận

Đoạn kinh chánh văn này chúng ta thẩm sâu từng chữ, từng câu. Như muốn hiểu được tướng của các pháp thì hành giả phải thông suốt các pháp căn bản như: tứ vô lượng tâm, tứ vô ngại trí, tứ thiên, tứ định, tứ vô sở úy, bát giải thoát môn, tam môn, tứ

trí, ngũ nhãn, lục thông ... Pháp môn nào cũng phải hiểu, phải thông. Dù chưa chứng đắc nhưng hành giả phải hiểu, phải liễu. Lúc ấy mới hy vọng hiểu được phần nào về thực tướng của các pháp.

Có nhiều người vừa tập tham thiền vài năm đã cố chấp, tự phong tặng mình là Thiền giả, Thiền sư, tự cho pháp môn mình đang tu là siêu tuyệt hơn cả và hủy báng, chê bai các pháp môn khác. Thiền cũng chỉ là một trong nhiều pháp môn tu căn bản lúc ban đầu mà thôi.

Một điểm đặc sắc của đoạn kinh, mở đầu pháp Diệu bông sen Đại thừa, mà chúng ta ít người chú tâm về ba ý chính. Sau khi thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa, Đức Thế Tôn ngồi yên lặng, nhắm mắt, nhập đại định, phóng quang.

- Phóng quang phá nghi và khai mở tâm trí cho đại chúng.
- Nhập đại định, chờ sự giới thiệu mở đề của hai vị Bồ Tát Di Lặc và Văn Thù.
- Yên lặng, chọn phương cách phù hợp và chọn người tiêu biểu.

Chúng ta để ý: Khi vừa xả định, Đức Phật liền chọn Tôn Giả Xá Lợi Phất, là vị trí tuệ đệ nhất trong hàng Thánh Tăng làm người tiêu biểu và câu khai mở đầu tiên là nhắc các pháp căn bản cần phải có, ấy là điều kiện tiên quyết, để đủ tiêu chuẩn đón nhận thực tướng của các pháp.

Chánh văn

2 - **Thôi Xá Lợi Phất ! Chẳng cần nói nữa, là tại vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có nhưt mà Phật đã thành tựu đó, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột tướng chơn thật của các pháp đó, có nghĩa là các pháp: “Tướng như vậy, tính như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhơn như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, các thứ trước sau rốt ráo như vậy”.**

Giảng luận

Đức Phật Thích Ca lại phân tích giải bày về chơn thật của các pháp cho Tôn Giả Xá Lợi Phất và hội chúng tại Hội Pháp Hoa, qua luận giải Thập như thị pháp (*Mười như vậy*). Đức Phật còn chi tiết hơn, Ngài tóm lược chơn thật của các pháp bằng công thức Thập như thị pháp (*mười như vậy*), giúp cho hàng hậu học dễ nhớ, dễ liễu ngộ.

Muốn hiểu được đoạn kinh nhấn mạnh về mười như vậy thì trước nhất chúng ta phải hiểu rõ chữ **Như**.

Như là tất cả tướng tánh thể lực ... của các pháp thảy đều như nhau. Nhưng nếu nói thế thì các nhà khoa học sẽ phản đối ngay. Vì giới khoa học phân tích các pháp qua sự biểu hiện của từng pháp. Trái lại địa hạt của “đạo học” thì không thể dừng ở nơi

sự biểu hiện đó, mà phải thẩm sâu đến tận cùng của các pháp. Tức là phải tìm hiểu đến chỗ cùng tột của các pháp. Tìm đến chỗ “**Như vậy**”. Thế nào mới được gọi là Như?

Theo phẩm Bồ tát kinh Duy Ma, Như là không hề có hai, chẳng hề khác biệt.

Nhiều người căn cứ vào sự biểu hiện của các pháp, nên phân biệt cái nọ với cái kia. Đó là lầm tưởng chấp giả làm thực.

Như: là cái cùng cực, của chân thật. Vì vậy nên chúng ta thường gặp các danh từ: *Như pháp tính, thực tế, thực tướng*, tất cả đều đồng một nghĩa.

Mặc dù thế giới hiện tượng và sự vật là đa dạng, nhưng *bản chất* của các pháp chỉ là một và một tức là Như. Như cũng gọi là Lý. Lý cũng gọi là Như.

Như thị: Là trình bày đúng như thế, đúng đạo lý là như vậy đó, không thể sai khác (*kinh Thắng Man bảo vật, quyển thượng thứ chín*).

◇ TỔNG LƯỢC MƯỜI NHƯ VẬY :

❶ **Như vậy thứ nhất: Tướng như vậy**

Hết thấy “tướng” của các pháp vốn nó là như vậy. Thế nào là tướng như vậy? Tướng như vậy là tướng chơn thực. ←Thực tướng → đồng nghĩa Không tướng. Thế thì tướng của các pháp là không tướng như thế là thế nào? Làm sao hiểu? Vì câu này

không phải dành cho hàng Tiểu - Trung - Đại học hiểu. Cũng không phải hàng Bác học, hàng siêu học, mà chỉ dành cho hàng tu chứng mới hiểu câu “Tướng các pháp vốn là như vậy”. Nói khác hơn, thì **Tướng các pháp vốn như thị**, các pháp là như thật, là hằng còn. Các pháp không hề sanh, chẳng hề diệt, chẳng hề tăng, chẳng hề giảm. Vì vậy cho nên gọi tướng các pháp là không tướng. Giới bác học và khoa học muốn hiểu vấn đề này, phải mượn các “nguyên tố” của vật lý để làm chiếc cầu, từ đó quán chiếu cho đến khi bừng tuệ, lúc bấy giờ mới có thể hiểu về tướng chơn thật của các pháp.

Khi còn ở Trung cấp Phật giáo thì hiểu tướng các pháp vốn là **vô thường**. Nhưng đã nhập vào Nhất thừa Pháp Hoa thì bắt đầu tu luyện để thẩm nhập tướng các pháp vốn là chơn thường. Chẳng phải thường, chẳng phải vô thường mà là **chơn thường**. Thi kệ phẩm Phương tiện bản Hán văn: “**Thị pháp trụ pháp vị**”. Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh đã Việt dịch: “**Pháp trụ trên ngôi pháp**”. Vậy thì pháp nào trụ trên pháp nào? Khi tu chứng đắc đến trình độ “chơn thường” thì các pháp vốn đồng một pháp, nhưng khi đang đi vào Phương tiện để đạt Nhất thừa thì phải nương nhờ nhịp cầu để qua sông, phải tập tu theo phương pháp Phương tiện, mượn pháp này trụ trên pháp kia. Phải khởi mượn từ “**Pháp tịnh trụ vững trên pháp động**”, từ

đó mới thẩm nhập chơn thường. Vì vậy nên mới có pháp môn tu luyện pháp tịnh trụ trên pháp động (Pháp trụ trên ngôi pháp).

Chẳng riêng kinh Pháp Hoa mà ở các bộ kinh Đại thừa và Tối thượng thừa, Đức Phật đều dạy như thế. Như kinh Kim Cương “**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng**”. Chẳng phải hữu tướng thì các pháp là vô tướng. Cũng kinh Kim Cương, nếu theo âm thanh, sắc tướng mà cầu Như Lai thì chẳng thể nào thấy Như Lai, vì âm thanh sắc tướng cũng là không tướng.

Vì thế cho nên mới Như thị thứ nhất là “Tướng như vậy”. Tức là Tướng thế gian hằng còn. Không tướng nó mới luôn luôn tồn tại. Là Tướng như vậy đó! **Như thị tướng.**

② *Như vậy thứ hai: Tính như vậy*

Liễu nghĩa được Tướng như vậy thì mới quán chiếu để liễu ngộ Tính như vậy. Bởi vì tính tướng chẳng hai. Vì *thực tướng* chơn không, hằng còn thì *thực tính* cũng chơn không, hằng còn. Nói cách khác dễ hiểu hơn là khi học Phật pháp cấp thấp thì phải quán chiếu để liễu ngộ riêng từng mỗi tánh, mỗi tướng của các pháp. Nhưng khi nhập vào Pháp Hoa Nhất thừa thì phải liễu ngộ rằng: Các pháp đều vốn cùng bản tính. Bởi vì Tính các pháp vốn là tính chơn không. Chơn không chẳng phải không như

lông rùa, sừng thỏ. Ai liễu ngộ tính không thì mới đắc ngộ tính hòa hợp. Chưa liễu ngộ tính không thì không thể có hòa hợp. Chưa hòa hợp thì làm gì có ngôi Tăng Bảo.

Hoặc dù có liễu ngộ tính không, chỉ khi nào sống hòa hợp thì lúc đó là lúc chứng minh được pháp tính không. Vậy tính của các pháp là tính chơn không. Là tính như vậy! **Như thị tính.**

③ *Như vậy thứ ba: Thể như vậy*

Thể của các pháp vốn là chơn không. Chơn không cũng còn gọi là thực thể. Thực thể đồng nghĩa với “Bản thể không”. Vì Bản thể không, nên kinh Pháp Hoa mới định danh là Như thị thể. Như thị thể là Thể như vậy. Bản thể các pháp đồng một thể chơn không. Nhưng chớ hiểu nó không hẳn hoi như lông rùa, sừng thỏ. Nếu chẳng phải không thì là có à! Chẳng có, cũng chẳng không! Bát Nhã tâm kinh “... **Thể trống không, nên không nhãn giới**”. Làm sao dùng mắt để quan sát được thể. Cũng chẳng dùng ý quán chiếu được thể. Liễu ngộ được thể của các pháp là chơn không thì mới hiểu được các pháp vốn nó hằng hữu. Mới hiểu lời Đức Phật dạy nơi kinh Pháp Hoa: Thế gian tướng thường còn! Phản ánh đúng bản thể gọi là như. Vậy thể các pháp đều là thể như vậy. Tức là **Như thị thể.**

④ *Như vậy thứ tư: Lực như vậy*

Khi các thứ Tướng tính thể đều như vậy thì tự nhiên có năng lực. Phản ảnh đúng năng lực của nó nên gọi Lực như vậy. Khi Lực chơn thật là Lực của lý không, vì nó không hề có pháp nào làm chủ thể.

Thuốc nổ, ngòi nổ, lửa duyên hợp thì tự nhiên nổ. Khi nổ lực của nó phá hủy các pháp khác. Vậy không phải do thuốc nổ làm chủ thể, cũng chẳng phải do ngòi nổ, lại càng không phải do lửa làm chủ thể. Nếu lửa là chủ thể của lực nổ thì sao khi lửa hợp với thuốc lại có ánh sáng. Lực nổ công phá các pháp này nó tồn tại ở đâu, ta tìm chẳng thấy? Như khi đủ duyên thì phát tiếng nổ. Vậy có phải lực nổ nó thường trụ ở nơi chơn không? Nếu ai phản đối, nó không thường trụ nơi chơn không thì nó tồn tại ở đâu, xin chỉ rõ! Nếu không chỉ được chỗ cùng cực của nó thì phải thừa nhận là lực của sức nổ vẫn là như. Vẫn hằng còn ở chơn không. Chơn không đồng nghĩa với chơn lý. Chơn lý đồng nghĩa với thực lý. Tóm lược các danh từ lực chơn không, lực chơn lý, lực thực lý vẫn bằng một danh gọi, Lực như vậy. **Như thị lực.**

⑤ *Như thị thứ năm: Tác động như vậy*

Mọi tác động của các pháp đều không do từ một pháp nào cả. Như vậy sự biểu hiện của mỗi pháp không thể làm chủ được các pháp, cho nên không có pháp nào tác động được pháp. Mọi sự tác động nó đều do duyên hợp của các pháp. Mà đã là

do duyên hợp thì nó phải trở lại điểm cùng cực. Mà điểm cùng cực này nó cũng từ chơn không. Giữ được lý chơn không thì vắng lặng, thì tịch diệt, chẳng bị pháp nào tác động. Cho nên hành giả, thức giả, trí giả Pháp Hoa kinh phải liễu ngộ như thị tác. Tức là mọi sự tác động là do từ nơi động. Giữ không cho động. Luôn luôn ở nơi tịnh mặc thì mọi tác động vẫn nằm nguyên nơi chơn không, chẳng bao giờ bị pháp nào tác động. Nên kinh Pháp Hoa Đức Phật tóm gọn nơi mười như vậy, trong đó có pháp tác như vậy. Tức là không có pháp nào chủ thể của sự tác động là như vậy. **Như thị tác.**

⑥ *Như vậy thứ sáu: Nhân như vậy*

Các pháp chẳng có pháp nào do từ một nhân, mà nó phải từ nhiều nhân hợp lại mới thành một pháp. Đấng tĩnh lặng, hàng Bồ tát và người liễu ngộ được lý như thì không bao giờ sử dụng tâm ý cá thể để chuyển di các nhân này hợp lại thành một pháp, dù là pháp ác hay pháp thiện cũng vậy.

Khi tâm sở kể cả tâm vương tham gia chuyển từng nhân duyên lại thành một pháp thì pháp ấy không phải chơn mà là giả pháp, hoặc là tà pháp. Bởi vì nhân của pháp vốn nó là chơn, mà ta dụng tâm chuyển nó thì tự nhiên nó biến thành giả. Dụng tâm sở tâm vương chuyển các nhân, để chúng duyên lại với nhau thành một pháp thì đó là mưu mô, đó là cơ mưu gần đồng nghĩa cơ khí. Vì

vậy nên bậc trí không nên dụng tâm sở tâm vương mà cứ để tự nhiên cho chơn tâm bừng khai hòa hợp mọi nhân duyên nhau mà thành thì đây mới gọi là chơn pháp. Mới gọi các pháp từ nơi chơn không. Có vậy được như thế mới gọi là Nhân như vậy. Tức là **như thị nhân**.

⑦ **Như vậy thứ bảy: Duyên như vậy**

Các nhân đều chơn không và tự nhiên duyên hợp lại mới là pháp chơn không. Là pháp chơn thật. Là pháp như vậy.

Thế nào là duyên chơn thật. Là duyên như vậy. Là duyên chơn không?

Pháp nào con người dụng tâm ý duyên thành thì pháp đó không phải pháp chơn thật. không phải pháp của chơn không! Bởi vì sự duyên hợp của nó khởi từ sự cố tâm, cố ý chứ không từ tự nhiên.

Cây bông hồng từ những nhân tự nhiên và khi nở hoa nó cũng từ các nhân tự nhiên, chúng cùng duyên hợp thành cây bông hồng. Giai đoạn bông hồng nở hoa nó cũng tự nhiên, bông kia duyên với sắc tố, với đạm tố, với hương tố ... Các tố ấy từ chơn không chứ không phải sắc màu chứa trong lọ, hương thơm chứa trong chai, các nguyên tố chứa trong kho tàng. Duyên như thế mới là các nhân từ chơn không, các nguyên tố từ chơn không tự nhiên duyên nhau thành bông hồng. Được như thế mới gọi là duyên chơn không. Duyên từ thực tướng. Mới gọi là duyên

như vậy. Nếu một bông hồng từ con người tạo nên bằng giấy, hoặc bằng nhựa cao su qua dụng tâm duyên nó lại với màu đỏ hoặc vàng do mực màu. Hương thơm do nước hoa từ trong lọ xịt vào và nhiều nhân tố khác do nhân tạo duyên lại với nhau thì các bông hồng ấy không hề có tự nhiên, nó là bông giả. Bởi vì tướng tánh thể lực tác nhân duyên thấy đều giả. Nhất là do từ giả nhân giả duyên, cho nên không thể gọi các bông hồng đó là bông hồng thật. không phải thật thì chẳng phải duyên từ chơn không. **Như thị duyên.**

⑧ *Như vậy thứ tám: Quả như vậy*

Khi các tướng tánh thể lực ... nhất là nhân và duyên đều khởi từ thực tướng, từ chơn không thì sự đắc quả cũng chơn không, cũng thực tướng, cũng như vậy.

Quả như vậy là sự đắc quả theo pháp tu nhất thừa đều đưa đến chỗ cùng tột của quả vị. Cùng tột quả vị tu chứng là đến đâu? Đến vô thượng giác, đến thành Phật. Đức Phật thuyết tam thừa là phương tiện, người tu có chịu rồi tam thừa để tu đắc chứng đắc quả vị nhất thừa, quả vị thành Phật thì mới gọi là Quả như vậy. Quả như vậy là thế nào? Là quả chơn không, là quả thực tướng, là quả đạt được lý sự chơn thật. Là quả như vậy. **Như thị quả.**

⑨ *Như vậy thứ chín: Báo như vậy*

Quả chơn thật thì ảnh hưởng chơn. Sự báo ứng thủy đều chơn thật. Ma ba tuần là phi chơn thật, mà lại giả Phật, để dễ mục thị cho Tôn Giả A Nan thì sự báo ứng đối với Tôn Giả A Nan vẫn là phi chơn thật.

Một người chưa đầy đủ các yếu tố chơn thật, mà giả làm một vị sư, dù có giả giống y hệt một nhà sư thật thì sự ảnh hưởng, sự báo ứng vẫn là phi chơn thật, vẫn là nhà sư giả.

Tu Pháp Hoa kinh là xóa bỏ tam thừa, nhập vào nhất thừa hành trì các pháp chơn thật. Tức là luyện đặc pháp như thật. Tướng tính thể lực tác nhân duyên quả thủy đều như thực thì báo cũng là như thực. Là báo như vậy. Là **như thị báo**.

⑩ *Như thị thứ mười: Rốt ráo như vậy*

Rốt ráo như vậy, hoặc nói khác hơn Ba la mật như thị. Khi tin tưởng tuyệt đối vào Phật thừa, liễu ngộ Phật thừa, tu luyện chứng đắc Phật thừa, tất cả đều khởi tu luyện từ các pháp như thật tướng, như thật tính, như thật thể, như thật lực, như thật tác, như thật nhân, như thật duyên, như thật quả, như thật báo thì rốt ráo thủy đều như thật.

Lý luận thì như thế, nhưng liễu và ngộ, hiểu và biết, trí và tri, chứng và đắc đến rốt ráo thành Phật thì phải trải qua nhiều giai đoạn cam go. Vì vậy

hành giả Pháp Hoa kinh tu luyện chỗ nên phân biệt không gian và chỗ cố chấp thời gian thì mới đạt đến chỗ rốt ráo như thật, hành giả, thức giả, trí giả Pháp Hoa kinh. Điều đáng lưu ý là muốn tu đến rốt ráo pháp như thật, bắt buộc phải khởi từ **Lục độ Ba la mật**. Bồ thí rốt ráo. Trì giới rốt ráo. Tinh tấn rốt ráo. Nhẫn nhục rốt ráo. Thiền định rốt ráo.

Khi hiểu được mười như thật, tức là hiểu mười như vậy. Hiểu rồi cần phải biết. Trí rồi cần phải tri. Tri rồi cần phải chứng, phải đắc. Đắc đến chỗ rốt ráo thành Phật, lúc bấy giờ mới gọi là rốt ráo như thị. Rốt ráo như vậy. **Như thị rốt ráo**.

Lược tóm đoạn giảng luận mười như vậy: Mỗi pháp như vậy có ý nghĩa riêng của pháp ấy. Nhưng rời ra từng pháp không có giá trị. Pháp này phải quyện pháp kia. Tướng tính thể lực ... phải quyện với nhau, vì các pháp vốn đồng một pháp. Khi đạt đến tột cùng thì các danh từ tướng tính ... nhân duyên quả báo ... cũng không còn nữa.

Kinh Pháp Hoa nhấn mạnh mười pháp như vậy để làm then chốt khởi xác quyết niềm tin. Nhất định phải tin thực tướng của các pháp là pháp không tướng không tánh ... là như vậy. Là rốt ráo thành Phật. Chẳng những riêng kinh Pháp Hoa mới nhấn mạnh như thị pháp, mà tất cả các bộ kinh đều mở đầu bằng hai chữ Như thị. Tức là như vậy. Nếu ai tin lời Đức Phật thuyết ghi lại nơi kinh là chơn thật,

là như vậy đó thì đọc tiếp toàn kinh, không tin thì thôi, đừng đọc! Như vậy “**Ta**” nghe, chứ không phải “**Tôi**” nghe như vậy.

Toàn bộ kinh Pháp Hoa Bồ tát hiểu cả, nhưng pháp không tướng Bồ tát vẫn chưa tri, vẫn chưa chứng đắc đó là pháp không tướng.

Mười như vậy nhấn mạnh về pháp không tướng, chính văn có mấy câu – Giảng luận có mấy trang, hơn nữa chúng ta lại là phàm nhân, vậy làm sao dễ liễu ngộ. Rất khó đắc pháp không tướng. Phải thẩm sâu, phải đọc đoạn này hàng trăm, hàng ngàn lần và hiểu và biết và trí và tri và chứng và đắc đoạn này, hầu mới dễ liễu ngộ nhiều đoạn kinh. Tu luyện chứng đắc các pháp vốn chơn không.

Chánh văn

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

**3 - Đấng Thế Hùng khó lường
 Các trời cùng người đời
 Tất cả loài chúng sanh
 Không ai hiểu được Phật
 Phật lực chẳng sợ gì
 Giải thoát các tam muội
 Và pháp khác của Phật
 Không ai so lường được
 Vốn từ vô số Phật**

Đầy đủ tu các đạo
 Pháp nhiệm mầu rất sâu
 Khó thấy khó rõ được
 Trong vô lượng ức kiếp
 Tu các đạo đó rồi
 Đạo tràng đặng chứng quả
 Ta đều đã thấy biết
 Quả báo lớn như vậy
 Các món tánh tướng nghĩa
 Ta cùng mười phương Phật
 Mới biết được việc đó

4 - Pháp đó không chỉ được
 Vắng bật tướng nói năng
 Các loài chúng sanh khác
 Không có ai hiểu đặng
 Trừ các chúng Bồ tát
 Kể sức tin bền vững
 Các hàng đệ tử Phật*
 Từng cúng dường các Phật
 Tất cả lậu đã dứt
 Trụ thân sau rốt này
 Các hạng người như vậy
 Mà sức cũng không kham
 Giả sử đầy thế gian

* Đại Bồ tát

Đều như Xá Lợi Phất
 Cùng suy, chung so lường
 Chẳng đo được Phật trí
 Trú khắp mười phương giới
 Đều như Xá Lợi Phất
 Và các đệ tử khác
 Cũng đầy mười phương cõi
 Cùng suy chung so lường
 Cũng lại chẳng biết được
 Bực Duyên giác trí lanh
 Vô lậu thân sau rốt
 Cũng đầy mười phương cõi
 Số đông như tre rừng
 Nhóm này chung một lòng
 Trong vô lượng ức kiếp
 Muốn xét thật trí Phật
 Chẳng biết được chút phần
 Bồ tát mới phát tâm
 Cúng dường vô số Phật
 Rõ thấu các nghĩa thú
 Lại hay khéo nói pháp
 Như lúa, mè, tre, sậy
 Đông đầy mười phương cõi
 Một lòng dụng trí mâu
 Trải hàng sa số kiếp
 Thấy đều chung suy lường
 Chẳng biết được trí Phật

Hàng bát thối Bồ tát
Số đông như Hằng sa
Một lòng chung suy cầu
Cũng lại chẳng hiểu được.

Giảng luận

Đoạn kệ này Đức Phật nhấn mạnh về nghĩa thực tướng của các pháp. Hiểu thực tướng các pháp thì hàng Thánh Tăng có thể hiểu, nhưng biết rõ thực tướng của các pháp thì hàng Bồ tát mới biết, chứ những vị sơ phát tâm Bồ tát cũng khó mà biết. Từ hiểu đến biết, từ biết đến chứng đắc, từ chứng đắc đến áp dụng, mỗi mỗi phải trải qua một thời kỳ tu luyện. Chỉ có Chư Phật mới dung và thông giữa Sự và Lý. Chỉ có Chư Phật mới vô quái ngại giữa Sự và Lý. Chỉ có Chư Phật mới hoàn toàn đầy đủ Phật trí. Khi còn tu luyện chứng đắc năm thức, tức là chứng đắc phần Sự. Tu luyện chứng đắc thức thứ sáu là Ý, thức thứ bảy là Mạc Na, thức thứ tám là A Lại Da và thức thứ chín (*tạm gọi là thức thứ chín*) là Yêm Ma La. Chẳng phải thức, lại càng chẳng phải trí. Tức là vô thức. Đắc được vô thức là chứng đắc phần Lý. Chúng sanh có Phật tánh mà thiếu Phật tướng, tức là chưa chứng đắc phần Sự tướng. Thánh Tăng và sơ phát tâm Bồ tát thì chứng đắc cả hai, nhưng vẫn còn phân biệt tướng riêng, tánh riêng, sự riêng, lý riêng. Khi nào chuyển thức sang trí, nhập trí và

chứng đắc Phật trí, ấy là lúc không còn tánh riêng, tướng riêng. Lúc ấy là lúc chứng đắc và áp dụng, dung thông thực tướng của hết thảy các pháp. Thực tướng các pháp đồng nghĩa với không tướng. Không tướng chẳng phải là ngoan không. Thực tướng bao gồm cả Sự lẫn Lý, cả tánh lẫn tướng, chẳng hề có sự phân biệt làm hai, chẳng hai cũng chẳng một. Cho nên mới có : **“Tướng thế gian hằng còn”**.

Vì vậy nên đoạn thơ kệ này Đức Phật mới nhắm vào Tôn Giả Xá Lợi Phất làm điển hình. Tôn Giả Xá Lợi Phất là vị trí tuệ đệ nhất, nhưng mà trí tuệ còn nằm ở thánh trí, chứ chưa đắc Phật trí, nên vẫn còn phân biệt tánh riêng, tướng riêng, còn phân biệt có tam thừa. Mà hễ còn phân biệt thì khó nhập Phật trí. Chưa nhập Phật trí thì chưa chứng đắc thực tướng của các pháp.

Chánh văn

5 - Lại bảo Xá Lợi Phất
 Pháp nhiệm mầu rất sâu
 Vô lậu khó nghĩ bàn
 Ta nay đã đặng đủ
 Chỉ Ta biết tướng đó
 Mười phương Phật cũng vậy
 Xá Lợi Phất phải biết
 Lời Phật nói không khác
 Với pháp Phật đã nói

Nên sanh sức tin lớn
Pháp của Phật lâu sau
Cũng nói chơn thật thôi
Bảo các chúng Thanh Văn
Cùng hàng cầu Duyên Giác
Ta khiến thoát buộc khổ
Đến chứng đặng Niết bàn
Phật dùng sức phương tiện
Dạy cho ba thừa giáo
Chúng sanh nơi nơi chấp
Dắt cho khiến ra khỏi.

Giảng luận

Chẳng những giới Tăng Ni Phật tử ngày nay, nghe pháp liền chấp pháp, mà chư Thánh Tăng, hàng Duyên Giác thuở Phật còn tại thế, khi nghe Phật dạy lời nào cũng chấp lời đó. Chỗ này mới là cái gút khúc mắc của việc tu học Phật. Nếu nghe không nhớ, không giữ, không tin thì lấy pháp nào để tu? Còn bảo rằng: “**Không tu mới gọi là tu, không chứng mới gọi là chứng**” thì chúng ta không có quyền nói câu này, mà phải nhường lại cho Bồ tát nói. Chấp tín giữ pháp mới có pháp để tu. Nhưng khi tu chứng đắc rồi nên xả. Cũng ví như học trò Tiểu học, xả chương trình Tiểu học để học Trung học, xả chương trình Trung học để học Đại học, Cao học, nghiên cứu Bác học. Chỉ xả thôi, chứ không

phải xả là vứt bỏ. Không phải lên Đại học rồi vứt bỏ hai mươi bốn chữ cái. Lên Đại học quên bằng không còn để ý đến bốn phép tính cộng trừ nhân chia. Khi trình độ chúng sanh còn thấp, Đức Phật thuyết ba thừa giáo: Thanh Văn, Duyên Giác và Phật thừa. Nhưng khi trình độ đại chúng đã đạt giáo pháp đến chỗ cao siêu thì Đức Phật lại thuyết Nhất thừa giáo, tức là tất cả chúng sanh, ai cũng có thể tu cầu thành Phật. Tu cầu thành Phật không phải hủy bỏ pháp Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên. Bằng chứng cụ thể là nơi kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật Thích Ca vẫn tổng lược lại pháp Tứ diệu đế, Thập nhị nhân duyên ... Đoạn thơ kệ ở phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa, Đức Phật nhấn mạnh là Ngài dụng phương tiện thuyết ba thừa giáo, khiến cho chúng sanh thoát khổ, chứng Thánh quả, chứng Niết bàn, Thanh Văn. Nhưng khi chứng Niết bàn Thanh Văn rồi thì nhiều vị lại cố chấp cho đó là cứu cánh tuyệt đối. Vì vậy nên khi Đức Phật thuyết Pháp Hoa, mới nhắc cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác rời khỏi sự chấp tam thừa, để nhập về Phật thừa. Vậy mà một số vị hành giả Pháp Hoa luôn luôn tuyên bố rằng: “Con phá chấp”. Thật sai lầm vô cùng, bởi vì chúng ta có ai đắc Thanh Văn, Duyên Giác đâu mà phá? Chúng ta còn đang thực hành, còn đang là hành giả, chưa là thức giả, chưa là trí giả thì làm gì sánh với các bậc siêu học Thánh

Tăng, mà bảo là mình phá chấp. Chưa có lấy gì phá ?

Chánh văn

◆ Ba lần thưa thỉnh

6 - Khi đó trong đại chúng có hàng Thanh Văn lậu tận A La Hán như nhóm Ngài A Nhã Kiều Trần Như ...*vân vân*... một nghìn hai trăm người và hạng người phát tâm Thanh Văn, Duyên Giác, Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di đều nghĩ rằng: Hôm nay Đức Phật cố chi lại ân cần ngợi khen pháp phương tiện mà nói lời này: “Pháp mà Phật chứng được rất sâu khó hiểu, những lời nói ra ý thú khó biết, tất cả hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác đều không thể nắm đến được”.

Đức Phật chỉ nói một nghĩa giải thoát, nếu chúng ta cũng chứng được pháp đó thì đến được Niết bàn, nhưng mà nay chẳng rõ đường hướng nghĩa đó.

7 - Lúc ấy, Ngài Xá Lợi Phất biết lòng của bốn chúng nghi ngờ, mà chính mình cũng chưa rõ, liền bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Như thế, duyên gì mà Phật ân cần ngợi khen pháp phương tiện thứ nhất, nhiệm mầu rất sâu khó hiểu của các Đức Phật?”

Con từ trước đến nay chưa từng nghe Phật nói điều đó, hôm nay bốn chúng thấy đều có lòng nghi. Cúi xin Đức Thế Tôn bày nói việc đó. Cớ gì mà Đức Thế Tôn ân cần khen ngợi pháp nhiệm mầu rất sâu khó hiểu?

Khi đó Ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói bằng kệ rằng:

8 - Đấng Huệ Nhứt Đại Thánh
 Lâu lắm nói pháp này
 Tự nói ra các thứ
 Lực, Vô úy, tam muội
 Thiền định và giải thoát
 Là pháp chẳng nghĩ bàn
 Pháp chứng nơi đạo tràng
 Không ai hỏi đến đặng
 Ý con khó lường đợc
 Mà cũng không hỏi đợc
 Không hỏi Phật tự nói
 Khen ngợi đạo mình làm
 Các Đức Phật chứng đặng
 Trí huệ rất nhiệm mầu
 Hàng vô lậu La Hán
 Cùng người cầu Niết bàn
 Nay đều sa lưới nghi
 Phật cớ chi nói thế ?
 Hạng người cầu Duyên Giác.

Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni
Các trời, rồng, quỷ, thần
Cùng với Càn thất bà
Nhìn nhau những đấn đo
Cúi trông đấng Túc Tôn
Việc đó là thế nào
Xin Phật thương dạy cho
Trong các chúng Thanh Văn
Phật nói con hạng nhứt
Nay con nơi trí mình
Nghĩ ngờ không rõ được
Đó là pháp tốt ráo
Hay là đạo Phật làm
Con từ miệng Phật sanh
Chấp tay cúi trông chờ
Xin ban tiếng nhiệm mầu
Nói cho lời như thật
Thả các trời, rồng, thần
Số đông như Hằng sa
Bồ tát cầu thành Phật
Số nhiều có tám muôn
Lại những muôn ức nước
Vua Chuyển Luân Vương đến
Đều lòng kính chấp tay
Muốn nghe đạo đầy đủ.

Giảng luận

Tôn Giả Xá Lợi Phất, một trong mười vị đệ tử lớn và là vị đệ nhất trí tuệ. Vậy mà khi nghe Đức Phật cho biết rằng hàng Thánh Tăng, hàng Duyên Giác, hàng sơ cơ phát tâm cầu Bồ tát, không thể nào liễu đạt nghĩa thực tướng của các pháp, chỉ có Phật cùng Phật mới thấu đạt trọn vẹn pháp này mà thôi thì tư tưởng của Ngài Xá Lợi Phất bị chao đảo, không hiểu thực tướng của các pháp là thế nào, nên trình thưa xin Đức Phật chỉ bày pháp thực tướng.

Vị Giáo sư Đại học kể cho học sinh Trung học nghe về công thức hình học siêu không gian, hàng học sinh này không tài nào lãnh hội.

Hàng Thánh Tăng, hàng Bích Chi Phật, kể cả tám vạn Bồ tát mà còn ngẩn ngơ khi nghe Đức Phật tả về pháp tu chứng của Chư Phật là chứng đắc đến “*thực tướng*” các pháp.

Nhưng nực cười thay lại có một số hành giả Pháp Hoa kinh, dám to gan võ ngực khoe khoang rằng: tôi đã chứng đắc thực tướng của các pháp! Tội lắm các người ơi! Không hiểu thì tội ít, nhưng không chứng mà tự tăng thượng mạn khoe đã chứng thì tội không biết dường nào. Tội lộng ngôn, tội lừa bịp kẻ khác đoạ đến đâu? Hiểu hoặc biết là khác, mà chứng đắc nhập vào thực dụng lại chẳng phải là chuyện đơn thuần. Chỉ có Chư Phật mới chứng đắc và thực dụng. Vì vậy nên kinh Pháp Hoa là bộ kinh dạy chúng sanh tu thành Bồ tát và dạy Bồ tát thành

Phật. Chúng ta chỉ phát tâm tu cầu thành Phật, mà chưa thành được thì chưa chứng đắc và chưa áp dụng thực tướng của các pháp vào cuộc sống hằng ngày.

Chánh văn

9 - Khi đó Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: Thôi thôi! Chẳng nên nói nữa. Nếu nói việc đó tất cả trong đời các trời và người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ.

Giảng luận

Pháp chưa đúng thời, chưa nên thuyết. Chúng ta tu học Pháp Hoa, nên nhập tâm đoạn kinh này. Việc chưa đúng lúc chưa nên làm, ý chưa chín chu toàn và chưa hợp duyên chưa nên nói. Dù cho có người cần cầu, cũng nhất quyết từ chối, như Đức Phật từ chối lời thỉnh cầu của Tôn Giả Xá Lợi Phất vậy.

Chánh văn

◆ **Tôn Giả Xá Lợi Phất thỉnh cầu lần thứ hai**

10 – Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Là vì sao vậy? Hội đây có vô số trăm nghìn muôn ức A Tăng Kỳ chúng sanh đã từng gặp các Đức Phật, các căn mạnh lớn, trí huệ sáng suốt, được nghe Phật dạy, chắc có thể kính tin”.

Lúc ấy, Ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa này liền nói kệ rằng:

Đấng Pháp vương vô thượng
Nói thôi xin đừng lo
Vô lượng chúng hội đây
Có người hay kính tin

Giải luận

Mặc dù Đức Phật không nhận lời thỉnh cầu truyền pháp, nhưng Tôn Giả Xá Lợi Phất vẫn nài nỉ thiết tha. Đọc đoạn kinh này, chúng ta mới thấy giá trị của việc chưa nhận lời và việc kiên trì thỉnh cầu của Tôn Giả Xá Lợi Phất. Nếu là chúng ta thì tiếp tục thỉnh cầu, hay nản chí bỏ cuộc ? Nản chí thì sao gọi là tu học kinh Pháp Hoa. Đây là chuyển Pháp Hoa vào đời, hay là bị Pháp Hoa chuyển.

Chánh văn

◆ Đức Phật vẫn từ chối

Đức Phật lại ngăn Xá Lợi Phất: “Nếu nói việc đó thì tất cả trong đời, trời, người, A tu la đều sẽ kinh nghi, Tỷ kheo tăng thượng mạn sẽ phải sa vào hầm lớn”. Khi đó Đức Phật nói lại bằng kệ rằng:

Thôi thôi chẳng nên nói
Pháp Ta diệu khó nghĩ
Những kẻ tăng thượng mạn
Nghe ắt không kính tin

Giảng luận

Tại sao trời thần người nghe pháp tối thượng lại kinh sợ nghi ngờ? Tại vì cõi thế gian này thường chấp ngôn ngữ, văn tự. Trước kia, khi trình độ đại chúng còn thấp, nên Đức Phật chia giáo pháp ba thừa. Nay, trình độ đại chúng đã liễu ngộ giáo pháp khá cao, nên Đức Phật thuyết nhất thừa. Trước kia, Đức Phật thuyết các pháp vốn vô thường, nay Đức Phật sẽ thuyết các pháp vốn hằng còn. Vì đột ngột như vậy, nên thế gian nghe sẽ có người hoang mang, hoặc nghi ngờ. Tại sao lại như thế? Bởi vì họ đang mắc bệnh cố chấp.

Chúng ta có nhiều người nghe pháp, cũng y như thế! Nghe thầy này nói, hoặc đọc sách này rồi, sau đó nghe thầy khác nói, hoặc đọc sách khác, gặp chỗ khác nhau liền đem đối chiếu, rồi bình phẩm chê bai thầy này, hủy báng sách kia. Nhất là một số vị Tỷ kheo tăng thượng mạn, lúc nào cũng thấy mình là trên và tuyệt vời hơn tất cả. Họ có biết đâu, chính họ đã tự đào hố chôn mình.

Chánh văn

◆ **Tôn Giả Xá Lợi Phất thỉnh cầu lần thứ ba**

Lúc ấy, Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Nay trong hội này, hạng người sánh bằng con có trăm nghìn muôn ức. Đời đời đã từng

theo Phật học hỏi, những người như thế, chắc hay kính tin lâu dài an ổn, nhiều điều lợi ích.

Khi đó Ngài Xá Lợi Phất, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đấng vô thượng lưỡng túc
 Xin nói pháp đệ nhất
 Con là trưởng tử Phật
 Xin thương rành rõ nói
 Vô lượng hội chúng đây
 Hay kính tin pháp này
 Phật đã từng đời đời
 Giáo hóa chúng như thế
 Đều một lòng chấp tay
 Muốn nghe lãnh lời Phật
 Chúng con nghìn hai trăm
 Cùng hạng khác cầu Phật
 Nguyện Phật vì chúng này
 Cúi xin phân biệt nói
 Chúng đây nghe pháp ấy
 Thời sanh lòng vui mừng

Giải luận

Tôn Giả Xá Lợi Phất phải ba lần thưa thỉnh Đức Phật truyền dạy pháp nhất thừa. Ngoài nghĩa chính của kinh văn thì còn nhiều ẩn nghĩa. Hành giả Pháp Hoa kinh, khi thực hành theo Pháp Hoa, có liễu được những ẩn nghĩa, những mật nghĩa của

kinh văn thì mới bưng vờ được Pháp Hoa, mới đưa Pháp Hoa nhập đời, như hoa sen rời bùn vậy.

Nhập vào dòng đời, nếu mình đóng vai chủ xưởng, liệu mình có đủ đức kiên nhẫn chờ đợi đủ ba lần được mời thỉnh như Khổng Minh hay không? Trái lại nếu mình đóng vai nhu cầu, liệu mình có đủ tánh kiên trì như Lưu Bị ba lần đi mời hay không? Nhà Tây Thục đã áp dụng đoạn kinh ba lần thưa thỉnh vào cuộc sống. Việc nhỏ nhất phạm vi gia đình, trong tục lệ gả cưới, Tổ tiên ta cũng áp dụng trùng với quy thức ba lần của kinh Pháp Hoa. Quy thức ba lần là cách thực nghiệm về tánh nhẫn nại. Nhập đời có bản lĩnh, mà thiếu nhẫn nại, e khó thành công. Trên mọi địa hạt giao tế, dù có bản lĩnh giỏi, nhưng nhẫn nại dở thì nhất định sẽ thất bại. Quy tắc ba lần áp dụng cho cả hai chiều, bên cung cũng như bên cầu.

Riêng phần đạo học, ba lần từ chối và ba lần thỉnh cầu là phương pháp dẫn cách nghe nhập chánh niệm. Lần thứ nhất giúp Tiền ngũ căn. Lần thứ hai đệ lục ý thức. Lần thứ ba đệ thất và đệ bát thức (*Mạc Na và A Lại Da*). Ba lần thỉnh và ba lần từ chối là sáu lần. Trải qua sáu lần thì đại chúng còn ai không chú ý nghe, không chú ý nhận.

Giải rõ thêm ba lần thưa thỉnh

Sự giao tế thành công nhờ nhẫn nại đợi chờ.

Kết quả của ba lần nghe:

- + Thứ nhất: Tiền ngũ căn (Mắt - tai - mũi - lưỡi - thân).
- + Thứ hai : Đệ lục ý thức.
- + Thứ ba : Tiềm thức (*Mạc Na và A Lại Da*)

Áp dụng đoạn kinh này vào đời sống, bằng cách làm việc gì cũng phải chờ cho hội đủ nguyên lý, lập đi lập lại ba lần. Đoạn kinh thưa thỉnh ba lần và từ chối ba lần, còn nhiều ẩn nghĩa, còn nhiều điểm Diệu.

Tâm nhập được một vài ẩn nghĩa của đoạn kinh này thì thân sẽ điềm đạm hơn và ý nhập được đoạn kinh này thì miệng sẽ đạt nhiều công đức hơn. Đọc suông kinh Pháp Hoa, chỉ có phước chứ chưa có công đức. Áp dụng kinh Pháp Hoa từng chữ, từng câu, từng đoạn, sẽ đạt công đức không thể nghĩ bàn. Vì vậy nên nghi thức khai kinh mới có câu: “Dù cho tạo tội hơn núi cả, chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng”. Vài ba hàng là áp dụng nghĩa kinh vài ba hàng, hoặc áp dụng ẩn nghĩa một đoạn kinh vào cuộc sống, chứ không phải đọc suông vài ba hàng, mà diệt trừ được tội lỗi to như núi cả!

Phần giảng luận phẩm Phương tiện còn tiếp hai bài (*bài năm và bài sáu*).

III - TÓM KẾT

Chúng ta lưu ý những điểm chính của bài, vì bài này mới một phần ba phẩm Phương Tiện.

* **Tên đề phẩm kinh** : Phương là phương cách chính xác. Tiện là tiện lợi. Uyển chuyển cho phù hợp và tiện lợi, nhưng không mất phương cách chính xác.

* **Đức Phật xả định và phân tích** : Vào phẩm này, Đức Phật mới khởi sự thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Còn phẩm Tựa thứ nhất, tuy rất quan trọng, nhưng mà do Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Di Lặc giới thiệu. Phẩm Tựa như phần khai mạc. Phẩm Phương Tiện như phần vào nghị sự của phiên họp vậy.

Đức Phật phân tích gì ? Phân tích tất cả những giáo thuyết Đức Phật nói ở các thời trước là “**quyền**”. Từ kinh Đại thừa về sau, thông suốt ba thừa, thành một Phật thừa, từ đây mới là “**thực**”.

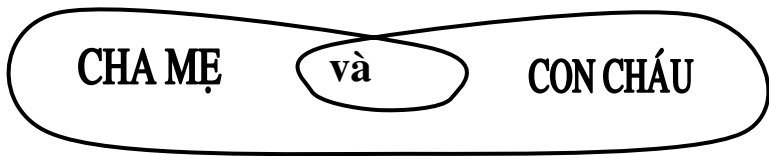
Thực là gì ? Thực có nghĩa là thực tướng các pháp. Thực tướng tức đồng không tướng. Từ các hàng Bích Chi Phật, Thánh Tăng, trời thần người quỷ rồng, tất cả không ai có thể thống suốt nghĩa thực tướng của các pháp. Chỉ có Chư Phật, mới thống suốt thực tướng các pháp.

Ý nghĩa của đoạn kinh này thì nhiều vấn đề, nhưng nếu chúng ta liễu nghĩa được bốn nét quan trọng: ❶ Thân cận ❷ Thực hành ❸ Mười như vậy

④ Ba lần thưa thỉnh là chúng ta đã dễ nắm lấy phần then chốt của đoạn kinh.

1/. **Thân cận:** (*Dùng đơn vị gia đình ví dụ để dễ hiểu*)

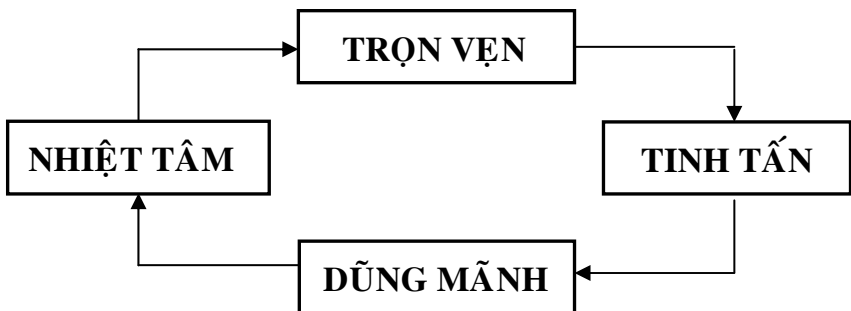
Thân cận và Mật thiết giữa cha mẹ và con cháu như hình vẽ dưới đây thì sẽ hiểu sự thân cận nơi nghĩa kinh:



Đoạn kinh này, nhiều nơi hiểu lầm giữa hai chữ thân cận và gần gũi. Thân cận không có nghĩa là gần gũi. Khi vào phẩm An Lạc Hạnh sẽ giảng giải rộng phần này.

2/. **Thực hành** (*Cuộc sống hằng ngày, muốn thực hành bất cứ một việc gì, sự thực hành cũng cần phải đủ bốn tiêu chuẩn*).

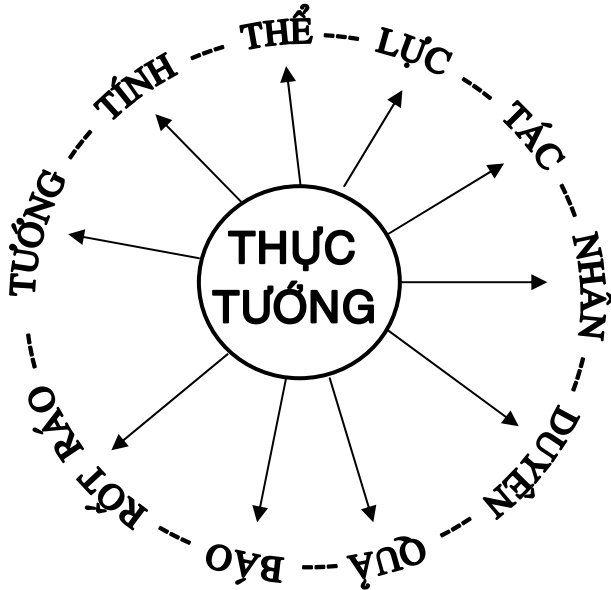
Trọn vẹn + Tinh tấn + Dững mãnh + Nhiệt tâm



Trong bốn tiêu chuẩn này lại còn đòi hỏi đầy đủ bốn dữ kiện:

Thành tín + Khả năng + Đồng chí hướng + Nhiệt tình

3/. Mười như vậy

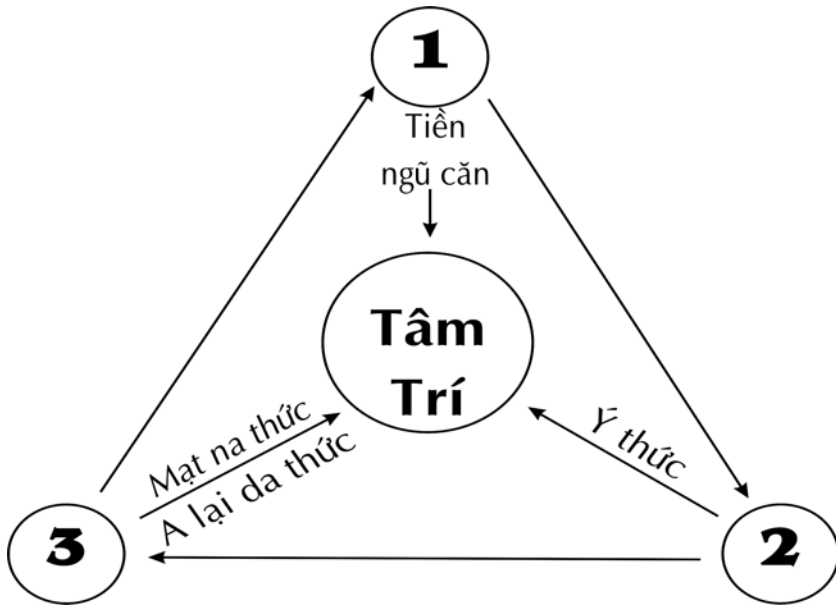


Quan trọng của phẩm Phương Tiện là mười như vậy. Liễu nghĩa được mười như vậy là liễu nghĩa được phần quan trọng của phẩm Phương Tiện.

4/. Ba lần thưa thỉnh :

Ba lần thưa thỉnh đóng vai trò quan trọng cho mọi địa hạt thành tựu. Thiếu ba lần thưa thỉnh và ba lần đợi chờ sự thưa thỉnh là hoàn toàn thiếu sót

những yếu điểm thành tựu về mọi mặt đạo cũng như đời, nhất là việc tu luyện về tâm trí.



Tóm tắt bốn nét quan trọng của đoạn kinh:

* Thứ nhất: Nhấn mạnh chỗ thân cận, mà là thân cận mật thiết.

* Thứ nhì: Nhấn mạnh chỗ thực hành, mà là thực hành trọn vẹn, dững mãnh, nhiệt tâm và tinh tấn.

* Thứ ba: Nhấn mạnh chỗ Mười như vậy (*thập như thị pháp*), mà là như vậy của tướng chơn thật.

Như vậy của thực tướng, chứ không phải của giả tướng. Toàn bộ Tướng + Tánh + Thể + Lực + Tác + Nhân + Duyên + Quả + Báo và Rốt ráo đều là thực tướng. Nắm vững một pháp thì thông suốt các pháp. Thông suốt một như thị thì thông suốt cả mười như thị. Hiểu được tướng của bông sen thì hiểu được tính của bông sen. Tướng bông sen thường trụ như thế nào thì tánh bông sen cũng thường trụ như thế ấy.

* Thứ tư: Nhấn mạnh chỗ ba lần thưa thỉnh và chờ đủ ba lần thưa thỉnh mới nhận lời. Tại sao như thế? Tại vì con người vốn dễ nhớ, nhưng lại mau quên. Phàm làm việc gì dù quan trọng, hay là bình thường, cũng phải trải qua ba lần. Lần thứ nhất tác dụng tiền ngũ thức. Lần thứ nhì tác dụng đệ lục ý thức. Lần thứ ba tác dụng đệ thất và đệ bát thức, tức là Mạc Na và A Lại Da thức (*tiềm thức*).

Đa phần chốn nhân gian thường áp dụng theo phương cách đi xin việc của Ngài Khổng Tử. Ngài Thánh này trong 14 năm xin việc tại các nước chư hầu, như Tề, Tào, Tống, Trần, Thái, Khuông, Diệp, Sở, chứ ít người áp dụng chờ đủ ba lần được mời như Ngài Khổng Minh, và lại càng rất ít người chịu áp dụng theo Đức Phật Thích Ca, chờ ba lần nhập Diệu.

Đọc tụng phẩm Phương Tiện, khi qua đoạn này, nhiều người lướt qua, vì nghĩ rằng đoạn kinh không có liên quan với cuộc sống của mình hằng ngày.

Nếu ai đọc tụng kinh như vậy là sai nguyên lý. Tư duy sâu sắc và hãy áp dụng vào nếp sống hằng ngày về quy pháp ba lần này, xem sự hiệu nghiệm và sự thành công đạt đến mức nào. Lúc bấy giờ mới hiểu sự mầu nhiệm.

Khi nào bạn đem bốn nét chính đoạn này áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, áp dụng đến khi đạt kết quả mỹ mãn, lúc ấy xin bạn nhớ phổ truyền sâu rộng và hồi hướng khắp pháp giới chúng sanh, cùng được công đức như bạn.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, Hộ pháp hộ trì cho nhân loại sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập vào đại vũ trụ, thơm ngát hương sen vi diệu. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến khắp các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả cùng là Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

5

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 5

PHẨM PHƯƠNG TIỆN - Thứ hai
(tiếp theo)

- Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn
- Năm ngàn người bỏ pháp hội ra đi
- Đức Phật hoan hỷ
- Đức Phật chính thức chuyển Nhất thừa pháp để giáo hóa Bồ Tát

I - MỞ ĐẦU

Phần đầu phẩm Phương Tiện, Đức Phật dạy chúng ta khi nhận thức đời, nên nhận thức đến chỗ thực tướng, bởi vì pháp nào cũng hoàn nguyên về

thực tướng của nó. Mỗi pháp dù có chia thành nhiều khía cạnh khác nhau: tướng khác với tánh, thể khác với lực ... *vân vân*... Nhưng vốn nó đồng một thực tướng. Vì vậy khi nhận chân được thực tướng của mỗi pháp thì tướng, tánh, thể, lực, ... mà ta đang trực diện hằng ngày, nó cũng chỉ là giả tướng mà thôi. Việc quan trọng tiếp theo là khi rõ nó đều là giả tướng thì mình phải dẫn phần giả tướng này thẩm nhập sâu vào thức, vào trí của mình cho trọn vẹn. Khi đã thẩm nhập tròn đầy rồi thì cần phải thực hành. Khi thực hành cần phải **trọn vẹn**, phải **tinh tấn**, phải **dũng mãnh**, phải **nhật tâm**. Nhờ thực hành đủ bốn yếu tố quan trọng này mà hành giả Pháp Hoa mới liễu thông được mười Như thị pháp. Cả mười mặt, khía cạnh nào cũng đạt đến chỗ “**Như thị pháp**” cả !

Hôm nay, phần tiếp theo phẩm Phương Tiện, bài này Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn. Khi sắp mưa lớn thì trời đất chuyển động trước, sau đó nước mới tuôn trút. Khi chưa mưa thì có người mong mưa, nhưng khi sắp mưa thì lại bỏ cuộc chạy trốn mưa. Pháp lớn của Đức Phật cũng vậy.

Đoạn kinh này giúp chúng ta mở trí đi vào đời một cách thung dung hơn. Đây là dành cho những ai liễu thông phần mật nghĩa.

Điểm quan trọng của đoạn kinh này, là tại hội Linh Sơn lúc sắp thuyết kinh Pháp Hoa, mà năm

ngàn thính chúng lại rời bỏ ra đi, vậy mà Đức Phật lại hoan hỷ. Ngài lại còn công bố rằng: Trấu lép đã ra khỏi, Đạo tràng còn toàn hạt chắc!

Kể từ đoạn này, Đức Phật bắt đầu thuyết kinh Pháp Hoa, bộ kinh lớn nhất của đạo Phật, bộ kinh dạy chúng sanh hiện đời thành Bồ tát và thành Phật, dạy Bồ tát thành Phật.

II.- NỘI DUNG

Chánh văn

1/. Đức Phật nhận lời chuyển pháp lớn

13 - Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh, há đâu ta chẳng nói. Ông nay lắng nghe, khéo suy nghĩ nhớ đó, Ta sẽ vì ông rành rõ giải nói.

Giảng luận

Khi đầy đủ nhân duyên, Đức Phật nhận lời thuyết giảng pháp lớn. Nhưng nhận lời với bốn điều kiện tiên quyết:

- Thính chúng phải lắng nghe.
- Thính chúng phải khéo tư duy.
- Thính chúng phải rõ.
- Thính chúng phải nhớ

Bất cứ một buổi thuyết giảng nào, mà thiếu bốn yếu tố này thì xem như không có thời thuyết giảng.

Chánh văn

2/. Năm ngàn thánh chúng bỏ pháp hội ra đi

14 – Khi Đức Phật vừa nói lời đó, trong hội có các Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, cả thầy năm nghìn người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật mà lui khỏi. Vì sao vậy? Vì bọn người này gốc tội sâu nặng, lại tăng thượng mạn, chưa đắc mà nói đã đắc, chưa chứng mà cho đã chứng, có lỗi dường ấy, cho nên họ không ở lại, Đức Thế Tôn cũng để mặc kệ họ không ngăn cản.

Giảng luận

Khi Đức Phật còn tại thế, mà vẫn có trường hợp, năm ngàn vị học trò bỏ pháp hội ra đi. Ngày nay, hàng học trò bỏ chùa, bỏ thầy ra đi, âu cũng là việc dĩ nhiên mà thôi! Tại sao? Tại nghiệp chướng của họ sâu nặng. Tại túi tham không đáy. Tại tánh cao ngạo ngập tràn. Điều quan trọng không phải ở chỗ số lượng nhiều hay ít, nếu có người nghe không nhận nổi ra đi càng tốt, bởi vì đã lọc những hạt giống lép, giống hư ra khỏi hàng ngũ! Sở dĩ kinh Pháp Hoa ngày nay được lưu truyền sâu rộng là nhờ thuở đó năm ngàn người đã bỏ pháp hội ra đi và bây giờ cũng còn nhiều ngàn người không còn ở lại Đạo tràng. Lưu ý là không phải cố ý lọc, mà là tự nhiên lọc thì Đạo tràng mới thực sự thuần khiết.

Chánh văn

15 – Bấy giờ, Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Trong hội ta đây giờ không còn nhành lá, mà rặt là hạt chắc. Xá Lợi Phất! Những kẻ tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt thôi. Ông nay nên khéo nghe, Ta sẽ vì ông mà nói.

Ngài Xá Lợi Phất bạch rằng: “Vâng! Thưa Thế Tôn, con nguyện muốn nghe”.

Giảng luận

Từ thuở quá khứ Chư Phật, đến thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi mãi mãi đến bây giờ và dẫn đến ngàn sau, lúc nào cũng vậy. Đạo Phật, đạo Tiên, hoặc bất cứ đạo nào cũng đều thế cả. Đa phần khi người học trò mới đến cầu đạo thì ngoan ngoãn rất dễ thương, nhưng khi vừa học được chút ít thì đã nứt mầm phản thầy, nghĩ rằng mình giỏi hơn sư phụ, đó là chưa nói vi phạm nhiều sai quấy bị tôn sư rầy la quở trách thì hờn giận. Hoặc hạng người tham sân si, nên khi còn đang ở với thầy, đang được thầy bảo bọc dưỡng nuôi, nhưng họ cũng chẳng vừa lòng, họ đang âm thầm nuôi dưỡng mầm mống phản thầy, lừa bạn, dối gạt tín thí đàn na, khi đủ cơ hội thì lập tức trốn, hoặc công khai bỏ đi. Ngoài nhóm xuất gia thì hàng ngũ tại gia, lại cũng còn nhiều người tác tệ, muốn mình được nổi bật hơn đồng bạn, nên sẵn sàng chờ đợi ngoài cổng chùa, để đón rước những gả phản thầy về lập cơ ngơi phụng dưỡng riêng để

hôm sớm hầu hạ, gọi là cúng dường, nhưng than ôi, chính họ là những người phá đạo, bởi vì chính họ mới là những kẻ phá hòa hợp Tăng: “**Tăng xa chúng Tăng tàn**”.

Ngày xưa, Đức Phật là đấng toàn năng toàn giác, Ngài chẳng sử dụng phương pháp ngăn trừ nhóm người lòng dạ xấu xa, đê tiện ấy, mà Ngài chỉ dạy một câu: “Rất tốt, thành phần nhành lá đã rơi, Đạo tràng hiện còn người đầy đủ nhân duyên, những kẻ ngạo mạn đã rời khỏi”.

Chúng tôi tụng đọc đến đoạn kinh này rơi nước mắt, thương Đức Phật vô cùng. Một đấng giáo chủ, thần thông quảng đại, cũng chỉ buông xuôi một câu nhẹ nhàng thế thôi! Gãm thân phận mình cùng các Ngài đại ân sư, đã từng mở tâm từ dưỡng nuôi học trò. Đúng là “Họa hổ họa bì, nan họa cốt”.

Nhưng tà phản bội ra đi còn hơn những kẻ làm ký sinh trùng, ẩn lại nơi tông môn, chờ thầy chết để bán chùa, bán Phật, bán kinh, kể cả bán lương tâm con người. Họ đã làm hoen ố đạo Phật. Nhưng bàn lui rồi cũng phải nói tới, rằng trong hàng đệ tử vẫn còn biết bao người trung thành. Nếu thuở đó không còn những hạt chắc thì giờ này làm gì còn đạo Phật!

Chúng tôi lại buồn nhiều hơn khi tụng câu: “**Xá Lợi Phất! Như thị tăng thượng mạn nhưn thối**

diệc giai hỷ. Nhữ kim thiện thính, đương vị nhữ thuyết”.

Tức là Đức Phật khuyên chúng con rằng kẻ tăng thượng mạn đã rút lui rồi, các con hãy “**khéo**” lắng nghe. Đức Như Lai sẽ vì các con mà tuyên thuyết pháp lớn. Ôi sao mà cao cả! Ôi sao mà từ ái! Đức Thế Tôn ôi! Lúc nào chúng con cũng được cảm nhận Đức Thế Tôn đã thiên bá ức hóa thân, đứng cạnh chúng con, vò đầu chúng con, truyền trao cho chúng con niềm cao cả, sự từ ái và khuyên nhủ chúng con rằng các con chớ nên nản lòng, chú ý làm gì số phần tử cao ngạo, phản thầy lừa bạn, họ đã quên mất chính họ. Vẫn biết giáo dưỡng học trò như người nhà vườn săn sóc bông xoài, tuy số rụng thì nhiều, nhưng cũng không phải là chẳng còn quả nào tồn lưu nơi vườn cội. Giáo dưỡng học trò như trứng cá nở cả ngàn vạn cá con. Tuy rơi rớt tiêu hao quá nhiều, nhưng không phải cuối cùng chẳng còn con nào tồn tại để trở lại nguồn xưa.

Chánh văn

16 - Đức Phật bảo Tôn Giả Xá Lợi Phất:
 “Pháp mầu như thế, các Đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, như bông linh thoại đến đúng thời kỳ mới hiện ra. Xá Lợi Phất! Các ông nên tin lời của Phật nói, không hề hư vọng.

Giảng luận

Đoạn kinh này lại còn làm nổi bật ý nghĩa, trước khi Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa, Ngài lại còn nhấn mạnh một lần nữa, bằng cách đem hoa linh thoại, tức hoa Ưu Đàm Bát La, loài hoa mấy ngàn năm mới nở một lần: Khi nào có thánh nhân nhập đời thì hoa này mới nở. Việc thuyết kinh pháp đúng thời cũng như thế. Năm ngàn người rời khỏi hội thì hội Pháp Hoa mới đúng thời.

Đoạn kinh này giúp cho những ai mang hạnh nguyện nhập đời, độ mình và độ đời, những ai nhận sứ mệnh ân sư giáo dưỡng học trò sẽ không còn nản lòng, trái lại càng thêm nghị lực, hầu mạnh dạn lặn sâu vào dòng đời trong đục, nếm mùi vị đắng cay trở thành ngon ngọt.

Chánh văn

17 - Xá Lợi Phất! Các Đức Phật theo thời nghi nói pháp. Vì sao vậy? Ta dùng vô số phương tiện, các thứ như duyên, lời lẽ thí dụ, diễn nói các pháp.

Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu, chỉ có các Đức Phật mới biết được đó. Vì sao vậy? Các Đức Phật Thế Tôn, chỉ do một nhưn duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai mở tri kiến Phật để đặng thanh tịnh, mà hiện ra nơi đời; Vì muốn chỉ bày tri kiến Phật cho chúng

sinh, mà hiện ra nơi đời; Vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật, mà hiện ra nơi đời, Vì muốn cho chúng sanh chứng nhập vào tri kiến Phật, mà hiện ra nơi đời. Xá Lợi Phất! Đó là các Đức Phật do vì một nhơn duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Giảng luận

Những lời Như Lai sắp nói, không dư không thiếu, không sai trái, không xa rời lý chơn thật một mảy may. Nhưng vì áp dụng vô số cách phương tiện, để dễ độ cho nhiều trình độ chúng sanh chẳng giống nhau, nên sự diễn bày có hơi khác, thế thôi! Cho nên các vị không thể tư duy, hoặc phân tách mà liễu tri. Chỉ có Như Lai và chư Phật mới chứng đắc trọn vẹn.

Chủ đích của Đức Phật và chư Phật, thể hiện nơi thế gian, cũng chỉ có một mục đích duy nhất, đó là “**Vì một đại sự nhân duyên**”. Vậy đại sự nhân duyên gì? Đại sự nhân duyên của Đức Phật Thích Ca Như Lai và chư Phật là:

- + **Dạy bảo** chúng sanh **mở khai** tri kiến Phật.
- + **Chỉ bày** chúng sanh **thấy** tri kiến Phật.
- + **Khiến cho** chúng sanh **tỏ ngộ** tri kiến Phật
- + **Hướng dẫn** chúng sanh **chứng nhập** tri kiến Phật

Tức là, Như Lai và chư Phật vì một đại sự nhân duyên khai thị ngộ nhập cho mỗi mỗi chúng sanh, ai ai cũng đều khai mở, thấy rõ, tỏ ngộ, chứng nhập vào tri kiến Phật vốn đã có sẵn của chính mình, hầu sớm chứng đắc quả vị Phật. Vì mục đích duy nhất đó, nên Như Lai và chư Phật, xuất hiện vào nơi thế gian này.

Phân tích ý nghĩa đoạn này có sáu nét chính

- ❶ Thính chúng thuần nhất.
- ❷ Đem hoa ưu đàm so sánh với thời cơ nói pháp.
- ❸ Đúng thời, đúng lúc mới nói.
- ❹ Xác quyết những lời Như Lai sắp tuyên thuyết: không dư, không thiếu, không sai trái, không xa rời pháp chơn thật, dù là một mảy may.
- ❺ Chủ đích là phổ truyền một đại sự nhân duyên.
- ❻ Đại sự giáo hóa này, được chia bốn đoạn: khai mở, chỉ bảo, khiến cho và hướng dẫn.

Chúng sanh **khai mở** hầu **thấy biết** để **gặp lại** và **hòa nhập** vào tánh Phật của chính mình.

Tại sao chia làm bốn bước khai thị ngộ nhập? Tại vì , ví như một ngôi nhà, chủ nhà phải mở cửa, vào nhà mới thấy trong nhà có vật báu. Khi thấy được bảo vật trong ngôi nhà rồi, lúc bấy giờ mới hiểu chính ngôi nhà mình có của quý báu, rồi mới

sử dụng của báu. Từ đó người chủ nhà không còn đói rách, phiền não, khóc than, đau khổ nữa.

Đức Phật và chư Phật, trước kia khi còn làm chúng sanh như chúng ta, các Ngài cũng tối tăm, đâu hiểu chính mình có sẵn tánh Phật. Nhờ chư Phật quá khứ, khai mở cho thấy rõ tánh Phật và chỉ dạy, hướng dẫn cho ngộ nhập tánh Phật sẵn có và từ đó dần dần tu luyện thành Phật. Khi các Ngài thành Phật rồi, thấy chúng sanh mê tối như các Ngài thuở xưa, nên các Ngài mới thị hiện vào thế gian, để khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến. Lúc đầu chư Phật dùng phương tiện, khai mở tâm trí chúng sanh, để cho chúng sanh, mọi người, mọi loài, ai ai cũng tự thấy rõ chính mình đã có sẵn tánh Phật như chư Phật.

Khi thấy rõ rồi thì liền được gặp lại và sau đó hòa nhập tánh Phật hằng hữu đó. Lúc ấy mới thấy rõ ràng, thế giới này là một cõi tịch lặng, bình an, không hề có sự khổ đau. Tướng như vậy thì tánh như vậy. Tánh cũng tịch lặng. Tánh tướng thường tịch lặng. Tất cả đều thường tịch lặng. Khi nào hóa nhập được cái “Tiểu cá vị” vào đại bản ngã và nhập vào chơn ngã tịch lặng, tức là đã ngộ nhập Phật tri kiến. Từ đó mới tinh tấn tu luyện cho đến khi đắc quả thành Phật. Ai ai, người nào, loài nào cũng đều được như vậy.

Điều quan trọng nhất là phải tin nghe lời Đức Phật **khai**, tức là phải mở khai tánh Phật sẵn có của chính mình và mọi kẻ khác cũng giống mình. Tự tin ai ai cũng khai mở được Phật tánh. Rồi từ đó **thị ngộ nhập tri kiến** Phật, để rồi sẽ chứng đắc quả vị Phật.

Chánh văn

18 - Đức Phật bảo Xá Lợi Phất: “Các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát, những điều làm ra thường vì một việc: chỉ đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh tỏ ngộ thôi”.

Xá Lợi Phất! Đức Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp, không có các thừa khác, chẳng hai hoặc ba thừa.

Giảng luận

Tụng đọc đoạn kinh này, nếu không bình tâm, đọc đi đọc lại nhiều lần, rồi tư duy để thấu hiểu thì hành giả kinh Pháp Hoa sẽ ngỡ rằng tại sao Đức Phật nhấn mạnh là kinh Pháp Hoa chỉ nhằm giáo hóa cho hàng Bồ tát, còn chúng ta thì sao đây? Hãy bình tâm phân tích đoạn kinh làm hai câu. Câu đầu: “*Chư Phật chỉ nhằm giáo hóa hàng Bồ tát*”. Câu tiếp theo: “*Tất cả việc làm của Như Lai và chư Phật là để khai mở cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật, chứ không hề có thừa nào khác, chẳng hề có hai hoặc ba thừa*” (Âm Nho: *Chư Phật Như Lai đản*

giáo hóa Bồ tát. Chư hữu sở tác thường vị nhất sự, dung dĩ Phật chi tri kiến thị ngộ chúng sanh).

Nghĩa là chư Phật chỉ dùng một Phật thừa giáo hóa chúng sanh, tỏ ngộ tri kiến Phật. Mà khi tỏ ngộ tri kiến Phật thì vị đó đâu còn là chúng sanh nữa. Tối thiểu cũng là hàng sơ phát tâm Bồ tát. Khi nhập vào Bồ tát thì lúc đó Đức Thích Ca Như Lai, hoặc chư Phật chỉ nhắm mục đích duy nhất là giáo hóa hàng Bồ tát thành Phật.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là giáo hóa chúng sanh thành Bồ tát, thành Phật, riêng hàng Bồ tát thành Phật. Vì vậy nên ngoài tên Diệu Pháp Liên Hoa, lại còn thêm một tên nữa "***Pháp giáo Bồ tát, chư Phật đều hộ niệm***". Vì nguyên nhân này mà Đức Thích Ca Như Lai và chư Phật mới nhập đời.

Chánh văn

19 - Xá Lợi Phất! Pháp của tất cả các Đức Phật ở mười phương cũng như thế.

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật thuở quá khứ dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp. Vì pháp đó đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp, rốt cùng đều đặng chứng "Nhứt thiết chủng trí".

Xá Lợi Phất! Thuở vị lai, các Đức Phật sẽ ra đời cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ

thứ như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo Phật nghe pháp, rốt cùng đều đặng chứng “Nhứt thiết chủng trí”.

Xá Lợi Phất! Hiện nay đây, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức cõi Phật ở mười phương, các Đức Phật Thế Tôn làm nhiều điều lợi ích an vui cho chúng sanh. Các Đức Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ như duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp đó đều là một Phật thừa, các chúng sanh ấy theo Phật nghe pháp, rốt ráo đều đặng chứng “Nhứt thiết chủng trí”.

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật đó chỉ giáo hóa Bồ tát, vì muốn đem tri kiến Phật mà chỉ cho chúng sanh, vì muốn đem tri kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ, vì muốn làm cho chúng sanh chứng vào tri kiến Phật vậy.

Xá Lợi Phất! Nay Ta cũng lại như thế, rõ biết các chúng sanh có những điều ưa muốn, thâm tâm chấp trước, Ta tùy theo bốn tánh kia, dùng đủ thứ như duyên, lời lẽ thí dụ cùng sức phương tiện mà vì đó nói pháp.

Xá Lợi Phất! Như thế đều vì để chứng đặng một Phật thừa “Nhứt thiết chủng trí”.

Giảng luận

Chư Phật nhập vào đời:

+ Cũng chỉ vì để giáo hóa chúng sanh **Khai** (mở): tri kiến Phật

+ Cũng chỉ vì để chỉ bày cho chúng sanh **Thị** (chỉ): tri kiến Phật

+ Cũng chỉ vì để khiến cho chúng sanh **Ngộ** (tỏ ngộ): tri kiến Phật

+ Cũng chỉ vì để hướng dẫn chúng sanh **Nhập** (nhập): tri kiến Phật

Khai thị ngộ nhập

Chúng sanh trải qua bốn giai đoạn khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, mới đắc quả vị Bồ Tát. Bồ tát thì từ Sơ địa đến Thập địa. Khi chứng đắc quả vị Bồ tát rồi lại tiếp tục được sự giáo hóa của Đức Phật Thích Ca, hoặc của chư Phật mà đắc thành quả vị Phật.

Đức Phật Thích Ca nói rõ thêm rằng: Thuở quá khứ, thuở vị lai (*sau này*) lẫn hiện nay, chư Phật ở khắp mười phương, kể cả Đức Phật Thích Ca, hết thấy chư Phật, ba đời đều vì chúng sanh mà dùng hết phương tiện, lời lẽ khéo léo mà thuyết ba thừa, nhưng rốt ráo chỉ có một Phật thừa thôi.

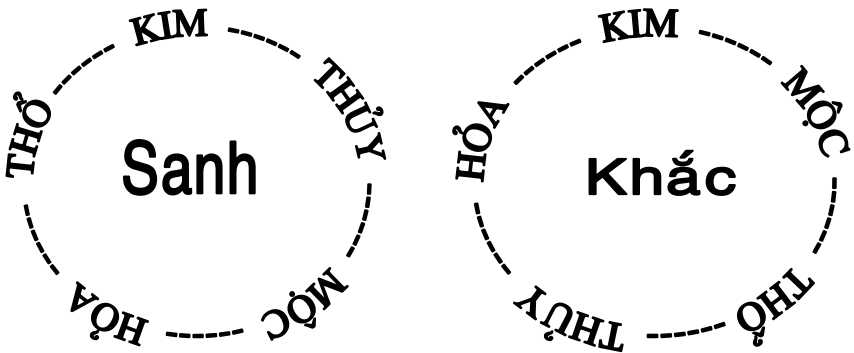
Đặc biệt, chư Phật mười phương ba đời, không phải vì khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho chúng sanh, mà cả chư Bồ tát cũng thuyết ba thừa, nhưng cũng chỉ một Phật thừa để rộng độ mà thôi.

Có người lại phân vân rằng, vậy thì kinh Pháp Hoa có liên quan gì với chúng ta đâu? Sao lại không có liên quan! Chư Phật dạy chúng sanh thành Bồ tát. Trong số chúng ta dù chưa thành Bồ tát, nhưng đang đi trên lộ trình để đến chứng đắc Bồ tát, hoặc phát nguyện tu hạnh Bồ tát. Nói cách khác để hiểu hơn, trong giới tu sĩ và cư sĩ thuộc bốn chúng đệ tử Đức Phật, có thể tạm chia bốn thành phần. Thành phần thứ nhất tu theo kiểu giải đãi, gặp ai cũng tin, ai nói sao theo vậy, chẳng mục đích, chẳng phương hướng, sự tu chẳng căn bản. Hạng thứ nhì là hạng lợi dụng đạo Phật để thụ hưởng phần vật chất, nói gọn hơn là hạng người mượn đạo tạo đời, hoặc ẩn vương nường Phật. Hạng thứ ba là hạng tu cầu chứng đắc, hoặc an vui cho riêng mình. Ai sống chết mặc ai, tìm chỗ yên ổn tĩnh tu một mình. Thành phần này Đức Phật bảo là chiếc xe nhỏ thuộc Thanh Văn thừa. Thành phần thứ tư và cũng thuộc thành phần cao thượng nhất của đạo Phật, đó là thành phần chỉ biết phục vụ mà chẳng hề nghĩ đến thụ hưởng. Thành phần này là thành phần ***“Lấy tâm thiên hạ làm nhà. Nụ cười như loại bài ca của mình”***. Thành phần này phát tâm Bồ đề rộng lớn, tức là trước nhất phát tâm tu cầu thành Phật, đồng thời phát tâm rộng độ chúng sanh. Đức Phật gọi thành phần này là hàng sơ phát tâm Bồ tát, hoặc hàng phát nguyện sống Bồ tát hạnh. Hiện nay trong

hàng đệ tử của Đức Phật, số sơ phát tâm Bồ tát, hoặc sống theo Bồ tát hạnh đông gấp đôi, gấp ba lần so với các thành phần tiêu cực kia.

Đức Phật Thích Ca lại nhấn mạnh rằng kinh Pháp Hoa giáo hóa cho chúng sanh hiểu rõ về thực tướng của các pháp. chúng sanh và Bồ tát chỉ hiểu, hoặc biết được thế nào là thực tướng của các pháp, chứ chưa chứng đắc thực tướng của các pháp.

Vậy thì thực tướng là gì? Là mười như thị pháp thảy đều như thực. Như thị tức là thực tướng. Tướng tánh thể lực đều như thị. Nói riêng về thể thì chẳng có cái nào làm chủ cho cái thể nào. Cũng ví như nguyên lý của ngũ hành tương sanh tương khắc vậy (*chẳng hành nào làm chủ hành nào*)



Thực tướng không phải học thuyết, lại càng không phải là chủ thuyết, nó lại không phải là gì cả. Con voi là con voi, chứ không giống cái quạt, không giống cái chổi, không giống cột nhà ... Thực tướng của các pháp không thể suy luận, bàn thảo, mà là

phải học và tu luyện. Chỉ có Phật mới chứng đắc thực tướng của các pháp. Hàng Bồ tát chỉ mới **biết** thôi, còn chúng ta ai tu luyện chơn chánh thì cũng chỉ ở tầm mức **hiểu** mà thôi.

Chánh văn

20 - Xá Lợi Phất! Trong cõi nước ở mười phương, hai thừa còn không có, hà huống có ba.

Xá Lợi Phất! Các Đức Phật hiện ra trong đời ác năm trước, đó là: kiếp trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiến trước, mạng trước. Như thế, Xá Lợi Phất nhằm lúc kiếp loạn trước, chúng sanh nhơ nặng, bốn xén, tham lam, ghét ganh, thành tựu các căn chẳng lành, cho nên các Đức Phật dùng sức phương tiện, nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba.

Giảng luận

Khắp các cõi, khắp mười phương, hai thừa Thanh Văn, Duyên Giác là Tiểu thừa cũng chẳng hề có chứ đừng nói là có ba thừa.

Tại sao Đức Thích Ca Như Lai và chư Phật phải chia ra ba thừa pháp? Tại vì trình độ căn cơ chúng sanh sai khác, không đồng đều, nên phải chia làm ba, chứ thực ra chỉ có một Phật thừa mà thôi.

Tụng đọc đoạn kinh này, chúng ta phải liễu nghĩa. Ba hay là một không có nghĩa khư khư chấp cứng. Cũng như Tiểu học, Trung học, Đại học, tuy

chia ba, nhưng kỳ thực đâu phải là ba. Vì dù Đại học cũng phải từ Tiểu học dần dần mới vào Đại học.

Tu học cũng vậy. Nếu bỏ kinh điển Tiểu thừa, bỏ kinh điển A Hàm, bỏ Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên, Tứ niệm xứ, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi ... Tức là bỏ các phương pháp cơ bản chín bộ kinh Tiểu thừa để nhảy tót vót lên các bộ kinh Kim Cang, Viên Giác, Đại Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Đại Niết Bàn, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm ... thì thật không gì sai lầm cho bằng. Trái lại chỉ chấp nhận các bộ kinh Tiểu thừa, không tiến lên tu học kinh Đại thừa thì lại càng sai lầm hơn. Trình độ Ngài Xá Lợi Phất đã chứng Thánh quả, nên Đức Phật mới dạy chuyển sang Nhất thừa pháp. Tu học Phật thừa, tức là Đại thừa.

Vậy Tiểu thừa, Đại thừa cũng chỉ một gốc mà ra. Tam thừa hay Nhất thừa, cũng chỉ từ một thừa pháp mà ra. Trong kinh Pháp Hoa dung chứa đầy đủ các kinh Tiểu thừa và Đại thừa, nhưng chỉ tóm lược, hoặc chỉ nhắc phớt qua thôi. Dù lên Đại học, người sinh viên vẫn không thể nào bỏ bốn phép tính cộng, trừ, nhân, chia và hai mươi bốn chữ cái khi học ở Tiểu học.

Ai học Phật mà còn phân chia Đại thừa, Tiểu thừa là sai lầm nghiêm trọng.

Chánh văn

21 - Xá Lợi Phất! Nếu đệ tử Ta tự cho mình là A La Hán cùng Duyên Giác, mà không nghe không biết việc của các Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ tát thì người ấy chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Duyên Giác.

Lại nữa Xá Lợi Phất! Các Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni tự cho mình đã đặng A La Hán, thân sau rốt sẽ rốt ráo Niết Bàn, bèn lại chẳng chí quyết cầu đạo Vô thượng chánh đẳng, chánh giác. Nên biết nhóm đó là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao vậy? Nếu có Tỷ kheo thiệt chứng quả A La Hán mà không tin pháp này thì quyết không có lẽ ấy, trừ phi sau khi Phật diệt độ và hiện tiền không Phật. Vì sao? Sau khi Phật diệt độ, những kinh như thế, người hay thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa rất khó có đặng, nếu gặp Đức Phật khác ở trong pháp này bèn đặng hiểu nó.

Xá Lợi Phất! Các ông nên một lòng tin hiểu thọ trì lời Phật dạy. Lời các Đức Phật Như Lai nói không hư vọng, không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi.

Giảng luận

Lại thêm một lần nữa Đức Phật Thích Ca Như Lai nhấn mạnh sự quan trọng về nhất thừa Phật

giáo. Càng quả quyết hơn, Đức Phật chẳng những phủ nhận hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, mà cả hàng A La Hán, hàng Duyên Giác, nếu ai tự thỏa mãn nơi hai quả vị Tiểu thừa, không chịu tham cầu tinh tấn tu luyện để chứng đắc Phật thừa thì vị đó đều không phải đệ tử của Như Lai.

Vậy trong hạng phàm phu, nếu có ai thường tuyên bố chỉ chấp nhận pháp Tiểu thừa, phủ nhận pháp Đại thừa, nhất là không nhận Phật thừa, không phát tâm Bồ đề, không cầu Bồ tát đạo thì những người này dù đang là Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, hay hàng A La Hán, Bích Chi Phật thì Đức Thế Tôn cũng đều phủ nhận vị đó chẳng phải đệ tử của Đức Thích Ca và của chư Phật khắp mười phương.

III.- TÓM KẾT

Mặc dù kinh Pháp Hoa chỉ có Phật và Phật mới thông suốt liễu tri, còn hàng thánh Thanh Văn và Bích Chi Phật cũng không thể thấu suốt toàn triệt. Hàng chúng sanh, hàng tứ chúng đệ tử Phật, kể cả Thanh Văn, Duyên Giác cũng không thể nào liễu tri Pháp Hoa kinh, nhưng Bồ tát thì có thể **biết**, hàng tứ chúng và chúng sanh thì có thể **hiểu** với điều kiện là phải tu luyện đúng pháp. Nếu chúng sanh và hàng tứ chúng không **hiểu** thì làm sao tu cầu nhất thừa. Còn hàng Bồ tát không **biết** thì làm sao tu cầu thành Phật.

Vậy trong kinh Pháp Hoa điểm nào thẩm sâu khó nhất? Xin thưa, thực tướng của các pháp. Thông suốt thực tướng là hiểu biết nhất thừa. Chúng ta và Thánh Tăng tuy chưa chứng đắc nhưng được “**hiểu**”, được “**biết**”. Nhưng muốn hiểu hoặc biết là phải nhuần nhuyễn phân khai thông nơi phẩm Phương Tiện. Nếu tu Pháp Hoa chưa hiểu, chưa biết phẩm Phương Tiện thì hai mươi sáu phẩm còn lại của bộ Pháp Hoa cũng khó mà liễu đạt ý nghĩa.

Tại sao phẩm Phương Tiện được đặt lên hàng quan trọng như vậy? Xin thưa! Dù là phẩm kinh khai mở pháp nhất thừa, nhưng hàm chứa nhiều ý nghĩa quá súc tích, các nét quan trọng mà các bộ kinh khác, kể cả các phẩm khác của kinh Pháp Hoa đều không có, hoặc quan trọng ở điểm khác. Ví dụ như: Năm ngàn đệ tử Đức Phật bỏ pháp hội ra đi. Đức Phật khen ngợi đây là dịp tốt vì trấu lép không còn. Thập như thị pháp. Pháp thế gian hằng còn. Nói chung, phẩm Phương Tiện còn rất nhiều nét mật nghĩa quan trọng như: Đức Phật xả định phân tích, ba lần thưa thỉnh, chờ qua ba lần thưa thỉnh Đức Phật mới nhận lời chuyển pháp lớn. Đức Phật chính thức chuyển pháp lớn để giáo hóa hàng Bồ tát. Đức Phật khẳng định chỉ có một Phật thừa, chứ không hề có thừa nào khác. Trùng tuyên phần thơ kệ. Phần thơ kệ phẩm Phương Tiện lại quan trọng hơn phần chính văn.

Vì tầm mức quan trọng nên Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa dành một bài học cho phần thơ kệ. Điều quan trọng hơn hết là giới tu học Pháp Hoa có quý trọng giáo pháp hay không? Có thị kính như thị Phật hay không? Nghĩa là có kính trọng kính, nhìn thấy kính như nhìn thấy Phật, gặp bài học Phật pháp như đã gặp được Đức Phật hay không? Nếu giới tu học Phật thành tâm kính trọng giáo pháp thì chắc chắn dù kính có khó đến đâu cũng vẫn dễ hiểu. Không ngại suối e sông ngăn cách mà chỉ sợ lòng người e suối ngại sông. Mỗi bài học nếu được giới tu học Phật đọc đi, đọc lại hằng trăm lần, mỗi câu mỗi chữ ẩn nghĩa đọc đi đọc lại hằng ngàn lần thì mới có thể liễu ngộ phần nào. Ngày nay người tu Pháp Hoa thường tu cầu phước, chứ ít người chuyên tu bưng tuệ, hoặc thống suốt kính văn. Rất mong giới hậu học đừng giẫm lên vết xe cũ, là y kính giải nghĩa, hoặc ly kính nhất tự, vì trường hợp trước oan Phật ba đời, còn trường hợp sau khác nào ma nói.

Tu học hiểu phẩm Phương Tiện, các phẩm khác sẽ dễ hiểu. Kính lạy ngôi Tam Bảo từ bi gia hộ cho chúng con thắm nhập kính tạng trí huệ như biển. Xin chư thiên, chư tiên, chư thần, nhất là tám bộ hộ pháp trời rồng quỷ thần quảng bá sâu rộng phẩm Phương Tiện. Giới tu huệ và giới tu phước, phát tâm in sao viết chép kính Pháp Hoa, nhất là phẩm Phương Tiện, đồng thời truyền rộng khắp năm châu.

Kính lạy bậc đại trí tuệ Tôn Giả Xá Lợi Phất, cùng chư hiền Thánh Tăng và chư hiện tiền Tăng gia lực hộ trì phẩm kinh này.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả cùng là Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.



Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

6

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 6

PHẨM PHƯƠNG TIỆN - Thứ hai

(tiếp theo)

- Pháp nào trụ trên pháp nào ?
- Tại sao tướng thế gian lại vĩnh hằng ?

I - MỞ ĐẦU

Thường thơ kệ dùng để lập lại và cũng để tóm gọn toàn phần kinh văn, phần nhiều ngắn hơn, gọn hơn. Nhưng thỉnh thoảng cũng có phẩm, phần thơ kệ lại làm nổi bật những điểm mà phần kinh văn chưa đề cập, như trường hợp phẩm Phương Tiện này. Đa phần giới tu học Phật khi gặp thơ kệ trùng tuyên lại phần kinh văn thì lướt qua, chứ không thẩm sâu. Tu học Phật như vậy có phần thiếu sót chăng? Nếu

phẩm Phương Tiện mà cũng lướt qua thì làm sao thấu hiểu “*Pháp nào trụ trên ngôi pháp nào và tại sao tướng của thế gian mà lại thường còn?*” Không thấu hiểu hai vấn đề mật nghĩa của phẩm kinh này thì làm sao thấu hiểu Thập như thị pháp. Mà Thập như thị pháp không hiểu thì tu học kinh Pháp Hoa là tu học chỗ nào? Tu học làm sao? Làm sao những mật nghĩa của kinh Pháp Hoa nhập tạng thức. Tạng thức không được tàng chứa những mật nghĩa của kinh điển thì vô thức lấy gì bùng khai? Không bùng khai Yêm Ma La thức thì trí từ đâu phát, tuệ từ đâu bùng? Tất cả các câu hỏi dồn dập trên, nếu hành giả Pháp Hoa kinh không giải tỏa được thì chúng ta tu học kinh Liên Hoa là tu học cái thứ gì? Đã gọi là một sinh viên Sử địa, hoặc khoa học nhân văn, mà không hiểu niên lịch của Hùng Vương kéo dài hai ngàn sáu trăm hai mươi hai năm và tại sao chỉ có mười tám vua Hùng mà niên lịch trị vì của thời đại Hùng Vương lâu như thế?

Việc tu học kinh Pháp Hoa cũng vậy, không hiểu Như Lai mà theo Như Lai là hủy báng Như Lai. Như Lai chứng đắc gì? Chứng đắc thực tướng của các pháp. Hàng đệ tử của Như Lai dĩ nhiên là không thể nào chứng đắc thực tướng các pháp được. Không chứng đắc, nhưng phải hiểu. Nếu không hiểu phải học và phải tu. Không chịu tu học thì làm sao

hiểu. Còn bảo tu học như thế nào thì không ở phạm vi của một bài Phật pháp.

Riêng về mặt dịch thuật “*phân thơ kệ*” phẩm Phương tiện, nhiều dịch giả dịch có sự khác nhau:

- Các bản dịch chữ Hán: Hán dịch toàn phẩm 3180 chữ
- Hòa thượng Trí Tịnh Việt dịch toàn phẩm 3180 chữ
- Hòa thượng Tuệ Hải Việt dịch toàn phẩm 3180 chữ
- Tổ đình Quán Thế Âm giảng dịch toàn phẩm 3.180 chữ
- Hòa thượng Trí Quang Việt dịch toàn phẩm 6390 chữ

Có dịch giả dịch theo thể năm chữ, vị khác lại dịch theo thể bốn chữ. Dịch theo thể nào, hoặc thêm hoặc bớt không quan trọng, chỉ quan trọng là không xa rời ý nghĩa của kinh văn và sáng nghĩa, nhất là hợp lý hợp tình, khiến người đọc, người tụng dễ hiểu. Còn phần người đọc người tụng thì không thể đọc hoặc tụng một vài lần, mà phải đọc ít nhất là hằng trăm lần, tụng hằng ngàn lần. Đoạn nào thích nhất thì trích đoạn đó, lập đi lập lại và nhấn mạnh từng câu, từng chữ như điệp khúc, lúc ấy mới bừng sáng ý kinh.

Phẩm Phương Tiện chia thành ba bài học, bài này là bài kết của phẩm Phương Tiện.

II - NỘI DUNG

Chánh văn

Khi ấy, Đức Phật Thích Ca Như Lai thuyết
thơ kệ trùng tuyên nghĩa kinh:

22 - Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni,
 Có bụng tăng thượng mạn.
 Ưu bà tắc ngã mạn,
 Ưu bà di chẳng tin,
 Hàng bốn chúng như thế
 Số lượng đến năm ngàn,
 Chẳng tự thấy lỗi mình,
 Nơi giới có thiếu sót,
 Bo bo tì vít mình,
 Trí nhỏ - đã lộ ra,
 Bọn cám tẩm trong chúng;
 Oai Đức Phật phải bỏ,
 Nhóm đó kém phước đức,
 Chẳng kham lãnh pháp này.
 Còn lại không cộng lá,
 Chỉ toàn hột chắc thôi.

Giải luận

Trong bốn chúng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni và nam
 nữ Phật tử, số lượng năm ngàn người, đang hiện
 diện nơi Đạo tràng, vừa nghe Đức Phật tuyên bố
 sắp thuyết *Nhất thừa*, tức là Phật thừa thì vội vàng
 rời chỗ ngồi đến lễ Phật và ra khỏi hội. Lý do rất
 đơn giản, đó là họ đã có tánh tăng thượng mạn, cao
 ngạo. Mới chứng đắc hoặc hiểu phần nào giáo pháp

ở nơi Thanh Văn thừa, hoặc Duyên Giác thừa, họ tự cho là đã chứng đắc và thông hiểu đến tuyệt đích rồi, nên không cần nghe thêm về Nhất thừa pháp nữa. Đoạn này Đức Phật lập lại phần kinh văn bằng phần thơ kệ và nhấn mạnh: Trong đại gia đình hội Pháp Hoa không còn hạng tám cám, mà chỉ còn thuần rất những hạt chắc, tức là hàng có chủng tử tốt. Những ai tâm hồn cá biệt vị kỷ thì không đủ sức thọ nhận pháp tối tôn, tối thượng. Khi sắp thuyết Phật thừa Đức Thế Tôn cần tăng uy đức nên đương nhiên phải loại bỏ hạng tám cám trong chúng để Đạo tràng chỉ còn lại loại lúa chắc hạt.

Chánh văn

**23 – Xá Lợi Phất khéo nghe,
 Pháp mà các Phật đắc,
 Vô lượng sức phương tiện,
 Mà vì chúng sanh nói.
 Tâm của chúng sanh nghĩ,
 Các món đạo đã làm,
 Bao nhiêu những tánh dục,
 Nghiệp lành dữ đời trước.
 Phật biết hết thế rồi,
 Dùng các duyên thí dụ,
 Lời lẽ sức phương tiện,
 Khiến tất cả vui mừng,
 Hoặc là nói Khế kinh (Tu Đa La)**

(Già đà) Cô khởi cùng Bốn sự,
 Bốn sanh, Vị tăng hữu,
 Cũng nói những Nhơn duyên,
 (A Bà Đà Na) Thí dụ và Trùng tụng (Kỳ đà)
 Cùng Ưu Bà Đề Xá.
 Căn độn ưa pháp nhỏ,
 Tham chấp nơi sanh tử,
 Nơi vô lượng Đức Phật.
 Chẳng tu đạo sâu mâu,
 Bị các khổ não loạn,
 Vì đó nói Niết bàn,
 Ta bày Phương tiện đó,
 Khiến được vào huệ Phật.
 Chưa từng nói các ông,
 Sẽ đặng thành Phật đạo,
 Sở dĩ chưa từng nói,
 Vì giờ nói chưa đến;
 Nay chính là đến giờ,
 Quyết định nói Đại thừa.

Giảng luận

Khi chứng đắc quả vị Phật, Đức Thế Tôn phải sử dụng vô số phương tiện vì chúng sanh mà thuyết giải sự lý chơn thật, hầu hóa độ muôn loài. Nhưng vì chúng sanh đắm chấp theo dục tánh thấp kém, đã chất chứa nhiều đời, nhiều kiếp. Đức Phật rõ hết tất cả quan niệm đạo hạnh nghiệp lành, nghiệp dữ của

chúng sanh trải qua và tồn đọng lâu đời, cho nên mới dùng hết mọi nhơn duyên, nhất là dùng vô số phương tiện hợp với chúng sanh, kể cả dùng những ví dụ để chúng sanh hiểu, hầu mới độ được họ. Hoặc thuyết chín bộ kinh thuộc Tiểu thừa cũng chỉ là phương tiện độ chúng sanh. Chín bộ kinh Tiểu thừa (*Hán Việt – Phạn âm*):

- ❶ Trường hàng - Tức là Tu Đa La kinh
- ❷ Trùng tụng - Tức là Kỳ Dạ kinh
- ❸ Cô khởi - Tức là Già Đà kinh
- ❹ Nhân duyên - Tức là Ni Đà Na kinh
- ❺ Thí dụ - Tức là A Ba Đà Na kinh
- ❻ Bốn sự - Tức là Y ĐỀ MỤC ĐÀ GIÀ

kinh

- ❼ Bốn sinh - Tức là Xà Đà Già kinh
- ❽ Vị tầng hữu - Tức là A Phù Đà Đạt Ma kinh
- ❾ Luận nghị - Tức là Ưu Bà ĐỀ XÁ kinh

Kệ tóm lược chín bộ kinh Tiểu thừa:

Trường hàng sang Trùng tụng

Cô khởi và Nhân duyên

Chuyển duyên tròn Thí dụ

Bốn sự và Bốn sanh

Tám thành Vị tầng hữu

Luận nghị mới kết thành

Giới tu học Phật trước khi vào học Diệu Pháp Liên Hoa và các bộ kinh Đại thừa cũng cần phải thông hiểu đại cương về chín bộ kinh Tiểu thừa này.

Kinh Phật có mười hai bộ, trừ chín bộ vừa nêu thì Đại thừa có riêng ba bộ:

- ① Thọ ký - Tức là Hòa Ca La Na kinh
- ② Tự thuyết - Tức là Ưu Đà Na kinh
- ③ Phương quảng - Tức là Tùy Đà Lược kinh

Suốt thời gian phương tiện thuyết chín bộ kinh, Đức Thích Ca Như Lai chưa hề dạy rằng các ông sẽ được thành Phật. Không phải Đức Phật thiên lệch, nhưng vì chưa đúng lúc, nhất là phải chờ đợi đủ nhân duyên. Vào hội thượng Pháp Hoa, nhân duyên đã chín mùi, tức là đúng thời cơ, hợp căn tánh thính chúng, những người tha thiết muốn tu cầu thành Phật theo phương pháp Nhất thừa.

Chánh văn

**24 - Chín bộ pháp của Ta,
Thuận theo chúng sinh nói,
Vào Đại thừa làm gốc,
Nên mới nói kinh này.
Có Phật tử tâm tịnh,
Uyển chuyển lại lành lợi,
Nơi vô lượng các Phật,
Mà tu đạo sâu mầu.
Vì hàng Phật tử này,
Nói kinh Đại thừa đây,
Ta ghi cho người đó,
Đời sau thành Phật đạo.
Bởi thâm tâm niệm Phật,**

Cùng tu trì tịnh giới,
 Hạng này nghe thành Phật,
 Mừng rơn lan khắp mình.
 Phật biết tâm của họ,
 Nên nói cho Đại thừa,
 Thanh Văn hoặc Bồ tát,
 Nghe pháp mà Ta nói,
 Nhẫn đến một bài kệ,
 Đều thành Phật không nghi.

Giảng luận

Vì tùy thuận chúng sanh trong thời điểm đó, nên Đức Thích Ca Như Lai mới thuyết chín bộ kinh Tiểu thừa, để hóa độ cho chúng sanh vào những bước mở đầu. Cũng ví như học văn hóa, mở đầu thầy giáo phải dạy từ mẫu giáo, rồi mới đến tiểu trung học. Khi nào lên Đại học, Bác học mới dạy phương pháp cao siêu.

Dù là nơi Đạo tràng, năm ngàn người đã bỏ cuộc, nhưng số còn ở lại quá đông. Số này nghe việc thành Phật đã thấy niềm hoan hỷ tràn ngập khắp châu thân. Đức Phật lại nhấn mạnh, Thanh Văn hoặc Bồ tát dù chỉ nghe Phật thuyết một bài kệ Phật thừa thì vị đó nhất định sẽ thành Phật.

Chánh văn

**25 – Trong cõi Phật mười phương,
 Chỉ có pháp một thừa,**

Không hai cũng không ba,
Trừ Phật phương tiện nói.
Chỉ dùng danh tự giả,
Dắt dẫn các chúng sanh,
Để nói trí huệ Phật,
Các Phật ra cõi đời.
Chỉ một việc thiết đó,
Nếu hai chẳng phải chơn,
Rốt chẳng đem Tiểu thừa,
Mà tế độ chúng sanh.
Phật tự trụ Đại thừa,
Y pháp của mình đặc,
Định, Huệ, Lực trang nghiêm,
Dùng để độ chúng sanh,
Tự chứng đạo vô thượng.
Pháp bình đẳng Đại thừa,
Nếu dùng Tiểu thừa độ,
Cả đến một người thôi,
Thời ta đọa san tham.
Việc ấy tất không được,
Nếu người tin về Phật,
Như Lai chẳng dối gạt,
Cũng không lòng tham ganh,
Dứt ác trong các pháp,
Nên Phật ở mười phương,
Mà riêng không chỗ sợ,
Ta dùng tướng trang nghiêm,

Ánh sáng soi trong đời,
Đấng vô lượng chúng trọng,
Mà nói ẩn thiết tướng.

Giảng luận

Đức Phật lại xác nhận rất hùng hồn, nếu Như Lai dùng pháp Tiểu thừa để hóa độ chúng, dù chỉ một người thì Phật đọa san tham. Vậy chúng ta phải hiểu rõ rằng suốt thời gian thuyết chín bộ kinh Tiểu thừa, là Đức Phật hướng dẫn chúng sanh đang đi đến giải thoát. Ai chấp Tiểu thừa là địa điểm tối hậu, hoặc ai hướng dẫn người mới đến Thanh Văn thừa, tuyên bố là đã đến địa điểm tối hậu là đọa.

Chánh văn

26 - Xá Lợi Phất! Nên biết!
Ta vốn lập thế nguyện,
Muốn cho tất cả chúng,
Bằng như Ta không khác.
Như đời xưa Ta nguyện,
Nay đã đầy đủ rồi,
Độ tất cả chúng sanh,
Đều khiến vào Phật đạo
Nếu ta gặp chúng sanh
Dùng Phật đạo dạy cả,
Kẻ vô trí lộn xộn,
Mê lầm không nhận lời,

Ta rõ chúng sanh đó,
Chưa từng tu cội lành;
Chấp chặt nơi ngũ dục,
Vì si ái sanh khổ,
Bởi nhân duyên các dục,
Sa vào ba đường dữ;
Xoay lăn trong sáu nẻo,
Chịu đủ những khổ độc,
Thân mọn thọ bào thai,
Đời đời tăng trưởng luôn.
Người đức mỏng ít phước,
Các sự khổ bức ngặt,
Vào rừng rậm tà kiến,
Hoặc chấp có, chấp không;
Nường gá các chấp này,
Đủ sáu mươi hai kiến,
Chấp chặt pháp hư vọng,
Bền nhận không bỏ đặng,
Ngã mạn tự khoe cao,
Dua nịnh lòng không thiệt,
Trong nghìn muôn ức kiếp,
Chẳng nghe danh tự Phật,
Cũng chẳng nghe chánh pháp,
Người như thế khó độ.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ này Đức Thế Tôn phân tích hạng người nào khó độ. Những ai sống theo tâm hạnh Bồ tát thì lúc nào cũng cầu mong mọi người, mọi loài, thủy thủy đều được an vui, thấm nhuần Phật pháp, vượt khỏi sanh tử luân hồi, hầu sau này chứng đắc thành Phật. Nhưng tâm nguyện tốt là một lẽ, sự việc thực tế không thể giản đơn như vậy! Cho nên có lắm lúc, một vài vị sơ phát tâm Bồ tát, sống quá nhiệt tình với mọi người, nhưng gặp những người nghịch lại Đại thừa thì liền phát cáu. Hôm nay chúng ta tụng và thẩm sâu vào đoạn thơ kệ này, chắc chắn, từ đây và mãi mãi sẽ không còn nổi quạu nữa. Bởi vì chính Đức Thích Ca Như Lai đã công bố rất rõ ràng nơi đoạn thơ kệ của phẩm Phương Tiện, kinh Pháp Hoa này rồi. Đức Phật xác quyết là có sáu mươi hai loại chấp tà kiến, Đức Phật không thể độ cho họ thành Phật được.

Lục thập nhị

Đây là Lục thập nhị kiến, Skt là devasasti distayah, chỉ sáu mươi hai tà kiến mà ngoại đạo ở Ấn Độ xưa kia chấp trước nhầm lẫn. Cách quy định để tính con số sáu mươi hai này không giống nhau:

❶ Quyển 14 kinh Trường A Hàm cho là có mười loại gồm sáu mươi hai kiến chấp, nhưng theo lý luận mà ngoại đạo chấp trước thì phân ra hai loại: “Bốn kiếp bốn kiến” và “Mạt kiếp mạt kiến”. Bốn kiếp bốn kiến là y theo tiền tế ở quá khứ mà

khởi phân biệt kiến, gồm năm loại mười tám kiến, bao quát bốn loại “thường luận”, bốn loại “diệt thường diệt vô thường luận”, bốn loại “biên vô biên luận”, bốn loại “chủng chủng luận” và hai loại “vô nhân nhi hữu luận”.

Mạt kiếp mạt kiến là y theo hậu tế ở vị lai mà khởi phân biệt kiến, gồm năm loại bốn mươi bốn kiến bao quát mười sáu loại “hữu tướng luận”, tám loại “vô tướng luận”, tám loại “phi hữu tướng phi vô tướng luận”, bảy loại “đoạn diệt luận”, năm loại “hiện tại Niết bàn luận”, cộng chung sáu mươi hai kiến.

② Theo Đại Phẩm Bát Nhã và Đại Trí Độ Luận thì sáu mươi hai kiến gồm: Trên ngũ uẩn đều lập tứ cú, tức ngũ uẩn trong quá khứ mỗi cái gồm có bốn cú “vô thường”, “thường vô thường”, “phi thường”, “phi vô thường”, thành hai mươi cú. Ngũ uẩn hiện tại mỗi cái gồm có bốn cú “hữu biên”, “vô biên”, “hữu biên vô biên”, “phi hữu biên phi vô biên”, thành hai mươi cú. Ngũ Uẩn vị lai mỗi cái có bốn cú “như khứ”, “bất như khứ”, “như khứ bất như khứ”, “phi như khứ phi bất như khứ”, thành hai mươi cú. Cộng tất cả lại là sáu mươi cú, tính thêm hai cú “đoạn thường” là “thân dữ thân như” và “thân dữ thân dị” là sáu mươi hai kiến.

③ Quyển 23 Nam Bốn Niết Bàn kinh cho rằng do năm kiến mà sanh ra sáu mươi hai kiến “Ly đẳng

tứ kiến” là hai mươi kiến, “Sắc giới diệc đồng” là hai mươi kiến, “Tứ tâm của vô sắc giới”, mỗi thứ có bốn kiến là mười sáu kiến. “Biên kiến” có sáu tức gồm tam giới mỗi cái đều có “thường đoạn” hai thứ. Cộng chung lại tất cả là sáu mươi hai kiến.

Ngoài ra còn nhiều cách tính ở các kinh điển khác nữa, nhưng tựu trung đồng nhất quan điểm cho sáu mươi hai kiến là những chấp trước tai hại của chúng sinh, khiến khó được Phật độ.

Nghĩa chi tiết về sáu mươi hai loại chấp tà kiến quá cao, chúng tôi cũng không thể phân giải cho tường tận được. Hơn nữa, trình độ của hành giả mới tập bước đầu vào cổng, hoặc vào sân, người nào tuyệt lắm là chỉ mới bước lên thêm Pháp Hoa, nên chúng ta cũng chưa đủ và cũng chưa nên thăm sâu về danh từ, mà chỉ tổng quát, nhất là đi sâu vào phương diện ẩn nghĩa, được như thế là tốt quá rồi!

Chánh văn

**27 – Cho nên Xá Lợi Phất,
Ta bày các phương tiện,
Nói các đạo dứt khổ,
Chỉ cho đó Niết bàn.
Ta dẫn nói Niết bàn,
Cũng chẳng phải thiệt diệt,
Các pháp từ xưa giờ,
Tướng thường tự vắng lặng.**

Phật tử hành đạo rồi,
 Đời sau đặng thành Phật,
 Ta có sức phương tiện,
 Mở bày pháp ba thừa.
 Tất cả các Thế Tôn,
 Đều nói đạo Nhất thừa,
 Nay trong đại chúng này,
 Đều nên dứt trừ nghi,
 Lời Chư Phật không khác,
 Chỉ một – Không hai thừa.

Giảng luận

Đức Phật phương tiện thuyết các pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên và các bộ kinh thuộc về Tiểu thừa. Trong phần này, Đức Phật có chỉ rõ quả vị Niết bàn, nhưng đây chỉ mới nửa phần Niết bàn, chứ chưa thuyết giảng rốt ráo toàn phần Niết bàn. Muốn tu luyện liễu thông kinh Pháp Hoa, trước nhất phải liễu thông thế nào là toàn phần Niết bàn, thế nào là nửa phần Niết bàn. Thanh Văn thừa chỉ chứng đắc *Hữu dư Niết bàn*, Phật thừa mới chứng đắc *Vô dư Niết bàn*. Hữu dư chỉ một nửa, Vô dư mới toàn phần. Kinh Thắng Man Bảo Hốt, quyển hạ giải thích thêm rằng: “Hữu dư Niết bàn còn biến dịch sanh tử. Vô dư Niết bàn không còn biến dịch sanh tử”.

Duy thức tướng tông, còn giải thích thêm rằng: “Phật dẹp bỏ hóa thân, lẩn ứng thân, trở về gốc của “*chân thân*”, đó là Vô dư Niết bàn”.

Tín Tông Tam Muội Hoa Nghiêm Thiên Thai, giải thích rõ hơn: “Dứt bỏ vọng kiến, quy về *Chơn như*, thu *Hóa thân* trở về với *Bổn thân* thì là nhập *Vô dư Niết bàn*”.

Nói tóm, tại sao Niết bàn Thanh Văn lại chưa trọn vẹn? Rất dễ hiểu, Niết bàn và sanh tử không hề khác nhau, tức là không hề có hai. Vậy mà Thanh Văn chưa chứng đắc thực tướng của pháp này, nên cố chấp rằng sanh tử là đáng chán. Niết bàn là đáng vui!

Chánh văn

28 – Vô số kiếp trước kia,
 Vô lượng Phật diệt độ,
 Trăm nghìn muôn ức Phật,
 Số nhiều không lường được.
 Các Thế Tôn như thế,
 Đủ thứ duyên thí dụ,
 Vô số sức phương tiện,
 Dẫn nói các pháp tướng.
 Các Đức Thê Tôn đó,
 Đều nói pháp Nhất thừa,
 Độ vô lượng chúng sanh,
 Khiến vào nơi Phật đạo.

Lại các đại Thánh chúa (Chư Phật),
 Biết trong lòng ham muốn,
 Của Trời người quần sanh,
 Ở tất cả thế gian,
 Dùng phương tiện khác nhau,
 Giúp bày nghĩa đệ nhất.

Giảng luận

Không chỉ riêng một mình Đức Phật Thích Ca Như Lai, mà hết thấy vô lượng, vô số chư Phật từ nhiều đời nhiều kiếp, rộng khắp mười phương cũng đều thuyết trùng trùng, lớp lớp các phương tiện, nào nhân duyên, nào ví dụ ... *vân vân* ... Mục đích cũng chỉ để phổ truyền pháp Nhất thừa, tức là “ai ai cũng được quyền thành Phật”.

Chánh văn

29 – Nếu có loài chúng sanh,
 Gặp các Phật quá khứ,
 Nghe pháp mà bố thí,
 Hay trì giới – Nhẫn nhục.
 Tinh tấn mọi Thiên Trí,
 Tu phước tuệ mọi cách,
 Những người như thế đó,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Sau các Phật diệt độ,
 Nếu người lòng dịu lành,

**Các chúng sanh như thế,
Đều đã thành Phật đạo.**

Giảng luận

Có nhiều người tu học Phật, nhưng nghe nói đến Nhất thừa đều nghĩ là khó quá, nhất là nghe đến chuyện thành Phật thì lại càng phân vân hơn. Rồi tự hỏi mình, làm thế nào tu Pháp Hoa kinh đây? Đọc tụng đoạn thơ kệ này, chắc không còn ai phân vân thắc mắc gì nữa cả!

Loài chúng sanh nào thưở quá khứ xa xưa đã gặp được Phật, đã nghe Phật dạy, rất tinh tấn, hoặc thiên định, hoặc trí tuệ, nói chung là phước huệ song tu thì nhất định những hạng người đó sẽ thành Phật.

Đoạn trước Đức Phật dạy sáu mươi hai loài hữu tình khó độ, là vì các hạng này cố chấp. Họ mới đạt đến quả A La Hán chứng đắc Thanh Văn quả, hoặc họ mới hiểu được Hữu dư Niết bàn, mà đã cố chấp cho là tốt đỉnh thì làm sao Phật độ cho họ thành Phật được.

Chánh văn

**30 - Các Phật diệt độ rồi,
Người cúng dường Xá Lợi,
Dựng muôn ức thứ tháp,
Vàng, bạc và pha lê,
Xà cừ cùng mã não,**

Ngọc mai khô, lưu ly,
 Thanh tịnh rộng nghiêm sức,
 Trau giồi nơi các tháp,
 Hoặc có dựng miếu đá,
 Chiên đàn và gỗ trầm,
 Gỗ mật cùng gỗ khác,
 Mọi gạch ngói bùn đất,
 Hoặc ở trong đồng trống,
 Đắp đất thành miếu Phật,
 Nhẫn đến trẻ con đùa,
 Vun cát làm tháp Phật,
 Những hạng người như thế,
 Đều đã thành Phật đạo.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ này nhấn mạnh thêm rằng: Hạng người nào có thể tu luyện thành Phật? Không những hiện tại, mà những ai hướng về chư Phật quá khứ đã nhập Niết bàn, lưu lại Xá Lợi, phát tâm thành kính xây tháp miếu cúng dường Xá Lợi, tháp quý bằng vàng bạc ngọc ngà, cho đến đất đá cây gỗ gạch ngói. Tất cả hạng người này nhất định sẽ thành Phật. Chữ tháp miếu ở đây có nghĩa là chùa tháp, thờ Xá Lợi Phật, hoặc thờ hình tượng Phật, thấy đều được hưởng phước đức và sẽ thành Phật. Vậy mà có một số trường hợp, có những vị tu sĩ Phật giáo lại hủy báng việc xây tháp, cất chùa, bảo rằng xây

chùa tháp là sai chánh pháp. Họ biện luận rằng, khi Đức Phật còn tại thế, rày đây mai đó, chứ không hề có chùa. Vậy thì Tinh xá Kỳ Hoàn là gì? Nếu ai đó đọc kỹ đoạn thơ kệ này, chắc là sẽ thay đổi lập trường, tán dương công đức xây tháp, cất chùa thờ Phật, thờ kinh, thờ Tổ, kể cả thờ Xá Lợi Phật Tổ.

Chánh văn

**31 - Nếu như người vì Phật,
 Xây dựng các hình tượng,
 Chạm trở thành các tượng,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Hoặc dùng bảy thứ báu,
 Hay thau, đồng, đồng đỏ,
 Chất nhôm cùng chì kẽm,
 Sắt, gỗ cùng với bùn,
 Hoặc dùng keo, sơn, vôi,
 Nghiêm sức làm tượng Phật
 Những người như thế đó,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Vẽ vờ hình tượng Phật,
 Trăm tượng phước trang nghiêm,
 Tự làm hoặc bảo người,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Nhẫn đến trẻ con đùa,
 Dùng cỏ cây và bút,
 Hoặc lấy móng tay mình,**

Mà vẽ hình tượng Phật,
 Những hạng người như thế,
 Lần lần góp công đức,
 Đầy đủ tâm đại bi,
 Đều đã thành Phật đạo,
 Chỉ dạy các Bồ tát,
 Độ thoát vô lượng chúng.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ trước phân tích công đức việc tạo dựng chùa tháp. Đoạn thơ kệ này nhấn mạnh công đức của việc kiến tạo tượng hình Phật, đó là hiện tại gieo hạt giống Phật, các đời sau nhất định sẽ gặt quả thành Phật. Việc đơn giản nhất là những đứa trẻ nào khi ngồi chơi lại tự dùng móng tay, vẽ vào đất bùn, đất cát, dạng giống hình tượng Phật thì nhất định các bé đó sau này sẽ thành Phật. Việc rất dễ dàng như thế, nhưng không dễ dàng nếu thiếu thành tâm thiện chí và niềm tin.

Chánh văn

32 – Nếu người nơi tháp miếu,
 Tượng đắp và hình vẽ,
 Dùng hoa, hương, phan, lọng,
 Lòng kính mà cúng dường,
 Hoặc khiến người trởi nhạc,
 Đánh trống, thổi tù và,

Tiêu, sáo, đàn, không hầu,
 Tỳ bà, chụp chã đồng,
 Các tiếng hay như thế,
 Dem dùng cúng dường hết,
 Hoặc người lòng vui mừng,
 Ca ngâm khen Đức Phật,
 Nhẫn đến một tiếng nhỏ,
 Đều đã thành Phật đạo.

Giảng luận

Đây phân tích công đức của những ai ở nơi chùa tháp, trước hình tượng Phật thành tâm dâng hương hoa, phan lọng, hoặc sử dụng tất cả các nhạc khí, nhạc cụ để thổi nhạc, nhất là ca hát, ngâm vịnh tán dương Đức Phật thì những vị đó đời vị lai sẽ đắc thành quả vị Phật. Như vậy tại sao trong giới Phật giáo lại có những người tránh hoặc bài bác âm nhạc?

Chánh văn

33 - Nếu người lòng tán loạn,
 Chỉ cần dùng cành bông,
 Cúng dường nơi tượng vẽ,
 Lần thấy vô số Phật,
 Hoặc có người lể lạy,
 Hoặc lại chỉ chấp tay,
 Nhẫn đến giờ một tay,
 Hoặc chỉ hơi cúi đầu,

Để mà cúng dường tượng,
 Lần thấy vô lượng Phật,
 Tự thành đạo vô thượng,
 Rộng độ chúng vô số,
 Vào Vô dư Niết bàn,
 Như củi hết lửa tắt,
 Nếu người lòng tán loạn,
 Vào bên trong tháp miếu,
 Một xưng Nam mô Phật,
 Đều đã thành Phật đạo.
 Nơi các Phật quá khứ,
 Tại thế hoặc diệt độ,
 Có người nghe pháp này,
 Đều đã thành Phật đạo.

Giảng luận

Đơn giản thật là đơn giản, về mặt lễ nghi hình thức, đối với những người mới vừa tin Phật. Nhưng nghiêm khắc cũng lắm nghiêm khắc, đối với những người theo đạo Phật rất lâu, song thiếu tâm thành, nhất là thiếu tin tưởng, rằng mình có Phật tánh và không tin tưởng mình sẽ thành Phật. Người tâm tính tán loạn, nhưng khi vào chùa tháp, chí thành, chí kính niệm danh hiệu Phật thì người đó nhất định cũng sẽ thành Phật. Người tâm tán loạn còn được như vậy, huống gì giới Tăng Ni Phật tử. Nhưng với

một điều kiện duy nhất, đó là phải tin pháp Nhất thừa, tức là Phật thừa.

Chánh văn

34 - Các Thế Tôn vị lai,
Số nhiều không thể lường,
Các Đức Như Lai đó,
Cũng phương tiện nói pháp,
Tất cả các Như Lai,
Dùng vô lượng phương tiện,
Độ thoát các chúng sanh,
Vào trí vô lậu Phật.
Nếu có người nghe pháp,
Không ai chẳng thành Phật.
Các Phật vốn thệ nguyện,
Ta tu hành Phật đạo,
Khấp muốn cho chúng sanh,
Cũng đồng đắc đạo này,
Các Phật đời vị lai,
Dầu nói trăm nghìn ức,
Vô số các pháp môn,
Kỳ thiệt vì Nhất thừa,
Các Phật lưỡng túc tôn,
Biết pháp thường không tánh,
Giống Phật theo duyên sanh,
Cho nên nói Nhất thừa.
Pháp đó trụ ngôi pháp,
Tương thế gian thường còn.

Nơi Đạo tràng biết rồi,
 Đức Phật phương tiện nói,
 Hiện tại mười phương Phật,
 Của trời người cúng dường,
 Số nhiều như hằng sa,
 Hiện ra nơi thế gian,
 Vì an ổn chúng sanh,
 Cũng nói pháp như thế.
 Biết vắng bật đúng nhất,
 Do dùng sức phương tiện,
 Phải bày các món đạo,
 Kỳ thiệt vì Phật thừa.
 Biết các hàng chúng sanh,
 Thâm tâm luôn nghĩ nhớ,
 Nghiệp quen từ quá khứ,
 Theo tánh, dục, tinh tấn,
 Và các căn lợi độn,
 Dùng các món nhưn duyên,
 Thí dụ cùng lời lẽ,
 Tùy cơ phương tiện nói.

Giảng luận

Toàn phần thơ kệ của phẩm Phương tiện thì đoạn này quan trọng nhất, bởi vì khi bạn mới bước vào đạo Phật bạn đã được ăn sâu vào tư tưởng câu: “*Các pháp vốn vô thường*”. Đến nay bạn đã lên trình độ học Đại thừa thì bạn lại gặp câu thơ kệ nơi

đoạn kinh này: “*Các pháp vốn hằng còn*”. Mâu thuẫn chẳng? Không mâu thuẫn, trái lại còn hậu thuẫn. Khi trình độ bạn còn kém, chưa hiểu tý gì về Phật pháp, mà dạy rằng: “Các pháp vốn hằng còn” thì làm sao bạn hiểu. Nhưng dạy các pháp vốn vô thường thì bạn rất dễ hiểu. Bạn cầm cái bát trên tay, vô ý làm rơi bể nó: Vô thường! Mới gặp mặt người thân quen buổi sáng, buổi chiều nghe cáo phó: Vô thường! Mới ngày nào đây, ông A giàu sang phú quý, vậy mà hôm nay ông ấy đang hành khất, vợ chết không có hòm chôn: Ôi vô thường! Các pháp vốn vô thường thì rất dễ hiểu.

Bạn liễu ngộ được lý vô thường, tâm hồn bạn sẽ đạt được an vui, bất cứ là hoàn cảnh nào. Giáo pháp Phật ích lợi như thế đó! Nhưng bây giờ lại ích lợi thêm, vì bạn đã trải qua thời gian tu học lâu năm, đã lên đến trình độ Đại thừa, cũng ví như sinh viên đại học. Vậy không lẽ cũng mãi nhai đi nhai lại câu: “Các pháp vốn vô thường” mãi hay sao? Nếu vô thường thì chết là mất, mà mất thì bạn tu làm gì? Học thuyết chết là mất là học thuyết “*đoạn diệt*”. Hôm nay bạn nên học thêm câu: “*Các pháp vốn hằng còn*”. Khi nào bạn chứng đắc cao hơn nữa, bạn sẽ liễu ngộ chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường, lại cũng chẳng phải lừng chừng nửa thường, nửa vô thường, mà các pháp vốn nó là *không tướng*. Không tướng tức là *thực tướng*. Giáo

pháp mà ba đời chư Phật chứng đắc, Bồ tát chỉ mới biết, chúng sanh ai giỏi thì mới hiểu thực tướng là thế nào, chứ không thể chứng đắc.

Trước khi vào học chỗ khó học này, chúng ta thông qua hai câu:

... *Thị pháp trụ pháp vị*
Thế gian tướng thường trụ ...

Việt dịch: ... *Pháp trụ trên ngôi pháp*
Thế gian tướng thường còn ...

Thoát dịch : ... *Pháp tịnh trụ trên động*
Tướng thế gian hằng còn ...

Pháp nào trụ trên pháp nào? Tại sao tướng thế gian thường trụ? Tại sao pháp tịnh trụ trên pháp động? Hy vọng những mẫu chuyện ví dụ sau đây dù chưa đủ thông toàn bộ, nhưng tối thiểu cũng giúp bạn mở cái gút khó để bạn dễ tư duy.

Pháp tịnh trụ trên động
Tướng thế gian hằng còn

❶ Một người đi tàu lửa, tàu lửa động, nhưng ông ta vẫn giữ được giấc ngủ qua đêm rất yên lành! Như thế có phải là pháp tịnh trụ trên pháp động hay không?

❷ Biển qua cơn bão bùng giông tố, vậy mà chẳng có con cá, con tôm nào bị thương, hoặc bị chết cả! Như thế có phải là pháp tịnh trụ trên pháp động hay không? Người nào đắc được pháp tịnh trụ

trên pháp động là người ấy đang sống rất an vui nơi cuộc sống hiện tại: *Tướng thế gian hằng còn.*

Bởi vì hết thấy các tướng thế gian vốn nó thường còn, dù trước mắt nó là vô thường, là biến đổi, nhưng bản chất về vật thể của mỗi mỗi nó vẫn tồn tại miên viễn.

❸ Một đóa hoa thơm, sau một tuần lễ, nó sẽ khô tàn, không còn đẹp và thơm nữa, như thế thì nó là vô thường, chứ sao bảo là hằng còn? Trước mắt thì nó là vô thường, nhưng lâu dài thì nó vẫn là hằng còn. Vậy xin đặt câu hỏi: Sau khi hoa tàn, sắc đẹp của hoa nó đi đâu? Mùi thơm của hoa nó tan mất thế nào? Nó chẳng đi đâu cả, nó vẫn hằng còn với không gian, lẫn thời gian.

Trên khoảng không bao la là cái kho tàng vô tận, sẽ thu chứa màu sắc đẹp của hoa, thu chứa hương thơm của hoa và thu chứa toàn phần các nguyên tố, diệp tố ... của hoa.

- Tại sao biết ?

- Qua thí nghiệm, sau khi hoa tàn, đem hạt hoa trồng vào đất. Vài tháng sau, cây hoa này lại nở những đóa hoa khác, y như đóa hoa đã tàn. Nghĩa là cũng màu sắc đẹp như thế, cũng hương thơm như thế, diệp tố, nguyên tố đều y như hoa trước, chẳng thiếu sai chút nào. Hãy đặt câu hỏi: Cái hoa sau này ai đem cho nó mùi hương, sắc đẹp, hay là nó tự thu hút từ khoảng không, từ kho tàng vô tận. Tức là kho

tàng vô tận đã chứa tất cả. Như vậy có phải là **thường còn** hay không?

Không những hoa, mà con người, loài vật, kể cả muôn loài, cũng đều như thế. Vậy các hình tướng thế gian thuộc về vật thể nó biến hay nó thường? Nó vô thường mà nó vẫn là thường.

- Nó biến mà nó thường, nó thường để nó biến. Dù biến, dù thường, nhưng bản chất của nó vốn thường trụ. Học Phật pháp khi còn trình độ Tiểu học phải học cho thuộc “Hình tướng các pháp vốn vô thường”. Nhưng khi học đến trình độ Đại thừa thì phải học để hiểu, để biết chắc chắn rằng hình tướng các pháp vốn hằng còn. Có đạt ngộ pháp hằng còn này thì mới tu chứng đắc giáo pháp Phật. Có đạt ngộ tướng các pháp vốn hằng còn thì mới liễu thông phẩm Phương Tiện. Nêu thêm một chứng minh cao hơn về **Thế gian tướng hằng còn**.

Ví như hoa sen, khi nở khi tàn. Tàn để chuẩn bị nở. Khi tàn, hương sắc của nó tạm cất nơi kho trời vô tận, tức là nơi khoảng không bao la mênh mông. Chờ khi mặt đất nở một bông sen khác thì hương và sắc kia, kể cả các nguyên tố khác cũng cùng lúc đồng trở lại với hoa sen. Chốn hư không kia là nơi kho tàng vô tận, chẳng hề phân không gian thành ranh giới và cũng chẳng bao giờ tính đếm thời gian có tháng ngày. Hương tố, sắc tố, đạm tố, diệp tố và nhiều tố khác ...*vân vân*... Chúng có đổi thay nhưng

chúng hằng còn bất biến. Dù nó đi vào thế gian, nó thuộc tướng thế gian, nhưng tướng thế gian có hai: “Giả tướng và thực tướng”. Phần nào thô, tế và vi thì thuộc giả tướng, còn phần nào đã tinh lọc thành Diệu, để rồi thành “Diệu hữu” thì đều thuộc về thực tướng. Các pháp cũng đều như thế! Diệu hữu và chơn không vốn đồng một bản thể. Khi còn trình độ phương tiện Tam thừa thì các pháp vốn vô thường, nhưng khi vào Nhất thừa, vào Như thị pháp, khi liễu ngộ thực tướng các pháp. *“Các pháp thủy đồng không tướng. Không tướng kia như tượng sắc không”* (Bát Nhã). Vì vậy cho nên khi hiểu pháp tịnh trụ trên pháp động thì mới hiểu **Tướng thế gian hằng còn.**

Chánh văn

35 – Ta nay cũng như vậy,
 Vì an ổn chúng sanh,
 Dụng các món pháp môn,
 Rao bày nơi Phật đạo,
 Ta dùng sức trí huệ,
 Rõ tánh, dụng chúng sanh,
 Phương tiện nói các pháp,
 Đều khiến đặng vui mừng,
 Xá Lợi Phát nên biết !
 Ta dùng mắt Phật xem,
 Thấy sáu đường chúng sanh,

Nghèo cùng không phước huệ,
 Vào đường hiểm sanh tử,
 Khổ nối luôn không dứt,
 Sâu tham nơi ngũ dục,
 Như trâu “mao” mển đuôi,
 Do tham ái tự che,
 Dui mù không thấy biết,
 Chẳng cầu Phật thế lớn,
 Cùng pháp dứt sự khổ,
 Dẫn sâu các tà kiến,
 Lấy khổ mà thay khổ,
 Phật vì chúng sanh này,
 Mà sanh lòng đại bi.

Giảng luận

Trong sáu loài chúng sanh, đa phần đều muốn an vui nhưng lại tạo quả khổ. Muốn siêu thoát mà lại tạo quả luân hồi, đắm chìm nơi năm dục:

- ❶ Ham sắc đẹp ❷ Ham tiền của ❸ Ham danh vị
- ❹ Ham ăn uống ❺ Ham ngủ.

Đức Phật bảo: “Bệnh nặng nhất của chúng sanh là ái nhiễm”. Đức Phật ví họ như loài trâu mao (*cũng đọc là Ly*), yêu quý đuôi hơn sinh mạng của nó. Thà nó chịu đánh đập, chứ nó không chịu mất lông đuôi. Đức Phật vì hạng người này, trải đại từ bi tâm, phổ truyền pháp Phương Tiện. Nếu ai đạt pháp

Phương Tiện, mà không cố chấp Tam thừa, lúc ấy Đức Phật mới trao cho Nhất thừa pháp.

Chánh văn

36 – Xưa, Ta ngồi Đạo tràng,
 Xem cây cùng kinh hành,
 Trong ba mươi bảy ngày,
 Suy nghĩ việc như vậy :
 Trí huệ mà Ta đắc,
 Vi diệu cao tột bậc,
 Chúng sanh các căn chậm,
 Tham vui si làm mù,
 Các hạng người như thế,
 Làm sao mà độ đặng ?
 Bảy giờ các Phạm vương,
 Cùng các trời Đế Thích,
 Bốn Thiên vương hộ đời,
 Và trời Đại tự tại,
 Cùng các thiên chúng khác,
 Trăm nghìn ức quyến thuộc,
 Chắp tay cung kính lễ.
 Thỉnh Ta thuyết pháp cho,
 Ta liền tự suy nghĩ,
 Nếu chỉ khen Phật thừa,
 Chúng sanh chìm nơi khổ,
 Không thể tin pháp này,
 Do phá pháp không tin,
 Rớt trong ba đường dữ,

Ta há không nói pháp,
 Vội vào Niết bàn sao !
 Nhớ lại Phật quá khứ,
 Sức phương tiện đã làm,
 Ta nay chứng đặng đạo,
 Cũng nên nói ba thừa.

Giảng luận

Khi Đức Thích Ca đắc thành quả vị Như Lai, Ngài dùng trí tuệ quán chiếu, thấy chúng sanh căn cơ còn thấp kém, nghiệp chướng quá sâu dày, đắm mê nơi ngũ dục, tham sân si ngập tràn. Như thế thì làm sao thuyết Phật thừa được? Nếu thuyết Phật thừa, đại chúng nghe không liễu ngộ, không khởi lòng tin, rồi hủy báng chánh pháp, sa đọa vào ba đường dữ. Khi thấy nghịch duyên như vậy, Đức Phật định thu thần thị nhập Niết bàn. Liền lúc đó, các vị Phạm Thiên vương, Đế Thích Thiên vương, bốn vị Tứ Thiên vương hộ đời, cùng trăm ngàn vạn ức Thiên chúng quyến thuộc, đến trước Đức Thế Tôn đánh lễ và thỉnh cầu Phật chuyển pháp luân. Cũng vừa lúc Đức Phật bỗng nhớ thuở chư Phật quá khứ, đã từng thực hành rộng truyền pháp phương tiện, thuyết ba thừa.

Tại sao hiện nay Đức Thế Tôn lại không áp dụng như vậy? Chính vì từ bi tâm nên Phật phương tiện thuyết tam thừa. Lợi thì rất nhiều, nhưng hại cũng không ít, vả chăng khi Đức Phật nhập diệt

không xảy ra rắc rối. Nạn chia rẽ nội bộ giới Tăng lữ, chia thành hai phái Thượng tọa bộ tức là Tiểu thừa và Đại chúng bộ tức là Đại thừa và đã trải dài khắp năm châu, suốt hơn hai mươi lăm thế kỷ. Mãi đến cuối thế kỷ XX dương lịch, tại Việt Nam có Bồ tát Quảng Đức tự thiêu và chư Thánh tử đạo phát tâm hy sinh thân mạng cúng dường chánh pháp. Từ đó tại Việt Nam mới hợp nhất được hai hệ phái Tiểu thừa và Đại thừa.

Chánh văn

**37 - Lúc ta nghĩ thế đó,
Mười phương Phật đều hiện,
Tiếng ngân an ủi Ta,
Hay thay ! Đức Thích Ca !
Bực Đạo sư hạng nhất,
Đặng pháp vô thượng ấy,
Theo gương tất cả Phật,
Mà dùng sức phương tiện,
Chúng tôi cũng đều đặng,
Pháp tối diệu hạng nhất,
Vì các loài chúng sanh,
Phân biệt nói ba thừa,
Trí kém ưa pháp nhỏ,
Chẳng tự tin thành Phật,
Cho nên dùng phương tiện,
Phân biệt nói các quả,**

**Dầu lại nói ba thừa,
Chỉ vì dạy Bồ tát.**

Giảng luận

Một Đức Phật nhập đời, độ đời thì hết thầy chư Phật khắp mười phương đồng hộ niệm. Một vị Tăng thừa hành Phật sự, phụng sự chúng sanh, nếu được chư Tăng khắp mười phương đồng hỗ trợ thì nhân loại và muôn loài được nhuần triêm công đức biết bao!

Khi Đức Thích Ca Như Lai bỗng nhớ pháp phương tiện mà chư Phật quá khứ đã thực hiện, nên Đức Thế Tôn quyết định dùng phương tiện thuyết giảng pháp ba thừa thì chư Phật khắp mười phương đều ứng hiện, dùng ngôn ngữ cõi trời Phạm Thiên để tán dương việc làm của Đức Phật Thích Ca. Chư Phật cũng thuật rằng, tất cả chư Phật Như Lai cũng đều sử dụng pháp phương tiện, vì chúng sanh mà Phật thuyết ba thừa. Tuy thuyết ba thừa, nhưng kết vẫn vào Phật thừa để độ chư Bồ tát.

Chánh văn

38 - Xá Lợi Phất nên biết !

**Ta nghe các Đức Phật,
Tiếng nhiệm mầu rất sạch,
Xưng “Nam mô chư Phật” !
Ta lại nghĩ thế này,
Ta ra đời trước ác,**

Như các Phật đã nói,
 Ta cũng thuận làm theo.
 Suy nghĩ việc đó rồi,
 Liền đến thành Ba Nại,
 Các pháp tướng tịch diệt,
 Không thể dùng lời bày,
 Bèn dùng sức phương tiện,
 Vì năm Tỷ kheo nói,
 Đó gọi chuyển pháp luân,
 Bèn có tiếng Niết bàn.
 Cùng với A La Hán,
 Tên pháp, tăng sai khác,
 Từ kiếp xa đến giờ,
 Khen bày pháp Niết bàn,
 Dứt hẳn khổ sanh chết,
 Ta thường nói như thế.

Giảng luận

Âm thanh chư Phật khắp mười phương vọng về thế giới Ta Bà vừa nhiệm mầu, vừa vi diệu, ngợi khen và khuyến khích Đức Phật Thích Ca nên phương tiện thuyết ba thừa để rộng độ chúng sanh. Đức Thích Ca Như Lai hoan hỷ thực hành phương tiện thuyết tam thừa.

Rời cõi Bồ đề, đến thành Ba La Nại, nơi Vườn Nai phương tiện thuyết tam thừa, độ năm anh em ông Kiều Trần Như. Ngôi *Tăng bảo* có từ đó và việc Đức Phật chuyển pháp luân để có ngôi Pháp

bảo cũng phát khởi từ đây. Điều đáng chú ý, Pháp bảo từ bài pháp đầu tiên, đến nhiều năm sau Đức Phật khai mở con đường về Niết bàn, nhưng mới chỉ là Niết bàn của Thanh Văn thừa, chưa hoàn toàn rốt ráo, vì vậy cho nên mới gọi là phương tiện thuyết tam thừa. mới nêu và hướng dẫn *Niết bàn Hữu dư*, chứ chưa giáo hóa chứng đắc toàn triệt *Niết bàn Vô dư*.

Chánh văn

39 - Xá Lợi Phất phải biết !

Ta thấy các Phật tử,
 Chí quyết cầu Phật đạo,
 Vô lượng nghìn muôn ức,
 Đều dùng lòng cung kính,,
 Đồng đi đến chỗ Phật,
 Từng đã theo các Phật,
 Nghe nói pháp Phương tiện,
 Ta liền nghĩ thế này :
 Sở dĩ Phật ra đời,
 Là để nói Phật huệ,
 Nay chính đã đúng lúc.

Giảng luận

Đức Phật cho Tôn Giả Xá Lợi Phất và đại chúng biết là khi nhìn thấy hàng đệ tử Như Lai, những vị quyết tâm cầu Phật đạo, số đông nhiều hằng trăm ngàn vạn ức, đồng đến trước Phật thành

tâm cung kính Phật. Số đông này tiền kiếp đã từng nghe chư Phật quá khứ phương tiện thuyết tam thừa. nên Đức Thích Ca Như Lai mới quả quyết rằng: Chư Phật nhập đời cũng chỉ vì khai mở Phật huệ cho chúng sanh. Cho nên nay đã đúng thời, Như Lai nhất định phổ truyền giáo pháp như chư Phật đã từng phổ truyền. Đọc tụng đoạn thơ kệ trên, hành giả Pháp Hoa kinh tăng trưởng niềm tin rằng chính mình nhất định có khả năng thành Phật.

Chánh văn

40 - Xá Lợi Phất phải biết !
Người căn chậm trí nhỏ,
Kẻ chấp tướng kiêu mạn,
Chẳng thể tin pháp này.
Nay Ta vui vô úy,
Ở trong hàng Bồ tát,
Chính bỏ ngay phương tiện,
Chỉ nói đạo vô thượng,
Bồ Tát nghe pháp đó,
Đều đã trừ lười nghi,
Nghìn hai trăm La Hán,
Cũng đều sẽ thành Phật.
Như nghi thức nói pháp,
Của các Phật ba đời,
Ta nay cũng như vậy,
Nói pháp không phân biệt.

Việc chư Phật ra đời,
 Lâu xa khó gặp được,
 Mà cho dù đã gặp,
 Nói pháp này vẫn khó
 Vô lượng vô số kiếp,
 Nghe pháp này cũng khó
 Kể hay nghe pháp này,
 Là người cũng khó có.
 Thí như hoa Linh thoại,
 Ai ai cũng ưa mến,
 Cõi trời người ít có,
 Lâu lâu trở một lần.

Giảng luận

Hạng người trí thấp kém, tính tình kiêu mạn, dù có phương tiện thuyết cách nào họ cũng không tin Phật thừa. Vì vậy đến đây vào hội thuyết Pháp Hoa, Đức Phật chính thức công bố thông qua, không còn nhắc Nhị thừa, hoặc Tam thừa nữa, chỉ còn Nhất thừa thôi. Pháp Nhất thừa này Đức Phật chủ đích là thuyết dạy hàng sơ phát tâm Bồ tát và hàng Bồ tát, y pháp tu hành, hầu sớm chứng đắc quả vị Phật.

Ngoài số vị A La Hán bỏ Đạo tràng ra đi thì số còn lại nơi Đạo tràng một ngàn hai trăm vị A La Hán hiện hữu nhất định cũng sẽ thành Phật.

Thuở xưa chúng sanh khó gặp chư Phật xuất hiện vào đời. Nay cho dù gặp Đức Phật Thích Ca Như Lai nhập đời, nhưng nghe được pháp Nhất thừa lại còn khó hơn, mà kẻ hay nghe pháp này cũng khó có. Khó như hoa Linh thoại đối với đời là loài hoa quý hiếm, mấy ngàn năm, khi nào đời có Thánh nhân xuất hiện, loài hoa này mới một lần nở. Như vậy pháp Nhất thừa vô cùng quý báu, ai đủ duyên lành mới được nghe, mới được đọc tụng, in sao, viết chép, cúng dường, nhất là nghe xong, tụng xong, khởi niềm tin, mà tin thật thắm sâu vào pháp Nhất thừa mới thật là tuyệt diệu vậy.

Chánh văn

41 - Người nghe pháp mừng khen,
 Cả đến nói một lời,
 Thời đã là cúng dường,
 Tất cả Phật ba đời.
 Người đó còn ít có,
 Hơn cả hoa Ưu đàm,
 Các ông chớ có nghi,
 Ta là vua các pháp,
 Khắp bảo các đại chúng,
 Chỉ dùng đạo Nhất thừa,
 Dạy bảo các Bồ tát,
 Không Thanh Văn đệ tử.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ này nhấn mạnh, ai nghe pháp Nhất thừa rồi tin tưởng mừng khen, kể cả tán thán một lời thôi, công đức của người này bằng cúng dường khắp chư Phật ba đời. Hạng người như thế còn hiếm có hơn hoa Ưu đàm. Đức Phật giáo hóa chúng sanh thành Bồ tát, giáo hóa hàng Bồ tát thành Phật. Những ai còn chấp giữ quả Thanh Văn thì không còn là đệ tử của Đức Phật nữa.

Chánh văn

42 - Xá Lợi Phất các ông!

Thanh Văn và Bồ tát,
 Phải biết pháp mâu này,
 Là bí yếu các Phật.
 Bởi đời nãm ác trước,
 Chỉ tham ưa các dục,
 Những chúng sanh như thế,
 Rốt không cầu Phật đạo,
 Người ác đời sắp tới,
 Nghe Phật nói Nhất thừa,
 Mê ngờ không tin nhận,
 Phá pháp đọa đường dữ,
 Người tự trọng trong sạch,
 Quyết chí cầu Phật đạo,
 Nên vì bọn người ấy,
 Rộng khen đạo Nhất thừa.
 Xá Lợi Phất nên biết !

Pháp các Phật như thế,
Dùng muôn ức phương tiện,
Tùy thời nghi nói pháp.
Ai chẳng học tập tu,
Không hiểu đặng pháp này,
Các ông đã biết rõ,
Phật là thầy trong đời.
Việc phương tiện tùy nghi,
Không còn lại nghi lầm,
Lòng sanh niềm vui mừng,
Tự biết sẽ thành Phật.

Giảng luận

Đoạn kết phẩm Phương tiện, Đức Phật căn dặn đại chúng và Tôn Giả Xá Lợi Phất, kể cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát lưu ý rằng pháp Nhất thừa là bí pháp nhiệm mầu của chư Phật ba đời. Vì vậy nên chúng sanh khó hiểu, khó liễu đạt, bởi vì đời năm trước ác, chúng sanh tham đắm năm dục lạc, nếu thuyết giảng cho họ, họ không tin nhận hủy báng pháp Nhất thừa và sẽ bị đọa ba đường dữ. Pháp Nhất thừa chỉ phổ truyền cho hạng người tâm thanh tịnh, biết hổ biết thẹn khi bị sai lầm. Phải dùng đủ nhiều cách dù là phương tiện phổ truyền để rồi dẫn đến Nhất thừa pháp. Nhất thừa pháp đòi hỏi người tin phải học, phải tu, phải luyện. Tin chưa đủ,

học chưa đủ, mà phải cả tu luyện mới liễu thông pháp Nhất thừa.

Đức Phật đạo sư cả ba cõi, dù tùy nghi phương tiện nhưng không thể nào lầm lẫn. Chúng sanh nào tự tin, tự hiểu rằng mình sẽ thành Phật thì tâm luôn luôn hoan hỷ.

Giới tu hành kinh Pháp Hoa nên học rất thâm sâu nơi phẩm Phương tiện và tu luyện theo lời chỉ dẫn của Đức Thế Tôn để liễu thông Nhất thừa pháp.

III - TÓM KẾT

Bài này nói riêng, ba bài học về phẩm Phương Tiện là chìa khóa mở cửa vào tòa lâu đài Pháp Hoa.

Đọc phẩm Phương Tiện nên chú ý từng chữ, nổi bật nhất là những đoạn, những câu ẩn nghĩa:

- * Năm ngàn người rời pháp hội.
- * Thập như thị pháp.
- * Pháp trụ trên ngôi pháp.
- * Thế gian tướng thường còn.
- * Chư Phật và Đức Phật Thích Ca Như Lai vào đời chỉ vì phổ truyền thực tướng của các pháp.
- * Chúng sanh hàng chơn tu chỉ “*hiếu*” thực tướng.
- * Bồ tát chỉ “*biết*” thực tướng.

* Chư Phật mới “*chứng đắc*” thực tướng.

Phẩm Phương Tiện còn nhiều ẩn nghĩa, nhất là phần thơ kệ nơi bài số sáu này chưa được giảng giải. Thực tướng không thể dùng sáu giác quan để nhận biết, cũng không dùng thức, kể cả không thể dùng trí để quán chiếu mà chứng đắc. Phải từ hàng Bồ tát tu luyện mới chứng đắc thực tướng. Khi chứng đắc thực tướng các pháp, là đã chứng đắc quả vị Phật.

Phải có phong vũ biểu và đài thiên văn mới đo lường chính xác về sự thay đổi khí tượng và sự cố xảy ra giữa không gian. Sáu giác quan con người, dù tinh tế cách nào cũng không thể đo lường chính xác mọi hiện tượng trong vũ trụ, dù là tương đối.

Đức Phật Thích Ca và chư Phật xuất hiện ở đời, mục đích chính là chỉ dẫn cho chúng sanh thấy rõ thực tướng của các pháp. Thực tướng của các pháp là chơn không, và chơn không tức là thực tướng. Phật pháp và thế gian pháp, chẳng phải hai mà cũng chẳng phải một. Thực tướng và giả tướng, chẳng hề hai và cũng chẳng phải là một. Sóng và nước, chẳng hề hai mà cũng chẳng phải một. Muốn liễu nghĩa thực tướng các pháp thì trước tiên phải tin mình và chúng sanh, ai ai, loài nào, người nào cũng đều có Phật tánh. Muốn tin mình có Phật tánh thì phải liễu ngộ kinh Pháp Hoa, nhất là phẩm Phương tiện. Khi chính ta được khai mở, để thấy biết Phật

tánh rồi thì phải làm sao quay về gặp gỡ tánh Phật sẵn có ấy, và quan trọng là phải nhập vào tánh Phật ấy, lúc bấy giờ mới liễu nghĩa được thực tướng, mới vỡ lẽ rằng thực tướng chính là chơn không, các pháp có hình tướng thế gian, tướng nào cũng không ngoài thực tướng. Mười như vậy, tức là Thập như thị pháp, là mười phương pháp, dẫn nhập cho ta liễu nghĩa thực tướng.

Trong cơn mưa tầm tã của chiều đông lạnh, nó đã ngấm chứa đựng cái rục rờ của thêm xuân, và ngược lại cũng thế. Vậy cho nên, người học đạo không nên chạy trốn cái chiều đông lạnh, mà cũng không nên chạy đi tìm cái thêm xuân ấm áp vui vẻ kia. Thực tướng của hoa, không có sự nở hay tàn.

Xuân đi hoa vẫn nở

Xuân ở hoa vẫn rơi

Bận lòng chi rơi nở

Tự tại thả thuyền chơi

(Thơ Thích Thông Bửu)

Từ ngày biết cầm quyển kinh Pháp Hoa đọc tụng đến nay, chúng ta chỉ phớt qua và ngồi chờ sự mâu nhiệm của tha lực. Đồng ý là có sự mâu nhiệm của Tam Bảo, nhưng cũng ví như người xem truyền hình mở máy không đúng tần số, nhất là máy truyền hình chưa hoàn chỉnh thì làm sao ta thấy được hình và nghe được tiếng phát đi từ Đài truyền hình.

Bắt đầu từ hôm nay, chúng ta sửa đổi về lối tu mê mờ, tu phó mặc của mình. Chúng ta phải học, phải chiêm nghiệm, phải tinh tấn, phải tu tập. Nhất là phải tu luyện để mở khai, để thấy biết, để gặp gỡ, để hòa nhập vào thực tướng của các pháp. Thực tướng là tướng chơn không, là tánh Phật, là Phật tri kiến, là rõ biết Phật tánh.

Điều quan trọng nhất cần lưu ý là chẳng những biết Phật tánh của riêng mình, mà phải thấu hiểu rằng ai ai, mọi người, mọi loài và không riêng chúng hữu tình, mà cả loài vô tình như cỏ cây, bông, lá, đá, hoa, thủy thủy muôn vật cũng đều có giống Phật.

**Loài hữu hay vô tình
Đều có giống Phật cả.**

(Kinh Hoa Nghiêm và Niết Bàn)

*
**

Rất mong tất cả chúng ta đều là hành giả Pháp Hoa kinh, ai cảm thấy sự hiểu biết của mình về thực tướng còn mập mờ, tức là chưa hiểu rành rẽ, xin tinh tấn tu luyện theo phương pháp Nhất thừa. Việc cấp thiết trước mắt là hãy đọc ba bài số bốn, năm và sáu này nhiều lần. Đọc như khi ta còn bé ở trình độ Tiểu học, học bài thuộc lòng vậy. Dù ta có lớn bao nhiêu, có danh vị trong xã hội, có trí thức đối với xã hội bao nhiêu, nhưng quay về với kinh Pháp

Hoa, với thực tướng các pháp, chúng ta cũng vẫn là một bé ấu thơ. Bởi vì Bồ tát, Thanh Văn và Duyên Giác vẫn còn chưa chứng đắc Pháp Hoa kia mà!

Từ hiểu biết đến chứng đắc còn xa. Chúng ta không nên tự phụ mình đã chứng đắc, hay liễu ngộ thực tướng. Hiểu biết chưa đạt thì làm gì có chứng đắc? Nếu đọc thuộc lòng ba bài này mà chưa hoan hỷ thì quý vị nên tìm nghe băng nhựa, của ba buổi giảng khóa sáu này, thời gian gần chín tiếng đồng hồ (*sáu cuộn*). Nếu nghe băng nhựa vẫn chưa thỏa đáng thì nên trực tiếp đến Đạo tràng. Tốt nhất là nên hạ quyết tâm tu luyện. Phải có minh sư thiện hữu. Phải ấn định “giờ” tu luyện, tu luyện trọn vẹn, tinh tấn, dũng mãnh và nhiệt tâm.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Long Thiên Bát Bộ Hộ pháp hộ trì cho chúng ta sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập vào đại vũ trụ, thơm ngát Liên Hoa. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến khắp các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả đều thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ tát, Bồ Tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.



Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 7

PHẨM THÍ DỤ - Thứ ba

- Tôn Giả Xá Lợi Phất dâng lời biết ơn và bộc bạch tâm trạng lên Đức Phật.
- Tôn Giả Xá Lợi Phất, lặp lại lời trình bạch bằng thơ kệ.

- Đức Phật nhắc lại kiếp xưa của Tôn Giả Xá Lợi Phất.
- Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất.
- Chư Thiên đánh lễ và tạ ơn Đức Phật đã khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho họ.

I - MỞ ĐỀ

Muôn loài, giống nào, vật nào cũng phải thuận theo nguyên lý “sinh diệt”. Nhỏ như cỏ, hoa cũng phải thế. Tức cũng trải qua bốn thời kỳ: đơm hoa, kết nụ, quả lớn, già hườm, chín rồi chín mùi. Sự học hành chữ nghĩa của con người, cũng phải tuần tự trải qua Tiểu học, Trung học, Đại học, Cao học, Bác học. Đó là mới kể sơ lược qua nguyên lý “sinh”, chứ chưa đề cập đến nguyên lý “diệt”. Vậy thì sự tu hành sao có thể vượt qua nguyên lý sinh và diệt? Dù biết rằng, ai ai cũng có sẵn trí tuệ và tánh Phật, nhưng phải tuần tự từng bước tu luyện: **khai, thị, ngộ, nhập, tri kiến Phật**. Phải gian khổ qua từng thời kỳ tu hành, mới đắc đạo. Chưa có giống cây nào, vừa đơm hoa, vừa quả chín cùng một giờ. Vậy thì sao có người tu học Phật, mới vừa vào chùa buổi sáng, buổi trưa đã trở thành Thượng tọa?

Qua hai phẩm kinh, gồm năm bài học, về phẩm Tựa và phẩm Phương Tiện, kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa tại Đạo tràng này, đã giúp chúng ta

chhiêm nghiêm phần thẳm sâu của từng bước tu học. Khi thẳm sâu rồi, nếu ai chịu thực hành, nhất là chịu áp dụng vào nếp sống hằng ngày, theo tinh thần kinh Pháp Hoa, bộ kinh vi diệu nhập đời, thì chúng ta sẽ nếm được chất ngọt ngào tuyệt diệu về lời dạy của Đức Thế Tôn.

Bài học số bảy thuộc phẩm Thí Dụ (*phẩm này ba bài*). Chúng ta lắng đọng tâm hồn uống cạn lời bệch bạch của Tôn Giả Xá Lợi Phất, trình lên Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau đó, chúng ta thành tâm thu nhiếp, ghi nhớ trọn vẹn lời Thế Tôn thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất và Đức Phật kể câu chuyện ngôi nhà lửa cùng ba thứ xe, để làm thí dụ cho giáo pháp ba thừa của chư Phật, cũng như của Ngài.

II - NỘI DUNG

1/. Tôn Giả Xá Lợi Phất dâng lời biết ơn và bệch bạch tâm trạng lên Đức Phật

Chánh văn

1- Lúc bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất phấn chấn vui mừng, liền đứng dậy chấp tay chhiêm ngưỡng dung nhan của Đức Phật mà bạch rằng:

“Nay con từ Đức Thế Tôn nghe đặng tiếng pháp này, trong lòng hớn hở đặng điều chưa từng có. Vì sao? Con xưa cũng từ Phật đã nghe nói pháp như thế này, thấy các vị Bồ tát được

thọ ký thành Phật, mà phần chúng con chẳng được dự việc đó, tự rất cảm thương cho mình bị vượt khỏi tầm vô lượng tri kiến của Như Lai.

Thế Tôn! Con thường khi một mình ở dưới cây trong núi rừng, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, hằng nghĩ như vậy: “Chúng con đồng vào pháp tánh, tại sao Đức Như Lai lại dùng pháp Tiểu thừa mà tế độ cho ?”

Đó là lỗi của chúng con chớ chẳng phải do Thế Tôn vậy. Vì sao? Nếu chúng con biết chờ Phật nói chất tố thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời chắc đã do pháp Đại thừa mà đặng độ thoát. Song chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói pháp, nên vừa mới nghe Phật nói pháp phương tiện liền vội tin nhận, suy gẫm chứng lấy.

Thế Tôn! Con từ xưa đến nay trọn ngày luôn đêm hằng tự trách mình, mà nay được từ Phật nghe pháp chưa từng có, trước chưa hề nghe, dứt các lòng nghi ngờ, thân ý thơ thối hoàn toàn an ổn. Ngày nay mới biết mình thiệt là Phật tử, sinh ra từ giáo thuyết của Phật, sinh ra từ chuyển hóa của pháp, là bốn phần của Phật và pháp.

Giảng luận

❶ Tôn Giả Xá Lợi Phất thành tâm dâng lời biết ơn Đức Phật, đã khai mở trí tuệ cho Tôn Giả và đại chúng.

❷ Tôn Giả Xá Lợi Phất bộc bạch những điều u uẩn trong lòng do thắc mắc phân vân trở ngại tạo ra. Tại sao Bồ Tát được thọ ký thành Phật, còn hàng Thánh Tăng không được thọ ký? Nhất là lúc thanh vắng, một mình, nếu không sáng suốt thường hay nghĩ bậy. Nghĩ rằng Đức Phật thiên vị hàng Bồ Tát, dành pháp môn thành Phật cho Bồ Tát, còn Thánh Tăng thì chỉ dạy pháp Tam thừa.

❸ Niềm u uẩn được phá tan, nhờ ngộ Phật tri kiến, nhờ nghe kinh Pháp Hoa, mới thấy sự nghi ngờ của mình là đầy tội lỗi. Điều này hàng Thánh Tăng như Tôn Giả Xá Lợi Phất và chư Thánh Tăng khác vẫn vướng mắc, huống gì chúng ta, ai vào cuộc sống mà khỏi mắc phải lưới nghi ngờ. Một nghi sanh mười ngờ, một ngờ là trăm tội. Như vậy, khởi lên một niềm nghi là tạo thành một ngàn điều tội. Vậy mỗi người chúng ta nơi Đạo tràng này, hãy tự xét lại mình, đang và sẽ thủ bao nhiêu nổi nghi? Người nào ít nhất cũng cả ngàn nổi nghi (*nhất là giới nữ, quý cô, quý bà*). Một ngàn nổi nghi, thành mười ngàn sự ngờ. Vậy nhân lên thành một triệu tội lỗi. Tội lỗi vì nghi nó nhiều như thế thì làm sao tu thành Phật? Cho nên, muốn diệt trừ nổi nghi, phải chặn từ gốc. Phải khai thị ngộ nhập Phật tánh. Chưa

đắc ngộ cũng phải liễu tri **thực tướng**. Muốn đắc thực tướng phải rõ và tu thập như thị pháp.

④ Tôn Giả Xá Lợi Phất trình bạch lên Đức Phật rằng đám mây nghi ngờ phủ trùm tâm tư của Tôn Giả từ lâu, giờ này đã hoàn toàn tan biến, nhường lại bầu trời quang đấng, và giờ này do bình tĩnh nên chẳng những biết mình có Phật tánh, mà còn tự thấy rõ mình chính là con trưởng của Đức Phật nhờ nghe pháp, từ miệng Phật truyền dạy mà sanh trí tuệ, là bốn phần (*phần gốc*) của Phật và pháp.

Sự tu luyện của chúng ta, mỗi người cũng nên thay đổi tư tưởng như Tôn Giả Xá Lợi Phất.

2/. Khi ấy, Ngài Xá Lợi Phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng :

Chánh văn

2 - Con nghe tiếng pháp này
 Được điều chưa từng có
 Lòng rất đổi vui mừng
 Lưỡi nghi đều đã trừ
 Xưa nay nhờ Phật dạy
 Chẳng mất nơi Đại thừa
 Tiếng Phật rất ít có
 Hay trừ khổ chúng sanh
 Con đã sạch phiền não
 Nghe cũng trừ lo khổ
 Con ở nơi hang núi

Hoặc dưới cụm cây rừng
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Thường suy nghĩ việc này.
Than ôi ! Rất tự trách
Sao lại tự lừa dối
Chúng con cũng Phật tử
Đồng vào pháp vô lậu
Chẳng được ở vị lai
Nói pháp vô thượng đạo,
Sắc vàng, bâm hai tướng
Mười lực các giải thoát.
Đồng chung trong một pháp
Mà chẳng được việc đó
Tám mươi tướng tốt đẹp
Mười tám pháp bất cộng
Các công đức như thế
Các con đều đã mất

- 3 - Lúc con kinh hành riêng
Thấy Phật ở trong chúng
Danh vang khắp mười phương
Rộng lợi ích chúng sanh.
Tự nghĩ mất lợi này
Chính do tự lừa dối
Con thường trong ngày đêm
Hằng suy nghĩ việc đó
Muốn đem hỏi Thế Tôn

Là mất hay không mất ?
 Con thường thấy Thế Tôn
 Khen ngợi các Bồ tát
 Vì thế nên ngày đêm
 Suy lường việc như vậy.

4 - Nay nghe tiếng Phật nói
 Tùy nghi mà dạy pháp
 Vô lậu khó nghĩ bàn
 Khiến chúng đến Đạo tràng
 Con vốn chấp tà kiến
 Làm thầy các Phạm Chí
 Thế Tôn rõ tâm con
 Trừ tà nói Niết Bàn
 Con trừ hết tà kiến
 Mà chứng nơi pháp không
 Bấy giờ lòng tự bảo
 Đã đến diệt độ rồi
 Mà nay mới tự biết
 Chẳng phải thiệt diệt độ
 Chừng nào đặng thành Phật
 Đủ ba mươi hai tướng
 Trời, người, chúng dạ xoa
 Rồng, thần đều cung kính
 Bấy giờ mới được nói
 Dứt hẳn không còn thừa
 Phật ở trong đại chúng

Nói con sẽ thành Phật
Nghe tiếng pháp như vậy
Lòng nghi ngờ đã trừ.

5 - Khi mới nghe Phật nói
Trong lòng rất sợ nghi
Phải chăng ma giả Phật
Não loạn lòng ta chẳng
Phật dùng các món duyên
Thí dụ khéo nói bày
Lòng kia an như biển
Con nghe, lưới nghi dứt.
Phật nói thưở quá khứ
Vô lượng Phật diệt độ
An trụ trong phương tiện
Cũng đều nói pháp này
Phật hiện tại, vị lai,
Số nhiều đều vô lượng
Cũng dùng các phương tiện
Diễn nói pháp như thế.
Như Thế Tôn ngày nay
Từ sanh đến xuất gia
Đắc đạo chuyển pháp luân
Cũng dùng phương tiện nói
Đạo thật mà Phật nói
Ma vương không nói được
Vì thế con định biết

Không phải ma giả Phật
 Nghe tiếng Phật êm dịu
 Sâu xa rất nhiệm màu
 Nói suốt pháp thanh tịnh
 Tâm con rất vui mừng.
 Nghi hối đã hết hẳn
 An trụ trong thiết trí
 Con quyết sẽ thành Phật
 Được trời, người cung kính
 Chuyển pháp luân vô thượng
 Giáo hóa các Bồ Tát

Giảng luận

Tôn Giả Xá Lợi Phất dùng thơ kệ lập lại lời trình bạch của mình lên Đức Phật. Đoạn thơ kệ này gồm bốn điểm chính:

* Thứ nhất: Tôn Giả trình bày nỗi vui mừng của Tôn Giả, vừa liễu ngộ pháp Đại thừa Thập như thị pháp, tức là Pháp thực tướng.

* Thứ hai: Trình bày nỗi niềm u uẩn của Tôn Giả từ trước đến nay, tại sao hàng Thánh Tăng không được bình đẳng thọ ký thành Phật như hàng Bồ Tát. Và tại sao hàng Thánh Tăng chỉ học chương trình Tam thừa, mà không được học Nhất thừa pháp.

* Thứ ba: Tôn Giả tự sám hối những tư duy sai lầm của mình, suốt dòng thời gian đã qua. Vì chỉ mới đắc pháp “Không”, nghĩa là mới nửa chừng,

vậy mà đã tự cho rằng mình và hàng Thánh Tăng đã đến tuyệt đích. Nay nhờ nghe pháp Nhất thừa mới bừng tỉnh.

* Thứ tư: Tôn Giả thành tâm sám hối tội lỗi quá lớn: là vì chủ quan ở chỗ hiểu biết của mình, chỉ mới biết nông cạn, mà nói rằng chúng sanh không có quyền thành Phật, cho nên khi vừa mới nghe Phật tuyên xưng pháp Nhất thừa, xác định tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và tất cả chúng sanh đều được thành Phật thì Tôn Giả run sợ, nghi ngờ tướng ma giả Phật, làm não loạn Tôn Giả và đại chúng. Bây giờ vỡ lẽ ra, Tôn Giả mới thấy mình đầy tội lỗi. Lỗi thứ nhất là mờ tối không tin bậc đại trí tuệ. Thứ nhì, bậc đại trí tuệ ấy lại chính là vị Thầy đã từng cứu mình, mà mình lại dám nghi ngờ là ma giả Phật.

Ý nghĩa điểm cuối cùng của đoạn thơ kệ: Tôn Giả Xá Lợi Phất đại diện hàng Thánh Tăng chính thức tuyên bố cho tất cả trời, thần, người, quỷ, rồng và chẳng phải người, nhưng chưa chứng đắc thần biết rằng: chỉ có Phật thừa là giáo pháp tối hậu, dạy mọi loài, mọi người chớ nên tin lạng quạng, tin nửa vời như bản thân của Tôn Giả thời gian qua thì thật là nguy hiểm. Hiện tại Tôn Giả Xá Lợi Phất đã thâm nhập Phật tánh, đã liễu tri, chứng đắc Phật tri kiến và xin thệ nguyện tu trì cầu thành quả Phật, theo pháp môn Phật thừa.

Có nhiều bài văn viết về **Phát Bồ Đề tâm**, tức là phát tâm đại trí tuệ. Tâm đại trí tuệ là tâm thành Phật. Phần này được phân đông các bậc Pháp sư, Giáo thọ sư, Giảng sư, Giáo sư đề cập và nhấn mạnh để giới Tăng Ni Phật tử hiểu rõ, hầu phát tâm đại trí tuệ, phát tâm cầu thành Phật.

Nhưng vì nghiệp dĩ chúng sanh quá nặng, hoặc chưa đến lúc, hoặc sự giảng giải chưa gặp từ trường giữa người dạy và người nghe, cho nên việc phát tâm tu cầu thành Phật vẫn còn hời hợt ở ngoài vành môi, chứ chưa thấm nhập vào tâm ý, chưa khắc ghi vào tư tưởng. Chúng tôi xin nêu bằng chứng cụ thể:

Tại Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm, chia thành năm lớp học (*tối thứ Năm và suốt ngày Chủ nhật*), số học viên tới mấy ngàn vị. Chúng tôi gồm mười vị giáo thọ đã phân nhau giảng dạy, suốt tám năm dài, qua tám khóa. Đúng là một Đạo tràng khá gương mẫu. Nhưng đi sâu vào phần bưng khai tâm trí học viên thì chẳng tìm gặp. Xót xa quá! Chúng tôi mở cuộc thăm dò. Hỏi: “Quý vị đã phát nguyện thành Phật chưa?”. Tất cả yên lặng. Chúng tôi lập lại câu hỏi và yêu cầu giơ tay. Cả Đạo tràng giơ tay chưa được ba phần trăm. Chúng tôi lắc đầu chán ngán! Lập lại và nhấn mạnh câu hỏi “**Quý vị đã đọc lời thệ nguyện phát tâm cầu thành Phật lần nào chưa?**”. Đạo tràng giơ tay được năm phần trăm. Số không giơ tay chín mươi lăm phần trăm.

Chúng tôi thở dài não nuột! Thế thì việc hướng dẫn Phật pháp của mình, suốt tám chín năm, đã không thành công!

Quý vị chỉ học Phật pháp bằng hai tai và nói Phật pháp bằng nơi miệng, chứ chưa học Phật pháp và đọc tụng Phật pháp bằng ý hoặc tâm. Vậy thì mỗi ngày trì kinh, quý vị có tụng: “**Tứ hoằng thệ nguyện hay không?**”. Cả Đạo tràng đều giơ tay (*một trăm phần trăm*). Chúng tôi nhoẻn môi cười. Sao vừa rồi quý vị nghĩ và biểu quyết là chưa? Vậy câu thứ tư của Tứ hoằng thệ nguyện nói gì? **Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành**. Việc thành Phật cao thượng rất khó khăn, nhưng nhất quyết thệ nguyện thành: **Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành**, chẳng lẽ quý vị phát nguyện mà quý vị không nhớ. Bài “Tứ hoằng thệ nguyện” chúng tôi đã giảng tại khóa hai, đúng một giờ rưỡi, có thu băng nhựa. Quý vị chẳng những nghe giảng, mà còn nghe băng nhựa đến nháo dùn, vậy mà nỡ nào quý vị lại quên cho đành. Chẳng những phát tâm ở Tứ hoằng thệ nguyện, mà mỗi tháng hai lần tụng Sám hối, mỗi đêm sám hối đều có đọc:

“**Con không cầu xin được hưởng phước báu nơi cõi trời, người. cũng không cầu xin đắc quả Thánh Thanh Văn, Bích Chi Phật. Kể cả cũng không dừng ở quả vị Bồ tát, mà mục đích cuối cùng của con là phát tâm chứng đắc A Nậu Đa La**

Tam Miệu Tam Bồ Đề” (có nơi dịch chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng, Chánh giác). Vậy thì không lẽ quý vị, đến trước bàn thờ Phật, quỳ gối để giỡn với chư Phật ư! Lời thệ nguyện rành rành và thường xuyên như vậy, thế mà chúng tôi hỏi quý vị đã phát tâm tu cầu thành Phật chưa? Quý vị bảo rằng chưa! Như thế là thế nào?

Vì các nguyên nhân vừa nêu, nên hôm nay khi giảng luận đoạn kệ của Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất nơi phẩm Thí dụ thứ ba này, chúng tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa rằng: **“Ai không phát thệ nguyện thành Phật thì tốt nhất là đừng tụng đọc kinh Pháp Hoa”**. Bởi vì Đức Phật đã dạy rõ người nào tu hành theo đạo Phật, mà chưa phát tâm Bồ đề rộng lớn, tức là chưa phát tâm cầu thành Phật thì sự tu hành ấy, cũng ví như người đầu bếp, nấu cát mơ thành cơm vậy!

Như thế thì công phu mở Đạo tràng giảng luận kinh Pháp Hoa suốt mấy năm qua là việc nấu cát mơ thành cơm! Thật không gì chua xót cho bằng! Tại sao mọi người không tự tin mình có Phật tánh? Kể cả Ngài Thánh Tăng Xá Lợi Phất cũng vậy! Mãi sau, Ngài mới hối hận ăn năn. Phải chăng sự hối hận ăn năn của Tôn Giả Xá Lợi Phất, là một ánh đèn soi rọi vào các tâm hồn tăm tối, sợ thành Phật, mặc cảm rằng mình không thể nào thành Phật được!

Tụng đến phẩm thứ ba Thí Dụ kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, đến phần ẩn sâu mật nghĩa này, mong tất cả toàn thể học giả, hành giả, thức giả Pháp Hoa kinh, hãy chuyển tư tưởng Tiểu thừa sang tư tưởng Đại thừa. Chuyển tư tưởng Thanh Văn và Bích Chi Phật, tu cầu lợi ích riêng mình chuyển sang tư tưởng tu cầu chứng đắc quả vị Phật, rộng độ chúng sanh, thời gian bao lâu cũng được. Năm này chưa chứng đắc thì năm khác. Đời này chưa chứng thì đời khác. Nhược bằng có lâu xa, kiếp này chưa chứng thì kiếp khác nhất định sẽ chứng đắc quả vị Phật.

Đệ tử tên họ pháp danh Xin phát đại thệ nguyện: **“Tu cầu chứng đắc thành Phật”**.

Ngày nào cũng phát nguyện như thế và phát nguyện phải phát xuất từ tâm thành, ý thiết, chứ không chỉ đọc suông ở vành môi như từ trước đến nay.

3/. Đức Phật nhắc lại kiếp xưa của Tôn Giả Xá Lợi Phất

Chánh văn

6 - Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Ta nay ở chốn hàng trời, người, Sa môn, Bà la môn, các chúng tụ hội mà nói. Ta xưa từng ở nơi hai muôn ức Phật vì đạo vô thượng mà giáo hóa ông, ông cũng lâu dài theo Ta thọ

học, Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông tái sanh vào trong pháp Ta”.

Xá Lợi Phất ! Ta thuở xưa đã dạy ông chí nguyện Phật đạo, ông nay đều quên mà bèn tự nói đã được diệt độ. Ta nay lại vẫn muốn khiến ông nghĩ nhớ đến đạo pháp mà chí nguyện ấy cần làm, nên nói cho các Thanh Văn nghe kinh Đại thừa tên là: “**Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm**” (kinh Diệu Pháp Liên Hoa dùng dạy hàng Bồ tát, được Phật giữ gìn).

Giảng luận

Đức Phật nhắc nhở Tôn Giả Xá Lợi Phất, tức là nhắc nhở chúng ta nhớ lại rằng: “Không phải Tôn Giả Xá Lợi Phất và chúng ta, mới gặp Phật pháp ngay đời này, mà là đã gặp Phật và giáo pháp, đã tu học theo giáo pháp giải thoát nhiều đời nhiều kiếp, nghĩa là lâu lắm rồi. Tại Tôn Giả Xá Lợi Phất và chúng ta lừng quên đó thôi.

Đức Phật không những truyền dạy riêng Tôn Giả Xá Lợi Phất, mà là chung cho hàng Thanh Văn và tất cả chúng sanh. Ngài thuyết kinh Pháp Hoa này để giáo hóa chúng sanh thành Bồ Tát, giáo hóa Bồ Tát thành Phật. Cho nên được chư Phật khắp mười phương hộ trì kinh này.

4/. Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất
Chánh văn

7- Xá Lợi Phất! Ông đến đời vị lai quá vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì chánh pháp, đầy đủ đạo tu hành của Bồ tát, sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Nước tên: Ly Cấu, cõi đó bằng phẳng thanh tịnh đẹp đẽ, an ổn, đầy đủ vui tươi, trời người đông đảo. Lưu ly làm đất, có tám đường giao thông, dây bằng vàng ròng để giăng ranh bên đường, mé đường đều có hàng cây bằng bảy báu, thường có bông trái. Đức Hoa Quang Như Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sanh.

Xá Lợi Phất ! Lúc Đức Phật Hoa Quang ấy ra đời dầu không phải đời ác trọc mà bởi bốn nguyện nên nói pháp đủ ba thừa. Kiếp đó tên là “Đại Bửu Trang Nghiêm”. Vì sao gọi là “Đại Bửu Trang Nghiêm”? Vì trong cõi đó dùng Bồ Tát làm “Đại Bửu” vậy. Các Bồ Tát đó số đông vô lượng vô biên bất khả tư nghì, tính kể hay thí dụ đều không xuể được, nếu chẳng phải sức trí tuệ của Phật không ai có thể biết được. Khi muốn đi thì có bông đỡ chân.

Các vị Bồ tát đó không phải hàng mới phát tâm, mà đều đã trồng cội đức từ lâu. Trải qua

vô lượng trăm nghìn muôn ức chốn Phật, tịnh tu phạm hạnh, hằng được các Phật ngợi khen. Thường tu trí huệ của Phật, đủ sức thần thông lớn, khéo biết tất cả các pháp môn, ngay thật không dối, chí niệm bền vững, bực Bồ tát như thế, khắp đầy nước đó.

Xá Lợi Phất ! Đức Phật Hoa Quang thọ mười hai tiểu kiếp, trừ lúc còn làm Vương tử chưa thành Phật. Như dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa Quang Như Lai quá mười hai tiểu kiếp thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho Bồ tát Kiên Mãn mà bảo các Tỳ kheo: Ông Bồ tát Kiên Mãn này kể đây sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước của Đức Phật đó cũng lại như vậy.

Xá Lợi Phất ! Sau khi Phật Hoa Quang đó diệt độ, chánh pháp trụ lại trong đời ba mươi hai tiểu kiếp. tượng pháp trụ đời cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

Giảng luận

Tôn Giả Xá Lợi Phất là vị đầu tiên trong hàng Thanh Văn (*đệ tử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni*), được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai. Đây là điều đặc biệt, mở đầu việc thọ ký cho hàng đệ tử của Đức Phật sau này. Kể cả các vị chưa đắc quả vị Thanh Văn, cũng

vẫn được thọ ký thành Phật. Kể cả những vị độc ác, nhiều tội lỗi, đang bị đọa ở ngục A Tỳ, như Đề Bà Đạt Đa, cũng vẫn được thọ ký thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai. Hàng hữu học, chẳng còn học, hàng Cư sĩ trời người ...*vân vân* ... Vị nào đủ nhân duyên đều được Đức Phật thọ ký.

Việc thọ ký cho từng vị, hoặc tập thể được thành Phật, là sự chứng minh hùng hồn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đối với lời tuyên bố của Ngài rằng: **“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều được thành Phật”**.

Chánh văn

Lúc ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

8 - Xá Lợi Phất đời sau

Thành đấng Phật trí khắp
Hiệu là Phật Hoa Quang
Sẽ độ vô lượng chúng
Cúng dường vô số Phật
Đầy đủ hạnh Bồ tát
Các công đức thập lực
Chứng đặng đạo vô thượng
Quá vô lượng kiếp rồi
Kiếp tên Đại Bửu Nghiêm
Cõi nước tên Ly Cấu
Trong sạch không vết nhơ
Dùng lưu ly làm đất

Dây vàng giảng đường sá
Cây bảy báu đủ màu
Thường có hoa cùng trái
Bồ Tát trong cõi đó
Chí niệm thường bền vững
Thần thông, Ba La Mật
Đều đã trọn đầy đủ
Nơi vô số chốn Phật
Khéo học đạo Bồ tát
Những Đại sĩ như thế
Phật Hoa Quang hóa độ
Lúc Phật làm vương tử
Rời bỏ nước vinh hoa
Nơi thân cuối sau cùng
Xuất gia thành Phật đạo
Phật Hoa Quang trụ thế
Thọ mười hai tiểu kiếp
Nhờ dân trong nước đó
Sống lâu tám tiểu kiếp
Sau khi Phật diệt độ
Chánh pháp trụ ở đời
Ba mươi hai tiểu kiếp
Rộng độ các chúng sanh
Chánh pháp diệt qua rồi
Tượng pháp cũng bâm hai
Xá lợi rộng truyền khắp
Trời, người thấy cúng dường

Việc đức Phật Hoa Quang
Cũng đều như thế đó
Đấng lưỡng Túc Tôn kia
Tuyệt đối không ai bằng
Hậu thân là ông vậy
Nên phải tự vui mừng.

Giảng luận

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng thơ kệ, trùng tuyên lại phần chánh văn thọ ký. Nhấn mạnh sự thành tựu của Tôn Giả Xá Lợi Phất được thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai. Quốc độ là Ly Cấu. Kiếp tên Đại Bửu Trang Nghiêm. Vì quốc độ này trang nghiêm bằng vô lượng Bồ tát, quý báu ở chỗ không phải bằng vàng bạc thay mặt đất, mà là ngọc Lưu ly thay mặt đất. Cây cảnh lá hoa bằng ngọc quý thất bảo. thọ mạng dài lâu của Đức Phật Hoa Quang mười hai tiểu kiếp. Chánh pháp ba mươi hai tiểu kiếp. Tượng pháp cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

5/. Chư thiên đảnh lễ và tạ ơn Đức Phật đã khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho các Ngài

Chánh văn

9 – Bây giờ bốn bộ chúng: Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di và cả đại chúng: Trời, rồng, dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la dà ... thấy Xá Lợi Phất

ở trước Phật lãnh lấy lời dự ghi sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lòng rất vui mừng hớn hở vô lượng. Mỗi người đều cố y trên mình đa ng đắp để cúng dường Phật.

Thích Đề Hoàn Nhơn cùng Phạm Thiên Vương ... và vô số thiên tử cũng đem y đẹp của trời, hoa trời Mạn đà la, Ma ha Mạn đà la ... cúng dường nơi Phật. Y trời tung lên liên trụ giữa hư không mà tự xoay chuyển. Các nhạc khí trời trăm nghìn muôn thứ ở giữa hư không đồng thời đều thổi. Chư Thiên rải các thứ hoa trời mà nói lời rằng: “Đức Phật xưa ở thành Ba La Nại, chuyển pháp luân lần đầu, nay lại chuyển pháp luân tối đại vô thượng”.

Lúc đó các thiên tử muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

10 – Xưa ở thành Ba Nại

Chuyển pháp luân bốn đế
 Rành rõ nói các pháp
 Nay chuyển pháp luân lớn
 Tối diệu và vô thượng
 Pháp đó rất sâu mầu
 Ít có người tin nổi
 Chúng ta từ xưa giờ
 Bao lần nghe Phật nói
 Mà chưa từng được nghe

Thượng pháp thâm diệu này.
Thế Tôn nói pháp đó
Chúng con đều nương vui
Đại trí Xá Lợi Phất
Nay được lãnh Phật ký
Chúng con cũng như vậy
Quyết sẽ đặng thành Phật,
Trong tất cả thế gian
Tôn quý chẳng gì trên
Phật đạo chẳng thể bàn
Phương tiện tùy nghi nói,
Nghiệp phước của chúng con
Đời này hoặc đời trước
Và công đức thấy Phật
Trọn hồi hưởng Phật đạo.

Giảng luận

Biết ơn, tạ ơn là định lý của cuộc sống, chẳng những riêng cõi người, mà cả cõi trời đều áp dụng định lý này. Các Ngài vua trời và các con vua trời, kể cả dân chúng cõi trời, không thiếu chỗ ở, phương tiện đi lại, nói chung là không hề thiếu thốn vật chất như chúng ta ở cõi người. Cho nên vấn đề mang ơn, tạ ơn và lễ bái đối với các Ngài hình như ít xảy ra. Nay vào hội chuyển kinh Pháp Hoa của Đức Phật Thích Ca, tại núi Linh Thứu ở quả đất, các Ngài vua trời về tham dự, bất ngờ được nghe giáo

pháp thâm diệu, pháp môn long trời lở đất “**Giáo pháp Phật tánh**” - “**Giáo pháp Phật thừa**” - “**Giáo pháp chúng sanh nào cũng được thành Phật**”. Các Ngài vỡ lẽ ra, bừng ngộ được điều chưa từng nghĩ, chứ đừng nói là phát nguyện. Các Ngài được Đức Phật khai thị để ngộ nhập Phật tri kiến. Vì đại ân đức đó, nên các Ngài đành lễ và dâng phẩm lễ cúng dường.

III - TÓM KẾT

Đoạn đầu phẩm Thí Dụ có năm nét chính. Bốn nét là phần Tôn Giả Xá Lợi Phất, nét thứ năm là hai Ngài Thiên Vương.

Đức Phật và Tôn Giả Xá Lợi Phất, muốn giúp chúng sanh thời đó và các thời sau này dễ thấy rõ sự tự ty mặc cảm của mình. Chẳng những tự ty mặc cảm, mà còn cố chấp. Mắc hai chứng bệnh quá nặng, nên cứ quanh quẩn làm chúng sanh, hoặc có tu hành tinh tấn thì cũng tu hành đến đắc Thánh quả, đến tự lợi riêng mình mà thôi, chứ không dám vươn tới thành Phật. Thường tình, khi hiểu biết được điều gì hơi cao xa hơn người khác là đã tự mãn rồi. Phá được bệnh tự ty thì lại mắc phải bệnh cố chấp. Phá được bệnh cố chấp thì mắc phải bệnh tự mãn.

Tất cả những lời trình bạch của Tôn Giả Xá Lợi Phất, là món thuốc tuyệt diệu để chữa khỏi ba

chứng bệnh nan y của chúng ta, kể cả trời người quỷ thần.

Đức Phật lần đầu tiên thọ ký cho một vị Thánh Tăng, là sấm sét phá tan vầng mây xám nơi tâm trạng của hàng Thánh Tăng, hàng Bích Chi Phật. Các Ngài Thánh Tăng, các Ngài Bích Chi Phật, thường tự mãn rằng: quả vị của mình đang chứng đắc là quả vị tuyệt đỉnh rồi, không còn ai có thể hơn mình được. Không ngờ Đức Phật vào Hội Pháp Hoa, chuyển pháp Nhất thừa, tiếp theo tuyên bố chấm dứt pháp phương tiện, thế là năm ngàn vị bỏ Pháp Hội ra đi. Đức Phật không ngạc nhiên, mà lại vui mừng rằng: “Trấu lép đã hết, nay Pháp Hội chỉ còn hạt chắc, nên có thể chuyển pháp Nhất thừa. Tức là pháp dạy chúng sanh lần Thánh Tăng tu chứng thành Phật”.

Đức Phật lại còn kể chuyện tiền kiếp xa xưa. Cách nay vô lượng kiếp Đức Phật đã từng làm Phật và đã từng giáo hóa Tôn Giả Xá Lợi Phất. Vậy mà đến kiếp này, Tôn Giả Xá Lợi Phất lại lờn quên. Nghe nhắc chuyện quá khứ tiền kiếp, Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất tỉnh ngộ, bừng nhớ tất cả pháp Đại thừa, vội vàng ăn năn sám hối và bộc bạch tâm trạng của mình. Tôn Giả thực sự đã nhờ Đức Phật mở khai chỉ rõ Phật tánh của mọi chúng sanh, ai ai cũng có, ai ai cũng có quyền thành Phật. Vì vậy Tôn Giả Xá Lợi Phất cũng có quyền thành Phật.

Nhờ sự mở khai của Đức Phật quá rõ ràng, nên Tôn Giả Xá Lợi Phất quày về gặp lại được tánh Phật của chính mình và nhập vào tánh Phật ấy. Liền lúc đó Tôn Giả thấy biết rất rõ ràng về tánh Phật của mình, nên mới trình bày lên tất cả nỗi niềm mừng vui của bản thân.

Đức Phật kịp thời thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất, trải qua nhiều kiếp sau, khi công đầy quả mãn, Tôn Giả sẽ được thành Phật, hiệu là Hoa Quang Như Lai.

Sự thọ ký của Đức Phật quá đột ngột, khiến trời người quý thần đều vỡ tung lớp vỏ cố chấp, lành hẳn chứng bệnh tự mãn. Nhất là chứng bệnh tự ty mặc cảm cho rằng mình còn là chúng sanh tội lỗi nhiều, không thể nào thành Phật được. Nhưng qua sự thọ ký này, đa số hàng trời thần người quý rộng, đều bừng ngộ và tin mình có khả năng thành Phật.

Hai Ngài thiên Vương quỳ bạch Đức Phật dâng niềm hy vọng của phía trời thần, đồng thời thuyết kệ dâng lên Đức Phật tin tưởng chính mình sẽ được thành Phật.

Tu học Pháp Hoa kinh đến đây, nếu ai chưa tin mình có Phật tánh và nhất định sẽ thành Phật thì đừng đọc tụng thêm phẩm khác, mà nên quày lại đọc tụng ba phẩm: một, hai, ba. Tu đến khi nào tin Phật tánh của mình, lúc bấy giờ mới tụng phẩm thứ tư và các phẩm kế tiếp.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Hộ pháp, hộ trợ cho mọi giới, sớm liễu ngộ nghĩa thực tướng các pháp.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả các pháp giới chúng sanh đều thành Bồ đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma ha Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 8

PHẨM THÍ DỤ - Thứ ba
(tiếp theo)

- Tôn Giả Xá Lợi Phất nêu thắc mắc.

- Đức Phật giải đáp.
- Đức Phật nêu ví dụ qua câu chuyện ngôi nhà lửa và ba xe.

I - MỞ ĐẦU

Giáo pháp Đức Phật truyền dạy Kinh Luật Luận không giống với các kinh sách khác ở chỗ thực hành và áp dụng vào cuộc sống, chứng nghiệm ngay trong giờ phút áp dụng đó.

Qua bảy bài học, nếu quý vị tu học viên, quý vị hành giả Pháp Hoa kinh, đã thực sự say sưa chiêm nghiệm, thực hành, áp dụng nhuần nhuyễn từng câu, từng chữ, từng bài thì hôm nay quý vị đã cảm thấy mình là một người khác, một người đang từ trong đường hầm bước ra vùng ánh sáng. Dù là mới vừa lóe, nhưng niềm tin đang nồng nhiệt đến với chính mình. Còn nếu cứ giữ thái độ cố chấp, đọc cho nhiều, đọc một ngày cho đủ một bộ, đọc để mọi người thấy mình là kẻ đang tu, đang tụng kinh Pháp Hoa thì khỏi cần bàn thêm. San bằng một quả núi, dễ hơn xóa quan niệm của người cố chấp.

Người xưa tu ít hơn bây giờ, nhưng tu mười người đạt hai, ba người. Còn bây giờ tu đông lắm, nhưng sự liễu ngộ ít hơn người xưa. Người xưa đọc một chữ, lạy một lạy và chiêm nghiệm chữ đó, rồi xướng đọc chữ đó. Khi nào nhập vào tạng thức, lúc bấy giờ mới đọc chữ kế tiếp. Hoặc vài ba chữ, hoặc

đọc một câu suốt ngày, có khi kéo dài từ ngày này đến ngày khác. Khi nào nhuần nhuyễn câu đó rồi, mới chuyển sang câu khác.

Xin thưa! Qua bảy bài học, quý vị tu học theo lối người xưa, hay vẫn ngã chấp, tu học đếm số nhiều chữ, chứ chẳng cần sự tinh túy từng chữ. Nếu theo lối tu cho có tu, chứ không cần chứng đắc thì đáng tiếc biết bao. Muốn biết pháp tàm mạt, hay là hưng hiển, hãy nhìn người tu.

II - NỘI DUNG

1/. Tôn Giả Xá Lợi Phất nêu thắc mắc

Chánh văn

11- Bảy giờ, Xá Lợi Phất bạch rằng: “Thế Tôn! Con nay không còn nghi ngờ, tự mình ở trước Phật đặng thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn các vị tâm tự tại một nghìn hai trăm người đây, lúc xưa ở cương vị còn học, được Phật thường dạy rằng: “Pháp của ta hay lìa sanh, già, bệnh, chết, rớt ráo Niết bàn”. Các vị còn học, hết phải học đây cũng đều rời chấp ngã cùng chấp có, chấp không ... tự nói là đặng Niết Bàn, mà nay ở trước Đức Thế Tôn khi nghe chỗ chưa từng nghe, đều sa vào nghi ngờ. Hay thay Thế Tôn! Xin Phật vì bốn chúng nói như duyên ấy, khiến lìa lòng nghi hối”.

Giảng luận

Phương tiện là phải tùy căn cơ. Nếu Đức Phật thành Phật, rồi vội vàng đem phương pháp Ngài tu thành Phật dạy thì chắc chắn năm anh em Ngài Kiều Trần Như sẽ không bao giờ lãnh hội nổi. Cũng ví như, một Giáo sư Tiến sĩ, khi tốt nghiệp rồi, liền đem chương trình Tiến sĩ ra dạy cho học trò Trung học thì chắc chắn lớp học không có người nào theo học.

Tôn Giả Xá Lợi Phất sau khi qua khỏi tâm trạng hoang mang, Ngài liền đem tâm trạng hoang mang của một ngàn hai trăm vị đại chúng, trình bạch lên Đức Thế Tôn, để được Đức Phật giải bày cặn kẽ, hầu giúp những người bối rối nghi ngờ kia, được bừng ngộ như Tôn Giả.

Tâm trạng một ngàn hai trăm vị, nơi Đạo tràng thuở ấy, là tâm trạng của chúng ta hiện nay. Khi đạt được chút ít kiến thức, thành tựu được mảy may công đức tu hành, là đã chủ quan rằng mình tột đỉnh, xem kẻ khác như cỏ rác. Lớp lớn thì chưa truyền hết cho đàn hậu tấn, lớp trẻ thì lơ là học hỏi. Nhất là lớp học trò, được chút ít kiến thức, đã cho rằng mình giỏi, xem thường ân sư. Ân sư có dạy thêm lời nào, họ đã không tiếp thu, mà còn thậm trách, cho đó là những phương pháp xưa cũ. Thế hệ trẻ ngày nay phần nhiều rơi vào tình trạng vọng

động vật chất bên ngoài, bỏ quên sự tĩnh lặng bên trong tâm hồn.

Chẳng những tình trạng năm ngàn người bỏ cuộc, số một ngàn hai trăm người ở lại Đạo tràng, còn tệ hơn những kẻ ra đi. Tôn Giả Xá Lợi Phất thương thay cho hàng người này, thương thay cho thế hệ hậu lai, nên Ngài mạnh dạn trình bạch lên Đức Thế Tôn để được nghe lời giải về bí pháp, chẳng những cho thuở ấy, mà mãi cho ngàn ngàn đời sau vậy.

2/. Đức Phật giải đáp

Chánh văn

12 – Khi ấy, Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: Ta trước há không nói rằng: “Các Phật Thế Tôn dùng các món như duyên, lời lẽ, thí dụ, phương tiện mà nói pháp đều vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó ư? Các điều nói đó đều để dạy Bồ tát vậy. Nhưng Xá Lợi Phất! Nay ta sẽ dùng một thí dụ để chỉ rõ lại nghĩa đó, những người có trí do thí dụ mà đặng hiểu”.

Giảng luận

Các Ngài Thánh Tăng, trong đó có Tôn Giả Xá Lợi Phất, vì xót thương chúng sanh nghiệp nặng, nên đóng kịch, giả vờ không hiểu, hỏi tới bạch lui, mục đích để lưu lại lời giải thích cặn kẽ. Đây là áp dụng phương pháp xin toa thuốc hay cho bệnh nhân.

Một phương pháp cứu bệnh trầm kha cho chúng sanh về mặt tâm linh ở các đời sau vậy!

Nhưng than ôi! Thuốc thì còn đó, bệnh nhân thì hiện đây, nhưng liệu tìm có bao nhiêu bệnh nhân chịu uống thuốc. Bệnh gì? Bệnh chưa hiểu đã tuyên bố là hiểu, chưa biết đã cho là biết, chưa chứng tự xưng đã chứng, chưa đắc tự xưng đã đắc. Chẳng chịu tinh tấn tu học đến điểm tuyệt đỉnh của sự giải thoát thành Phật. Ôi thật là buồn, rằng gặp đời pháp nhược ma cường. Chư Thiên quên lời thệ nguyện. Chư Thần quên sứ mạng ngày xưa đã tuyên thệ. Hàng con trưởng Như Lai, đa phần muốn nhập hạnh Thanh Văn, Duyên Giác. Dòng đời ai đau khổ mặc ai. Lời dạy của Như Lai về Phật thừa hình như chỉ là cái bóng mờ xa lơ xa lắc.

3/. Đức Phật nêu ví dụ

Chánh văn

13 – Xá Lợi Phất! Như trong xóm làng của phủ huyện nọ, có vị Đại Trưởng giả tuổi đã già yếu, của cải vô lượng, nhà ông giàu lớn, người ở trong đó rất đông: hoặc một trăm, hai trăm cho đến năm trăm người, lầu gác đã mục, vách phen sụp đổ, chân cột hư nát, trính xuyên xiêu ngã, bỗng bốn phía đồng một lúc, lửa nổi lên đốt cháy nhà ấy.

Các người con của Trưởng giả hoặc mười người, hoặc hai mươi người, hoặc đến ba mươi người đang chơi ở trong khu có nhiều nhà cửa ruộng nương và các tô tở, trong đó có một căn rộng lớn mà chỉ có một cửa để ra khỏi nhà đó.

14 - Trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên, liền rất sợ sệt mà nghĩ rằng: Ta đâu có thể do nơi cửa của nhà cháy này mà ra ngoài rất an ổn, song các con ở trong nhà lửa mảng ham vui chơi giỡn không hay biết, không sợ sệt, lửa đến đốt thân đau khổ lắm, mà lòng chẳng đếm xỉa, không có ý cầu ra khỏi.

Xá Lợi Phất! Ông Trưởng giả đó lại nghĩ: thân thủ của ta có sức mạnh, nên có thể dùng vật áo hoặc ghế đẩu đùm túm các con từ trong nhà mà chạy ra ngoài. Ông lại nghĩ: nhà này chỉ có một cái cửa mà lại hẹp nhỏ, các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn hoặc rơi ngã lại bị lửa đốt cháy, ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ là nhà này đã bị cháy phải liền mau ra, chớ để bị lửa đốt hại. Nghĩ như thế rồi ông theo chỗ đã nghĩ đó mà bảo các con: “Các con mau ra!”. Người cha đâu thương xót khéo nói để dụ dỗ, mà các người con ưa vui chơi chẳng khứng tin chịu, chẳng sợ sệt, trọn không có lòng muốn ra, lại chẳng hiểu gì là lửa? Gì là

nhà? Thế nào là hại? Chỉ cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi.

15 – Bấy giờ, Trưởng giả liền nghĩ, nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy, ta cùng các con nếu không ra liền chắc sẽ bị cháy thiêu, ta nay nên bày chước phương tiện khiến cho các con đừng khỏi nạn này.

Người cha biết các con đều vẫn có lòng ham thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có, chắc chúng nó thích lắm, mới bảo các con rằng: “Đây này là những món ít có khóặng mà các con có thể vui thích, nếu các con không ra ngay mà lấy thì sau chắc phải nuối tiếc. Các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu như thế, nay để ở ngoài cửa có thể dùng dạo chơi, các con ở nơi nhà lửa nên mau ra đây, tùy ý muốn món nào cha đều sẽ cho cả”.

Lúc bấy giờ, các người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹp vừa ý mình, nên lòng mỗi người đều hớn hở, cùng xô đẩy, đua nhau ruổi chạy, tranh ra khỏi nhà lửa. Khi đó Trưởng giả thấy các con đặng an ổn ra khỏi nhà lửa, đều ở nơi ngã tư đường ngòi chỗ đất trống không còn bị chướng ngại, tâm ông thơ thới vui mừng hớn hở.

Bấy giờ, các người con đều vòi vĩnh với cha rằng: “Cha lúc nãy hứa cho tụi con những đồ

chơi tốt đẹp, nào xe dê, xe hươu, xe trâu giò xin ban liền đi”.

16 - Xá Lợi Phất! Khi đó Trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng, chũng dọn bằng các món báu, lan can bao quanh, bốn phía treo chuông lắc, lại dùng màn lọng giăng che ở trên, cũng dùng đồ báu đẹp tốt lạ mà trau giồi, dây bằng báu kết thắt các dải hoa rủ xuống, nệm chiếu mềm mại trải chông, gối đỏ để trên, dùng bò trắng kéo, da mượt sạch, thân hình mập đẹp khác thường có sức rất mạnh, bước đi chắc nịch mau lẹ như gió, lại có đông tôi tớ để hầu hạ theo bên.

Vì cơ sao? Vì ông Trưởng giả đó của giàu vô lượng, các thứ kho tàng thấy đều đầy ngập nên ông nghĩ rằng: “Của cải của ta nhiều vô kể, không nên dùng xe nhỏ xấu kém mà cho các con. Những trẻ thơ này đều là con của ta, được thương yêu đồng đều không thiên lệch, ta có xe bằng bảy báu như thế số nhiều vô lượng nên lấy lòng bình đẳng mà cho đều chúng nó, chẳng nên sai khác. Vì sao? Vì dầu đem xe của ta cho khắp cả người một nước hãy còn không thiếu huống gì chỉ có các con”. Lúc ấy, các người con đều ngồi xe lớn đặng điều chưa từng có, vượt quá chỗ trước kia mình trông.

17 - Xá Lợi Phất! Ý của ông nghĩ sao? Ông Trưởng giả đó đồng đem xe trâu báu lớn cho các người con, có lừa dối chăng? Xá Lợi Phất thưa: “Thưa Thế Tôn! Không, ông Trưởng giả đó chỉ làm cho các người conặng ra khỏi nạn lửa để toàn thân mạng chúng nó, nên chẳng phải là lừa dối. Vì sao? Nếu được toàn thân mạng thì coi như chúng đã được đồ chơi tốt đẹp rồi, vả chăng đây là dùng phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Thế Tôn! Dầu ông Trưởng giả đó chẳng cho một thứ xe rất nhỏ đi nữa thì cũng còn chẳng phải lừa dối. Vì sao? Vì ông Trưởng giả đó trước có ý nghĩ như vậy: “Ta dùng chước phương tiện cho các conặng ra khỏi, vì lý do đó nên coi như không lừa dối vậy. Huống hồ ông Trưởng giả tự biết mình của giàu vô lượng muốn lợi ích các con mà đồng cho xe lớn!”.

18 – Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất: “Hay thay! Hay thay! Như lời ông nói, Xá Lợi Phất! Như Lai cũng lại như thế. Phật là cha của tất cả thế gian, ở nơi các sự sợ hãi suy não lo buồn vô minh che tối, đủ cả chẳng thừa ra thứ gì mà trọn thành tựu vô lượng trí kiến, trí lực, vô sở úy; có sức đại thần thông cùng sức trí huệ đầy đủ các món phương tiện, trí huệ ba la mật, đại từ đại bi thường không hề lười mỏi. Hằng vì cầu

việc lành lợi cho tất cả muôn loại mà sanh vào nhà lửa tam giới cũ mục này, để độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa: sanh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não, ngu si tối tăm, ba độc; dạy bảo cho chúng sanh đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

19 - Ta thấy, các chúng sanh bị những sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não nó đốt cháy, cũng vì năm món dục tài lợi mà bị các điều thống khổ. Lại vì tham mê đeo đuổi tìm cầu nên hiện đời thọ các điều khổ, đời sau thọ khổ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu sanh lên trời hoặc ở trong loài người thời nghèo cùng khốn khổ, bị khổ về người yêu thương phải xa lìa, kẻ oán ghét lại sống chung đặng. Các món khổ như thế mà chúng sanh lại chìm trong đó vui vẻ dạo chơi, chẳng hay chẳng biết, chẳng kinh chẳng sợ, cũng chẳng sanh lòng nhàm, không cầu giải thoát; ở trong nhà lửa tam giới này đông tây rảo chạy, dầu bị khổ nhiều vẫn chẳng lấy làm lo.

20 - Xá Lợi Phất! Phật thấy điều này rồi bèn nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sanh nên dứt bỏ khổ nạn chúng, ban vô lượng vô biên món trí tuệ vui của Phật để chúng dạo chơi.

Xá Lợi Phất! Như Lai thấy điều đó rồi lại nghĩ: Nếu ta chỉ dùng sức thần thông cùng sức trí huệ mà bỏ chước phương tiện, khen ngợi chúng sanh nghe các món tri kiến, trí lực, vô sở úy của Như Lai, ắt chúng sanh chẳng có thể do đó mà đặng độ thoát.

Vì sao? Vì các chúng sanh đó chưa thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn đau khổ, đương bị thiêu đốt trong nhà lửa tam giới, làm sao có thể hiểu được trí huệ của Phật.

21 - Xá Lợi Phất! Như ông trưởng giả kia dầu có sức mạnh mà chẳng dùng, chỉ chăm chăm phương tiện gắng cứu các con thoát nạn nhà lửa, rồi sau đều cho xe trâu báu lớn.

Như Lai cũng lại như thế, dầu có trí lực cùng sức vô úy mà chẳng dùng đến, chỉ dùng trí huệ phương tiện nơi nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sanh, vì chúng sanh nói ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác cùng Phật thừa mà bảo rằng: “Các người không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới, chớ có ham mê các món sắc, thanh, hương, vị, xúc thô hèn, nếu tham, mê, ắt sanh ái nhiễm thời sẽ bị nó đốt. Các người mau ra khỏi ba cõi sẽ đặng chứng ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác và Phật thừa.

Nay ta vì các người mà bảo nhiệm việc đó quyết không dối vậy. Các người chỉ nên siêng năng tinh tấn tu hành. Như Lai dùng phương tiện ấy để dụ dẫn chúng sanh thẳng tiến, lại bảo: “Các người nên biết rằng pháp ba thừa đó đều là pháp các đấng Thánh khen ngợi, là pháp tự tại, không bị ràng buộc, không còn phải nương gá tìm cầu, ngồi trong ba thừa này dùng các món căn, lực, giác chi, thánh đạo, thiền định, vô lậu, cùng giải thoát tam muội ... *vân vân* ... để tự vui sướng, đặng vô lượng sự an ổn khoái lạc.

22 – Xá Lợi Phất! Nếu có chúng sanh nào bề trong có trí tánh, từ Đức Phật Thế Tôn nghe được pháp tin nhận ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi ba cõi tự cầu chứng Niết Bàn, gọi đó là Thanh Văn thừa, như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào từ Đức Phật Thế Tôn nghe được pháp, tin nhận, rồi ân cần tinh tấn, cầu trí huệ tự nhiên, ưa thích riêng lẽ vắng lặng, sâu rõ như duyên của các pháp, gọi đó là Duyên Giác thừa, như các người con kia vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào từ Đức Phật Thế Tôn nghe được pháp tin nhận, siêng tu tinh tấn, cầu nhưt thiết trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí,

các món tri kiến, lực, vô úy của Như Lai, có lòng thương xót làm an vui cho vô lượng chúng sanh, lợi ích trời, người, độ thoát tất cả, hạng đó gọi là Đại thừa. Bồ Tát vì cầu đặng thừa này thời gọi là Ma Ha Tát. Như các người con kia cầu xe bò mà ra khỏi nhà lửa.

23 - Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đến chỗ không còn lo sợ, ông tự nghĩ, ta có của vô lượng, nên bình đẳng đem xe lớn đồng cho các con. Như Lai cũng lại như thế, là cha của tất cả chúng sanh, nếu thấy có vô lượng, nghìn ức chúng sanh do cửa Phật giáo mà thoát khỏi khổ, đường hiểm đáng sợ của ba cõi, đặng sự vui Niết bàn thì bấy giờ Như Lai bèn nghĩ: “Ta có vô lượng vô biên trí huệ, lực vô úy ... tạng pháp của các Đức Phật, các chúng sanh này đều là con của ta vậy nên đồng ban cho pháp Đại thừa, chẳng để có người được diệt độ riêng, đều đem pháp diệt độ của Như Lai mà cho chúng sanh diệt độ.

Những chúng sanh đã thoát khỏi ba cõi đó, Phật đều cho món vui thiền định, giải thoát ... của các Đức Phật, các món đó đều là một tướng, một thứ mà các đấng Thánh khen ngợi, hay sanh ra sự vui sạch mẫu mực nhất.

24 – Xá Lợi Phất! Như ông Trưởng giả ban đầu dùng ba thứ xe dụ dẫn các con, sau rồi chỉ ban cho xe lớn vật báu trang nghiêm an ổn thứ nhất, song ông Trưởng giả kia không có lừa dối, Như Lai cũng như thế, không có lừa dối ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh, sau rồi chỉ dùng Đại thừa mà độ giải thoát đó.

Vì sao? Như Lai có vô lượng tạng pháp trí huệ, lực, vô sở úy, có thể ban pháp Đại thừa cho tất cả chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không thọ được hết.

Xá Lợi Phất! Vì như duyên đó nên phải biết các Đức Như Lai dùng sức phương tiện, ở nơi một Phật thừa phân ra nói làm ba.

Giảng luận

Câu chuyện vị phú trưởng giả và ba thứ xe Đức Phật nêu ra để làm thí dụ cho giáo pháp ba thừa, do Đức Phật phổ truyền. Lúc đầu, Đức Thế Tôn truyền dạy ba thừa pháp. Khi trình độ học chúng đã liễu ngộ, Đức Phật liền dẫn dắt nhập vào một Phật thừa. Chúng ta lưu ý ba thừa đều nằm trong một Phật thừa. Ngôi nhà nằm trong tỉnh, tỉnh nằm trong phạm vi quốc gia, quốc gia nằm trong quả đất, trong bầu khí quyển, chứ không bao giờ bầu khí quyển nằm trong ngôi nhà. Vậy là ngôi nhà, quả đất và bầu khí quyển là ba đơn vị, nhưng ba không phải thực là ba,

mà cũng không hẳn là một. Không có ngôi nhà, không cần quả đất. Không có quả đất, không cần bầu khí quyển. Ngược lại cũng thế!

Đoạn kinh này khai mở tâm trí chúng ta. Nếu ai liễu ngộ được mật nghĩa của đoạn kinh này thì liền bừng khai tâm trí, vượt khỏi đường hầm tăm tối như từ trước đến nay đa số người chúng ta đã và đang sống. Ánh sáng nơi tâm trí chúng ta sẽ lóe dạng, để đón ánh bình minh của chơn lý sự thật do Đức Phật chỉ dạy nơi toàn bộ kinh.

Lại bàn giải thêm một số nét quan trọng về tư tưởng quá trớn của một số người phát tâm tu Đại thừa, lại xem thường Tiểu thừa, không thèm đọc sách Tiểu thừa, hoặc hủy báng Tiểu thừa. Đây là một điều sai lầm quá lớn, nếu không nói là nguy hiểm. Nếu những ai lỡ có tư tưởng như vậy, xin mời nghiên cứu thật chi tiết về bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa thì rõ, khi nào trong kinh Đại thừa Pháp Hoa lại không có các pháp Tứ đế, Bát chánh đạo, bảy điều giác ngộ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo ... *vân vân* ... Nói chung là những pháp môn nơi kinh Tiểu thừa đã dạy rất chi tiết thì kinh Đại thừa chỉ tóm gọn, có thể thôi! Như vậy tại sao chúng ta lại chê kinh Tiểu thừa, hoặc hủy báng Tiểu thừa pháp. Nếu hủy báng, hoặc chê bai pháp Tiểu thừa thì xin đặt thêm câu hỏi: **“Pháp Tiểu thừa có phải Đức Phật Thích Ca thuyết giảng hay không?”**. Một giả

thuyết khác, cụ thể dễ hiểu hơn: Có người sinh viên Đại học, hủy báng các phép toán cộng trừ nhân chia và hai mươi bốn chữ cái lúc còn lớp Tiểu học. Như vậy tư cách của người sinh viên này như thế nào?

Bước chân vào đạo, không nghiêm trì giới luật, không thông hiểu A Hàm, Phương Đẳng thì căn bản đâu để bước vào Đại thừa. Ngày nay lối học đạo nhẩy vọt, băng ngang, vượt tấ, tu đốn, tu mật, tu thần thông mà quên phần căn bản. Có người còn hủy những pháp môn căn bản lúc ban đầu. Ôi thật đáng thương thay!

Lưu ý đoạn kinh nơi phẩm Tựa nêu trên là Đức Phật thuyết giảng cho vị Thánh Tăng Xá Lợi Phất, và lời Tôn Giả Xá Lợi Phất trình bày tâm trạng của một ngàn hai trăm vị Thánh Tăng. Vậy chúng ta đã đạt trình độ Thánh quả chưa mà chê dục, chê ngang, hủy báng này, mỉa mai khác.

III - TÓM KẾT

Qua hai bài, chúng ta tạm chia thành tám nét lớn. Mỗi nét ẩn chứa hàng ngàn mật nghĩa. Tù căn cơ, trình độ mỗi người chúng ta “lãnh hội” và “liễu ngộ” giáo pháp của Đức Thế Tôn, nơi kinh Pháp Diệu bông sen nhập đời. Liễu ngộ nét nào, áp dụng vào cuộc sống nét đó. Nhất là phải thẩm sâu trọn vẹn nét đó, hoặc câu đó, hoặc chữ đó. Một đặc điểm nữa, tu học Pháp Hoa kinh phải tinh tấn, dũng mãnh và nhiệt tâm.

Nhấn mạnh một số bí pháp căn bản và cần thiết của hai bài học số bảy và số tám này:

✦ Phải thực sự liễu ngộ rằng nơi chúng ta đang sống, là ngôi nhà lửa tam giới. Dù các Ngài vua trời, ở các cõi trời, đã vượt khỏi dục giới, đang sống ở các cõi sắc giới và vô sắc giới, nhưng cũng vẫn còn là ngôi nhà lửa tam giới.

✦ Ba thừa pháp và một thừa pháp tuy hình thức khác nhau, nhưng nội dung vẫn là một. Ba loại xe tuy hình thức khác nhau, nhưng ý nghĩa nội dung như nhau. Thừa lớn bao gồm các thừa nhỏ, chứ không bao giờ thừa nhỏ bao gồm được thừa lớn. Xe lớn kéo xe nhỏ, chứ không bao giờ xe nhỏ chở xe lớn. Chữ Đại là to lớn. Chữ thừa (cũng đọc là thặng) tức là xe. Vậy xe lớn nhỏ khác nhau hình thức, nhưng đồng ý nghĩa là phương tiện để chuyên chở.

Quan trọng nhất là tư tưởng của chúng ta. Chúng ta phải bắt đầu học từ A - B - C, rồi từ từ mới lên Tiến sĩ ... Chứ chẳng ai ngang hông nhảy lên học Tiến sĩ. Và một điều đáng lưu ý, có nhiều người đạt trình độ Tiến sĩ, khi về làng khinh khi vị Thầy dạy mình từ thuở còn A - B - C ..., bảo rằng ông ấy sao gọi là Thầy được, ông ấy dốt nát, tôi đây Tiến sĩ mới là Thầy. Dù thành Phật, nhưng vẫn phải tôn trọng Phật tánh của chúng sanh, mọi loài chúng sanh và Phật đều bình đẳng tánh trí. Thể tướng khác

nhau, cao thấp thượng hạ, nhưng Phật tánh bình đẳng.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Long Thiên Bát Bộ Hộ pháp hộ trì cho chúng ta sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập vào đại vũ trụ, thơm ngát Liên Hoa. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến khắp các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết tất cả đều thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.



Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận



Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 9

PHẨM THÍ DỤ - Thứ ba
(tiếp theo)

- Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên câu chuyện ngôi nhà lửa
- Nên và không nên phổ truyền kinh Pháp Hoa.

I - MỞ ĐỀ

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni kể câu chuyện ngôi nhà lửa và ba thứ xe của ông phú trưởng giả, để thí dụ cho giáo pháp ba thừa, vừa đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ và dễ đối chiếu.

Qua hai bài học số bảy và tám, chúng ta đã rõ đại cương phần mở đề kinh. Đức Phật còn chu đáo hơn, Ngài lập lại một lần nữa về ý nghĩa những lời chỉ dạy này bằng thơ kệ, hầu thấm sâu vào tạng thức của người nghe, đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa.

Đặc biệt, văn cách truyền thừa của Đức Phật nơi phẩm kinh này lại càng quá đơn giản, gần như văn đối thoại. Từ đầu tới cuối phẩm kinh, chỉ có hai nhân vật chính, Đức Phật và Tôn Giả Xá Lợi Phất. Những nhân vật phụ thì có chư Thiên. Phần chư Thiên thì chỉ lướt qua và chỉ nêu tên hai Ngài vua trời siêu đẳng, đó là Ngài Phạm Thiên Vương ở cõi trời Phạm Thiên và Ngài Đế Thích Thiên Vương ở cõi trời Đao Lợi.

Về nhân vật trong mẩu chuyện kể, chỉ độc nhất có một vị phú trưởng giả. Các người con thì là nhân vật câm. Khi sử dụng ngôn ngữ thì cũng không nêu tên phú trưởng giả, chỉ mượn danh từ chung là ông nhà giàu vậy thôi. Thật là một phẩm kinh đơn giản, nhưng lại quá sâu sắc về phần nội dung. Đơn giản còn hơn truyện Tây Du. Tác phẩm Tây Du, ngoài bốn nhân vật chính còn chẳng biết bao nhiêu là nhân vật phụ của câu truyện. Nhưng mà Tây Du còn đơn giản hơn truyện Phong Thần, truyện Tam Quốc, truyện Phi Long, truyện kiếm hiệp Kim Dung ...

Sở dĩ chúng tôi đưa vào phần mở đề đông dài như vậy là có ý nhắc khéo các vị tu học viên, các hành giả, thức giả Pháp Hoa kinh rằng: Tất cả các mẩu chuyện nơi các sách khác, chuyện nào cũng rườm rà, nhiều nhân vật. Vậy mà quý vị nhớ rất rành rẽ. Còn những mẩu chuyện nơi kinh Pháp Hoa,

nhất là mẫu chuyện nơi phẩm Thí dụ này, rất đơn giản, đơn giản gần như văn đối thoại. Vậy mà trong chúng ta liệu được mấy người nhớ? Tại sao vậy? Nhờ quý vị câu trả lời.

II - NỘI DUNG

1/. Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Chánh văn

25 - Như ông Trưởng giả

Có một nhà lớn

Nhà đó đã cũ

Mà lại xiêu vẹo

Phòng nhà hư tổn

Gốc cột gãy mục

Trính xuyên xiêu vẹo

Nền móng nát rã

Vách phen sụp lở

Đất hồ rơi xuống

Mái lợp đổ dột

Kèo đòn bung khớp

Bốn bề cong vạy

Tạp như dây dầy

Có năm trăm người

Nấu nướng trong đó

Chim mèo bù cắt

Quạ, thước, bồ câu

Rắn độc, bò cạp
Rít giời du diên
Mọt vách, cuốn chiếu
Chồn chuột đủ loại
Các giống độc trùng
Ngang dọc xen chạy
Dơ bản ứa tràn
Giòi bọ các loại
Bu bò trên đó
Cáo, sói, chồn hôi
Nhai gặm, giã đập
Cắn xé thây chết
Xương thịt vương vãi
Do đó bày chó
Đua đến ngoạm lấy,
Ốm đói lấm lét
Nơi nơi tìm ăn
Giành giựt cấu xé
Gầm gừ gào sủa
Nhà đó đáng sợ
Biến trạng dường ấy
Khắp chỗ đều có
Ly, mị, vọng, lường
Dạ xoa quỷ dữ
Ăn cả thịt người
Các loài trùng độc
Cầm thú hung ác

Sanh, ấp, cho bú
Tự giấu gìn giữ
Dạ xoa đua đến
Giành bắt mà ăn
Ăn no nê rồi
Lòng dữ thêm hăng
Tiếng chúng đánh nhau
Thật rất đáng sợ
Quý Cừu bàn trà
Ngồi xồm trên đất
Có lúc hồng đất
Một hoặc hai thước
Tới lui rảo bước
Buông lung chơi đùa
Nắm hai chân chó
Đánh la thất thanh
Lấy chân đạp cổ
Khủng bố để vui
Lại có các quý
Thân chúng cao lớn
Trần truồng đen xấu
Thường ở trong đó
Hét rền tiếng ác
Kêu la tìm mồi
Lại có giống quý
Cổ nhỏ bằng kim
Lại có giống quý

Đầu như đầu trâu
Hoặc ăn thịt người
Hoặc ngoạm thịt chó
Đầu tóc rối tung
Tàn ác hung hiểm
Đói khát bức ngặt
Kêu la chạy rong
Dạ xoa quỷ đói
Chim muông ác độc
Đói rảo bốn bề
Rình dòm cửa sổ
Các nạn dường thế
Ghê sợ không lường

26 - Nhà cũ mục đổ
Thuộc về một người
Người ấy mới ra
Thời gian chưa lâu
Sau đó nhà kia
Bỗng nhiên lửa cháy
Đồng lúc bốn bề
Ngọn lửa hừng hực
Rường cột trính xuyên
Tách nổ vang rền
Nát gãy rơi xuống
Vách phen lở sứt
Các loại quỷ thần

Cất tiếng kêu to
Các giống điều, thứu
Quý Cừ bàn trà
Kinh sợ sảng sốt
Không tự ra đặng
Thú dữ trùng độc
Chui núp lỗ hang
Quý Tỳ xá xà
Cũng ở trong đó
Vì phước đức kém
Bị lửa đốt bức
Tàn hại lẫn nhau
Uống máu ăn thịt
Những loại chồn hôi
Thời đều chết trước
Các thú dữ lớn
Tranh đến ăn nuốt
Khói khét phùn phụt
Phủ bít bốn bề
Rít giới, do diên
Cùng loài rắn độc
Bị lửa đốt cháy
Tranh vọt khỏi hang
Quý Cừ bàn trà
Đón bắt mà ăn
Lại các quý đỏi
Trên đầu lửa cháy

Đói khát nóng khổ
Sảng sốt chạy quàng
Cái nhà thế đó
Rất đáng ghê sợ
Nạn lửa độc hại
Chẳng chữa một ai

27 - Bấy giờ chủ nhà
Đứng ở ngoài cửa
Nghe người báo rằng:
Các con của ông
Trước vì dạo chơi
Mà vào nhà này
Thơ bé không hiểu
Chỉ ham vui vẻ
Trưởng giả nghe xong
Quính vào nhà lửa
Tìm phương cứu vớt
Con khỏi chết thiêu
Mới bảo các con
Kể các hoạn nạn
Ác quỷ độc trùng
Hỏa tai tràn lan
Thứ lớp các khổ
Nói luôn không dứt
Độc xà, người phúc
Và các Dạ xoa

Cùng Cưu bàn trà
Dã can, chồn, chó
Điêu, thúu, xi, hiêu
Hết thầy bá túc
Đói khát khổ gấp
Rất đáng ghê sợ
Chỗ khổ nạn thế
Hướng lại lửa lớn
Các con không hiểu
Dầu nghe cha dạy
Cứ vẫn còn ham
Chơi mãi không thôi.

28 - Bấy giờ Trưởng giả
Bèn nghĩ thế này:
Các con thế đó
Làm ta thêm sầu
Nay nhà lửa này
Không gì đáng vui
Mà các con ta
Vẫn ham vui chơi
Chẳng nghe lời dạy
Sẽ bị lửa hại
Ông bèn nghĩ ra
Bày các phương tiện
Bảo với các con:
Cha có nhiều thứ

Đồ chơi trân kỳ
Xe báu tốt đẹp
Xe dê, xe hươu
Cùng xe bò lớn
Hiện để ngoài cửa
Các con mau ra
Cha vì các con
Sắm những xe này
Tùy các con thích
Có thể dạo chơi
Các con nghe nói
Các xe như vậy
Tức thời giành đua
Rảo chạy khỏi nhà
Đến khoảng đất trống
Rời những khổ nạn
Trưởng giả thấy con
Ra khỏi nhà lửa
Nơi ngã tư đường
Mà tự mừng rằng
Ta nay mừng vui
Các con ta đây
Để nuôi rất khó
Nhỏ dại không hiểu
Mới vào nhà hiểm
Có nhiều trùng độc
Ly mị đáng sợ

Lửa lớn cháy phòng
Bốn phía bùng lên
Mà các con này
Ham ưa vui chơi
Nay đã cứu chúng
Khiến đều đặng thoát
Vì thế người ơi !
Ta nay vui mừng
Khi ấy các con
Biết cha ngồi an
Đều đến bên cha
Thưa cùng ông rằng:
Xin cho chúng con
Ba thứ xe báu
Như hồi nãy hứa
Các con mau ra
Sẽ cho ba xe
Tùy ý lấy muốn
Chính đúng lúc này
Xin thương cấp cho.

Giảng luận

Đoạn hai mươi lăm, phần thơ kệ chính văn chữ Hán, mỗi câu bốn chữ, nên khi Việt dịch chúng tôi cũng giữ y bốn chữ như nguyên văn Đức Phật diễn tả tệ trạng trong ngôi nhà lửa của vị phú trưởng giả. Mục đích giúp người đọc, thọ trì dễ đối chiếu với

cuộc đời hiện hữu của mình đang sống trong cảnh giới lửa cháy. Cả tam giới: “Dục giới - Sắc giới - Vô sắc giới” mà chúng ta đang ở, không khác gì ngôi nhà lửa của vị phú trưởng giả mà Đức Phật đã mô tả.

Đoạn hai mươi sáu, Đức Phật nhấn mạnh sự rùng rợn, kinh tởm về ngôi nhà lửa của vị trưởng giả, để chúng ta liên tưởng sự rùng rợn, kinh tởm cảnh sống chúng sanh, nơi cõi tam giới này.

Đoạn hai mươi bảy, Đức Phật diễn tả tâm trạng của vị phú trưởng giả, vì thương con xông vào nhà lửa tìm cách cứu các con mình, báo động cho các con rõ sự nguy hiểm của ngôi nhà đang cháy. Mục đích kể đoạn này, để giúp hàng đệ tử Phật, lúc đó cũng như sau này, liên tưởng đến tâm trạng của Đức Phật, vì xót thương chúng sanh, xót thương chúng ta mà Đức Phật nhập vào ngôi nhà lửa tam giới, để giáo huấn chúng sanh thức tỉnh, sớm rời khỏi cõi này.

Đoạn hai mươi tám, Đức Phật diễn tả vị trưởng giả phải sử dụng pháp phương tiện, hứa cho các con ba thứ xe, để các con tha hồ dạo chơi. Các con nghe vậy, lòng vui mừng khôn xiết, liền rời nhà lửa. Khi các con ra khỏi nhà lửa, liền đến bên cha để chờ nhận xe từng loại theo sở thích từng người. Mục đích Đức Phật kể đoạn kệ này, để giúp chúng ta dễ liên tưởng đến việc làm của Đức Phật, vì thương xót

chúng sanh, vì thương xót hàng đệ tử thuở đó và sau này (*tức là chúng ta đây*) mà Đức Phật phân chia giáo pháp thành ba thừa. nhờ phương pháp này mà đa số chúng sanh vì ham chứng đắc ba thừa, nên rời bỏ ngôi nhà tam giới, theo Đức Phật học, tu để chứng quả tam thừa.

Chánh văn

29 - Trưởng giả giàu có
 Kho đụn đầy đầy
 Vàng bạc lưu ly
 Xa cừ mã nã,
 Dùng những vật báu
 Tạo các xe lớn
 Chủng dọn đẹp đẽ
 Khắp vòng bao lớn
 Bốn mặt treo chuông
 Dây vàng thắt tui
 Lưới màn kết châu
 Giăng bày phía trên
 Hoa vàng chuỗi ngọc
 Lòng thông rử khắp
 Lựa màu trang sức
 Quán vòng quanh xe
 Dùng nhiều hàng mềm
 Để làm nệm lót
 Vải quý mịn tốt

Giá trị nghìn muôn
Bóng láng trắng sạch
Trái trùm trên nệm
Có bò trắng to
Mập khỏe sức mạnh
Thân hình tươi mượt
Đẽ kéo xe báu
Đông những tôi tớ
Chực hầu bảo vệ
Đem xe đẹp thế
Ban cho các con
Các con lúc ấy
Vui mừng hơn hở
Ngồi xe báu đỏ
Dạo khắp bốn phương
Vui chơi khoái lạc
Tự tại vô ngại

30 - Bảo Xá Lợi Phất
Ta cũng như vậy
Tôn cả hàng Thánh
Cha của cõi đời
Tất cả chúng sanh
Đều là con ta
Say mê mùi đời
Không chút huệ tâm
Ba cõi không an

Giống như nhà lửa
Nạn khổ đầy dẫy
Rất đáng ghê sợ
Thường có sanh, già
Bệnh, chết, rầu lo
Các lửa như thế
Cháy phừng chẳng tắt
Như Lai đã lia
Nhà lửa ba cõi
Vắng lặng thông thả
An ổn rừng nội
Hiện ba cõi này
Đều là của ta
Chúng sanh trong đó
Chính là con ta
Nay ba cõi ấy
Có nhiều hoạn nạn
Chỉ một mình ta
Có thể cứu hộ
Dầu đã dạy bảo
Vẫn không tin nhận
Nơi các dục nhiễm
Sanh lòng tham mê
Bởi thế phương tiện
Mà nói ba thừa
Khiến các chúng sanh
Rõ ba cõi khổ

Mở bày diễn nói
Đạo pháp xuất thế
Thấy các con đó
Nếu tâm quyết định
Đầy đủ ba minh
Và sáu thần thông
Người được Duyên Giác
Bất thối Bồ tát
Này Xá Lợi Phất
Ta vì chúng sanh
Dùng thí dụ này
Nói một Phật thừa
Các ông nếu hay
Tin nhận lời đây
Tất cả đều sẽ
Chứng quả Phật đạo

31 - Thừa vi diệu này
Thanh tịnh hết thảy
Trong các thế gian
Không pháp nào trên
Phật đã vui nhận
Tất cả chúng sanh
Đều phải khen ngợi
Cúng dường lễ bái
Vô lượng nghìn ức
Trí lực, giải thoát

Thiền định trí huệ
Pháp khác của Phật
Đặng thừa như thế
Thả cho các con
Ngày đêm mãi mãi
Đặng ngồi dạo chơi
Cùng hàng Bồ tát
Với chúng Thanh Văn
Nương thừa báu này
Thẳng đến đạo tràng
Bởi như duyên đó
Tìm khắp mười phương
Không còn thừa khác
Trừ Phật phương tiện
Này Xá Lợi Phất!
Hết thầy bọn ông
Đều là con ta
Ta chính là cha
Các ông nhiều kiếp
Phật nói khổ đế
Chơn thật không sai
Nếu có chúng sanh
Không rõ gốc khổ
Quá say như khổ
Chẳng tạm bỏ được
Phật vì hạng này
Phương tiện nói dạy

Nguyên nhưn các khổ
Tham dục là gốc
Nếu dứt tham dục
Khổ không chỗ nương
Dứt hẳn các khổ
Gọi đế thứ ba
Vì chúng diệt đế
Tu hành đạo đế
Lìa các khổ buộc
Gọi là giải thoát
Người đó do đâu
Mà đặng giải thoát?
Chỉ rời hư vọng
Cho là giải thoát
Kỳ thiệt chưa phải
Giải thoát tất cả
Phật nói người đó
Chưa thiệt diệt độ
Người đó chưa được
Đạo quả vô thượng
Ý ta không muốn
Cho đến diệt độ
Ta đấng pháp vương
Tự tại nơi pháp
An ổn chúng sanh
Nên hiện nơi đời
Này Xá Lợi Phất!

Pháp ấn của ta
Vì muốn lợi ích
Thế gian nên nói
Tại chỗ ông qua
Chớ tuyên truyền bừa
Nếu có người nghe
Tùy hỷ kính nhận
Phải biết người ấy
Là bực bất thối
Nếu người tin nhận
Kính pháp này đây
Người đó đã từng
Thấy Phật quá khứ
Cung kính cúng dường
Và nghe pháp này
Người nào có thể
Tin lời ông nói
Chính là thấy ta
Cũng là thấy ông
Cùng chúng Tỷ kheo
Và các Bồ tát.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ ba mươi, Đức Phật dạy Tôn Giả Xá Lợi Phất rằng tất cả chúng sanh đều là con của Như Lai, nhưng đa phần thiếu trí tuệ, đắm mê dục lạc nơi tam giới, nên cam nhận sự hủy diệt, chịu

luân hồi. Như Lai đã rời ba cõi, nhưng vì xót thương con, nhập vào ba cõi để cứu các con. Một mình Như Lai thừa sức cứu khắp chúng sanh. Nhưng ngặt nỗi đa số vì ham mê dục lạc, nên không nghe lời Như Lai. Vì lý do đó nên Đức Phật mới áp dụng pháp phương tiện, chia giáo pháp Nhất thừa thành ba thừa pháp. Nếu chúng sanh nào tin nhận giáo pháp Nhất thừa này thì nhất định sẽ thành Phật.

Đoạn kệ thứ ba mươi một, Đức Phật nhấn mạnh: Pháp Phật thừa vi diệu, chư Phật hộ trì, chúng sanh nếu tin nhận, cúng dường, lễ bái, trải nhiều kiếp sau khi đắc thừa như thế thì tự tại dạo chơi khắp ba cõi. Hàng Bồ tát và chúng Thanh Văn nương thừa này thẳng đến thành Phật.

Hiện tại, hàng Thanh Văn, Bồ tát nương theo pháp ba thừa đã chứng đắc giải thoát. Nhưng Như Lai bảo là chưa rốt ráo. Việc cấp thiết Như Lai phải làm, là truyền dạy trí tuệ Phật và chỉ cho hàng Bồ tát mới chứng đắc cấp kỳ, còn các hàng khác, phải tuần tự, trải qua nhiều giai đoạn.

Đoạn kệ thứ ba mươi hai, Đức Phật dạy thêm rằng dù hàng Thánh Thanh Văn, đã thực sự xa lìa được mọi hư vọng, nhưng vẫn chưa đạt toàn phần giải thoát, huống gì kẻ khác.

Vì vậy pháp Nhất thừa, không thể truyền trao cho người tâm ý vọng động. Những ai tâm ý thanh tịnh, tin tưởng, hoan hỷ, thành kính, tinh tấn, nghe

thực hành pháp Nhất thừa thì vị ấy đồng như các bậc bất thối chuyển. Kể cả nghe lời của Tôn Giả Xá Lợi Phất thay Đức Phật truyền dạy lại, thì người tin nghe đó cũng bằng gặp Như Lai, gặp chúng Tỷ kheo, Thánh Tăng và chư Bồ tát vậy.

◊ **Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên nghĩa trên (tiếp theo)**

Chánh văn

33 - Kinh Pháp Hoa này

Nói cho người trí

Kẻ thức cạn nghe

Mê lầm không hiểu

Tất cả Thanh Văn

Cùng Bích Chi Phật

Trong kinh pháp này

Sức không hiểu được

Chính Lợi Phất ông

Còn nơi kinh này

Vì tin đặt vào

Hướng Thanh Văn khác.

Bao Thanh Văn khác

Do tin lời Phật

Tùy thuận kinh này

Chẳng phải trí mình

34 - Nay Xá Lợi Phất

Kiều mạn biếng lười

Vọng so chấp ngã
Chớ nói kinh này,
Phàm phu biết cạn
Quá mê năm dục
Nghe pháp không hiểu
Cũng chẳng nói cho
Nếu người không tin
Khinh chê kinh này
Thời là dứt cả
Giống Phật thế gian.
Có người xiu mặt
Đem lòng nghi hoặc
Ông nên lóng nghe
Tội báo người đó
Phật còn tại thế
Hoặc khi diệt độ
Có người chê bai
Kinh điển này đây
Thấy người đọc tụng
Biên chép thọ trì
Khinh bỉ ghét ghen
Đem lòng kết hờn
Tội báo người đó
Ông hãy lóng nghe
Người đó mạng chung
Vào ngục A Tỳ
Đây đủ một kiếp

Kiếp mãi lại sanh
Xoay vần như thế
Đến vô số kiếp
Từ địa ngục ra
Đọa vào súc sanh
Làm chó, làm chồn
Thân thể ốm gầy
Đen đũi ghẻ lác
Bị người chọc ghẹo
Lại còn bị người
Gớm nhờm rẻ rúng
Thường khổ đói khát
Xương thịt khô cằn
Sống chịu khổ sở
Chết vì ngôi đá
Vì đoạn giống Phật
Thọ tội báo đó.
Hoặc làm lạc đà
Hoặc sanh vào lừa
Thân mang chở nặng
Thêm bị đánh đập
Chỉ nhớ nước, cỏ
Ngoài ra biết chi
Khinh chê kinh này
Mắc tội như vậy
Có khi làm chồn
Vào trong xóm làng

Thân đầy ghẻ lác
Lại chột một mắt
Bị trẻ nhỏ vây
Đánh đập liệng ném
Chịu nhiều đau khổ
Tới lúc phải chết.
Khi đã chết xong
Thọ thân mãng xà
Thân thể dài lớn
Năm trăm do tuần
Điếc ngậy không chừa
Uốn trườn bằng bụng
Bị các trùng nhỏ
Cắn rúc máu thịt
Bị khổ ngày đêm
Không tạm ngừng nghỉ
Khinh chê kinh này
Mắc tội như vậy.
Nếu được làm người
Các căn ám độn
Lùn xấu liệt què
Đui điếc lưng gù
Nói ra lời gì
Mọi người không tin
Hơi miệng thường hôi
Bị quý mị dựa
Nghèo cùng hèn hạ

Bị người sai khiến
Nhiều bệnh thân gây
Không nơi nương cậy
Dầu thân gần người
Người chẳng ngó ngang
Nếu có được gì
Thời lại quên mất
Nếu học nghề thuốc
Đúng phương trị bệnh
Mà bệnh nặng thêm
Hoặc phải đến chết
Nếu tự có bệnh
Không người chữa đặng
Dầu uống thuốc hay
Bệnh càng thêm nặng,
Người khác phản nghịch
Cướp giựt lấy của
Các tội dường thế
Mình mang vạ lây
Người tội như vậy
Mãi không thấy Phật
Là vua hàng Thánh
Nói pháp giáo hóa,
Người tội như vậy
Sanh chỗ hoạn nạn
Tâm cuồng, tai điếc
Mãi không nghe pháp

Trải vô số kiếp
Như cát sông Hằng
Sanh liền điếc câm
Các căn chẳng đủ
Thường ở địa ngục
Như dạo chơi vườn
Ở ác đạo khác
Như ở nhà mình
Đà, lừa, heo, chó
Là chỗ lại qua
Khinh chê kinh này
Mắc tội dường thế
Nếu sanh làm người
Điếc, đui, câm, ngọng
Nghèo cùng suy sụp
Dùng tự trang nghiêm
Sưng bủn khô khát
Ghẻ, lác, ung thư
Các bệnh như trên
Dùng làm y phục
Thân thể hôi hám
Nhờ nhớp không sạch
Chấp ngã sâu chặt
Nhiều tánh giận hờn
Dâm dục hỷ hừng
Chẳng chữa cầm thú
Khinh chê kinh này

Mắc tội dường thế.

35 - Này Xá Lợi Phất !
Người chê kinh này
Nếu kể tội ra
Cùng kiếp chẳng hết
Bởi nhờn duyên đó
Ta vẫn bảo ông
Với người vô trí
Chớ nói kinh này.
Nếu người lợi căn
Trí huệ sáng láng
Học rộng nhớ dai
Mong cầu Phật đạo
Hạng người như thế
Mới nên nói cho
Nếu người từng thấy
Trăm nghìn ức Phật
Trông các cội lành
Thâm tâm bền vững
Hạng người như thế
Mới nên nói cho.
Nếu người tinh tấn
Thường tu lòng từ
Chẳng tiếc thân mạng
Mới nên nói cho.
Nếu người cung kính

Không sanh lòng khác
Lìa xa phàm ngu
Hạng người như thế
Mới nên nói cho.
Xá Lợi Phất này !
Nếu thấy có người
Rời tri thức sằng
Gần gũi bạn lành
Người được như thế
Mới nên nói cho.
Nếu thấy Phật tử
Giữ giới trong sạch
Như minh châu ngời
Cầu kinh Đại thừa
Những người như thế
Mới nên nói cho.
Người không lòng giận
Ngay thẳng dịu hòa
Thường thương mọi loài
Cung kính các Phật
Hạng người như thế
Mới nên nói cho.
Lại hàng Phật tử
Ở trong đại chúng
Lấy lòng thanh tịnh
Các món nhơn duyên
Thí dụ lời lẽ

Nói pháp không ngại
Những người như thế
Mới nên nói cho.
Nếu có Tỷ kheo
Vì nhứt thiết trí
Bốn phương cầu pháp
Chấp tay kính thọ
Chỉ ưa thọ trì
Kính điển Đại thừa
Đến không hề thọ
Kính khác một kệ
Hạng người như thế
Mới nên nói cho.
Có người chí tâm
Cầu Xá Lợi Phất
Cầu kinh cũng thế
Đặng rồi lễ thọ
Người đó chẳng còn
Lòng cầu kinh khác
Cũng chưa từng nghĩ
Sách vở ngoại đạo
Người được như thế
Mới nên nói cho.
Nầy Xá Lợi Phất !
Ta nói sự tướng
Người cầu Phật đạo
Kiếp cùng chẳng hết

Những người như thế
Mới tin hiểu nổi.
Ông nên vì họ
Nói kinh Pháp Hoa.

Giảng luận

Trong phần thơ kệ, cuối phẩm Thí Dụ thì đoạn ba mươi bốn và ba mươi lăm là hai đoạn có phần quan trọng đối với việc hoằng truyền kinh Pháp Hoa, nên bài học phải thêm một nét lớn, để rộng việc phân tích.

Phần chánh văn Đức Phật chỉ lướt qua. Nhưng phần thơ thì Ngài lại dặn đi, dặn lại Tôn Giả Xá Lợi Phất rất kỹ rằng: “Kinh Pháp Hoa là mẹ các kinh”. Vì vậy cho nên việc phổ truyền phải hết sức thận trọng. Ai nên trao truyền và ai không nên. Những hạng thiếu trí, bọn đam mê dục lạc, những người thiếu phước đức, thiếu nhân duyên, nhất là những người thiếu niềm tin nơi kinh điển Đại thừa thì chớ nên phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Bởi vì, những hạng người này họ không đủ khả năng, hoặc họ không muốn hiểu những chỗ thâm thâm vi diệu của kinh Pháp Hoa. Ví dụ, như Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai thuyết một thời pháp cả triệu năm mà đại thánh chúng nghe, cảm thấy lâu chừng một bữa ăn. Hoặc thị pháp trụ pháp vị. Thế gian tướng thường trụ. Hoặc tất cả

chúng sanh, gồm các loài súc sanh, cũng đều có tánh Phật và cũng đều sẽ được thành Phật. Tóm lại, hàng ngàn vạn triệu nét ẩn nghĩa như thế thì những hạng người tầm thường làm sao hiểu nổi! Họ không hiểu đã đành, tội nghiệp cho họ thôi! Đấng này đã không hiểu mà họ còn hủy báng, chê bai kinh điển, chống đối, hãm hại, vu khống người thọ trì kinh Pháp Hoa. Cho nên, hiện tại họ đã đoạn mất giống Phật, tương lai họ đọa vào A Tỳ địa ngục, đọa làm súc sanh, đọa làm người tật nguyền, ti tiện.

Vì tâm từ bi, nên Đức Phật dặn Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất, dặn tất cả đại chúng và nhất là dặn chúng ta sau này không nên nói cho hạng người ấy nghe, chứ đừng nói là chỉ dạy, phổ quảng, trao truyền kinh Pháp Hoa cho họ, mục đích cứu họ khỏi đọa A Tỳ địa ngục.

Nhưng nếu cứ cẩn thận, dè dặt thì pháp tối tôn, tối

mật, tối siêu, tối thượng, tối vi, tối diệu này làm sao thẩm nhập vào tim tủy của các tầng lớp chúng sanh, hầu khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho họ? Quy tắc này sẽ được chỉ bày nơi các phẩm khác, cũng nơi bộ kinh này.

Riêng phẩm Thí Dụ này, Đức Phật đơn lược mấy nét rằng: Đức Như Lai chỉ truyền dạy kinh Pháp Hoa cho hạng người trí, hạng người có đủ phước đức, căn duyên ... Nói chung là những thành

phần như thơ kệ đã nêu rõ. Đức Phật lại dặn Tôn Giả Xá Lợi Phất, phải y theo Đức Phật mà phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Quan trọng nhất, đoạn thơ kệ này liên quan đến chúng ta là những hành giả Pháp Hoa kinh, có chịu y theo lời Đức Phật hay không? Có cẩn thận dè dặt hay không? Có chọn thầy lành bạn tốt hay không? Có thẩm thấu kinh văn và nhất là có liễu nghĩa thơ kệ từng câu, từng đoạn, từng chữ, từng lời hay không?

Và khi đã thẩm nhập, đã liễu nghĩa rồi thì có chịu thực hành, áp dụng, hầu khiến cho bí pháp bông sen Pháp Diệu, sớm nhập vào dòng đời hay không?

Những câu hỏi dồn dập, nó có tác dụng như những tiếng sấm rền vang giữa bầu trời đầy đặc mây lành. Những tiếng sấm này khiến cho vầng mây lành nhẹ rơi từng giọt mưa pháp, thấm đượm dòng đời đang khô cháy. Và dòng đời đang đợi chờ từng giọt pháp vũ tuôn rơi.

III - TÓM KẾT

Phẩm Thí dụ là phẩm thứ ba, trong tổng số toàn bộ kinh hai mươi tám phẩm. Vì để dễ nhớ, dễ thẩm sâu vào phần kinh văn và thơ kệ, nên đã được chia thành nhiều bài học, có nhiều phẩm chia thành hai hoặc ba bài, toàn bộ gồm bốn mươi bài cho khóa

sáu của Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm (nơi di tích cuối cùng của Bồ tát Quảng Đức). Quý vị hành giả Pháp Hoa kinh và các Đạo tràng khác tùy nghi góp ý kiến, mục đích là làm thế nào cho người học, người đọc, người tu, người niệm, người thực hành kinh Pháp Hoa dễ hiểu, dễ nhớ hầu ham thích mới ham tu luyện. Có tu, có luyện mới thấy sự linh nghiệm, sự hiệu quả của kinh Pháp Hoa, đối với bản thân mình, gia đình mình, xã hội, quốc gia, nhân loại và muôn loài, cỏ cây, hoa lá, thấy thấy đồng được nhuần triêm công đức. Nói chung là dòng đời trong đục này, đang cần có sự hiện diện thấm nhập của kinh Pháp Hoa. Cũng ví như ao bùn đang đục kia, đang cần có sự hiện hữu của hoa sen vậy. Sen đến với ao bùn, ao bùn hết đục chỉ còn trong, hết hôi thối chỉ còn hương ngát. Kinh Pháp Hoa thấm nhập vào dòng đời, dòng đời hết đục chỉ còn trong, hết não phiền chỉ còn an lạc, chỉ có hương thơm ngào ngạt, giảm hoặc hết các mùi hôi thối dơ tanh.

Ba bài học, thuộc phẩm Thí Dụ, chia thành mười nét. Rất mong người đọc, người học, người tu, người hành, hãy nhớ rõ, hiểu rành, thấm nhập từng nét. Nét nào, câu nào, chữ nào cũng mầu nhiệm Pháp Hoa kinh.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca chứng minh, gia hộ cho chúng ta. Chư

Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Hộ pháp ủng hộ tất cả sớm liễu ngộ thực tướng các pháp.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh, đều nhuần triêm lợi lạc. Xin kết tất cả các pháp giới chúng sanh đều thành BỒ ĐỀ quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng thọ trì chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

CHÌA KHOÀ CUUA PHAÙP LƯIC

Nếu chưa liễu ngộ công thức HÒA mà chẳng đồng thì khó mà thực hành pháp LỰC HÒA.

- * Quân tử hòa nhi bất đồng.
- * Tiểu nơn đồng nhi bất hòa.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

10

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 10

PHẨM TÍN GIẢI - Thứ tư

- Bốn Ngài Thánh Tăng trình tín giải.
- Bốn Ngài Thánh Tăng nêu ẩn dụ bằng câu chuyện “Gã cùng tử”.

I - MỞ ĐỀ

Đề phẩm kinh là hai chữ Tín Giải. Thế nào là tín giải? Muốn thăm sâu, chúng ta phải mượn bốn chữ **Như thị - Ngã văn** của phẩm Tựa thứ nhất (*kinh Pháp Hoa*) để khai thông. Như thị trước, hay Ngã văn trước? Nghe trước hay tin trước? Không nghe làm sao tin? Không tin làm sao chịu nghe? Đặt câu hỏi song chiếu này, tức là đã thông hai chữ đề phẩm

kinh. Như thị là tin như vậy, Ngã văn là ta nghe. Vậy là tin trước. Không tin thì không chịu nghe, mà nghe đây không phải là riêng ta nghe mà là chúng ta nghe. Vì sao các vị Tôn giả này tin trước? Vì đã được nghe Đức Phật giảng bày các phẩm kinh trước, nên đến phẩm này là đã tin. Khi tin thì mới đứng lên giảng bày sự hiểu của mình.

Nói cách khác, Tín thuộc tình cảm, Giải thuộc lý trí. Tình cảm là hạnh của Bồ tát Di Lặc, lý trí là hạnh của Bồ tát Văn Thù. Trong giới tu hành, ít ai kiêm cả hai. Kinh Pháp Hoa bắt buộc hành giả phải đủ cả hai. Qua bốn phẩm kinh:

+ **Phẩm thứ nhất:** song hành cả tình cảm và lý trí.

+ **Phẩm thứ nhì:** liễu ngộ thực tướng của các pháp (*qua Thập như thị pháp*).

+ **Phẩm thứ ba:** quy về Nhất thừa pháp.

+ **Phẩm thứ tư:** Tín và Giải theo nhau cùng lúc. Tin xong hiểu liền. Nếu còn nghi thì làm sao tin tưởng tuyệt đối. Trái lại, chưa tin tưởng tuyệt đối thì làm sao vượt khỏi nghi, để đi đến chỗ giải nghi hiểu trọn (*vấn đề này phải có nhiều thì giờ bàn suy rộng*). Như câu chuyện triết lý khởi đầu con gà sanh trước, hay là cái trứng sanh trước. Nếu cái trứng sanh trước thì cái gì sanh ra cái trứng, nếu con gà sanh trước thì cái gì sanh ra con gà?

Câu hỏi tuy đơn giản, nhưng không phải dễ giải đáp. Ngoại trừ khi nào bạn chứng đắc được “**thực tướng các pháp**”, lúc ấy mới thông suốt. Hoặc tối thiểu cũng phải liễu nghĩa về thực tướng của các pháp thì mới hiểu thông chứ chưa hiểu trọn.

Phạm vi bài này chưa đi vào luận giải thẩm sâu. Xin mời quý vị hành giả Pháp Hoa kinh và quý vị thức giả, cùng toàn thể tu học viên lẫn giới nghiên cứu Pháp Hoa kinh, hãy khởi đầu bằng chữ tín. Bởi vì trong tín nó đã có giải, trong giải nó nằm sẵn tín (*Lý Bất Nhị*). Nhưng phải tín trước, bởi trong tất cả mở đầu các kinh đều “**Như thị**”, tức là như vậy. Giáo pháp Đức Phật dạy, chân lý do kinh điển chỉ dạy, đều là như vậy. Ai tin thì đọc, tụng, thọ, trì; ai không tin thì thôi. Như vậy “**Ta**” nghe, chứ không phải “**tôi**” nghe như vậy.

Ai tin? Bốn vị thánh Tăng tin (*Ngài Đại Ca Diếp, Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Ngài Đại Ca Chiên Diên và Ngài Đại Mục Kiền Liên*). Tin gì? Tin tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều sẽ được thành Phật. Tức là tin Nhất thừa pháp. Nhờ đâu? Nhờ liễu giải nghĩa Thập như thị pháp (*Mười như vậy*), cùng câu chuyện ngôi nhà lửa và được nhìn tận mắt, nghe tận tai, Đức Phật thọ ký cho Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất được thành Phật.

Nét nhỏ nhiệm nhất là nghe Đức Phật dạy rằng: “Em bé chỉ dùng móng tay vẽ trên đất cát hình ảnh

Đức Phật, bé này nhất định sẽ thành Phật”. Vậy thì trình độ đã chứng Thánh như bốn Ngài, chắc chắn sẽ được thành Phật. Thế mà từ trước, bốn Ngài chỉ nghĩ đắc Thánh quả là cùng tột, là tuyệt đích rồi, chứ không dám mơ vọng được thành Phật. Nay vào hội thuyết Pháp Hoa đã nghe và chứng kiến Đức Thế Tôn tuyên bày pháp lớn. Sự giải bày rất cặn kẽ như thế, nên bốn Ngài tuyệt đối tin tưởng pháp Nhất thừa.

Trong niềm tin tưởng tuyệt đối này đã có sự nhận thức sâu sắc về Nhất thừa pháp. Đã ý thức được thế nào là thực tướng của các pháp rồi. Đã ý thức được mỗi chúng sanh đều có sẵn Phật tánh rồi. Đã giải nghi mọi mối ngờ vực rồi. Một khi nghi đã giải thì liền thoát khỏi mọi ràng buộc của giả pháp, của hý luận pháp. Cho nên có thể định nghĩa đề phẩm Tín Giải thứ tư này là: **“Đã tin nên hiểu, hiểu được nên tin”**. Bốn Ngài Đại Thánh Tăng đến trước Đức Phật Thích Ca, bộc bạch phơi bày. Nói cách khác là để trình những điều mà bốn Ngài đã hiểu và hiện đang tuyệt đối tin tưởng kinh Pháp Hoa (*Nhất thừa pháp*). Trong lời bộc bạch, bốn Ngài còn nêu ví dụ gả cùng tử.

II - NỘI DUNG

1/. Bốn Ngài Thánh Tăng trình tín giải

Chánh văn

1 - Lúc bấy giờ, các Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên, Đại Ca Diếp, Đại Mục Kiền Liên, từ nơi Phật được nghe pháp chưa từng có. Đức Thế Tôn dự ghi cho Ngài Xá Lợi Phất sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sanh lòng hy hữu hớn hởi vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục, trịch áo bày vai phải, gối phải chাম đất, một lòng chấp tay cúi mình cung kính chiêm ngưỡng dung nhan Phật mà bạch Phật rằng: “Chúng con đứng đầu trong hàng Tăng, tuổi đều cao, tự cho đã được Niết Bàn không thể đảm nhận gì nữa, chẳng còn vươn lên cầu thêm đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn thuở trước nói pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nghe nơi tòa, thân thể mỗi mệt, chỉ nhớ nghĩ ba pháp: không, vô tướng, vô tác. Đối với các pháp du hý thần thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ tát, lòng chúng con không ưa thích.

Vì sao? Đức Thế Tôn đã khiến chúng con ra khỏi ba cõi, đặng chứng Niết Bàn, còn giờ đây tuổi chúng con đã già nua, nên đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác Phật đang dạy Bồ tát, chúng con không hề sanh một niệm ưa thích.

Nhưng hôm nay chúng con ở trước Phật nghe thọ ký cho Thanh Văn sẽ đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lòng rất vui mừng đặng pháp chưa từng có, đâu ngờ hôm nay bỗng nhiên đặng nghe pháp hy hữu, tự rất may đặng lợi lành lớn, vô lượng trân báu, chẳng tìm cầu mà tự nhiên được”.

Giảng luận

Bốn vị đại A La Hán này là bốn Ngài Thánh Tăng, đứng đầu hàng chúng xuất gia của Đức Phật, đều là hàng trưởng lão trong Tăng đoàn, đã từng xuất gia theo hầu nghe pháp và tu luyện đúng lời Đức Phật dạy và đều chứng quả vị Niết Bàn Thanh Văn, thoát ly sanh tử luân hồi, như vậy xem như đang an nhiên tự tại rồi, đã mãn nguyện, không còn cầu mong gì hơn nữa. Vậy mà khi vào hội thuyết kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã mở rộng pháp thực tướng, ba thừa chung về một thừa, chỉ có thành Phật. Lại được Đức Phật giảng rõ về **Như thị pháp**. Rồi ví dụ ba xe cùng ngôi nhà lửa. Lại còn thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất sau này sẽ được thành Phật, nhưt là liễu ngộ được pháp chơn không. Lúc bấy giờ bốn Ngài mới bừng vỡ rằng vậy thì quả vị các Ngài chứng đắc mới chỉ nửa vời thôi! Hoặc nói cách khác, là vẫn còn ở giả pháp mà thôi!

Như vậy thì rất đáng thương cho những ai đã làm đệ tử Đức Phật, kể cả xuất gia, lẫn tại gia mà thiếu nhân duyên, chưa được đọc tụng thọ trì in sao viết chép cúng dường, nhất là chưa liễu nghĩa phẩm Tín Giải kinh Pháp Hoa này thì sự tu luyện suốt đời cũng chỉ vớ vẩn mà thôi!

Dù tu pháp môn nào mà vẫn còn lẩn quẩn thì cũng vẫn như bốn Ngài Thánh Tăng mà thôi. Khi mình chưa tin trọn vẹn, khi mình chưa liễu ngộ chứng đắc “Như” thì làm sao hiểu cái lẩn quẩn của chính mình. Chưa hiểu được mọi sự lẩn quẩn của chính mình thì mình còn giải được cho ai?

Kinh Pháp Hoa chữ nào cũng quan trọng, lời nào, câu nào, phẩm nào cũng quan trọng cả! Chưa liễu ngộ phẩm Tín Giải thì xin khoan mở rộng các phẩm khác tiếp theo.

2/. Bốn Ngài Thánh Tăng nêu ẩn dụ bằng câu chuyện “Gã cùng tử”

Chánh văn

2 - Thế Tôn! Chúng con hôm nay xin thí dụ để rõ nghĩa. Có người tuổi thơ bỏ nhà trốn đi qua ở lâu năm nơi nước khác, từ mười, hai mươi, đến năm mươi năm. Sau đó tuổi lớn lại thêm nghèo nàn khốn khổ, nên phải rong ruổi bốn phương để cầu miếng cơm manh áo, lần lần tình cờ về lại bốn quốc.

Người cha từ trước đến nay đi tìm con không dạng bèn ở lại tại một thành trong nước. Nhà ông giàu lớn, của báu vô số, các kho đụn, vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, trân châu ... thảy đều đầy đủ. Người giúp việc, phụ tá, dân phu rất đông. Voi, ngựa, xe cộ, bò, dê nhiều vô số. Lợi tức thâu vào rộng xa khắp đến các nước khác, khách thương buôn bán giao dịch rất đông đúc.

Bấy giờ, gã nghèo cùng kia, rảo đến các thị tứ, trải qua xóm làng, lần hồi đến nơi thành của người cha ở. Người cha hằng nhớ con, cùng con biệt ly hơn năm mươi năm mà ông vẫn chưa từng nói chuyện đó với ai, chỉ suy nghĩ lòng rất tiếc nuối. Ông tự nghĩ ta già nua lại có nhiều của cải, vàng bạc, trân báu, kho đụn tràn đầy nhưng lại không có con cái, một mai chết đi thời của cải tan nát vì không người để giao phó. Cho nên lòng tha thiết luôn nhớ đến con. Ông lại nghĩ: Nếu ta gặp dạng con mà giao phó của cải thì lòng sẽ thản nhiên khoái lạc không còn lo sầu.

3 - Thừa Thế Tôn! Bấy giờ gã cùng tử làm thuê kia lần hồi tình cờ đến nhà người cha bèn đứng lại bên cổng, nhìn xa thấy cha ngồi giường sư tử, ghé báu đỡ chân, các hàng Bà la môn, Sát đế lợi, Cư sĩ đều cung kính bao quanh. Trên

thân ông dùng chuỗi ngọc chơn châu giá trị nghìn vạn để trang sức, kẻ thường dân, người giúp việc tay cầm phát trần trắng, đứng hầu hai bên. Màn báu che trên, những phan đẹp thông xuống, nước thơm rưới đất, rải các thứ danh hoa, các vật báu chưng bày, la liệt tiền của xuất ra, thâu vào ... Có đủ các sự nghiêm sức dường ấy, oai đức rất tôn nghiêm. Gã cùng tử thấy ông này có thế lực lớn liền sanh lòng lo sợ, hối hận về việc đến nhà này, nó nghĩ rằng: “Ông này chắc là vua, hoặc là bực đồng vua, chẳng phải là chỗ của ta làm thuê mượn kiếm tiền công.

Chẳng bằng ta qua chỗ xóm nghèo có nơi cho mình ra sức để kiếm chén cơm manh áo. Nếu như ta đứng lâu ở đây hoặc rồi họ sẽ bức ngặt ép sai ta làm”. Gã nghĩ như thế rồi, liền bỏ chạy thẳng.

4 – Khi đó, ông Trưởng giả ngồi nơi tòa sư tử thấy con liền nhớ biết, lòng rất vui mừng mà tự nghĩ rằng: “Của cải kho tàng của ta nay đã có người giao phó rồi, ta thường nghĩ nhờ đứa con này chẳng biết làm sao gặp đặng, nay bỗng dưng nó tự đến rất vừa chỗ ý muốn của ta, ta dầu tuổi già vẫn còn tham con tiếc của”. Ông liền sai người hầu cận đuổi gấp theo bắt con lại.

Lúc ấy, kẻ phụ việc chạy mau bắt lại. Gã cùng tử kinh ngạc lớn tiếng kêu oan: “Tôi

không hề xúc phạm ai sao lại bị bắt?”. Kẻ phụ việc đi bắt đó càng gấp cưỡng ép giải về. Khi đó gã cùng tử tự nghĩ không tội chi mà bị bắt bỏ đây chắc định phải chết, nên càng sợ sệt ngắt xiu té xuống đất.

Người cha từ xa thấy vậy bèn nói với kẻ phụ việc rằng: “Không cần người đó đâu, chớ cưỡng ép giải đến. Hãy lấy nước lạnh rưới trên mặt cho nó tỉnh lại, đừng nói chi với nó”.

Vì sao? Người cha biết con mình ý thấp hèn, tự biết chính mình giàu sang làm nó khiếp sợ. Biết chắc là con rồi nên dùng phương tiện, chẳng nói với người khác biết đó là con mình. Kẻ phụ việc nói với gã cùng tử: “Nay ta thả, người đi đâu tùy ý”.

Gã cùng tử vui mừng đặng điều chưa từng có, vội vàng đứng dậy, qua xóm nghèo để tìm cơm áo.

5 – Bấy giờ ông Trưởng giả mới lập mưu kế dụ người con, bèn sai hai người giúp việc hình sắc tiêu tụy không có oai đức: Hai người nên qua xóm kia, rồi từ từ nói với gã cùng tử, nơi đây có chỗ làm trả giá gấp bội. Gã cùng tử nếu chịu thời dất về đây khiến làm. Nếu nó có hỏi muốn sai làm gì, thời nên nói với nó rằng:

“Thuê người hốt phân, hai chúng ta cũng cùng người chung nhau làm”. Khi đó hai người phụ việc liền tìm gã cùng tử, rồi thuật đủ sự việc như trên.

6 – Bấy giờ gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả, sau đó liền cùng đến hốt phân. Người cha thấy con, thương xót trách buồn. Lại một ngày khác ông ở trong cửa sổ xa thấy con ốm o tiêu tụy, phân đất bụi bặm dơ bẩn. Ông liền cởi chuồng ngọc, áo tốt mịn màng cùng đồ trang sức, lại mặc áo dơ rách, dùng đất bôi bẩn vào thân và cầm đồ hốt phân, bộ dạng đáng tởm. Ông bảo những người làm rằng: “Các người phải siêng làm việc chớ nên lười nghỉ. Ông dùng phương tiện đó đặt đến gần người con.

Lúc sau lại bảo con rằng: “Chàng trai này! Người nên thường làm ở đây đừng nên đi nơi khác, ta sẽ trả thêm tiền công cho người. Những đồ cần dùng như bồn, chậu, gạo, bột, muối, dấm, người chớ lo ngại, lại có kẻ tổ già hèn xấu, nếu cần ta cấp cho, nên phải an lòng, ta như cha của người, chớ có sầu lo !

Vì sao? Vì ta tuổi tác già cả mà người thì trẻ mạnh, luôn trong lúc làm việc không lòng dối trá trễ nãi giận hờn, thốt lời thán oán. Các điều xấu xa, đều không thấy người có như các

người làm công khác. Từ nay về sau người như con đẻ của ta vậy”. Tức thời Trưởng giả lại đặt tên cho cùng tử và gọi anh ta là con.

Khi đó gã cùng tử, dầu mừng việc tình cờ đó song vẫn tự cho mình là người ngoài làm công hèn hạ. Vì cố đó mà trong hai mươi năm trường vẫn chịu phạt sai biểu hốt phân, sau đó lòng gã mới lần thể tin, ra vào không e ngại rụt rè, nhưng chỗ gã ở cũng vẫn nguyên chốn cũ tại xóm nghèo.

7 - Thế Tôn! Bấy giờ Trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết, mới bảo cùng tử rằng: “Ta nay có rất nhiều vàng bạc, trân báu, kho đụn tràn đầy, trong đó nhiều ít, việc thu xuất, người phải biết hết đó. Lòng ta như thế, người nên thể theo ý ta. Vì sao? Nay ta cùng người không là người dưng xa lạ, nên gắng dụng tâm chớ để sai sót”.

Khi ấy cùng tử liền nhận lời dặn bảo, nhận lãnh chuyện biết qua các của cải, vàng, bạc, trân báu và các kho tàng, mà không hề có ý mong lấy dù giá trị chỉ bằng chừng bữa ăn, chỗ của gã ở vẫn tại chốn cũ, vẫn chưa bỏ được tâm chí thấp hèn.

8 - Lại trải qua ít lâu sau, cha biết tâm trí con đã dần thông thái, thành tựu chí lớn, tự chê tâm trạng mình ngày trước. Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến và hội cả thân tộc, quốc vương, quan đại thần, dòng quý tộc Sát đế lợi, hàng cư sĩ. Khi đã nhóm đủ, ông liền tự tuyên bố rằng: “Các ngài nên rõ, người này là con ruột của ta sanh ra, ngày trước trong thành nọ, nó bỏ trốn đi, nổi trôi khổ sở hơn năm mươi năm, nó vốn tên ấy, còn ta tên ấy. Xưa ta ở thành này lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây đụng gặp nó. Nó thiệt là con ta, ta thiệt là cha nó. Nay ta có tất cả bao nhiêu của cải chi ra thâm vào, con ta đây đà coi biết”.

Thế Tôn! Khi đó gã cùng tử nghe cha nói như thế, liền rất vui mừng được điều chưa từng có, mà nghĩ rằng: “Ta vốn không có lòng mong cầu, nay kho tàng báu vật này tự nhiên mà đến”.

9 - Thế Tôn! Ông phú Trưởng giả đó là Đức Như Lai, còn chúng con đều như con của Phật. Đức Như Lai thường nói chúng con là con của Phật.

Thưa Thế Tôn! Chúng con vì ba món khổ nên ở trong sanh tử chịu các sự đau đớn mê lầm không hiểu biết, ưa thích các pháp Tiểu thừa. Ngày nay Đức Thế Tôn khiến chúng con

suy nghĩ dọn trừ những cặn bã hý luận của pháp. Chúng con ở trong đó siêng năng tinh tấn đặng đến Niết Bàn, giá đáng chỉ một ngày công đã đặng mà rồi lòng rất vui mừng tự cho là đủ, mà tự nói rằng: “Ở trong pháp của Phật, do siêng năng tinh tấn nên đặng chỗ rộng nhiều”. Nhưng Đức Thế Tôn trước biết chúng con những ưa muốn sự hèn tẻ, ham nơi pháp Tiểu thừa, chúng con bèn bị Phật tạm buông bỏ chẳng chỉ cho rằng: “Các ông sẽ có phần bửu tàng tri kiến của Như Lai”.

Đức Thế Tôn đã dùng sức phương tiện nói bày trí huệ của Như Lai. Chúng con tin Phật chỉ bày đặng chứng Niết bàn giá đáng một ngày công, cho là đặng nhiều rồi, đối với pháp Đại thừa này không có chí cầu. Chúng con lại như trí huệ của Phật, vì các vị Bồ tát mà chỉ bày diễn nói, nhưng chính tự mình lại không có chí muốn nơi pháp đó.

Vì sao? Đức Phật biết chúng con ưa nơi pháp Tiểu thừa, nên dùng sức phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp, chúng con lại không tự biết mình thật là con Phật. Ngày nay chúng con mới biết Đức Thế Tôn ở nơi trí huệ của Phật không hề tiếc sển.

Vì sao? Chúng con từ xưa đến nay đúng thật là Phật tử mà chỉ ưa nơi pháp Tiểu thừa,

nếu chúng con có tâm ham Đại thừa, thời Phật đã vì chúng con mà nói pháp Đại thừa rồi. Ở trong kinh này chỉ nói pháp nhất thừa. Lúc xưa Đức Phật ở trước Bồ tát chê trách Thanh Văn ham Tiểu thừa, nhưng Đức Phật thiết dùng Đại thừa để giáo hóa, vì thế nên chúng con nói vốn không có lòng mong cầu mà nay báu lớn của đấng Pháp Vương tự nhiên đến, như chỗ cầnặng của con Phật thì đều đã đặng đó.

Giảng luận

Bốn vị Thánh Tăng nêu ẩn dụ về gã cùng tử. Ngụ ý gã cùng tử bỏ nhà ra đi, là nói rằng chúng sanh đều là con của Đức Như Lai, đã tự bỏ bản tâm, chạy tìm giả ảo (*bội đạo trực giáo*). May gặp Phật pháp, nhưng lại hoảng sợ, không dám phát nguyện và tinh tấn tu cầu đắc quả vị Phật. Chỉ cầu quả Thanh Văn tự độ thấp kém như gã cùng tử chỉ cầu đủ cơm ăn, áo mặc và làm nhiệm vụ thấp hèn hốt phân.

Phân là chất hôi thối. Người tu hành chỉ chạy theo giả pháp thì chẳng khác nào gã cùng tử, trải qua nhiều chục năm chỉ chuyên việc hốt phân. Người cha giàu có phải phương tiện cải trang thành lão nô bộc, cũng làm công việc hốt phân, mới tiếp cận được gã, dụ gã về gần, giao gia sản và nhận là con.

Dù được làm con nuôi, cai quản gia tài giàu có, nhưng tâm ý gã cùng tử vẫn là đứa nghèo hèn, nó vẫn cố chấp, hạ cấp, ti tiện. Dù vậy, người cha vẫn không nản lòng, dùng mọi biện pháp để khai hóa, chuyển đổi tâm ý của con mình. Kết quả người con cùng tử này bừng khai tâm trí. Người cha vui mừng, họp làng nước, tộc họ tuyên bố: “Gã cùng tử là con tôi. Gia sản của tôi thuộc về nó”.

Bốn vị đại A La Hán kể câu chuyện thí dụ đã ví mình như con của ông Trưởng giả, bỏ cha trốn đi, khi quay về quên mất rằng mình chính là con của vị Trưởng giả. Trái lại tự nhận mình là người làm thuê, với nhiệm vụ **hốt phân**.

Tại sao các Ngài lại ví mình thấp hèn như vậy?

Thứ nhất trừ bệnh ngã mạn. Thánh Tăng cũng chỉ mới là gã hốt phân! Thứ nhì là mạnh dạn phơi bày sự thật là như thế! Vì sao? Vì dù Thánh cũng chỉ mãi quanh quẩn trong phần cận bã của ngôn ngữ, của danh từ. Phật nói như thế này, Thánh nói như thế đó, nhà hiền triết nói như thế kia ... *vân vân* ...

Chấp lời nói, chấp văn tự, chấp bất cứ thứ gì, do thức và trí phân tích đều là cận bã cả! Điều là phân hôi thối cả! Dù các Ngài chứng đắc Thánh quả cho riêng mình! Còn biết có ta có người, có Thánh có phàm là còn nhị nguyên, là còn mắc kẹt trong vòng lẩn quẩn. Ngày nào còn quẩn quanh trong

vòng lẩn quẩn thì ngày đó vẫn còn ôm đồm mớ cặn bã. Mà còn ôm đồm mọi thứ cặn bã thì ngày ấy vẫn còn là gã hốt phân! Bốn vị đại A La Hán ví dụ không hề sai trái với ý nghĩa của sự chơn thật chút nào cả!

Bốn Ngài đại Thánh Tăng tự ví mình như gã hốt phân. Vậy các vị phàm Tăng, trí giả, thức giả, hành giả, Tăng Ni, Phật tử, kể cả các giới từ trí thức đến bình dân, hãy chiêm nghiệm phần này để rồi tự ví mình là gã đang hốt thứ gì?

Tại sao kinh Pháp Hoa được Đức Phật bảo rằng đây là bộ kinh vua, đây là biển cả, so với sông suối ao hồ ... Tại sao kinh Pháp Hoa lại là mẹ đẻ các kinh? Tại vì kinh Pháp Hoa thu tóm tất cả các bộ kinh về Một, để chỉ rõ pháp chơn thật, chỉ rõ thực pháp của các pháp. khi nào còn dùng văn tự, lời nói, hình ảnh, âm thanh, mùi vị, chạm xúc, tư duy, phân tích, cân đo đong đếm, suy lường định nghĩa này, phân lý nọ ... là còn giả pháp, đều là những thứ phân dơ.

Thực pháp vốn là chơn không, vốn là như vậy. Nhưng nếu có kẻ nào nói thực pháp vốn là pháp không thì kẻ đó là kẻ hàm hồ. Hoặc thực pháp là như thế thì lại là gã khùng điên.

Các pháp vốn như vậy, mà cũng chẳng phải là một thứ vậy nào cả. Các pháp vốn chơn không, mà chẳng phải nằm ở chỗ không nào cả. Không đây là

không hề sanh cho nên làm gì có diệt, không hề dơ thì làm gì có sạch. Nó là như vậy chẳng mất, chẳng còn, chẳng thêm, cũng chẳng bớt. Liều ngộ, chứng đắc đến đó mới gọi là **Như**, mới gọi là **Như vậy**, mới gọi là **Như Lai**. Chưa chứng đắc, nhưng mà hiểu được để nhập về pháp “**Như**” đó mới được Phật thọ ký, để rồi tu trì chứng đắc quả vị Phật, chứng đắc quả Như.

Tất cả tánh tướng thể lực của các pháp đều là **Như**, đều là **Như vậy**.

Khi đã biết các pháp đều là Như vậy thì còn bon chen, hốt vài tấn phân, liệu có ích gì cho sự tu hành? Tu học Phật không bắt buộc phải đạt toàn triệt cả thiên kinh vạn điển, cũng không buộc quán triệt tám vạn bốn ngàn pháp môn, mà chỉ xin toàn triệt một chữ **Như**, tức là các pháp vốn nó là Như vậy, vốn nó hằng còn. Kể cả các pháp thế gian vốn nó vẫn thường trụ (*Thế gian tướng thường trụ*).

Tụng đọc thọ trì phẩm Tín Giải xong hãy xếp kinh lại, tự soi chiếu để so sánh chính mình và bốn vị đại A La Hán nơi phẩm kinh này. Các Ngài là Thánh Tăng, mà tự thú nhận chính mình là gã cùng tử, mấy chục năm dài chỉ ham lo làm thuê hốt phân, mặc dù các Ngài đang sống bên gia sản giàu có tột đỉnh.

- **Các Ngài là gã cùng tử hốt phân!**
- **Còn chúng ta là gì và đang hốt gì?**

III - TÓM KẾT

Đọc phần đầu bài giảng luận phẩm Tín Giải, chúng ta cần phải nhuần nhuyễn các điều kiện sau đây:

❶ Phải nhớ danh hiệu của bốn vị đại A La Hán, tức là bốn Ngài Thánh Tăng nơi phẩm kinh này:

- * Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề.
- * Ngài Đại Ca Chiên Diên.
- * Ngài Đại Ca Diếp.
- * Ngài Đại Mục Kiền Liên.

(Nếu muốn hiểu rõ thêm xin hãy đọc mười vị đệ tử lớn của Đức Phật).

Đa phần trong chúng ta, khi đọc tiểu thuyết, hoặc truyện Tàu thì nhớ rõ từng nhân vật. Nhưng khi đọc, hoặc tụng kinh thì chẳng nhớ danh hiệu một vị nào cả! Chẳng những chỉ nhớ mà còn phải kể lại cho nhiều người khác nghe từng danh hiệu của mỗi vị trong kinh. Quý vị hãy cố gắng nhớ và siêng kể lại cho nhiều người nghe. Nếu được như vậy, quý vị sẽ dần dần nhận sự mâu nhiệm không ngờ.

❷ Tóm lược những lời trình bạch của bốn Ngài Thánh Tăng theo cách kể chuyện chứ không cần phải văn hoa bóng bẩy, hoặc thứ lớp như văn kinh.

❸ Thuật lại câu chuyện ẩn dụ do bốn Ngài kể trình lên Đức Phật về một gã cùng tử. Gã cùng tử làm gì? Chàng trai ấy là con của một vị nhà giàu,

mà tại sao lại trở thành gã cùng tử? Chàng cùng tử này chỉ làm việc hốt phân! Tại sao phải hốt phân?

④ Bốn vị Thánh Tăng tự sám hối với Đức Phật rằng: Suốt mấy chục năm qua, được làm đệ tử xuất gia của Phật, được hầu gần và tu tập pháp Phật, nhưng vì quá dại khờ nên chỉ tu luyện theo giả pháp. Vì vậy nên chúng con chính là gã cùng tử hốt phân.

⑤ Các Ngài Thánh Tăng tự nhận lỗi lầm của mình là quá ngu dại, bỏ trân châu bảo vật, để làm gã cùng tử hốt phân!

⑥ Mấy chục năm tu đắc giải thoát khỏi vòng luân hồi, chứng đắc Thánh quả A La Hán, vậy mà các Ngài tự nhận lỗi lầm của mình, tự ví mình là gã cùng tử hốt phân. Vậy thì chúng ta mấy chục năm qua tinh tấn tu luyện kinh Pháp Hoa, đã chứng đắc đến đâu rồi? Hiện nay mình hãy tự ví mình ngang đến tầm mức nào?

⑦ Hãy học cho hiểu, cho liễu, cho thông, cho ngộ giữa Niết bàn Thanh Văn và Niết bàn đắc quả vị Phật khác nhau thế nào? Tại sao Niết bàn Thanh Văn mới chỉ có nửa vơi thôi? Mới chỉ là gã cùng tử hốt phân thôi?

Quyết định quan trọng của hành giả kinh Pháp Hoa là sau khi đọc tụng phẩm Tín Giải này rồi thì tư duy thế nào? Tu tập làm sao? Nếu chưa tìm được

đáp số thì chúng ta tự nêu thêm một ẩn dụ khác để thêm sáng tỏ chữ đề Tín Giải.

Trước kia tất cả các nhà thông thái khắp trái đất đều tuyên bố rằng: “Quả đất vuông”. Trời tròn đất vuông, hoặc mẹ tròn con vuông. Tròn làm sao chứa vuông, tròn làm sao để vuông? Và có vị Thánh triết khác thì lại phán rằng: “Vũ trụ chỉ có một mặt trời, một mặt trăng và một quả đất”.

Vấn đề vũ trụ quan này Đức Phật đã dạy rất rõ ràng rằng: “Quả đất hình tròn. Không chỉ riêng một quả đất, một mặt trời, mà có vô số quả đất, vô số mặt trời, vô số thế giới và trùng trùng pháp giới bao la!”. *Sách nhị khóa hiệp giải* dạy cho giới Sa di trình độ Tiểu học, đã phân giải vấn đề quả đất - mặt trời - vũ trụ như thế. Vậy mà liệu được mấy người tin. Trình độ dân trí chưa đến, hoặc cố chấp những căn bã, vậy mà Đức Phật lại truyền dạy quá sớm, cho nên dù cũng có những vị liễu ngộ về nguyên lý của Phật giáo, nhưng lại không chịu trình bày, bởi vì nói ra liệu rằng có ai tin. Nhưng rồi gần đây trong số người thông thái lại có nhà bác học Ga-Li-Lê lại dám dũng dạc tuyên bố rằng quả đất tròn thì sau đó nhà thông thái này liền bị trừ giập.

Nhưng chơn lý lúc nào cũng là chơn lý! Vì chơn thật bất hư, cho nên đến thế kỷ này các nhà thông thái đồng loạt chẳng những dũng dạc tuyên bố quả đất tròn, mà còn tuyên bố dải ngân hà trên nền trời,

từ Bắc sang Nam có đến bảy mươi hai tỷ mặt trời. Danh từ ngân hà tiếng Pháp gọi là Voie Lactée, tiếng Anh gọi là Galaxy, hoặc Milky Way. Trên khoảng không mênh mông ở phía của cõi hư không là như vậy đó, vậy mà chúng ta chẳng chịu nhìn thấy. Chẳng phải chỉ đơn giản một dải ngân hà, mà Đức Phật đã dạy rằng vô số dải thiên hà. Trùng trùng pháp giới bao la như thế. Ngày nay khoa học phát minh đã tìm và chứng minh chính xác thêm nhiều dải thiên hà. Tin tưởng nhiều ngàn thế kỷ sau, loài người sẽ thông thái, sẽ hiểu rõ rằng khoảng hư không kia gồm có trùng trùng pháp giới bao la.

Trình độ hiểu biết loài người chưa vượt qua bảy mươi hai tỷ mặt trời của một dải thiên hà. Thậm chí một quả đất, một mặt trời cũng còn chưa liễu thông, chưa mở rộng kiến thức để vượt qua thì làm thế nào để liễu ngộ pháp chơn không của các pháp nơi kinh Pháp Hoa. Vì sao không hiểu, không vượt qua? Vì thiếu niềm tin nên không hiểu để giải thoát khỏi vòng lẩn quẩn. Chính mình lẩn quẩn trong vòng lẩn quẩn chưa giải thoát thì còn hy vọng giải được cho ai?

Tin phải tự mình tin. Hiểu phải tự mình hiểu. Muốn tin giải phải tinh tấn tu học đúng chánh pháp (*xem tiếp bài phẩm Tín Giải tiếp theo*).

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

11

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 11

PHẨM TÍN GIẢI - Thứ tư
(tiếp theo)

- Bốn vị Thánh Tăng bộc bạch tâm trạng lên Đức Phật rằng đã tin mình sẽ thành Phật.
- Bốn Ngài thuyết thơ kệ trùng tuyên câu chuyện gã cùng tử.

I - MỞ ĐẦU

Đọc kỹ bài mười phần đầu phẩm Tín Giải, nếu chưa liễu thông đọc tiếp phần thơ kệ bài mười một này, bằng chưa liễu thông thì nên đọc lại nhiều lần.

Thánh Tăng theo Đức Phật tu học suốt mấy chục năm, vậy mà quý Ngài tự sám hối rằng, các

Ngài sai khuyết, suốt thời gian dài chỉ làm việc của gã cùng tử hốt phân.

Ôi cao thượng thay tâm hồn của các vị Đại A La Hán. Nếu trong hàng bốn chúng đệ tử của Đức Phật ai cũng nhận biết chính mình còn thấp kém thì giờ này lời dạy của Đức Phật đã thấm sâu phổ rộng khắp hoàn cầu. Chẳng những riêng loài người, mà muôn vật đâu còn cảnh lầm than, khổ lụy điêu linh! Chiến tranh, hận thù làm gì còn đất để nảy sanh.

Dù thông thái đến đâu, khi chưa liễu ngộ, chưa chứng đắc được thực tướng của các pháp thì vẫn còn lẫn lẩn trong phạm vi giả pháp. Có người phản bác rằng, khoa học không còn lẫn lẩn, phổ biến cái nào là chứng minh chuẩn xác cái đó!

Chắc chắn không còn lẫn lẩn à! Không lẫn lẩn mà sao lại có phát minh? Vậy phát minh không từ trong lẫn lẩn mà ra ư? Và chắc chắn những phát minh tuyệt vời của giới khoa học hiện nay nó không bị lỗi thời và sai bét đối với hậu lai hay không?

Có tự tin mới có tự hiểu, hiểu cho chính mình và hiểu để khai thông sự lẫn lẩn cho những ai cũng đã từng lẫn lẩn như mình.

Loài người quá cố chấp, quá tôn sùng những cặn bã của các nhà thông thái, mà lại lửng quên sự

thật lý chơn của các đấng tu chứng phổ truyền, nhất là Đức Phật.

Sự thì thật, lý thì chơn, gọi tắt là chơn thật do Đức Phật trình bày, đơn giản lắm. Đơn giản đối với ai đã tự tín chơn lý, tự giải chơn lý, nhất là phải tự soi lại chính mình đã tín và giải lý chơn thật hay chưa? Đã tri kiến được các pháp vốn đồng một tướng hay chưa? Một tướng vốn không tướng, không tướng tức tướng chơn không. Nếu chưa chứng đắc, hoặc ít nhất cũng liễu ngộ. Nếu chưa thì từ từ từng bước đi đến đích tối thượng ấy. Thệ nguyện không quẩn quanh trong cái vòng quanh quẩn, để đời đời kiếp kiếp mãi là gã cùng tử hốt phân!

II - NỘI DUNG

1/. Bấy giờ Ngài Ma Ha Ca Diếp muốn trùng tuyên lại nghĩa trên nên tuyên thuyết kệ rằng:

Chánh văn (*dịch bốn chữ như nguyên văn*)

10 - Chúng con hôm nay

Nghe lời Phật dạy

Hớn hở mừng vui

Đặng chưa từng có

Phật nói Thanh Văn

Sẽ đặng thành Phật

Đấng báu vô thượng

Chẳng cầu tự được

Ví như đồng tử

Thơ bé không hiểu
Bỏ cha trốn đi
Đến nơi xứ người
Nổi trôi khắp chốn
Hơn năm mươi năm
Cha già buồn nhớ
Tìm khắp mọi nơi
Kiếm tìm đã mỏi
Liên ở một thành
Dựng nên cơ nghiệp
Ngũ dục đủ vui
Nhà ông giàu có
Quá nhiều vàng, bạc
Xa cừ, mã nã
Trân châu, lưu ly
Voi ngựa bò dê
Kiệu cang xe cộ
Ruộng đất người làm
Nhân sự quá nhiều
Xuất thu vô số
Bán buôn nước khác
Khắp cùng mọi xứ
Nghìn muôn ức chúng
Vây quanh cung kính
Thường được vua chúa
Mến thương quý trọng
Các quan, hào tộc

Cũng đều giao lưu
Vì các duyên cố
Người đến dập dìu
Giàu mạnh như vậy
Thế lực rất lớn
Mà tuổi xế chiều
Nên buồn nhớ con
Ngày đêm trông ngóng
Cái chết cận kề
Con đại bỏ ta
Hơn năm mươi năm
Kho tàng của báu
Biết tính sao đây?

11 - Bấy giờ cùng tử
Tìm cầu cơm áo
Trải khắp mọi nơi
Nước này nước nọ
Hoặc có khi được
Hoặc có lúc không
Đói khát gầy gò
Thân sanh ghẻ lác
Lần lựa trải qua
Đến thành cha ở
Tìm chỗ làm thuê
Đến trước nhà cha
Lúc ấy Trưởng giả

Đang ở trong nhà
Giăng màn trướng báu
Ngồi tòa sư tử
Thân tộc vây quanh
Đông người hầu hạ
Có người kế toán
Vàng, bạc, trân châu
Của cải ra vào
Giấy tờ ghi chép
Cùng tử thấy ông
Giàu có tôn nghiêm
Cho là vua chúa
Hoặc đồng bực vua
Kinh sợ tự trách
Sao mình đến đây ?
Lại tự nghĩ rằng:
Nếu đứng đây lâu
Sẽ bị bức ngặt
Ép buộc sai khiến
Suy nghĩ thế rồi
Rảo chân chạy thẳng
Hỏi thăm xóm nghèo
Trú ngụ làm thuê.

12 - Bảy giờ Trưởng giả
Ngồi tòa sư tử
Xa trông thấy con

Đương nhiên biết rõ
Bảo người phụ tá
Đuổi theo bắt về
Cùng tử hải la
Té xỉu trên đất
Nghĩ mình bị bắt
Chắc sẽ chết thôi
Cơm áo mà chi
Khiến tôi thế này !
Trưởng giả biết con
Ngu dại thấp hèn
Chẳng chịu tin rằng
Ta là cha nó
Liên dùng mưu chước
Sai hai người khác
Mất chốt, thân lùn
Không có oai đức !
Các người hãy bảo
Rằng ta thuê nó
Hốt dọn phân nhơ
Trả công cao trội
Cùng tử nghe rồi
Liên theo người về
Dọn hốt phân nhơ
Tương tất phòng nhà
Trưởng giả đau lòng
Nhìn thấy con mình

Nghĩ con ngu dại
Ưả thích việc hèn
Lúc đó Trưởng giả
Mặc y phục cũ
Cầm đồ hốt phân
Đến chỗ con làm
Lân la gần gũi
Khuyên hấn siêng làm
Thêm tiền cho người
Cho dầu xoa chân
Ăn uống đầy đủ
Thêm đệm dây ấm
Ông còn nói rằng:
Người nên siêng năng
Ông còn dỗ ngọt
Xem người như con

13 - Trưởng giả dụng trí
Dẫn cho ra vào
Trải hai mươi năm
Coi việc trong nhà
Cho biết vàng, bạc
Trần châu, pha lê
Các vật thu chi
Đều phân chỉ rõ
Cùng tử giữ phận
Nường nấu ngoài hiên

Tự cho phận hèn
Chẳng dám nghĩ đến
Cha biết lòng con
Đã dần rộng lớn
Muốn giao tài sản
Liên nhóm họ hàng
Quốc vương, đại thần
Sát lợi, cư sĩ
Nơi giữa tiệc mừng
Nó con của ta
Bỏ đi nước khác
Trải năm mười năm
Gặp con đến nay
Đã hai mươi năm
Trước ở thành kia
Mất đứa con này
Ta tìm khắp xứ
Tự nhiên nó đến
Phàm của ta có
Nhà cửa nhân công
Đều giao cho nó
Tùy nghi sử dụng
Con nhớ xưa kia
Ý chí kém hèn
Nay nơi cha mình
Đặng nhiều châu báu
Cùng với nhà cửa

Tất cả của tiền
Lòng rất vui mừng
Việc chưa từng nghĩ.

Giảng luận

Đoạn mười: Bốn vị Thánh Tăng nghe lời Phật dạy khắp thấy vui mừng vì đặng điều chưa từng có. Trước kia Đức Phật đã từng dạy các Thánh Tăng thấy đều thành Phật, kể cả các chúng sanh cũng vậy. Nhưng chúng con hàng A La Hán, nào có ai tin. Chúng con ví như gã cùng tử bỏ cha đi hoang. Người cha thường tưởng nhớ kiếm tìm khắp nơi.

Đoạn mười một: qua mấy chục năm, trên đường đi tìm việc làm, khiến xui lại gặp ngay người cha mình, nhưng gã thấy ông sang trọng quá, gã quên người cha và tưởng rằng đây là ông quan, ông vua cao quý quá, gã sợ bị bắt nên vội vàng bỏ chạy. Cha cho người chạy theo bắt lại. Gã cùng tử sợ quá chết xỉu, người cha cấp cứu rồi ra lệnh đuổi đi.

Đoạn mười hai: người cha giàu có kia hiểu được sự khiếp sợ của đứa con thấp hèn, nên ông sai người cũng thấp hèn như nó đi dụ về thuê gã hốt phân, cho nhiều cơm áo. Sau đó người cha cải trang thấp hèn mới đến gần được nó, nhận nó làm con nuôi, giao cho quản gia, nhưng hấn cũng vẫn còn kiem luôn việc hốt phân.

Đoạn mười ba: sau nhiều chục năm làm việc quản gia kiem việc hốt phân, gã cùng tử mới quen

và hiểu việc quản lý gia sản. Người cha mở tiệc mời làng nước thân tộc láng giềng và cả đức vua, long trọng tuyên bố gã cùng tử là con ruột của ông. Sau đó tiến hành lễ truyền trao gia tài cho gã cùng tử. Người con từ đây mở rộng tầm nhìn, thật là một việc mà gã chưa từng bao giờ nghĩ đến. Hấn vui mừng không tả xiết.

Bốn đoạn thơ kệ, lập lại để thêm sáng tỏ phần văn kinh. Chúng ta đọc các đoạn kệ tiếp theo để sáng tỏ phần mật nghĩa.

Chính văn

14 - Phật cũng như thế
Biết con ư thấp
Nên chưa nói rằng
Các người thành Phật
Chỉ nói chúng con
Đặng đức vô lậu
Trọn quả Tiểu thừa
Thanh Văn đệ tử
Phật trao chúng con
Đạo pháp tối thượng
Người tu pháp này
Sẽ thành Phật quả
Con vâng lời Phật
Vì Bồ tát lớn
Dùng các nhưn duyên
Cùng mọi thí dụ

Bao lời dạy hay
Truyền đạo vô thượng
Các hàng Phật tử
Nơi con nghe pháp
Ngày đêm suy gẫm
Tinh tấn tu tập
Bấy giờ các Phật
Liên trao dự ghi
Các ông đời sau
Sẽ đặng thành Phật
Pháp mầu bí tàng
Của tất cả Phật
Chỉ vì Bồ tát
Mà dạy việc thiết
Chẳng vì chúng con
Nói pháp chơn yếu
Như cùng tử kia
Đặng gần bên cha
Dầu biết các vật
Lòng chẳng mong cầu
Chúng con dầu nói
Tặng pháp báu Phật
Tự không chí nguyện
Cũng lại như thế.

15 - Chúng con dứt trong
Tự cho là đủ

Chỉ xong việc này
Không biết việc khác
Chúng con đều nghe
Pháp tịnh cõi Phật
Giáo hóa chúng sanh
Vì sao như thế
Vì tất cả pháp
Không sanh không diệt
Không lớn không nhỏ
Vô lậu vô vi
Suy nghĩ như vậy
Chẳng sanh ưa muốn
Chúng con từ lâu
Không tham không thích
Lại không chí nguyện
Còn đối pháp mình
Cho là rất ráo
Chúng con từ lâu
Chuyên tu pháp không
Đặng thoát hoạn nạn
Khổ não ba cõi
Trụ thân rốt sau
Hữu dư Niết Bàn
Điều Phật dạy bảo
Chúng đạo chẳng uổng
Thời là có thể
Báo được ơn Phật

Chúng con dẫu vì
Các hàng Phật tử
Nói pháp Bồ tát
Để cầu Phật đạo
Mà đối pháp đó
Trọn không mong muốn
Đạo sư buông bỏ
Vì biết lòng con
Ban đầu không khuyên
Nói lợi có thiệt
Như ông Trưởng giả
Biết con chí thấp
Bèn dùng phương tiện
Hòa phục tâm con
Sau mới giao phó
Tất cả tài sản
Đức Phật cũng thế
Hiện việc ít có
Biết con Tiểu thừa
Dùng sức phương tiện
Điều phục tâm con
Mới dạy trí lớn
Chúng con hôm nay
Được chữa từng có
Chẳng phải trước mong
Nay tự nhiên được
Như cùng tử kia

Đặng vô lượng báu.

16 - Thế Tôn! Chúng con
Đặng đạo, chứng quả
Nơi pháp vô lậu
Đặng nhãn thanh tịnh
Chúng con lâu nay
Gìn tịnh giới Phật
Vậy nên hôm nay
Đặng quả báo đó
Trong pháp Pháp vương
Lâu tu phạm hạnh
Nay được vô lậu
Quả lớn vô thượng
Chúng con hôm nay
Thiệt là Thanh Văn
Truyền tiếng của Phật
Cho tất cả nghe
Chúng con hôm nay
Thiệt A La Hán
Ở khắp thế gian
Trời, người, ma, phạm
Khắp nơi trong chúng
Đáng lãnh cúng dường
Ở lớn Thế Tôn
Đem việc ít có
Thương xót dạy bảo

Lợi ích chúng con
Vô lượng ức kiếp
Ai báo đền được
Tay chấp chơn quy
Đầu đảnh lễ kính
Tất cả cúng dường
Đều không đền đặng
Hoặc dùng đầu đội
Hai vai cõng vác
Trải Hằng sa kiếp
Tận tâm cung kính
Lại đem món ngon
Vô lượng y báu
Các thứ đồ nằm
Đủ món thuốc thang
Gỗ quý chiên đàn
Các vật trân bảo
Để dựng tháp miếu
Y báu lót đất
Các việc như trên
Đem cúng dường Phật
Trải Hằng sa kiếp
Cũng không đáp được
Các Phật ít có
Vô lượng vô biên
Bất khả tư nghì
Sức thần thông lớn

Vô lậu, vô vi
 Là vua các pháp
 Hay vì kẻ thấp
 Nhẫn nhục điều đó
 Hiện tướng phàm phu
 Tùy cơ dạy nói
 Các Phật nơi pháp
 Được mọi tự tại
 Biết các chúng sanh
 Đủ thứ ưa muốn
 Và chí lực họ
 Tùy sức chịu nhận
 Dùng vô lượng dụ
 Vì chúng nói pháp
 Tùy các chúng sanh
 Cản lành đời trước
 Biết đã thành thực
 Hay chưa thành thực
 Suy lường mọi thứ
 Phân biệt rõ rồi
 Nơi đạo nứt thừa
 Tùy nghi nói ba.

Giảng luận

Xưa nay có ai muốn mình nghèo khổ, làm chàng hốt phân, muốn mình chỉ được làm người quản gia lại kiêm việc hốt phân. Thế mà oái oăm thay, ý chí thì không bao giờ dám trái lại. Bởi vì

không dám mạnh dạn vượt khỏi thân phận tự ty mặc cảm, không dám phá vỡ định mệnh. Định mệnh cho làm người, chỉ an phận làm người, hoặc tối cao là đắc Thánh, chứ không bao giờ dám nghĩ có Phật tánh, chứ đừng bảo là mình nhất định sẽ thành Phật.

Tâm trạng bốn Ngài Đại Thánh Tăng khi chưa liễu ngộ Nhất thừa thì các Ngài cũng tự ty mặc cảm như chúng ta:

- Cùng tử hàm ý nơi tâm hồn không hòa nhập được bao la, không liễu nghĩa được pháp cứu cánh giải thoát.

- Chàng hốt phân hàm ý nói các vị Thánh Tăng ưa gAum góp nhỏ nhặt, những pháp thuộc về pháp hữu, chứ chẳng có chút nào đạt được pháp **chơn không**.

- Người quản gia, nhưng vẫn còn hốt phân hàm ý nói sự tu học có chứng đắc, nhưng chưa thấy mình có Phật tánh, chưa phát nguyện tu cầu thành Phật, chưa tin tưởng mình sẽ được thành Phật và vẫn còn gAum góp những phần pháp hữu, cho nên mới chỉ là người quản gia kiêm việc hốt phân mà thôi.

Đoạn thơ kệ này bốn Ngài Đại Thánh Tăng tự động kết luận gã cùng tử trở thành chàng hốt phân. Chàng hốt phân trở thành người quản gia kiêm hốt phân. Người quản gia kiêm hốt phân, chính thức

thành vị chủ nhà, quản lý và chuẩn bị làm chủ gia tài lớn: “**Gia tài thành Phật**”.

Tụng đọc, tu niệm đoạn kinh này, chính mỗi chúng ta phải thấm sâu từng chữ, từng lời, hầu đạt ngộ ý chỉ cao sâu của từng đoạn kinh.

III - TÓM KẾT

Mật nghĩa đoạn kinh, năm ngàn người rời Pháp Hội ra đi thuộc phẩm Phương tiện là biểu thị tính **tự tôn**. Còn mật nghĩa gã cùng tử nơi phần ẩn dụ thuộc phẩm Tín giải này là biểu thị tính **tự ti**. Có chuyển hóa được tánh tự tôn và tự ti thì mới dễ nhập vào **tự tại**. Đạo Phật là đạo tự tại. Có tự tại mới hết phiền não. Có tự tại mới tin, mới hiểu, mới thoát!

Tín là tin tưởng – Giải là hiểu biết để rồi giải nghi. Có giải nghi là nhờ ý tỉnh thức. Ý thức rằng mình có Phật tánh. Ý thức rằng mình sẽ thành Phật. Ý thức rằng mọi người, mọi loài, ai ai, loài nào, vật nào cũng có Phật tánh và cũng được thành Phật. Có nhận thức, để rồi ý thức được như vậy thì mới hiểu và giải được tất cả mọi sự nghi vấn. Có hiểu biết và giải nghi thì mới tự tại. Có tự tại mới giải thoát được mọi sự ràng buộc. Có giải và thoát được mọi sự ràng buộc thì mới bừng khai Phật tánh, mới tin tưởng tuyệt đối vào pháp môn mình tu. Có Tín và Giải thì mới phát tâm tu cầu thành Phật.

Có người bảo: Bồ tát mới được thành Phật, còn mình là phàm phu, là chúng sanh, mà lại nói rằng mình sẽ thành Phật, như thế mất hạnh khiêm tốn rồi, chứ đừng nói chi đến chuyện mình sẽ thành Phật.

Xin thưa! Một học sinh Tiểu học không có quyền tin tưởng rằng mình sẽ làm nhà Bác học ư! Hoặc các em thiếu nhi không có quyền tin tưởng rằng sau này mình được làm người lớn, làm chủ gia đình ư !

Đặt thêm câu hỏi thứ hai: Một chú Điệu hoặc một vị Sa di, nhất là Sa di Ni, không được quyền tin tưởng rằng mình không khi nào được làm Hòa thượng, làm Ni sư ư ? Nếu bắt buộc phải nghĩ rằng chỉ có các Ngài Đại Hòa thượng, mới được thay mặt Phật, ở vào hàng Tăng Bảo và sau này thành Phật, còn hàng Cư sĩ, hàng Điệu chúng, Sa di, Sa di Ni không được quyền nghĩ, hoặc nói rằng mình sau này sẽ được dự vào hàng Tăng Bảo và đến một kiếp nào đó sẽ được thành Phật ư ? Hoặc nếu ai nguyện thành Phật sẽ mất hạnh khiêm cung ư ?

Tự tín và tự tôn khác nhau. Khiêm tốn và tự ty khác nhau. Đạo Phật không tự tôn, không tự ty, kể cả không tự hào, mà là tự tại. Tuyệt đối tin tưởng mình có sẵn Phật tánh và nhất định sẽ thành Phật, đó là tự tại, đó là tín, đó là hiểu. Có tín mới có hiểu. Có hiểu sâu mới có tín sâu. Tín những điều chính

đáng thì hiểu và giải tất cả mọi rắc rối, mọi phiền não trong đời sống hằng ngày của chính mình. Có tín, có hiểu thì mới tự tại, mới an vui, mới giải thoát.

Qua phẩm Tín Giải, hành giả Pháp Hoa khi đã thấm sâu vào phần mật nghĩa thì nên tinh tấn đọc tụng, in sao, viết chép, nghiên cứu, đồng mãnh, đồng thời phát nguyện thọ trì và phổ biến kinh Pháp Hoa.

Giới tu học Phật còn thấp hoang mang rằng: hàng Thánh Tăng, chứng quả A La Hán, tức chứng quả vị Niết Bàn, vậy mà các Ngài giải bày rằng chưa rốt ráo? Vậy thì lại còn một quả vị Niết Bàn hoàn toàn rốt ráo tịch tịnh hay sao? Vôùng đúng! Có hai quả vị Niết Bàn.

Nếu giải thích có hai, một quả vị của Thanh Văn và một quả vị của Phật thì thà rằng đừng nên giải thích; bởi vì giải thích tóm gọn quá như vậy lại càng làm cho giới sơ cơ thêm mịt mờ. Bài này chưa đủ điều kiện để giải thích chi tiết, nhưng xin thưa rằng có hai quả vị Niết Bàn:

* Một Hữu dư Niết Bàn.

* Một Vô dư Niết Bàn.

Chữ DƯ nghĩa là “**Hoặc nghiệp**”.

a. *Hữu dư Niết Bàn*: là đã dứt trừ được cái **nhân** sanh tử, nhưng chưa dứt được cái khổ **quả** của y thân hữu lậu.

b. *Vô dư Niết Bàn*: là dứt hoàn toàn khổ quả lẫn y thân, chẳng còn “**dư**” lại chút nào cả.

Hai loại Niết Bàn này đều cùng một thể, nhưng người tu ba thừa khi đắc thành đạo quả, cũng mới chỉ đắc Hữu dư, chứ chưa đắc Vô dư Niết Bàn. Hàng Thánh Tăng A La Hán mới đắc quả Niết Bàn hữu dư chứ chưa đắc cả hữu lẫn vô dư. Hàng Thánh Tăng khi mệnh chung chỉ lóe hiện vô dư, chứ chưa chứng đắc vô dư.

Hai loại Niết Bàn Hữu dư và Vô dư có thể phân thành ba môn loại:

❶ **Phân biệt theo Tiểu thừa:** thì dứt hết cái nhân sinh tử chỉ còn khổ quả và làm cho khổ quả bị thui chột không còn sinh nữa. Vô dư Niết Bàn chỉ hiện ra lúc mệnh chung, bởi vì khi thân tàn, trí diệt thì tất cả các vật hữu tình cũng đều diệt hết.

❷ **Phân biệt theo Đại thừa:** khi nhân biến dịch sinh tử đã dứt hết là Hữu dư. Khi quả biến dịch sinh tử đã dứt hết là Vô dư.

❸ **Phân biệt theo cả Đại và Tiểu thừa:** Niết Bàn của Tiểu thừa tại sao là Hữu dư? Vì còn biến dịch. Còn Niết Bàn của Đại thừa tại sao là Vô dư? Vì không còn biến dịch cả nhân lẫn quả (*trích kinh Thắng Man Bảo Hốt quyển hạ*).

Một số luận giải khác về Hữu dư và Vô dư Niết Bàn:

Nghĩa không do Tiểu thừa luận rằng: Thánh nhân của tam thừa là đã dứt nhân sinh tử. Khi mệnh chung thân trí đều diệt hết, chẳng còn một vật hữu

tình nào trong pháp giới, lúc ấy là nhập Vô dư Niết Bàn.

Về phần Đại thừa có hai tông phái: tướng tông và tánh tông.

Tướng tông (*tông Duy thức*) luận giải rằng:

Hữu dư Niết Bàn của ***nhị thừa định tính*** là khi đến rốt ráo đều dứt hết. Còn Vô dư Niết Bàn của ***nhị thừa bất định tính*** và của Phật tính thì chẳng phải là thực diệt. Bậc nhị thừa mới lìa khỏi phân đoạn sinh tử, mà đã gọi là Vô dư Niết Bàn.

Đức Phật bỏ ***hóa thân, ứng thân*** trở về ***chân thân*** ấy mới thực là Vô dư Niết Bàn.

Các tông Hoa Nghiêm, Thiên Thai ở Trung Hoa lại lập luận rằng: Nhị thừa định tính và Nhị thừa bất định tính rốt ráo đều thành Phật. Vậy là pháp giới không hề có Vô dư Niết Bàn thực diệt.

Sự thật của chơn lý là dứt bỏ vọng kiến nhập **chân như**. Thu **hóa thân** nhập **chân thân**, đó mới thực là Vô dư Niết Bàn.

Các Ngài Thánh Tăng chứng quả A La Hán, dứt được vọng kiến, nhưng không nhập được chân như. Chẳng có hóa thân, vì vậy nên cũng chẳng nhập chân thân. Cho nên khi các Ngài vừa hiểu rằng mình mới đắc hữu dư, chứ chưa đắc Vô dư Niết Bàn, bởi vì chưa nhập chân thân, nên chẳng chứng đắc chân như. Lúc ấy mới giật mình nên các Ngài

mới đến trước Phật để giải bày tâm trạng của mình rằng, theo Phật nhiều năm mà chẳng khác nào con ông nhà giàu, gần cha mấy chục năm mà vẫn làm gã cùng tử, giữ việc hốt phân.

Sang phẩm Dược Thảo Dụ sẽ giải thêm về thân phận chúng ta như thế nào.

Kính lạy ngôi Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, mười phương chư Phật, chư vị Bồ tát, chư Hiền Thánh Tăng, chư hiện tiền Tăng từ bi gia hộ cho kinh Pháp Hoa phổ truyền sâu rộng, hầu khiến mọi người, mọi loài đều được mở rõ thấy biết ngộ nhập tánh Phật.

Nguyện chư Thiên giới quyền uy, chư Tiên, chư Thần, chư nhơn, chư phi nhơn, các loại quý thần, cùng Thiên Long Bát Bộ Hộ Pháp thù từ hỗ trợ kinh Pháp Hoa được hòa nhập vào dòng đời hầu ngát thơm hương sen diệu pháp.

Nguyện cùng các pháp giới kết Bồ đề quyền thuộc, kiếp kiếp đời đời an vui thuận tu và hoằng dương kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Mỗi ngày nhớ đọc Tịnh Pháp Giới chơn ngôn: “Aum Lam” và đọc Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn: “Aum Xi Lâm”. Đọc lớn, đọc thầm cũng được. Trước khi ăn, uống, tắm, rửa, ngủ, nghỉ, lạy bái, tụng kinh, cúng Phật, đốt hương, dâng bông quả, chè, xôi cúng ... Nếu ta quên đọc Tịnh Pháp Giới và Tịnh Tam Nghiệp chơn ngôn là ta đang sống với những chất ứ trước.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

12

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 12

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ - Thứ năm

- Đức Phật nêu ví dụ bằng câu chuyện cây cỏ thuốc.
- Đức Phật rưới mưa pháp bình đẳng.
- Đức Phật thuyết thơ kệ.

I - MỞ ĐỀ

Qua bốn phẩm kinh, gồm mười một bài, mỗi phẩm, mỗi bài, tuy ý nghĩa khác nhau, nhưng khi quy nạp thì lại đồng chung về một điểm. Phẩm **Tín Giải** thứ tư vừa qua, bốn Ngài Thánh Tăng trình bày nêu câu chuyện gã cùng tử, để làm nổi bật về

chữ **Tín**. Có **Tin** mới có **Hiểu**, có **Hiểu** mới có **Tin**. Gã cùng tử thiếu niềm tin, nên dù ở kề cận với người cha giàu sang, mà vẫn làm nghề hốt phân suốt hai mươi năm dài. Hàng Thánh Tăng ở gần Đức Phật, nhưng thiếu niềm tự tin Phật tánh của chính mình và cũng chẳng tin rằng mình sẽ được thành Phật, nên suốt bao nhiêu năm, vẫn ôm giữ pháp Không và Vô tướng, Vô tác, cho nên mãi lo xóa tẩy mọi hiện tướng hư vọng, không nhập nổi pháp **Thực tướng**. Để trả lời bốn vị Thánh Tăng và đại chúng, Đức Thế Tôn lại cũng dùng câu chuyện **Dược Thảo Dụ** để sáng tỏ vấn đề hơn.

Câu chuyện Dược Thảo Dụ thâm sâu hơn câu chuyện gã cùng tử. Câu chuyện gã cùng tử nhằm hiển dương hai pháp môn tu **Tín và Giải**. Câu chuyện **Dược Thảo Dụ** này mở rộng đến bốn pháp môn tu.

Câu chuyện ẩn dụ gã cùng tử, dụ phần sự tướng. Câu chuyện Dược Thảo Dụ này gồm cả tướng lẫn tánh.

Chúng ta cùng phân tích chẻ nhỏ và thẩm sâu vào toàn phẩm kinh và toàn bộ kinh Pháp Hoa, để tìm cho ra ngọc còn ẩn trong đá.

Trước khi vào phần nội dung phẩm Dược Thảo Dụ, chúng ta nên quán chiếu hai hình ảnh:

- Một cơn mưa lớn đang rải đều cả vườn cây và các vùng xung quanh.

- Một vị nông dân đang múc từng gàu tưới mỗi cây trong vườn, cây nào cũng một gàu.

Cuộc sống của mỗi chúng ta thường chủ quan rằng: Tôi rất bình đẳng với mọi người, nhất là đối với gia tộc, gia đình, quê hương ... Nhưng mà ngẫm kỹ lại xem có thực là bình đẳng chưa? Mà nếu có bình đẳng thì bình đẳng theo cách nào? Theo mưa rưới, hay là theo gàu tưới. Nếu theo mưa thì có cộng ý thức vào hay không? Như vậy là theo gàu tưới, mà gàu tưới không có tâm ý cộng vào thì chỉ là thứ gàu tác động chuyển nước. Mà nếu bình đẳng theo tâm ý chuyển gàu tưới thì là đại bất bình đẳng rồi còn gì! Vào phần giảng luận mới chi tiết vấn đề này hơn.

II - NỘI DUNG

Chánh văn

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Ma Ha Ca Diếp và các vị đại đệ tử: “Hay thay! Hay thay! Ca Diếp khéo trình bày công đức chơn thật của Đức Như Lai. Đúng như lời các ông vừa nói. Đức Như Lai lại còn có vô lượng vô biên a tăng kỳ công đức, các ông đâu có nói vô lượng ức kiếp cũng không hết được.

Ca Diếp nên biết, Đức Như Lai là vua của các pháp, nếu có nói ra lời chi đều không hư dối vậy. Phật ở nơi tất cả pháp dùng trí huệ

phương tiện mà diễn nói, pháp của Phật nói thấy đều đến bậc nhứt thiết trí. Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp, cũng rõ biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông thấu không ngại. Phật lại ở nơi các pháp rốt ráo biết hết, rồi chỉ bày tất cả trí huệ cho hết thấy chúng sanh.

Giảng luận

Mở đầu phẩm kinh Dược Thảo Dụ, Đức Phật đã dạy Tôn Giả Đại Ca Diếp rất rõ ràng. Trước khi dạy một điều quan trọng, Đức Phật khen ngợi tán thán Tôn Giả Đại Ca Diếp: “**Này Tôn Giả Đại Ca Diếp cùng các đại đệ tử, ông thật vô cùng khéo biết tán thán và nêu lên những công đức của Như Lai. Đúng như ông đã nói...**”

Tu học kinh Pháp Hoa, chúng ta muốn chuyển hóa tư tưởng người khác, hoặc các loài khác, điều tiên quyết là phải nhớ đoạn kinh này, phải áp dụng đoạn kinh này vào cuộc sống. Phải biết khen ngợi và tán thán những ai đang đối diện với mình. Chúng ta hãy lắng nghe tiếp:

“**Này ông Ca Diếp! Dù như thế vẫn chưa đủ! Nếu ông có trình bày vô lượng ức kiếp, cũng không thể nào hết công đức của Như Lai. Bởi vì ...**”

Khi khởi sự phải tán dương người thì họ mới dễ chấp nhận lời chuyển hóa của mình một cách hoan hỷ. Đức Phật dạy chúng ta bằng câu chuyện gọn ngắn, nhưng đầy đủ bài học tâm lý. Người đời quan niệm sai lầm rằng kinh sách Phật giáo khô khan, nhiều triết lý khó nuốt. Thực tế đoạn văn kinh này cho ta thấy, giúp ta hiểu và dạy ta trở thành vị thầy tâm lý học, nếu ta chịu đọc tụng thực hành theo lời dạy nơi kinh, tức là đem những phương thức nơi kinh để áp dụng vào từng nhịp sống hằng ngày của chính mình thì còn lo gì sự thành công không đến với mình!

Câu quan trọng nhất của đoạn kinh: “**Như Lai là vua các pháp, không hề nói lời sai dối. Từ nơi các pháp, Như Lai khéo dùng trí phương tiện để diễn nói, dù uyển chuyển, nhưng hết thảy đều đưa đến chỗ nhất thiết trí**”.

Trong cuộc sống hằng ngày dù muốn uyển chuyển cách nào, nhưng rốt ráo chúng ta phải đưa nó về đúng chủ đích. Chủ đích của Đức Phật là đưa từng người, từng mỗi loài, tất cả mọi loài, không nhanh thì chậm, thảy thảy đều đắc **trí tuệ Phật**. Chữ nhất thiết trí trong kinh, chúng ta phải hiểu nghĩa của ba chữ này là **đắc trí tuệ Phật**.

1/. Đức Phật kể chuyện cây cỏ thuốc thấm mưa

Chánh văn

2 - Ca Diếp ! Ví như trong cõi Tam thiên đại thiên nơi núi, sông, khe, hang, ruộng, đất sanh ra cây cối, lùm rừng và các cỏ thuốc, bao nhiêu giống loại tên gọi màu sắc đều khác. Mây dầy bủa giăng trùm khắp cõi tam thiên đại thiên đồng thời mưa xối xuống, khắp nơi nhuần thấm, cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc: hoặc thứ gốc nhỏ có thân nhỏ, nhánh nhỏ có lá nhỏ, hoặc thứ gốc vừa có thân vừa, nhánh vừa có lá vừa, hoặc thứ gốc lớn có thân lớn, nhánh lớn có lá lớn.

Các giống cây lớn nhỏ, tùy hạng thượng trung hạ mà hấp thụ khác nhau. Một cụm mây tuôn mưa xuống mọi giống loại, mà cây hoặc cỏ đặng sanh trưởng, đơm bông kết trái. Dầu rằng cùng một cõi đất sanh, một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ và cây đều có sai khác.

Giảng luận

Câu chuyện cây cỏ chia ba hạng (*đại trung tiểu*), nhưng từng mỗi loại cây lại chia thành bốn phần: rễ, thân, cành, lá. Loài người cũng như thảo mộc, cũng chia làm ba hạng lớn nhỏ khác nhau. Nhưng từng con người, nhất là những người tu học, ai ai cũng phải chia thành bốn giai đoạn, cũng phải tổng hợp đủ bốn phần rễ thân cành lá. Nếu thiếu

một thì cây ấy chẳng đơm hoa, kết trái, ví như người chẳng phát huệ trí.

Người nào tin sâu, tin chơn chánh thì như thảo mộc kia đâm rễ sâu vào đất phì nhiêu. Người nào giới đức trang nghiêm, như cây kia thân vững mạnh. Người nào định lực vững vàng, như thảo mộc kia giữ cành hợp gió, không lay động trái thời. Người nào bưng khai tỏa chiếu được tuệ, như được thảo kia lá xanh mơn mớn, thu nhập các nguyên tố đủ đầy.

Nói tóm dễ hiểu hơn, trong ba hạng tu thấp, vừa và cao, cũng ví như ba hạng dược thảo, nhỏ, vừa và lớn. Trong từng mỗi người tu, ai gồm đủ bốn phần Tín, Giới, Định và Tuệ, cũng ví như loài dược thảo, đủ bốn phần rễ, thân, cành và lá.

Thoáng nhìn thì không bình đẳng, nhưng thực tế thì bình đẳng.

Thực tế cơn mưa, bình đẳng rơi đều, không phân biệt cây lớn, cây nhỏ, loại cỏ, hoặc cây thuốc. Về phần tiếp nhận hạt mưa của từng loại và từng hạng cây thì lại càng bình đẳng hơn, bởi vì nó đâu dám đón nhận quá sức cần của nó. Nếu quá, nó sẽ thối rễ, long gốc, gãy cành, úa lá, còn đâu nó sống. Nhưng loài người nhìn thì cho không bình đẳng. Vì vậy các triết gia muốn chống sự bình đẳng tự nhiên này, thuyết minh và thực hiện nhiều học thuyết khác nhau. Có học thuyết dùng máy

bơm bơm đầy vườn của mình phân đồng đều, có học thuyết thì lại theo cách **gàu tưới**, tưới đều cây nào cũng hưởng nước bằng nhau. Cây ngò, cây ớt một gàu. Cây lúa, cây bắp cũng một gàu, và khổ nhất là cây xoài, cây mít cũng một gàu. Cả ba loại cây đều chết hết vì có thứ thừa, có loại thiếu. Trí tuệ Đức Phật rưới pháp, ví như cơn mưa. Học thuyết của các nhà thông thái thế gian là như gàu tưới. Gàu tưới thoáng nhìn thì thấy bình đẳng, nhưng thực tế lại là bất bình đẳng. Cơn mưa thoáng nhìn chẳng bình đẳng, nhưng thực tế tuyệt đối bình đẳng.

Liễu thông, đặc ngộ bí pháp bình đẳng như cơn mưa thì hoàn cầu hết chiến tranh, các tôn giáo sẽ yêu thương nhau. Hàng đệ tử Đức Phật sẽ sống đúng pháp lục hòa, sống đúng hòa hợp chúng.

2/. Đức Phật rưới mưa pháp bình đẳng

Chánh văn

3 - Ca Diếp nên biết! Đức Như Lai cũng lại như thế, hiện ra nơi đời như là vàng mây lớn nổi lên, dùng giọng tiếng lớn vang khắp thế giới, thổi cả các cõi trời, người, A tu la, như mây lớn kia trùm khắp cõi nước tam thiên đại thiên, ở nơi đại chúng mà xưng lời này:

“Ta là đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian

Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Người chưa được độ thời làm cho được độ, người chưa tỏ ngộ thời làm cho tỏ ngộ, người chưa an thời làm cho được an, người chưa chứng Niết Bàn thời làm cho chứng Niết Bàn, đời nay và đời sau Phật đều biết đúng như thật. Ta là bậc Nhất Thiết Trí, bậc Nhất Thiết Kiến, là bậc Tri đạo, bậc Khai đạo, bậc Thuyết đạo. Các người, hàng trời, người, A tu la đều nên đến đây để nghe pháp vậy.

Bấy giờ có vô số nghìn muôn ức loài chúng sanh cùng đến chỗ Đức Phật mà nghe pháp. Lúc đó Đức Như Lai xem xét các căn lợi độn, tinh tấn hay giải đãi của các loài, thuận vừa sức họ kham được mà vì chúng nói pháp, chủng loại nhiều vô lượng, Phật đều khiến vui mừng đặng nhiều lợi lành. Các chúng sanh này nghe pháp rồi, hiện đời an ổn, đời sau sanh về chỗ lành, nhờ đạo được thọ hưởng vui và cùng được nghe pháp, đã nghe pháp rồi lìa khỏi các chướng ngại, ở trong các pháp theo sức mình kham được lần lần đều được vào đạo.

Như mây lớn kia mưa rưới khắp tất cả cỏ cây lùm rừng và các cỏ thuốc, theo từng giống của mỗi thứ đều được đượm nhuần đầy đủ, đều được sanh trưởng.

Đức Như Lai nói pháp một tướng một vị, nghĩa là: Tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt độ, rốt ráo đến bậc “Nhất thiết chủng trí”. Có chúng sanh nào nghe pháp của Như Lai hoặc thọ trì đọc tụng, đúng như lời mà tu hành, mà hiểu được công đức, tự mình hay biết”. Vì sao ? Vì chỉ có Như Lai là biết chủng tướng và thể tánh của chúng sanh đó: Họ tưởng việc gì? Nghĩ việc gì? Tu việc gì? Tưởng thế nào? Nghĩ thế nào? Tu thế nào? Dùng pháp gì để tưởng? Dùng pháp gì để nghĩ? Dùng pháp gì để tu? Dùng pháp gì để đặng pháp gì?

Chúng sanh ở mọi thứ bậc, chỉ có Đức Như Lai thấy các bậc đó đúng như thật, rõ ràng không bị ngại. Như cây cối lùm rừng các cỏ thuốc kia không tự biết tánh thượng trung hạ của nó.

Đức Như Lai biết pháp một tướng một vị ấy, đó là: Tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt độ, tướng rốt ráo Niết Bàn thường tịch diệt, rốt cùng về nơi không tướng. Phật biết như thế rồi xem xét điều ưa muốn trong tâm của chúng sanh mà dắt dìu họ, cho nên chẳng liên vì chúng vội nói “nhất thiết chủng trí”.

Ca Diếp! Các ông rất là hy hữu, có thể rõ biết Đức Như Lai tùy cơ nghi nói pháp hay tin

hay nhận. Vì sao? Vì việc các Đức Phật Thế Tôn tùy cơ nghi nói pháp, vì pháp khó hiểu khó biết.

Giảng luận

Khi Đức Phật truyền dạy giáo pháp, có một số vị Tỷ kheo vừa chứng đắc thánh quả A La Hán, đã xin Đức Phật cho đi truyền giáo các nước phía Nam, nhất là quốc độ sanh Công chúa Da Du Đà La. Đó là nước Tích Lan (*nay là Xrilanca*). Các đoàn truyền giáo này chưa được nghe Đức Phật thuyết các kinh Đại thừa và tối thượng thừa, nhất là kinh Pháp Hoa. Vì vậy cho nên các thế kỷ trước thì phái Phật giáo phía Nam (*Phật giáo Nam tông*) không chấp nhận kinh Pháp Hoa.

Cận đại, nền văn hóa nhân loại tiếp cận nhau, cho nên kinh điển của tôn giáo cũng được giao lưu. Kinh Pháp Hoa lại được dịch qua nhiều thứ chữ và phổ biến rộng khắp, cho nên dần dần các nước phía Nam chấp nhận kinh Pháp Hoa. Nếu không nhận kinh Pháp Hoa là không nhận rằng trong mỗi chúng sanh đều có Phật tánh ư? Không nhận mỗi chúng sanh đều sẽ được thành Phật ư? Pháp Hoa nêu những nguyên lý chính đáng, đó là điều thuận hợp, tại sao lại không thừa nhận?

Những đoạn kinh, lặp đi lặp lại, ẩn nhiều mật nghĩa như: “**Chỉ có Đức Như Lai mới hiểu rõ**

chúng tướng, thể tánh của từng mỗi chúng sanh. Họ nhớ gì? Nghĩ gì? Tu gì? Nhớ thế nào? Nghĩ thế nào? Tu thế nào? Dùng pháp gì để nhớ? Dùng pháp gì để nghĩ? Dùng pháp gì để tu? Và bằng pháp nào để đặng pháp nào? Tất cả sự thấy, biết của chúng sanh đều còn ở các bậc cầu thang! Chỉ có Như Lai mới thấy, biết đúng sự thật của toàn tòa nhà pháp không tướng, thấy biết toàn diện, thấu suốt vô ngại”.

Hoặc một đoạn khác: “Chỉ có Như Lai mới biết suốt các pháp đều thuần một tướng, một vị. Vị giải thoát, tướng ly dục, tướng tịch diệt và hết thảy đều trọn về Chơn không”.

Từng chữ, từng câu, từng đoạn, từng phẩm của kinh Pháp Hoa đều ẩn nghĩa sâu mầu, dẫn dắt chúng sanh từng bước thâm nhập chơn lý. Nếu không chấp nhận kinh Pháp Hoa là từ chối các phương pháp tu luyện sâu mầu để chứng đắc **nhất thiết chủng trí** ư? Tức là chứng đắc quả vị Phật.

Cũng chính từ kinh Pháp Hoa, nơi phẩm này, Đức Phật long trọng công bố: Ngài là Phật, là Như Lai, gồm đủ mười tôn hiệu. Ai chưa được độ thì Ngài độ. Ai chưa giải thoát thì Ngài cởi mở cho giải thoát. Ai chưa an lạc, Ngài khiến cho an lạc. Ai chưa chứng Niết Bàn, Ngài khiến cho chứng Niết Bàn. Vậy, phủ nhận hoặc từ chối kinh Pháp Hoa là từ chối sự tế độ của Đức Phật? Từ chối sự giải

thoát? Từ chối sự an lạc? Kể cả từ chối sự chứng đắc Niết Bàn ư ?

Trong tinh thần an lạc nơi phẩm kinh này, khác với tinh thần an lạc nơi phẩm An lạc hạnh. Phẩm An lạc hạnh cao hơn. Tinh thần an lạc nơi phẩm Dược thảo này rộng rãi bao la bao nhiêu thì niềm an vui rộng bấy nhiêu. Hãy tự tại như dược thảo đón nước mưa. Không cố gắng, không tính toán, không dùng thủ đoạn, không xảo trá, không mánh khóe, không mưu lược, không tham vọng, không mong cầu. Một vị Hòa thượng thiếu giới đức và lúc nào cũng tính toán, mong cầu, mưu lược thì chưa chắc đã hưởng sự an lạc bằng một Cư sĩ thâm tín Đức Phật, tỉnh tâm niệm Phật! Tin sâu Đức Phật là rễ cây, giới hạnh là thân cây, tỉnh tâm là cành cây. Quán chiếu rộng tỏa khắp muôn phương và gAum thấu các nguyên tố về một tụ điểm, ấy ví như cành, đọt và lá cây. Dù thuộc cây hạng nào, cỡ hạng nào, cây lớn, vừa hoặc nhỏ cũng phân đủ bốn phần: “rễ sâu, cây vững, cành yên, lá tỏa” thì cây ấy mới thu đạt được sự tự tại và kết quả. Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát Phật thừa cũng phải đủ **Tín - Giới - Định** và **Tuệ** thì mới an vui, mới tự tại.

3/ Đức Phật thuyết kệ trùng tuyên lại nghĩa trên

Chánh văn

Khi đó Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng (*dịch bốn chữ như nguyên văn*):

4 - Phật hiện thế gian
 Phá chấp pháp hữu
 Thuận tánh chúng sanh
 Nhiều cách nói pháp
 Như Lai tôn trọng
 Trí tuệ sâu xa
 Giữ lâu pháp này
 Chẳng vội nói ra
 Người trí nếu nghe
 Có thể tin hiểu
 Kẻ mê nghi ngờ
 Thì quên mất hẳn
 Ca Diếp ! Vì vậy
 Theo chúng mà thuyết
 Dùng các nhân duyên
 Cho họ Chánh kiến.
 Ca Diếp nên biết !
 Ví như mây lớn
 Nổi lên thế gian
 Che trùm khắp cả
 Mây tuệ ngậm tẩm
 Chớp nhoáng chói lòa
 Tiếng sấm rền xa
 Khiến mọi loài vui

Mặt trời bị che
Mặt đất tối mờ
Mây mù bủa thấp
Dường như thể với
Trận mưa khắp cùng
Bốn phương xối xuống
Dòng tuôn vô lượng
Mặt đất hút đầy
Núi sông hang hóc
Chỗ rợp sanh ra
Cây cối cỏ thuốc
Các cây lớn nhỏ
Trăm giống lúa mè
Mía cùng với nho
Nhờ mưa mới nhuận
Thủy đều tươi tốt
Đất khô thấm khắp
Thuốc cây sum sê
Mây kia mưa xuống
Nước thuần một vị
Cỏ cây lùm rừng
Theo thứ đượm nhuận
Tất cả giống cây
Thượng trung cùng hạ
Hạ tánh lớn nhỏ
Đều đặn sanh trưởng
Gốc thân nhánh lá

Bông trái sum sê
Một trận mưa rười
Đều được tươi mát
Theo thể tướng nó
Tánh chia lớn nhỏ
Nước nhuần vẫn một
Đều được kết quả.

Giảng luận

Đoạn kệ này lập lại vầng mây và cơn mưa đối với các loài cây cỏ, sông suối, núi rừng là bình đẳng tánh hưởng nước và trao nước. Đức Phật là đấng Pháp vương, xuất hiện nơi cõi đời này, cũng chỉ vì chuyển sự mê chấp của chúng sanh cả ba cõi. Chúng sanh chấp hữu, Đức Phật chuyển sự chấp đó dẫn nhập hữu vào chơn không và dần dần khai sáng **Diệu hữu**. Cái hữu của dòng đời thế gian này là thô hữu giả tướng. Hữu của Đức Phật dạy là diệu hữu tự tướng “Hữu” pháp tự tướng. Chử hữu này là Diệu hữu, là thực tướng của các pháp, là đạt đến chỗ chứng đắc **pháp thực tướng**.

Đó là sự xuất hiện của đấng Pháp vương, là để chuyển phá các pháp hữu tướng của thế gian. Đức Phật là đấng: *Phá hữu pháp vương xuất hiện thế gian*.

Kể cả bản chính bằng chữ Hoa của Ngài Cư Ma La Thập dịch cũng chưa giải rộng để giới căn cơ thấp sáng rõ nghĩa này. Trí tuệ của Như Lai thâm sâu, cho nên Ngài cẩn trọng. Vì đời cố chấp đã lâu, nên Như Lai chưa vội thuyết. Chứ không phải vì quý tiếc trí tuệ của Ngài mà Ngài không vội thuyết (Cẩn mặc tư yếu, bất vụ tốc thuyết).

Bởi vì nếu thuyết pháp Đại thừa sớm, gặp người trí nghe thì liền Tín và Giải. Nhưng nếu gặp kẻ mê nghe thì liền đâm ra lo nghi. Nghi vấn vốn đã và đang ràng buộc, nếu thêm điều nghi nữa lại càng thêm buộc ràng. Cũng ví như cơn mưa, những cơn mưa đầu mùa xuân hạ, khác với cơn mưa thu đông. Xuân hạ mưa nhẹ, để cho các thứ cỏ cây còn nhỏ mới mọc, các loại cỏ thuốc, lẫn các thứ lúa mè bắp mía nho rau khởi giập gãy. Các thứ còn non, các cây thân còn yếu mỏng mảnh như thân cây mạ, mà gặp các cơn mưa cuối thu, đầu đông, mưa như cầm chỉnh mà đổ thì các cây mỏng mảnh này làm sao sống nổi.

Nếu lần đầu tiên chuyển pháp tại Vườn Nai mà Đức Phật thuyết pháp Đại thừa hoặc tối thượng thừa pháp, Pháp Hoa kinh thì có khác nào như trận mưa cầm chỉnh mà đổ của những ngày cuối thu đầu đông.

Chánh văn (*dịch bốn chữ như nguyên văn*)

5 - Phật cũng như thế

Hiện ra trong đời
Như vàng mây lớn
Che trùm khắp cả
Đã hiện trong đời
Bèn vì chúng sanh
Phân biệt diễn nói
Nghĩa thật các pháp
Đại Thánh Thế Tôn
Ở hàng trời người
Nơi tất cả chúng
Mà tuyên lời này:
Ta bậc Như Lai
Đấng Lương Túc Tôn
Hiện ra nơi đời
Như vàng mây lớn
Thấm nhuần tất cả
Chúng sanh khô cằn
Khiến cho lìa khổ
An ổn vui mừng
Niềm vui thế gian
Cùng vui Niết Bàn
Các chúng trời người
Một lòng khéo nghe
Đều nên đến đây
Hầu đấng vô thượng
Ta đấng Thế Tôn
Không ai bằng được

An ổn chúng sanh
Nên nhập vào đời
Vì đại chúng nói
Pháp diệu cam lồ
Pháp đó một vị
Giải thoát Niết Bàn
Dùng một giọng mầu
Diễn xướng nghĩa này
Thường vì Đại thừa
Mà kết nhân duyên
Ta xem tất cả
Thấy đều bình đẳng
Không có đó đây
Cùng tâm yêu ghét
Ta không tham đắm
Cũng không ngăn ngại
Hằng vì tất cả
Bình đẳng nói pháp
Như lúc một người
Hay đông cũng vậy
Thường nói pháp lớn
Không việc gì khác
Ngồi, đứng, đến, đi
Không hề nhàm mỏi
Dù cho thế gian
Như mưa thấm khắp
Sang hèn trên dưới

Phá giới hay giữ
Oai nghi đầy đủ
Hay thiếu oai nghi
Chánh kiến tà kiến
Động hay lợi căn
Khấp rười mưa pháp
Không chút nhàm mỏi
Tất cả chúng sanh
Được nghe pháp ta
Tùy sức mà nhận
Trụ ở các bậc
Hoặc ở trời, người
Chuyển luân Thánh vương
Thích, Phạm, các vua
Là cỏ thuốc nhỏ
Rõ pháp vô lậu
Chứng đặng Niết Bàn
Khởi sáu thân thông
Đặng ba món minh
Ở riêng núi rừng
Thường hành thiền định
Chứng đặng Duyên Giác
Là cỏ thuốc vừa
Cầu nơi Thế Tôn
Con sẽ thành Phật
Tinh tấn tu định
Là cỏ thuốc cao

Lại hàng Phật tử
Chuyên tâm Phật đạo
Thường hành từ bi
Biết mình làm Phật
Quyết định không nghi
Gọi là cây nhỏ
An trụ thân thông
Chuyển bất thối luân
Độ vô lượng ức
Trăm nghìn chúng sanh
Bồ Tát như thế
Gọi là cây lớn
Phật bình đẳng nói
Như mưa một vị
Tùy tánh chúng sanh
Chỗ thọ không đồng
Như cỏ cây kia
Bấm thụ đều khác.

Giảng luận

Đoạn kệ này rất đơn giản, nhưng nếu không chú tâm phân tích, hầu dễ đạt phần cốt lõi của kinh và kệ thì hành giả rất dễ bị lạc vào rừng rậm danh từ, có lắm chữ tối nghĩa.

Đoạn đầu: Đức Phật dạy rằng sự hiện hữu của Ngài nơi đời như vầng mây lành rải mưa bình đẳng, làm lợi ích cho muôn loài. Ngài công bố: “Ngài là Như Lai có đầy đủ pháp an vui giải thoát. Chúng

sanh nào đến với Ngài, sẽ đạt sự an vui giải thoát. Ngài không hề thiên vị ai và không bỏ ai”.

Đoạn tiếp theo, Đức Phật phân thành ba loại cỏ, hai loại cây:

❶ Chúng sanh nghe pháp, tùy sức thọ nhận. Trời người, Chuyển Luân Vương, Đế Thích, Phạm Thiên Vương, thấy các vị vua trời, cùng hàng Thánh Thanh Văn. Tất cả các thành phần này nghe pháp đều ví như *Cỏ thuốc nhỏ*.

❷ Hàng có đủ pháp thần thông chứng Niết Bàn, đắc quả vị **Duyên Giác Phật** là *Cỏ thuốc vừa*.

❸ Hàng tu hành tinh tấn, cầu thành Phật là *Cỏ thuốc lớn*.

❹ Hàng chuyên tâm nơi Phật đạo, thực hành hạnh từ bi, tự tin mình thành Phật: *Cây nhỏ*.

❺ Hàng trụ thần thông, chuyển pháp bất thoái, độ vô lượng chúng sanh, chứng quả Bồ Tát ví như *Cây lớn*.

Tức là phân chia thành ba cỏ, hai cây mà hạng nào cũng bình đẳng hút mưa, hạng nào cũng bình đẳng đắc pháp.

Chánh văn (*dịch bốn chữ như nguyên văn*)

6 - Phật dùng dụ này
Phương tiện chỉ bày
Hết thủy ngôn ngữ
Diễn giải một pháp

Nơi trí huệ Phật
Một giọt như biển
Ta rưới mưa pháp
Cùng khắp thế gian
Pháp thuần một vị
Tùy sức tu hành
Như lùm rừng kia
Cỏ thuốc rừng cây
Tùy giống lớn nhỏ
Dần thêm sum suê
Pháp của chư Phật
Thường dùng một vị
Khiến các thế gian
Thảy đặng đầy đủ
Từng bậc tu hành
Đều đặng đạo quả
Thanh Văn, Duyên Giác
Ở chốn núi rừng
Trụ thân rớt sau
Nghe pháp đặng quả
Gọi là cỏ thuốc
Đều đặng lớn thêm
Nếu các Bồ Tát
Trí huệ vững bền
Rõ suốt ba cõi
Cầu thừa tối thượng
Đó là cây nhỏ

Mà đặng thêm lớn
Có vị trụ thiên
Đặng sức thần thông
Liều đặc pháp không
Lòng rất vui mừng
Phóng tỏa hào quang
Độ các chúng sanh
Đó là cây lớn
Cũng đặng thêm lớn.
Như thế Ca Diếp !
Pháp mà Phật nói
Ví như mây lớn
Dùng mưa một vị
Nhuần nơi hoa người
Đều đặng kết trái
Ca Diếp phải biết
Dùng các nhân duyên
Các món thí dụ
Chỉ rõ đạo Phật
Là ta phương tiện
Chư Phật cũng thế
Nay vì các ông
Nói việc chơn thiệt
Các chúng Thanh Văn
Đều chưa diệt độ
Khắp các ông hành
Là đường Bồ Tát

**Từ từ tu học
Thả đều thành Phật.**

Giảng luận

Đoạn kệ số sáu (*phần cuối của phẩm kinh*), Đức Phật nhắc lại và nhấn mạnh về cách sử dụng phương tiện để tuyên bày giáo pháp. Nhưng dù tiện cách nào cũng vẫn không rời phương, dù uyển chuyển thế nào cũng không rời nguyên lý. Vầng mây thành mưa rưới bất kỳ đâu, nhưng vẫn thuần một vị mưa. Lời Phật dù phương tiện cách nào, nhưng vẫn không rời chơn lý, không mất phương hướng giải thoát thành Phật. Cũng ví như nước biển đều thuần một vị mặn.

**Chúng sanh nghe pháp
Tùy sức kham nhận
Hoặc ở trời, người
Chuyển luân Thánh vương
Thích, Phạm, các vua
Là cỏ thuốc nhỏ**

Trời người quỷ thần, kể cả các Ngài từ Chuyển luân Thánh vương, Phạm Thiên vương, Đế Thích Thiên vương đều chỉ là cỏ nhỏ. Như Ngài Chuyển luân Thánh vương là vị đại phước, đại trí, đại thần thông, có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, trên đầu có bảo luân chiếu sáng hàng ngàn hào quang, bay lượn trên không trung dễ như người đi trên mặt đất.

Phạm Thiên vương là danh từ chỉ chung cho các Ngài Thiên vương ở các tầng trời sắc giới, còn gọi là Sơ thiên thiên. Cõi này đã dứt hẳn sắc dục, hoàn toàn thanh tịnh, gồm có ba cõi trời: đệ nhất là Phạm chúng thiên, đệ nhị là Phạm phụ thiên, đệ tam là Đại Phạm thiên. Thế gian thường xưng tụng Ngài Phạm thiên vương, tức là Ngài Đại Phạm thiên vương thuộc đệ tam. Ngài còn có tên Thi Thí. Trong ba Ngài Phạm thiên vương thì Ngài Đại Phạm thiên vương là vị vua trời thâm tín Phật pháp đệ nhất. Hễ mỗi khi có một vị Phật thị hiện thế gian thì Ngài liền đến thỉnh Phật chuyển pháp luân. Các vị Phạm thiên ở kinh điển Phật giáo đề cập, khác với vị Phạm thiên của Hồi giáo.

Đế Thích Thiên vương là vị vua trời ở tầng trời thứ hai, của sáu tầng trời Dục giới, thấp hơn các tầng Sắc giới. Ngài Đế Thích Thiên vương ngự cung chính giữa, chung quanh còn ba mươi hai cung thuộc cõi trời Đao Lợi, có ba mươi hai vị Thiên tử ngự để ứng châu Ngài Đế Thích Thiên vương. Con số ba mươi ba chúng ta thường gặp nơi kinh là con số có liên quan đến ba mươi ba cung trời thuộc quyền ngự trị của Ngài Đế Thích Thiên Vương.

Sở dĩ chúng tôi sơ lược ba vị vua trời ghi ở phần thi kệ của phẩm Tín giải, để giới học Phật, nhất là Phật tử không còn ngã mạn, tự nghĩ mình

trình độ nghe pháp, tu hành ví bằng loại cây lớn hút nước mưa.

Các Ngài vua trời hùng uy, phước đức, thần thông, trí tuệ như thế, vậy mà Đức Phật còn dạy là ở hàng cỏ thuốc thôi, chứ không thể nào thuộc vào hàng cây. Bởi vì cây là của hàng Bồ Tát.

Lại có người mới tập tu, phương tiện, được thọ Bồ Tát giới, cũng khoe khoang bảo rằng tôi thọ Bồ Tát giới nên tôi thuộc hàng cây đại thọ. Nếu nghĩ mình là cây đại thọ thì chỉ là loại cây khô, dùng để đóng hòm, chôn những con người cống cao ngã mạn ấy, chẳng những chôn xuống lòng đất, mà chôn tận đáy Diêm cung.

Từ nay mong những vị trì tụng kinh Pháp Hoa phải học, phải hiểu, chớ nên tu mù hiểu mò. Dù vô tình vẫn bị đọa lạc, nếu không thành tâm sám hối.

III - TÓM KẾT

Xin trích mẫu chuyện tiểu thuyết Hiệp Khách Hành (của Kim Dung) để mở cho đoạn tóm kết.

Nơi vách đá của một hang động, có lưu lại nhiều bức vẽ về các bí kiếp võ thuật. Hằng năm, mỗi môn phái võ thuật phải cử một người đứng ngày giờ quy định, để đi vào hang động mà nghiên cứu bí kiếp võ thuật, gọi là đi dự *Lạp bát chúc*. Nhưng hỡi ôi! Nếu đi có ngày về thì còn gì để nói,

đằng này từ đời này đến đời khác, hằng trăm đời, ra đi không ngày trở lại.

Thế rồi vào năm ấy, có một chàng trai tên Thạch Phá Thiên lại phải thay mặt môn phái đi dự Lạp bát chúc. Chàng trai này có cái biệt danh là **Cầu tạp chủng** (chó lộn giống). Cầu tạp chủng mới vừa nhập vào hang động, đã say mê từng đường nét vẽ của bí kiếp. Những đường vẽ của bí kiếp đó hình dung như những con nòng nọc bơi lội trong hồ. Chàng chú tâm theo dõi một nét vẽ lớn hơn, tức là tập trung vào con nòng nọc lớn nhất trong bầy nòng nọc. Nó thành thoi bơi lội, lúc hiện ra một mình, lúc uốn lượn cùng bầy.

Nó lội hết bức vẽ này chuyển sang bức vẽ khác như nó uyển chuyển nhẹ nhàng trong hồ nước. Con nòng nọc bơi đi thì luồng hơi trong cơ thể hòa nhịp với máu huyết nơi cơ thể của chàng nóng ran từng luồng. Trải qua bao nhiêu giờ ngày tháng năm, kể cả ẩm thực và tiêu tiểu, chàng cũng chẳng hề quan tâm. Đến một hôm, con nòng nọc lượn qua một hoa sen thì liền rụng đuôi trở thành một con nhái. Chàng định thần cũng chẳng nhìn thấy nhái, nòng nọc, kể cả vách đá và bí kiếp cũng hoàn toàn trống không. Chàng vỗ tay reo to, toàn thân nóng ran, rồi mát rượi. Chàng mở mắt nhìn khắp hang động, hàng ngàn bộ xương khô, trong tư thế ngồi an nhiên. Chàng ung dung bước khỏi hang động.

Ngày họp mặt môn phái võ thuật, chàng trai Thạch Pháp Thiên Cầu tạp chủng được mọi người tôn vinh lên ngôi vị Chưởng môn phái. Chàng nhận trách nhiệm với những điều kiện:

* Thứ nhất: võ thuật không ở những cú đấm, những cước, chưởng, chiêu, chỉ.

* Thứ nhì: võ thuật không luẩn quẩn nơi phân cơ bắp, nơi các giác quan, nơi ý nghĩ, nơi mưu lược, mà là tự tại, mà là an nhiên và sức mạnh của võ thuật phát xuất từ hư không và cuối cùng trả lại hư không.

* Thứ ba: ai nhận là môn sinh của môn phái phải thệ nguyện không hề đánh bất cứ một ai mà chỉ được chuyển kẻ đối thủ mà thôi.

* Thứ tư: môn sinh môn phái không cố chấp ngôn ngữ văn tự và bất cứ những gì được gọi là gia truyền.

* Thứ năm: môn sinh của môn phái chính mình tự chiến thắng không còn bị bảy thứ giết người: “**hỷ nô ái ố ai lạc cụ**” của chính mình sát hại mình.

Nếu toàn môn phái đồng ý và cùng giơ cao tay phát lời thệ nguyện ba lần thì Cầu tạp chủng này xin nhận trách nhiệm Chưởng môn phái.

Bộ kinh Pháp Hoa, nhất là phẩm Dược Thảo Dụ, ví như bí kiếp võ thuật, khắc trên vách đá, nơi hang động kia vậy.

Tụng đọc phẩm Dược Thảo Dụ mà chẳng liễu thông hoặc hiểu lầm ý nghĩa về sự thấm hút nước mưa của ba loại cỏ, hai loại cây thì chỉ được phước, chứ không thể khai mở trí tuệ. Vì sao? Vì chưa giải nghi. Chưa giải nghi thì tín không sâu. Tín không sâu thì hành không chuyên. Hành không chuyên thì phát nguyện không tha thiết. Cả ba **tín hạnh nguyện** đều lỏng lẻo thì làm sao mở khai trí tuệ.

Hành giả Pháp Hoa, khi đọc tụng phẩm Tín Giải nơi đoạn: “Bốn vị Thánh Tăng bộc bạch lên Đức Phật rằng dù đã chứng quả A La Hán, gần Phật mấy chục năm, nhưng hôm nay chúng con nghe được pháp **Nhất thừa**, chúng con cảm thấy như gã cùng tử dù gần người cha giàu sang mà vẫn làm việc hốt phân”. Các Ngài Thánh Tăng đắc quả Niết Bàn, dù chỉ là Hữu dư Niết Bàn, nhưng vẫn hơn chúng ta gấp bội phần. Vậy thì chúng ta và chúng sanh hốt gì đây?

Hành giả nghiên cứu phẩm Dược Thảo Dụ thứ năm, đoạn kệ bốn, nếu chặn ngang từ câu:

(Đọc trước sáu mươi câu rồi mới đọc các câu này thì dễ bùng vỡ hơn).

.....

Thích, Phạm, các vua

Là cỏ thuốc nhỏ

.....

Chúng đặng Duyên Giác

Là cỏ thuốc vừa

.....

Con sẽ thành Phật

Tinh tấn tu định

Là cỏ thuốc cao ...

Sơ quả Bồ tát ví như sự thấm hút mưa của cây nhỏ. Hàng Bồ tát và Đại Bồ tát ví như cây lớn.

Nếu đúng như vậy thì chúng ta và chúng sanh không nghe pháp ư! Nếu nghe thì thuộc vào loại nào đây? thuộc loại cỏ cây gì? Mới trích hai đoạn nơi hai phẩm kinh, chúng ta đã lúng túng, khó tìm đáp số. Nếu toàn phẩm, hoặc toàn bộ kinh thì sao đây?

Trước nhất giải nghi, các Ngài Thánh Tăng đã tự ví mình là kẻ hốt phân kiêm quản gia.

- **Quản gia** khác với **chủ gia**. **Thành Phật** mới tự tại vô ngại. Thánh Tăng chưa tự tại vô ngại. Chủ gia mới toàn quyền quyết định mọi việc gia đình, còn quản gia chỉ mới phân nửa quyền, chỉ trông nAum cai quản chứ không có quyền quyết định.

- **Hốt phân**: là dọn dẹp, tổng xuất hết tất cả các chất nhơ bẩn hôi thối. Ý nói người tu hành dẹp sạch mọi phiền não, dứt trừ được sanh tử, không đầu thai vào cõi nhơ ố đầy năm thứ ác trước này nữa. Nhưng mới dứt được nửa. Mới dứt được **khổ nhân** chứ chưa đoạn diệt được **khổ quả**. Mới dứt

phân đoạn sinh tử, nhập Hữu dư Niết Bàn chứ chưa đắc Vô dư Niết Bàn. Mới dứt hữu tướng chứ chưa nhập không tướng. Chưa trải được **hóa thân, ứng thân** thì lấy gì thu về để nhập **chân thân**. Vì vậy nên các Ngài Thánh Tăng khi hiểu rõ mới ví mình như gã cùng tử hốt phân.

Cũng ví như có người mới đậu Tú tài đã tự cho mình quá giỏi rồi. “**Ông Tú**” không tiếp tục học, cho nên khi bắt tay gánh vác việc đời thì chỉ lẩn quẩn dưới bầu khí quyển và đa phần chỉ lo dọn sạch về mặt vật thể, còn mặt triết lý, khoa học, y học và nhiều phương diện khác; nhất là đạo học thì những ông Tú không thể nào liễu ngộ và đảm nhiệm nổi. Khác với các ông Tú tài, một số cậu học sinh mới tiểu học, nhưng quyết tâm học đến Tiến sĩ, Bác học, hoặc Đạo sĩ.

Có một số người chúng ta và chúng sanh tu học nghe pháp như một số cậu học sinh tiểu học kia vậy; còn các Ngài Thánh Tăng nghe pháp như một số vị Tú tài kia nào khác.

Các vị Tú tài khi mới nửa vời đã bị **Sở tri chướng** nên không tấn tới được. Cũng vậy, các Ngài Thánh Tăng chứng Hữu dư Niết Bàn, ôm chấp cái hữu dư bảo đã đầy đủ, tuyệt đỉnh rồi. Các vị Tú tài lo dọn hết những phức tạp của xã hội, có khi nào nghĩ rằng dứt phiền não chính mình. Có khi nào thư thái ngồi xếp chân, theo tư thế hoa sen, hầu du

nhập không gian đâu? Trái lại một số cậu học sinh tiểu học, trình độ non kém nhưng ý chí cao siêu, nung chí học hành, sau hai mươi năm, đạt trình độ Bác học, Tiến sĩ, khoa học gia; nếu đạo học, đạo sĩ thì lâu hơn. Có khi nào các vị này vừa xếp chân là tâm thức du hành không gian, hoặc khi vào việc đời thì có khả năng yểm trợ hoặc chính mình thám hiểm không gian, ngoài bầu khí quyển.

Vậy hỏi các vị hành giả Pháp Hoa! Quý vị chọn thành phần nào? Thành phần một số vị Tú tài, hay là một số cậu học sinh tiểu học?

Còn việc nghe pháp như ba loại cỏ, hai loại cây, không lẽ trên mặt đất chỉ có năm loại này hút nước mưa, hay sao? Ngoài năm loại thảo mộc, còn biết bao thứ khác, thứ nào cũng có thể nhuần đượm nước mưa cả!

Chúng ta và chúng sanh, những người chú tâm tu học, chí thành chí thiết chẳng lẽ không thấm hút giáo pháp của Phật? Nếu thế thì còn gì là giáo pháp?

Trích đoạn chính văn nơi phẩm Dược Thảo Dụ để thêm sáng tỏ vấn đề là chúng sanh nghe pháp có đạt công đức không: ... **Đức Như Lai thuyết pháp một tướng một vị, nghĩa là: Tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt độ, rốt ráo đến bậc “Nhất thiết chủng trí”**. Nếu chúng sanh nào nghe pháp của Như Lai hoặc thọ trì đọc tụng in

sao viết chép, đúng như pháp mà tu hành thì được công đức vô lượng, nhưng tự mình không hề hay biết”.

Chú ý năm chữ: **chúng sanh nào nghe pháp.**

Vậy thì ai bảo chúng ta và chúng sanh, những người nghe pháp không thấm nhuần giáo pháp của Phật?

Toàn bộ kinh còn nhiều đoạn, nhiều câu ẩn nghĩa này. Nhưng xác quyết nhất là Đức Phật thị hiện thế gian cũng chỉ vì **“Mở khai cho chúng sanh tỏ rõ, hầu thấy biết ngộ nhập tánh Phật”** (phẩm *Phương Tiện*). Đức Phật đã long trọng tuyên xưng rằng: **“Những người đáng độ = đang độ. Những người chưa độ = sẽ độ”**.

Vậy mưa đều cả vùng, cơ chi phẩm Dược Thảo Dụ, đoạn kệ thứ năm lại nhấn mạnh ba cỏ, hai cây thấm nhuần mưa là nghĩa gì? Bí pháp này dành cho hành giả Pháp Hoa tự liễu ngộ.

Phạm vi phần giảng luận về phẩm này xác quyết là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Mà muốn thành Phật thì phải thấm nhuần lời dạy của Đức Phật. Tu luyện theo lời dạy đó, dù trải lâu bao nhiêu ức kiếp, rốt ráo cũng được thành Phật.

Kính lạy ngôi Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, gia hộ chúng con và các pháp

giới chúng sanh, sớm nhập **Tín Giải** như các Ngài Thánh Tăng nghe pháp đều thấm nhuần giáo pháp, như vạn vật muôn loài đồng nhuần đượm nước mưa, nơi phẩm Dược Thảo Dụ.

Hồi hướng công đức này đến thấy các pháp giới chúng sanh, đều nhuần triêm lợi lạc. Xin tất cả các pháp giới chúng sanh đều kết thành **Bồ Đề** quyến thuộc, đời đời kiếp kiếp đọc tụng thọ trì chứng đắc và hoằng dương kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nguyện cùng các pháp giới kết Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời an vui tinh tấn tu luyện và hoằng dương chánh pháp.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh,
Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.



Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

13

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại Thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 13

PHẨM THỌ KÝ - Thứ sáu

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký cho bốn
vị Thánh Tăng :

- Đại Ca Diếp
- Tu Bồ Đề
- Ca Chiên Diên
- Mục Kiền Liên

I - MỞ ĐẦU

Qua mười hai bài học về kinh Pháp Hoa, hôm nay chúng ta bước sang bài mười ba, phẩm Thọ Ký.

Phẩm Thọ Ký thuộc về quy pháp tổ chức và truyền thừa. Giới thức giả chưa nghiên cứu được Đức Phật tổ chức theo mô hình nào mà hệ thống của Ngài, chẳng những thừa Ngài còn tại thế, mà mãi ngàn ngàn sau, vẫn không tìm ra mô hình tổ chức. Vậy mà hàng ngũ của Ngài vẫn không hề rối loạn, có phải thuộc về bí pháp hay không? Không! Vì nó rất giản đơn. Đức Phật tổ chức theo phương pháp của người thợ xây nhà, tại chúng ta không chú ý, nên chưa nhìn thấy! ***Phương pháp người thợ xây nhà.***

Tất cả các cơ cấu, từ ngàn xưa, đến ngàn sau, từ Đông sang Tây, vấn đề nhân sự là quan trọng nhất. Thành cũng do nhân sự, mà hư cũng do nhân sự. Trị yên cũng do nhân sự, mà loạn lạc cũng do nhân sự. Tất cả đều do nhân sự quyết định. Muốn có nhân sự tốt, phải huấn luyện và tuyển chọn.

Đức Phật chẳng những tuyển chọn nhân sự quá tuyệt vời, mà sự giáo huấn lại càng tuyệt vời hơn. Một sự giáo huấn thuần chuyên. Ngày nào Ngài cũng giáo huấn, giáo huấn suốt bốn mươi chín năm. Từ cổ chí kim, chưa ai đặt chương trình giáo huấn dài lâu như vậy. Ngoài hai đặc điểm nêu trên, Đức Phật còn thêm bốn đặc điểm nữa:

- Nhìn thấy hiền tài.

- Thu dụng hiền tài.
- Tin giao việc lớn cho hiền tài.
- Khi đã thu dụng, tin giao việc lớn cho hiền tài rồi thì không hề nghe lời gièm siểm của kẻ gian nịnh, mà phớt bỏ hiền tài.

Việc chọn mười vị đại đệ tử, thu dụng Tôn Giả Ưu Paly, tin giao việc lớn cho Phú Lô Na, truyền trao tâm ấn cho Tôn Giả Đại Ca Diếp ... thể hiện các đặc tính đó!

Khi đã đủ những đặc điểm quan trọng rồi, chuyển vào phần hệ thống hóa cấp lãnh đạo. Hệ thống theo nguyên tắc người thợ xây dựng nhà. Người thợ muốn xây dựng một ngôi nhà, ngoài các yếu tố: đất đai, phương hướng, không gian, vật liệu, nhân sự, thời tiết ...*vân vân*... Nói chung là đầy đủ nhân và duyên để dựng một ngôi nhà rồi, lúc bấy giờ người thợ bắt đầu chọn hệ thống chịu lực cho ngôi nhà đó.

Trước nhất chọn cây đòn dông, tiếp theo bốn cây cột lớn (*cột hàng nhất*) đỡ cây đòn dông, rồi đến cột hàng nhì, hàng ba, trính, xuyên, kèo, đòn tay, ruồi mè ... Nói chung toàn bộ sườn nhà. Nếu thiếu hoặc sai một, dù một cây nê, ngôi nhà ấy không thành, hoặc nếu có thành cũng sẽ sớm sập đổ. Khi đã hoàn thành một sườn nhà, lúc bấy giờ người thợ mới tiếp tục vách nóc sân vườn, rào giậu, cây kiểng ... Nói chung là hoàn chỉnh một ngôi nhà. Ngày nay cất nhà thì nền móng chịu lực, đà, sàn

làm bằng bê tông cốt sắt, nhưng cũng trải qua từng bộ phận trước sau có thứ tự.

Cách tổ chức của Đức Phật, khi nhận biết các yếu tố cần thiết về nhân sự đã đầy đủ, Ngài bước vào hội thuyết Pháp Hoa kinh. Ngoài việc nâng trình độ cho hàng đệ tử và tất cả trời người thần quỷ rồng thì kinh Pháp Hoa còn áp dụng nguyên tắc sắp đặt hệ nhân sự đúng quy pháp tổ chức. Phẩm Thí dụ, Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất, là Ngài đã tuyển chọn xong cây đôn đông của tòa nhà Chánh pháp.

Phẩm Thọ Ký thứ sáu này, Đức Phật thọ ký cho bốn vị Thánh Tăng đã đầy đủ niềm tin và giải xả mọi nghi ngờ, mọi thắc mắc cho bốn vị đại đệ tử: Ngài Đại Ca Diếp, Ngài Tu Bồ Đề, Ngài Ca Diên Chiên và Ngài Mục Kiền Liên. Như vậy là Đức Phật chọn xong bốn cây cột chính cho ngôi nhà Chánh pháp.

Đến phẩm thứ tám, Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị đệ tử. Lúc đó là thời kỳ tuyển chọn cột kèo, đòn tay, ruồi mè cho ngôi nhà Chánh pháp.

Phẩm thứ chín thọ ký cho những vị đại trí thức, tức là những vị học giả và siêu học giả. Đó là thời kỳ hoàn chỉnh nhất về mặt tuyển chọn và phân trách nhiệm đúng cách tổ chức nhân sự của Đức Phật.

Thọ ký – Nguyên có nghĩa là lời dự ghi của Đức Phật về chuyện đệ tử đời sau chứng quả thành Phật, đồng thời cũng còn có nghĩa là ấn chứng, truyền trao, chứng nhận.

Đấng giáo chủ, hoặc bậc làm thầy, bậc lãnh đạo, lớp tiền bối, kẻ làm cha mẹ, anh chị, đều thuộc là bậc “*trên trước*”. Bậc này muốn thành công thì phải biết cách chứng nhận lớp người “*hậu tấn*” cách nào, để cho lớp người kế thừa họ trực nhận một cách hoan hỷ và vâng mệnh tuyệt đối.

Phương pháp của Đức Phật nơi phẩm Thọ Ký đã

quá rõ ràng. Đây là kim chỉ Nam giúp cho tất cả hàng trời người quý thần noi theo, để thành công về mặt tổ chức, về mặt tuyển chọn nhân sự, về mặt phân công trách nhiệm, truyền trao và trách nhiệm cho người thừa hành, thuộc hàng hậu tấn.

Xưa nay, một số quốc gia, tôn giáo, tộc họ, đã thành công vẻ vang là nhờ biết cách áp dụng phương pháp truyền trao. Trái lại cũng có nhiều tổ chức thất bại, bởi lý do truyền trao không đúng quy pháp, hoặc không có người để truyền trao. Chúng ta ai muốn thành công thì nên chú trọng về mặt nhân sự: Phương pháp giáo huấn - Phương pháp tổ chức và phương pháp truyền trao. Phẩm Thọ ký thứ sáu kinh Pháp Hoa mở đầu hướng dẫn chúng ta về phương pháp truyền trao.

Truyền trao - Chứng nhận, cả hai phải quyện lẫn thành một. Khi thành một rồi, bậc trao ký phải làm sao cho người nhận thọ ký khởi tâm thọ nhận cảm hứng một cách tuyệt đối. Nếu thiếu thì sự trao và nhận hoàn toàn mất ý nghĩa.

Khi chúng ta đã thẩm sâu phần nội dung của phẩm thứ sáu thì phải tiếp theo phẩm thứ tám và phẩm thứ chín để uống trọn phương pháp truyền trao thọ ký siêu đẳng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

II – NỘI DUNG

Chánh văn

1 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nói bài kệ đó rồi, bảo các đại chúng qua lời nói thế này: “Ông Ma Ha Ca Diếp, đệ tử của ta, ở đời vị lai sẽ phụng thờ ba trăm muôn ức các Đức Phật Thế Tôn, cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, rộng nói vô lượng đại pháp của các Đức Phật ấy, ở nơi thân rốt sau đặng thành Phật hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Nước tên là Quang Đức, kiếp tên là Đại Trang Nghiêm. Phật thọ mười hai tiểu kiếp. Chánh pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp. Tượng pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp. Cõi nước tốt

đẹp, không có các thứ dơ xấu, ngôi sỏi gai góc cùng hầm tiêu chỗ tiểu dơ bẩn. Cối đó bằng phẳng không có chỗ lồi lõm, hầm hố gò nổi. Đất bằng lưu ly, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây để giảng bên đường, rải các hoa báu khắp nơi sạch sẽ. Bồ tát trong nước đó đông vô lượng nghìn ức, các chúng Thanh Văn cũng lại vô số. Không có việc ma, dầu là có ma và dân ma, nhưng đều hộ trì Phật pháp.

Giảng luận

Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp sau này được phụng thờ muôn vạn triệu Đức Phật và hiển dương giáo pháp của Chư Phật vào những thời kiếp đó. Sau rốt được thành Phật, hiệu là *Quang Minh*, kiếp tên là *Đại Trang Nghiêm*, quốc độ gọi là *Quang Đức*. Cộng cả ba *Quang Minh* - *Quang Đức* và *Đại Trang Nghiêm* – chúng ta sẽ có một đáp số thế nào? Đặc biệt quốc độ của Đức Phật Quang Minh, dù có ma và dân ma, nhưng không có ma sự và toàn thể ma ở quốc độ này đều ủng hộ Phật pháp.

Ngài Tôn Giả Đại Ca Diếp là vị đệ tử được Đức Phật truyền trao tâm ấn, qua phương pháp Niêm Hoa. Vị Tổ thứ nhất của Phật giáo, sau khi Đức Phật nhập Niết bàn, Tôn Giả Đại Ca Diếp thay mặt Đức Phật thống lãnh chư Tăng, tổ chức đại hội kết tập kinh điển. Tôn Giả Đại Ca Diếp là

cây cột trụ vững chắc, đủ làm niềm tin cho tứ chúng đệ tử Đức Phật, khi Phật không còn trụ tại thế gian. Một vị đại đệ tử như vậy, mà mãi đến thời kỳ thuyết Pháp Hoa, Đức Phật mới thọ ký và thọ ký sau Ngài Tôn Giả Xá Lợi Phất.

Phương pháp truyền trao của đạo Phật theo nguyên tắc Tổ Tổ tương truyền. Tông môn nào truyền trao đúng nguyên tắc thì tông môn đó hiển hưng. Tông môn nào truyền trao sai nguyên tắc, hoặc có tính cách truyền trao thiên vị, hoặc chưa kịp truyền trao thì tông môn đó lụn bại điêu tàn. Các tộc họ, quốc gia cũng thế! Áp dụng phương pháp Thọ Ký phẩm thứ sáu vào đời sống Giáo hội, tông môn, gia tộc, kể cả quốc gia, đều đem lại sự lợi ích hữu hiệu kéo dài nhiều đời sau vậy!

Bên dòng lịch sử của đạo Phật, lại thêm một dòng lịch sử Việt Nam. Đời Hùng Vương, sự truyền trao rất là tuyệt vời. Họ Hồng Bàng đã truyền trao quyền lãnh đạo quốc gia cho mười tám tộc vua Hùng. Lịch sử chưa xác minh là mỗi tộc có mấy ông vua và mười tám tộc vua Hùng có mấy trăm ông vua. Nhưng lịch sử có lưu lại mười tám tộc vua Hùng, đã giữ cho đất nước yên bình thịnh trị suốt hai ngàn sáu trăm hai mươi hai năm (2.622 năm). Không rơi giọt máu, không tà mũi tên. Cùng thời gian này, ở Trung Hoa, nhà Ân, nhà Thương, nhà

Châu ... đã tranh giành quyền cai trị, máu thành sông, xương như núi!

Tụng đọc đến đây nếu ai liễu ngộ được kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Ký thứ sáu thì chắc chắn chẳng còn xem thường việc truyền trao và nhận lãnh mà Đức Phật đã hướng dẫn nơi kinh Pháp Hoa.

Chánh văn

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng (*dịch bốn chữ như nguyên văn*):

2 - Bảo các Tỷ kheo !

Ta dùng mắt Phật

Thấy Ca Diếp này

Ở đời vị lai

Qua vô số kiếp

Sẽ đặng thành Phật

Ở đời vị lai

Cúng dường kính thờ

Ba trăm muôn ức

Các Phật Thế Tôn

Vì trí huệ Phật

Tinh tu phạm hạnh

Đại thừa của Phật

Các hàng Thanh Văn

Vô lậu thân sau

Là con Pháp vương

Chẳng thể kể hết
Dầu dùng thiên nhãn
Cúng dường Tối Thượng
Nhị Túc Tôn xong
Tu tập tất cả
Trí huệ vô thượng
Ở thân rớt sau
Đặng chứng thành Phật
Cõi đó thanh tịnh
Lưu ly làm đất
Nhiều thứ cây báu
Bày hàng bên đường
Dây vàng giăng đường
Người ngó vui mừng
Thường thoảng hương thơm
Rải các hoa đẹp
Đủ các kỳ diệu
Để làm trang nghiêm
Cõi đó bằng phẳng
Không có gò hầm
Các chúng Bồ tát
Đông không thể kể
Tâm họ hòa dịu
Đặng thần thông lớn
Phụng trì kinh điển
Chẳng thể đếm biết
Phật đó sống lâu

Mười hai tiểu kiếp
Chánh pháp trụ đời
Hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng trụ
Hai mươi tiểu kiếp
Quang Minh Thế Tôn
Việc Ngài như thế.

Giảng luận

Ngoài lời công bố thọ ký cho Tôn Giả Đại Ca Diếp, Đức Phật còn thuyết thi kệ trùng tuyên lại lời thọ ký. Chúng ta tư duy để hiểu tại sao Đức Phật thuyết kinh lại còn thuyết kệ. Chúng ta cũng rất tiếc lời thi kệ ghi từ chữ Phạn (*Bắc Ấn Độ*), sau này được dịch sang chữ Trung Hoa, rồi lại dịch một lần nữa thành chữ Việt, cho nên chỉ còn giữ được phần nào ý thơ, chữ âm và vần cũng như hồn thơ không còn đúng như lúc khởi thuyết. Vì vậy nên chúng ta đọc tụng không thưởng thức được toàn chất thơ trong thi kệ. Tại sao thuyết kinh lại còn thuyết kệ, sẽ giải ở đoạn khác.

Chánh văn

Lúc bấy giờ, Ngài Đại Mục Kiền Liên, Ngài Tu Bồ Đề và Ngài Đại Ca Chiên Diên ... thấy đều run sợ một lòng chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không hề tạm rời, liền đồng nhau nói kệ rằng:

3 - Thế Tôn thật hùng mãnh
Pháp vương của dòng Thích
Vì thương xót chúng con
Mà ban truyền tiếng Phật.
Nếu rõ thâm tâm con
Chọn là kẻ thọ ký
Như dùng cam lộ rưới
Trừ nóng đặng mát mẻ
Như từ nước đói đến
Bỗng gặp cỗ tiệc vua
Lòng còn ôm nghi sợ
Chưa dám ăn liền ngay
Nếu lại đặng vua bảo
Sau đó mới dám ăn
Chúng con cũng như vậy
Hằng nghĩ Tiểu thừa dở
Chẳng biết phải làm sao
Đặng huệ vô thượng Phật
Dầu nghe giọng tiếng Phật
Nói chúng con thành Phật
Lòng còn ôm lo sợ
Như kẻ chưa dám ăn
Nếu được Phật thọ ký
Thì mới là an vui
Thế Tôn thật hùng mãnh
Thường muốn an thế gian

**Xin thọ ký chúng con
Như đói cần bảo ăn.**

Giảng luận

Tại sao Đức Phật phải đợi tới ba vị Đại Thánh Tăng trình kệ thỉnh cầu và giải bày tâm trạng của mình một lần nữa? Câu hỏi được nêu và quý vị sẽ được giải bày nơi toàn bộ Pháp Hoa, nếu chúng ta lắng sâu vào toàn văn bộ kinh.

Sau khi Đức Phật thọ ký cho Ngài Tôn Giả Đại Ca Diếp, ba vị Thánh Tăng bối rối, vì từ trước không hiểu rõ chính mình, nên cả ba đồng đến trước Phật làm lễ và quỳ dâng lời thi kệ rằng, cả ba đồng hiểu giáo pháp Nhất thừa, cả ba đồng hiểu Đức Phật phương tiện thuyết ba thừa và đến giờ đó cả ba đồng muốn được Đức Phật thọ ký. Cả ba Ngài đều trình bày rằng, như kẻ đói gặp tiệc vua, thức ăn ê hề nhưng chưa dám ăn, còn chờ lệnh. Cả ba Ngài đều nêu sự mặc cảm của mình, nghĩ mình đã là Thánh Thanh Văn, chấp pháp tam thừa nên không tin mình thành Phật, nay hiểu và tin pháp nhất thừa, giờ chỉ còn chờ Đức Phật thọ ký. Cho nên cả ba Ngài tự ví mình như kẻ đói đang chờ vua cho phép nhập tiệc sang trọng.

Tóm lược đoạn kinh và kệ là như thế, nhưng đem ý của đoạn kinh áp dụng vào đời sống của chính mình mới là điều đáng nói. Nhất là người dân của những nước bé nhỏ, chậm tiến, lúc nào cũng

mặc cảm, không dám ngẩng mặt nhìn trời cao rộng bao la.

Hàng đệ tử Phật, kể cả các vị Thánh Tăng, vẫn chưa tin rằng mình sẽ thành Phật, mặc dù Đức Phật đã long trọng tuyên bố: ***“Chúng sanh đều có tánh Phật, tất cả đều được thành Phật, đều sẽ thành Phật”***.

Chánh văn

4 – Lúc bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của các vị đệ tử lớn, bảo các thầy Tỷ kheo rằng: “Ông Tu Bồ Đề đây đến đời vị lai phụng thờ ba trăm muôn ức na do tha Đức Phật, cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, thường tu hạnh thanh tịnh, đủ đạo Bồ tát, ở thân rốt sau đặng thành Phật hiệu: Danh Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Kiếp đó tên Hữu Bửu, nước đó tên là Bửu Sanh. Cõi đó bằng phẳng, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, không có những gò, hầm, cát, sỏi, gai, chông cùng hầm tiêu hố tiểu đơ bản; hoa báu trải đất khắp nơi sạch sẽ, nhân dân cõi đó đều ở đài báu và lầu gác quý đẹp. Hàng đệ tử Thanh Văn đông vô lượng vô biên, tính kể cùng

thí dụ đều không thể biết. Các chúng Bồ tát đông vô số nghìn muôn ức na do tha.

Đức Phật thọ mười hai tiểu kiếp, chánh pháp trụ ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ đời hai mươi tiểu kiếp. Đức Phật đó thường ở trên hư không vì chúng nói pháp độ thoát đặng vô lượng Bồ tát cùng chúng Thanh Văn.

Khi đó, Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

5 - Các chúng Tỷ kheo
Nay bảo các ông
Đều phải một lòng
Đệ tử lớn ta
Là Tu Bồ Đề
Sẽ đặng làm Phật
Hiệu là Danh Tướng
Sẽ cúng vô số
Muôn ức các Phật
Theo hạnh Phật làm
Dần đủ đạo lớn
Thân rốt sau đặng
Băm hai tướng tốt
Xinh lịch đẹp đẽ
Dường núi báu lớn
Cõi nước Phật đó
Trang nghiêm sạch nhất

Chúng sanh được thấy
Không ai chẳng ưa
Phật trong cõi đó
Độ vô lượng chúng
Trong pháp của Phật
Bồ tát đông nhiều
Thấy đều lợi căn
Chuyển luân bất thối
Cõi đó thường dùng
Bồ tát trang nghiêm
Chúng Thanh Văn lớn
Chẳng thể đếm kể
Đều đặn ba minh
Đủ sáu thần thông
Trụ tám giải thoát
Có oai đức lớn
Phật đó nói pháp
Hiện nơi vô lượng
Thần thông biến hóa
Chẳng thể nghĩ bàn
Nhân dân hàng trời
Đông như hằng sa
Đều cùng chấp tay
Nghe lãnh lời Phật
Phật đó sẽ thọ
Mười hai tiểu kiếp
Chánh pháp trụ đời

**Hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp trụ đời
Hai mươi tiểu kiếp.**

Giảng luận

Cả ba vị Thánh Tăng đồng quỳ dâng lời thơ kệ. Nhưng Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Tu Bồ Đề trước. Về các đời sau, Tôn Giả Tu Bồ Đề được phụng thờ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán hơn ba trăm tỷ Đức Phật và giáo pháp của Chư Phật. Chính bản thân Tôn Giả Tu Bồ Đề thường tu hành thanh tịnh và thực hành đầy đủ Bồ Tát đạo. Thân rốt sau được thành Phật, hiệu là **Danh Tướng Như Lai**, kiếp tên là **Hữu Bửu**.

Hiệu của Ngài là Tu Bồ Đề, thành Phật là Danh Tướng Như Lai, kiếp tên Hữu Bửu. Phần này khi trình độ cao hơn chúng ta sẽ tư duy thâm sâu hơn để hiểu mật nghĩa, tại sao là Danh Tướng Như Lai và Hữu Bửu là thế nào? Đoạn kinh này chúng ta cần đối chiếu với bản thân mình. Đã đến trình độ như Tôn Giả Tu Bồ Đề, mà cũng phải tinh tấn tu hành thanh tịnh, thực hành đầy đủ Bồ tát đạo. Phụng thờ, cúng dường, tôn trọng, cung kính, tán thán hơn ba trăm tỷ Chư Phật và giáo pháp Chư Phật, thân rốt sau mới được thành Phật. Chẳng những cúng dường, phụng thờ, tán thán Chư Phật, mà còn phụng thờ giáo pháp Chư Phật. Một điều

chúng ta nên tư duy là quả đất chứa đầy năm tỷ người, vậy mà con số Phật hơn ba trăm ngàn tỷ.

5 tỷ \longleftrightarrow 300.000 tỷ

So sánh hai con số để chúng ta rõ số kiếp tu hành của Tôn Giả Tu Bồ Đề lâu xa như thế nào. Người nào mới tu học vài năm, mà thắc mắc tại sao tôi chưa chứng đắc, xin hãy đọc đi đọc lại đoạn kinh này nhiều lần. Tụng đọc đoạn kinh này, chúng ta cần lưu ý một điều nữa. Ngài Tôn Giả Tu Bồ Đề là vị Thánh Tăng có điểm nào xuất sắc mà nơi hội thuyết kinh Kim Cương, Đức Phật lại nói thẳng với Tôn Giả Tu Bồ Đề . . . ?

Chánh văn

6 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo các chúng Tỷ kheo: “Ta nay nói với các ông, ông Đại Ca Chiên Diên này ở đời tới, dùng các đồ cúng mà cúng dường phụng thờ tám nghìn ức Phật cung kính tôn trọng. Sau khi các Đức Phật diệt độ, ông đều dựng tháp miếu cao một nghìn do tuần, ngang rộng bao khắp năm trăm do tuần, tháp miếu đó dùng bảy món báu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khô hiệp lại thành, cúng dường tháp miếu bằng các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương hoa, hương bột, hương đốt, lọng nhiễu, tràng phan ...

Sau thời kỳ đó lại phải cúng dường hai mươi muôn ức Phật cũng như trước, cúng

dường các Đức Phật đó rồi, đủ đạo Bồ tát sẽ
đặng làm Phật hiệu: Diêm Phù Na Đề Kim
Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh
Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,
Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế
Tôn.

Cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây
báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây để giăng
bên đường, hoa đẹp trải đất khắp nơi sạch sẽ.
Người được thấy đều vui mừng, không có bốn
đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A Tu
La. Các trời cùng người rất đông, các chúng
Thanh Văn và Bồ tát vô lượng muôn ức trang
nghiêm nước đó. Đức Phật đó thọ mười hai tiểu
kiếp, chánh pháp trụ ở đời hai mươi tiểu
kiếp, tượng pháp cũng trụ hai
mười tiểu kiếp.

Lúc đó Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên
mà nói kệ rằng:

7 - Các chúng Tỷ kheo
Đều một lòng nghe
Như lời ta nói
Chơn thiệt không khác
Ca Chiên Diên này
Sẽ dùng các món
Đồ cúng tốt đẹp
Cúng dường các Phật

Các Phật diệt rồi
 Dựng tháp bảy báu
 Cúng dường hoa hương
 Cúng dường Xá Lợi
 Thân ông rớt sau
 Đặng trí huệ Phật
 Thành Đẳng Chánh giác
 Cõi nước thanh tịnh
 Độ thoát vô lượng
 Muôn ức chúng sanh
 Đều được mười phương
 Đến kính cúng dường
 Ánh sáng của Phật
 Không ai hơn được
 Đức Phật đó hiệu
 Diêm Phù Kim Quang
 Bồ tát, Thanh Văn
 Dứt cả hữu lậu
 Vô lượng vô số
 Trang nghiêm nước đó.

Giảng luận

Cả chính văn và thi kệ của đoạn này, đều chủ đích về việc Đức Phật thọ ký cho Ngài Tôn Giả Ca Chiên Diên. Ngài Ca Chiên Diên phụng thờ và cúng dường chia thành hai đợt. Đợt đầu chỉ phụng thờ cúng dường tám tỷ Đức Phật. Tiếp theo dâng cúng dường hai trăm tỷ Đức Phật, cả hai thời kỳ

cộng chung là hai trăm lẻ tám tỷ Đức Phật. Ngài Ca Diếp cúng dường ba trăm ngàn tỷ Đức Phật. Ngài Ca Chiên Diên cúng dường hai trăm lẻ tám tỷ Đức Phật. Hai trăm linh tám so với ba trăm ngàn, hai con số sai biệt rất xa.

Ngài Tôn Giả Đại Ca Chiên Diên thành Phật, hiệu là *Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai*. Chánh pháp, Tượng pháp thọ hai mươi tiểu kiếp. Thọ mạng Phật này cũng mười hai tiểu kiếp. Quốc độ này không có bốn đường hung dữ (*một cõi A Tu La hung, ba cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh dữ*). Mỗi vị Thánh Tăng tu hành tạo phần công đức trang nghiêm cho Phật độ của chính mình khác nhau.

Chúng ta cũng vậy, y báo chánh báo mỗi người mỗi khác, không ai giống ai. Điều quan trọng nhất là có lập công bồi đức, có tự trang nghiêm cho cõi Phật quốc của mình sau này hay không? Nhiều người không hiểu đạo, nên thường phát ngôn bừa bãi rằng: “Tôi tu **đốn** chứ không tu **tiệm**”. Nghĩa là tu tắt, tu mau, tu ngộ ngay, tu thành Phật liền hiện đời, như nàng Rong tám tuổi, chứ không chịu tu căn bản từ thấp lên cao, từ Tiểu thừa lên Đại thừa, từ kiếp này sang kiếp khác. Càng trải dài công năng tu trì, càng phụng thờ nhiều trăm ngàn Đức Phật thì càng tự tạo cho Phật quốc độ của chính mình càng

trang nghiêm. Cũng như cây danh mộc, càng nhiều năm thì chất lõi mới quý báu.

Chánh văn

8 - Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo trong đại chúng: “Ta nay nói với các ông, ông Đại Mục Kiền Liên đây sẽ dùng các món đồ cúng, cúng dường tám nghìn các Đức Phật, cung kính tôn trọng. Sau khi Đức Phật diệt độ đều dựng tháp miếu cao một nghìn do tuần, ngang rộng vòng khắp năm trăm do tuần, dùng bảy món báu: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khô hiệp lại thành. Đem các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương xoa, hương bột, hương đốt, lọng nhiều và tràng phan để cúng dường tháp.

Sau lúc ấy lại phải cúng dường hai trăm muôn ức các Đức Phật cũng y như trước, rồi sẽ đặng thành Phật hiệu: Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Kiếp đó tên là Hỷ Mãn, nước tên là Ý Lạc. Cõi đó bằng phẳng, chất pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, rải hoa trân châu khắp nơi sạch sẽ, người được thấy đều vui mừng. Các hàng trời người rất đông, Bồ tát và Thanh Văn số nhiều vô

lượng, Đức Phật đó thọ hai mươi bốn tiểu kiếp, chánh pháp trụ lại đời bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ bốn mươi tiểu kiếp.

Khi đó Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

9 - Đệ tử ta đây
Đại Mục Kiền Liên
Bỏ thân này rồi
Sẽ gặp tám nghìn
Hai trăm muôn ức
Đức Phật Thế Tôn
Vì cầu Phật đạo
Cúng dường cung kính
Nơi các Đức Phật
Thường tu phạm hạnh
Trong vô lượng kiếp
Phụng trì pháp Phật
Các Phật diệt rồi
Xây tháp bảy báu
Tháp vàng cao rộng
Hoa hương kỹ nhạc
Dùng dâng cúng dường
Tháp miếu các Phật
Lần lần đầy đủ
Đạo hạnh Bồ tát
Nơi nước Ý Lạc

Mà đặng thành Phật
Hiệu Đa Ma La
Bạt Chiên Đàn Hương
Phật đó thọ mạng
Hăm bốn tiểu kiếp
Thường vì trời người
Diễn nói đạo Phật
Thanh Văn vô lượng
Như cát sông Hằng
Ba minh, sáu thông
Có oai đức lớn
Bồ Tát vô số
Chí bền tinh tấn
Nơi trí huệ Phật
Đều không thối chuyển
Phật diệt độ rồi
Chánh pháp trụ đời
Bốn mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng thế

- 10 - Các đệ tử ta
Oai đức đầy đủ
Số năm trăm người
Ta đều thọ ký
Ở đời vị lai
Đều đặng thành Phật
Ta cùng các ông
Đời trước nhân duyên

Ta nay sẽ nói
Các ông khéo nghe.

Giảng luận

Đoạn kinh văn và thơ kệ này, Đức Phật thọ ký cho Ngài Tôn Giả Mục Kiền Liên. Trong bốn vị đại đệ tử được thọ ký nơi phẩm Thọ Ký thì Ngài Tôn Giả Mục Kiền Liên là nổi bật hơn cả.

Hiệu Phật là *Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như Lai* và đủ mười tôn hiệu. *Đa Ma La Bát* là Tinh võ cầu hiền, *Chiên Đàn Hương* là loại gỗ trầm, quý nhất ở Ấn Độ. Cũng ví như loại “trầm hương kỳ nam tỷ ngọ” của Việt Nam vậy (*giờ tỷ, giờ ngọ tự nó phát hương thơm*).

Đức Phật Đa Ma La Bát Chiên Đàn Hương Như

Lai thọ mạng dài lâu hai mươi bốn tiểu kiếp. Ba Ngài Tôn Giả trước, có Ngài mười hai tiểu kiếp, có Ngài hai mươi tiểu kiếp. Trong bốn vị Tôn Giả thì có hai vị xây hàng tỷ bảo tháp phụng thờ hàng tỷ Chư Phật.

Chúng ta cũng nên tìm hiểu việc hiện nay có một số Hòa thượng, Ni sư xây bảo tháp, để nhập nhục thân của mình vào đó, như vậy có đúng Chánh pháp không? Cũng đúng, mà cũng không đúng. Đúng là tất cả Chư Phật khi nhập Niết Bàn xong, hàng đệ tử xây tháp phụng thờ Xá Lợi của Đức

Phật đó. Ngày nay, một số Ngài Hòa thượng bắt chước vua chúa, xây tháp khi mình vẫn còn sống, e rằng như vậy là bị phạm vào chỗ trước tướng chăng?

Khi quý Hòa thượng viên tịch, nhục thân chôn vào lòng đất, để âm tử hút xuống đất, sau đó hàng đệ tử cải táng đưa phần xương cốt, hoặc ngọc xá lợi vào tháp thì mới đúng Chánh pháp. Còn chính vị Hòa thượng đứng ra đốc công xây tháp, rồi khi vừa viên tịch liền nhập cả xương cả thịt hôi thối vào bảo tháp là không đúng Chánh pháp. Nhiều vị tu hành đạt đến bậc Hòa thượng mà tụng kinh Pháp Hoa không tư duy về việc các Ngài Bồ tát xây tháp thờ Chư Phật như thế nào, để mình hành đúng Chánh pháp. Bồ tát xây tháp thờ Phật, chứ không phải chính Phật xây tháp thờ Phật. Đệ tử xây tháp thờ Hòa thượng, chứ không phải Hòa thượng xây tháp thờ Hòa thượng. Đó là chưa kể chỗ đặt ngôi tháp, có ảnh hưởng đến phương diện thẩm mỹ, có một số ngôi tháp đã làm phương hại đến thẩm mỹ của ngôi chùa.

III - TÓM KẾT

Phẩm thứ sáu vẫn còn ở phần sắp đặt hệ thống nhân sự, cho nên chưa thẩm sâu vào những ẩn nghĩa bất khả tư nghì. Tuy nhiên, không phải như thế là đơn giản, đừng thấy như vậy mà cho là dễ

dàng. Chớ nên chủ quan! Bởi vì kinh Pháp Hoa, từng chữ, từng câu, từng nét, mỗi mỗi đều mang một ý nghĩa truyền thừa, mỗi mỗi đều mang một dấu ấn sâu sắc, mỗi mỗi đều ẩn giấu một mật nghĩa kín đáo, không thể dùng ý để nghĩ, dùng lực để soi, dùng trí hiểu biết để hiểu biết. Cũng không thể dùng sức học, dùng kiến thức, dùng thâm niên, dùng khai mở để mà liễu đạt được. Ví dụ như phẩm Thọ ký, chỉ mới có bốn vị đại đệ tử của Đức Phật được thọ ký, nhưng mỗi vị một hiệu khác, một quốc độ khác.

- Ngài Ma Ha Ca Diếp thành Phật, hiệu là Quang Minh Như Lai.
- Ngài Tuệ Mạng Tu Bồ Đề thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai.
- Ngài Ca Chiên Diên thành Phật, hiệu là Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai.
- Ngài Mục Kiền Liên thành Phật, hiệu là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai.

Khi chúng ta trình độ cao hơn mới luận sâu các danh hiệu này.

Cả bốn Ngài đều đủ mười tôn hiệu Như Lai ... Thế Tôn. Mỗi danh hiệu mang một ẩn nghĩa sâu mầu. Chỉ khi nào hành giả thông suốt như nhà võ học thông suốt bí kiếp thì lúc ấy mới bừng ngộ. Cũng chính lúc ấy mới bừng vỡ và thốt lên: “*À ra là như thế*”. Còn chỉ đọc, tụng suông thì mọi người

tụng đọc kinh Pháp Hoa đều luôn luôn nghĩ rằng, đây là phẩm kinh thứ sáu trong tổng số hai mươi tám phẩm, của toàn bộ Pháp Hoa. Phẩm kinh này dành riêng cho bốn Ngài Thánh Tăng. Các Ngài được Đức Phật thọ ký về các đời vị lai được thành Phật, chứ chẳng liên quan gì đến mình. Không! Phẩm kinh này, trong mỗi chúng ta, ai ai cũng có phần, ai ai cũng phải noi theo, ai ai cũng cần phải có phẩm kinh này.

Còn cần thế nào? Cần để làm gì? Tại sao phải cần? Xin nhường câu trả lời cho hành giả Pháp Hoa, nhất là khi sự sống hằng ngày liên quan đến phẩm kinh và người nào đó, liễu ngộ hoặc vô tình áp dụng đúng tinh thần phẩm kinh đem lại kết quả bất ngờ, lúc đó chính là lúc câu trả lời xuất hiện: “À, ra là như thế”.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni, phóng quang soi sáng tâm trí chúng con, xoa đầu thọ ký cho chúng con, để tất cả chúng con đều đồng được thấu đạt chiều sâu của phẩm Thọ ký. Ngưỡng mong Ngài Đại Phạm Thiên Vương, Ngài Đế Thích Thiên Vương, hết thảy các vị vua trời và các vị Thiên Ma vương, nói chung là cõi thiên giới quyền uy, phát đại từ bi tâm hộ trì cho toàn cõi nhân gian đồng được an lành, mọi chướng duyên tiêu diệt, căn lành tăng trưởng.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh, đều nhuần triêm lợi lạc. Xin kết Bồ Đề quyển thuộc cùng tất cả, nguyện đời đời kiếp kiếp đọc tụng thọ trì và phổ truyền kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Khi quán niệm đúng tử trường tự nhiên
thu hút mười phương đất trời ...

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

14

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại Thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 14

PHẨM HÓA THÀNH DỤ - Thứ bảy

- Đức Phật Thích Ca trình bày sự quán thông về thời gian của trí tuệ Phật.
- Sự quan trọng của tòa ngòai.
- Y báo chánh báo của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

I - MỞ ĐỀ

Tu học qua sáu phẩm kinh, chúng ta đã hiểu một số bí pháp bổ ích cho cuộc sống hằng ngày, cho bản thân cùng những người “thân” và “cận” của chúng ta.

Bài này chúng ta học và thực tập thêm ba bí pháp nữa. Mong tất cả lắng hết ý (*tám thức*), chú hết tâm vào bài học để liễu thông ba bí pháp ở phần đầu phẩm kinh Hóa Thành Dụ này.

- * **Bí pháp thời gian.**
- * **Bí pháp tòa ngòai.**
- * **Bí pháp y báo chánh báo**

Tuy phẩm kinh mang tựa đề là Hóa Thành Dụ, nhưng hai phần ba đầu phẩm kinh đều chủ đích nói bí pháp thành công là nhờ: **Tòa ngòai - Chỗ ngòai - Thế ngòai - Người yểm trợ - Ngoại cảnh - Nội tại - Thời gian - Không gian.**

Một phần ba sau mới đến bí pháp Hóa Thành ví dụ. Dù chúng ta đã học các bí pháp:

- Người giới thiệu.
- Người giả vờ dốt nát.
- Thập như thị pháp.
- Thanh lọc trấu lép.
- Bình đẳng như cơn mưa.
- Có người hiểu và tin tưởng trung thành.
- Nhận sự trách nhiệm.

Nhưng hôm nay ở phẩm thứ sáu, chúng ta học thêm ba bí pháp của năm phẩm kinh một đến năm, tất cả đều là bí pháp:

- Thời gian.
- Sự quan trọng của tòa ngời.
- Y báo chánh báo của Ngài Đại Thông Trí Thắng.

(Phẩm Hóa Thành Dự còn ba bí pháp nữa sẽ giảng luận ở bài mười lăm).

Toàn bộ kinh Pháp Hoa, có hằng vạn bí pháp thành công. Trước khi muốn thành Bồ tát, thành Phật, chúng ta phải thực tập, thực tu, thực luyện để thành người, thành tiên, thành trời, thành Thánh. Đó là điều kiện tiên quyết để bước vào tòa nhà Như Lai.

Bí pháp ví dụ nhìn thấy thì đơn giản, nhưng khi thực hiện thì không giản đơn chút nào.

Đạo khác đời về vấn đề này, là nên sử dụng “**Phương tiện trí**”. Đạo muốn dùng ví dụ để con người rời mê về giác, rời tà nhập chánh, ngoài các bí pháp cao siêu khác, người hướng đạo phải sử dụng bí pháp ví dụ. Câu chuyện hóa thành là bí pháp, **ví dụ** theo quy tắc **Phương tiện trí**.

Nếu có ai trong chúng ta, hoặc trong toàn thể trời người quỷ thần mà liễu thông và áp dụng bí pháp Hóa Thành Dụ thì cuộc sống ngày một thăng hoa, nhất định thành công trên mọi địa hạt. Dù chưa thành Phật ngay hiện đời, nhưng đây là nhịp cầu bước vào tòa nhà hỷ lạc, để chuẩn bị bước lên quả vị Như Lai.

Nhưng khổ thay, phương pháp của đời đa phần áp dụng nặng về vật chất và thiện xảo, nếu đạo cũng sử dụng như đời thì còn gì là đạo! Điều này rất quan trọng. Xin nhắc lại, đạo áp dụng phương pháp **ví dụ** phải đúng theo nguyên tắc **Phương tiện trí**. Nếu sai nguyên tắc này là lọt vào bình diện thế tục của đời.

Trí là trí tri, còn đại trí là trí tuệ. Phương tiện nghĩa là thuận lợi và đúng cách (*phương là đúng phương cách*). Uyển chuyển nhưng không rời chơn lý. Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên. Hay là: **Dĩ bất biến ứng vạn biến**. Hiện tượng có thể ứng vạn biến nhưng bản chất thì là bất biến. Hay là: Y

kinh giải nghĩa tam thế Phật oan. Ly kinh nhất tự tức đồng ma thuyết. Lưu ý cũng có một ít phần tử ví dụ, nhưng ví dụ theo tà. Nếu vậy là **cám đồ** chứ không phải ví dụ.

Để dễ hiểu và dễ nhớ phương pháp **ví dụ** cho người mê nhập giác, chúng ta phải áp dụng đúng nguyên tắc **Phương tiện trí**, đó là pháp phương tiện của đạo Phật.

II.- NỘI DUNG

1/. Đức Phật Thích Ca trình bày sự quán thông về thời gian của trí tuệ Phật

Chánh văn

1 – Đức Phật bảo các thầy Tỷ kheo:

“Thuở quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghì a tăng kỳ kiếp đã qua, lúc bấy giờ có Đức Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Nước đó tên là Hảo Thành, kiếp tên Đại Tướng. Các Tỷ kheo! Từ khi Đức Phật đó diệt độ đến nay rất là lâu xa, thí như mọi thứ đất trong cõi tam thiên đại thiên, mà giả sử có người lấy đem mài làm mực rồi đi khỏi một

ngàn cõi nước ở phương Đông bèn chấm một điểm chừng bằng bụi nhỏ, lại qua một ngàn cõi nước nữa cũng chấm một điểm, cứ lần lượt như thế chấm hết mực mài bằng đủ thứ đất kể trên. Ý các ông nghĩ sao? Số cõi nước đó, giáo sư toán hoặc đệ tử của ông ta có thể đạt tới ngàn mé để tính nổi số đó không?

- Thưa Thế Tôn! Không thể biết!

- Các Tỷ kheo! Những cõi nước người đó đi qua hoặc có chấm mực hoặc không chấm mực đều nghiền nát cả ra làm bụi, một hạt bụi tính một kiếp thì từ Đức Phật đó diệt độ đến nay lại lâu hơn số đó vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức a tăng kỳ kiếp. Ta dùng sức tri kiến của Như Lai xem thuở lâu xa đó dường như mới rành rành ngày nay.

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2 - Ta nhớ đời quá khứ
Vô lượng vô biên kiếp
Có Phật Lương Túc Tôn
Tên Đại Thông Trí Thắng
Như người dùng sức mài
Hết tất cả thứ đất
Thảy đều làm thành mực
Qua hơn ngàn cõi nước

Mới chấm điểm bằng bụi
 Như thế lần lựa chấm
 Hết các bụi mực này
 Số các cõi nước đó
 Điểm cùng với chẳng điểm
 Lại đều nghiền thành bụi
 Một bụi làm một kiếp
 Số bụi li ti đó
 Số kiếp còn lớn hơn
 Phật đó diệt đến nay
 Vô lượng kiếp như thế
 Trí vô ngại của Phật
 Biết Phật đó diệt độ
 Cả Thanh Văn, Bồ tát
 Như thấy diệt ngay đây
 Các Tỷ kheo nên biết
 Trí Phật tịnh vi diệu
 Vô lậu và vô ngại
 Suốt thấu vô lượng kiếp.

Giảng luận

Bí pháp thời gian đoạn kinh này đa phần chúng ta đều ngỡ tưởng rằng, Đức Phật Thích Ca trình bày thời gian thành Phật của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai, dài lâu không thể nghĩ bàn là trình bày cho hàng Thánh. Không! Đức Phật trình bày cho chúng sanh, nhưng chúng sanh muốn hiểu phải trải qua ba động tác:

* *Động tác thứ nhất*:: Giả dụ như nghiền nhỏ ba ngàn đại thiên thế giới thành bụi, chế thành mực.

* *Động tác thứ hai*: Qua một ngàn cõi, chấm một giọt mực. Đi hết phương Đông, rồi đến các phương hướng khác. Chấm như vậy đến khi nào khô cạn số mực này, rồi kiểm lại được bao nhiêu cõi. Không có giáo sư toán nào, hoặc bất cứ ai, có thể tính đếm được số cõi này! Nhưng chưa! . . .

* *Động tác thứ ba*: Đem tất cả số cõi, đã chấm mực hoặc chưa chấm nghiền nát thành bụi, mỗi hạt bụi là một kiếp. Nếu tính tiểu kiếp thì mười sáu triệu tám trăm ngàn năm. Vậy kiểm lại số kiếp từ khi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thành Phật và nhập Niết Bàn đến nay là bao nhiêu kiếp? Nhất định không ai có thể quán suốt hoặc tính đếm được số kiếp này.

Đọc tụng đến đây ai cũng đĩnh ninh yên trí rằng Đức Phật Thích Ca trình bày về thời gian thành Phật của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai lâu xa dường ấy, nếu đơn giản như vậy thì còn gì mật nghĩa, còn gì bí pháp của kinh Pháp Hoa.

Phẩm Tựa, một lần Bồ tát Đại Trí Văn Thù đã nhấn mạnh về mật nghĩa “**thời gian**”. Nhưng mà thời gian này là đại chúng nương thân lực của Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Ngài thuyết một thời pháp dài lâu đến sáu trăm ngàn năm, nhưng đại chúng cảm nhận lâu chừng giây lát.

Hôm nay, phẩm Hóa Thành Dụ, Đức Phật cũng lại nhấn mạnh về điểm thời gian đối với **trí tuệ** Phật. Thời gian không còn có thể dùng số lượng cân đo đong đếm của các nhà trí thức thế gian, mà chỉ có trí tuệ Phật mới quán thông. Không những chỉ quán thông về sự dài lâu, mà còn thu rút ngắn thời gian. Ai liễu thông điểm này, là nắm bí quyết thành công, thấm thấu bí pháp, vệt sáng được sự ẩn mật của Pháp Hoa kinh về điểm thời gian.

Nêu một thí dụ dễ hiểu hơn. Nếu thực hiện công việc mà lúng lơ con cá vàng về mặt thời gian thì sẽ thất bại. Trái lại, quy định thời gian quá cứng nhắc, tính đếm từng giờ, từng phút thì nhất định phải khổ sở vì nó! Bởi vì khó đúng kỳ hạn, mà không đúng kỳ hạn thì mình xót xa, lo lắng, khổ não, sầu tức. Vậy hành giả Pháp Hoa xử sự về mốc thời gian như thế nào? **“Quên đếm giọt thời gian tâm hồn thôi ray rứt ...”** (trích *Từng giọt Ma Ni*).

Máy bay chở người thân đúng 11 giờ mới đáp, nhưng 9 giờ mình đã đến đợi ở sân ga rồi và cứ chốc chốc lại xem đồng hồ. Hai tiếng đồng hồ ở trường hợp này, lâu bằng hai ngày. Đó là chưa kể máy bay đến trễ hơn 2 giờ nữa thì thời gian này nó biến thành cực hình, trong lòng quý vị như có một lò lửa.

2/. Sự quan trọng của tòa ngôi

Chánh văn

3 - Đức Phật bảo các Tỷ kheo: “Đức Đại Thông Trí Thắng Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na do tha kiếp, Đức Phật đó lúc trước ngồi Đạo tràng phá quân ma rồi, sắp đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Phật pháp chẳng hiện ra trước mặt, như thế một tiểu kiếp cho đến mười tiểu kiếp, ngồi xếp bằng thân và tâm đều không động mà các Phật pháp còn chẳng hiện ra trước.

Thuở đó, các vị trời Đạo Lợi, trước vì Đức Phật đó, dưới cội cây Bồ đề trái tòa Sư tử cao một do tuần. Nơi tòa này Phật sẽ đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi Phật vừa ngồi trên tòa đó các trời Phạm Thiên Vương rưới những hoa trời khắp bốn mươi do tuần, gió thơm lâu lâu thổi đến, đùa dẹp hoa héo rồi rưới hoa mới, mãi như thế không ngớt mãi mười tiểu kiếp để cúng dường Đức Phật, cả đến khi Phật diệt độ cũng thường rưới hoa này. Các trời Tứ Thiên Vương vì cúng dường Phật nên thường đánh trống trời. Ngoài ra các vị trời khác thổi kỹ nhạc trời mãi mười tiểu kiếp, đến khi Phật diệt độ cũng lại như thế.

Các Tỷ kheo! Đức Đại Thông Trí Thắng Phật quá mười tiểu kiếp, các Phật pháp mới

hiện ra trước mặt thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng luận

Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai khi chưa xuất gia là một vị vua, có sanh mười sáu vị Hoàng tử. Khi xuất gia chuyên tu, nhập chánh định một tiểu kiếp, phá hết quân ma, nội ma và ngoại ma, nhưng không chứng đắc quả vị Phật, Ngài lại nhập đại định thêm mười tiểu kiếp nữa, rồi khi xả định cũng vẫn chưa thành Phật. Liên lúc đó, chư Thiên, chư Tiên của cõi trời Đao Lợi trải tòa ngồi, Ngài vừa ngồi lên liền đắc quả vị Phật. Mặc dù trong suốt mười một tiểu kiếp, Ngài vẫn được Phạm Thiên Vương các cõi trời rải hoa cúng dường, Tứ Thiên Vương các cõi trời đánh trống trời cúng dường, các cõi trời khác dâng kỹ nhạc cúng dường, nhưng Ngài vẫn chưa chứng đắc quả vị Phật. Mãi đến khi Thiên Vương và chư Thiên, chư Tiên, cõi trời Đao Lợi trải tòa ngồi, Ngài vừa ngồi lên liền chứng đắc quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy đủ biết sự quan trọng của tòa ngồi đến tầm mức nào. Chúng ta tìm hiểu tại sao? Có rất nhiều mật nghĩa về tòa ngồi, chúng ta không thể hiểu hết thì làm gì có thể phơi bày hoặc bàn giải hết. Chỉ nên tìm hiểu một vài trường hợp thật sự cần thiết mà thôi.

* **Thứ nhất:** Đem nền móng so với tòa nhà thì không vào đâu cả, nhưng nền móng chưa đủ sức chịu lực thì nhà sập. Tu luyện cũng vậy. Tòa ngời so với việc tu luyện không nhằm vào đâu cả, nhưng khi ngời tịnh niệm mà thiếu tòa ngời, hoặc tòa ngời sai quy cách thì dù có nhập định suốt đời vẫn không đạt kết quả.

Hiện tại giới tu học Phật hầu như tám, chín chục phần trăm rơi vào tình trạng sai quy cách tòa ngời. Có người tịnh niệm mà chẳng có tòa ngời là gì cả, gặp đâu ngời đó, ngời sao cũng xong.

Tòa ngời khác tọa cụ. Ngời nghe pháp, hoặc tụng kinh thì chỉ có tọa cụ cũng được, nhưng ngời tịnh niệm thì phải có tòa ngời. Xếp tòa ngời phải sau cao trước thấp.

Xin xem bài tòa ngời nơi khóa hai Đạo tràng này, đầy đủ chi tiết hơn. Chẳng những xem, mà phải có người đã trải qua kinh nghiệm hướng dẫn về tòa ngời thì mới đúng quy cách.

* **Thứ nhì:** Bất kỳ địa hạt nào, thành hay bại, vinh hay nhục, nên hay hư, tốt hay xấu đều do chỗ ngời, do ghế ngời, do vị trí chính vị và tả hữu ... Nói chung là tòa ngời nó chiếm một phần quan trọng.

Đức Đại Thông Trí Thắng khi còn là vua, ngời tịnh niệm thiếu tòa ngời nên đã trải qua đến mười tiểu kiếp mà vẫn chưa đắc quả. Mãi đến hết tiểu kiếp thứ mười một, có chư Thiên, cõi trời Đạo Lợi

trải tòa ngò, Ngài ngò lên mới đắc quả vị Phật. Ý đoạn này là phải lo việc trải tòa ngò trước, rồi mới đến việc rải hoa, đánh trống, thổi kỷ nhạc sau, nếu ngược lại thì không thành tựu. Đó là chưa kể những địa điểm ngò, hướng ngò, người trực tiếp trải tòa ngò ...

* **Thứ ba:** Có một điều rất quan trọng mà người tu không nắm rõ quy tắc. Khi ngò tịnh niệm mà thiếu tòa ngò thì sẽ đem lại nguy hiểm, bị phong thấp, thấp khớp, có khi tê liệt nửa thân người. Bởi vì khi tịnh niệm, toàn thân đều tràn đầy dương điện tử, nếu không có vật cách đất, tức là không có tòa ngò, nhất là các chùa, hoặc tư gia nền gạch láng, ngò trên gạch tưng xong một thời kinh, hoặc nghe xong một thời pháp, hoặc tịnh niệm một thời mà thiếu tòa ngò thì chất âm tử từ lòng đất hút vào thân thể, cho nên càng đi chùa, càng tịnh niệm, càng tưng kinh mà lại thấy càng bệ rạc, đó là do phần lớn thiếu tòa ngò.

Sự quan trọng của tòa ngò còn nhiều lắm, mong mỗi chúng ta lưu ý thâm sâu để bưng khai nhiều khía cạnh khác. Phần giải thích nơi bài này thuộc về sự tướng. Khi vào phẩm An Lạc Hạnh mới tìm hiểu thêm về phần lý tánh của tòa ngò. Khi liễu thông giáo pháp ở trình độ tối thượng thừa thì tánh tướng viên dung, đến khi đó thì chẳng còn tánh tướng, chẳng còn tòa ngò vì cả hư không này đã là

tòa ngò. Lúc ấy tòa ngò hoặc chỗ mình đang ngò, bất cứ ở chỗ nào cũng là tòa ngò, cũng là hư không. Rồi đến độ không còn là hư không ... Chừng nào đến đó sẽ hay, bây giờ còn trình độ một hành giả Pháp Hoa, đang tu luyện phẩm thứ bảy, chúng ta nên tu học hiểu về tòa ngò đúng theo phương pháp bài học Hóa Thành Dụ, chứ đừng vói lên cao, tối tối thượng thừa, tối vô lậu, vô vi như thế chẳng lợi ích gì, mà còn chuốt thêm sự nguy hại.

*** Thân thế của Ngài Đại Thông Trí Thắng**

Chánh văn

Lúc Phật chưa xuất gia có mười sáu người con trai, người con cả tên Trí Tích. Các người con đó đều có các món đồ chơi tốt đẹp báu lạ, nghe cha chứng đặng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều bỏ đồ trân bảo của mình đi đến chỗ Phật. Các người mẹ khóc lóc theo đưa.

Ông nội là vua Chuyển Luân Thánh Vương, cùng một trăm vị đại thần và trăm nghìn muôn ức như dân khác đều vây quanh nhau đi theo đến Đạo tràng, mọi người đều đến gần gũi Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai để cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Khi đã đến nơi tất cả đem đầu mặt mình lạy chơn Phật, đi vòng quanh Đức Phật xong, đều chấp tay một lòng

chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, rồi nói kệ khen rằng:

4 - Thế Tôn oai đức lớn

Vì chuyện độ chúng sanh
Trái vô lượng ức kiếp
Mới đến lúc thành Phật
Các nguyện đã đầy đủ
Hay thay lành vô thượng
Thế Tôn rất ít có
Mười tiểu kiếp ngồi lì
Thân thể và tay chơn
Yên tịnh không hề động
Tâm Phật thường lặng lẽ
Chưa từng có tán loạn
Rốt ráo trọn vắng bật
An trụ pháp vô lậu.
Ngày nay thấy Thế Tôn
An ổn thành Phật đạo
Chúng ta được lợi lành
Tỏ mừng rất vui sướng
Chúng sanh thường sầu khổ
Mù mờ không đạo sư
Chẳng biết đạo dứt khổ
Chẳng biết cầu giải thoát
Lâu ngày thêm nẻo ác
Giảm tổn các chúng trời
Từ tối vào nơi tối

Trọn chẳng nghe danh Phật
Nay Phật đặng tối thượng
Đạo an ổn vô lậu
Chúng ta và trời người
Vì đặng lợi lớn tột
Cho nên đều cúi đầu
Quy mạng đấng vô thượng.

Giảng luận

** Thân thế của Ngài Đại Thông Trí Thắng Như Lai*

Thân phụ của Ngài Đại Thông là vua Chuyển Luân Vương. Ngài là vị Hoàng đế, rời ngôi vua xuất gia. Ngài có mười sáu vị Vương tử.

Quần chúng Á Đông chú ý về thân thế, vì lý do đó nên Đức Phật Thích Ca tuyên thuyết về thân thế của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng phải hợp tâm lý quần chúng ở phần đất Á Đông.

Chúng ta cũng vậy! Ở Á Đông nếu không xuất thân từ nhà quyền thế thì cũng phải có công trạng gì với Tổ quốc non sông, nếu không thì phải căn cứ tài năng xuất chúng hoặc học vị cao cấp. Ngày xưa thì ông Cố ông Nghè, ngày nay Tiến sĩ, Thạc sĩ, Kỹ sư, Bác sĩ, hoặc thân thế đượm nét huyền thoại trong nhân gian. Thiếu một trong các yếu tố ấy rất khó thành công.

Chánh văn

5 – Bấy giờ mười sáu vị Vương tử nói kệ khen Đức Phật, rồi liền khuyến thỉnh Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, đều thưa rằng: “Đức Thế Tôn nói pháp được an ổn, thương xót làm lợi ích cho các trời và nhơn dân”. Lại nói kệ rằng:

Đức Phật không ai bằng
 Trăm phước tự trang nghiêm
 Đặng trí huệ vô thượng
 Độ thoát cho chúng con
 Và các loài chúng sanh
 Xin nêu bày chỉ bảo
 Cho đặng trí huệ Phật
 Nếu chúng con thành Phật
 Chúng sanh cũng được thế
 Thế Tôn biết chúng sanh
 Thâm tâm nghĩ tưởng gì
 Cũng biết đạo họ tu
 Lại biết sức trí huệ
 Ý thích và tu phước
 Nghiệp gây tạo đời trước
 Thế Tôn biết cả rồi
 Nên chuyển pháp vô thượng.

6 – Phật bảo các Tỷ kheo: Lúc Đức Đại Thông Trí Thắng Phật đặng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong mười phương, mỗi phương đều năm trăm muôn ức các cõi

nước Phật sáu điệu vang động. Trong các cõi nước đó, chỗ tối tăm ánh sáng của nhật nguyệt không soi tới đặng mà đều sáng rõ, trong đó chúng sanh đều đặng thấy nhau, đồng nói rằng: “Trong đây tại sao bỗng sanh ra chúng sanh?”.

Lại trong các cõi đó cung điện của chư Thiên cho đến Phạm cung sáu điệu vang động, hào quang lớn soi cùng khắp đầy cõi nước, sáng hơn ánh sáng của trời.

Giảng luận

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng khi chưa xuất gia là một vị vua. Về thân thế gia tộc thì khó có ai bằng. Mười sáu Hoàng tử cùng một chí hướng. Ông nội của các Hoàng tử là Chuyển Luân Vương. Trong thời gian nhà vua tu luyện thì các cõi trời, từ trời Phạm Thiên đến trời Tứ Thiên và các cõi trời khác đều thường xuyên dâng hoa, chuyển trống trời và kỹ nhạc cúng dường. Trái mười một tiểu kiếp mà Ngài vẫn không đắc đạo, bởi vì thiếu tòa ngai. Cuối kiếp thứ mười một có chư Thiên cõi trời Đao Lợi trái tòa ngai cúng dường, Ngài vừa ngai liền đắc đạo. Khi đắc đạo thì các cõi trời Phạm Thiên khắp mười phương, đều có mặt dâng hoa tán thán, lễ lạy, cung kính cúng dường hộ niệm. Các cõi này, cõi nào cũng dâng cung điện cúng dường. Mười sáu vị hoàng tử, đều thỉnh cầu Phật chuyển

pháp luân và các cõi trời Phạm Thiên, cõi nào cũng thỉnh cầu chuyển pháp luân.

Chánh văn

7 - Bấy giờ, phương Đông, năm trăm muôn ức các cõi nước, cung điện của trời Phạm Thiên ánh sáng soi chói gấp bội hơn ánh sáng thường ngày, các Phạm Thiên Vương đều tự nghĩ rằng: “Hôm nay cung điện sáng rỡ từ xưa chưa từng có, vì nhơn duyên gì mà hiện điềm này?”. Lúc đó các vị Phạm Thiên Vương liền đi đến nhau để chung bàn việc đó. Trong nhóm họ có một vị Phạm Thiên Vương lớn tên là Cứu Nhứt Thiết vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Các cung điện chúng ta
Sáng rỡ chưa từng có
Đây là nhơn duyên gì
Phải nên chung nhau tìm
Là trời đại đức sanh
Hay là Phật ra đời ?
Mà ánh sáng lớn này
Khắp soi cả mười phương

Bấy giờ, ở năm trăm muôn ức cõi nước, các vị Phạm Thiên vương cùng mang theo cung điện mỗi vị đều lấy đũa đựng các thứ hoa trời, đồng đi đến phương Tây dò tìm tướng sáng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa

sư tử ở nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề, hàng chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la đà, nhơn và phi nhơn ... vân vân ... cung kính vây quanh Đức Phật, và thấy mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật chuyển xe pháp; tức thời các vị Phạm thiên vương đầu mặt lạy chơn Phật đi quanh Ngài trăm nghìn vòng, rồi lấy hoa trời mà rải trên Đức Phật.

Hoa của mấy ông rải thành đống như núi Tu Di, cũng là để cúng dường cây Bồ đề của Phật, cây Bồ đề đó cao mười do tuần. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đem cung điện dâng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin Đức Phật đoái thương ban lợi ích cho chúng con, cung điện dâng cúng đây xin thương tình mà nhận ở”.

Lúc đó, các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng cùng lên tiếng dùng kệ khen rằng:

Thế Tôn rất ít có
Khó thể gặp gỡ đặng
Đủ vô lượng công đức
Hay cứu hộ tất cả
Thầy lớn của trời người
Thương xót ở trong đời
Mười phương mọi chúng sanh
Thấy đều nhờ lợi ích

Từ năm ngàn tỷ nước
 Chúng con đến nơi này
 Bỏ vui thiên định sâu
 Để mà cúng dường Phật
 Chúng con phước đời trước
 Cung điện rất tốt đẹp
 Nay đem dâng Thế Tôn
 Cúi xin thương nhận cho.

Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Đức Phật rồi đều thưa rằng: “Cúi xin Thế Tôn chuyển pháp luân, độ thoát chúng sanh mở đường Niết Bàn”.

Khi ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng cùng lên tiếng mà nói kệ rằng:

Thế Hùng Lương túc tôn
 Cúi xin diễn nói pháp
 Dùng sức từ bi lớn
 Độ chúng sanh khổ não

Lúc đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai mặc nhiên nhận lời.

8 – Lại nữa, các vị Tỷ kheo! Phương Đông Nam năm trăm muôn ức cõi nước các vị Phạm thiên vương đều tự thấy cung điện mình chói lòa ánh sáng từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở sanh lòng hi hữu, liền cùng đến nhau chung bàn việc đó. Lúc ấy, trong nhóm họ có

một vị Phạm thiên vương tên là Đại Bi, vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Việc đó như duyên gì
Mà hiện tướng như thế
Các cung điện chúng ta
Sáng rõ chưa từng có
Là trời đại đức sanh
Hay là Phật ra đời ?
Chưa từng thấy tướng này
Nên chung một lòng kiếm
Quá nghìn muôn ức cõi
Theo luồng sáng dò tìm
Thường là Phật ra đời
Độ thoát khổ chúng sanh.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên vương cùng mang theo cung điện, lấy đũa đựng các thứ hoa trời, đồng đến phương Tây Bắc dò tìm tướng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề, các hàng chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la đà, nhưn cùng phi nhưn ...vân vân ... cung kính vây quanh và thấy mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Khi ấy, các vị Phạm thiên vương đầu mặt lay chơn Phật, đi quanh Ngài trăm nghìn vòng,

rồi lấy hoa trời mà rải trên Phật. Hoa rải đó chất đống như núi Tu Di, cũng là để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dựng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin Phật thương xót lợi ích cho chúng con, những cung điện dựng đây cúi xin thương tình nhận ở”.

Lúc đó, các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng cùng lên tiếng nói kệ rằng:

Thánh Chúa vua cõi trời
 Tiếng Ca Lãng Tàn Già
 Thương xót hàng chúng sanh
 Chúng con nay kính lễ
 Thế Tôn rất ít có
 Lâu xa một lần hiện
 Một trăm tám mươi kiếp
 Luống qua không có Phật
 Ba đường dữ đầy đầy
 Các chúng trời giảm ít
 Nay Phật hiện ra đời
 Làm mắt cho chúng sanh
 Chỗ quy thú của đời
 Cứu hộ cho tất cả
 Là cha của chúng sanh
 Thương xót làm lợi ích
 Nhờ phước lành đời trước
 Nay đặng gặp Thế Tôn.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Phật xong đều thưa rằng: “Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót tất cả chuyển pháp luân cho, để độ thoát chúng sanh”.

Lúc ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng cùng lên tiếng mà nói kệ khen rằng:

Đại Thánh chuyển pháp luân
Chỉ bày các pháp tướng
Độ chúng sanh khổ não
Khiến đặng vui mừng lớn
Chúng sanh nghe pháp này
Đặng đạo mà sanh thiên
Đề đường dữ giảm ít
Bực nhân thiện thêm nhiều.

Khi đó, Đức Đại Thông Trí Thắng Phật mặc nhiên nhận lời.

9 - Lại nữa các Tỷ kheo! Năm trăm muôn ức cõi nước ở phương Nam các vị Đại Phạm Thiên Vương đều tự thấy cung điện mình chói lòa ánh sáng từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở sanh lòng hi hữu liền đến cùng nhau chung bàn việc đó. Vì nhơn duyên gì cung điện của chúng ta có ánh sáng chói lòa này?

Trong chúng đó có một vị Phạm thiên vương lớn tên là Diệu Pháp, vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Các cung điện chúng ta
 Quang minh rất oai diệu
 Đây không phải vợ cố
 Tướng này phải dò tìm
 Quá hơn trăm nghìn kiếp
 Chưa từng thấy tướng này
 Là trời đại đức sanh
 Hay Đức Phật ra đời.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức Phạm thiên vương cùng cung điện, mỗi vị dùng dây đưng các thứ hoa trời đồng đến phương Bắc dò tìm tướng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi Đạo tràng dưới cội cây Bồ đề, hàng chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhơn và phi nhơn ... vân vân ... cung kính vây quanh, cùng thấy mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương đầu mặt lễ Phật đi quanh Ngài trăm nghìn vòng, rồi lấy hoa trời mà rải trên Đức Phật. Hoa rải đó chất đống như núi Tu Di và cũng là để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đều đem cung điện dựng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin Đức Phật đoái thương lợi ích chúng con, cung điện của chúng con dựng đây cúi xin thương tình mà nhận ở”.

Bấy giờ, các vị Đại Phạm thiên vương liền ở

trước Phật một lòng cùng lên tiếng nói kệ rằng:

Thế Tôn rất khó thấy
Bực phá các phiền não
Qua trăm ba mươi kiếp
Nay mới thấy một lần
Hàng chúng sanh đói khát
Nhờ mưa pháp no đủ
Xưa vốn chưa từng thấy
Đấng vô lượng trí huệ
Như hoa Ưu đàm bát
Ngày nay mới gặp gỡ
Cung điện của chúng con
Nhờ hào quang được đẹp
Thế Tôn đại từ mẫn
Cúi xin thương nhận ở.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Đức Phật rồi đều bạch rằng: “Cúi mong Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, làm cho tất cả thế gian các hàng trời người, ma, phạm, Sa môn, Bà la môn đều an ổn mà được độ thoát”. Lúc ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng cùng lên tiếng nói kệ rằng:

Cúi mong Thiên nhưn Tôn
Chuyển pháp luân vô thượng

Đánh vang trống pháp lớn
 Cùng thổi loa pháp lớn
 Khắp rưới mưa pháp lớn
 Độ vô lượng chúng sanh
 Chúng con đều quy thỉnh
 Nên nói tiếng sâu xa.

Khi đó, Đức Đại Thông Trí Thắng mặc nhiên nhận lời.

10 - Phương Tây Nam, cả đến phương dưới cũng lại như thế.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức cõi nước ở phương trên, các vị Đại Phạm thiên vương thấy đều tự thấy cung điện của mình đang ở, ánh sáng chói rực từ xưa chưa từng có, bèn vui mừng hơn hở sanh lòng hi hữu, liền đi đến nhau để chung bàn việc đó. Vì nhơn duyên gì cung điện của chúng ta có ánh sáng này? Lúc đó trong chúng có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Thi Khí vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Nay vì nhơn duyên gì?
 Cung điện của chúng ta
 Ánh sáng oai đức chói
 Đẹp đẽ chưa từng có
 Tưởng tốt như thế đó
 Xưa chưa từng nghe thấy
 Là trời đại đức sanh

Hay là Phật ra đời?

Bấy giờ, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên

vương mang cung điện theo, mỗi vị đều dùng đũa đựng hoa trời đồng đến phương dưới dò tìm tướng sáng đó. Thấy Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi Đạo tràng dưới cội Bồ đề, hàng chư Thiên, Long Vương, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhơn và phi nhơn ... vân vân ... cung kính vây quanh và thấy mười sáu vị Vương tử thỉnh Đức Phật chuyển pháp luân.

Lúc đó các vị Phạm thiên vương đầu mặt lạy Phật đi quanh Ngài trăm nghìn vòng, rồi lấy hoa trời rải trên Đức Phật. Hoa rải chất đống như núi Tu Di và cũng là để cúng dường cây Bồ đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dựng lên Đức Phật mà thưa rằng: “Xin đoái thương lợi ích chúng con. Cung điện dựng đây cúi mong Phật thương tình mà nhận ở”.

Lúc đó các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng cùng lên tiếng dùng kệ khen rằng:

Hay thay! Thấy các Phật
Đấng Thánh Tôn cứu thế
Hay ở ngục tam giới
Cứu khỏi các chúng sanh

Thiên Nhơn Tôn trí khắp
Thương xót hết mọi loài
Hay khai môn cam lộ
Rộng độ cho tất cả
Lúc xưa vô lượng kiếp
Luống qua không có Phật
Khi Phật chưa ra đời
Mười phương thường mờ tối
Ba đường dữ thêm đông
A tu la cũng thịnh
Các chúng trời lại ít
Chết thường đọa ác đạo
Chẳng theo Phật nghe pháp
Thường làm việc chẳng lành
Sắc lực cùng trí huệ
Các việc đều giảm ít
Vì nhờn duyên tội nghiệp
Mất vui cùng tưởng vui
Trụ trong pháp tà kiến
Chẳng biết nghi tắc lành
Chẳng nhờ Phật hóa độ
Thường đọa trong ác đạo
Phật là mắt của đời
Lâu xa mới hiện ra
Vì thương các chúng sanh
Nên hiện ở trong đời
Siêu việt thành chánh giác

Chúng con rất vui mừng
Và tất cả chúng khác
Mừng khen chưa từng có
Cung điện của chúng con
Nhờ hào quang nên đẹp
Nay đem dâng Thế Tôn
Cúi mong thương nhận ở
Nguyện đem công đức này
Trải khắp đến tất cả
Chúng con cùng chúng sanh
Đều đồng thành Phật đạo.

Khi đó, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Đức Phật, rồi đều bạch Phật rằng: “Cúi mong Đức Thế Tôn chuyển pháp luân, nhiều chỗ an ổn, nhiều chỗ độ thoát”. Lúc ấy các vị Phạm thiên vương đồng nói kệ rằng:

Thế Tôn chuyển pháp luân
Đánh trống pháp cam lồ
Độ chúng sanh khổ não
Mở bày đường Niết Bàn
Cúi mong nhận lời con
Dùng tiếng vi diệu lớn
Thương xót mà nói bày
Pháp tu vô lượng kiếp.

Giảng luận

Thân thế ba đời, hoặc danh vị hiện đời vẫn chưa đủ, hoặc có thanh danh rộng lớn, từ trên như các tầng trời trùm phủ, tán thán, ca ngợi, dâng kỷ nhạc, dâng phẩm lễ tặng biếu, cũng vẫn chưa đủ.

Phải hội đủ chín phương ca ngợi, tán thán, tặng biếu đồng ứng hộ trì như Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai, đã gồm đủ bốn phương chính, bốn phương bàng như Đông Tây Nam Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc và Thượng hạ phương. Cả thảy mười phương đồng ứng là một với việc làm của mình thì mới thành tựu. Ngoài vấn đề lớn, còn thêm một việc rất nhỏ, nhưng nếu tránh được để khỏi mịch lòng chư Thiên thì cũng nên tránh, để các Ngài đồng nhất quán với mình. Đó là việc Trung Hoa và Việt Nam quan niệm và đồng hóa các vị vua trời, nói chung là chư Thiên ngang hàng với ma quỷ, vô tình hay cố ý đều tổn phước, đều mịch lòng.

Quy y Phật không quy y trời thần quỷ vật. Trời + thần + quỷ vật, cả ba thành phần ngang hàng ở một câu, khác nào cá mè một lứa. Các Ngài trời thần có bảo chúng ta quy y các Ngài đâu và chúng ta cũng đâu có quy y các Ngài, vậy mà buông ra một câu nặng nề quá vậy!

Chúng ta nên tránh: mà chỉ viết **quy y Phật không quy y tà thần quỷ vật**. Như thế có hay hơn không? Chỉ đổi một chữ thần vì có nhiều loại quỷ

thần. Các vị quý thần hộ Phật, hộ Pháp, hộ Tăng, dù chúng ta chẳng quy y nhưng các Ngài đó có đáng tôn kính không? Nếu đáng thì cần gì phải dạn và tại sao ghép các Ngài ngang hàng với ma mi.

Lại còn một việc nữa là tại Việt Nam, dưới mắt của một số Tăng Ni, nhìn thấy ai kính trọng Quốc Tổ Hùng Vương, Đức Trần Hưng Đạo, hai bà Thánh Trưng, bà chúa Liễu Hạnh, Đại đế Quang Trung, Tả quân Lê Văn Duyệt ... *vân vân* ... nói chung là các vị có công với đất nước, nói cách khác là các địa thần thì các vị này cho là mê tín dị đoan, hoặc là tà đạo. Mê hay ngộ, tà hay chánh là bởi con người. Con người chánh làm việc tà, việc tà trở thành chánh. Con người tà tâm, làm việc chánh pháp thì chánh pháp liền trở thành tà pháp. Trong tất cả kinh điển ghi chép rất rõ ràng rằng, khi Đức Phật thuyết kinh có nơi nào thiếu chư Thiên, chư Thần, chư quý, chư nhân, phi nhân đâu? Nếu Ngài Đế Thích Thiên Vương không biến thành con chuột cắn đứt dây lưng của một thiếu phụ Bà la môn, rơi đồng vải rách độn làm bụng chữa để vu cáo Đức Phật Thích Ca thì giữa thanh thiên bạch nhật, sự việc ấy như thế nào?

Học kinh nhưng không chịu nghiên cứu thăm sâu, chỉ sai một chữ mích lòng cả hai mươi tám tầng trời, đổi chữ **trời** thần thành chữ **tà** thần thì câu nói ỏn cả.

Đầy đủ nhưng thiếu ngoại hộ, nhất là ngoại hộ không có chư Thiên ủng hộ thì việc có thành công không? Đức Đại Thông không nhờ ngoại hộ của chư Thiên trải tòa ngời, hỏi Ngài có chứng thành chánh giác hay không? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi đắc đạo bên gốc cây Bồ đề, nếu thiếu Đức Đế Thích Thiên Vương thì liệu rằng ngày nay chúng ta có giải pháp để tu hay không?

Nếu nói về mặt y báo, chánh báo thì Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai siêu tuyệt. Có thể nói, chưa ai bằng. Nhất là vấn đề ngoại hộ.

Tu hành, mặc dù ngoại cảnh và nội tâm hòa một là điều tất yếu, nhưng thiếu ngoại duyên, ngoại hộ cũng khó thành tựu. Khi đủ ngoại duyên, ngoại hộ, mà thiếu tòa ngời thì dù nhập định đến mười một tiểu kiếp cũng vẫn không đắc đạo.

Nhưng ngoại duyên, ngoại hộ ở mức độ nào, ở trình độ nào? Tòa ngời ai trải? Tại sao không phải là các vị vua trời, cõi Phạm Thiên, cao hơn các cõi trời Đao Lợi? Tại sao không phải là các vị vua trời, cõi Tứ Thiên thấp hơn, mà phải chờ các Ngài ở Đao Lợi thiên cung trải tòa ngời cúng dường Ngài mới đắc quả? Chỗ này là mật nghĩa của Pháp Hoa. Tại sao khi mới một vài tiểu kiếp, thấy thiếu tòa ngời, vua trời Đao Lợi không trải, mà phải đợi tới mười một tiểu kiếp mới cúng dường tòa ngời? Đây lại là mật nghĩa thâm sâu của kinh Pháp Hoa.

Hành giả pháp Hoa kinh, khác hơn độc giả Pháp Hoa kinh là ở những điểm có bừng khai được mật nghĩa hay không? Có áp dụng những nét **thực dụng**, những nét **tương tức**, những nét **tương nhập** hay không? Chỗ nào lúc nào tương nhập, chỗ nào lúc nào tương tức, chỗ nào lúc nào thực dụng? Phải áp dụng cả ba. Có thọ, có trì, có áp dụng nguyên lý của giáo pháp vào cuộc sống thì mới liễu ngộ được mật nghĩa. Mật nghĩa không nghĩ suy bằng ý, không thể nói bằng lời và lại càng không ghi bằng văn tự. Nếu Ý - Lời và Văn tự nêu được vấn đề, nêu được nguyên lý thì còn gì là mật nghĩa. Cũng ví như có người bảo cái vị chua của quả xoài khác hơn vị chua của quả chanh. Một em bé hỏi khác hơn thế nào? Làm sao mà giải thích cho em bé ấy hiểu được! Phải chờ em bé lớn, có trí khôn và lúc ấy phải mời em thực sự dùng xoài và chanh. Thực dụng được như vậy cậu ta mới tự mình phân tích hai vị chua khác nhau như thế nào!

III.- TÓM KẾT

Bài học mười bốn chưa nêu trọn vẹn toàn phẩm Hóa Thành Dự, cũng chưa vạch đủ các nét ở phần đầu của phẩm kinh. Chờ đợi bài mười lăm mới tóm kết toàn phẩm. Bài mười bốn chỉ tóm kết ba nét:

1. Chỉ có trí tuệ Phật mới quán suốt, mới tự tại về hai chữ **thời gian**, chúng ta, hành giả Pháp Hoa, chỉ học và hành theo phần nào để khỏi bần khoản, khỏi lo lắng, khỏi bị sốt ruột vì **thời gian** làm khổ.

2. Sự quan trọng của **tòa ngôi**, do chư Thiên, cõi trời Đao Lợi góp thêm một giọt nước để đầy bát nước về sự đắc đạo của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Chúng ta học theo phần **sự tướng** của tòa ngôi nơi phẩm kinh này, để ứng dụng hằng ngày vào cuộc sống. Khi trình độ cao mới thấu suốt lý tánh về tòa ngôi và khi đắc đạo mới dứt tòa ngôi, bởi vì lúc ấy tất cả các pháp đều là tòa ngôi, hoặc tòa ngôi chẳng là gì cả! Còn hiện nay đang ở trình độ tu luyện, phải chú trọng phần sự tướng của tòa ngôi để hòa nhập lý tánh.

3. Y báo chánh báo của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai theo tinh thần phẩm kinh này, ở đoạn đầu, chú trọng phần ngoại hộ, cộng hợp với phần nội lực, nhập định suốt mười một tiểu kiếp. Chúng ta, hành giả Pháp Hoa, không thể thiếu một trong hai phương diện: nội lực và ngoại hộ.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni phóng quang soi sáng tâm trí chúng con, xoa đầu thọ ký cho chúng con, để tất cả

chúng con đều được thọ hưởng những mật nghĩa phẩm Thọ Ký và liễu thông phẩm Hóa Thành Dụ.

Cầu mong Ngài Đại Phạm Thiên Vương và hết thảy các vị vua trời, nói chung là cõi thiên giới quyền uy, phát Bồ đề tâm và Bồ tát hạnh kiên cố hộ trì cho toàn cõi nhân gian đồng được an lành, mọi chướng duyên sớm được tiêu diệt, căn lành tăng trưởng. Đồng thời xin Ngài Thiên Ma Vương hộ độ trần gian, dầu cõi này có thiên ma, nhân ma nhưng không hề có “ma sự”. Tất cả chư ma, đều tấi mình trong chánh pháp, hộ trì chánh pháp, hộ trì Pháp Hoa kinh, nhất là phổ truyền sâu rộng phẩm kinh Hóa Thành Dụ ngày một lan xa khắp xứ, khắp nơi.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh, đều nhuần triêm lợi lạc. Xin tất cả các pháp giới chúng sanh đều kết thành Bồ Đề quyến thuộc, đời đời kiếp kiếp đọc tụng thọ trì chứng đắc và hoằng dương kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nam mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phậi Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

15

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại Thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 15

PHẨM HÓA THÀNH DỤ - Thứ bảy
(tiếp theo)

- Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai khởi chuyển pháp luân.
- Đức Phật nhường việc giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di.
- Kể câu chuyện hóa thành.

I - MỞ ĐẦU

Bài mười bốn đã bàn giải ba nét chính (*phần đầu của phẩm Hóa Thành Dụ*):

- Đức Phật Thích Ca trình bày sự quán thông về thời gian của trí tuệ Phật.
- Sự quan trọng của tòa ngời.
- Y báo chánh báo của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Bài này cùng bàn giải ba nét ở phần còn lại của phẩm Hóa Thành Dụ:

- Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai khởi chuyển pháp luân.
- Đức Phật nhường việc giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di.
- Kể câu chuyện hóa thành.

Phân ba nét chính này và còn nhiều nét phụ nhỏ thuộc phạm vi bài học, với mục đích để hành giả Pháp Hoa dễ nhớ, hầu để đạt ngộ phần thâm uyên của kinh, nhất là để áp dụng vào nếp sống thực tại hằng ngày, hằng giờ, hằng phút giây của chính mình.

Trong bài học này, chúng ta nên chú tâm vào giáo lý thập nhị nhân duyên và bí pháp nhường quyền điều hành cho thế hệ trẻ. Lớp tuổi lớn, có đủ kinh nghiệm và đã thông suốt sự việc, nên phải lãnh lấy trách nhiệm toàn phần và phải biết cách chỉ đạo toàn phần. Nhưng việc điều hành phải giao toàn quyền cho tuổi trẻ. Đừng sợ tuổi trẻ làm hư việc, bởi vì có người chỉ đạo thì làm sao tuổi trẻ dám vượt qua mặt, dám phá hỏng sự việc. Cũng có trường hợp là lớp anh cha sợ tuổi trẻ làm nên việc, họ sẽ nổi danh hơn mình.

Con hơn cha nhà có phước. Hơn nữa lớp trẻ không nhờ lớp anh, cha truyền trao, hỗ trợ, nhường việc, giới thiệu và chứng minh cố vấn thì tuổi trẻ làm sao thành công?

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng không truyền dạy kinh Pháp Hoa, không giao việc giảng kinh Pháp Hoa, không nhập định để chứng minh thì làm sao mười sáu vị Sa di thành công?

Riêng phần giới kế nghiệp cũng chớ nên ỷ vào tài trí của mình, mà vượt khỏi tầm chỉ đạo của đàn

anh, đàn cha. Phẩm kinh Hóa Thành Dụ này giải chỗ bí lối giữa hai thế hệ. Nếu ai áp dụng tuyệt đối theo bí pháp của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai, nhập định, giao việc diễn giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di, xin lưu ý chỗ này không giao việc quan trọng cho Bồ tát, cũng không giao việc quan trọng cho Thanh Văn, hoặc cho Tỷ kheo, mà lại giao việc quan trọng cho mười sáu vị Sa di. Đây là bí pháp, đây là mật nghĩa của Pháp Hoa kinh.

Những bậc làm cha, làm mẹ, làm anh, làm chị, làm thầy, dù là tín ngưỡng thuộc tôn giáo nào, thuộc địa hạt nào, xin mời đọc phẩm Hóa Thành Dụ. Nhất là nên nghiên ngẫm đoạn kinh Đức Phật nhập định, giao cho mười sáu vị Sa di thực tập, vừa khỏi bí lối về mặt nhân sự, về mặt truyền trao, về mặt tiếp nối; lại vừa khai thông dòng chảy lúc nào cũng thông suốt, cũng chảy mãi không ngừng. Dòng đời vẫn tiếp nối, tiếp nối vô tận, không bao giờ ngừng. Chỉ có dòng “họ” là thường đứt quãng, bởi vì không biết cách truyền trao. Muốn truyền trao đúng thì lúc đầu phải giao quyền cho lớp trẻ thực tập, còn lớp lớn thì giữ phần chỉ đạo. Khi nào thuận thực mới giao trọn, cả chỉ đạo, lẫn điều hành.

Trong cơ cấu tổ chức của Quản trị học Âu Mỹ, tuy quá quy mô và chu đáo, nhưng vẫn thiếu bí pháp này. Trong cơ cấu tổ chức của phong kiến ngày xưa

ở Á Đông, hoàn toàn thiếu bí pháp này. Chỉ có vào thời đại nhà Trần, vua Nhân Tôn có áp dụng bí pháp này, nhưng chưa trọn vẹn và cũng chỉ một đời, chứ các đời vua sau ít có áp dụng. Các thế kỷ cận kim, Á cũng như Âu, có canh cải khá nhiều. Nhưng phương pháp truyền trao vẫn còn thiếu bí pháp quyền trao, của phương pháp Kinh Sen nơi phẩm Hóa Thành Dụ và phẩm Thọ Ký.

Chưa phân rõ quy pháp giữa chỉ đạo, lãnh đạo và điều hành, muốn thông ba phần hành này, nên quay trở lại bí pháp phẩm **Dược Thảo Dụ**. Rễ vẫn là chỉ đạo, rễ phải ở sâu, rễ không thay đổi từng mùa. Gốc phải vững vàng, gốc phải “**bất biến**”. Thân cành phải “**tùy duyên**” lại phải nứt vỏ. Lá phải thay đổi từng mỗi năm và lá úa thì phải lập tức lìa cành, chứ không thể chờ mãi năm.

- **Chỉ đạo** là rễ.
- **Lãnh đạo** là gốc.
- **Điều hành** là cành lá.
- * Rễ thân cành và lá (*căn hành chi diệp*).
- * Chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành.

Điều hành có năng lực và đúng thời.

Chỉ đạo có kinh nghiệm và tri kiến.

* Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai có đầy đủ, nhưng không phổ truyền Pháp Hoa.

* Mười sáu vị Sa di nhận việc phổ truyền Pháp Hoa, nhưng chưa kinh nghiệm, chưa lắng sâu và còn thiếu tri kiến, phần định lực cũng phải nương nhờ nơi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Phải liễu thông bí pháp “truyền thừa” nơi đoạn kinh này và nhiều bí pháp khác nơi toàn bộ kinh Pháp Hoa. Khi liễu thông giáo pháp thì sự thọ trì, tức là phần thực dụng vào cuộc sống vật thể kể cả phần tâm linh mới an vui. Tất cả dòng đời này, chỗ nào cũng có **pháp Diệu kinh Sen**.

II.- NỘI DUNG

1/. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai khởi chuyển pháp luân

Chánh văn

11 - Lúc bấy giờ, Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhận lời thỉnh của các Phạm thiên vương và mười sáu vị Vương tử tức thời ba phen chuyển pháp luân mười hai hành mà Sa môn, Bà la môn, hoặc là trời, ma, phàm và các thế gian khác, đều không thể chuyển được, rằng đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là đạo diệt khổ”.

Và rộng nói pháp mười hai như duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập

duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, ưu bi, khổ não.

Vô minh diệt thời hành diệt, hành diệt thời thức diệt, thức diệt thời danh sắc diệt, danh sắc diệt thời lục nhập diệt, lục nhập diệt thời xúc diệt, xúc diệt thời thọ diệt, thọ diệt thời ái diệt, ái diệt thời thủ diệt, thủ diệt thời hữu diệt, hữu diệt thời sanh diệt, sanh diệt thời lão, tử, ưu bi, khổ não diệt.

Khi Đức Phật ở trong đại chúng trời người nói pháp đó có sáu trăm muôn ức na do tha người do vì không thọ đấm tất cả pháp mà ở các lậu, tâm được giải thoát, đều đặn thiên định sâu mầu, ba món minh, sáu món thông, đủ tám giải thoát.

Lúc nói pháp lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, có nghìn muôn ức hằng hà sa na do tha chúng sanh cũng bởi không thọ đấm tất cả pháp mà nơi các lậu tâm được giải thoát. Từ đây cho đến sau các chúng Thanh Văn nhiều vô lượng vô biên, không thể tính kể được.

Giảng luận

Không phải Đức Phật Thích Ca khởi đầu giảng bốn pháp vững chắc, mà từ vô lượng kiếp xa xưa

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai khi mới chuyển pháp luân cũng giảng “Tứ đế”.

Trong giáo nghĩa chúng ta lại lưu ý rằng, không những chỉ có mê tối, khi thần thức sắp vào đầu thai, hoặc khi tuổi về già, hay khi lúc dậy nắp quan tài, khi vào sâu lòng huyết mộ, mà hiện tại trong cuộc sống từng giây phút, lão tử vẫn có mặt nơi cuộc sống của chính mỗi người chúng ta. Mỗi giây phút nơi cơ thể của chúng ta sinh và tử biết bao nhiêu triệu tế bào, mỗi giây phút, sự mê tối nhuộm màu đen thui, đã phủ trùm chúng ta. Còn nói về ái thì không đơn thuần như một số học giả đã minh định rằng có ái ân, có ái dục mới thành thân thể con người, mới có bào thai. Nếu suy luận như vậy là quá nông cạn. Ái nó mở rộng cả ái sắc, ái thanh, ái hương, ái vị, ái xúc, ái pháp và chẳng những chỉ riêng ái sáu trần, qua sáu căn mà Mạc Na và A Lại Da vẫn ái, nặng nhất là ái nhiễm.

Nói chung cả toàn dây mắt xích mười hai nhân duyên, bộ phận nào cũng quan trọng cả. Cắt đứt một mắt xích, tức là một phần nhân thì mười một mắt xích kia vẫn chưa tan rã.

Phải biết quán triệt, phải biết lật ngược toàn bộ mười hai nhân duyên thì mới bước vào nhà đạo. Nó như con đĩa, dù chặt từng khúc, hoặc bằm nát, hoặc đốt thành tro than, vậy mà gặp nước thì chỗ tro này lại sanh rất nhiều trăm ngàn con đĩa khác.

Dứt trừ một nhân vô minh, hoặc một nhân ái nhiễm thì cái vòng lẩn quẩn của pháp thập nhị nhân duyên nó vẫn còn nguyên vẹn từng mắt nằm tại chỗ đó, khi được dịp chúng tái hợp thì còn nhiều hơn trước.

Đừng xem thường giáo nghĩa mười hai nhân duyên. Đừng cho rằng đây là giáo pháp của Tiểu thừa. Dù Đại thừa hay là tối thượng thừa, mà chưa liễu thông giáo nghĩa thập nhị nhân duyên thì coi như tòa lâu đài thiếu nền móng. Chư Phật ba đời, khắp mười phương, khi khai mở chuyển pháp, đều khởi đầu từ **bốn pháp vững chắc** (Tứ đế) và pháp **mười hai nhân duyên**. Tức là đều khởi đầu từ Tam thừa pháp.

2/. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nhường việc giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di

Chánh văn

12 - Bảy giờ, mười sáu vị Vương tử đều là đồng tử mà xuất gia làm Sa di, nên các căn thông lanh, trí huệ sáng láng, đã từng cúng dường trăm nghìn muôn ức các Đức Phật, tịnh tu hạnh thanh tịnh, cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều bạch cùng Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Các vị đại đức Thanh Văn vô lượng nghìn muôn ức đây đã thành tựu xong, Đức Thế Tôn cũng nên vì chúng con nói pháp Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, chúng con nghe xong đều đồng tu học. Thế Tôn! Chúng con có chí mong được tri kiến của Như Lai, chỗ nghĩ tưởng trong thâm tâm, Đức Phật tự chứng biết cho.

Lúc đó, tám muôn ức người trong chúng của Chuyển Luân Thánh Vương do Ngài dắt đến thấy mười sáu vị Vương tử xuất gia, cũng tự cầu xuất gia, vua liền thuận cho.

Bấy giờ, Đức Phật nhận lời thỉnh của Sa di, qua hai muôn kiếp rồi giờ đây mới ở trong hàng bốn chúng nói kinh Đại thừa tên là: “Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”. Đức Phật nói kinh đó xong, mười sáu vị Sa di vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều đồng thọ trì đọc tụng thông thuộc. Lúc nói kinh đó, mười sáu vị Sa di Bồ tát thấy đều tin thọ, trong chúng Thanh Văn cũng có người tin hiểu. Ngoài ra nghìn muôn ức loại chúng sanh đều sanh lòng nghi ngờ Phật nói kinh đó suốt tám nghìn kiếp chưa từng thôi bỏ. Phật nói kinh đó xong liền vào tịnh thất trụ trong thiên định tám muôn bốn nghìn kiếp.

13 - Bấy giờ, mười sáu vị Bồ tát Sa di biết Phật nhập thất trụ trong thiên định vắng bặt, mỗi vị đều lên Pháp tòa cũng trong tám muôn

bốn nghìn kiếp vì bốn bộ chúng rộng nói rành rọt kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Mỗi vị đều độ sáu trăm muôn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh, chỉ dạy cho được lợi vui, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

14 - Đức Đại Thông Trí Thắng Phật qua tám muôn bốn nghìn kiếp sau từ tam muội dậy, qua đến pháp tòa mà ngồi an lành, bảo khắp trong hàng đại chúng: “Mười sáu vị Bồ tát Sa di này rất là ít có, các căn thông lẹ, trí tuệ sáng láng, đã từng cúng dường vô lượng nghìn muôn ức số Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật thường tu hạnh thanh tịnh, thọ trì trí của Phật để chỉ dạy chúng sanh làm cho được vào trong trí đó. Các người phải luôn luôn gần gũi mà cúng dường các vị ấy.

Vì sao? Nếu hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng các Bồ tát có thể tin kinh pháp của mười sáu vị Bồ tát Sa di đó nói mà thọ trì không dứt bỏ, thời người đó sẽ đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trí huệ của Như Lai”.

15 - Phật Thích Ca bảo các Tỷ kheo: “Mười sáu vị Bồ tát đó thường ưa nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Sáu trăm muôn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh do mỗi vị Bồ tát hóa độ đó đời đời sanh ra đều cùng Bồ tát ở chung, theo nghe

pháp với Bồ tát thấy đều tin hiểu. Nhờ nhờ duyên đó mà đặng gặp bốn muôn ức các Đức Phật Thế Tôn đến nay vẫn chẳng chấm dứt.

Các Tỷ kheo! Ta nói với các ông mười sáu vị Sa di đệ tử của Đức Phật kia nay đều chứng đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiện đương nói pháp trong cõi nước ở phương, có vô lượng trăm nghìn muôn ức Bồ tát, Thanh Văn làm quyến thuộc của mình.

Hai vị Sa di làm Phật ở phương Đông: vị thứ nhất tên là A Súc ở nước Hoan Hỷ, vị thứ hai tên là Tu Di Đảnh. Hai vị làm Phật ở phương Đông Nam: vị thứ nhất tên là Sư Tử Âm, vị thứ hai tên là Sư Tử Tướng. Hai vị làm Phật ở phương Nam: vị thứ nhất tên là Hư Không Trụ, vị thứ hai tên là Thường Diệt. Hai vị làm Phật ở phương Tây Nam: vị thứ nhất tên là Đế Tướng, vị thứ hai tên là Phạm Tướng. Hai vị làm Phật ở phương Tây: vị thứ nhất tên là A Di Đà, vị thứ hai tên là Độ Nhứt Thiết Thế Gian Khổ Nảo. Hai vị làm Phật ở phương Tây Bắc: vị thứ nhất tên là Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Thần Thông, vị thứ hai tên là Tu Di Tướng. Hai vị làm Phật ở phương Bắc: vị thứ nhất tên là Vân Tụ Tại, vị thứ hai tên là Vân Tụ Tại Vương. Một vị làm Phật ở phương Đông Bắc hiệu là Hoại Nhứt

Thiết Thế Gian Bồ Úy. Vị thứ mười sáu, chính ta, là Thích Ca Mâu Ni Phật ở cõi nước Ta Bà thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các Tỷ kheo! Lúc chúng ta làm Sa di mỗi người giáo hóa vô lượng trăm nghìn muôn ức hằng hà sa chúng sanh vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác theo chúng ta nghe pháp. Những chúng sanh đó đến nay có người trụ bực Thanh Văn, ta thường giáo hóa họ pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những bọn người này nên dùng pháp đó mà dần dần vào Phật đạo.

Vì sao? Vì những trí huệ Như Lai khó tin khó hiểu, vô lượng hằng sa chúng sanh được hóa độ trong thuở đó chính là các Tỷ kheo bọn ông hiện nay và sau khi ta diệt độ là các đệ tử Thanh Văn trong đời vị lai vậy. Sau khi ta diệt độ, lại có đệ tử không nghe kinh này, không biết không hay hạnh của Bồ tát, tự ở nơi công đức của mình đạt được nẩy sanh ý cho là đã diệt độ, sẽ nhập Niết Bàn.

Khi đó ta ở nơi cõi nước khác làm Phật và lại có tên khác. Các người đó dầu sanh lòng tưởng là diệt độ nhập Niết Bàn, nhưng ở nơi cõi kia, nếu họ cầu trí huệ của Phật, được nghe kinh này thì chỉ do Phật thừa mà được diệt độ,

rốt lại không có thừa nào khác, trừ các Đức Như Lai phương tiện nói pháp.

Các Tỷ kheo! Nếu Đức Như Lai tự biết giờ Niết Bàn sắp đến, chúng lại thanh tịnh, lòng tin hiểu bền chắc, rõ thấu pháp không, sâu vào thiền định, bèn nhóm các Bồ tát và chúng Thanh Văn mà nói cho kinh này. Trong đời không có hai thừa mà đặng diệt độ, chỉ có một Phật thừa đặng diệt độ thôi.

Giảng luận

Như phần mở đầu đã trình bày, phần này chỉ nêu thêm cách nhường quyền điều hành.

* Thứ nhất là phải đổi lốt, nói theo thế gian là lột vỏ - cải dạng: Mười sáu vị Hoàng tử bỏ lốt Hoàng tử thành Sa di.

* Thứ nhì, dạy kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di này. Khi nào đạt trình độ thông suốt, liễu ngộ kinh Pháp Hoa, liễu thông giáo pháp thì lúc ấy Đức Phật mới chuyển giao quyền thuyết giảng kinh Pháp Hoa. Nói cách khác là giao *quyền điều hành*.

Muốn chỉ đạo đúng nghĩa của sự chỉ đạo, Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhập chánh định. Trước khi nhập chánh định, Đức Phật đã giao quyền điều hành, tức là giao quyền giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di suốt thời gian dài.

Xưa nay, các bậc làm thầy, làm cha mẹ, anh chị, rất thương đàn hậu lai, nhưng chưa giao trọn quyền điều hành. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai giao việc truyền giảng kinh Pháp Hoa cho mười sáu vị Sa di, một việc tối ư quan trọng, vậy mà Ngài giao trọn vẹn, buông tay nhập định, chỉ dùng nội lực theo pháp cảm ứng yểm trợ họ mà thôi.

Đoạn kinh này là phương pháp quý báu, nhắc khéo cho nhân loại cùng muôn loài khai thông bế tắc về mặt nhân sự. Rất mong tất cả hãy trầm tư, hãy chiêm nghiệm và áp dụng nét mật nghĩa này vào đời sống hiện hữu. Đây là bí pháp của Pháp Hoa. Nhiều vị thầy Bốn sư, chẳng dám xa chùa vài tháng, vì sợ đệ tử bỏ việc hoặc làm sai. Vậy tại sao vị thầy Bốn sư này không đặt thêm dấu hỏi: “Nếu đến lúc ta chết thì sao?”

3/. Đức Phật kể câu chuyện hóa thành

Chánh văn

Các Tỷ kheo nên rõ! Đức Như Lai dùng phương tiện nhập sâu vào tánh chúng sanh, biết chí họ ưa pháp nhỏ do rất ham nơi năm món dục, với hạng người này mà nói Niết bàn thì họ nếu nghe thời liền tin nhận.

16 - Thí như đường hiểm nhiều nạn dữ, dài năm trăm do tuần, là chốn ghê sợ hoang vắng không người. Giả như đám đông muốn đi qua

con đường này đến chỗ thân bửu. Có một vị đạo sư thông minh sáng suốt khéo biết rõ tình trạng thông kẹt của con đường hiểm, dắt chúng như muốn vượt qua nạn đó. Chúng như được dắt đi giữa đường lười mỗi bạch đạo sư rằng: “Chúng con mệt nhọc quá cỡ, lại thêm sợ sệt chẳng có thể đi tới nữa, đường trước còn xa, nay muốn lui về”.

Vị đạo sư có nhiều phương tiện bèn tự nghĩ rằng: “Bọn này đáng thương, làm sao cam bỏ thân bửu lớn mà muốn lui về”. Nghĩ thế rồi dùng sức phương tiện ở giữa đường hiểm quá ba trăm do tuần, hóa làm một cái thành mà bảo chúng như rằng: “Các người chớ sợ, đừng lui về, nay thành lớn này có thể dừng ở trong đó tùy ý muốn làm gì thì làm, nếu vào thành này sẽ rất được an ổn, nếu có thể lại thẳng đến chỗ châu báu thì cũng đi đặng”.

Bấy giờ, đám người quá mỏi mệt, lòng rất đổi vui mừng, khen chưa từng có, chúng ta hôm nay khỏi được đường dữ, chắc chắn được an ổn. Đó rồi chúng như thẳng vào hóa thành, sanh lòng tưởng rằng đã được độ, sanh lòng tưởng đã được an ổn.

Lúc ấy đạo sư biết chúng như đó đã được nghỉ ngơi không còn mỏi mệt nữa, liền diệt hóa

thành bảo chúng nhưn rằng: “Các người nên đi tới, chỗ châu báu ở gần đây thôi. Thành lớn ban này là của ta biến hóa ra để nghỉ ngơi thôi”.

Các Tỷ kheo! Như Lai cũng lại như thế, nay vì các ông mà làm vị Đại Đạo Sư, biết các đường dữ sanh tử phiền não hiểm nạn dài xa, nên rời khỏi, nên vượt qua. Nếu như chúng sanh chỉ nghe một Phật thừa thời chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi, mà nghĩ thế này: “Đạo Phật dài xa lâu ngày chịu cần khổ mới có thể đặng thành”. Phật biết tâm chúng đó khiếp nhược kém hèn, dùng sức phương tiện mà ở giữa đường vì để họ nghỉ ngơi nên nói hai món Niết Bàn.

Nếu chúng sanh trụ nơi hai bậc đó thì Đức Như Lai bấy giờ liền nói cho họ biết: “Chỗ tu của các ông chưa xong nhưng bậc của các ông đã ở gần với huệ của Phật. Phải quan sát suy lường Niết Bàn đã đặng đó chẳng phải chơn thật vậy. Chỉ là sức phương tiện của Như Lai, ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba. Như vị đạo sư kia vì cho mọi người nghỉ ngơi mà hóa làm thành lớn, đã biết nghỉ xong rồi bèn nói rằng: “Chỗ châu báu ở gần thôi, thành này không phải thiệt, chỉ do ta biến hóa làm ra đó thôi!”.

Lúc đó Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

17 – Đại Thông Trí Thắng Phật
Mười kiếp ngòai đạo tràng
Phật pháp chẳng hiện tiền
Chẳng đặng thành Phật đạo
Các trời, thần, Long vương
Hết thấy A tu la
Thường rưới xuống hoa trời
Để cúng dường Phật đó
Chư Thiên đánh trống trời
Cùng trỗi các kỹ nhạc
Gió thơm cuốn hoa héo
Rồi mưa bông tốt mới
Quá mười tiểu kiếp rồi
Mới đặng thành Phật đạo
Các trời cùng người đời
Lòng đều sanh hớn hở
Mười sáu người con Phật
Đều cùng quyến thuộc mình
Nghìn muôn ức vây quanh
Cùng đi đến chỗ Phật
Đầu mặt lạy chân Phật
Thỉnh Phật chuyển pháp luân:
“Sư tử thánh mưa pháp
Lợi con và tất cả
Thế Tôn rất khó gặp

Lâu xa một lần gặp
 Vì giác ngộ quần sanh
 Mà chấn động tất cả
 Các thế giới phương đông
 Năm trăm muôn ức cõi
 Phạm cung điện sáng chói
 Từ xưa chưa từng có”
 Các Vương thấy tướng này
 Liền đến chỗ Phật ở
 Rải hoa để cúng dường
 Và dựng lên cung điện
 Thỉnh Phật chuyển pháp luân
 Nói kệ mà ngợi khen
 Phật biết thời chưa đến
 Nhận thỉnh ngời êm rờ
 Bốn phương cùng các góc
 Cả trên, dưới cũng thế
 Rưới hoa dựng cúng điện
 Thỉnh Phật chuyển pháp luân
 “Thế Tôn rất khó gặp
 Nguyện vì từ bi gốc
 Rộng mở cửa cam lồ
 Chuyển pháp luân vô thượng”

18 – Thế Tôn huệ vô lượng
 Nhận chúng như kia thỉnh
 Nói cho các món pháp
 Bốn đế, mười hai duyên

Vô minh đến già chết
Đều từ sanh mà ra
Những tai hoạn như thế
Các ông phải nên biết
Khi tuyên nói pháp đó
Sáu trăm muôn ức cõi
Đặng hết các ngàn khổ
Đều thành A la hán
Khi nói pháp lần nhì
Nghìn muôn hằng sa chúng
Nơi các pháp chẳng đắm
Cũng đặng A la hán
Từ đây mãi về sau
Đặng đạo đông vô lượng
Muôn ức kiếp tính kể
Không thể đặng ngàn mé
Giờ mười sáu Vương tử
Xuất gia làm Sa di
Đều đồng thỉnh Phật kia
Diễn nói pháp Đại thừa:
“Chúng con cùng tùy thuộc
Đều sẽ thành Phật đạo
Nguyện đặng như Thế Tôn
Huệ nhãn trong bậc nhất”
Phật biết lòng Vương tử
Cùng đạo hạnh đời trước
Dùng vô lượng như duyên

Cùng các thứ thí dụ
Nói sáu ba la mật
Và các việc thần thông
Pháp chơn thiệt rành rõ
Cùng đạo Bồ tát làm
Nói kinh Pháp Hoa này
Kệ nhiều như hàng sa
Phật kia nói kinh rồi
Vào tịnh thất nhập định
Một lòng ngồi một chỗ
Tám mươi bốn nghìn kiếp
Chính các Sa di đó
Biết Phật chưa xuất Thiền
Nói cho vô lượng chúng
Huệ vô thượng của Phật
Mỗi vị ngồi pháp tòa
Nói kinh Đại thừa này
Sau khi Phật nhập định
Tuyên bày giúp pháp hóa
Mỗi Sa di trong nhóm
Số chúng sanh mình độ
Có sáu trăm muôn ức
Hàng hà sa các chúng
Sau khi Phật diệt độ
Các người nghe pháp đó
Ở các nơi cõi Phật
Thường cùng thầy sanh chung

Mười sáu Sa di đó
Hành Phật đạo đầy đủ
Nay hiện ở mười phương
Đều đặng thành chánh giác
Người nghe pháp thuở đó
Đều ở chỗ các Phật
Có người trụ Thanh Văn
Lần dạy cho Phật đạo
Ta trong số mười sáu
Xưa từng nói các người
Nên nay dùng phương tiện
Dẫn dắt đến huệ Phật
Do nhơn duyên gốc đó
Nay nói kinh Pháp Hoa
Khiến người vào Phật đạo
Xin chớ có kinh sợ.

20 – Thí như đường hiểm dữ
Hoang vắng nhiều thú độc
Và lại không cỏ nước
Chốn mọi người ghê sợ
Vô số nghìn muôn chúng
Muốn qua đường hiểm này
Đường đó rất xa rộng
Trải năm trăm do tuần
Bấy giờ một đạo sư
Rành rẽ có trí huệ
Sáng suốt lòng cương quyết

Đường hiểm cứu nạn nhân
Mọi người đều mệt mỏi
Mà bạch đạo sư rằng:
“Chúng con nay mỗi mệt
Nơi đây muốn trở về”
Đạo sư nghĩ thế này:
“Bọn này rất đáng thương
Sao lại muốn lui về
Cam mất trâu bừa lớn? ”
Sau đó nghĩ phương tiện
Nên bày sức thần thông
Hóa làm thánh quách lớn
Đầy đủ các nhà cửa
Bao quanh có vườn rừng
Hào ngòi và ao tắm
Cửa chồng lầu gác cao
Trai, gái đều đông vậy
Hóa ra thành đó rồi
An ủi chúng: “Chớ sợ
Các người vào thành này
Đều được tùy chỗ muốn”
Mọi người vào thành rồi
Lòng đều rất vui mừng
Đều sanh tưởng an ổn
Tự nói đã được độ
Đạo sư biết nghĩ xong
Nhóm chúng mà bảo rằng:

“Các người nên đi tới
Đây là hóa thành thôi
Thấy các người mệt quá
Giữa đường muốn quay về
Nên dùng sức phương tiện
Tạm hóa làm thành này
Các người nay cố gắng
Nên đồng đến chỗ báu”.

21 – Ta cũng lại như vậy
Đạo sư của tất cả
Thấy những người cầu đạo
Giữa đường muốn bỏ cuộc
Không thể vượt đường dữ
Đây sanh tử phiền não
Nên dùng sức phương tiện
Nói Niết Bàn để nghỉ
Rằng các người khổ diệt
Chỗ làm đều đã xong
Đã biết đến Niết Bàn
Đều chứng A la hán
Giờ mới nhóm đại chúng
Nói cho pháp chân thật
Sức phương tiện các Phật
Phân biệt nói ba thừa
Chỉ có một Phật thừa
Vì nghỉ nên nói hai
Nay nói thiệt các người

Điều được chưa phải diệt
 Vì nhưt thiết trí Phật
 Nên phát tinh tấn lớn
 Người chứng nhưt thiết trí
 Mười lực các Phật pháp
 Đủ bả hai tướng tốt
 Mới là chơn thiết diệt
 Các Phật là đạo sư
 Vì nghĩ nói Niết Bàn
 Đã biết nơi nghĩ rồi
 Dẫn vào nơi huệ Phật.

Giảng luận

Như phần mở đề bài mười bốn đã đề cập. Đoạn kinh này là bí pháp dẫn dụ. Dẫn dụ không được rời xa nguyên lý. Không được rời xa cốt lõi. Phải từ thấp dẫn nhập lên cao. Phải từ tà dẫn nhập vào chánh. Phải từ mê dẫn đến tỉnh thức. Phải từ lầm than, cơ cực, dẫn đến ấm no, hạnh phúc. Phải từ phiền não dẫn đến an vui. Phải từ sa đọa dẫn đến giải thoát.

Người đứng ra dẫn dụ phải là bậc thầy. Phải có tâm từ và bi. Phải biết uyển chuyển. Nhưng không được uyển chuyển ra ngoài quy tắc. Uyển chuyển nhưng không rời chân thật. Quan trọng nhất là phải can đảm phá chấp. Phải mở rõ một con đường chánh đại quang minh. Phải rộng rãi thênh thang. Phải vị tha không ích kỷ. Người chủ đạo luôn luôn

sáng suốt. Tránh tình trạng người mù dẫn người tối. Phương pháp dẫn dụ không hề có giả dối, mưu mô, lừa đảo, phỉnh phờ, gạt gẫm, xảo trá. Phương pháp dẫn dụ nơi đoạn kinh **Hóa Thành Dụ** này là **Phương tiện trí**.

Ai muốn thành công mọi phương diện trên vạn nẻo đường đời, xin đi đúng con đường phương tiện trí. Ai muốn thực hành Bồ tát hạnh lợi người ích mình xin giữ đúng quy pháp Hóa Thành Dụ nơi kinh Pháp Hoa.

III.- TÓM KẾT

Phẩm Hóa Thành Dụ câu nào, chữ nào cũng là bí pháp. Ba nét chính của phần đầu:

- Mật nghĩa của thời gian.
- Bí pháp về tòa ngời.
- Y báo chánh báo.

Đức Phật muốn hé mở những bí quyết để đến đích chân thật. Chẳng những giúp hàng đệ tử, mà Ngài còn muốn cống hiến cho trời người quý thần chiếc chìa khóa vàng, để chúng ta tham quan vào dòng đời khỏi bờ ngõ, khỏi ái ngại về thời gian, khỏi ái ngại về vị thế ngời, khỏi ái ngại về y báo chánh báo. **Y báo nào thì chánh báo đó**. Không hề có sự ngẫu nhiên. Chẳng hề có y báo **đắng** mà chánh báo **ngọt**. Khi chúng ta bằng lòng, vì chúng

ta đã khai mở được ba nét phần đầu phẩm kinh nơi bài mười bốn, chúng ta tiếp tục khai mở ba nét phần tiếp của phẩm kinh nơi bài mười lăm.

- Phương pháp về sự cấu tạo nhân và duyên.
- Phương pháp nhường quyền và truyền trao.
- Phương pháp dẫn dụ.

Thật là tuyệt vời, nếu các nhà đạo sĩ, tu sĩ, bác học, triết học, khoa học ... đều thẩm thấu được phương pháp từ sự cấu tạo của nhân và duyên thì không bao giờ còn ai thắc mắc rằng con gà sanh trước, hay quả trứng sanh trước. Hoặc nếu hàng trời thần người, phi người và quỷ thần thẩm thấu được phương pháp nhường quyền và trao quyền thì đời còn đâu bí nghẽn và lúng túng về mặt nhân sự truyền thừa.

Hoặc quan trọng hơn hết là nếu muôn loài đều thẩm thấu phương pháp dẫn dụ, của câu chuyện Hóa Thành Dụ thì còn lo gì sự thăng hoa, sự thành công, sự văn minh tiến bộ, còn lo gì nền hòa bình vĩnh cửu cho nhân loại và muôn loài.

Ngoài sáu nét đã nêu, phẩm kinh còn tàng ẩn biết bao nhiêu mật nghĩa, không phải nêu những nhân vật tưởng tượng. Qua đoạn kinh, vị Sa di thứ mười sáu hiện đang là Phật Thích Ca Như Lai, giáo chủ cõi Ta Bà. Như vậy mười lăm vị kia là nhân vật

có thật. Vậy thì Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai là nhân vật có thật.

Sự phân phối bốn phương tám hướng và cõi Ta Bà chỗ nào cũng có vị Giáo chủ đang hóa độ chúng sanh. Thật là phương pháp phân phối nhân sự tuyệt vời. Như thế không là bí pháp thì còn gọi là gì đây? Trên đây dù phân biệt cách nào đi nữa thì cũng chỉ mới ở phần sự tướng. Ấn nghĩa về mặt lý tánh thì dù cho hàng Thánh cũng chưa hiểu nổi, chứ đừng nói là phân tích, chiêm nghiệm, ngoại trừ liễu thông pháp nhất thừa.

Kính lạy Đức Từ Phụ, cùng mười phương, ba đời chư Phật, từ bi gia hộ cho chúng con và tất cả, sớm được minh tâm, kiến tánh, trí tuệ sáng suốt, sớm liễu ngộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa và rộng phổ truyền kinh Pháp Hoa như mười sáu vị Sa di đệ tử của Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai.

Nguyện cùng các pháp giới kết Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời an vui tinh tấn tu luyện và hoằng dương chánh pháp.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

TOÙM TAÉT TAÄP 1

Gồm bảy phẩm - Mười lăm bài
Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận

- * Phẩm Tựa, thứ nhất.
- * Phẩm Phương tiện, thứ hai.
- * Phẩm Thí dụ, thứ ba.
- * Phẩm Tín giải, thứ tư.
- * Phẩm Dược thảo dụ, thứ năm.
- * Phẩm Thọ ký, thứ sáu.
- * Phẩm Hóa thành dụ, thứ bảy.

1/ PHẨM TỰA

Tóm tắt bảy điểm chính:

❶ Chuyển Tam thừa về Nhất thừa:

Từ trước Đức Phật Thích Ca phương tiện độ sinh thuyết Tam thừa pháp. Muốn chuyển mạch từ Tam thừa sang Nhất thừa pháp, Đức Phật vào Đại thừa vô lượng nghĩa rồi mới chính thức thuyết Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh để hiển dương pháp Nhất thừa.

❷ Thính chúng kinh Pháp Hoa:

Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa cũng thuyết tại xứ Ấn Độ nơi hội Linh Sơn, núi Linh Thứu. Thành phần nghe pháp, ngoài chúng đệ tử tại gia lẫn xuất gia của Đức Phật Thích Ca, còn có hàng trời thần người quỷ rồng. Đặc biệt nhất là chư

vị Bồ tát và đại Bồ tát rất đông. Nổi bật có hai vị đại Bồ tát: Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Di Lặc.

③ Đức Phật phóng quang nâng cao trình độ thánh chúng:

Vì ý nghĩa quá cao siêu của pháp Nhất thừa nên Đức Phật Thích Ca mới nhập định phóng quang nâng cao trình độ đại chúng, giúp đại chúng nường hào quang nhìn xa ra ngoài quả đất.

④ Người giới thiệu xuất hiện:

Vấn đề nào quan trọng thì dù cho người thuyết giải có tài đức đến đâu, cũng khó mà chuyển sâu mục đích vào tâm ý người nghe, nếu thiếu người giới thiệu. Đức Phật Thích Ca nhập vào đại định thì người giới thiệu mới xuất hiện.

Hai Ngài đại Bồ tát xuất hiện để giới thiệu kinh Pháp Hoa đó là Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Di Lặc.

⑤ Tình cảm - lý trí áp dụng cùng lúc:

Làm bất cứ việc gì, nếu muốn thành công thì cần phải hội đủ hai yếu tố: *tình cảm* và *lý trí*. Muốn tu học kinh Pháp Hoa, hành giả phải gồm đủ hai yếu tố tình cảm và lý trí.

Bồ tát Di Lặc tượng trưng yếu tố *tình cảm*, Ngài giả vờ đóng kịch để hỏi Bồ tát Văn Thù, Ngài cam chịu nghe Bồ tát Văn Thù chỉ trích. Còn phần Bồ tát Văn Thù thì tượng trưng yếu tố *lý trí*, Ngài

giả vờ đóng kịch mượn cách chỉ trích Bồ tát Di Lặc để giới thiệu kinh Pháp Hoa.

⑥ Dứt tâm sở, mở tâm vương để tu học Pháp Hoa:

Đặc biệt ai muốn tu học kinh Pháp Hoa thì phải dứt 51 tâm sở. Khởi bước vào nhà Pháp Hoa, bằng tư thế mở 8 tâm vương, hầu sau này dễ ngự lâu đài cao nhất của Pháp Hoa là trải chơn tâm để nhập hạnh Phổ Hiền.

Tám vương tử con vua Nhật Nguyệt Đăng Minh, tên của vị nào cũng có một chữ ý: Hữu Ý, Thiện Ý, Vô Lượng Ý, Bửu Ý, Tăng Ý, Trừ Nghi Ý, Hương Ý và Pháp Ý. Tám ý tượng trưng tám tâm vương.

⑦ Nhân vật nổi bật của phẩm Tựa là Bồ tát Diệu Quang:

Đã nguyện làm hành giả kinh Pháp Hoa thì trước nhất phải thông hiểu phẩm Tựa. Muốn thông hiểu phẩm Tựa thì trước nhất phải luyện cho mình đạt tánh Diệu, cái diệu của người phục vụ, chứ không phải của thành phần thụ hưởng. Phải dứt *thô*, xóa *tế*, nhập *vi*, vào *diệu*. Chẳng những *diệu* mà còn phải *sáng* Diệu Quang Bồ tát.

2/. PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Tóm tắt sáu điểm chính

① Dứt Tam thừa khởi Nhất thừa:

Phẩm Phương tiện này phơi bày sự tạm bợ của pháp

Tam thừa. Tất cả các thời thuyết giảng của Đức Phật từ trước đến lúc đó đều là Tam thừa, đều là *phương tiện độ sinh*. Từ thời thuyết Đại thừa vô lượng nghĩa và thuyết Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa về sau mới thực sự nhập vào pháp Nhất thừa, pháp *cứu cánh giải thoát* thành Phật.

❷ Tôn giả Xá Lợi Phất được Đức Phật khai mở pháp cứu cánh giải thoát thì liền liễu ngộ, ăn năn sám hối và ba lần lễ lạy thỉnh Đức Phật dạy pháp Nhất thừa. Dù thỉnh ba lần, nhưng Đức Phật vẫn từ chối. Ba lần thưa thỉnh, Ngài ngơ ba lần.

❸ **Năm ngàn người bỏ cuộc rời hội Pháp Hoa:**

Đến lần thứ ba, Đức Phật còn đang tư thế im lặng thì năm ngàn vị đệ tử đứng lên lễ Phật bỏ cuộc lui ra. Bởi vì tánh tăng thượng mạn, nên các vị này cho rằng đến đó đã đầy đủ lắm rồi!

❹ **Mười như thị pháp:**

Đặc biệt phẩm Phương tiện có hai đoạn hàm chứa nhiều mật nghĩa khó hiểu, khó suy. Thứ nhất là pháp mười như vậy! *Tướng, tánh, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả, báo và rốt ráo* cũng đều đến chỗ như + vậy tuyệt đối.

❺ **Mục đích của chư Phật:**

Đức Phật Thích Ca cũng như chư Phật khắp mười phương nhập đời chỉ vì khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật.

⑥ Pháp trụ trên ngôi pháp, Tướng thế gian thường còn:

Mật nghĩa thứ nhì của phẩm Phương tiện ở phần thi kệ có hai câu:

“ . . . Thị pháp trụ pháp vị
Thế gian tướng thường trụ . . . ”

Các pháp vốn đồng một pháp thì sao còn pháp này trụ trên pháp kia? Các sự tướng của thế gian thấy đều “*vô thường*”. Vậy tại sao ở phẩm kinh này Đức Phật xác quyết là thường còn? Vì ẩn nghĩa sâu mầu nên Đức Phật mới bảo kinh Pháp Hoa là mẹ đẻ các kinh. Nếu giống các kinh Tiểu thừa rằng các pháp là vô thường thì cần gì phải học, phải tu kinh Đại thừa: “*Pháp diệu hoa sen*” làm gì?

3/. PHẨM THÍ DỤ

Tóm tắt năm nét chính

① Tôn Giả Xá Lợi Phất trình bày sự liễu ngộ:

Nghe Đức Phật giảng giải rằng các pháp thuộc Tam thừa là *phương tiện*, Tôn Giả Xá Lợi Phất giật mình tỉnh ngộ, bởi vì từ lâu ông đã khẳng định pháp Tam thừa là *cứu cánh*. Tôn Giả Xá Lợi Phất đến trước Phật sám hối và trình bày đã thực sự liễu ngộ

thế nào là pháp Nhất thừa, thế nào là pháp Tam thừa. Chỉ có pháp Nhất thừa mới rốt ráo cứu cánh thành Phật. Pháp Hoa là cốt lõi của pháp Nhất thừa.

❷ Đức Phật quả và thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất:

Đức Phật quả Tôn Giả Xá Lợi Phất, sao ông vội quên. Thuở quá khứ có hai vạn Đức Phật thay phiên độ đời, trong số đó có Ta là Thích Ca Như Lai, đã từng giáo hóa ông, vậy tại sao ông bằng quên, mãi nay mới nhớ?

Sau đó Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất, về lâu xa sau này sẽ đắc thành quả vị Phật, hiệu là *Hoa Quang Như Lai* đủ mười tôn hiệu.

❸ Tôn Giả Xá Lợi Phất cầu Phật giải nghi cho đại chúng:

Tôn Giả Xá Lợi Phất bạch Phật rằng, hàng Thánh Tăng lầm tưởng rằng mình đã chứng vô dư Niết bàn, nhưng kỳ thật chỉ mới chứng Niết bàn hữu dư mà thôi. Kính mong Đức Thế Tôn thương xót chúng con mà giải nghi cho.

❹ Đức Phật kể chuyện thí dụ nhà lửa và ba xe:

Trước khi giải nghi, Đức Phật kể chuyện thí dụ. Có vị trưởng giả nọ thấy đàn con mình đang mê chơi trong ngôi nhà cũ mục, đầy thú dữ, nhà đang cháy, vậy mà gọi mãi các con ham chơi giỡn chẳng chịu ra. Ông bèn phỉnh dụ sẵn dành ba thứ xe: loại

bò kéo, loại nai kéo, loại dê kéo. Đứa nào muốn thứ nào, cho thứ đó. Nhưng khi đàn con chạy khỏi nhà lửa, ông chỉ cho độc nhất một loại xe tốt do bò trắng kéo mà thôi.

Nhà lửa ví như tam giới. Đàn con ham chơi ví như hàng đệ tử Phật. Ba xe ý chỉ cho *pháp ba thừa*. Chỉ có một thứ xe bò, loại tốt hạng nhất do bò trắng kéo đó là ví với pháp Nhất thừa. Chỉ có một pháp Nhất thừa mà thôi!

❶ ĐỨC PHẬT THUYẾT THƠ KỆ CÔ ĐỘNG CÂU CHUYỆN THÍ DỤ:

Trong phần thơ kệ, nhiều đoạn tóm gọn rất súc tích, người thọ trì dễ thâm nhập. Cũng trong phần thơ kệ này, Đức Phật căn dặn hàng đệ tử của Ngài không nên phổ truyền kinh Pháp Hoa cho bốn hạng người: *vô trí - kiêu mạn - lười biếng - cố chấp*. Ngoài các hạng người nêu trên thì phải triệt để phổ truyền kinh Pháp Hoa cho tất cả những ai có niềm tin chơn chánh. Nói chung là những người biết làm lành lánh dữ.

4/. PHẨM TÍN GIẢI

Tóm lược bốn nét chính

❶ Bốn vị Thánh Tăng trình kiến giải:

Sau khi tận tai nghe việc Đức Phật quả và thọ ký cho Tôn Giả Xá Lợi Phất, sau này sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai thì bốn vị Thánh Tăng:

Đại Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên và Mục Kiền Liên đều vui mừng phấn khởi, đến trước Phật lễ lạy và trình kiến giải của mình, rằng từ trước đến nay vì quá cố chấp, nên đã đắm say trong ba pháp *không - vô tướng - vô tác* của Tiểu thừa, bằng lòng an trụ nơi quả vị Niết bàn hữu dư của Thanh Văn, nay tỉnh ngộ, xin Đức Thế Tôn cho chúng con được tu cầu pháp Nhất thừa *cứu cánh thành Phật*.

❷ Câu chuyện thí dụ gã cùng tử hốt phân:

Kinh Pháp Hoa có hai câu chuyện gã cùng tử: Một gã cùng tử hốt phân và một gã cùng tử có viên ngọc trong bầu áo. Gã hốt phân ở phẩm Tín giải thứ tư, do Tôn Giả Đại Ca Diếp kể. Gã có viên ngọc trong bầu áo ở phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký thứ tám, do Tôn Giả Kiều Trần Như kể. Hành giả Pháp Hoa phải thông suốt chỗ này, nếu không khi nói chuyện về kinh Pháp Hoa, mà lầm lẫn chỗ không đáng lầm thì người nghe sẽ nhìn mình bằng cặp mắt ngạc nhiên.

Câu chuyện đơn giản: Có một cậu bé bỏ nhà đi hoang. Lúc lớn khôn, tìm về quê cũ, ngang qua một đô thị tình cờ gặp lại cha mình. Gã cùng tử không nhận ra, nên vội vàng bỏ chạy. Người cha cho người theo và dùng nhiều mưu chước, thuê gã hốt phân. Suốt hai mươi năm dài, gã vẫn là gã hốt phân. Thời duyên đã đủ, vị trưởng giả mời làng nước công bố gã cùng tử là con mình.

③ Đối chiếu với câu chuyện gã cùng tử:

Bốn Ngài Thánh Tăng bạch lên Đức Phật, tự ví mình suốt mấy chục năm theo Phật nào có khác gì gã cùng tử hốt phân. Nay được Đức Thế Tôn công bố, chúng con là con của Đức Phật và sẽ thành Phật.

④ Phần thơ kệ tóm lược của phẩm Tín giải:

Đọc phần thơ kệ, chẳng ai mà không cảm xúc khi nghe bốn vị Thánh Tăng trình bày lòng cảm kính của mình đối với Đức Phật. Sự tri ân sâu xa của các vị Thánh Tăng đối với Đức Phật.

5/. PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Tóm lược bảy nét chính

① Bốn vị Thánh Tăng dâng niềm cảm kính và nêu ân đức sâu dày của Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni:

Vào phẩm Dược thảo dụ, Đức Phật cho biết dù các vị Thánh Tăng có trình bày công đức của Như Lai thẳm sâu đến đâu, dầu có trình bày hết kiếp này sang nhiều kiếp khác cũng không thể hết. Như Lai đã thấy, đã rõ, đã nói không hề sai khác. Như Lai đã hiểu rõ thâm tâm vọng cầu của chúng sanh nên mới dùng phương tiện chỉ bày phần nào pháp cứu cánh.

② Đức Phật thuyết pháp bình đẳng như cơn mưa:

Trái lại thế nhân truyền dạy bình đẳng của gàu tưới. Gàu tưới mỗi cây một gàu, cây lớn thiếu nước ồm tong, ồm teo. Cây nhỏ cũng một gàu, dư nước úng gốc thối rữa cũng ồm tong ồm teo, hoặc chết.

Vằng mây thành mưa bình tản rưới đều. Các cây cỏ tùy sức lớn nhỏ mà thấm hút nước mưa.

Mưa đều chẳng hề sai khác
Cỏ cây hút thấm khác sai
Pháp Phật phổ đều không sai khác
Căn cơ thu nạp khác sai
Ai nhận mình là bậc trí
Nên bình đẳng ví cơn mưa.

③ Đức Phật công bố chủ đích:

- * Ta là Thích Ca Như Lai.
- * Ai chưa được độ thì Như Lai độ.
- * Kẻ nào chưa tỏ ngộ, Như Lai làm cho tỏ ngộ.
- * Người nào chưa an, Như Lai khiến cho an.
- * Ai chưa chứng Niết bàn, Như Lai dạy cho chứng Niết bàn rỗng rang.

Đời này và mãi mãi các đời sau, Như Lai đều phổ truyền pháp chơn thật.

- * Như Lai là bậc Nhất Thiết Trí.
- * Như Lai là bậc Nhất Thiết Kiến.
- * Như Lai là bậc trí đạo.

* Như Lai là bậc khai đạo.

* Như Lai là bậc thuyết đạo.

Các chúng sanh nên đến nghe pháp.

④ Tỳ căn cơ Đức Phật trao pháp:

Đức Phật quán rõ căn cơ của mỗi chúng sanh đến nghe pháp mà thuyết giảng, nhờ vậy mà ai cũng được điều lợi ích vui mừng. Ai cũng được thấm nhập giáo pháp dần dần mở khai trí tuệ, cũng như cây cỏ bình đẳng thấm nhuần nước mưa.

⑤ Đức Phật minh định:

Đức Phật dạy pháp do Như Lai thuyết đều thuần *một tướng một vị*.

* *Giải thoát* không đắm chấp nơi sự tướng.

* *Rời xa* không đắm chấp nơi sự tướng.

* *Dứt bỏ* không đắm chấp nơi sự tướng.

Mục đích khiến chúng sanh rốt ráo đạt đến sự hiểu biết toàn vẹn (*căn bản trí*).

⑥ Chúng sanh không thể tự biết công đức của mình:

Cây cỏ không tự biết nó, chỉ có nhà nông mới rõ biết. Chúng sanh dù tu tập vun bồi nhiều công đức, cũng không thể nào tự thấy biết công đức của mình. Chỉ có Như Lai mới thấy và biết rõ chủng loại, tướng tánh thể lực ... của từng chúng sanh, nhớ gì nghĩ gì? Tu nhớ pháp nào? Nghĩ, tu pháp nào? Thực hiện pháp nào và đặc pháp nào?

7) Tại sao Đức Phật không sớm thuyết nhất thừa:

Hết thấy các tướng:

- * Tướng giải thoát
- * Tướng xa lìa
- * Tướng tịch diệt
- * Tướng rốt ráo thường tịch diệt

Cuối cùng cũng về *pháp không tướng*.

Như Lai sở dĩ chưa thuyết *Nhất thừa pháp* là vì lúc đó hàng đệ tử Như Lai chưa hiểu thế nào là nhất thừa, thế nào là tam thừa. Nay vào hội Pháp Hoa, Như Lai mới thuyết pháp *Nhất thừa*.

6/. PHẨM THỌ KÝ

Tóm lược bốn nét chính

Thọ ký bốn vị Thánh Tăng thành Phật:

- * Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp.
- * Tôn Giả Tu Bồ Đề.
- * Tôn Giả Ca Chiên Diên.
- * Tôn Giả Mục Kiền Liên

(Thành phần điều hành trụ cột)

1) Đức Phật thọ ký Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp:

Vị đệ tử thứ hai được thọ ký là Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp, trải qua vô lượng ức kiếp đời vị lai, phụng thờ ba trăm ngàn vạn ức Đức Phật, phổ truyền Vô

lượng giáo pháp Chư Phật và được thành Phật, hiệu là *Quang Minh Như Lai* (đủ 10 tôn hiệu).

② Đức Phật Thích Ca thọ ký Tôn Giả Tu Bồ Đề:

Hiểu rõ tâm niệm của ba vị Thánh Tăng hiện đang quỳ trước mặt. Đức Phật thọ ký cho Tôn Giả Tu Bồ Đề, về các đời vị lai, Tôn Giả Tu Bồ Đề phụng thờ ba trăm ngàn vạn ức Đức Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng và tu hạnh thanh tịnh, đủ hạnh Bồ Tát, thân rốt sau sẽ thành Phật, hiệu là *Danh Tướng Như Lai* (đủ 10 tôn hiệu).

③ Đức Phật Thích Ca thọ ký Tôn Giả Ca Chiên Diên:

Đức Phật dạy tiếp đại chúng và thọ ký cho Tôn Giả Ca Chiên Diên, về các đời sau phụng thờ tám ngàn ức Đức Phật, cúng dường và xây tháp thờ Xá Lợi chư Phật, thực hành đủ đạo Bồ Tát, rồi sẽ thành Phật, hiệu *Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như Lai* (đủ 10 tôn hiệu).

④ Đức Phật Thích Ca thọ ký Tôn Giả Mục Kiền Liên:

Đức Phật tiếp dạy đại chúng và thọ ký cho Tôn Giả Mục Kiền Liên, về các đời vị lai, phụng thờ tám ngàn ức Đức Phật, xây tháp thờ Xá Lợi chư Phật. Sau đó lại tiếp tục phụng thờ hai trăm muôn ức Đức Phật, thực hành đủ hạnh Bồ tát và được thành Phật,

hiệu *Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Như Lai* (đủ 10 tôn hiệu).

7/. PHẨM HÓA THÀNH DỤ

Tóm lược tám nét chính:

❶ Đức Phật Thích Ca kể về thời gian thành Phật của Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai:

Cách nay lâu xa lắm, lâu xa không thể tính đếm.

* Dem ba ngàn đại thiên thế giới hòa thành mực.

* Dem số mực chấm một cõi Phật độ là một chấm.

* Dem số cõi Phật độ đã chấm mực nghiền nát thành hạt bụi.

* Dem số hạt bụi đó tính một hạt bụi là một kiếp.

Đếm hết số hạt bụi là bao nhiêu thì từ khi Đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật đến nay số kiếp dài lâu bấy nhiêu.

❷ Quan trọng về tòa ngồi:

Đức Đại Thông Trí Thắng nhập định chuyển xong phần nội ma ngoại ma, nhưng vẫn chưa chứng đắc thành Phật. Ngài tiếp nhập định thêm một tiểu kiếp nhưng pháp Phật chẳng hiện ra. Ngài lại tiếp tục nhập định thêm mười tiểu kiếp, vậy mà pháp Phật cũng vẫn chẳng hiện ra. Sau đó nhờ chư Thiên cõi trời Đao Lợi đến trải tòa ngồi nơi cõi Bồ đề,

Đức Đại Thông Trí Thắng vừa ngồi lên, Ngài liền đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tham thiền nhập định mười một tiểu kiếp, vẫn chưa thành Phật, nhờ có tòa ngồi vừa ngồi lên Ngài liền đắc quả vị Phật.

③ Thân quyến của nhà vua Đại Thông Trí Thắng:

Đức Đại Thông Trí Thắng khi còn làm vua, sanh mười sáu vị hoàng tử. Khi nhà vua xuất gia, mười sáu vị hoàng tử cũng xuất gia làm Sa di.

Tám vạn quyến thuộc của nhà vua cùng đi với các hoàng tử, cũng xin xuất gia. Mười sáu vị hoàng tử xin Đức Đại Thông Trí Thắng thuyết pháp, Ngài nhận lời mười sáu vị Sa di nhưng chỉ thuyết Tam thừa:

* Đầu tiên Đức Đại Thông Trí Thắng chuyển pháp Tứ đế.

* Tiếp theo chuyển pháp Tam thừa, độ vô lượng chúng sanh đắc quả Thánh. Mãi đến hai vạn kiếp sau mới thuyết Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Thuyết pháp Đại thừa liên tục suốt tám ngàn kiếp như vậy.

④ Mười sáu vị Sa di liễu ngộ Đại thừa và thuyết kinh Pháp Hoa:

Đức Đại Thông Trí Thắng thuyết kinh Pháp Hoa, sau đó thấy các vị Sa di liễu ngộ kinh Pháp Hoa, nên phó thác việc phổ truyền kinh Pháp Hoa

cho mười sáu vị Sa di, còn Ngài tiếp tục nhập định, thời gian này lâu đến tám vạn bốn ngàn kiếp.

Mỗi vị Sa di thuyết Pháp Hoa độ chúng sanh, tính theo tỷ lệ một hạt cát là một chúng sanh thì số chúng sanh được độ nhiều hơn con số *sáu trăm muôn ức tỷ số cát sông Hằng*.

⑤ Mười sáu vị Sa di thuở đó là ai bây giờ:

Mười bốn vị đã thành Phật ở cõi khác, chúng ta khó biết. Dễ hiểu nhất vị Sa di thứ mười sáu, đó là Đức Phật Thích Ca Như Lai, Giáo chủ cõi Ta Bà.

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, vị đạo sư của chơn tiên, là một trong mười sáu vị Sa di thuở đó.

⑥ Đức Phật Thích Ca nhấn mạnh yếu tố cần thiết để liễu ngộ kinh Pháp Hoa:

Đại chúng muốn liễu ngộ kinh Pháp Hoa, trước nhất phải có niềm tin sâu sắc, tu học thanh tịnh, thấu rõ *pháp không của các pháp*, đạt sâu Thiền định.

Đức Phật còn căn dặn không thể tu theo pháp môn nhị thừa. Chỉ có Phật thừa mới đưa chúng sanh tu đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

⑦ Đức Phật Thích Ca kể chuyện giả thành:

Có đoàn người định đi đến nơi châu ngọc, nửa đường đa số mỗi mệt, muốn bỏ cuộc. Người dẫn đường dựng một ngôi thành giả, giúp đoàn lữ khách tạm nghỉ chân. Khi họ đã khỏe, người hướng dẫn

dùng phép hủy diệt thành rồi tuyên bố, đây chỉ là giả thành do ta hóa ra. Phải tiếp tục đi đến bảo sở thì mới có ngọc.

⑧ Đối chiếu câu chuyện giả thành:

Cũng như câu chuyện dẫn dụ giả thành, Như Lai vị đại đạo sư thấy chúng sanh đang lặn hụp trong vùng hiểm nạn, phiền não, luân hồi. Muốn đưa chúng sanh thoát khỏi hiểm nạn ấy và tu chứng quả vị Đại giác như Phật, nhưng sợ chúng sanh không có chí lớn để đi đến đích, nên Như Lai mới khéo phương tiện lập ra ba thừa. Vậy mà hàng Thanh Văn, Duyên Giác mê chấp, nên mới đến giả thành đã cho là bảo sở. Tức là mới chứng đắc nửa phần Niết bàn đã thỏa mãn cho rằng mình đã chứng vô dư Niết bàn (*Niết bàn toàn phần*).

Đức Phật đem chuyện tòa thành giả để người nghe thâm hiểu là chưa tới thành chính, tức là chưa tới bảo sở. Câu chuyện ngụ ý nói tam thừa chưa thực sự chứng đắc rốt ráo. Khi nào đắc Nhất thừa mới đến thành chính.

Cho nên kinh Pháp Hoa, Đức Phật phủ định rằng, Niết bàn Nhị thừa chưa phải toàn triệt mà chỉ mới tới giả thành, chứ chưa đến bảo sở.

Chủ đích Đức Phật thuyết kinh Pháp Hoa là để chỉ rõ tánh thành Phật của mỗi chúng sanh, ai cũng có tánh Phật và ai cũng sẽ thành Phật.

Như Lai nhất quyết hướng dẫn chúng sanh bừng khai trí tuệ Phật.

Tập một, kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận gồm bảy phẩm, mười lăm bài. Nhớ đón đọc tập hai và các tập kế tiếp.

Hoàn chỉnh tập một, kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận này, trên nhờ hồng ân Tam Bảo, cùng sự hộ trì của chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh Thiên Long Bát Bộ hộ pháp và thừa ân đức Quốc gia thủy thổ, phụ mẫu sanh thành. Nhất là sự chú nguyện của Chư Tôn Đức, sự tùy hỷ của chư Tăng Ni, chư vị thức giả. Sự nhiệt tình đón đọc và ủng hộ của các nhà đạo tâm, đồng bào các giới, Phật tử xa gần, tu học viên Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm.

Nguyện hồi hướng công đức này đến khắp pháp giới chúng sanh đồng đắc Pháp Hoa, đồng ngộ nhập Phật tri kiến.

Trong lúc biên soạn, in ấn, trình bày, quy nạp thành tập giảng luận này, không sao tránh khỏi sai sót. Ngưỡng mong lượng từ bi của Chư Tôn Đức, đức hỷ xả của đại chúng niệm tình chỉ giáo và góp ý xây dựng để lần tái bản được hoàn hảo hơn.

Trân trọng.

Tổ đình QUÁN THẾ ÂM
Xuân Nhâm Ngọ - 2002

Sa môn THÍCH THÔNG BỬU
Thành tâm kính lễ

PHỤ LỤC LÔI TÖIA

Kinh Nãi thöøa Dieäu Phaùp Lieân Hoa

- Tác giả: Pháp sư Thích Đạo Tuyên (người Trung Hoa, đời Đường).
- Nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng dịch Việt văn và chú giải.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH HOÀNG TRUYỀN TỰ

Luật sư Thích Đạo Tuyên soạn (*nguyên văn trích từ cổ bản Diệu Pháp Liên Hoa Kinh khắc gỗ của Nhật Bản*).

Hậu học Lý Việt Dũng kính cẩn:

- Phiên âm.
- Dịch nghĩa.
- Chú thích.
- Chú giải (theo Mãn Hy).

Sa môn Thích Thông Bửu - Trụ trì Tổ đình Quán Thế Âm xem lại phần lý giải ý bài tựa.

A. PHIÊN ÂM

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh hoàng truyền tự

Đường Chung Nam Sơn Thích Đạo Tuyên thuật.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh giả, thống chư Phật giáng linh chi bốn trí dã. Uẩn kết Đại Hạ, xuất bĩ thiên linh. Đông truyền Chấn Đán, tam bách dư tải. Tây Tấn Huệ Đế Vĩnh Khang (*Khương*) niên trung, Trường An Thanh Môn, Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ giả, sơ phiên thử kinh danh Chánh Pháp Hoa. Đông Tấn An Đế, Long An niên trung, Hậu Tần Hoàng Thỉ, Qui Tư sa môn Cừ Ma La Thập, thứ phiên thử kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa. Tùy thị Nhân Thọ. Đại Hưng Thiện tự, Bắc Thiên Trúc sa môn Xà Na; Cấp Đa, hậu sở phiên giả, đồng danh Diệu Pháp. Tam kinh trùng đạ, văn chỉ hồ trần. Thời sở tông thượng, giai hoàng Tần bốn. Tự

dư chi phẩm, biệt kệ, bất vô kỳ lưu, cụ như Tự lịch, cố sở phi thuật.

Phù, dĩ Linh Nhạc giảng linh, phi Đại Thánh vô do khai hóa. Thích hóa sở cập, phi tích duyên vô dĩ đạo tâm. Sở dĩ Tiên Uyển cáo thành, cơ phân tiểu đại chi biệt. Kim Hà cố mệnh, đạo thù bán mãn chi khoa. Khởi phi giáo bị thừa thời, vô túc hạch kỳ cao hội. Thị tri ngũ thiên thoái tịch, vi tấn tăng mạn chi trừ. Ngũ bách thọ ký, câu sùng mật hóa chi tích. Sở dĩ phóng quang hiện thụy, khai phát thỉnh chi giáo nguyên. Xuất định dương đức, sống Phật huệ chi hoàng lược. Hủ trạch thông nhập đại chi văn quỹ. Hóa thành dẫn tích duyên chi bất trụ. Hệ châu minh lý tánh chi thường tại. Tạc tỉnh hiển thị ngộ chi đa phương. Từ nghĩa oản nhiên, dụ trần duy viễn. Tự phi đại ai khuếch tế, bạt trệ nịch chi trầm lưu; nhứt cực bi tâm, chứng hôn mê chi thất tánh. Tự Hán chí Đường lục bách dư tải, tổng lịch quần tịch, tứ thiên dư trụ. Thọ trì thạnh giả, vô xuất thủ kinh. Tương phi cơ giáo tương khấu, tịnh Trí Thắng chi di trần. Văn nhi thâm kính, câu Oai Vương chi dư tích. Triếp ư kinh thủ, tự nhi tông chi. Thứ đắc tảo tịnh lục căn, ngưỡng từ tôn chi gia hội. Tốc hành tứ đức, xu lạc độ chi huyền du. Hoàng tán mạc cùng, vĩnh di chư hậu, vân nhĩ ...

B. TẠM DỊCH

Lời tựa về sự hoàng truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Sa môn Thích Đạo Tuyên ⁽¹⁾ ở núi Chung Nam thuật.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này thống nhiếp bốn ý thị hiện của chư Phật. Bốn kinh này kết tập tại nước Đại Hạ ⁽²⁾ (*Thiên Trúc*), có cả 1.000 năm. Sau truyền qua phương Đông tại nước Chấn Đán ta ⁽³⁾ (*Trung Hoa*) đã trên 300 năm. Bồ tát Đôn Hoàng (*Trúc Pháp Hộ*) ⁽⁴⁾ dịch đầu tiên kinh này tại cửa đông nam thành Trường An ⁽⁵⁾ vào niên hiệu Vĩnh Khương đời vua Huệ Đế nhà Tây Tấn đặt tên là Chánh Pháp Hoa. Sa môn Cưu Ma La Thập ⁽⁶⁾ người nước Qui Tư ⁽⁷⁾ dịch lần kế kinh này vào niên hiệu Long An đời vua An Đế nhà Đông Tấn, nhằm năm Hoằng Thỉ đời Hậu Tần, lấy tên là Diệu Pháp Liên Hoa. Sau lại có hai sa môn ở vùng bắc Thiên Trúc là Xà Na Quật Đa ⁽⁸⁾ và Đạt Ma Cấp Đa ⁽⁹⁾, ngụ tại chùa Đại Hưng Thiện cùng dịch kế tiếp hai bản trước vào niên hiệu Nhơn Thọ đời Tùy cũng lấy tên là Diệu Pháp Liên Hoa.

Ba bốn dịch này phần nhiều có sự trùng lặp, văn từ ý chỉ đều thấy phô bày bổ sung nhau nhưng được người đời kính chuộng và hoằng truyền là bốn dịch đời Hậu Tần. Ngoài ra thì các chi phẩm biệt kệ đều cũng có nguyên lưu, như trong Tự phẩm đã kể, nên không cần phải nhắc lại.

Ôi! Việc Linh Thứu ⁽¹⁰⁾ giáng trần, nếu không phải là bậc Đại Thánh thì không làm sao mà khai hóa được; còn cơ thích hóa, bằng chẳng nhờ duyên trước thì không lấy gì mà chỉ lòng.

Thế nên; chốn Tiên Uyển ⁽¹¹⁾ chuyển Pháp Luân, căn cơ có chia ra đại, tiểu sai khác; nơi Kim Hà thị tịch ⁽¹²⁾ truyền trao, đạo mâu phân làm nửa, trọn (*quyền, thật*) hai khoa. Há chẳng phải là cho dù được giáo huấn đầy đủ các thừa thì cũng không đủ để khảo nhập cao hội Pháp Hoa này.

Vậy mới biết: 5.000 Tỷ kheo rời bỏ pháp hội chính là những nhóm người tăng thượng mạn, còn 500 đệ tử nhận thọ ký, đều là những Bồ tát tích hóa kính chuộng sự khai thị kín ngấm mà phụ tiếp Phật hành hóa vậy.

Vì thế, Như Lai phóng hào quang, hiện điềm lành là mở bày cội nguồn việc thỉnh giáo, còn xuất định biểu dương đức cả chư Phật là nêu rõ Phật huệ (*quyền thật*) cao xa, sâu rộng.

Nhà mục, thông suốt vào trong khuôn phép lớn.

Hóa thành, dẫn dắt chẳng rời lại duyên xưa

Cột châu chéo áo, hiển bày lý tánh luôn còn mãi

Đào giếng chỗ thấp, nêu rõ khai ngộ vốn nhiều bề.

Văn từ nghĩa lý rõ ràng, dẫn dụ biểu thị sâu xa. Nếu đức Như Lai không vì thương xót lớn lao, giúp đỡ rộng khắp, thì làm sao vượt được kẻ đang chìm đắm chốn sông sâu; nếu Ngài không vì lòng từ hết mực, thì lấy gì cứu người hôn mê đang xa rời chân tánh.

Bởi thế, từ Hán đến Đường, hơn 600 năm tổng kết các bộ kinh có trên 4.000 quyển, nhưng được thọ trì hưng thịnh nhất thì không gì qua bốn kinh này.

Phải chăng cơ giáo gặp nhau là để kiêm bị di truyền từ thời Đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ⁽¹³⁾; nghe mà

thâm kính là để thành toàn công đức thừa sót của cổ Phật Oai Âm Vương⁽¹⁴⁾.

Vì vậy, ngay ở đầu kinh kể bày để nêu giềng mối, ngõ hầu sớm sạch sáu căn, mong chờ gặp hội lành của từ tôn Di Lạc (hoặc hội lành Linh Sơn của Từ Tôn Thích Ca); mau thành bốn đức, để nường nẻo mầu thẳng đến cõi cực lạc Tịnh Bang. Lời tán trợ chẳng cùng, mong lưu lại đời sau mãi mãi vậy.

C. CHÚ THÍCH

1. Đạo Tuyên (596 - 667)

Là tăng nhân Trung Quốc đời Đường, người sáng tỏ Luật Tông, học gia về Phật giáo sử, nguyên quán Ngô Hưng (nay là Hồ Châu Chiết Giang, có thuyết nói ông người Đan Đô). Đạo Tuyên họ đời là Tiên, cha từng làm Lại Bộ Thượng Thư triều Trần, mẹ họ Diêu. Đạo Tuyên từ thơ ấu đã nhận được sự giáo dục mực thước của gia đình, 9 tuổi đã biết làm phú. Lúc bấy giờ, nhà Tùy đại hưng Phật giáo nên năm lên 10 Đạo Tuyên đã bỏ nhà lên Trường An vào chùa Nhật Nghiêm thọ nghiệp, năm sau thế phát quy y. Năm 20 tuổi thọ cụ túc giới với đại sư Trí Thủ ở chùa Đại Thiên Định, đồng thời theo môn hạ của đại sư học luật trong 10 năm. Ngoài ra Đạo Tuyên còn lặn lội khắp núi sông bốn phương để mở rộng tầm học hỏi. Trước tác và dịch thuật của sư thật phong phú.

2. Đại Hạ

Là tên gọi có tánh cách tôn xưng nước Thiên Trúc, tức Ấn Độ vậy.

3. Chấn Đán

Tiếng Phạn là Cina-sthàna. Pali là Cina. Lại còn gọi là Chân Đán, Chân Đan, Chấn Đán, Chấn Đan, Chiên Đan, Chỉ Nạn. Cũng còn gọi là Ma Ha Chi Na, Đại Chi Na

Cina, dịch ý là tư duy. Sthana ý dịch là trụ xứ. Đối với các xứ bên Ấn Độ thì từ Chấn Đán chỉ bốn bộ Trung Quốc và các địa phương lân cận của nước này. Nói chung, từ Chấn Đán hay Chi Na chủ yếu chỉ nước Trung Quốc, có ý đề cao nước này là một nước y quan văn vật, người dân có chiều sâu tư duy (*theo cách nghĩ của từ điển người Hoa*).

4. Bồ tát Đôn Hoàng (Dharmarakasa)

Dịch âm là Đàm Ma La Sát gốc gác là người Nguyệt Chi, do vì Ngài sống ở Đôn Hoàng nên có họ là Chi. Năm lên tám xuất gia, theo thầy là sa môn Trúc Cao Tọa ở ngoại quốc nên kể từ đấy đổi họ là Trúc. Người đương thời gọi ngài là “Trúc Pháp Hộ”. Lại xưng Tam Tạng Đôn Hoàng, Bồ tát Nguyệt Chi.

5. Thanh môn

Tức cửa đông nam thành Trường An đời Hán vốn có tên là “Bá Thành môn”. Do vì cửa thành này màu xanh nên tục gọi là “Thanh môn” vậy.

6. Cứu Ma La Thập (344 - 413) hoặc (350 - 409)

Tiếng Phạn là Kumàrajiva, lại gọi là Cứu Mả La Thập, Cứu Ma La Thập Bà, nghĩa là Đồng Thọ, người nước Qui Tư (*Tân Cương Sớ Lạc*) đời Đông Tấn. Là một nhà dịch kinh nổi tiếng ở Trung Quốc (*Trung lược*),

được Diêu Hưng đánh lễ tôn làm quốc sư, Ngài cùng với Tăng Khải, Tăng Nghiêm ... ở vườn Tiêu Dao làm công tác phiên dịch kinh điển kể từ tháng 4 năm Hoàng thỉ thứ 5 (403) đời Hậu Tần. Ngài La Thập trước sau dịch ra các bộ như: Trung Luận, Bách Luận, Thập nhị môn Luận (gọi chung là *Tam Luận*), Bát Nhã, Pháp Hoa, Đại Trí Độ Luận, A Di Đà kinh, Duy ma kinh, Thập tụng Luật ... Ngài viên tịch vào năm Nghĩa Hi thứ 9 thọ 70 tuổi (hoặc có thuyết nói là năm Nghĩa Hi thứ 50).

7. Qui Tư

Tiếng Phạn Kucina là một cổ quốc ở Tây vực đời Hán, lại gọi là Khu Tư, Qui Tư, Khuất Chi, Câu Di, Khúc Tiên, Khổ Xoa, nay gọi là Khố Xa (*Kucha*).

8. Xà Na Quật Đa (523 - 600)

Tiếng Phạn jnànagupta nghĩa là Chi Đức, Đức Chí, Phật Đức, Chí Đức. Là vị tăng thời Trần Tùy, nguyên quán nước Kiền Đà La ở bắc Ấn Độ. Thuở nhỏ vào chùa Đại Lâm xuất gia, thờ hai ngài Xà Na Da Xá và Xà Nhã Na Bạt Đạt La làm thầy. Sau tuần tự đánh lễ thánh tích, đến khắp các nơi để hoằng pháp. Ngài từng tới những nước như: Ca Tỳ Thi, Vu Điền, Yểm Đát ... (*Trung lược*). Pháp tịch dời đến chùa Đại Hưng Thiện dịch ra các bộ như: Phật Bản Hạnh Tập kinh, Đại Pháp Cự Đà La Ni kinh cùng Cấp Đa dịch và thêm phẩm trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Khởi Thế kinh. Tính ra có 37 bộ, 176 quyển. Ngài thị tịch vào năm Khai Hoàng thứ 20 thọ 78 tuổi.

9. Đạt Ma Cấp Đa (? - 619)

Tiếng Phạm Pharmagupta lại dịch là Đạt Ma Quật Đa, Cấp Đa, Pháp Mật, Pháp Tạng. Là một tăng nhưn dịch kinh đời Tùy, người nước Ra La nam Ấn Độ, giòng họ Sát Đế Lợi. Năm 23 tuổi xuất gia ở trong một ngôi Tăng Già Lam tên là Cửu Mậu Địa thuộc miền Trung Ấn. Năm 25 tuổi thọ giới cụ túc. Sau cùng đồng bạn cả thầy 6 người sang phương đông truyền pháp. Trải qua các vùng như: Sa Lạc, Qui Tư, Ô Kỳ, Cao Xương, Y Ngô, Qua Châu. Mãi đến năm Khai Hoàng thứ 10 (590) Ngài mới tới kinh đô Trường An. Đồng bạn có người chết, có người thì ở lại dọc đường. Lúc vào kinh thành thì chỉ có một mình Ngài. Sau phụng sắc vua trụ tại chùa Đại Hưng Thiện (*Đại Hưng*). Năm Đại Nghiệp thứ 2 (606) cùng với Xà Na Quật Đa (jnānagupta) lập ra viện dịch kinh ở Lạc Dương (*là cơ cấu dịch kinh do quan tổ chức*). Dịch ra những bộ như: Đại Tập Niệm Phật, Nhiếp Đại thừa Luận ...

10. Linh Nhạc

Tức Linh Thứu Skt Grdhakūta. Pali Gijjhakūta dịch âm là Xà Quật, tọa lạc tại phía đông bắc thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà thuộc miền Trung Ấn, gọi tắt là Linh Sơn, Thứu Phong, Linh Nhạc. Vì ngọn núi có hình tựa như đầu con chim thứu, lại do trong núi ấy có rất nhiều chim thứu nên có tên thế. Đức Như Lai đã từng ở núi này giảng kinh Pháp Hoa và các kinh đại

thừa khác. Ngày nay trở thành nơi danh thắng của Phật giáo Ấn Độ (*núi Linh Thứu cũng đọc là Linh Tự*).

11. Tiên Uyển

Là nơi chuyển pháp luân đầu tiên sau khi Đức Thích Tôn thành đạo. Nay là Sa Nhĩ Na Tư Sàrmàth nghĩa là Lộc chủ, tiếng Skt Sàranganàtha, thuộc vùng bắc Ấn cách Lạp Na Tây thị (varanasi) 6km. Lại dịch là Tiên Nhơn Lộc Dã Uyển, Tiên Nhơn Viên, Lộc Dã Uyển (Mrgadaàva) Tiên Uyển là vì vườn này xưa kia là nơi cổ tiên thánh cư ngụ.

12. Kim Hà

Là vùng ngoài thành Câu Thi Na Yết La (Skt kusiganara P.kusinara) thuộc trung Ấn Độ là nơi Đức Phật thị tịch dưới gốc hai cây sa la bên bờ sông. Vì nơi đây sản sanh diêm phù kim cho nên gọi là Kim Hà.

13. Đại Thông Trí Thắng Phật

Đại Thông Trí Thắng (Mahàbhijn-jnākhìbhù) lại gọi là Đại Thông Huệ Như Lai. Vốn là tên của vị Phật diễm nói kinh Pháp Hoa, xuất hiện từ 3.000 kiếp bụi trần trở về trước.

Theo phẩm Hóa Thành Dụ quyển 3, kinh Pháp Hoa chép: “Vô lượng vô biên bất khả tư nghì, a tăng kỳ kiếp ở đời quá khứ có vị Phật tên là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Đức Phật này khi chưa xuất gia có 16 vị vương tử. Sau khi phụ vương thành đạo thì 16 vị vương tử này đều xuất gia làm Sa di, nghe Phật Đại Thông Trí Thắng giảng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà tín nhận phụng hành. Sau mỗi vị cũng lên pháp tòa

diễn nói rộng kinh này, mỗi người đều hóa độ 600 vạn ức na do tha hằng hà sa số chúng sanh được thành quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiện thân ở khắp mười phương mà nói pháp. Vô lượng trăm ngàn ức Bồ tát, Thanh Văn là quyến thuộc của vị Sa di thứ 16 trong các vương tử, tức là Đức Thích Ca Như Lai. Do vì Thế Tôn là vương tử ở đời quá khứ của Phật Đại Thông Trí Thắng nên thính chúng trong hội Linh Sơn đều là chúng kết duyên của Đức Đại Thông Như Lai này.

14. Oai Âm Vương Phật

Oai Âm Vương (Bhṛtstma - Garjitasvararāja) lại gọi là

Tịch Thụ Âm Vương Phật, chính là tên Phật đầu tiên trong kiếp Trang Nghiêm đời quá khứ. Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát, quyển 6, kinh Pháp Hoa chép: “Thuở xa xưa, vô lượng vô biên bất khả tư nghì a tăng kỳ kiếp có Đức Phật tên là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, kiếp tên Ly Suy, nước tên Đại Thành, Phật Oai Âm Vương vì trời, người, Atula, mà nói pháp tại thế giới đó.

Sau này Thiên Tông dùng danh hiệu của Đức Phật ấy để chỉ bày thời cổ đại xa xăm. Lại đem “Oai Âm Vương Phật” trở về trước để dụ cho cảnh giới tinh thần thuần chánh của nhân loại vậy.

D. TỐI LƯỢC GIẢI DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (Skt Saddharma-pundanka Sūtra) gồm 7 (hoặc 8) quyển do Ngài Cưu Ma La Thập đời Hậu Tần dịch, nay thu vào quyển 9 Đại Chính Tạng. Diệu Pháp Liên Hoa là một trong các bộ kinh chủ yếu của Phật giáo đại thừa, gồm có 28 phẩm. “Diệu Pháp” ý muốn nói giáo pháp mà Đức Phật tuyên thuyết thật vi diệu, vô thượng. “Liên Hoa Kinh” có nghĩa kinh điển này trong sạch, hoàn mỹ như hoa sen. Theo suy tính thì nguyên điển kinh này được thành lập trước tây lịch. Chủ chỉ kinh này cho rằng các phái Tiểu Thừa Phật giáo quá coi trọng về hình thức, xa lìa chân ý của giáo nghĩa. Do đó để nắm bắt lại tinh thần thật sự của Phật Đà mà phải thái dụng các thủ pháp văn học như thi kệ, thí dụ, tượng trưng để mà tán thán sự vĩ hăng của Phật Đà, là vị Phật thật sự thành đạo thời xa xưa, đồng thời xưng tụng Đức Phật từ khi thành chánh quả đến nay, thọ mạng vô hạn, hiện đủ loại hóa thân, dùng vô số phương tiện để tuyên thuyết vi diệu pháp. Trọng điểm của kinh Pháp Hoa là hoằng dương “Tam hữu qui nhất”, tức tam thừa Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát qui về một Phật Thừa, hầu điều hòa các loại thuyết pháp của Đại Tiểu Thừa; cho rằng tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật. Biểu hiện của kinh Pháp Hoa tuy mang tính văn học, nhưng chủ chỉ lại khế nhập tư tưởng chân thật mà Phật Đà đã tuyên thuyết. Niên đại thành lập các phẩm tuy có sai khác nhau, nhưng nhìn chung vẫn không mất tính thống nhất hồn nhiên, ở cả Phật giáo tư tưởng sử và Phật giáo văn học sử đều đủ đầy giá trị bất hủ.

Dịch Diệu Pháp Liên Hoa kinh ra chữ Hán gồm có 6 loại, nhưng ngày nay chỉ còn tồn tại ba loại sau đây:

a. Chánh Pháp Hoa Kinh 10 quyển, 27 phẩm do Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ dịch (286) (*theo bài tựa của Đạo Tuyên là năm 300*).

b. Diệu Pháp Liên Hoa kinh 8 quyển do Cưu Ma La Thập dịch (406).

c. Thêm phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh 8 quyển 27 phẩm (có thêm phẩm) do Xà Na Quật Đa và Đạt Ma Cấp Đa cùng dịch (601).

Trong ba quyển này thì Chánh Pháp Hoa được đánh giá tối tường mật, Diệu Pháp Liên Hoa tối giản ước, nhưng lại được lưu truyền rộng rãi, được mọi người đọc tụng.

E. Chú giải tạm bài tựa của Ngài Đạo Tuyên

1. Nguyên văn: Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hồng Truyền Tự

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là áo tạng thâm sâu, là căn nguyên nhất hóa. Bốn ý Như Lai xuất hiện thế gian là thuyết kinh này để khai thị chúng sanh nhập Phật tri kiến, rốt ráo thành Phật. Vì e ngại tiểu cơ không thể nghe hiểu nổi kinh này, nên trước hết Phật chỉ thuyết tứ thời quyền pháp, đợi 40 năm sau mới nói kinh này, hầu khai thị quyền tạm 9 cõi cùng qui về lẽ thật của đạo. Diệu Pháp là pháp, còn Liên Hoa là thí dụ. Diệu chỉ bất khả tư nghì, Pháp chỉ pháp quyền thật của Thập Giới, diệu pháp khó hiểu còn thí dụ thì dễ thông. Liên

tử (*hạt sen*) dụ cho quả. Liên biện (*cánh sen*) dụ cho nhân. Duy chỉ có sen là hoa và quả đồng một lượt nên dùng để thí dụ cho quyền thật nhứt thể, nhân quả đồng thời. Cửu giới là quyền, Phật giới là thật. Nếu thấu được quyền thật nhứt thể thì hiểu chúng sanh và Phật nhứt như, minh tâm kiến tánh, thành Phật tức khắc.

Viết bài tựa Hoằng Truyền này, ý luật sư Đạo Tuyên muốn quyển kinh này được lưu truyền vô cùng vô tận.

2. Nguyên văn: Đường Chung Nam sơn Thích Đạo Tuyên thuật

Đường tức nhà Đại Đường do Lý Thế Dân sáng lập, là thời đại mà ngài Đạo Tuyên sống. Chung nam sơn ở tại huyện Vũ Cống thành Trường An ở Thiểm Tây. Núi này từ hướng Bắc chạy tới, thế cùng tại Nam nên mới gọi là Chung Nam (*dứt cùng tại Nam*).

Thuật là trước thuật. Xưa các bậc thánh triết trước tác, còn các bậc tiên hiền thì thuật. Chữ thuật hàm ý “thuật nhi bất tác”, tức luật sư khiêm nhường cho rằng mình chỉ thuật chứ không trước tác.

3. Nguyên văn: Diệu Pháp Liên Hoa kinh giả, thống chư Phật giảng linh chi bốn trí giả

“Thống” là tổng kết, “Giảng linh” nghĩa như giảng thần, “Trí” tức là thú hưởng. Chư Phật đều từ cung Đâu Suất giảng thần, xuất hiện ở thế gian. Bốn hoài trí thú của các Ngài đều không ngoài mục đích khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến, thọ ký cho chúng sanh thành Phật nối tiếp mình. Tất cả những điều kể

trên là bốn ý xuất thế của chư Phật nên mới gọi là “Bốn trí” vậy.

4. Nguyên văn: Uẩn kết Đại Hạ, xuất bỉ thiên linh. Đông truyền Chấn Đán, tam bách dư tải

Uẩn kết là kết tập. Đại Hạ là tên gọi tôn xưng nước Thiên Trúc, tức Ấn Độ. Đức Phật sinh vào năm thứ 24 đời Chiêu Vương nhà Chu, thị diệt vào năm thứ 52 đời Chu Mục Vương. Kể từ lúc các đệ tử Phật như ngài A Nan kết tập đại tiểu kinh, luật, luận tạng trong đó có kinh Pháp Hoa cho đến đời Hoằng Thỉ nhà Hậu Tần là lúc Cưu Ma La Thập dịch kinh (406) kể có 1.000 năm. Do đó mới nói “Xuất bỉ thiên linh” có nghĩa là “xuất hiện cả 1.000 năm”.

Hai sư Ma Đằng và Pháp Lan mang kinh (*trong số có kinh Pháp Hoa*) và tượng Phật từ Tây Trúc qua Trung Quốc vào năm Vĩnh Bình thứ 10 đời vua Minh Đế nhà Đông Hán (67). Đạo Tuyên viết lời tựa kinh Diệu Pháp Liên Hoa do Cưu Ma La Thập dịch thì phải lấy năm Cưu Ma dịch làm mốc. Đó là năm Hoằng Thỉ thứ 8 đời Hậu Tần (*Diêu Tần*) tức năm 406. Vậy từ năm Vĩnh Bình thứ 10 nhà Đông Hán (*năm 67 sau Tây lịch*) đến năm thứ 8 Hoằng Thỉ Hậu Tần (*năm 406 sau Tây lịch*) thì quả là hơn 300 năm. Do đó mới nói: “Đông truyền Chấn Đán, tam bách dư tải”.

5. Nguyên văn: Tây Tấn Huệ Đế Vĩnh Khang (Khương) niên trung Trường An Thanh Môn, Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ giả, sơ phiên thử kinh, danh Chánh Pháp Hoa.

Huệ Đế nhà Tây Tấn là con thứ hai của Vũ Hoàng Đế Tư Mã Viêm. Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ dịch kinh này đầu tiên vào niên hiệu Vĩnh Khang đời vua Huệ Đế (300) tại Thanh Môn Trường An là ở phía đông thành Lạc Dương khi xưa, được Hán Cao Tổ đổi lại là Trường An. Theo Phật Quang Đại Từ Điển, căn cứ quyển 7, 8, 9, 13 Xuất Tam Tạng Ký Tập, quyển 1 Lương Cao Tăng Truyện, quyển 2 Đại Đường Nội Điển Lục, quyển 11 Lịch Đại Tam Bảo Ký, quyển 11 Khai Nguyên Thích Giáo Lục, quyển 8 hạ Pháp Hoa Văn Cú, quyển 24 Duyệt Tạng Tri Tân thì Đôn Hoàng Bồ Tát Trúc Pháp Hộ dịch kinh Chánh Pháp Hoa vào năm thứ 7 niên hiệu Thái Khang đời vua Tấn Vũ Đế nhằm năm 286, khác biệt với bài tựa của Đạo Tuyên 14 năm.

7. Nguyên văn: Đông Tấn An Đế Long An niên trung, Hậu Tần Hoằng Thỉ, Qui Tư sa môn Cưu Ma La Thập, thứ phiên thử kinh, danh Diệu Pháp Liên Hoa

Hậu Tần là một trong 16 nước nhỏ thời Tấn. Người bộ tộc Khương tên Diêu Đặc Trọng được nhà Tấn phong làm Cao Lăng quận công. Người con thứ 5 của Trọng tên Tương tự xưng Đại Thiên Vu bị Tần Phù Kiên giết chết. Người con thứ 24 của Trọng tên là Thành giết Phù Kiên lập nên nước Hậu Tần. Nhà Tấn tự Nguyên Đế đóng đô ở Kiến Khương được sử sách gọi là Đông Tấn. Năm Long An đời vua thứ 10 nhà Đông Tấn An Đế là năm Hoằng Thỉ thứ 8 nhà Hậu Tần (còn gọi là Diêu Tần, 406). Ngài Cưu Ma La Thập là

người thứ nhì dịch kinh này và đặt tên là Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

8. Nguyên văn: Tỳ thị Nhân Thọ, Đại Hưng Thiện tự bắc Thiên Trúc sa môn Xà Na, Cấp Đa, hậu sở phiên giả, đồng danh Diệu Pháp

Tỳ thị: Tỳ Cao Tổ Văn Hoàng Đế Dương Kiên được nhà Chu trao ngôi, đóng đô Trường An, đặt quốc hiệu là Tỳ nên gọi là Tỳ thị. Nhân Thọ là niên hiệu Văn Đế nhà Tỳ.

Bắc Thiên Trúc: Thiên Trúc là nước Ấn Độ chia ra làm 5 vùng là đông, tây, nam, bắc và trung. Vậy Bắc Thiên Trúc là vùng bắc Ấn Độ. Xà Na, Cấp Đa là hai vị sư miền bắc Ấn Độ đến Trung Hoa trụ tại chùa Đại Hưng Thiện dịch kinh này thành 8 quyển đặt tên là: “Thiền Phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”, so với hai bản dịch đời Tấn và Hậu Tần thì có sắp xếp, dời đổi, thêm thắt 5 chỗ: Thứ nhất so với 2 bản Tấn Tần thêm hậu kệ tự vào phẩm Phổ Môn. Thứ hai so với Tần bản thêm toàn văn Nhựt Quang dụ sau phẩm Dược Vương. Thứ ba hiệp phẩm Thiên Thụ vào phẩm Bảo Tháp. Thứ tư dời phẩm Chúc Lụy sau phẩm Phổ Hiền. Thứ năm đưa trở lại phẩm Đà La Ni sau phẩm Thần Lực.

Bản dịch Pháp Hoa Quý Nghi của Bất Không đời Đường cũng giống như Thiền phẩm, tức khác xa bản dịch của Cưu Ma La Thập.

9. Nguyên văn: Tam kinh trùng đạ, văn chỉ hồ trần, thời sở tông thượng, giai hoàng Tần bốn

Một quyển kinh mà tới ba lần dịch cho nên gọi là trùng đạp, tức giẫm chân nhau. Văn từ chỉ thú trần thuật bổ sung nhau như Thập Như thị Tấn bản không có mà Tần bản thì có. Như văn nửa đoạn sau của Dược Thảo Dụ thì hai bản Tấn Tùy đều có, nhưng bản Tần thì không. Lại nữa Tần bản đặt Chúc Lụy làm phẩm 22, còn Tùy bản thì đặt thành phẩm sau cùng. Tông thượng là sùng ái tôn trọng. Kinh này được dịch tới ba lần, nhưng xưa nay người ta chỉ tôn sùng hoằng truyền bản dịch đời Diêu Tần (*Hậu Tần*) của Ngài Cưu Ma La Thập.

10. Nguyên văn: Tự dư chi phẩm, biệt kệ, bất vô kỳ lưu, cụ như Tự lịch, cố sở phi thuật

Ngoài ba bản dịch Tấn, Tần, Tùy ra, kinh này còn được nhiều người dịch chỉ một hai phẩm, vài bài kệ như Đạt Ma Ma Đề vào năm Vĩnh Bình Tề Vũ dịch “Đề Bà Đạt Đa phẩm kinh” một quyển. Do chi phân khác nhau cho nên mới gọi là “chi phẩm”. Ngoài ra Xà Na Quật Đa dịch riêng một quyển “Phổ Môn phẩm trùng tụng kệ” cho nên mới gọi là “biệt kệ”. Như vậy tuy chi phẩm biệt kệ bất đồng, nhưng đều có đủ nguyên lưu gốc gác như phần Tự phẩm của kinh đã ghi, nên không trần thuật lại.

11. Nguyên văn: Phù dĩ Linh Nhạc giảng linh, phi Đại Thánh vô do khai hóa. Thích hóa sở cập, phi tích duyên vô dĩ đạo tâm

Phù là từ ngữ đứng đầu câu.”Dĩ Linh Nhạc giảng linh, phi đại thánh vô do khai hóa” ý nói cơ mầu hóa

đạo ở Linh Sơn đều do uẩn kết mỹ tú anh linh mà giảng sinh và nếu không phải do Đức Thế Tôn động dụng thần thông, tuyên dương trí biện thì làm sao mà khai đạo hóa độ chớ? Lời này muốn nói phải xứng hợp với cơ duyên “Thích hóa sở cập, phù tích duyên vô dĩ đạo tâm” có nghĩa dù là bậc đại thánh, cũng không thể hóa độ xứng thích kẻ vô căn duyên bởi những người đủ cơ duyên được hóa độ tại Linh Sơn hôm nay vốn là những người từng nghe Đức Phật lúc còn là Vương tử thứ 16 giảng qua kinh Pháp Hoa này từ thời Đại Thông Phật mà phải đến bây giờ mới diệu ngộ. Do đó muốn thích ứng với chuyện hóa độ thì nếu những ai từ trước không có căn duyên thì Đức Phật cũng không có nhân để khai dẫn tâm họ. Toàn câu muốn nói căn duyên phải xứng hợp với ứng hóa vậy.

12. Nguyên văn: Sở dĩ Tiên Uyển cáo thành, cơ phân tiểu đại chi biệt. Kim Hà cố mệnh, đạo thù bán mãn chi khoa, khởi phi giáo bị thừa thời, vô túc hạch kỳ cao hội

Tiên Uyển cáo thành: Tiên Uyển tức Lộ Uyển, nơi Đức Thích Ca sau khi đắc đạo sơ chuyển pháp luân giảng Giáo Tứ Đế cho nhóm các ông Tỷ kheo Kiều Trần Như. Cáo thành có nghĩa là lấy phương pháp tự tu tự chứng của mình, chuyển hướng sang người khác, khiến họ tu thành đạo quả, tự tha đều tịnh chứng. Cơ phân đại tiểu chi biệt: phép thuyết pháp phải ứng bị căn cơ. Căn cơ chúng sanh có lợi, độ không giống nhau nên phải phân ra đại tiểu mà ứng phó. Kim Hà là vùng ngoài thành Câu Thi Na (Kusinara) nơi Đức Phật

thị tịch. Cố mệnh là lời phó chúc dặn dò lại khi lâm chung. Vậy Kim Hà cố mệnh hàm nghĩa phổ quát chỉ lúc sắp thị tịch. Phật sắp nhập diệt truy thuyết tứ giáo phân hai khoa: sự đồng Phương Đẳng tàng ẩn thành bán tự giáo (*Quyền*), còn thông biệt thì hiển bày thành mãn tự giáo (*Thật*). Do đó mới nói: “Đạo thù bán mãn chi khoa”. Trước nói Tiên Uyển, sau nói Kim Hà là ý nêu toàn bộ trước sau một việc hóa độ, để nhiếp thu khoảng giữa hai thời kỳ Phương Đẳng, Bát Nhã. Do đó tổng kết lại mới gọi là “Giáo bị thừa thời”. Bốn thời thuyết giáo phía trước như Hoa Nghiêm, Lộc Uyển, Phương Đẳng, Bát Nhã tuy là bị cơ thừa thời, nhưng ước bộ mà nói, đều thuộc phần quyền, không đủ để khảo hạch phần thật ở cao hội Pháp Hoa này. Cao hội Pháp Hoa chỉ nói phần thật. Pháp Hoa công cao nhất hóa, lý quán mọi kinh, phải nói là “Tối vi đệ nhất”. Lời của luật sư Đạo Tuyên, có thể trưng chứng được vậy.

13. Nguyên văn: Thị tri ngũ thiên thoái tịch, vi tấn tăng mạn chi trừ, ngũ bách thọ ký, câu sùng mật hóa chi tích

Phương Tiện phẩm kể Đức Phật đã đạt được hai trí quyền thật của chư Phật, thậm thâm, tối nan giải nan nhập. Xá Lợi Phất do nghi bèn hỏi thì Như Lai không sẵn sàng đáp ứng giải thích ngay, nhưng tới khi Xá Lợi Phất yêu cầu tới lần thứ ba Đức Phật nhận lời, vừa định tuyên thuyết thì có bọn năm ngàn người liền rời khỏi pháp hội ra đi. Như Lai quở họ “Bọn người đó tội căn sâu nặng, lại là loại tăng thượng mạn, rút lui cũng tốt thôi”. Tuy là quở các người đó nhưng thật sự là sách

tấn những người tuy cũng là tăng thượng mạn nhưng còn ngồi lại pháp hội không sanh tâm thối lui. Thế là đám đệ tử 500 người như Phú Lô Na ... là những Bồ tát thâm vị, nay nội bí ngoại hiển là tích hóa Thanh Văn, nay đến pháp hội lại được thọ ký thành Phật. Đó là những Bồ tát tích hóa sùng kính sự mật thị của Phật mà giúp ngài hành hóa (Tích: thật tướng chư pháp như như bình đẳng, nhưng nếu có thiên chấp, thì nơi nơi phân biệt nào xấu tốt, thật giả, sang hèn, do đó mà thích lập giáo môn phương tiện như tạm mượn danh mục của chúng sinh hay Bồ tát, hoặc khéo léo lập ra thứ bậc tu hành. Tất cả các giáo môn đó đều gọi là “Tích” dùng để hóa đạo chúng sinh vào pháp giới nhất chân vô nhị).

Thân Phật và Bồ tát từ sơ địa trở lên đều do thân thật biến tác thành nhiều ứng hóa thân, để hóa độ chúng sanh. Do đó cũng có người cho rằng tất cả pháp mà Đức Thích Ca dùng để thi hóa lợi sanh là “Tích”.

14. Nguyên văn: Sở sĩ phóng quang hiện thụy (thoại), khai phát thính chi giáo nguyên

Trong Tự phẩm có nói Đức Như Lai sau khi đã nói xong kinh Vô Lượng Nghĩa rồi liền nhập định phóng hào quang trắng hiện đủ sáu điềm lành, khiến cho Di Lặc hoài nghi mà xin Văn Thù quyết đáp. Qua đó biết rằng phóng hào quang, hiện điềm lành là bốn nguyên khai phát khái thính thuyết giáo vậy.

15. Nguyên văn: Xuất định dương đức, sùng Phật huệ chi hồng lược

Phẩm Phương Tiện ghi: Như Lai từ tam muội an tường đứng lên, tán dương công đức quyền thật nhị trí của chư Phật, ý khiến chúng sinh khai thị ngộ nhập Phật tri kiến và chững đó thì Phật huệ hồng viển phương lược sẽ thông suốt. Phật huệ nói đây tức là nhị trí quyền thật ngũ nhãn viên kiến của Phật vậy.

16. Nguyên văn: Hũ trạch thông nhập đại chi văn quỹ

Hũ trạch dụ cho tam giới sanh tử. Nhập đại: tức do ba xe nhỏ (*tam thừa*) dẫn nhập xe lớn bò trắng (*nhất thừa*), có nghĩa do tam thừa qui nhất Phật thừa.

Văn quỹ dụ cho diệu pháp khai quyền hiển thật của kinh Pháp Hoa như trong phẩm Thí Dụ kể chuyện trưởng giả dùng ba xe nhỏ dê, hươu và bò thường để dẫn dụ mấy đứa con. Kịp đến khi chúng ra khỏi căn nhà cháy đều ban cho xe lớn bò trắng. Điều này dụ cho ở Lộ Uyển ban đầu vì Thanh Văn quyền tạm nói cho nghe pháp độ tam thừa là Tứ Đế, Thập Nhị nhân duyên, khiến họ tu tập mà ra khỏi tam giới sanh tử.

Đợi đến Pháp Hoa mới khai quyền hiển thật, chỉ nói pháp nhất thừa viên thật hầu khiến tất cả khai thị ngộ nhập Phật tri kiến. Cho nên kinh mới nói: “Như Lai ban đầu dùng tam thừa dẫn đạo chúng sanh, rồi sau đó mới dùng đại thừa mà độ thoát cho, ví như thuở thiên hạ thái bình đại trị, sách vở cùng một thứ văn tự, xe cùng khoảng cách hai đầu trục (quỹ) tức về ước pháp thì giống như văn viên giáo nhất thật, còn ước dụ thì giống như khoảng cách hai đầu trục quỹ xe. Há chẳng phải là thí dụ nhân nhà cũ mà đốt bỏ đó sao? Đó chính

là giáo thuyết dẫn nhỏ đi vào lớn. do đó mới nói “Thông nhập đại chi văn quỹ”.

17. Nguyên văn: Hóa thành dẫn tích duyên chi bất trụ

Phẩm Hóa Thành Dụ chép: Có một đạo sư dẫn số đông người đi qua hiểm đạo rộng tới 500 do tuần định đến bảo sở. Số người kia đi tới nửa đường mệt mỗi quá định trở bước. Đạo sư bèn hóa ra một cái thành bên ngoài đường hiểm để cho họ tạm nghỉ ngơi, sau đó diệt Hóa Thành khiến họ đến được bảo sở. Đạo sư dụ cho Phật, chúng nhân dụ cho nhị thừa, đường hiểm dụ cho tam giới sanh tử, 500 do tuần dụ cho tam hoặc phiền não: Nhứt kiến tư hoặc là phiền não bên trong của tam giới dụ cho 300. Nhị trần sa hoặc và tam vô sinh hoặc là phiền não bên ngoài của tam giới, mỗi thí dụ cho 100. Cộng chung là 500 do tuần. Ra khỏi 500 do tuần kia là đến bảo sở. Bảo sở dụ cho Phật giới. Bởi Phật nhận thấy căn cơ nhị thừa nghe chuyện lớn là thoái lui, nghe điều nhỏ là tiến tới nên mới ngoài tam giới quyền tạm thuyết nhị thừa quả chính, sau mới khiến vào Phật quả, cho nên mới nói “Khi xa xưa lúc Đức Phật còn ở cương vị Vương tử thứ mười sáu cũng đã giảng kinh Pháp Hoa. Lúc bấy giờ những kẻ nghe kinh đều tự gieo mầm thiện căn đại thừa. Vương tử nay đã thành Phật đạo, trước quyền tạm nói tiểu pháp cho họ, khiến chứng quả nhị thừa, chưa phát đại tâm, như khi tạm dừng ở hóa thành. Chừng nghe thuyết Pháp Hoa mới nhập Phật đạo, thọ ký thành Phật, há chẳng phải dụ

Hóa Thành chính là dẫn dắt kẻ tích chứa từ xưa duyên chủng đó sao? Thế cho nên mới nói là “Bất trụ”.

18. Nguyên văn: Hệ châu minh lý tánh chi thường tại

Hệ châu là gài ngọc trong chéo áo. Bọn ông Trần Như 500 đệ tử sau khi được thọ ký, hối hận tự trách giống như người bạn say rượu trong truyện “Gài ngọc trong chéo áo”, cho nên mới lấy Hệ châu làm thí dụ!

Ngọc là đại thừa duyên chủng, bởi khi xưa Đức Phật ở đời Phật Đại Thông, từng lấy đại pháp dạy chúng sanh khiến phát tâm gieo xuống hạt nứt thừa, nhưng trải nhiều kiếp rồi đã quên khuấy đi, không hiểu, không biết. Nay được thọ ký Pháp Hoa mới biết mầm duyên chưa mất, lý tánh vẫn luôn còn nguyên, như chuyện kể anh chàng nhà nghèo kia đến nhà bạn thân rất giàu uống rượu. Khi anh ta đã say mèm, nằm lăn ra mà bạn có việc quan gấp cần đi mới lấy viên ngọc cực quý cài trong chéo áo anh ta để giúp đỡ. Sau đó anh chàng nợ tỉnh lại mà không biết trong chéo áo mình có viên ngọc quý vẫn kéo lê cuộc sống nghèo khổ, làm lụng vất vả kiếm từng đồng tiền bát gạo mà tự cho là đủ, đến chừng gặp lại bạn được chỉ cho mới biết viên ngọc quý trong áo vẫn còn. Do đó mới nói: “Hệ châu minh lý tánh chi thường tại”.

19. Nguyên văn: Tạc tỉnh hiển thị ngộ chi đa phương

Phẩm Pháp sư chép Phật kể thí dụ như có người khát quá cần uống mà lại đào giếng ở chỗ cao nên chỉ

thấy đất khô biết là nước còn xa, phải đào vát vả nhưng không dám chán nản, cố đào qua lớp đất khô, rồi tiếp đến lớp đất bùn thì biết là đã gần chỗ có nước nên tâm chí càng kiên quyết đào tới, dù cho người tại gia hay xuất gia, nếu chưa nghe hiểu tư duy mà tu tập kinh này thì người đó còn xa A Nậu Bồ Đề. Nếu nghe hiểu ý kinh mà tu tập thì người đó sẽ gần A Nậu Bồ Đề. Phật dùng đủ mọi thứ phương tiện giáo hóa mới có thể giúp ngộ nhập, cho nên mới nói: “Thị ngộ chi đa phương”.

20. Nguyên văn: Từ nghĩa uyển nhiên, dụ trần duy viễn

Ý nói văn từ nghĩa lý đã rõ ràng phù hợp, mà qua các thí dụ phô bày, thì chỉ ý toàn kinh lại u viễn.

21. Nguyên văn: Tự phi đại ai khuếch tế, bạt trợ nịch chi trầm lưu. Nhứt cực bi tâm, chủng hôn mê chi thất tính

Chúng sinh trệ trước chư hữu, chìm đắm ái hà. Đám chìm trôi kia nếu không nhờ Đức Như Lai hưng đại ai lân, rộng lòng cứu vớt thì làm sao ra khỏi khổ sinh tử để có được an vui chốn Niết Bàn. Lại chúng sanh bị màn vô minh che khuất, hôn mê điên đảo, nếu không nhờ Đức Như Lai trọn lòng từ bi thì làm sao ra khỏi đen tối chốn hôn mê, mà phục hồi sáng trong của chơn chánh.

22. Nguyên văn: Tự Hán chí Đường, lục bách dư tải. Tổng lịch quần tịch, tứ thiên dư trục, thọ trì thạnh giả, vô xuất thử kinh

Từ năm thứ mười niên hiệu Vĩnh Bình (67) nhà Đông Hán, Phật giáo du nhập Trung Quốc và có lẽ kinh Pháp Hoa cũng được truyền sang vào thời kỳ này. Từ thời kỳ này sang đến Đông Tấn là 352 năm. Kế nhà (Litu) Tống tiếp theo 59, rồi Tề 23 năm, Lương 55 năm, Trần 33 năm, Tùy 37 năm, rồi từ Đường Cao Tổ đến Đường Cao Tông năm thứ hai là năm luật sư Đạo Tuyên thị tịch là 50 năm. cộng chung lại là 609 năm cho nên mới nói “Lục bách dư tải”. Tuy nhiên chưa ai khảo chứng được luật sư viết bài tựa này vào năm nào đời Đường nên con số 600 là con số tròn chung chung. Trong thời gian này số kinh Phạn dịch ra Hán ước có hơn 4.000 quyển, nhưng được thọ trì thịnh hành như không gì qua kinh này.

23. Nguyên văn: Tương phi cơ giáo tương khấu, tịch Trí Thắng chi di trần, văn nhi thâm kính, câu Oai Vương chi dư tích

Cơ giáo tương khấu: cơ là sở hóa cơ, giáo là năng bị giáo, khấu là gỡ. Cơ giáo tương khấu ý nói cơ tạo thuận duyên cho giáo, còn giáo thì hoàn bị cơ, cơ giáo cùng kích động nhau. Cơ thuận duyên cho giáo giúp vét trọn, độ tận những loại căn cơ từng trước đây theo nghe dưới chỗ Phật Đại Thông Trí Thắng, cùng gieo mầm nhất thừa. Sau đó kể lợi căn thượng trí vào thời kỳ đầu và giữa đã đắc đạo. Kể độn căn thời kỳ giữa bỏ đến nay đều được Đức Phật xu xếp từng phần, tới thời Vương Xá Thành, đều cũng được đắc đạo. Những kẻ sau nữa đang thọ trì kinh này, há chẳng phải là những kẻ trì độn nhất cũng từng gieo mầm thiện trước kia đó

ru? Trước thấy nhiều, nay nhìn lại ít quá, nào khác chi bụi sót lại của thời Phật Đại Thông Trí Thắng. Do đó mới nói: “Trí Thắng chi di trần”. Sau hết nếu ai nghe kinh này mà kính trọng tin tưởng không nghi ngờ hủy báng, là đã thành toàn công đức còn dư thừa không xem nhẹ gieo mầm duyên đại thừa của Phật Oai Âm.

24. Nguyên văn: Triếp ư kinh thủ, tự nhi tông chi

Luật sư viết lời tựa này ở đầu sách là để tổng quát chỉ ý của kinh hầu giúp kẻ trì tụng hiểu rõ nghĩa chương pháp dụ có thứ lớp chớ không loạn tạp như vậy.

25. Nguyên văn: Thứ đắc tảo tịnh lục căn, ngưỡng từ tôn chi gia hội, tốc thành tứ đức, thú lạc độ chi huyền du

Ý nói kẻ trì tụng kinh này nếu hiểu được đạo chỉ toàn bộ kinh mà tụng niệm, tùy văn, tư, tu theo giải mà lập hạnh thì tự nhiên thu thái được thanh tịnh của lục căn tức có thể thấy được Phật hằng thường tại Linh Sơn. Như Trí Giả đại sư đời Tùy hành Pháp Hoa tam muội, tụng kinh đến phẩm Dược Vương thật là tinh tấn gọi là chân pháp cúng dường Như Lai thì bỗng nhiên đại ngộ, thấy hội Linh Sơn vẫn y nguyên chưa tan nên mới nói “Nhược hữu thâm tâm tín giải, tắc vi kiến Phật thường tại Kỳ Sơn”.

Về câu này có người cho chữ Từ Tôn, chỉ Phật Di Lặc. Phẩm “Phổ Hiền” khuyến chép: “Nếu có ai thọ trì đọc tụng kinh này, hiểu rõ nghĩa thì sẽ được lên chỗ của Di Lặc ở cung Đâu Suất trên trời”. Hai thuyết này đều đúng cả.

Tốc thành tứ đức: Tứ đức tức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Không đời không đổi gọi là Thường, rời xa hai chốn tử khổ gọi là Lạc, nhập đại tự tại gọi là Ngã, tam hoặc dứt sạch gọi là Tịnh. Nếu thành tựu tứ đức thì sẽ vãng sanh cực lạc quốc độ như kinh nói: Tu hành như thế, đến khi mạng chung sẽ vãng sanh an lạc thế giới, được Đức A Di Đà và các Bồ tát vây quanh giường nằm.

Thú là hưởng, du là con đường có nghĩa là thông suốt được. Câu “Thú lạc độ chi huyền du” có nghĩa là nhân con đường huyền diệu mà có thể thẳng đến thế giới cực lạc của Đức A Di Đà.

26. Nguyên văn: Hoằng tán mạc cùng, vĩnh di chư hậu, vân nhĩ

Tán nghĩa là trợ. Di là lưu lại đời sau, ý luật sư muốn nói ngài viết bài tựa nhằm muốn tán trợ kinh Diệu Pháp Liên Hoa này được lưu lại đời sau, mãi mãi không khi nào dứt. Hoặc có người hỏi kinh Diệu Pháp Liên Hoa có cả “Tích” (từ phẩm 1 đến phẩm 14) “Bổn” (từ phẩm 15 đến phẩm 28) tại sao luật sư chỉ trần thuật về “Tích” mà không nói đến “Bổn”. Ngài Mãn Hy thay lời mà đáp rằng: Nếu biết theo Bổn mà thấy Tích tức đã biết nhân “Tích” mà hiểu “Bổn”. Cho nên tôn giả Kinh Khê nói: “Nếu hiểu diệu mâu của Tích thì diệu mâu của Bổn không xa gì. Bổn - Tích không Hai mà cũng khó nghĩ bàn chỗ Một vậy”.

Chú giải thêm cho rõ về Bổn và Tích: Bổn và Tích là lời phán định của các nhà phiên dịch kinh Pháp Hoa. Trong 28 phẩm của kinh Pháp Hoa, 14 phẩm đầu gọi là

Tích Môn, 14 phẩm sau gọi là Bốn Môn. Phần Tích Môn của Pháp Hoa cho rằng sau khi Như Lai thành đạo cho đến lúc đến hội tòa Pháp Hoa thời gian là hơn 40 năm thuyết pháp, khai tam thừa pháp để làm quyền tạm phương tiện, mà hiểu chân nghĩa của nhất thừa pháp. Các giáo lý ngài tuyên thuyết đều nhằm khai quyền hiển thật.

Còn Pháp Hoa Bốn Môn cho thân Thích Ca sanh nơi vương cung, thành đạo nơi thành Già Da (*Tích*) nhưng thân này không phải thật thân của Phật, mà là pháp thân do thật thân từ thời rất xa xưa của Phật tích kết thành (*Bốn*) nhằm tế độ chúng sinh mà nhất thời tùy tích, thị hiện ứng thân thành đạo ở dưới cội Bồ Đề thành Già Da mà thôi. Đây là do Phật khai Tích để hiển Bốn vậy.

Trang phụ lục lời tựa của Luật sư Thích Đạo Tuyên có tham khảo:

1. Bài “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hậu Tự” do Tăng Duệ đời Hậu Tần viết.
 2. Bài “Ngự Chế Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Tự” do Minh Thái Tông viết.
 3. Bài chú giải “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Hoàng Truyền Tự” của Đạo tuyên do Mãn Hy chùa Chân Giác viết năm 22 đời vua Quang Tự nhà Thanh.
 4. Bài bạt “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh” cũng do Mãn Hy chùa Chân Giác viết năm thứ 22 đời vua Quang Tự nhà Thanh.
 5. Bài “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Khoa Bạt” của Đại Quan, đệ tử đích truyền Thiên Thai tông viết năm Đinh Dậu.
 6. Lời mở đầu sách “Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng
-

luận” của Hòa thượng Thích Thông Bửu.

BỘC BẠCH VỀ LỜI TỰA CỦA PHÁP SƯ THÍCH ĐẠO TUYÊN, NƠI TẬP GIẢNG LUẬN

Kính bạch Chư Tôn Đức,

Kính thưa quý độc giả,

Bài tựa của Pháp sư Thích Đạo Tuyên, do nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng phiên âm và dịch giải, đăng vào trang phụ bản sách Giảng luận này, để làm tăng phần sưu khảo về kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nguyên văn chữ Hán lời tựa kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa của Pháp sư Đạo Tuyên hiện nay rất hiếm thấy, ngay cả trong các bản kinh chữ Hán của Trung Hoa hay các bản dịch của người Việt. Chúng tôi may mắn có được nguyên bản chữ Hán này và hy hữu thay lại là Bồ tát Thích Quảng Đức lưu truyền lại vì trọn đời Ngài luôn hành trì kinh Pháp Hoa nên duyên may có được.

Chúng tôi xin chân thành ghi nhận và tán thán công đức của nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng, đã nhận lời mời tham gia Ban tu thư Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm. Đạo hữu đã thực sự góp phần rà soát lại bộ Giảng luận này trước khi in. Sự góp phần công đức này lại càng khiến chúng tôi yên lòng hơn.

Hồi hướng công đức cho nhà nghiên cứu Lý Việt Dũng và xin thành tâm đón mời những tâm hồn thức giả cùng về hòa hợp trong mái ấm Tổ đình Quán Thế Âm. Tin tưởng Ban tu thư mỗi ngày càng nhiều vị học giả, để sứ mạng hồng truyền chánh pháp ngày càng mở rộng truyền xa.

Trân trọng,

**Tổ đình Quán Thế Âm
Năm Nhâm Ngọ - 2002
Sa môn Thích Thông Bửu
Cẩn bạch**

---❧ MỤC LỤC ❧---

Số TT	PHÁP HOA GIẢNG LUẬN	Trang
01	Lời phi lộ	05
02	Bài số 01	11
03	Bài số 02	39
04	Bài số 03	79
05	Bài số 04	117
06	Bài số 05	157
07	Bài số 06	181
08	Bài số 07	230
09	Bài số 08	257
10	Bài số 09	276
11	Bài số 10	312
12	Bài số 11	334
13	Bài số 12	360
14	Bài số 13	395
15	Bài số 14	424
16	Bài số 15	460
17	Tóm tắt 7 phẩm - 15 bài	488
18	Phụ lục	506
19	Mục lục	537

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
SA MÔN THÍCH THÔNG BỬU



Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ đình QUÁN THẾ ÂM

Tập hai (Chín phẩm)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Quý Mùi - 2003

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

KINH AÁN TOÁNG

Tổ đình QUÁN THẾ ÂM
90 đường Thích Quảng Đức - Phường 5 - Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh - ĐT: 08.8.448905
E-mail: thichthongbuu@hcm.vnn.vn

Lời Phi Lộ

TẬP HAI

Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn đã mấy ngàn năm, vậy mà chúng ta vẫn còn được ôn lại lời dạy của Ngài, ôi diễm phúc biết bao! Trong những lời dạy của Đức Phật có ghi rõ, chơn lý như lá trong rừng, còn lời Như Lai đã giảng thuyết chỉ là số lá nắm trong bàn tay. Số lượng ít như vậy mà hàng đệ tử của Đức Phật vẫn chưa học thông hết.

Đặc biệt trong những lời dạy, Đức Phật nêu tầm quan trọng của pháp Nhất thừa, tức là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh này ghi lời Phật dạy rằng: Kinh này ngoài tên Diệu Pháp

Liên Hoa, độ hàng chúng sinh thì lại còn một tên nữa là: “Giáo Bồ tát pháp, chư Phật sở hộ niệm”, nghĩa là pháp dạy hàng Bồ tát, chư Phật đồng hộ niệm. Nên kinh này chỉ có Phật với Phật mới thông suốt toàn triệt tướng không của các pháp, còn Bồ tát vẫn chưa toàn triệt, chưa liễu đạt tướng không các pháp”. Pháp Hoa chỉ rõ tướng không của các pháp, như thế thì chúng sanh, trong đó có chúng ta, làm sao thông suốt toàn triệt về kinh Pháp Hoa?

Đức Phật lại còn nhấn mạnh thêm và kinh đã ghi rõ rằng: “Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa là mẹ đẻ các kinh, là biển cả so với các kinh, vì các kinh chỉ là hồ ao sông suối. Kinh Pháp Hoa là mặt trời, các kinh khác chỉ là mặt trăng, hoặc ánh sáng đèn ... Pháp không tướng của kinh Pháp Hoa quan trọng như thế, chúng ta làm sao thấu triệt mà đọc, mà tụng, mà in chép, mà giảng, mà luận?

Chớ nên bi quan, mà cũng chớ có lạc quan. Đức Phật cũng đã từng dạy: “Nếu chúng sanh chỉ nắm biết mùi vị một giọt nước biển là thấu đạt chất mặn của toàn biển cả”.

Diễn giải biên soạn kinh Pháp Hoa và kết lại thành tập, để rồi sẽ có toàn bộ “Pháp Hoa giảng luận”, chúng tôi cũng chỉ mơ ước lưỡi mình và quyến thuộc được thấm từng giọt giáo pháp, như người nếm từng giọt nước biển, để thấm thấu mùi vị mặn của biển cả.

- * Biển cả thuần một vị mặn.
- * Giáo pháp thuần một vị giải thoát.

Chính vì đại nguyện ấy nên chúng tôi đã biên dịch giảng luận và năm qua Nhà xuất bản Tôn giáo chịu trách nhiệm xuất bản tập một kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận. Hôm nay tiếp tục tập hai (từ phẩm 8 đến phẩm 16), góp mặt vào dòng đời và nhờ được sự tùy hỷ, tán trợ, khuyến khích của trên Chư Tôn Đức, kể đến hàng Tăng Ni, cùng giới học giả, thức giả và hành giả Pháp Hoa kinh. Những ân đức trên đã góp phần khuyến khích chúng tôi hăng say tiếp tục hiến dâng đời: “Tập hai – Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận”.

Xin thành tâm lắng nghe lời chỉ dạy của các bậc cao minh, cùng sự nhiệt tình xây dựng của chư thiện hữu và sự hỗ trợ của bạn

đồng hành trên lộ trình về Bảo Sở. Chúng tôi cũng xin được đón nhận các giới đạo tâm phát nguyện in ấn, đọc tụng, phổ quảng, cúng dường kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận, ngày được thêm phần sâu rộng.

Tin tưởng tập hai sẽ được hoàn chỉnh hơn và rất mong sự đóng góp của các thế hệ mai sau, để bộ Pháp Hoa giảng luận các tập kế tiếp càng thêm phong phú hơn.

Nguyện dâng cúng dường trọn vẹn công đức này lên đền bốn ơn nặng và cứu độ ba đường khổ, cùng hồi hướng hết thảy các pháp giới chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Trân trọng.

Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM
Mùa Hạ năm Quý Mùi - 2003
Trụ trì kiêm Trưởng Ban Giáo Thọ
Sa môn THÍCH THÔNG BỬU

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

16

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 16

PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ - Thứ tám

- Đức Phật tán thán công hạnh của Tôn giả Phú Lô Na.
- Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na.
- Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị A La Hán.
- Năm trăm vị A La Hán kể chuyện gã cùng tử có viên ngọc.

I - MỞ ĐẦU

Đa số chúng ta không quan trọng việc truyền trao và ấn chứng nơi kinh Pháp Hoa, nhưng Đức Phật Thích Ca lại đặt việc này lên hàng cần thiết. Phẩm Hóa Thành Dụ vừa qua, có một nét ghi rõ về bí pháp truyền trao ấn chứng. Các phẩm trước

có nhiều nét, nêu tóm lược về việc này, nhưng ấn chứng cho hàng chỉ đạo và lãnh đạo. Phẩm thứ tám này, tiếp tục nêu bí pháp ấn chứng cho thành phần điều hành. Số lượng hiện diện tới một nghìn hai trăm vị đệ tử, nhưng phẩm kinh chỉ ghi **Năm trăm vị đệ tử được thọ ký**.

Tại sao quả quyết phẩm này ấn chứng cho thành phần điều hành? Ngài Phú Lô Na là vị A La Hán có biện tài thuyết pháp đệ nhất. Toàn phẩm kinh Đức Phật đã nêu công hạnh và việc phổ truyền giáo pháp của Tôn giả Phú Lô Na rất nhiều lần. Về việc thọ ký thì còn phẩm thứ chín thọ ký cho thành phần nòng cốt **hộ trì**.

Hầu hết các giới nghiên cứu lẫn hành giả và học giả kinh Pháp Hoa, ai ai cũng truyền trao sứ mệnh của mình cho thế hệ nối tiếp, hoặc cho học trò, hoặc cho con cháu, hoặc cho lớp người đồng chí hướng, trước khi lớp lớn phủi sạch bụi trần. Nhưng truyền trao cho ai đây? Câu hỏi được đặt ra, đa phần chẳng tìm được đáp số. Đó là chưa kể lỡ chết bất ngờ thì sao đây?

Phẩm kinh này giúp mọi người chúng ta rõ đáp số, vì đã nêu rõ **Thọ Ký**. Thọ ký tức là ấn chứng. Ấn chứng từng vị, ấn chứng cho bốn vị, ấn

chứng tập thể năm trăm vị và sẽ ấn chứng cho hai nghìn vị học và không còn phải học nơi phẩm tiếp theo.

Rất mong các giới, nhất là giới **đọc + tụng + thọ + trì** kinh Pháp Hoa liễu tri bí pháp **ấn chứng**, để bắt chước truyền trao cho thế hệ kế tiếp đạt hiệu quả tốt. Không có ấn chứng thì sự truyền trao không bao giờ thành công. Truyền trao mà thiếu ấn chứng, tức là thiếu thọ ký thì hoàn toàn thất bại! Nếu thiếu cả hai thì dòng chảy sẽ tắt nghẽn. Ai muốn tắt nghẽn, ai muốn tuyệt dứt dòng chảy, ai muốn tuyệt hậu thì không cần học bí pháp thọ ký và truyền trao.

Không phân biệt quý vị có phải đạo Phật hay không, hoặc đang tu pháp môn nào, thích kinh Pháp Hoa hay không, cũng xin mời đọc bài học, trong các tập Pháp Hoa giảng luận này. Đọc qua một lần cũng được. Sau đó mới bình phẩm và nếu thấy phù hợp thì xin mời cùng lên thêm và vào nhà Pháp Hoa kinh.

Lưu ý: Tụng đọc thọ trì phẩm kinh Ngũ bá đệ tử thọ ký này, hành giả Pháp Hoa kinh nên quỳ về phần mở đầu Thần chú đại bi, câu: **“Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni”**,

nghĩa là muốn tâm đại bi trải rộng cùng khắp vũ trụ mà chẳng hề bị chướng ngại thì người chủ xướng phải đủ ngàn tay ngàn mắt.

Ngũ bá đệ tử là năm trăm vị học trò. Đã là học trò thì phải giống thầy y như in, như đúc. Năm trăm người học trò thay mặt thầy điều hành công việc thì về mặt cốt lõi do thầy chỉ đạo tuyệt đối không được sai, cũng chẳng nên thêm bớt.

Theo truyền thuyết, Nhật Bản do ông Từ Phước lập quốc với năm trăm sinh viên, nên nước Nhật hùng cường. Việt Nam lập quốc do Thánh nữ hoàng hậu Âu Cơ và Đức vua Lạc Long Quân, hiệu triệu được một trăm sắc tộc. Trăm sắc tộc nhiều hơn năm trăm cậu sinh viên, vì vậy Việt Nam đã trở thành quốc gia siêu việt về nhiều mặt.

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni là công thức cốt lõi của phương pháp tổ chức, tức là phần cốt lõi thuộc bản chất, nhưng khi thực hiện, tức là đứng về mặt hiện tượng thì chớ nên cứng nhắc, phải tùy theo tình cảnh thích nghi mà uyển chuyển biến hóa cách nào cho hợp cảnh, hợp duyên. **“Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”**. Dù hiện tượng có tùy duyên nhưng

không được biến mất bản chất, không được rời bỏ chủ đích do cấp chỉ đạo đề xướng. Giữ không biến dịch đường lối chủ trương, nhưng vì đặc nhân tâm và thành tựu sự việc nên phải tùy duyên. **“Dĩ bất biến ứng vạn biến”**. Người điều hành biết canh cải, biết phương tiện quyền biến, hiện tượng có thể thay đổi biến hóa hàng vạn cách, nhưng bản chất đã kết thành đường hướng chủ trương thì không được biến đổi. Mục đích thiên biến vạn hóa là để phổ truyền chánh pháp. Phương tiện mới dễ **độ sanh**, nhưng không được rời **cứu cánh giải thoát**.

“Y kinh giải nghĩa oan cho chư Phật ba đời. Rời kinh một chữ tức là nói lời của ma”. Ngũ bá đệ tử thọ ký là kim chỉ Nam, giúp cho nhân loại và muôn loài, nhất là hàng đệ tử Đức Phật, nhập đời khỏi rối loạn về phương diện tổ chức.

II.- NỘI DUNG

Đức Phật tán thán công hạnh của Tôn giả Phú Lô Na

Chính văn

1- Lúc bảy giờ, Tôn giả Phú Lô Na nương Đức Phật nghe trí huệ phương tiện, tùy

cơ nghi nói pháp như thế, lại nghe Đức Phật trao cho các vị đệ tử lớn sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại nghe việc nhân duyên đời trước, lại nghe các Đức Phật có sức tự tại thần thông lớn, nên đặng điều chưa từng có, lòng thanh tịnh hơn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, sát mặt lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không xa rời Phật và nghĩ thế này:

“Thế Tôn tuyệt lạ, việc làm ít có, thuận theo mọi thứ chủng tánh ở trong đời, dùng sức phương tiện tri kiến mà vì họ nói pháp, vượt chúng sanh ra khỏi chốn tham trước, chúng con đối với công đức của Phật không thể dùng lời nói mà tuyên bày được, chỉ có Đức Phật Thế Tôn hay biết bốn nguyện trong thâm tâm của chúng con thôi”.

2- Bấy giờ, Phật bảo các Tỷ kheo: “Các ông thấy Phú Lô Na đây chăng? Ta thường khen ông là bậc nhất trong hàng người nói pháp, cũng thường tán thán các món công đức của ông trong việc chuyên chú siêng năng hộ trì giúp tuyên bày pháp Như Lai, có

thể chỉ dạy điều lợi ích mừng vui cho hàng bốn chúng, giải thích đầy đủ chánh pháp của Phật, mà làm nhiều lợi ích cho những người cùng đồng hạnh thanh tịnh. Ngoài Như Lai, không ai có thể cùng tận chỗ biện thuyết ngôn luận của ông. Các ông chớ tưởng Phú Lô Na chỉ hay hộ trì trợ tuyên pháp của ta thôi đâu, ông cũng đã ở nơi chín mươi ức Đức Phật thuở quá khứ, đã hộ trì trợ tuyên chánh pháp của chư Phật, ở trong nhóm người nói pháp thuở đó cũng là bậc nhất.

Ông cũng từ nơi pháp không do chư Phật nói mà thông suốt rành rẽ, đặt bốn món trí vô ngại, thường hay suy gẫm chắc chắn nói pháp thanh tịnh, không có nghi lầm, đầy đủ sức thần thông của Bồ tát, tùy số thọ mạng mà luôn tu hạnh thanh tịnh.

Chúng sanh thuở các Đức Phật ấy đều cho ông đúng là Thịnh Văn, mà phần ông Phú Lô Na cũng dùng phương tiện đó làm lợi ích cho vô lượng trăm nghìn chúng sanh, lại giáo hóa vô lượng vô số người khiến đứng vào nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông vì muốn tịnh cõi Phật mà thường

làm Phật sự giáo hóa chúng sanh.

Các Tỷ kheo! Ông Phú Lô Na cũng đặng bực nhứt ở trong hàng người nói pháp thuở bầy Đức Phật, nay trong hàng người nói pháp ở chỗ “Ta” cũng là bực nhứt.

Trong hàng người nói pháp thuở các Đức Phật trong Hiền kiếp về đường lai cũng sẽ lại là bực nhứt, mà đều hộ trì giúp tuyên bày pháp của Phật. Ông cũng sẽ ở trong đời vị lai hộ trì trợ tuyên chánh pháp của vô lượng vô biên các Đức Phật, giáo hóa làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh khiến dự vào nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì tịnh cõi Phật mà thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sanh, lần lần đầy đủ đạo Bồ tát.

Giảng luận

Nơi nào, dù chỉ đạo hay lãnh đạo giỏi, nhưng điều hành và hỗ trợ dở thì nơi đó chỉ nhận sự thất bại mà thôi! Phương cách thọ ký các phẩm trước là bí pháp ấn chứng cho thành phần chỉ đạo và lãnh đạo. Phần thọ ký phẩm thứ tám này là bí pháp ấn chứng cho thành phần điều hành. Phẩm thứ chín kế tiếp thọ ký và ấn chứng cho thành

phần hỗ trợ. Tôn giả Phú Lô Na là vị đứng hàng bậc nhất trong hàng Thánh Tăng, thuộc hạng đệ nhất biện tài, ngoài ra cũng còn là đệ nhất bí pháp “**nhường bước**”.

Siêu nhất của người điều hành là biết nhường bước. Nắm trong tay hàng trăm, hàng ngàn bí pháp, mà thiếu bí pháp nhường bước thì khó mà thành công. Người điều hành lúc nào cũng đưa cái giỏi của mình ra để tỏ vẻ là mình hơn quần chúng, vì vậy nên bị quần chúng tẩy chay. Nhược bằng đỡ hơn quần chúng thì làm sao điều hành được sự việc? Phải giỏi hơn, nhưng giỏi để mà nhường bước. Người điều hành có lúc phải song hành với quần chúng, có lắm lúc lại phải lùi sau quần chúng. Khi nào cảm hóa được quần chúng, lúc ấy mới có quyền nêu cái giỏi của mình, để hướng dẫn họ. Nhường bước còn khó hơn khiêm cung.

Tôn giả Phú Lô Na là một trong mười vị đại đệ tử xuất sắc nhất của Đức Phật, vậy mà Ngài không áp dụng điểm sở trường biện tài vào sự việc.

Lược qua câu chuyện, Tôn giả Phú Lô Na xin Đức Phật đi thuyết giảng ở vùng biên địa,

vùng này dân tình nổi tiếng là hung ác, các vị Thánh Tăng khác đều tránh né, hoặc bỏ cuộc. Vậy mà Tôn giả Phú Lô Na xin đảm trách việc truyền bá chánh pháp nơi đó.

Lời vấn đáp giữa Đức Phật và Tôn giả Phú Lô Na:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn cho phép con được đến xứ Du Na Quốc để truyền bá chánh pháp, hóa độ quần chúng nơi vùng này.

- Này Tôn giả Phú Lô Na! Vùng ấy nổi tiếng hung dữ, nếu con đến đó, họ không đón nhận, mà họ lại chửi mắng con thì sao?

- Bạch Đức Thế Tôn! Họ chửi mắng, mà không đánh đập, ném xáng con thì tốt quá. Con hoan hỷ chấp nhận đến đó để hóa độ họ.

- Này Tôn giả Phú Lô Na! Nếu họ ném xáng đánh đập con thì sao?

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu họ ném xáng đánh đập con, mà họ không giết con thì con hoan hỷ chấp nhận đến đó để hóa độ họ.

- Này Tôn giả Phú Lô Na! Nếu họ hung dữ, giết hại con thì sao ?

- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu họ giết hại con thì máu con đã đổ, nơi đó sẽ nở hoa đạo. Hoa đạo này sẽ hóa độ họ.

- Đức Phật dạy: Nầy Tôn giả Phú Lô Na! Thật quý hóa thay. Như Lai cho phép con tròn bốn nguyện.

Thế là mùa an cư năm ấy, tại xứ Du Na Quốc, năm trăm vị nam thọ quy giới thành nam cư sĩ. Rồi mùa an cư năm sau, thêm năm trăm vị nữ thọ quy giới, làm nữ tín đồ.

Nhượng bước đối với những người thấp kém hơn mình để hóa độ họ. Gương Tôn giả Phú Lô Na lưu lại cho chúng ta và những ai muốn phục vụ mọi người. Quốc độ nào, tổ chức nào, hệ phái nào, tộc họ nào có được những người điều hành như thế, hoặc hành theo quy pháp như thế thì còn lo gì không gặt hái được sự thành tựu viên mãn!

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na Chính văn

Qua vô lượng vô số kiếp sau, ông sẽ ở nơi cõi này thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện

Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự
Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Đức Phật đó lấy số thế giới của tam thiên
đại thiên nhiều như cát sông Hằng mà làm
thành một cõi Phật. Mặt đất là bảy thứ báu,
phẳng bằng như bàn tay, không có núi gò,
khe suối, rạch ngòi, lâu đài đầy đủ bằng bảy
thứ báu, cung điện của các trời trên hư
không, người cùng trời giao tiếp nhau, hai
bên đều thấy được nhau, không có đường dữ,
cũng không có người nữ.

Tất cả chúng sanh đều do biến hóa sanh,
không có dâm dục, đặng pháp thần thông
lớn, thân chói ánh sáng, bay liệng tự tại, chí
niệm bền chắc, có đức tinh tấn trí huệ, tất cả
đều thân sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt
mà tự trang nghiêm.

Nhân dân cõi nước đó thường dùng hai
thứ thức ăn: một là “pháp hỷ thực”, hai là
“thiền duyệt thực”. Có vô lượng vô số nghìn
muôn ức na do tha các chúng Bồ tát đặng
sức thần thông lớn, bốn trí vô ngại, khéo hay
giáo hóa loài chúng sanh. Chúng Thanh Văn
trong cõi nước đó tính kể số đếm đều không

thể biết được, đều đặn đầy đủ ba món minh, sáu pháp thân thông và tám món giải thoát.

Cõi nước của Đức Phật đó có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế, kiếp tên Bửu Minh, nước tên Thiện Tịnh. Phật đó sống lâu vô lượng vô số kiếp, pháp trụ đời rất lâu. Sau khi Phật diệt độ, đời dựng tháp bằng bảy báu khắp cả nước đó.

Giảng luận

Tôn giả Phú Lô Na được thọ ký thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai. Quốc độ Sa Bà, kiếp tên là Bửu Minh, nước tên là Thiện Tịnh. Đặc biệt là sự cấu tạo quốc độ và sự thọ mạng của Đức Phật Pháp Minh, thọ mạng dài lâu vô số kiếp, chánh pháp trụ đời cũng dài lâu như thọ mạng. Quốc độ rộng không thể đo lường được. Trang nghiêm thay mặt đất của quốc độ không bằng vàng như các quốc độ đã được thọ ký trước, mà bằng bảy thứ ngọc báu.

Một điều đặc biệt nữa là quốc độ này không có tam đồ ác đạo (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*). Lại không có người nữ. Tất cả đều do hóa sanh, không có sự dâm dục. Cõi quốc độ này không

còn ăn uống vật chất mà ăn bằng tưởng. Có hai thức ăn: ăn no bằng niềm hoan hỷ chánh pháp và ăn no bằng pháp thiền định, tức ăn no bằng những nguyên tố vũ trụ. Khi vui mừng hoặc nhập chánh định thì cơ thể sẽ tự thu nạp các nguyên tố, như

các loài thảo mộc thu hút nguyên tố vậy.

Danh từ pháp hỷ thực và thiền duyệt thực đối với chúng ta hình như xa lạ. Tại sao? Tại mình chưa tin mình có khả năng thực hiện pháp hỷ thực và thiền duyệt thực, nhất là chúng ta chưa thông hiểu khoa học gặp đạo học, chưa đối chiếu để phối hợp giữa khoa học và đạo học.

Có những vị Thiền sư khi nhập định nhiều tháng không ăn uống gì cả, có vị cả nhiều chục năm. Gần chúng ta nhất, Bồ tát Quảng Đức trước ngày thực hành hạnh nguyện tự thiêu thân, Ngài không ăn uống suốt bảy ngày và tụng trọn bộ kinh Pháp Hoa tại chùa Ấn Quang.

Hôm nào vui đến mức đại hoan hỷ, hoặc bữa nào ngồi tịnh niệm đạt kết quả dù năm mười phút thì ngày đó ăn cơm rất ít. Tại sao? Cây lúa, cây rau và các loài thảo mộc, vào lúc nửa đêm và sáng sớm nó nhả hết âm tử và thu đủ các nguyên

tổ vào nó. Loài người, loài vật ăn thảo mộc gạo rau là gián tiếp một lần thâm nạp nguyên tố, nếu ăn thịt loài động vật là gián tiếp hai lần thâm nạp nguyên tố. Nếu tịnh niệm đến trình độ nhập được “**định**” một phút thì phút ấy là phút thu các nguyên tố nơi vũ trụ mênh mông. Nếu nhập được đại định nhiều ngày, hoặc nhiều tháng, nhiều năm thì cơ thể thâm nạp đủ nguyên tố, dồi dào sức sống, khỏi cần qua sự gián tiếp hai lần ăn qua thịt loài động vật, hoặc qua một lần của loài thực vật. Thiền duyệt thực là phương pháp ăn “**có thật**”, chứ không phải mơ hồ, nó rất khoa học, nhưng phải hòa quyện với đạo học. Tức là phương pháp thì khoa học, còn niềm tin quyết chí thực hành đạt kết quả thì đạo học. Hành giả Pháp Hoa chưa thiền duyệt thực lâu dài thì mỗi ngày đêm cũng nên tập ăn theo phương pháp thiền duyệt thực năm mười phút. Nửa khuya và mờ sáng vào được định thì ngày hôm đó ăn cơm ít. Càng ngày càng ăn nhiều nhưng tịnh ít là mở đường đi sâu vào phạm tục. Càng ngày càng ăn bớt nhưng tịnh nhiều, song vẫn đầy đủ nguyên tố và minh mẫn, khỏe vui là đang mở đường đi lên cảnh giới nhẹ nhàng. Thấp nhất cũng đến cảnh

thần tiên, gặp Thần, Tiên, Trời, Bồ tát, Phật ngay hiện đời, chứ chẳng đợi đến khi chết.

**Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên
việc thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na**

Chính văn

3- Chư Tử khéo lắng nghe
Đạo của hàng con Phật
Với phương tiện khéo học
Chẳng thể nghĩ bàn được
Biết chúng ưa pháp nhỏ
Mà sợ chỗ trí lớn
Cho nên các Bồ tát
Làm Thanh Văn, Duyên Giác
Dùng vô số phương tiện
Độ các loài chúng sanh
Tự xưng là Thanh Văn
Cách Phật đạo rất xa
Độ thoát vô lượng chúng
Thấy đều được thành tựu
Tuy ham nhỏ biếng lười
Khiến dần dần thành Phật
Trong ẩn hạnh Bồ tát
Ngoài hiện tướng Thanh Văn

Ít ham, chán sanh tử
 Tự trang nghiêm cõi Phật
 Đệ tử Phật là thế
 Cũng có lúc hiện tà
 Dạy ba độ cho người
 Phương tiện độ chúng sanh
 Nếu Như Lai thuyết đủ
 Các pháp môn hóa hiện
 Chúng sanh nghe như vậy
 Thời sanh lòng nghi ngờ

4- Nay Phú Lô Na đây
 Thuở ngàn ức Phật xưa
 Tấn tu đạo mình làm
 Tuyên hộ các Phật pháp
 Vì cầu tuệ vô thượng
 Mà ở nơi chư Phật
 Làm người đệ tử lớn
 Học rộng có trí tuệ
 Thuyết pháp chẳng sợ sệt
 Hay khiến chúng vui mừng
 Chưa từng có mỗi mệt
 Để hành nên việc Phật
 Đã được thân thông lớn
 Đủ bốn trí vô ngại

Biết các căn lanh chậm
Thường nói pháp thanh tịnh
Diễn giải nghĩa như thế
Để dạy nghìn ức chúng
Khiến trụ pháp Đại thừa
Mà tự tịnh cõi Phật
Về sau cũng cúng dường
Vô lượng vô số Phật
Hộ trợ tuyên chánh pháp
Cũng tự tịnh cõi Phật
Thường dùng các phương tiện
Nói pháp không e sợ
Độ chúng chẳng kể xiết
Đều thành trí nhất thiết
Cúng dường các Như Lai
Hộ trì tạng pháp bảo
Sau đó đặng thành Phật
Hiệu chánh là Pháp Minh
Cõi nước tên Thiện Tịnh
Bảy thứ báu hiệp thành
Kiếp tên là Bửu Minh
Bồ tát đông vô số
Tính nhiều vô lượng ức
Đều đặng thân thông lớn

Đầy đủ sức oai đức
 Khắp đầy cả nước đó
 Thanh Văn cũng vô số
 Ba minh, tám giải thoát
 Đặng bốn trí vô ngại
 Dùng hạnh này làm tăng
 Chúng sanh trong cõi đó
 Dâm dục đều đã dứt
 Chỉ thuần biến hóa sanh
 Thân trang nghiêm đủ tướng
 Ăn vui pháp thiền định
 Rốt không tưởng món khác
 Không có hàng nữ nhân
 Cũng không các đường dữ
 Phú Lô Na Tỷ kheo
 Công đức tròn đầy xong
 Sẽ đặng cõi Phật ấy
 Chúng Hiền Thánh rất đông
 Vô lượng việc như thế
 Nay ta chỉ sơ lược.

Giảng luận

Phần giảng luận ở sách này dành cho đa phần Phật tử trình độ cao thấp khác nhau, nên

chủ đích không chú giải các danh từ khó trong kinh văn. Nhưng đoạn kinh này có mấy từ người đọc cần biết nên chúng tôi tạm lược giải ba từ: Ba minh - Tám giải thoát - Bốn trí vô ngại.

1/. Ba minh

Ba pháp tu đạt được trí tuệ sáng suốt, dứt trừ được si mê, u tối. Khi bậc Thánh đắc đến chỗ không còn cần phải học nữa (vô học), lúc ấy là lúc đắc tam minh. Ba minh gồm có:

① **Túc mạng minh**: Cũng còn gọi là tuệ mạng trí minh. Người đắc túc mạng minh là người có trí tuệ nên rõ biết tướng trạng của chính bản thân mình, lại mở rộng nhìn thấy biết khắp cả chúng sanh luân chuyển thế nào.

② **Thiên nhãn minh**: Trí tuệ rõ biết tướng trạng sanh tử của chúng sanh đang sống hoặc đã chết, hoặc do nhân duyên là pháp thành nghiệp quả các hạnh mạng của chúng sanh vào ác thú, hoặc do nhân duyên chánh hạnh thành tựu thiện hạnh sanh vào cảnh giới thiện lành luân chuyển như thế nào đều rõ biết.

③ **Lậu tận minh**: Còn gọi là lậu tận trí minh, tức trí tuệ rõ biết mọi sự như thật. Biết được cảnh

khổ trong đời của mình và dùng trí tuệ diệt trừ mọi phiền não.

Đối với bậc A La Hán thì gọi là Tam Minh, còn đối với Phật thì gọi là Tam Đạt.

2/. Tám giải thoát

Tám giải thoát cũng viết là tám giải thoát tam muội, là tám pháp thiền định giải thoát.

① *Nội hữu sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát*: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo, tự mình có sắc tướng, quán tưởng cõi sắc ở ngoài, tiến tới cảnh sơ thiền.

② *Nội vô sắc tướng, ngoại trí quán sắc tướng giải thoát*: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo, trong thì chẳng có sắc tướng, quán tưởng cõi sắc tiến tới cảnh nhị thiền.

③ *Tịnh giải thoát, thân chứng*: là pháp thiền định giải thoát chứng tới cõi Tịnh lạc, nhà đạo tiến tới tam thiền thiên, tứ thiền thiên và tịnh phạm địa.

④ *Không xứ giải thoát*: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo chứng tới cảnh không vô biên xứ.

⑤ **Thức xứ giải thoát:** là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tiên vô sở hữu xứ.

⑥ **Vô sở hữu xứ giải thoát:** là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tiên sở hữu xứ.

⑦ **Phi hữu tướng, phi vô tướng xứ giải thoát:** là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh thượng tiên phi tướng, phi phi tướng xứ (phi tướng phi vô tướng).

⑧ **Diệt tận định xứ giải thoát:** là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tịch diệt, Niết bàn.

3/. Tứ trí: Thành sở tác trí - Diệu quan sát trí - Bình đẳng tánh trí - Đại viên cảnh trí.

① **Thành sở tác trí:** do ngũ thức chuyển thành.

② **Diệu quan sát trí:** do ý thức chuyển thành. Phân biệt rõ các pháp. Quan sát được căn cơ thuyết pháp đoạn nghi.

③ **Bình đẳng tánh trí:** do Mạc Na thức chuyển thành. Trí đã ngộ được sự bình đẳng của các pháp.

④ *Đại viên cảnh trí*: do A Lại Da thức chuyển thành. Bình đẳng hiển hiện như tấm gương tròn lớn.

Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị A La Hán

Chính văn

5- Bấy giờ một nghìn hai trăm vị A La Hán toàn là những bậc tâm đã tự tại, đều thâm nghĩ rằng: “Chúng ta vui mừng, đặng điều chưa từng có. Nếu chúng ta đều được Đức Thế Tôn thọ ký như các vị đại đệ tử khác, há chẳng là vui thích lắm ư!”.

Đức Phật hiểu được tâm trạng của các vị A La Hán, nên Ngài nói với Tôn giả Đại Ca Diếp rằng: “Một nghìn hai trăm vị A La Hán đây, nay Như Lai sẽ hiện tiền tuần tự thọ ký cho đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong số đây, vị đệ tử lớn của ta là Tôn giả Kiều Trần Như, sẽ lần lượt cúng dường sáu vạn hai ngàn ức Đức Phật, rồi sẽ đắc quả vị Phật, hiệu là Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế,

Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự
Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Năm trăm vị A La Hán nữa, như nhóm
các Tôn giả: Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Đà Gia
Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu
Đà Di, A Nậu Lô Đà, Ly Bà Đa, Kiếp Tân
Na, Bạc Câu La, Châu Đà Tá, Đà Đà ...vân
vân... đều sẽ chứng quả vị Phật. Đều đồng
một danh hiệu là Phổ Minh Như Lai.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết thơ kệ
trùng tuyên lại nghĩa thọ ký:

6- Tỷ kheo Kiều Trần Như
Sẽ gặp vô lượng Phật
Trải qua vô số kiếp
Mới thành quả vị Phật
Thường phóng quang minh lớn
Đầy đủ các thần thông
Tiếng vang khắp mười phương
Mọi loài đều tôn kính
Hằng thuyết pháp vô thượng
Phật hiệu là Phổ Minh
Quốc độ ấy thanh tịnh
Bồ tát đồng dũng mãnh
Đều lên lầu gác diệu

Chu du mười cõi nước
 Dùng vô lượng phẩm lễ
 Dâng hiến các Đức Phật
 Việc cúng dường xong rồi
 Tâm khởi niệm vui mừng
 Giây lát về bốn quốc
 Có sức thần như thế
 Phật thọ sáu vạn kiếp
 Chánh pháp trụ gấp đôi
 Tượng pháp hai lần chánh
 Pháp diệt trời người lo.

7- Năm trăm Tỷ kheo ấy
 Tuần tự đắc quả Phật
 Đồng hiệu là Phổ Minh
 Trước sau thọ ký nhau
 Sau khi “Ta” diệt độ
 Các vị ấy thành Phật
 Hóa độ thế gian này
 Cũng như Ta ngày nay
 Cõi nước trang nghiêm tịnh
 Đầy đủ sức thần thông
 Các Thanh Văn, Bồ tát
 Chánh pháp và tượng pháp
 Chuyện thọ mạng nhiều ít

Như đã nói ở trên
Ca Diếp ông đã biết
Năm trăm vị tự tại
Còn các La Hán khác
Cũng đắc quả như thế
Vị nào nay vắng mặt
Ông truyền thọ cho họ.

Giảng luận

Trong số một nghìn hai trăm vị Thánh Tăng A La Hán, đều thuộc thành phần điều hành và đủ điều kiện được Đức Phật thọ ký cho thành Phật. Nhưng Đức Phật chỉ chọn có năm trăm vị ấn chứng trước. Con số năm trăm, hợp với câu chú thiên thủ thiên nhãn (*ngàn tay ngàn mắt*). Tức là phần điều hành chỉ nằm trong con số năm trăm. Còn lại bảy trăm vị A La Hán cũng đều được thọ ký, nhưng sẽ được danh hiệu khác, vào thời gian khác, lãnh sứ mạng khác, sứ mạng hỗ trợ. Hơn nữa, trong số bảy trăm vị còn lại, một số vị quan trọng lại vắng mặt.

Trong phần thọ ký này, Đức Phật thọ ký trước cho Tôn giả Kiền Trần Như thành Phật, danh hiệu là Phổ Minh và một số vị được nêu tên

sau. Số này chỉ nêu đích danh một số đại diện và tóm lược tổng số năm trăm vị sẽ thành Phật, đồng một danh hiệu là Phổ Minh. Ngài Kiều Trần Như là vị đệ tử xuất gia đầu tiên của Đức Phật và cũng là vị Tỷ kheo đầu tiên của ngôi Tăng Bảo. Vậy tại sao Đức Phật không thọ ký ở thành phần lãnh đạo, mà lại thọ ký vào thành phần điều hành?

Tôn giả Kiều Trần Như và năm trăm vị Thánh Tăng được Đức Phật thọ ký thành Phật, đều đồng một danh hiệu **Phổ Minh Như Lai**. Đời sau thành Phật đều đồng một danh hiệu là **Phổ Minh** thì hiện đời này cũng đồng là Phổ Minh, tức

là đồng nhau **phổ truyền ánh sáng** Phật Đà.

Đến đây đã chứng minh năm trăm vị sứ giả của Đức Thích Ca Như Lai, thuộc thành phần điều hành. Điều hành khác với lãnh đạo, lại càng khác với chỉ đạo. Tổ chức nào sắp xếp vị thứ không đúng chức năng, không đúng cương vị, không đúng sự vụ, dẫm chân nhau, lấn quyền nhau thì tổ chức đó đang loạn từ nội bộ và nhất định sẽ tan rã. Khi một tổ chức không chia chỉ đạo, lãnh đạo và điều hành, lại không phân

quyền, phân nhiệm rành mạch ví dụ như trường hợp những vị chỉ đạo Giáo hội Trung ương mà lại về tận thôn xã để chủ tọa buổi họp giáo hội xã thì giáo quyền thế nào? Chứng minh thì có thể được. Về nguyên tắc hành chánh và nghi thức tôn giáo, nếu không nắm vững và không phân minh thì chẳng những giáo quyền không vững vàng, mà sự linh thiêng mầu nhiệm cũng bị giảm bớt.

Kinh Pháp Hoa phẩm Thọ ký không chỉ dành riêng cho năm trăm vị Thánh Tăng, được Đức Phật Thích Ca thọ ký về các đời sau được thành Phật hiệu là Phổ Minh, mà còn một bí pháp nhập đời về phương thức tổ chức, phương thức phân bổ nhân sự, phân chia trách nhiệm, phẩm kinh này làm nổi bật thành phần điều hành. Thực hiện đúng thứ lớp đó là một phần thuộc về thọ trì Pháp Hoa kinh. Thế gian thường có câu: “**Mưu bất khả chúng**”, mưu tính không nên bàn thảo cho ba người cùng nghe. Phải rành mạch như vậy mới gọi là pháp diệu nhập đời, đưa hoa sen vào bùn, tỏa hương thơm ngát. Còn nếu chỉ chuyên tụng đọc thì chưa thể nói là thọ trì Pháp Hoa, lại cũng chưa có thể gọi là hành giả **pháp Diệu hoa Sen**.

Năm trăm vị Thánh Tăng thi lễ Phật và kể câu chuyện gã cùng tử

Chính văn

8- Bấy giờ năm trăm vị Thánh Tăng vừa được thọ ký trước Đức Phật, tất cả đều vui mừng hớn hở, đầu mặt lạy sát chân Phật, hối lỗi tự trách mình rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con đã có ý nghĩ tự cho mình là rớt ráo rồi, đã hoàn toàn diệt độ rồi, nay rõ ràng mới thấy mình nào khác kẻ vô trí. Tại sao thế ? Vì chúng con đáng ra đã đắc trí tuệ Phật lâu rồi. Nhưng vì mới đạt được phần trí nhỏ, mà đã tự cho là đầy đủ.

Bạch Đức Thế Tôn! Ví như có gã kia đến nhà người bạn thân chơi, rồi say rượu nằm ngủ. Người bạn chủ nhà bấy giờ có việc quan cần phải đi, nên lấy một viên ngọc quý vô giá, kết may vào bên trong áo tặng cho gã say rồi ra đi. Gã ấy say ngủ mê chẳng hay. Khi tỉnh dậy, rong ruổi đến nơi khác, vì cơm áo nên gã phải gắng sức tìm cầu sự sống rất là khổ. Khi được chút ít, vội cho là đầy đủ.

Sau đó người bạn thân gặp lại gã, ngạc nhiên, nên liền hỏi rằng: Ôi khổ thay cho anh bạn! Sao anh lại vì cớ áo mà ra nông nổi? Xưa vì muốn anh được an vui, tha hồ hưởng năm món dục, nên ngày ấy, tháng ấy, năm ấy ta đã đem viên ngọc quý vô giá, kết vào bầu áo anh. Nay viên ngọc hãy còn đó mà sao anh không biết, phải làm lụng cần khổ, sâu đau để tìm miếng ăn sống qua ngày. Thật là quá dại khờ. Nay anh nên kíp đem viên ngọc đó bán đổi lấy các thứ cần dùng sẽ luôn được toại ý chẳng thiếu thốn thứ chi!

Đức Phật cũng như thế! Lúc Thế Tôn còn làm Bồ tát đã từng giáo hóa chúng con, khiến chúng con phát tâm cầu thành Phật. Vậy mà sau đó chúng con đã lờn quên, chẳng hề nhớ tưởng. Nay vừa mới đắc quả A La Hán, đã tự bảo là được diệt độ toàn phần, giống như gã kia mưu sanh khổ nhọc mới kiếm được chút ít, đã tự cho là đầy đủ, trong khi tất cả chí nguyện xưa, vẫn còn, chẳng mất.

Nay đây, Đức Thế Tôn giác ngộ cho chúng con mà nói rằng: “Các vị A La Hán! Đạo của các vị chứng đắc chưa hoàn toàn

Niết bàn rốt ráo. Ta đã từng bảo các vị gieo căn lành quả vị Phật. Do pháp phương tiện tạm chỉ tướng Niết bàn. Vậy mà các vị lại cho rằng đã thật diệt độ”.

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con nay mới biết mình đích thị là Bồ tát, được Đức Thế Tôn thọ ký thành đẳng chánh giác. Vì nhân duyên đó nên chúng con đều vui mừng, được điều chưa từng có.

Ngài Kiều Trần Như thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa trên:

9- Chúng con nghe vô thượng
 Tiếng thọ ký an ổn
 Vui mừng chưa từng có
 Lạy Phật vô lượng trí
 Nay trước mặt Thế Tôn
 Ăn năn lầm lỗi cũ
 Nơi báu Phật vô lượng
 Mới được chút Niết bàn
 Như người ngu vô trí
 Đã vội cho là đủ
 Nào khác gã cùng tử
 Đến chỗ người bạn thân

Là một nhà giàu có
Bày tiệc sang thết đãi
Lấy ngọc quý vô giá
Kết vào nơi bầu áo
Cho xong bỏ ra đi
Gã say ngủ nào biết
Chứng thức dậy ra đi
Rong ruổi nơi xứ khác
Cầu cơm áo qua ngày
Cuộc sống thật vất vả
Được ít cho là đủ
Chẳng mong được tốt hơn
Nào biết trong bầu áo
Có ngọc quý vô cùng
Bạn cho ngọc trước kia
Sau gặp lại gã nghèo
Liền mở lời trách móc
Rồi chỉ nơi kết ngọc
Gã nghèo thấy được ngọc
Trong lòng thật mừng vui
Đổi được nhiều của quý
Tận hưởng năm món dục
Bọn con cũng như thế
Thế Tôn từ lâu xưa

Thường xót thương dạy bảo
 Khiến gieo nhân thành Phật
 Chúng con bởi vô trí
 Chẳng biết cũng chẳng hay
 Được tí phần Niết bàn
 Cho đủ chẳng cầu thêm
 Nay Phật giác ngộ cho
 Rằng chưa thật diệt độ
 Chứng đắc trí tuệ Phật
 Mới thật là toàn diệt
 Chúng con nay nghe Phật
 Thọ ký việc trang nghiêm
 Cùng tuần tự thọ ký
 Thân tâm thấy vui mừng.



Giảng luận

Các Ngài Thánh Tăng mà còn ăn năn và tự trách mình là kẻ vô trí, là gã cùng tử. Chúng ta còn ở địa vị phàm phu, tại sao không biết ăn năn, tự trách? Cỡ trình độ Thánh Tăng mà còn cảm nhận mình là gã cùng tử. Vậy thì cỡ trình độ Hòa thượng, hành giả, thức giả, bác học, triết gia, nhất là cỡ như đại đa số Tăng tín đồ thì trình độ đến

đâu đối với nguồn giáo pháp mênh mông? Chiếc áo chưa làm nên thầy tu! Chút phước đức, công đức chưa đủ làm nên vị đệ tử của Đức Phật. Dù trong hàng ngũ xuất gia, tại gia hiện nay cũng lắm người có tâm đạo, có trình độ học Phật, có công năng tu tập, nhưng nếu đem so với Chư Tôn Đức, các nhà bác học, các vị triết gia về mặt sự tướng thì vẫn còn cách khoảng xa, chứ đừng nói đem so với các vị Thánh A La Hán.

Lưu ý: Các Ngài tự ví mình như gã cùng tử và là người thiếu trí, là người vội vàng, hấp tấp, chưa đủ đã vội cho là đủ, chưa chứng Niết bàn toàn phần đã vội tự cho là chứng đắc Niết bàn toàn phần rồi! Gã cùng tử phẩm này là cùng tử bầu áo có viên ngọc, còn gã cùng tử của phẩm Tín Giải là cùng tử hốt phân.

Chúng ta hãy noi gương các Ngài Thánh Tăng để tự soi mình. Chớ tự cao tự đại. Chớ cho là đủ, là giỏi hơn người. Chớ tự phụ như Cao Bá Quát. Chớ cuồng ngông như Nễ Hành ... Chừng nào quý vị và chúng tôi, nói chung là chúng ta, đều chứng đắc thành Phật, lúc ấy mới thấy mình đã đầy đủ.

Đoạn kinh này chẳng những dạy chúng ta chớ nên tự phụ, mà còn giúp chúng ta bí pháp truyền dạy thế hệ trẻ. Giúp toàn thể con em, học trò chúng ta chớ nên tự phụ, tự cao, tự đại, hách dịch, tự mãn. Lúc nào cũng phải giữ gìn đức tính khiêm cung, ăn năn tự trách, tự hối, tự nhận lỗi. Hễ còn sống, còn ăn, còn sinh hoạt là còn sai khuyết. Còn phạm phu là còn học hỏi, vì còn thiếu sót, các bậc Thánh vẫn còn sai sót nhỏ, chỉ có Phật mới hoàn hảo.

Đoạn kinh này chỉ dạy những ai có tánh cống cao ngã mạn, hãy nhìn gương năm trăm vị Thánh Tăng. Chẳng những dạy hàng cống cao ngã mạn, mà còn nhắc nhở hạng người tự ty mặc cảm, lúc nào cũng khoanh tròn trong tư thế phạm phu, chẳng dám tin mình có sẵn tánh Phật, tánh Bồ tát.

Qua câu chuyện gã cùng tử chẳng hay biết bầu áo có ngọc, mà mãi cam chịu số phận nghèo hèn, đói khổ, sống cuộc sống ti tiện, một số vị đệ tử Phật, chẳng tin mình có sẵn tánh Phật. Cũng có người tin nhưng không dám phát nguyện vượt lên tu tập, lập công bồi đức, để tự trang nghiêm

cảnh giới Phật của chính mình, để rồi mình sẽ được thành Phật.

III.- TÓM KẾT

Phẩm “Ngũ bá đệ tử thọ ký” ẩn chứa nhiều mật nghĩa sâu kín, mỗi mật nghĩa là một bí pháp của kinh Pháp Hoa. Mật nghĩa nơi con số năm trăm. Mật nghĩa vô úy. Mật nghĩa đức tính hy sinh. Mật nghĩa nhường bước. Mật nghĩa đức độ của thành phần điều hành. Mật nghĩa ăn năn tự trách. Mật nghĩa gã cùng tử bầu áo có ngọc. Mật nghĩa cõi quốc độ của Tôn giả Phú Lô Na. Mật nghĩa của hai chữ Pháp Minh. Mật nghĩa của hai chữ Phổ Minh. Mật nghĩa của hai cách ăn uống theo pháp thiền duyệt thực và pháp hỷ thực. Mật nghĩa quốc độ không có đường dữ, không có người nữ, không có dâm dục. Mật nghĩa cách phổ truyền. Mật nghĩa cách chuyển hóa. Nhất là mật nghĩa **ẩn chứng cho thành phần nhân sự điều hành.**

Nói chung mỗi câu, mỗi chữ nơi toàn bộ kinh Pháp Hoa, hoặc nơi phẩm kinh này cũng đều là bí pháp, đều là chiếc chìa khóa mở khai mọi sự huyền diệu, nhiệm mầu, bí ẩn của pháp chơn thật hòa đời. Rất mong mọi người, mọi loài, mọi tầng

lớp khắp pháp giới chúng sanh thẩm sâu nghiêm mật vào từng mỗi bí pháp của kinh Pháp Hoa.

Năm trăm đệ tử được thọ ký không từ nơi tuyển chọn, mà là từ nơi lâu đời đã giáo huấn. Năm trăm vị Thánh A La Hán này đã được Đức Phật giáo huấn trải dài nhiều đời nhiều kiếp, cụ thể hơn là đã nhiều chục năm qua thuộc đời này, kiếp này.

Bất cứ tổ chức nào, một công việc nào cần có ngàn tay, ngàn mắt, do từ một đầu chỉ đạo thì cái đầu chỉ đạo đó phải giáo huấn nhiều tháng năm, sau đó mới truyền trao sứ mạng điều hành tổ chức, điều hành sự việc. Được như vậy mới thành tựu, tâm đại bi mới trải dài khắp nơi một cách vô ngại.

Nước Nhật lập quốc gồm năm trăm sinh viên do một cái đầu của Ngài Từ Phước chỉ đạo, tuy có thành công, nhưng thành công riêng cho nước Nhật, mà không lợi cho các nước khác. Vì sự tổ chức lập quốc thiếu thành phần lãnh đạo, thiếu yếu tố tín giải. Có một Từ Phước chỉ đạo và năm trăm sinh viên điều hành, chứ không có thành phần lãnh đạo. Còn Việt Nam thì Lạc Long Quân chỉ đạo, Âu Cơ lãnh đạo, một trăm sắc tộc điều

hành (*đồng bào thai*). Nước Nhật lập quốc lại quên phương pháp “**Đại Thông**” và chưa có “**Trí Thắng**”. Phẩm Ngũ bá đệ tử không hạn hẹp cho đạo Phật, mà mở rộng hết thảy muôn loài. Một công thức dành cho tổ chức quản trị nhân sự siêu đẳng.

Kính mong các bậc cao minh chứng giám, quý vị thức giả, trí giả đồng hành. Toàn thể hành giả Pháp Hoa kinh và những ai tu cầu hoa sen pháp Diệu Đại thừa, luôn kiên trì tu luyện.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp hộ trì cho nhân loại sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, để cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thấm nhập khắp các cõi trùng trùng pháp giới bao la, thơm ngát hoa sen pháp diệu. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Thở hơi ấu nhi:

**Đúng năm nguyên tắc, mà nguyên tắc
quan trọng nhất là môi hở răng khít. Mọi
nơi, mọi lúc, sắp ngủ, lúc ngủ, kể cả ngồi
thiền cũng phải giữ môi hở răng khít.**

- * Hít vào bằng mũi và nới bụng.**
- * Thóp bụng thở ra bằng kẽ chân răng.**
- * Môi hở răng khít.**
- * Thở chậm sâu lâu nhẹ.**
- * Tư tưởng theo hơi.**

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

17

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 17

PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KỶ
Thứ chín

- Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan.
- Tám nghìn người thối mất.
- Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La.
- Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học.

I - MỞ ĐẦU

Phẩm thứ tám kinh Pháp Hoa, năm trăm vị đệ tử được thọ ký, đây là Đức Phật ấn chứng và truyền trao cho thành phần “**điều hành**”, thuộc tổ chức của Đức Phật.

Phẩm thứ chín này Đức Phật lại ấn chứng và truyền trao thêm cho hàng học và không còn phải học. Vậy là Đức Phật truyền trao cho thành phần nào? Thành phần “**hộ trì**”.

Bốn lần thọ ký. Ba lần trước thọ ký cho thành phần **chỉ đạo** và **lãnh đạo**. Hai phẩm tám và chín thọ ký cho thành phần **điều hành** và **hỗ trợ**.

Thành phần hỗ trợ thì đông hơn và quan trọng hơn, bởi vì thành phần hỗ trợ Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan, mà Tôn giả A Nan là người đứng đầu phẩm kinh này được thọ ký và là nhân vật quan trọng thuộc hàng nhớ lâu bậc nhất trong các đệ tử xuất gia của Đức Phật. Ngoài công đức, hạnh nguyện và việc làm thì Tôn giả A Nan còn phát lời đại thệ nguyện: Nguyện phụng sự chúng sanh chứng thành Phật, số đông nhiều như số hạt bụi khắp cõi trần. Tôn giả xin Đức Phật chứng minh lời thệ nguyện của mình.

Phiên âm nguyên văn:

... Diệu trạm tổng trì bất động tôn
 Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu
 Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tướng
 Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân
 Nguyện kim đắc quả thành Bửu Vương
 Hoàn độ như thị Hằng sa chúng
 Tương thủ thân tâm phụng trần sát
 Thị tắc danh vi báo Phật ân
 Phụng thỉnh Thế Tôn vị chứng minh
 Ngũ trước ác thế thệ tiên nhập
 Như nhất chúng sanh vị thành Phật
 Chung bất ư thủ thủ nê hoàn

Đại hùng đại lực đại từ bi
 Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc
 Linh ngã tảo đặng vô thượng giác
 Ở thập phương giới tọa đạo tràng
 Thuận nhả đa tánh khả tiêu vong
 Thước, ca ra, tâm, vô động chuyển.

Tạm dịch:

Tổng trì vắng lặng chẳng động là lớn
 Thủ Lăng Nghiêm vào đời hy hữu vua
 Con tiêu trừ tướng điên đảo nhiều kiếp
 Chẳng trải tăng kỳ mới chứng pháp thân
 Nguyên hiện đời chứng quả thành Bửu Vương
 Hoàn độ chúng như là cát sông Hằng
 Trải thân tâm độ chúng như vi trần
 Như thế mới gọi là báo ân Phật
 Kính thỉnh Thế Tôn thương chứng minh
 Đời năm trước ác thế vào trước
 Còn một chúng sanh chưa thành Phật
 Con chưa chịu chứng quả Niết bàn
 Đại hùng, đại lực, đại từ bi
 Mong được xét trừ lỗi vi tế
 Khiến con sớm đắc Vô thượng giác
 Ngồi đạo tràng ở khắp mười phương
 Tánh hư không có thể tiêu mất

Tâm kim cương chẳng hề lay động.

Lời phát đại thệ nguyện của Tôn giả A Nan, chư Tổ đã đưa vào phần mở đầu cho thời khóa tụng buổi sáng, tại các chùa thuộc phái Bắc tông. Lời nguyện cách mấy ngàn năm mà ảnh hưởng vẫn mầu nhiệm, vẫn tác động vào lòng người. Nhất là những ai đã được thấm nhập nó vào thời còn làm chú Đệu, chú Sa di. Trong khung cảnh tịch lặng của ngôi chùa hùng tráng, hòa với làn gió thoảng ban mai, có lúc màn sương hơi lành lạnh. Nhịp mõ đều đều, tiếng chuông thanh thoát. Chú Đệu đã thuộc nhào bài tựa Thủ Lăng Nghiêm, mắt lim dim, miệng mơ màng tụng đọc, tâm hồn thả lỏng theo tiếng mõ âm chuông. Trạng thái này trải dài từ ngày này đến ngày khác, từ tháng nọ đến năm kia. Mãi cho đến năm thọ giới Sa di, rời cái tên “Ông Đệu”, được lên chức “chú Sa di”, có nơi gọi là thầy Sa di. Thầy Sa di lúc bấy giờ đã có phần căn bản và ý thức mùi vị thơm ngon nhập đệu với mùi trầm hương, hoa quả và tiếng mõ sớm chuông chiều. Lúc bấy giờ, thầy Sa di càng tinh tấn đối với thời tu tập công phu khuya.

Sự tuyệt vời của Bồ tát Quảng Đức là Ngài không bỏ thời công phu khuya (*bốn giờ sáng*).

Thời công phu khuya có gì hấp dẫn mà đã cuốn hút bao nhiêu tâm hồn thấm nhập một cách say sưa như thế? Có chứ! Có “năm đệ thân chú Thủ Lăng Nghiêm” và “mười bài chú đại diện mật tông”, nhất là có bài tựa Thủ Lăng Nghiêm, tức là lời phát nguyện của Tôn giả A Nan. Bài tựa Lăng Nghiêm này gây nhiều xúc cảm. Xúc cảm đến độ hòa làm một, cùng chung với Tôn giả A Nan phát nguyện một lời thề, đó là chưa kể sám quy mạng.

Cũng có nhiều vị xuất gia tu học, nhưng không có dịp may được xúc cảm lời phát đại thệ nguyện ấy, vì không chuyên tâm thọ trì, hoặc có thọ trì nhưng chưa hiểu chu đáo, bởi không được nghe giảng giải tở mỷ về lời tâm nguyện đại quy mô. Hoặc có vị tu sĩ thuộc trường phái cầu nhàn, thụ hưởng, chứ không thuộc thành phần hiến dâng, phục vụ, nên không hưởng được sự thích thú bài tựa Lăng Nghiêm.

Ảnh hưởng của Tôn giả A Nan không thể nghĩ bàn, có thể nói còn cả trăm ngàn vạn triệu ức tở công đức sâu xa khác đối với chúng sanh hiện đời và mãi ngàn sau. Đúng ra đời cần phải tôn xưng Ngài Tôn giả A Nan là vị Phật thứ hai, sau Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng vì Ngài

đã cố ý cải trang đóng vai phàm Tăng, với nhiệm vụ làm Thị giả hầu hạ Đức Phật, nên chúng ta chưa dám tôn xưng đó thôi!

Phần mở đầu hơi dài và chỉ sơ lược phần Tôn giả A Nan, còn Tôn giả La Hầu La và hai ngàn vị cả “phàm lẫn Thánh” cũng đều được Đức Phật thọ ký nơi phẩm kinh này. Trước khi giới thiệu hai phần này, chúng ta nên ổn định tư tưởng về đề phẩm kinh:

- + Có nơi ghi là Thọ học vô học nhưn ký.
- + Có nơi ghi là Hữu học vô học thọ ký.

Ý nghĩa thì một nhưng phân tích bằng âm Hoa Việt nên khó hiểu, khiến có người ngộ nhận rằng: Hữu học là người có học thức, còn vô học là người dốt nát. Nếu thọ ký cho hàng ngàn người dốt nát thì còn gì ý nghĩa cao thượng của quy pháp thọ ý!

Có trường hợp một chú Điệu, được thầy nhắc chú lo học. Chú trả lời, kinh Pháp Hoa dạy đâu cần phải học, dốt chữ (vô học) vẫn được thọ ký thành Phật, thầy không rõ hay sao mà khuyên con phải học? Ôi thật tai hại thay cho sự thiếu sót của những hiểu biết sai lầm. Những lỗi thiếu sót này không do người học trò, mà do các bậc mô

phạm, các Ngài làm thầy chưa tìm đủ phương pháp hướng dẫn đàn hậu học.

Chữ học là dành riêng để chỉ cho người học rộng hiểu xa, trình độ học sĩ, viện sĩ, bác học, học giả, triết gia, giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, yếu nhân, vĩ nhân, hiền nhân ... Hàng học thức này tuy học rộng hiểu xa, nhưng còn phải học, vẫn còn quây quần trong phạm trù vật thể, vẫn còn ở ngôi vị phàm nhân chứ chưa đắc Thánh quả. Thành phần này sống hòa vào dòng đời để hướng dẫn, để giáo huấn thiên hạ mở mang kiến thức, trí thức hầu giúp nhiều người hưởng đạt được cuộc sống hạnh phúc, an vui. Còn chữ “vô học” là đã học tròn đầy và chứng Thánh quả, đã học nhiều đời nhiều kiếp, đã thuộc về bậc “**tri thức**”, trí tuệ. Hàng hữu học phải sử dụng “**trí**” để phân biệt sự việc. Hàng vô học thoáng qua đã “**tri**” được sự việc, đã nhập vào trạng thái cách vật trí tri rồi, chứ không phải vô học là những con người dốt nát như một số người lầm tưởng. Lầm tưởng lười học, mà lại còn nêu Ngài Lục Tổ Huệ Năng để làm điển hình. Họ đâu có hiểu Ngài Huệ Năng từ một vị Thánh A Na Hàm, hay Tư Đà Hàm tái sanh. Ăn bậy, nói bừa đọa ngục vô gián khó cứu, **phá giới không bằng phá kiến.**

Để dễ hiểu, dễ thấm nhập vào các tầng lớp quần chúng, chúng ta nên cùng hiểu chữ “vô học” thành chữ “chẳng còn học”. Đại khái là không còn phải học nữa.

Còn chữ nhân ký, tên đề phẩm kinh này ý nói là phần này cả phàm lẫn thánh đồng được thọ ký chung một danh hiệu **Phật Bửu Tướng Như Lai**.

Tướng Báu tức là chỉ về phần vật thể, thuộc phương diện hỗ trợ. Các phẩm thọ ký trước thuộc phần chỉ đạo và lãnh đạo và điều hành nên nặng về lý tánh, nghiêng về tâm linh.

Tên đề phẩm kinh: “**Thọ học vô học như nhân ký**”.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La danh hiệu Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai. Đạo Thất Bửu, nhập vào con đường nở hoa bảy báu, cũng ở về hỗ trợ thuộc mặt pháp tướng.

Chỗ khó phân tích để dễ thấm nhập là chỗ Tôn giả A Nan chưa chứng đắc Thánh quả A La Hán, nhưng Đức Phật lại thọ ký cho Tôn giả A Nan từ danh hiệu, số kiếp, chánh pháp, tượng pháp lẫn quốc độ đều cao siêu hơn các vị đại đệ

tử khác. Đặc biệt của Tôn giả A Nan là sau khi Phật diệt độ, hàng chư Tăng tổ chức kết tập lời thuyết giảng suốt bốn mươi chín năm của Đức Phật thì Tôn giả A Nan lại bị Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp trục xuất ra khỏi hội kết tập, vì tội chưa chứng Thánh quả A La Hán. Nhưng oái oăm thay, toàn thể đệ tử xuất gia của Đức Phật chỉ có hai người nhớ rành rõ lời Phật không thiếu lời nào, đó là Ngài Kiều Phạm Ba Đề và Ngài A Nan. Nhưng Tôn giả Kiều Phạm Ba Đề thì triệu thỉnh không về. Khi về lại dùng lửa tam muội tự đốt thân để theo thầy, theo Phật.

Nguyên tắc kết tập là đủ một nghìn vị Thánh Tăng, cùng chung một hội trường. Trên bàn cao có nhiều vị Trưởng lão chứng minh. Bàn thứ nhì là một vị Thánh Tăng, người nhớ tất cả lời dạy của Đức Phật, đứng lên trùng tuyên lại từ đầu đến cuối những lời Đức Phật đã thuyết suốt bốn mươi chín năm. Những lời giảng thuyết thuộc hội nào, ở đâu, tên kinh gì, thuộc dạng nào trong mười hai bộ kinh? Chín trăm chín mươi chín vị ngồi nghe, từ ngày này đến ngày khác, năm này sang năm nọ, khi nào xong thì mới làm lễ hoàn mãn. Nếu vị trùng tuyên sai một lời, sót một câu thì trong số chín trăm chín mươi chín vị

ai nhớ đứng đứng lên rung chuông xin sửa. Kể cả vị tuyên xướng, đứng thì đại chúng một ngàn vị đồng ý, thư ký chép vào lá bối, lưu lại hậu thế làm pháp bảo.

Từ khi Tôn giả A Nan bị trục xuất khỏi hội kiết tập, Ngài Kiều Phạm Ba Đề dùng lửa tam muội tự thiêu thân thì ngày nào Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp cũng đánh kiềng chùy (kểng hiệu) triệu tập Thánh Tăng về đủ để tiến hành việc kiết tập. Nhưng than ôi! Ngày nào cũng như ngày nào, ngày nọ qua ngày kia, Thánh Tăng về dư, nhưng người học rộng, nhớ rành thì chẳng có. Bầu không khí buồn thảm bao trùm cả xứ Ấn và cõi Sa Bà, lẫn trùng trùng pháp giới bao la. Trong lúc đó, Tôn giả A Nan an nhiên nhập định. Nhờ sự tinh tấn của Tôn giả A Nan và thành tâm cầu nguyện của hàng nghìn vị A La Hán, Tôn giả A Nan đắc Thánh quả. Nửa đêm đến hội kiết tập gõ cửa xin vào. Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp đáp: “Nếu đã chứng Thánh quả, xin mời Tôn giả vào bằng đường ổ khóa, vì cổng chính chưa có lệnh mở” ...

Đại hội kiết tập kinh điển tiến hành trong niềm đại hoan hỷ của cả trời thần người quý

rồng, khắp trùng trùng pháp giới. Công đức của Tôn giả A Nan làm sao có thể nghĩ bàn.

Phẩm học và vô học như ký, Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan đúng tầm mức và danh vị quan trọng của một Thánh Tăng. Tôn giả A Nan, người đứng đầu trách nhiệm việc hỗ trợ giáo pháp của Như Lai và chư Phật khắp mười phương.

Ngàn xưa dẫn đến ngàn sau, bất cứ là tổ chức nào, sự hưng suy, thành bại, truyền lưu lâu mau đều do yếu tố nhân sự quyết định. Về tổng cương thuộc phần yếu tố nhân sự, lại còn chia nhiều mục chi tiết. Chúng ta nên lưu ý nơi phẩm kinh này Đức Phật nhấn mạnh việc truyền thừa cho thành phần “hỗ trợ”. Tôn giả A Nan đứng đầu thành phần nhân sự hỗ trợ thì tuyệt vời, chẳng hề có một mảy may sơ hở.

Các địa hạt, quốc gia, làng xóm, tông môn, hệ phái, tộc họ, gia đình nên nhuần nhuyễn bí quyết phẩm Thọ ký của kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, hầu làm kim chỉ Nam duy trì và phát huy đơn vị của mình. Đến đây chúng ta đã thấy rõ lời dạy nơi kinh Pháp Hoa, không chỉ dành

riêng cho Phật giáo, mà là truyền pháp Diệu nhập đời chung cho đời muôn loài.

Đức Phật thọ ký cho hai vị Tôn giả A Nan và La Hầu La xong, lại tiếp tục thọ ký cho hai nghìn vị, cả phàm lẫn Thánh, toàn những bậc học thức và không còn phải học đều đồng thành Phật. Hai nghìn vị này thành Phật chung một danh hiệu là Bửu Tướng Như Lai.

Ngoài ra, Đức Phật cũng công bố rằng bất cứ ai có hạnh nguyện và thực hành hạnh nguyện hỗ trợ kinh Pháp Hoa, Đức Phật cũng đồng thọ ký cho đều thành Phật.

II.- NỘI DUNG

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan

Chính văn

1- Bấy giờ, Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La cùng nghĩ như vậy: “Chúng ta thường tự tư duy, nếu được thọ ký há chẳng là vui thích lắm ư!”. Hai vị rời chỗ ngồi đến trước Phật, đầu mặt lạy chơn Phật đồng bạch rằng: “Thế Tôn! Trong việc này chúng con cũng đáng có phần thọ ký. Chỉ có Đức Như Lai là

chỗ về nương của chúng con. Lại chúng con là người thân biết của tất cả trời người A Tu La trong đời. Họ biết A Nan thường làm Thị giả hộ trì tạng pháp, La Hầu La là pháp tử của Phật, nếu được thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho, thời lòng nguyện cầu của chúng con đã mãn, mà lòng trông mong của đại chúng cũng được đầy đủ”

Lúc đó, hàng đệ tử Thanh Văn, bậc còn học cùng bậc không còn phải học, hai nghìn vị đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu đến trước Phật chấp tay một lòng chiêm ngưỡng dung nhan của Thế Tôn, nguyện như chỗ nguyện cầu của A Nan và La Hầu La rồi đứng qua một bên.

2- Bấy giờ, Đức Phật bảo A Nan: “Ông ở đời sau sẽ đặng làm Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; ông sẽ cúng dường sáu mươi hai ức Đức Phật, hộ trì tạng pháp, rồi sau đó mới chứng đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giáo hóa chúng Bồ tát hai mươi nghìn muôn ức lần số cát sông Hằng ... làm cho thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nước tên là Thường Lập Thắng Phan, cõi đó thanh tịnh, đất bằng chất lưu ly. Kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn. Đức Phật đó thọ mạng vô lượng nghìn muôn ức a tăng kỳ kiếp, dù có người ở trong nghìn muôn ức vô lượng a tăng kỳ kiếp tính đếm số kể cũng chẳng có thể hết được. Chánh pháp trụ đời gấp bội thọ mạng, tượng pháp lại gấp bội chánh pháp.

Này A Nan! Đức Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương đó, được chư Phật khắp mười phương đông nhiều đến vô lượng nghìn muôn ức lần số cát sông Hằng, đồng ngợi khen công đức.

Khi đó, Đức Thế Tôn cần tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

3- Nay Ta nói trong Tăng:

A Nan, người trì pháp
Sẽ cúng dường chư Phật
Sau mới thành Chánh giác
Hiệu là Sơn Hải Huệ

Tự Tại Thông Vương Phật
 Cõi nước đó thanh tịnh
 Tên Thường Lập Thắng Phan
 Giáo hóa các Bồ tát
 Số đông Hằng hà sa
 Phật có oai đức lớn
 Tiếng đồn khắp mười phương
 Thọ mạng lâu vô lượng
 Vì bởi thương chúng sanh
 Chánh pháp bội thọ mạng
 Tượng pháp lại bội chánh
 Vô số hàng chúng sanh
 Đông hơn cát sông Hằng
 Ở trong pháp Phật đó
 Gieo nhưn duyên Phật đạo.

Giảng luận

Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La đứng lên trình bạch, mong được Đức Phật thọ ký. Tiếp theo có hai nghìn vị, gồm giới còn học và không còn phải học.

Đoạn kinh văn này ghi lại lời Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan, về vô lượng kiếp sau được thành Phật hiệu đã là Sơn Hải Huệ, mà còn Tự Tại Thông Vương Như Lai. Quốc độ, số kiếp và

sự hóa độ của Phật Sơn Hải Huệ quá ư là đặc biệt, vì vậy nên trong hội chúng, có tám nghìn vị vừa mới phát tâm Bồ tát, trong đó có số người chưa liễu thông, khởi tâm phân bì và thắc mắc.

Chín chữ danh hiệu Phật của Phật Sơn Hải Huệ, mỗi chữ là một bí pháp. Tên quốc độ là Thường Lập Thắng Phan, nêu rõ những nét nổi bật của Tôn giả A Nan. Thế nào là Thường Lập Thắng Phan? Hiểu nghĩa theo thời ấy, tại Ấn Độ có nhiều phái luận sư. Cứ qua một lần tranh luận, nếu vị trưởng phái nào thắng các phái khác thì được vua ban cho một lá trường phan: đó là **Thắng Phan** treo lên cột phướn.

Còn về chữ Thường Lập thì lại cùng mang một ý nghĩa sâu xa hơn. Tên kiếp và sự cấu tạo quốc độ, sự thọ mạng ... nói chung, mặt nào cũng đặc biệt. Đặc biệt của Tôn giả A Nan mà những vị Thánh A la Hán khác không thể có. Các phẩm trước Đức Phật thọ ký truyền trao cho người có bí pháp “**phổ truyền**” và bí pháp “**nhường bước**”. Phẩm này Đức Phật truyền trao cho người có bí pháp “**hạ thấp**”, “**ẩn dạng**”. Một vị Bồ tát mà cải dạng thành phàm Tăng, để chẳng những hy sinh, mà lại còn để chịu nhục nhã, bị Trưởng lão

Đại Ca Diếp đuổi ra khỏi hội kiết tập kinh điển. Ôi cao cả thay và tuyệt diệu thay! Nhất là hai chữ **bổn nguyện**.

Tám nghìn người thối mất Chính văn

4- Bấy giờ, trong hội hàng Bồ tát mới phát tâm, tám nghìn người, đều nghĩ thế này: “Chúng ta còn chưa nghe các vị Bồ tát lớn được thọ ký như thế, có nhơn duyên gì mà các vị Thanh Văn được thọ ký như vậy?”

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các vị Bồ tát nên dạy rằng: “Các thiện nam tử! Ta cùng các ông A Nan ở chỗ Đức Phật Không Vương, đồng thời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. A Nan thường ưa chuộng học rộng, còn ta thường siêng năng tu tập tinh tấn, cho nên ta nay đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà A Nan hộ trì pháp của ta và cũng sẽ hộ trì pháp tạng của các Đức Phật tương lai, giáo hóa thành tựu các chúng Bồ tát. Bổn nguyện của Tôn giả A Nan như thế nên đặng thọ ký như thế!

Tôn giả A Nan ở trước Phật, tự nghe Phật thọ ký cùng cả cõi nước trang nghiêm của mình, chỗ mong cầu đã đủ, lòng rất vui mừng đặng điều chưa từng có. Tức thời nghĩ nhớ tạng pháp của vô lượng nghìn muôn ức các Đức Phật thuở quá khứ, thông suốt không ngần ngại như hiện nay vừa mới nghe và cũng nhớ biết bốn nguyện.

Khi đó, Tôn giả A Nan nói kệ rằng:

Thế Tôn rất ít có
Khiến con nhớ quá khứ
Vô lượng các pháp Phật
Như chỗ nghe ngày nay
Con giờ không còn nghi
An trụ trong đạo Phật
Phương tiện làm Thị giả
Hộ trì các Phật pháp.

Giảng luận

Người đời bị tự kỷ ám thị đã đành, chứ hàng thánh triết, hiền triết, siêu học giả và học giả, chẳng những một người, mà đến tám nghìn vị vẫn bị tự kỷ ám thị, nên nổi sóng phân bì. Tám nghìn vị thâm tưởng có lẽ Đức Thế Tôn thiên vị. Một là

bà con, vì A Nan là em của Đề Bà Đạt Đa, vậy thì đối với Thái tử Tất Đạt Đa (*tức Đức Phật*) là anh em chú bác ruột. Thứ nhì, A Nan hiện là Thị giả của Đức Phật. Vì tự kỷ ám thị quá nặng như vậy nên các Ngài mới thâm nghĩ là Đức Thế Tôn thiên vị. Các Ngài đâu chịu nghĩ trước, suy sau, để nhìn cho tường tận rằng chẳng phải như thế. Bởi vì A Nan không chỉ mới trong một đời này làm bà con và làm Thị giả hộ trì chánh pháp của Đức Phật Thích Ca, mà đã từ vô lượng kiếp Tôn giả A Nan vốn là pháp tử với Đức Thích Ca Mâu Ni kia mà!

Lấy gì làm bằng chứng? Đời sống và hành động của Tôn giả A Nan chưa đủ chứng minh ư? Mỗi sự phổ truyền và hộ trì của Tôn giả A Nan là mỗi sự chứng minh rất rõ ràng, sáng tỏ bằng những phân tích các quy luật chi phối, chứ không chỉ soi nơi gương sáng, về đời sống của Đức Phật. Lại cũng không hề dựa theo triết lý hay nhắm mắt theo giáo điều, những việc làm của Tôn giả A Nan đều nhắm vào mục đích khơi dậy mọi tiềm năng ẩn tàng bên trong mỗi người, mỗi loài chúng sanh. Tôn giả A Nan đã hy sinh trọn đời mình, hy sinh cả danh dự mình để phụ tiếp với Đức Phật Thích Ca, khơi sáng tận nguồn chân lý.

Còn việc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký cho Tôn giả A Nan, là mở lại cánh cửa quá khứ của thời gian, giúp hàng hậu học và không còn phải học thấy đều giạt mình rằng, chính bản thân mỗi người chúng ta, ai ai cũng đều băng quên quá khứ. Và việc thọ ký đặc biệt cho Tôn giả A Nan, cũng chỉ là để minh chứng cho y báo, chánh báo của từng mỗi con người chẳng ai giống ai. Chủ đích là phá tan cái màng lưới phân bì, đồng thời phá tan cái lớp sương mù tự kỷ ám thị cho tất cả mọi loài, mọi người, nhất là giới thức giả. Càng là thức giả, lại càng nhiều tướng tượng. Khi đã rơi vào tướng là mơ mộng, là huyền ảo. Do ảo ảnh nên còn bệnh tự kỷ ám thị, còn phân bì.

Phá tan mọi thắc mắc, mọi phân bì, mới nhập được Pháp Hoa. Tại sao thắc mắc dễ tiến đến phân bì? Tại vì căn cứ về tướng mà quên tánh, cố chấp về sự mà quên lý. Hành giả Pháp Hoa không nên thiên lệch. Bệnh phân bì vì tự kỷ ám thị thì nhiều người mắc phải. Tu đến khi nào đạt bình đẳng tánh trí mới dứt bệnh phân bì. Còn loay hoay nơi ý, nơi thức, nơi vô thức thì vẫn còn phân bì, chỉ ít hay nhiều mà thôi. Kẻ phàm si mê thì bệnh phân bì quá nặng, bậc thức giả thì nhẹ

nhàng hơn. Chỉ có thế thôi! Chấm dứt phân bì, thế giới mới thực sự hòa bình.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hâu La

Chính văn

5- Bấy giờ, Đức Phật bảo Tôn giả La Hâu La: “Tôn giả La Hâu La về sau sẽ đặng thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. La Hâu La sẽ cúng dường các Đức Như Lai, như số vi trần trong mười thế giới. Thường vì các Đức Phật mà làm Trưởng tử, cũng như hiện nay đang làm.

Đức Phật Đạo Thất Bửu Hoa đó cõi nước trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo hóa đệ tử, chánh pháp và tượng pháp cũng đồng như Đức Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai không khác. La Hâu La cũng làm Trưởng tử cho Phật Sơn Hải Huệ Thông Vương Như Lai, rồi sau mới đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó Đức Thế Tôn dùng thơ kệ mà
trùng tuyên nghĩa này:

Lúc “Ta” làm Thái tử
La Hầu La Trưởng tử
Ta nay thành Phật đạo
La Hầu làm Pháp tử
Ở trong đời vị lai
Gặp vô lượng ức Phật
Làm Trưởng tử các Ngài
Một lòng cầu Phật đạo
Mật hạnh La Hầu La
Chỉ ta biết được thôi
Hiện làm Pháp tử ta
Hưởng dẫn các chúng sanh
Vô lượng ức nghìn muôn
Công đức không thể tính
An trụ trong Phật pháp
Để cầu đạo Vô thượng

Giảng luận

Đức Phật xác định: “Mật hạnh của La Hầu La chỉ riêng Phật mới biết”. Vì câu kệ xác định này, nên giới tu học, lẫn giới nghiên cứu khi gặp phần này là lướt qua chẳng chịu thấm sâu. Hơn

nữa nếu Đại hạnh, Khổ hạnh, Quảng hạnh ... dù có khó mấy cũng tìm thấy được, chứ còn Mật hạnh thì làm sao thấy. Vì hai lý do nêu trên nên toàn bộ kinh Pháp Hoa đến đoạn này thì bị lướt qua! Hàng ngàn, hàng vạn hạnh sâu kín, chúng ta cũng phải thấy một số hạnh tuyệt vời của Tôn giả La Hâu La chứ! Nếu không, chúng ta chẳng thấy sự lợi ích của đoạn kinh này nhập đời chỗ nào cả! Một điều quan trọng nữa là nếu không chúng ta sẽ khởi niệm nghi ngờ rằng: sở dĩ Đức Phật nêu hai chữ Mật hạnh là để thiên vị Tôn giả La Hâu La chẳng? Không! Đã là Phật thì làm gì còn có sự thiên vị. Việc nhóm chứa công hạnh ẩn mật của Tôn giả La Hâu La, dù chúng ta không thấy toàn bộ, cũng phải sáng tỏ một vài nét của Tôn giả chứ!

Ở đời, hầu hết con cháu của các bậc vua quan, trưởng giả, các bậc uy đức, thạc đức ... nói chung là con em, hoặc học trò của các vị có uy quyền, thường ỷ lại nơi uy thế của cha ông, thầy tổ của mình, cho nên sống nếp sống kiêu kỳ, hợm mình, tự cao, tự đại, tự phụ, cậy thế, ỷ thân, hiếp đáp hăm dọa kẻ khác, khinh miệt cấp thấp,

thường tấu thừa thêm bớt, dìm người, hại bạn, nghênh ngang, hống hách, xa xỉ, trác táng ...

Đa phần các bậc tuyệt giỏi thì con cháu lại học dở, nhưng mà đỗ đạt cao. Con cháu học dở mà cầm giữ nhiều chức vụ quan trọng, cho nên thường làm tắc nghẽn dòng chảy của xã hội, do cha ông đã dày công đóng góp xây dựng.

Đức vua Lê Lợi tài ba đức độ, mưu lược bao nhiêu thì Lê Chiêu Thống tội tệt bấy nhiêu! Ông cha làm thơm lừng lịch sử, con cháu làm hôi thối tông môn. Điều này ai ai cũng biết, nhưng ít ai làm được cái việc chỉ dạy con cháu. Bên ngoài hướng dẫn hàng ngàn vạn, triệu người khác, nhưng khi về nhà dạy vợ, dạy con, vợ không tuân, con không học. Chẳng những không tuân, mà đa phần vợ con, học trò lại còn kết thành một bè chống lại chồng, cha hoặc thầy tổ. Cho nên nhiều tộc họ, cha làm thầy con bán sách, hoặc nếu có giữ cũng chỉ được vài đời thì quyển sách ấy cũng lại thuộc về tộc họ khác. Chẳng ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời là bởi lý do vừa nêu trên. Lịch sử Việt Nam, thời Hùng Vương, đã giữ sự thanh bình cho đất nước suốt dòng lịch sử 2.622 năm, truyền nhau mười tám hệ của Hùng

Vương, chứ không độc giữ chỉ truyền cho con (truyền mười tám hệ chứ không phải mười tám ông vua).

Tôn giả La Hầu La sanh vào gia đình quyền quý, ông nội là Đại Hoàng đế, thân phụ thì làm Giáo chủ cõi Sa Bà, vậy mà trong suốt cuộc sống bên cạnh ông nội, bên cạnh thân phụ không hề khoe khoang, ỷ lại hoặc thể hiện một nét xấu nào.

Trong hàng ngũ xuất gia theo Phật, Tôn giả La Hầu La là vị nhập đạo trẻ tuổi nhất và thọ giới Sa di đầu tiên. Tuy ít tuổi nhưng tinh tấn tu học, chứng đắc quả vị Thánh A La Hán trước ông chú họ thông minh của mình, đó là Tôn giả A Nan. Chúng ta chỉ nên lược vài nét Mật hạnh của Tôn giả La Hầu La để làm kim chỉ Nam cho thế hệ trẻ, từ giới xuất gia, cũng như tại gia, đời cũng như đạo. Ngoài ra nói về đời sống tu hành của một chú Sa di La Hầu La, có hàng ngàn chuyện dí dỏm. Hồi còn làm chú Sa di, La Hầu La thường ôm bình bát theo Tăng đoàn đi khất thực. Một hôm đi ngang qua cánh đồng xanh, chú Sa di nghe tiếng thổi sáo, nghiêng mắt ghé nhìn về lũy tre làng thì ôi chao, nó đẹp làm sao, một cậu bé cỡ tuổi như chú, đang ngồi ung dung tự tại trên

mình con trâu, đầu đội chiếc nón rách xinh xinh, hai tay nâng ống sáo. Tiếng sáo véo von nghe nó thanh thót làm sao! Chú Sa di ước gì hôm nay Đức Trưởng lão Ca Diếp không sắp hàng cho mình đi sát Đức Thế Tôn, mà là được đi sau chót như mấy ngày trước thì mình sẽ lên trốn đoàn, vào bụi rậm giấu chiếc bình bát, rồi chạy ù vào xin cậu bé được cỡi trâu, được đội nón, được thổi sáo giây lát. Khi chư Tăng khát thực về, mình lên nhập vào đoàn. Ôi thỏa thích biết bao!

Trưa hôm ấy, sau giờ ngộ trai, Đức Thế Tôn đăng tòa thuyết pháp, chủ đề về ý buông lung tâm móng niệm, buông xả sáu căn, bị âm thanh sắc tướng cảm dỗ, vọng tưởng mộng lung. Từ mẫu chuyên đơn sơ Đức Phật khai mở tâm ý La Hầu La và dẫn La Hầu La trở về sống với cái thực của hiện tại. Đức Phật dạy đang đi trên bước chân này thì chỉ biết mình đang bước trên bước chân này, nghe bước chân này của mình đang bước, chớ nên để ý nghe tiếng thổi sáo từ lũy tre làng, bên cánh đồng xanh chen vào. Đang đi, thân mình cảm xúc êm ái hay thô cứng trên bước chân đi, đừng mơ mộng đang ngồi trên mình trâu, đầu đội nón rách xinh xinh. Sự xa vời mộng tưởng này nó sẽ khơi ý thêm khát, ý định nản

sinh sự dối trá, lén rời chư Tăng bỏ đoàn, giấu bình bát trong bụi rậm, chơi vui thỏa thích, rồi lén trở về nhập đoàn. Chỉ một vọng tưởng nhỏ vì đam mê âm thanh của tiếng sáo, mà nó đã kéo theo bao nhiêu là sai khuyết, tội lỗi. Nếu người trí không biết dừng lại để ăn năn sám tội thì sẽ bị ngũ dục cám dỗ. Khi bị ngũ dục lôi cuốn, trôi lăn theo dòng vọng động thì hạnh thanh tịnh đâu còn. Hạnh thanh tịnh đã mất thì là hình tướng oai nghi tế hạnh của vị đại diện ngôi Tăng Bảo còn đâu?

Tôn giả La Hâu La giật mình và tự nghĩ, tại sao mình chỉ nghĩ nơi ý, chưa kịp hành động và cũng chưa hề nói cho ai nghe, vậy mà Đức Thế Tôn đã rõ tất cả. Tôn giả thành tâm ăn năn sám hối.

Một hôm khác, Tôn giả La Hâu La dâng thau nước để rửa chân Đức Phật. Rửa xong Đức Phật hỏi:

- Này La Hâu La, ngay bây giờ con có thể rửa mặt vào thau nước này được không?

Chú Sa di La Hâu La cung kính:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nước này không thể rửa mặt được, vì nó đã vẩn đục.

Đức Phật lại hỏi:

- Nếu trước khi rửa chân thì con có thể rửa mặt vào thau nước này được hay không?

- Dạ thưa được!

Đức Phật dạy tiếp:

- Này La Hầu La! Con người cũng thế, khi đã vẫn đục như thau nước đục thì mất giá trị. Con tu học theo đạo thanh tịnh, để luyện sống đời sống tịnh hạnh, trong sáng. Vậy con đừng bao giờ chấp nhận thân tâm của con trở thành như thau nước đục!

- Bạch Đức Thế Tôn! Con hứa không để thân tâm con vẫn đục!

Chúng ta không hiểu Tôn giả La Hầu La đắc Thánh quả lúc nào và nhờ bài pháp nào, nhưng mỗi lần nghe Đức Phật dạy chung cho đại chúng, hoặc dạy riêng cho cá nhân thì Tôn giả La Hầu La thay đổi nếp sống rất nhanh. Từ một cậu bé tinh nghịch, đã nhanh chóng trở thành một con người sống đời thanh tịnh oai nghi tế hạnh, giới luật nghiêm minh, chứng Thánh quả trước người chú của mình.

Trong giáo đoàn, nếu người nào dù lớn tuổi nhưng sống sai giới luật, thiếu oai nghi tế hạnh

thì các thầy giáo hạnh của giáo đoàn thường sách tấn bằng cách nêu Tôn giả La Hầu La để làm gương. Đúng là không giáo huấn vẫn chuyển hóa được người nhờ thân giáo. Như thế không gọi Mật hạnh thì gọi là gì? Tôn giả La Hầu La, vị Thánh A La Hán, một trong mười vị đại đệ tử đứng đầu Giáo hội. Tôn giả La Hầu La vị đại đệ tử của Đức Phật, là vị Mật hạnh đệ nhất.

Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị thuộc hàng còn học và không còn phải học

Chính văn

6- Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy bậc còn học cùng không còn phải học hai nghìn vị, ý chí hòa dịu, vắng lặng trong sạch, một lòng quán Phật. Phật bảo A Nan: “Ông thấy bậc còn học, bậc không còn phải học hai nghìn vị đây chăng?”.

- Vâng! Con đã thấy.

- A Nan! Những vị ấy sẽ cúng dường chư Phật như số vi trần trong năm mươi thế giới, cung kính, tôn trọng, hộ trì pháp tạng. Rốt sau đồng thời ở các cõi nước trong mười phương đều đặng thành Phật, cùng đồng một

hiệu là Bửu Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, sống lâu một kiếp, cõi nước trang nghiêm Thanh Văn, Bồ tát, chánh pháp, tượng pháp thấy đều đồng nhau.

Lúc đó, Đức Thế Tôn cần tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

Hai nghìn Thanh Văn đây
 Nay đang ở trước ta
 Thấy đều thọ ký cho
 Sau này sẽ thành Phật
 Cúng dường khắp chư Phật
 Đông nhiều như vi trần
 Hộ trì tạng pháp Phật
 Sau sẽ thành Chánh giác
 Ở mười phương các nước
 Thấy đồng một danh hiệu
 Cùng lúc ngồi đạo tràng
 Để chứng tuệ Vô thượng
 Đều hiệu là Bửu Tướng
 Cõi nước cùng đệ tử
 Chánh pháp và tượng pháp

Thầy đồng không có khác
 Đều dùng các thần thông
 Độ mười phương chúng sanh
 Tiếng đồn vang khắp cùng
 Lân nhập vào Niết bàn.

Liên đó, bực còn học cùng không còn phải học trọn đủ hai nghìn vị, nghe Đức Phật thọ ký vui mừng hớn hở đồng xưng thơ kệ rằng:

Thế Tôn ánh đèn tuệ
 Chúng con nghe thọ ký
 Lòng vui mừng tràn ngập
 Như được rưới cam lộ

Giảng luận

Tôn giả A Nan chưa chứng Thánh quả, nhưng được thọ ký thành Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai. Chánh pháp, tượng pháp và sự thọ mạng số kiếp lâu xa không tính đếm được. Còn hai nghìn vị học thức uyên thâm và không còn phải học, đa số đã chứng Thánh quả. Vậy mà khi thành Phật, thọ mạng, kể cả chánh pháp, tượng pháp chỉ có một kiếp. Đây là mật nghĩa khó suy lường.

Y báo, chánh báo không căn cứ trình độ học thức, hoặc tu chứng, mà là trả lời bằng một đáp số của toàn cuộc sống. Đó là **bổn nguyện**, đó là **thực hành**. Bổn nguyện của Tôn giả A Nan hùng vĩ quá, siêu việt quá. Thực hành của Tôn giả A Nan bao la quá. Còn hai nghìn vị học và không còn phải học chỉ mới có một chiều học rộng, hoặc nếu vị nào tu chứng thì cũng chứng hạnh Tiểu thừa mà thôi. Hai nghìn vị còn thiếu cao, sâu, rộng, mạnh. Phật là cao, sâu, rộng, mạnh, lớn không ngoài, nhỏ không trong. Tôn giả A Nan đa dạng, đa năng, hạnh nguyện rộng lớn, bao la. Tôn giả La Hầu La là chiều sâu, là Mật hạnh. Còn hai nghìn vị học và không còn phải học thì mới có từng vấn đề.

Cũng ví như đầu máy đa hệ, đem so với đầu máy đơn hệ. Ai đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa mà thẩm sâu vào phẩm “Thọ học vô học như ký”, nhất là liễu thông đoạn kinh này thì sẽ thấy rõ tại sao các Ngài thành Phật hiệu là Bửu Tướng, tại sao chánh pháp, tượng pháp và thọ mạng của các Đức Phật Bửu Tướng chỉ có một tiểu kiếp.

Giới học Tăng, học Ni, giới nam nữ Phật tử nên thâm sâu vào đoạn kinh thuộc phẩm này, để tâm hồn không còn câu nệ, cố chấp pháp thế gian, không còn chạy theo một chiều. Nếu ai mở rộng tâm hồn không vị kỷ nơi quả vị Thanh Văn, không vị kỷ nơi thụ hưởng, không vị kỷ nơi sự hiếu kỳ của thiên hạ. Trái lại phải rộng mở, phải đa dạng, đa năng, phải sống vì người khác, phải hy sinh cho cái chung cho mọi người, phải phát tâm cầu thành Phật, được vậy là đang thọ trì kinh Pháp Hoa, đang gia nhập vào thành phần nhân sự điều hành giáo pháp, bằng không được vậy thì đem tài học rộng hiểu xa để hỗ trợ chánh pháp. Hai nghìn vị thuộc thành phần này, dù số kiếp thành Phật cùng chánh pháp, tượng pháp thời gian có ngắn, nhưng vẫn được thọ ký thành Phật.

III.- TÓM KẾT

Đa phần hành giả Pháp Hoa đọc tụng đến phẩm thứ chín này thường lướt qua, bởi vì đa phần nghĩ rằng phẩm kinh này Đức Phật thọ ký cho ba thành phần:

- ❶ Tôn giả A Nan.
- ❷ Tôn giả La Hầu La.
- ❸ Hai nghìn vị học và không còn phải học.

chứ chẳng đề cập gì đến phương pháp tu trì thuộc Nhất thừa cả!

Nếu quan niệm như vậy thì quá hời hợt, tất cả các nhân vật đệ tử của Đức Phật, mỗi vị quan trọng khác nhau. Riêng Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hưu La mức quan trọng người đời khó nhìn thấy.

Đọc hết phẩm “Thọ học vô học nhưn ký” này, chúng ta tập trung “**Văn tư tu**” (nghe, tư duy và tu luyện) về ba danh hiệu.

Phẩm này Đức Phật thọ ký có ba phần:

1. Tôn giả A Nan thành Phật hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

2. Tôn giả La Hưu La thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

3. Hai nghìn vị học và không còn phải học thành Phật, hiệu là Bửu Tướng Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

Ba danh hiệu Phật của cả ba đã nói lên tầm quan trọng, nhất là hai danh hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai và Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai, quan trọng đến tột đỉnh cao của

vấn đề, vậy thì sao lại quan niệm chẳng liên quan đến việc tu luyện của mỗi chúng ta?

Mặt khác, đối chiếu cuộc sống của Tôn giả A Nan, một bậc siêu quần bạt chúng, học rộng nhớ rành, vậy mà bị Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp làm nhục đuổi ra khỏi đại hội kiết tập, liệu như cá nhân chúng ta có nhẫn chịu được không? Vậy có liên quan đối chiếu giữa kinh và chính mình được

hay không?

Tôn giả La Hầu La là vị Phật có danh hiệu Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai đầy đủ mọi phương diện, mọi điều kiện bắt buộc kẻ khác hầu hạ. Trái lại đã không bắt ai hầu hạ mình mà còn tự động thay Tôn giả A Nan làm bớt việc của một vị Thị giả.

Thái tử Tất Đạt Đa rời cung vàng điện ngọc bởi vì tiền thân Thái tử là Bồ tát Hộ Minh và lúc Ngài rời cung điện tuổi đã trưởng thành, cho nên cũng không có gì là khó hiểu. Đấng này, vương tử La Hầu La còn quá bé thơ mà lại rời cung vàng điện ngọc, rời cả sự trìu mến thâm thương của mẹ, của ông nội, để chấp nhận đời sống tu hành, hằng ngày bưng bát đi khát thực làm một vị

tu sĩ như thế không đáng làm gương cho hậu học hay sao? Phẩm kinh này là phẩm kinh gởi đầu năm cho các chú Điều, các vị Sa di. Hãy nhìn gương Sa di La Hầu La đã dùng thân mình để giáo hóa các vị Tăng nào còn thiếu sót về mặt oai nghi tế hạnh, như thế không Mật hạnh là gì? Tại sao các vị Sa di thời nay không noi gương, không muốn nhận câu xưng tụng của người đời: **“Sa di thuyết pháp Sa môn thính”** hay sao?

**

Toàn bộ kinh Pháp Hoa và riêng phẩm kinh này cũng không dành riêng để chỉ đạo cho giới tu luyện kinh Pháp Hoa, mà là chung cho toàn xã hội loài người. Nhất là việc còn học, không chỉ dành riêng cho hàng học thức. Không còn phải học không chỉ dành riêng cho hàng Thánh quả.

Vậy thì giới học thức nếu đồng nhất quán cùng với giới còn học và không còn phải học, số lượng hai nghìn vị cùng chung một tâm nguyện, một chủ hướng, một chỉ đạo thì sẽ đạt **Bửu Tướng**. Bửu Tướng thuộc phần vật thể quý báu. Dòng đời này cần gì, cần tâm linh và vật thể. Tâm linh ở phẩm khác, vật thể ở phẩm này. Vậy thì các nhà bác học, yếu nhân, vĩ nhân, triết

nhân, hiền nhân, học giả có cần nghiên cứu sâu về phẩm kinh này không? Nếu cần, chúng tôi xin gợi ý là phải hội tụ đủ cả ba thành phần nhân sự.

❶ Thành phần thứ nhất một vị hỗ trợ đạo tài trí xuất sắc hơn người, nghĩa là trình độ siêu quần bạt chúng, nhưng lúc nào cũng đóng vai giả vờ phàm tục, đóng vai phó thường dân để gồm thâu tất cả mọi tinh ba trong giới quần chúng.

❷ Điểm xuất sắc thứ hai của phẩm này là Đức Phật chú ý đến nuôi dưỡng đầu tư một nhân vật tuổi còn quá trẻ mà đã đứng vào thập đại đệ tử xuất sắc của Đức Phật. Tôn giả La Hưu La, vị **Mật hạnh đệ nhất**. Không bao giờ nghe Tôn giả La Hưu La nói gì, mà là đã nói tất cả. Nói lên Đức Phật và nói xuống cho đại chúng nghe. Nhiều lúc không dùng ngôn ngữ để nói mà chỉ dùng mắt, dùng thân, dùng ý để nói.

Tất cả hầu như các tổ chức tôn giáo cũng như thế quyền, từ ngàn xưa dẫn đến nay, khó tìm thấy một tổ chức nào có nhân sự trẻ kiệt kiệt như vậy. Muốn có nhân vật kiệt kiệt không phải việc ngẫu nhiên há miệng chờ sung, mà phải có phần đào tạo. Đào tạo chọn lọc từ nơi gia tộc đầy đủ phước đức, tư cách tánh hạnh khi còn ấu nhi, nhất là

phương thức giáo huấn. Giáo huấn từ một vị đại vương tử, cháu nội một Đại hoàng đế, chịu mặc áo vá, bưng bình bát làm người hành khất, sống đạm bạc qua ngày, rày đây mai đó. Giáo huấn cất rời âm thanh mê tiếng sáo trúc. Giáo huấn phân tách dòng đời trong đục như thau nước đục trong.

❸ Phần đặc biệt thứ ba của phẩm này là hai nghìn vị, cả phàm lẫn Thánh đều nhất quán, đều chung dòng tư tưởng và chịu chung một sự chỉ đạo. Tức là chịu chung một sự thọ ký, cùng chung một danh hiệu Bửu Tướng Như Lai.

Giữa dòng đời này tìm được năm mươi người trùng tên, chung hạnh nguyện đã rất khó khăn rồi. Đằng này phẩm kinh nêu con số đến hai nghìn vị mà lại cùng chung một quan niệm, cùng chung một ảnh hưởng, cùng chung một hướng đến, cùng chung một tổ chức, cùng chung một chỉ đạo, cùng chung một danh hiệu **Bửu Tướng**.

Đã hiểu rõ ba điểm đặc biệt thuộc thành phần nhân sự hỗ trợ của Đức Phật, rất mong những ai vào đời khi muốn phục vụ, khi muốn đem pháp Diệu nhập đời, hầu hiển hưng đời thì

xin hãy tuân tự áp dụng đúng quy pháp của từng mỗi vấn đề.

Ôi tuyệt diệu thay phẩm kinh dành cho những nhà lãnh đạo, yếu nhân, mô phạm giữa dòng đời. Vậy mà nữ nào những vị đã tự chọn mình làm hành giả Pháp Hoa lại lướt qua.

Nhật Bản yên bình thịnh vượng, dân giàu nước mạnh là nhờ vị Đông cung Thái tử của Nhật hoàng, chọn kinh Pháp Hoa làm sườn để soạn thành bản Hiến pháp cho nước mình.

Pháp Diệu nhập đời chẳng một chẳng hai. Tại sao ta mãi còn phân biệt có hai có một? Thế giới năm châu loài người chung một, cả đạo lẫn đời đều sống hòa hợp trong pháp Diệu thì làm gì còn có xung đột chiến tranh?

Kính lạy Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Kính lạy thập phương thường trụ Tam Bảo gia hộ cho tất cả các pháp giới chúng sanh đều thấm nhuần hoa Sen pháp Diệu, đưa phương pháp an lành mâu nhiệm nhập đời, để đời đẹp, đạo hưng.

Hồi hướng công đức này đến thấy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin

kết thành Bồ đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Pháp sư:

- * *Ở nhà từ bi rộng lớn*
- * *Mặc áo nhũn nhục nhu hòa.*
- * *Ngồi tòa các pháp không.*

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

18

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 18

PHẨM PHÁP SƯ - Thứ mười

- Đức Phật thọ ký cho những người tin nghe và thọ trì kinh Pháp Hoa.
- Đức Phật nêu công hạnh sáu thành phần thọ trì kinh Pháp Hoa.
- Tại sao kinh Pháp Hoa thuộc hàng đệ nhất.
- Ví như người đào giếng.

I - MỞ ĐẦU

Phẩm thứ 8 bài số 16 Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na và năm trăm vị A La Hán thành phần điều hành đúng nguyên tắc: “Ngàn mắt ngàn tay”. Chú ý để khi vào bài 17 chuyện gã cùng tử bầu áo có viên ngọc. Bài số 18 này thấm sâu vào phẩm Pháp sư thứ mười, bài số 18

(mười phẩm trong hai mươi tám phẩm kinh Pháp Hoa).

Muốn dễ hiểu, dễ liễu, dễ thông hầu thấu đạt phẩm kinh thì trước nhất phải hiểu, phải liễu, phải thông đề của phẩm kinh. Đề phẩm kinh gồm hai chữ “Pháp sư” có nghĩa là thầy dạy Phật pháp. Vậy thì theo ý của phẩm kinh đạt pháp gì?

Thầy ngoài đời dạy cho người biết chữ, để rời pháp thô, nhập pháp tế. Nếu học chữ ít thì phải học nhiều về phép xử thế. Còn cứ mãi trôi lăn theo dòng trần tục, sống thiếu giáo dục để miệng đời lên án rằng: “Mầy ăn nói như đồ đá cá lẫn dưa”, tức ăn nói thô lỗ, đời sống toàn áp dụng pháp thô lỗ và nói năng ứng xử cũng lỗ mẫn. Chúng ta hãy chiêm nghiệm qua loài ngựa, chúng không bao giờ loạn luân, vậy mà có những người hễ mở miệng là chửi bới lộn ngôn **đời lấy mẹ**.

Dòng đời nhờ cha mẹ tôn phong, nhờ các bậc thầy đời như đạo, nhất là các nhà mô phạm, đạo đức đã tận tâm dạy bảo sự tôn ty trật tự, được hiểu trời cao biển rộng, biết cách đối xử với nhau tế nhị. Đa số những người có học, cuộc sống rất tế nhị. Chúng ta ít nhìn thấy những vị trí thức như bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, học giả, thức giả ... say rượu

chửi bới thiên hạ hoặc ngã lăn giữa đường. Nhờ gì? Nhờ họ có học. Kể cả trong những giây phút nóng giận, cũng không dùng phương tiện và lời lẽ thô bạo mà chửi mắng đánh đập nhau. Họ nhờ gì? Nhờ được nghe thầy dạy! Vậy thầy nào dạy họ?

① Thầy dạy rời pháp thô, nhập pháp tế là **Giáo sư**.

② Thầy dạy rời pháp tế, nhập pháp vi là **Giảng sư**.

③ Thầy dạy rời pháp vi, nhập pháp Diệu là **Pháp sư**.

Pháp sư là vị thầy dạy Phật pháp. Vậy pháp Phật là gì? Nhiều lắm, nhưng phẩm này Pháp sư là dạy pháp Diệu! Chỉ có phẩm thứ mười kinh Pháp Hoa mới nói rõ vai trò vị Pháp sư, bởi vì kinh Pháp Hoa là pháp Diệu nhập đời, tức là **Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa**.

Hạnh Tiểu thừa chán sợ dòng đời, nên chỉ lo tu cầu giải thoát, chứng quả Thánh Thanh Văn cho riêng mình. Hạnh Đại thừa mà Đại thừa nhập đời bằng pháp Diệu thì thương đời, mến đời nên nhập đời dạy pháp Diệu cho đời.

Pháp chuyển người nên tên Diệ pháp Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư.

Vậy thì Pháp sư là người đã được pháp Diệ pháp chuyển nhập vào pháp Diệ pháp, sau đó Pháp sư mới khởi sự chuyển pháp Diệ pháp nhập đời. Cũng như có đạt trình độ Giáo sư mới dạy sinh viên thông hiểu văn hóa, rời thô nhập tế. Có đạt được Giảng sư mới chuyển người từ tế sang vi và có đạt Pháp sư mới chuyển người từ vi nhập Diệ pháp. Người chưa đắc Diệ pháp thì làm sao chuyển pháp Diệ pháp? Chưa có đạt Giảng sư để chuyển pháp tế thì làm sao gọi là Giảng sư? Chữ “người” câu một “Pháp chuyển người nên tên Diệ pháp” cùng với chữ “người” câu hai “Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư” nghĩa là chữ người câu thứ nhất đã được pháp Diệ pháp chuyển cho nên chữ người câu một mới chuyển sang câu hai. Khi sang câu hai thì chữ người này mới đủ lực chuyển nhiều người khác rời pháp vi nhập pháp Diệ pháp, lúc bấy giờ đời mới tôn gọi là Pháp sư.

Vị Pháp sư xứng đáng nhất và cũng là duy nhất, đó là Ngài Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi. Ngài đã chuyển pháp Diệ pháp nơi cung rồng, độ nàng công chúa rồng tám tuổi thành Phật và vô số quan dân rồng thành Bồ tát.

Chuyển pháp như thế mới gọi là “**Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư**”.

Đời đáng chán hay đời đáng thương? Chẳng chán mà cũng chẳng thương. Chán hay thương đều do con người.

- Đời thô đáng chán.
- Đời tế đáng thương.
- Đời vi đáng mến.
- Đời diệu đáng tôn thờ.

Thô tế vi diệu đều do con người. Định mệnh không hề cột trói con người ở mãi nơi thô. Nghiệp lực cũng không thể xui khiến ai ở mãi nơi tế. Quyền lực không hề giam giữ con người nơi vi.

Người đốn củi trở thành vị Tổ thứ sáu Thiền tông. Con gái vua rồng phút giây đắc thành nhà Chánh giác. Cô quét rác năm nào bỗng thành nhà văn hào tử phú ở Mỹ châu. Đời không mãi khổ đau, đời không luôn phú quý. Tất cả đều do con người biết sống hay không? Kiên tâm tinh tấn học hành thì sẽ đạt tế, đạt vi. Khi thân ý tế vi - Quán niệm đắc từ bi chứng Diệu. Pháp Diệu chuyển người - Người chuyển Pháp Hoa. Diệu

Pháp Liên Hoa, nhập đời vi diệu. Vi diệu duyên nhuần Diệu hữu bình khai.

Loài người hãy trao tặng cho nhau bằng vi bằng tế. Dứt hẳn pháp thô để tròn nở tình người. Đức Phật trao cho đời hai chữ Diệu hữu tròn xoe. Đạt được chữ Diệu rồi, nhớ còn chữ “hữu” kèm theo.

Hòa thượng Đồng Quán nhập thất hơn hai mươi năm, hầu mở khai chữ “hữu”. Khi mới vừa bình, Ngài vội vượt Trường Sơn mấy trăm cây số để trình “kiến giải” lên vị Đại sư. Vừa gặp, Hòa thượng Đồng Quán chưa trình hết kiến giải, vậy mà đã bị Đại sư Trí Quang trả bi tâm như sấm **“Ta tha khỏi nhổ râu cho đó ...!”**. Ngài Đồng Quán hơi buồn, về kể chuyện lại cho chúng tôi nghe.

Chữ hữu từ câu:

Hữu

Pháp tự tướng (Nhân Minh Luận)

Khi nghe kể xong, chúng tôi vỗ bụng cười to và rằng: **“Không bị nhổ râu là may lắm rồi!”**.

Lúc bấy giờ Ngài Đồng Quán bỗng nhiên bưng ngộ rằng: “Chữ hữu này nó không thể nào

đơn nghĩa, mà nó phải kết liền có chữ Diệu cùng theo”, tức là “Diệu hữu”. Khi chứng đắc cả hai thì chẳng còn ngôn còn ngữ để tỏ bày, để mô tả, để trình kiến giải, để vượt Trường Sơn. Nếu đem kiến thức biện minh thì mất công toi vậy, là đã tràng xe cát. Ngài Đồng Quán mới trọn vui mừng và cũng cùng vỗ bụng cười to.

Chứng đắc Diệu hữu là nhờ tịnh tâm quán chiếu. Quán chiếu đạt thành là đắc thành Bồ tát. Bồ tát có mười đẳng cấp, đắc đẳng cấp thứ mười là Diệu giác, hoặc Đẳng giác là bậc Đại Bồ tát tối cao. Mười đẳng cấp Bồ tát, muốn đắc bất cứ đẳng cấp nào cũng phải có trình độ Pháp sư. Khi đã là Pháp sư thì chẳng cần trình kiến giải. Không kiến giải, không trình thì cũng chẳng có râu !

Khi nào thực tu, thực luyện, thực chứng, thực tri mà chẳng hề có khả đắc, chẳng hề có luận giải, cũng chẳng hề có văn tự, ngôn ngữ thì đó mới gọi là **Diệu hữu**. Bởi vì **Diệu hữu** và **chơn không** vốn đồng một thực tướng. Mà thực tướng các pháp thì đã phơi bày tỉ mỉ nơi kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp sư nhờ y theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà thành. Kinh Pháp Hoa lại phải nhờ Pháp sư mới phổ chuyển.

Đời nhờ Giáo sư mới biết chữ

Đạo nhờ Pháp sư mới tỏ sáng rời mê.

Rời dốt, xa mê nhập vùng ánh sáng. Nhập được ánh sáng an lành nhờ công đức của Giáo sư và Pháp sư.

Bồ tát Văn Thù là vị Cổ Phật nên chứng đắc toàn phần, Pháp sư phổ chuyển Đại thừa Pháp Diệu.

Chúng ta mê muội nhiều đời, nhưng nhờ các kiếp gần đây đã gặp kinh Pháp Hoa nên đa số đều tinh tấn tu hành và đang là hành giả kinh Pháp Hoa. Khi sự tu hành có phần tinh tấn, đạt được phần nào công đức, tức là vị đó trở thành thiếu phần Pháp sư phổ giải kinh Sen pháp Diệu.

Lời Phật dạy: Như Lai là Phật đã thành

Chúng sanh là Phật sẽ thành.

II.- NỘI DUNG

Đức Phật thọ ký cho những người nghe và thọ trì kinh Pháp Hoa

Chính văn

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thông qua Bồ tát Dược Vương mà truyền dạy cho tám mươi nghìn vị Bồ tát rằng: “Này Bồ tát Dược Vương! Trong chúng hội đây gồm có vô số hàng chư Thiên, Long vương, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và phi người, cùng Tăng Ni, nam nữ Phật tử, hết thảy hàng cầu Thanh Văn, hàng cầu Duyên Giác, hàng cầu Phật đạo, tất cả các thành phần này đang hiện diện trước mặt ta là Thích Ca Như Lai, để nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù là một câu kinh, một bài kệ, nhãn đến khởi một niệm tùy hỷ thì Như Lai cũng đều thọ ký cho sau này đều chứng quả vị Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Bồ tát Dược Vương! Sau khi Như Lai đã nhập diệt. Lúc ấy nếu có người nào nghe được kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù một câu kinh, một bài kệ, hoặc chỉ khởi một niệm tùy hỷ thì Như Lai cũng thọ ký cho vị đó thành Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sáu thành phần cũng đều được thọ ký:

“Lại nếu có sáu thành phần sau đây, các vị: đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng kính, cúng dường và thuyết giải kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, đối với kinh điển này cúng kính như cúng kính chư Phật. Cúng dường như cúng dường chư Phật. Dùng các món quý báu như hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, trầm hương, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, nhẫn đến chỉ chấp tay cúng kính kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Dược Vương! Nên biết các người kể trên đã cúng dường mười muôn ức Phật, ở chỗ các Đức Phật thành tựu chí nguyện lớn vì thương xót chúng sinh mà sinh vào nhân gian.

Giảng luận

Tu luyện Đọc - Tụng - Thọ trì - In chép - Cúng dường - Thuyết giải

Cả sáu thì quá siêu tuyệt, bằng không chỉ được một, hoặc nửa cái của một. Tùy nhân duyên căn cơ hoàn cảnh ai giữ được nửa, hoặc một,

hoặc hai là tốt, được phần nào tốt phần đó. Nếu ai tu luyện tất cả sáu phần thì tốt toàn phần.

Đoạn kinh này Đức Phật còn nhấn mạnh: Chẳng những Đức Phật chỉ thọ ký cho hàng Thánh Tăng hiện tiền lúc đó, mà dù cho trải nhiều ngàn năm sau, ai nghe rồi đọc tụng, hoặc thọ trì, dù chỉ một câu kinh này, hoặc chỉ khởi một niệm hoan hỷ đối với kinh Pháp Hoa thì Đức Phật Thích Ca cũng thọ ký cho người đó thành Phật.

Thành phần được thọ ký này là thành phần đại chúng được thọ ký (lãnh đạo, điều hành, hỗ trợ và đại chúng).

Ai hiểu và liễu ngộ được đoạn kinh này thì chắc chắn sẽ không còn sợ kẻ xấu ác hăm dọa rằng: tụng đọc kinh Pháp Hoa bị đổ nghiệp, vì nếu nói như vậy thì có khác nào bảo chuyên cần làm việc sẽ bị nghèo đói! Đức Phật tán thán ngợi khen người tu luyện, phổ truyền kinh Pháp Hoa làm gì?

Dù cung kính một câu một chữ nơi kinh Pháp Hoa thôi, dùng tất cả những quý báu cúng dường, nhẫn đến chỉ chấp tay cung kính một chữ, một câu kinh Pháp Hoa thì công đức người này sánh

bằng những vị đã từng cúng dường muôn ngàn triệu ức Đức Phật rồi vậy.

Đức Phật nêu công hạnh sáu thành phần thọ trì kinh Pháp Hoa

Chính văn

Bồ tát Dược Vương! Nếu có ai hỏi rằng: “Về các đời sau khi Phật diệt độ thì ai sẽ được thành Phật?”. Nên chỉ các người trên đó ở đời vị lai ắcặng làm Phật”.

Vì sao? Vì nếu có một thiện nam, thiện nữ nào đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù một câu kinh, hoặc người nào chỉ dùng kinh quyển, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, trầm hương, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỷ nhạc cúng dường, hoặc chấp tay cung kính kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì trời thần người quỷ rồng phải chiêm ngưỡng, sùng kính như là chiêm ngưỡng, sùng kính chư Như Lai vậy! Phải biết vị đó đã thành tựu hạnh nguyện Bồ tát, rồi tái sinh vào đời để phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên

Hoa, hướng gì những vị trọn đời hay thọ trì và cúng dường các thứ.

Lại nữa, Bồ tát Dược Vương cũng nên biết thêm rằng: “Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có ai dùng đủ sáu phương pháp, hoặc một phương pháp thọ trì, hoặc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì xem ngang như hàng Bồ tát, tự bỏ nơi thanh tịnh để nhập đời, rộng phổ truyền kinh này vậy! Hoặc hẳn có ai chỉ mới vì một người khác mà phổ truyền một câu kinh, một bài kệ Pháp Hoa thôi thì vị đó cũng chính là sứ giả của Như Lai, do Như Lai giao sứ mệnh. Hướng chỉ những vị đã vì đại chúng phổ truyền toàn kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Này Bồ tát Dược Vương! Nếu có kẻ độc ác dùng tâm không lành, mắng nhiếc, chê bai Phật thì gã ấy vẫn nhẹ tội hơn là người đã dùng một lời hung dữ chê bai mắng nhiếc người tại gia hay xuất gia thọ trì hoặc phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bồ tát Dược Vương! Vị nào thọ trì, đọc tụng, phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa là vị đó đang dùng đức trang nghiêm của chư

Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Và ta là Thích Ca Như Lai, sẽ dùng vai công người đó. Vị này đi đến đâu, trời thần người quý rông thảy đều phải hướng theo vị đó mà lễ lạy, phải thành tâm chấp tay, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, lọng lụa, y phục, thực phẩm, kể cả trối các thứ kỹ nhạc và các thứ thượng hạng dâng cúng dường vị ấy. Chẳng những thế là đủ, mà hàng chư Thiên còn cần phải dùng các hương báu cõi trời mà rải cúng dường, đem tất cả các bảo vật cõi trời mà dâng cúng dường vị đó. Vì sao? Vì vị đó hoan hỷ phổ truyền pháp Diệu. Dù chỉ trong giây phút, nhưng nếu ai nghe mà liễu ngộ thì cũng đều được rớt ráo chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng luận

Đoạn này xin tóm gọn và nhấn mạnh thêm:

Đức Phật hỏi Bồ tát Dược Vương: “Sau khi Như Lai diệt độ thì ai sẽ thành Phật?” và cũng tự Đức Phật trả lời: “Sáu thành phần tu tập phổ truyền kinh Pháp Hoa sẽ thành Phật”.

Tu tập phổ truyền đầy đủ toàn bộ kinh thì quá tuyệt. Chỉ đọc - tụng - thọ trì - in chép - cúng dường và thuyết giải một câu, một chữ kinh Pháp Hoa cũng được thành Phật.

Hoặc dùng tất cả các phẩm lễ quý báu, hoặc chỉ dùng một món như hương hoa, kỹ nhạc để cúng dường kinh Pháp Hoa thì vị đó là Pháp sư kinh Pháp Hoa.

Hoặc chỉ chấp tay cung kính kinh Pháp Hoa thì vị đó sẽ được trời thần người quỷ rồng đều chiêm ngưỡng sùng kính như chư Phật.

Nói rộng ra vị nào trọn đời bằng đủ sáu cách tu tập, phổ truyền toàn bộ kinh Pháp Hoa thì vị đó đang dùng đức trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Trời thần người quỷ rồng xem và kính trọng vị đó như Bồ tát đã tự rời bỏ cảnh thanh tịnh để nhập đời mà phổ truyền kinh này vậy. Vị đó chính là sứ giả của Như Lai, do Như Lai giao phó việc phổ truyền kinh Pháp Hoa. Chẳng những chư Phật khắp mười phương đều hộ trì, mà chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng đã chính thức công bố: “Ta là Thích Ca Như Lai sẽ lấy y ca sa phủ lên thân người đó, dùng tay xoa đầu vị đó, dùng vai công vị đó”.

Tầm quan trọng như thế, cho nên trời thần người quỷ rồng chẳng những cung kính lễ lạy cúng dường là đủ, mà còn cần phải dùng phẩm lễ hương báu, vật báu của các cõi trời dâng cúng dường vị đó. Kể cả những ai nghe vị đó thuyết cũng đều được rất ráo đặc quả vị Phật vậy.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa trên:

Nếu muốn trụ Phật đạo
 Thành tựu vô sư trí
 Phải luôn luôn cúng dường
 Người thọ trì Pháp Hoa
 Có ai muốn mau đặng
 Nhất thiết chủng trí huệ
 Nên thọ trì kinh này
 Và cúng dường người trì
 Nếu ai hay thọ trì
 Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
 Vị ấy sứ giả Phật
 Xa rời nơi thanh tịnh
 Thương chúng nên sinh đây
 Phải biết người như thế
 Chỗ muốn sinh tự tại
 Ở nơi đời ác này

Rộng nói pháp Vô thượng
Hương hoa y báu trời
Dâng cúng dường vị đó
Ai thay Phật thọ trì
Mọi người nên kính lễ
Như kính lễ Như Lai
Y báu cùng vật thực
Dâng cúng dường vị đó
Để được nghe pháp Diệu
Sau ai thọ kinh này
Ấy sứ giả Như Lai
Do Như Lai phân nhiệm
Suốt kiếp chửi mắng Phật
Tội này không kể xiết
Nhưng lời báng Pháp sư
Tội nặng triệu lần hơn
Suốt kiếp cung kính “Ta”
Được vô lượng công đức
Một lời mừng Pháp sư
Công đức nhiều vạn bội
Suốt tám mươi ức kiếp
Cúng dường chư Như Lai
Bằng một cúng pháp Diệu
Suốt kiếp khen Như Lai

Bằng một khen pháp Diêu
Chốc lát nghe Pháp Hoa
Vui mừng đặng lợi lớn
Này Bồ tát Dược Vương!
Thả kính Như Lai thuyết
Pháp Hoa kinh đệ nhất
Pháp Diêu nơi kinh này
Pháp tuyệt vời siêu đẳng.

Giảng luận

Chúng ta hãy nhắm mắt lại một phút. Thở thật nhẹ một phút nữa để xả hết tất cả các chất âm tử nơi cơ thể của chính mình. Lại thêm một phút nữa, đóng kín cả sáu giác quan. Quên hết tất cả các tạp pháp. Pháp tạp lẫn pháp chơn. Sau ba phút, chúng ta tập trung tám thức về một ý, để chiêm nghiệm đoạn kinh Đức Phật nói với tám mươi nghìn vị mà lại phải trải qua câu tiếp vận của Bồ tát Dược Vương. Tám mươi nghìn vị đại sĩ là tám vạn vị Đại Bồ tát. Con số tám vạn, đây cũng lại là một bí pháp của Pháp Hoa kinh. Nói với tám mươi nghìn vị đại sĩ mà lại thọ ký cho những ai có đủ sáu tiêu chuẩn, hoặc từ một đến sáu tiêu chuẩn tu Pháp Hoa cũng đều được thọ ký thành Phật.

Sau khi chúng ta liễu thông phần nào về những bí pháp này rồi thì chúng ta mới chuyển sang nét thứ nhì, rằng tại sao Đức Phật lại tán thán sáu thành phần phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa nhập đời như thế?

Trên khắp hoàn vũ nói chung, Việt Nam nói riêng, thêm Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa này nói riêng, có biết bao nhiêu người đã và đang đọc - tụng - thọ trì - in chép - cúng dường và thuyết giải kinh Pháp Hoa? Vậy thì tất cả những người này đều là Pháp sư của Pháp Hoa kinh chứ còn gì nữa?

Không! Chúng ta đã lầm lẫn quá lớn rồi! Lầm lẫn là vì chúng ta quên mất chữ Diệu. Chúng ta đang đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải, nhưng còn ở trong vòng pháp thô, hoặc có ai cao hơn một chút thì cũng chỉ mới đi vào pháp tế mà thôi, chứ chưa nhập vào cổng pháp vi thì làm gì có pháp Diệu!

Xin nói lại một lần nữa để chúng ta nhớ rõ khỏi lầm lẫn. Đức Phật tán thán, ngợi khen, trân trọng các vị Pháp sư của kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chứ không phải ca ngợi, tán thán, thọ ký cho người đọc sách, hoặc thọ trì sách Pháp nhưng

chưa có Hoa. Sách Pháp khác xa với kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp Diệu nhập đời chỉ có Pháp sư mới chuyển pháp. Đặc biệt và điều kiện tiên quyết của vị Pháp sư là cuộc sống nhập Diệu.

**Pháp chuyển người nên tên Diệu pháp
Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư.**

Pháp “**Diệu hữu**” cùng một với pháp “**Chơn không**”, mà chơn không thì đồng Thực tướng. Khi nào chứng ngộ Thực tướng của các pháp, lúc bấy giờ mới tỏ ngộ rằng: Chẳng Chơn không, mà cũng chẳng Diệu hữu, chẳng Giải thoát, mà cũng chẳng Pháp sư. Còn bây giờ thì rất cần Pháp sư, pháp Diệu và rất tha thiết mong đợi Pháp sư chuyển pháp Diệu.

Cũng tin tưởng rằng cuối kỷ nguyên 21, lớp hậu học sẽ cống hiến cho Tổ quốc, cho non sông, cho quần chúng, cho thế giới nhân loại và muôn loài hàng ngàn, hàng vạn vị Pháp sư nhập đời chuyển pháp Diệu.

Kinh Pháp Hoa là tạng bí yếu của các kinh, cho nên rất khó hiểu, khó tin

Chính văn

3- Bấy giờ Đức Phật lại nói với Bồ tát Dược Vương rằng: “Như Lai đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết nhiều vô lượng kinh điển. Nhưng trong hết thảy số kinh này thì chỉ có kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa là bộ kinh khó hiểu nhất, cho nên rất khó có nhiều người tin.

Này Bồ tát Dược Vương! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí yếu của chư Phật, cho nên quý vị chớ nên “vọng trao”, phân bố cho những ai thiếu niềm tin. Bởi vì kinh đây là bộ kinh mà chư Phật đã giữ gìn từ xưa đến nay, chưa từng tuyên thuyết. Kể cả khi ta là Thích Ca Như Lai hiện đang còn tại thế, vậy mà cũng vẫn còn có nhiều kẻ oán ghét kinh này, huống gì là sau khi ta diệt độ.

Bồ tát Dược Vương nên biết! Sau khi ta là Thích Ca Như Lai diệt độ, nếu ai phát tâm đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh này, hoặc vì người khác tuyên thuyết giải bày thì sẽ được ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên thân người đó. Nhất là sẽ được chư Phật khắp mười phương đồng hộ trợ. Người đó sẽ đạt niềm tin lớn và chí

nguyện lớn, đầy đủ căn lành. Và phải nên biết rằng vị đó đang cùng chung ở với ta, được ta là Thích Ca Như Lai dùng tay xoa đầu.

Bồ tát Dược Vương cũng nên hiểu thêm rằng: “Bất kỳ nơi nào, chốn nào, hoặc có người đọc tụng, hoặc thuyết giải, hoặc in chép, hoặc có sẵn kinh Pháp Hoa thì nên dựng tháp bảy báu để tôn thờ, không cần phải có xá lợi mà tháp ấy vẫn linh thiêng.

Vì sao? Vì trong bộ kinh Pháp Hoa đã có đầy đủ toàn thân Như Lai rồi vậy! Lại còn cần phải dùng đủ các thứ quý như hương hoa, hương đốt, chuỗi ngọc, lọng lụa, tràng phan, kỷ nhạc, tán thán, cúng dường, cung kính, tôn trọng Bửu tháp. Nếu ai thấy được Bửu tháp này mà cung kính, lễ lạy, cúng dường thì vị đó đã gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi vậy!

Bồ tát Dược Vương! Có nhiều người tại gia, xuất gia đang hành đạo Bồ tát mà chưa nghe, hoặc chưa thấy, chưa đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh Pháp Hoa này thì người đó chưa khéo biết tu hạnh Bồ tát vậy!

Nếu có người đặng nghe kinh điển này mới là hay khéo tu đạo Bồ tát. Ngược lại, nếu có ai đang tu cầu Phật đạo mà được thấy, hoặc được nghe kinh này, nghe xong tin hiểu, phát tâm thọ trì thì nên biết rằng vị này đang gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng luận

Đức Phật đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết nhiều bộ kinh, nhưng tại sao Đức Phật lại xác quyết là chỉ có kinh Pháp Hoa là bộ kinh cao siêu đứng vào hàng đệ nhất so với các kinh khác?

Siêu tốt ở điểm nào? Ở điểm bao gồm cả Tiểu thừa, Đại thừa lẫn Tối thượng thừa ư? Hay là siêu việt ở điểm chỉ rõ thực tướng của các pháp? Hay là siêu việt ở chỗ có Đức Phật Đa Bửu hiện bửu tháp đến để làm nhân chứng? Hay là siêu việt ở chỗ nữ giới đắc ngộ kinh, được thành Phật ngay trước mặt đại chúng? Hay là siêu việt ở chỗ thành phần nhân sự được thọ ký tùy theo khả năng? Hay là siêu việt ở chỗ bao gồm hầu hết các pháp môn tu như thiền, tịnh, mật, hiển, duy thức, luật ...vân vân... Hay là siêu việt ở chỗ pháp Diệu nhập đời? Hay là siêu việt ở chỗ chỉ có Phật và Phật mới thấu suốt tất cả bí pháp của

bộ kinh, chứ hàng Bồ tát thì không làm sao liễu thông, thấu suốt toàn phần bộ kinh này?

Chúng ta đặt một triệu câu hỏi và giải đáp trọn vẹn đủ tất cả cũng vẫn không thể nào đúng toàn triệt phần siêu việt đệ nhất của bộ kinh Pháp Hoa. Nhưng dù sao chúng ta cũng không được quyền khoanh tay, ngồi nhìn, thờ ra, để mặc cho mọi bí pháp siêu việt đệ nhất của bộ kinh này luôn bị rơi vào chỗ bí mật hoàn toàn. Ta phát nguyện tu, phát nguyện luyện, phát nguyện mở rộng tâm bằng tâm Phật, nguyện bằng nguyện Phật thì nhất định một ngày nào đó, một kiếp nào đó, chúng ta nhất định sẽ vén lớp màn bí mật siêu đẳng thuộc chỗ đệ nhất pháp siêu đẳng này vậy!

Đoạn kinh này chia thành hai phần khác nhau:

a. Phần một: Đức Phật dạy Bồ tát Dược Vương rằng: “Kinh Pháp Hoa là tạng bí yếu của chư Phật, cho nên các vị không nên **“vọng trao”**, phân bố cho người thiếu niềm tin. Bởi vì chư Phật luôn luôn giữ gìn, chưa từng thuyết. Đức Phật lại còn nhấn mạnh: Ta là Thích Ca Như Lai, hiện

đang còn tại thế, vậy mà vẫn còn có nhiều kẻ oán ghét kinh, huống gì sau khi ta diệt độ”.

b. Phần hai: Đức Phật cũng dạy Bồ tát Dược Vương rằng: “Sau khi ta là Thích Ca Như Lai diệt độ, nếu có ai đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải kinh này thì sẽ được ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên người đó, được chư Phật khắp mười phương hộ trợ. Người đó sẽ đạt niềm tin lớn, chí nguyện lớn và đầy đủ căn lành. Vị đó đang cùng chung ở với ta là Thích Ca Như Lai và vị đó sẽ được Như Lai dùng tay xoa đầu.

Nơi nào có kinh Pháp Hoa là nơi đó có ta là Thích Ca Như Lai nơi đó.

Hai câu cùng một phẩm kinh nhưng lời dạy lại khác nhau. Câu một: Chớ nên vọng trao, phân bổ cho người thiếu niềm tin. Câu hai: Nếu có ai đọc, tụng, thọ trì, in chép và cúng dường, hoặc vì người khác tuyên thuyết giải bày thì được chư Phật đồng hộ trợ. Riêng ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên thân, dùng tay xoa đầu, người ấy đang cùng chung ở với Như Lai.

Hãy tóm gọn mạch văn và đọc đi đọc lại rất nhiều lần, nhiều ngày tháng năm khi nào bằng

ngộ mới thôi. Lúc ngộ thì thấy rất dễ dàng, không còn thấy sự mâu thuẫn, không hề có sự thắc mắc. Còn đọc qua một vài lần rồi khởi sự nghi vấn, thắc mắc, rồi ấn định rằng Đức Phật dạy mâu thuẫn thì ta sẽ bị rơi vào chỗ ỨC ĐOÁN, SA ĐOẠ, bởi vì lời dạy chẳng hề mâu thuẫn.

- Câu một: Không được vọng trao.

- Câu hai: Hãy đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, kể cả phổ thuyết.

Hai ý nghĩa của hai câu rất rõ ràng:

* Câu một: Chớ nên làm Giáo sư tham vọng đứng lên bục giảng dạy của trường Tiểu học mà phổ biến sách đại học trong khi mình chưa có trình độ Giáo sư.

* Câu hai: Hãy lo học cho giỏi, học đủ các phương pháp, khi nào được Hội đồng giám khảo trao áo, trao mũ và bổ nhiệm, lúc ấy mới được làm Giáo sư dạy sinh viên. Lúc đó mới có thể cùng ở chung, ăn chung mâm, ngồi chung chiếu với Ngài Viện trưởng Viện đại học và được hưởng chế độ lương bổng cấp giáo sư.

Bốn chữ **vọng động truyền trao** nó đã lột hết ý nghĩa của lời căn dặn. Vậy mà hậu thế còn

biết bao người chẳng những vọng động mà còn manh động, chưa nhập một tí gì về pháp Diệu, đã tự động tôn xưng mình là Pháp sư, truyền trao tâm ấn này, mật ấn khác. Kinh điển ghi rất rành mạch, tự vì hậu thế không tư duy thẩm sâu hầu thấy rõ sự mâu nhiệm của giáo pháp. Thấy chỗ nào hơi khó hiểu một chút đã vội tạo thành nghi tình, không chịu khó giải nghi, vậy thử hỏi làm sao thẩm nhập pháp Diệu?

Lưu ý: Truyền trao khác với thuyết giải. Thuyết giải cứ nói ai nghe hay không tùy họ, còn truyền trao mà là vọng động truyền trao bắt buộc người đối diện phải nhận thì chớ nên.

Ví như người đào giếng

Chính văn

Đức Phật bảo Bồ tát Dược Vương rằng: “Ví như có người khát nước, đào giếng tìm nước nơi gò cao. Lúc đầu chỉ thấy toàn đất khô, người ấy biết còn cách xa mạch nước. Gia công đào mãi, dần dần thấy đất ướt, rồi thấy bùn. Lúc ấy người đào giếng mới tin tưởng đã gần mạch nước.

Bồ tát hành đạo, ví như người đào giếng tìm nước. Lúc đầu nếu chưa được nghe, chưa được hiểu, chưa tu tập theo kinh Pháp Hoa thì vị Bồ tát đó còn cách đạo rất xa. Nếu được nghe, được hiểu và chuyên tu tập theo kinh này thì chắc chắn đã gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ tát tu đều ở nơi kinh này. Kinh này khai mở môn phương tiện, phơi bày tướng chơn thật. Tạng kinh pháp Diệu nhập đời này sâu xa, huyền nhiệm, khó có người liễu đạt đến đích. Nay Như Lai vì mục đích giáo hóa chúng sanh thành tựu Bồ tát nên mới chỉ bày.

Này Bồ tát Dược Vương ! Nếu có vị Bồ tát nào nghe kinh này mà kinh nghi sợ sệt thì vị ấy chỉ là hạng Bồ tát sơ phát tâm. Hoặc nếu có vị Thánh Thanh Văn nào nghe kinh Pháp Hoa này mà kinh nghi sợ sệt thì vị ấy là kẻ tăng thượng mạn.

Này Bồ tát Dược Vương ! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có hàng thiện nam, tín nữ nào vì

hàng tứ chúng mà thuyết giải kinh Pháp Hoa này thì phải y theo phương thức nào?

- Phải vào nhà Như Lai.
- Phải mặc áo Như Lai.
- Phải ngồi tòa Như Lai.

Đủ ba yếu tố quan trọng này mới được thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa hầu rộng độ cho hàng tứ chúng.

+ Nhà Như Lai là tâm từ bi rộng lớn đối với tất cả chúng sinh.

+ Áo Như Lai là ý nhẫn nhục nhu hòa.

+ Tòa Như Lai là thân trụ nơi pháp không

Hãy an trụ vào đây phát tâm tinh tấn, vì Bồ tát và hàng tứ chúng rộng thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bồ tát Dược Vương! Nếu được như thế thì ta là Thích Ca Như Lai dù đang ở nơi các quốc độ khác, vẫn khiến các hóa nhân làm thính chúng, đến tham dự nghe vị đó thuyết giải kinh Pháp Hoa. Ta cũng khuyến cử hàng Tăng Ni và nam nữ Phật tử đến thính pháp. Tất cả thành phần “hóa chúng” này đến nghe, tin nhận, hộ trì, nhất là thuận hợp. Nếu

nơi nói pháp là chỗ xa vắng, ta sẽ sai khiến hàng trời thần quỷ rồng đến thính pháp và hộ trì. Dù ta là Thích Ca Như Lai đang ở các quốc độ khác, nhưng ta vẫn làm cho vị Pháp sư đó thấy rõ toàn thân ta. Hoặc vị Pháp sư đó rủ quên ý Diệu của kinh, ta sẽ trợ lực trí nhớ đầy đủ.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

Diệt trừ bệnh lười biếng
 Chỉ có Pháp Hoa kinh
 Kinh này khó đặng nghe
 Người tin nhận càng khó
 Như người khát cần nước
 Đào nước nơi gò cao
 Chỉ gặp lớp đất khô
 Biết mạch nước còn xa
 Gắng đến đất ứt bùn
 Tin rằng sắp gặp nước
 Nay Bồ tát Dược Vương
 Người chưa nghe Pháp Hoa
 Như gã đào đất khô
 Còn cách xa Phật lắm
 Nếu được nghe Pháp Hoa

Hiểu rõ pháp Thanh Văn
Kinh siêu đẳng bậc nhất
Nghe xong chiêm nghiệm liễu
Người này đang gần Phật
Ai muốn thuyết Pháp Hoa
Gồm ba điều tiên quyết:
Phải ở nhà Như Lai
Mặc áo của Như Lai
Và ngồi tòa Như Lai
Trụ giữa chúng chẳng sợ
Rộng thuyết giải kinh này
Đại tử bi làm nhà
Nhu hòa nhẫn nhục áo
Các pháp không làm tòa
Trụ nơi đây giảng pháp
Nếu lúc thuyết kinh này
Có kẻ ác mắng nhiếc
Dùng gậy đá đánh ném
Nhớ Phật nên nhẫn nhục
Như Lai từ cõi khác
Hiện sắc thân chói vàng
Hộ trì người thuyết pháp
Thuyết kinh độ chúng sanh
Khi Như Lai diệt độ

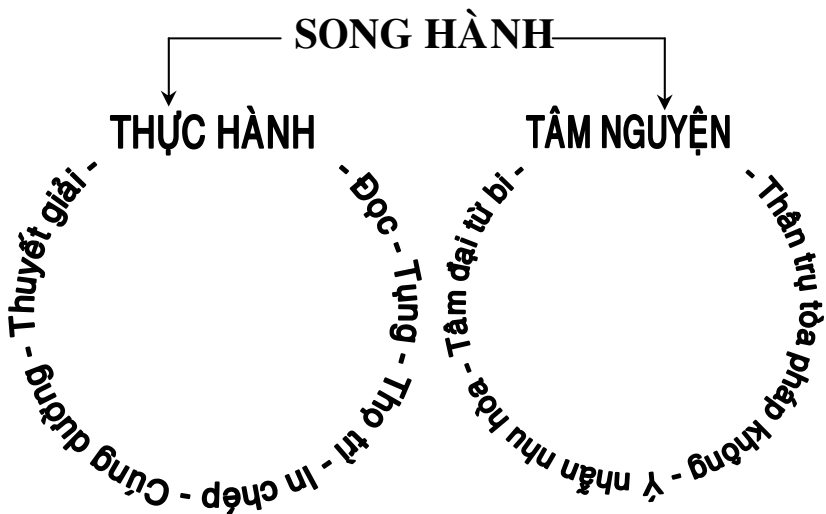
Nếu ai thuyết kinh này
Ta sai hóa tử chúng
Hộ trì vị Pháp sư
Dẫn dắt người nghe pháp
Nếu có kẻ ám hại
Như Lai khiến an lành
Nếu đạo tràng vắng vẻ
Ta khiến chúng ủng hộ
Nếu quên sót nghĩa kinh
Ta hộ trì thông thuộc
Ai đủ đức thuyết pháp
Sẽ thấy rõ thân ta
Nếu ở nơi vắng vẻ
Ta sai trời quý thần
Hiện làm chúng thính pháp
Phân giải không trở ngại
Nhờ chư Phật hộ trì
Hay khiến đại chúng mừng
Ai gần được Pháp sư
Mau đạt quả Bồ tát
Thuận theo thầy học pháp
Đặng thấy Hằng sa Phật.

Giảng luận

Nét này đã quá rõ ràng, vì nhờ câu chuyện người đào giếng. Chỉ có một điểm chắc có nhiều người thắc mắc rằng, tại sao mình cũng đã từng thực tu y như lời kinh dạy, mà sao chưa thấy Phật dùng tay xoa đầu, dùng y phủ đắp lên thân, chưa thấy toàn thân Đức Phật hiện?

Thắc mắc này hơi tham vọng quá mức, nên khỏi phải giải thích dài dòng, mà chỉ xin đặt ngược lại người thắc mắc một câu hỏi thôi.

Xin hỏi: “Bạn đã trụ nơi nhà Như Lai chưa? Mặc áo Như Lai chưa? Đã ngồi tòa Như Lai chưa? Nếu chưa thì hãy thực tập, thực luyện, thực tu, thực chứng. Nếu lúc đó không có thì thắc mắc cũng chẳng muộn.



Phần quan trọng cốt lõi của phẩm Pháp sư, không chỉ đơn thuần ở sáu phần thực hành đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải kinh Pháp Hoa, mà cần phải song hành. Đời sống của hành giả kinh Pháp Hoa phải đúng tâm nguyện, tức là cuộc sống sáng chói bên trong. Một con người sáng nội tâm, có Phật chất. Tâm phải là tâm đại từ bi. Ý phải là ý nhẫn nhục nhu hòa. Thân phải là thân an trụ nơi các pháp không.

Mới đọc nửa phẩm Pháp sư, ai cũng nghĩ mình chính là Pháp sư, nhưng khi đọc, hoặc tụng đến phần kết phẩm kinh gặp đoạn:

Pháp sư kinh Pháp Hoa cần phải:

- Ở nhà Như Lai.
- Mặc áo Như Lai.
- Ngồi tòa Như Lai.
- + Nhà Như Lai tâm từ bi rộng lớn.
- + Áo Như Lai ý nhẫn nhục nhu hòa.
- + Tòa Như Lai thân an trụ nơi các pháp không.

Đến đây có người xếp kinh lại và thở ra, chán ngán, thốt lên rằng: “Vậy thì mình đành bỏ

cuộc. Nhà thế gian, áo thế gian, tòa ngời thế gian mà mình còn chưa trọn vẹn hưởng chi nhà, áo và tòa ngời đều là của Như Lai! Xin ai đó hãy bình tĩnh! Mở rỗi từ mỗi ban đầu.

Đọc: Mỗi ngày đọc vài trang kinh Pháp Hoa. Ngày nào cũng đọc. Khi đọc hãy liên tưởng thương một vài người thân quen, hoặc loài vật mình nuôi, hoặc cây cảnh mình trồng.

Tụng: Qua một thời gian đọc hơi quen, lúc bấy giờ chuyển sang tụng. Tụng một vài trang, tụng có nghi thức. Mỗi ngày đều tụng, hoặc mỗi tuần. Tụng tối đa một phẩm. Thời gian tụng nên tập tánh nhin. Nhẫn nhin.

Thọ: Tụng một thời gian, lâu mau tùy hoàn cảnh và căn cơ mỗi người. Lúc bấy giờ thọ nhận một phương pháp, hoặc theo một câu kinh trong bộ kinh Pháp Hoa mà thực hành. Tập sống theo đức tính nhẫn nhục. Ai làm nhục mình mà mình vẫn chẳng thấy nhục. Thời kỳ này nhận giữ một câu, một chữ của kinh Pháp Hoa và sống đúng như lời kinh dạy.

Tri: Thời gian cuộc sống chẳng còn cố gắng nhẫn, cũng chẳng còn thấy có nhục, đó là thời gian đã đọc, đã tụng, hoặc vừa thọ nhận pháp

Diệu. Thời gian này là giai đoạn cam go nhất. Vượt qua thời kỳ này mới có thể tự tin mình trì được vài chữ trong toàn bộ kinh Pháp Hoa, chữ gì tùy mình. Thời kỳ này tập sống nhu nhuyễn để chuẩn bị chuyển sang nhu hòa.

Phần này thẩm sâu vào phẩm An Lạc Hạnh.

In chép: Hoặc in, hoặc chép. Mỗi ngày một vài hàng, một vài trang, hoặc nhiều trang. Nếu ai đủ điều kiện thì in, ấn tống một quyển, hoặc nhiều quyển. Thời kỳ tu tập in chép này, người tu kinh Pháp Hoa hòa mình vào với một câu, vài câu, một đoạn, hoặc một pháp Diệu nơi kinh Pháp Hoa.

Thời kỳ này mở tâm từ bi sâu rộng hơn thời kỳ mới tập tu. Sống giảm bớt tối đa sự phân biệt. In chép kể cả cúng dường chẳng hề kể công. Chẳng bao giờ nghĩ đến danh, hoặc đến tư lợi, chứ đừng bảo là kể.

Cung kính và cúng dường: Cung kính người tu trì kinh Pháp Hoa và cúng dường người thọ trì kinh Pháp Hoa. Cung kính và cúng dường thoáng qua là một, nhưng nó là hai sự việc khác nhau. Cung kính là tôn trọng, như trường hợp Bồ tát Thường Bất Khinh, còn cúng dường là thành tâm

dâng tịnh tài, tịnh vật, phẩm lễ hương hoa cúng dường người tu kinh Pháp Hoa.

Thuyết giải kinh Pháp Hoa: Thời kỳ này là thời kỳ hiểu các pháp là vô thường, vô ngã. Tướng các pháp vốn không, kể cả tánh cũng không.

Cung kính như thế mới là cúng kính. Cúng dường như vậy mới là cúng dường. Thân an trụ nơi tòa “**pháp không**” như thế mới thuyết giải kinh Pháp Hoa.

Thuyết giải kinh Pháp Hoa bằng tâm niệm

như thế mới là người chuyển pháp Diệu. Chuyển được pháp Diệu nhập đời. Làm được việc ích đời như thế mới là Pháp sư.

- + Ở nhà Như Lai.
- + Mặc áo Như Lai.
- + Ngồi tòa Như Lai.

Đó là ba nhu cầu cần thiết của vị Pháp sư thuyết giải kinh Pháp Hoa. Chẳng ai mới sinh đã liền đắc Thánh, phải kiên nhẫn tu luyện từng bước.

III.- TÓM KẾT

Ngoài đời, ai cũng có thể học, mà học thì nhất định phải biết chữ. Học đến đích tuyệt cao thì đạt trình độ viện sĩ, học giả, giáo sư, bác sĩ, đại công trình sư ...vân vân... Nhưng mà số học đâu có nhiều, đa số chỉ học nửa chừng đã nghỉ!

Còn về mặt đạo thì cũng có thể tu, cũng có thể luyện, mà tu luyện thì nhất định phải chứng đắc. Chứng đắc đến chỗ tối tôn là thành Phật. Nhưng thật khó quá! Phật dạy Ngài là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Vậy sẽ là chừng nào? Phải có vạch ra mức độ, chứ kết chung chung thì biết bao giờ thành?

Mức độ Đức Phật hướng dẫn nơi kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp sư này là trước khi thành Phật phải thành Pháp sư. Không thành toàn phần Pháp sư thì thành nửa phần, nếu không thì một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn ... không được hay sao? Sáu cách không đạt thì một cách: đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải khó quá không được thì đọc. Đọc một bộ không được, khó quá thì đọc một câu. Đọc một câu khó quá thì cung kính cúi đầu. Cúi đầu trước bàn thờ Phật, trước kinh Pháp Hoa nếu còn

khó quá thì cung kính cúi đầu trước người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa. Như vậy cũng khó nữa sao?

Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh gông cùm tội lỗi khó lắm, khó vô cùng, sao lại không chán ngán. Làm Pháp sư kinh Pháp Hoa được trời thần người quỷ rồng cung kính cúng dường, được Đức Phật dùng tay xoa đầu, dùng y ca sa đắp lên thân, dùng vai công mà lại không ham. Vậy thử hỏi ham Pháp Hoa ở chỗ nào?

Làm toàn phần Pháp sư, bán phần, thiếu phần Pháp sư chưa được thì thử tập đạt một phần nhỏ xíu Pháp sư có được không?

Tâm từ bi làm nhà

Sống nhẫn nhục làm áo

Các pháp không làm tòa ngồi.

Chưa mở rộng tâm từ để làm đủ cái nhà thì xin bố thí kẻ khác chút tình cảm để tạo từng viên gạch. Chưa sống nhẫn nhục nhu hòa để có toàn chiếc áo thì xin tập nhịn người khác một điều để làm sợi chỉ. Chưa sống theo các pháp đều không để làm tòa ngồi thì xin nhìn khoảng hư không minh mông kia là pháp không, để tạm làm cái đòn ngồi. Cả ba đều quá dễ dàng vậy mà cũng

chẳng được hay sao? Nếu thực sự như thế thì tệ quá, còn nói làm gì nữa!

Ai ai cũng có thể làm Pháp sư kinh Pháp Hoa với những điều kiện cần thiết đó là: Niềm tin chân chánh - Tâm thiện lành hoan ca - Sống cuộc sống ôn hòa - Phá chấp sự chật hẹp để hòa nhập rộng rãi bao la.

Rất mong ai đã từng đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải kinh Pháp Hoa làm được cả sáu, hoặc chỉ được một, hoặc chỉ được một phần nhỏ tí, đều có công đức. Do công đức tuần tự trở thành Pháp sư của Pháp Hoa kinh. Nhất là những ai đủ nhân duyên đọc bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa - Giảng luận. Đọc xong in sao viết chép truyền bá sâu rộng thì nhất định hiện đời hưởng phước đức và công đức của vị Pháp sư kinh Pháp Hoa.

Ngoài đời càng ngày càng văn minh tiến bộ, nhờ càng có nhiều bác học, học sĩ, viện sĩ, học giả, giáo sư, bác sĩ, kỹ sư ... Trong đạo càng lúc càng bùng, càng siêu việt, là nhờ có nhiều vị Pháp sư Pháp Hoa kinh. Toàn phần, bán phần, thiếu phần hoặc một phần tử của Pháp sư.

Đức Phật dạy nơi kinh Niết Bàn: Đời mạng pháp vẫn có những nơi hưng hiển chánh pháp. Vậy thì đây, tại quốc độ Việt Nam đang là thời kỳ chánh pháp đang hưng hiển.

Việt Nam như thể cái lều

Ngày sau các nước đâu đâu phục tùng

Kính lạy chư Phật mười phương độ trì cho chúng con. Kính lạy Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Như Lai dùng vai cõng chúng con, dùng y phủ lên thân chúng con, dùng tay xoa đầu chúng con, nhất là những đứa con chịu học, chịu tu, chịu luyện, chịu thấm nhập vào kinh Pháp Hoa.

Cầu mong chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, phát tâm hộ độ cho những hành giả kinh Pháp Hoa, khiến cho kinh Pháp Hoa mỗi ngày mỗi phổ rộng truyền xa khắp nơi cõi Sa Bà, khắp các thế giới và trùng trùng pháp bao la.

Hồi hướng công đức này đến thảy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời đợc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Quy y Phật là trở về với tĩnh lặng
Quy y Pháp là trở về với an vui
Quy y Tăng là trở về với hòa hợp

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

19

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 19

PHẨM HIỆN BỬU THÁP - Thứ mười một

- Tháp báu hiển hiện.
- Đại chúng muốn biết lai lịch Bửu tháp.
- Đức Phật Thích Ca nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà.
- Đức Phật Thích Ca khai mở Bửu tháp.
- Đức Phật Thích Ca thuyết thơ kệ trùng tuyên phẩm hiện Bửu tháp.

I - MỞ ĐỀ

Từ phẩm một đến phẩm mười kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, cả phần chính văn lẫn thơ kệ đều nặng nghiêng về sự tướng, mặc dù lời nào Đức Phật cũng đều tướng tánh quyện lẫn, sự lý viên dung. Tuy vậy, từ phẩm mười một, Đức Phật bắt đầu nâng cao trình độ thính chúng. Vì nếu còn thấp như mười phẩm trước thì không thể nào hiểu sự hiển hiện tháp báu. Trong giới thức giả của chúng ta có người chưa liễu thông, nhưng lại viết bừa giảng bướng rằng, sự hiện Bửu tháp chỉ là tưởng tượng mà thôi! Nếu các vị thức giả ấy chịu nhìn khoa học phát minh, giới khoa học đang thiết lập trạm không gian, đưa hàng ngàn tấn

thếp ra khỏi bầu khí quyển để ráp thành bãi đáp cho các con tàu vũ trụ. Chưa đủ, họ còn dự định thiết lập một sân vận động ngoài quả đất, chuẩn bị đưa người lên thưởng thức bóng đá. Người phạm thuộc giới khoa học đã và đang làm được việc như thế, Đức Phật là đấng toàn chơn, chẳng lẽ không đưa được một Bửu tháp trụ giữa không trung hay sao? Nhận thức thấy tháp báu bằng “**Quán chiếu của Định**” chứ không bằng mắt thường của phạm tục.

Nếu hành giả Pháp Hoa vẫn còn chấp giữ hành trạng hiểu biết như thời gian tu tập từ phẩm một đến mười thì khó hiểu sự tụ tán của Đức Phật.

Hành giả Pháp Hoa nên đặc biệt chú tâm để hiểu chỗ Đức Phật nâng cao trình độ đại chúng, không phải bằng cách hạ thấp Bửu tháp ngang thính chúng, mà là dùng thần lực Như Lai đưa thính chúng lên ngang tầm nhìn Bửu tháp.

Những ai lật bộ kinh Pháp Hoa để đọc, hoặc tụng mà còn cố chấp trình độ hồi còn học Phật ở thời kỳ hiểu các pháp đều vô thường thì không thể nào liễu thông kinh Pháp Hoa. Bởi vì kinh Pháp Hoa đã đến trình độ Đại thừa, tức là đại

học, hoặc trên đại học, mà đã là trên đại học thì phải khác hơn lúc ban đầu. Khi còn thấp thì phải học cho nhuần, cho nhuyễn, cho liễn, cho thông rành các pháp là vô thường, nhưng khi lên cao thì phải vượt lên để hiểu: **Tướng thế gian vẫn còn**, tức là hữu thường và **Pháp trụ trên ngôi pháp** (Pháp trên pháp).

Pháp trụ trên ngôi pháp

Thế gian tướng vẫn còn

(phẩm Phương tiện)

Phẩm hiện Bửu tháp, Đức Phật Thích Ca nâng trình độ hành giả Pháp Hoa lên rất nhanh, nhanh như con tàu vũ trụ phóng vọt ra ngoài bầu khí quyển! Bất buộc con người phải bưng vỡ kiến thức, phải vượt khỏi vùng tư duy bằng ý, bằng thức. Vì đến đây hành giả Pháp Hoa đã bắt đầu lầm nhắm bốn chữ: “Bất khả tư nghì”. Làm sao tư và nghì được, khi tụng đọc đến đoạn kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni triệu nhóm chư Phật do chính Ngài phân thân khắp mười phương cõi, nay vì có Bửu tháp của Đức Phật Đa Bửu Như Lai từ đất vọt lên, trụ lừng lơ cách xa mặt đất. Muốn mở cửa Bửu tháp, phải thêm một điều kiện là triệu nhóm chư Phật phân thân về. Tại sao vậy? Đây

cũng lại là vấn đề bất khả tư nghì. Không thể dùng ý thức phân biệt, mà phải bằng trình độ quán chiếu của vô thức. Bằng võ vấn đề bằng trình độ liễu tri, đến liễu ngộ của trí, của tuệ, chứ không còn ở thời kỳ ý, hoặc thức nữa!

Bắt đầu từ phẩm mười một, hành giả kinh Pháp Hoa đang từ từ bước vào hành trình thực tu, thực chứng, chứ không còn ở thời kỳ nghiên cứu lý và thuyết. Đó là chưa kể sự **“tu và chứng”** phải theo quy trình triệu nhóm toàn bộ Phật của chính mình phân thân nay về lại bốn gốc, mới mở được cánh cửa quá khứ. Phải vượt khỏi sự lẩn quẩn phàm tình. Nhất là đến đây có sự hiển hiện của quá khứ Phật, để làm nhân chứng cho pháp Diệu nhập đời, đây là sự minh chứng siêu đẳng nhất. Quá khứ Phật, mà là quá khứ Phật đầy đủ nhiều thứ báu, chứ không phải chỉ một thứ báu.

Khi đầy đủ điều kiện và cửa tháp báu Đa Bửu vừa mở thì tất cả hàng Bồ tát Thanh Văn, Duyên Giác, trời thần người quỷ rồng thủy đều thấy rõ Đức Đa Bửu Như Lai đang ngồi sẵn nơi tòa ngời trong tháp báu, một điểm đặc biệt mà mọi người không thể nào hiểu được, đó là Đức Đa Bửu Như Lai lại tự động chuyển dịch sang

nửa phần tòa ngồi và nhường nửa phần mời Đức Phật Thích Ca cùng ngồi. Việc tuy hết sức giản đơn, nhưng ý nghĩa quá to lớn. Phá vỡ tập tục khách chủ. Đây là bí pháp khách chủ chẳng hề hai.

Khi vào phần chính văn và giảng luận, đến đoạn này mong quý vị xếp kinh lại, khoan đọc tụng phần tiếp theo. Ăn phải chờ tiêu hóa, chứ không nên ăn nhồi nhét khi dạ dày không còn khả năng chứa đựng và tiêu hóa. Xếp sách kinh lại rồi làm gì nữa? Câu trả lời phải do bạn tự trả lời. Chẳng những trả lời, mà tuần tự làm nhiệm vụ khám phá và khai mở kho tàng tri thức của chính mình. Khi nào lóe chút ánh sáng hiểu phần nào, lúc ấy xin mời tiếp tục mở sách kinh Giảng luận ra đọc tụng.

II.- NỘI DUNG

Tháp báu hiển hiện

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, phía trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có một tháp bảy báu, cao năm trăm do tuần, chu vi rộng hai trăm năm mươi do tuần, từ đất vọt lên, trụ giữa hư

không. Tháp được trang hoàng bằng đủ thứ báu, năm ngàn bao lớn, hàng vạn căn phòng, vô số tràng phan, trang sức treo phủ, chuỗi ngọc báu, chuông rung báu số nhiều hàng vạn. Bốn mặt tháp tỏa mùi hương gỗ chiên đàn, gỗ ly cấu thơm khắp thế giới. Phan lọng của tháp đều làm toàn bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khôi hợp thành. Tháp cao gần đụng trời Tứ Thiên Vương. Cõi trời Đao Lợi rưới hoa Mạn đà la cúng dường Bửu tháp.

Ngoài ra còn có muôn ngàn ức chúng Thiên Long Bát Bộ, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhưn, phi nhưn đem tất cả hoa, hương, chuỗi ngọc, phan lọng, kỹ nhạc cúng dường Bửu tháp và cung kính tôn trọng, tán thán.

Lúc ấy trong Bửu tháp có âm thanh lớn vọng ra, khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Ngài hay dùng đại trí tuệ bình đẳng, vì đại chúng mà thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, Giáo Bồ tát pháp, Phật sở hộ niệm. Đúng thế! Đúng thế!

Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Những lời mà Thế Tôn thuyết đều chơn thật.

Giảng luận

Qua thời thuyết giảng về công hạnh của những vị Pháp sư Pháp Hoa kinh thì hiện tượng lạ tháp báu hiển hiện nơi Pháp Hoa hội Linh Sơn xứ Ấn Độ.

- Tháp cấu tạo bằng bảy thứ báu (thất bảo).
- Chiều cao năm trăm do tuần.
- Chu vi hai trăm năm mươi do tuần.
- Từ đất vọt lên.
- Trụ lơ lửng giữa không trung.
- Tháp có hàng vạn phòng thờ.
- Năm ngàn bao lớn, tràng phan, chuỗi ngọc và chuông rung nhiều không thể tính đếm.
- Các mùi hương báu từ tháp tỏa ra.
- Tháp cao gần đến trời Tứ Thiên Vương.
- Từng trời Đao Lợi rưới hoa cúng dường.
- Các cõi trời khác và khắp thủy các nơi trời thần người quỷ rồng đều tụ về cúng dường tháp báu.

- Trong Bửu tháp có âm thanh vọng ra tán thán rằng: Đức Phật Thích Ca Như Lai đã dùng trí tuệ bình đẳng để thuyết kinh Pháp Hoa.

Mười mấy vấn đề đoạn kinh này đều vượt ngoài sự tư duy của ý và thức. Trước nhất chúng ta thẩm sâu vào chiều cao của Bửu tháp. Tháp cao gần đặng tầng trời Tứ Thiên Vương.

Tầng trời Tứ Thiên Vương nếu so với sáu tầng trời thuộc các cõi dục giới thì tầng trời này thấp nhất.

Tầng trời này do bốn vị Thiên Vương cai quản, nằm lưng chừng gần sát đỉnh núi Tu Di. Tầng trời này lại có một ngọn núi riêng tên là Kiên Đà La. Núi có bốn ngọn, mỗi vị Thiên Vương ở một ngọn để bảo hộ mỗi cõi thiên hạ, vì thế nên còn gọi các Ngài là Hộ Thế Tứ Thiên Vương.

- Ngài phía Đông tên là Trì Quốc Thiên Vương.
- Ngài phía Nam tên là Tăng Trưởng Thiên Vương
- Ngài phía Tây tên là Quảng Mục Thiên Vương.
- Ngài phía Bắc tên là Đa Văn Thiên Vương.

Kinh Trường A Hàm ghi rằng:

- Phía Đông: Đa La Tra Thiên Vương.

- Phía Nam: Tỳ Lưu Ly Thiên Vương.

- Phía Tây: Tỳ Lưu Bác Xoa Thiên Vương.

- Phía Bắc: Tỳ Sa Môn Thiên Vương.

+ Ngài Trì Quốc Thiên Vương, quản lĩnh Càn Thát Bà và thần tướng Tỳ Xá Xà. Bảo hộ người Phát Bà Đề.

+ Ngài Tăng Trưởng Thiên Vương, quản lĩnh Cưu Bàn Đồ và thần Tiết Lệ. Bảo hộ người Diêm Phù Đề.

+ Ngài Quảng Mục Thiên Vương, quản lĩnh các loài rồng ác và Phú Đơn Na. Bảo hộ người Ca Na Ni.

+ Ngài Đa Văn Thiên Vương, quản lĩnh tướng Dạ Xoa và La Sát. Bảo hộ người Tất Đàn Việt.

Bốn vị Thiên Vương này đều đặt dưới quyền chỉ đạo của Ngài Đế Thích Thiên Vương, từng trời Đao Lợi.

Vì tháp báu cao gần đặng từng trời Tứ Thiên Vương, nên từng trời này không rải hoa cúng dường được, nên phải nhường lại từng trời Đao Lợi.

Từng trời Đao Lợi:

Đao Lợi thiên là tầng trời thứ hai của sáu tầng trời thuộc các cõi dục giới. Tầng trời Đao Lợi do Ngài Đế Thích Thiên Vương thống lãnh, gồm ba mươi ba thiên thành nên còn gọi là Tam thập tam thiên (Phạn văn gọi là Trāyas trimsátdeva). Tầng trời này nằm trên chót đỉnh núi Tu Di, cách quả đất tám vạn do tuần. Quan dân tầng trời Đao Lợi sống thọ một ngàn năm. Một ngày đêm ở đó bằng một trăm năm ở quả đất. Thân hình các vị quan dân trời Đao Lợi cao một do tuần. Áo chỉ nặng một thù (chứa bằng 1gr bây giờ). Nơi Ngài Đế Thích Thiên Vương ở gọi là thành Hỷ Kiến, rộng tám vạn do tuần. Chung quanh núi Tu Di đều có các ngọn núi nhỏ bao bọc quanh đỉnh Tu Di, mỗi ngọn chiều cao năm trăm do tuần. Tháp báu cũng cao năm trăm do tuần. Lưu ý ẩn nghĩa bí pháp về con số năm trăm trùng hợp này.

Tháp báu cấu tạo bằng bảy thứ báu: Ngọc trân châu - Ngọc mai khôi - Ngọc lưu ly - Ngọc mã não - Xà cừ - Vàng và Bạc. Bảy thứ báu này cấu tạo thành Bửu tháp. Tháp cao năm trăm do tuần, ngang và rộng chu vi hai trăm năm mươi do tuần.

Chúng ta nhắm mắt lại tư duy trong vòng một phút. Cõi trần gian này chỉ vì chút ít vàng ngọc đã đưa đến cảnh mưu mô tranh giành hãm hại lẫn nhau rồi, làm gì đến tháp cao rộng như thế mà cấu tạo toàn bằng bảy thứ báu! Đây cũng là một ẩn nghĩa thuộc về bí pháp.

Do tuần : (Skt: Yojina) Do tuần còn gọi là “Du thiên na”, là số đo lường chiều dài ngày xưa của Ấn Độ không thể dễ hiểu! Một vị Đế Vương đi hành quân một ngày, tính là một do tuần. Vậy ai biết được vị Chuyển Luân Thánh Vương một ngày đi được bao nhiêu? Lại có nơi ghi một do tuần có 40 dặm. Hoặc chia nhỏ một do tuần có 8 Câu lư xá. Một Câu lư xá căn cứ âm thanh tiếng rống của một con trâu lớn. Một Câu lư xá chia xuống số nhỏ có 50 cung. Mỗi cung có 4 trửu. Mỗi trửu là 20 chỉ. Mỗi chỉ có 7 túc mạch. Tất cả con số vẫn còn khó hiểu, các nhà đo lường ngày nay đang nghiên cứu để hợp thức hệ thống đo lường xưa thành mét, thành ký lô mét, hầu giúp cho đàn hậu học dễ nắm bắt, dễ liễu thông, chứ để hệ thống ngày xưa thì càng giải thích càng rối thêm. Nào là Câu lưu xá, cung, trửu, chỉ, túc mạch, nghe nó rối rắm làm sao, kể cả đơn vị do tuần, hay là Du thiên na cũng đầy sự khúc mắc.

* Tháp từ đất vọt lên. Vậy trong đất, một ngọn tháp lớn như vậy nằm ở chỗ nào? Vì trong ruột quả đất nóng sôi thành nước sệt lỏng (dung nham). Câu này phải hiểu: “Tháp từ **phía dưới quả đất** vọt lên”.

Ngày nay khoa học mới chứng minh được sức hút của quả đất, chứ chưa chứng minh được sức hút của núi Tu Di. Ngày nào khoa học chứng minh được sức hút của núi Tu Di thì giới hành giả kinh Pháp Hoa mới liễu ngộ được việc tháp báu treo lơ lửng giữa không trung, là do sức hút của núi Tu Di. Nếu núi Tu Di không có sức hút thì mặt trời làm sao đứng vững giữa không trung nơi tầng thứ bảy của núi Tu Di? Tính từ dưới thấp lên thì núi Tu Di cao 28 tầng. Trời Đao Lợi ở sát đỉnh tầng thứ nhất của núi Tu Di.

* Kinh văn ghi tháp từ đất vọt lên. Vậy vọt cách nào? Như mọc măng, hay như cái nấm? Việc này phải mượn khoa học mới chứng minh dễ hiểu. Ta hãy liên tưởng việc tháp báu đến với quả đất, cũng như việc một con tàu vũ trụ của quả đất đáp vào một hành tinh ngoài quả đất, hoặc như đĩa bay của các hành tinh khác đáp vào quả đất. Hiểu khoa học, chúng ta mới liễu thông

vấn đề Bửu tháp. Còn bảo tháp dưới đất hay là trong lòng quả đất vụt lên thì dù cho có là Thánh cũng không tài nào hiểu nổi. Không lẽ Bửu tháp từ không trung xa xăm đáp theo kiểu thát lát xuống mặt đất rồi lạng ngược lên không trung?

* Tháp có hằng vạn căn phòng thờ, vì tháp báu cao gần đặng trời, cho nên có hằng vạn phòng đó là lẽ đương nhiên. Ngày nay ở Âu Mỹ có nhiều tòa nhà hai ba trăm tầng mà vẫn có hằng vạn phòng. Nhà chỉ cao chọc trời mà còn như thế, huống gì tháp gần đặng trời.

* Việc năm ngàn bao lớn. Con số năm ngàn thuộc về số ẩn mật, chúng ta chưa đủ trình độ để liễu thông.

* Kể cả chuỗi ngọc, chuông linh báu tràng phan cũng vậy!

* Mùi hương lạ từ tháp tỏa ra, đây là một trong những nét đặc biệt của những vị Cổ Phật, nếu tu mà không có mùi hương thì chúng ta chẳng ham tu! Tu để có hương. Hương do giới, do định, do tuệ. Hương ấy là chơn hương, nên mùi thơm mới tỏa rộng khắp mười phương.

* Vì tháp cao gần đặng trời Tứ Thiên Vương nên tầng trời này không thể rải hương hoa cúng

dường được, mà phải là tầng trời cao hơn, đó là tầng trời Đao Lợi mới có thể rải hoa cúng dường.

* Các tầng trời và các cõi quỷ thần, các cõi khác cũng hội tụ về dâng hoa, dâng nhạc cúng dường tháp báu.

* Đặc biệt là dù chưa mở cửa, nhưng trong tháp có tiếng vọng ra tán thán Đức Phật Thích Ca về việc phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Các nhà bác học, khoa học, dùng vệ tinh đứng ngoài quả đất quan sát quả đất thì mới chính xác. Vệ tinh có thể quan sát chính xác ly nước của mình để trên sân thượng. Phẩm hiện Bửu tháp, Đức Phật nâng cao tầm kiến thức cho đại chúng tại Pháp Hoa hội Linh Sơn. Bởi vì ai muốn hưởng hương thơm không thể lặn mình sâu xuống bùn để thưởng thức, mà phải vượt khỏi ao bùn. Phải vượt khỏi kiến thức bình thường mới hưởng mùi hương của quá khứ Phật.

Một đoạn kinh ngắn mà Đức Phật đề cập đến mười mấy vấn đề, toàn khúc mắc, vượt ngoài kiến thức thế gian, dẫn thính chúng nhập tri kiến siêu thế gian, hầu mới liễu thông phần pháp Diệu nơi phẩm này và các phẩm kinh kế tiếp.

Đại chúng muốn biết lai lịch Bửu tháp Chính văn

2- Bấy giờ đại chúng thấy tháp báu lớn, trụ giữa hư không, lại nghe từ trong lòng Bửu tháp vang rõ tiếng nói, nên tất cả đều được niềm vui và ngạc nhiên vì gặp điều chưa từng có. Tất cả từ chỗ ngồi đứng lên cung kính chấp tay, đứng qua một bên.

Lúc ấy có Đại Bồ tát tên Đại Nhạo Thuyết hiểu tâm trạng thắc mắc của tất cả trời người quý thần nơi thế gian, nên đứng lên bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có tháp báu từ đất hiện lên, lại có tiếng nói từ tháp vang vọng ra”.

Lúc ấy Phật dạy Bồ tát Đại Nhạo Thuyết rằng: “Trong lòng Bửu tháp này có toàn thân Đức Đa Bửu Như Lai, bởi từ thuở quá khứ, cách ngàn vạn ức cõi nước ở phương Đông, có nước tên là Bửu Tịnh, trong nước ấy có Đức Phật hiệu là Đa Bửu, vị Phật này khi còn tu hạnh Bồ tát có phát đại nguyện rằng: “Nếu ta được thành Phật và sau khi diệt độ, ở khắp mười phương cõi nước, chỗ nào có thuyết

kinh Pháp Hoa thì tháp báu sẽ vụt hiện ngay phía trước để chứng minh và tán thán rằng: “Hay thay!”. Đức Phật đó thành Phật rồi, lúc sắp diệt độ ở trong đại chúng trời người mà dạy các Tỷ kheo rằng: “Sau khi ta diệt độ, muốn cúng dường toàn thân của ta thời nên dựng một tháp lớn”.

Đức Phật đó dùng sức nguyện thần thông, nơi nơi chỗ chỗ trong mười phương cõi nước, nếu chỗ nào có thuyết kinh Pháp Hoa, thời tháp báu đó đều hiện ra ở trước đạo tràng và toàn thân Đức Phật trong Bửu tháp khen rằng: “Hay thay! Hay thay! . . .”

Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Nay Bửu tháp Đức Phật Đa Bửu Như Lai vì nghe giảng kinh Pháp Hoa nên từ đất vụt hiện lên, mà khen ngợi: “Hay thay! Hay thay!... là vậy đó”.

Giảng luận

Đại chúng thấy tháp báu hiển hiện và trụ lơ lửng giữa không trung. Lại còn nghe âm thanh từ trong tháp vọng ra tán thán việc phổ thuyết kinh Pháp Hoa của Đức Phật Thích Ca. Tất cả đều khởi tâm hoan hỷ đứng lên chấp tay đợi chờ.

Lúc ấy Bồ tát Đại Nhạo Thuyết, thay mặt đại chúng đứng lên xin Đức Phật giải thích việc tháp báu hiển hiện và âm thanh tán thán vừa rồi.

Đức Phật Thích Ca cho biết bên trong Bửu tháp có vị Cổ Phật, hiệu là Đa Bửu Như Lai, từ nước Bửu Tịnh ở phương Đông đã vì lời phát nguyện, nên Ngài di chuyển Bửu tháp đến đây để tán thán ta là Thích Ca Như Lai, đã khéo biết tùy cơ mà phổ truyền kinh Pháp Hoa. Chẳng những tán thán việc thuyết kinh Pháp Hoa ở cõi Sa Bà, mà khắp cả mười phương, hễ nơi nào có phổ thuyết kinh Pháp Hoa là Đức Phật Đa Bửu Như Lai đều di chuyển Bửu tháp đến tận nơi đó, để tán

thán việc khó làm này.

Nếu chưa có niềm tin sâu thì không thể nào liễu thông đoạn kinh này. Vì một Đức Phật thời quá khứ, từ thuở lâu xa lắm và quốc độ cũng cách xa ngàn vạn ức triệu cõi nước, thuộc phương Đông, lại đến đây bằng phương tiện tháp báu và tán thán việc thuyết kinh Pháp Hoa của vị Giáo chủ cõi Sa Bà này.

Cách nay hơn ngàn năm, nếu thiếu sự “**thâm tín**” hoặc “**chứng đắc**” thì không thể nào liễu

thông, hoặc tin được. Nhưng ngày nay nhờ khoa học phát minh quá nhanh, việc con tàu vũ trụ vào các hành tinh, còn tại quả đất thì đĩa bay từ các hành tinh khác vào đây là chuyện bình thường. Nhờ vậy mà việc luận giải sự Bửu tháp hiển hiện để các hành giả Pháp Hoa hiểu là việc rất phổ thông, rất dễ hiểu và chắc chắn chẳng còn gì để thắc mắc, nếu có ai vô tình hoặc cố ý không hiểu thì người đó phước mỏng, nghiệp dày, nên cần phải tu theo pháp sám hối, khi nào mài mòn nghiệp chướng, mài mòn ý tôi, lúc bấy giờ mới liễu thông ý nghĩa về Bửu tháp hiện.

Đức Phật Thích Ca nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà

Chính văn

3- Lúc ấy, Bồ tát Đại Nhạo Thuyết nương thần lực của Phật mà bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con muốn chiêm ngưỡng toàn thân Đức Đa Bửu Như Lai.

Đức Phật Thích Ca dạy: Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Đức Đa Bửu Như Lai có lời thệ nguyện sâu nặng rằng: “Khi tháp báu của ta vì nghe kinh Pháp Hoa mà hiện ra trước chư

Phật, nếu có Đức Phật nào muốn đem thân ta để chỉ bày cho hàng tứ chúng thì Đức Phật đó phải nhóm tất cả chư Phật do mình phân thân ra ở khắp mười phương, nay phải triệu nhóm về chỗ gốc. Được vậy thì sau đó toàn thân của ta mới hiển hiện”.

Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Chư Phật do ta là Thích Ca Như Lai phân thân ở khắp mười phương đang thuyết pháp, nay đang chuẩn bị nhóm họp về cõi Sa Bà.

Bồ tát Đại Nhạo Thuyết bạch Phật: “Chúng con cũng muốn được chiêm ngưỡng chư Phật do Đức Thế Tôn phân thân, để lễ lạy cúng dường”. Liên lúc ấy, Đức Phật Thích Ca phóng một đạo hào quang từ nơi lông trắng giữa chạn mày, đại chúng liền nương theo, thấy chư Phật khắp các cõi nước số đông nhiều hơn năm trăm ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng. Những cõi này ở phương Đông, mặt đất cõi này là ngọc pha lê, trang trí cũng bằng cây ngọc báu, các quốc độ đó có vô số ngàn vạn ức Bồ tát. Màn báu, lưới báu giăng khắp nơi. Chư Phật các cõi quốc độ đó sử dụng đại âm thanh tinh diệu

mà thuyết pháp. Vô số vị Bồ tát ở đây khắp các quốc độ này, cũng vì chúng sanh mà thuyết pháp.

Các phương khác: Tây, Nam, Bắc, bốn hướng phụ lẫn hai phương trên dưới cũng thế. Tất cả đại chúng đều nương ánh sáng từ lòng trắng chạn mây của Đức Phật Thích Ca mà nhìn thấy như thế.

Lúc đó chư Phật ở mười phương do Đức Phật Thích Ca phân thân đều dạy hàng Bồ tát rằng: “Chư thiện nam tử! Ta nay cần đi đến thế giới Sa Bà, chỗ Đức Phật Thích Ca, cũng là để cúng dường tháp báu và cúng dường Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

Lúc đó, cõi Sa Bà liền biến thành quốc độ thanh tịnh. Lưu ly thay mặt đất, cây ngọc trang hoàng, vàng ròng làm dây giăng chia tám đường. Không có thôn xóm, thành thị, biển, sông, suối, núi, rừng, bụi. Đốt hương báu quý, hoa Mạn đà la rải khắp mặt đất. Màn lưới báu giăng phủ, chuông rung báu treo khắp. Tất cả trời người nơi cõi Sa Bà dời đến quốc độ khác, chỉ lưu lại hội chúng đang nghe kinh Pháp Hoa.

Lúc ấy, mỗi Đức Phật phân thân đều đem theo một vị Đại Bồ tát để làm Thị giả. Khi đến thế giới Sa Bà, mỗi vị đều ngồi dưới gốc cây báu. Tất cả các cây báu đều cao năm trăm do tuần, cành, lá, hoa, trái đều thứ lớp xum xuê. Dưới gốc các cây báu đều có một tòa sư tử, chiều cao năm do tuần, cũng đều dùng các vật quý báu mà trang trí. Lúc ấy, mỗi Đức Phật đều ngồi kiết già trên tòa sư tử. Lầu lợt như vậy, tràn đầy cả một đại thiên thế giới mà chư Phật do Đức Phật Thích Ca phân thân chỉ một phương thôi cũng vẫn chưa hết.

Bấy giờ, Đức Thích Ca muốn đủ chỗ ngồi cho chư Phật do mình phân thân, nên cùng khắp cả tám phương đều mở rộng thêm hai trăm vạn ức trăm triệu cõi quốc độ nữa. Tất cả đều được thanh tịnh. Hết thủy không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La, nhất là đã dời trời người đến các cõi quốc độ khác. Các cõi quốc độ mới hóa ra đó, cũng dùng ngọc lưu ly thay mặt đất, cây báu trang hoàng, cao năm trăm do tuần, cành lá bông trái thủy đều thứ lớp xum xuê.

Dưới mỗi gốc cây đều có tòa sư tử quý báu, cao năm do tuần, trang trí đủ các loại quý báu, lại cũng không có sông núi rừng biển cả, cùng núi Mục Chân Lân Đà, núi Đại Mục Chân Lân Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di ... Tất cả các quốc độ này đều thông nhau thành cõi Phật. Mặt bằng là các thứ báu xen lẫn, màn báu phủ khắp, phan lọng trang hoàng, hương quý, hoa trời rải cùng khắp mặt phẳng ấy.

Lúc ấy, chư Phật phân thân tại phương Đông của Đức Thích Ca, ở khắp các cõi, số nhiều bằng số cát của ngàn vạn ức trăm triệu lần sông Hằng. Chư Phật phân thân đó ngưng thuyết pháp để hội nhóm về cõi Sa Bà. Thế là chư Phật ở cả mười phương cũng lần lượt đến hội nhóm về đầy đủ, ngồi ở khắp tám hướng.

Bấy giờ ở mọi phương có bốn trăm ngàn vạn ức triệu cõi quốc độ đều có chư Phật phân thân đều ngồi đầy đủ.

Lúc đó, Đức Phật nào cũng ngồi trên tòa sư tử dưới gốc cây báu, mỗi Đức Phật đều cử một vị Bồ tát Thị giả, đồng thời trao hoa báu

cho và dặn rằng: Này thiện nam tử! Hãy đến hội Linh Sơn, nơi Đức Thích Ca mà đạo đạt y như lời ta: “Thưa Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít não và có được mạnh khỏe an vui chăng? Chúng Bồ tát Thanh Văn thấy đều an ổn chăng?”.

Các vị hãy rải hoa báu này mà hiến cúng Đức Thích Ca Như Lai, rồi bạch rằng: “Thưa Đức Phật! Chúng con muốn cùng với Đức Phật Thích Ca Như Lai mở cửa Bửu tháp của Đức Phật Đa Bửu. Tất cả các Bồ tát Thị giả của chư Phật phân thân đến gặp Đức Phật Thích Ca Như Lai cũng đều tác bạch và dâng lễ cúng dường đúng phong cách như vậy”.

Giảng luận

Đoạn kinh này ý nghĩa lại quá thâm huyền. Bồ tát Đại Nhạo Thuyết, hiểu tâm trạng đại chúng đang muốn được thấy toàn thân vị Phật quá khứ, nên đến bạch xin và được Đức Thích Ca Như Lai dạy rằng, chưa có thể mở tháp để thấy rõ toàn thân Đức Phật quá khứ được. Vì nếu muốn được chiêm ngưỡng toàn thân Đức Phật quá khứ thì phải hoàn thành ba việc: Thứ nhất là Đức Phật Thích Ca phải mở rộng quốc độ, tức là

phải mở rộng cõi Sa Bà. Thứ hai là phải biến đổi cõi Sa Bà từ uế trước thành thanh tịnh. Thứ ba Đức Phật Thích Ca phải triệu nhóm chư Phật phân thân khắp mười phương về cõi Sa Bà. Thực hiện đủ ba dữ kiện này mới đủ điều kiện mở cửa Bửu tháp.

Khởi sự: Đức Thích Ca Như Lai, từ lòng trắng giữa chạn mây, phóng một luồng hào quang. Đại chúng nhìn theo thấy đông nhiều hơn năm trăm ngàn vạn ức triệu lần cát sông Hằng, cõi nước ở phương Đông đều sáng đẹp. Ngọc, pha lê thay mặt đất, cây cũng bằng ngọc báu, cùng các thứ quý báu khác dùng để trang hoàng cũng đều toàn là các thứ trân quý. Vô số ngàn vạn ức Bồ tát đầy cả quốc độ và tất cả chư Phật phân thân đều sử dụng âm thanh vi diệu mà thuyết pháp. Toàn thể Bồ tát cả cõi quốc độ ở phương Đông cũng đều thuyết pháp như thế. Các cõi quốc độ khắp chín phương khác cũng vậy.

Chư Phật phân thân khắp mười phương đều dạy hàng Bồ tát rằng chư Phật phân thân sắp hội nhóm về lại thế giới Sa Bà, nơi Đức Thích Ca vị Phật chính thân làm Giáo chủ để cúng dường Đức

Phật Thích Ca cùng cúng dường Đức Phật Đa Bửu Như Lai và tháp báu.

Đọc đoạn này nên chú ý:

- Đức Phật chính thân Thích Ca Như Lai.
- Chư Phật phân thân do Đức Thích Ca Như Lai phân ra hằng trăm ngàn vạn triệu tỷ Đức Phật khác.
- Cõi thế giới Sa Bà do Đức Phật Thích Ca làm Giáo chủ.
- Các cõi thế giới khác khắp mười phương do chư Phật phân thân làm Giáo chủ.
- Sa Bà uestrợc bống nhiên thành quốc độ thanh tịnh vì trời người đã được dời đi nơi khác.
- Mỗi Đức Phật phân thân khi quy hội về cõi Sa Bà đều đem theo một vị Bồ tát để làm Thị giả.
- Mỗi Đức Phật phân thân khi quy hội về cõi Sa Bà đều đem theo một tòa ngòii bằng ngọc cao năm do tuần.
- Đức Phật Thích Ca Như Lai phải mở rộng cõi Sa Bà, để đủ chỗ triệu nhóm chư Phật phân thân.
- Số chư Phật phân thân muốn tính một phương thôi phải dùng nhiều gấp ngàn vạn ức

triệu tỷ lần số cát sông Hằng, tính một hạt cát là một cõi quốc độ. Nếu tính hết mười phương thì số quốc độ bao nhiêu? Nhiều lắm, nhiều không thể nào tính đếm hết, chỉ khái quát là mười phương có hàng bốn năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ quốc độ. Cõi quốc độ nhiều như thế, chư Phật phân thân lại còn nhiều hơn chẳng thể nào tính đếm.

Đoạn kinh này mà dùng kiến thức phàm tục suy luận thì chẳng hiểu gì cả, bởi vì lời kinh đã rõ ràng là đời trời người đi sang quốc độ khác, chỉ còn có chư Phật và chư Bồ tát thì mới mở cửa bửu tháp bảy báu. Chúng ta là người thì làm gì còn có mặt ở đây mà suy, mà luận.

Trình độ Bồ tát, mà Bồ tát đang tình trạng Quán chiếu của lúc đang nhập thiền định thì mới liễu tri việc di dời quốc độ và hội tụ chư Phật phân thân, kể cả chư Bồ tát Thị giả về.

Sự tán và tụ ở đoạn kinh này như sự tụ tán của nguyên tử, phân tử, hạt nhân, điện tử vậy!

Đức Phật Thích Ca khai mở Bửu tháp

Chính văn

4- Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai thấy các vị Phật của mình phân thân đều an tọa

nơi tòa sư tử và được biết chư Phật phân thân đều muốn cùng mở tháp báu, Đức Phật Thích Ca liền từ chỗ ngồi, đứng dậy trụ trên hư không, tất cả hàng bốn chúng đồng đứng dậy chấp tay, một lòng nhìn Phật. Khi ấy Đức Thích Ca Như Lai đưa ngón tay phải mở cửa tháp bảy báu. Tiếng vang lớn như tháo mở chốt cửa thành lớn và đại chúng đồng thấy Đức Đa Bửu Như Lai ngồi tòa sư tử, nơi tháp báu, toàn thân như đang thiên định. Cả đại chúng lại đồng được nghe Đức Phật Đa Bửu Như Lai nói rằng: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Như Lai đương nhiên sẽ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, ta vì nghe kinh này mà đến đây”.

Bấy giờ hàng tứ chúng thấy Đức Đa Bửu Như Lai dù đã nhập diệt cách nay vô lượng ngàn vạn ức triệu kiếp, mà nay nói lời như thế để tán thán thì đây thật là việc hy hữu chưa từng có. Chư thiên đồng gom hoa báu cõi trời rải dâng cúng dường hai Đức Phật: Đức Đa Bửu Như Lai và Đức Thích Ca Như Lai.

Lúc đó, Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa mời Đức Thích Ca Như Lai cùng ngồi nơi Bửu tháp. Liền đó, Đức Thích Ca Như Lai bước vào Bửu tháp ngồi lên nửa tòa bửu tháp.

Lúc ấy đại chúng nhận thấy hai Đức Phật đang ngồi xếp bằng nơi tòa sư tử trong tháp bảy báu, đều thâm nghĩ: “Đức Như Lai cao xa quá! Xin Phật dùng sức thần thông làm cho chúng con được ở trên hư không”. Đáp ứng thỉnh cầu, Đức Thích Ca Như Lai dùng sức thần thông nâng cao đại chúng lên ngang tầm nhìn bửu tháp và dùng âm thanh lớn mà phổ diễn cùng đại chúng rằng: “Ai có thể ngay nơi cõi Sa Bà này mà rộng thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa thì nay chính là đúng thời. Ta là Thích Ca Như Lai không còn bao lâu nữa sẽ nhập Niết bàn, nên ta muốn có người để phó chúc kinh Pháp Hoa”.

Giảng luận

Đức Phật Thích Ca đứng lên dùng một ngón tay khai mở Bửu tháp, tiếng vang như tháo chốt cửa của một thành trì lớn. Nhờ vậy mà đại chúng được nhìn thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

* Đức Đa Bửu Như Lai tán thán

Đức Đa Bửu Như Lai tán thán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Như Lai đương nhiên sẽ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, vì vậy nên ta là Đa Bửu Như Lai mới đến cõi Sa Bà để tán thán và nghe kinh này.

Liễu thông sự tụ tán của nguyên tử, điện tử thì mới có thể hiểu được sự tụ tán của chư Phật phân thân. Sự nhóm hội của chư Phật phân thân về đông đủ thì Đức Thích Ca Như Lai mới mở cửa Bửu tháp. Dù hiểu được sự “phân tán” của nguyên tử, nhưng chưa thực nghiệm được sự “hội tụ” những phân tử của nguyên tử thì cũng chưa dám thí nghiệm định lý nguyên tử.

Đức Phật Thích Ca phân thân được, nhưng nếu không nhóm hội được chư Phật phân thân thì làm sao đủ điều kiện để mở “cánh cửa quá khứ” để thấy được vị Phật quá khứ. Còn việc Đức Phật quá khứ tán thán Đức Phật hiện tại lại càng khúc mắc khó hiểu, nếu muốn hiểu phải mượn khoa học làm cầu nối với đạo học. Mượn khoa học chứng minh lời nói của Đức Phật nơi đoạn kinh này. Nhiều người quan niệm những việc đã qua là thuộc quá khứ không còn. Nhưng ngày nay các

nhà khoa học Úc châu đang chế máy, để quay được các trận đánh của Hai Bà Trưng, của Bô Na Pát, của Hoàng đế Quang Trung ...vân vân... Chẳng những chỉ quay lại hình, mà còn ghi được cả âm thanh. Nửa hoặc một vài kỷ nguyên nữa, loại máy này sẽ lưu hành sâu rộng. Lúc bấy giờ hành giả Pháp Hoa sẽ dễ liễu thông việc phân thân và triệu hội của Đức Phật Thích Ca. Trong giới đạo học đa phần khi gặp chỗ nào khúc mắc thì thường cho trôi qua hoặc đổ nghiêng nó thuộc mặt lý tánh, tức là nó thuộc về tư tưởng, trừu tượng, như việc phân thân và triệu nhóm của Đức Phật nơi đoạn kinh này. Trái lại giới khoa học thì lại không chịu bỏ qua và cũng chẳng chịu xô nghiêng qua cho lý tánh, mà lại đổ nghiêng về mặt sự tướng. Vì vậy giới khoa học về mặt sự tướng họ đã thành công, tức là thành công về mặt nguyên tử tán và tụ. Mặc dù chưa phân thân và triệu nhóm được như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng ngoài sự tụ tán nguyên tử thì giới khoa học còn triệu nhóm hàng trăm ngàn vạn ức người, hàng trăm triệu con ong con mối, hàng ngàn vạn tỷ con kiến, côn trùng, từ nơi một vùng đất rộng bao la tụ vào một mặt kính nhỏ của máy tivi. Khi muốn thay đổi trên mặt tivi, chỉ cần bấm một nút

thay đổi bằng tần. Ví dụ bằng tần đang ở số chín Đài truyền hình Thành phố, chỉ cần bấm nút bằng tần số một Đài truyền hình Việt Nam, tích tắc thay đổi cảnh quan một cách dễ dàng, như việc Đức Phật dời đổi cõi Sa Bà thành cõi thanh tịnh rộng rãi, đủ dung chứa đông người. Tán tụ đổi thay chỉ cần bấm nút.

*** Các cõi trời rải hoa cúng dường**

Muốn dễ hiểu việc này, xin mời bạn đến tham quan, hoặc ngồi yên lặng nghe người đã chứng kiến kể việc các nước văn minh tiên tiến, hằng ngày họ cho máy bay rải dầu thơm ở vùng đông dân cư, nhất là vùng thành phố. Tại Việt Nam vào thời chiến tranh thế kỷ hai mươi cũng được máy bay rải, nhưng không phải rải dầu thơm, mà là rải chất khai quang.

*** Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường tòa ngò**

Công thức này các vị nguyên thủ quốc gia thuộc thể chế dân chủ, hoặc một số nhà ngoại giao đại tài, đã áp dụng quy pháp này. Đó là khi tiếp khách, không còn phân biệt chủ khách như những nơi phong kiến thuở xa xưa. Phong kiến thì ghế vua ngò là ngai vàng, thêm nạm ngọc, cần

vàng, còn ghé khách ngồi thì bằng gỗ chỉ trải vải, hoặc gấm thêu là cùng.

*** Xin hạ thấp ngang tầm để được nhìn thấy Phật**

Tháp báu trụ lơ lửng trên cao, còn đại chúng thì vẫn ở sát mặt đất, nên mong cầu của đại chúng là tháp báu hạ thấp ngang tầm để được nhìn rõ hai Đức Phật. Nhưng Đức Thích Ca Như Lai lại dùng thần thông đưa đại chúng lên cao ngang tầm Bửu tháp.

Các nhà lãnh đạo giáo quyền, lẫn thế quyền, nên nghiên cứu và thẩm sâu đoạn kinh này, hầu nâng cao trình độ dân trí ngang tầm với các cấp lãnh đạo, nếu không dân trí sẽ bị tụt hậu thì các cấp lãnh đạo chỉ còn ở lơ lửng một mình trên chót vót mà thôi! Nâng cao dân trí bằng cách bình đẳng hưởng quyền nâng cao văn minh và được đi học. Con nhà nghèo không tiền đóng học phí thì trung học không có chứ đừng nói đến Tiến sĩ!

*** Đức Thích Ca Như Lai phổ quảng**

Ai có thể thay ta là Thích Ca Như Lai phổ thuyết kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà này! Bởi vì

ta sắp nhập Niết bàn, việc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì Như Lai đang đợi người để phó chúc.

Khi mới thuyết kinh Pháp Hoa thì Đức Phật dạy kinh Pháp Hoa khó lắm, chỉ có Phật với Phật mới thông suốt pháp không tương, còn Bồ tát vẫn chưa hiểu trọn vẹn. Vậy mà khi vào gần nửa chừng của hội thuyết Pháp Hoa thì Đức Phật lại phổ quảng rằng: Ai có thể phổ truyền kinh Pháp Hoa, Như Lai sẽ phó chúc cho. Vậy thì ai sẽ được phó chúc, chờ phần kết các phẩm sau.

Loài người chẳng những ngàn xưa, mà mãi mãi ngàn sau, ít người chịu thấm nhập đoạn kinh này, cho nên dòng đời thường bị hụt hẫng vì thiếu thừa kế. Tại sao? Bởi vì lớp tiền nhiệm chẳng chịu truyền trao phó chúc. Lúc nào lớp tiền bối cũng nghĩ rằng mình tuyệt vời hơn lớp hậu sinh. Có nhiều vị giáo lãn thế quyền tuổi đã ngoài tám chín chục, thế mà vẫn lo tìm thuốc bồi dưỡng để sống lâu, hầu tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo. Có nhiều vị kiêm nhiệm năm bảy chức, nhưng chẳng làm được việc nào cả, bởi vì đã làm sai định luật thiên nhiên. Có nhiều vị tiến bộ hơn, hoặc sợ miệng thế gian, sợ lịch sử lên án là tham quyền

cố vị, nên rút lui giữ vai trò Thái thượng hoàng nhưng vẫn phủ rèm nhiếp chính.

Mong rằng Pháp Hoa kinh đoạn này, thấm nhập vào những thành phần lãnh đạo thế quyền cũng như giáo quyền, để việc phó chúc truyền trao sớm giống như phương thức của Đức Phật Thích Ca Như Lai.

Đức Phật Thích Ca thuyết thơ kệ trùng tuyên phẩm hiện Bửu tháp

Chính văn

5- Đức Phật Đa Bửu
Diệt độ đã lâu
An nhập tháp báu
Còn vì pháp đến
Đại chúng tại sao
Chẳng hộ Pháp Hoa
Phật này nhập diệt
Trải vô lượng kiếp
Vẫn vì Pháp Hoa
Bởi pháp khó gặp
Bồn nguyện Phật này
Sau khi diệt độ
Nơi nào cũng đến

Vì nghe Pháp Hoa
Thích Ca phân thân
Vô lượng chư Phật
Như cát sông Hằng
Đều muốn nghe pháp
Thấy Phật diệt độ
Đa Bửu Như Lai
Nên bỏ cõi diêu
Cùng chúng đệ tử
Trời người thần rồng
Và việc cúng dường
Muốn pháp trụ lâu
Nên đã đến đây
Để đủ chỗ ngồi
Phật dùng thân thông
Dời trời người đi
Khiến cõi thanh tịnh
Mỗi mỗi vị Phật
Đều đến cây báu
Như sen thanh tịnh
Nơi ao trong sạch
Dưới mỗi cây báu
Có tòa sư tử
Phân thân tọa đó

Sáng rõ trang nghiêm
Như trong đêm tối
Đốt ngọn đèn lớn
Thân tỏa hương thơm
Thơm mười cõi nước
Chúng sanh được nhờ
Vui không xiết kể
Như ngọn gió lớn
Thổi lay nhánh nhỏ
Đức Phật Đa Bửu
Dùng phương tiện này
Để pháp dài lâu
Bảo cùng đại chúng
Ta diệt độ rồi
Phổ thuyết kinh này
Ai hay hộ trì
Nay trước Đức Phật
Tự nói lời thề
Phật Đa Bửu kia
Nhập diệt từ lâu
Vì bốn nguyện sâu
Vang âm sư tử
Đức Phật Đa Bửu
Cùng với thân ta

Và chư hóa Phật
Sẽ hiểu ý ấy
Này các thiện tín
Ai hay hộ pháp
Nên phát đại nguyện
Cho được dài lâu
Ai người hay hộ
Pháp của kinh này
Là đã cúng dường
Ta và Đa Bửu
Cổ Phật Đa Bửu
Tọa trong tháp báu
Thường đi mười phương
Chỉ vì Pháp Hoa
Cũng là cúng dường
Hóa Phật đến đây
Trang nghiêm sáng đẹp
Ở thế giới khác
Rõ nói kinh này
Là đã thấy ta
Cùng Phật Đa Bửu
Và các hóa Phật
Này các thiện tín
Phải nên nghĩ kỹ

Đây là việc khó
Nên phát đại nguyện
Các kinh điển khác
Như cát sông Hằng
Nói hết kinh đó
Chưa đủ là khó
Nếu nắm Tu Di
Ném đi các nơi
Trải nhiều cõi Phật
Cũng chưa thật khó
Nếu dùng ngón chân
Hất đại thiên giới
Rơi xa cõi khác
Cũng chưa phải khó
Trên đỉnh hiện hữu
Vì người diễn nói
Vô số kinh khác
Cũng chưa là khó
Sau khi Phật diệt
Trong đời ác trước
Nói được kinh này
Thì mới là khó
Ví như có người
Tay nắm hư không

Mà đi dạo chơi
Vẫn chưa là khó
Khi ta diệt độ
Kẻ tự chép kinh
Hoặc bảo người chép
Đó mới thật khó
Đem cả cõi đất
Để trên móng chân
Bay lên Phạm Thiên
Cũng chưa đủ khó
Phật diệt độ rồi
Trong đời ác trước
Đọc tụng kinh này
Đó mới là khó
Giá như lửa bùng
Mà gánh cỏ khô
Vào không bị cháy
Cũng chưa đủ khó
Ta diệt độ rồi
Trì tụng kinh này
Vì một người giảng
Đó mới là khó
Nếu trì tám muôn
Bốn ngàn pháp tạng

Mười hai bộ kinh
Vì người phở giảng
Làm cho kẻ nghe
Được sáu thần thông
Tùy được như thế
Vẫn chưa đủ khó
Sau ta diệt độ
Hiểu rành Pháp Hoa
Đó mới là khó
Như người nói pháp
Khiến ngàn vạn ức
Vô lượng vô số
Chúng sinh sông Hằng
Đắc quả La Hán
Gồm đủ lục thông
Tuy lợi ích nhiều
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nếu hay phụng trì
Kinh điển này đây
Đó mới là khó
Ta vì Phật đạo
Ở vô lượng cõi
Từ xưa đến giờ

Rộng nói các kinh
Nhưng trong số đó
Kinh này đệ nhất
Kẻ nào trì được
Là gìn thân Phật
Này các thiện nam
Sau ta diệt độ
Ai hay thọ trì
Độc tụng kinh này
Nay trước Phật đây
Tự nói lời thề
Kinh này khó giữ
Có ai tạm trì
Là ta vui mừng
Chữ Phật cũng thế
Người nào như vậy
Được chữ Phật khen
Là bậc dũng mãnh
Đó là tinh tấn
Đó là trì giới
Tu hạnh đầu đà
Mau chóng đạt được
Phật đạo Vô thượng
Đời sau có thể

Đọc trì kinh này
Phật tử chơn chánh
Trụ ở đất lành
Phật diệt độ rồi
Hiểu được nghĩa kinh
Đó là mắt sáng
Trời, người, thế gian
Ở đời hãi sợ
Nói chút ít thôi
Hết thầy trời người
Đều phải cúng dường.

Giảng luận

Phần trùng tuyên nơi thơ kệ đã có ở phần chính văn và cũng đã giảng luận đại cương rồi, nên không lập lại. Đoạn luận giải này chỉ nêu thêm những nét mà chính văn chưa đề cập, chỉ ở phần thơ kệ Đức Phật mới nêu thêm vào đời có chín việc khó làm, nhưng chưa khó bằng thọ trì, phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Trong chín việc khó này xin nêu ví dụ một việc thứ tám: Có người thọ trì tu luyện đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn, học tu đủ mười hai bộ kinh, rồi thuyết giảng cho nhiều người nghe, khiến cho họ đều đắc sáu thần thông, chứng Thánh quả. Như thế vậy mà vẫn

chưa phải là việc khó. Sau khi Phật diệt độ, ai đọc tụng, hoặc thọ trì, hoặc in sao viết chép, hoặc cung kính, hoặc cúng dường, hoặc phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì đây mới thật là việc rất khó. Ai làm được cả sáu công đức về Pháp Hoa thì người đó là người duy trì mạng mạch của đạo Phật, cho nên Đức Phật tán thán ngợi khen và khuyên mọi người nên hoan hỷ cúng dường những vị ấy.

III.- TÓM KẾT

Giới Tăng tín đồ Phật giáo, nếu là hàng thức giả thì khi đọc tụng phẩm hiện Bửu tháp, đa phần thường ứng dụng ý để trực diện với những vấn đề khúc mắc của phẩm kinh. Nếu là giới bình dân thì lại ứng dụng niềm tin mà chấp nhận. Hậu quả: giới thức giả thì đổ nghiêng phẩm kinh sang phần lý tánh, còn giới bình dân cũng đổ nghiêng về lý, nhưng lửng lơ nơi mặt tâm linh. Phải cả hai lý tánh và sự tương hòa một thì mới gọi là pháp Diệu nhập đời. Nếu chỉ nghiêng về một bên thì vô tình mình đã xén đôi pháp Diệu, như thế thì còn đâu pháp Diệu?

Nếu hiểu đúng lý sự bất nhị thì tu hành đắc pháp bất nhị, còn hiểu nghiêng về bên này, hay là bên kia thì tu hành sẽ đạt phân nửa, nào khác gì một cái bình pha lê bị bể đôi, nên nó trở thành vô dụng.

Chưa đắc pháp bất nhị thì mãi loay hoay trong sự cố chấp: “**Các pháp vô thường**”, chẳng biết bao giờ liễu thông để chứng đắc: “**Tướng thế gian vẫn thường**”.

Không thấu đạt, hoặc chứng đắc các pháp vẫn thường thì chẳng tài nào liễu thông được phẩm hiện Bửu tháp. Không thể nào liễu thông được quá khứ, hiện tại chẳng hề hai. Tán và tụ chẳng hề hai. Chủ và khách chẳng hề hai. Thấp và cao chẳng hề hai. Uế trước và trong sạch chẳng hề hai.

Nói tóm lại, nếu đọc tụng thọ trì phẩm kinh này mà vẫn chủ quan nghiêng về một bên như từ mới học Phật, nghĩa là chỉ hiểu nó thuộc về mặt lý, lưng quên về sự thì không thể nào liễu thông ý nghĩa về phẩm kinh. Không liễu thông trọn vẹn mà tự nhận mình là hành giả Pháp Hoa kinh thì chẳng khác nào cái bình bằng ngọc pha lê đã bị vỡ làm đôi kia vậy!

Nếu mà giới đạo học khẳng định Bửu tháp thuộc về lý trí, mọi vấn đề phân thân, triệu nhóm cũng thuộc về mặt lý trí tưởng tượng ...*vân vân*... Còn giới khoa học thì chỉ chuyên chú thẳng vào thực dụng, dù họ chưa đủ trình độ hiểu Bửu tháp cao năm trăm do tuần như Đức Phật Đa Bửu Như Lai, nhưng họ đã chứng minh được phương thức này. Họ cũng cho Bửu tháp vụt bằng cách phóng tàu vũ trụ vượt khỏi bầu khí quyển, để thám hiểm các hành tinh cách xa quả đất. Họ chưa đủ thần lực để phân thân chư Phật khắp mười phương, hoặc triệu nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà để mở Bửu tháp như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng họ đã thành công việc thu nhiều hình ảnh vào Đài truyền hình để phổ truyền rộng khắp mười phương, kể cả vấn đề thu hẹp trên mặt tivi, nhất là họ chưa đủ thần thông, phóng một luồng hào quang giữa chạn mây chiếu sáng đến các cõi ở phương Đông, cách xa quả đất hằng triệu do tuần như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng họ đã thành công đứng ở châu này nhìn vào viễn vọng kính, thấy sự sinh hoạt châu khác, hoặc qua vệ tinh từ ngoài quả đất thấy rõ sự việc nơi quả đất và các thiên thể xa xăm, hoặc thu hình từ bán

cầu bên Tây, chiếu về bán cầu bên Đông, hoặc ngược lại.

- Đạo học thấm sâu vào phần lý.
- Khoa học chứng minh rõ về phần sự.

Mong sao phẩm hiện Bửu tháp thuộc kinh Pháp Hoa, thấm nhập cả sự lẫn lý cho cả hai giới. Ngày nào đó rất gần, hai giới đạo học và khoa học, hợp tác nhau đạt thông pháp Diệu, hầu sớm áp dụng nền văn minh pháp Diệu, đem nền văn minh **Diệu** cống hiến cho dòng đời thì muôn loài vạn vật hưởng được lợi ích biết bao.

Kính lạy Đức Phật Đa Bửu Như Lai, kính lạy Đức Phật Thích Ca Như Lai, dùng thần thông nâng chúng con, giới khoa học lẫn giới đạo học lên ngang tầm để nhìn rõ pháp Diệu. Kính lạy chư Phật phân thân, chư vị Bồ tát, chư hiền Thánh Tăng hỗ trợ cho quả đất sớm đạt nền văn minh “**Bất nhị**”. Cầu mong chư Thiên Long Bát Bộ, hộ pháp, chư Thiên, chư Tiên, hộ thế Tứ Thiên Vương cùng chư Thần, chư Thánh hỗ trợ cho hai giới đạo học lẫn khoa học sớm liễu thông và sớm thành tựu phương thức “**Bất nhị**”, hầu giúp dòng đời đều tỏa ngát tuệ hương.

Hồi hướng tất cả công đức tu luyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa đến các pháp giới chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giải luận

20

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

**DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 20**

PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA - Thứ mười hai

- Tiền thân Đức Phật Thích Ca cầu pháp Diệu.
- Đối chiếu xưa và nay.
- Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa.
- Công chúa cung rồng thành Phật.

I - MỞ ĐẦU

Sở dĩ Đức Phật và Đề Bà Đạt Đa phải diễn tuồng đóng vai thù nghịch, qua sự việc trò phản thầy, em hại anh là để có phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm thứ 12 trong bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, bộ kinh quan trọng nhất của cuộc sống.

Định lý đương nhiên của dòng đời từ ngàn trước dẫn đến ngàn sau, bất cứ ở đâu hễ có âm là có dương, có chánh thì có tà, có thiện thì có ác, có thuận là có nghịch. Hàng thức giả và trí giả ai cũng đều phải lội qua dòng chảy thuận nghịch này. Nếu ai sợ nó thì an phận đành chịu hụp lặn nơi vũng bùn phàm phu tục tử. Không riêng hàng đệ tử Đức Phật, mà tất cả ai muốn ngoi khỏi vùng ô uế của dòng đời thì điều trước nhất là nên nắm vững quy tắc thuận nghịch đương nhiên là như thế, để khi trực diện nghịch cảnh khỏi ngỡ ngàng.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa hệ thống hóa nguyên lý thuận và nghịch, bằng hai câu chuyện đơn giản hầu giúp loài người dễ hiểu, dễ nhớ và dễ tin để an ủi cho chính mình đủ sức tự chủ khi gặp nghịch cảnh, hoặc lúc gặp thuận duyên kịp nắm thời cơ thành tựu. Mặt khác phẩm kinh này là chìa khóa vàng của nữ giới. “Bình đẳng tánh trí”.

Nếu sự tương cũng bình đẳng thì xã hội không còn là xã hội. Có nhiều học thuyết chủ trương bình đẳng cả sự lẫn lý nên lập luận rằng tất cả đều dân chủ. Nhưng nên nhớ **dân chủ tự giác**, chứ không thể nào **dân chủ tự do**. Có người mới học một ít giáo thuyết đã tự đắc võ ngực rằng tôi chứng đắc nên không còn phân biệt. Vậy hãy thí nghiệm bằng cách: để một chén cơm, một chén đất đậy đĩa kín. Khi gỡ đĩa ra nếu gặp chén đất, lúc đó có phân biệt và có ăn không? Khi nào chứng A La Hán mới nói câu không còn phân biệt. Tối thiểu về mặt đời, phải là bác học, chế biến được máy móc tinh lọc các chất uế độc, lúc bấy giờ mới dám tuyên bố các pháp vốn chẳng dơ sạch. Cuộc sống vốn chẳng thể chỉ có thuận mà chẳng trộn pha cái nghịch.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm kinh hướng dẫn cho chúng sinh tu tập pháp môn thuận nghịch. Mong giới học Phật và giới thức giả chớ nên lướt trôi qua phẩm kinh này. Xin tóm gọn đại cương phẩm kinh thành tám câu:

Kẻ ác phá ta - như hoa gặp gió

Người lành giúp mình - nước tưới bông hoa

Chính việc Đề Bà hại Phật Thích Ca

**Đó là phương thức bông hoa gặp gió
Đức Văn Thù giúp công chúa cung rồng
Thì đó là đem nước tưới bông hoa
Gặp nghịch duyên truân chuyên không chán
Nghịch thuận song hành định lý đương nhiên**

Phật giáo có nhiều người trình độ còn sơ cơ, nhưng lại có duyên với kinh Pháp Hoa, nhưng tụng đến phẩm Đề Bà Đạt Đa thường không hiểu nên hoang mang, hoặc giận ghét Đề Bà Đạt Đa, đồng thời liên đới về cuộc sống chính mình, khi gặp nghịch rất oán hận những kẻ lừa thầy phản bạn, kẻ ham bả lợi danh tán tận lương tâm. Trái lại khi thuận thì nửa tin nửa nghi. Tại sao nàng công chúa cung rồng vừa là loài vật, vừa là con nít lại là nữ giới vậy mà chỉ nghe Đức Bồ tát Văn Thù truyền dạy kinh Pháp Hoa chỉ có một lần liền chứng đắc quả vị Như Lai. Càng đọc tụng càng nghi ngờ. Chớ nên nghi ngờ bỏ cuộc, trái lại nên chuyên cần đọc tụng, nên tư duy, nghiên ngẫm, bởi vì kinh Đại thừa là như vậy đó, không hề có khác hơn. Nếu tin thì tụng đọc, không tin thì thôi chứ không thể khác hơn, bởi vì như vậy, vì đây là lý ẩn mà trí hiện cho nên phải dùng trí soi lý chứ không thể suy nghĩ, bàn luận thường tình mà hiểu được. Đọc tụng, nghiên ngẫm, tư

duy đến độ hiểu **như vậy đó**, chúng ta mới bắt đầu áp dụng vào cuộc sống hằng ngày.

Đây là công thức, là pháp mật truyền chứ không thể luận bàn, mà phải tuyệt đối tin như vậy đó “Như thị pháp”.

Khi mở đầu bài này, chúng tôi đề cập là hai Ngài đóng kịch để có câu chuyện, hầu bổ túc cách sống cho loài người khi gặp nghịch cảnh. Ai gặp nghịch cảnh nên giải mở bằng hai câu:

**Hãy quên câu ân đền oán trả
Luôn nhớ câu oán trả bằng ân**

Tiền thân Đề Bà Đạt Đa khi còn là một vị Tiên, đã có pháp Đại thừa, truyền dạy cho một ông vua. Vị vua này bỏ ngôi theo học pháp Diệu đại thừa, nhờ đó sau này thành Phật. Vì vị vua nhận biết giáo pháp quý báu nên đã hầu hạ vị tiên tột mức, đem thân làm giường cho tiên nằm, phục vụ vị vua không thiếu sót chỗ nào. Còn Đề Bà Đạt Đa khi còn là vị tiên đã cao quý như vậy, đến đời này trải qua nhiều kiếp và đang làm vị Tỷ kheo mà lại theo hại Phật đến mức độ đó ư! Vậy nếu không gọi là đóng kịch thì gọi là gì cho dễ hiểu đây? Điểm đáng nghiên ngẫm về pháp tu phẩm kinh này là dù bị Đề Bà Đạt Đa hãm hại

như thế, nhưng Đức Phật chẳng hề trách móc oán giận, trái lại còn kể chuyện tiền thân của mình và của Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật lại còn can đảm nhận lỗi là không tròn lời hứa, không hầu hạ suốt đời, mà chỉ mới vừa liễu ngộ pháp Diệu đã vội lén bỏ đi. Mỗi lời, mỗi câu nơi phẩm kinh là một bí pháp, nếu ai bước vào dòng đời mà hiểu và hành đúng những điểm then chốt này thì dẫu đổi hàng tấn vàng cũng khó chuyển thay.

Trước khi vào nội dung của phẩm kinh, chúng tôi nêu thêm hai điểm không kém phần quan trọng của phần mở đề.

Thứ nhất: Suốt bốn mươi chín năm thuyết pháp độ sanh của Đức Phật thì loài người chưa có ai chứng đắc quả vị Phật, quả vị Bồ tát! Vậy mà loài rồng chẳng những công chúa cung rồng mới tám tuổi đắc quả vị Phật, mà hàng quan rồng, dân rồng đắc quả vị Bồ tát đông nhiều vô số, như thế là thế nào? Có phải đây là mật nghĩa, là bí pháp hay không?

Vấn đề thứ hai: Loài người sống nơi quả đất này, nơi nào phổ cập bình đẳng giữa nam và nữ trước nhất? Xin thưa: **Việt Nam**. Hai vị nữ Thánh Trưng, người đầu tiên của nhân loại dựng cờ khởi

nghĩa dẹp quân xâm lược, đem độc lập về cho Tổ quốc non sông và lên ngôi vua. Nam giới làm vua, nữ giới cũng làm vua. Nam giới yêu nước cứu nước thì nữ giới cũng yêu nước và cứu nước bình đẳng như nhau.

Hiện nay Việt Nam tụng đọc kinh Pháp Hoa quá đông, nhưng thọ trì và chứng đắc phẩm Đề Bà Đạt Đa thì còn quá khiêm tốn, bởi vì trong hàng bốn chúng đệ tử Phật, phần nữ giới vẫn chưa chứng đắc, tại vì còn có nhiều người ngần ngại, nghĩ mình là nữ, nhất là Ni giới.

**Giới luật bát kính pháp
Tu chứng vẫn như nhau
Chẳng trước cũng chẳng sau
Chẳng chướng ngăn hạ lạp.**

II.- NỘI DUNG

Tiền thân Đức Phật Thích Ca cầu pháp Diệu

Chính văn

1- Lúc bảy giờ, Đức Phật Thích Ca Như Lai truyền dạy cho hàng Bồ tát và đại chúng rằng:

“Như Lai từ vô lượng kiếp, về thuở quá khứ, hằng cầu pháp Diệu, chẳng hề mỗi một. Qua nhiều kiếp làm vua, hằng phát nguyện cầu đạo vô thượng Bồ đề, tâm chẳng hề thối chuyển. Vì tu pháp “Lục ba la mật” nên thường hành pháp bố thí rất ráo, tâm chẳng hối tiếc. Bố thí voi ngựa, thất bảo, quốc thành, thê tử, bạn bè, người hầu cận, kể cả đầu, mắt, tủy, não, thân, thịt, tay, chân, chẳng hề luyến tiếc.

Thuở đó, thọ mạng của quốc dân sống lâu vô lượng. Vua vì cầu pháp, nên từ bỏ ngôi, giao lại cho Thái tử. Đánh trống truyền rao khắp bốn phương: “Vua cần cầu giáo pháp. Ai có thể thuyết dạy pháp Đại thừa thì nhà vua sẽ trọn đời theo cung cấp hầu hạ”.

Khi đó có vị tiên nhân đến gặp vua thưa rằng: “Ta có kinh Đại thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, nếu đại vương không trái ý ta, ta sẽ vì đại vương mà truyền trao”.

Nhà vua vui mừng chấp nhận, theo vị tiên nhân để cầu học đạo. Hằng ngày nhà vua lo cung cấp vật thực cho tiên nhân, chăm lo củi nước rau quả, hầu hạ tiên nhân, đến dùng

thân mình làm giường ghế. Hầu hạ tiên nhân suốt cả ngàn năm chẳng hề thiếu sót và không hề xao lãng.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

Như Lai nhớ kiếp xưa
Vì cầu pháp Đại thừa
Đang ngự nơi ngôi báu
Chẳng ham vui ngũ dục
Đánh chuông rao bốn phương
Ai có pháp Đại thừa
Nếu vì ta giải nói
Vua nguyện xin hầu hạ
Bấy giờ tiên Trường Thọ
Đến thưa cùng Đại vương
Tiên có pháp nhiệm mầu
Trong đời ít ai có
Nếu vua chịu tuân hành
Tiên sẽ vì vua thuyết
Vua nghe tiên nói xong
Khởi tâm vui mừng lớn
Liên đi theo tiên như
Cung cấp đồ cần dùng
Nhặt củi và rau trái

Theo lời cung kính dâng
 Lòng ham pháp Đại thừa
 Thân tâm không mệt mỏi
 Nguyện vì khắp chúng sanh
 Siêng cầu pháp Diệu lớn
 Cũng chẳng vì thân mình
 Bỏ cả vui ngũ dục
 Nên dẫn ngôi vua lớn
 Vẫn cầu đắc Pháp Hoa
 Nhờ đó nay thành Phật
 Nay kể tất cả nghe.

Giảng luận

Đoạn thứ nhất phẩm Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật kể lại chuyện một vị vua truyền ngôi cho thái tử, để theo một vị tiên tu học pháp Diệu Đại thừa. Vị vua đó ngày nay là Đức Phật Thích Ca, vị tiên xưa thì ngày nay là Đề Bà Đạt Đa.

Thời khoa học chưa phát minh và phương tiện truyền thông báo đài chưa phổ biến sâu rộng, nhất là tin tức các vị thần đồng năm bảy tuổi, mà thông minh ngang trình độ các giáo sư đại học, khắp thế giới nước nào cũng có thần đồng. Gần đây đài truyền hình Nha Trang Việt Nam đã loan tin tại tỉnh Khánh Hòa có em bé ba

tuổi mà trình độ giỏi toán như các vị giáo sư tiến sĩ.

Nhờ những tin tức cụ thể này mà câu chuyện tiền thân của Đức Phật và Đề Bà Đạt Đa rất dễ hiểu, dễ tin.

Cuộc sống của con người nó luôn vòng quanh, như quả đất với mặt trời. Ai được ngồi vào con tàu vũ trụ, vượt ra ngoài bầu khí quyển thì mới khỏi bị cảnh nhìn thấy sự vòng quanh. Nếu chưa ngồi vào con tàu vũ trụ và đang sống trong sự sống quay vòng tròn thì khi gặp những cảnh trái ngang, vay trả ta chớ nên ngạc nhiên, mà cần phải hiểu rõ rằng nợ nần vay trả do nghiệp chướng tạo ra của những kiếp trước.

Thông hiểu câu chuyện tiền thân của Đức Phật Thích Ca và Đề Bà Đạt Đa nơi phẩm kinh này thì khi gặp nghịch cảnh chúng ta không còn ngạc nhiên, trái lại vui lòng trả nghiệp, hoặc thành tâm sám hối và phát nguyện tinh tấn tu hành để có công đức mà hồi hướng về với món nợ nghiệp chướng đã do tiền kiếp gây nên.

Hành giả tu theo kinh Pháp Hoa nên chú ý là chẳng riêng phẩm Đề Bà Đạt Đa, mà là toàn bộ kinh, phẩm nào, câu nào, chữ nào cũng là pháp

Diệu, mà là pháp Diệu phải được hòa nhập vào cuộc sống, bởi vì tên bộ kinh này, sau hai chữ **pháp Diệu** lại còn thêm hai chữ **hoa Sen** (liên hoa). Bông sen thì không thể xa rời bùn, dù nhập bùn nhưng chẳng hề nhiễm hôi bùn. Nhập đời nhưng không bị đời đồng hóa để trở thành dơ bẩn.

Đối chiếu với đoạn kinh, mỗi chúng ta tự kiểm lại mình hiện có nợ nần nhiều kiếp nhiều đời hay không? Nếu ai cảm nhận mình mắc nợ nhiều kiếp trước thì hoan hỷ trả, hoặc sám hối xin bớt nợ, hoặc trì chú Bạt nhưt thiết nghiệp chướng căn bản, đắc sinh Tịnh độ Đà ra ni. Nghiệp chướng căn bản là nghiệp chướng đã mọc gốc đâm rễ: căn là rễ, bản là gốc ... để giải bớt nợ xưa, nhất là pháp môn hồi hướng là hiệu quả mau nhất. Có hoan hỷ trả nợ, hoặc xin bớt nợ và khởi trải “**ý từ, tâm bi**” để giải quyết mọi việc thì nghiệp chướng mới tiêu trừ.

Có nhiều vị đọc tụng đến phẩm kinh này thì nghĩ rằng: đây là phẩm kinh Đức Phật kể chuyện tiền thân của Phật để hàng Bồ tát nghe, chứ có liên quan gì đến mình! Chẳng những có liên quan, mà là cần thiết như gió thổi, như nước uống,

như cơm ăn vậy! Chẳng cần phải hiểu biết và áp dụng toàn phẩm kinh vào cuộc sống của mình, mà chỉ tu đúng đoạn tiền thân này là chúng ta đang thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa rồi vậy.

Công đức của Đề Bà Đạt Đa

Chính văn

2- Đức Phật dạy đại chúng rằng: Vị vua thuở đó thì nay chính là “Ta”, còn vị tiên nhân kia nay chính là Đề Bà Đạt Đa. Do nhờ vị thiện trí thức Đề Bà Đạt Đa làm cho ta đầy đủ sáu pháp Ba la mật - Từ bi - Hỷ xả - Ba mươi hai tướng tốt - Tám mươi vẻ đẹp, sắc thân vàng chói - Đủ mười trí lực - Bốn pháp chẳng sợ hãi - Bốn pháp nhiếp phục - Mười tám pháp bất cộng - Thần thông đạo lực thành bậc chánh đẳng chánh giác. Tất cả công đức này đều do từ nhân duyên thiện trí thức Đề Bà Đạt Đa cả.

Giảng luận

Tiền thân Đề Bà Đạt Đa đã là một vị tiên có trình độ cao như thế, đã truyền trao cho một vị vua tức là tiền thân Đức Phật Thích Ca tâm pháp

siêu việt như thế thì vị tiên này thuở xưa là vị Đại Bồ tát cải dạng, nay là Đề Bà Đạt Đa. Vậy nếu không phải các Ngài đóng kịch để hoàn chỉnh pháp Diệu của một võ tồng pháp nghịch nơi kinh điển Đại thừa thì chúng ta gọi là gì cho dễ hiểu? Dựng và đóng vai nghịch cảnh, nghịch duyên thành kinh điển dễ dạy đời, đó là việc làm của chư Bồ tát.

Nếu là vị tiên thì làm gì thông suốt sáu pháp Ba la mật. Hiểu rộng Ba la mật là gì?

Có ba nghĩa chính:

- ① Cứu cánh.
- ② Đáo bỉ ngạn.
- ③ Vô cực.

* Y theo sáu pháp này tu hành độ mình rất ráo nên gọi là Cứu cánh.

* Nướng sáu pháp này tu hành rất ráo rời bỏ bờ trần tục, nhập Niết bàn, nên gọi là Đáo bỉ ngạn.

* Nhờ y theo sáu pháp này tu đến độ thông suốt cả sự lẫn lý đến chỗ rất ráo, đến chỗ dung thông, đến chỗ tự tại vô ngại, nên gọi là Vô cực.

Sáu pháp gồm những gì?

- ❶ Bồ thí.
- ❷ Trì giới.
- ❸ Tinh tấn.
- ❹ Nhẫn nhục.
- ❺ Thiền định.
- ❻ Trí tuệ.

Cả sáu pháp, pháp nào cũng đến cực điểm “Ba la mật” cả! Tức là rốt ráo cả!

Đại thừa nghĩa chương còn giải rằng: “Bồ tát phải thực hiện sáu pháp Ba la mật này, gọi là Lục độ Ba la mật, suốt sáu mươi vạn kiếp mới đắc quả thành Phật”.

Tiền trưởng, tức tiền thân ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA truyền dạy nhà vua, tức tiền thân ĐỨC PHẬT THÍCH CA mười hai pháp gì?

01. Sáu pháp Ba la mật.
02. Từ bi.
03. Hỷ xả.
04. Cách tu luyện đắc ba mươi hai tướng tốt.
05. Cách tu luyện đắc tám mươi vẻ đẹp.
06. Đủ mười trí lực.
07. Bốn pháp không sợ hãi.

08. Bốn pháp nhiếp phục.
09. Mười tám pháp bất cộng.
10. Thần thông.
11. Tự tại.
12. Pháp môn tu chứng đắc thành Phật rộng độ chúng sanh.

Khi tu học lên trình độ cao mới chi tiết từng pháp.

Đến đây có ai còn bảo người tu kinh Pháp Hoa không chấp nhận kinh Tiểu thừa. Vậy mười hai pháp tu này có phải ở kinh điển Tiểu thừa hay không? Sinh viên tuy học cao rộng nhưng không thể bỏ bốn phép cộng trừ nhân chia của Tiểu học.

Đức Phật thọ ký cho ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Chính văn

3- Đức Phật dạy hàng tứ chúng: “Qua vô lượng kiếp về sau, ông ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA sẽ được thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi nước đó tên là Thiên Đạo. Lúc đó

Đức Phật Thiên Vương độ đời hai mươi trung kiếp, rộng vì chúng sanh mà diễn thuyết pháp mầu. Số chúng sanh đông nhiều như số cát sông Hằng đều đắc quả A La Hán. Vô số chúng sanh phát tâm duyên giác và số chúng sanh đông nhiều như cát sông Hằng, phát tâm vô thượng đạo, đặng vô sanh pháp nhẫn, đến bậc bất thối chuyển.

Sau khi Đức Thiên Vương Như Lai nhập Niết bàn. Chánh pháp trụ lại đời cũng hai mươi trung kiếp. Toàn thân xá lợi dựng tháp bằng bảy báu, cao sáu mươi do tuần, ngang dọc bốn mươi do tuần. Cả hàng trời người đều đem hoa đẹp, hương bột, hương xoa, hương đốt, y phục, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng báu, kỹ nhạc ca tụng lễ lạy cúng dường tháp bảy báu đó. Vô lượng chúng sanh đặng quả A La Hán, vô lượng chúng sanh ngộ Bích Chi Phật, không thể nghĩ bàn số chúng sanh phát tâm trí tuệ, đến bậc bất thối chuyển.

Giảng luận

Chúng sanh nào cũng có Phật tánh, chúng sanh nào cũng thành Phật. Đề Bà Đạt Đa đem

tâm độc ác hãm hại Đức Phật Thích Ca, nhưng sau khi rời địa ngục A Tỳ, trải qua vô lượng kiếp, chứng đắc quả vị Phật hiệu là Thiên Tướng Như Lai. Chỗ đáng chú ý là Đề Bà Đạt Đa rời địa ngục, trải qua vô lượng kiếp, trong số vô lượng kiếp này, dĩ nhiên là có nhiều kiếp tu thiện, mà tu thiện vun bồi nhiều công đức thì tánh Phật bừng khai, chứng đắc quả vị Phật - khác với chủ thuyết dù cho tạo nhiều tội lỗi, nhưng hối tội thì liền được sanh về trời. Thật là quá đơn giản, chẳng những chỉ sám tội một đời, mà phải sám tội trải qua nhiều đời nhiều kiếp.

Đức Phật Thiên Vương sống lâu đến hai mươi trung kiếp và khi nhập Niết bàn chánh pháp cũng trụ đời hai mươi trung kiếp. Lưu ý kéo dài lần giữa Phật trụ ở đời và chánh pháp trụ ở đời.

Khác ở chỗ sống thọ và chánh pháp trụ

Có những Đức Phật độ chúng sanh rất ít, nhưng ở đây Đức Thiên Vương Như Lai độ chúng sanh quá đông, nhiều như cát trên bờ sông Hằng. Trong số chúng sanh được độ đều chứng các quả vị Thánh Thanh Văn, Bích Chi và đặc vô sinh pháp nhẫn để rồi đến bậc bất thối chuyển.

Điểm thâm sâu của đoạn kinh thuộc phẩm này là thấy được cái tốt của Đề Bà Đạt Đa. Khai mở tánh Phật và sự thành Phật hết sức đặc biệt của Đề Bà Đạt Đa. Thế thái nhân tình thường cố chấp, người xấu ác thì tất cả đều xấu ác, người hiền đức thì tất cả hiền đức. Họ chưa ngộ được công thức trong cái này có cái kia, trong cái kia có cái này. Trong gió có nước, trong nước có gió. Trong những người cực ác, vẫn có nhất điểm lương tâm. Trong những bậc hiền triết vẫn có những điểm sai khuyết. Tất cả nếu mọi người chúng ta liễu ngộ được “**luận tương đối**” này thì xã hội đẹp biết bao nhiêu.

Hành giả Pháp Hoa nói riêng, hàng đệ tử Đức Phật nói chung, ai ai cũng liễu ngộ công thức nghịch cảnh của phẩm Đề Bà Đạt Đa thì sự hòa hợp, sự an vui, sự tĩnh lặng đã phủ trùm cõi trần tục này lâu rồi. Đức Phật Thích Ca chủ trương hòa hợp với người ác để rồi độ cho người ác. Hiểu Đề Bà Đạt Đa để thấy Đề Bà Đạt Đa thành Phật hiệu Thiên Vương Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

Chính văn

Đức Phật dạy các Tỷ kheo: Về các đời sau, nếu có người thiện nam, tín nữ nào nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa mà khởi tâm thanh tịnh kính tin, chẳng hề nghi ngờ thì chẳng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và được sinh nơi chư Phật khắp mười phương. Người đó sinh ở những nơi thường được nghe kinh này. Nếu sinh vào cõi trời người thì hưởng mọi sự an vui rất thù thắng. Nếu sinh nơi có Phật thì từ hoa sen hóa sinh.

Giảng luận

Dù hàng ngàn vạn năm sau khi Phật nhập diệt mà có ai tin phẩm kinh này thì nhất định không còn đọa ba đường dữ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; trái lại còn được sinh ở những nơi có Phật, nhờ vậy mà thường được nghe kinh Pháp Hoa. Hoặc nếu có sanh ở các cõi trời thần và phi nhân thì thường hưởng được sự an vui rất thù thắng. Hoặc sanh từ cõi Phật thì từ hoa sen hóa sanh.

Tại sao nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa rồi kính tin dù mới chỉ nghe tin chứ chưa thọ trì và phổ thuyết, cúng dường vậy mà đã đạt được công đức

thù thắng như vậy? Rất dễ hiểu! Vì trong phẩm Đề Bà Đạt Đa là công thức hóa giải tất cả mọi nghịch cảnh, nghịch duyên. Do đâu mà bị đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh? Vì độc ác, tham sân, si mê. Các món thuốc độc này giết chết lương tri con người, nên phải đọa tam đồ. Tại sao tin nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa khỏi đọa tam đồ? Tại vì nghe và tin phẩm kinh này là đã trừ dứt được oán hận, không còn đem oán trả oán, trái lại tâm vui vẻ đem ân trả oán. Kể cả quên câu ân đền oán trả mà luôn nhớ câu oán trả bằng ân. Tin việc Đề Bà Đạt Đa trải qua vô lượng kiếp thành Phật Thiên Vương Như Lai thì trong tâm hồn mình thoả mái đối với mọi kẻ ác độc, bởi vì kẻ độc ác ấy trải qua vô lượng kiếp cũng thành Phật như Đề Bà Đạt Đa.

Bí pháp của phần một phẩm kinh là: **Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.** Thiện có Phật tánh tu hành thành Phật, ác biết bỏ ác tu hành cũng thành Phật như thiện. Lưu ý Đề Bà Đạt Đa trước khi thành Thiên Vương Như Lai thì ông vẫn theo luật nhân quả, vay trả, dù không ai đòi, nhưng chính quả ác của ông đã vùi ông vào địa

ngục A Tỳ, tự trả xong ăn năn sám hối tu thiện dần dần thành Phật.

Gặp thuận cảnh công chúa Rong thành Phật

Chính văn

4- Bấy giờ ở hạ phương có Bồ tát Trí Tích, vị Thị giả của Đức Phật Đa Bửu liền đến trình bạch thỉnh Phật Đa Bửu hỏi về bốn quốc. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy Bồ tát Trí Tích rằng: “Thiện nam tử, chớ giây lát sẽ có Bồ tát Văn Thù Sư Lợi về đây cùng đàm luận pháp mâu rôi sẽ hoàn về bốn độ”.

Giảng luận

Khách muốn già từ, chủ mời ở lại. Ở lại để làm gì? Để cùng đàm luận pháp mâu. Ai đàm luận pháp mâu với ai? Bồ tát Trí Tích đàm luận với Bồ tát Văn Thù.

Đoạn này nhắc cho hành giả Pháp Hoa chuẩn bị đón cuộc đàm luận rất thú vị giữa hai vị Bồ tát, hay nói rõ hơn là mỗi hành giả Pháp Hoa hãy chiếu sáng hai đức tánh Bồ tát của chính mình cho người khác học.

Nếu mỗi chúng ta ai muốn sống theo hạnh của Bồ tát Đại Trí Văn Thù thì nên tự soi rõ “**Lý ẩn mà trí hiện**”. Nếu ai muốn sống theo hạnh Bồ tát Trí Tích thì nên tự soi để thấy rõ “**Lý hiện mà trí ẩn**”. Nhưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn hành giả Pháp Hoa phải soi rọi thấy rõ cả hai. Trường hợp phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa đoạn này thì Lý ẩn bên trong là đúng. Trường hợp này chỉ nên dùng trí mới thấy được lý vì lý ẩn tàng quá sâu thẳm. Chúng ta nghe Bồ tát Trí Tích đối thoại với Bồ tát Văn Thù rằng: “Ngài nói vô lý”. Bởi vì lý ẩn khó thấy chỉ có Bồ tát Văn Thù là bậc đại trí nên mới thấy được lý ẩn, còn Bồ tát Trí Tích thì tuy có trí, nhưng trí còn ẩn tàng tích tụ bên trong, cho nên chẳng những Ngài mà nhiều người chỉ nhìn thấy cái lý nổi bên ngoài. Khi nào chúng ta gặp trường hợp lý ẩn chúng ta chớ nên lớn tiếng nói là vô lý. Dòng đời xung đột nhau, có khi đi đến hãm hại nhau, nói rộng lớn hơn là chiến tranh tàn hại, cũng vì cái nhìn khi trí đang tích tụ tàng ẩn bên trong, còn đại trí thì chưa hiện bên ngoài, nên khó nhìn thấy cái lý đang ẩn sâu.

Trí còn đi đôi với thức nên vẫn chưa bừng vỡ sáng chói. Trí đến trình độ “**Tri**” cũng chưa thấy được lý ẩn. Khi nào đạt đến trình độ đại trí, tức là đại trí tuệ mới thấy rõ lý ẩn. Đó là chưa nói lý hợp lý nó thành gì? Lý cộng với sự nó thành gì? Lý cộng với tình nó thành gì? Như trường hợp mười ba chén chè của cô gái Hà Đông (tỉnh phía Bắc Việt Nam). Việc này nếu trí không cộng với tình mà phân xử thì đổ ai làm sáng tỏ được vấn đề. Câu chuyện mười hai ông quan huyện đều bị cách chức bởi vì không xử được, hai hàng chè, mỗi hàng bảy chén, tại sao chỉ còn mười ba? Như thế là chồng tôi ăn vụng một chén!

Đến ông huyện thứ mười ba nhờ biết kết hợp với bà huyện nên mới giải tỏa được bài toán khó. Hai hàng chè mỗi hàng bảy chén, đếm tổng cộng cả hai hàng là mười ba chén. Tại sao vậy? Thế mà quan huyện phán: “Vợ chồng anh chị thấy rõ hai hàng bảy là mười ba chưa, vậy có còn kiện nữa không?”. Hai vợ chồng nguyên và bị cáo nở nụ cười ra vẻ. Mấy năm sau, cặp vợ chồng kiện chè này gặp ông quan huyện về làng ăn cỗ, cha chồng cô này là chánh tổng. Chị vợ muốn trả ơn quan huyện đã quá thông minh, tìm ra đáp số cho

nên vợ chồng chị ấy khởi ly dị, ngày nay sanh con hạnh phúc. Nhưng cô gái Hà Đông này cũng không quên dí dỏm trách yêu ông quan huyện. Cô ta hát ru con để ông quan huyện nghe:

**À ơi! Trách rằng ông huyện Hà Đông
Xử vị lòng chồng hai bảy mười ba
Hai bảy mười ba vợ chồng ta mới có
Hai bảy mười bốn người ta thiếu gì!**

Thử tài thông minh của hành giả chúng tôi không giải rõ, tại sao hai hàng chèn mỗi hàng bảy chén, vậy mà hai hàng cộng lại đếm chỉ có mười ba chén, hỏi còn một chén nữa ở đâu? Ai giải được hai bảy mười ba, mới hiểu được “Luận tương đối”. Dù sờ sờ trước mắt nhưng rất khó nhìn thấy, cho nên mới bảo là lý ẩn.

Hai hàng song song thì mười bốn: $\left. \begin{array}{l} 7 \text{ -----} \\ 7 \text{ -----} \end{array} \right\} 14$
 còn hai hàng hình chữ L thì đếm $\begin{array}{c} \cdot \\ \cdot \\ \cdot \\ \cdot \\ \cdot \end{array}$
 mười ba, vì chèn góc chữ L đếm hai
 lần. (chén đếm 2 lần) $\rightarrow \begin{array}{c} \cdot \\ \cdot \\ \cdot \\ \cdot \end{array} \dots$

Trường hợp công chúa RỒNG tám tuổi nghe kinh Pháp Hoa thành Phật, dẫn giải nơi phẩm này là lý ẩn.

Chính văn

Đồng lúc đó Ngài Văn Thù Sư Lợi ngồi hoa sen nghìn cánh, lớn như bánh xe chuyển luân vương, các vị Bồ tát cùng đi, đều ngồi hoa sen báu, từ biển lớn nơi cung rồng Ta Kiệt La, thản nhiên vượt mạnh khỏi mặt nước, trụ giữa không gian, rồi về Pháp Hoa hội Linh Sơn. Từ hoa sen bước xuống, đến trước Phật, đầu mặt lạy lên chân hai Đức Phật. Kính lễ xong, đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích và ngồi qua một bên.

Ngài Trí Tích hỏi Bồ tát Văn Thù: Ngài đến cung rồng hóa độ chúng sinh được bao nhiêu?

Bồ tát Văn Thù đáp: Số đông vô lượng, chẳng thể tính hết. Chẳng dùng miệng nói, hoặc tâm suy lường được, chờ giây lát chúng ta sẽ tự chứng biết. Nói chưa dứt lời thì đã có vô số Bồ tát ngồi hoa sen báu từ biển vọt lên trụ giữa khoảng không và đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Các vị Bồ tát này do Bồ tát Văn Thù hóa độ. Các vị đầy đủ hạnh Bồ tát đều chứng đắc và luận giải sáu pháp tu rất ráo. Riêng phần các vị Thanh Văn từ trước nay trụ giữa khoảng không để thuyết giải hạnh Thanh

Văn, nay cũng tu hành “nghĩa không” của Đại thừa. Bồ tát Văn Thù nói tiếp: Ta giáo hóa ở nơi biển là như thế đó.

Liên lúc ấy Bồ tát Trí Tích thuyết kệ ngợi khen rằng:

Ngài Đại Trí dũng mãnh
Độ vô lượng chúng sanh
Nay cả hội lớn này
Và ta đều chứng thấy
Ngài diễn nghĩa “thực tướng”
Khai mở pháp Nhất thừa
Rộng độ các chúng sanh
Khiến mau đắc trí tuệ.

Giảng luận

Bồ tát Văn Thù là vị Đại Pháp sư của chư vị Bồ tát đã từ vô lượng xa xưa đến giờ, vậy mà sau khi thuyết kinh Pháp Hoa độ cung rộng, trở về Pháp Hoa hội Linh Sơn trước nhất là thực hành đúng lễ nghi tôn kính cấp trên mình, chẳng những lễ lạy đúng cách năm vóc sát đất, mà còn phải “Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ”. Nghĩa là đầu và mặt sát đất giáp giữa hai bàn chân của Phật. Ngày nay thời pháp suy nên trong lễ nghi Phật

giáo phương tiện biến chế rất nhiều. Chế giảm lạy đầu mặt và hai bàn tay không còn úp lên hai bàn chân của người mình lạy, mà còn rơi vào ngã mạn lạy. Những gì là năm vóc?

- Hai nửa cánh tay phía ngoài từ cùi chỏ đến bàn tay kể cả hai bàn tay lật úp sát đất.

- Hai đầu gối sát đất.

- Và đầu mặt sát đất.

Sự lạy sai cung cách, vi tuyên luật sư không chịu quả trách những hạng người ngã mạn lạy. Thế nào là ngã mạn lạy? Lạy mà năm vóc không sát đất đó là ngã mạn lạy, như việc lạy hai bàn tay để giữa có thuộc ngã mạn lạy hay không? Lạy như thế chỉ có ba vóc chứ không đủ năm vóc. Ngoài hạng cống cao ngã mạn lạy lại còn có một số vị đạo đức chân chánh lại không chịu ngồi nhận sự lễ lạy để đúng giáo pháp như kinh này đã dạy. Việc này có hai. Một những bậc chân đức sợ miệng đời lên án mình còn phong kiến vua quan, ngồi nhận người khác lễ lạy. Hai có những người ngụy đạo đức, giả thầy tu cho nên không dám nhận sự lễ lạy.

Hành giả Pháp Hoa thực hành theo lời dạy lạy đúng pháp của kinh thì nên noi gương Bồ tát Văn Thù mà thành kính lễ lạy những bậc đáng lễ lạy. Lạy người đáng lạy và không lạy những kẻ không đáng lạy. Khi lạy phải lạy đúng cách. Riêng các bậc tôn đức nên vì sự hiển hưng chánh pháp mà chịu thọ nhận sự lễ lạy của những người tâm đạo, họ cần cầu lạy người đức độ để tu cầu phước đức.

Trong văn kinh chúng ta chẳng những chú ý từng câu từng chữ mà cần phải quán suốt từng cử chỉ từng hành động. Bồ tát Văn Thù lễ lạy hai Đức Phật xong mới đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích. Chào hỏi xong bước qua ngòi một bên. Có người nói, việc đơn giản như thế cần gì phải học nơi kinh Pháp Hoa. Chính đơn giản mà giới thức giả thường phạm phải sai khuyết.

Phật là lớn không ngoài mà nhỏ không trong. Hàng đệ tử Đức Phật không phân biệt xuất gia hay tại gia, chớ nghĩ những việc nhỏ nhặt là không quan trọng.

Kinh Pháp Hoa là kinh nhập đời, bất cứ việc gì ở đời đều dạy rõ nơi kinh Pháp Hoa. Hành giả Pháp Hoa nên chú ý lưu tâm thực hành theo từng

sự việc, nói rộng hơn là từng câu, từng chữ và toàn văn cả bộ kinh.

Ngồi qua một bên: Ăn xem nôi, ngồi xem hưởng. Nôi nhỏ người đông, đã vét khô cạn đến cơm cháy, vậy mà còn đưa bát đòi bởi thêm cơm.

Bồ tát Văn Thù chào hỏi Bồ tát Trí Tích xong, liền qua ngồi một phía, bởi vì chính giữa đó có hai Đức Phật ngồi nhìn ra, vậy không lẽ Đức Văn Thù ngồi ngay trước mặt thì còn gì là Bồ tát Văn Thù. Vậy mà ở đời cũng lắm kẻ vô ý luôn vi phạm cách ngồi, nên kinh văn mới chép thêm câu này hầu lưu truyền giúp hành giả thực hành đúng oai nghi tế hạnh.

Bồ tát Trí Tích hỏi:

Trí ở sâu (tích lũy) như cầm đèn từ trong nhà rọi ra ngoài sân, nên chỉ lấy lý phơi bày, chứ làm sao thấy được lý ẩn sâu. Muốn thấy rõ lý ẩn sâu phải rọi đèn từ ngoài vào mới thấy rõ.

Đã là Bồ tát, mà là Bồ tát Thị giả một Đức Phật thì làm gì không biết Bồ tát Văn Thù vừa rồi độ cung rộng được bao nhiêu, cần gì phải đặt câu hỏi! Không phải là hỏi thừa, không phải Bồ tát hỏi Bồ tát, mà các Ngài nhắc khéo chúng ta,

những ai muốn mở đầu câu chuyện. Bồ tát Trí Tích đang ở tại Pháp Hoa hội Linh Sơn, còn Bồ tát Văn Thù thì từ xa mới về. Người ở nhà hỏi trước thì đó cũng là cách mở đầu để khỏi phải rơi vào tình trạng bỡ ngỡ cho cả hai. Tiên chủ hậu khách. Chủ là người ở nhà, khách là người đi xa mới về.

Bồ tát Văn Thù trả lời: Nếu trả lời bằng con số thì nó tầm thường. Trả lời số đông nhiều vô lượng không thể tính đếm hết, không thể dùng miệng, thậm chí không thể dùng tâm suy lường được. Đến đây đủ chưa? Chưa đủ! Mới một vế thứ nhất. Vế thứ hai: Chờ giây lát quý vị sẽ chứng biết. Thật là tuyệt vời! Vừa trọn vẹn ý nghĩa mà cũng vừa chấm dứt câu chuyện vấn đáp. Chờ xem, vì trăm nghe không bằng một thấy.

Tiếp theo: Nói chưa dứt thì vô số vị Bồ tát ngồi hoa sen từ biển vọt lên, bằng thần thông, thẳng đến Pháp hội. Như vậy là vô số rồng thành vô lượng Bồ tát. Công đức này của ai? Của Bồ tát Văn Thù thuyết kinh Pháp Hoa độ cung rồng Ta Kiệt La! Không phải chỉ riêng loài người mới đắc quả vị Bồ tát mà rồng cũng đắc đầy đủ hạnh Bồ

tát, chứng đắc và luận giải sáu pháp tu rốt ráo (Ba la mật). Chứng đắc thành quả vị Bồ tát của vô lượng vô biên vị rồng mà hàng Thánh Thanh Văn từ trước đến nay vẫn trụ giữa khoảng không để thuyết pháp Tam thừa, nay cũng tu hành theo nghĩa “Không tướng” thuộc kinh Pháp Hoa của Đại thừa.

Câu tóm của Bồ tát Văn Thù với ý nghĩa sâu mầu:

Ta giáo hóa chúng sanh ở nơi biển là như thế đó! Vừa ngắn gọn, vừa xác quyết, vừa trí mà lại vừa hùng. Cái hay của Bồ tát Trí Tích là dù đã lãnh hội được mọi việc rõ ràng, đúng ra trả lời, nhưng không! Ngài chỉ tuyên xưng thơ kệ để tán thán công đức của Bồ tát Văn Thù.

Trong tám câu thơ kệ này đặc biệt có hai câu:

**Ngài diễn nghĩa “thực tướng”
Khai mở pháp Nhất thừa**

Không tướng tức đồng với thực tướng. Tướng tánh đều không: **Nhất thừa.**

Luận đàm giữa hai Ngài Bồ tát

Chính văn

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nói: “Khi ta ở biển chỉ thường tuyên thuyết Diệu Pháp Liên Hoa”.

Bồ tát Trí Tích hỏi Bồ tát Văn Thù rằng: Kinh Pháp Hoa thâm sâu vi diệu, là pháp quý báu nhất so với các kinh, ở đời rất ít có. Vậy có chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh này mau đặng thành Phật chăng ?

Giảng luận

Tại sao Bồ tát Văn Thù không thuyết các bộ kinh khác mà chỉ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa?

Vì rỗng nhờ bản chất giữ tịnh được giữa động. **Pháp trụ trên ngôi pháp.** Nói cách khác: Pháp tịnh trụ nơi pháp động. Động tịnh tuy khác nhau, nhưng vốn đồng một pháp. Tối sáng tuy khác nhau, nhưng vốn đồng một pháp. Phương tiện phân hai để giúp người sơ cơ học Phật được dễ hiểu, còn kỳ thực động trong tịnh và tịnh trong động. Động tịnh quyện lẫn nhau nên nói là đồng một pháp. Muốn nghe kinh Pháp Hoa, trước nhất phải liễu ngộ pháp tịnh trụ trên pháp động này,

hay nói khác hơn là phải đặc pháp tịnh. Rõng nhờ đặc tịnh giữa động, nên nơi cung rõng Bồ tát Văn Thù chỉ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, mà loài rõng khỏi phải trải qua pháp Tam thừa vẫn chứng đắc.

* Hãy chứng minh rằng rõng đặc tịnh giữa động.

- Qua trận bão biển kinh khiếp nhưng rõng vẫn bình yên.

* Tại sao Bồ tát Trí Tích lại đặt câu hỏi: Nếu chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh Pháp Hoa thì có mau thành Phật không?

- Câu hỏi này mở toang cánh cửa bí mật của kinh Pháp Hoa, bởi vì đa phần hành giả kinh Pháp Hoa bị ám ảnh bởi “Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa”, còn thêm một tên nữa “**Giáo Bồ tát pháp, chư Phật sở hộ niệm**”. Chỉ có Phật với Phật mới hiểu thấu cùng tột, còn Bồ tát thì chưa.

Cuộc đàm luận giữa hai vị Bồ tát còn đang sôi nổi, hành giả Pháp Hoa nếu chú ý lắng tâm từng lời từng chữ nơi cuộc đàm luận này thì nhất

định lớp màn nghi ngờ sẽ vệt sáng, cánh cửa bí ẩn của phẩm kinh sẽ được mở rộng.

**

Chính văn

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cho biết: Có công chúa cung rồng Ta Kiệt La, mới tám tuổi mà căn tánh lanh lợi, có trí huệ, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh. Nàng đắc pháp tổng trì và các tạng pháp rất sâu kín do chư Phật tuyên thuyết, đều có thể thọ trì, thâm sâu thiền định, rõ thấu các pháp. Trong giây phút phát tâm Bồ đề, đặng bậc bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương mến chúng sanh như con thơ, công đức đầy đủ, tâm nghĩ miệng thuyết pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi, nhân đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, nàng ấy có thể đến Bồ đề.

Bồ tát Trí Tích nói rằng: Ta thấy Đức Thích Ca Như Lai đã trải qua vô lượng kiếp thực hành hạnh khổ khó làm, tích tụ vô lượng công đức để cầu Vô thượng Bồ đề, chưa từng ngưng nghỉ. Ta xem trong cõi tam thiên đại thiên thế giới dù chỉ ở nơi nhỏ bằng hạt cải,

cũng đều là chỗ Bồ tát bỏ thân mạng, để vì lợi ích chúng sanh, như vậy sau mới đắc thành quả vị Phật. Ta chẳng tin, nằng công chúa rồng chỉ trong giây lát chứng thành bậc chánh giác.

Giảng luận

Vì là Trí còn Tích nên khó tin những gì Bồ tát Văn Thù nói: Tại sao còn dè dặt chưa tin. Khi trí còn ẩn tích thì phải chờ thấy chữ nghe chưa đủ để tin.

Đoạn kinh này nhắc nhở hành giả Pháp Hoa, cùng bất cứ những ai muốn thành công trước nhất là khi nghe gì phải dè dặt, chớ vội vàng tin khi chưa hội đủ sự quán sát của sáu giác quan, dù lời nói đó bất cứ là của ai, kể cả Bồ tát Văn Thù nói mà Bồ tát Trí Tích vẫn chưa tin. Tại sao nằng công chúa rồng được thành Phật còn chúng ta chưa được? Chúng ta đọc đi đọc lại đoạn kinh này thật nhiều lần. Chẳng những đọc mà cần phải nhấn mạnh nghiền ngẫm, sau đó đối chiếu chính ta được điểm nào như nằng công chúa rồng chưa. Đoạn kinh này quan trọng của người tu cần nhất là căn tánh lạnh lợi, chứ căn tánh ám độn thì khó

lãnh hội kinh Pháp Hoa. Người nào ám độn phải luyện tập không tham ăn, không mê ngủ. Muốn thành Phật phải có trí tuệ, phải đắc tổng trì, tức là đắc mật chú Đà ra ni. Muốn thành Phật chẳng phải chỉ biện tài vô ngại mà phải thương mến chúng sanh. Phải từ bi, nơn đức khiêm nhường, hòa nhã, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh.

Dĩ nhiên ngay từ bây giờ, hoặc từ đời này chúng ta chưa có những đặc điểm siêu việt như thế, nhưng tinh tấn tu luyện, lập công bồi đức nhiều đời nhiều kiếp thì sao ta không đắc như nàng công chúa rồng.

Chính văn

Đang bàn luận, bỗng có công chúa của vua Rồng xuất hiện nơi pháp hội; đầu, mặt lễ Phật rồi đứng về một bên, thuyết kệ tự tán thán rằng:

Ta rõ tướng tội phước
Rộng chiếu khắp mười phương
Pháp thân tịnh vi diệu
Đủ ba hai tướng tốt
Và tám mươi vẻ đẹp

Để trang nghiêm pháp thân
 Trời người đều cung kính
 Long thần đều quy ngưỡng
 Tất cả hàng chúng sanh
 Ai ai cũng tôn phụng
 Lại nghe thành Bồ đề
 Chỉ Thế Tôn rõ biết
 Ta thuyết pháp Đại thừa
 Độ vô lượng chúng sanh.

7- Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi: “Nàng nói sắp thành Phật? Việc này thật là khó tin! Vì sao? Vì thân nữ ô uế, chẳng phải thân pháp khí. Vậy làm thế nào có thể thành Phật được? Đạo Phật sâu rộng, phải trải qua vô lượng kiếp tu hành cần mẫn, chứa nhóm công đức, đắc nhiều pháp môn, sau đó mới chứng đắc quả vị Phật. Còn nữ giới thì lại có năm điều chướng ngại: Một chẳng đặng làm Phạm Thiên Vương, hai chẳng đặng làm Đế Thích Thiên Vương, ba chẳng đặng làm Thiên Ma Vương, bốn chẳng đặng làm Chuyển Luân Thánh Vương, năm chẳng đặng làm Phật. Vậy thì thế nào nàng là nữ lại có thể mau chóng thành Phật được ư?”.

Nàng Long nữ có viên ngọc báu, giá trị bằng tài sản của ba ngàn đại thiên thế giới, cúng dường lên Đức Phật. Đức Phật hoan hỷ thọ nhận.

Long nữ nói với Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất: “Ta dâng viên ngọc báu, cúng dường Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã thọ nhận, việc ấy có nhanh chăng?”.

Đáp: Rất nhanh.

Nàng Long nữ tiếp: “Dùng sức thần thông của quý Ngài, quan sát việc ta thành Phật, lại còn nhanh hơn thế đó!”.

Liên lúc ấy, toàn thể chúng hội, đều nhìn thấy nàng Long nữ, thoát nhiên biến thành nam giới, đầy đủ hạnh Bồ tát và bay thẳng về phương Nam, nơi cõi nước Vô Cấu. An tọa trên tòa sen báu. Chứng đắc quả vị Phật (Chánh đẳng Chánh giác), đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì tất cả chúng sanh. Khắp mười phương mà rộng thuyết pháp mầu vi diệu.

Giảng luận

Bồ tát Văn Thù cho đại chúng biết công chúa rồng sắp thành Phật, Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất không tin và nói là vô lý. Đang bàn luận thì nàng công chúa rồng xuất hiện và tuyên xưng một bài kệ xác nhận như lời Bồ tát Văn Thù. Nhìn thấy và được nghe công chúa rồng nói nàng sắp thành Phật nhưng đại chúng cũng chưa tin nên Tôn giả Xá Lợi Phất mới nêu thắc mắc. Nàng công chúa rồng không trả lời trực tiếp mà bằng cách nêu ví dụ việc nàng dâng ngọc cúng dường Đức Phật, Đức Phật nhận, việc này nhanh chãng? Dĩ nhiên người thắc mắc phải đáp là nhanh. Nàng xác quyết việc nàng thành Phật còn nhanh hơn thế ấy.

Chúng ta vào đời nếu gặp trường hợp tương tự như vậy, nên học theo cách trả lời là nêu ví dụ như nàng rồng, tức là nêu câu hỏi, lần thứ hai mới trả lời.

- Lần thứ nhất nêu một việc gì có liên quan câu hỏi, để rồi hỏi lại người hỏi, người hỏi trả lời.

- Lần thứ hai mới chính thức phơi bày đáp số cho người hỏi. Cách trả lời câu hỏi theo phương pháp lập cầu truyền hình.

Nhưng dù có theo phương pháp nào mà khi kết quả không đúng mục tiêu thì hoàn toàn thất bại. Nếu kết cuộc nàng rồng không thành Phật thì còn gì là uy tín, cho nên liệu khả năng kết thúc của mình rồi mới trả lời, không nên theo cảm tính của mình và nhất là đừng tin khả năng trợ lực của người khác. Người đời đa số ngẫu hứng thường phát ngôn theo trường phái không tưởng, cất nhà trên cát, tuy không bảo đảm nhưng còn hơn là hạng người hoang tưởng mơ xây nhà trên mây.

Lưu ý: Nàng công chúa rồng biến thành nam giới, rồi mới thành Phật. Tại sao phải biến thành nam giới? Dành câu giải đáp cho quý vị hành giả kinh Pháp Hoa.

Nàng công chúa rồng sau khi thành nam giới liền bay về phương Nam, đến cõi nước Vô Cấu, ngồi trên tòa sen mới thành Phật, đủ mười tôn hiệu, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thuyết pháp độ chúng sanh khắp mười phương.

Yếu tố nhân sự thành công của Bồ tát Văn Thù, Ngài chỉ độ một công chúa rồng thành Phật và quan dân rồng thành Bồ tát, đã làm cho khắp mười phương chuyển động. Đến đây có người thắc mắc, không biết Bồ tát Văn Thù thuyết kinh

Pháp Hoa, mà nàng công chúa rỗng liễu ngộ phẩm nào, hay là câu nào, bí pháp nào khiến nàng mau chứng đắc quả vị Phật như thế? Xin thưa! Thuyết toàn bộ kinh Pháp Hoa và đắc toàn bộ kinh Pháp Hoa.

Thắc mắc: Biết toàn bộ kinh nhưng cốt lõi ở pháp môn nào?

Xin thưa: Cả tám vạn bốn ngàn pháp môn và trọng yếu là chứng đắc **Tướng không của các pháp**.

Lại thắc mắc: Vậy muốn tu đắc **pháp tướng không** thì trước nhất phải tu luyện qua phương pháp nào?

Xin thưa: Trước nhất pháp tịnh trụ nơi pháp động. Tiếp theo là quy vạn pháp về Tam thừa, quy Tam thừa vào Nhất thừa, lúc bấy giờ mới tu luyện để chứng đắc pháp Không tướng.

Câu một cây đón đưa lữ khách

Thuyền đáy không chở sạch nợ trần.

(Câu một cây là Pháp Hoa nhất thừa, thuyền đáy không là Bát nhã).

Chẳng riêng công chúa rỗng đắc quả vị Phật nhanh như thế, mà vô số vị rỗng dân, rỗng quan ở

cung rỗng, đông nhiều như cát trên bờ sông Hằng cũng chứng đắc quả vị Bồ tát.

Rỗng tu còn chứng đắc, chúng ta là người há chịu bỏ cuộc hay sao? Chứng đắc hiện đời chứ không hẹn, nếu chưa đắc quả cao thì liễu ngộ và chứng đắc từng phần, từng pháp môn.

Chính văn

Khi đó cõi Ta Bà hàng Bồ tát Thanh Văn, trời, rồng, bát bộ, nhơn và phi nhơn đều xa thấy năng công chúa rỗng thành Phật và đã vì khắp trời người trong hội đó thuyết pháp. Tất cả người nghe đều khởi tâm vui mừng, từ xa kính lạy. Vô lượng chúng sanh nhờ nghe pháp, liễu ngộ đắc bực bất thối chuyển. Vô lượng chúng sanh lãnh lời thọ ký thành Phật. Cõi Vô Cấu sáu nhịp rung động. Cõi Sa Bà ba nghìn chúng sanh trụ bực bất thối, ba nghìn chúng sanh khác phát tâm Bồ đề mà được lãnh lời thọ ký.

Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất cùng tất cả trong chúng hội yên lặng, tín nhận.

Giảng luận

Chúng ta đọc tụng kinh thường gặp danh từ nhơn và phi nhơn, tức là người và chẳng phải người. Vậy người thì dễ hiểu còn phi người thì sao? Phi người nghĩa là chẳng phải người, mà cũng chẳng phải thần, thoát khỏi kiếp làm người, nhưng chưa đạt đến đẳng cấp thần, đang ở giữa người và giữa thần. Phi nhân lại không có thân tứ đại, nhưng có thần thông quảng đại, dù chưa bằng quý vị thiên thần. Trong các hội thuyết pháp của Đức Phật thì hàng phi nhân về thính pháp rất đông, họ có nhiều tín tâm và hộ trì Phật pháp rất đặc lực, trong tám bộ hộ pháp thì phi nhân thuộc một. Khi nài công chúa rồng thành Phật thì tất cả từ hàng Bồ tát đến trời người rồng tám bộ, dù là xa vẫn chứng kiến rõ ràng, kể cả đồng đến nghe vị Phật mới thành ở quốc độ Vô Cấu, vọng về thế giới Sa Bà, vì chúng sanh mà thuyết pháp hóa độ.

Đến đây Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất mới không còn cho rằng vô lý nữa, trái lại yên lặng tin nhận.

Dòng đời nhiều đục ít trong, cho nên nếu cứ dùng lời để giải đáp thì dầu có trải qua trọn kiếp cũng không nhiếp phục nhiều người khác.

Muốn thành tựu bất cứ là địa hạt nào cũng phải đầy đủ cả hai, lời nói lẫn sự việc kết quả mới đủ sức thuyết phục nhiều người. Cứu cánh có thành tựu mới đủ yếu tố trả lời phương tiện. Nói đến đâu thực hành kết quả đến đó, sau mới nói tiếp.

III.- TÓM KẾT

Phương pháp sống theo kinh Pháp Hoa là nhập đời, là vi, là diệu, cho nên chữ nào, câu nào, phẩm nào cũng đều Diệu, mà đã là Diệu thì làm sao nhìn thấy dễ dễ hiểu, bởi thế cho nên mới nói là bí pháp.

Thông thường bậc hiền thiện tu hành mới chứng đắc quả vị Phật, còn ở phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa vị ấy độc ác, thế mà cũng được thọ ký thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai.

Điều thứ hai: thường nữ giới không được thành năm địa vị, trong đó địa vị Thiên Ma Vương không được làm, vậy mà phẩm kinh này thì công chúa rồng mới tám tuổi đã đắc quả vị Phật, hiện tiền thành Phật trước mặt hai Đức Phật và đại chúng nhanh như chớp mắt.

Như thế nếu không đưa vào bí pháp để chú ý lắng tâm khai mở, cứ lo tụng đọc trôi qua thì biết chừng nào hai quy tắc **thuận nghịch** này thấm nhập vào cuộc sống hàng ngày của chính mỗi chúng ta? Muốn có chìa khóa vàng để mở toang cánh cửa bí mật này thì trước nhất phải chú ý “**mã số**” của nó. Mã số ở nơi lý và trí, thông thường lý lúc nào cũng phơi bày ra trước mắt rất rõ ràng, còn trí thì tiềm ẩn bên trong tàng thức, nhưng phẩm Đề Bà Đạt Đa thì ngược hẳn sự thông thường, cho nên muốn mở cửa bí mật của công thức nghịch thuận thì phải rõ hiểu điều lý ẩn trí thì hiện. Trí ở ngoài chiếu soi vào trong mới thấy lý. Chứng đắc phần này thực hành nhuần nhuyễn nhập vào cuộc sống hàng ngày sự ẩn hiện thì mới hy vọng mở được cửa bí mật của nghịch thuận. Bài thực tập để chứng đắc phần đầu lý ẩn là khi vừa thấy nghe sờ ngửi nếm và tư duy qua sự việc, dù rõ ràng bao nhiêu cũng không được mở miệng phát ngôn hai chữ **vô lý**. Đã là lý thì không thể dùng ý để nhận thức, nhất là không dùng trí từ bên trong soi ra, mà phải dùng trí ở bên ngoài rọi vào, tức là trí không chủ quan, trái lại phải dùng cái trí đã trải khắp không gian rọi vào một điểm của cái lý. Trường hợp này

gọi là trí hiện mà lý ẩn, hay nói cách khác là trí ở ngoài mà lý ở trong, được như vậy mới thấy rõ chơn lý. Chơn lý của Dòng đời là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, hoặc Như Lai là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành. Khác nhau chữ đã và chữ sẽ. Công chúa rồng nhờ tu luyện đắc được pháp tịnh trụ giữa pháp động, nên mới mau thành Phật. Việc này không có gì là vô lý cả. Vậy mà khi mới nghe nàng công chúa rồng sắp thành Phật thì Ngài Xá Lợi Phất đã phát biểu hai tiếng “vô lý”.

Chúng ta phạm phu sao hơn bậc đại trí tuệ Xá Lợi Phất, vì vậy nên phải dè dặt tránh không nên phát ngôn hai tiếng vô lý.

Ca dao Việt Nam có những câu:

- ◆ Nước rặc mới thấy cỏ thối.
- ◆ Cháy nhà mới ra mặt chuột.
- ◆ Thức lâu mới biết đêm dài
Chơi lâu mới rõ nghĩa ai thâm trầm.

Còn nhiều câu ca dao tương tự như vậy, ca dao và phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa về lý ẩn tuy là việc khác nhau, nhưng đồng một nguyên lý đó là lý ẩn khó thấy, phải chờ xem. Dè dặt khi vừa

thấy, vừa nghe chớ nên vội vàng quả quyết là vô lý, nhất là tuyệt đối tránh sự tranh cãi rằng bạn nói vô lý. Xin kể trường hợp Vương An Thạch: “**Minh nguyệt sơn đầu kiếu**”, tức là Minh nguyệt hót trên đầu núi. Còn Tô Đông Pha khi vừa nhìn thấy thì cậu sinh viên này liền bảo là vô lý, vội đi lấy bút mực sửa một chữ, chữ kiếu thành chữ chiếu. Trăng chiếu sáng trên đồi núi, chứ sao trăng sáng kêu trên đỉnh núi. Sau đó Tô Đông Pha được bổ nhiệm về vùng sơn cước, được tiếp cận thực tế nên đã ân hận sự sai trái của mình, đó là: Minh Nguyệt không phải chỉ riêng mặt trăng, mà còn dùng để chỉ tên một loài chim. Con chim “**Minh Nguyệt**” nó hót trên đỉnh núi. Ở đời mình tài giỏi, có người tài giỏi hơn mình, cho nên chớ lấy ý mình để tranh luận với người, đừng bao giờ phát ngôn hai chữ vô lý, bởi vì lý ẩn khó thấy, chỉ có bậc trí hiện mới thấy rõ vấn đề.

Khi đạt phần đầu này mới cầm chìa khóa vàng mở cửa thuận nghịch nơi tòa lâu đài Pháp Hoa (phẩm Đề Bà Đạt Đa).

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện vào đời trên vùng đất phương Đông, nhất là xứ Ấn Độ là nơi sống theo tập tục trọng nam khinh nữ. Trong

tất cả việc làm của Đức Phật thì việc truyền bá vào đời học thuyết bình đẳng giữa nam nữ là khó nhất. Ấy vậy mà Đức Phật đã thành công cuộc cách mạng trọng đại này, qua sự thành Phật của công chúa rồng tám tuổi.

Sơ lược một vài bí pháp “**thuận**”, còn bí pháp “**ngịch**” là Đề Bà Đạt Đa ám hại Phật, thế mà Đức Phật lại tuyên bố rằng Đề Bà Đạt Đa là “**ân nhân**”. Nét này mới thật là thâm sâu, mới thật là huyền bí. Đời sống của mỗi chúng ta, ai ai cũng gặp cái nghịch oái oăm này. Cái cảnh trò lừa thầy dù có vượt thì cũng gặp cái điệp khúc bạn bè phản. Người thân hôm qua, nay bỗng thành kẻ thù. Đời ai không gặp một lần như thế!

Ta tu luyện theo Đề Bà Đạt Đa phải rõ thông và chấp nhận rằng đây là những vị “**ân nhân**” của mình. Nhờ cái dở của nó mới mở cái hay. Ca dao Việt Nam có những câu: **Ơn kẻ dữ chứ không ơn người lành**, hoặc **Thất bại là mẹ thành công**.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa còn nhiều bí pháp ẩn mật, rất mong giới “**học giả**” kinh Pháp Hoa liễu tri, riêng các “**hành giả**” kinh Pháp Hoa thì chứng đắc và các bậc “**trí giả**” kinh Pháp Hoa lại

triển khai, tức là pháp luân thường chuyển huệ tâm khai.

Nếu nhân loại đều chứng đắc phẩm Đề Bà Đạt Đa thì thế giới không còn chiến tranh, nước nước yên hưởng hòa bình, nhà nhà ngập tràn an vui và hạnh phúc.

Kính lạy Đức Phật Đa Bửu Như Lai, kính lạy Đức Phật Thích Ca Như Lai, dùng thần thông nâng chúng con, cả giới khoa học lẫn đạo học lên ngang tầm bửu tháp để nhìn rõ pháp Diệu.

Kính lạy chư Phật phân thân, chư vị Bồ tát, chư hiền Thánh Tăng, chư Thiên Long Bát Bộ, hộ pháp, chư Thiên, chư Tiên, hộ thế Tứ Thiên Vương cùng chư Thần, chư Thánh hộ trì cho hai giới đạo học lẫn khoa học sớm liễu thông và chứng đắc pháp Diệu, hòa nhập vào dòng đời, khiến muôn nơi đều tỏa ngát tuệ hương.

Hồi hướng công đức tu luyện, đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết phẩm Đề Bà Đạt Đa này đến hai giới khoa học sớm đạt lý sự viên dung. Hai giới nam nữ bình đẳng tánh trí. Hai trường hợp thuận nghịch không còn làm ray rứt lòng người. Trời thần người quỷ rỗng, chúng

sanh khắp pháp giới mênh mông đều liễu ngộ
Pháp Hoa, đều chứng đắc thành quả vị Phật.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

21

Đạo Tràn Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 21

PHẨM TRÌ - Thứ mười ba

- Hai Ngài Đại Bồ tát Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết cùng với hai vạn vị Bồ tát phát thệ nguyện.
- Năm trăm vị Thánh Tăng và tám ngàn vị học và không còn phải học phát thệ nguyện.
- Đức Phật thọ ký cho nữ giới.
- Tám vạn ức triệu tỷ vị Bồ tát phát thệ nguyện.

I - MỞ ĐỀ

Ngàn xưa dẫn đến ngàn sau, các bậc Thầy Tổ lẫn mẹ cha ai cũng âu lo việc duy trì hơn là tạo dựng. Vì tạo lập nan thủ thành bất dị. Dựng nước khó nhưng giữ nước khó hơn. Xây nhà khó nhưng giữ nhà khó hơn. Mở đạo khó nhưng giữ đạo lại càng khó hơn.

Vì ý nghĩa ấy nên vào hội thượng Pháp Hoa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết phẩm Trì. Lẽ sống của dòng đời là thế, muốn chuyển pháp thì phải áp dụng pháp Diệu, nhưng muốn đạt pháp Diệu thì phải trải qua và thành tựu hai giai đoạn “**vi và tế**”. Pháp Phật lưu truyền chia thành nhiều bộ kinh thì bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa là cao

siêu hơn hết, là mẹ đẻ các kinh, là biển cả còn các kinh khác chỉ là sông suối hồ ao. Đặc biệt nhất của kinh Pháp Hoa là pháp Diệu, cho nên mới có tên là Diệu Pháp. Tánh chất thứ hai của kinh Pháp Hoa là nhập đời, nên bổ túc tên kinh là Liên Hoa. Diệu Pháp Liên Hoa là pháp Diệu bông sen nhập đời.

Trong hai mươi tám phẩm của bộ kinh Pháp Diệu nhập đời thì phẩm “Trì” đứng vào hàng thứ mười ba, nằm giữa bộ kinh cho nên sứ mệnh quan trọng của phẩm kinh là cây cầu nối liền các phẩm đầu với các phẩm sau. Hành giả tu luyện Pháp Hoa mà không nối liền được các phẩm thì chưa nếm được mùi vị tuyệt vời của mật nghĩa kinh. Muốn có cây cầu nối liền các phẩm kinh thì phải liễu ngộ phẩm Trì. Nhiều vị hành giả đọc tụng đến phẩm Trì thường lướt qua, vì nghĩ rằng phẩm kinh này không quan trọng, bởi chưa phân tích nghiên ngẫm để thấy những nhân vật quan trọng nơi phẩm kinh này.

- + Ngài Đại Bồ tát Dược Vương.
- + Ngài Đại Bồ tát Đại Nhạo Thuyết.
- + Cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc.

Tất cả chư Đại Bồ tát này đều phát đại thệ nguyện giữ gìn, phổ truyền và cúng dường kinh Pháp Hoa. Lại còn:

+ Năm trăm vị Thánh Tăng.

+ Tám ngàn vị học và không còn phải học.

Cũng đều phát đại thệ nguyện trước mặt hai Đức Phật nhận việc thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa.

Khi tụng đọc đến đây vẫn chưa thấy tầm mức quan trọng của phẩm Trì, muốn dễ liễu ngộ phải ôn trở lại phẩm Đề Bà Đạt Đa. Khi công chúa rồng chứng đắc quả vị Phật và vô lượng vị rồng được đắc quả vị Bồ tát, nhất của phẩm này là việc Đức Phật thọ ký cho hàng nữ giới thành Phật.

- Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di Ma Ha Ba Xà Ba Đề.

- Ni trưởng Tỷ kheo Ni Da Thân Đà La.

- Cùng với sáu ngàn vị nữ giới đều được thọ ký cho sau này thành Phật và tất cả hàng nữ giới này đều phát lời thệ nguyện thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa, nhất là ở khắp các cõi quốc độ khác.

Còn kể về số đông của phẩm Trì thì tám mươi ngàn vạn ức triệu tỷ vị Đại Bồ tát tự động đến trước Đức Phật phát nguyện thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa ở khắp thủy mười phương thế giới.

Như vậy số lượng thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa đông nhiều không thể tính đếm và không những chỉ riêng thọ trì, phổ truyền, cúng dường ở cõi này mà là tất cả các cõi khắp mười phương thế giới.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa mới mở màn đề cập về giới nữ, phẩm Trì mới thăm sâu về nữ giới, chẳng những hai vị Tỷ kheo Ni mà có hơn sáu ngàn vị nữ giới nối tiếp nhau thọ ký và đồng phát đại thệ nguyện thọ trì, phổ quảng, cúng dường kinh Pháp Hoa khắp các cõi mười phương thế giới.

Từ xa xưa mãi đến mai sau, bất cứ tổ chức nào, công việc nào mà nữ giới thành tín tham gia đông đảo thì sự việc đó, tổ chức đó sẽ thành công viên mãn.

Sáu ngàn vị nữ giới phát thệ nguyện duy trì, hiển hưng kinh Pháp Hoa là bí pháp hướng dẫn cho bất cứ ai muốn thành công trên mọi địa hạt. Đây là chìa khóa mở cửa lâu đài vinh quang của

các bậc yếu nhân, danh nhân, những nhà chỉ đạo, lãnh đạo. Ai xem thường nữ giới thì không nên tụng phẩm kinh này. Ai thọ trì và muốn thành tựu phẩm kinh này thì cần nên lưu ý điểm phải có số nữ giới làm quyến thuộc. Trong số sáu ngàn này phải có hai vị đứng đầu đầy đủ tư cách tác phong lãnh đạo. Trong tất cả các bí pháp dẫn đến thành công thì sáu ngàn vị nữ giới là bí pháp tối ư quan trọng.

Năm bí pháp thành tựu của phần duy trì:

- ① Đại Dực vương.
- ② Đại Nhạo Thuyết.
- ③ Năm trăm vị Thánh đồng một lý tưởng và tám ngàn vị quyến thuộc.
- ④ Sáu ngàn vị nữ giới.
- ⑤ Tám mươi vạn ức triệu tỷ vị cùng chung một lý tưởng, một hạnh nguyện phục vụ (Bồ tát hạnh).

Nếu chưa đủ năm yếu tố nêu trên thì chưa thành tựu mặt duy trì.

Pháp nào, việc nào có nhiều thành phần hộ trì thì cũng có một số ít chống báng. Trong số

chống báng kinh Pháp Hoa, nhất là không thích phẩm Trì được chia có ba hạng:

❶ Hạng người vị kỷ, tiêu cực, sống theo chủ nghĩa cá nhân.

❷ Hạng người ngã mạn kiêu căng hoặc quá khích.

❸ Hạng người dựa thân ỷ thế, hoặc mượn đạo tạo đời, hoặc đắm tham danh lợi.

Những hạng người này không tin nhân quả, chấp đoạn, chấp thường, không trồng căn lành. Chẳng những họ chống báng kinh Pháp Hoa, mà còn oán ghét những ai đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nhưng không vì những hạng người chống báng, hoặc oán ghét mà kinh Pháp Hoa không được phổ biến sâu rộng, trái lại càng ngày pháp Diệu càng hòa nhập vào lẽ sống của nhân loại và muôn loài.

Mong mọi người thâm sâu phân chính văn và giảng luận để rút tỉa khai mở chi tiết các bí pháp của phẩm kinh.

II.- NỘI DUNG

Hai Ngài Đại Bồ tát cùng với hai vị Bồ tát phát thệ nguyện

Chính văn

1. Lúc bấy giờ Ngài Dược Vương Đại Bồ tát và Ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ tát Ma Ha Tát cùng với hai vị Bồ tát quyến thuộc đều ở trước Đức Phật phát lời thệ rằng: “Cúi mong Đức Thế Tôn đừng lo về sau này dù Phật đã nhập Niết bàn, chúng con vẫn thọ trì đọc tụng thuyết giảng kinh này, về các đời ác sau, chúng sanh lắm kẻ tăng thượng mạn, ham lợi dưỡng cúng dường, càng ngày càng chẳng lành càng thêm lớn nên xa lìa đạo giải thoát. Tuy khó giáo hóa nhưng chúng con sẽ khởi sức nhẫn lớn, đọc tụng kinh này, thọ trì, thuyết giải, in chép, cúng dường, kể cả chẳng tiếc thân mạng.

Giảng luận

Muốn nổi truyền Đức Phật để trì giữ kinh Pháp Hoa thì việc trước nhất, người thọ trì phải có đầy đủ Đại Dược vương và Đại Nhạo Thuyết.

Đọc tụng phẩm Trì, trước nhất chúng ta gặp hai Ngài Đại Bồ tát Dược Vương và Đại Bồ tát Đại Nhạo Thuyết cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc, phát nguyện duy trì và phát huy kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Vậy việc muốn giữ gìn phát triển kinh Pháp Hoa, hành giả kinh này phải cần yếu tố gì đầu tiên. Có ba yếu tố:

❶ **Thuốc vua:** Dược Vương Đại Bồ tát tức là thánh dược thân khẩu ý lẫn tâm.

❷ **Phổ truyền điều vui lớn:** Đại Nhạo là niềm vui lớn, còn Thuyết tức là diễn thuyết, là du thuyết, là thuyết trình, là thuyết pháp.

❸ **Phải có hai mươi ngàn vị quyền thuộc đồng hạnh nguyện như mình.**

Thời hưng pháp tại Trung Hoa, Tổ Trí Giả Đại sư thành lập “**Tông Thiên Thai**” tại núi Thiên Thai để duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa; còn gọi tông này là Pháp Hoa tông. Ảnh hưởng phát huy kinh Pháp Hoa của Ngài Trí Giả Đại sư không chỉ tại Trung Hoa mà còn lưu truyền sâu rộng đến nhiều quốc gia thời đó và nhiều đời sau, phần lớn là nhờ Ngài có rất đông quyền thuộc. Biên sử truyền rằng sau lệnh kiêng

chùy niệm Phật thì tiếng niệm Phật vang xa mấy dặm.

Chính văn

2. Lúc đó nơi đại chúng có năm trăm vị Thánh Tăng thuộc thành phần đã được thọ ký, các Ngài đồng bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện ở nơi cõi khác, rộng thuyết kinh này”.

Lại có tám ngàn vị đều là bậc học và không còn phải học, họ trước đây đã được Đức Phật thọ ký, nay từ chỗ ngồi đồng đứng lên, chắp tay hướng về Đức Phật phát lời thệ nguyện rằng: “Thế Tôn! Chúng con ở cõi khác sẽ rộng giải thuyết kinh này. Vì sao? Vì người nơi cõi Sa Bà có nhiều điều tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, giận hờn, dua vạ, tâm không chơn thật.

Giảng luận

Muốn duy trì phải có nhân sự, mà nhân sự thì phải đủ tiêu chuẩn, phải đúng bí pháp và có nhiều thành phần. Đoạn này của phẩm kinh là trình bày hai thành phần:

- Thứ nhất thuộc thành phần đa hệ, nên đã có Đại Dực vương, lại còn có Đại Nhạo Thuyết, cùng quyển thuộc, số đông nhiều đến hai mươi ngàn vị, đầy đủ việc làm Bồ tát đạo. Thành phần đa hệ này thay mặt Đức Phật duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa tại cõi Sa Bà này.

- Thứ nhì thuộc thành phần đơn hệ, gồm có năm trăm vị Thánh Tăng (A La Hán) và tám ngàn vị học và không còn phải học. Cả tám ngàn năm trăm vị đều là đơn hệ (chú ý đa khác với đơn). Nếu đơn hệ thì duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa ở các cõi khác.

Hành giả Pháp Hoa thâm sâu đoạn kinh này và rọi chiếu lại mình thuộc dạng đơn hệ, hay là đa hệ, sau đó mới phát lời thệ nguyện duy trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa ở quốc độ nào, nhưng lưu ý số lượng hai mươi ngàn và số lượng tám ngàn năm trăm rất là quan trọng, nếu chưa có con số này thì chưa có thể duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa. Nếu đủ số nhưng thuộc thành phần đơn hệ thì duy trì và phổ truyền cõi khác. Nếu đủ số và thuộc thành phần đa hệ thì duy trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa tại cõi Sa Bà.

Một điều tối ư quan trọng của kinh điển Phật giáo là con số năm trăm. Bắc tông Phật giáo thường đọc chú Đại bi, nhưng không hành theo chú Đại bi, bởi vì chưa hiểu câu đầu: **Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni.**

Phải đủ ngàn tay ngàn mắt bởi một cái đầu thì chỉ đạo mới thực hành pháp Đại từ bi rộng lớn không hề bị chướng ngại. Đà ra ni có nghĩa là tổng trì là bao quát cùng khắp. Một ngàn tay và một ngàn mắt mà đến năm trăm cái đầu chỉ đạo thì đây chỉ là một nhóm người hỗn tạp, như một đội quân ô hợp, như đàn bò không có con bò đầu đàn. Loài trâu và bò giống nhau về tướng dụng, nhưng khác nhau về khôn dại. Người đời ca ngợi trâu bao nhiêu thì mắng chê loài bò bấy nhiêu.

Lạc đường nắm đuôi chó.

Lạc ngõ nắm đuôi trâu.

Hoặc:

Ham ăn như chó mới có mà ăn.

Thảo ăn như trâu của dâu mà chịu.

Còn bò thì:

Mày ngu như bò.

Tại sao vậy? Tại vì bò không có con bò đầu đàn, còn trâu hễ một đàn trâu đông thì chúng tự tôn lên một con làm đầu đàn để chống với thú dữ bảo vệ bầy đàn, nếu rủi đầu đàn chết thì cả đàn cũng tan rã. Mất trâu đầu đàn là rã tan bầy nghé (trâu nhỏ).

Thiên thủ thiên nhãn tức là ngàn tay ngàn mắt đều hành động dưới sự chỉ đạo của một cái đầu, nếu mạnh ai nấy hành động thì có khác gì đàn bò vô tổ chức. Ngày nay đa số học đòi bình quyền và dân chủ. Đồng ý là bình quyền ở phần lý tánh chứ không thể bình quyền sự tướng. Đồng ý là dân chủ nhưng dân chủ tự giác chứ không thể nào dân chủ tự do. Dân chủ đặt quyền lợi công cộng lên trên, chứ không phải dân chủ theo cá nhân chủ nghĩa. Con trâu đầu đàn suốt đời nó lo bảo vệ sự an vui cho cả đàn, chứ không phải cho riêng nó, lúc nào nó cũng chịu hy sinh thua thiệt sống phục vụ chứ không sống để thụ hưởng. Một cái đầu chỉ đạo ngàn tay ngàn mắt há thua con trâu đầu đàn ư! Thiếu cái đầu chỉ đạo ngàn tay ngàn mắt chung theo một đầu chỉ đạo thì không bao giờ trải rộng được tâm đại từ bi cho khắp muôn loài, không bao giờ đạt được đại bi vô

ngại. Thế gian nếu nhà lãnh đạo thực hành đúng ngàn tay ngàn mắt cùng chung lo việc nước thì dân nước đó tôn gọi là chính quyền, do dân và vì dân. Nếu trái lại, dùng vũ lực để cai trị nước, sống vị kỷ xa hoa, không cần kiệm liêm chính, không chí công vô tư mà ngồi ở địa vị cai trị nước thì gọi đây là bạo quyền.

Trong đạo là nơi linh thiêng mầu nhiệm lại càng cao thượng hơn và càng dân chủ tự giác hơn. Bậc lãnh đạo phải hội đủ tài đức, phải là cái đầu có sự cộng tác của ngàn tay ngàn mắt. Luôn áp dụng **“Chính kỳ tâm để trị kỳ an”** trong đạo giáo, chứ không dùng quyền lực, danh vọng bán chức mua danh hoặc chèn ép người không đồng quan điểm với mình. Tóm lại trong đạo nếu gặp bậc chỉ đạo chơn tu đức hạnh hưởng dẫn giới xuất gia đúng nguyên tắc ngàn tay ngàn mắt thì đây là ngôi Tăng bảo, đây là thời kỳ giáo pháp hiển hưng. Bằng ngược lại chia rẽ, địa phương, phe phái để lãnh đạo bốn chúng, cả vú lấp miệng em, dùng đông người cùng phe bè nhóm phủ quyết mọi nguyện vọng chính đáng thì dù có ngôi trên cái ghế bằng trầm hương được nhà vua ban bổng lộc như Ngô Đạt Thiên sư thì đó chỉ là hình tướng

dối gạt thế gian chứ không phải là ngôi Tăng bảo, mà phải gọi cho đúng là nhóm người cậy dựa quyền uy làm “**Tang bảo**”, tức là làm tan rã ngôi Tam bảo, nó phủ trùm lên ba ngôi báu một màu tang thương!

Nơi nào gặp hoàn cảnh như thế là mặt pháp. Việt Nam hiện đại đầu kỷ nguyên hai mươi mốt đang chập chững bước vào thời kỳ hưng pháp, rất mong đạo Phật Việt Nam được áp dụng câu thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà ra ni. Nhất là được thực hành đúng đoạn kinh nơi phẩm Trì, tức là năm trăm vị A La Hán và tám ngàn vị học và không còn phải học lãnh sứ mạng duy trì phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Chính văn

3. Khi đó di mẫu của Phật là Ni trưởng Ma Ha Ba Xà Ba Đề, cùng với sáu ngàn vị học và không còn phải học, quyến thuộc của Ni trưởng từ chỗ ngồi đứng lên chiêm ngưỡng dung nhan Đức Phật, mắt chẳng nháy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Ni trưởng Kiều Đàm Di, cơ chi Ni trưởng nhìn Như Lai sắc mặt hơi buồn, hay Ni trưởng đang nghĩ rằng

Như Lai chẳng đề cập đến Ni trưởng, để thọ ký cho quả vị Chánh đẳng Chánh giác?

Này Ni trưởng Kiều Đàm Di! Như Lai trước đã tổng thọ ký cho hàng Thanh Văn, trong đó có Ni trưởng, nay Ni trưởng muốn hiểu rõ thêm về tương lai, bà ở nơi pháp hội của sáu mươi tám ngàn ức Đức Phật, làm vị Đại Pháp sư, còn sáu ngàn quyến thuộc Tỷ kheo Ni học và không còn phải học, cũng làm vị Pháp sư và dần dần đủ đạo hạnh Bồ tát, như thế sẽ thành Phật hiệu là Nhứt Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Này Kiều Đàm Di! Đức Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai đó và sáu nghìn Bồ tát tuần tự thọ ký đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ mẹ của La Hầu La là Ni trưởng Da Thủ Đà La Tỷ kheo Ni nghĩ rằng: “Thế Tôn ở nơi trong hội thọ ký, riêng chẳng nói đến tên mình”.

Phật bảo Ni trưởng Da Thâu Đà La: “Người ở đời sau trong pháp hội của trăm ngàn vạn ức Đức Phật, tu hạnh Bồ tát, làm vị Đại Pháp sư, dần dần đầy đủ Phật đạo, ở trong cõi Thiên quốc sẽ đặng thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng Đức Phật ấy lâu vô lượng kiếp”.

Lúc đó Ni trưởng Đại Ái Đạo Tỷ kheo Ni và Ni trưởng Da Thâu Đà La Tỷ kheo Ni cùng tất cả quyến thuộc đều rất vui mừng, đặng việc chưa từng có. Liên ở trước Phật tuyên thuyết thơ kệ rằng:

Đấng Thế Tôn Đạo sư
Làm an ổn trời người
Chúng con nghe thọ ký
Lòng an vui tràn đầy.

Các Tỷ kheo Ni thuyết kệ xong lại bạch Phật rằng: “Chúng con cũng có thể ở các cõi nước phương khác rộng tuyên thuyết kinh này”.

Giảng luận

Tụng đọc phẩm Trì đến đoạn Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di và Ni trưởng Tỷ kheo Ni Da Thủ Đà La cùng sáu ngàn vị nữ giới học và không còn phải học được thọ ký thành Phật, có nhiều người thắc mắc, tại sao nữ giới có năm chương ngại, Thiên Ma Vương còn không được làm, vậy mà phẩm kinh này nữ giới được thọ ký thành Phật như vậy có mâu thuẫn chăng?

Tự chúng ta mâu thuẫn chứ không phải kinh điển mâu thuẫn. Nữ giới có năm chương ngại, trong đó chương ngại thứ năm là không được làm Phật, đó là nữ giới, còn đoạn kinh của phẩm này có chỗ nào nữ giới thành Phật đâu? Chẳng những là người nữ giới, mà muôn loài đều có Phật tánh như nhau, mà có Phật tánh thì có quyền thành Phật. Nhưng lưu ý tánh thì bình đẳng, còn tướng nữ vì nặng nghiệp, dơ uest, nếu ai cứ cố chấp thân tướng nữ thì không thể thành Phật được.

Nàng công chúa rộng biến thành nam giới, sau đó mới thành Phật kia mà! Chúng ta đọc lại đoạn kinh thọ ký này, thành vị Đại Pháp sư hộ trì nhiều ngàn ức Đức Phật rồi mới thành Phật:

“Như Lai nói rõ rằng về các đời vị lai, nơi pháp hội của sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật, Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di sẽ làm vị Đại Pháp sư, sáu ngàn vị nữ giới học và siêu học cũng làm Pháp sư. Riêng Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di thực hành đầy đủ đạo hạnh Bồ tát sẽ chứng đắc quả vị thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai, đầy đủ mười tôn hiệu: Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Còn sáu ngàn vị nữ giới thành Pháp sư Bồ tát và sẽ tuần tự thứ lớp thọ ký cho nhau thành Phật”.

Các đời sau này làm vị Bồ tát Đại Pháp sư, nơi các pháp hội của sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật, sau đó sẽ thành Phật. Làm Bồ tát Đại Pháp sư trải qua suốt sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật thì còn đâu tìm ra nữ giới?

Giải đáp thắc mắc thứ hai: Tại sao Đức Phật nêu nhiều quy tắc, để cho nữ giới xuất gia phải trải qua nhiều khó khăn thử thách như vậy?

* **Trước nhất:** là áp dụng vào thời đó. Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di là mẹ nuôi Đức Phật, khi Đức Phật còn Thái tử. Vì thâm tình đó nên khó tránh khỏi sự ỷ lại của bà mẹ nuôi. Nhận bà vào hàng ngũ xuất gia thuộc dòng Thích tử nếu không có nguyên tắc, nhất là không có những quy định, những khó khăn ban đầu, không có tám pháp cung kính dành cho vị Ni giới thì ngôi Tăng bảo về các đời sau ấy quy củ đâu để mà ổn định tổ chức.

Nếu người thân tộc mà không giữ mình trong khuôn khổ giới luật, trái lại tự cho mình là một bà mẹ có quyền uy theo nếp sống phàm trần thì đạo sẽ mau đi vào giai đoạn mạt pháp.

* **Khó thứ hai:** Khi bà Di mẫu của Phật xin xuất gia, Đức Phật từ chối. Tôn giả A Nan phải nhiều lần ân cần cầu xin Đức Phật để bà mẹ nuôi của Ngài được nhập vào hàng ngũ xuất gia, dĩ nhiên Đức Phật bắt buộc giới nữ phải tuân thủ tám pháp cung kính, tại sao phải như vậy?

Sở dĩ có sự ràng buộc như thế, không phải Đức Phật đề phòng bà Di mẫu, hay lo ngại cho uy tín của Tăng đoàn vào thời đó, mà là Ngài đã tiên liệu những tệ nạn xảy ra về các đời sau này,

nhất là sau Đức Phật nhập diệt năm trăm năm. Những tệ nạn này, hiện nay đang xảy ra ở một số chùa, có trường hợp con trai làm Trụ trì, bà mẹ cũng cạo tóc, mặc ca sa làm bà vải nắm quyền nhà bếp, tay hòm chìa khóa, quản lý toàn chùa, có nơi còn biến điệu chúng thành tội tở. Bốn đạo người nào giàu có hoặc khéo nịnh theo với bà, hoặc đồng phe phái thì được thầy Trụ trì và bà vải (mẹ thầy Trụ trì) trọng vọng. Ngoài số ưu tiên này thì tất cả các thành phần khác, kể cả điệu chúng không thuộc phe nhóm đều bị xem như kẻ xa lạ. Mặc dù Đức Phật đã đề phòng và đã chế ra bát kính pháp, đã chế giới luật, đã dạy Tăng Ni không được ở cùng chùa, nhưng mà đời mạt pháp nên cũng có một số người không chịu tuân nghe, trái lại còn xem thường giới luật, phớt lờ bát kính pháp. Hơn nữa mẹ thầy Trụ trì xuất gia làm bà vải thì có ai mà dám nói, đấng này có ai nhắc đến bát kính pháp thì bà bảo tôi đâu có thọ Cụ túc giới nên tôi chẳng theo bát với kính, ông con trai tôi là Trụ trì thì còn ai lớn hơn và dĩ nhiên tôi là mẹ của thầy Trụ trì cho nên vị Trụ trì phải kính tôi, chứ không lẽ tôi kính ông thầy con của mình ư! Ngoài đời dù Hoàng đế là người đứng đầu thiên hạ cả nước, nhưng Hoàng thái hậu có quyền

quở phạt đánh rầy vị Hoàng đế kia mà! Trong đạo không lẽ không bằng lẽ nghi như ngoài đời hay sao! Thế là cả mẹ lẫn con của họ đang dọn đường đi vào địa ngục. Có người hỏi thêm mẹ thầy Trụ trì không xuất gia chỉ làm cư sĩ thì sao? Quá tốt, nhưng cũng phải giữ sự lịch duyệt với mọi người đừng nên ỷ lại.

Hành giả Pháp Hoa kinh, ai tu phẩm Trì thực hành theo đoạn kinh này, khi bước chân vào bất cứ chùa nào, nên quán trước xem sau, coi ngôi chùa đó có giữ giới hay không? Chớ nên quơ dũa cả nắm, lại cũng chớ nên áp dụng câu “**Quy nhất tự lễ bách Tăng**”. Kính trọng chùa mình đang quy y thì phải kính trọng hàng trăm, hàng ngàn chùa khác! Nhưng phải tránh những ngôi chùa không tuân theo giới luật mà Đức Phật đã dạy, không giữ đúng giới luật, nếu như chùa Ni mà thiếu bát kính pháp, hoặc nơi nào biến chùa làm nơi sinh sống cho cả gia đình tộc họ, hoặc phe phái địa phương, mượn đạo tạo đời thì không nên kính trọng.

Ngoài ra còn có một số chùa lười nhác chẳng công phu bái sám, chẳng tu tập nên Long thần Hộ pháp không ủng hộ thiếu gạo ăn, vì họ không giữ giới thì phước đức đâu mà kính trọng.

Ý nghĩa phẩm kinh, đoạn này là đề phòng các đời sau có nơi lợi dụng đạo mầu để làm những điều tội tệ, biến cửa chùa thành nơi sinh sống, chẳng chịu phục vụ chúng sinh, khiến Phật pháp suy tàn, khiến lòng người chán nản, mất niềm tin nơi ngôi Tăng bảo.

Tác phẩm sãi vãi của Nguyễn Cư Trinh nhạo báng đạo Phật dưới thời nhà Nguyễn, có lẽ nhà văn này đã gặp phải trường hợp đáng buồn như vừa nêu chẳng!

Ngày nay nhân loại đang sống theo nếp văn minh, dân trí mỗi quốc gia, nhất là Việt Nam đang hòa nhập vào trào lưu tiến hóa, khoa học đang phát minh vậy không lẽ đạo học lại đậm chân tại chỗ, hoặc phản tiến hóa. Chúng ta phải mạnh dạn nhìn thẳng vào từng nếp sống của từng vị Tăng Ni, có sống đúng giới luật, có sống đúng quy pháp, Tăng Ni có ở riêng biệt hay không? Nếu nơi nào, hoặc vị nào chưa được hoàn chỉnh, xin nhẹ nhàng tự sửa đổi cho hợp giới luật. Nơi nào sống chưa đúng giới luật cũng nên cùng nhắc nhở sửa đổi cho đúng, để cho toàn đại gia đình đạo Phật sớm hành đúng kinh điển, nhất là giới Phật tử chớ nên bạ đâu tin đó!

Bàn giải về Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di mà không đề cập đến Ni trưởng Da Thâu Đà La, mẹ của La Hầu La thì chưa tròn phần giảng luận của phẩm Trì.

Theo một số kinh ghi rằng, nhiều kiếp trước lúc nào tiền thân của Da Thâu Đà La cũng có nhân duyên làm vợ của tiền thân Thái tử Tất Đạt Đa, nên kiếp này cũng trở lại làm vợ như thế. Lối lập luận như vậy chỉ đứng vững ở một khía cạnh. Vậy đặt thêm câu hỏi rằng: Đã biết tiền kiếp như thế thì kiếp này chuyển cái nhân đã có từ tiền kiếp đó đi có được không? Tại sao phải tái thêm một lần cuối nữa mới dứt? Một vị Bồ tát lâm phạm như Ngài Hộ Minh thì có gì không chuyển được? Bởi vì đây không phải là nghiệp chướng mà chẳng chuyển được. Ở trường hợp này là phương tiện đóng kịch mà thôi! Tại sao phải đóng kịch như vậy? Nếu một vị Bồ tát lâm phạm làm một vị Thái tử, rồi thuở thanh niên trốn vua xuất gia tu luyện chứng đắc quả vị Phật thì có gì để gọi là **bí pháp**. Hành giả Pháp Hoa không bưng tỏ, liễu ngộ chỗ này thì sao gọi là tu theo phương pháp bông sen nhập bùn. Nếu cứ đồng ấu xuất gia thì các đời sau trong hàng ngũ xuất gia chỉ

toàn là đồng ấu. Đạo Phật không đóng băng trên giáo điều, hơn nữa giới trung niên xuất gia không phải là số ít trong hàng ngũ ngôi Tăng bảo. Nếu Thái tử Tất Đạt Đa không lập gia đình với công chúa Da Thân Đà La, rồi sau đó mới cắt đứt mối tình riêng, can đảm rời vợ con để xuất gia thì thiên hạ các đời sau sẽ nhìn những vị trung niên có gia đình xuất gia bằng cặp mắt khinh miệt đến thế nào ?

Dĩ nhiên đồng niên xuất gia là hơn trung niên xuất gia. Nhưng đồng niên mà thiếu giới luật, thiếu oai nghi, thiếu đức độ, trí kém, huệ khô, tâm hồn chật hẹp thì làm sao sánh kịp với vị trung niên xuất gia giữ đầy đủ các khuôn phép của giới xuất gia.

Còn nói về nữ giới, trung niên xuất gia như Ni trưởng Da Thân Đà La có phải đây là một vị Tỷ kheo Ni đức hạnh đầy đủ, hiện đời tu hành chứng đắc quả vị A La Hán, làm mẫu mực cho Ni giới và được thọ ký trải các đời lâu xa về sau được thành Phật hiệu là **Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai**. Như thế có phải đây là các bậc siêu phàm phương tiện đóng tròn tuồng kịch để mở lối cho các đời sau hay không? Nếu

cách nay hơn hai ngàn rưỡi năm mà không có sự hiện diện của Ni trưởng Kiều Đàm Di và Ni trưởng Da Thâu Đà La thì ngày nay trong giới Ni liệu có được huy hoàng như vậy hay không?

Phẩm Trì đoạn kinh nói về giới nữ là một cuộc cách mạng thời bấy giờ, chẳng riêng tại xứ Ấn Độ mà cả Á Đông, bởi vì học thuyết trọng nam khinh nữ nó đã đè nặng trên phong tục tập quán của tư tưởng nhiều người. Ni trưởng Kiều Đàm Di cùng với Ni trưởng Da Thâu Đà La và sáu ngàn vị nữ quyền thuộc đã được thọ ký thành Phật, tất cả phát đại thệ nguyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, phổ quảng và cúng dường kinh Pháp Hoa đã xác định chấm dứt sự kỳ thị trọng nam khinh nữ.

Những lời dạy của Đức Phật nơi kinh Pháp Hoa vừa nhẹ nhàng thanh thoát vừa hùng mạnh cao siêu, tháo gỡ biết bao điều phi lý mà từ ngàn xưa nó đã đè nặng lên con người, đây là một cuộc cách mạng hết sức ngoạn mục.

Loài người và nhất là hành giả Pháp Hoa, càng thâm sâu, càng gặp nhiều bí pháp, những bí pháp nhập đời để hưởng dẫn đời, đi đến đích hòa hợp, an vui và bình đẳng.

Chính văn

Bấy giờ Đức Phật Thích Ca nhìn tám mươi vạn ức triệu tỷ vị Đại Bồ tát, hàng Bồ tát này toàn là những bậc bất thối chuyển, đã từng chuyển pháp luân chẳng hề lui bước, đều đắc các pháp tổng trì. Tất cả rời chỗ ngồi, đứng lên đến trước Phật, thành tâm chấp tay, thâm niệm rằng: “Nếu Đức Thế Tôn dạy bảo chúng con thuyết kinh này thì chúng con sẽ như lời Phật dạy mà rộng tuyên thuyết kinh Pháp Hoa”.

Các vị đó lại nghĩ: “Nay Đức Phật yên lặng chẳng thấy dạy, vậy chúng ta phải làm thế nào?”

Lúc đó các vị Bồ tát kính thuận ý của Phật và muốn tự thỏa mãn bốn nguyện bèn ở trước Phật lớn tiếng mà phát lời thệ nguyện rằng: “Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con qua lại khắp vòng khắp mười phương thế giới, thường khiến cho chúng sanh in chép, thọ trì, giải thuyết ý nghĩa kinh này; đồng thời nghĩ nhớ chơn chánh và đúng như pháp mà tu hành, được như thế là

nhờ sức oai thần của Đức Thế Tôn. Cúi mong Đức Thế Tôn ở phương xa hộ giữ cho.

Giảng luận

Đây là sự tự nguyện phổ trì kinh Pháp Hoa của hàng Bồ tát không tên tuổi, số đông nhiều đến tám muôn ức na do tha, chữ na do tha là chỉ cho số nhiều không thể tính đếm được nên mới tạm mượn con số, tám mươi vạn ức triệu tỷ vị Bồ tát, đó là ám chỉ cho con số nhiều mà thôi.

Có người lại thắc mắc, số đông nhiều như vậy thì chỗ đâu dung nạp. Xin thưa! Đến thế kỷ hai mươi một công nguyên, khoa học đã đưa con người tiến xa ra khỏi bầu khí quyển, vậy mà ở đạo học lại có người thắc mắc những chuyện dễ hiểu như thế thì làm sao liễu ngộ được kinh Đại thừa. Quý vị có xem truyền hình không? Trên mặt kính truyền hình rộng bao nhiêu, thế mà dung chứa hàng trăm ngàn người hoặc nhiều hơn nữa. Hàng A La Hán hoặc Bồ tát còn siêu đẳng hơn người phàm trần trên mặt kính truyền hình, vậy tại sao hành giả Pháp Hoa không liễu ngộ?

Hàng Bồ tát không tên tuổi số đông nhiều như thế, đặc pháp Đà Ra Ni, lại còn đặc và

chuyển pháp chẳng hề thối chuyển, các Ngài tự động đến trước Đức Phật thắm nguyện phổ truyền kinh Pháp Hoa. Dù thấy rõ sự việc như thế, nhưng Đức Phật vẫn giữ thái độ điềm nhiên, đây chính là một nét bí pháp, lưu truyền lại cho hành giả Pháp Hoa.

Đức Phật điềm nhiên không hề dạy lời nào, vậy mà đoạn kinh tiếp theo ghi rõ rằng: “Lúc ấy các vị Bồ tát **kính thuận ý Phật**. Bốn chữ kính thuận ý Phật, nhất là chữ ý và hai chữ kính thuận ở đây hàm chứa một ý nghĩa sâu xa thuộc về bí pháp. Đức Phật điềm nhiên không nói, vậy mà gọi là kính thuận “**ý**” Phật, nếu Đức Phật nói hay là mỉm cười thì là kính thuận “**lời dạy**”, hoặc kính thuận thân Phật. Sự giáo hóa của Đức Phật chia làm nhiều cách, khẩu giáo, thân giáo và ý giáo. Hành giả Pháp Hoa ai chưa liễu ngộ và chưa áp dụng đủ ba cách giáo hóa này thì chưa có thể phổ truyền kinh Pháp Hoa. Các bậc làm cha mẹ, làm lãnh đạo chưa thông suốt và nhuần nhuyễn ba lối giáo hóa này thì chưa có thể giáo hóa con cháu, hoặc quần chúng thành công, nhất là các bậc thầy cô giáo.

Những chữ “**qua lại giáp vòng**” của đoạn kinh kế tiếp này vô cùng quan trọng, đi giáp

vòng khắp mười phương mà không qua lại thì chỉ có một. Đi một thì giáo hóa một thôi! Sự giáo hóa phải trải qua nhiều lần, như cách bò nhới cỏ thì mới đạt kết quả. Hành giả Pháp Hoa, nhất là giới

thức giả nên lưu ý điểm này.

Đoạn kinh: “**Hay khiến chúng sinh in chép, thọ trì, đọc, tụng, giải nói kinh này**”. Năm việc làm phổ truyền kinh Pháp Hoa nghe qua rất dễ, nhưng đi sâu vào việc làm, nếu không có hàng Bồ tát, hoặc những vị mang hạnh Bồ tát “**khiến**” (hướng dẫn) cho người khác làm thì chắc chắn không có ai in chép, thọ trì, đọc, tụng, phổ thuyết kinh Pháp Hoa, nhất là việc cúng dường kinh Pháp Hoa. Nhiều hành giả Pháp Hoa nói rằng cá nhân mình tu kinh Pháp Hoa thì được chữ khuyến khích người khác tu luyện phổ truyền là việc khó quá. Nếu không khó thì đoạn kinh này chư Bồ tát không sử dụng chữ “**khiến**”, tức là hướng dẫn vào đây. Bởi khó cho nên phải khiến, chưa tròn chữ khiến nơi phẩm Trì thì chưa phải là hành giả kinh Pháp Hoa.

Câu sau cùng của đoạn kinh là tất cả việc làm phổ thuyết kinh Pháp Hoa đều được thành

tự là chúng con nương nhờ oai thần của Phật. Vậy cho nên dù Phật ở phương hướng nào, thế giới nào cũng hướng về nơi chúng con hành đạo mà thủ hộ cho chúng con (chư Phật hiện toàn thân). Dù tự nguyện của chúng con dững mãi tha thiết bao nhiêu mà thiếu sự hộ trì của chư Phật thì việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cũng khó thành tựu.

Hàng Bồ tát đồng thanh tuyên thuyết thơ kệ:

Chính văn

5. Xin Thế Tôn chớ lo
 Sau khi Phật diệt độ
 Dù đời ác đáng sợ
 Chúng con vẫn thuyết rộng
 Nếu có người thiếu trí
 Lời ác mắng nhiếc con
 Hoặc gậy dao chém đánh
 Chúng con đều nhẫn nhục
 Đời ác: - Có Tỳ kheo
 Trí tà lòng dua vạ
 Chưa đắc nói đã đắc
 Tâm đầy sự ngã mạn
 Hoặc người mặc áo vá

Lặng lẽ ở nơi vắng
Tự xưng tu chơn đạo
Khinh miệt người thế gian
Thường tham ử danh lợi
Thuyết pháp cho người đời
Được nhiều người cung kính
Ngang hàng A La Hán
Kẻ đó có ác tâm
Thường đả việc thế tục
Giả danh “A Luyện Nhã”
Thích nói dối chúng con
Họ thường nói thế này
Các gã Tỷ kheo đó
Vì tâm ham danh lợi
Thuyết truyền nghĩa ngoại đạo
Tự đặt ra kinh điển
Đối gạt người trần tục
Vì muốn được danh tiếng
Mà giải nói Pháp Hoa
Họ lẫn trong đại chúng
Để phá hại chúng con
Kẻ quốc vương tể quan
Bà La Môn, cư sĩ
Lẫn hạng Tỷ kheo khác

Bôi xấu chê chúng con
Rằng con là tà kiến
Đang thuyết kinh ngoại đạo
Chúng con vì kính Phật
Nên nhẫn các điều đó
Họ còn chế nhạo rằng
Các người đều là Phật
Lời khinh chê như thế
Chúng con đều nhẫn được
Vào đời ác kiếp dơ
Các việc sợ hãi nhiều
Quý dữ nhập thân đó
Mắng rửa hủy nhục con
Chúng con tin kính Phật
Luôn mặc giáp nhẫn nhục
Chủ đích thuyết Pháp Hoa
Nên nhẫn việc khó nhẫn
Con chẳng tiếc thân mạng
Chỉ mến đạo vô thượng
Chúng con ở đời sau
Thọ trì lời Phật dạy
Thế Tôn tự biết cho
Đời ác có Tỷ kheo
Chẳng hiểu Phật phương tiện

Thuyết pháp tùy cơ nghi
Châu mày thốt lời ác
Luôn luôn bị đuổi xua
Xa rời nơi chùa tháp
Các điều ác như thế
Nhớ lời Phật dạy khuyên
Nên nhẫn được tất cả
Các xóm làng thành ấp
Nơi có ai cầu pháp
Chúng con đến chỗ đó
Thuyết những lời Phật dạy
Con là sứ giả Phật
Ở giữa chúng chẳng sợ
Con sẽ khéo thuyết pháp
Xin Thế Tôn an lòng
Con ở trước Thế Tôn
Trước mười phương Phật nhóm
Con phát nguyện như thế
Phật chứng lòng chúng con.

Giảng luận

Phần cốt lõi của phẩm Trì không phải thuyết pháp giỏi mà là sự nhẫn nhục. Ai cũng thao thao bất tuyệt rằng tôi luôn luôn giữ sống đúng pháp nhẫn nhục, vì nhẫn nhục đệ nhất đạo, nhưng kỳ

thực có được vậy không? Sự sân hận nó đến rất đột biến, đến với mình thì có thể nhẫn được, nhưng nếu có người hủy báng kinh điển Đại thừa thì sao? Trong đoạn kệ các Ngài Bồ tát đã nói rất rõ họ chẳng hiểu Phật phương tiện thuyết pháp Đại thừa, nên họ hủy báng, chúng con vẫn nhẫn chịu. Nếu không nhẫn chịu được thì làm sao trì giữ được kinh Pháp Hoa. Trong bài kệ dài tám chục câu, gồm bốn trăm chữ, tất cả chư vị Bồ tát đều nhấn mạnh sự nhẫn nhục. Không nhẫn nhục không trì được kinh Pháp Hoa. Hành giả Pháp Hoa đa phần đọc tụng chứ ít người thọ trì, bởi vì người tu hạnh nhẫn nhục chưa chứng đắc. Phải chứng đắc nhiều phương diện. Đại Dực Vương, Đại Nhạo Thuyết. Bình đẳng tánh trí, giữa nam nữ và đức tánh sau cùng mà cũng là đức tánh cao tột nhất là sự tu luyện đắc nhiều về nhẫn nhục.

Lưu ý đoạn kệ này có câu: “**Đời ác có Tỷ kheo**, Trí tà lòng dua vạy”, chứ đừng nên đọc tụng “**Tỷ kheo trong đời ác**, trí tà lòng dua vạy”. Đọc sai như thế sẽ có sự hiểu lầm rằng: Về các đời sau khi Phật nhập diệt thì đời ác toàn là những vị trí tà lòng dua vạy. Đời nào cũng vậy, khi Phật còn tại thế vẫn có Đề Bà Đạt Đa. Sau Phật nhập Niết bàn biết bao vị Bồ tát, biết bao vị

Thánh Tăng bị hàm oan. Ngày nay dù là thời mạt pháp, nhưng cũng có nhiều nơi đang hiển hưng chánh pháp, biết bao vị Thánh Tăng ẩn dạng hoằng truyền chánh pháp, biết bao vị Bồ tát lâm phạm cứu độ chúng sanh. Gần đây nhất và rõ ràng nhất là Bồ tát Quảng Đức, Ngài chẳng những cứu nguy Phật giáo mà đã cứu độ biết bao chúng sanh.

Câu văn tối nghĩa: “Tỷ kheo trong đời ác, Trí tà lòng dua vạ” của đoạn kệ này chỉ là sự vô tình dịch chưa được sáng nghĩa lắm, chúng ta đọc tụng phải có trí nhận xét, chớ bởi lông tìm vết mà tổn phước. Chớ nên câu nệ hoặc cố chấp một vài chữ nơi văn kinh mà bỏ một bộ kinh siêu đẳng, cho nên chúng ta không bảo là Phật tiên liệu các đời sau như thế.

Hán dịch:

**Ác thế trung tỷ khưu
Tà trí tâm siểm khúc**

Đã hiểu sai:

**Tỷ khưu trong đời ác
Trí tà lòng dua vạ**

Xin sửa lại:

Đời ác có Tỷ kheo

Trí tà lòng dua vạy

Câu Tỷ kheo trong đời ác, có người xuyên tạc hiểu lầm là các vị Tỷ kheo trong đời ác đều là xấu cả. Còn đời ác có Tỷ kheo là trong đời ác có một số ít vị Tỷ kheo xấu. Chúng ta nên đảo ngược câu này, chớ nên hiểu sai tổn phước.

III.- TÓM KẾT

Tạo lập nan, thủ thành bất dị. Đây là câu châm ngôn gối đầu của bất cứ ai muốn đạt đến điểm thành tựu, nhất là hành giả Pháp Hoa.

Phẩm Trì là phẩm kinh thứ mười ba của bộ kinh Pháp Hoa, bộ kinh hai mươi tám phẩm. Đọc tụng liễu ngộ được phẩm Trì mới quý trọng bộ kinh Pháp Hoa. Đọc lướt qua phẩm Trì chẳng liễu thông được cách duy trì toàn bộ kinh Pháp Hoa. Đa phần giới học Phật chỉ nói kinh Pháp Hoa là bộ kinh chỉ cách tu thành Phật. Nói vạy đúng, nhưng mới có phần nào thôi! Phải nói bộ kinh Pháp Hoa là bộ kinh hướng dẫn nhân loại và muôn loài thành tựu từng vấn đề cho từng đẳng cấp. Ai cầu giải thoát thì tu thành Phật, thành Bồ tát, thành Thánh, thành Bích Chi, ai trung bình thành trời thần tiên siêu nhân, ai thường thì thành tựu kiếp sống một con người. Về người lại chia

nhieu thành phần: vĩ nhân, yếu nhân, hiền nhân, triết nhân. Nếu nói về khía cạnh đất nước thì đưa đất nước đến phồn vinh, nếu nói gia tộc thì đưa gia tộc đến hạnh phúc. Như Hiến pháp nước Nhật là trích từ bộ kinh Pháp Hoa và lập thành một bản Hiến pháp hoàn chỉnh nhất thế giới. Có người lại giành phần phải rằng, đạo Phật Việt Nam tu học đọc tụng bộ kinh Pháp Hoa, như vậy thì đạo Phật Việt Nam sẽ tuyệt vời. Xin thưa! Giới đệ tử Phật tại Việt Nam phần đông mới tu ngoài cái vỏ Pháp Hoa, nói cách khác là mới đến cổng Pháp Hoa chứ chưa lên thêm Pháp Hoa thì làm gì có sự tu luyện kinh Pháp Hoa tuyệt vời !

Có một bài thơ được phổ nhạc cả tân lẫn cổ, trong đó có một câu:

**Nhẹ nhàng, thanh thoát, lặng yên,
Quán sâu, chiếu sáng lên thêm Pháp Hoa.**

Phải trải qua năm giai đoạn mới bước chân lên thêm Pháp Hoa. Lên thêm mới vào nhà và còn nhiều nữa mới là tu luyện và chứng đắc Pháp Hoa chứ! Nói chung kinh Pháp Hoa, Đức Phật thuyết và phổ truyền công khai, không đặc quyền cho riêng hàng đệ tử của Ngài, lại cũng không chỉ dành riêng cho loài người, nhất là không độc

quyền cho nam giới, trường hợp nàng công chúa rồng và hai vị Ni trưởng cùng sáu nghìn nữ quyến thuộc đã quá rõ.

Những điều kiện cần phải có của phẩm Trì đã phơi bày rất rõ ràng và rất tỷ mỉ, mong các vị hành giả Pháp Hoa lưu ý và phải hội đủ yếu tố của chữ trì, tối thiểu là một yếu tố, bằng không thì chẳng thể nào là trì kinh Pháp Hoa, chứ đừng bảo là phổ truyền. Họ chẳng nếu ai quá thích kinh Pháp Hoa, hoặc kính ngưỡng kinh Pháp Hoa thì cũng chỉ ở vào hàng đọc hoặc tụng, để cầu phước hiện đời và nhiều đời sau, chứ còn bảo là tôi đang thọ, hoặc trì, hoặc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì chưa ! Vì đọc hoặc tụng chưa phải là thọ trì, lại càng chưa phải là phổ truyền !

Quốc Tổ Lạc Long Quân hướng dẫn một trăm sắc tộc rời đất phương Bắc, theo dấu chân loài chim Lạc đến sông Hồng lập thành nước Hồng Bàng, nay là Việt Nam, nối truyền nhau mười tám tộc vua Hùng, mỗi tộc có mấy chục ông vua. Nước Hồng Bàng duy trì nền an ninh thịnh trị suốt dòng thời gian 2.622 năm. Một thời gian thịnh trị siêu lịch sử quốc tế. Người thứ hai vị thức giả Từ Phước, dẫn năm trăm sinh viên, rời

Trung Hoa đến quần đảo Phù Tang lập thành nước Nhật và cũng duy trì nền thanh trị từ thời Tần Thủy Hoàng đến nay. Việc lập quốc lập làng thì dễ, nhưng duy trì nền thanh trị mới là khó.

Việc in chép kinh Pháp Hoa, dịch kinh Pháp Hoa, tụng kinh Pháp Hoa, hoặc lập Đạo tràng Pháp Hoa rất khó, nhưng việc phổ truyền và duy trì kinh Pháp Hoa nhập vào đời mới thật là khó. Một điều tối ư quan trọng là lối duy trì kinh Pháp Hoa không toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, mà chia cắt từng phần như người mù sờ voi. Con voi là con voi vì nó chỉ là con voi, chứ không là cái quạt, không là cái chổi ... Kinh Pháp Hoa là kinh Pháp Hoa, chứ không phải chỉ thọ trì hoặc là niệm đề kinh Pháp Hoa, cũng không chỉ là phẩm Phổ môn, nó lại không thể là một phần bốn, hay của tích môn, phổ truyền từng phần là phương tiện tùy căn cơ của từng thời kỳ mà độ sanh chứ chưa gọi là thọ trì toàn bộ kinh Pháp Hoa được. Việc thọ trì toàn bộ phải là hàng Đại Bồ tát, hoặc những ai phát nguyện tu hạnh Bồ tát.

Lưu ý: Muốn thọ trì kinh Pháp Hoa phải khởi từ Tiểu thừa đến Đại thừa, đến Tối thượng thừa.

Phải khởi luyện từ sáu căn tám thức đến vô thức, chuyển sang tứ trí, sang an lạc, sang Như Lai thân lực, sang Dược vương, Diệu âm, Quán Thế Âm, Đà Ra Ni, chuyển lên cao là Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, Tịnh Đức để dần về xóa tâm vương (Diệu Trang Nghiêm Vương), cuối cùng trải rộng hạnh Phổ Hiền. Không thể bỏ chữ nào, câu nào, phẩm nào cả. Đời này chưa đắc nguyện nối đời sau, kiếp này chưa thành nguyện kiếp sau, bởi vì lời dạy của Pháp Hoa là “**không gian vô biên thời gian vô tận**”.

Phật thuyết một thời pháp, thời gian sáu mươi tiểu kiếp vậy mà thính chúng nghe chừng như một bữa ăn.

Hành giả tu tập kinh Pháp Hoa phải có ý chí kiên nhẫn như cậu bé học trò từ mẫu giáo, đến mãn phần trung học, rồi đến cử nhân, cao học, tiến sĩ, bác học và siêu bác học vậy.

Phạm vi phẩm Trì chưa nói hết toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, nhưng nó khẳng định người tu kinh Pháp Hoa phải có chí kiên trì, tâm nhẫn nhục, tánh vị tha, hạnh Dược vương, giới Thánh quả, nhất là thân khẩu ý Đại Nhạo Thuyết và tư tưởng phải tuân theo pháp, bình đẳng giữa mọi

người mọi loài, nhất là chấm dứt sự xem thấp nữ giới.

Điều đáng lưu ý là nữ giới. Trên tất cả các địa hạt, gia đình, đoàn thể, tôn giáo muốn phát triển thì nam giới, nhưng muốn duy trì thì cần phải có nữ giới. Nhưng cũng cần phải lưu ý là phải quân bình âm dương đúng nguyên lý tạo thành của nguyên tử, nhất là chỉ đạo, lãnh đạo mở mang, không phải ở nữ. Hai vị nữ Thánh Trưng đuổi xâm lăng được nhưng giữ nước không được.

Hệ thống tổ chức nhân sự phải cho đúng. Địa hạt duy trì thiếu nữ thì thất.

**Vãng đàn ông quạnh nhà
Vãng đàn bà quạnh bếp.**

Kinh Pháp Hoa, phẩm Trì chỉ rõ còn hay mất đạo cũng như đời. Trì sai thì rơi vào mê tín dị đoan. Trì đúng thì chánh pháp hiển hưng, muôn loài đều an vui, quốc thái dân an, nhà nhà thịnh vượng, người người hạnh phúc.

Hồi hướng công đức đến các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ

đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời hoằng dương
Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

22

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

**DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 22**

PHẨM AN LẠC HẠNH - Thứ mười bốn

- Bồ tát Văn Thù bạch Phật và Đức Phật dạy.
- An trụ bốn pháp :
 - + Tiêu chuẩn đức hạnh.
 - + Những nơi chẳng nên mật thiết.
 - + Cuộc sống an lạc.
 - + Phát khởi Ý từ, tâm bi.

I.- MỞ ĐẦU

Hành giả Pháp Hoa tu luyện đến phẩm thứ mười bốn là đã thuận duyên học qua nửa phần pháp Diệu. Đến đây hành giả đã chuyển từ sự tướng sang hòa lý tánh, tức là tánh tướng đều tìm được pháp để an trụ. Nếu chưa tìm được pháp an trụ thì cuộc sống chưa được an vui. Muốn an trụ nơi bốn pháp an vui thì phải hành theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi đã là vị cổ Phật hiện thân Bồ tát, vậy thì tại sao Đức Phật phải căn dặn. Những lời dặn nơi phẩm kinh này là Đức Phật muốn mượn Ngài Bồ tát Văn Thù để chỉ dạy cho những ai muốn dẫn trí nhập hạnh an vui. Vì vậy nên ai muốn làm hành giả phẩm An Lạc Hạnh này thì không thể chỉ đọc qua, hoặc tụng kỹ phẩm kinh là đủ, mà cần phải thọ trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa. Việc thọ trì phải tuân thủ đúng quy pháp, ngoài ra cần phải biết hành xử thế nào và ý trụ nơi nao. Hai phần còn lại là thức, ý và tâm cũng phải tuyệt đối tuân thủ lời dạy của Đức Phật dặn. Nên nhớ đây là những lời mượn Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi để dặn, chứ không trực tiếp riêng chúng ta. Vì là hành giả Pháp Hoa tu học

phẩm này dù chưa chứng đắc đại trí như Bồ tát Văn Thù, nhưng khi đọc tụng thọ trì in sao viết chép phổ truyền và cúng dường kinh này nên trụ nơi tâm nguyện mà tu luyện, nghĩa là không thể dùng tư duy phàm tục để suy lường, dùng trí thấp kém để thảo luận mật nghĩa kinh, lại không cố chấp văn tự mà tu luyện. Trường hợp có một số chùa tụng đọc phẩm An Lạc Hạnh rồi cố chấp văn tự không dám nuôi chú tiểu nhỏ tuổi, vì nuôi trẻ nhỏ là phạm vào hạnh không an lạc. Thật quan niệm sai lầm đáng tiếc, bởi chuyển từ Hoa văn sang Việt ngữ chưa chính xác, hai chữ “**thân cận**” thành hai chữ “**gần gũi**”. Không được thân cận vua quan tể tướng, không được thân cận thiếu nhi ít tuổi ... lại hiểu không được gần gũi vua quan tể tướng, không được gần gũi Sa di trẻ tuổi, không nuôi trẻ nhỏ. Lại không nên gần gũi các hàng bất nam bất nữ cùng các hạng đàn bà con gái, cho nên không chịu nuôi chú tiểu, bởi vì một số người chấp hai chữ chẳng nên gần gũi, khi người cố chấp về chùa thấy có chú tiểu là kêu toáng lên rằng thầy vi phạm phẩm An Lạc Hạnh kinh Pháp Hoa, tức là thầy cãi lại lời Phật dạy. Khổ thay hiểu trật một ly sai đi một dặm. Đây chính là ly kinh một chữ tức đồng ma thuyết. Nếu

hiểu hai chữ thân cận thành hai chữ “**Mật thiết**” thì làm gì có trường hợp nghẽn lối nổi truyền nhân sự. Không nuôi chú tiểu thì nuôi ai, không lẽ chỉ nuôi giới lớn tuổi là đúng lời Phật dạy ư ! Nếu vậy thì thuở ấy La Hầu La là sao?

Chuyện gì sai, biết sửa sai, tuy chậm mà có còn hơn không. Rất mong chương trình nuôi dưỡng đào tạo Tăng “**tài đức**” của các chùa đừng cố chấp sai lạc, mà bỏ quên nuôi dưỡng chú tiểu. Không nên mật thiết, tức là không chung ăn chung nằm ôm ấp cứng chiu hôn nựng như cha mẹ đối với con, chứ gần gũi thì phải gần, nếu không gần gũi thì làm sao nuôi dạy? Không gần gũi để nuôi dạy Sa di, chú tiểu thì ai nổi truyền ngôi Tăng bảo?

Thọ trì đọc tụng phổ truyền kinh Pháp Hoa phẩm An Lạc Hạnh, hành giả đặc biệt chú tâm vào những lời dạy của Đức Phật về câu chuyện viên ngọc trong búi tóc của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương. Viên ngọc là gì? Nhà vua là ai? Và ai là tướng sĩ được ban thưởng viên ngọc? Nhiều người ngỡ tưởng mình là hàng tướng sĩ của Đức Phật đang được thưởng viên ngọc nơi búi tóc, bởi vì mình có công đọc tụng in chép kinh

Pháp Hoa! Lầm tưởng hay tưởng trúng cũng được, nhưng nhớ kiểm lại mình đủ tiêu chuẩn được ban thưởng viên ngọc chưa? Đừng biến mộng tưởng thành hoang tưởng, bởi vì tu kinh Pháp Hoa là liễu đạt để chứng đắc thực tướng của các pháp, mà thực tướng các pháp tức đồng không tướng, mà không tướng chẳng phải là ngoan không như lông rùa sừng thỏ.

Hành giả thâm sâu thực tu và thực luyện hầu sớm liễu ngộ phẩm An Lạc Hạnh để ích mình lợi người.

II.- NỘI DUNG

Ngài Bồ tát Văn Thù bạch Phật và Đức Phật dạy

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ tát con đấng Pháp vương bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các vị Bồ tát đây thật ít có, vì sự kính ngưỡng Phật, nên phát đại thệ nguyện: Sau này gặp đời trước ác hộ trì đọa tụng phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Thế Tôn! Các vị Đại Bồ tát ấy, gặp đời ác, làm thế nào để phổ truyền kinh Pháp Hoa?”.

Đức Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: “Nếu vị Bồ tát sau gặp đời ác mà muốn thuyết giải kinh này thì phải an trụ nơi bốn pháp”.

A. Tiêu chuẩn đức hạnh

2- Một Bồ tát an trụ nơi hành xứ và thân cận xứ thì mới có thể vì chúng sanh mà thuyết giải kinh này.

Này Bồ tát Văn Thù! Thế nào gọi là “hành xứ” của Đại Bồ tát? Nếu vị Đại Bồ tát trụ nơi đất nhần nhục, nhu hòa, hiền thuận, nhất là chốn nóng giận, tâm chẳng hề sợ hãi, lại luôn theo pháp chẳng phân biệt mà quán tưởng như thật của các pháp, tức là chẳng làm theo pháp phân biệt, như thế gọi là chỗ hành xứ của Bồ tát.

Giảng luận

Đoạn kinh này chỉ pháp hành xứ của hàng Đại Bồ tát. Hàng Đại Bồ tát phát đại thệ nguyện, sau khi Như Lai diệt độ, dù gặp đời ác nhưng các Ngài vẫn thay Phật đọc tụng thọ trì phổ thuyết

kinh Pháp Hoa. Ngài Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thấy vậy khi vào phần hạnh an lạc Ngài mới quỳ bạch Phật rằng hàng Đại Bồ tát kia làm cách nào mà vào thời kỳ không có Phật lại gặp đời ác mà các Ngài có thể thuyết giảng, phổ truyền kinh Pháp Hoa? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho biết, muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa vị Đại Bồ tát cần phải an trụ nơi bốn pháp, trước nhất là hành xử và thân cận xứ.

Hành xử và thân cận xứ này nặng cả hai sự tướng và lý tánh. Muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa thì hàng Đại Bồ tát, mà hàng Đại Bồ tát cũng phải an trụ nơi bốn pháp, trong đó hành xử là một. Đây nói về an trụ thứ nhất. Đạt hành xử này hàng Đại Bồ tát mới có một tiêu chuẩn trong bốn pháp phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Kinh Pháp Hoa thì chia làm sáu phần đọc - tụng - thọ trì - in chép - phổ thuyết và cúng dường. Hành giả Pháp Hoa để hành theo bốn phần đầu, còn việc thọ trì và phổ thuyết thì thật là khó. Hành giả Pháp Hoa nếu chưa vào thọ trì và phổ thuyết thì chưa đòi hỏi bốn pháp. Còn những vị thọ trì và phổ thuyết dù là Bồ tát hay là

hạnh nguyện Bồ tát cũng cần phải an trụ trên bốn pháp.

Hiểu chi tiết về hành xử và thân cận xử

a. Hành xử: An trụ trong nhẫn nhục. Nhẫn có năm thời kỳ tu luyện:

① **Nhẫn nhịn:** Nhịn bên ngoài hình thức, còn trong lòng vẫn chưa thanh thản, chưa thấy vui vẻ.

② **Nhẫn nhục:** Không còn thấy gì là nhục cả, dù kẻ đối nghịch dùng nhiều cách khiêu khích hoặc bôi nhục, nhưng hành giả luôn cảm thấy sự thư thái tràn ngập, từ bên ngoài thân thể đến bên trong tâm hồn. Người đạt đến trình độ nhẫn nhục là người đã đắc pháp chẳng hai, tâm địa Bồ tát hạnh, trải rộng bao la, hoa từ và bi đang tỏa ngát hương, nhất là đã liễu thông bốn âm thanh năm pháp quán của Bồ tát Quán Thế Âm.

③ **Nhẫn nhu:** Cuộc sống đã đạt đến thời kỳ nhẫn nhục, nhưng đây chỉ lợi cho mình nhiều hơn tha nhân, cho nên khi tu luyện đắc pháp nhẫn nhục thì cần phải tinh tấn vươn lên một bậc nữa, đó là bậc thứ ba của chữ nhẫn. Thế nào là nhẫn nhu? Nhu là gì? Là mềm là nhuẫn, mình chịu nhẫn nhục, nhưng người thì vẫn dùng bạo lực

hãm dọa hoặc triệt hạ mình, vì vậy đức nhẫn thứ ba của người tu nhẫn là phải nhu, chẳng riêng mình nhu, mà còn chuyển hóa kẻ đối nghịch với mình cũng phải nhu. Nếu làm được chất đường nhu mềm chảy thành nước, còn bột thì vẫn đóng cục thì làm sao tròn hạnh nhẫn nhu. Cho nên bằng mọi cách bột phải nhu nhuyễn như đường đã nhu nhuyễn vậy.

④ **Nhẫn hòa:** Thời kỳ nhẫn hòa là thời kỳ tu luyện cao điểm của hạnh tu nhẫn. Mình nhu và người cũng nhu, cả hai đều nhu mới hòa được. Đường nhu nhờ nước, bột nhu cũng nhờ nước, cả hai đem hòa trộn lại với nhau. Đến thời kỳ thứ tư tu luyện pháp nhẫn là thời kỳ nhẫn hòa.

⑤ **Vô sinh pháp nhẫn:** Thường chữ pháp ở kinh Phật được dịch là các pháp hoặc giáo pháp, hoặc pháp Phật, riêng đặc biệt ở câu này không thể dịch chữ pháp thành chữ phương pháp, hoặc giáo pháp được mà phải dịch thành chữ trí thì mới giải thông liễu nghĩa toàn câu văn: **Vô sinh pháp nhẫn.** Phải hiểu vô sinh pháp nhẫn là **Trí đã đạt đến vô sinh diệt thì chẳng còn gì để mà nhẫn.** Nếu nhẫn còn ở thời kỳ nhu hoặc hòa thì vẫn chưa hoàn chỉnh. Dù bột và đường đã nhuyễn

thành nước, nhưng lúc nào cũng phải kèm cái muỗng một bên để khuấy, nếu không thì bột lắng đọng riêng bột, đường lắng đọng riêng đường. Thời kỳ tu nhẫn thứ năm, là thời kỳ vượt khỏi thức, chuyển sang trí và trí đã liễu ngộ được các pháp không hề có sinh diệt. Đã đến thời kỳ liễu ngộ **“Thế gian tướng thường trụ”**, lúc ấy là lúc pháp không tướng hiển hiện, vậy thì còn có cái gì để phân biệt tôi và người. Lúc đó là lúc Nhất thừa pháp đã lộ bày tướng chơn thật thì còn tìm đâu ra cái đối kháng để mà mình nhẫn, chẳng hề có riêng người thì làm gì có mình để mà nhẫn. Cũng ví như bột đường nước đã hòa chung bắt lên bếp gião vừa chín rồi dùng lá gói thành bánh, hấp thật chín thì còn đâu là bột là đường là nước để phân biệt, để nhu nhuyễn, để hòa nhập. Vô sanh pháp nhẫn là như thế. Học thuyết Phật giáo không hề dạy đệ tử nhu thắng cương, nhược thắng cường. Trái lại dạy rằng: “Chẳng thắng chẳng thua chẳng hòa chẳng đấu. Con đấu hơn người gây người đau khổ. Con đấu thua người người sẽ hại con”. Danh từ nhu hòa và hiền thuận, kể cả không nóng giận đều giải nghĩa ở năm pháp tu nhẫn.

Lòng chẳng sợ hãi: Người thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa nếu còn hãi sợ, nếu còn tham sanh úy tử thì không thể nào phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Trụ nơi pháp vô phân biệt: Trụ nơi pháp này và làm gì nữa? An trụ nơi đây mới quán được tướng chơn thật. Tướng chơn thật là gì? Là tướng không của các pháp. Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ. Tướng không của các pháp là **Tướng thế gian vẫn còn.**

Đây là đại cương về hành xử của vị Bồ tát hoặc đang tu luyện hạnh nguyện Bồ tát để trì và truyền kinh Pháp Hoa.

B. Những nơi chẳng nên mật thiết

Chính văn

Thế nào gọi là chỗ “thân cận” của Đại Bồ tát? Vị Đại Bồ tát chẳng nên mật thiết với vua, con vua, quan lớn, tể tướng, chẳng mật thiết hàng ngoại đạo, phạm chí, đạo lỗa thể ... Lại chẳng nên mật thiết với những kẻ viết sách ca ngâm thế tục, sách ngoại đạo; cũng chẳng mật thiết với pháp thuận theo ngoại đạo, kể cả những phái nghịch với ngoại đạo.

Lại cũng chẳng nên mật thiết những kẻ chơi đùa hung hiểm đâm chém đánh vật nhau, kẻ cả bọn múa hát thế tục, những kẻ bày trò ảo thuật. Lại cũng chẳng mật thiết với những kẻ làm nghề đồ tể, chăn nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn, chài lưới, hạng người sinh sống bằng nghề xấu ác. Nếu cần phải thuyết pháp cho hạng người này thì Bồ tát chỉ thuyết chứ không lòng mong cầu.

Lại cũng chẳng nên mật thiết những vị Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, hoặc hạng người cầu quả Thanh Văn, hoặc trong phòng riêng, hoặc nơi kinh hành, hoặc nơi giảng đường chẳng nên cùng chung mật thiết, hoặc có lúc hạng người này đến gần, Bồ tát phải tùy cơ nghi thuyết pháp, chứ không có lòng mong cầu.

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ tát chẳng nên nhìn thân tướng người nữ mà khởi sanh tư tưởng dục nhiễm rồi thuyết pháp, cũng không nên ưa thấy. Nếu vào nhà người chẳng nên cùng với nữ nhi, nữ trinh, nữ góa ... mà riêng nói chuyện. Cũng chẳng mật

thiết năm giống người phi nam, phi nữ mà thân hậu.

Chẳng riêng một mình vào nhà người, nếu có nhân duyên cần vào một mình thì chuyên tâm thâm niệm Phật.

Nếu phải vì người nữ thuyết pháp thì chẳng nên cười hở răng, chẳng lộ bày hông ngực, vì pháp mà còn chẳng như thế, huống là việc khác.

Chẳng mật thiết với đệ tử Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ, cũng chẳng ưa cùng với chúng chung học cùng thầy. Thường ưa ngồi thiền ở nơi thanh vắng, tu nhiếp tâm mình.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Đó gọi là chỗ “thân cận” ban đầu.

Giảng luận

Đoạn kinh ghi rất rành mạch rằng đây là sự thân cận của Bồ tát. Vậy mà có một số hành giả Pháp Hoa cứ ngỡ tưởng là đoạn kinh này dạy mình. Có người còn ngỡ mình là Bồ tát, được dạy không được gần gũi hạng này, không được gần gũi kẻ khác, không được nuôi dưỡng kẻ nọ, không được ở chung kẻ kia ... Thật là một sự sai

lầm đáng ghê sợ. Sai lầm không thể tưởng tượng, hoặc nói cách khác là làm hư nát nhiều thế hệ !

Chi tiết về thân cận xứ của Bồ tát:

Đức Phật dạy các vị Đại Bồ tát, vì có chữ ma ha tát nên mới gọi là Đại, chứ có dạy chúng ta đâu? Hay là các vị hành giả Pháp Hoa ngộ tưởng mình là hàng Bồ tát ma ha tát.

Đức Phật dạy các Ngài “**Đại Bồ tát**”: Bồ tát ma ha tát bất “**thân cận**” quốc vương, vương tử ... Bất thân cận là chẳng nên mật thiết, vậy mà chúng ta lại hiểu rằng chẳng thân cận tức là không được gần gũi. Nghĩ thế nào mà quả quyết như thế? Thân sao có thể bảo là gần, cận sao gọi là gũi. Thân có nghĩa là mật, cận có nghĩa là thiết. Đức Phật dạy hàng Đại Bồ tát muốn phổ giải kinh Pháp Hoa chẳng nên thân cận với một số hạng người như thế, tức là không được “mật thiết” với hàng vua chúa, con vua, quan lớn, hoặc với những người ngoại đạo ... Tại sao? Tại vì hàng Bồ tát mà mật thiết với vua chúa hoặc con vua, hay là quan lớn có hai mặt không lợi: Thứ nhất cậy thân ỷ thế vua quan, nhất là được hưởng bổng lộc của triều đình sẽ mất chất khổ hạnh của vị hành giả. Thứ nhì, những quyền thuộc của vị

hành giả chủ quan dựa mượn thế lực, gây phiền não. Còn mật thiết với các hàng người khác như hàng lỏa thể, phi nam phi nữ, ngoại đạo, gái góa, gái trinh, gái thơ. Nhất là người tu hạnh Bồ tát một mình nói chuyện mật thiết với một người nữ chỗ kín đáo sẽ bị tiếng đời dị nghị mà sự đăm nhiệm sao lường trước được. Còn việc nuôi dưỡng Sa di thiếu nhi trẻ tuổi mà mật thiết hoặc đồng thầy với chúng thì sự giáo dưỡng rất khó kết quả. Mật thiết với hạng người làm nghề đồ tể, hoặc chăn nuôi súc vật. Có một số chùa nuôi súc vật, dẫu không phải là hành giả Pháp Hoa, nhưng việc nuôi súc vật trong chùa là trái giới đức, mất thanh tịnh chốn thiền môn.

Pháp hành xứ và thân cận xứ chú trọng nhiều đối với hàng Đại Bồ tát, muốn thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa thì không nên mật thiết với những hạng người như thế.

Chính văn

3- Lại nữa vị Đại Bồ tát quán sát “Nhứt thiết pháp không - như thật tướng”. Chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không không có thật tánh,

tất cả sự nói năng ngưng dứt, cũng đều chẳng sanh, chẳng dứt, chẳng khởi, cũng không danh, không tướng, thật không chỗ có. Không lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh, cho nên mới nói: Thường ưa quán sát pháp tướng như thế đó, mới gọi là chỗ thân cận thứ hai của Bồ tát.

Giảng luận

Nơi an trụ thứ hai cũng của hàng Đại Bồ tát, nếu Tăng Ni Phật tử, thức giả, hành giả, trí giả chúng ta muốn sống an trụ trong chỗ thân cận thứ hai này thì phải dứt bỏ mọi suy luận phân biệt phàm phu tục tử từ trước. Hãy thẩm sâu từng chữ, từng câu sâu xa mầu nhiệm, nhược bằng mãi còn phân biệt như từ xưa đến nay thì tốt nhất xếp đoạn kinh này lại vì chưa liễu thông thì chẳng những vô ích mà còn mâu thuẫn nơi tâm hồn của người thực hành.

Câu đầu tiên của đoạn kinh: “**Vị Đại Bồ tát quán sát hết thủy pháp không - đều như thật tướng**”. Chỉ có hàng Đại Bồ tát mới quán sát tất cả pháp không như thật tướng, còn chúng ta thì

chưa liễu ngộ, chỉ tập luyện mà thôi! Còn hành giả Pháp Hoa muốn quán sát “Tất cả pháp không như thật tướng” thì trước nhất phải tu luyện cho nhuần nhuyễn hai câu kệ nơi phẩm Phương tiện:

... Thị pháp trụ pháp vị
Thế gian tướng thường trụ ...

Việt dịch: Pháp trụ trên ngôi pháp
Tướng thế gian vẫn thường.

Nghiền ngẫm tư duy bình tỏ để liễu ngộ được hai câu này, mới dò dẫm mở cửa vào nhà Pháp Hoa để tìm hiểu, để quán sát câu: “**Tất cả pháp không, đều như thật tướng**”, quán sát Tướng không là tướng chơn thật. Có liễu ngộ được tướng chơn thật mới liễu thông được tướng không, chính đặc tướng không mới bảo tướng thế gian vẫn thường. Trái lại nếu hiểu tướng có thì nhất định là vô thường. Người tu Pháp Hoa mà quán các pháp vô thường là quán tướng có thì sai lầm! Vì có và vô thường là thời kỳ nhập môn, chứ khi đã lên thêm và vào nhà Pháp Hoa thì phải khởi sự quán sát tướng không là tướng chơn thường. Thế gian tướng vẫn thường. Đạt trình độ này mới quán sát **Tất cả pháp không, đều như thật tướng**.

Khi liễu ngộ được tất cả pháp không như thật tướng, lúc ấy chúng ta mới vào hạnh Bồ tát, học hỏi những gì mẫu nhiệm siêu đẳng của Bồ tát. Đến đây mới thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa, để rồi chứng đắc Pháp Hoa, chứng đắc Bồ tát, từ đó tu luyện tinh tấn mới chứng đắc Bồ tát ma ha tát, còn hiện nay thì chưa, bởi vì chưa quán sát liễu thông để chứng đắc câu **“Tất cả pháp không, đều như thật tướng”**.

Liễu thông câu một của pháp an trụ này, mới bắt đầu quán sát thâm sâu từng chữ từng câu tiếp theo:

- + Chẳg điên đảo
- + Chẳg đợng.
- + Chẳg thối.

+ Chẳg chuyển, như hư không, chẳg hề có thật tánh, kể cả sự nói năng ngậm thính cũng đều chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng khởi, bởi vì tất cả không sinh, không tướng. Tại sao? Tại vì thật không chỗ có, nó chỉ là:

- Không thể lường.
- Không hề có ngăn mé.
- Cũng chẳng hề có chướng.

- Chẳng hề có ngại.

Quán đắc tất cả pháp đều do nhân duyên sinh, tức là nhiều nhân nó duyên lại với nhau thành ra một pháp. Mà hễ các nhân có duyên hợp thì phải có lúc hết duyên sẽ tan rã. Khi tan rã rồi nó trở lại duyên. Duyên hợp, tan rã, rồi duyên hợp, cứ thế mà vòng tròn tan hợp. Cũng ví như từng hạt nguyên tử, các âm tử duyên cùng với một dương tử, khi đủ âm dương tự nhiên thành một nguyên tử, rồi bỗng nhiên có một âm tử khác sáp nhập thì nguyên tử đó bị dư âm tử nên tức tức tan vỡ. Cứ như thế tan vỡ rồi hợp thành và hợp thành để rồi tan vỡ. Các pháp khác cũng hợp tan, cũng nhờ nhiều nhân duyên lại với nhau thành một pháp. Khi pháp đó dư âm tử thì liền tan vỡ, cho nên mới bảo các pháp từ nhân và duyên sinh và các pháp cũng từ nhân duyên diệt, chứ chính mỗi pháp không hề có chủ thể của nó.

- **Không có chủ thể:** Ta đến cảm ơn người thợ gốm, đã tạo ra những dụng cụ bình chén tô đĩa để ta có mà sử dụng hằng ngày. Người thợ gốm từ chối vì không phải do một mình anh ta làm nên bình chén ly tách, bởi vì anh ta phải nhờ chàng nông dân cày ruộng trồng lúa mới có gạo

ăn để làm những vật dụng gốm. Ta vội vàng đến cảm ơn người nông dân, vị nông dân từ chối, bởi vì nếu không có anh thợ làm nhà thì anh ở đâu để sản xuất lúa gạo. Thế là chúng ta chạy sang nhà anh thợ làm nhà để cảm ơn. Anh thợ làm nhà từ chối, bởi vì không có bác thợ rèn thì búa cửa đục khoan đâu để anh cửa đục cây gỗ. Lại cũng chẳng riêng anh thợ rèn mà phải có chị kéo sợi, chị dệt vải, chị thợ may, chị nấu cơm, nhiều nhân hợp lại mới có cái nhà ... Đã quá mỗi một, mà dù có đi hết tháng này, đến năm khác, đời này đến kiếp khác cũng vẫn không sao tìm gặp người nào là chủ đầu tiên của vật dụng bình ly chén đĩa. Vì thế nên giáo thuyết nhà Phật mới xác quyết rằng **các pháp chính nó chẳng hề có chủ thể**. Và để minh định vấn đề này, đạo Phật bảo rằng các pháp là do từ duyên đảo mà sanh, ai quán sát thấu rõ để chấm dứt được cái sự phân biệt và chủ quan duyên đảo đó, tức là quán sát được **“Tất cả các pháp chẳng hề có thật tướng”**; bởi vì nó từ tánh không cho nên tướng cũng không, từ không tướng hợp thành các pháp rồi cũng trả về nơi không tướng. Chỉ có không tướng mới là pháp chơn thật của các pháp. Lưu ý không tướng ở đây không

đồng nghĩa với ngoan không như lông rùa sừng thỏ.

Muốn liễu thông phần an trụ về hành xứ thứ hai của hàng Đại Bồ tát nơi phẩm An Lạc Hạnh thì trước nhất phải liễu ngộ mười như thị pháp, cũng đều là giả tướng, nơi phẩm Phương tiện kinh Pháp Hoa.

Chính văn

Lúc đó Đức Thế Tôn cần trùng tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

4- Nếu có Bồ tát
Nơi đời ác sau
Tâm chẳng sợ hãi
Muốn thuyết kinh này
Nên vào “hành xứ”
Và “thân cận xứ”
Chẳng mật thiết vua
Và con của vua
Đại thần, quan trưởng
Kẻ đùa hiểm hung
Bọn người đồ tể
Ngoại đạo Phạm Chí
Cũng chẳng mật thiết

Hạng tăng thượng mạn
Tiểu thừa tham chấp
Rành ba tạng kinh
Tỷ kheo phá giới
Xưng A La Hán
Cả Tỷ kheo Ni
Thích trò cười cợt
Các nữ du ca
Tham năm món dục
Niết bàn hiện tại
Các nữ cư sĩ
Đều chớ mật thiết
Nếu hạng người đó
Dùng tâm tốt đến
Nơi của Bồ tát
Để nghe pháp Phật
Bồ tát nên dùng
Tâm chẳng hãi sợ
Không khởi mong cầu
Thuyết pháp cho họ
Gái góa, gái trinh
Và phi nam nữ
Đều chớ mật thiết
Chẳng mật thiết họ

Cũng chẳng thân cận
Đồ tế cất thái
Săn bắn chài lưới
Giết hại vì lợi
Sống nghề bán thịt
Lăn buôn sắc gái
Hạng người như thế
Đều chớ mật thiết
Đấu vật hung hiểm
Các thứ trò đùa
Cả hàng dâm nữ
Đều chớ mật thiết
Chẳng riêng chỗ khuất
Người nữ cầu pháp
Nếu phải thuyết giải
Chớ có cười đùa
Vào xóm khát thực
Phải hai Tỷ kheo
Nếu chỉ một mình
Nhất tâm niệm Phật
Điều đó gọi là
“Hành xứ”, “cận xứ”
Dụng hai xứ trên
Thuyết pháp an ổn

Lại chẳng nương theo
Pháp thượng, trung, hạ
Hữu vi vô vi
Thật hoặc giả pháp
Cũng chẳng phân biệt
Là nam hay nữ
Chẳng chọn các pháp
Chẳng biết chẳng thấy
Đây gọi tên là
“Hành xứ” Bồ tát
Tất cả môn pháp
Đều không chỗ có
Chẳng có thường trụ
Lại không khởi diệt
Là chỗ “thân cận”
Của hàng trí giả
Đảo điên phân biệt
Pháp có hoặc không
Thật hay chẳng thật
Sinh hay chẳng sinh
Ở nơi thanh vắng
Dồi trao nhiếp tâm
An trụ chẳng động
Tợ núi Tu Di

Quán tất cả pháp
Thấy đều không thật
Tợ như hư không
Chẳng hề bền chắc
Chẳng sinh chẳng xuất
Chẳng động chẳng lui
Thường trụ một tướng
Gọi là “cận xứ”
Nếu có Tỷ kheo
Sau “Ta” diệt độ
Vào hành xứ này
Và thân cận xứ
Lúc thuyết Pháp Hoa
Tâm chẳng khiếp nhược
Bồ tát có khi
Vào nơi tịnh thất
Nghĩ tưởng chơn chánh
Đúng nghĩa quán pháp
Từ thiên định dậy
Vì các quốc vương
Vương tử, quan dân
Cùng Bà la môn
Khai hóa diễn bày
Rộng thuyết kinh này

Tâm họ an ổn
 Chẳng chút khiếp nhược
 Văn Thù Sư Lợi !
 Đó là Bồ tát
 An trụ sơ pháp
 Có thể đời sau
 Thuyết kinh Pháp Hoa.

Giảng luận

Thơ kệ thường trùng tuyên lại chính nghĩa kinh văn, nhưng tóm gọn để dễ tụng đọc và dễ nhớ. Nhưng cũng có chỗ thì thơ kệ và kinh văn khác hơn, hoặc chính văn không có mà thơ kệ lại tuyên thuyết rõ ràng, như trường hợp phẩm kinh này, đoạn kệ có một số câu hoàn toàn khác với kinh văn, như đoạn kệ sau đây:

Bồ tát có khi
 Vào nơi tịnh thất

 Từ thiên định dậy
 Vì các quốc vương
 Vương tử, quan dân
 Cùng Bà la môn
 Khai hóa diễn bày
 Rộng thuyết kinh này

Vì sợ hiểu lầm giữa vị Bồ tát mang sứ mệnh thuyết giảng kinh Pháp Hoa, mà sao lại chẳng mật thiết cùng hàng quốc vương, vương tử, quan đại thần, hàng Phạm Chí, Bà la môn ... đoạn kệ này giải tỏa ... Những vị Bồ tát rời thiên đình lại vì quốc vương, vương tử, đại thần, Phạm Chí, Bà la môn mà thuyết giảng kinh Pháp Hoa.

Đoạn văn kinh trước ghi là hàng Bồ tát thuyết kinh Pháp Hoa chẳng nên mật thiết với quốc vương, vương tử, đại thần, đạo sĩ ... là để tránh sự ỷ lại dựa nương một cách quá mật thiết, chỉ có thế thôi! Mục đích để tránh tình trạng Ngộ Đạt Quốc Sư, chứ không phải cấm chẳng cho gần gũi. Nếu không gần gũi thì làm sao có đoạn kệ này. Đoạn kệ ghi: Bồ tát từ thiên đình dạy thuyết kinh Pháp Hoa cho hàng quốc vương, vương tử, đại thần ... Hiểu sai chẳng những gây mâu thuẫn mà còn vô tình đào hố chia rẽ. Bồ tát tu pháp vô phân biệt, vậy tại sao không được gần gũi vua quan, vương tử, đại thần ... Tư tưởng sai lạc, hoặc vô tình, hoặc cố ý chia rẽ giữa người phổ truyền kinh Pháp Hoa và người nghe kinh, vậy xin từ nay nên chấm dứt, hầu mới lấp bằng cái hố chia rẽ. Cũng cần giải thích thêm về hai chữ thân mật tức là mật thiết. Trước đã giải sơ lược, đây xin rõ

thêm mật thiết như cha mẹ mật thiết với con trẻ, hôn hít cương nựng, hoặc đồng hội chung thề đồng tử đồng sanh... Nói chung là chẳng nên mật thiết như người thế tục. Vị Đại Bồ tát là của chung, như ánh sáng mặt trời, lợi ích cho cả muôn loài vạn vật, chứ không như ánh đuốc, hay lò sưởi chỉ dành cho riêng rẽ. Mật thiết là hành động của cá thể.

Bí pháp của phẩm An Lạc Hạnh không phải ở nơi chữ nghĩa mà ở chỗ “**Dụng**” của nó. Dụng của phẩm kinh này là Đức Phật chỉ rõ những điều cần có của một vị Đại Bồ tát để thuyết giảng phổ truyền kinh Pháp Hoa. **Dụng** của vị Bồ tát là: Được an trụ nơi bốn pháp. Hành xứ đã khó, mà thân cận xứ và hạnh an lạc lại càng khó hơn. Chúng ta phải chú ý chẳng lẽ những lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nơi phẩm kinh này là chỉ để dành riêng cho hàng Đại Bồ tát thôi ư ! Ngoài sự dạy Bồ tát, Đức Phật cũng còn dạy chúng ta chứ! Vậy thì chúng ta, hàng học giả, hành giả, trí giả của Pháp Hoa tu gì đây, đó mới chính là bí pháp.

Một vấn đề quan trọng khác là đa phần hành giả Pháp Hoa ưa đọc tụng qua rồi thôi, ít ai trích

đoạn và học thuộc, để hằng ngày ôn nhuần và áp dụng vào đời sống phàm tình của chính mình. Ví dụ như đoạn kệ nhấn mạnh về cận xứ:

**Quán tất cả pháp
Thấy đều không thật
Tợ như hư không
Chẳng hề bền chắc
Chẳng sinh chẳng xuất
Chẳng động chẳng lui
Thường trụ một tướng
Gọi là “cận xứ”**

Học thuộc tám câu, 32 chữ này, rồi ngày nào cũng đọc một vài lần, trải qua hơn một năm chúng ta sẽ rõ thấy sự linh nghiệm của sự tu luyện này đã làm cho tâm trí của mình, tự khai mở và hiệu quả của sự an lạc về cuộc sống của chính mình nó sẽ sáng suốt an vui khác trước rất nhiều. Nên tuyệt đối tin tưởng và yên lặng thực nghiệm, sau đó mới phổ truyền cho người khác để cùng thâm tín, để cùng thọ trì kinh Pháp Hoa như mình.

Trên đây chỉ nêu đại cương một đoạn thơ kệ, còn ai phù hợp đoạn nào, câu nào, chữ nào thì chọn đoạn đó, chữ đó. Như luyện hai chữ “Diệu

âm” của phẩm Phổ Môn, hoặc luyện bốn chữ “trí hiện lý ẩn” của phẩm Đề Bà Đạt Đa ... Nói chung tu luyện theo đoạn nào, câu nào, chữ nào cũng được, miễn rằng tu phải có luyện, mà luyện thì phải tinh chuyên. Có công mài sắt có ngày nên kim, nhất là giới học giả lại cần phải tu luyện hơn ai hết. Võ sinh không luyện thì sao thành võ sĩ, khi đạt võ sĩ mà không luyện thì sao thành võ sư. Hành giả không luyện làm sao thành trí giả, giảng sư không luyện làm sao thành Pháp sư.

Trong bốn pháp của Bồ tát an trụ để thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa, pháp nào, chi tiết nào cũng quan trọng, đoạn nào cũng có thể trích để tập luyện được cả. Nhưng khi đã gia công tập luyện thì phải chuyên cần, nhất là liễu thông và chứng đắc chủ đích đó.

C. Cuộc sống an lạc

Chính văn

5. Lại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi Như Lai diệt độ, nơi đời mạt pháp Bồ tát muốn thuyết kinh này cần phải trụ ở “hạnh an lạc”.

Khi tuyên thuyết hoặc đọc tụng kinh này thì chẳng ưa nói lỗi của người và của kinh điển, cũng chẳng khinh mạn các Pháp sư khác, chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác. Ở nơi hàng Thanh Văn cũng chẳng nêu đích danh, chớ nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng nêu tên khen ngợi điều tốt của người đó.

Lại cũng chớ sanh lòng oán hiềm, luôn giữ tâm khéo tu hạnh an lạc như thế, nên mọi người nghe pháp không trái ý. Có ai gạn hỏi, chớ nên dùng pháp Tiểu thừa mà đáp, nên khéo dùng Đại thừa mà thuyết giải khiến người nghe đặng bậc “Nhất thiết chủng trí”.

Giảng luận

Không nói lỗi của người, chẳng khinh mạn Pháp sư, chẳng nói việc xấu dở của người khác. Việc này chỉ có hàng Đại Bồ tát chứ còn hành giả Pháp Hoa thì trong số trăm người hết tám chín chục vị vi phạm, bởi thế nên suốt đời chưa bước vào nhà Pháp Hoa, chớ đừng nói đắc thành Đại Bồ tát phổ truyền kinh Pháp Hoa. Các Đạo tràng Pháp Hoa thường thường biến thành nơi hý trường (nhà hát) bình luận khen chê thầy này

dịch hay, thầy kia in chép dở, thầy nọ giảng hay, thầy khác tụng dở. Việc giảng kinh chứ đâu phải văn nghệ, nếu dở thì đừng nghe, bỏ tránh đi nơi khác, mở miệng bình phẩm làm gì! Các vị Giảng sư, Pháp sư Pháp Hoa đâu phải là ca sĩ, hay diễn viên điện ảnh mà đem ra bình luận khen chê. Có người chịu tu cái miệng không chê chổ dở của kinh hoặc của Pháp sư, nhưng cái ý chưa được như cái miệng. Việc khen chê Giảng sư, Pháp sư tuy rất đơn giản dễ tránh, thế mà rất khó được đa phần thực hiện.

Hôm nay chúng ta đã hiểu rõ, rất mong giới học giả lẫn hành giả, trí giả kinh Pháp Hoa tĩnh lặng, an vui, hòa hợp bước vào tu tập “**hạnh**” Bồ tát, tập làm việc Bồ tát làm, hầu sớm đắc quả Bồ tát, để cùng nhau phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Khi ấy Đức Thế Tôn tuyên thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa đoạn kinh này:

Chính văn

- 6- Bồ tát luôn trụ
 An lạc thuyết kinh
 Ở nơi thanh tịnh
 Ôn định sà tòa

Dùng dầu xoa thân
Gội tắm bụi dơ
Mặc y phục mới
Trong ngoài đều tịnh
An định pháp tòa
Tùy hỏi mà đáp
Nếu có Tỷ kheo
Hoặc Tỷ kheo Ni
Thiện nam Phật tử
Cùng nữ cư sĩ
Quốc vương, vương tử
Quan quân, quần chúng
Ai cần diệu nghĩa
Vui vẻ nói trao
Nếu có gạn hỏi
Tùy nghĩa mà đáp
Nhân duyên, thí dụ
Phân biệt rõ ràng
Áp dụng phương tiện
Đều khiến phát tâm
Dần dần thêm đông
Nhập giáo pháp Phật
Trừ tâm biếng nhác
Lẫn tướng giải đãi

Khiến bớt ưu não
Tâm lành thuyết pháp
Đêm ngày thường thuyết
Giáo pháp vô thượng
Dùng các nhân duyên
Vô lượng thí dụ
Chỉ dạy chúng sanh
Đều khiến hoan hỷ
Giường nằm, y phục
Ăn uống thuốc men
Sẵn dành đầy đủ
Chẳng hề mong cầu
Chỉ nhất tâm niệm
Thuyết pháp nhân duyên
Nguyện thành Phật đạo
Mọi người cũng thế
Đó là lợi lớn
An vui cúng dường
Sau ta diệt độ
Nếu có Tỷ kheo
Có thể thuyết được
Kinh Diệu Pháp Hoa
Tâm chẳng ganh hờn
Các não chướng ngại

Cũng chẳng ưu sầu
Cũng chẳng mắng nhiếc
Lại không hãi sợ
Bởi các dao gậy
Không xua đuổi ai
Vì an trụ nhãn
Người trí như thế
Khéo tu tâm mình
Khá trụ an lạc
Như ta nói trên
Công đức người này
Nghìn muôn ức kiếp
Tính đếm, thí dụ
Nói chẳng hết được.

Giảng luận

Đoạn thơ kệ trùng tuyên lại hạnh thứ ba của vị Đại Bồ tát phổ truyền kinh Pháp Hoa, hoặc người mới tập hạnh Bồ tát.

Muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa thì phải an trụ đủ bốn pháp. Dù hành xứ và thân cận xứ đã tròn, nhưng thiếu hạnh an lạc thì việc phổ truyền kinh Pháp Hoa sẽ ít thành tựu. Ví dụ như người phổ truyền kinh Pháp Hoa mà tâm luôn ganh ghét hoặc mắng nhiếc người khác, tâm ý âu sầu,

hãi sợ, hay xua đuổi người khác, nhất là dùng vũ lực hăm dọa người khác thì ai nghe theo mà phổ truyền? Người muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa phải an trụ nơi các hạnh nhẫn. Chẳng những là lời kinh căn dặn mà Đức Phật còn thuyết thơ kệ trùng tuyên rất cặn kẽ. Trong chúng ta ai cũng có thể làm theo một lời dạy của Đức Phật nơi hành xứ này. Nếu chưa thực hành hoàn chỉnh thì cũng được một phần. Nhất là trích từng đoạn từng câu, hoặc từng chữ, đọc đi đọc lại rất nhiều lần. Đọc đến khi nhập tâm lúc nào chẳng hề hay biết, phương pháp hành trì này sẽ đạt kết quả không ngờ.

Tóm lại muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa độ mình và làm cho đời ngày càng ngạt ngào hương Diệu Pháp thì điều cần thiết là phải thực hành, tức là tu phải luyện. Trước nhất học thuộc, rồi đọc tụng thọ trì chuyên cần và nhuần nhuyễn. Đừng đọc trôi qua, nhất là tu luyện chớ nên để gián đoạn thiếu tinh chuyên thì không kết quả sẽ ân hận, bởi vì đã uống mất một đời được làm thân người và đã gặp được pháp môn tu luyện Pháp Hoa.

Chính văn

7. Lại này Bồ tát Văn Thù ! Vị Đại Bồ tát ở đời rốt sau, lúc pháp gần diệt, mà ai đọc tụng thọ trì kinh này thì chớ nên dua nịnh, dối trá ganh ghét, cũng chớ khinh khi mắng nhiếc người, chớ nên vạch tìm chỗ hay dở của người tu theo đạo Phật. Nếu là hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, hàng nam nữ cư sĩ, hoặc người cầu Thanh Văn, hoặc người cầu Duyên Giác, hoặc tu cầu Bồ tát đạo, cũng không nên làm náo hại những người đó, làm cho họ nghi hối, chớ nói với người đó là các người còn cách đạo rất xa, trọn đời không thể đắc bậc nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì dù cho có người buông lung đối với đạo, thường hay biếng trễ. Lại cũng chớ nên tranh giỡn, giành cãi về Phật pháp. Phải vì hết thấy chúng sanh mà khởi tâm đại từ bi, còn đối với chư Phật thường tâm tưởng kính mến như vị cha lành của mình, đối với chư Bồ tát thường tưởng kính như bậc đại sư. Đối với chư Bồ tát ở khắp mười phương, thường tín tâm tôn kính lễ lạy, còn đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng thuyết pháp. Vì thuận theo pháp nên chẳng thuyết nhiều, hoặc ít, nhẫn đến

đối với kẻ mền thích giáo pháp, cũng không nên nói nhiều.

Bồ tát Văn Thù! Vị Đại Bồ tát ở rớt đời sau, lúc pháp gần diệt, nếu thành tựu được hạnh an lạc thứ ba đây thì khi thuyết pháp này chẳng ai nào loạn, lại được bạn tốt đồng học cùng chung đọc tụng kinh này, lại được đại chúng thường đến nghe thọ trì. Nghe rồi luôn nhớ, nhớ rồi luôn tụng, tụng rồi luôn thuyết, thuyết rồi hay chép, hoặc khuyên bảo nhiều người cùng chép, cúng dường và tôn trọng, cung kính, tán dương.

Giảng luận

Đoạn kinh văn này đã chuyển sang pháp an trụ thứ ba, tức là vị Bồ tát đang an trụ ở hạnh an lạc để thuyết kinh Pháp Hoa.

Đoạn này không riêng chú trọng hàng Đại Bồ tát, mà Đức Phật dụng ý nhắc tất cả những ai tu luyện kinh Pháp Hoa, chớ nên giữ tâm ganh ghét nhỏ mọn đua nịnh, chớ khinh mạn người khác, chớ vạch lông tìm vết, tìm chỗ lỗi của người để nói xấu người.

Đặc biệt lại còn nói về hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam nữ Phật tử, kể cả những vị tu cầu Thanh văn, Duyên giác thì vị Đại Bồ tát và những người tập luyện hạnh Bồ tát không nên gây cho họ sự ngờ vực. Pháp giới không bằng pháp kiến. Không nên nói những lời rằng các vị tu không chứng bởi vì các vị cách đạo rất xa. Lại cũng chẳng nên tranh luận kể cả giành cãi. Tu theo phương pháp an trụ hạnh an lạc, hành giả phải khởi tâm bình đẳng, tâm không hề phân biệt. Cũng không vì thích ưa thuyết giảng quá nhiều, cũng không nên thuyết quá ít.

Không đợi đến hàng Đại Bồ tát, mà bốn chúng đệ tử Phật đều phát tâm tu luyện để tập sự phổ truyền kinh Pháp Hoa, nhưng phải sống an trụ nơi hạnh an lạc đúng như lời Đức Phật dặn dò nơi đoạn kinh này. Nếu ngược lại thì chẳng những không đem lợi ích an vui cho người mà còn đem sự hiểu lầm phá tín tâm của hàng thánh chúng. Phần thơ kệ tiếp theo là bổ túc cho sự an trú nơi hạnh an lạc.

Chính văn

Lúc đó Đức Phật tuyên thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

8. Nếu muốn thuyết kinh này
Phải dứt bỏ ganh hờn
Chớ ngạo đối tà ngụy
Tinh tấn tu chánh trực
Chẳng được khinh miệt người
Cũng chẳng hí luận pháp
Chẳng gây người nghi nan
Rằng họ không thành Phật
Đệ tử Phật thuyết pháp
Luôn nhẫn nhục nhu hòa
Khởi tâm từ tất cả
Không sanh tâm lười biếng
Đại Bồ tát mười phương
Thương chúng sanh hành đạo
Phải khởi tâm kính lễ
Là bậc Pháp sư mình
Đối chư Phật Thế Tôn
Kính là cha vô thượng
Trừ bỏ tâm kiêu ngạo
Thì thuyết pháp chẳng ngại
Pháp thứ ba như thế
Bậc trí phải giữ gìn
Nhất tâm An Lạc Hạnh
Vô lượng chúng cung kính.

Giảng luận

Thường thường tụng đọc kinh văn chưa liễu ngộ, nhưng tụng nhiều lần thơ kệ liền bùng vỡ trí sáng nơi chính mình, thói hư tật xấu nhờ đó mà dần dần thay đổi. Ai tu hành được như thế thì gọi là tụng, là thọ, là trì kinh Pháp Hoa. Còn đọc suông để tính đếm số nhiều mà khoe khoang rằng tôi trì tụng hàng trăm, hàng ngàn bộ kinh Pháp Hoa, mỗi ngày đêm tôi tụng và trì đến mấy bộ kinh. Ai tu như thế thì đó chỉ mới có đọc kinh Pháp Hoa, chứ chưa phải là tụng. Chưa đúng nghĩa tụng thì sao có thể bảo là trì. Vậy thì thế nào là đọc, thế nào là tụng? Đọc là nhanh như đọc sách, còn tụng thì phải có nghi lễ khai kinh, đọc chú Tịnh khẩu nghiệp, Tịnh pháp giới, Tịnh tam nghiệp. Nếu không đọc các bài chú này mà tụng thì tiếng tụng chỉ lẫn quẩn nơi đờ bản chứ không thể phóng xa ra khỏi bầu khí quyển thì làm gì âm thanh tùy xứ kiết tường vân, làm gì có chư Phật hiện toàn thân. Nhất là khi tụng kinh phải có hương hoa trà quả, nếu thiếu trà quả thì phải có hương hoa, bằng ít nhất cũng phải có một cây hương thơm để mượn mùi hương xóa đi sự hôi hám đang chung quanh ta. Tiếng chuông mõ

hợp cùng các nhạc cụ trống, bảng, khánh, tạo thành âm thanh do các hợp chất kim - mộc - thủy - hỏa - thổ tạo thành giúp tiếng tụng kinh của mình hòa nhập cùng với trùng trùng pháp giới bao la. Nhưng sử dụng mõ chuông bắt buộc phải như nhạc sĩ hòa tấu, chứ không phải đánh nhanh như mõ báo động cháy nhà. Nếu đánh nhanh quá các vị quý thần tướng mõ báo động nên quy tụ đến tận nơi thì ôi thôi cả người đánh mõ lẫn quý thần đều ngẩn ngơ. Còn trì thọ thì linh thiêng hơn tụng. Muốn tập trở thành một nhạc công, một nhạc sĩ, một người thọ, một vị kỹ sư, bác sĩ ... thì tốn biết bao công phu tập luyện, nhỏ biết bao giọt mồ hôi. Còn ở đây tu tập để trở thành một hành giả, một thức giả, một trí giả, một vị Bồ tát, một vị Đại Bồ tát để phổ truyền kinh Pháp Hoa và cuối cùng là đắc thành một vị Pháp sư, thế mà có người tu kinh Pháp Hoa lại bày trò lừa phỉnh đời và dối thánh thần, biến một pháp môn mâu nhiệm thành một trò tiêu khiển, cũng có vị biến thành trò đùa hoặc dùng để khoe khoang, tụng nhiều kinh để dễ che mắt mọi người tỏ ra là có nhiều uy tín, để thiên hạ thấy mình “tu niệm giỏi” thì mới dễ làm ăn, mới dễ áp phe, mới dễ hốt hụi. Ở đời việc không tốt cũng có người dám

làm. Nhưng việc linh thiêng mầu nhiệm đừng nên pha trộn vào những việc thiếu chơn chánh. Hành giả Pháp Hoa giúp người nhập vào lẽ chánh nên phát tâm đọc đi đọc lại, tụng tới tụng lui, đọc chậm rãi bổng trầm như một dàn nhạc hòa tấu để âm thanh vi diệu của kinh Diệu Pháp Liên Hoa dễ thấm vào lòng người, dễ nhập vào dòng đời, giúp đời với bớt thương đau, bớt phiền não, giảm giọt lệ, tăng nụ cười.

Chúng ta không thể hành đúng bốn pháp an trú của phẩm An Lạc Hạnh như các Ngài Đại Bồ tát thì tối thiểu cũng hành theo một vài điều mà Phật đã dạy kỹ nơi phẩm kinh.

III.- TÓM KẾT

(Nửa phẩm An Lạc Hạnh)

Chúng ta đã đi qua ba pháp an trú của các Ngài Đại Bồ tát khi các Ngài phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Nếu trong số chúng ta ai muốn an trú pháp nào để học hạnh của các Ngài, theo chân các Ngài để tu luyện và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nếu không thực hành hết toàn phần những lời chỉ dạy của Đức Phật thì cũng tu luyện một vài điểm là đã tốt lắm rồi.

Nếu chọn đoạn nào thì chép đoạn ấy, câu ấy, hoặc cũng có thể tụng toàn phần giảng luận cũng được. Có người nói tụng kinh chứ ai lại tụng sách. Pháp Hoa giảng luận gồm cả kinh lẫn phần giảng luận, vậy thì đây thuộc là sách rồi, làm sao tụng? Ai bảo không tụng được? Cứ vẫn tụng theo âm điệu ngân nga, bổng trầm khoan nhặt, chỉ khác là sử dụng mõ chuông. Tụng kinh vẫn thì lời nào tiếng mõ đó, còn tụng giảng luận thì ba lời mới nhịp một tiếng mõ, có khi đến dấu phẩy mới có tiếng mõ, đến dấu chấm mới có tiếng chuông.

Chia phẩm An Lạc Hạnh thành hai bài học giúp hành giả dễ nhớ và dễ thực hành. Chúng tôi nêu vấn đề như thế chắc hẳn cũng có người không đồng ý phẩm An Lạc Hạnh là phẩm kinh Đức Phật dạy cho hàng Đại Bồ tát, còn mình là phàm nhân thì làm gì vươn lên cho đến những lời dạy cao siêu của phẩm kinh.

Ai có tư tưởng như thế thì đã tự mình đánh mất tánh Phật của mình rồi vậy! Đồng ý là Phật dạy hàng Đại Bồ tát, các Ngài Đại Bồ tát là những vị Bồ tát ma ha tát “**đã thành**”, còn chúng ta là những vị Bồ tát “**sẽ thành**” kia mà! Hàng Đại Bồ tát vâng lời Đức Phật thực hành tất cả

những lời Đức Phật dạy nơi phẩm kinh, còn chúng ta là phàm phu chẳng lẽ không thực hành theo một vài lời chỉ dạy của Đức Phật hay sao? Bồ tát hành theo nhẫn nhục nhu hòa và vô sanh pháp nhẫn, còn chúng ta khởi đầu tập hành theo hai chữ “**nhẫn nhin**”, dần dần tiến đến nhẫn nhục rồi mới tấn lên cao hơn. Nhẫn nhin khác xa nhẫn nhục. Nhẫn nhin dễ tập dễ luyện. Ngoài xã hội đâu phải ai cũng là đệ tử giỏi của Đức Phật, vậy mà biết bao người sống tròn hạnh nhẫn nhin, có người đạt luôn đức tánh nhẫn nhục, kể cả nhu hòa.

Chúng ta đã là đệ tử của Đức Phật há lại thua nhiều người ngoài xã hội hay sao?

Trước mắt chúng ta có những loài vật, chúng đang sống nhẫn nhin nhu hòa, đó là loài vịt, loài trâu. Loài vịt dù bao nhiêu ngàn vạn con vẫn sống thương yêu nhường nhin nhau không bao giờ cắn xé tàn hại nhau. Tu luyện an trụ pháp thứ ba của phẩm này Đức Phật dạy **không mắng nhiếc kẻ khác ... không dao gậy đánh nhau**. Vịt chúng làm được điều này, còn ta là người đang đọc tụng tu tập kinh Pháp Hoa không lẽ thua chúng hay sao? Vậy thì có ai phản đối rằng tôi tu phẩm khác

chứ không tu phẩm An Lạc Hạnh hay không? An Lạc là an vui mà tránh né, từ chối, vậy không lẽ thích và chấp nhận phiền não hay sao?

Tu kinh Pháp Hoa không bắt buộc phải hoàn toàn tu hành đúng theo toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, nhưng quyết định là không nên đọc suông mà không chịu thực hành một phần nào theo lời dạy nơi kinh. Một mình thực hành vẫn chưa đủ, cần phải phổ truyền khuyến khích người khác cùng tu theo kinh Pháp Hoa. Chú bé chơi trò chơi vọc bùn, nhưng ngộ nghĩnh hơn các đứa bé khác, đó là bé dùng móng tay vẽ ba vòng tròn hợp lại nhau. Vòng tròn trên nhỏ, tượng trưng là phần đầu, vòng giữa lớn hơn tượng trưng là thân thể, vòng dưới lại lớn hơn vòng giữa, tượng trưng hai chân xếp bằng kiết già. Vẽ xong bé mừng reo: “Mẹ ơi! Con vẽ Đức Phật”. Đứa bé đó sau này nhất định sẽ thành Phật. Một bà cụ già không thông chữ nghĩa, nên không đọc kinh điển, nhưng khi bà đi ngang qua chùa, vừa nhìn thấy tượng Phật, bà ấy nghiêng một bàn tay và cúi đầu xá Phật, còn tay kia bà bận cầm vật khác. Như thế đó, chỉ nghiêng một tay và cúi đầu xá, chứ chưa lẽ lạy, vậy mà Phật dạy rằng người đó sau này

nhất định sẽ thành Phật. Tu kinh Pháp Hoa dễ như thế đó, tại sao có người lại ngần ngại, lại xa lánh kinh Pháp Hoa? Trái lại có người thuộc dạng trí thức, nên phát biểu rằng, việc tu luyện kinh Pháp Hoa dễ dàng lắm, cho nên đây chỉ là pháp dành cho đàn bà con nít tu chứ còn trí thức chúng tôi có gì trong đó để mà tu. Khoan đã, chớ vội vàng ỨC ĐOÁN CHỦ QUAN như thế, xin mời những ai đó hãy đi sâu vào các đoạn kinh: Hãy quán sát các pháp không tướng. Không tướng là thực tướng, bởi vì không tướng đồng với thực tướng. Ai chứng đắc thể tướng không này mới liễu ngộ Pháp Hoa, hoặc Pháp trụ trên ngôi pháp. Vậy pháp nào trụ trên pháp nào? Hoặc câu “Tướng thế gian vẫn thường”. Đã là tướng của thế gian thì thuộc về vật thể, mà vật chất thì tan mất, là vô thường, chứ sao lại nói là vẫn thường? Một vài nét về kinh Pháp Hoa khai mở chỗ thắc mắc để ai ai cũng có thể tu kinh Pháp Hoa. Nhưng với một điều kiện tối hậu là phải thông lý đạt sự. Phải học thông suốt về lý tánh và tập luyện để đắc sự tướng.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin

kết thành Bồ đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời
đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại
thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát ma
ha tát, tác đại chứng minh.

**Xin đọc tiếp pháp an trụ thứ tư của phẩm
An Lạc Hạnh nơi bài 23 kế tiếp.**

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng luận

23

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG LUẬN - Bài số 23

PHẨM AN LẠC HẠNH - Thứ mười bốn
(Bài tiếp theo)

- Viên ngọc minh châu nơi búi tóc nhà vua.

- Phật truyền trao kinh Pháp Hoa như vua trao ngọc.
- Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này.

I - MỞ ĐẦU

Phẩm An Lạc Hạnh chia thành bốn phần chính, bài 22 đã trình bày ba phần:

- + Tiêu chuẩn đức hạnh (Hành xứ).
- + Những nơi chẳng nên mật thiết (Thân cận xứ).
- + Cuộc sống an lạc (An Lạc Hạnh).

Phần còn lại của phẩm kinh nơi bài này trình bày vị Đại Bồ tát và những vị phổ truyền kinh Pháp Hoa phải an trụ nơi pháp thứ tư, đó là phát khởi **ý đại từ** và **tâm đại bi**. Đức Phật ví kinh Pháp Hoa như viên ngọc minh châu trong búi tóc của nhà vua, mà là vua nào? Điều quan trọng tiếp theo là đến lúc nào mới trao và tặng cho ai chứ không phải bạ đâu trao đó. Đức Phật suốt mấy mươi năm thuyết pháp, truyền trao cho trời người thân quý rộng các kinh khác, nhưng kinh Pháp Hoa vẫn chưa trao truyền, mãi đến khi vào Pháp Hoa hội Linh Sơn, Đức Phật mới tuyên thuyết và truyền trao kinh này cho những ai đã

đầy đủ nhân duyên. Thuở Đức Phật còn tại thế mà sự truyền trao còn gặp khó khăn, huống gì sau này. Đã cách mấy ngàn năm mà còn được gặp kinh Pháp Hoa thì đây có phải là niềm vui hy hữu cho những ai đầy đủ túc duyên. Vậy tại sao chúng ta không trân trọng thọ nhận, giữ gìn và phổ truyền khắp mọi nơi.

II.- NỘI DUNG

Chính văn

9- Nay Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Về các đời rớt sau, khi pháp gần diệt, nếu có hàng Đại Bồ tát phát tâm trì kinh Pháp Hoa ở nơi Tăng Ni, Phật tử, mà khởi tâm đại từ, ở nơi hạng người chẳng phải Bồ tát mà khởi tâm đại bi thì phải nghĩ như vậy: Đức Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp, nhưng có hạng người chẳng biết, chẳng hay, chẳng tin, chẳng hỏi thì những người như thế mất lợi lớn. Dù hạng người đó chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, nhưng Như Lai là đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên dẫu họ ở đâu, Như Lai cũng dùng sức thần thông,

sức trí tuệ dẫn dắt hạng người này khiến họ được an trụ trong pháp này.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Vị Bồ tát sau khi Như Lai diệt độ, nếu thành tựu được pháp thứ tư này thì lúc thuyết kinh Pháp Hoa không có lầm lỗi, hằng được hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Phật tử, nữ Phật tử, quốc chủ, con quốc chủ, quan quân, cùng nhân dân, đạo sĩ, cư sĩ, cả thầy cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Hàng chư thiên ở nơi hư không vì nghe pháp cũng thường theo hầu. Nếu ở nơi xóm làng, thành ấp, rừng cây vắng vẻ, hoặc có người đến muốn gạn hỏi thì hàng chư thiên ngày đêm vì pháp mà hộ vệ vị ấy, khiến cho người nghe thầy đều vui mừng.

Vì sao? Vì kinh này được sức thần của tất cả các Đức Phật đã qua, hiện nay và mai sau đều giữ gìn vậy. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này ở trong vô lượng cõi nước, hẳn đến tên bộ kinh còn chưa được nghe, huống chi là được thấy, đọc tụng, thọ trì.

Giảng luận

Tụng đọc nhiều bản âm Hoa, kể cả Việt ngữ của đoạn này hành giả chẳng thể nào hiểu! Có lẽ do in ấn chưa hoàn chỉnh, nên có những chỗ không rõ nghĩa.

A. Trích nguyên văn và dịch lại vài đoạn

9- Lại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Các vị Đại Bồ tát ở đời rớt sau, lúc pháp gần diệt, khi trì kinh Pháp Hoa này, ở trong hàng người tại gia xuất gia, sanh lòng từ lớn, ở trong hàng người chẳng phải Bồ tát, sanh lòng bi lớn, phải nghĩ thế này: **“Những người như thế thời là mất lợi lớn”**. Đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói pháp, chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi. Người đó dấu chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, **lúc ta đặng** Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác người đó tùy ở chỗ nào, ta dùng sức thần thông, sức trí huệ dẫn dắt đó, khiến đặng trụ trong pháp này.

Đoạn này có hai chỗ khó hiểu:

Đức Như Lai hiện đang là Phật, là Như Lai, là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, chứ còn bảo đợi **lúc ta đặng** Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba chữ lúc ta đặng rất khó hiểu.

* Hàng Đại Bồ tát trì kinh Pháp Hoa đã vì Tăng Ni Phật tử khởi lòng từ lớn, hoặc vì hàng không phải Bồ tát khởi lòng bi lớn phải nghĩ thế này: Những người như thế thời là mất lợi lớn. Tại sao phát tâm đại từ, phát tâm đại bi mà mất lợi lớn?

B. Trích nguyên văn âm Hoa chữ Việt đoạn kinh này của nhiều bộ Pháp Hoa :

9- Hựu Văn Thù Sư Lợi ! Bồ tát ma ha tát ư hậu mạng thế pháp dục diệt thời, hữu tri thị Pháp Hoa kinh giả, ư tại gia xuất gia nhưn trung sanh đại từ tâm, ư phi Bồ tát nhưn trung sanh đại bi tâm, ưng tác thị niệm **Như thị chi nhưn tắc vi đại thất**. Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp bất văn, bất tri, bất giác, bất vấn, bất tín, bất giải, kỳ nhưn tuy bất văn, bất tín, bất giải, thị kinh, ngã đắc a nậu đa la, tam miệu tam bồ đề thời, tùy tại hà địa, dĩ thần thông lực trí huệ lực, dẫn chi linh đắc trụ thị pháp trung ...

Cả đoạn này từ âm Hoa lẫn Việt dịch đều khó hiểu, chỉ khác hơn một chữ “**ngã đắc**” chứ không có thêm chữ “**lúc ta đặng**”. Vì khó hiểu nên chúng tôi mới nghĩ rằng đây có lẽ là do in ấn, hoặc do người sửa bản in lầm lẫn làm tối

nghĩa đoạn kinh nên mới dám xin đổi một vài câu, từ phía dưới lên, hầu dễ hiểu, chứ không dám sửa hoặc thêm bớt, bởi vì y kinh giải nghĩa ba đời oan ức cho chư Phật, nhược bằng rời kinh một chữ tức là nói lời của ma !

C. Kinh Pháp Hoa giảng luận tập 2, đoạn này, đảo mấy chữ từ trên xuống :

9- Lại này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Chư vị Đại Bồ tát về các đời rớt sau, lúc pháp gần diệt, nếu vị Bồ tát nào trì kinh Pháp Hoa này, mà ở nơi Tăng Ni Phật tử thì nên **khởi tâm đại từ**, hoặc ở nơi những người không phải Bồ tát thì nên **khởi tâm đại bi** (dời chín chữ ra sau).

Đức Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp **ta nghĩ như thế này**: Có hạng người chẳng được nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi: “**Những người như thế thì mất lợi lớn**”. Dù hạng người đó chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, nhưng **Như Lai là đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác** nên dẫu họ ở đâu Như Lai cũng dùng sức thần thông, sức trí tuệ dẫn dắt hạng người này khiến họ được an trụ trong pháp này.

So sánh ba trích đoạn để hành giả Pháp Hoa dễ nghiên cứu.

Đọc tụng phẩm này chúng ta nghe lời kinh chỉ dẫn, hàng Bồ tát hoặc tập tu nhập hạnh Bồ tát thì cần phải an trụ nơi bốn pháp, nhưng ba nơi an trụ trước thì dễ hiểu, vì chẳng những kinh văn, mà còn thơ kệ, Đức Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần về:

- | | |
|----------------|---|
| 1. Hành xứ | $\left. \begin{array}{l} * \text{ tiêu chuẩn đức hạnh} \\ * \text{ nơi chẳng nên mật thiết} \\ * \text{ cuộc sống an lạc} \end{array} \right\}$ |
| 2. Thân cận xứ | |
| 3. Hạnh an lạc | |

Còn nơi an trụ thứ tư, nếu không lắng sâu thì rất khó hiểu.

Nơi an trụ thứ tư: Trì kinh Pháp Hoa ở giữa nơi Tăng Ni Phật tử **khởi tâm đại từ**, ở nơi chẳng phải Bồ tát **khởi tâm đại bi**. Vì chỉ có tám chữ nên nhiều người chưa phân tích để liễu thông và liễu ngộ. Có người lầm tưởng nơi an trụ thứ tư là viên ngọc minh châu nơi búi tóc của vị Chuyển Luân Thánh Vương.

“Khởi tâm đại từ ... khởi tâm đại bi” chỉ có thế thôi! Nhưng không phải dễ khởi sanh tâm đại từ và tâm đại bi. Vì đại từ và đại bi là hai pháp

quán trong năm pháp tu quán và chứng đắc của Bồ tát Quán Thế Âm.

- + Chơn quán.
- + Thanh tịnh quán.
- + Đại trí tuệ quán,
- + Bi quán.
- + Từ quán.

Đọc thì chơn quán trước, nhưng tu trước nhất cần phải tập luyện “**Từ quán**”, khi nào chứng đắc mới chuyển sang hành pháp “**Bi quán**” và cứ thế lần lần ngược lên đến điểm cao là đến “**Chơn quán**”. Năm pháp quán, hay hai pháp tu luyện ý đại từ, tâm đại bi cũng là những pháp môn hành quán của hàng Đại Bồ tát. Vì vậy nên kinh Pháp Hoa phẩm An Lạc Hạnh mới ghi hai pháp môn tu này vào nơi an trụ thứ tư của Bồ tát, cũng như của bất cứ ai muốn học và tu theo hạnh Bồ tát. Có an trụ được bốn pháp ghi nơi phẩm này mới có thể thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Có nhiều hành giả Pháp Hoa vì vô tình không hiểu, hay cố ý lộng ngôn rằng tôi đã an trụ nơi bốn hành xứ của phẩm An Lạc Hạnh.

Đại từ tâm và đại bi tâm

Nơi an trú thứ tư của những vị Đại Bồ tát khi trì kinh Pháp Hoa là đại từ tâm và đại bi tâm. Trong giới Phật giáo có người hiểu lầm đại từ cũng giống đại bi nên thường ghép hai chữ làm một và thường gọi chung là “đại từ bi”. Phẩm An Lạc Hạnh này Đức Phật phân biệt rõ ràng. Nếu đối với Tăng Ni Phật tử thì phát đại từ tâm, nhưng với hạng người không phải Bồ tát thì nên phát đại bi tâm. Tại sao mà Đức Phật phải dẫn dò hàng Đại Bồ tát và những ai tập hạnh Bồ tát kỹ lưỡng như vậy ? Là vì giới Tăng Ni Phật tử dù sao cũng là những người đã hiểu đạo, nên hàng Đại Bồ tát chỉ phát khởi “**Hạnh Từ**” để hỗ trợ mà thôi. Từ năng giữ lạc, chỉ giữ điều vui cho hàng xuất gia tại gia. Nhưng trái lại đối với hạng người không phải là Bồ tát, có nhiều khi họ cũng có đạo, nhưng mà đạo khác cho nên vị Đại Bồ tát phải phát khởi “Đại bi tâm” để xua những nỗi khổ cho họ, bởi vì “**bi năng bạt khổ**”, tức là bi thì xóa những nỗi khổ cho người.

Phẩm Phổ Môn tu về hạnh từ và hạnh bi rõ hơn, đó là từ thì còn đình ở nơi ý, còn bi thì phải chuyển về tâm. Từ giữ điều vui - bi bạt điều khổ. Từ thì diệu - bi thì hùng. Từ năng giữ lạc - bi

năng bạt khổ. Bi ở tâm nên mạnh như sấm rền -
Bi tâm răn như sấm. Từ thì ở ý nên vi diệu hơn -
Từ ý diệu dường mây.

Nơi an trụ của vị Đại Bồ tát trì kinh Pháp Hoa là phải an trụ ở nơi ý từ đối với nội bộ trong nhà Phật giáo, còn đối với người ngoài Phật giáo thì phải tâm bi để xoa tan nỗi khổ cho người.

**Viên ngọc minh châu trong búi tóc
của vị Chuyển Luân Thánh Vương**

Chính văn

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi! Thí như Chuyển Luân Thánh Vương sức lực hùng mạnh, muốn đem uy thế hàng phục những nước nhỏ chưa phục tùng mệnh lệnh. Bấy giờ Chuyển Luân Thánh Vương cử các đạo binh đi chinh phạt. Vua thấy trong đám binh tướng có những người đánh giặc lập công lớn, nên rất vui mừng, tùy theo công mà ban thưởng. Hoặc ban cho ruộng vườn, nhà cửa, xóm làng, thành ấp, hoặc ban cho phẩm vật y phục và các món trang sức nơi thân, hoặc ban cho các món trân bảo, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, hoặc voi

ngựa, xe cộ, người giúp việc, nhân dân. Chỉ có viên ngọc minh châu trong búi tóc của mình thì nhà vua chẳng đem ra cho. Vì sao ? Vì riêng trên đỉnh đầu của vua mới có viên ngọc minh châu, nếu đem cho thì quyền thuộc của vua sẽ sinh kinh ngạc.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Như Lai cũng như thế, dùng sức thiên định trí tuệ, khắp các cõi nước, đem giáo pháp hóa độ, trùm cả ba cõi, thế mà ma vương chẳng chịu thuận phục, các tướng hiền thánh của Như Lai cùng ma đánh nhau. Thấy những người có công nên lòng rất vui mừng, Như Lai ở nơi bốn chúng vì họ mà tuyên thuyết các kinh. Để khiến mọi người sanh tâm vui thích, ta ban cho các pháp thiên định, giải thoát, vô lậu, căn lực và còn ban cho thành Niết bàn, bảo rằng đã được diệt độ để dẫn dắt tâm họ, làm cho thấy đều được vui mừng, nhưng chưa vì họ mà thuyết kinh Pháp Hoa.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Như vua Chuyển Luân, thấy hàng quân tướng những người có công lớn, tặng viên minh châu khó ai tin nổi

giá trị, từ lâu để trong búi tóc chưa từng cho
bừa bãi mà nay lại đem ban thưởng vậy!

Đức Như Lai cũng lại như thế, làm vị Đại
Pháp vương, khắp ba cõi, đem pháp mầu giáo
hóa tất cả chúng sanh. Thấy quân tướng hiền
thánh, cùng ma ngũ ấm, ma phiền não, ma
chết, đánh nhau có công lao lớn, diệt được ba
độc, vượt khỏi ba cõi, phá tan lưới ma. Lúc
ấy Như Lai cũng rất vui mừng. Kinh Pháp Hoa
này có thể làm cho chúng sanh chứng đắc
đến bậc “Nhất thiết trí”, là pháp ở thế gian,
có người oán ghét, khó tin, nên từ trước chưa
hề tuyên thuyết, mà nay mới thuyết vậy!

**

Giảng luận

Hành giả Pháp Hoa khi đọc tụng thọ trì nên
chú ý quan tâm từng chữ, vì lối sử dụng ngôn từ
của Đức Phật ở kinh này nếu đọc thoáng qua thì
tưởng rằng Như Lai dụng lối văn bình dân, nhưng
ai chú ý mới thấy ý của kinh toàn văn minh triết,
chỗ nào cũng rất sâu mầu. Nếu chúng ta quan
niệm nhà vua có viên ngọc minh châu dấu nơi
búi tóc là một ông vua thường, hoặc một ông

hoàng đế thì sai ý nghĩa cao siêu của đoạn kinh, bởi vì Đức Phật nêu một vị **Chuyển Luân Thánh Vương**.

Để bổ túc cho hàng sơ cơ học Phật có dịp nghiên cứu mở rộng chiều cao tầm kiến thức, nên xin sơ lược về ý nghĩa của bốn chữ “Chuyển Luân Thánh Vương”. Danh từ để xưng gọi vị Chuyển Luân Thánh Vương, cũng có nơi gọi là Chuyển Vương, hoặc Chuyển Luân Vương. Tiếng Phạn gọi là Chuyển Ca La Đại Cự Đề Hạt La Xà, cũng còn gọi là Gia Ca Viết La, cũng còn gọi là Chuyển Luân Thánh Đế Luân Vương. Vị vương này thân có đủ ba mươi hai tướng tốt. Theo **Luận trí độ, quyển 4**. Vị vương này khi lên ngôi, do Thiên Cầm mà có được Luân bảo, rồi lại vận chuyển Luân bảo đó mà hàng phục bốn phương, nên gọi là Chuyển Luân Vương. Lại nữa, do có khả năng bay lượn trong không trung, nên gọi là Phi Hành Hoàng đế. Theo **Luận câu xá, quyển 12**: “Ở châu đó, từ lúc con người sống lâu vô hạn, cho đến tám vạn tuổi lúc ấy, có vị Chuyển Luân Vương sinh ra, khi giảm đi tám vạn tuổi, là lúc loài hữu tình giàu có sung sướng, tuổi thọ giảm tổn, các việc xấu càng nhiều lên, không phải là

loại đại khí, cho nên không có Luân Vương nữa. Vị vương này do luân chuyển ứng phó, hàng phục tất cả nên gọi là Chuyển Luân Vương. Các thuyết nêu ra gồm có bốn loại luân vương là: Kim, Ngân, Đồng, Thiết. Theo thứ tự đó, các vị lần lượt cai quản các châu 1, 2, 3, 4, ... **Khế kinh chép:** Nếu như vua sinh vào dòng Sát Đế Lợi, nối ngôi Sái Đỉnh, trong vòng mười lăm ngày sẽ thọ trai giới, tắm gội đầu thân, nhận đủ trai giới rồi bay lên đền đài. Thần tiên kéo đến phụ tá. Ở phía Đông chợt có Kim luân bảo xuất hiện. Có đến hàng ngàn luân xa, đủ cả vành trục, mọi thứ viên mãn, như thợ khéo làm ra vậy. Ánh hào quang tỏa chiếu rọi tới vương sở. Vị vương này chắc hẳn là Kim Chuyển Luân Vương. Các vị Chuyển Luân Vương khác cũng như thế.

So sánh:

Vị vua và vị Chuyển Luân Thánh Vương cao thấp khác nhau một trời một vực. Các kinh khác so với kinh Pháp Hoa cũng như thế! Hành giả Pháp Hoa nên lưu ý, thẩm sâu nhuần nhuyễn từng phẩm, từng đoạn, từng câu, từng lời của kinh Pháp Hoa.

Viên ngọc của nhà vua giá trị khác, tức là thấp hơn viên ngọc của vị Chuyển Luân Thánh Vương. Các kinh giá trị có chừng mực, còn kinh Pháp Hoa giá trị tối thượng và tuyệt đối.

Có người còn nêu thắc mắc, giá trị cao thấp ở điểm nào? Xin thưa toàn bộ kinh, từng phẩm, từng đoạn, từng câu, từng chữ, từng lời. Một chữ Diệu của đề kinh phải giảng luận một vài tháng, còn tu chứng đắc chữ Diệu phải trọn đời trọn kiếp, có khi phải trải qua nhiều kiếp nhiều đời. Nhưng cũng có khi gặp thuận duyên chỉ nghe qua một vài giờ mà sự liễu ngộ nhanh hơn chớp mắt (Nàng công chúa rồng thành Phật). Các bộ kinh khác: Các pháp đồng một pháp. Kinh Pháp Hoa: Pháp trụ trên ngôi pháp. Các bộ kinh khác: Tướng thế gian vô thường. Kinh Pháp Hoa: Tướng thế gian vẫn thường. Nói tóm lại lưu ý chú tâm tinh tấn tu luyện liễu thông chứng đắc trong nháy mắt. Nếu ngược lại chỉ ngồi mà lý thuyết suông thì chẳng biết đến bao giờ mới tri kiến được **pháp không tướng**. Có liễu ngộ được pháp không tướng mới hiểu được sự quý giá của viên ngọc trong búi tóc của vị Chuyển Luân Thánh

Vương, tức là mới liễu ngộ được pháp tối thượng, tuyệt vời của kinh Pháp Hoa.

Đức Phật đã ví các bộ kinh khác như ngàn suối, trăm sông; còn kinh Pháp Hoa là sự rộng sâu của biển cả. Nhưng những người tu học Phật, khi mới bước vào lợi nước thì nên lợi suối, qua sông cho quen, chứ đừng vội vàng nhập vào lòng biển lớn. Các bộ kinh khác, như chương trình Tiểu - Trung học, còn kinh Pháp Hoa như Đại học và trên Đại học.

Chính văn

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này là lời nói bậc nhất của Như Lai, tất cả mọi lời nói thì đây là rất sâu, mãi rớt sau nay mới ban cho, như vị Chuyển Luân Thánh Vương, từ lâu dùng uy lực gìn giữ viên minh châu, mãi nay mới cho vậy!

Lại Bồ tát Văn Thù ! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của chư Phật, ở nơi các kinh thì kinh này là bậc trên hết, từ lâu giữ gìn chẳng vọng phổ thuyết, mãi đến nay Như Lai vì các vị mà tuyên bày pháp lớn vậy.

Giảng luận

Cũng là lời trong kinh, tại sao lại có lời nói bậc nhất trên các lời nói? Cũng là chữ nghĩa sách vở, nhưng nhất định chữ nghĩa nơi sách vở của đại học và trên đại học phải trở thành bậc nhất so với lời trong sách trung tiểu học chứ!

Kinh Pháp Hoa tại sao lại là tạng bí mật của chư Phật? Xin thưa! Phải gọi là tạng bí mật là vì tất cả phương pháp chứng đắc quả vị Phật, quả vị Bồ tát, ngay hiện đời đều nằm gọn nơi kinh này. Trường hợp công chúa rồng thành Phật trong nháy mắt, hàng quan dân cung rồng, thành Bồ tát số đông nhiều hơn số cát trên bờ sông Hằng, chỉ nhờ nghe Bồ tát Văn Thù thuyết một thời kinh Pháp Hoa thôi. Tại sao trong tất cả các kinh thì kinh này là bậc trên hết? Xin thưa! Các bộ kinh khác đơn thuần đơn hệ, chỉ có kinh Pháp Hoa bao gồm đa dạng, nhất là hợp nhất được cả Tiểu thừa lẫn Đại thừa. Các bộ kinh khác mở đầu phẩm Tựa chỉ có sáu điểm thành tựu, còn kinh Pháp Hoa thì đến bảy điểm thành tựu. Điểm thành tựu thứ bảy, Đức Phật Đa Bửu Như Lai hiện hữu tại Pháp Hoa hội Linh Sơn để làm nhân chứng kinh Pháp Hoa và nhường nửa tòa ngai mời Đức Phật Thích Ca cùng ngai, việc làm tuy hết sức đơn

giản nhưng minh chứng cho muôn loài biết rằng chư Phật vốn bình đẳng. Quá khứ, hiện tại và sau này vốn bình đẳng. Điều này hướng dẫn muôn loài thực hiện tòa ngôi bình đẳng. Nếu ai vâng tin theo lời Phật thì các đại lễ chẳng phải nhọc sức dài dòng giải thích là chúng tôi đoàn kết, chúng tôi bình đẳng, mà chỉ cần làm theo kinh Pháp Hoa! Cả hai vị cựu và tân cùng ngồi chung một tòa ngôi và ngang nhau, chẳng hề phân cựu tân, lại cũng chẳng hề phân ngôi chủ khách, nhất là chẳng phân không gian có biên cương và thời gian có quá khứ hiện tại. Quá giản đơn như thế, nhưng ít ai trì kinh Pháp Hoa. Nói chung còn biết bao nhiêu điểm trên hết, biết bao nhiêu quy tắc thuộc pháp Diệu hương sen nhập đời.

Tại sao kinh Pháp Hoa được giữ gìn từ lâu, mà nay gặp Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và đầy đủ Bồ tát Thanh Văn, Duyên Giác, trời thần người quỷ rồng, nhất là có sự hiện hữu của Đức Phật Đa Bửu Như Lai. Nói chung là đầy đủ đại chúng nơi Pháp Hoa hội Linh Sơn. Đức Phật Thích Ca mới chịu tuyên thuyết truyền trao? Nhưng xin thưa! Truyền trao thì dễ, còn chọn người xứng đáng nhận pháp quý báu như nhận ngọc minh châu của vị Chuyển Luân Thánh Vương mới là khó. Đọc,

tụng, in chép, phổ biến, cúng dường thì rất nhiều người, nhưng thọ trì phổ thuyết mới thật là khó. Phải đợi gặp Bồ tát Văn Thù Sư Lợi có mặt mới công bố trao cho hàng Đại Bồ tát thọ trì kinh Pháp Hoa. Hàng Đại Bồ tát tức là hàng Bồ tát ma ha tát mới tuyên thuyết truyền trao trách nhiệm trì kinh Pháp Hoa. Những bậc trì kinh Pháp Hoa phải có đủ nhiều yếu tố, trong đó phải có thêm yếu tố an trụ bốn pháp và pháp thứ tư ý phải phát khởi đại từ và tâm đại bi. Tâm ý vừa giữ niềm vui vừa xua nỗi khổ. Đây là hạnh nguyện của một vị Đại Bồ tát, đủ tư cách thọ trì và tuyên thuyết kinh Pháp Hoa.

Chính văn

10. Lúc đó Đức Thế Tôn lại thuyết thơ kệ trùng tuyên nghĩa trên:

Thường tu nhẫn nhục
 Thương tất cả chúng
 Mới có thể thuyết
 Kinh Phật ngợi khen
 Đời mạng về sau
 Người trì kinh này
 Xuất gia, tại gia
 Chẳng phải Bồ tát

Phát tâm từ bi
Nếu chẳng ai nghe
Chẳng tin kinh này
Thời mất lợi lớn
Ta đăc Phật đăo
Dùng sức phương tiện
Thuyết giảng pháp này
Khiến trụ trong đố
Ví như sức mạnh
Chuyển Luân Thánh Vương
Binh tướng có công
Ban thưởng các vật
Voi ngựa xe cộ
Món báu trang điểm
Kể cả ruộng nhà
Xóm làng thành ấp
Hoặc ban y phục
Các món châu báu
Người hầu tiền của
Vui vẻ ban cho
Có người tráng kiện
Làm được việc khó
Vua mở búi tóc
Ban cho minh châu

Như Lai cũng vậy
Là vua các pháp
Sức lớn nhứt nhứt
Tàng báu trí tuệ
Dùng đại từ bi
Đúng pháp độ đời
Thấy thấy mọi người
Chịu nhiều khổ não
Mong cầu giải thoát
Đánh dẹp quân ma
Phật vì chúng sanh
Thuyết các pháp để
Dùng đại phương tiện
Thuyết các pháp này
Biết rõ chúng sanh
Được nhiều sức mạnh
Rốt sau vì họ
Thuyết kinh Pháp Hoa
Như vua mở tóc
Trao tặng minh châu
Kinh này là lớn
Trên cả các kinh
Ta thường giữ gìn
Chẳng vọng chỉ bày

Nay đã đúng thời
Vì các người thuyết
Sau ta diệt độ
Người cầu Phật đạo
Muốn được an ổn
Diễn thuyết kinh này
Phải thương thân cận
Bốn pháp như thế
Độc tụng kinh này
Thường chẳng ưu phiền
Cũng chẳng bệnh khổ
Nhan sắc xinh đẹp
Chẳng sanh nhà nghèo
Ti tiện xấu xí
Chúng sanh thích nhìn
Như mến thánh hiền
Đồng tử cõi trời
Dùng làm sai bảo
Dao gậy khó xâm
Độc hại chẳng nhập
Kẻ ác muốn mắng
Miệng đành ngậm thình
Dạo đi chẳng sợ
Như vua sư tử

Trí huệ sáng suốt
Như mặt trời sáng
Nếu trong chiêm bao
Chỉ thấy điềm lành
Thấy rõ chư Phật
Ngồi tòa sư tử
Các chúng Tỷ kheo
Vây quanh thuyết pháp
Lại thấy long thần
Cùng A Tu La
Như cát sông Hằng
Cung kính chấp tay
Tự nhìn chính mình
Vì chúng thuyết pháp
Lại thấy chư Phật
Thân tướng sắc vàng
Phóng nhiều hào quang
Chiếu khắp tất cả
Dụng âm thanh lớn
Diễn thuyết các pháp
Phật vì bốn chúng
Thuyết pháp vô thượng
Thấy rõ nội tâm
Chấp tay ngợi Phật

Nghe pháp lòng mừng
Mà cúng dường vậy
Được pháp tổng trì
Chứng trí bất thối
Phật biết tâm người
Thấm sâu Phật đạo
Liên thọ ký cho
Thành tối chánh giác
Này người thiện nam
Vào đời mai sau
Đắc trí vô lượng
Đạo lớn của Phật
Cõi nước nghiêm tịnh
Rộng lớn đâu bằng
Cũng có tứ chúng
Chấp tay nghe pháp
Lại thấy thân mình
Trụ giữa núi rừng
Tu tập pháp lành
Chứng pháp thật tướng
Thấm vào thiền định
Thấy mười phương Phật

**

Chư Phật sắc thân vàng

Trăm phước tướng trang nghiêm
Nghe pháp vì người thuyết
Thường chiêm bao tốt đẹp
Lại mộng làm quốc vương
Bỏ quyền thuộc cung điện
Và năm dục cao diệu
Đi đến nơi đạo tràng
Ngồi dưới gốc Bồ đề
An tọa tòa sư tử
Cầu đạo quá bảy ngày
Đắc trí của chư Phật
Thành đạo vô thượng xong
Đứng dậy chuyển pháp luân
Vì bốn chúng thuyết pháp
Trải nghìn muôn ức kiếp
Thuyết pháp mầu vô lậu
Độ vô lượng chúng sanh
Sau mới nhập Niết bàn
Như khói hết lửa tắt
Nếu giữa đời ác sau
Thuyết pháp hạng nhất này
Người đó được lợi lớn
Các công đức như trên.

Giảng luận

Phần thơ kệ của nhiều bản Việt ngữ kinh Pháp Hoa vì muốn sáng nghĩa nên dịch thành thể thơ năm chữ. Trong lúc đó chính văn Hoa ngữ đa phần bốn chữ. Đoạn thơ kệ này, cũng như toàn phẩm An Lạc Hạnh, kể cả toàn bộ kinh Pháp Hoa. Nơi Pháp Hoa giảng luận này, chúng tôi cố giữ y như bản Hoa ngữ, chỗ nào chính bản năm chữ chúng tôi Việt dịch năm chữ, chỗ nào bốn chữ Việt dịch bốn chữ. Quan trọng là Hoa ngữ có mấy câu thì Việt dịch cũng giữ mấy câu. Vì vậy nên không làm sao sáng nghĩa hơn các bản Việt dịch khác. Rất mong hành giả Pháp Hoa, khi đọc Pháp Hoa giảng luận liễu tri cho.

Đoạn thơ kệ này là phần cuối phẩm An Lạc Hạnh, trùng tuyên ý nghĩa về nơi an trú thứ tư của phẩm kinh, nghĩa là nơi an trú của vị Đại Bồ tát, hoặc nhập hạnh Bồ tát khi thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì ý phải khởi đại từ, tâm phải khởi đại bi đối với tất cả mọi người.

Đoạn thơ kệ lập lại để nhấn mạnh việc phổ thuyết kinh Pháp Hoa của Đức Phật, cũng ví như việc ban thưởng viên ngọc minh châu từ trong búi tóc của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương.

Đoạn kệ này gồm 126 câu bốn chữ và 24 câu năm chữ, tất cả là 624 chữ. Câu nào, chữ nào cũng đều quan trọng cả. Nhưng hành giả Pháp Hoa đang tập bước vào tòa lâu đài Pháp Hoa minh mông cao rộng, nếu tổng quan đầy đủ sẽ bị chóa mắt và ngợp, nên tùy mình sở thích câu nào, đoạn nào thì nghiền ngẫm đoạn đó. Ví dụ như:

... Sau Phật diệt độ
Ai cầu Phật đạo
Muốn được an ổn
Diễn thuyết Pháp Hoa
Phải thương thân cận
Bốn pháp như thế ! ...

Bốn pháp như thế đã diễn tả rõ ràng ở phần kinh văn và một số câu kệ, nhưng vì kinh rộng bao la hơn biển, nên nếu thiếu hoa tiêu thì sẽ lạc lối, khó cập đúng bến. Hành giả ngoài ý chí kiên cường, còn đòi hỏi lòng nhẫn nại, nhất là sự định tâm chú ý từng câu từng đoạn thì mới nhớ, mới hiểu, mới tin, có tin mới chịu thực hành, khi thực hành bắt đầu có ít nhiều kết quả, lúc ấy mới tinh tấn tập luyện, mới liễu ngộ, mới chứng đắc, lúc ấy mới là thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

Bốn pháp như thế là pháp nào?

Lập đi lập lại nhiều lần để dễ nhập tâm:

- ① Tiêu chuẩn đức hạnh.
- ② Những nơi chẳng nên mật thiết.
- ③ Cuộc sống an lạc.
- ④ Ý khởi đại từ, tâm rộng đại bi.

Muốn được hoàn toàn an ổn trong sứ mệnh thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì phải sống đầy đủ bốn pháp vừa nêu đó là của hàng Đại Bồ tát, còn hàng học giả, hành giả, trí giả của kinh Pháp Hoa chưa chứng đắc quả vị Đại Bồ tát thì chưa thọ trì và phổ thuyết toàn phần kinh Pháp Hoa, mà ta chỉ tập luyện thọ trì, tập luyện phổ thuyết từng phần nhỏ của kinh Pháp Hoa để nhập hạnh Bồ tát, hầu sẽ chứng đắc quả vị Bồ tát và dần dần sẽ đắc quả vị Bồ tát ma ha tát. Bởi vì Như Lai là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành. Hàng Đại Bồ tát là những bậc đã đắc quả vị Đại Bồ tát, còn hàng học, hành và trí giả của kinh Pháp Hoa là những vị sẽ đắc quả vị Bồ tát ma ha tát. Khác nhau đã đắc và sẽ đắc.

Chúng ta phát nguyện sống theo từng phần nhỏ xiu của bốn nơi an trú của hàng Đại Bồ tát, thuyết kinh Pháp Hoa.

Đoạn kê 624 chữ như 624 giọt vàng ngọc đang lẫn trong cát đất. Hành giả Pháp Hoa kiên trì đãi lọc, gom từng giọt ngọc vàng, khi có nhiều giọt ngọc vàng mới được trao thưởng như Đức Chuyển Luân Thánh Vương mở búi tóc trao thưởng ngọc minh châu.

III.- TÓM KẾT

Trong số hành giả Pháp Hoa có người tu luyện toàn bộ kinh, có người tu luyện một đoạn, hoặc một câu, cũng có người chỉ chọn một chữ hoặc vài chữ, lại cũng có vị chọn toàn phẩm An Lạc Hạnh để tu luyện. Những vị chọn phẩm An Lạc Hạnh thì có người giữ được cuộc sống an nhàn, cũng có người vất vả lận đận, long đong, khiến kẻ xấu nhìn vào số hành giả nhọc khổ này mà đổ thừa tại các vị đó tu luyện phẩm An Lạc Hạnh nên bị nghiệp chướng đổ tàn tệ như thế! Sự phát ngôn thiếu khách quan này đúng hay sai? Đã tu hạnh An Lạc mà tàn tệ là sao? Nếu nói vậy thì sao không thấy số hành giả tu an lạc hạnh họ đang đạt cuộc sống an nhàn thanh thoát kia thì sao?

Nghiệp chướng khảo đảo là do tâm ý của hành giả chứ không do phẩm An Lạc Hạnh. Nghiệp chướng của Ngộ Đạt Quốc Sư đổ là do tâm ý của Ngài chứ đâu do chiếc ghế trầm hương, cũng không tại nhà vua tặng ghế. Muốn xác minh vấn đề này phải hiểu rõ ràng từng nét.

Bốn hạnh an trụ của Bồ tát:

❶ Hành xử (Tiêu chuẩn đức hạnh)

Vị Bồ tát an trụ trong nhẫn nhục nhu hòa, khéo thuận mà không lật bạt. Tâm chẳng hãi sợ, trụ ở pháp chẳng hề phân biệt mà quán tưởng như thật của các pháp. Lại vị Đại Bồ tát, quán sát tất cả các pháp không, đều như thật tướng, vậy mà hành giả quán sát pháp nào cũng đều là **pháp** có chứ chưa thấy tướng không của các pháp. Có sắc đẹp, có tài lợi, có danh chức cao thấp, có ăn uống món ngon dở, có ngủ nghỉ sai khác. Chưa quán sát thâm sâu để liễu thông sắc tài danh lợi và ngủ nghỉ thì làm sao chứng ngộ? Chưa liễu được pháp nào cả thì sao gọi là hành giả Pháp Hoa, chưa làm được vị hành giả Pháp Hoa thì sao an trụ nơi bốn pháp, chưa an trụ được “bốn pháp” thì làm sao nhập hạnh Bồ tát, làm sao hiện đời an trụ nơi bốn pháp an lạc. Bốn pháp an lạc còn

nhều lắm, nào là chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không chẳng có thật tánh, tất cả lời nói phô bày chấm dứt cũng vậy! Tất cả đều chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi, chẳng danh, chẳng tướng, thật không chỗ có, không thể lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh. Đây là những tiêu chuẩn về đức hạnh của hàng Đại Bồ tát giữ tiêu chuẩn này mà thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Còn giới hành giả Pháp Hoa chưa có thể sống đủ tiêu chuẩn đức hạnh như những vị Đại Bồ tát, nhưng tối thiểu cũng phải có ảnh hưởng phần nào theo các tiêu chuẩn đức hạnh này thì cuộc sống mới an vui vững vàng để tập sự thọ trì phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nếu được như thế thì sao có nghiệp chướng đổ vì tu theo phẩm An Lạc Hạnh. Trường hợp có những hành giả mới đọc tụng chưa liễu thông vì chưa đến giai đoạn thọ trì cho nên nghiệp chướng mới đổ. Lại cũng có hành giả chịu nhận nghiệp thế cho các hành giả khác, nên nghiệp mới đổ. Nhưng nếu ai nghiệp chướng đang đổ thì nên vui mừng bởi các món nợ nần, những điều xấu xí nó đang đổ và nó sẽ đổ hết, giúp thân tâm được sớm nhẹ nhàng, thanh thoát. Cũng như người đái lợc

ngọc vàng, nếu không loại trừ được cát đá thì làm sao thu nhặt được ngọc vàng. Không đở hết nghiệp chướng thì làm sao rời địa vị phàm nhân để nhập vào hàng ngũ hiền triết, làm sao tập làm hành giả thọ trì phổ quảng kinh Pháp Hoa.

Còn ba yếu tố sau:

- ② Những nơi chẳng nên mật thiết.
- ③ Cuộc sống an vui.
- ④ Khởi ý từ, tâm bi.

② Nơi thân cận (những nơi chẳng nên mật thiết):

Đức Phật dạy hàng Đại Bồ tát, khi thuyết giải kinh Pháp Hoa, có một số thành phần không ưa thích, vì vậy nên cần vững nơi bốn pháp an trú. Tiêu chuẩn thứ hai là Đức Phật dạy: Có một số nơi, hành giả Pháp Hoa chẳng nên thân mật, tức là chỗ nên mật thiết. Giá như không mật thiết thì ai nhắc nhở Phật tánh của các giới sang trọng như hàng vua quan, tướng sĩ, quân dân, cùng một số khác. Ngoài ra cũng còn các giới thấp kém như phi nam, phi nữ, đồ tể, phái tu lỏa thể ... những hạng người này xã hội rẻ khinh, hắt hủi, nếu các Ngài Đại Bồ tát và các vị hành giả Pháp Hoa tránh xa, không gần gũi họ thì họ sống làm

sao? Ai mở khai tánh Phật cho họ. Đoạn kinh thân cận xứ này Đức Phật dạy: “Chớ nên **mật thiết** mà thôi!”.

❸ Hạnh an lạc (cuộc sống an lạc)

Muốn mình được sống cuộc đời an lạc thì chính mình phải tôn trọng sự an lạc của người. Mình muốn người kính trọng mình thì chính mình phải kính trọng người.

Chê bai kinh điển, nói xấu người khác, hủy báng Pháp sư, kể cả việc tốt, điều hay của người khác cũng không nêu, luôn giữ tâm ý không để một mảy may oán hờn ngự trị nơi tâm ý của mình. Lúc nào ý cũng khởi đại từ, tâm luôn khởi đại bi. Hạnh thứ tư của Đại Bồ tát phổ thuyết Pháp Hoa lúc nào cũng khởi tâm đại bi, khởi ý đại từ.

Những vị Đại Bồ tát “phổ thuyết” kinh Pháp Hoa và những vị hành giả “phổ quảng” kinh Pháp Hoa nên:

**An tọa pháp tòa
Theo hỏi mà thuyết
Nếu có Tỷ kheo
Hoặc Tỷ kheo Ni**

Các nam cư sĩ
Hoặc nữ cư sĩ
Quốc vương, vương tử
Quan dân, tướng sĩ
Dùng nghĩa nhiệm mầu
Vui vì họ thuyết.

Đoạn kệ này một lần nữa đã xác quyết là hàng Bồ tát, cùng người tu tập hạnh Bồ tát không xa tránh quốc vương, vương tử, đại thần, không có chỗ nào cấm chướng được gần gũi những hàng vua, tướng sĩ, quần chúng cả. Đoạn kệ trên đã nói rất rõ.

Trích một đoạn kệ nữa để làm sáng tỏ vấn đề hơn:

Thường hành nhẫn nhục
Thương mến tất cả
Mới đủ diễn thuyết
Kinh Phật ngợi khen
Sau lúc mặt thế
Người trì kinh này
Cùng tại, xuất gia
Hoặc chẳng Bồ tát
Nên sanh từ bi ...

Hàng Bồ tát, cũng như hành giả khi thọ trì phổ quảng kinh Pháp Hoa luôn sống đúng pháp nhân nhu, thương mến chúng sanh, ý khởi đại từ, tâm khởi đại bi. Như thế mới là an trụ nơi hạnh thứ tư đúng lời dạy ở phẩm An Lạc Hạnh.

Hành giả Pháp Hoa đang trên lộ trình thẳng tiến về bảo sở, chuẩn bị lên thêm và vào nhà Pháp Hoa, hầu liễu ngộ Pháp Hoa để thọ trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa.

Tóm lại, các giới quân chúng, Phật tử, độc giả, các nhà nghiên cứu, học giả, hành giả, trí giả khi đọc, hoặc nghiên cứu, hoặc trì tụng kinh Pháp Hoa, qua phẩm An Lạc Hạnh, chưa kể đến thọ trì và phổ truyền. Ai ai khi vừa lướt qua cũng đều cảm thấy nó có một điểm gì là lạ, nhất là đọc phẩm kinh từ đầu đến rốt chẳng liên quan gì đến mình, kể cả câu chuyện ví dụ viên ngọc của nhà vua thuộc về một nhà vua siêu tưởng. Việc mượn địa vị của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương để làm nổi bật cao siêu cho cốt chuyện, chứ không dẫn người đọc về tiểu sử của nhà vua.

Lại càng thấy khó hiểu hơn đoạn kinh: Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ. Vậy thì ai giáo dưỡng những người này? Phải

hiểu rất rõ rằng xã hội có hai thành phần trí thức và bình dân. Hành giả Pháp Hoa và Bồ tát không được rời bỏ thành phần nào cả! Phật chỉ dạy là chớ nên mật thiết mà thôi! Chớ mật thiết khác với chớ gần gũi. Vì mật thiết thì khó độ những hạng người này.

Hôm nay chúng ta đủ nhân duyên hiểu rõ để từ nay không còn cố chấp, cũng không còn đổ thừa là siêu là thiếu mà nên hiểu đúng kinh văn, chớ nên cố chấp một nốt ruồi nơi gò má mà chê trách, hoặc loại bỏ một cô gái nhân hậu. Kinh Pháp Hoa là kinh Pháp Hoa, phẩm An Lạc Hạnh là phẩm An Lạc Hạnh. Toàn thể chúng ta mọi người đều thấm nhuần và ảnh hưởng được sự ích lợi to lớn của phẩm An Lạc Hạnh.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát ma ha tát, tác đại chứng minh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

24

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 24

PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT - Thứ mười lăm

- Chư vị Bồ tát cõi khác, xin sau này thay Phật phổ thuyết kinh Pháp Hoa.
- Hàng Bồ tát từ phía dưới quả đất vọt lên.
- Trong số này có bốn vị hướng đạo sư.

I - MỞ ĐẦU

- Phẩm An Lạc Hạnh thứ 14, Ngài Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa hỏi Đức Phật là tượng trưng lý trí.

- Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất thứ 15 này, Ngài Bồ tát Di Lạc thưa hỏi là tượng trưng tình cảm.

Mở đầu kinh Pháp Hoa, phẩm Tựa, hai Ngài Bồ tát Văn Thù và Di Lạc gặp nhau, tượng trưng

cả tình cảm lẫn lý trí. Nếu vào đời thiếu một trong hai, hoặc thiếu cả hai yếu tố này thì nhất định không thành công. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh tổng lược tất cả các phương pháp nhập đời (pháp Diệu bông sen nhập bùn). Vì vậy nếu hành giả Pháp Hoa mà thiếu, hoặc chưa luyện đủ hai yếu tố lý trí và tình cảm thì không thể liễu thông và chắc chắn không thể nào trở thành hành giả Pháp Hoa.

Đầu bộ kinh cần phải đủ cả hai yếu tố lý trí và tình cảm, nhưng tình cảm trước (Bồ tát Di Lạc hỏi Bồ tát Văn Thù).

Vào giữa bộ kinh thì lại tách rời tình cảm và lý trí, ở phẩm An Lạc Hạnh áp dụng lý trí trước. Sau đó phẩm Tùng Địa Dũng Xuất mới phối bày tình cảm. Tuy việc này thoảng qua rất đơn giản, nhưng thấm sâu thì đây là một bí pháp quan trọng cho việc nhập đời, chẳng riêng cho hành giả Pháp Hoa, mà là chung cho tất cả mọi người chúng ta nếu ai muốn thành công.

Mười bốn phẩm trước (từ phẩm Tựa đến phẩm An Lạc Hạnh) nghiêng nhiều về ý thức và trí thức, nên danh từ gọi là tích môn. Mười bốn phẩm sau (từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến

phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát) thì nghiêng nhiều về tâm nguyện và đức hạnh, nên tạm gọi là bốn môn. Phần bốn môn mặt giảng luận khó trình bày rõ nét.

Đọc tụng thọ trì phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, hành giả Pháp Hoa nên chú ý những điều then chốt của phẩm kinh, chia từng phần, từng đoạn, từng ý nghĩa để khỏi rối loạn, hầu dễ liễu thông thế nào là thực tướng, có liễu thông mới liễu ngộ những nét bí pháp của kinh, bằng không chỉ đọc suông thì mới góp thêm phần tu phước, hoặc để tiêu khiển, hầu mở thêm kiến thức như đọc sách, chứ không phải đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa.

Tu luyện phẩm kinh này nếu chưa liễu thông thì không tin, mà đã không tin thì làm sao đủ hấp lực để tinh tấn đọc tụng thọ trì. Ví dụ như các Ngài Bồ tát không tên tuổi, từ ngoài quả đất vụt mạnh lên đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, có vị đến một mình, nhưng đa số đều đem theo quyến thuộc, như các vị thượng thủ hàng quyến thuộc tùy tùng đông đến ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng. Chỉ bằng một lần số cát sông Hằng cũng đã khó tưởng tượng nổi, huống gì đông đến **“ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng”**.

Trong giới tu học của chúng ta có người chẳng những không tin, mà còn nghi ngờ nên cũng có người thắc mắc, nếu đông nhiều như vậy thì ngôi ở đâu? Xin thưa! Ngôi cùng chỗ của vị Bồ tát chủ của họ. Chúng ta hãy liên tưởng vào thực tại, hàng triệu người trên mặt kiếng truyền hình xem họ ngôi làm sao? Hơn nữa, số người trên mặt kiếng truyền hình là phạm nhân, còn Bồ tát và quyến thuộc của Bồ tát mà không biết tìm có chỗ ngôi thì sao còn gọi là Bồ tát.

Như đã đề cập từ đầu, nếu ai đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa mà dùng trí phạm nhân để phân tích, suy lường thì chẳng cách nào có thể liễu thông các bí pháp của Pháp Hoa.

Một vấn đề khác rất khó liễu thông: Hàng Bồ tát từ các quốc độ khác đến Pháp Hoa hội Linh Sơn nơi cõi Sa Bà, số đông nhiều tới tám lần số cát sông Hằng. Tất cả đều quy lễ xin Phật sau này được thay Phật đọc, tụng, thọ trì, in chép, phổ thuyết và cúng dường kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà. Thế nhưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại từ chối không ủy thác. Như thế là thế nào? Tại sao có đông vị Bồ tát phát nguyện sau khi Phật diệt độ đã có người thay Phật chịu trách nhiệm việc

khó làm như thế, mà Đức Phật Thích Ca lại không chấp thuận. Xin xem phần giải rõ ở đoạn giảng luận.

Một vấn đề khác cũng ở phẩm này: Tại sao hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, lại không họ, không tên cũng không trú xứ mà là từ đất vụt lên; từ đất là từ đất nào, không lẽ trong lòng đất? Còn nhiều vấn đề sâu xa khó hiểu khác, còn nhiều bí pháp. Những vấn đề khúc mắc ở đây cũng có người giải thích được phần nào, nhưng bí pháp thì đành chịu, bởi vì bí pháp thuộc về mật hạnh, không thể dùng ý thức hoặc kiến thức để phơi bày hoặc thấy rõ được, đòi hỏi hành giả Pháp Hoa phải thực sự tu luyện và nhập đời, cũng như hạt sen phải vào bùn và phải đổi, phải nứt vỏ cứng của hạt sen, phải hút bùn, phải tinh lọc mới nở hoa, mới có hương nhụy, đơm bông kết hạt. Chẳng những một pháp môn sen mà cần phải có phương pháp sống Diệu, hành giả nắm vững hai phương pháp rồi tinh tấn tu luyện phải trải qua thời gian mới liễu thông, nhiều khi thông mà chưa liễu thì cũng khó mà thành tựu Pháp Hoa. Liễu thông, phải liễu ngộ, có liễu ngộ mới là hành giả Pháp Hoa. Khi liễu ngộ Pháp Hoa tự

nhiên hiểu từng bí pháp của Pháp Hoa, còn chưa liễu ngộ thì dù có giảng, có luận, có bàn, hoặc có tư duy đến đâu cũng chỉ hiểu để mà tu luyện chứ không thể liễu ngộ bí pháp. Chưa liễu ngộ thì chưa áp dụng bí pháp cho cuộc sống chính mình và chưa phổ truyền cho nhiều người khác.

Đọc tụng, in sao viết chép và cúng dường là để liễu thông Pháp Hoa, khi liễu thông mới thọ trì để liễu ngộ, có liễu ngộ mới thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa.

II.- NỘI DUNG

◆ Chư Bồ tát từ cõi khác đến

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, chư vị Đại Bồ tát từ các cõi nước phương khác đến, số đông nhiều hơn lượng cát của tám sông Hằng, đồng đứng lên giữa đại chúng làm lễ rồi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Cho phép chúng con sau khi Phật diệt độ, chúng con được tinh tấn đọc tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh này thời chúng con sẽ ở trong cõi này mà phổ thuyết sâu rộng”.

Khi đó Đức Phật dạy các Ngài Đại Bồ tát: “Này các thiện nam tử ! Chẳng phải cần sức nhọc mệt đến quý ông để hộ trì kinh này. Vì sao? Vì cõi Sa Bà đã có hàng Đại Bồ tát, số đông nhiều bằng sáu vạn lần số cát sông Hằng. Mỗi vị Bồ tát lại có quyền thuộc cũng đông nhiều như thế. Sau khi Như Lai diệt độ, số vị này có thể đọc tụng, hộ trì, rộng phổ thuyết kinh Pháp Hoa ở cõi này”.

Giảng luận

Sở dĩ Đức Phật từ chối các vị Bồ tát từ các cõi ở phương xa đến phát nguyện hộ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa nơi cõi này là vì muốn bộ kinh nhập đời, hướng dẫn quy thức cho đời.

* **Bản thân:** Không thể thay toàn thể các bộ phận của thân thể.

* **Gia đình và gia tộc:** Không thể thay toàn thể cháu con người khác làm việc, còn cháu con mình thì ngồi chơi.

* **Quốc gia dân tộc:** Khi các vị lãnh đạo ngành giáo dục hay vị quốc chủ qua đời, rồi nước này lại chấp nhận toàn hệ nhân sự của nước khác đến thay để giáo dục con em của nước này, hoặc

lãnh đạo đất nước này. Chi tiết các mặt khác, kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự ... cũng vậy! Khi cần học cái hay của người thì mình cho con em hoặc cán bộ du học, hoặc là mời chuyên viên, chứ không rước cố vấn, nếu rước cố vấn là ươm mầm mất nước. Lịch sử từ ngàn xưa đã chứng minh điều này, hầu hết các quốc gia bị mất chủ quyền cũng đều khởi từ chỗ rước viện binh và cố vấn về giúp nước mình. Giúp xong họ sẵn cỗ ngon ngồi lại ăn luôn, thỉnh thoảng mới có trường hợp giúp xong hoan hỷ lui về.

Việc phổ truyền kinh Pháp Hoa khác với việc đời, tuy nhiên Đức Phật khéo léo đưa công thức dừng ý lại, đừng nhờ người cõi khác, đây là phương pháp dạy đời. Việc đạo Bồ tát các cõi khác, đến xin phổ thuyết kinh ở cõi này, mà Đức Phật còn chưa chấp thuận, hướng chỉ là việc đời. Học đạo để áp dụng cho đời.

Tổ tiên chúng ta có câu châm ngôn: **Của ruộng đắp bờ**. Dùng đất dưới ruộng, đắp lên bờ, chứ không chở đất chỗ khác về đắp cho bờ ruộng ở đó. Câu châm ngôn ngắn gọn, nhưng kết quả và lưu truyền kinh nghiệm sâu xa thuộc nhiều mặt, thật là sáng suốt tuyệt vời!

Đặt giả thuyết ba vấn đề, nếu Đức Phật chấp thuận chư Bồ tát cõi khác đến cõi này thuyết kinh, vậy thì vấn đề thứ nhất: Đức Phật bỏ chúng sinh các cõi khác đó hay sao? Vấn đề thứ hai: Chỉ có cõi khác mới có Bồ tát thuyết kinh, còn cõi này không có Bồ tát hay sao? Chẳng những có mà có nhiều gấp bội phần. Số lượng các cõi khác đến chỉ có số đông bằng tám lần số cát sông Hằng, còn cõi này số đông nhiều đến sáu vạn lần cát sông Hằng, còn quyến thuộc tùy tùng thì đông nhiều không thể tính đếm! Vấn đề thứ ba hàng hậu học sẽ ý lại rằng có Bồ tát cõi quốc độ khác, hoặc cõi mình thì không có Bồ tát! Cho nên họ không tin chính họ có hạt giống Bồ tát, mà chẳng cầu tu thành Bồ tát.

Đa phần giới hiểu kỳ thường có xu hướng vọng ngoại, không tự tin chính mình đã đành, mà lại không tin những gì siêu tuyệt của Tổ quốc mình, dân tộc mình, loài người mình, chẳng những không tin mà còn chê. Đủ mọi khía cạnh từ văn hóa, xã hội, kể cả hàng hóa, cũng tìm mua hàng nước khác, dù rằng nước khác có nhiều phương diện thua mình xa một trời một vực.

Một câu chuyện mới đây, trong buổi gặp mặt, có người hỏi một vị thức giả: Ngài đi Hàn

quốc mới về có gì kể chúng tôi nghe với. Vị thứ giả thuật tóm lược chuyển đi và khen đáo, khen để, nhất là phương diện điện ảnh. Vị ấy nói Việt Nam mình còn kém xa, biết bao giờ theo kịp. Từ đầu chúng tôi không tham gia, nhưng đến đây chúng tôi mới mở lời: “Việt Nam có nhiều điểm còn thua các nước tiên tiến trên thế giới, nhưng cũng có rất nhiều điểm thế giới phải đến Việt Nam mà học. Riêng về điện ảnh thì chưa chắc nước nào đóng phim xã hội hay bằng Việt Nam. Nhiều phim lắm, điển hình như phim **“Cánh đồng hoang”**, hỏi có nước nào đóng hơn, dù chúng tôi không theo dõi toàn cốt chuyện phim, chỉ xem đứt đoạn, nhưng cũng đủ để nhận xét và công nhận là xuất sắc.

Đức Phật đã dạy chúng ta nơi kinh Pháp Hoa rất rõ ràng: “Ở đâu cũng có Phật, ở đâu cũng có Bồ tát, ở đâu cũng có ma, có quỷ! Ai ai, loài nào cũng có quyền sẽ thành Bồ tát, sẽ thành Phật”.

Trong quỷ đói có thánh hiền

Trong em có Phật, trong tiên có phàm

Trích Thi phẩm Từng giọt Ma Ni

Và châm ngôn Tổ tiên Việt Nam đã dạy người Việt Nam:

**Ở đâu cũng có anh hùng
Ở đâu cũng có người khùng người điên**

Vậy hành giả Pháp Hoa, nhất là ai đã nhận mình là Việt Nam, là con người thì chớ nên bảo thủ và cũng chớ nên vọng ngoại, nhất là đừng vợ đũa cả nắm. Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi.

Ý nghĩa đoạn kinh này còn nhiều thâm sâu, rất mong những ai đã tự nhận mình là hành giả Pháp Hoa, nên lắng sâu để tận hưởng được từng giọt ngọt vô giá của kinh.

◆ Bồ tát từ phía dưới quả đất vọt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn

Chính văn

Lúc Đức Phật thuyết lời vừa dứt thì cõi Sa Bà khắp ba ngàn đại thiên quốc độ, đất đều chấn động, mà trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị Đại Bồ tát đồng lúc vọt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Các vị đều thân sắc vàng và đủ ba mươi hai tướng tốt, cùng vô lượng ánh sáng từ trước nay đều ở nơi cõi Sa Bà quốc độ trụ giữa hư không. Chư vị Bồ tát này nghe âm thanh thuyết pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nên từ phương

dưới mà đến. Mỗi vị đem theo quyển thuộc bằng sáu vạn lần cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo năm vạn quyển thuộc, hoặc đông nhiều bằng bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn lần số cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo quyển thuộc bằng một lần số cát sông Hằng, hoặc nửa, hoặc một phần trăm số cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo một phần ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng. Huống là đem theo một phần ngàn vạn, trăm vạn, một vạn của số cát. Huống là đem theo một nghìn, một trăm, nhân đến mười quyển thuộc. Huống là đem theo năm, bốn, ba, hai, một người đệ tử. Huống là những vị vì ưa hạnh viễn ly nên chỉ một mình.

Số Bồ tát này và quyển thuộc đông nhiều vô lượng, vô biên dường ấy thì làm sao tính đếm hoặc thí dụ để biết hết được.

Giảng luận

Số Bồ tát không tên, không hiệu, không trú xứ, mặc dù biết là vẫn ở cõi Sa Bà, nhưng từ quốc độ nào mà đến lại từ dưới đất vọt lên? Dưới là ở đâu, không lẽ từ trong lòng đất vọt lên, trong

lòng đất thì chỉ có đất và nước, còn đào sâu khỏi lớp vỏ quả đất thì chỉ có lửa chứ làm gì có nơi để Bồ tát trú ngụ mà từ đất vọt lên. Trong chính văn kinh phần Việt văn có chỗ đề chữ mặt đất nứt Bồ tát vọt lên. Chữ “**nứt**” này e khiến cho hàng sơ cơ hiểu lầm, hiểu phản khoa học, biến mình thành mê tín dị đoan. Từ dưới, chữ dưới ở đây là ở phía dưới ngoài quả đất, nơi một hành tinh khác, vì cõi Sa Bà có nhiều quốc độ chứ không phải chỉ riêng một hành tinh quả đất. Từ phía dưới quả đất vọt lên thì dễ hiểu, hơn là từ đất vọt lên. Thêm ba chữ từ “**phía dưới quả**” đất thì sai bản Hoa văn, nhưng hành giả dễ hiểu, còn khư khư nệ chấp rằng Hoa văn mấy chữ thì Việt văn cũng mấy chữ thì chỉ làm thêm tối nghĩa, hơn là đọc chính Hoa văn; bởi vì Hoa văn nhiều khi quá tóm lược, như trường hợp câu “**Vô sinh pháp nhẫn**”. Câu này chỉ có bốn chữ, nếu Việt văn cũng bốn chữ thì chỉ khiến cho lớp trẻ Việt Nam bị thu hẹp về mặt kiến thức mà thôi! Vì sao? Vì chữ “**pháp**” trong câu bốn chữ này không thể dịch là phương pháp hay là bất cứ chữ nào khác, mà phải dịch đến bảy chữ “**trí đắc chẳng sinh diệt hết nhẫn**”. Nghĩa là khi tu luyện trí đã

chứng đắc các pháp chẳng hề sinh diệt thì còn gì để nhận.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và quyền thuộc của các Ngài đông nhiều vô số như thế, đông đến độ gấp trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần (na do tha) số cát sông Hằng thì ai mà tính đếm được số lượng và như thế thì hiện nay số đông này ở đâu mà không thấy hộ trì kinh Pháp Hoa? Xin thưa! Hộ trì kinh Pháp Hoa rộng khắp cõi Sa Bà, chứ đâu phải chỉ ở phạm vi chật hẹp nơi hành tinh quả đất cho nên chúng ta không thể nào thấy được.

Còn số đông nhiều là số đông nhiều dưới mắt của chư Phật, chư Bồ tát, Duyên Giác, chư hiền Thánh Tăng, nếu thêm nữa là hàng chư Thiên chứ đâu phải số đông nhiều để tầm nhìn của những cặp mắt phàm nhân nhận biết, lại càng không phải chỗ suy lường của hàng sơ cơ học Phật.

Còn phần Bồ tát tại sao không tên, chưa hiệu, xem giảng luận phần thượng hạnh, phẩm này.

Chính văn

3- Chư vị Bồ tát này, từ phía dưới quả đất vọt mạnh lên, tất cả đồng đến trước tháp quý bảy báu, chỗ Đức Đa Bửu Như Lai và Đức Phật Thích Ca đang an tọa mà thực hành đầy đủ nghi lễ và cúng dường hai Đức Phật. Đồng lúc ấy hàng Bồ tát này đến chỗ các Đức Phật phân thân, đang an tọa nơi tòa sư tử dưới cội cây báu mà lễ lạy. Tất cả kính hành nơi pháp hội vòng theo chiều phía phải ba lần, lại cung kính chấp tay sử dụng đúng pháp tán dương Bồ tát mà tán thán chư Phật, xong đều đứng về một bên, hoan hỷ chiêm ngưỡng hai Đức Thế Tôn.

Thời gian chư vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất sử dụng phương thức Bồ tát mà tán thán chư Phật là năm mươi tiểu kiếp. Thời gian này, Đức Phật Thích Ca cùng hàng tứ chúng cũng đều yên lặng, nhờ thần lực của Phật mà đại chúng chỉ thấy nhanh như nửa ngày.

Bấy giờ hàng tứ chúng cũng nhờ thần lực của Phật thấy các Bồ tát đông nhiều vô lượng ngàn vạn ức cõi nước khắp hư không.

Giảng luận

Ngày nay khoa học phát minh giúp loài người mở rộng kiến thức, đồng thời cũng giúp cho giới tu hành kinh Pháp Hoa phá vỡ được nghi tình, để sớm trở thành vị hành giả.

Đa phần người tu kinh Pháp Hoa, đọc tụng kinh Pháp Hoa, gặp chỗ nào khúc mắc thì một là nghi ngờ, hai là phó mặc, phần nhiều phó mặc rằng đây là những lời của Đức Phật muốn ẩn ý gì đây? Lại có người nói rằng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là từ trong đất vọt mạnh lên. Đất đây ý nói là tâm địa của chúng sinh, hoặc có chỗ phó mặc cho trôi nổi theo gió mây, có chỗ thì bảo Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là nói về lý! Xin thưa! Đức Phật không hề tách đôi có sự tướng và lý tánh riêng biệt, trái lại tánh tướng đồng một thực tướng. Vậy thì phẩm kinh này không phải chỉ riêng cho phần lý tánh, cũng không phải đất ở đây là tâm địa chúng sinh. Dù ngày nay tàu vũ trụ chở người thám hiểm không gian, nhưng mới thám hiểm được một số hành tinh và chở một số ít người từ quả đất nhưng chưa đủ điều kiện để giao tế với các hành tinh khác thì làm sao có thể tiếp đón các cõi khác tới đây! Những hiện tượng các hành tinh ngoài quả đất còn đòi hỏi nhiều

khám phá của giới khoa học, rất mong giới đạo học cũng tự mở khai tuệ trí, chứng minh cụ thể sự tương về Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, hầu góp phần làm sáng tỏ những bí ẩn mà giới khoa học đang suy tìm. Giữa khoa học và đạo học hợp tác nhau khai mở những bí ẩn của vũ trụ thì hạnh phúc biết bao cho nhân loại. Nếu đạo học và khoa học còn tách rời thì loài người càng thiếu thốn những gì quý báu nhất của dòng đời. Không ai tự cho mình là độc quyền khám phá vũ trụ, khai mở tâm linh. Giới khoa học cũng có quyền phát minh về vấn đề khai mở tâm linh, trái lại giới đạo học cũng có quyền khám phá về phương diện vật chất của vũ trụ quan và nhân sinh quan. Ngày ấy còn xa, nhưng nhất định phải đến. Trước mắt nên đưa pháp môn “**cảm ứng đạo giao nan tư nghì**” trở thành một nền văn minh đạo đời nhập cuộc thực tế. Chưa mở được Viện đại học hướng dẫn sinh viên ròng chuyên về phương pháp cảm ứng giữa người và người, giữa hành tinh này với hành tinh khác, giữa thiên hà này với thiên hà khác, giữa cõi này với cõi khác, nhất là giữa tất cả các cõi và trùng trùng pháp giới mênh mông đồng chung một niềm cảm ứng. Đạo học ngày nay đã mở rộng được thêm gì để hài hòa với bên ngoài các hành tinh, các thiên hà và

trùng trùng pháp giới bao la, còn bên trong đã tự quán chiếu, tự sáng soi được gì để thấy rõ chính cái tiểu ta cùng đại ta lẫn chơn ta là một, là cảm ứng liễu thông nhau? Ai cũng tự mãn, ai cũng tự cho là tôi như thế này, tôi như thế khác, đời tôi là thế đó, đời tôi là như thế kia! Chưa đập nát vụn cái tôi để hòa nhập vào cái chúng tôi vào với tạm gọi là tập thể “xã hội” thì làm gì hòa nhập cùng với đại ta (đại đồng), tức là với loài người? Đại ta chưa nhập thì làm sao hòa nhập chơn ta, tức là với muôn loài vạn vật, khắp các cõi và trùng trùng pháp giới bao la.

Đem cái muông ăn canh, hòng múc cho cạn khô nước biển! Đem cái trí cởn con để tính toán suy lường cái không gian trùng trùng pháp giới bao la! Vậy thì than ôi! Sao có thể nói mình là hành giả Pháp Hoa! Hành giả Pháp Hoa sao không liễu thông được Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất? Sao chẳng hiểu gì về thời gian năm mươi tiểu kiếp chỉ là nửa ngày thôi! Một tiểu kiếp, mười sáu triệu tám trăm ngàn năm, vậy mà năm mươi tiểu kiếp chỉ cảm thấy nhanh bằng nửa ngày. (Thu ngắn thời gian, xin xem Pháp Hoa giảng luận – tập một).

◆ Bốn vị đạo sư

Chính văn

4- Trong chúng Bồ tát đó có bốn vị đạo sư: Một - Thượng Hạnh. Hai - Vô Biên Hạnh. Ba - Tịnh Hạnh. Bốn - An Lập Hạnh. Bốn vị đều là bậc thượng thủ. Hưởng đạo sư trong chúng đó. Ở trước đại chúng, bốn vị đều chấp tay nhìn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn có được ít bệnh, ít não và an vui luôn chẳng? Những người đáng độ, họ thọ giáo có dễ chẳng? Họ có làm Đức Thế Tôn khởi nhọc mệt chẳng?”

Khi đó bốn vị Đại Bồ tát hưởng đạo sư đồng xướng kệ rằng:

Thế Tôn an lạc
 Ít bệnh ít não ?
 Giáo hóa chúng sanh ?
 Được không nhọc mệt ?
 Lại các chúng sanh
 Thọ hóa dễ chẳng ?
 Chẳng làm Thế Tôn
 Sanh nhọc mệt ư ?

Giảng luận

Đoạn trước hành giả Pháp Hoa phân vân tại sao hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất đông nhiều như thế mà đại chúng chẳng hề quen biết, bởi vì các Ngài chẳng có tên, cũng chẳng có danh hiệu! Xin thưa! Đoạn kinh này đã trả lời rất rõ ràng minh bạch.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là hàng “**Vô danh Bồ tát tuổi tên đầu màng**”. Tại sao? Sở dĩ các Ngài không tuổi tên, không danh hiệu? Vì các Ngài không sống theo nếp bình thường, mà là phi thường. Trong năm điều mà người xuất gia quyết vượt khỏi thì **danh** đứng hàng thứ ba, ngoại trừ các Ngài Đại Bồ tát vì phương tiện độ đời, nên phải tạm mượn giả danh để có danh hiệu, tức là còn nương sự tướng để chỉ tánh. Khi chúng sinh tánh tướng hòa một. Khi tất cả đặc thật tướng thì các Ngài còn nương danh làm gì? Còn đây hàng Bồ tát không trú xứ muốn ẩn để độ cho nên mới là vô danh, vì vô danh vượt qua tướng tánh nên các Ngài nương hạnh để mượn hạnh mà chỉ danh. Hạnh rất nhiều nhưng có bốn chiều hướng **cao sâu rộng mạnh**. Phật là gì là cực cao, cực sâu, cực rộng và cực mạnh, nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài.

Hàng vô danh Bồ tát từ phía dưới quả đất vụt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, bốn vị thượng thủ làm hướng đạo sư. Mỗi Ngài chưa đầy đủ cả bốn hạnh như chư Phật, nhưng mỗi vị chuyên một.

Vị thứ nhất Thượng Hạnh sống theo hạnh cao. Vị thứ hai Vô Biên Hạnh sống theo hạnh rộng. Vị thứ ba Tịnh Hạnh sống theo hạnh sâu thẳm. Vị thứ tư An Lập Hạnh sống theo hạnh hùng mạnh. Vì còn ẩn tu, trong đơn hạnh và trong hạnh Bồ tát vô danh, vô trụ nên mỗi Ngài thượng thủ hướng đạo sư và những vị quyến thuộc sống từng hạnh. Khi nào luyện tu chứng đắc đủ bốn hạnh và liễu ngộ nhỏ không trong, lớn không ngoài lúc đó là lúc các Ngài đắc thành quả vị Phật.

Đã là Bồ tát mà còn ẩn nơi vô danh tánh, vô thể tướng, vô trụ xứ để tu luyện từng hạnh, hướng gì giới hành giả Pháp Hoa! Trong đời hỏi ai có toàn bích, cho nên nơi phẩm An Lạc Hạnh thứ mười lăm dặn người thọ trì phổ truyền kinh Pháp Hoa, chớ nên khen chê kẻ khác.

Mỗi người mỗi hạnh, có ai giống ai, các Ngài Bồ tát còn vậy, hướng chi là phạm nhân, cho nên

ai khen, hoặc chê người khác thì chưa phải là hành giả Pháp Hoa, nếu không tu luyện Pháp Hoa thì cũng chưa xứng đáng là chơn chánh đệ tử Phật.

Chính văn

5- Đức Thế Tôn lúc bấy giờ, từ nơi chúng Đại Bồ tát đáp lời rằng: “Đúng vậy! Đúng vậy! Các thiện nam tử: Như Lai an vui, ít bệnh, ít nã, chúng sanh dễ độ, cũng chẳng hề nhọc mệt.

Vì sao? Vì các chúng sanh này, đã nhiều đời đến nay, họ thường được Như Lai giáo hóa và cũng từng ở nơi chư Phật quá khứ, tôn trọng cung kính trông các căn lành. Các chúng sanh đó mới vừa thấy thân ta, nghe ta thuyết pháp liền đều tin nhận, nhập được trí tuệ của Như Lai, ngoại trừ hạng trước kia tu hạnh Tiểu thừa, những người như thế Như Lai cũng làm cho họ được nghe kinh này, nhập vào huệ Phật.

Giảng luận

Bốn vị thượng thủ đại diện hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, đứng lên vấn an sức khỏe Đức Thế Tôn có ít bệnh, ít não hay không? Đã là Phật thì làm gì còn bệnh còn não, nếu giả như có bệnh thì cũng như bệnh của cư sĩ Duy Ma Cật, khởi từ những chứng bệnh của chúng sinh mà thôi !

Còn việc hỏi thăm Đức Phật, những người đáng độ có dễ độ không? Họ có làm Như Lai sanh mỗi một chẳng ?

Chỗ này chư vị Bồ tát và Đức Phật muốn nhắc khéo các vị Giảng sư, Pháp sư, nhất là hành giả Pháp Hoa.

Câu hỏi của các vị Bồ tát, người đáng độ có dễ độ chẳng? Đức Phật trả lời dễ độ! Câu hỏi tiếp theo, có làm cho Đức Thế Tôn mỗi một chẳng? Đức Phật trả lời chẳng một mỗi.

Những câu hỏi và đáp của chư vị Bồ tát cùng Đức Phật là để nhắc nhở một cách khéo léo cho những ai đang là hành giả cùng chư vị Giảng sư và Pháp sư Pháp Hoa.

Các vị hành giả cùng quý vị Giảng và Pháp sư Pháp Hoa đọc lại câu: “Những người đáng độ có dễ độ chẳng?”. Các vị bắt chước Đức Phật trả

lời: “**Dễ độ**”. Những người ấy họ có làm cho các vị mệt mỗi chăng? Các vị bắt chước Đức Phật trả lời: “**Chẳng mệt mỗi**”.

Sao mà dễ độ, sao mà không mệt mỗi? Các phẩm kinh trước Đức Phật đã nhấn mạnh: “Kinh Pháp Hoa là tạng pháp bí mật nhất của chư Phật suốt ba đời. Đây là phương pháp chỉ dạy cách nhập vào đời để độ đời và cũng là giáo pháp dạy chư Bồ tát thành Phật”. Đời trước, đời này và mãi mãi ngàn sau, hết thấy chư Phật đều y theo đây mà tu luyện để đắc thành quả vị. Vì vậy cho nên cả những lúc Như Lai còn hiện hữu, vẫn còn có nhiều người oán ghét, hủy báng, chống phá kinh này, huống gì sau khi Như Lai diệt độ. Cho nên chư vị Bồ tát và hàng đệ tử của “Ta”, ai phát nguyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì phải mặc áo Như Lai, ở nhà Như Lai và ngồi tòa Như Lai. Áo Như Lai là tình thương rộng lớn (đại từ bi). Nhà Như Lai là sống nhẫn nhục, nhu hòa. Tòa Như Lai là các pháp không. Đời mạt pháp làm sao chư vị Bồ tát, các vị Pháp sư dễ độ, làm sao không mệt mỗi. Nhưng Đức Phật đã trả lời dễ độ, không mệt mỗi, cho nên chẳng những là Bồ tát, mà bất cứ ai

là đệ tử của Ngài cũng nên phát thệ nguyện và cảm nhận rằng lúc nào cũng dễ độ, lúc nào cũng không mệt mỏi.

Bí pháp đoạn kinh này nằm nơi ba chữ “**người đáng độ**”. Nếu hành giả Pháp Hoa liễu thông được ba chữ này thì đúng là “**dễ độ**” và chắc chắn là “**không mệt mỏi**”. Trong kinh có những chữ ẩn mật, tự chúng ta không chú ý: Bồ tát (hoặc người sống theo hạnh Bồ tát, hoặc hành giả Pháp Hoa) nếu vì hàng người “**đáng phổ truyền**” mà phổ truyền Pháp Hoa, nhưng còn thêm bốn chữ “**lòng không mong cầu**”.

Nói rõ hơn phổ truyền Pháp Hoa, tức là hóa độ, như ánh sáng mặt trời đối với muôn loài vạn vật thì làm gì có sự mặt trời mong cầu. Hai chữ mong cầu nơi kinh là một nét bí pháp. Trái với mặt trời thì ánh sáng đèn và đuốc là có dụng ý mong cầu của người chủ hướng nó.

Hành giả Pháp Hoa lưu ý, phổ thuyết Pháp Hoa với ba chữ “**không mong cầu**”, cộng thêm hai chữ những người “**đáng độ**” thì sẽ có đáp số “**dễ độ**” và “**không mệt mỏi**”.

Nói thêm về hai chữ đáng độ. Thuở Đức Phật an trú ở Tịnh xá Kỳ Hoàn, có một bà già ở phía Đông thành phố. Hàng ngày bà vừa thấy bóng xa xa đoàn Tăng lữ và Đức Phật thì bà nằm úp mặt sát xuống đất, khi nào đoàn người đi qua khỏi bà mới ngước dậy, kể cả chuyến trưa về của đoàn cũng vậy. Đức Phật còn tại thế, cũng chỉ độ cho người hữu duyên, còn bà già thành Đông, Đức Phật cũng không cách nào độ được, cho nên mới có câu: “Đức Phật không độ được bà già thành Đông”. Hành giả Pháp Hoa không lẽ chẳng rõ bí pháp này ư!

Ông cha chúng ta có câu: “Mặt trời, mặt trăng tuy sáng không soi được lòng chậu úp”.

Chính văn

Lúc ấy các vị Bồ tát tuyên thuyết thơ kệ:

Hay thay! Hay thay!
 Đại hùng Thế Tôn
 Thảy hàng chúng sanh
 Điều dễ hóa độ
 Thường hỏi chư Phật
 Trí tuệ thâm sâu.

Khi đó Đức Thế Tôn khen ngợi các vị Đại Bồ tát thượng thủ: “Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Các vị có thể đối với Đức Như Lai mà phát tâm tùy hỷ.

Giảng luận

Các vị Bồ tát Tùng Địa Dững Xuất, sau khi vấn an Đức Thế Tôn và được sự hoan hỷ trả lời của Ngài, các vị Bồ tát thượng thủ tuyên xưng thơ kệ để nhấn mạnh về ý nghĩa cao siêu này. Trong đoạn thơ kệ sáu câu, hai mươi bốn chữ, chúng ta đặc biệt chú ý các chữ: “Thủy hàng chúng sanh, đều dễ hóa độ”. Chữ thủy là quan trọng đáng lưu ý. Như vậy thì chữ thủy này mâu thuẫn với hai chữ đáng độ của đoạn trên. Nếu chỉ đọc hai câu rồi chấm dứt thì chữ thủy này mâu thuẫn, nhưng đọc thêm hai câu kết: “Hay hỏi chư Phật, trí tuệ thẩm sâu”. Những chúng sanh hay học hỏi về trí tuệ của chư Phật rất thẩm sâu thì hạng người này là những người đáng độ và dĩ nhiên là hạng người này dễ độ, mà dễ độ thì không mệt mỏi. Chữ thủy nằm ở thể thơ kệ bốn chữ, cho nên tóm gọn để chỉ rõ cho số ít người hay học hỏi chư Phật về chiều sâu của trí tuệ, chứ không phải chữ thủy là toàn thể hết thủy muôn

loài chúng sinh khắp các pháp giới trùng trùng bao la. Nếu tổng kết toàn thể số chúng sinh này khắp trùng trùng pháp giới bao la thì khó độ, còn thấy số người hay học hỏi chư Phật về chiều sâu trí tuệ thì dễ độ. Hai chữ thấy tuy cùng một âm nhưng nằm ở hai dạng khác nhau. Chữ thấy ở câu thơ kệ này là chỉ cho số ít, chỉ cho thành phần hay học hỏi trí tuệ của chư Phật.

**Chư chúng sanh đẳng
Dĩ khá hóa độ
Năng vấn chư Phật
Thậm thâm trí tuệ.**

Còn chữ thấy văn từ thường dùng là chữ hết thấy chỉ cho số nhiều tất cả toàn thể chúng sinh.

III.- TÓM KẾT

Hành giả Pháp Hoa chỉ đọc tụng phẩm kinh Tùng Địa Dũng Xuất này chưa nói đến thọ trì là đã vượt qua một trình độ học Phật khá xa, nhưng mới chỉ phần lý thuyết, khi nào đi vào phần tu luyện, tức là phần thọ trì thì mới liễu thông đáng kể. Như thế nào để biết là mình đang thọ trì? Rất dễ hiểu, khi nào mình cảm nhận được sự mật thiết giữa mình và phẩm kinh, mặc dù phẩm kinh

là của hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất nhưng ai cảm mình liên quan mật thiết với phẩm kinh, tin hiểu và tu luyện theo từng phần của phẩm kinh, để mình cũng sẽ thành Bồ tát như các Ngài Tùng Địa Dũng Xuất.

Ví dụ có một đoàn y tế, dĩ nhiên là có nhiều vị Bác sĩ, họ về làng để khám và phát thuốc, chữa bệnh cho dân làng. Tuy làng có rất nhiều trẻ em, nhưng chỉ có một vài em nói với dân làng: “Sau này cháu lớn cũng làm Bác sĩ, đi khám và biếu thuốc, chữa bệnh cho nhiều người khác”. Còn các em khác thì cảm thấy đoàn Bác sĩ như những vị thiên thần, cách xa các em không liên quan gì, nên chúng chẳng hề mơ ước làm Bác sĩ! Thế rồi qua mấy chục năm, các em bé đã tuyên bố thành Bác sĩ thì hiện thực chính thức là những vị Bác sĩ, còn các em nhìn đoàn Bác sĩ như kẻ xa lạ kia thì vẫn đến xin được chữa bệnh.

Những người đọc tụng phẩm kinh này nghĩ rằng: Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất với mình chẳng hề liên quan gì với nhau, cho nên họ chẳng những đời này, mà nhiều đời nhiều kiếp, cũng vẫn là người đọc tụng kinh Pháp Hoa chứ chẳng thành Bồ tát! Còn trong số hàng giả đọc tụng

này, có người cảm nhận mình và Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất có sự liên quan mật thiết với nhau như người cùng nhà, nhờ vậy mà sau này đắc quả Bồ tát.

Hành giả Pháp Hoa tuy chưa đắc quả Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, nhưng nếu đúng là hành giả thì lúc nào cũng hòa mình trong nếp sống quần chúng, họ sống như cái bóng trong đêm sương lạnh, không danh không tướng, không sống tư lợi vị kỷ cho riêng mình. Họ là những nhà hiền sĩ ẩn sau lớp bụi mờ, là những người vô danh nhưng hữu ích, là những bà mẹ của các bậc hiền triết, hoặc những bà mẹ anh hùng, sống dâng trọn đời mình cho xã hội, cho sự lợi ích chung. Họ là những bậc thiên tài vô danh nhưng hữu đức ... Hiện đời này họ đang gieo nhân để mai sau họ gặt quả Bồ tát. Ý nghĩa phẩm kinh nghĩa bóng là như thế, nên chỉ đọc tụng phẩm kinh này, đừng nghĩ Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và mình là hai thành phần tách rời nhau, được như vậy mới là hành giả Pháp Hoa, mới là người đang tu, đang luyện, đang thọ trì, đang cúng dường và chuẩn bị phổ truyền kinh Pháp Hoa, phổ truyền phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Trên bình diện quốc gia áp dụng bí pháp Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ mất nước. Trên bình diện gia đình áp dụng Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ nhà tan. Trên bình diện cá nhân áp dụng Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ đói nghèo, dốt nát.

Nguyên tắc của Tùng Địa Dũng Xuất là sống bằng hạnh và sống ẩn khắp muôn nơi, khi xuất hiện là lúc đời đang cần thiết. Chư Phật đầy đủ bốn hạnh rộng mạnh cao sâu, còn Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất chỉ chuyên luyện rèn từng hạnh.

Dòng đời lúc nào cũng có hai, nhưng hai trong cái một. Nên đạo vì nhập đời nên mới phương tiện có hai vô danh và hữu danh Bồ tát. Hàng vô danh Bồ tát, tức là Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, còn hàng hữu danh Bồ tát là hàng Thập Địa Bồ tát có tướng có danh. Cả hữu lẫn vô tuy khác nhưng chỉ là một mà thôi !

Hữu danh độ chúng sinh trong nhiều hình thức, vô danh độ người lặng lẽ nhưng tiềm ẩn khắp mọi nơi. Chẳng những riêng đạo mà chính pháp sống của đời cũng phải hiện hữu cả hai. Số anh hùng vô danh chẳng tên chẳng tuổi họ sống theo câu phương châm làm ơn chẳng mong trả, gá

nghĩa chẳng trông đền, họ đến họ đi lúc nào chẳng ai hay biết, họ đóng góp trọn cuộc đời họ cũng chẳng đợi ghi công. Nhưng khác với hàng vô danh thì đời cũng cần hữu tướng, có bổng lộc, có danh vị dưới trên. Nói tóm lại, đời cũng như đạo tuy tạm phân thành hai thành phần nhưng đồng một nghĩa cử như nhau. Nếu có khác đi chẳng là tâm nhận thức và có chịu thực hành đúng quy pháp hay không?

Phẩm Tụng Địa Dũng Xuất vì nhiều chi tiết nên phải phân hai bài để người đọc, tụng, thọ trì, thuyết giải dễ nhớ hầu dễ thực thi.

Xin xem tiếp bài 25.

Nguyện cầu chư vị Bồ tát Tụng Địa Dũng Xuất, bốn vị Thượng Thủ thường xuyên và hiện hữu cùng khắp khắp mọi nơi, như sự phân công truyền trao phú chúc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và cũng là lời phát thệ nguyện của quý Ngài. Kinh Pháp Hoa nhờ công đức của hàng Bồ tát vô danh mà kinh Pháp Hoa ngày càng phổ biến sâu rộng khắp mọi nơi, mọi chốn.

Lạy Phật từ bi gia hộ cho tất cả chúng sinh đồng thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh,
Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha
Tát, tác đại chứng minh.

Phật là tĩnh lặng

Pháp là an vui

Tăng là hòa hợp

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

25

Đạo Tràn Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN - Bài số 25

PHẨM TÙNG ĐỊA DỨNG XUẤT - Thứ mười lăm

Tiếp theo

- Bồ tát Di Lặc bạch Phật.
- Đức Phật trả lời Bồ tát Di Lặc.
- Bồ tát Di Lặc và đại chúng vẫn còn nghi vấn.

I - MỞ ĐẦU

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất chia hai bài học.
Bài đầu gồm ba nét chính:

* Chư Bồ tát từ các cõi đến xin thay Phật sau này phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

* Đức Phật không chấp thuận thì liền lúc ấy có chư vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất.

* Trong số Bồ tát vô danh này có bốn vị Thượng Thủ đại diện.

Phần tiếp theo bài này cũng ba nét chính:

* Nét thứ nhất: Bồ tát Di Lặc trình bạch lên Đức Phật.

* Nét thứ hai: Đức Phật trả lời.

* Nét thứ ba: Bồ tát Di Lặc và đại chúng bạch những nghi vấn.

**

Đến Bồ tát Di Lạc và đại chúng nơi Đạo tràng thuở đó mà vẫn còn nghi vấn, vậy ngày nay chúng ta thì sao? Chúng ta phải hóa giải nghi vấn, bởi vì chúng ta là hành giả Pháp Hoa. Không giải được nghi vấn thì không tin, mà không tin thì không thể nào tu luyện được. Phần hóa giải nghi vấn nơi phẩm này, một phần phải chờ ở phẩm sau. Tuy chúng ta chờ phẩm sau, nhưng phẩm này cũng phải chú tâm hóa giải những gì mình có thể hóa giải được. Muốn đọc, tụng, thọ trì, thuyết giải thì phải tự hóa giải những nghi vấn, mà muốn giải mọi nghi vấn thì không thể giao cho ý hoặc cho trí, lại cũng không căn cứ nơi lý hoặc nơi sự, lại càng không nên lấy số đông người, hoặc nhiều đời đã truyền tụng để giải nghi những việc mà hàng Đại Bồ tát đứng lên đặt nghi vấn trước Đức Phật. Các Ngài đặt nghi vấn là các Ngài diễn bày những chỗ khó để mở lối cho chúng ta thôi, chứ không phải các Ngài không liễu ngộ!

Phẩm Tụng Địa Dũng Xuất dẫn dắt hành giả Pháp Hoa **rời sự tư duy phàm tục, rời sự quán tưởng của Thiền quán** để nhập về với thực tướng của các pháp vốn nó là tướng không.

Muốn đạt đến chiều rộng bao la, chiều sâu thăm thẳm của phẩm kinh thì hành giả Pháp Hoa chỉ tạm mượn lời kinh, chứ không thể y theo lời kinh, đồng thời việc quan trọng nhất của hành giả khi tu phẩm kinh này là cần ở điểm tự sáng nội tâm, khi nội tâm bừng sáng thì cũng chớ nên bo bo chấp giữ cái điểm sáng chật hẹp ấy làm chi! Bởi vì trong điểm sáng nội tâm ấy, nó chẳng phải chơn tâm vắng lặng. Mục đích của hành giả Pháp Hoa là liễu ngộ chơn tâm. Chơn tâm thì lớn không ngoài, mà nhỏ cũng không trong. Khi nhập chơn tâm, hành giả mới hiểu tại sao chư Bồ tát từ các cõi khác đến xin sau này thay Phật phổ truyền kinh Pháp Hoa, vậy mà Đức Phật lại không chấp thuận! Đến lúc đó hành giả Pháp Hoa phải bằng mọi cách để liễu thông về Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất. Hàng Bồ tát này, không phải từ các cõi khác đến như hàng Bồ tát trước đây, mà là vẫn ở tại cõi Ta Bà này và tại sao Đức Phật lại giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho hàng Bồ tát vô danh này? Khi liễu thông được hai vấn đề, lại tiếp tục xem mình là ai và hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là ai? Giữa các Ngài và mình cả hai thành phần có liên quan gì không?

Đọc tụng lướt qua thì câu chuyện nơi phẩm kinh quá đơn giản, như chuyện khoa học giả tưởng. Nhưng không, đây là sự thật, hoàn toàn thật, cho nên nếu hành giả Pháp Hoa nào rơi tởm được giữa lòng chiều sâu thăm thẳm của phẩm kinh thì đây là người mới có thể làm mắt thấy, làm tai nghe được những gì trọng đại để báo hiệu cho dòng đời đang sống giữa sự sống trong đục, hầu giúp đời biết cách gạn đục, mà hưởng trong.

Điểm tối ư quan trọng của phẩm kinh là hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất từ phía dưới quả đất chỉ vọt lên khi Đức Phật còn tại thế, hay mãi đến bây giờ cũng còn trùng trùng lớp lớp từ phía dưới quả đất vọt lên?

Tư tưởng hành giả Pháp Hoa phải trải rộng xa ra ngoài quả đất thì mới thấy phẩm kinh có liên quan với cuộc đời, hay chỉ dành riêng cho Phật giáo mà thôi!

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất thì một là không nằm trong phương pháp suy tưởng để liễu ngộ, vì phẩm kinh này trình bày theo lối ngược đời. Nào là số Bồ tát không danh tánh, bốn vị đại diện là bốn Ngài Thượng Thủ, lấy hạnh thay tên. Ngược đời thứ hai là cha trẻ mà con già, cha chỉ ba bốn

mười tuổi, còn con thì bảy tám mười tuổi. Vì vậy cho nên mới xác quyết, muốn liễu ngộ phẩm kinh này thì phải **rời tư duy**, phải **rời thiền quán**. Tu theo đạo Phật là phải tư duy, phải thiền quán mới sáng tỏ được vấn đề, mới liễu thông được những vấn đề ngược đời của phẩm kinh này. Vậy không tư duy, không thiền quán thì tu pháp môn nào? Có chứ! Nếu đắc thiền quán thì mới có trình độ Nhứt niệm. Khi đắc Nhứt niệm thì chỉ cao hơn Chánh niệm, Tam niệm và Nhị niệm mà thôi. Vì vậy đắc thiền quán chứng Nhứt niệm thì mới ở giữa đường, làm sao gọi là đến bảo sở, làm sao đáo bỉ ngạn, làm sao đến đích giác ngộ. Đó là nói những vị chứng đắc Nhứt niệm, chứ những người chưa đắc mà đã tự xưng mình đắc thì lại là vấn đề khác! Vậy thì còn chứng đắc đến thế nào mới cao hơn Nhứt niệm ? Có chứ ! Khi đắc Nhứt niệm, mới tiếp tục tu luyện để chứng đắc “**Vô niệm**” và còn cao hơn nhiều cấp nữa.

Cũng nên chú ý câu đừng tự mãn bo bo cố chấp rằng mình đã soi sáng nội tâm, mà không tiếp tục tinh tấn tu luyện để chứng đắc hơn nữa, bởi vì trên điểm sáng nội tâm lại còn có chơn tâm.

Mười bốn phẩm bốn môn thì phẩm Tùng Địa Dũng Xuất này là phẩm mở đầu cho mười ba phẩm tiếp theo, hành giả Pháp Hoa không buông trôi theo dòng ý thức, hoặc dù có vượt thức sang trí, cũng khó liễu ngộ phần “**bốn môn**”. Càng lên các phẩm cao, lại càng thâm sâu huyền bí.

Kính mong người đọc, người tụng Pháp Hoa liễu thông từng bí pháp của từng mỗi đoạn, mỗi phẩm kinh, hầu sớm chuyển nhập vào thọ trì và phổ thuyết Pháp Hoa kinh. Kinh Pháp Hoa nhập đời, đời quỵện kinh Pháp Hoa. Đời đạo đã là không hai thì còn đâu phân biệt đạo này đạo khác, nước này nước khác, chủ thuyết này chủ thuyết khác, thành phần này thành phần khác, hành tinh này hành tinh khác, bởi vì tất cả các pháp không thấy đều thật tướng, mà thật tướng thì làm gì có hai.

II.- NỘI DUNG

◆ **Bồ tát Di Lạc bạch Phật**

Chính văn

6- Lúc bấy giờ Bồ tát Di Lạc, cùng đại chúng Bồ tát số đông nhiều hơn tám nghìn lần số cát sông Hằng, tất cả đều nghĩ rằng:

“Chúng ta từ xưa nay chẳng thấy, chẳng nghe hàng Bồ tát nào như thế, họ từ phía dưới quả đất vọt lên, đứng trước Đức Thế Tôn, chấp tay, cúng dường thăm hỏi Như Lai”.

Lúc đó Bồ tát Di Lạc biết tâm niệm của chư Bồ tát, số đông nhiều hơn tám nghìn lần số cát sông Hằng và Ngài cũng muốn tự giải chỗ phân vân của mình, bèn chấp tay hướng về phía Phật thuyết kệ thưa rằng :

Vô lượng nghìn vạn ức
Hàng đại chúng Bồ tát
Xưa nay chưa từng thấy
Xin Thế Tôn giải thích
Họ từ chốn nào đến
Do duyên gì nhóm họp
Thân đủ thần thông lớn
Trí huệ chẳng nghĩ bàn
Chí niệm họ bền chắc
Có sức đại nhẫn nhục
Việc chúng sanh muốn biết
Là từ chốn nào đến
Mỗi mỗi vị Bồ tát
Dem theo hàng quyến thuộc
Số đông không thể lường

Nhiều hơn cát sông Hằng
Hoặc có Đại Bồ tát
Hơn sáu vạn cát sông
Hàng đại chúng như thế
Nhứt tâm cầu Phật đạo
Những đạo sư cũng vậy
Sáu vạn cát sông Hằng
Đều đến cúng dường Phật
Cùng hộ trì kinh này
Đem năm vạn Hằng sa
Số này ít số trên
Bốn vạn và ba vạn
Hai vạn đến một vạn
Một nghìn một trăm thầy
Nhẫn đến một Hằng sa
Nửa phần ba, phần tư
Một phần trong vạn ức
Nhỏ vạn na do tha
Vạn ức các đệ tử
Nhẫn đến chỉ nửa ức
Số vị ít hơn trên
Phần trăm đến phần vạn
Một nghìn hoặc một trăm
Năm mươi cùng mười vị

Nhấn đến ba, hai, một
Một mình không quyền thuộc
Trống vắng thường vui ở
Đều đi đến chỗ Phật
Số này ít hơn trước
Đại chúng nhiều như thế
Nếu người phát thể đếm
Kiếp số nhiều Hằng sa
Còn chẳng thể biết hết
Gặp các bậc oai đức
Chúng Bồ tát tinh tấn
Ai vì đó thuyết pháp
Giáo hóa cho thành tựu
Ai từ đâu phát tâm ?
Xưng dương Phật Pháp nào ?
Thọ trì tu kinh gì ?
Tu Phật đạo thể nào ?
Các Bồ tát như thế ?
Đại trí sức thần thông
Bốn phương đất rung chuyển
Đều từ dưới vạt mạnh
Thế Tôn ! Con từ xưa
Chưa từng thấy như thế
Xin dạy rõ lai lịch

Quốc độ danh hiệu gì ?
 Con thường dạo các nước
 Chưa hề biết chúng này
 Con ở trong chúng đây
 Chẳng hề quen ai hết
 Bỗng nhiên phía đất lên
 Xin thuyết rõ nhân duyên
 Nay nơi đại hội này
 Vô lượng trăm ngàn ức
 Các chúng Bồ tát đây
 Đều muốn biết việc đó
 Hàng chúng Bồ tát kia
 Gốc ngọn nhân duyên nào ?
 Thế Tôn Đức vô lượng
 Cúi mong giải nghi chúng.

Giảng luận

Bồ tát Di Lặc thuận theo tâm niệm của đại chúng nơi Đạo tràng và cũng muốn được giải chỗ phân vân của mình, nên đứng lên hướng nhìn Đức Phật, chấp tay cung kính mà thuyết thơ kệ trình bày lên Đức Phật để được giải nghi.

Qua 78 câu kệ 390 chữ đều cùng chung một ý, đó là hiện tượng chư vị Bồ tát, từ phía dưới quả

đất vụn mảnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, tại quả đất thuộc xứ Ấn Độ, số Bồ tát này và quyến thuộc đông nhiều không thể nào tính đếm được, phải dùng phép lấy số cát sông Hằng để làm thí dụ. Chử na do tha là con số của trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng, như thế dù bậc Thánh cũng không thể tính đếm được số lượng chính xác, chỉ có thể tưởng tượng để biết số đông đến mức độ như thế đó. Số đông nhiều gấp trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng. Tuy quan trọng nhưng chưa quan trọng bằng mở rộng tư tưởng của người đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa. Khi đọc đến chỗ số đông như vậy tư tưởng mình có đông theo hay không ? Nếu theo thì có thể tưởng tượng được chỗ dung chứa hay không ?

Câu chuyện Trung Hoa, Lưu Bang hỏi Hàn Tín: “Như Trăm đây quản lý được bao nhiêu binh”. Hàn Tín trả lời: “Bệ hạ chỉ cai quản được mười vạn quân, nếu nhiều hơn thì hàng ngũ ... sẽ rối loạn!”. Lưu Bang hỏi tiếp: “Vậy nếu như Nguyên soái Hàn Tín thì cai quản được bao nhiêu binh?”. Hàn Tín trả lời: “Càng đông bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu!”. Vì vậy cho nên hồi đó và

mãi mãi ngàn sau giới Quân sư thường có câu:
Điểm binh của tướng công sánh như Hàn Tín.

Khi Hàn Tín nói câu đó thì bá quan văn võ khiếp đảm, vì rằng sợ Lưu Bang ghép tội khi quân cho Hàn Tín. Nhưng Lưu Bang nét mặt vẫn ung dung vui cười hớn hở và hỏi bá quan văn võ trong đó có Hàn Tín: “Điểm binh và cầm binh ra trận Trẫm thua Hàn Tín! Trẫm ổn định nhân dân ở hậu phương và vận lương ra tiền tuyến lại thua Tể tướng Tiêu Hà! Ngồi một chỗ tính toán ngàn dặm xa, bấm mấy đốt ngón tay hiểu rõ việc trăm năm qua, trăm năm hiện tại và cả trăm năm sau thì Trẫm thua Quân sư Trương Lương. Vậy tại sao ba vị đó lại ở dưới trướng của Trẫm và Trẫm thì làm Hoàng đế, tức là ở ngôi vị Quân, còn ba vị vẫn thuộc hàng Thần”. Tất cả đều không có lời đáp. Lời đáp này để dành cho Lưu Bang, chỉ có Lưu Bang và sau này thì lại có hành giả Pháp Hoa kinh, những ai tụng đến đoạn kinh này mà đầu óc không u trệ, không bối rối.

Trong đoạn thơ kệ 78 câu này có một số câu rất dễ gây sự suy diễn sai, như câu:

Nhẫn đến một Hàng sa
Nửa phần ba, phần tư

Một phần trong vạn ức Nhỏ vạn na do tha ...

Số đông trước thì trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần so với số cát sông Hằng, nhưng sau đó lại bắt đầu giảm số ít. Số ít chỉ bằng một lần số cát của sông Hằng. Câu tiếp theo nửa phần ba, phần tư, tức là bằng nửa phần ba lần, nhĩn đến chỉ bằng một phần tư so với số cát sông Hằng.

+ Nhỏ hơn

Một phần trong số vạn ức, tức là đem số cát chia thành vạn ức phần thì số quyển thuộc của vị Bồ tát này chỉ có một phần trong số ngàn vạn lần.

+ Lại ít hơn nữa

Nhỏ vạn na do tha, tức là đem số cát sông Hằng chia ra trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần nhỏ hơn, thì số quyển thuộc của vị Bồ tát chỉ có **một phần** trong số cát đã chia nhỏ.

Nếu không tinh tường, người đọc tụng sẽ rồi nùi không biết đẳng nào mà so sánh.

Lại có vị chỉ đem theo ba, hai, một vị quyển thuộc. Lại có vị chỉ đến có một mình. Đoạn kinh cũng như các câu thơ kệ phía sau đã xác quyết

rằng càng sau con số càng nhỏ. Hành giả lật kinh chữ Việt âm Hoa đọc đi đọc lại càng nhiều lần càng rối như tơ vò, không hiểu so sánh làm sao cho mở được trí, chẳng thể nào hiểu thông số lượng quyền thuộc của hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất.

◆ Hàng Thị giả chư Phật phân thân cũng thắc mắc

Chính văn

7. Khi ấy chư Phật phân thân của Đức Thích Ca Mâu Ni, từ vô lượng nghìn muôn ức cõi nước ở phương khác đang ngồi xếp bằng trên tòa sư tử, nơi các cội cây báu khắp tám phương. Hàng Thị giả của chư Phật này, đều thấy đại chúng Bồ tát ở từ bốn phương tám cõi tam thiên đại thiên đã từ phía dưới quả đất vọt lên, trụ giữa hư không như thế. Hàng thị giả đều đến bạch với chư Phật phân thân của mình rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các đại chúng số đông vô lượng a tăng kỳ Bồ tát đó, từ chốn nào mà đến”

Lúc ấy chư Phật phân thân đều dạy Thị giả: “Chư thiện nam tử ! Hãy chờ giây lát,

hiện tại có vị Đại Bồ tát danh là Di Lặc, Ngài là vị được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thọ ký, tiếp theo đây sẽ thành Phật. Ngài đã hỏi việc này rồi, Đức Phật Thích Ca sẽ giải đáp, quý vị nhân dịp này sẽ được nghe”.

Giảng luận

Không phải chỉ riêng đại chúng và Bồ tát Di Lặc, tại Pháp Hoa hội Linh Sơn, thắc mắc về lai lịch của hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, mà hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng thắc mắc phân vân về hiện tượng của chư Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất.

Điều chúng ta đáng nghiên ngẫm là hàng Thị giả của chư Phật phân thân, chỉ đến nêu thắc mắc với Đức Phật mà mình đang Thị giả. Nghiên ngẫm để rút tỉa những chỗ tế nhị khi hành giả Pháp Hoa vào cuộc sống, mỗi khi gặp đều phân vân nên hỏi ai? Điều này hai đoạn kinh đã nêu rất rõ. Bồ tát Di Lặc thì hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn hàng Thị giả của chư Phật phân thân thì hỏi Đức Phật mà mình đang Thị giả.

Phần căn hiệu của hành giả Pháp Hoa, là các vị đã có ai, ai là vị để khi mình gặp điều phân

vân thì mình trực tiếp hỏi. Đời sống của mỗi con người hỏi có ai không gặp điều thắc mắc. Những lúc ấy nếu không có người đáng dựa nương để mình hỏi điều mình phân vân thì cứ tưởng tượng sự phân vân đó nó ray rứt hành hạ mình đến dường nào? Nhưng chớ gặp ai cũng nêu điều mình phân vân. Đức Bồ tát Di Lặc không nêu thắc mắc với Phật phân thân, hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng không nêu thắc mắc với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một điều tế nhị sâu sắc nhất của đoạn kinh này là chư Phật phân thân dạy hàng Thị giả của mình hãy chờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ giải đáp mọi nghi vấn, bởi vì Đức Bồ tát Di Lặc đã hỏi vấn đề này rồi.

Hành giả Pháp Hoa, nếu hiểu thông đoạn kinh này thì áp dụng vào đời sống hằng ngày không phạm phải điều sai lầm đáng tiếc, về mọi phương diện, quốc gia, tộc họ, bản thân; nhất là việc tộc họ, khi ngày giỗ Tổ con cháu nhiều phái tụ hội về nhà từ đường của tộc họ, người trưởng mỗi gia đình phải đem đoạn kinh này mà áp dụng dạy bảo con cháu của mình, nhất là tự dạy lấy mình, mỗi khi con cháu của phái nào theo nề nếp của phái đó. Con cháu của những vị thứ phái thắc

mắc và hỏi điều gì, không được quyền hỏi vị chánh pháp, tức là vị tộc trưởng; nếu rủi có hỏi thì vị thứ pháp không được trả lời cho con cháu mình, mà phải dặn con cháu mình chờ nghe giải đáp của vị chánh pháp, tức là vị tộc trưởng. Vì điều phân vân đó đã được con cháu của vị tộc trưởng nêu. Trường hợp con cháu vị tộc trưởng không nêu điều thắc mắc, nếu bất tuân quy pháp đoạn kinh này áp dụng vào những ngày tụ hội thì sẽ trở thành một đám người ô tạp, gia phong của họ cũng chẳng vào đâu ! Ngày xưa thể chế phong kiến thì quá độc tài, vua quan trọn nắm quyền sinh sát. Mãi đến đời cải cách quân chủ, nền dân chủ được thiết lập nhiều quốc gia trên thế giới. Nhưng than ôi, họ chưa học hiểu dân chủ mà họ đã học đòi làm dân chủ, chỉ có dân chủ tự giác, chứ không thể nào có dân chủ tự do. Một anh ký giả mà được dân chủ viết bài bôi nhục một vị nguyên thủ quốc gia; một nhóm quân nhân Phật tử bịa đặt thêm bớt nêu nhiều tội xấu của vị lãnh đạo Giáo hội với mưu đồ chính trị dơ bẩn, chứ không phải vì xây dựng. Họ xưng Tăng lữ, nhưng họ chưa đọc đoạn kinh này lần nào nên họ rơi vào vị Thị giả của Phật phân thân, nêu thắc mắc thẳng Đức Phật chính thân, làm cho xã hội đảo

lộn ồn ào, làm cho Giáo hội ly tan phá hòa hợp Tăng; dĩ nhiên nhóm người phá hòa hợp Tăng ấy tự rơi vào địa ngục hiện tiền, mà những kẻ chỉ dạy số người thác loạn cũng không còn chút gì giá trị. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh pháp Diệu, hoa sen nhập bùn, kinh hoa nhập đời, mong giới hành giả Pháp Hoa mở rộng pháp Diệu kinh Sen nhập đời để đời an đạo hiển.

◆ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở lời

Chính văn

8. Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ tát Di Lặc: “Hay thay ! Hay thay ! Nay A Dật Đa, quý vị có thể nên đồng nhất tâm, mặc giáp tinh tấn, giữ ý bền vững. Nay Như Lai cũng cần tuyên bày trí tuệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức mạnh nhanh như kẻ tử của chư Phật, sức oai thế lớn mạnh của chư Phật.

Đức Thế Tôn liền tuyên thuyết thơ kệ phối bày rõ nghĩa trên:

Phải nhứt tâm tinh tấn
 Như Lai nói việc này
 Chớ nên có nghi ngờ

Phật trí chẳng nghĩ bàn
Quý vị gắng sức tin
Trụ giữa nơi thiện nhãn
Pháp từ xưa chưa nghe
Nay sẽ được toại ý
Chúng được ta an ủi
Chớ giữ tâm nghi ngại
Phật chẳng lời hư dối
Trí tuệ Phật không lường
Phật đặc pháp bậc nhất
Thắm sâu khó phân biệt
Như thế nay sắp thuyết
Quý vị chí tâm nghe

Giảng luận

Dòng đời vốn đa nghi, dù nói việc phải cũng vẫn bị đời nghi ngờ. Cũng như Đức Phật đã thuyết về vũ trụ quan mà nhiều kinh đã lưu truyền, rằng quả đất hình bầu dục, thế mà chẳng ai chịu tin, buồn cười nhất là kể cả những khi đạo Phật hiển hưng nhất ở Trung Hoa mà học thuyết của Trung Hoa vẫn tin là trời tròn đất vuông. Mãi hơn hai ngàn năm sau, có nhà khoa học Ga Ghi Lê tuyên bố quả đất hình tròn, chẳng những đời không nghe mà còn giáng tai họa lên đầu ông ta.

Nhưng rồi cái gì chơn thật bất hư, dần dần nhân loại mới tin là quả đất tròn. Nhà khoa học được phục hồi danh dự và nhân loại tán dương nhà khoa học Ga Ghi Lê. Nhưng thực tế nhà khoa học vẫn chưa chính xác. Hiện hữu quả đất hình bầu dục qua ống kính vệ tinh, việc mà trước đây hơn hai ngàn rưỡi năm Đức Phật đã công bố, cho nên mới bảo là dòng đời vốn đa nghi. Loài người không tin những gì mà kiến thức họ chưa liễu tri, chưa đạt tới, như trường hợp đĩa bay là con tàu vũ trụ của các hành tinh khác đến thám hiểm địa cầu, vậy mà loài người vẫn chưa chính thức thừa nhận, bởi vì kiến thức họ vẫn chưa đạt tới. Chẳng như thế mà ai chê họ thì họ giận lắm. Cho nên mới có trường hợp những bậc hiền tài, ẩn sĩ chôn vùi trọn đời mình trong câm lặng. Nhược bằng ai dám hé môi thì bị đời trù dập, nhiều khi bị hãm hại. Đức Phật thuở đó mà dám nói là vì sau lưng Ngài có các vị đại Hoàng đế hậu thuẫn, tuy thế nhưng đời vẫn không tin.

Khi vào Pháp Hoa hội Linh Sơn, Đức Phật thuyết đến phẩm Tùng Địa Dũng Xuất là lúc đã đi vào đoạn đường gay cấn đầy nguy hiểm. Mấy triệu năm sau, đời mới đạt trình độ chứng kiến

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, còn hiện thời thì phẩm kinh này nói chuyện ngược đời, như đĩa bay, con tàu vũ trụ của các hành tinh ngoài quả đất thì đó thuộc về chuyện ngược đời. Thuở Đường Minh Hoàng cho chào đời vũ khúc Du nguyệt điện (dạo chơi cung trăng) thì đời gán cho danh hiệu hoang đường (chuyện không có của đời nhà Đường).

Dù Đức Phật biết sự việc Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất đối với đời là ngược đời, nhưng vì đại đa số đều phân vân, đều thắc mắc, đều muốn biết sự bí ẩn của sự việc hiển hiện trước mắt. Chẳng những đại chúng tại Pháp Hoa hội Linh Sơn mà hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng thắc mắc, cũng phân vân. Cho nên việc chẳng dặng dưng, Đức Phật phải trình bày, nhưng mượn Ngài Bồ tát Di Lạc làm cầu nối. Mặc dù sự việc đầy đủ như thế nhưng khi mở lời trình bày Đức Phật cũng còn phải trải qua nhiều lần rào trước ngăn sau. Cũng ví như nhạc sĩ phải dạo nhạc trước khi cho lời nhạc chính thức hiển đời.

Tuy những dòng thơ kệ, Đức Phật tha thiết: **“Các vị phải tinh tấn. Ta muốn thuyết việc này. Chớ sanh lòng ngờ vực ...”** Suốt đoạn kệ

mười sáu câu, câu nào cũng chơn tình, cũng dặn dò kỹ lưỡng, bởi vì pháp mà Đức Phật sắp phơi bày là pháp bất khả tư nghì. Đời không thể nghĩ, không thể bàn.

Đức Phật nói với đại chúng, trong đó đa phần là Bồ tát, vậy mà còn phải như thế ! Hành giả hoặc Giảng sư, Pháp sư, khi đưa pháp Diệu vào đời sẽ gặp trở ngại khó khăn thế nào ! Vì thế nên muốn nói bất cứ việc gì có tánh cách quan trọng, người phổ truyền nên noi theo Đức Phật. Việc gần và dễ nhất là nên bắt chước nhạc sĩ chơi nhạc.

◆ Cha trẻ mà con già

Chính văn

9- Đức Thế Tôn thuyết thơ kệ vừa dứt, liền tiếp dạy Bồ tát Di Lạc: “Nay Như Lai ở nơi đại chúng tuyên bảo quý vị. Nay A Dật Đa! Các hàng Đại Bồ tát vô lượng, vô số a tăng kỳ, từ phía dưới quả đất vụt mạnh đến đây, từ xưa đại chúng chưa từng thấy. Đây là do Như Lai ở cõi Ta Bà, khi đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì liền giáo

hóa chỉ dẫn cho hàng Bồ tát này, điều phục được tâm họ, khiến họ khởi đạo tâm.

Các hàng Bồ tát đây, ở cõi Ta Bà phía dưới quả đất vụt lên trụ giữa hư không, họ từ nơi các kinh điển đọc tụng thông suốt, tư duy liễu ngộ, nghĩ tưởng chơn chánh. Nay A Dật Đa ! Hàng Bồ tát này không thích nói bàn giữa nơi đông người, thường ưa nơi thanh vắng, tinh tấn tu niệm, chẳng hề gián đoạn. Sự cư trú cũng chẳng nương tựa người và trời. Quán chiếu thâm sâu trí tuệ, chẳng hề gặp chướng ngại, cũng thường vui theo giáo pháp của Phật, chuyên tâm tinh tấn tu cầu đắc huệ vô thượng.

Lúc đó Đức Thế Tôn tuyên thuyết thơ kệ lập lại nghĩa này:

A Dật Đa nên biết
Hàng Đại Bồ tát đây
Từ vô số kiếp nay
Tu luyện trí huệ Phật
Đều do ta hóa độ
Khiến phát tâm đại đạo
Chúng đó là con ta
Y chỉ thế giới này

Thường tu hạnh đầu đà
Chỉ thích trụ nơi vắng
Rời nơi chúng náo nhiệt
Chẳng thích luận bàn nhiều
Hàng Bồ tát thế đó
Học tu giáo pháp ta
Ngày đêm hằng tinh tấn
Chỉ để cầu Phật đạo
Ở phương dưới Ta Bà
Trụ giữa khoảng hư không
Chí lực niệm bền vững
Thường siêng cầu trí huệ
Thuyết hết thủy pháp Diệu
Tâm họ chẳng hãi sợ
Ta ở thành Già Da
Ngồi nơi cõi Bồ đề
Thành bực đẳng Chánh giác
Chuyển pháp luân Vô thượng
Rồi mới giáo hóa họ
Khiến khởi phát đạo tâm
Nay đều trụ bất thối
Đều sẽ đắc thành Phật
Nay ta nói chơn thật
Quý vị định tâm tin

**Ta từ lâu xa lại
Giáo hóa Bồ tát đó.**

Giảng luận

Văn kinh và thơ kệ của đoạn này, Đức Phật giải đáp mọi thắc mắc phân vân của Bồ tát Di Lặc, cùng hàng Thị giả của chư Phật phân thân và đại chúng hiện hữu rằng, số Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là do chính Đức Phật Thích Ca Như Lai giáo hóa họ. Giải thích để gỡ cái phân vân thắc mắc chưa ai hiểu rõ lại còn chồng lên thêm một điều thắc mắc nữa, đó là cha thì còn trẻ, mà con thì quá già. Đức Phật mới thành Phật cách mấy chục năm, còn hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất thì công đức và sự thần thông trải lâu nhiều ngàn kiếp, vậy mà Đức Phật tuyên bố hết thảy hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là do Ngài giáo hóa. Đố ai hiểu được cha trẻ con già. Đúng những điều xảy ra ở phẩm kinh hoàn toàn ngược đời, hỏi có được mấy ai thông hiểu, đến như Bồ tát Di Lặc mà còn phải nêu vấn đề xin Phật giải nghi. Đức Phật chưa giải nghi mà lại còn chồng lên thêm một nghi vấn “Cha trẻ mà con già”.

Phẩm kinh dạy hành giả Pháp Hoa và những ai muốn thành tựu những việc gì nơi dòng đời này thì không nên nghe ngắt khúc nữa chừng, mà phải nghe từ đầu đến cuối, như trường hợp cha trẻ mà con già, mà nếu chỉ nghe đến đây rồi phân vân thì suốt đời ôm nỗi phân vân ấy mà ngậm hờn phải chờ sự tiếp theo. Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 17 thì mới giải được phân vân.

Chẳng riêng hành giả Pháp Hoa, mà ai chỉ đọc hoặc tụng, kể cả chưa biết Pháp Hoa mà nghe thuật lại lý pháp giải nghi của Đức Phật nơi phẩm kinh này, liền đem bí pháp này áp dụng vào cuộc sống hằng ngày bằng cách giải nghi mà chẳng giải nghi lại chồng thêm điều nghi vấn còn khó hiểu gấp trăm ngàn lần thì mình sẽ gặp người cao thượng, bằng không rồi đâu phủ đó, nóng đâu xoa đó thì chỉ lẫn lẩn trong vòng phàm tục biết bao giờ gặp bậc thánh triết.

Người nhà nông gieo giá ba ngày đã có ăn, trồng rau phải ba tuần, trồng bắp - khoai - lúa - củ phải ba tháng, lập vườn cây ăn quả ba năm, lập đồn điền phải hàng chục năm. Muốn giải đáp một đáp số dễ vài phút, nếu khó vài giờ, vài tháng, vài năm. Nếu gặp những điều quá gút mắc

phải trải qua hàng chục năm, trăm năm, ngàn năm. Như quả đất hình bầu dục phải trải qua mấy ngàn năm. Việc Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất phải chờ trình độ tu chứng đến quả vị Bồ tát, có khi cả một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn vạn ức kiếp. Bởi vì giáo thuyết của Đức Phật là không có thời gian cũng chẳng thể phân không gian.

Không gian vô biên - Thời gian vô tận

Chưa liễu ngộ tối thiểu là liễu thông nguyên lý này thì không bao giờ xóa được mọi điều phân vân, vô tình biến mình thành ra mẫu người bất mãn thường trực, thì làm sao trở thành hành giả Pháp Hoa.

Chính văn

10. Lúc bấy giờ Bồ tát Di Lạc, cùng vô số chúng Bồ tát, lòng sinh thắc mắc, đây thật lạ chưa từng có nên thâm niệm rằng: “Đức Thế Tôn làm cách nào, chỉ trong thời gian quá ngắn, mà có thể giáo hóa vô lượng vô biên nhiều a tăng kỳ số Đại Bồ tát đó, làm cho trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Liên đến bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Thế Tôn còn làm thái tử, rời khỏi

cung dòng Thích, ngôi nơi đạo tràng, cách thành Già Da chẳng bao xa, tu đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đó đến nay mới hơn bốn mươi năm, Đức Thế Tôn làm cách nào chỉ trong thời gian ngắn như thế ? Vậy mà đã dựng nên Phật sự to lớn như hàng Đại Bồ tát đây nhờ Phật lực của Thế Tôn, do công giáo hóa của Đức Thế Tôn mà nhất định hàng đại chúng đây sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Thế Tôn ! Giả sử có người trong chúng Đại Bồ tát đây trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp đếm cũng không thể hết, cũng chẳng tìm được ranh giới. Chúng Bồ tát đây từ lâu đến nay, đã từng ở nơi vô lượng vô biên chư Phật, trồng các căn lành, thành tựu đạo Bồ tát, thường tu phạm hạnh.

Thế Tôn ! Việc như thế làm sao đời tin được. Cũng như có người sắc đẹp tóc đen, tuổi hai mươi lăm, nói người trăm tuổi là con của ta. Người trăm tuổi cũng chỉ vị tuổi nhỏ, đó là cha của ta, đã sinh và nuôi ta. Việc ấy khó tin. Chuyện Đức Phật cũng như thế !

Từ lúc thành đạo cho đến nay kỳ thật chưa bao lâu, vậy mà hàng Bồ tát này, đã ở nơi vô lượng nghìn muôn ức kiếp, đã vì Phật đạo nên siêng năng tin tấn, khéo léo xuất nhập an trú, nơi vô lượng nghìn muôn ức tam muội, đắc đại thần thông, tu hạnh thanh tịnh đã lâu, khéo sắp thứ lớp tu tập các pháp lành, giỏi việc vấn đáp, đây là báu quý trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có.

Vậy mà ngày nay Đức Thế Tôn lại nói, lúc đắc Phật đạo mới bắt đầu khiến hàng Bồ tát phát tâm và giáo hóa, chỉ dạy diu dắt, làm cho họ hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu mà lại có thể thực hiện được việc công đức lớn như thế.

Chúng con dù nhất tâm tin Phật, tùy cơ nghi nói pháp, lời Phật nói ra chưa từng sai vọng. Chỗ Phật biết thấy điều thông suốt, nhưng hàng Bồ tát mới phát tâm sau khi Phật diệt độ: Nếu ai nghe lời này, thì chẳng tin nhận, mà thời phá chánh pháp, khởi nhân duyên gây nghiệp tội.

Kính bạch Đức Thế Tôn mong vì hàng đại chúng mà giải quyết phá trừ nghi tội của chúng con, cùng các hàng nam tử về các đời sau này, nghe được lời giải nghi thì chẳng còn nghi ngờ.

Giảng luận

Người tu học pháp môn duy thức, việc trước nhất phải học thuộc và hiểu - và thực hành được câu: “Thấy nghe sờ ngửi nếm, kể cả tư duy để hiểu rõ việc đó rất rành mạch vẫn chưa đúng ! Tại sao ?

+ Thấy vậy mà không phải vậy !

Học thuộc, hiểu thông, hành đúng câu sáu chữ này mới khả dĩ vào trăm cửa sáng của pháp Duy thức. Câu này là cửa thứ nhất. Thông dong qua cửa thứ nhất thì chín mươi chín cửa còn lại xem như dạo vườn xem hoa. Duy thức học gọi là “**Bách pháp minh môn luận**”. Qua khỏi Bách pháp minh môn luận mới vào được nhà duy thức, mới học hiểu trăm bộ luận của Ngài Thế Thân Bồ tát khi hoàn toàn hiểu thông duy thức mới tạm gọi là **Liễu thông sự tướng**. Khi liễu thông sự tướng, cấp tốc phá tan chỗ hiểu thông này thì mới

nhập vào pháp tánh. Khi tánh tướng viên dung, mới liễu thông được các pháp không - đều là thật tướng. Hoặc thật tướng của các pháp là pháp không.

Ngày xưa khi Phật còn tại thế tại Ấn Độ, Đức Phật chế ba tông để chia làm ba thời kỳ tu hành cho tứ chúng.

1. Pháp tướng tông
2. Pháp tánh tông
3. Pháp pháp tông

Vượt ba tông nhập Vô niệm, nhập Bát nhã, nhập Tịnh tịnh từ đó, từ đẳng cấp vô chứng cho đến đẳng cấp thứ mười thành Phật.

Buồn thay bây giờ lại bày đặt cái cách lời dạy của Đức Phật lập đến mười tông và rồi chấp chặt cứng nhắc nơi tông của mình đang tu học. Ví dụ như chấp chặt Tịnh độ chứ không bao giờ chịu chuyển lên Thiền. Cũng có vị chấp cứng nơi Thiền, không chấp nhận các tông khác. Có gì là duy nhất, hết thấy là giả pháp kia mà ! Đắc tướng tánh viên dung, còn phải bỏ để tấn tu lên nữa, nếu không thì làm sao chứng đắc quả vị tối thượng. Tất cả các tông, các cách đều là phương

tiện, mà phương tiện chỉ độ sanh. Hành phương tiện độ sanh, để đạt cứu cánh thành Phật.

Đức Phật thuyết pháp độ sanh suốt nhiều kiếp, nhất là bốn mươi chín năm của kiếp này, thế mà Ngài tuyên bố bốn mươi chín năm Như Lai chẳng nói gì cả ! Còn nói còn năng là còn ở phương tiện, phải bỏ phương tiện mới đạt cứu cánh.

Câu chuyện cha trẻ mà con già của đoạn kinh này tóm gọn bằng sáu chữ: **“Thấy vậy mà không phải vậy !”**.

Chính văn

Lúc đó Bồ tát Di Lạc tuyên thuyết thơ kệ để lập lại nghĩa này :

11- Phật xưa từ dòng Thích
 Xuất gia gần Già Da
 Ngồi nơi cội Bồ Đề
 Đến nay còn chưa xa
 Các hàng Bồ tát này
 Thì đông không thể tính
 Lâu đời tu Phật đạo
 Trụ vào sắc thân thông
 Khéo học đạo Bồ tát

Chẳng nhiệm pháp thế gian
Như bông sen từ bùn
Phía dưới đất vọt lên
Đến trước mặt Thế Tôn
Đều khởi tâm cung kính
Việc này chẳng nghĩ bàn
Thế nào mà tu được
Phật đắc đạo rất gần
Thành tựu kia thì xa
Mong Phật giải lòng nghi
Phân biệt thuyết như thật
Ví như người trẻ mạnh
Tuổi mới hai mươi lăm
Gọi người trăm tuổi già
Tóc bạc và da nhăn
Họ là do ta sinh
Nhóm già tôn trẻ cha
Cha trẻ mà con già
Mọi người chẳng ai tin
Việc Thế Tôn như thế !
Ngài đắc đạo rất gần
Còn chúng Bồ tát đây
Chí vững không khiếp nhược
Từ vô lượng kiếp nay

Ròng tu đạo Bồ tát
Thông nơi gạn hỏi đáp
Tâm cũng đều vô úy
Tâm nhẫn nhục đã thành
Oai nghi đạt tế hạnh
Phật mười phương ngợi khen
Khéo hay phân biệt thuyết
Chẳng thích giữa đông người
Thường ưa tu thiên định
Vì cầu Phật đạo vậy
Phương dưới trụ hư không
Chúng con từng nghe Phật
Nên việc này chẳng nghi
Nguyện Phật vì người sau
Diễn bày khiến hiểu rõ
Nếu người nghe phẩm này
Chẳng tin lòng ngờ vực
Liên bị đọa đường dữ
Mong nay Phật giải thuyết
Vô lượng Bồ tát đây
Thế nào thời gian ngắn
Giao hóa khiến phát tâm
Mà trụ bậc bất thối.

Giảng luận

Cuối đoạn thơ kệ, chấm dứt phẩm kinh, nhưng sự việc chưa chấm dứt. Hành giả Pháp Hoa đọc tụng đến đây tạm xếp kinh lại, mặc dù sức mình tự đọc phẩm tiếp, nhưng ngưng để suy ngẫm tại sao ? Dòng đời vốn vẫn như thế. Có việc chấm dứt rất gọn gàng, có việc phải đợi đời sau. Chư Tổ còn đợi kiếp sau. Liễu thông được chỗ này là bưng tỏ “**Không gian vô biên và thời gian vô tận**”. Đã không còn nhứt thiết bất buộc là phải cho xong trong khoảng thời gian như vậy, vì nó vốn là việc lớn.

Từ khi dựng nước, tộc họ vua Hùng phân nhau trị an đất nước đến 2.622 năm. Từ đó đến nay gần năm ngàn năm, nhưng có đời lãnh đạo nào dám tuyên bố là chính ta đã làm xong việc xây dựng nước; nhất là có nhà lãnh đạo nào dám liều lĩnh tuyên bố việc giữ nước ta đã làm xong.

Không gian thì vô biên, thời gian thì vô tận là thế. Dòng đời không có khởi đầu thì cũng chẳng có chấm dứt. Lớp sau nối trước, lớp lớp trùng trùng, ngàn vạn tỷ kiếp cũng không có cái giây phút sau cùng. Nếu có thì càng về sau càng văn minh tiên tiến, đạo và đời dễ gần gũi bên

nhau, để hòa cùng một là tình người không có không gian.

Việc chưa giải nghi xong, mà Đức Phật đã tạm dứt phẩm kinh, để chờ phẩm tiếp, có phải đây chính là sự dụng ý, để dạy chúng sanh hiện hữu lần mai sau là đừng bao giờ **“Ngủ quên trên thỏa mãn”**. Thường xuyên nhào nặn thì ý thức mới chuyển sang trí. Trí chuyển sang tri. Tri nhập tâm vương. Xóa tâm vương để nhập về chơn tâm vắng lặng. Nếu giải nghi cấp thời thì khiến người nghe sớm thỏa mãn mà khi quen dần với thỏa mãn là ngủ quên trên tảng đá tự đại, tự cao.

Phải có thời gian để hành giả định thiền quán chiếu. Khi chiếu quán nhập **“Chỉ”** thì thiền quán mới thành công, mới bừng khai nứt niệ. Khi đạt nứt niệ rồi, từ từ tinh tấn lên cao, khi ở điểm cao thì tự nhiên thấy lùm rừng cây cỏ, khi đã liễu ngộ do công đức tinh tấn tu luyện thì chẳng còn phân vân, thắc mắc việc cha trẻ con già, hoặc nghi vấn về Bồ tát vô danh. Chính mình sẽ là vô danh Bồ tát và các pháp giới trùng trùng Bồ tát vô danh, chứ đâu chỉ riêng một vài người mà mình thắc mắc. Khi đã tự giải nghi cho mình rồi thì mới rõ lời chỉ dạy của Như Lai.

III.- TÓM KẾT

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất có hai bài. Bài đầu đã có bài tóm kết, bài này chỉ tóm kết nửa bài sau.

Trước nhất hành giả Pháp Hoa và toàn thể những ai có tâm hồn mến ưa **pháp Diệu hoa thơm nhập đời** nên chú tâm vào các điều chính.

Cuộc hỏi đáp của Bồ tát Di Lạc và Đức Phật, trong đó có liên quan đến bản thân mình, gia tộc mình, Tổ quốc mình, nhân loại và muôn loài cùng chung sống với mình.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và đại thể chúng ta, có liên quan gì nhau không ? Hay là đường ai nấy đi, mạnh ai nấy làm. Nếu có liên quan thì chỗ nào mật thiết, chỗ nào chưa mật thiết ?

Đọc hoặc tụng, chưa nói đến thọ trì và phổ truyền, hành giả Pháp Hoa rút ra được những gì quý báu của phẩm kinh, hầu áp dụng trực tiếp vào cuộc sống của chính đời sống của mình hằng ngày.

Dòng đời vốn đa nghi, cho nên mới có nhiều phân vân ngờ vực, chính hành giả Pháp Hoa vẫn

rơi vào tình trạng này. Sau khi đọc tụng nhiều lần đã rút tĩa được những gì nơi phẩm kinh và đã làm với đi phần nào nổi phân vân ngờ vực vốn nó đã ấp ủ trong lòng mình từ lâu. Nếu chưa đạt phần dễ chịu nhờ bớt ngờ vực thì xin mời tiếp tục đọc tụng nhiều lần nữa. Nếu với bớt phần nào thì tự mình xin trân trọng mời mình chuyển sang thời kỳ thọ trì để chuẩn bị cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

Thế gian có câu “Một nghi mười ngờ, một ngờ mười tội”. Vậy cho nên chỉ có một điều nghi mà phải chịu chướng nghiệp một trăm tội. Muốn giảm nghi trước nhất là phải tưởng pháp không tướng.

Ngoài những điểm đáng chú tâm vừa nêu trên, hành già Pháp Hoa và những ai ưa mến pháp Diệu hương sen nhập đời cũng cần phải thấm sâu một số điều cần thiết.

- * Những người đáng độ
- * Dễ độ
- * Không mỗi mệ

Cả ba liên quan nhau. Nếu những người không đáng độ mà mình mong cầu quyết độ thì

không thể nào dễ độ, lại không thể nào không một mỗi.

Một vấn đề khác: Khi hành giả Pháp Hoa và những ai ưa mến pháp Diệu hương sen nhập đời thì cần phải thông hiểu khoa học, phải mở rộng tầm nhìn, mở rộng quán tưởng ra khỏi địa cầu, ra khỏi thiên hà và nhập vào trùng trùng pháp giới bao la thì mới quay về đạo học để hiểu thông Bồ tát vô danh Tùng Địa Dũng Xuất an trụ nơi nào. Điểm khó nhất là số lượng, là chẳng nhắc đến tuổi tên, mà lại nhấn mạnh đến bốn hạnh. Bốn Ngài Thượng Thủ làm đạo sư cho hàng vô danh Bồ tát, chỉ đưa bốn hạnh vào đời hòa nhập muôn loài lẫn vạn vật cỏ cây.

Từ xưa giới tu học Phật chỉ học về Đức Phật Thích Ca qua mặt lịch sử, chứ chưa hề học hiểu Đức Phật Thích Ca về mặt tôn giáo, đọc phẩm kinh này để hiểu thông và vệt lớp màn để thâm nhập, để liễu thông Đức Phật Thích Ca thuộc về mặt tôn giáo. Tôn giáo phi thời gian, lẫn phi không gian.

Bài học còn nhiều nét đáng tóm kết, nhưng chúng tôi dành lại người đọc, người tụng, người

thọ trì sẽ tiếp tục tóm kết còn nhiều nét tinh vi hơn.

Hành giả Pháp Hoa lẫn trời người quý thân, và phi nhơn, kể cả tam đồ ai liễu ngộ, hoặc liễu thông một nét nơi phẩm kinh này là bắt đầu bước đến cổng Pháp Hoa.

Kinh Pháp Hoa từ đây không còn riêng của đạo Phật mà nó là gia bảo của muôn loài vì pháp Diệu hương sen nhập đời, nên đời cùng chung hưởng hương sen pháp Diệu.

Lạy mười phương chư Phật, Đức Phật Thích Ca, cùng chư Phật phân thân cùng tất cả hai giới Bồ tát hiển danh và vô danh hộ trì cho kinh Pháp Hoa ngày một được phổ truyền sâu rộng, chẳng riêng cõi Sa bà mà khắp thấy trùng trùng pháp giới bao la.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Vô danh Bồ tát

★ Trích Thi phẩm “Từng giọt Ma Ni”

Rừng không tên

*Biển không tên
Ngũ trược ác thế
Sao rằng có tên.*

*Người không tên
Đất không tên
Nhập hạnh Bồ tát
Đợi gì có tên.*

*Chẳng họ tên
Lên từ đất
Dũng xuất trùng trùng
Rừng gọi biển thưa.*

*Biển vẫn thưa
Rừng đang gọi
Lớp lớp hàng hàng
Bồ tát không tên.*

Chẳng họ tên
Nên hữu hạnh
Gió lộng mây ngàn
Rộng mạnh cao sâu.

Sâu tịnh hạnh
Rộng vô biên
An lập lời nguyên
Cao siêu thượng hạnh.

Ý nhập cảnh
Tâm an nhiên
Tỏa tỏa hương thiền
Viên viên tuệ trí.

Thơ trắng hỷ
Nhạc suối reo
Tinh tú quy về
Liên Hoa Diệu Pháp.

Liên Hoa ngát
Diệu pháp mầu
Ai chuyển Pháp Hoa
Vô danh Bồ tát.

*Rồng mây bạc
Hạc non tùng
Nước lửa ngân rung
Viên dung bửu tháp.*

*Gió trời nhạc
Mây hòa thơ
Trời đất lặng lẽ
Trăng sao Diệu Pháp.*

*Tình man mác
Nghĩa bao la
Cha trẻ con già
Vô danh Bồ tát ♦*

Con ơi !

- Hãy xem thứ vật thể nào không hề có màu sắc.
- Hãy nghe những âm điệu nào không hề có âm thanh.

Kinh Đại thừa
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Giảng luận

26

Đạo Tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM

Kinh Đại thừa

DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG LUẬN - Bài số 26

PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG - Thứ mười sáu

- Ba lần tuyên xưng sự thọ mạng dài lâu của Như Lai.
- Sự tối ư cần thiết để mở đầu cho những bí pháp.
- Bí pháp cha trẻ mà con già.
- Đức Phật phương tiện như người thầy thuốc.
- Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại toàn phẩm kinh.

I - MỞ ĐẦU

Những phân vân của Bồ tát Di Lạc và đại chúng ở phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến phẩm này mới được giải thích. Trước khi vào phần giải thích, Đức Phật phải ba lần lập lại câu: “Quý vị

phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai”. Xin hỏi từ xưa đến nay, các cuộc diễn thuyết, đã có diễn giả nào mở đầu mà đã ân cần **lập đi lập lại** đến ba lần một câu như thế hay không?

Xin thưa là không! Vậy mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại sử dụng cách diễn thuyết khác đời, đó là **lập đi lập lại** một câu đến ba lần. Chưa hết, việc này mới khó hơn, đó là đại chúng cũng ba lần cần cầu thưa thỉnh. Vì vậy nên giới thính giả, nhất là những ai chưa từng đọc kinh, nay bỗng nhiên gặp phải nên hơi ngạc nhiên, có người còn nói kinh Phật có chỗ quá lắm cấm, như chỗ này chẳng hạn. Thực ra chúng ta lắm cấm chứ không phải kinh lắm cấm, nếu lắm cấm thì sao kinh Phật tồn tại trên quả đất hơn hai mươi lăm thế kỷ và hiện tại đang phát triển nhanh hơn máy bay phản lực. Vậy xin những ai đã vội ước đoán hãy chịu khó đọc hết phần mở đầu về giảng luận phẩm kinh này, sau sẽ thấy chính mình lắm cấm chứ không phải kinh lắm cấm.

Lập đi lập lại ba lần:

Phàm sự sống của con người, kể cả các bậc thánh, cũng phải có ba phần tiếp thu:

Thân + miệng + ý

Thân gồm có mắt - tai - mũi. Miệng gồm có miệng và lưỡi. Ý gồm có ý và mặc na. Siêu ý gồm có A lại da và vô thức. Người đời nhiều thất bại chua cay hơn là thành tựu ngọt ngon, tất cả đều khởi từ nguyên do, tức là từ phát xuất, lần tiếp thu chưa đúng phương pháp. Thế nào là đúng phương pháp? Thân thể gồm nhiều bộ phận, quan trọng trong số đó có 84 ngàn lỗ chân lông là phát thu năng lượng và âm thanh nhiều nhất, rồi mới đến mắt, tai và mũi, ba giác quan này tuy là bộ phận hệ thuộc của thân, nhưng vẫn có từng ngành chi tiết trực thuộc luôn tức trực phát và thu sắc tướng, âm thanh và mùi vị. Cả ba hợp thành phân hành phát thu, chạm xúc sắc tướng, âm thanh và mùi vị. Cơ quan thứ hai là miệng, cơ quan này gồm môi, miệng, nóc vòm, lưỡi. Cơ quan miệng đóng vai trò quan trọng hơn ba bộ phận kia, cho nên công nó đứng đầu, mà tội nó cũng lãnh đủ. Thân ba, miệng bốn, ý ba. Miệng chẳng những nói mà lại còn nếm, cho nên sự thu phát của miệng nếu đúng thì lợi lớn, nếu sai thì hại to. Cơ quan thứ ba gồm cả ý, mặc na và A lại da. Mặc na định nghĩa là ý + ý. Hai ý gồm lại là mặc na.

Ý thứ nhất ban ngày hoặc lúc thức mặc na phụ tá cho ý, để ghi nhận tất cả những gì ý phát tải hoặc thân nhập. Nhưng lúc ngủ là lúc ý vắng mặt nơi thân thể con người, chỉ còn một mình mặc na ở lại để làm tròn hai nhiệm vụ: giữ gìn thân thể và chuyển mọi dữ kiện của ý về bộ nhớ, danh từ Phật giáo gọi nó là A lại da. Khi con người tôi luyện loại bỏ những gì không đáng nhớ và còn tồn kho những gì xét cần phải nhớ, lúc bấy giờ chuyển sang cơ quan siêu ý, đó là vô thức.

Ba cơ quan thân, miệng và ý mỗi mỗi đều có một sứ mệnh riêng biệt, nhưng ý là thủ trưởng, còn thân và miệng chỉ là phụ tá. Tuy nhiên khi thu hoặc phát chúng lại có quyền hành riêng của nó. Vì vậy cho nên nếu nói một lần thì chỉ mới có một cơ quan thu nhận, nếu việc tối ư quan trọng, hoặc những việc thuộc về bí pháp thì cần phải đủ ba lần tuyên xướng. Cũng không nhất thiết là bí pháp hay là việc quan trọng, mà sự sống đời thường hằng ngày nếu ai chịu áp dụng bí pháp ba lần thì nhất định sẽ ít gặp thất bại.

Đạo Phật khởi việc gì đều niệm một danh hiệu Phật ba lần, nhưng khi kết cũng lại niệm Phật ba lần, có người nói như vậy là thừa, có nơi

niệm bốn câu hồi hướng, nhưng niệm chỉ có một lần (Nguyện đem công đức này ...).

Tại Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm - Phú Nhuận, lúc bắt đầu cũng niệm Phật ba lần như các nơi khác, nhưng khi kết thúc lại cũng xưng niệm ba lần câu:

Con nguyện mến thương muôn loài.

Thời gian trải qua suốt mười năm, chiều Chủ nhật nào cũng giữ niệm ba lần kết thúc buổi Phật pháp, nhờ vậy mà Đạo tràng đứng nề nếp, nhẹ nhàng, thanh thoát, lặng yên. Những năm hai cuộc kháng chiến mù khói lửa đạn bom, đứng ra những điều các nhà lãnh đạo truyền đi dân chúng sẽ quên hết, nhưng mà họ nhớ rất rõ, chẳng những nhớ mà họ còn truyền lại cho người khác không thiếu một mảy may, đó là nơi những cuộc mittinh mỗi khi hoan hô hoặc đả đảo tất cả đều hô ba lần. Những buổi họp kết thúc vẫn bằng ba lần hô to “**Nhất trí**”.

Lập lại ba lần thoáng qua thì thấy dư thừa, nhưng càng chiêm nghiệm càng thấy là hữu lý. Chẳng những chu đáo mà còn tế nhị, chẳng những rực sáng vấn đề mà là văn minh, chẳng những lợi mình mà còn ích đời.

Qua phân tích đại cương về công thức ba lần tuyên xướng, nếu hành giả Pháp Hoa và bất cứ ai muốn thành tựu mọi sự việc nên hay không nên tồn giữ nguyên tắc truyền thông một vấn đề phải đủ ba lần. Kể cả một việc nhỏ nhất như sai con cháu đi mua chai nước tương, cũng phải đủ ba lần, nếu không nó sẽ mua chai nước mắm.

Vậy phẩm kinh Như Lai Thọ Lượng là bí pháp quá ư là huyền nhiệm, không thể dùng trí mà suy lường, cho nên khi mở đầu phẩm kinh Đức Phật phải giữ đúng nguyên tắc về nhân sinh quan và vũ trụ quan mà tuyên xướng đủ ba lần; chẳng những tuyên xướng đưa ra ba lần, mà lại còn phải đợi đủ ba lần trở về, đó là ba lần cần cầu của Bồ tát Di Lạc và đại chúng muốn được nghe.

Chuyện Lưu Bị vua nhà Thục phải ba lần đi thỉnh Khổng Minh. Đời nhà Đường, Tiết Đình San phải ba lần cầu thỉnh Phàn Lê Huê. Về chuyện đám cưới cũng phải đủ ba lần lễ dạm, lễ hỏi và cuối cùng mới đến lễ cưới. Nếu có giảm là chỉ giảm lễ nạp tài, ghép lễ hỏi và nạp tài làm một.

Người Á Đông áp dụng công việc lập đi lập lại ba lần không phải ảnh hưởng đạo Phật, mà hình như đây là định lý nên trùng hợp như thế. Cho nên việc kinh Pháp Hoa ghi lời Đức Phật lập lại ba lần không có gì khúc mắc cả.

Một nét đặc biệt của phẩm kinh này là nguyên lý toán học, cân đo đong đếm cho hậu thế, nhất là giúp các nhà toán học chiếc chìa khóa để nhập vào phương pháp tính toán đo lường, chẳng những đo lường bằng sáu giác quan mà còn cần sự tưởng tượng **của trí** và **của tuệ**.

Thêm một điểm đặc biệt của phẩm kinh này mà chúng ta không thể nào bỏ qua đó là phương pháp dẫn dụ. Nhiều khi trình bày rất linh động, sâu sắc, dí dỏm và mạch lạc, nhưng thiếu dẫn dụ thì rất khó hấp dẫn để lôi cuốn người nghe. Nhưng dẫn dụ thế nào? Bí pháp dẫn dụ nơi phẩm kinh này chẳng những là khuôn vàng thước ngọc cho hành giả Pháp Hoa, mà lại còn cho các giới thầy cô giáo, các bậc làm cha mẹ, làm nhà lãnh đạo, nhà mô phạm nơi dòng đời.

Kể câu chuyện cha trẻ con già để dẫn dụ người nghe dễ tin hiểu rằng Đức Phật Thích Ca đã thành Phật, đã giáo hóa chúng sinh cách nay

vô lượng triệu tỷ kiếp, từ thuở quá khứ xa xăm nơi cõi Sa Bà, chứ không phải mới thành Phật đời này kiếp này tại xứ Ấn Độ. Đây là một mẫu chuyện dẫn dụ giúp người nghe dễ liên tưởng, dễ hiểu, dễ tin khỏi cần phải động não để suy luận.

Đọc qua bài giảng luận này, chắc chắn sẽ làm bung vỡ sự chật hẹp của hai hạng người:

* Hạng người thứ nhất: khư khư bảo thủ kinh Pháp Hoa là bộ kinh cao quý nhất, chỉ để dành cho Bồ tát tu thành Phật, còn chúng sinh chẳng được bén mảng đến kinh Pháp Hoa, nếu có thì chỉ đọc tụng, hoặc cúng dường để cầu phước mà thôi!

Đồng ý kinh này là phương pháp dạy cho Bồ tát thành Phật, nhưng lại còn một nguyên lý hệ trọng nữa, đó là pháp Diệu nhập đời để dạy chúng sinh thành Bồ tát chứ!

Chương trình của Bộ Giáo dục không chỉ để dành dạy cho sinh viên thành Bác sĩ, Kỹ sư, Tiến sĩ, Giáo sư, mà cũng còn để dạy cho người chưa biết chữ được biết chữ chứ!

Cũng vậy, nếu kinh này không dạy chúng sinh thành Bồ tát thì làm sao có Bồ tát để thành

Phật? Từ đâu có sinh viên để thành Giáo sư, Tiến sĩ?

* Hạng người thứ hai: khư khư ôm giữ bộ kinh Pháp Hoa, chấp từng lời từng chữ, chẳng thông chẳng thoáng, nhất là không chịu áp dụng phương pháp Diệu của kinh này vào đời sống của mình và mọi người trong xã hội, lẫn muôn loài vạn vật đều sống đúng pháp Diệu của kinh.

Hạng nào cũng chỉ phiến diện: hạng thứ nhất như những người cuồng tín cố chấp nơi sách viết về điện và nghĩ là quyển sách này sẽ tỏa ánh sáng và sách này là phép huyền bí của Kỹ sư điện. Hạng thứ hai như người ăn mía nhai nuốt cả bã mía nên bị trầy cổ mà chẳng cảm thấy ngọt ngon. Hành giả Pháp Hoa tu luyện pháp Diệu chẳng như hai hạng trên và chớ như hai hạng dưới. Hạng thứ nhất nhìn trăng không nường ngón tay. Hạng thứ hai chỉ chăm chăm nhìn nơi ngón tay. Cả hai đều chẳng thấy được ánh sáng của trăng.

II.- NỘI DUNG

Ba lần tuyên xưng sự thọ mạng dài lâu của Như Lai

Chính văn

1- Lúc bấy giờ Đức Phật bảo chư vị Bồ tát cùng đại chúng: “Này các thiện nam tử! Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”. Lại bảo đại chúng: “Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”.

Lại còn bảo đại chúng: “Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”.

Lúc đó Bồ tát Di Lặc, vị đứng hàng đầu chư đại Bồ tát, liền chắp tay bạch Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Cúi mong Thế Tôn thuyết cho, chúng con nguyện tin nhận lời Phật”. Ba lần cầu thỉnh liên tục chẳng dứt: “Cúi mong Đức Phật thuyết cho chúng con nguyện tin nhận lời Phật”.

2- Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy hàng Bồ tát, đã ba lần cầu thỉnh hỏi liên tục, nên mới bảo rằng: “Quý vị lắng nghe! Sức bí mật thần thông của Như Lai, mà tất cả trong đời, từ trời thần người đều cho rằng Đức Phật Thích Ca, rời cung họ Thích, đến thành Già da, chẳng được bao lâu, ngồi tu nơi đạo tràng, đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Nhưng, này chư thiện nam tử! Sự thật là ta đã thành Phật từ thuở đó đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp. Ví như năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi tam thiên đại thiên thế giới có người đem ra nghiền nhỏ thành từng hạt bụi, rồi đi qua phương Đông, cách năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi nước, làm rơi nơi đó một hạt bụi; rồi đi qua phía Đông cũng làm như thế, làm đến khi nào hết cả số hạt bụi này. Chư thiện nam tử! Ý quý vị nghĩ sao? Số cõi thế giới này có thể so tính suy nghĩ, đo lường, tính đếm được chăng?

Bồ tát Di Lạc và hết thầy hàng Bồ tát đáp rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Số thế giới đó quá nhiều đến số vô lượng vô biên như thế, nên chúng con chẳng thể nào suy nghĩ hiểu biết được số này. Chúng con đã trụ đến bậc bất thối, nhưng việc này chẳng thể nào thông đạt nổi!

Thế Tôn! Các thế giới như thế nhiều vô lượng vô biên”.

Giảng luận

Ý nghĩa hai đoạn kinh này đã trình bày khái quát ở phần mở đầu. Đoạn một, sự quan trọng của ba lần, đoạn thứ hai là phương pháp đo lường. Hai bí pháp này không chỉ dành riêng cho hành giả Pháp Hoa mà là chung cho tất cả, nhất là giới thức giả.

A. Bí pháp ba lần

❶ Lần thứ nhất khai mở năm giác quan.

❷ Lần thứ hai cho đầy ý thức và mạng na.

❸ Lần thứ ba là cung ứng dữ kiện cho A lại da và vô thức.

Lưu ý hai đoạn kinh này Đức Phật dạy cho hàng Bồ tát, nếu vị Bồ tát nào muốn tu luyện thành Phật thì phải nhận bí pháp ba lần khai mở. Chẳng những ba lần khai mở, mà còn phải trải qua ba lần cần cầu thưa thỉnh muốn nghe. Muốn nghe là nghe cả năm giác quan, cả ý, mạng na, A lại da và kể cả vô thức.

Ngoài nhu cầu thành Phật thì bất cứ một vấn đề nào cũng vậy. Vấn đề tròn tánh người giảm tánh thú, vấn đề đạt thành công giảm thất bại ... cũng cần phải trải qua ba lần. Vì vậy nên kinh Pháp Hoa mới có nhân duyên với chúng sinh, chứ

không phải chỉ dành riêng cho hàng Bồ tát, dù hai đoạn kinh này Đức Phật chỉ dạy riêng cho hàng Bồ tát bí pháp thứ nhất, còn bí pháp thứ hai thì Ngài Đại Bồ tát Di Lặc đứng ra làm nhịp cầu giữa Phật và Bồ tát đều nhấn mạnh ba lần cần cầu thưa thỉnh muốn nghe. Nói đến đây chúng tôi liên tưởng hồi còn tuổi học trò, bữa nào gặp vị thầy giáo khi sắp vào giờ học ông hỏi ba lần và học trò đáp: “Vâng chúng con chú ý nghe”. Thoáng qua thì thấy việc làm này dư thừa, thế mà đến giờ vị thầy giáo này, học trò dễ mở trí nhớ, còn các vị khác bước vào giờ học là đổ chữ ra liên tục, học trò chúng tôi đứa nào cũng muốn điên cái đầu, sau buổi học về nhà không nuốt nổi cơm. Đến bây giờ chúng tôi mới hiểu câu “giáo dục nhồi sọ” là thế nào! Một nền giáo dục mà toàn những vị thầy cô giáo chuyên đổ chữ vào đầu học trò thì kết quả đất nước đó, chế độ đó sẽ thu nhặt một đám người từ chương, một thế hệ chỉ biết ngoan ngoãn vâng theo như những gã nô tỳ. Từ nguyên nhân là đào tạo một thế hệ nô tỳ thì kết quả đất nước đó chuẩn bị bàn giao cho nước khác.

Chúng sinh nói chung, loài người nói riêng xem thường kinh Phật, có nhiều vị trí thức lên án là trù tượng. Tiếc thay trên châu thất bảo mà đem tặng cho một em bé đang đói bụng thì chẳng những không ích lợi gì, em ấy chẳng cảm ơn mà còn giận ghét.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là kinh **pháp Diệu bông Sen**. Hai chữ Liên Hoa là ẩn nghĩa nhập đời. Dòng đời tạp loạn như ao bùn, bông sen tinh khiết, chẳng những có sắc đẹp, mà lại còn nhiều hương thơm và biết bao điều lợi ích khác. Bông sen đến với ao bùn, chẳng hề làm hao tổn gì, trái lại còn làm tăng vẻ cao quý ích lợi cho ao bùn. Bông sen đến với ao bùn không hề bị nhiễm dơ bởi ao bùn và cũng chẳng hề làm cho ao bùn bị nhiễm dơ. Vì thế cho nên từ người đến vật, kể cả thần linh chẳng hề có một ai giận ghét bông sen, thấp hèn nhất là loài ong bướm thuộc loại chuyên đi hút mật của tất cả các loài hoa, vậy mà chúng đối với bông sen vẫn một lòng cung kính, chẳng hề dám đến gần, chứ đừng bảo là hút mật. Pháp Diệu nhập đời, làm thơm cho đời, làm ích cho đời, góp cho dòng đời những bí pháp sống tuyệt vời. Vậy thì tại sao người đời lại có những người

chê bai, hủy báng, hãm hại người phổ truyền kinh Sen, kẻ ấy há thua loài ong bướm ư!

Nước Nhật Bản có một thời hãm hại, giam nhốt Pháp sư Nhật Liên là vị Pháp chủ kinh Sen và còn chặt hàng trăm, hàng ngàn cái đầu của giới tăng lữ đang phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Hậu quả dẫn nước Nhật trở thành nước phát xít, đem quân xâm chiếm toàn cầu, tàn hại dân Đại Hàn tuyệt giống. Việt Nam là nạn nhân cả hai triệu người miền Bắc chết đói, miền Nam thì nam nữ thanh niên có nhiều người tự tử vì không vải may quần để làm lễ tân hôn. Nói chung chỗ nào, nước nào gót giày phát xít giẫm lên thì cỏ không thể mọc chứ đừng bảo là con người. Nhưng con voi hung thì cũng gặp anh nài dữ. Nhật bị phạt hai quả bom nguyên tử của Mỹ, hàng triệu người bị chết chỉ trong một giờ. Ôi thảm khốc quá, rùng rợn quá!

Trong lúc nổi niềm đau thương phủ trùm lên xứ hoa anh đào thì một hôm vị Hoàng đế của Nhật, Ngài Minh Trị Thiên Hoàng đi công du, bỗng chứng kiến cảnh một chiếc đầu của nhà sư đang phổ truyền kinh Pháp Hoa lăn lông lốc trên đại lộ. Nhà vua hỏi mới biết là trong nước của

ông, đã hàng ngàn, hàng ngàn chiếc đầu nhà sư đang phổ truyền kinh Pháp Hoa bị rơi như thế. Vị Hoàng đế anh minh này cấp tốc ban chiếu chỉ phóng thích vị Pháp chủ, Ngài Hòa thượng Nhật Liên Pháp sư ra khỏi tù, bảo vệ kinh Pháp Hoa và người phổ truyền. Hiến pháp Nhật lấy kinh Pháp Hoa làm cốt lõi. Nước Nhật chẳng những qua cơn đại nạn, mà vươn lên như phi thuyền, đưa nền văn minh lẫn kinh tế Nhật lên hàng thứ ba của thế giới và người Nhật xem nhân loại như anh em một nhà. Nếu loài người, nhất là giới trí thức, chịu khó quay nhìn kinh nghiệm đưa kinh pháp Diệu vào đời của Nhật thì chắc chắn không còn ai đàn áp hủy báng, kinh Pháp Hoa và không còn cảnh hãm hại người phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Bí pháp đoạn một phẩm kinh này, nếu được hành giả Pháp Hoa triệt để tin tưởng và áp dụng vào từng nếp sống cho mình hằng ngày, đồng thời phổ truyền sự kết quả ích lợi cho nhiều người khác thì đời gặp biết bao vinh hạnh.

B- Bí pháp đo lường

Phương pháp cân đo đong đếm thường được áp dụng bằng mắt tai mũi lưỡi và thân, bởi vì cân

đo đong đếm thuộc về phép đo lường, mà đo lường thì thuộc về sự tướng. Sự tướng đo lường thời gian lẫn không gian, nhưng thời gian triệu tỷ kiếp trở lại thì có thể tính đếm trình bày, còn nếu thời gian lâu xa hơn trăm ngàn vạn ức tỷ kiếp thì làm sao tính đếm được, cho nên khi gặp trường hợp này Đức Phật phải dùng tỷ dụ và chuyển đưa sự đo lường sang ý chứ không còn nằm ở nơi năm giác quan nữa. Đến thời kỳ ý, mạc na và A lại da phải đo lường. Đức Phật đem câu chuyện dẫn dụ, Ngài nêu lên con số gấp năm trăm ngàn vạn triệu tỷ cõi tam thiên thế giới, rồi bước thứ hai là nghiền nát số cõi này thành hạt bụi. Đến đây óc thông minh của loài người không thể nào tính đếm được bao nhiêu hạt bụi. Máy móc khoa học có tinh vi bao nhiêu cũng đành chịu. Hàng Bồ tát cũng không thể dùng tâm trí để tính đếm được. Vậy mà phép suy lường cũng chưa chấm dứt nơi đây. Qua đoạn ba, Đức Phật đem tất cả số bụi đã có, cứ qua một quốc độ chấm làm dấu một hạt bụi, vậy thì bao nhiêu thế giới? Đến đây Bồ tát cũng ngẩn ngơ chứ đừng bảo là máy móc của khoa học. Nhưng chưa, số đo lường còn tăng lên nữa, đem các nước dù có chấm hạt bụi trần hay là chấm sót. Tổng số cõi nước này rồi xay nhỏ một

lần nữa, lúc bấy giờ mới tính tổng số. Số hạt bụi trần của các thế giới đã được nghiền nhỏ ra làm đơn vị tính toán.

Bắt đầu phép tính:

Cứ tính một hạt bụi là một kiếp. Từ khi Đức Phật Thích Ca đắc quả đến nay, số kiếp nhiều hơn số trăm ngàn vạn tỷ lần lâu xa như thế!

Việc này chúng ta phải chia thành hai cách: tính đếm không gian và tính đếm thời gian.

① **Tính đếm không gian:** Dem năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ cõi thế giới nghiền nát thành bụi trần, rồi đi mỗi thế giới chấm một hạt bụi để làm dấu. Có bao nhiêu thế giới, bao nhiêu cõi nước được chấm bụi, lấy số đó làm tổng số không gian.

② **Tính đếm thời gian:** Dem tổng số cõi thế giới đã được làm dấu mà nghiền nát thành từng hạt bụi trần, rồi tính đếm tổng số được bao nhiêu hạt bụi trần là được bấy nhiêu kiếp của Đức Thích Ca đã thành Phật.

Phân đo lường tính đếm chia nhiều trình độ. Trình độ thấp thì chỉ nằm ở cộng trừ nhân chia. Lên cao thì phân số, lập trình, giải mã, vi tính.

Các phần này thuộc của phàm nhân. Hàng thánh A La Hán và Bồ tát lại còn siêu hơn. Vậy mà đến phẩm kinh này Đức Phật nói với hàng Bồ tát. Hàng Bồ tát không hiểu nên Đức Phật mới lập dụ để trình bày số kiếp thành Phật của Ngài lâu xa như thế. Lập dụ như thế chẳng những cho Bồ tát mà chúng sinh cũng có thể suy diễn để mà hiểu đại cương sự thọ lượng của Đức Thích Ca Như Lai dài lâu như thế. Còn việc từ cung vua Tịnh Phạn xứ Ấn Độ, Thái tử Tất Đạt Đa thành Phật Thích Ca Mâu Ni trong kiếp này chẳng qua là thị hiện mà thôi. Ai hiểu được thọ lượng của Đức Phật Thích Ca dài lâu như thế thì mới mở rộng được tâm kiến thức, mới thâm nhập được kinh Pháp Hoa.

Nơi kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa - Giảng luận tập 1 trang 41 chúng tôi có đề cập đến việc chia mười cho ba. Em bé học trò lớp ba chỉ gặp làm ba miếng giấy mười phân là xong, còn vị Giáo sư Tiến sĩ toán không thể chia đều mười cho ba. Đó là phần đầu bộ kinh vẫn còn ở phần tích môn, nói về mặt sự tương thực nghiệm nên vị giáo sư toán không thể dùng phép tính chia để chia đều cho ba. Hôm nay đến phẩm kinh

thứ mười sáu, đã đi vào phần bốn môn, nên chúng tôi đề cập thêm vấn đề này. Cũng như chúng tôi vừa trình bày phép đo lường chia nhiều trình độ. Khi còn ở phần sự tướng chia tờ giấy mười phân cho ba phần đều nhau thì vị giáo sư toán không thể dùng phép tính chia để chia cho đều, bởi vì chia bao nhiêu lần, xuống số nhỏ bao nhiêu cũng còn lẻ một. Trường hợp này không thể sử dụng phép cộng trừ nhân chia và vị giáo sư toán không cần vào công việc này. Còn việc đo lường phân chia lên nhiều trình độ cao hơn thì sẽ dễ dàng thôi, nếu không chia được thì làm sao các nhà giáo sư toán học đo lường phân được không gian và chia được thời gian để phi thuyền mẹ lắp ráp với phi thuyền con. Nhà toán học làm được việc đáng làm, còn việc phân chia tờ giấy mười phân thành ba phần đều nhau bằng phép tính thì nhà toán học không chia được, hay nói rõ hơn là không được phép chia, bởi vì đây là việc của trẻ nhỏ.

Việc thọ mạng của Đức Thích Ca Như Lai dài lâu vô lượng như thế không thể đem nói với những ai chưa đủ trình độ. Vì vậy nên khi Đức Phật còn tại thế, Ngài chỉ dạy cho Bồ tát Di Lặc

và chúng Đại Bồ tát mà thôi, còn những ai khác muốn nghe thì nghe, không nghe thì thôi, nhưng nghe với tính cách dự thính.

Có mở rộng được không gian, có phơi bày rõ thời gian lâu xa như thế và ai là người tin nhận thông hiểu liễu ngộ thì kẻ đó chứng đắc, mà khi đã liễu ngộ chứng đắc đến trình độ này thì không giành công việc chia tở giấy mười phân làm ba phần, việc ấy để cho giới sơ cơ làm. Giáo sư dùng phân số, lập trình, vi tính để chia, chứ không còn dùng phép cộng trừ nhân chia của Tiểu học!

Chính văn

4- Chư thiện nam tử! Kinh điển của Đức Như Lai tuyên thuyết, cũng chỉ độ thoát chúng sinh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ thân mình, hoặc chỉ thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người, các lời nói thảy đều chơn thật, chẳng hề hư dối.

Vì sao? Vì Như Lai thấy biết tướng của tam giới đúng như thật, nghĩa là chẳng hề có sanh tử, cũng chẳng thối, cũng chẳng xuất,

cũng chẳng tồn tại mãi ở đời, mà cũng chẳng hề có diệt độ, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng dị, chẳng phải ba cõi, mà thấy là ba cõi. Các việc vốn là như thế, Như Lai thấy rõ, chẳng hề lầm lẫn.

Chỉ tại chúng sinh có đủ các món tánh, món dục, món hạnh, món nhớ tưởng phân biệt, nhưng Như Lai muốn làm cho chúng sinh trông sâu các căn lành, nên mới đem bao nhiêu nhân duyên thí dụ, ngôn ngữ thuyết giải đủ cách mà làm các Phật sự chưa hề dừng nghỉ. Như thế thì rất dễ hiểu, từ khi ta là Thích Ca Như Lai thành Phật đến nay, tuổi thọ dài lâu vô lượng a tăng kỳ kiếp, trường tồn chẳng hề nhập diệt.

Này các thiện nam tử! Từ xa xưa khi Như Lai còn tu hạnh Bồ tát, sự cảm thành thọ mạng đến nay vẫn chưa dứt. Thời gian còn dài lâu gấp bội số đã nêu trên, như nay chẳng phải diệt độ, nay sở dĩ tuyên bố sẽ diệt độ, đó là Như Lai dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh.

Vì sao? Vì nếu chúng sinh biết Phật thọ mạng dài lâu thì những người đức mỏng thiếu

căn lành, bản hàn ty tiện, đắm say ngũ dục sẽ sa vào lưới nhớ tưởng vọng kiến, mà họ thấy Như Lai thường còn chẳng mất sẽ khởi tâm buông lung, nhắc trễ, chẳng khởi ý cung kính và khao khát gặp Như Lai, nên Như Lai mới dùng phương tiện bảo rằng: “Các vị Tỷ kheo nên biết chư Phật vào đời rất khó gặp”.

Vì sao? Vì những người đức mỏng trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp, hoặc có người được gặp Phật, hoặc có người chẳng gặp là bởi lý do này, nên Như Lai mới nói rằng: “Tỷ kheo Đức Như Lai khó có thể gặp được”.

Các chúng sinh đó nghe như thế nên mới khởi ý tưởng khó được gặp Phật, nhờ vậy mới khởi tâm luyện mộ khát ngưỡng sự gặp Phật, nên mới gieo nhân lành, vì vậy nên dù chẳng diệt độ Như Lai vẫn tuyên bố diệt độ.

Lại thiện nam tử! Phương pháp của chư Phật chứng đắc như thế, vì hóa độ chúng sinh nên hết thảy mọi phương tiện đều là chơn thật, chẳng mảy may hư dối.

Giảng luận

Muốn giải chỗ cha trẻ mà con già và giải cả đoạn kinh này thì phải hiểu rất rõ phẩm kinh trước, phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, kể cả phẩm Hiện Bửu tháp. Tự nhiên có một tháp báu xuất hiện tại Pháp Hoa hội Linh Sơn và với điều kiện tiên quyết, là muốn mở cửa tháp báu thì phải tập hợp tất cả hàng chư Phật do thân Đức Phật Thích Ca phân ra khắp mười phương số đông nhiều trăm ngàn vạn ức na do tha. Khi đông đủ tại Pháp Hoa hội Linh Sơn thì cửa tháp báu liền được mở chốt. Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa ngồi mời Đức Phật Thích Ca cùng an tọa. Sau đó Bồ tát không tên từ phía dưới quả đất vụt mạnh và cũng đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Hội thuyết kinh Pháp Hoa đến đây có ba dữ kiện siêu việt:

❶ Tháp báu xuất hiện và Đức cổ Phật mời vị hiện tại Phật chung tòa ngồi.

❷ Chư Phật phân thân khắp mười phương, nay đều hội tụ về Pháp Hoa hội Linh Sơn.

❸ Chư Bồ tát vô danh từ phía dưới quả đất cũng tụ hội về Pháp Hoa hội Linh Sơn.

Lúc đầu câu chuyện cha trẻ con già đã làm đảo lộn toàn bộ tư duy của hàng Bồ tát và đại

chúng, nhưng dần dần khi vào phẩm Như Lai thọ lượng thì vấn đề từ từ sáng tỏ, nhất là ai nhớ rõ ý nghĩa hai chữ Như Lai thì lại càng sáng tỏ hơn, Như Lai là:

“Chẳng đến chẳng đi vị chi là Phật”.

Đã là Như Lai thì còn đâu để gọi là nhập Niết bàn, còn đâu mà gọi là diệt độ, chẳng qua là vì pháp phương tiện để rộng độ chúng sinh mà thôi!

Hành giả kinh Pháp Hoa tu luyện đến phẩm kinh này, nếu ai liễu ngộ thì câu tâm kinh Bát Nhã: **“Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm”** cũng vừa bằng tỏ.

Tiểu học Phật giáo thì tu luyện để liễu ngộ lý **vô thường**, nhưng đến đại học và trên đại học Phật giáo thì tu luyện để liễu ngộ lý **chơn thường**. Khi còn trình độ tiểu học Phật giáo thì Đức Thích Ca Mâu Ni có đản sanh, có nhập diệt; nhưng khi đến trình độ Đại thừa pháp Diệu nhập đời lúc này đã liễu thông lý chơn thường. Đã là chơn thường thì còn chỗ nào để sanh, đã không sanh thì làm gì có diệt. Khi rõ thông và chứng

ngộ lý bất sanh bất diệt thì làm gì còn tăng, còn giảm.

Pháp trụ trên ngôi pháp Thế gian tướng vẫn thường.

Thế gian tướng vẫn thường thì làm gì có việc Như Lai chết. Đã không chết mất thì làm gì có cha trẻ con già. Sở dĩ hành giả Pháp Hoa chưa liễu ngộ chỗ này nên mới chấp có đấng sanh Niết bàn, bởi chưa liễu tri việc đấng sanh Niết bàn là áp dụng phương tiện trí để rộng độ chúng sinh mà thôi! Đến đây hành giả Pháp Hoa đã hết phân vân cha trẻ mà con già hay chưa?

Câu chuyện bông hồng cài áo là phương tiện độ sinh về đức hiếu, thế mà khi áp dụng vào sự thì người thực hiện làm sai lạc ý nghĩa. Lại chia ra cài bông trắng cho những ai mất mẹ và bông hồng cho những ai còn mẹ. Như vậy là chấp đoạn à? Chấp thường cũng sai, mà chấp đoạn cũng sai! Nếu mẹ của hàng đệ tử Đức Phật đã chết thì mẹ Đức Mục Kiền Liên cũng chết, tại sao Ngài lại cứu được mẹ, còn kẻ khác thì không còn mẹ để cứu. Nếu mẹ chúng sinh đã chết thì mẹ Đức Phật cũng chết, vậy Đức Phật thuyết kinh Địa Tạng nơi cung trời cho Vương mẫu nghe là sao? Dụng

ý của tác giả ở câu chuyện bông hồng là phương tiện, cũng như câu chuyện cha trẻ con già ở phẩm kinh này vậy!

Chính văn

5- Ví như người thầy thuốc trí tuệ sáng suốt, đã khéo luyện được phương thuốc trị khỏi các bệnh. Vị này rất đông con cháu, mười hoặc hai mươi, có thể đến số trăm, vì có sự cần đi các nước phương xa. Các con cháu ở nhà uống nhầm thuốc lạ, thuốc có chất độc nên phát điên loạn, lăn nhào trên đất.

Bấy giờ người cha về thấy con mình đại khờ uống phải thuốc độc, nhiều đứa loạn trí, đứa mất bốn tâm, hoặc có đứa còn tỉnh, xa thấy cha về thấy đều vui mừng, quỳ lạy hỏi thăm sự an lành của cha, đồng thời kể cha nghe sự ngu muội đã uống lầm thuốc có chất độc, xin cha ban cho thuốc giải và ban thọ mạng cho các con.

Người cha thấy các con khổ não như thế, y theo các kinh phương tìm cỏ thuốc tốt, mùi sắc vị ngon, thấy đều đầy đủ, nghiền xay giã

tán, hòa trộn bảo các con ống và dặn kỹ: Các món diệu dược này, sắc hương vị tuyệt diệu, đầy đủ các chất, các con gấp ống để trừ đau bệnh, chẳng còn khổ não.

Trong số con này, những người chưa loạn tâm hồn, thấy các diệu dược sắc hương vị đều tốt, vâng lời gấp ống sớm được bình phục. Ngoài ra còn có số người tâm trí rối loạn, thấy cha về dù có vui mừng thăm hỏi và cầu xin cha trị bệnh, nhưng khi cha trao thuốc thì chẳng chịu uống.

Vì sao? Vì chất độc đã thấm sâu, làm mất bốn tâm, dù là thuốc tốt đẹp hương vị thơm ngon mà họ vẫn nghi ngờ không uống. Người cha nghĩ rằng: “Những đứa con này thật rất đáng thương, chúng đã trúng độc, tâm hồn điên đảo, dầu thấy cha về mừng cầu xin cứu chữa, thuốc tốt như thế mà chẳng chịu uống, nay người cha bày chước phương tiện để chúng uống thuốc”.

Nghĩ như thế liền bảo rằng: “Các con phải biết, cha nay già yếu, giờ chết đã đến, nên mới để lại các thứ diệu dược tốt này, các con nên nhớ uống, chớ lo không khỏi bệnh”.

Sau đó người cha bỏ đi đến nước khác, rồi sai người về thông báo: “Cha các người đã chết”.

Nghe tin cha chết, lòng các con sầu khổ liền nghĩ rằng: “Nếu cha chúng ta còn, sẽ được thương xót, sẽ được cứu khỏi bệnh, còn hôm nay cha đã bỏ đi xa và đã chết ở nước khác. Phận chúng ta cô cút, chẳng còn chỗ nương nhờ, lòng thương bi cảm đến cha, giật mình tỉnh ngộ, nhìn thấy thuốc, sắc hương vị thơm ngon, liền vội lấy uống, bệnh độc đều lành. Người cha nghe các con đều đã mạnh lành, liền quay trở về gặp mặt các con.

Các thiện nam tử! Các vị nghĩ sao? Có ai lên án vị thầy thuốc kia có lỗi hư dối chăng?

- Thưa Thế Tôn, không thể lên án được!

Đức Phật nói tiếp: “Như Lai cũng như thế! từ khi thành Phật đến nay đã trải qua vô lượng, vô biên, trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ kiếp, Như Lai đã vì chúng sanh mà dùng pháp phương tiện nói rằng: “Sẽ diệt độ” như thế, không ai có thể đúng như pháp mà bảo ta có lỗi hư dối”.

Giảng luận

Như người cha biết nghề thầy thuốc

Đoạn kinh này không dành riêng cho hành giả Pháp Hoa, cũng không riêng cho người có tín ngưỡng đạo Phật, mà là chung cho bất cứ ai đủ trình độ nhận thức và đủ niềm tin, không phải nhận thức đoạn kinh, hay là đủ trình độ nhận thức và niềm tin về mình.

Mỗi con người chúng ta không phải chỉ biết sử dụng một số kiến thức nông cạn để hiểu về một con người qua dòng tiểu sử của một đời người. Thân của chính chúng ta đã do nhiều nhân duyên cấu tạo từ nhiều đời nhiều kiếp, do hun đúc tội hoặc phước trải qua nhiều thành quả ít nhất là do nhiều ngàn đời. Cũng ví như một quốc gia không phải chỉ mới cấu tạo thành từ vị Quốc vương và bộ máy điều hành cùng toàn dân của kiếp sống trước mắt mà nó đã hình thành từ dựng nước, mở rộng nước và giữ gìn nước qua nhiều lớp trước hình thành một quốc gia. Như Việt Nam đã hình thành từ gần năm ngàn năm văn hiến từ Sơ Tổ Lạc Long Quân - Âu Cơ nối truyền mười tám tộc họ vua Hùng với dòng lịch sử thanh bình suốt 2.622 năm và truyền lưu mãi đến ngày nay

đã gần năm ngàn năm dựng mở và giữ nước. Đó là chưa kể đến sự hình thành đất đai rừng núi sông ngòi biển cả khởi từ một ngôi sao vỡ vụn nguội dần thành quả đất đã trải qua bao nhiêu ngàn triệu tỷ tỷ năm. Còn nếu kể tắt từ Sơ Tổ của dòng Bách Việt do Lạc Việt đứng đầu, thời kỳ sơ khởi ở Động Đình Hồ, Trung Hoa rồi dời sang sông Hồng mở mang đến sông Cửu cho đến ngày nay, nếu đem tầm kiến thức trích ngang để nói về Việt Nam thì thế nào?

Nhìn đứa bé ba bốn tuổi đã biết làm toán đại học thì kiến thức chật hẹp của văn minh nhân loại ngày nay giải thích hiện tượng này như thế nào? Không lẽ nói em bé này khởi sự mới ba bốn năm, đành khoanh tay và gượng ép hai chữ thần đồng, chứ vẫn chưa hoàn toàn công nhận là em bé đó đã trải qua nhiều kiếp trước, nhất là kiếp cận kề trước đời này em đó đã là một vị giáo sư đại học ngành toán. Nếu mỗi mỗi con người chúng ta ai ai cũng đủ niềm tin là mình không thể đơn giản chỉ mấy mươi tuổi và rồi đây sẽ chết thì ôi còn gì là chơn lý uyên nguyên của kiếp sống con người. Sở dĩ con người từ Á sang Âu bị rơi vào chỗ tiêu cực thâm lạm của công,

hoặc thụ hưởng quá tiêu chuẩn để rồi rơi vào hậu quả thân tê danh bại là do họ nghĩ họ sắp chết và họ mới được sinh làm người trong đời này. Tai hại nhất là khi chết là hết, họ chấp đoạn nên họ liều mạng rơi vào chỗ vi phạm. Nếu mọi người ai cũng đủ trình độ và đủ niềm tin về nguyên lý của đoạn kinh này và tin thọ lượng dài lâu của chính mình là vô thí, là vô chung, là không gian vô biên, là thời gian vô tận thì làm gì còn có sự khổ não, làm gì có sự tranh giành hãm hại lẫn nhau, làm gì có xâm lăng để rồi có sự chống xâm lăng, nhất là làm gì còn có chiến tranh tương tàn tương sát lẫn nhau. Như Lai thọ lượng dài lâu, con người cũng thọ lượng dài lâu, nhưng con người chỉ khác Như Lai ở chỗ Như Lai đã tinh lọc đến tột cùng cho nên không hề có đến có đi, còn con người nói riêng và tất cả các loài thuộc chúng sinh nói chung là còn đang tinh lọc, còn trong tiến trình tụt hậu hay là thăng tiến.

Muốn liễu ngộ được công thức của câu chuyện cha trẻ mà con già của đoạn kinh thuộc phẩm Như Lai thọ lượng này đòi hỏi cần phải đủ trình độ và liễu thông học thuyết: **Không gian vô biên, thời gian vô tận**”.

Một khi đã liễu thông hoặc liễu ngộ đoạn kinh cha trẻ con già nói riêng và phẩm Như Lai thọ lượng nói chung là lúc người đó sắp bước chân vào tòa lâu đài **An Lạc giữa cõi trần gian này vậy!**

Chính văn

- 6- Từ khi “Ta” thành Phật
 Trái lâu vô số kiếp
 Vô lượng trăm ngàn vạn
 Thường diễn pháp giáo hóa
 Nhiều vô số chúng sinh
 A tăng kỳ ức năm
 Khiến họ nhập Phật đạo
 Đến nay vô lượng kiếp
 Vì rộng độ chúng sinh
 Phương tiện hiện Niết bàn
 Sự thật chẳng diệt độ
 Trụ mãi đây thuyết pháp
 Ta vẫn trụ cõi này
 Dùng phương tiện thần thông
 Cứu chúng bớt điên đảo
 Tuy gần mà chẳng thấy
 Chỉ thấy “Ta” diệt độ

Rộng cúng dường Xá lợi
Thả u hoài luyến mộ
Khát ngưỡng nên phát tâm
Chúng sinh đã tín phục
Chơn thật ý dịu hòa
Ước mong được gặp Phật
Chẳng luyến tiếc thân mình
Giờ ta cùng chúng Tăng
Dầu rời núi Linh Thứu
Như Lai báo mọi loài
Thường ở đây chẳng diệt
Diệt ấy là phương tiện
Chứ làm gì có diệt
Chúng sinh nơi cõi khác
Tâm cung kính tín thành
Như Lai lại đến đó
Thuyết pháp mầu vô thượng
Các vị chưa tỏ tường
Nên nói “Ta” diệt độ
Ta nhận thấy chúng sinh
Đắm chìm biển khổ não
Nên chưa hiện thân liền
Khiến các nơi khát ngưỡng
Nhơn tâm kia luyến mộ

Ta phổ pháp đúng thời
Sức thần thông tự tại
Ở trong vô số kiếp
Thường tại núi Linh Thứu
Và trụ các xứ khác
Chúng sinh thấy tận kiếp
Lúc lửa lớn thiêu đốt
Cõi Sa Bà an ổn
Trời người hằng đồng vui
Vườn rừng cùng nhà gác
Nhiều món báu trang nghiêm
Cây quý nhiều bông trái
Nơi chúng sinh vui chơi
Chư thiên chuyển tống trời
Và trời toàn kỷ nhạc
Rưới bông mạn đà la
Cúng Phật cùng đại chúng
Tịnh thổ này chẳng hư
Nhưng nhiều người thấy rõ
Lo sợ buồn khổ nảo
Như thế nhiều dẫy đầy
Những hạng ấy tội báo
Gây nhân duyên nghiệp dữ
Trải a tăng kỳ kiếp

Chẳng nghe danh Tam bảo
Kẻ nhu hòa chơn thật
Luyện tu nhiều công đức
Thường thấy được Như Lai
Thuyết pháp tại nơi đây
Hoặc vì số người này
Nói Phật thọ vô lượng
Ai lâu mới thấy Phật
Ta nói Phật khó gặp
Trí lực ta như thế
Huệ quang soi vô lượng
Thọ mạng vô số kiếp
Tu lâu cảm hóa được
Các vị hàng hữu trí
Ở đây chớ sinh nghi
Đây nên dứt hết ngờ
Lời Phật thật chẳng dối
Như lương y chước khéo
Vì cứu chữa cuồng tử
Còn sống mà nói chết
Lời ấy chẳng dối hư
Như Lai cha trời người
Cứu chúng sinh đau khổ
Thương phàm phu điên đảo

Thật còn nói diệt độ
Bởi cứ thường thấy “Ta”
Họ sinh lòng kiêu mạn
Buông lung ham ngũ dục
Sẽ sa ba đường dữ
Như Lai biết chúng sinh
Hành đạo nói chẳng hành
Vì chỗ đáng được độ
Tùy họ nói các pháp
Hằng tự nghĩ thế này:
Pháp nào trao chúng sinh
Để đắc huệ vô thượng
Nhanh thành tựu thân Phật.

Giảng luận

Chuyện ma dẫn hoặc dấu người vào bụi gai thường xảy ra nơi vùng nông thôn hoang vắng. Muốn đi tìm phải nhờ có chó, vì chó dễ thấy ma. Loài vật mất có thần mà không có tinh, trái lại loài người thì mất có tinh mà chẳng có thần.

Đa số giới bình dân không đam mê chuyện liêu trai chí dị, mà lại thích nghe kể chuyện ma, dù nghe xong thì sợ ma không dám ra sau vườn. Cũng có vài nơi ma hiện nguyên hình, có nhiều

người trông thấy, dù cùng đứng chung địa điểm, nhưng một số khác không hề trông thấy. Trường hợp này danh từ đạo học gọi là **thức biến**.

- Thức biến trải rộng cho vị tha là nguyện lực
- Thức biến bởi vị kỷ là nghiệp lực.

Nơi đoạn kinh này chia ra hai thành phần tùy sự cảm niệm khác nhau. Cũng tại cõi này, nhưng mà cảm nhận được sự an vui, chẳng khác gì thế giới cực lạc, vui nghe tiếng trống trời, kỷ nhạc của chư thiên trời, cảm thấy được lầu gác vườn rừng, cùng hết thấy các món bảo vật đều trang nghiêm, cảm nhận được sự rải hoa thơm cúng dường của chư thiên, trời người đông đúc, tự tại an ổn. Trái lại thành phần thứ hai thì vì nghiệp chướng sâu nặng nên họ thấy cõi này đang tan rã, lửa lớn đang thiêu đốt, họ buồn rầu, lo âu, khổ não không cùng!

Hành giả Pháp Hoa nhập đời, nương đời độ mình và độ người khác, nên trải **nguyện lực** rộng khắp mười phương. Từ thức biến chuyển thành vô thức, từ vô thức chuyển sang tứ trí, đừng để thức biến bị rơi lại **ng nghiệp lực**. Các giới khác như thức giả, trí giả dù không phải hành giả Pháp Hoa vẫn

hiên ngang trên đại lộ nguyện lực trải rộng khắp mười phương, đừng để bị nghiệp lực cuốn trôi vào dòng sinh tử. Tu luyện hay không, khác nhau hai chữ **nguyện lực** hay là **ngiệp lực** mà thôi!

*** Người cha biết làm thầy thuốc:**

Người cha biết làm thầy thuốc, khéo dùng mưu chước đi xa nhấn về phỉn các con rằng: Cha các người đã chết. Mục đích để các con sợ bệnh khổ mà uống thuốc.

Đức Phật là đấng cha lành của mọi loài chúng sinh nên dùng phương tiện nhập Niết bàn. Kỳ thực làm gì có việc nhập Niết bàn, tức là chẳng hề nhập diệt. Mục đích khiến cho chúng sinh không còn ỷ lại, sợ khổ luân hồi, chịu tu chịu luyện hầu sớm thấm nhuần pháp giải khổ.

Vì dùng phương pháp phỉn dụ để cứu các con nên người cha biết nghề thầy thuốc này chẳng hề hư dối. Vì phương tiện cứu chúng sinh nên đấng đại giác chẳng hề hư vọng.

Hành giả Pháp Hoa, hoặc các bậc thức giả, trí giả chớ quá mê chấp từng ngôn từ, danh tự mà quên pháp phương tiện. Hành theo pháp phương tiện của chư Phật, chư vị Bồ tát, hoặc khéo biết

dùng pháp phương tiện hầu lợi người độ mình, đúng nguyên tắc bất biến tùy duyên, nhưng lưu ý là dấu tùy duyên nhưng bất biến.

*** Phật thọ mạng dài lâu vô lượng:**

Phần chính văn Đức Phật đã đề cập nhiều về sự thọ mạng dài lâu của Đức Phật, nhưng vào đoạn thơ kệ phần sau cùng của phẩm kinh Phật lại còn nhấn mạnh về vấn đề này, như thế đủ biết sự thọ mạng dài lâu của Đức Phật quan trọng đến dường nào.

Những ai tu luyện mà chưa liễu thông nguyên lý bất di bất dịch này thì khó mà nhập vào Đại thừa. Vẫn còn mê chấp rằng Đức Phật Thích Ca đã diệt độ, bởi không hiểu đây là pháp phương tiện thì khó mà gặp Phật.

Hạt nguyên tử có thể tan vỡ, nhưng tan vỡ trong tư thế: “**Tướng thế gian vẫn thường**”. Nếu nguyên tử vỡ tan rồi mất vĩnh viễn thì vũ trụ làm sao còn, hạt nhân, điện tử cũng không còn. Tán rồi tụ, tụ rồi tán như thế không phải thường mà cũng chẳng phải diệt. Không thể bảo là **diệt mất**, mà phải xác nhận là **vẫn thường** thì dễ hiểu hơn. Khi tan vỡ đến cuối cùng, đến cực vi thì nó lại

liền tụ hội lại thành cực lớn. Điện tử là đơn vị mà ngày nay nhân loại tạm cho là đơn vị cực vi, còn vũ trụ là đơn vị cực lớn. Có liễu thông cực vi và cực lớn là bằng nhau thì mới hiểu “**Tướng thế gian vẫn thường**”. Hiểu tướng thế gian vẫn thường mới liễu ngộ Như Lai vô lượng thọ.

Thế gian tướng vẫn thường, vậy thì Phật làm sao có thể mất? Thông được câu này là liễu thông các pháp. Bí pháp này cũng nên đem khoa học chứng minh thì mới dễ hiểu rằng: do nhiều nhân duyên hợp lại với nhau mới thành một pháp. Cũng như do nhiều âm tử duyên với một dương tử mới thành một nguyên tử. Khi một nguyên tử vỡ tan, không phải nguyên tử đó mất hoàn toàn, mà nó vẫn đang lửng lơ để chuẩn bị duyên lại với nhau, hầu tụ thành một hạt nhân, hạt nhân vỡ tan thành nhiều điện tử, điện tử lại vỡ tan cho đến cực vi, không còn có gì để vỡ tan được nữa, lúc bấy giờ lại bắt đầu tụ hội, tức là các nhân nó duyên lại với nhau để thành một pháp. Cứ thế tụ thành đến nguyên tử, đến sơn hà đại địa. Các pháp duyên theo không gian, bám víu theo thời gian mà tan mà hợp. Như thế thì làm gì có nhất định là đản sanh, làm gì nhất định có

sự diệt độ. Tất cả cũng chỉ là phương tiện. Ý chưa nhập phương tiện thì trí khó đạt cứu cánh. Phương tiện chỉ độ sanh, cứu cánh mới giải thoát, hành giả Pháp Hoa có người cố chấp phương tiện, ôm giữ phương tiện nên khó đạt cứu cánh.

III.- TÓM KẾT

Giáo pháp đạo Phật sâu rộng mênh mông, người tu luyện theo giáo pháp này cần phải có một tâm hồn, một tư tưởng mênh mông sâu rộng mới chuyên chở, mới thấm nhập được giáo pháp. Muốn như thế hành giả cần phải nhuần nhuyễn tám chữ:

Không gian vô biên

Thời gian vô tận

Phẩm kinh thứ mười lăm Tỳ Lỵ Địa Dũng Xuất xuyên suốt khoảng không gian. Phẩm này, thứ mười sáu, Như Lai thọ lượng thì xuyên suốt được dòng thời gian. Hành giả Pháp Hoa cũng như giới thức giả, trí giả nghiên cứu, hoặc tu luyện kinh Pháp Hoa mà chưa nhuần nhuyễn hai phẩm kinh này thì tâm hồn không thể mở rộng không gian mênh mông, tư tưởng khó thấm sâu và xuyên suốt được dòng thời gian vô tận.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đã có phần giảng luận và tóm kết. Vậy phần tóm kết chỉ nêu những đặc điểm để hành giả liễu ngộ rằng thời gian là vô tận?

Phần tóm kết bài này gồm sáu đoạn:

1. Đức Phật ba lần công bố và đại chúng ba lần thưa thỉnh

Thực hành theo đoạn 2 của phẩm Như Lai thọ lượng, kinh Pháp Hoa là khi muốn phổ truyền việc gì tối ư quan trọng thì phải giữ đúng nguyên tắc lập đi, lập lại ba lần, tức là một vấn đề công bố ba lần.

2. Tuổi thọ dài lâu của Đức Phật Thích Ca

Đa phần giới tu học khi tìm học về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì lại chỉ thăm sâu về Đức Phật lịch sử, chứ ít người chịu tu học đúng tinh thần Đức Phật chơn lý.

Đức Phật lịch sử thì có ngày giờ đản sanh, xuất gia, thành đạo, bốn mươi chín năm thuyết pháp độ sinh và tám mươi năm nhập Niết bàn, lưu Xá lợi và lưu truyền ba tạng giáo pháp Kinh - Luật - Luận.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni theo chơn lý thì là vô lượng thọ, chẳng đản sanh, thành đạo, Niết bàn. Đức Phật này khó thẩm nhập vào tiềm thức đại đa số quần chúng, nhưng mở khai tuệ trí cho giới tu học về mặt công đức. Còn Đức Phật lịch sử thì dễ hiểu, dễ tin, nhưng khó mở rộng trí tuệ cho giới tu học, chỉ phương tiện giúp họ tu phước mà thôi!

Là hành giả Pháp Hoa phải thông suốt về Đức Phật thuộc hai dạng thức:

- * Đức Phật phương tiện theo dòng lịch sử.
- * Đức Phật cứu cánh đúng chơn lý.

3. Cách đo lường số nhiều về không gian và thời gian

Nếu hành giả Pháp Hoa gặp con số đo lường quá sức tưởng tượng, trí không thể nào tính toán đo lường được, chúng ta nên học theo cách đo lường của đoạn kinh này, chia thành hai phần:

a. Phần thứ nhất mở rộng không gian

Đem năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi tam thiên đại thiên thế giới, giả sử nghiền nát số thế giới này thành từng hạt bụi vi trần. Hỏi số hạt vi trần có nhiều chăng? Một cõi tam thiên

đại thiên thế giới mà nghiền thành bột vi trần cũng đã quá sức nhiều, huống gì năm trăm ngàn vạn ức na do tha. Một na do tha đã quá sức nhiều, vậy mà ở đây đến năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần như thế. Chẳng những na do tha mà lại còn na do tha a tăng kỳ đều thành hạt bụi trần, rồi lại còn qua phía Đông cứ cách năm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi nước như thế mới chấm xuống một hạt bụi vi trần, chấm cho hết số hạt vi trần đó, hỏi cõi quốc độ có nhiều chăng? Nhiều quá sức không thể nào tưởng tượng nổi, nhiều vô lượng vô biên.

b. Phần thứ hai mở rộng thời gian

Khi giả sử rằng có một số quốc độ đã chấm từng hạt vi trần để mở rộng không gian như thế rồi, lại tiếp theo lần thứ hai là đo lường thời gian. Bây giờ lại đem số quốc độ đã dùng hạt bụi vi trần để điểm, dù nhiều vô lượng vô biên nhưng cũng đem tất cả số cõi quốc độ này mà nghiền nhỏ. Lần này số hạt bụi vi trần nhiều quá, nhiều đến độ không thể tính đếm được. Hãy mừng tượng một lần nữa và tạm tính về thời gian đem các thế giới hoặc có chấm hay chấm sót. Tất cả số quốc độ này nghiền nát thành vi trần, cứ tính

một hạt vi trần là một kiếp. Từ khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật cho đến nay số kiếp lâu xa gấp trăm ngàn triệu na do tha a tăng kỳ như thế (mỗi tiểu kiếp mười sáu triệu tám trăm ngàn năm). Suốt thời gian này Đức Phật Thích Ca vẫn ở cõi Sa Bà để giáo hóa chúng sinh cõi này, thỉnh thoảng mới đi giáo hóa các cõi khác. Trong thời gian này Đức Thích Ca nói có Đức Phật Nhiên Đăng ... Lại còn nói là Đức Thích Ca nhập diệt, kỳ thực chẳng hề có nhập diệt, cũng chẳng hề có một Đức Phật nào khác giáo hóa cõi này. Tất cả mọi phương tiện nói có diệt độ, có Đức Phật khác đều chỉ là để dễ độ chúng sinh mà thôi!

4. Hiện nay Đức Phật Thích Ca có còn độ cõi này không ?

Sở dĩ Đức Phật bảo rằng diệt độ là chỉ vì để dễ rộng độ những người phước mỏng nghiệp dày nghe Đức Phật không có ở đây, mới khởi tâm luyến mộ, khát ngưỡng, không còn ý lại, nhờ đó mới tinh tấn tu luyện, mới trồng cội lành, hầu thấm nhập giáo pháp khiến họ mau chứng đắc quả vị Phật, chỉ có thế thôi! Hiện nay Đức Phật Thích Ca vẫn là Giáo chủ cõi Ta Bà đang rộng độ chúng sinh cõi này.

5. Ví như người cha biết làm thầy thuốc

Có người cha làm nghề thầy thuốc giỏi, vậy mà các con ông chẳng chịu uống thuốc. Ông bèn lập mưu chước bỏ nhà đi sang xứ khác, rồi sai người về báo rằng cha các người đã chết. Đàn con nghe tin hết hoảng, nhớ thương luyến tiếc, lúc ấy mới chịu uống thuốc. Khi biết được các con mình ngoan ngoãn uống thuốc, người cha liền quay lại quê nhà. Làm như vậy chỉ vì khéo dùng phương chước để cứu các con, vị cha thầy thuốc không hề phạm lỗi hư dối.

Đức Phật cũng như vị lương y, sở dĩ bảo rằng có diệt độ, nhưng chẳng hề diệt độ. Mục đích là tạm lánh một thời gian để dễ rộng độ những người nghiệp dày phước mỏng mà thôi!

6. Đức Phật thuyết thơ kệ

Phần thơ kệ tóm gọn phần kinh phẩm này, riêng về giảng luận chúng tôi có những chỗ có khác bản chính chữ Trung Hoa nhưng không hề khác sai ý kinh. Ví dụ câu thơ kệ thứ mười lăm: Đầu câu dùng chữ “**Linh**”, chúng tôi dịch là “**cứu**”, chứ không dịch thành chữ “**khiến**”.

Trích ba câu Hoa văn:

Ngã thường trụ ư thử
 Dĩ chư thân thông lực
 Linh diên đảo chúng sanh

Một số bản kinh Việt dịch:

Ta thường ở nơi đây
 Dùng các sức thân thông
 Khiến chúng sinh diên đảo

Phần giảng luận chúng tôi dịch khác hơn:

Ta vẫn trụ cõi này
 Dùng phương tiện thân thông
 Cứu chúng bớt diên đảo.

Như Lai dụng thân thông để cứu chúng sinh bớt diên đảo, chứ không thể nào Như Lai lại dùng thân thông để khiến cho chúng sinh diên đảo. **Khiến tức là làm cho**. Làm cho chúng sinh diên đảo thì Như Lai đâu nữa! Vì thế chữ **Linh** dịch là **Khiến** sẽ tối nghĩa!

Suốt đoạn thơ kệ 102 câu, đều nhấn mạnh về yếu tố thời gian. Từ khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật đến nay, không phải chỉ có hai ngàn năm trăm bốn mươi bảy năm mà là lâu xa vô lượng vô ức kiếp, dài lâu không thể nghĩ bàn và

còn dài lâu hơn nữa, chứ không phải đến đây rồi chấm dứt.

Hành giả Pháp Hoa cùng hàng thức giả, trí giả ai đã chú tâm nghiên cứu, hoặc thọ trì, nhất là phổ truyền kinh Pháp Hoa mà chưa liễu thông bí pháp thời gian vô tận nơi phẩm kinh này thì vẫn còn ở nơi thêm Pháp Hoa, chứ chưa vào được nhà Pháp Hoa. Chưa vào nhà thì chưa làm chủ. Chưa làm chủ thì chưa phải là Pháp sư – Nếu có cố gắng thì cũng chỉ ở phần Giảng sư, hoặc Thiền sư mà thôi! Mà Giảng sư, hoặc Thiền sư thì vẫn còn phân biệt có không gian biên giới, có thời gian năm tháng. Còn chấp có chấp không, chấp đi chấp về thì còn xa Pháp Hoa.

Pháp Diệu nhập đời, đến lúc nào không còn thấy đời khác pháp Diệu, bởi vì pháp Diệu và đời làm gì có hai. Nếu nói cho đúng thì không hề rời và nhập. Có danh từ rời nhập chẳng qua chỉ là phương tiện mà thôi!

Quên đếm giọt thời gian

** Trích thi phẩm Từng giọt Ma Ni*

Quên đếm giọt thời gian

*Tâm hồn thôi ray rứt
Rộng mở hết không gian
Bình lặng phủ cuộc đời.*

*Thời gian tợ thuốc quý
Không gian sánh nôi đời
Chiếc nôi càng trải rộng
Giấc trẻ càng an nhiên.*

*Thuốc pha quên cái thuốc
Dược liệu hay tuyệt vời
Khi ta du nhập đời
Chuỗi thời gian chớ tính.*

*Khoảng không gian rộng khơi
Chẳng biên cương giới tuyến
Chỉ có tình người thôi
Quên thời gian năm tháng.*

*Chỉ nhớ có một lời
Lời Từ phụ dặn khuyên
Tự soi mình sáng tỏ
Đạo đời hằng chu viên.*

*Quá khứ đã trôi qua
Tương lai thì chưa đến
Nhắc - trông chi rầy rà
Sống vui tròn hiện hữu.*

*Hòa mình biển phong ba
Nhưng thực tế mới là
Làm sao vô biên giới
Thời gian phi dạng mà.*

*Thánh khác phàm lẽ sống
Mâu nhiệm ngát Liên Hoa ♦*

TÓM LƯỢC 9 PHẨM

PHÁP HOA GIẢNG LUẬN – TẬP 2



PHẨM THỨ TÁM

PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ

- ◆ Tôn giả Phú Lô Na bạch Phật.
- ◆ Trao ký cho Tôn giả Phú Lô Na.
- ◆ Trao ký cho năm trăm vị A La Hán.
- ◆ Năm trăm vị A La Hán bạch Phật.
- ◆ Kể chuyện thí dụ và đối chiếu.

1. Tôn giả Phú Lô Na bạch Phật

Lúc bấy giờ, Tôn giả Phú Lô Na sau khi nghe Đức Phật nói về những phương tiện tùy cơ thuyết pháp, lại được nghe Đức Phật thọ ký cho năm vị đệ tử lớn, lại được nghe việc nhân duyên đời trước và sức thần thông tự tại của chư Phật, Tôn giả rõ hiểu rất sâu nên thâm tâm đồng phần khởi vui mừng, ý thanh tịnh, bèn quỳ lễ Phật bạch rằng: “Ngưỡng bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn thật là đặc biệt, đã làm những việc mà ít ai làm được, đã thuận theo tánh chúng sanh mà diễn pháp, cứu vớt tất cả ra khỏi nơi tham đắm. Chúng con không thể dùng lời nào mà diễn bày

công đức cho đầy đủ. Chỉ có Đức Thế Tôn mới biết rõ bốn nguyện của chúng con”.

2. Trao ký cho Tôn giả Phú Lô Na

Đức Phật dạy rằng: “Tôn giả Phú Lô Na đây là người thuyết pháp giỏi vào hàng bậc nhất và việc trợ tuyên chánh pháp của Như Lai cũng vào hàng bậc nhất:

- Tôn giả đã giải thích trọn vẹn giáo pháp của Như Lai.

- Thường tu hạnh thanh tịnh.

- Thông suốt rành rẽ về pháp không.

- Đầy đủ thần thông của Bồ tát.

Về những thuở xa xưa và mãi mãi các đời sau, Tôn giả cũng là người thuyết pháp và trợ tuyên chánh pháp cho vô lượng chư Phật thuộc vào hàng đệ nhất. Vì muốn tạo thành cõi Phật thanh tịnh, nên Tôn giả Phú Lô Na thường tinh tấn giáo hóa chúng sinh lần lần đầy đủ đạo Bồ tát”.

Đức Phật thuyết xong liền thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na sau này được thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai và đủ mười tôn hiệu, nước

tên Thiện Tịnh, kiếp tên Bửu Minh, thọ mạng vô số kiếp, pháp trụ đời cũng lâu vô số kiếp. Nói xong Đức Phật trùng tuyên bằng một bài kệ.

3. Trao ký cho năm trăm vị A La Hán

Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị A La Hán tâm đã tự tại, đều cùng nghĩ: “Nếu Đức Phật đều thọ ký cho mình như đã thọ ký cho năm vị đệ tử lớn thì vui thích biết bao”.

Đức Phật biết tâm niệm của các vị này, bèn lần lượt thọ ký cho năm trăm vị A La Hán, bắt đầu là Tôn giả Kiều Trần Như và năm trăm vị A La Hán, tất cả sẽ thành Phật đồng một hiệu là Phổ Minh Như Lai (đủ mười tôn hiệu).

4. Năm trăm vị A La Hán bạch Phật

Năm trăm vị A La Hán được Đức Phật thọ ký, phấn khởi vui mừng, đến trước Đức Phật bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con trước nay cứ ngỡ là được diệt độ, nay biết rõ mới thấy mình là kẻ vô tri, bởi vì quả A La Hán mà chúng con đã chứng thì chưa vào đâu cả. Đáng lẽ chúng con được trí tuệ Phật từ lâu, nhưng tại vì chấp chặt pháp Tiểu thừa, nên Thế Tôn chưa chỉ dạy truyền trao quả vị Phật.

5. Kể chuyện thí dụ và đối chiếu

Tôn giả Kiều Trần Như thay mặt năm trăm vị A La Hán trình bày tâm trạng qua câu chuyện thí dụ:

Bạch Đức Thế Tôn! Có gã nghèo khổ, đến nhà bạn giàu thăm chơi. Sau buổi tiệc, gã ngủ say vui. Người bạn bạn đi xa nên cài vào bầu áo gã một viên ngọc quý. Tỉnh giấc ra về, gã vẫn tiếp tục nếp sống lang thang, đầu đình góc chợ. Thời gian sau, tình cờ gặp lại bạn xưa, ân nhân ngạc nhiên hỏi: “Tại sao anh vẫn nghèo? Trước kia tôi đã cài vào bầu áo anh một viên ngọc quý kia mà”. Gã nghèo bưng tỉnh, lúc bấy giờ gã mới biết mình vẫn giàu như ai. Gã sử dụng viên ngọc làm vốn kinh doanh, rồi trở thành nhà tỷ phú.

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con nào khác gã nghèo khổ ấy. Từ lâu Đức Thế Tôn đã giáo hóa gieo vào tâm chúng con hạnh nguyện cầu tu thành Phật, vậy mà chúng con nào hay, đắc chút Niết bàn Thanh Văn vội bảo là đủ. Nay được Đức Thế Tôn khai hóa, chúng con mới thấy mình từ đây được chính thức là con tuệ mạng của Đức Phật và là Bồ tát đã được Đức Phật thọ ký sắp thành Phật, lòng chúng con vui mừng khôn xiết.

PHẨM THỨ CHÍN

PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ

- ◆ Tôn giả A Nan trình bày tâm nguyện.
- ◆ Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan.
- ◆ Đại chúng thắc mắc và được Đức Phật giải thích.
- ◆ Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La.
- ◆ Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học.

1. Tôn giả A Nan trình bày tâm nguyện

Lúc bấy giờ, Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La thâm nghĩ: “Nếu mỗi chúng ta đều được Đức Phật thọ ký thì vui thích biết bao!”.

Hai vị liền đến trước Đức Phật trình bày tâm nguyện, cầu mong được Đức Phật thọ ký. Đồng lúc ấy, hai nghìn vị còn học và không còn phải học cũng đứng lên lễ Phật, chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thế Tôn, tỏ ý cùng một

sở nguyện với hai vị Tôn giả A Nan và La Hầu La.

2. Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A nan

Đức Phật bảo Tôn giả A Nan: “Này Tôn giả A Nan! Về tương lai ông sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai (đủ mười tôn hiệu). Giáo hóa số đông nhiều gấp hai nghìn lần số cát sông Hằng, khiến những Bồ tát ấy thành tựu đạo Bồ đề”.

Quốc độ của Phật Sơn Hải Huệ tên là Thường Lập Thắng Phan. Quốc độ thanh tịnh trang nghiêm, mặt đất bằng lưu ly. Kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn, thọ mạng của Phật dài lâu vô lượng và được mười phương chư Phật ngợi khen công đức.

Đức Thế Tôn tuyên thuyết một bài thơ kệ lập lại nghĩa này.

3. Đại chúng thắc mắc và được Đức Phật giải thích

Lúc bấy giờ, tám nghìn vị Bồ tát mới phát tâm đều thầm thắc mắc: “Chúng ta chưa nghe hàng Bồ tát được thọ ký như thế, cố sao hàng Thanh Văn lại được như vậy?”.

Đức Phật biết tâm niệm ấy, bèn dạy rằng: “Này các thiện nam tử! Về thuở xa xưa, vào thời Đức Phật Không Vương Như Lai, ta và A Nan cùng đồng tu học, đồng phát tâm cầu đạo vô thượng, nhưng Tôn giả A Nan chỉ lo học rộng, còn ta thì tinh tấn tu trì, cho nên hôm nay ta thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, còn A Nan thì phương tiện hiện đang làm Thị giả của ta. Trong tương lai, A Nan lại vẫn tiếp tục thọ trì giáo pháp của chư Phật cho đến khi thành Phật”.

Nghe Đức Phật kể nhân duyên xa xưa, Tôn giả A Nan liền nhớ lại tất cả tạng pháp của vô lượng chư Phật thuở quá khứ và lời nguyện của mình.

4. Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La

Đức Thế Tôn lại tiếp tục thọ ký cho Tôn giả La Hầu La, về tương lai, sau khi cúng dường và làm Trưởng tử cho vô lượng chư Phật, La Hầu La sẽ thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai (đủ mười tôn hiệu), cõi nước trang nghiêm, thọ mạng vô lượng kiếp.

5. Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học

Sau khi Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La xong, hai nghìn vị còn học và không còn phải học nhất tâm chiêm ngưỡng Đức Phật. Lúc đó, Đức Phật nhận thấy hai nghìn vị này ý căn nhu nhuyễn tịch nhiên, thanh tịnh. Đức Phật dạy Tôn giả A Nan: “Hôm nay Như Lai tiếp tục thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học về các đời sau được thành Phật, đồng một hiệu là Bửu Tướng Như Lai, có đầy đủ Bồ tát và Thanh Văn để trang nghiêm quốc độ, thọ mạng của các Đức Phật này dài lâu một kiếp”. Được Đức Thế Tôn thọ ký, hai nghìn vị còn học và không còn phải học đọc bài kệ tán thán Đức Phật và nói lên sự vui mừng của mình:

**Thế Tôn đèn tuệ sáng
Chúng con được thọ ký
Lòng vui mừng đầy đủ
Như được rưới cam lộ ...**

PHẨM THỨ MƯỜI

PHẨM PHÁP SƯ

- ◆ Đức Phật thọ ký cho đại chúng hiện diện và hàng chúng sinh sau này.

- ◆ Sáu hạng Pháp sư.
- ◆ Kinh Pháp Hoa là kho tàng tối tôn tối mật của chư Phật.
- ◆ Như việc đào giếng.
- ◆ Những điều kiện trở thành Pháp sư.
- ◆ Sự hộ niệm của chư Phật.

1. Đức Phật thọ ký cho đại chúng hiện diện và hàng chúng sinh sau này

Đức Thế Tôn dạy Bồ tát Dược Vương và tám vạn Bồ tát rằng: “Tất cả hàng trời rồng quỷ thần tám bộ cùng bốn chúng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam nữ cư sĩ, bất luận ai tu cầu quả vị nào, hễ ai đang ở trước mặt Như Lai, nghe được một bài kệ, một câu kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc chỉ phát tâm vui nghe thì Như Lai cũng đều thọ ký cho thành bậc Chánh giác.

Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có chúng sinh nào vui nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, hoặc thoáng có ý tưởng hoan hỷ thì Như Lai cũng đều thọ ký cho thành bậc Chánh giác”.

2. Sáu hạng Pháp sư

Ai đang tu theo kinh Pháp Hoa, tức là dùng đức trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Nếu có ai hoặc tin nhận, hoặc giữ gìn, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc in chép, hoặc cúng dường, hoặc thuyết giải kinh Pháp Hoa thì sáu hạng này đời vị lai sẽ được thành Phật, hiện đời là Pháp sư. Những Pháp sư này là sứ giả của Như Lai, đều được chư Phật hộ niệm và được mọi người tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Hủy báng Phật trọn kiếp tội tuy nặng, nhưng hủy báng Pháp sư tội còn nặng hơn gấp bội. Công đức xưng tán Phật tuy nhiều, nhưng công đức xưng tán Pháp sư còn nhiều hơn.

3. Kinh Pháp Hoa là kho tàng tối tôn tối mật của chư Phật

Đức Phật dạy: “Trong vô lượng kinh của chư Phật đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết thì kinh Pháp Hoa là khó tin, khó hiểu nhất, vì đó là kho tàng bí yếu tối tôn tối mật của chư Phật, được chư Phật giữ gìn từ xưa đến nay, chưa đem ra nói. Bởi cố ấy nên các vị đừng truyền trao bừa bãi. Chính khi Như Lai hiện đời mà kinh này còn bị oán ghét, hướng chi sau khi Như Lai diệt độ”.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu ai làm Pháp sư để phổ truyền kinh Pháp Hoa thì được Như Lai lấy áo trùm thân và được chư Phật ở phương khác hộ niệm. Người ấy có đức tin lớn, chí nguyện mạnh, căn lành sâu ở gần Như Lai và được Như

Lai dùng tay xoa đầu.

4. Như việc đào giếng

Tu kinh Pháp Hoa như việc đào giếng, càng đào sâu càng thấy khó khăn, nhưng lại thấy sự dịu mát.

- Không nghe kinh như gặp đất khô.
- Nghe mà chưa tin hiểu như gặp đất ướt.
- Được nghe hiểu, suy ngẫm tu tập kinh này ví như gặp mạch nước.

Hàng Bồ tát nghe kinh Pháp Hoa mà nghi sợ là hạng Bồ tát mới phát tâm. Hàng Thanh Văn nghe kinh Pháp Hoa mà nghi sợ là hạng tăng thượng mạn.

5. Những điều kiện trở thành Pháp sư

Sáu hạng sứ giả của Như Lai, đặc biệt nhất có hạng thuyết giảng Pháp sư phải hội đủ ba điều kiện:

- + Vào nhà Như Lai.
- + Mặc áo Như Lai.
- + Ngồi tòa Như Lai.

Nhà Như Lai là tâm từ bi rộng lớn. Áo Như Lai là nhẫn nhục nhu hòa. Tòa Như Lai là tất cả các pháp đều không. Phải an trụ nơi đặc tính này để phổ truyền kinh Pháp Hoa.

6. Sự hộ niệm của Đức Phật

Được vậy thì Như Lai dù ở phương nào cũng vẫn sai hàng hóa nhân đến nghe pháp và khiến hàng tứ chúng hộ trì. Nếu vị Pháp sư thuyết pháp ở nơi xa vắng thì Như Lai sẽ khiến Bát Bộ Thiên Long đến nghe. Dù ở quốc độ khác Như Lai luôn luôn làm cho vị thuyết giảng kinh Pháp Hoa thấy rõ thân Như Lai. Nếu người ấy quên câu mất chữ, Như Lai sẽ khiến cho được nhớ đầy đủ thông suốt.

Đức Thế Tôn tuyên thuyết một bài thơ kệ lập lại nghĩa trên.

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT

PHẨM HIỆN BẢO THÁP

- ◆ Tháp báu xuất hiện.
- ◆ Mở cửa tháp báu và thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai.
- ◆ Đức Phật Thích Ca thông báo.

1. Tháp báu xuất hiện

Lúc bấy giờ, trước mặt Đức Phật Thích Ca

xuất hiện một tòa linh tháp bảy báu, cao năm trăm do tuần, rộng hai trăm năm mươi do tuần. Mùi hương ly cấu tỏa thơm ngào ngạt, tháp này từ đất vọt lên và lơ lửng nơi không trung. Trong tháp có tiếng vọng ra tán thán công đức của Đức Phật Thích Ca về việc thuyết kinh Pháp Hoa. Đại chúng nơi đạo tràng lấy làm ngạc nhiên, Bồ tát Đại Nhạo Thuyết thay mặt đại chúng bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Điềm lành gì thế?”.

Đức Phật đáp: “Trong tháp này có toàn thân Phật, cách nay lâu xa lắm (thời quá khứ), tại nước Bửu Tích, có Đức Phật hiệu Đa Bửu Như Lai, lúc còn hành Bồ tát đạo, Ngài phát nguyện

nơi nào có thuyết kinh Pháp Hoa, Ngài sẽ hiện tháp báu đến chứng minh tán thán công đức.

Đại chúng muốn thấy Đức Đa Bửu Như Lai, Đức Phật Thích Ca cho biết: Muốn mở bửu tháp, Ngài phải nhóm hết thầy chư Phật do Ngài phân thân trở về đông đủ thì mới mở được cửa bửu tháp. Nhưng muốn nhóm chư Phật phân thân thì phải biến cõi Ta Bà ược thành tịnh độ trang nghiêm.

Giải thích xong, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng hào quang lông trắng giữa chạn mày, để triệu thỉnh chư Phật phân thân khắp mười phương. Thấy ánh sáng đó, chư Phật đều báo cho hàng Bồ tát của mình biết là sắp về lại thế giới Sa Bà để cúng dường tháp báu của Phật Đa Bửu Như Lai.

Để đủ chỗ chư Phật phân thân sắp về, Đức Phật Thích Ca chẳng những dời trời, người, quỷ thần nơi cõi Ta Bà đi nơi khác, mà còn mở rộng khắp tám phương, rộng hai trăm muôn ức na do tha nước, nước nào cũng đều thanh tịnh trang nghiêm. Chư Phật phân thân tuần tự về đủ và mỗi Đức Phật đều có một vị Bồ tát làm Thị giả.

Chư Phật phân thân đều an tọa nơi bảo tòa, mỗi Ngài đều cử Thị giả đến kính lễ thăm hỏi và cúng dường Đức Phật bốn góc của mình (tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni). Các vị Thị giả đều thăm hỏi Đức Phật Thích Ca có an vui, ít bệnh, ít não chẳng; đồng thời xin Đức Phật Thích Ca mở cửa bửu tháp để giúp tất cả được thấy rõ toàn thân Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

2. Mở cửa bửu tháp và thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai

Đức Phật Thích Ca vì sự thỉnh cầu của các vị Phật phân thân cùng đại chúng, nên Ngài đứng lên mở cửa bửu tháp. Tiếng tháo chốt bửu tháp vang lên như tiếng mở cửa thành lớn (đây là trạng thái đột ngộ của người tu kinh Pháp Hoa). Đại chúng thấy rõ toàn thân Đức Phật Đa Bửu Như Lai khi tháp vừa mới mở (bất sinh bất diệt).

Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa ngôi, mời Đức Phật Thích Ca. Hai Đức Phật cùng ngồi chung một tòa ngôi: “Phật thân vốn bình đẳng, dù cổ hay kim, nhưng khi là Phật thì đều bình đẳng”. Hai Đức Phật ngồi trên không trung quá cao, nên đại chúng đồng nguyện xin làm sao cho họ thấy được hai Đức Phật và nghe được

tiếng Phật thuyết pháp. Đức Phật Thích Ca chấp nhận, Ngài bèn dùng thần thông nâng đại chúng lên cao giữa không trung.

3. Đức Phật Thích Ca thông báo

Đức Thế Tôn cho đại chúng biết là kinh Pháp Hoa đã đúng lúc phổ truyền. Ngài hứa phú chúc, trao truyền cho ai muốn đại diện Đức Phật thuyết giải kinh Pháp Hoa. Ngài còn cho biết là ngày giờ nhập Niết bàn của Như Lai không còn xa.

Đức Phật Thích Ca phân tích các việc: đời non lấp biển, gánh rơm đi trong lửa, dạy vô lượng chúng sinh, chứng quả A La Hán và bất cứ việc làm khó khăn nào ở trên đời này, cũng vẫn chưa khó bằng việc tu trì, in chép, đọc tụng và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là bậc nhất. Ai đọc tụng, tu trì, thuyết giải kinh này ắt làm cho chư Phật hoan hỷ. Ai làm được như trên là người dũng mãnh tinh tấn. Đó thật là người trì giới tu hạnh nhẫn khổ, là người được mau chứng quả vô thượng. Đời sau ai nhận giữ đọc tụng kinh này là Phật tử chân chính, là bậc thuần thiện. Sau Phật diệt độ, ai hiểu được kinh này là mắt sáng suốt của trời người. Giữa lúc cảnh sợ hãi, ai

thuyết giải kinh này, dù trong chốc lát, là người đáng được trời người cúng dường.

PHẨM THỨ MƯỜI HAI

PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

- ◆ Đức Phật kể chuyện tiền thân và thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa.
- ◆ Công đức nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa.
- ◆ Bồ tát Trí Tích.
- ◆ Bồ tát Văn Thù hóa độ cung rồng.
- ◆ Việc Long nữ thành Phật.

1. Đức Phật kể chuyện tiền thân và thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa

Sau khi Đức Phật Thích Ca công bố cho đại chúng biết là chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ nhập Niết bàn, nên muốn đem kinh Pháp Hoa này phó chúc lại. Đức Phật liền bảo đại chúng: “Về thuở xa xưa cách nay vô lượng kiếp, ta đã từng làm vua và thường tinh tấn cầu kinh Pháp Hoa. Trong số kiếp đó có một đời, ta làm vua trị vì một nước

thanh bình. Nhưng ta muốn cầu nghe kinh Pháp Hoa, nên trao ngôi lại cho Thái tử, rồi theo hầu hạ một vị tiên nhân, suốt hàng ngàn năm không hề chểnh mảng”.

Đức Phật bảo tiếp: “Vị vua thuở ấy chính là tiền thân của ta, còn vị tiên nhân kia chính là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa. Hôm nay ta đã thành bậc Vô thượng giác, phần lớn là nhờ vị thiện trí thức đó”.

Sau đó, Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa, qua vô lượng kiếp sau sẽ thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai (đủ mười tôn hiệu), nước tên là Thiện Đạo. Đức Phật Thiên Vương Như Lai sống lâu hai mươi trung kiếp và chính pháp trụ đời cũng hai mươi trung kiếp.

2. Công đức nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa

Ai nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa mà khởi tâm thanh tịnh thì người đó nhất định không đọa vào ba đường dữ, được sinh vào các cõi Phật (tùy theo bản nguyện). Nếu sinh vào cõi Trời thì người đó được hưởng an vui tột cùng. Nếu sinh vào cõi Phật thì sẽ hóa sinh từ hoa sen.

3. Bồ tát Trí Tích

Bồ tát Trí Tích, vị Thị giả của Đức Phật Đa Bửu Như Lai, thỉnh Đức Đa Bửu trở về bốn quốc, nhưng Đức Phật Thích Ca bảo Bồ tát Trí Tích ở lại chờ gặp Bồ tát Văn Thù để cùng đàm luận pháp mầu.

Đức Phật Thích Ca vừa dứt lời thì Bồ tát Văn Thù cùng các vị Bồ tát khác, từ cung rồng Ta Kiệt La ngồi trên tòa sen báu, dùng thần thông đến đạo tràng. Tất cả đều đảnh lễ hai Đức Thế Tôn. Bồ tát Văn Thù đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích, hai vị Bồ tát thăm hỏi nhau về pháp mầu.

4. Bồ tát Văn Thù hóa độ cung rồng

Nơi cung rồng Ta Kiệt La, Bồ tát Văn Thù đã hóa độ vô lượng chúng sanh, đa số đều đắc thành Bồ tát. Những vị Bồ tát này thường cùng Đức Văn Thù biện thuyết sáu pháp Ba la mật và được sự hướng dẫn của Ngài, nên các vị ấy từ cung rồng ngồi tòa sen báu, bay lên núi Linh Thứu trụ giữa không trung. Trong số này có những vị trước kia là Thanh Văn, hôm nay nhân dịp này, các Ngài cũng tu theo nghĩa “không tướng” của Đại thừa.

5. Việc Long nữ thành Phật

Bồ tát Văn Thù cho biết: Khi ở cung rồng, Ngài chỉ tuyên thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu ai siêng tu kinh Pháp Hoa, sẽ mau thành đạo Vô thượng Bồ đề. Cũng như con gái vua rồng Ta Kiệt La, mới tám tuổi mà đầy đủ trí đức, biết vâng nghe nhận lãnh, giữ gìn được kinh Pháp Hoa thắm sâu và ẩn mật của chư Phật, hiểu thấu được pháp “không tướng”, tu theo đúng kinh Pháp Hoa. Nhờ vậy mà nàng sắp thành Phật.

Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất không tin việc nàng công chúa Rồng sắp thành Phật, vì các Ngài cho rằng đạo Phật cao siêu, sâu rộng, phải trải qua vô lượng kiếp, cần khổ, chứa nhóm công hạnh và đầy đủ các pháp Ba la mật thì mới thành quả vị Phật. Ở đây, nàng công chúa Rồng là thân nữ, còn bị rất nhiều điều chướng ngại, như vậy thì làm sao trong khoảng sát na nàng thành Phật được?

Bàn luận chưa xong thì nàng Long nữ đã xuất hiện, đến quỳ lễ Đức Phật, đọc kệ tán thán, xong cúng dường lên Đức Phật Thích Ca viên ngọc trị giá bằng ba nghìn cõi đại thiên thế giới. Long nữ nói với Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá

Lợi Phát, nàng thành Phật còn mau hơn cúng dường ngọc.

Nói xong, nàng liền biến thành thân nam, đủ hạnh Bồ tát, bay qua cõi Vô Cấu ở phương Nam, đắc thành quả vị Chánh giác, vị Phật này vì chúng sinh thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Chúng sinh cả hai cõi Vô Cấu và Sa Bà đều được nghe pháp. Như vậy vô lượng chúng sinh đắc quả vị bất thối và được thọ ký. Tôn giả Xá Lợi Phát, Bồ tát Trí Tích cùng đại chúng nơi đạo tràng đều yên lặng và tin tưởng tuyệt đối.

PHẨM THỨ MƯỜI BA

PHẨM TRÌ

- ◆ Chư vị Bồ tát phát nguyện.
- ◆ Các vị tu chứng và các vị học rộng hiểu xa xin đi cõi khác.
- ◆ Đức Phật thọ ký cho hai bà Kiều Đàm Di và Da Du Đà La.
- ◆ Tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, bậc bất thối chuyển phát nguyện.

1. Chư vị Bồ tát phát nguyện

Hai Ngài Bồ tát Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết, cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc, đến trước Đức Phật phát nguyện, sau khi Đức Phật diệt độ, các Ngài sẽ phụng trì, đọc tụng, thuyết giảng kinh Pháp Hoa, rộng độ chúng sinh cõi Sa Bà, mặc dù vẫn biết chúng sinh cõi này nhiều tệ ác. Các Ngài phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa, dù có hy sinh tính mạng.

2. Các vị tu chứng và các vị học rộng hiểu xa xin đi cõi khác

Năm trăm vị A La Hán, tám nghìn vị còn học và không còn phải học, toàn là những vị đã được thọ ký, đến đánh lễ Đức Phật và phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa, nhưng thọ trì ở những cõi khác, vì các Ngài chê cõi Sa Bà chúng sinh dơ xấu, bủn xỉn.

3. Đức Phật thọ ký cho hai Ni trưởng Kiều Đàm Di và Da Thân Đà La

- Ni trưởng Kiều Đàm Di và sáu nghìn Tỷ kheo Ni quyền thuộc. Ni trưởng Kiều Đàm Di thành Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến. Đức Phật Hỷ Kiến tuần tự thọ ký cho sáu

ngàn quyển thuộc thành Chánh đẳng Chánh giác.

- Ni trưởng Da Thủ Đà La và quyển thuộc đứng dậy lễ Đức Phật, cầu xin Đức Phật thọ ký. Đức Thế Tôn trao ký cho thành Phật hiệu Cự Túc Thiên Vạn Quang Tướng.

Hai Ni trưởng Kiều Đàm Di và Da Du Đà La cùng tất cả Tỷ kheo Ni đều vui mừng hơn hờ vì được việc chưa từng có. Các vị Tỷ kheo Ni này cũng xin Đức Phật thọ trì kinh Pháp Hoa ở cõi khác, lý do cũng như các vị Tỷ kheo Tăng.

4. Tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, bậc bất thối chuyển phát nguyện

Đức Thế Tôn chấp nhận cho hàng tứ chúng được đi nơi khác phổ truyền kinh Pháp Hoa. Vậy ai hộ trì kinh Pháp Hoa ở cõi Sa Bà này? Ngài bèn nhìn tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, những bậc bất thối chuyển và đặc pháp tổng trì. Hàng Bồ tát này đứng lên chiêm ngưỡng Đức Phật và thầm nghĩ: “Chắc Đức Phật dạy cho mình được phổ truyền kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà?”.

Trước sự lặng thinh của Đức Thế Tôn, để vừa hợp ý Đức Phật vừa thỏa nguyện cho mình, các Ngài đồng thề nguyện trước Đức Phật: “Sau

khi Như Lai diệt độ, chúng con sẽ đi khắp mười phương thế giới khiến chúng sinh biên chép, tin giữ, đọc tụng, thuyết giải y pháp tu hành theo kinh này. Nếu được vậy là nhờ uy lực của Đức Phật, cúi xin Đức Thế Tôn ở phương khác, xa thấy mà hộ trì chúng con”. Liền đó, các vị Bồ tát đều tuyên đọc thơ kệ.

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN

PHẨM AN LẠC HẠNH

- ◆ Bốn nơi an trụ của Bồ tát.
- ◆ Đức Phật kể chuyện thí dụ.
- ◆ Sự lợi ích.

1. Bốn nơi an trụ của Bồ tát

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi xin Đức Phật cho biết những vị Bồ tát muốn thuyết kinh Pháp Hoa nơi đời ác thì phải thệ nguyện thế nào và phải an trụ pháp nào. Đức Phật bảo: Bồ tát muốn nói kinh này phải an trụ bốn pháp:

- + Hành xứ.
- + Thân cận xứ.
- + An lạc hạnh.

+ Pháp vô phân biệt.

a. An trụ nơi hành xứ: Bồ tát phải an trụ trong nhần nhục hòa dịu, khéo thuận, không sợ sệt, ở giữa muôn vật mà không đắm nhiễm, ở nơi pháp chẳng phân biệt mà thuyết giải kinh này. Đó là hành xứ của Bồ tát.

b. An trụ nơi thân cận xứ (chỗ và người đáng thân cận): Bậc Bồ tát không nên nương tựa và mật thiết hàng cây quyền lực, những kẻ ca tụng pháp ác của thế gian, kẻ ngoại đạo, các phái khổ hạnh của ngoại đạo. Lại chẳng gần gũi những kẻ giết hại sinh vật và hàng tứ chúng phá giới. Gặp Đại Bồ tát thực hành pháp “**thân cận**” này, phải đầy đủ oai nghi, không vì danh lợi dục nhiễm mà nói pháp, không mật thiết Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ, hoặc cùng chúng nó đồng một thầy, thường ưa ngồi thiền ở chỗ vắng tu nhiếp tâm mình.

Lại nữa, vị Đại Bồ tát phải quan sát **các pháp không** là **thực tướng**, chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng chuyển, thấy như hư không, thấy muôn vật không có thật tính, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng khởi, thấy đều là vô danh, vô tướng, vô lượng, vô biên, vô ngại, vô chướng. Nếu chấp nơi danh tự ngôn ngữ để chỉ sự vật này

nọ thì đều trái với chân lý. Các pháp chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sinh, nên mới nói thế này thế khác. Bậc đại trí phải suy xét thấy các tướng của vạn vật là như thế. Đó là thân cận xứ của Hạnh Bồ tát.

c. An trụ nơi an lạc hạnh: Nghĩa là nơi các đời sau bậc Bồ tát muốn diễn bày pháp Đại thừa phải an trụ nơi hạnh an lạc. Khi tuyên nói hoặc đọc tụng kinh, đều chẳng nên nói lỗi của người và của kinh điển. Chẳng đua nịnh, chẳng ca tụng vì lợi dưỡng, chẳng nên kêu tên các bậc Thanh Văn mà khen ngợi, hoặc nêu tên người, nói lỗi người. Nếu có người hỏi thì chẳng dùng pháp Tiểu thừa để giải đáp, mà chỉ nên dùng pháp Đại thừa.

Đức Phật lại căn dặn Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và đại chúng: Về đời mạt pháp, những vị hành Bồ tát đạo phải an trụ nơi hạnh an lạc này, phải sinh lòng đại bi đối với tất cả chúng sinh. Không ganh ghét đua đối, không bày lỗi khinh mắng kẻ trì kinh, không biếng trễ mà luôn luôn cung kính, cúng dường, lễ lạy chư Phật và chư Bồ tát, phải bình đẳng với tất cả chúng sinh mà nói pháp.

Ở đời rồi sau, nếu có vị Bồ tát nào thành tựu

được hạnh an lạc thứ ba đây, thời được vô lượng chúng sinh cung kính.

d. An trụ nơi pháp vô phân biệt: Bậc Bồ tát thực hành pháp vô phân biệt thì phải giữ tâm bình đẳng mới có thể diễn bày pháp Đại thừa Vô thượng của chư Phật (không có tâm phân biệt người thượng căn, hạ trí), vì nơi pháp này đã hiển bày các pháp Nhất thừa Phật tính. Phải bình đẳng như cơn mưa, như ánh sáng mặt trời, dần dần sưởi ấm muôn vật, thấm nhuần khắp chúng sinh nhưng không thấy đã thấm nhuần, không hay đã sưởi ấm. Đó là pháp “**vô phân biệt**” thứ tư của Bồ tát.

Đức Phật còn cho biết, nếu người thiện nam, thiện nữ nào đã thực hành được pháp thứ tư này thì thường được hàng trời người cung kính, cúng dường, ủng hộ. Người đó, dù ở bất cứ nơi nào cũng đều được chư Thiên hộ vệ, bởi vì kinh này được sức thần của chư Phật ba đời gìn giữ.

2. Đức Phật kể chuyện thí dụ

Vua Chuyển Luân Thánh Vương có thể lực mạnh mẽ, muốn dùng oai thế hàng phục các nước khác, nhưng các vị vua nhỏ không thuận mệnh.

Bấy giờ vua đem quân đánh dẹp. Khi xong việc, nhà vua tùy theo người có công lớn, nhỏ mà ban thưởng nào là: vườn, nhà, xe cộ, voi ngựa và vật báu, nhưng nhà vua không ban cho viên ngọc minh châu trên búi tóc. Vì nếu cho sớm thì quyến thuộc vua phải kinh ngạc. Về sau, nhà vua thấy binh tướng có công lớn, liền đem viên ngọc quý trong búi tóc ra ban thưởng.

Cũng vậy, Như Lai dùng sức thiên định, trí tuệ đặc pháp, thấu suốt hết thảy các cõi, giáo hóa cả tam giới, nhưng Ma vương không thuận phục, các tướng hiền thánh của Như Lai mới cùng ma đánh nhau. Những người có công chinh phục Ma vương thì Như Lai ban cho các pháp thiên định, giải thoát, vô lậu, căn lực, niết bàn và thuyết các kinh khác mà chưa thuyết kinh Pháp Hoa. Nhưng khi các sứ giả của Như Lai chiến thắng được nội ngoại ma, khởi ba độc tham sân si, vượt tam giới, bấy giờ Như Lai mới đem giáo pháp tối thượng “**kinh Diệu Pháp Liên Hoa**” mà ban cho. Vì là pháp tối thượng, là tạng bí mật của chư Phật nên phải đúng lúc, đúng thời mới nói. Kinh này có năng lực chuyển độ chúng sinh, đạt đến bậc nhất thiết trí.

3. Sự lợi ích

Sau khi Đức Phật diệt độ, trong đời ác sau,

người đọc tụng kinh này tâm không phiền não, thân ít đau bệnh, nhan sắc tốt đẹp, không sinh vào chốn ti tiện bần cùng, được trời người và mọi loài mến luyến ủng hộ, được xa lìa các điều tai hại.

Người trì kinh Pháp Hoa trí tuệ sáng suốt, uy dũng như sư tử vương, không nhút nhát sợ sệt, khi chiêm bao thấy những điềm lành tốt đẹp. Sau này nơi đời ác năm trước, ai phổ truyền kinh Pháp Hoa thì được nhiều lợi ích và công đức không thể nghĩ bàn.

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM

PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

- ◆ Đức Phật không chấp thuận giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho Bồ tát các cõi khác.
- ◆ Đức Phật giao hàng Bồ tát vô danh việc phổ truyền kinh Pháp Hoa.

- ◆ Hàng Bồ tát vô danh ra mắt Đức Phật.
- ◆ Bồ tát Di Lạc bạch Phật.
- ◆ Đức Phật Thích Ca giải đáp.
- ◆ Đại chúng vẫn còn phân vân.

1. Đức Phật không chấp thuận giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho Bồ tát các cõi khác

Đức Phật giảng xong phẩm An Lạc Hạnh, vô số Bồ tát ở các cõi khác xin Đức Phật Thích Ca cho phép được phổ truyền và hộ trì kinh Pháp Hoa. Đức Phật không chấp thuận, vì ở cõi Sa Bà có vô lượng Đại Bồ tát sẽ thay Như Lai phổ truyền kinh Pháp Hoa.

2. Đức Phật giao hàng Bồ tát vô danh việc phổ truyền kinh Pháp Hoa

Lúc ấy cả ba nghìn đại thiên thế giới đất đều rung nứt và vô lượng Đại Bồ tát từ đất vọt lên. Tất cả đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và đều dẫn theo quyến thuộc của mình. Mỗi vị đem, sáu, năm, bốn, ba, hai, một quyến thuộc, ít nhất một quyến thuộc, cũng có Ngài chẳng đem theo quyến thuộc nào. Trong số Bồ tát này có bốn vị

Bồ tát đại diện là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh và An Lập Hạnh.

3. Hàng Bồ tát vô danh ra mắt Đức Phật

Các vị Bồ tát làm lễ Đức Phật, tán thán hai Đức Thế Tôn, đồng thời thăm hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có an vui, ít bệnh, ít não không? Chúng sinh có dễ độ và họ có làm cho Đức Thế Tôn mệt nhọc không?

Đức Phật Thích Ca đáp là: Ngài được an vui, không bệnh, không não, chúng sinh rất dễ độ, vì chúng sinh này đã được Như Lai dạy bảo nhiều đời nhiều kiếp và từng trồng căn lành nơi chư Phật quá khứ, nên vừa nghe pháp thì liền tin nhận và dễ nhập vào trí tuệ của Phật.

4. Bồ tát Di Lặc bạch Phật

Bồ tát Di Lặc và đại chúng thắc mắc: Không biết các vị Bồ tát từ đất vọt lên là ai? Từ đâu đến? Do nhân duyên gì mà nhóm? Do ai giáo hóa? Tu tập và xưng dương Phật pháp nào?

5. Đức Phật Thích Ca giải đáp

Hàng Bồ tát từ đất mới vọt lên đây là do Như Lai mới giáo hóa, Như Lai đã làm cho hàng Bồ tát này phát tâm tu cầu trí tuệ vô thượng.

6. Đại chúng vẫn còn phân vân

Đại chúng nghĩ rằng trong thời gian hơn bốn mươi chín năm làm sao Đức Thế Tôn có thể giáo hóa được vô lượng Đại Bồ tát như thế, vì các vị này từ nơi vô lượng chư Phật quá khứ đã thành tựu đạo Bồ tát. Còn Đức Thế Tôn lúc thành đạo mới bắt đầu giáo hóa, thời gian từ đó đến nay quá ngắn thì làm thế nào mà thực hiện được việc công đức to lớn như vậy. Điều này cũng chẳng khác nào cha trẻ con già, thiên hạ làm sao tin nổi? Tất cả đều xin Đức Phật thương xót hàng chúng sinh mà giải mối nghi này.

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU

PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

- ◆ Đức Phật Thích Ca dạy đại chúng.
- ◆ Đức Phật thí dụ.

1. Đức Phật Thích Ca dạy đại chúng

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ba lần khuyên bảo đại chúng nên tin hiểu lời nói chân thật của Ngài. Liên đó, Bồ tát Di Lặc đại diện đại chúng,

ba lần thỉnh Đức Phật giải mối nghi cho đại chúng.

Thấy đại chúng nhiều phen câu thỉnh, nên Đức Phật mới giảng dạy rằng: “Tất cả thế gian đều hiểu Phật là vị hoàng tử Tất Đạt Đa, rời khỏi cung xuất gia, đến ngồi nơi đạo tràng, cách thành Già Da, rồi đắc quả thành Phật”.

+ **Không gian**: Nếu ai đem ba ngàn đại thiên thế giới nghiền nhỏ, chế thành mực, rồi đem số mực này đi, trải qua trăm ngàn muôn ức tỷ tỷ cõi quốc độ mới chấm xuống một giọt. Chấm hết số mực trên thì số cõi quốc độ ấy có nhiều chăng? Được bao nhiêu? – Nhiều lắm, không thể tính đếm được.

+ **Thời gian**: Đem nghiền những cõi này thành bụi vi trần, tính mỗi vi trần là một kiếp thì từ khi Đức Thế Tôn thành Phật đến nay, số kiếp nhiều lâu như thế (hàng Thánh Tăng cũng không thể tính đếm được).

- Vì lợi ích chúng sinh, từ đó đến nay, Như Lai ở cõi Ta Bà này và khắp các cõi, tùy theo chỗ đáng độ và căn tánh chúng sinh mà phương tiện nói pháp vi diệu.

- Có lúc Như Lai nói về mình, có lúc nói về người, nhưng không hề mâu thuẫn và đúng như thật. Phật thấy rõ thực tướng của ba cõi không có sinh tử, không thối, không xuất, không thường, không đoạn, chẳng thực, chẳng hư, chẳng như, chẳng dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy ba cõi.

- Thọ mạng của Như Lai dài vô lượng, nhưng sợ chúng sinh căn tánh thấp kém, sinh ý buông lung, ỷ lại nên Đức Phật mới phương tiện nói là có diệt độ, có Đức Nhiên Đăng Như Lai và chư Phật khó gặp, để chúng sinh khởi tâm tin nhận mà tinh tấn tu hành.

2. Đức Phật thí dụ

Có một vị thầy thuốc giỏi và rất đông con, vì bận việc đi xa, những đứa con uống nhầm thuốc độc. Người cha về kịp lúc, các con vui mừng xin cha giải độc. Thấy thế, người cha cho thuốc giải. Những đứa con còn tỉnh vâng lời cha uống thuốc, nên được lành bệnh. Còn những đứa bị nặng, điên đảo nên không chịu uống. Sau đó, ông giả vờ tìm cách đi xa, rồi cho người về báo với các con rằng: “Cha các người đã chết”. Những đứa con điên đảo kia nghe cha chết, lòng buồn nghĩ: “Mình nay côی cút, không nơi nương tựa”. Lúc

bấy giờ mới tỉnh ngộ, chịu uống thuốc do cha chúng để lại và được lành bệnh. Lúc ấy, người cha trở về.

Như Lai và chư Phật cũng thế, đều sử dụng phương tiện đó để độ chúng sinh nên không hề sai đối.

Lôøi Sau Saùch

Kinh Pháp Hoa giảng luận - tập Một từ ươm mầm đến thành tựu phải mất nhiều năm và được nhiều vị thức giả góp ý, nhất là Học giả Lý Việt Dũng trách nhiệm rà soát, trước khi lên bản in.

Tập Hai - từ sơ khởi đến hoàn thành, thời gian chưa đầy nửa năm, lại gặp phải nhiều thử thách, số vị thức giả góp ý cũng thưa vắng. Còn về phần Học giả Lý Việt Dũng thì bị bệnh suốt thời gian này. Đến những ngày chót, còn một tuần nữa lên bản in thì Học giả mới tuyên giảm.

Tập Hai dù gặp nhiều thử thách, nhưng cũng có nhiều chỗ cao sâu hơn tập Một, ý giảng luận có phần khó thấm nhập đối với giới sơ cơ, nhưng lại dễ cho hành giả.

Thời gian và điều kiện thành tựu tập Hai có phần chật hẹp hơn, nên chắc chắn cũng chưa hài lòng quý vị độc giả. Rất mong sự niệm tình hỷ xả mọi thiếu sót.

Chúng tôi mong nhận được mọi sự chỉ dạy của quý bậc cao minh và góp ý xây dựng của các giới thức giả, trí giả, đồng thời mong được giới độc giả và hành giả Pháp Hoa nhiệt tình nuôi dưỡng Pháp Hoa giảng luận.

Nguyện đem công đức này hồi hướng về tứ trọng ân. Đón đợi sự đóng góp xây dựng Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận - tập Ba sắp đến.

Thành thật cảm ơn Nhà xuất bản Tôn giáo, Nhà in Nguyễn Minh Hoàng, các vị đạo tâm góp tịnh tài ấn tống, chư Tăng Ni và Phật tử, cùng giới tu học viên Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm, đã đồng tâm phổ biến sâu rộng và nghiên cứu tu luyện để bốn mùa sen nở rạng rỡ, hầu tô thêm nét

đẹp cho đời, ích nhà lợi nước, ích vật lợi người.

Xin hồi hướng công đức này đến khắp pháp giới chúng sinh thấy đều nhuần triêm phước huệ.

Trân trọng.

Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM
Ngày mồng 1 tháng 5 năm Quý Mùi
Người dịch và giảng luận
Sa môn THÍCH THÔNG BỬU

PHỤ BAÛN

DANH SAÛCH ÁN TOÁNG KINH

**DANH SÁCH PHẬT TỬ ẤN TỔNG
KINH PHÁP HOA GIẢNG LUẬN - TẬP II**



HỌ VÀ TÊN	PHÁP DANH	SỐ QUYỂN
NHÓM CÔ THANH TỊNH		
Gia đình NGUYỄN HOÀI HIỆP CA THỊ PHẠM NGUYỄN HOÀI THIÊN		250 quyển
Gia đình NGUYỄN HỒNG PHÚC MAI AN LẠC NGUYỄN HỒNG ĐỨC		150 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ PHƯỚC NGUYỄN THÁI TUẤN	Thủy Ngọc	150 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN NĂM LÝ BẠCH YẾN	Diệu Oanh	100 quyển
Gia đình LÝ BẠCH YẾN xin hồi hương Hương linh cha: LÝ CÔNG NÊN Hương linh mẹ: VÕ THỊ TỐT	Diệu Oanh	100 quyển

Gia đình TRẦN LÊ LỆ THU - TRẦN LÊ THU DIỆU cầu siêu HI Cha TRẦN VĂN PHÁN		100 quyển
Gia đình THÁI NGỌC MẬU - chồng và các con		100 quyển
Ni cô QUẢNG TỊNH và gia đình TỊNH PHỤNG - DIỆU THANH - AN TÍN - AN HẠNH - AN NGUYỆT		100 quyển
Gia đình TRƯỞNG VĂN ĐƯỢC		100 quyển
Gia đình TRẦN THỊ TIẾT		100 quyển
Gia đình Sư cô THANH THANH		50 quyển
Gia đình LÝ CÔNG THUẬN - NGUYỄN THỊ HƯỜNG và các con		50 quyển
Gia đình Cụ NGUYỄN THỊ THẠNH VÕ THỊ HAI NGUYỄN THỊ BÔNG VÕ THỊ TOÀN NGUYỄN THỊ QUỐC MỸ	Viên Thạnh Thanh Tịnh	50 quyển
Gia đình KIM MAI	Kim Hải	50 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ HƯƠNG NGUYỄN VĂN HỮU	Quảng Tín	50 quyển
Gia đình NGUYỄN HIỀN và LAN		50 quyển
Gia đình NGUYỄN HẢO và THIÊN		50 quyển
Gia đình cô THU	Diệu Hồng	50 quyển
Gia đình LÊ CÔNG NAM TRẦN NGỌC PHƯƠNG		50 quyển
Gia đình QUẢNG TỊNH		50 quyển
Gia đình HUỖNH XUÂN MAI	Quảng Ái	50 quyển
Gia đình PHÙNG KIM KHÁNH hồi hướng HI. ĐÀO CHÍ HUỆ	Diệu Nhơn	50 quyển
Gia đình chị NGA xin hồi hướng: HI. QUÁCH TÔN TÚ HI. QUÁCH ĐÌNH PHÙNG	Quảng Diệu Nguyệt Quảng Minh Phát Quảng Minh Hậu	50 quyển

Gia đình LÝ KIM NGHIỆM Hồi hướng Hl. LÝ HÀ - TRIỆU THỊ KIÊU - DƯƠNG BÌNH NGHIỆP - TRẦN THỊ TEN	Quảng Nghiêm Quảng Phước	50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LAN	Diệu Thực	50 quyển
Gia đình TRẦN THỊ LOAN	Diệu Minh	50 quyển
Gia đình NGUYỄN BẠCH PHƯỢNG, chồng và các con		50 quyển
Gia đình NGUYỄN LYLY HỢP		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUỆ và QUANG		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỒNG	Diệu Hương	25 quyển
Gia đình cụ DIỆU THÀNH - DIỆU VIÊN		25 quyển
Gia đình cô HỒNG NGỌC		25 quyển
Gia đình NGUYỄN TẤN THÀNH		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THẾ LONG		25 quyển
Gia đình NGUYỄN HÙNG PHI		25 quyển
Gia đình THÁI NGỌC LOAN VƯƠNG PHƯỚC LỢI	Quảng Thụy	25 quyển
Gia đình CHÚC TUYẾN, chồng và các con		25 quyển
Gia đình NGÔ KIM LÝ ANH		20 quyển
Gia đình VIÊN VĂN CHỨNG NGÔ KIM LAN		20 quyển
Gia đình NGÔ JEREMY VĂN LỢI		20 quyển
Gia đình DIỆU MỸ và chú TRE		20 quyển
Gia đình GIANG NGA	Diệu Mỹ	20 quyển
Gia đình LIÊN THỊ HỨN		20 quyển
Gia đình LÝ KIM PHƯƠNG	Quảng Liên	20 quyển
NGUYỄN THỊ TRÂM HƯƠNG	Quảng Nhật	10 quyển
NGUYỄN THỊ THẢO HƯƠNG		10 quyển
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG		10 quyển
NGUYỄN CHÍ ĐỨC		10 quyển
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG	Nghiêm Hoa	10 quyển

NGUYỄN THỊ MỸ (chị Cảnh)		25 quyển
Gia đình TRẦN THỊ YẾN	Tâm Thanh	50 quyển
Sư cô THANH TÂM	Từ Quang	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HIỀN	Diệu Viên	25 quyển
Gia đình LÂM CHIÊU		10 quyển
Gia đình NGÔ THỊ SỬ hồi hướng HI Ngô Thu Hương		15 quyển
Gia đình TUỆ CHÂU		7 quyển
Gia đình TRẦN ANH TUẤN		5 quyển
Gia đình LÊ THỊ HOA (Sam Jose)	Huệ Hồng	10 quyển
Gia đình TRƯƠNG HỒNG TRINH	Diệu Bạch	10 quyển
Gia đình THIÊN LONG - KIM SƠN		25 quyển
Gia đình ĐỨC HUỲNH hồi hướng HI mẹ Trinh Thị Minh (Sư cô Giác Cảnh)		30 quyển
Gia đình NGUYỄN KIẾN BÌNH - LÊ MAI ANH - NGUYỄN LÊ NAM ANH		25 quyển
TRẦN NAM TIẾN - LÊ THỊ TRÂM ANH - TRẦN LÊ TƯỜNG ANH		25 quyển
Gia đình LÊ THỊ LAN ANH NGUYỄN NGỌC ĐIỆP		15 quyển
LÊ THỊ QUỲNH ANH - PHÓ QUỐC ĐẰNG - AMY		15 quyển
NGUYỄN VĂN SƠN - NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG - NGUYỄN ÁI ĐIỂM THI		10 quyển
Gia đình NGUYỄN HỮU PHÒNG		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ HẠNH		10 quyển
Gia đình VŨ THỊ CHI	Diệu Diệu	20 quyển
Gia đình chị MƯỜI	Diệu Thiện	10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN TỐT hồi hướng HI HUỲNH THỊ LỜI HI Cha NGUYỄN VĂN TỬ		25 quyển
Cụ TẠ THỊ Y	Ngộ Ngọc	10 quyển
Gia đình TẠ THỊ GHẾT		10 quyển
Gia đình CHÂU TIÊN	Quý Ngọc	10 quyển

Gia đình HỒ VĂN THÔI		10 quyển
Gia đình CHÂN SÚ BÚI		10 quyển
Gia đình TRƯƠNG PHÚ TINH		5 quyển
Gia đình TRƯƠNG LINDA		5 quyển
Gia đình CHÂU THU HỒNG		10 quyển
Gia đình CHÂU HOA		10 quyển
Gia đình LA HUÊ		10 quyển
CHÂU ĐIỂM HẰNG		5 quyển
CHÂU CHÍ BÌNH		5 quyển
CHÂU CHÍ VINH		5 quyển
CHÂU SÚ LINH		10 quyển
CHÂU THANH HƯƠNG		10 quyển
CHÂU HOÀNG HẢI		10 quyển
CHÂU MỸ HOA		10 quyển
CHÂU MỸ LAN		10 quyển
CHÂU SÚ KHIẾM		10 quyển
CHÂU THÚY NGÀ		10 quyển
NGUYỄN VĂN PHƯỚC		10 quyển
CHÂU HÒA MINH		10 quyển
HỒ TRI CHÂU		5 quyển
HỒ CHÂU ĐỨC		5 quyển
HỒ CHÂU LỘC		5 quyển
HỒ CHÂU DANH		5 quyển
Gia đình NGÔ XUÂN LIỄU		10 quyển
Gia đình LÝ KIM MAI		10 quyển
Gia đình LÝ CẨM NHUNG		10 quyển
Gia đình LÝ KIM THẨM		10 quyển
Gia đình cô LOAN	Thu Ngọc	10 quyển
Gia đình LÂM HOÀNG YẾN LỮ TÀI	Quảng Thanh	10 quyển
Gia đình chị DIỆU KIM		10 quyển
Gia đình bà LAI THỊ TẮC HẠNH		10 quyển
Gia đình cô QUẢNG ĐẠO hội hướng Hl. TRẦN DUY TÂN		10 quyển

Gia đình cô QUẢNG YÊN		10 quyển
Gia đình HỒNG NGUYỄN ALAMEDA	Quảng Diệu Ngọc	10 quyển
Gia đình cô BÍCH	Quảng Ngọc	10 quyển
Gia đình LÊ TRẦN BÍCH CHI KIM HẢI	Chân Diệu Lạc	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CHÍN (Lâm Quế Anh)		10 quyển
Gia đình cô NGỌC HÓA		5 quyển
Gia đình LÝ TRUNG TÂM		5 quyển
Gia đình LÝ TRUNG THÀNH		5 quyển
Gia đình LÝ KIM TƯƠI		10 quyển
Gia đình LÊ CỔ BÍCH		10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN TẤN		10 quyển
Gia đình cô TRÍ NGỌC (Hayward)		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ HÒA	O Chin Ya	10 quyển
THANH TỊNH hồi hướng Hl. BÙI KIM	Diệu Thông	10 quyển
Gia đình DIỆU XUÂN		10 quyển
Gia đình LÂM CHIÊU		10 quyển
Gia đình QUÁCH MỸ CHÂU		25 quyển
Gia đình THẢO - MINH - BÌNH		30 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BẠCH PHƯỢNG cùng chồng và các con		50 quyển
Gia đình Cô VÂN Chú TÀI (tiệm Song Hỷ)	Dolma Dorze	50 quyển
Gia đình LÊ THỊ TUẤT	Tịnh Niệm	7 quyển
Gia đình HOÀNG THỊ NGÀ	Chúc Hòa	50 quyển
Gia đình UÔNG THỊ VÂN	Diệu Viên	10 quyển
Gia đình LA KHOA LẬP		12 quyển
Gia đình PHAN THỊ TUYẾT hồi hướng Hl. NGUYỄN HỮU TÍN Hl. NGUYỄN HỮU KEVIN	Diệu Xuân Quảng Thành Quảng Viên	25 quyển
Gia đình HÀNG ANH DU (Ma Connie)		10 quyển
Gia đình LƯU TUYẾT MAI	Diệu Quang	10 quyển

Gia đình THÁI NHUẬN TƯ		25 quyển
Gia đình LÝ BÍCH DUNG	Ngọc Đức	10 quyển
Gia đình TĂNG ANH HOA		10 quyển
TRẦN THI LAN (Nguyên Hoàng)		3 quyển
Gia đình Bà RIÊU	Diệu Hòa	3 quyển
Gia đình Bà BÀNH		1 quyển
NHÓM CÔ THANH TỊNH và CÔ DIỆU VIÊN		
Gia đình DIỆU AN		25 quyển
Gia đình QUANG LIÊU		19 quyển
Gia đình QUẢNG TÍN		15 quyển
Gia đình DIỆU HUỆ (Tâm)		15 quyển
Gia đình QUẢNG MINH		10 quyển
VÔ DANH		10 quyển
Gia đình ÂU NÁI		10 quyển
Gia đình LIÊU HUI TRINH		10 quyển
Gia đình LIÊU HUI NGHIÊM		10 quyển
Gia đình LIÊU VĂN QUANG		10 quyển
Gia đình LÝ NGUYỆT HƯƠNG		10 quyển
Gia đình QUẢNG DIỆU NHẬT		10 quyển
Gia đình DIỆU THÀNH		10 quyển
Gia đình Cô HOA		10 quyển
Gia đình BÙI THỦY	Diệu Thanh	10 quyển
Gia đình QUẢNG NGHIÊM		10 quyển
Gia đình Bác GIÁC		10 quyển
Gia đình Chị QUANG		10 quyển
Gia đình THỦY MAI		10 quyển
Gia đình DIỆU XUÂN		10 quyển
Gia đình LÂM KIÊN		10 quyển
Gia đình LÂM CÔNG ĐĂNG		5 quyển
Gia đình ĐỖ XUÂN THIÊN		5 quyển
Gia đình ĐỖ QUANG TRUNG		5 quyển
Gia đình Cô DUNG		5 quyển

NHÓM CÔ TỈNH QUANG		
TENZIN THUBPA - PHU DUNG	Tỉnh Quang	21 quyển
Sư cô PHAP HY (Thụy Điển)		14 quyển
DIEU TIEN		7 quyển
LU DONG THUAN	Đông Tho	21 quyển
Ông bà NGUYEN THI LIENGRUNG SOUR		30 quyển
CO VIEN DO		21 quyển
HUA VAN HUY (71 tuổi)		14 quyển
HUA VAN MINH		3 quyển
HUA THU PHUONG		3 quyển
HUA TU HUONG		3 quyển
HUA THU NGUYET		3 quyển
HOANG TO ANH	Giác Quang	14 quyển
NGUYEN VAN MOI	Giác Hư	14 quyển
CO VIEN HIEN		7 quyển
CO VIEN HANH		7 quyển
HUYNH THI CUC	Diệu Thuần	21 quyển
TENZIN DUMCHIO - LINH KHIEM		7 quyển
CO SAU	Ngọc Thiện	14 quyển
VO DANH		21 quyển
DIEU LY		3 quyển
NGUYEN THUA		7 quyển
QUANG LAI		3 quyển
CO DAI	Tri Khiem	21 quyển
MY ANH THAIN		7 quyển
BANH TRI HUNG		7 quyển
BANH LE MAI		7 quyển
BANH LE THUY		7 quyển
BANH TRI QUYEN		7 quyển
BANH MY LINH		7 quyển
BANH TRI THANH		7 quyển
BANH MY THANH		7 quyển

TRAN KIM THANH		3 quyển
DIEU HOA		3 quyển
LE VAN THI		7 quyển
LE KIM HOA		7 quyển
DIEU PHUC		3 quyển
DIEU THUY		7 quyển
VO DANH		3 quyển
VOONG SENH SEN		7 quyển
MINH HOA		7 quyển
MINH DAI		14 quyển
Gia đình HOANG NGUYET LINH - TO HUYNH CHI hồi hướng HI. TO GIA AN	Giac Binh	54 quyển
CO DONG	Chuc Thanh	3 quyển
CO UT (Manchester)		14 quyển
DIEU AN		7 quyển
NGUYEN VAN AN		7 quyển
NGUYEN VAN THINH		7 quyển
Gia đình CO PHAP CHAN		21 quyển
Gia đình BA THAI	Dieu Phuoc	7 quyển
ĐÀO THANH HỮU (Thụy Điển)		30 quyển
Gia đình NGOC LIÊN	Ly Ha	20 quyển
TỔ HAI		20 quyển
VÔ DANH		20 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ HƯƠNG hồi hướng HI ông LƯƠNG TÀI LINH		20 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ GIÁC	Diệu Ấn	10 quyển
Gia đình HUỆ NIỆM		10 quyển
Gia đình GIÁC VÂN		5 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ LỆ		5 quyển
NHÓM CÔ CHÚC NHỤY		
Sư Cô QUẢNG TỊNH (Niệm Phật đường Phật Quang)		100 quyển

Gia đình CHỨC NGỘ	100 quyển
Gia đình TỊNH QUẢ	50 quyển
Gia đình TẮC VẤN và DIỆU HUYỀN	50 quyển
Gia đình DIỆU NGUYỆT	50 quyển
Gia đình TỊNH PHỤNG	50 quyển
PHÁP NHÂN và CHỨC NHUY	25 quyển
DIỆU HIỀN (90 tuổi)	25 quyển
Gia đình ĐỨC HỒNG	25 quyển
Các con của CHIẾU THU	25 quyển
Gia đình NGỌC NHƯ	25 quyển
Gia đình NGUYỄN PHƯƠNG	10 quyển
NGUYỄN HOA - NGUYỄN TRƯỜNG	10 quyển
Gia đình CHIẾU HÒA	10 quyển
Gia đình DƯƠNG NHÂN TÀI	10 quyển
Gia đình NGUYỄN NGHIÊM	10 quyển
Gia đình DIỆU PHƯỚC	5 quyển
Gia đình NHƯ TUỆ	5 quyển
Gia đình DIỆU THANH	5 quyển
Gia đình THANH NGỌC	5 quyển
Gia đình DIỆU TỬ	5 quyển
NHÓM CÔ DIỆU NGA	
Phật tử DIỆU NGA	100 quyển
Đại đức THÍCH PHÁP THE	30 quyển
Phật tử TỊNH NIÊM	30 quyển
Phật tử NGUYỄN NHƯ	30 quyển
Phật tử DIEU QUY - TRI THUAN	30 quyển
Phật tử DIEU THANG	30 quyển
Phật tử PHUC THANG	30 quyển
Phật tử DIEU CHUYEN	30 quyển
Phật tử NGUYỄN XA	30 quyển
Phật tử NGUYỄN VU	30 quyển
Phật tử TỊNH NIÊM	30 quyển
Phật tử LỆ CHÁNH	30 quyển

Sư cô PHAP THE	30 quyển
Phật tử DIEU CHUYEN câu siêu HI. DONG VAN CHUNG	30 quyển
Phật tử CHAU	15 quyển
Phật tử DAT DIEU	15 quyển
Phật tử DIEU DIEN	15 quyển
Phật tử VIEN HIEP	15 quyển
Phật tử NGUYEN BINH TUYEN	15 quyển
Phật tử CHUC TANH	15 quyển
Phật tử DIEU NGHI	15 quyển
Phật tử NGUYEN LINH	15 quyển
Ni Co HY AN	15 quyển
Phật tử ĐIỀU LỢI	15 quyển
Ni Co THONG HUE	12 quyển
Phật tử NHAT HOA	12 quyển
Phật tử LAM TRI KHON	12 quyển
Phật tử CHAN TAM	9 quyển
Phật tử PHUC THANH	6 quyển
Phật tử DUC	6 quyển
Phật tử MINH TRI	6 quyển
Ni Co HY LAC	6 quyển
Phật tử DIEU CHAU	6 quyển
Phật tử NGUYEN TRANG	6 quyển
Phật tử HUNG	6 quyển
ẤN DANH	6 quyển
DHAM MO	3 quyển
Phật tử DIEU TIEN	3 quyển
Phật tử NGUYEN DUNG	1 quyển
Phật tử HONG HOA	1 quyển
Phật tử NGUYEN THIEU	1 quyển

Gia đình HI PHẠM BÌNH Gia đình HI PHẠM NHƠN Phật tử PHẠM KIM THỊNH Phật tử CHU TAM CƯỜNG Phật tử CHU TAM KHÔI Phật tử CHU CẨM TÚ		120 quyển
NHÓM CÔ CÁT TƯỜNG		
Gia đình CÁT TƯỜNG		150 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	Chúc Hưng	200 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH	Chúc Ngọc	100 quyển
Gia đình NGUYỄN QUANG THIÊN		150 quyển
Gia đình Bà NGUYỄN THỊ CHÍNH		100 quyển
Gia đình Chị BÙI THỊ LÀNH		100 quyển
Gia đình Chị TRẦN THỊ NẾT		50 quyển
Gia đình TRANG		50 quyển
NGUYỄN THỊ THANH (Arizona - Mỹ)		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ MẸO		25 quyển
Gia đình anh LỘC		25 quyển
Gia đình Chị NGÔ BẠCH VÂN		25 quyển
Gia đình Chị LÊ THỊ THANH		10 quyển
Gia đình MANG VIÊN BẢO		10 quyển
Gia đình ĐẶNG VĂN BÉ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN QUỐC ẨN		10 quyển
Gia đình NGUYỄN PHƯƠNG CÁC		10 quyển
Gia đình VÕ VĂN TÀI		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGOAN		5 quyển
Gia đình BÙI THIÊN SỬ		5 quyển
Gia đình LISA		5 quyển
Gia đình Mr. TED KUHN		1 quyển
NHÓM HÀ NỘI		
NGUYỄN THỊ NHƯ	Diêu Tâm	50 quyển
PHAN NGỌC THANH	Chúc Nhất	20 quyển
NGUYỄN THỊ NGÀ	Hoa Đức	12 quyển

PHẠM THU HIỀN	Hoa Đạo	10 quyển
NGUYỄN THANH QUỲNH	Hoa Đạo	10 quyển
VŨ THỊ THI	Hoa Đạo	10 quyển
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG		10 quyển
PHẠM NGỌC CHÂN		10 quyển
PHÙNG THỊ LAN		10 quyển
PHẠM XUÂN THIỀU		10 quyển
LÂM TUYẾT MAI	Chúc Loan	10 quyển
TRẦN THỊ CHU	Chúc Viên	10 quyển
TRẦN THỊ PHƯỢNG		10 quyển
TÂN	Hoa Đức	7 quyển
VŨ THỊ LÂU	Hoa Đức	7 quyển
NGÔ THỊ THANH LỊCH	Hoa Đạo	5 quyển
VŨ THỊ MAI	Hoa Xuân	5 quyển
NGUYỄN THANH HÀ		5 quyển
NGUYỄN THỊ XUÂN	Hoa Tâm	5 quyển
CÔNG THỊ HỢP (chúng A Nan)		5 quyển
NGUYỄN VIỆT ANH		5 quyển
LÊ NGỌC TUYẾT	Hoa Đức	5 quyển
NGUYỄN THỊ CHINH	Hoa Trí	3 quyển
VI KIM PHONG	Hoa Thiện	3 quyển
VŨ THỊ THANH Từ	Diệu Tiến	3 quyển
BÙI THỊ MINH		3 quyển
BÙI THỊ CHANH	Hoa Tâm	3 quyển
NGUYỄN THỊ HẠNH	An Chính	3 quyển
ĐỖ THỊ NGỌC		3 quyển
TRẦN THẾ HÙNG		3 quyển
HÀ THỊ NHIỀU		3 quyển
TÔ MINH LOAN	Hoa Minh	3 quyển
TRẦN MINH NGUYỆT		3 quyển
ĐỖ THỊ BIỂU	Hoa Thiện	3 quyển
NGUYỄN THANH NHÀN	Hoa Hạnh	3 quyển
ĐẶNG THỊ LOAN (chúng Diệu Âm)		2 quyển
NGUYỄN THỊ CHÚC		2 quyển

PHẠM THỊ HUỆ	Hoa Trí	2 quyển
TA THỊ DẬU (Diệu Trang Nghiêm)		2 quyển
ĐINH THỊ ĐIỂM	Hoa Thiện	2 quyển
PHẠM MINH SINH	Hoa Phước	2 quyển
NGUYỄN THỊ HẠNH	An Chính	2 quyển
NGUYỄN THỊ VƯỢNG		2 quyển
NGUYỄN THỊ TẾ	Hoa Thiện	2 quyển
VŨ THỊ THƯỜNG		2 quyển
VŨ THỊ NHÂM (chúng Dược Thượng)		2 quyển
QUÁCH THỊ THUẬN		2 quyển
PHẠM THỊ THÀNH		2 quyển
HOÀNG LÊ HƯỜNG		2 quyển
CAO THỊ DUNG		2 quyển
PHẠM HỒNG QUÂN	Pháp Thiện	1 quyển
TRƯƠNG BẠCH YẾN		1 quyển
TRẦN THỊ HÙNG (chúng Q. Thế Âm)		1 quyển
VŨ THỊ NGÂN	Hoa Quang	1 quyển
NGUYỄN DUY	Hiển Đức	1 quyển
NGUYỄN TRỌNG SƠN	Pháp Đức	1 quyển
NGUYỄN TRỌNG KHÁNH		1 quyển
TRẦN THỊ XUÂN	Hoa Tâm	1 quyển
NGUYỄN THỊ VINH	Hoa Minh	1 quyển
PHẠM THỊ NHUẬN		1 quyển
TRẦN THỊ THẢO		1 quyển
NGUYỄN THỊ MÃN		1 quyển
ĐỖ THỊ HỒNG		1 quyển
PHẠM THẾ SƠN		1 quyển
VŨ THỊ LUYÊN		1 quyển
VŨ THỊ HUYỀN MY		1 quyển
VŨ THỊ HÀ MY		1 quyển
LÊ THỊ NGỌC		1 quyển
VŨ THỊ THANH HÀ		1 quyển
VŨ THỊ HUYỀN NGỌC		1 quyển
VŨ THANH TÙNG		1 quyển

VÕ THI LIÊN		1 quyển
QUÁCH HUÂN TÀI		1 quyển
NGUYỄN THI NGHĨA	Hoa Đạo	1 quyển
PHAN THI LỢI	Hoa Huệ	1 quyển
CAO THANH VIỆT		1 quyển
ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Pháp Hiếu	1 quyển
TRẦN THI SÁU	Hoa Đức	1 quyển
NGUYỄN THI TUẤT		1 quyển
BÙI THI CẢNH	Diệu Phúc	1 quyển
ĐÀO THI LOAN	Hoa Minh	1 quyển
NGUYỄN HỒNG LÊ TUYẾT MINH		1 quyển
TẠ MINH THU		1 quyển
VĂN PHÒNG TỔ ĐÌNH QUÁN THẾ ÂM		
DIỆU LIÊN (Cao nguyên)		100 quyển
Cụ DƯƠNG THI TƯỜNG và các con	Diệu Vân	100 quyển
Gia đình Phật tử TUỆ AN		100 quyển
NGUYỄN THI NGỌC HƯƠNG		100 quyển
Gia đình quý vị BIÊN THỊ THƯỜNG - BIÊN THỊ KIỀU - NGUYỄN THỊ KIM LIÊN - NGUYỄN THỊ SỬ - NGUYỄN NGỌC ĐÁP - NGUYỄN NGỌC THIÊN - NGUYỄN NGỌC ĐÊN - TRẦN THỊ DUYÊN - NGUYỄN NGỌC THÙY ĐIỂM - NGUYỄN QUỐC ĐẠT		88 quyển
Đoàn bát quan trai Tịnh xá NGỌC TÂM		70 quyển
Gia đình VÕ ĐÀO NGUYÊN		70 quyển
Gia đình Phật tử MI HỒNG		68 quyển
Gia đình HUỖNH MINH KHOA		67 quyển
Gia đình LẠI THỊ MAI		60 quyển
NGUYỄN THỊ LỘM - BÙI TẤN KIẾT - BÙI HƯỚNG DƯƠNG		52 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LÝ	Chúc Chơn	50 quyển

Gia đình KIM SEN MƯỜI		50 quyển
Gia đình NGUYỄN CÔNG CẬN NGUYỄN THỊ LIÊN		50 quyển
Gia đình NGUYỄN NGỌC THANH ĐẶNG THỊ TUYẾT HOA		50 quyển
Gia đình TRẦN ÁNH NGUYỆT TRẦN QUỐC HÙNG		50 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGOAN		50 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NẾT		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BẠCH MAI		50 quyển
Gia đình Ông LÊ HOÀNG ANH LÊ LAN ANH	Trí Tuấn Trí Minh	45 quyển
Gia đình PHẠM THỊ MÙI		37 quyển
Gia đình Phật tử NGỌC và CHI		34 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CƠ	Minh Thừa	34 quyển
Gia đình LẠI THỊ ĐẶNG THANH	Diệu Hiếu	34 quyển
Gia đình LÊ THỊ HOA	Chúc Pháp	30 quyển
Gia đình PHẠM TIẾN QUỲNH	Chúc Nhuận	30 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ SƠN		27 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HỒNG	Chúc Ân	25 quyển
Gia đình NGUYỄN KHÁNH MINH	Chúc Hải	25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUÂN		25 quyển
Ông bà ĐẶNG XUÂN XOÀI - HỒNG VÂN - ĐẶNG HỒNG PHƯƠNG		25 quyển
Gia đình DƯƠNG KÝ MINH		20 quyển
Gia đình Bà LÊ THỊ MINH	Diệu Chánh	20 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HƯỜNG		20 quyển
BÙI THỊ LƯƠNG - BÙI THỊ PHÚC		20 quyển
Gia đình TRẦN THỊ SÁCH	Chúc Bảo	20 quyển
Gia đình LÊ CÔNG HỨC	Chúc Khải	20 quyển
Đại đức THÍCH CHÚC PHƯỚC		20 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LỢI	Chúc Dưỡng	20 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN NỈ		17 quyển
Gia đình PHẠM THỊ THANH THỦY	Diệu Nguyệt	17 quyển

Gia đình PHẠM THỊ OANH	Diệu Thanh	17 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ THỨC		17 quyển
Gia đình Cô DIỆU ĐẠO		17 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THANH KÍNH		17 quyển
Gia đình cô PHẠM THỊ HOA MAI	Chúc Thái	17 quyển
Gia đình cô NGUYỄN THỊ HƯƠNG		17 quyển
DIỆU TÍN - NGUYỄN KHÁNH NGỌC		17 quyển
Gia đình HỒ CHUYỀN NGUYỄN THỊ KIÊN	Quảng Ngộ Diệu Hiền	16 quyển
Gia đình PHẠM THỊ THÙY HƯƠNG	Chúc Giới	16 quyển
Gia đình ông LÊ VĂN ĐÀO - NGỌC TRƯỜNG LÂM - VŨ ĐĂNG KHOA		15 quyển
Gia đình quý vị NGUYỄN THÀNH ĐẠT - TÂM XOAN - TÂM NGỘ - TÂM BÍCH - DIỆU NGỌC		15 quyển
Tả quân LÊ VĂN DUYỆT		14 quyển
Gia đình PHẠM THỊ LIÊN		13 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THỦY		13 quyển
Gia đình TRẦN BÍCH PHƯỢNG		13 quyển
Gia đình DIỆP XUÂN - PHẠM THỊ LOAN - PHẠM ĐÌNH SỐ		12 quyển
Gia đình HL. bà HỒ THỊ VINH	Diệu Hoa	12 quyển
Gia đình cô CHÚC QUÝ		12 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM LOAN		11 quyển
Gia đình LÊ TUẤN TỬ		11 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ VINH	Chúc Hiển	10 quyển
NGUYỄN THỊ TRÚC QUỲNH		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HẠNH		10 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ XUÂN LAN	Tuệ Minh	10 quyển
Gia đình HUỲNH NGỌC CẦN		10 quyển
Gia đình TRIỆU TUYẾT DUY	Chúc Ngộ	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NHƯ	Chúc Thanh	10 quyển
Gia đình VÕ THỊ LÊ	Chúc Minh	10 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ TÁM		10 quyển

LƯỜN DA CẨM - LƯỜN KIM YẾN		10 quyển
ĐỖ THỊ ANH - LƯỜN THỊ TƯỜNG		10 quyển
Gia đình THIÊN NGÀ		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ THƠM	Diệu Huệ	10 quyển
Gia đình LA HON		10 quyển
Gia đình LA KIM THẠNH		10 quyển
Gia đình Cô DIỆU HUỆ		10 quyển
Gia đình Phật tử CHÚC LUẬN		10 quyển
Gia đình DƯƠNG THỊ MINH HIỂN	Diệu Phước	10 quyển
Gia đình Cụ KIM		10 quyển
Phật tử CHÚC PHÁP		10 quyển
Phật tử CHÚC THÙY		10 quyển
Gia đình HỒNG SEN		10 quyển
Gia đình MAI THỊ CÀI	Đồng Hợi	10 quyển
Gia đình DIỆU CỎI		10 quyển
Gia đình HỒ THỊ TỰ		10 quyển
Gia đình DIỆU BÍCH		10 quyển
Gia đình DIỆU NGŨ		10 quyển
Gia đình VÕ THỊ BẠC	Chúc Thuận	10 quyển
Chúng Hòa thượng MẬT NGUYỄN		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ MỸ DUNG	Chúc Hiệp	10 quyển
Gia đình HUỖNH THỊ KIM ANH	Chúc Khuê	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CHÂM	Hoàng Xuyên	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Chúc Hy	10 quyển
Gia đình LÊ THỊ CẨM VÂN	Chúc Long	10 quyển
Gia đình LÊ THỊ MỸ NGỌC	Chúc Trí	10 quyển
Gia đình PHAN THỊ LIỄU		10 quyển
Gia đình NGUYỄN PHÚC THỌ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN CHÂU KIM THƯ	Chúc Tri	10 quyển
Gia đình TRƯƠNG QUỐC QUANG LƯU THANH HÁN		10 quyển
Gia đình THIÊN NIỆM - NHƯ HOA		10 quyển
Gia đình THỦY		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ DĨ		10 quyển

Gia đình NGUYỄN VĂN THANH	Diệu Đạt	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ TOÀN	Diệu Thắng	10 quyển
Gia đình NGUYỄN TRUNG HIẾU	Đức Thuận	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THẢO NGUYÊN		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ LAN	Diệu Bảo	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁNH	Quảng Nguyệt	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THANH TÂM		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CHẤN	Diệu Thập	10 quyển
Gia đình TRINH THANH HOÀNG	Chúc Huy	10 quyển
Gia đình Ông TRẦN CÔNG NGOAN		10 quyển
Gia đình HÀ THỊ ẸN	Chúc Hải	10 quyển
Gia đình Hương linh PHÍ THỊ MỄ	Diệu Thái	10 quyển
Gia đình TRẦN MINH PHƯƠNG NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Huệ Bình	10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THỌ	Chúc Đức	10 quyển
HỒ BẮC - TỔ NGA - HỒ LONG		10 quyển
Gia đình Cô CHÚC KHIÊM		10 quyển
Gia đình quý vị THÁI THỊ NGỌC XOÀN - NGÔ NGỌC HƯƠNG - HÀ THANH TRÚC - HÀ ĐỨC DŨNG - HÀ ĐỨC TRÍ		10 quyển
Gia đình TRẦN VĂN QUẾ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN LOAN		10 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ HƯỜNG		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỖN	Diệu Hân	10 quyển
Gia đình BÙI THỊ KIM PHƯƠNG	Diệu Huệ	10 quyển
Gia đình TRẦN ĐỨC PHONG		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BÍCH	Chúc Nguyên	10 quyển
Gia đình TÔN NỮ THỊ DINH	Ngọc Đoan	10 quyển
Gia đình cô QUẾ CHI		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ HUỲNH HOA		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ HUỲNH MAI		10 quyển
Gia đình DƯƠNG THỊ THÁI BÌNH		10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THANH LÊ		10 quyển

Ông MÃ THÀNH KÍNH và các con	Chúc Pháp	10 quyển
Gia đình cô THÁI CẨM LÊ	Chúc Thanh	10 quyển
Gia đình NGUYỄN QUỐC VIỆT		10 quyển
Gia đình PHẠM THỊ THANH THỦY	Diệu Nguyệt	10 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ ĐET		7 quyển
Gia đình Cô THANH		7 quyển
NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG		7 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ VINH		7 quyển
Gia đình NGUYỄN HOÀNG PHONG		7 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ANH MẠC THỊ THÀNH		7 quyển
Gia đình LẠI THỊ ĐĂNG VÂN	Chúc Long	7 quyển
Gia đình HÀ NGỌC CHIẾU		7 quyển
Gia đình TRẦN NGỌC HÂM		7 quyển
Gia đình Cô VŨ MỘNG LAN		7 quyển
Gia đình TÔ THỊ CHIÊM	Diệu Thông	7 quyển
Gia đình DƯƠNG THỊ DUNG	Diệu Nhan	7 quyển
Gia đình TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN		7 quyển
Gia đình BÙI THỊ GẮM		7 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ DUNG		7 quyển
Gia đình bà ĐỖ THỊ ĐẠT		7 quyển
Gia đình LÊ THỊ KIM ANH	Diệu Nguyên	7 quyển
Gia đình ĐẶNG TUYẾT MAI	Diệu Thiện	6 quyển
Gia đình HUỖNH BẠCH NƯƠNG		6 quyển
Gia đình HUỖNH KIM HUÊ		6 quyển
LƯƠNG SIÊU - ĐẶNG TUYẾT MAI		6 quyển
Phật tử Liên chúng TỈNH ĐỘ		6 quyển
Gia đình LÝ THỊ HAI		5 quyển
Gia đình Ông NGUYỄN XUÂN GIAI và bà QUYẾN		5 quyển
Gia đình Cô MIÊN		5 quyển
Gia đình DIỆU NGUYỆT		5 quyển
Gia đình TỈNH HOA		5 quyển
Gia đình NGUYỄN HẢI YẾN	Diệu Hà	5 quyển

Gia đình Phật tử CHỨC THÔNG		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HỒNG		5 quyển
Gia đình LƯU THỊ BẢY	Huệ Phước	5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ CHU	Chúc Viên	5 quyển
Gia đình TRINH THỊ A	Diệu Phi	5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HƯỜNG		5 quyển
Gia đình TRƯƠNG THỊ MINH	Chúc Ánh	5 quyển
Gia đình NGUYỄN CẨM VÂN		5 quyển
Gia đình NGUYỄN NGỌC TRINH	Chúc Tường	5 quyển
Gia đình VŨ KIM OANH	Diệu Hoa	5 quyển
Gia đình NGUYỄN TRỌNG QUÂN		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ OANH	Diệu Minh	5 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGỌC ẨN	Chúc Trang	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ MÚI	Chúc Hiền	5 quyển
Gia đình NGUYỄN HỒNG CHIẾN		5 quyển
Gia đình Cô DIỆU ĐỨC		5 quyển
Gia đình FÔNG KIM CHUNG		5 quyển
Gia đình TRÂM	Chúc Châu	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ LIÊN	Diệu Huệ	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LỘC	Diệu Phước	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HOA	Chúc Nguyên	5 quyển
Gia đình MÃ THU HỒNG	Quảng Hương	5 quyển
Gia đình LƯƠNG MUỐI		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THANH HÀ		5 quyển
Gia đình NGUYỄN NGỌC CHÂU		5 quyển
Gia đình TRẦN NGỌC MAI		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁNH	Diệu Từ	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Diệu Giác	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BÍCH HẢO	Chúc Dung	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG		5 quyển
Gia đình CHÚC THƯỜNG		5 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ LÊ	Nguyên Lý	5 quyển
Gia đình TÂM HƯƠNG		5 quyển
Gia đình NGUYỄN ANH DUNG		5 quyển

Gia đình NGUYỄN TRUNG BỬU CHÂU THỊ ĐOÀN LIÊN	Chúc Hiệp	5 quyển
Gia đình CHÚC KÍNH		5 quyển
Gia đình PHẠM HỒNG NHẤT	Diệu Lộc	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ HUỆ	Chúc Chương	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁI		5 quyển
Gia đình VÕ THÀNH LÂN		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ MỸ DUNG	Chúc Diệu	5 quyển
Gia đình HÀ KIM DANH		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NHI	Chúc Dưỡng	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUỆ	Ngọc Thiện	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ CHÂU	Diệu Ngọc	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỨA	Diệu Lý	5 quyển
Gia đình TRẦN THU NIÊN		5 quyển
Gia đình TRƯƠNG NHƯ MINH		5 quyển
Gia đình cô LÊ TUYẾT ANH		5 quyển
Gia đình cô DIỆU THIÊN		5 quyển
Gia đình HOÀNG THỊ CHÚC	Chúc Ân	5 quyển
NGUYỄN QUANG LÊ TRINH		5 quyển
Gia đình TRINH THỊ TỔ HOA		5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ YÊN		5 quyển
Gia đình ĐỖ THỊ NHUNG		5 quyển
Gia đình HOÀNG LẠI HÙNG		5 quyển
Gia đình NGUYỄN MINH TUẤN		5 quyển
Gia đình DIỆU NGỘ		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HOÀI	Chúc Niệm	5 quyển
Gia đình TRẦN TIẾN DƯƠNG		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NGỌC NHUNG		5 quyển
Gia đình NÔNG THỊ LIÊN		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ Á	Chúc Liên	50 quyển
Gia đình VÕ THỊ HUỆ		50 quyển
Gia đình VÕ THỊ LẠC		20 quyển
Gia đình bà HÀ THỊ LÊ và con TRẦN MINH		10 quyển

Gia đình ông bà KHỔNG MINH - TRẦN QUẾ ANH cùng các con		10 quyển
Gia đình ông bà NGUYỄN KIM HOÀNG - TRẦN TUYẾT MAI		10 quyển
Gia đình TRẦN TY		10 quyển
Gia đình ông bà LÝ PHI SƠN - TRẦN THỊ LAN		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Diệu Liễu	10 quyển
Gia đình bà BÙI THỊ ĐÁO	Diệu Huệ	10 quyển
TRẦN NGỌC MAI - TÔ THANH HUY		10 quyển
TRẦN VĂN TỶ - MAI THỊ HẠNH		10 quyển
Gia đình TRẦN VĂN PHÁT NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI		10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NGỌC LOAN TRẦN KHẢI HIỆP		10 quyển
Gia đình TRẦN KHẢI CƯỜNG PHAN BÍCH HẰNG		10 quyển
Gia đình ĐỖ THỊ SONG PHƯƠNG		10 quyển
Gia đình LÊ TUẤN HẢI		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HƯỜNG		10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN HUỆ		10 quyển
Gia đình TRẦN PHI VÂN		10 quyển
NGUYỄN THỊ THANH XUÂN		10 quyển
Gia đình TRẦN NGỌC LOAN		10 quyển
Gia đình CHÂU THỊ MỸ DUNG		7 quyển
Gia đình LÊ THỊ THÚY NGỌC	Lệ Hiếu	6 quyển
Gia đình HÀN VÂN PHONG	Tâm Vũ	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM LONG	Lý Tác	5 quyển
TT. THÍCH NGUYỄN TRÍ		5 quyển
Gia đình TRƯỞNG HUỆ TÂM		5 quyển
Gia đình THƯỜNG HUỆ PHƯỢNG		5 quyển
Gia đình THƯỜNG HẠNH		5 quyển
Gia đình TRẦN VĂN ĐÌNH		5 quyển
Gia đình Phật tử DIỆU HAI		5 quyển

Gia đình ĐOÀN THỊ SÁU		5 quyển
Gia đình CHÚC QUÝ		5 quyển

Những vị ấn tống bốn quyển: BÙI THỊ KIM OANH - TRẦN THỊ HƯỜNG - ĐẶNG THỊ KIM THỊNH - NGUYỄN TRÍ DŨNG - Gia đình ĐỖ THỊ MỸ DUNG - NGUYỄN HỮU CHÍN - NGUYỄN MÃN - ĐẶNG THỊ ẮN - HOÀNG THỊ DUNG - VIÊN SƠN và các con - CHÚC ĐẠT - LÊ THÀNH THÂN.

Những vị ấn tống ba quyển: PHẠM THỊ TUẤN - VŨ THỊ CHIÊN - HUỲNH THỊ TRÂM - PHẠM THỊ TUYẾN - NGUYỄN THỊ HỒNG - NGUYỄN THỊ THẢO - Gia đình ĐỖ HỒNG SƠN - Gia đình NGUYỄN TIẾN BAN - HUỲNH OANH - TỬ KIM OANH - CHÚC LỘC - LÝ VĂN MINH - HỨA THỊ TUYẾT SƯƠNG - CHÚC ĐỨC - NGUYỄN TÙNG - NGUYỄN THỊ BÍCH - DIỆU NGỌC - ĐẶNG THỊ BÍCH PHƯƠNG - HOÀNG PHƯƠNG - TRẦN VĂN HẬU - VƯƠNG PHỤNG - HÀ ANH - DIỆU TRÍ - PHÙNG NGỌC MINH PHƯƠNG - VƯƠNG THANH THỌ - NGUYỄN THỊ VƯỢNG - TRẦN THỊ HOA - HÀ VĂN NÊN - HÀ NGỌC CHÂU - GIANG TUYẾT VÂN - Gia đình cô ĐỨC HOA - HUỲNH THỊ HOA - Bà VŨ KIM NGỌC HUỆ - NGUYỄN THỊ THU VÂN - LÊ TRƯỞNG HẢI NHI - LÊ THỊ CÚC - DIỆU THẢO - HOA ĐỨC - LƯƠNG THỊ CỬA - NGUYỄN THÀNH ĐẠT - VƯƠNG THÁI BẢO - Gia đình TRẦN THU THỦY - Gia đình NGUYỄN NGỌC HUỲNH - BÙI THỊ NIÊN - Gia đình LÊ THỊ PHẤN - NGUYỄN THỊ NGỌC - MẠC THỊ HUỆ - NGUYỄN ANH ĐỨC - NGUYỄN THANH TUYẾN - DIỆU LÀNH - TUỆ SƠN - QUÁCH THỊ THỦY - NGUYỄN TRẦN NGUYỆT ANH - Gia đình NGUYỄN THỊ BẢO TRẦN - NGUYỄN THỊ NHAN - THỊ NGỌC - NGUYỄN THỊ OANH - Gia đình Hl. LÊ ĐÌNH LẠNG - TRƯỞNG THỊ GIAO - NGUYỄN THỊ XUÂN - DIỆU HẠNH - DIỆU HƯƠNG - TRƯỞNG THỊ HOA - Gia đình KHÁNH TOÀN - ĐẶNG VĂN QUỐC - PHẠM THỊ TUẤN - VŨ THỊ CHIÊN - NGUYỄN THỊ THANH NGUYỆT - Gia đình TĂNG DUY BÌNH - QUANG DŨNG - NGUYỄN THU HÀ - HOÀNG THỊ CHI HƯƠNG (Diệu Thủy) - TRẦN PHƯỚC TÀI - Gia đình TRẦN VĂN HAI - LƯU ĐỨC TRÍ - NGUYỄN THỊ CHỮ.

Những vị ấn tống hai quyển: TRẦN THỊ VIÊN - TRẦN THỊ PHƯỢNG - ĐÔNG THỊ THỦY - PHÚ THỌI LIÊN - ĐẶNG THỊ THÚY - CÔ NGUYỄN - CÔ LỢI - Gia đình TUỆ MINH - Gia đình TUỆ ANH - NGUYỄN THỊ NGỌC ĐIỆP - LÊ THỊ CẬN - PHẠM AN MƯỜI - DƯƠNG THỊ XUÂN - TRẦN THỊ THANH THÙY - NGUYỄN VĂN QUAY - TRẦN THỊ LƯỢNG - NGUYỄN THÀNH TRUNG - NGUYỄN THANH HÙNG - TRẦN THỊ LƯỢN, PHÙNG HUY PHÁT - PHÙNG HUY TÀI - PHÙNG THỊ HẠNH - PHÙNG HUY PHÚC - ĐOÀN KẾ TƯỜNG - PHÙNG THỆ HẠNH - NGUYỄN THỊ MẦU - CHÚC CẨM - NGUYỄN NGỌC THANH PHƯỢNG - PHẠM THỊ BÍCH LOAN - HOA MINH - PHẠM THỊ THẢO - THU NGỌC - ĐỨC PHƯỚC - DIỆU LINH - TRƯƠNG THỊ DƯƠNG - BẠCH THỊ HUỆ - BẠCH THỊ LAN - PHAN VĂN NGHĨA - PHAN THỊ ÁNH NGỌC - PHAN THỊ XUÂN HƯƠNG - CAO THỊ THÌN - ĐẶNG LÊ THANH MAI - BÙI THỊ HIẾN - HẠNH TÂM - Gia đình VÕ VĂN GIẤU - ĐÀO BÍCH LIÊN - VŨ THỊ KIM OANH - NGUYỄN THỊ NGỌC - NGUYỄN TRUYỀN - TÂM HUỆ - CHIẾU HƯƠNG - TRẦN VĂN TRƯỜNG - Gia đình DIỆU GIÁC - PHAN LOAN - DIỆU HẠNH - NGỌC HẠNH - DIỆU HỸ - NGUYỄN THỊ TIÊN - NGUYỄN THỊ HỒNG - DIỆU THIÊN - HẠNH NHƯ - NGUYỄN THANH HÀ - MAI LAN - MAI THỊ THƠM - VŨ THỊ ĐIỂN - PHAN VĂN HY - NGUYỄN HỮU NHU - THANH KIM - LÊ THỊ HƯỜNG - CHÚC LÂM - CHÚC HÀNH - TÂM NGHĨA - DIỆU MINH - TRƯƠNG NGỌC MAI - LÊ THỊ KIM ANH - CHÚC THỦY - ĐỖ THÚY HÀ - PHẠM THỊ LỆ THẢO - TỊNH NGỌC - NGUYỄN VĂN HIỀN - PHẠM THỊ TUYẾT - PHẠM THỊ CHÂU - TRẦN THỊ KIM THOA - CHÚC SƠN - CHẾ THỊ THANH VÂN - TRẦN THỊ NGỌC ÁNH - NGUYỄN THỊ ĐIỆP - CHÚC ĐIỂM - TRẦN THỊ MẠNH ANH - NGHIÊM THỊ HẠNH - NGUYỄN THỊ HOA ĐÀO - QUẢNG NHƯ - CẨM CÚC - TỊNH QUÁN - NGUYỄN ĐỘ - NGUYỄN TÀI - GIÁC TRÍ - CHÚC NHẢ - NGUYỄN VĂN TIẾP - NGUYỄN THỊ HỢP - NGUYỄN THỊ THÂN - CHÚC DUNG - HUỲNH YẾN LINH - ĐẠI MINH NGUYỆT - ĐÀM THỊ MỸ NGUYỆT - TRẦN HUỆ PHƯỢNG - Gia đình NGUYỄN XUÂN NƯỚNG - PHẠM THỊ CÚC - TÂM NGỘ - NGÔ KIM UYÊN - NGÔ DIỆU ANH - NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH - VŨ THỊ THƠM - BÙI VĂN NGA - BIÊN THỊ KIỀU - TRỊNH THÚY VI - DIỆU THÀNH - NGUYỄN THỊ MỸ - CHÚC HƯƠNG - NGUYỄN TRỌNG HUYỀN -

NGUYỄN NGỌC THANH YẾN - NGUYỄN THÁI HƯƠNG -
 NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY - NGUYỄN NGỌC SANG - NGUYỄN
 THỊ HƯỜNG - NGUYỄN MỸ HẰNG - HỒ THỊ EM - TRƯƠNG THỊ
 LOAN - NGUYỄN KHÁNH TÀI - NGUYỄN THỊ KIM KHUÊ -
 QUANG DŨNG - CHÚC KIM - NGUYỄN TRẦN NGUYỆT ANH -
 NGUYỄN KIM THÀNH - TÔ ÁNH NGUYỆT - NGUYỄN THỊ
 THANH XUÂN - NGUYỄN QUỐC THANH - DƯƠNG THỊ KIM
 THỦY - NGUYỄN KHÁNH TOÀN - CHÚC HIỆP - BÙI KIM THÚY -
 PHẠM HƯỜNG - LÊ THỊ XUÂN HẰNG - TRẦN ĐỨC CẬN - VÕ THỊ
 ĐÀO - NGUYỄN THỊ THANH TRÀ - NGUYỄN LỆ THỦY - ĐẶNG
 THỊ MUỐP - NGUYỄN THỊ THANH (Chúc Tịnh) - NGUYỄN THANH
 LÂM.

Những vị ấn tống một quyển: PHẠM VĂN LƯƠNG - ĐẶNG
 THỊ DẬU - Cô ÊM - HOÀNG THỊ HỒNG - Gia đình NGUYỄN THỊ
 TUỆ LAN - Gia đình NGUYỄN TÂM NHƯ - Bà ĐÌNH THỊ XUÂN -
 PHẠM THỊ HOÀNG - NGUYỄN THỊ NHẬT THANH - ĐỖ THỊ
 CHÍNH - PHẠM AN NHÀN - PHẠM THỊ NGỌC HẠNH - LÊ ĐỨC
 XỬ - PHẠM THỊ HOA - LÊ THỊ HẠNH - BÙI THỆ MAI - THANG
 QUỐC CƯỜNG - THANG KIM THANH - THANG QUỐC BẢO -
 THANG QUỐC NGỌC - BÙI LỆ QUYÊN - HUỲNH THỆ HOA -
 NGUYỄN THỆ TUYẾT NHI - TÔ LẬP KIÊN - NGUYỄN SƠN VŨNG
 - TÔ THỊ NGA - LÂM KIM ANH - LÂM KIM HUỆ - SÂM PHÁN
 QUÂN - MẠCH PHÚ - ĐOÀN THỊ BẠCH - TẶNG TÔ TỬ - MẠCH
 TUYẾT PHƯỢNG - MẠCH TUYẾT NHI - MẠCH CHÍ THÔNG -
 NGUYỄN THỊ BẾ - NGUYỄN THỊ CỬA - ĐOÀN VĂN ĐOÁN -
 ĐOÀN VĂN ĐANG - MẠCH TÙNG HUY - MẠCH BÁ HẢI - MẠCH
 BÁ DƯƠNG - MẠCH PHỐI LINH - ĐOÀN VĂN CƯỜNG - TRƯƠNG
 TÔ HÀ - TRƯƠNG VĂN CƠ - THÚY - LÊ THỊ NGỌC ẨN - BÙI THỊ
 VIỆN - NGUYỄN MINH KHOA - TẠ THỊ PHƯƠNG DUNG - CHÚC
 THẠNH - LƯƠNG THỊ XÍ - HẠNH NHẪN - HẠNH THANH - HẠNH
 HIẾU - TRẦN THỊ KIM DUYÊN - PHAN THỊ BẢY - NGUYỄN THỊ
 HOÀNG YẾN - TẶNG THỊ KHÁNH - PHẠM VĂN QUẾ - Gia đình
 HL. NGUYỄN THỊ LƯỢNG - CHÚC NHÀN - ĐỨC THIỆN - DIỆU
 NGUYÊN - TRẦN THỊ NHỚN - TRẦN THỊ NĂM - TRẦN THỊ NHẬN
 - HUỲNH CẨM HÀ - NGUYỄN THỊ XUÂN - PHẠM THỊ THÙY MAI
 - NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH - NGUYỄN NGỌC CHÂU - LÊ

THÀNH THÂN - ĐỒNG NGHĨA - DIỆU THƠM - PHAN NGUYỄN
 GIA BẢO - CHÚC DIỆU - DIỆU HOA - DIỆU THẢO - TRẦN VĂN
 VANG - TRẦN VĂN THỊNH - NGUYỄN GIỚI - THANH CHÁNH -
 DIỆU NHIÊN - DIỆU THIÊN - CHÚC HUẤN - CHÚC HÒA - HOA
 THÀNH - CHÚC ẨN - NGUYỄN THỊ XIÊM - PHẠM THỊ TỬ -
 PHẠM THỊ MƯỜI - PHẠM THỊ ÚT - BÙI PHAN NHẬT DUY -
 NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH - TRẦN THỊ HẬU - TRẦN THỊ NỤ -
 TRẦN THỊ DỪ - CHÚC HIỂN - ĐÀM MINH TRỌNG - PHẠM VĂN
 CỎ - PHẠM VĂN CHÍ - PHẠM VĂN BÉ - THÁI THỊ VÂN - PHẠM
 MẠNH HÙNG - PHẠM THU THỦY - PHẠM HÙNG CƯỜNG -
 PHẠM CHÍ THÀNH - ĐÌNH THỊ CANH - CAO THỊ SÂM - PHẠM
 HỒNG YẾN - TRẦN THỊ HẠNH - ĐỖ THỊ TƯỜNG - VŨ THỊ QUÁT -
 TRẦN THỊ ANH THƯ - ĐÀO NGỌC THANH - NGUYỄN THỊ THU
 VÂN - NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - LÂM UYỂN HUÊ - DIỆU HỮU -
 DIỆU TÂM - QUẢNG HÒA - QUẢNG CHÂU - HỒNG VINH - DIỆU
 ĐỨC - CHÚC PHƯỢNG - LÊ THỊ HOÀNG OANH - HỒ THỊ DANH -
 HỒ THỊ TIẾN - MAI VĂN CHÂU - LƯU HÙNG - TẠ XUÂN - TRƯƠNG
 VĂN NHÂN - TRẦN THỊ KIỀU DUNG - LƯƠNG CHÍ QUANG - MAI
 VĂN BÔI - NGUYỄN THÀNH GIÁP - TRẦN THỊ ĐÀO - HỒ THỊ
 XUÂN HỒNG - NGUYỄN THỊ THÙY LINH - NGUYỄN HỮU
 THÀNH - NGUYỄN HOÀNG DŨNG - HÀ MINH HƯƠNG - TRẦN
 HẠNH NIÊM - MAI THỊ MỸ THỂ - VÕ THÀNH NAM - VÕ THỊ CHÍ
 LIÊU - VÕ HỒNG THÁI - VÕ THỊ THU TRANG - ĐÌNH THÀNH
 PHƯƠNG - NGUYỄN THỊ CHI - TRẦN THỊ BÍCH NGA - TRẦN THỊ
 KIM DUNG - ĐÌNH NGỌC HUỲNH ANH - BẠCH VĂN SANG - ĐỖ
 PHAN LONG - DIỆU NGHIÊM - NGỌC PHÁT - NGUYỄN THỊ
 DUYÊN - NGUYỄN THỊ KIM DUNG - PHẠM THỊ NGỌC DUNG -
 NGUYỄN VĂN HẢI - VÕ THỊ HỒNG THƠ - NGUYỄN NGỌC
 THANH DUNG - GIÁC LIÊN - TRƯƠNG THỊ HOA - DIỆU NHÂN -
 NGUYỄN TRẦN THÚY THU HÀ - TRỊNH THỊ PHÚC - VŨ THỊ
 TRÂM - TRẦN THỊ TUYẾT HỒNG - CHÚC ÚNG - TRẦN HỒNG
 CHÂU - NGUYỄN THỊ CHẤN - NGUYỄN THỊ NHUẬN - LIÊN BÍCH
 NGỌC - BÙI THU NGUYỄN - CÔ CHÚC THY - TRƯƠNG THỊ LỆ
 THU - NGUYỄN TẤN TÀI - NGUYỄN THỊ MỘNG LỘC - LƯU THỊ
 TRUNG.

---❧ MỤC LỤC ❧---

Số TT	PHÁP HOA GIẢNG LUẬN	Trang
01	Lời phi lộ	05
02	Bài số 16	09
03	Bài số 17	48
04	Bài số 18	88
05	Bài số 19	130
06	Bài số 20	177
07	Bài số 21	227
08	Bài số 22	269
09	Bài số 23	316
10	Bài số 24	353
11	Bài số 25	386
12	Bài số 26	430
13	Tóm lược 9 phẩm - 11 bài . . .	481
14	·	514
15	Lời sau sách	516
16	Danh sách ấn tống Kinh	545
	·	
	Mục lục	

**KINH ĐẠI THỪA DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG LUẬN**

Tác giả: Sa môn THÍCH THÔNG BỬU



**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
10 Chu Văn An – Ba Đình – Hà Nội
ĐT: 08.048106**

Chịu trách nhiệm xuất bản
THIỀU QUANG THẮNG

Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC HẬU

Biên tập
NGUYỄN TƯỜNG LONG

Trình bày bìa
Họa sĩ NGỌC HÂN

**Xuất bản lần thứ nhất 5.000 cuốn, khổ 16 cm x 24 cm
tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng - ĐT: 8.555812.**

Địa chỉ: 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP.HCM

**Giấy phép xuất bản số: 3 - 740 / XB – QLXB cấp
ngày 27 - 6 - 2003.**

In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 - 2003.

KINH PHÁP HOA GIẢNG LUẬN

TẬP 2 - Chín Phẩm



HT.THÔNG BỬU

MỤC LỤC

Lời Phi Lộ - TẬP HAI

Bài 16 - Phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký - Thứ Tám

I - MỞ ĐỀ

II - NỘI DUNG

III - TÓM KẾT

Bài 17 - Phẩm Thọ Học Vô Nhơn Ký - Thứ Chín

I - MỞ ĐỀ

II - NỘI DUNG

III - TÓM KẾT

Bài 18 - Phẩm Pháp Sư - Thứ Mười

I - MỞ ĐỀ

II - NỘI DUNG

III - TÓM KẾT

Bài 19 - Phẩm Hiện Bửu Tháp - Thứ Mười Một

I - MỞ ĐỀ

II - NỘI DUNG

III - TÓM KẾT

Bài 20 - Phẩm Đề Bà Đạt Đa - Thứ Mười Hai

I - MỞ ĐỀ

II - NỘI DUNG

III - TÓM KẾT

Bài 21 - Phẩm Trì - Thứ Mười Ba

I - MỞ ĐỀ

II - NỘI DUNG

III - TÓM KẾT

Bài 22 - Phẩm An Lạc Hạnh - Thứ Mười Bốn

I - MỞ ĐỀ

II - NỘI DUNG
III - TÓM KẾT
Bài 23 - Phẩm An Lạc Hạnh - Thứ Mười Bốn (tiếp theo)
I - MỞ ĐỀ
II - NỘI DUNG
III.- TÓM KẾT
Bài 24 - Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất - Thứ Mười Lăm
I - MỞ ĐỀ
II - NỘI DUNG
III - TÓM KẾT
Bài 25 - Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất - Thứ Mười Lăm
I - MỞ ĐỀ
II - NỘI DUNG
III - TÓM KẾT
Bài 26 - Phẩm Như Lai Thọ Lượng - Thứ Mười Sáu
I - MỞ ĐỀ
II - NỘI DUNG
III - TÓM KẾT
TÓM LƯỢC 9 PHẨM PHÁP HOA GIẢNG LUẬN – TẬP 2
PHẨM THỨ TÁM - PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ
PHẨM THỨ CHÍN - PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ
PHẨM THỨ MƯỜI - PHẨM PHÁP SƯ
PHẨM THỨ MƯỜI MỘT - PHẨM HIỆN BẢO THÁP
PHẨM THỨ MƯỜI HAI - PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA
PHẨM THỨ MƯỜI BA - PHẨM TRÌ
PHẨM THỨ MƯỜI BỐN - PHẨM AN LẠC HẠNH
PHẨM THỨ MƯỜI LĂM - PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT
PHẨM THỨ MƯỜI SÁU - PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG
Lời Sau Sách
PHỤ BẢN

---o0o---

Lời Phi Lộ - TẬP HAI

Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn đã mấy ngàn năm, vậy mà chúng ta vẫn còn được ôn lại lời dạy của Ngài, ôi diễm phúc biết bao! Trong

những lời dạy của Đức Phật có ghi rõ, chơn lý như lá trong rừng, còn lời Như Lai đã giảng thuyết chỉ là số lá nắm trong bàn tay. Số lượng ít như vậy mà hàng đệ tử của Đức Phật vẫn chưa học thông hết.

Đặc biệt trong những lời dạy, Đức Phật nêu tầm quan trọng của pháp Nhất thừa, tức là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh này ghi lời Phật dạy rằng: Kinh này ngoài tên Diệu Pháp Liên Hoa, độ hàng chúng sinh thì lại còn một tên nữa là: “Giáo Bồ tát pháp, chư Phật sở hộ niệm”, nghĩa là pháp dạy hàng Bồ tát, chư Phật đồng hộ niệm. Nên kinh này chỉ có Phật với Phật mới thông suốt toàn triệt tướng không của các pháp, còn Bồ tát vẫn chưa toàn triệt, chưa liễu đạt tướng không các pháp”. Pháp Hoa chỉ rõ tướng không của các pháp, như thế thì chúng sanh, trong đó có chúng ta, làm sao thông suốt toàn triệt về kinh Pháp Hoa?

Đức Phật lại còn nhấn mạnh thêm và kinh đã ghi rõ rằng: “Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa là mẹ đẻ các kinh, là biển cả so với các kinh, vì các kinh chỉ là hồ ao sông suối. Kinh Pháp Hoa là mặt trời, các kinh khác chỉ là mặt trăng, hoặc ánh sáng đèn ... Pháp không tướng của kinh Pháp Hoa quan trọng như thế, chúng ta làm sao thấu triệt mà đọc, mà tụng, mà in chép, mà giảng, mà luận?

Chớ nên bi quan, mà cũng chớ có lạc quan. Đức Phật cũng đã từng dạy: “Nếu chúng sanh chỉ nếm biết mùi vị một giọt nước biển là thấu đạt chất mặn của toàn biển cả”.

Diễn giải biên soạn kinh Pháp Hoa và kết lại thành tập, để rồi sẽ có toàn bộ “Pháp Hoa giảng luận”, chúng tôi cũng chỉ mơ ước lưỡi mình và quyến thuộc được thấm từng giọt giáo pháp, như người nếm từng giọt nước biển, để thấm thấu mùi vị mặn của biển cả.

* Biển cả thuần một vị mặn.

* Giáo pháp thuần một vị giải thoát.

Chính vì đại nguyện ấy nên chúng tôi đã biên dịch giảng luận và năm qua Nhà xuất bản Tôn giáo chịu trách nhiệm xuất bản tập một kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận. Hôm nay tiếp tục tập hai (từ phẩm 8 đến phẩm 16), góp mặt vào dòng đời và nhờ được sự tùy hỷ, tán trợ, khuyến khích của trên Chư Tôn Đức, kể đến hàng Tăng Ni, cùng giới học giả, thức giả và hành giả Pháp Hoa kinh. Những ân đức trên đã góp phần khuyến khích chúng tôi hăng say tiếp tục hiến dâng đời: “Tập hai – Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận”.

Xin thành tâm lắng nghe lời chỉ dạy của các bậc cao minh, cùng sự nhiệt tình xây dựng của chư thiện hữu và sự hỗ trợ của bạn đồng hành trên lộ trình về Báo Sở. Chúng tôi cũng xin được đón nhận các giới đạo tâm phát nguyện in ấn, đọc tụng, phổ quảng, cúng dường kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận, ngày được thêm phần sâu rộng.

Tin tưởng tập hai sẽ được hoàn chỉnh hơn và rất mong sự đóng góp của các thế hệ mai sau, để bộ Pháp Hoa giảng luận các tập kế tiếp càng thêm phong phú hơn.

Nguyện dâng cúng dường trọn vẹn công đức này lên đền bốn ơn nặng và cứu độ ba đường khổ, cùng hồi hướng hết thảy các pháp giới chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Trân trọng.

Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa
Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM
Mùa Hạ năm Quý Mùi - 2003
Trụ trì kiêm Trưởng Ban Giáo Thọ
Sa môn THÍCH THÔNG BỬU

--- o0o ---

Bài 16 - Phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký - Thứ Tám

Đức Phật tán thán công hạnh của Tôn giả Phú Lô Na.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na.

Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị A La Hán.

Năm trăm vị A La Hán kể chuyện gã cùng tử có viên ngọc.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Đa số chúng ta không quan trọng việc truyền trao và ấn chứng nơi kinh Pháp Hoa, nhưng Đức Phật Thích Ca lại đặt việc này lên hàng cần thiết. Phẩm Hóa Thành Dụ vừa qua, có một nét ghi rõ về bí pháp truyền trao ấn chứng. Các phẩm trước có nhiều nét, nêu tóm lược về việc này, nhưng ấn chứng cho hàng chỉ đạo và lãnh đạo. Phẩm thứ tám này, tiếp tục nêu bí pháp ấn chứng cho thành phần điều hành. Số lượng hiện diện tới một nghìn hai trăm vị đệ tử, nhưng phẩm kinh chỉ ghi Năm trăm vị đệ tử được thọ ký.

Tại sao quả quyết phẩm này ấn chứng cho thành phần điều hành? Ngài Phú Lô Na là vị A La Hán có biện tài thuyết pháp đệ nhất. Toàn phẩm kinh Đức Phật đã nêu công hạnh và việc phổ truyền giáo pháp của Tôn giả Phú Lô Na rất nhiều lần. Về việc thọ ký thì còn phẩm thứ chín thọ ký cho thành phần nòng cốt **hộ trì**.

Hầu hết các giới nghiên cứu lẫn hành giả và học giả kinh Pháp Hoa, ai ai cũng truyền trao sứ mệnh của mình cho thế hệ nối tiếp, hoặc cho học trò, hoặc cho con cháu, hoặc cho lớp người đồng chí hướng, trước khi lớp lớn phải sạch bụi trần. Nhưng truyền trao cho ai đây? Câu hỏi được đặt ra, đa phần chẳng tìm được đáp số. Đó là chưa kể lỡ chết bất ngờ thì sao đây?

Phẩm kinh này giúp mọi người chúng ta rõ đáp số, vì đã nêu rõ **Thọ Ký**. Thọ ký tức là ấn chứng. Ấn chứng từng vị, ấn chứng cho bốn vị, ấn chứng tập thể năm trăm vị và sẽ ấn chứng cho hai nghìn vị học và không còn phải học nơi phẩm tiếp theo.

Rất mong các giới, nhất là giới **đọc + tụng + thọ + trì** kinh Pháp Hoa liễu tri bí pháp **ấn chứng**, để bất chước truyền trao cho thế hệ kế tiếp đạt hiệu quả tốt. Không có ấn chứng thì sự truyền trao không bao giờ thành công. Truyền trao mà thiếu ấn chứng, tức là thiếu thọ ký thì hoàn toàn thất bại! Nếu thiếu cả hai thì dòng chảy sẽ tắt nghẽn. Ai muốn tắt nghẽn, ai muốn tuyệt dứt dòng chảy, ai muốn tuyệt hậu thì không cần học bí pháp thọ ký và truyền trao.

Không phân biệt quý vị có phải đạo Phật hay không, hoặc đang tu pháp môn nào, thích kinh Pháp Hoa hay không, cũng xin mời đọc bài học, trong các tập Pháp Hoa giảng luận này. Đọc qua một lần cũng được. Sau đó mới bình phẩm và nếu thấy phù hợp thì xin mời cùng lên thêm và vào nhà Pháp Hoa kinh.

Lưu ý: Tụng đọc thọ trì phẩm kinh Ngũ bá đệ tử thọ ký này, hành giả Pháp Hoa kinh nên quày về phần mở đầu Thần chú đại bi, câu: “**Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni**”, nghĩa là muốn tâm đại bi trải rộng cùng khắp vũ trụ mà chẳng hề bị chướng ngại thì người chủ xướng phải đủ ngàn tay ngàn mắt.

Ngũ bá đệ tử là năm trăm vị học trò. Đã là học trò thì phải giống thầy y như in, như đúc. Năm trăm người học trò thay mặt thầy điều hành công việc thì về mặt cốt lõi do thầy chỉ đạo tuyệt đối không được sai, cũng chẳng nên thêm bớt.

Theo truyền thuyết, Nhật Bản do ông Tỳ Phước lập quốc với năm trăm sinh viên, nên nước Nhật hùng cường. Việt Nam lập quốc do Thánh nữ

hoàng hậu Âu Cơ và Đức vua Lạc Long Quân, hiệu triệu được một trăm sắc tộc. Trăm sắc tộc nhiều hơn năm trăm cậu sinh viên, vì vậy Việt Nam đã trở thành quốc gia siêu việt về nhiều mặt.

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni là công thức cốt lõi của phương pháp tổ chức, tức là phần cốt lõi thuộc bản chất, nhưng khi thực hiện, tức là đứng về mặt hiện tượng thì chớ nên cứng nhắc, phải tùy theo tình cảnh thích nghi mà uyển chuyển biến hóa cách nào cho hợp cảnh, hợp duyên. **“Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”**. Dù hiện tượng có tùy duyên nhưng không được biến mất bản chất, không được rời bỏ chủ đích do cấp chỉ đạo đề xướng. Giữ không biến dịch đường lối chủ trương, nhưng vì đặc nhân tâm và thành tựu sự việc nên phải tùy duyên. **“Đĩ bất biến ứng vạn biến”**. Người điều hành biết canh cái, biết phương tiện quyền biến, hiện tượng có thể thay đổi biến hóa hằng vạn cách, nhưng bản chất đã kết thành đường hướng chủ trương thì không được biến đổi. Mục đích thiên biến vạn hóa là để phổ truyền chánh pháp. Phương tiện mới dễ **độ sanh**, nhưng không được rời **cứu cánh giải thoát**.

“Y kinh giải nghĩa oan cho chư Phật ba đời. Rời kinh một chữ tức là nói lời của ma”. Ngũ bá đệ tử thọ ký là kim chỉ Nam, giúp cho nhân loại và muôn loài, nhất là hàng đệ tử Đức Phật, nhập đời khỏi rối loạn về phương diện tổ chức.

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

Đức Phật tán thán công hạnh của Tôn giả Phú Lô Na

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, Tôn giả Phú Lô Na nương Đức Phật nghe trí huệ phương tiện, tùy cơ nghi nói pháp như thế, lại nghe Đức Phật trao cho các vị đệ tử lớn sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại nghe việc nhân duyên đời trước, lại nghe các Đức Phật có sức tự tại thần thông lớn, nên đặng điều chưa từng có, lòng thanh tịnh hơn hờ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, sát mặt lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không xa rời Phật và nghĩ thế này:

“Thế Tôn tuyệt lạ, việc làm ít có, thuận theo mọi thứ chủng tánh ở trong đời, dùng sức phương tiện tri kiến mà vì họ nói pháp, vớt chúng sanh ra khỏi chốn tham trước, chúng con đối với công đức của Phật

không thể dùng lời nói mà tuyên bày được, chỉ có Đức Phật Thế Tôn hay biết bốn nguyện trong thâm tâm của chúng con thôi”.

2- Bấy giờ, Phật bảo các Tỷ kheo: “Các ông thấy Phú Lô Na đây chăng? Ta thường khen ông là bậc nhứt trong hàng người nói pháp, cũng thường tán thán các món công đức của ông trong việc chuyên chú siêng năng hộ trì giúp tuyên bày pháp Như Lai, có thể chỉ dạy điều lợi ích mừng vui cho hàng bốn chúng, giải thích đầy đủ chánh pháp của Phật, mà làm nhiều lợi ích cho những người cùng đồng hạnh thanh tịnh. Ngoài Như Lai, không ai có thể cùng tận chỗ biện thuyết ngôn luận của ông. Các ông chớ tưởng Phú Lô Na chỉ hay hộ trì trợ tuyên pháp của ta thôi đâu, ông cũng đã ở nơi chín mươi ức Đức Phật thuở quá khứ, đã hộ trì trợ tuyên chánh pháp của chư Phật, ở trong nhóm người nói pháp thuở đó cũng là bậc nhứt.

Ông cũng từ nơi pháp không do chư Phật nói mà thông suốt rành rẽ, đặt bốn món trí vô ngại, thường hay suy gẫm chắc chắn nói pháp thanh tịnh, không có nghi lầm, đầy đủ sức thần thông của Bồ tát, tùy số thọ mạng mà luôn tu hạnh thanh tịnh.

Chúng sanh thuở các Đức Phật ấy đều cho ông đúng là Thịnh Văn, mà phần ông Phú Lô Na cũng dùng phương tiện đó làm lợi ích cho vô lượng trăm nghìn chúng sanh, lại giáo hóa vô lượng vô số người khiến đứng vào nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông vì muốn tịnh cõi Phật mà thường

làm Phật sự giáo hóa chúng sanh.

Các Tỷ kheo! Ông Phú Lô Na cũng đặt bậc nhứt ở trong hàng người nói pháp thuở bảy Đức Phật, nay trong hàng người nói pháp ở chỗ “Ta” cũng là bậc nhứt.

Trong hàng người nói pháp thuở các Đức Phật trong Hiền kiếp về đương lai cũng sẽ lại là bậc nhứt, mà đều hộ trì giúp tuyên bày pháp của Phật. Ông cũng sẽ ở trong đời vị lai hộ trì trợ tuyên chánh pháp của vô lượng vô biên các Đức Phật, giáo hóa làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh khiến dự vào nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì tịnh cõi Phật mà thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sanh, lần lần đầy đủ đạo Bồ tát.

Giảng luận

Nơi nào, dù chỉ đạo hay lãnh đạo giỏi, nhưng điều hành và hỗ trợ dở thì nơi đó chỉ nhận sự thất bại mà thôi! Phương cách thọ ký các phẩm trước là

bí pháp ẩn chứng cho thành phần chỉ đạo và lãnh đạo. Phần thọ ký phẩm thứ tám này là bí pháp ẩn chứng cho thành phần điều hành. Phẩm thứ chín kế tiếp thọ ký và ẩn chứng cho thành phần hỗ trợ. Tôn giả Phú Lô Na là vị đứng hàng bậc nhất trong hàng Thánh Tăng, thuộc hạng đệ nhất biện tài, ngoài ra cũng còn là đệ nhất bí pháp “**nhường bước**”.

Siêu nhất của người điều hành là biết nhường bước. Nắm trong tay hàng trăm, hàng ngàn bí pháp, mà thiếu bí pháp nhường bước thì khó mà thành công. Người điều hành lúc nào cũng đưa cái giỏi của mình ra để tỏ vẻ là mình hơn quần chúng, vì vậy nên bị quần chúng tẩy chay. Nhược bằng dở hơn quần chúng thì làm sao điều hành được sự việc? Phải giỏi hơn, nhưng giỏi để mà nhường bước. Người điều hành có lúc phải song hành với quần chúng, có lúc lại phải lùi sau quần chúng. Khi nào cảm hóa được quần chúng, lúc ấy mới có quyền nêu cái giỏi của mình, để hướng dẫn họ. Nhường bước còn khó hơn khiêm cung.

Tôn giả Phú Lô Na là một trong mười vị đại đệ tử xuất sắc nhất của Đức Phật, vậy mà Ngài không áp dụng điểm sở trường biện tài vào sự việc.

Lược qua câu chuyện, Tôn giả Phú Lô Na xin Đức Phật đi thuyết giảng ở vùng biên địa, vùng này dân tình nổi tiếng là hung ác, các vị Thánh Tăng khác đều tránh né, hoặc bỏ cuộc. Vậy mà Tôn giả Phú Lô Na xin đảm trách việc truyền bá chánh pháp nơi đó.

--- o0o ---

Lời vấn đáp giữa Đức Phật và Tôn giả Phú Lô Na:

- Kính bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn cho phép con được đến xứ Du Na Quốc để truyền bá chánh pháp, hóa độ quần chúng nơi vùng này.
- Này Tôn giả Phú Lô Na! Vùng ấy nổi tiếng hung dữ, nếu con đến đó, họ không đón nhận, mà họ lại chửi mắng con thì sao?
- Bạch Đức Thế Tôn! Họ chửi mắng, mà không đánh đập, ném xáng con thì tốt quá. Con hoan hỷ chấp nhận đến đó để hóa độ họ.
- Này Tôn giả Phú Lô Na! Nếu họ ném xáng đánh đập con thì sao?
- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu họ ném xáng đánh đập con, mà họ không giết con thì con hoan hỷ chấp nhận đến đó để hóa độ họ.
- Này Tôn giả Phú Lô Na! Nếu họ hung dữ, giết hại con thì sao ?
- Bạch Đức Thế Tôn! Nếu họ giết hại con thì máu con đã đổ, nơi đó sẽ nở hoa đạo. Hoa đạo này sẽ hóa độ họ.

- Đức Phật dạy: Này Tôn giả Phú Lô Na! Thật quý hóa thay. Như Lai cho phép con tròn bốn nguyện.

Thế là mùa an cư năm ấy, tại xứ Du Na Quốc, năm trăm vị nam thọ quy giới thành nam cư sĩ. Rồi mùa an cư năm sau, thêm năm trăm vị nữ thọ quy giới, làm nữ tín đồ.

Nhượng bước đối với những người thấp kém hơn mình để hóa độ họ. Gương Tôn giả Phú Lô Na lưu lại cho chúng ta và những ai muốn phục vụ mọi người. Quốc độ nào, tổ chức nào, hệ phái nào, tộc họ nào có được những người điều hành như thế, hoặc hành theo quy pháp như thế thì còn lo gì không gặt hái được sự thành tựu viên mãn!

--- oOo ---

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na

Chính văn

Qua vô lượng vô số kiếp sau, ông sẽ ở nơi cõi này thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Đức Phật đó lấy số thế giới của tam thiên đại thiên nhiều như cát sông Hằng mà làm thành một cõi Phật. Mặt đất là bảy thứ báu, phẳng bằng như bàn tay, không có núi gò, khe suối, rạch ngòi, lâu đài đầy đủ bằng bảy thứ báu, cung điện của các trời trên hư không, người cùng trời giao tiếp nhau, hai bên đều thấy được nhau, không có đường dũ, cũng không có người nữ.

Tất cả chúng sanh đều do biến hóa sanh, không có dâm dục, dặng pháp thân thông lớn, thân chói ánh sáng, bay liệng tự tại, chí niệm bền chắc, có đức tinh tấn trí huệ, tất cả đều thân sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt mà tự trang nghiêm.

Nhân dân cõi nước đó thường dùng hai thứ thức ăn: một là “pháp hỷ thực”, hai là “thiền duyệt thực”. Có vô lượng vô số nghìn muôn ức na do tha các chúng Bồ tát dặng sức thân thông lớn, bốn trí vô ngại, khéo hay giáo hóa loài chúng sanh. Chúng Thanh Văn trong cõi nước đó tính kể số đếm đều không thể biết được, đều dặng đầy đủ ba món minh, sáu pháp thân thông và tám món giải thoát.

Cõi nước của Đức Phật đó có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế, kiếp tên Bửu Minh, nước tên Thiện Tịnh. Phật đó

sống lâu vô lượng vô số kiếp, pháp trụ đời rất lâu. Sau khi Phật diệt độ, đời dựng tháp bằng bảy báu khắp cả nước đó.

Giảng luận

Tôn giả Phú Lô Na được thọ ký thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai. Quốc độ Sa Bà, kiếp tên là Bửu Minh, nước tên là Thiện Tịnh. Đặc biệt là sự cấu tạo quốc độ và sự thọ mạng của Đức Phật Pháp Minh, thọ mạng dài lâu vô số kiếp, chánh pháp trụ đời cũng dài lâu như thọ mạng. Quốc độ rộng không thể đo lường được. Trang nghiêm thay mặt đất của quốc độ không bằng vàng như các quốc độ đã được thọ ký trước, mà bằng bảy thứ ngọc báu.

Một điều đặc biệt nữa là quốc độ này không có tam đồ ác đạo (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*). Lại không có người nữ. Tất cả đều do hóa sanh, không có sự dâm dục. Cõi quốc độ này không còn ăn uống vật chất mà ăn bằng tưởng. Có hai thức ăn: ăn no bằng niềm hoan hỷ chánh pháp và ăn no bằng pháp thiền định, tức ăn no bằng những nguyên tố vũ trụ. Khi vui mừng hoặc nhập chánh định thì cơ thể sẽ tự thu nạp các nguyên tố, như các loài thảo mộc thu hút nguyên tố vậy.

Danh từ pháp hỷ thực và thiền duyệt thực đối với chúng ta hình như xa lạ. Tại sao? Tại mình chưa tin mình có khả năng thực hiện pháp hỷ thực và thiền duyệt thực, nhất là chúng ta chưa thông hiểu khoa học gặp đạo học, chưa đối chiếu để phối hợp giữa khoa học và đạo học.

Có những vị Thiên sư khi nhập định nhiều tháng không ăn uống gì cả, có vị cả nhiều chục năm. Gần chúng ta nhất, Bồ tát Quảng Đức trước ngày thực hành hạnh nguyện tự thiêu thân, Ngài không ăn uống suốt bảy ngày và tụng trọn bộ kinh Pháp Hoa tại chùa Ấn Quang.

Hôm nào vui đến mức đại hoan hỷ, hoặc bữa nào ngồi tịnh niệm đạt kết quả dù năm mười phút thì ngày đó ăn cơm rất ít. Tại sao? Cây lúa, cây rau và các loài thảo mộc, vào lúc nửa đêm và sáng sớm nó nhả hết âm tử và thu đủ các nguyên tố vào nó. Loài người, loài vật ăn thảo mộc gạo rau là gián tiếp một lần thu nạp nguyên tố, nếu ăn thịt loài động vật là gián tiếp hai lần thu nạp nguyên tố. Nếu tịnh niệm đến trình độ nhập được “**định**” một phút thì phút ấy là phút thu các nguyên tố nơi vũ trụ mênh mêng. Nếu nhập được đại định nhiều ngày, hoặc nhiều tháng, nhiều năm thì cơ thể thu nạp đủ nguyên tố, dồi dào sức sống, khỏi cần qua sự gián tiếp hai lần ăn qua thịt loài động vật, hoặc qua một lần của loài thực vật. Thiền duyệt thực là phương pháp ăn “**có thật**”, chứ không phải mơ hồ, nó rất khoa học, nhưng phải hòa quyện với đạo học. Tức là phương pháp thì khoa học, còn niềm tin

quyết chí thực hành đạt kết quả thì đạo học. Hành giả Pháp Hoa chưa thiền duyệt thực lâu dài thì mỗi ngày đêm cũng nên tập ăn theo phương pháp thiền duyệt thực năm mươi phút. Nửa khuya và mờ sáng vào được định thì ngày hôm đó ăn cơm ít. Càng ngày càng ăn nhiều nhưng tịnh ít là mở đường đi sâu vào phàm tục. Càng ngày càng ăn bớt nhưng tịnh nhiều, song vẫn đầy đủ nguyên tố và minh mẫn, khỏe vui là đang mở đường đi lên cảnh giới nhẹ nhàng. Thấp nhất cũng đến cảnh thần tiên, gặp Thần, Tiên, Trời, Bồ tát, Phật ngay hiện đời, chứ chẳng đợi đến khi chết.

--- o0o ---

**Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên việc thọ ký cho Tôn giả Phú
Lâu Na
Chính văn**

**3- Chư Tử khéo lắng nghe
Đạo của hàng con Phật
Với phương tiện khéo học
Chẳng thể nghĩ bàn được
Biết chúng ưa pháp nhỏ
Mà sợ chỗ trí lớn
Cho nên các Bồ tát
Làm Thanh Văn, Duyên Giác
Dùng vô số phương tiện
Độ các loài chúng sanh
Tự xưng là Thanh Văn
Cách Phật đạo rất xa
Độ thoát vô lượng chúng
Thấy đều được thành tựu
Tuy ham nhỏ biếng lười
Khiến dần dần thành Phật
Trong ẩn hạnh Bồ tát
Ngoài hiện tướng Thanh Văn
Ít ham, chán sanh tử
Tự trang nghiêm cõi Phật
Đệ tử Phật là thế
Cũng có lúc hiện tà
Dạy ba độc cho người
Phương tiện độ chúng sanh
Nếu Như Lai thuyết đủ**

Các pháp môn hóa hiện
Chúng sanh nghe như vậy
Thời sanh lòng nghi ngờ

4- Nay Phú Lâu Na đây
Thuở ngàn ức Phật xưa
Tấn tu đạo mình làm
Tuyên hộ các Phật pháp
Vì cầu tuệ vô thượng
Mà ở nơi chư Phật
Làm người đệ tử lớn
Học rộng có trí tuệ
Thuyết pháp chẳng sợ sệt
Hay khiến chúng vui mừng
Chưa từng có mỗi một
Để hành nên việc Phật
Đã được thần thông lớn
Đủ bốn trí vô ngại
Biết các căn lanh chặm
Thường nói pháp thanh tịnh
Diễn giải nghĩa như thế
Để dạy nghìn ức chúng
Khiến trụ pháp Đại thừa
Mà tự tịnh cõi Phật
Về sau cũng cúng dường
Vô lượng vô số Phật
Hộ trợ tuyên chánh pháp
Cũng tự tịnh cõi Phật
Thường dùng các phương tiện
Nói pháp không e sợ
Độ chúng chẳng kể xiết
Đều thành trí nhất thiết
Cúng dường các Như Lai
Hộ trì tạng pháp bảo
Sau đó đặng thành Phật
Hiệu chánh là Pháp Minh
Cõi nước tên Thiện Tịnh
Bảy thứ báu hiệp thành
Kiếp tên là Bửu Minh
Bồ tát đông vô số

Tính nhiều vô lượng úc
Đều đặn thần thông lớn
Đầy đủ sức oai đức
Khắp đầy cả nước đó
Thanh Văn cũng vô số
Ba minh, tám giải thoát
Đặng bốn trí vô ngại
Dùng hạnh này làm tăng
Chúng sanh trong cõi đó
Dâm dục đều đã dứt
Chỉ thuần biến hóa sanh
Thân trang nghiêm đủ tướng
Ăn vui pháp thiền định
Rốt không tưởng món khác
Không có hàng nữ nhân
Cũng không các đường dữ
Phú Lâu Na Tỷ kheo
Công đức tròn đầy xong
Sẽ đặng cõi Phật ấy
Chúng Hiền Thánh rất đông
Vô lượng việc như thế
Nay ta chỉ sơ lược.

Giảng luận

Phần giảng luận ở sách này dành cho đa phần Phật tử trình độ cao thấp khác nhau, nên chủ đích không chú giải các danh từ khó trong kinh văn. Nhưng đoạn kinh này có mấy từ người đọc cần biết nên chúng tôi tạm lược giải ba từ: Ba minh - Tám giải thoát - Bốn trí vô ngại.

1/. Ba minh

Ba pháp tu đạt được trí tuệ sáng suốt, dứt trừ được si mê, u tối. Khi bậc Thánh đắc đến chỗ không còn cần phải học nữa (vô học), lúc ấy là lúc đắc tam minh. Ba minh gồm có:

① **Túc mạng minh**: Cũng còn gọi là tuệ mạng trí minh. Người đắc túc mạng minh là người có trí tuệ nên rõ biết tương trạng của chính bản thân mình, lại mở rộng nhìn thấy biết khắp cả chúng sanh luân chuyển thế nào.

② **Thiên nhãn minh**: Trí tuệ rõ biết tương trạng sanh tử của chúng sanh đang sống hoặc đã chết, hoặc do nhân duyên là pháp thành nghiệp quả các hạnh mạng của chúng sanh vào ác thú, hoặc do nhân duyên chánh hạnh

thành tựu thiện hạnh sanh vào cảnh giới thiện lành luân chuyển như thế nào đều rõ biết.

③ **Lậu tận minh**: Còn gọi là lậu tận trí minh, tức trí tuệ rõ biết mọi sự như thật. Biết được cảnh khổ trong đời của mình và dùng trí tuệ diệt trừ mọi phiền não.

Đối với bậc A La Hán thì gọi là Tam Minh, còn đối với Phật thì gọi là Tam Đạt.

2/. Tám giải thoát

Tám giải thoát cũng viết là tám giải thoát tam muội, là tám pháp thiền định giải thoát.

① **Nội hữu sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát**: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo, tự mình có sắc tướng, quán tướng cõi sắc ở ngoài, tiến tới cảnh sơ thiền.

② **Nội vô sắc tướng, ngoại trí quán sắc tướng giải thoát**: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo, trong thì chẳng có sắc tướng, quán tướng cõi sắc tiến tới cảnh nhị thiền.

③ **Tịnh giải thoát, thân chứng**: là pháp thiền định giải thoát chứng tới cõi Tịnh lạc, nhà đạo tiến tới tam thiên thiên, tứ thiên thiên và tịnh phạm địa.

④ **Không xứ giải thoát**: là pháp thiền định giải thoát của nhà đạo chứng tới cảnh không vô biên xứ.

⑤ **Thức xứ giải thoát**: là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tiên vô sở hữu xứ.

⑥ **Vô sở hữu xứ giải thoát**: là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tiên sở hữu xứ.

⑦ **Phi hữu tướng, phi vô tướng xứ giải thoát**: là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh thượng tiên phi tướng, phi phi tướng xứ (phi tướng phi vô tướng).

⑧ **Diệt tận định xứ giải thoát**: là pháp thiền định của nhà đạo chứng đến cảnh tịch diệt, Niết bàn.

3/. **Tứ trí**: Thành sở tác trí - Diệu quan sát trí - Bình đẳng tánh trí - Đại viên cảnh trí.

① **Thành sở tác trí**: do ngũ thức chuyển thành.

② **Diệu quan sát trí**: do ý thức chuyển thành. Phân biệt rõ các pháp. Quan sát được căn cơ thuyết pháp đoạn nghi.

③ **Bình đẳng tánh trí**: do Mạc Na thức chuyển thành. Trí đã ngộ được sự bình đẳng của các pháp.

④ **Đại viên cảnh trí**: do A Lại Da thức chuyển thành. Bình đẳng hiển hiện như tấm gương tròn lớn.

--- o0o ---

Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị A La Hán

Chính văn

5- Bấy giờ một nghìn hai trăm vị A La Hán toàn là những bậc tâm đã tự tại, đều thầm nghĩ rằng: “Chúng ta vui mừng, đặng điều chưa từng có. Nếu chúng ta đều được Đức Thế Tôn thọ ký như các vị đại đệ tử khác, há chẳng là vui thích lắm ư!”.

Đức Phật hiểu được tâm trạng của các vị A La Hán, nên Ngài nói với Tôn giả Đại Ca Diếp rằng: “Một nghìn hai trăm vị A La Hán đây, nay Như Lai sẽ hiện tiền tuần tự thọ ký cho đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong số đây, vị đệ tử lớn của ta là Tôn giả Kiều Trần Như, sẽ lần lượt cúng dường sáu vạn hai ngàn ức Đức Phật, rồi sẽ đắc quả vị Phật, hiệu là Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Năm trăm vị A La Hán nữa, như nhóm các Tôn giả: Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Đà Gia Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu Đà Di, A Nậu Lô Đà, Ly Bà Đa, Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Châu Đà Tá, Đà Đà ...vân vân... đều sẽ chứng quả vị Phật. Đều đồng một danh hiệu là Phổ Minh Như Lai.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa thọ ký:

6- Tỷ kheo Kiều Trần Như
Sẽ gặp vô lượng Phật
Trải qua vô số kiếp
Mới thành quả vị Phật
Thường phóng quang minh lớn
Đầy đủ các thần thông
Tiếng vang khắp mười phương
Mọi loài đều tôn kính

Hàng thuyết pháp vô thượng
Phật hiệu là Phổ Minh
Quốc độ ấy thanh tịnh
Bồ tát đồng dũng mãnh
Đều lên lầu gác diệu
Chu du mười cõi nước
Dùng vô lượng phẩm lễ
Dâng hiến các Đức Phật
Việc cúng dường xong rồi
Tâm khởi niệm vui mừng
Giây lát về bốn quốc
Có sức thần như thế
Phật thọ sáu vạn kiếp
Chánh pháp trụ gấp đôi
Tượng pháp hai lần chánh
Pháp diệt trừ người lo.

7- Năm trăm Tỷ kheo ấy
Tuần tự đắc quả Phật
Đồng hiệu là Phổ Minh
Trước sau thọ ký nhau
Sau khi “Ta” diệt độ
Các vị ấy thành Phật
Hóa độ thế gian này
Cũng như Ta ngày nay
Cõi nước trang nghiêm tịnh
Đầy đủ sức thần thông
Các Thanh Văn, Bồ tát
Chánh pháp và tượng pháp
Chuyện thọ mạng nhiều ít
Như đã nói ở trên
Ca Diếp ông đã biết
Năm trăm vị tự tại
Còn các La Hán khác
Cũng đắc quả như thế
Vị nào nay vắng mặt
Ông truyền thọ cho họ.

Giảng luận

Trong số một nghìn hai trăm vị Thánh Tăng A La Hán, đều thuộc thành phần điều hành và đủ điều kiện được Đức Phật thọ ký cho thành Phật. Nhưng Đức Phật chỉ chọn có năm trăm vị ấn chứng trước. Con số năm trăm, hợp với câu chú thiên thủ thiên nhãn (*ngàn tay ngàn mắt*). Tức là phần điều hành chỉ nằm trong con số năm trăm. Còn lại bảy trăm vị A La Hán cũng đều được thọ ký, nhưng sẽ được danh hiệu khác, vào thời gian khác, lãnh sứ mạng khác, sứ mạng hỗ trợ. Hơn nữa, trong số bảy trăm vị còn lại, một số vị quan trọng lại vắng mặt.

Trong phần thọ ký này, Đức Phật thọ ký trước cho Tôn giả Kiều Trần Như thành Phật, danh hiệu là Phổ Minh và một số vị được nêu tên sau. Số này chỉ nêu đích danh một số đại diện và tóm lược tổng số năm trăm vị sẽ thành Phật, đồng một danh hiệu là Phổ Minh. Ngài Kiều Trần Như là vị đệ tử xuất gia đầu tiên của Đức Phật và cũng là vị Tỷ kheo đầu tiên của ngôi Tăng Bảo. Vậy tại sao Đức Phật không thọ ký ở thành phần lãnh đạo, mà lại thọ ký vào thành phần điều hành?

Tôn giả Kiều Trần Như và năm trăm vị Thánh Tăng được Đức Phật thọ ký thành Phật, đều đồng một danh hiệu **Phổ Minh Như Lai**. Đời sau thành Phật đều đồng một danh hiệu là **Phổ Minh** thì hiện đời này cũng đồng là Phổ Minh, tức

là đồng nhau **phổ truyền ánh sáng** Phật Đà.

Đến đây đã chứng minh năm trăm vị sứ giả của Đức Thích Ca Như Lai, thuộc thành phần điều hành. Điều hành khác với lãnh đạo, lại càng khác với chỉ đạo. Tổ chức nào sắp xếp vị thứ không đúng chức năng, không đúng cương vị, không đúng sự vụ, dẫm chân nhau, lấn quyền nhau thì tổ chức đó đang loạn từ nội bộ và nhất định sẽ tan rã. Khi một tổ chức không chia chỉ đạo, lãnh đạo và điều hành, lại không phân quyền, phân nhiệm rành mạch ví dụ như trường hợp những vị chỉ đạo Giáo hội Trung ương mà lại về tận thôn xã để chủ tọa buổi họp giáo hội xã thì giáo quyền thế nào? Chứng minh thì có thể được. Về nguyên tắc hành chánh và nghi thức tôn giáo, nếu không nắm vững và không phân minh thì chẳng những giáo quyền không vững vàng, mà sự linh thiêng mâu nhiệm cũng bị giảm bớt.

Kinh Pháp Hoa phẩm Thọ ký không chỉ dành riêng cho năm trăm vị Thánh Tăng, được Đức Phật Thích Ca thọ ký về các đời sau được thành Phật hiệu là Phổ Minh, mà còn một bí pháp nhập đời về phương thức tổ chức, phương thức phân bổ nhân sự, phân chia trách nhiệm, phẩm kinh này làm nổi bật thành phần điều hành. Thực hiện đúng thứ lớp đó là một phần thuộc về thọ trì Pháp Hoa kinh. Thế gian thường có câu: “**Mưu bất khả chứng**”, mưu tính không nên bàn thảo cho ba người cùng nghe. Phải rành mạch như

vậy mới gọi là pháp diệu nhập đời, đưa hoa sen vào bùn, tỏa hương thơm ngát. Còn nếu chỉ chuyên tụng đọc thì chưa thể nói là thọ trì Pháp Hoa, lại cũng chưa có thể gọi là hành giả **pháp Diệu hoa Sen**.

--- o0o ---

**Năm trăm vị Thánh Tăng thi lễ Phật và kể câu chuyện gã cùng tử
Chính văn**

8- Bấy giờ năm trăm vị Thánh Tăng vừa được thọ ký trước Đức Phật, tất cả đều vui mừng hơn hởi, đầu mặt lay sát chân Phật, hối lỗi tự trách mình rằng:

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con đã có ý nghĩ tự cho mình là rất ráo ròi, đã hoàn toàn diệt độ rồi, nay rõ ràng mới thấy mình nào khác kẻ vô trí. Tại sao thế ? Vì chúng con đáng ra đã đắc trí tuệ Phật lâu rồi. Nhưng vì mới đạt được phần trí nhỏ, mà đã tự cho là đầy đủ.

Bạch Đức Thế Tôn! Ví như có gã kia đến nhà người bạn thân chơi, rồi say rượu nằm ngủ. Người bạn chủ nhà bấy giờ có việc quan cần phải đi, nên lấy một viên ngọc quý vô giá, kết may vào bên trong áo tặng cho gã say rồi ra đi. Gã ấy say ngủ mê chẳng hay. Khi tỉnh dậy, rong ruổi đến nơi khác, vì cơm áo nên gã phải gắng sức tìm cầu sự sống rất là khổ. Khi được chút ít, vội cho là đầy đủ.

Sau đó người bạn thân gặp lại gã, ngạc nhiên, nên liền hỏi rằng: Ôi khổ thay cho anh bạn! Sao anh lại vì cơm áo mà ra nông nổi? Xưa vì muốn anh được an vui, tha hồ hưởng năm món dục, nên ngày ấy, tháng ấy, năm ấy ta đã đem viên ngọc quý vô giá, kết vào bên áo anh. Nay viên ngọc hãy còn đó mà sao anh không biết, phải làm lụng cần khổ, sầu đau để tìm miếng ăn sống qua ngày. Thật là quá dại khờ. Nay anh nên kíp đem viên ngọc đó bán đổi lấy các thứ cần dùng sẽ luôn được toại ý chẳng thiếu thốn thứ chi!

Đức Phật cũng như thế! Lúc Thế Tôn còn làm Bồ tát đã từng giáo hóa chúng con, khiến chúng con phát tâm cầu thành Phật. Vậy mà sau đó chúng con đã lừng quên, chẳng hề nhớ tưởng. Nay vừa mới đắc quả A La Hán, đã tự bảo là được diệt độ toàn phần, giống như gã kia mưu sanh khổ nhọc mới kiếm được chút ít, đã tự cho là đầy đủ, trong khi tất cả chí nguyện xưa, vẫn còn, chẳng mất.

Nay đây, Đức Thế Tôn giác ngộ cho chúng con mà nói rằng: “Các vị A La Hán! Đạo của các vị chúng đắc chưa hoàn toàn Niết bàn rất ráo.

Ta đã từng bảo các vị gieo căn lành quả vị Phật. Do pháp phương tiện tạm chỉ tướng Niết bàn. Vậy mà các vị lại cho rằng đã thật diệt độ”.

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con nay mới biết mình đích thị là Bồ tát, được Đức Thế Tôn thọ ký thành đẳng chánh giác. Vì nhân duyên đó nên chúng con đều vui mừng, được điều chưa từng có.

Ngài Kiều Trần Như thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa trên:

9- Chúng con nghe vô thượng
Tiếng thọ ký an ổn
Vui mừng chưa từng có
Lạy Phật vô lượng trí
Nay trước mặt Thế Tôn
Ăn năn lầm lỗi cũ
Nơi bấu Phật vô lượng
Mới được chút Niết bàn
Nhu người ngu vô trí
Đã vội cho là đủ
Nào khác gã cùng tử
Đến chỗ người bạn thân
Là một nhà giàu có
Bày tiệc sang thết đãi
Lấy ngọc quý vô giá
Kết vào nơi bầu áo
Cho xong bỏ ra đi
Gã say ngủ nào biết
Chùng thức dậy ra đi
Rong ruổi nơi xứ khác
Cầu cơm áo qua ngày
Cuộc sống thật vất vả
Được ít cho là đủ
Chẳng mong được tốt hơn
Nào biết trong bầu áo
Có ngọc quý vô cùng
Bạn cho ngọc trước kia
Sau gặp lại gã nghèo
Liên mở lời trách móc
Rồi chỉ nơi kết ngọc
Gã nghèo thấy được ngọc

**Trong lòng thật mừng vui
Đôi đực nhiều của quý
Tận hưởng năm món dục
Bọn con cũng như thế
Thế Tôn từ lâu xưa
Thường xót thương dạy bảo
Khiến gieo nhân thành Phật
Chúng con bởi vô trí
Chẳng biết cũng chẳng hay
Được tí phần Niết bàn
Cho đủ chẳng cầu thêm
Nay Phật giác ngộ cho
Rằng chưa thật diệt độ
Chúng đắc trí tuệ Phật
Mới thật là toàn diệt
Chúng con nay nghe Phật
Thọ ký việc trang nghiêm
Cùng tuân tợ thọ ký
Thân tâm thấy vui mừng.**

---o0o---

Giảng luận

Các Ngài Thánh Tăng mà còn ăn năn và tự trách mình là kẻ vô trí, là gã cùng tử. Chúng ta còn ở địa vị phạm phu, tại sao không biết ăn năn, tự trách? Cỡ trình độ Thánh Tăng mà còn cảm nhận mình là gã cùng tử. Vậy thì cỡ trình độ Hòa thượng, hành giả, thức giả, bác học, triết gia, nhất là cỡ như đại đa số Tăng tín đồ thì trình độ đến đâu đối với nguồn giáo pháp minh mông? Chiếc áo chưa làm nên thầy tu! Chút phước đức, công đức chưa đủ làm nên vị đệ tử của Đức Phật. Dù trong hàng ngũ xuất gia, tại gia hiện nay cũng lắm người có tâm đạo, có trình độ học Phật, có công năng tu tập, nhưng nếu đem so với Chư Tôn Đức, các nhà bác học, các vị triết gia về mặt sự tương thì vẫn còn cách khoảng xa, chứ đừng nói đem so với các vị Thánh A La Hán.

Lưu ý: Các Ngài tự ví mình như gã cùng tử và là người thiếu trí, là người vội vàng, hấp tấp, chưa đủ đã vội cho là đủ, chưa chứng Niết bàn toàn phần đã vội tự cho là chứng đắc Niết bàn toàn phần rồi! Gã cùng tử phẩm này là cùng tử bầu áo có viên ngọc, còn gã cùng tử của phẩm Tín Giải là cùng tử hột phân.

Chúng ta hãy noi gương các Ngài Thánh Tăng để tự soi mình. Chớ tự cao tự đại. Chớ cho là đủ, là giỏi hơn người. Chớ tự phụ như Cao Bá Quát. Chớ cuồng nông như Nễ Hành ... Chừng nào quý vị và chúng tôi, nói chung là chúng ta, đều chứng đắc thành Phật, lúc ấy mới thấy mình đã đầy đủ.

Đoạn kinh này chẳng những dạy chúng ta chớ nên tự phụ, mà còn giúp chúng ta bí pháp truyền dạy thế hệ trẻ. Giúp toàn thể con em, học trò chúng ta chớ nên tự phụ, tự cao, tự đại, hách dịch, tự mãn. Lúc nào cũng phải giữ gìn đức tính khiêm cung, ăn năn tự trách, tự hối, tự nhận lỗi. Hễ còn sống, còn ăn, còn sinh hoạt là còn sai khuyết. Còn phạm phu là còn học hỏi, vì còn thiếu sót, các bậc Thánh vẫn còn sai sót nhỏ, chỉ có Phật mới hoàn hảo.

Đoạn kinh này chỉ dạy những ai có tánh cống cao ngã mạn, hãy nhìn gương năm trăm vị Thánh Tăng. Chẳng những dạy hàng cống cao ngã mạn, mà còn nhắc nhở hạng người tự ty mặc cảm, lúc nào cũng khoanh tròn trong tư thế phạm phu, chẳng dám tin mình có sẵn tánh Phật, tánh Bồ tát.

Qua câu chuyện gã cùng tử chẳng hay biết bầu áo có ngọc, mà mãi cam chịu số phận nghèo hèn, đói khổ, sống cuộc sống ti tiện, một số vị đệ tử Phật, chẳng tin mình có sẵn tánh Phật. Cũng có người tin nhưng không dám phát nguyện vuron lên tu tập, lập công bồi đức, để tự trang nghiêm cảnh giới Phật của chính mình, để rồi mình sẽ được thành Phật.

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

Phẩm “Ngũ bá đệ tử thọ ký” ẩn chứa nhiều mật nghĩa sâu kín, mỗi mật nghĩa là một bí pháp của kinh Pháp Hoa. Mật nghĩa nơi con số năm trăm. Mật nghĩa vô úy. Mật nghĩa đức tính hy sinh. Mật nghĩa nhường bước. Mật nghĩa đức độ của thành phần điều hành. Mật nghĩa ăn năn tự trách. Mật nghĩa gã cùng tử bầu áo có ngọc. Mật nghĩa cõi quốc độ của Tôn giả Phú Lô Na. Mật nghĩa của hai chữ Pháp Minh. Mật nghĩa của hai chữ Phổ Minh. Mật nghĩa của hai cách ăn uống theo pháp thiên duyệt thực và pháp hỷ thực. Mật nghĩa quốc độ không có đường dữ, không có người nữ, không có dâm dục. Mật nghĩa cách phổ truyền. Mật nghĩa cách chuyên hóa. Nhất là mật nghĩa **ẩn chứng cho thành phần nhân sự điều hành.**

Nói chung mỗi câu, mỗi chữ nơi toàn bộ kinh Pháp Hoa, hoặc nơi phẩm kinh này cũng đều là bí pháp, đều là chiếc chìa khóa mở khai mọi sự huyền diệu, nhiệm mầu, bí ẩn của pháp chơn thật hòa đời. Rất mong mọi người, mọi loài, mọi tầng lớp khắp pháp giới chúng sanh thâm sâu nghiêm mật vào từng mỗi bí pháp của kinh Pháp Hoa.

Năm trăm đệ tử được thọ ký không từ nơi tuyển chọn, mà là từ nơi lâu đời đã giáo huấn. Năm trăm vị Thánh A La Hán này đã được Đức Phật giáo huấn trải dài nhiều đời nhiều kiếp, cụ thể hơn là đã nhiều chục năm qua thuộc đời này, kiếp này.

Bất cứ tổ chức nào, một công việc nào cần có ngàn tay, ngàn mắt, do từ một đầu chỉ đạo thì cái đầu chỉ đạo đó phải giáo huấn nhiều tháng năm, sau đó mới truyền trao sứ mạng điều hành tổ chức, điều hành sự việc. Được như vậy mới thành tựu, tâm đại bi mới trải dài khắp nơi một cách vô ngại.

Nước Nhật lập quốc gồm năm trăm sinh viên do một cái đầu của Ngài Từ Phước chỉ đạo, tuy có thành công, nhưng thành công riêng cho nước Nhật, mà không lợi cho các nước khác. Vì sự tổ chức lập quốc thiếu thành phần lãnh đạo, thiếu yếu tố tín giải. Có một Từ Phước chỉ đạo và năm trăm sinh viên điều hành, chứ không có thành phần lãnh đạo. Còn Việt Nam thì Lạc Long Quân chỉ đạo, Âu Cơ lãnh đạo, một trăm sắc tộc điều hành (*đồng bào thai*). Nước Nhật lập quốc lại quên phương pháp “**Đại Thông**” và chưa có “**Trí Thắng**”. Phạm Ngũ bá đệ tử không hạn hẹp cho đạo Phật, mà mở rộng hết thầy muôn loài. Một công thức dành cho tổ chức quản trị nhân sự siêu đẳng.

Kính mong các bậc cao minh chứng giám, quý vị thức giả, trí giả đồng hành. Toàn thể hành giả Pháp Hoa kinh và những ai tu cầu hoa sen pháp Diệu Đại thừa, luôn kiên trì tu luyện.

Nguyện cầu Tam Bảo, Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chứng minh, gia hộ cho chúng con. Chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp hộ trì cho nhân loại sớm liễu ngộ thực tướng các pháp, đề cho Pháp Hoa kinh ngày một phổ truyền rộng rãi và thâm nhập khắp các cõi trùng trùng pháp giới bao la, thơm ngát hoa sen pháp diệu. Mỗi mỗi tiểu vũ trụ bừng khai bông sen ngàn cánh.

Hồi hương công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyền thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Thở hơi ấu nhi:

Đúng năm nguyên tắc, mà nguyên tắc quan trọng nhất là môi hở răng khít. Mọi nơi, mọi lúc, sắp ngủ, lúc ngủ, kể cả ngồi thiền cũng phải giữ môi hở răng khít.

- * Hít vào bằng mũi và nói bụng.
- * Thóp bụng thở ra bằng kẽ chân răng.
- * Môi hở răng khít.
- * Thở chậm sâu lâu nhẹ.
- * Tư tưởng theo hơi.

--- o0o ---

Bài 17 - Phẩm Thọ Học Vô Nhơn Ký - Thứ Chín

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan.

Tám nghìn người thác mắc.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La.

Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Phẩm thứ tám kinh Pháp Hoa, năm trăm vị đệ tử được thọ ký, đây là Đức Phật ấn chứng và truyền trao cho thành phần “**điều hành**”, thuộc tổ chức của Đức Phật.

Phẩm thứ chín này Đức Phật lại ấn chứng và truyền trao thêm cho hàng học và không còn phải học. Vậy là Đức Phật truyền trao cho thành phần nào? Thành phần “**hộ trì**”.

Bốn lần thọ ký. Ba lần trước thọ ký cho thành phần **chỉ đạo** và **lãnh đạo**. Hai phẩm tám và chín thọ ký cho thành phần **điều hành** và **hỗ trợ**.

Thành phần hỗ trợ thì đông hơn và quan trọng hơn, bởi vì thành phần hỗ trợ Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan, mà Tôn giả A Nan là người đứng đầu phẩm kinh này được thọ ký và là nhân vật quan trọng thuộc hàng nhớ lâu bậc nhất trong các đệ tử xuất gia của Đức Phật. Ngoài công đức, hạnh nguyện và việc làm thì Tôn giả A Nan còn phát lời đại thệ nguyện: Nguyện phụng sự chúng sanh chứng thành Phật, số đông nhiều như số hạt bụi khắp cõi trần. Tôn giả xin Đức Phật chứng minh lời thệ nguyện của mình.

Phiên âm nguyên văn:

... **Diệu trượng tổng trì bất động tôn**
Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu
Tiêu ngã ức kiếp diên đảo tướng

**Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân
Nguyện kim đắc quả thành Bửu Vương
Hoàn độ như thị Hằng sa chúng
Tương thử thân tâm phụng trần sát
Thị tắc danh vi báo Phật ân
Phụng thỉnh Thế Tôn vị chứng minh
Ngũ trước ác thế thế tiên nhập
Như nhất chúng sanh vị thành Phật
Chung bất ư thử thủ nê hoàn
Đại hùng đại lực đại từ bi
Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc
Linh ngã tảo đặng vô thượng giác
Ư thập phương giới tọa đạo tràng
Thuần nhã đa tánh khả tiêu vong
Thước, ca ra, tâm, vô động chuyển.**

Tạm dịch:

**Tổng trì vắng lặng chẳng động là lớn
Thủ Lăng Nghiêm vào đời hy hữu vua
Con tiêu trừ tướng điên đảo nhiều kiếp
Chẳng trải tăng kỳ mới chứng pháp thân
Nguyện hiện đời chứng quả thành Bửu Vương
Hoàn độ chúng như là cát sông Hằng
Trải thân tâm độ chúng như vi trần
Như thế mới gọi là báo ân Phật
Kính thỉnh Thế Tôn thương chứng minh
Đời năm trước ác thế vào trước
Còn một chúng sanh chưa thành Phật
Con chưa chịu chứng quả Niết bàn
Đại hùng, đại lực, đại từ bi
Mong được xét trừ lỗi vi tế
Khiến con sớm đắc Vô thượng giác
Ngôi đạo tràng ở khắp mười phương
Tánh hư không có thể tiêu mất
Tâm kim cương chẳng hề lay động.**

Lời phát đại thệ nguyện của Tôn giả A Nan, chư Tổ đã đưa vào phần mở đầu cho thời khóa tụng buổi sáng, tại các chùa thuộc phái Bắc tông. Lời nguyện cách mấy ngàn năm mà ảnh hưởng vẫn màu nhiệm, vẫn tác động vào lòng người. Nhất là những ai đã được thâm nhập nó vào thời còn làm chú Diệm, chú Sa di. Trong khung cảnh tịch lặng của ngôi chùa hùng tráng,

hòa với làn gió thoảng ban mai, có lúc màn sương hơi lạnh lạnh. Nhịp mõ đều đều, tiếng chuông thanh thoát. Chú Diệu đã thuộc nhào bài tựa Thủ Lăng Nghiêm, mắt lim dim, miệng mơ màng tụng đọc, tâm hồn thả lỏng theo tiếng mõ âm chuông. Trạng thái này trải dài từ ngày này đến ngày khác, từ tháng nọ đến năm kia. Mãi cho đến năm thọ giới Sa di, rời cái tên “Ông Diệu”, được lên chức “chú Sa di”, có nơi gọi là thầy Sa di. Thầy Sa di lúc bấy giờ đã có phần căn bản và ý thức mùi vị thơm ngon nhập diệu với mùi trầm hương, hoa quả và tiếng mõ sớm chuông chiều. Lúc bấy giờ, thầy Sa di càng tinh tấn đối với thời tu tập công phu khuya.

Sự tuyệt vời của Bồ tát Quảng Đức là Ngài không bỏ thời công phu khuya (*bốn giờ sáng*). Thời công phu khuya có gì hấp dẫn mà đã cuốn hút bao nhiêu tâm hồn thâm nhập một cách say sưa như thế? Có chứ! Có “năm đệ thần chú Thủ Lăng Nghiêm” và “mười bài chú đại diện mật tông”, nhất là có bài tựa Thủ Lăng Nghiêm, tức là lời phát nguyện của Tôn giả A Nan. Bài tựa Lăng Nghiêm này gây nhiều xúc cảm. Xúc cảm đến độ hòa làm một, cùng chung với Tôn giả A Nan phát nguyện một lời thề, đó là chưa kể sám quy mạng.

Cũng có nhiều vị xuất gia tu học, nhưng không có dịp may được xúc cảm lời phát đại thệ nguyện ấy, vì không chuyên tâm thọ trì, hoặc có thọ trì nhưng chưa hiểu chu đáo, bởi không được nghe giảng giải tỷ mỷ về lời tâm nguyện đại quy mô. Hoặc có vị tu sĩ thuộc trường phái cầu nhân, thụ hưởng, chứ không thuộc thành phần hiến dâng, phục vụ, nên không hưởng được sự thích thú bài tựa Lăng Nghiêm.

Ảnh hưởng của Tôn giả A Nan không thể nghĩ bàn, có thể nói còn cả trăm ngàn vạn triệu ức tỷ công đức sâu xa khác đối với chúng sanh hiện đời và mãi ngàn sau. Đứng ra đời cần phải tôn xưng Ngài Tôn giả A Nan là vị Phật thứ hai, sau Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng vì Ngài đã **cố ý cải trang** đóng vai phàm Tăng, với nhiệm vụ làm Thị giả hầu hạ Đức Phật, nên chúng ta chưa dám tôn xưng đó thôi!

Phân mở đầu hơi dài và chỉ sơ lược phân Tôn giả A Nan, còn Tôn giả La Hầu La và hai ngàn vị cả “phàm lẫn Thánh” cũng đều được Đức Phật thọ ký nơi phẩm kinh này. Trước khi giới thiệu hai phân này, chúng ta nên ổn định tư tưởng về đề phẩm kinh:

- + Có nơi ghi là Thọ học vô học nhơn ký.
- + Có nơi ghi là Hữu học vô học thọ ký.

Ý nghĩa thì một nhưng phân tích bằng âm Hoa Việt nên khó hiểu, khiến có người ngộ nhận rằng: Hữu học là người có học thức, còn vô học là người

dốt nát. Nếu thọ ký cho hàng ngàn người dốt nát thì còn gì ý nghĩa cao thượng của quy pháp thọ ý!

Có trường hợp một chú Điều, được thầy nhắc chú lo học. Chú trả lời, kinh Pháp Hoa dạy đâu cần phải học, dốt chữ (vô học) vẫn được thọ ký thành Phật, thầy không rõ hay sao mà khuyên con phải học? Ôi thật tai hại thay cho sự thiếu sót của những hiểu biết sai lầm. Những lỗi thiếu sót này không do người học trò, mà do các bậc mô phạm, các Ngài làm thầy chưa tìm đủ phương pháp hướng dẫn đàn hậu học.

Chữ học là dành riêng để chỉ cho người học rộng hiểu xa, trình độ học sĩ, viện sĩ, bác học, học giả, triết gia, giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, yếu nhân, vĩ nhân, hiền nhân ... Hàng học thức này tuy học rộng hiểu xa, nhưng còn phải học, vẫn còn quây quần trong phạm trù vật thể, vẫn còn ở ngôi vị phàm nhân chứ chưa đắc Thánh quả. Thành phần này sống hòa vào dòng đời để hướng dẫn, để giáo huấn thiên hạ mở mang kiến thức, trí thức hầu giúp nhiều người hưởng đạt được cuộc sống hạnh phúc, an vui. Còn chữ “vô học” là đã học tròn đầy và chứng Thánh quả, đã học nhiều đời nhiều kiếp, đã thuộc về bậc “**tri thức**”, trí tuệ. Hàng hữu học phải sử dụng “**trí**” để phân biệt sự việc. Hàng vô học thoáng qua đã “**trí**” được sự việc, đã nhập vào trạng thái cách vật trí tri rồi, chứ không phải vô học là những con người dốt nát như một số người làm tướng. Làm tướng lười học, mà lại còn nêu Ngài Lục Tổ Huệ Năng để làm điển hình. Họ đâu có hiểu Ngài Huệ Năng từ một vị Thánh A Na Hàm, hay Tư Đà Hàm tái sanh. Ăn bữa, nói bữa đọa ngục vô gián khó cứu, **phá giới không bằng phá kiến**.

Để dễ hiểu, dễ thâm nhập vào các tầng lớp quần chúng, chúng ta nên cùng hiểu chữ “vô học” thành chữ “chẳng còn học”. Đại khái là không còn phải học nữa.

Còn chữ nhân ký, tên đề phẩm kinh này ý nói là phần này cả phạm lẫn thánh đồng được thọ ký chung một danh hiệu **Phật Bửu Tướng Như Lai**.

Tướng Báu tức là chỉ về phần vật thể, thuộc phương diện hỗ trợ. Các phẩm thọ ký trước thuộc phần chỉ đạo và lãnh đạo và điều hành nên nặng về lý tánh, nghiêng về tâm linh.

Tên đề phẩm kinh: “**Thọ học vô học như nhân ký**”.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La danh hiệu Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai. Đạo Thất Bửu, nhập vào con đường nở hoa bảy báu, cũng ở về hỗ trợ thuộc mặt pháp tướng.

Chỗ khó phân tích để dễ thâm nhập là chỗ Tôn giả A Nan chưa chứng đắc Thánh quả A La Hán, nhưng Đức Phật lại thọ ký cho Tôn giả A Nan từ

danh hiệu, số kiếp, chánh pháp, tượng pháp lẫn quốc độ đều cao siêu hơn các vị đại đệ tử khác. Đặc biệt của Tôn giả A Nan là sau khi Phật diệt độ, hàng chư Tăng tổ chức kiết tập lời thuyết giảng suốt bốn mươi chín năm của Đức Phật thì Tôn giả A Nan lại bị Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp trục xuất ra khỏi hội kiết tập, vì tội chưa chứng Thánh quả A La Hán. Nhưng oái oăm thay, toàn thể đệ tử xuất gia của Đức Phật chỉ có hai người nhớ rành rõ lời Phật không thiếu lời nào, đó là Ngài Kiều Phạm Ba Đề và Ngài A Nan. Nhưng Tôn giả Kiều Phạm Ba Đề thì triệu thỉnh không về. Khi về lại dùng lửa tam muội tự đốt thân để theo thầy, theo Phật.

Nguyên tắc kiết tập là đủ một nghìn vị Thánh Tăng, cùng chung một hội trường. Trên bàn cao có nhiều vị Trưởng lão chứng minh. Bàn thứ nhì là một vị Thánh Tăng, người nhớ tất cả lời dạy của Đức Phật, đứng lên trùng tuyên lại từ đầu đến cuối những lời Đức Phật đã thuyết suốt bốn mươi chín năm. Những lời giảng thuyết thuộc hội nào, ở đâu, tên kinh gì, thuộc dạng nào trong mười hai bộ kinh? Chín trăm chín mươi chín vị ngồi nghe, từ ngày này đến ngày khác, năm này sang năm nọ, khi nào xong thì mới làm lễ hoàn mãn. Nếu vị trùng tuyên sai một lời, sót một câu thì trong số chín trăm chín mươi chín vị ai nhớ đứng đứng lên rung chuông xin sửa. Kể cả vị tuyên xướng, đúng thì đại chúng một ngàn vị đồng ý, thư ký chép vào lá bối, lưu lại hậu thế làm pháp bảo.

Từ khi Tôn giả A Nan bị trục xuất khỏi hội kiết tập, Ngài Kiều Phạm Ba Đề dùng lửa tam muội thiêu thân thì ngày nào Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp cũng đánh kiềng chùy (kểng hiệu) triệu tập Thánh Tăng về đủ để tiến hành việc kiết tập. Nhưng than ôi! Ngày nào cũng như ngày nào, ngày nọ qua ngày kia, Thánh Tăng về dự, nhưng người học rộng, nhớ rành thì chẳng có. Bầu không khí buồn thảm bao trùm cả xứ Ấn và cõi Sa Bà, lẫn trùng trùng pháp giới bao la. Trong lúc đó, Tôn giả A Nan an nhiên nhập định. Nhờ sự tinh tấn của Tôn giả A Nan và thành tâm cầu nguyện của hàng nghìn vị A La Hán, Tôn giả A Nan đắc Thánh quả. Nửa đêm đến hội kiết tập gõ cửa xin vào. Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp đáp: “Nếu đã chứng Thánh quả, xin mời Tôn giả vào bằng đường ổ khóa, vì cổng chính chưa có lệnh mở” ...

Đại hội kiết tập kinh điển tiến hành trong niềm đại hoan hỷ của cả trời thần người quỷ rồng, khắp trùng trùng pháp giới. Công đức của Tôn giả A Nan làm sao có thể nghĩ bàn.

Phẩm học và vô học nhơn ký, Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan đứng tầm mức và danh vị quan trọng của một Thánh Tăng. Tôn giả A Nan, người đứng đầu trách nhiệm việc hỗ trợ giáo pháp của Như Lai và chư Phật khắp mười phương.

Ngàn xưa dẫn đến ngàn sau, bất cứ là tổ chức nào, sự hưng suy, thành bại, truyền lưu lâu mau đều do yếu tố nhân sự quyết định. Về tổng cương thuộc phần yếu tố nhân sự, lại còn chia nhiều mục chi tiết. Chúng ta nên lưu ý nơi phẩm kinh này Đức Phật nhấn mạnh việc truyền thừa cho thành phần “hỗ trợ”. Tôn giả A Nan đứng đầu thành phần nhân sự hỗ trợ thì tuyệt vời, chẳng hề có một mảy may sơ hở.

Các địa hạt, quốc gia, làng xóm, tông môn, hệ phái, tộc họ, gia đình nên nhuần nhuyễn bí quyết phẩm Thọ ký của kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, hầu làm kim chỉ Nam duy trì và phát huy đơn vị của mình. Đến đây chúng ta đã thấy rõ lời dạy nơi kinh Pháp Hoa, không chỉ dành riêng cho Phật giáo, mà là truyền pháp Diệu nhập đời chung cho đời muôn loài.

Đức Phật thọ ký cho hai vị Tôn giả A Nan và La Hầu La xong, lại tiếp tục thọ ký cho hai nghìn vị, cả phàm lẫn Thánh, toàn những bậc học thức và không còn phải học đều đồng thành Phật. Hai nghìn vị này thành Phật chung một danh hiệu là Bửu Tướng Như Lai.

Ngoài ra, Đức Phật cũng công bố rằng bất cứ ai có hạnh nguyện và thực hành hạnh nguyện hỗ trợ kinh Pháp Hoa, Đức Phật cũng đồng thọ ký cho đều thành Phật.

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan

Chính văn

1- Bấy giờ, Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La cùng nghĩ như vậy: “Chúng ta thường tự tư duy, nếu được thọ ký há chẳng là vui thích lắm ư!”. Hai vị rời chỗ ngồi đến trước Phật, đầu mặt lạy chơn Phật đồng bạch rằng: “Thế Tôn! Trong việc này chúng con cũng đáng có phần thọ ký. Chỉ có Đức Như Lai là chỗ về nương của chúng con. Lại chúng con là người thân biết của tất cả trời người A Tu La trong đời. Họ biết A Nan thường làm Thị giả hộ trì tạng pháp, La Hầu La là pháp tử của Phật, nếu được thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho, thời lòng nguyện cầu của chúng con đã mãn, mà lòng trông mong của đại chúng cũng được đầy đủ”

Lúc đó, hàng đệ tử Thanh Văn, bực còn học cùng bực không còn phải học, hai nghìn vị đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu đến trước Phật chấp tay một lòng chiêm ngưỡng dung nhan của Thế

Tôn, nguyện như chỗ nguyện cầu của A Nan và La Hầu La rồi đứng qua một bên.

2- Bây giờ, Đức Phật bảo A Nan: “Ông ở đời sau sẽ đặng làm Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn; ông sẽ cúng dường sáu mươi hai ức Đức Phật, hộ trì tạng pháp, rồi sau đó mới chứng đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Giáo hóa chúng Bồ tát hai mươi nghìn muôn ức lần số cát sông Hằng ... làm cho thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nước tên là Thường Lập Thắng Phan, cõi đó thanh tịnh, đất bằng chất lưu ly. Kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn. Đức Phật đó thọ mạng vô lượng nghìn muôn ức a tăng kỳ kiếp, dù có người ở trong nghìn muôn ức vô lượng a tăng kỳ kiếp tính đếm số kể cũng chẳng có thể hết được. Chánh pháp trụ đời gấp bội thọ mạng, tượng pháp lại gấp bội chánh pháp.

Này A Nan! Đức Phật Sơn Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương đó, được chư Phật khắp mười phương đồng nhiều đến vô lượng nghìn muôn ức lần số cát sông Hằng, đồng ngợi khen công đức.

Khi đó, Đức Thế Tôn cần tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

3- Nay Ta nói trong Tăng:
A Nan, người trì pháp
Sẽ cúng dường chư Phật
Sau mới thành Chánh giác
Hiệu là Sơn Hải Huệ
Tụ Tại Thông Vương Phật
Cõi nước đó thanh tịnh
Tên Thường Lập Thắng Phan
Giáo hóa các Bồ tát
Số đông Hằng hà sa
Phật có oai đức lớn
Tiếng đồn khắp mười phương
Thọ mạng lâu vô lượng
Vì bởi thương chúng sanh
Chánh pháp bội thọ mạng
Tượng pháp lại bội chánh
Vô số hàng chúng sanh

**Đông hơn cát sông Hằng
Ở trong pháp Phật đó
Gieo hơn duyên Phật đạo.**

Giảng luận

Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La đứng lên trình bạch, mong được Đức Phật thọ ký. Tiếp theo có hai nghìn vị, gồm giới còn học và không còn phải học.

Đoạn kinh văn này ghi lại lời Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan, về vô lượng kiếp sau được thành Phật hiệu đã là Sơn Hải Huệ, mà còn Tự Tại Thông Vương Như Lai. Quốc độ, số kiếp và sự hóa độ của Phật Sơn Hải Huệ quá ư là đặc biệt, vì vậy nên trong hội chúng, có tám nghìn vị vừa mới phát tâm Bồ tát, trong đó có số người chưa liễu thông, khởi tâm phân bì và thắc mắc.

Chín chữ danh hiệu Phật của Phật Sơn Hải Huệ, mỗi chữ là một bí pháp. Tên quốc độ là Thường Lập Thắng Phan, nêu rõ những nét nổi bật của Tôn giả A Nan. Thế nào là Thường Lập Thắng Phan? Hiểu nghĩa theo thời ấy, tại Ấn Độ có nhiều phái luận sư. Cứ qua một lần tranh luận, nếu vị trưởng phái nào thắng các phái khác thì được vua ban cho một lá trường phan: đó là **Thắng Phan** treo lên cột phướn.

Còn về chữ Thường Lập thì lại cùng mang một ý nghĩa sâu xa hơn. Tên kiếp và sự cấu tạo quốc độ, sự thọ mạng ... nói chung, mặt nào cũng đặc biệt. Đặc biệt của Tôn giả A Nan mà những vị Thánh A la Hán khác không thể có. Các phẩm trước Đức Phật thọ ký truyền trao cho người có bí pháp “**phổ truyền**” và bí pháp “**nhường bước**”. Phẩm này Đức Phật truyền trao cho người có bí pháp “**hạ thấp**”, “**ẩn dạng**”. Một vị Bồ tát mà cải dạng thành phàm Tăng, để chằng những hy sinh, mà lại còn để chịu nhục nhã, bị Trưởng lão Đại Ca Diếp đuổi ra khỏi hội kiết tập kinh điển. Ôi cao cả thay và tuyệt diệu thay! Nhất là hai chữ **bổn nguyện**.

--- o0o ---

**Tám nghìn người thắc mắc
Chính văn**

4- Bấy giờ, trong hội hàng Bồ tát mới phát tâm, tám nghìn người, đều nghĩ thế này: “Chúng ta còn chưa nghe các vị Bồ tát lớn được thọ ký như thế, có hơn duyên gì mà các vị Thanh Văn được thọ ký như vậy?”

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết tâm niệm của các vị Bồ tát nên dạy rằng: “Các thiện nam tử! Ta cùng các ông A Nan ở chỗ Đức Phật Không Vương, đồng thời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. A Nan thường ưa chuộng học rộng, còn ta thường siêng năng tu tập tinh tấn, cho nên ta nay đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà A Nan hộ trì pháp của ta và cũng sẽ hộ trì pháp tạng của các Đức Phật tương lai, giáo hóa thành tựu các chúng Bồ tát. Bổn nguyện của Tôn giả A Nan như thế nên đặt thọ ký như thế!

Tôn giả A Nan ở trước Phật, tự nghe Phật thọ ký cùng cả cõi nước trang nghiêm của mình, chỗ mong cầu đã đủ, lòng rất vui mừng đặng điều chưa từng có. Tức thời nghĩ nhớ tạng pháp của vô lượng nghìn muôn ức các Đức Phật thuở quá khứ, thông suốt không ngần ngại như hiện nay vừa mới nghe và cũng nhớ biết bổn nguyện.

Khi đó, Tôn giả A Nan nói kệ rằng:

Thế Tôn rất ít có
Khiến con nhớ quá khứ
Vô lượng các pháp Phật
Nhu chỗ nghe ngày nay
Con giờ không còn nghi
An trụ trong đạo Phật
Phương tiện làm Thị giả
Hộ trì các Phật pháp.

Giải luận

Người đời bị tự kỷ ám thị đã đành, chứ hàng thánh triết, hiền triết, siêu học giả và học giả, chẳng những một người, mà đến tám nghìn vị vẫn bị tự kỷ ám thị, nên nổi sóng phân bì. Tám nghìn vị thâm tướng có lẽ Đức Thế Tôn thiên vị. Một là bà con, vì A Nan là em của Đề Bà Đạt Đa, vậy thì đối với Thái tử Tất Đạt Đa (*tức Đức Phật*) là anh em chú bác ruột. Thứ nhì, A Nan hiện là Thị giả của Đức Phật. Vì tự kỷ ám thị quá nặng như vậy nên các Ngài mới thâm nghĩ là Đức Thế Tôn thiên vị. Các Ngài đâu chịu nghĩ trước, suy sau, để nhìn cho tường tận rằng chẳng phải như thế. Bởi vì A Nan không chỉ mới trong một đời này làm bà con và làm Thị giả hộ trì chánh pháp của Đức Phật Thích Ca, mà đã từ vô lượng kiếp Tôn giả A Nan vốn là pháp lữ với Đức Thích Ca Mâu Ni kia mà!

Lấy gì làm bằng chứng? Đời sống và hành động của Tôn giả A Nan chưa đủ chứng minh ư? Mỗi sự phổ truyền và hộ trì của Tôn giả A Nan là mỗi sự chứng minh rất rõ ràng, sáng tỏ bằng những phân tích các quy luật

chi phối, chứ không chỉ soi nơi gương sáng, về đời sống của Đức Phật. Lại cũng không hề dựa theo triết lý hay nhắm mắt theo giáo điều, những việc làm của Tôn giả A Nan đều nhắm vào mục đích khơi dậy mọi tiềm năng ẩn tàng bên trong mỗi người, mỗi loài chúng sanh. Tôn giả A Nan đã hy sinh trọn đời mình, hy sinh cả danh dự mình để phụ tiếp với Đức Phật Thích Ca, khơi sáng tận nguồn chân lý. Còn việc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thọ ký cho Tôn giả A Nan, là mở lại cánh cửa quá khứ của thời gian, giúp hàng hậu học và không còn phải học thầy đều giạt mình rằng, chính bản thân mỗi người chúng ta, ai ai cũng đều bằng quên quá khứ. Và việc thọ ký đặc biệt cho Tôn giả A Nan, cũng chỉ là để minh chứng cho y báo, chánh báo của từng mỗi con người chẳng ai giống ai. Chủ đích là phá tan cái màng lưới phân bì, đồng thời phá tan cái lớp sương mù tự kỷ ám thị cho tất cả mọi loài, mọi người, nhất là giới thức giả. Càng là thức giả, lại càng nhiều tướng tượng. Khi đã rơi vào tướng là mơ mộng, là huyền ảo. Do ảo ảnh nên còn bệnh tự kỷ ám thị, còn phân bì.

Phá tan mọi thắc mắc, mọi phân bì, mới nhập được Pháp Hoa. Tại sao thắc mắc dễ tiến đến phân bì? Tại vì căn cứ về tướng mà quên tánh, cố chấp về sự mà quên lý. Hành giả Pháp Hoa không nên thiên lệch. Bệnh phân bì vì tự kỷ ám thị thì nhiều người mắc phải. Tu đến khi nào đạt bình đẳng tánh trí mới dứt bệnh phân bì. Còn loay hoay nơi ý, nơi thức, nơi vô thức thì vẫn còn phân bì, chỉ ít hay nhiều mà thôi. Kẻ phạm si mê thì bệnh phân bì quá nặng, bậc thức giả thì nhẹ nhàng hơn. Chỉ có thể thôi! Chấm dứt phân bì, thế giới mới thực sự hòa bình.

--- o0o ---

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La

Chính văn

5- Bây giờ, Đức Phật bảo Tôn giả La Hầu La: “Tôn giả La Hầu La về sau sẽ đặng thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. La Hầu La sẽ cúng dường các Đức Như Lai, như số vi trần trong mười thế giới. Thường vì các Đức Phật mà làm Trưởng tử, cũng như hiện nay đang làm.

Đức Phật Đạo Thất Bửu Hoa đó cõi nước trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo hóa đệ tử, chánh pháp và tượng pháp cũng đồng như Đức Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai không khác. La Hầu La

cũng làm Trưởng tử cho Phật Sơn Hải Huệ Thông Vương Như Lai, rồi sau mới đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó Đức Thế Tôn dùng thơ kệ mà trùng tuyên nghĩa này:

**Lúc “Ta” làm Thái tử
La Hầu La Trưởng tử
Ta nay thành Phật đạo
La Hầu làm Pháp tử
Ở trong đời vị lai
Gặp vô lượng ức Phật
Làm Trưởng tử các Ngài
Một lòng cầu Phật đạo
Mật hạnh La Hầu La
Chỉ ta biết được thôi
Hiện làm Pháp tử ta
Hướng dẫn các chúng sanh
Vô lượng ức nghìn muôn
Công đức không thể tính
An trụ trong Phật pháp
Để cầu đạo Vô thượng**

Giảng luận

Đức Phật xác định: “Mật hạnh của La Hầu La chỉ riêng Phật mới biết”. Vì câu kệ xác định này, nên giới tu học, lẫn giới nghiên cứu khi gặp phần này là lướt qua chẳng chịu thâm sâu. Hơn nữa nếu Đại hạnh, Khổ hạnh, Quảng hạnh ... dù có khó mấy cũng tìm thấy được, chứ còn Mật hạnh thì làm sao thấy. Vì hai lý do nêu trên nên toàn bộ kinh Pháp Hoa đến đoạn này thì bị lướt qua! Hàng ngàn, hàng vạn hạnh sâu kín, chúng ta cũng phải thấy một số hạnh tuyệt vời của Tôn giả La Hầu La chứ! Nếu không, chúng ta chẳng thấy sự lợi ích của đoạn kinh này nhập đời chỗ nào cả! Một điều quan trọng nữa là nếu không chúng ta sẽ khởi niệm nghi ngờ rằng: sở dĩ Đức Phật nêu hai chữ Mật hạnh là để thiên vị Tôn giả La Hầu La chăng? Không! Đã là Phật thì làm gì còn có sự thiên vị. Việc nhóm chứa công hạnh ẩn mật của Tôn giả La Hầu La, dù chúng ta không thấy toàn bộ, cũng phải sáng tỏ một vài nét của Tôn giả chứ!

Ở đời, hầu hết con cháu của các bậc vua quan, trưởng giả, các bậc uy đức, thạc đức ... nói chung là con em, hoặc học trò của các vị có uy quyền, thường ý lại nơi uy thế của cha ông, thầy tổ của mình, cho nên sống nếp sống kiêu kỳ, hợm mình, tự cao, tự đại, tự phụ, cậy thế, ý thân, hiếp đáp hăm

dọa kẻ khác, khinh miệt cấp thấp, thường tấu thừa thêm bớt, dìm người, hại bạn, nghênh ngang, hồng hách, xa xỉ, trác táng ...

Đa phần các bậc tuyệt giỏi thì con cháu lại học dở, nhưng mà đỗ đạt cao. Con cháu học dở mà cầm giữ nhiều chức vụ quan trọng, cho nên thường làm tắc nghẽn dòng chảy của xã hội, do cha ông đã dày công đóng góp xây dựng.

Đức vua Lê Lợi tài ba đức độ, mưu lược bao nhiêu thì Lê Chiêu Thống tột tệ bấy nhiêu! Ông cha làm thom lừng lịch sử, con cháu làm hôi thối tông môn. Điều này ai ai cũng biết, nhưng ít ai làm được cái việc chỉ dạy con cháu. Bên ngoài hướng dẫn hàng ngàn vạn, triệu người khác, nhưng khi về nhà dạy vợ, dạy con, vợ không tuân, con không học. Chẳng những không tuân, mà đa phần vợ con, học trò lại còn kết thành một bè chống lại chồng, cha hoặc thầy tổ. Cho nên nhiều tộc họ, cha làm thầy con bán sách, hoặc nếu có giữ cũng chỉ được vài đời thì quyền sách ấy cũng lại thuộc về tộc họ khác. Chẳng ai giàu ba họ, chẳng ai khó ba đời là bởi lý do vừa nêu trên. Lịch sử Việt Nam, thời Hùng Vương, đã giữ sự thanh bình cho đất nước suốt dòng lịch sử 2.622 năm, truyền nhau mười tám hệ của Hùng Vương, chứ không độc giữ chỉ truyền cho con (truyền mười tám hệ chứ không phải mười tám ông vua).

Tôn giả La Hầu La sanh vào gia đình quyền quý, ông nội là Đại Hoàng đế, thân phụ thì làm Giáo chủ cõi Sa Bà, vậy mà trong suốt cuộc sống bên cạnh ông nội, bên cạnh thân phụ không hề khoe khoang, ỷ lại hoặc thể hiện một nét xấu nào.

Trong hàng ngũ xuất gia theo Phật, Tôn giả La Hầu La là vị nhập đạo trẻ tuổi nhất và thọ giới Sa di đầu tiên. Tuy ít tuổi nhưng tinh tấn tu học, chứng đắc quả vị Thánh A La Hán trước ông chú họ thông minh của mình, đó là Tôn giả A Nan. Chúng ta chỉ nên lược vài nét Mật hạnh của Tôn giả La Hầu La để làm kim chỉ Nam cho thế hệ trẻ, từ giới xuất gia, cũng như tại gia, đời cũng như đạo. Ngoài ra nói về đời sống tu hành của một chú Sa di La Hầu La, có hàng ngàn chuyện dí dỏm. Hồi còn làm chú Sa di, La Hầu La thường ôm bình bát theo Tăng đoàn đi khát thực. Một hôm đi ngang qua cánh đồng xanh, chú Sa di nghe tiếng thổi sáo, nghiêng mắt ghé nhìn về lũy tre làng thì ôi chao, nó đẹp làm sao, một cậu bé cỡ tuổi như chú, đang ngồi ung dung tự tại trên mình con trâu, đầu đội chiếc nón rách xinh xinh, hai tay nâng ống sáo. Tiếng sáo véo von nghe nó thanh thót làm sao! Chú Sa di ước gì hôm nay Đức Trưởng lão Ca Diếp không sắp hàng cho mình đi sát Đức Thế Tôn, mà là được đi sau chót như mấy ngày trước thì mình sẽ lén trốn đoàn, vào bụi rậm giấu chiếc bình bát, rồi chạy ù vào xin cậu bé được cỡi

trâu, được đội nón, được thổi sáo giây lát. Khi chư Tăng khát thực về, mình lên nhập vào đoàn. Ôi thỏa thích biết bao!

Trưa hôm ấy, sau giờ ngộ trai, Đức Thế Tôn đăng tòa thuyết pháp, chủ đề về ý buông lung tâm móng niệm, buông xả sáu căn, bị âm thanh sắc tướng cám dỗ, vọng tưởng mộng lung. Từ mẫu chuyên đơn sơ Đức Phật khai mở tâm ý La Hầu La và dẫn La Hầu La trở về sống với cái thực của hiện tại. Đức Phật dạy đang đi trên bước chân này thì chỉ biết mình đang bước trên bước chân này, nghe bước chân này của mình đang bước, chớ nên để ý nghe tiếng thổi sáo từ lũy tre làng, bên cánh đồng xanh chen vào. Đang đi, thân mình cảm xúc êm ái hay thô cứng trên bước chân đi, đừng mơ mộng đang ngồi trên mình trâu, đầu đội nón rách xinh xinh. Sự xa vời mộng tưởng này nó sẽ khơi ý thèm khát, ý định nảy sinh sự đối trá, lên rời chư Tăng bỏ đoàn, giấu bình bát trong bụi rậm, chơi vui thỏa thích, rồi lên trở về nhập đoàn. Chỉ một vọng tưởng nhỏ vì đam mê âm thanh của tiếng sáo, mà nó đã kéo theo bao nhiêu là sai khuyết, tội lỗi. Nếu người trí không biết dừng lại để ăn năn sám hối thì sẽ bị ngũ dục cám dỗ. Khi bị ngũ dục lôi cuốn, trôi lăn theo dòng vọng động thì hạnh thanh tịnh đâu còn. Hạnh thanh tịnh đã mất thì là hình tướng oai nghi tế hạnh của vị đại diện ngôi Tăng Bảo còn đâu?

Tôn giả La Hầu La giật mình và tự nghĩ, tại sao mình chỉ nghĩ nơi ý, chưa kịp hành động và cũng chưa hề nói cho ai nghe, vậy mà Đức Thế Tôn đã rõ tất cả. Tôn giả thành tâm ăn năn sám hối.

Một hôm khác, Tôn giả La Hầu La dâng thau nước để rửa chân Đức Phật. Rửa xong Đức Phật hỏi:

- Nay La Hầu La, ngay bây giờ con có thể rửa mặt vào thau nước này được không?

Chú Sa di La Hầu La cung kính:

- Bạch Đức Thế Tôn! Nước này không thể rửa mặt được, vì nó đã vẩn đục.

Đức Phật lại hỏi:

- Nếu trước khi rửa chân thì con có thể rửa mặt vào thau nước này được hay không?

- Dạ thưa được!

Đức Phật dạy tiếp:

- Nay La Hầu La! Con người cũng thế, khi đã vẩn đục như thau nước đục thì mất giá trị. Con tu học theo đạo thanh tịnh, để luyện sống đời sống tịnh hạnh, trong sáng. Vậy con đừng bao giờ chấp nhận thân tâm của con trở thành như thau nước đục!

- Bạch Đức Thế Tôn! Con hứa không để thân tâm con vẩn đục!

Chúng ta không hiểu Tôn giả La Hầu La đắc Thánh quả lúc nào và nhờ bài pháp nào, nhưng mỗi lần nghe Đức Phật dạy chung cho đại chúng, hoặc dạy riêng cho cá nhân thì Tôn giả La Hầu La thay đổi nếp sống rất nhanh. Từ một cậu bé tinh nghịch, đã nhanh chóng trở thành một con người sống đời thanh tịnh oai nghi tế hạnh, giới luật nghiêm minh, chứng Thánh quả trước người chú của mình.

Trong giáo đoàn, nếu người nào dù lớn tuổi nhưng sống sai giới luật, thiếu oai nghi tế hạnh thì các thầy giáo hạnh của giáo đoàn thường sách tấn bằng cách nêu Tôn giả La Hầu La để làm gương. Đúng là không giáo huấn vẩn chuyển hóa được người nhờ thân giáo. Như thế không gọi Mật hạnh thì gọi là gì? Tôn giả La Hầu La, vị Thánh A La Hán, một trong mười vị đại đệ tử đứng đầu Giáo hội. Tôn giả La Hầu La vị đại đệ tử của Đức Phật, là vị Mật hạnh đệ nhất.

--- o0o ---

Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị thuộc hàng còn học và không còn phải học

Chính văn

6- Bấy giờ, Đức Thế Tôn thấy bực còn học cùng không còn phải học hai nghìn vị, ý chí hòa dịu, vắng lặng trong sạch, một lòng quán Phật. Phật bảo A Nan: “Ông thấy bực còn học, bực không còn phải học hai nghìn vị đây chăng?”.

- Vâng! Con đã thấy.

- A Nan! Những vị ấy sẽ cúng dường chư Phật như số vi trần trong năm mươi thế giới, cung kính, tôn trọng, hộ trì pháp tạng. Rồi sau đồng thời ở các cõi nước trong mười phương đều đặng thành Phật, cùng đồng một hiệu là Bửu Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, sống lâu một kiếp, cõi nước trang nghiêm Thanh Văn, Bồ tát, chánh pháp, tượng pháp thấy đều đồng nhau.

Lúc đó, Đức Thế Tôn cần tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

**Hai nghìn Thanh Văn đây
Nay đang ở trước ta
Thấy đều thọ ký cho**

Sau này sẽ thành Phật
Cúng dường khắp chư Phật
Đông nhiều như vi trần
Hộ trì tạng pháp Phật
Sau sẽ thành Chánh giác
Ở mười phương các nước
Thấy đồng một danh hiệu
Cùng lúc ngồi đạo tràng
Để chứng tuệ Vô thượng
Đều hiệu là Bửu Tướng
Cõi nước cùng đệ tử
Chánh pháp và tượng pháp
Thấy đồng không có khác
Đều dùng các thần thông
Độ mười phương chúng sanh
Tiếng đồn vang khắp cùng
Lần nhập vào Niết bàn.

Liên đó, bực còn học cùng không còn phải học trọn đủ hai nghìn vị,
nghe Đức Phật thọ ký vui mừng hơn hở đồng xướng thơ kệ rằng:

Thế Tôn ánh đèn tuệ
Chúng con nghe thọ ký
Lòng vui mừng tràn ngập
Như được rưới cam lộ

Giải luận

Tôn giả A Nan chưa chứng Thánh quả, nhưng được thọ ký thành Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương Như Lai. Chánh pháp, tượng pháp và sự thọ mạng số kiếp lâu xa không tính đếm được. Còn hai nghìn vị học thức uyên thâm và không còn phải học, đa số đã chứng Thánh quả. Vậy mà khi thành Phật, thọ mạng, kể cả chánh pháp, tượng pháp chỉ có một kiếp. Đây là mật nghĩa khó suy lường.

Y báo, chánh báo không căn cứ trình độ học thức, hoặc tu chứng, mà là trả lời bằng một đáp số của toàn cuộc sống. Đó là **bổn nguyện**, đó là **thực hành**. Bổn nguyện của Tôn giả A Nan hùng vĩ quá, siêu việt quá. Thực hành của Tôn giả A Nan bao la quá. Còn hai nghìn vị học và không còn phải học chỉ mới có một chiều học rộng, hoặc nếu vị nào tu chứng thì cũng chứng hạnh Tiểu thừa mà thôi. Hai nghìn vị còn thiếu cao, sâu, rộng, mạnh. Phật là cao, sâu, rộng, mạnh, lớn không ngoài, nhỏ không trong. Tôn giả A Nan đa

dạng, đa năng, hạnh nguyện rộng lớn, bao la. Tôn giả La Hầu La là chiều sâu, là Mật hạnh. Còn hai nghìn vị học và không còn phải học thì mới có từng vấn đề.

Cũng ví như đầu máy đa hệ, đem so với đầu máy đơn hệ. Ai đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa mà thâm sâu vào phẩm “Thọ học vô học như ký”, nhất là liễu thông đoạn kinh này thì sẽ thấy rõ tại sao các Ngài thành Phật hiệu là Bửu Tướng, tại sao chánh pháp, tượng pháp và thọ mạng của các Đức Phật Bửu Tướng chỉ có một tiểu kiếp.

Giới học Tăng, học Ni, giới nam nữ Phật tử nên thâm sâu vào đoạn kinh thuộc phẩm này, để tâm hồn không còn câu nệ, cố chấp pháp thế gian, không còn chạy theo một chiều. Nếu ai mở rộng tâm hồn không vị kỷ nơi quả vị Thanh Văn, không vị kỷ nơi thụ hưởng, không vị kỷ nơi sự hiếu kỳ của thiên hạ. Trái lại phải rộng mở, phải đa dạng, đa năng, phải sống vì người khác, phải hy sinh cho cái chung cho mọi người, phải phát tâm cầu thành Phật, được vậy là đang thọ trì kinh Pháp Hoa, đang gia nhập vào thành phần nhân sự điều hành giáo pháp, bằng không được vậy thì đem tài học rộng hiểu xa để hỗ trợ chánh pháp. Hai nghìn vị thuộc thành phần này, dù số kiếp thành Phật cùng chánh pháp, tượng pháp thời gian có ngắn, nhưng vẫn được thọ ký thành Phật.

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

Đa phần hành giả Pháp Hoa đọc tụng đến phẩm thứ chín này thường lướt qua, bởi vì đa phần nghĩ rằng phẩm kinh này Đức Phật thọ ký cho ba thành phần:

- ❶ Tôn giả A Nan.
- ❷ Tôn giả La Hầu La.
- ❸ Hai nghìn vị học và không còn phải học.

chứ chẳng đề cập gì đến phương pháp tu trì thuộc Nhất thừa cả!

Nếu quan niệm như vậy thì quá hời hợt, tất cả các nhân vật đệ tử của Đức Phật, mỗi vị quan trọng khác nhau. Riêng Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La mức quan trọng người đời khó nhìn thấy.

Đọc hết phẩm “Thọ học vô học như ký” này, chúng ta tập trung “**Văn tư tu**” (nghe, tư duy và tu luyện) về ba danh hiệu.

Phẩm này Đức Phật thọ ký có ba phần:

1. Tôn giả A Nan thành Phật hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

2. Tôn giả La Hầu La thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

3. Hai nghìn vị học và không còn phải học thành Phật, hiệu là Bửu Tướng Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

Ba danh hiệu Phật của cả ba đã nói lên tầm quan trọng, nhất là hai danh hiệu Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai và Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai, quan trọng đến tột đỉnh cao của vấn đề, vậy thì sao lại quan niệm chẳng liên quan đến việc tu luyện của mỗi chúng ta?

Mặt khác, đối chiếu cuộc sống của Tôn giả A Nan, một bậc siêu quần bạt chúng, học rộng nhớ rành, vậy mà bị Trưởng lão Ma Ha Ca Diếp làm nhục đuổi ra khỏi đại hội kiết tập, liệu như cá nhân chúng ta có nhẫn chịu được không? Vậy có liên quan đối chiếu giữa kinh và chính mình được hay không?

Tôn giả La Hầu La là vị Phật có danh hiệu Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai đầy đủ mọi phương diện, mọi điều kiện bắt buộc kẻ khác hầu hạ. Trái lại đã không bắt ai hầu hạ mình mà còn tự động thay Tôn giả A Nan làm bớt việc của một vị Thị giả.

Thái tử Tất Đạt Đa rời cung vàng điện ngọc bởi vì tiền thân Thái tử là Bồ tát Hộ Minh và lúc Ngài rời cung điện tuổi đã trưởng thành, cho nên cũng không có gì là khó hiểu. Đấng này, vương tử La Hầu La còn quá bé thơ mà lại rời cung vàng điện ngọc, rời cả sự triu mến thâm thương của mẹ, của ông nội, để chấp nhận đời sống tu hành, hằng ngày bụng bát đi khát thực làm một vị tu sĩ như thế không đáng làm gương cho hậu học hay sao? Phẩm kinh này là phẩm kinh gởi đầu nằm cho các chú Diệu, các vị Sa di. Hãy nhìn gương Sa di La Hầu La đã dùng thân mình để giáo hóa các vị Tăng nào còn thiếu sót về mặt oai nghi tế hạnh, như thế không Mật hạnh là gì? Tại sao các vị Sa di thời nay không noi gương, không muốn nhận câu xưng tụng của người đời: “**Sa di thuyết pháp Sa môn thánh**” hay sao?

**

Toàn bộ kinh Pháp Hoa và riêng phẩm kinh này cũng không dành riêng để chỉ đạo cho giới tu luyện kinh Pháp Hoa, mà là chung cho toàn xã hội loài người. Nhất là việc còn học, không chỉ dành riêng cho hàng học thức. Không còn phải học không chỉ dành riêng cho hàng Thánh quả.

Vậy thì giới học thức nếu đồng nhất quán cùng với giới còn học và không còn phải học, số lượng hai nghìn vị cùng chung một tâm nguyện, một chủ hướng, một chỉ đạo thì sẽ đạt **Bửu Tướng**. Bửu Tướng thuộc phần vật thể quý báu. Dòng đời này cần gì, cần tâm linh và vật thể. Tâm linh ở phẩm

khác, vật thể ở phẩm này. Vậy thì các nhà bác học, yếu nhân, vĩ nhân, triết nhân, hiền nhân, học giả có cần nghiên cứu sâu về phẩm kinh này không? Nếu cần, chúng tôi xin gợi ý là phải hội tụ đủ cả ba thành phần nhân sự.

❶ Thành phần thứ nhất một vị hỗ trợ đạo tài trí xuất sắc hơn người, nghĩa là trình độ siêu quần bạt chúng, nhưng lúc nào cũng đóng vai giả vờ phàm tục, đóng vai phó thường dân để gồm thâu tất cả mọi tinh ba trong giới quần chúng.

❷ Điểm xuất sắc thứ hai của phẩm này là Đức Phật chú ý đến nuôi dưỡng đầu tư một nhân vật tuổi còn quá trẻ mà đã đứng vào thập đại đệ tử xuất sắc của Đức Phật. Tôn giả La Hầu La, vị **Mật hạnh đệ nhất**. Không bao giờ nghe Tôn giả La Hầu La nói gì, mà là đã nói tất cả. Nói lên Đức Phật và nói xuống cho đại chúng nghe. Nhiều lúc không dùng ngôn ngữ để nói mà chỉ dùng mắt, dùng thân, dùng ý để nói.

Tất cả hầu như các tổ chức tôn giáo cũng như thế quyền, từ ngàn xưa dẫn đến nay, khó tìm thấy một tổ chức nào có nhân sự trẻ kiệt kiệt như vậy. Muốn có nhân vật kiệt kiệt không phải việc ngẫu nhiên há miệng chờ sung, mà phải có phần đào tạo. Đào tạo chọn lọc từ nơi gia tộc đầy đủ phước đức, tư cách tánh hạnh khi còn ấu nhi, nhất là phương thức giáo huấn. Giáo huấn từ một vị đại vương tử, cháu nội một Đại hoàng đế, chịu mặc áo vá, bung bình bát làm người hành khất, sống đạm bạc qua ngày, rày đây mai đó. Giáo huấn cắt rời âm thanh mê tiếng sáo trúc. Giáo huấn phân tách dòng đời trong đục như thau nước đục trong.

❸ Phần đặc biệt thứ ba của phẩm này là hai nghìn vị, cả phàm lẫn Thánh đều nhất quán, đều chung dòng tư tưởng và chịu chung một sự chỉ đạo. Tức là chịu chung một sự thọ ký, cùng chung một danh hiệu Bửu Tướng Như Lai.

Giữa dòng đời này tìm được năm mươi người trùng tên, chung hạnh nguyện đã rất khó khăn rồi. Đằng này phẩm kinh nêu con số đến hai nghìn vị mà lại cùng chung một quan niệm, cùng chung một ảnh hưởng, cùng chung một hướng đến, cùng chung một tổ chức, cùng chung một chỉ đạo, cùng chung một danh hiệu **Bửu Tướng**.

Đã hiểu rõ ba điểm đặc biệt thuộc thành phần nhân sự hỗ trợ của Đức Phật, rất mong những ai vào đời khi muốn phục vụ, khi muốn đem pháp Diệu nhập đời, hầu hiển hưng đời thì xin hãy tuân tự áp dụng đúng quy pháp của từng mỗi vấn đề.

Ôi tuyệt diệu thay phẩm kinh dành cho những nhà lãnh đạo, yếu nhân, mô phạm giữa dòng đời. Vậy mà nở nào những vị đã tự chọn mình làm hành giả Pháp Hoa lại lướt qua.

Nhật Bản yên bình thịnh vượng, dân giàu nước mạnh là nhờ vị Đông cung Thái tử của Nhật hoàng, chọn kinh Pháp Hoa làm sườn để soạn thành bản Hiến pháp cho nước mình.

Pháp Diệu nhập đời chẳng một chẳng hai. Tại sao ta mãi còn phân biệt có hai có một? Thế giới năm châu loài người chung một, cả đạo lẫn đời đều sống hòa hợp trong pháp Diệu thì làm gì còn có xung đột chiến tranh?

Kính lạy Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Kính lạy thập phương thường trụ Tam Bảo gia hộ cho tất cả các pháp giới chúng sanh đều thấm nhuần hoa Sen pháp Diệu, đưa phương pháp an lành màu nhiệm nhập đời, để đời đẹp, đạo hưng.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyền thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoàng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Pháp sư:

- * Ở nhà từ bi rộng lớn
- * Mặc áo nhẵn nhục nhu hòa.
- * Ngồi tòa các pháp không.

--- o0o ---

Bài 18 - Phẩm Pháp Sư - Thứ Mười

Đức Phật thọ ký cho những người tin nghe và thọ trì kinh Pháp Hoa.

Đức Phật nêu công hạnh sáu thành phần thọ trì kinh Pháp Hoa.

Tại sao kinh Pháp Hoa thuộc hàng đệ nhất.

Ví như người đào giếng.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Phẩm thứ 8 bài số 16 Đức Phật thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na và năm trăm vị A La Hán thành phần điều hành đúng nguyên tắc: “Ngàn mắt ngàn

tay”. Chú ý đề khi vào bài 17 chuyện gã cùng tử bâu áo có viên ngọc. Bài số 18 này thâm sâu vào phẩm Pháp sư thứ mười, bài số 18 (*mười phẩm trong hai mươi tám phẩm kinh Pháp Hoa*).

Muốn dễ hiểu, dễ liễu, dễ thông hầu thấu đạt phẩm kinh thì trước nhất phải hiểu, phải liễu, phải thông đề của phẩm kinh. Đề phẩm kinh gồm hai chữ “Pháp sư” có nghĩa là thầy dạy Phật pháp. Vậy thì theo ý của phẩm kinh đạt pháp gì?

Thầy ngoài đời dạy cho người biết chữ, đề rời pháp thô, nhập pháp tế. Nếu học chữ ít thì phải học nhiều về phép xử thế. Còn cứ mãi trôi lăn theo dòng trần tục, sống thiếu giáo dục để miệng đời lên án rằng: “Mày ăn nói như đồ đá cá lẫn dưa”, tức ăn nói thô lỗ, đời sống toàn áp dụng pháp thô lỗ và nói năng ứng xử cũng lỗ mãng. Chúng ta hãy chiêm nghiệm qua loài ngựa, chúng không bao giờ loạn luân, vậy mà có những người hễ mở miệng là chửi bới lộn ngôn **đòi lấy mẹ**.

Dòng đời nhờ cha mẹ tôn phong, nhờ các bậc thầy đời như đạo, nhất là các nhà mô phạm, đạo đức đã tận tâm dạy bảo sự tôn ty trật tự, được hiểu trời cao biển rộng, biết cách đối xử với nhau tế nhị. Đa số những người có học, cuộc sống rất tế nhị. Chúng ta ít nhìn thấy những vị trí thức như bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, học giả, thức giả ... say rượu chửi bới thiên hạ hoặc ngã lăn giữa đường. Nhờ gì? Nhờ họ có học. Kể cả trong những giây phút nóng giận, cũng không dùng phương tiện và lời lẽ thô bạo mà chửi mắng đánh đập nhau. Họ nhờ gì? Nhờ được nghe thầy dạy! Vậy thầy nào dạy họ?

- ① Thầy dạy rời pháp thô, nhập pháp tế là **Giáo sư**.
- ② Thầy dạy rời pháp tế, nhập pháp vi là **Giảng sư**.
- ③ Thầy dạy rời pháp vi, nhập pháp Diệu là **Pháp sư**.

Pháp sư là vị thầy dạy Phật pháp. Vậy pháp Phật là gì? Nhiều lắm, nhưng phẩm này Pháp sư là dạy pháp Diệu! Chỉ có phẩm thứ mười kinh Pháp Hoa mới nói rõ vai trò vị Pháp sư, bởi vì kinh Pháp Hoa là pháp Diệu nhập đời, tức là **Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa**.

Hạnh Tiểu thừa chán sợ dòng đời, nên chỉ lo tu cầu giải thoát, chứng quả Thánh Thanh Văn cho riêng mình. Hạnh Đại thừa mà Đại thừa nhập đời bằng pháp Diệu thì thương đời, mến đời nên nhập đời dạy pháp Diệu cho đời.

Pháp chuyển người nên tên Diệu pháp Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư.

Vậy thì Pháp sư là người đã được pháp Diệu chuyển nhập vào pháp Diệu, sau đó Pháp sư mới khởi sự chuyển pháp Diệu nhập đời. Cũng như có

đạt trình độ Giáo sư mới dạy sinh viên thông hiểu văn hóa, rồi thô nhập tế. Có đạt được Giảng sư mới chuyển người từ tế sang vi và có đạt Pháp sư mới chuyển người từ vi nhập Diệu. Người chưa đắc Diệu thì làm sao chuyển pháp Diệu? Chưa có đạt Giảng sư để chuyển pháp tế thì làm sao gọi là Giảng sư? Chữ “người” câu một “Pháp chuyển người nên tên Diệu pháp” cùng với chữ “người” câu hai “Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư” nghĩa là chữ người câu thứ nhất đã được pháp Diệu chuyển cho nên chữ người câu một mới chuyển sang câu hai. Khi sang câu hai thì chữ người này mới đủ lực chuyển nhiều người khác rời pháp vi nhập pháp Diệu, lúc bấy giờ đời mới tôn gọi là Pháp sư.

Vị Pháp sư xứng đáng nhất và cũng là duy nhất, đó là Ngài Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi. Ngài đã chuyển pháp Diệu nơi cung rồng, độ nàng công chúa rồng tám tuổi thành Phật và vô số quan dân rồng thành Bồ tát.

Chuyển pháp như thế mới gọi là **“Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư”**.

Đời đáng chán hay đời đáng thương? Chẳng chán mà cũng chẳng thương. Chán hay thương đều do con người.

- Đời thô đáng chán.
- Đời tế đáng thương.
- Đời vi đáng mến.
- Đời diệu đáng tôn thờ.

Thô tế vi diệu đều do con người. Định mệnh không hề cột trói con người ở mãi nơi thô. Nghiệp lực cũng không thể xui khiến ai ở mãi nơi tế. Quyền lực không hề giam giữ con người nơi vi.

Người đôn củi trở thành vị Tổ thứ sáu Thiên tông. Con gái vua rồng phút giây đắc thành Chánh giác. Cô quét rác năm nào bỗng thành nhà văn hào tỷ phú ở Mỹ châu. Đời không mãi khổ đau, đời không luôn phú quý. Tất cả đều do con người biết sống hay không? Kiên tâm tinh tấn học hành thì sẽ đạt tế, đạt vi. Khi thân ý tế vi - Quán niệm đắc từ bi chứng Diệu. Pháp Diệu chuyển người - Người chuyển Pháp Hoa. Diệu Pháp Liên Hoa, nhập đời vi diệu. Vi diệu duyên nhân Diệu hữu bùng khai.

Loài người hãy trao tặng cho nhau bằng vi bằng tế. Dứt hẳn pháp thô để tròn nở tình người. Đức Phật trao cho đời hai chữ Diệu hữu tròn xoe. Đạt được chữ Diệu rồi, nhớ còn chữ “hữu” kèm theo.

Hòa thượng Đồng Quán nhập thất hơn hai mươi năm, hầu mở khai chữ “hữu”. Khi mới vừa bùng, Ngài vội vượt Trường Sơn mấy trăm cây số để trình “kiến giải” lên vị Đại sư. Vừa gặp, Hòa thượng Đồng Quán chưa trình hết kiến giải, vậy mà đã bị Đại sư Trí Quang trải bi tâm như sấm **“Ta tha**

khỏi nhổ râu cho đó ...!”. Ngài Đổng Quán hơi buồn, về kể chuyện lại cho chúng tôi nghe.

Chữ hữu từ câu:

Hữu

Pháp tự tướng (Nhân Minh Luận)

Khi nghe kể xong, chúng tôi vỗ bụng cười to và rằng: **“Không bị nhổ râu là may lắm rồi!”**.

Lúc bấy giờ Ngài Đổng Quán bỗng nhiên bưng ngô rằng: “Chữ hữu này nó không thể nào đơn nghĩa, mà nó phải kết liền có chữ Diệu cùng theo”, tức là “Diệu hữu”. Khi chúng đắc cả hai thì chẳng còn ngôn còn ngữ để tỏ bày, để mô tả, để trình kiến giải, để vượt Trường Sơn. Nếu đem kiến thức biện minh thì mất công toi vậy, là đã tràng xe cát. Ngài Đổng Quán mới trợn vui mừng và cũng cùng vỗ bụng cười to.

Chúng đắc Diệu hữu là nhờ tịnh tâm quán chiếu. Quán chiếu đạt thành là đắc thành Bồ tát. Bồ tát có mười đẳng cấp, đắc đẳng cấp thứ mười là Diệu giác, hoặc Đẳng giác là bậc Đại Bồ tát tối cao. Mười đẳng cấp Bồ tát, muốn đắc bất cứ đẳng cấp nào cũng phải có trình độ Pháp sư. Khi đã là Pháp sư thì chẳng cần trình kiến giải. Không kiến giải, không trình thì cũng chẳng có râu !

Khi nào thực tu, thực luyện, thực chứng, thực tri mà chẳng hề có khả đắc, chẳng hề có luận giải, cũng chẳng hề có văn tự, ngôn ngữ thì đó mới gọi là **Diệu hữu**. Bởi vì **Diệu hữu** và **chơn không** vốn đồng một thực tướng. Mà thực tướng các pháp thì đã phơi bày tỉ mỉ nơi kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp sư nhờ y theo kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà thành. Kinh Pháp Hoa lại phải nhờ Pháp sư mới phổ chuyển.

Đời nhờ Giáo sư mới biết chữ

Đạo nhờ Pháp sư mới tỏ sáng rời mê.

Rời dốt, xa mê nhập vùng ánh sáng. Nhập được ánh sáng an lành nhờ công đức của Giáo sư và Pháp sư.

Bồ tát Văn Thù là vị Cổ Phật nên chứng đắc toàn phần, Pháp sư phổ chuyển Đại thừa Pháp Diệu.

Chúng ta mê muội nhiều đời, nhưng nhờ các kiếp gần đây đã gặp kinh Pháp Hoa nên đa số đều tinh tấn tu hành và đang là hành giả kinh Pháp Hoa. Khi sự tu hành có phần tinh tấn, đạt được phần nào công đức, tức là vị đó trở thành thiếu phần Pháp sư phổ giải kinh Sen pháp Diệu.

Lời Phật dạy: Như Lai là Phật đã thành
Chúng sanh là Phật sẽ thành.

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

**Đức Phật thọ ký cho những người nghe và thọ trì kinh Pháp Hoa
Chính văn**

Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thông qua Bồ tát Dược Vương mà truyền dạy cho tám mươi nghìn vị Bồ tát rằng: “Này Bồ tát Dược Vương! Trong chúng hội đây gồm có vô số hàng chư Thiên, Long vương, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và phi người, cùng Tăng Ni, nam nữ Phật tử, hết thảy hàng cầu Thanh Văn, hàng cầu Duyên Giác, hàng cầu Phật đạo, tất cả các thành phần này đang hiện diện trước mặt ta là Thích Ca Như Lai, để nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù là một câu kinh, một bài kệ, nhấn đến khởi một niệm tùy hỷ thì Như Lai cũng đều thọ ký cho sau này đều chứng quả vị Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Bồ tát Dược Vương! Sau khi Như Lai đã nhập diệt. Lúc ấy nếu có người nào nghe được kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù một câu kinh, một bài kệ, hoặc chỉ khởi một niệm tùy hỷ thì Như Lai cũng thọ ký cho vị đó thành Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sáu thành phần cũng đều được thọ ký:

“Lại nếu có sáu thành phần sau đây, các vị: đọc, tụng, thọ trì, in chép, cung kính, cúng dường và thuyết giải kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, đối với kinh điển này cung kính như cung kính chư Phật. Cúng dường như cúng dường chư Phật. Dùng các món quý báu như hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, trầm hương, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, nhấn đến chỉ chấp tay cung kính kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Dược Vương! Nên biết các người kể trên đã cúng dường mười muôn ức Phật, ở chỗ các Đức Phật thành tựu chí nguyện lớn vì thương xót chúng sinh mà sinh vào nhân gian.

Giảng luận

Tu luyện Đọc - Tụng - Thọ trì - In chép - Cúng dường - Thuyết giải

Cả sáu thì quá siêu tuyệt, bằng không chỉ được một, hoặc nửa cái của một. Tùy nhân duyên căn cơ hoàn cảnh ai giữ được nửa, hoặc một, hoặc hai là tốt, được phần nào tốt phần đó. Nếu ai tu luyện tất cả sáu phần thì tốt toàn phần.

Đoạn kinh này Đức Phật còn nhấn mạnh: Chẳng những Đức Phật chỉ thọ ký cho hàng Thánh Tăng hiện tiền lúc đó, mà dù cho trải nhiều ngàn năm sau, ai nghe rồi đọc tụng, hoặc thọ trì, dù chỉ một câu kinh này, hoặc chỉ khởi một niệm hoan hỷ đối với kinh Pháp Hoa thì Đức Phật Thích Ca cũng thọ ký cho người đó thành Phật.

Thành phần được thọ ký này là thành phần đại chúng được thọ ký (lãnh đạo, điều hành, hỗ trợ và đại chúng).

Ai hiểu và liễu ngộ được đoạn kinh này thì chắc chắn sẽ không còn sợ kẻ xấu ác hăm dọa rằng: tụng đọc kinh Pháp Hoa bị đố nghiệp, vì nếu nói như vậy thì có khác nào bảo chuyên cần làm việc sẽ bị nghèo đói! Đức Phật tán thán ngợi khen người tu luyện, phổ truyền kinh Pháp Hoa làm gì?

Dù cung kính một câu một chữ nơi kinh Pháp Hoa thôi, dùng tất cả những quý báu cúng dường, nhẫn đến chỉ chấp tay cung kính một chữ, một câu kinh Pháp Hoa thì công đức người này sánh bằng những vị đã từng cúng dường muôn ngàn triệu ức Đức Phật rồi vậy.

--- o0o ---

Đức Phật nêu công hạnh sáu thành phần thọ trì kinh Pháp Hoa

Chính văn

Bồ tát Dược Vương! Nếu có ai hỏi rằng: “Về các đời sau khi Phật diệt độ thì ai sẽ được thành Phật?”. Nên chỉ các người trên đó ở đời vị lai ấn định làm Phật”.

Vì sao? Vì nếu có một thiện nam, thiện nữ nào đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù một câu kinh, hoặc người nào chỉ dùng kinh quyển, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, trầm hương, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc cúng dường, hoặc chấp tay cung kính kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì trời thần người quỷ rồng phải chiêm ngưỡng, sùng kính như là chiêm ngưỡng, sùng kính chư Như Lai vậy! Phải biết vị đó đã thành tựu hạnh nguyện Bồ tát, rồi tái sinh vào đời để phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa, huống gì những vị trọn đời hay thọ trì và cúng dường các thứ.

Lại nữa, Bồ tát Dược Vương cũng nên biết thêm rằng: “Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có ai dùng đủ sáu phương pháp, hoặc một phương pháp thọ trì, hoặc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì xem ngang như hàng Bồ tát, tự bỏ nơi thanh tịnh để nhập đời, rộng phổ truyền kinh này vậy! Hoặc hẳn có ai chỉ mới vì một người khác mà phổ truyền một câu kinh, một bài kệ Pháp Hoa thôi thì vị đó cũng chính là sứ giả của Như Lai, do Như Lai giao sứ mệnh. Huống chi những vị đã vì đại chúng phổ truyền toàn kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Này Bồ tát Dược Vương! Nếu có kẻ độc ác dùng tâm không lành, mắng nhiếc, chê bai Phật thì gã ấy vẫn nhẹ tội hơn là người đã dùng một lời hung dữ chê bai mắng nhiếc người tại gia hay xuất gia thọ trì hoặc phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bồ tát Dược Vương! Vị nào thọ trì, đọc tụng, phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa là vị đó đang dùng đức trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Và ta là Thích Ca Như Lai, sẽ dùng vai công người đó. Vị này đi đến đâu, trời thần người quỷ rồng thấy đều phải hướng theo vị đó mà lễ lạy, phải thành tâm chấp tay, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương đốt, hương xoa, lọng lụa, y phục, thực phẩm, kể cả trời các thứ kỳ nhạc và các thứ thượng hạng dâng cúng dường vị ấy. Chẳng những thế là đủ, mà hàng chư Thiên còn cần phải dùng các hương báu cõi trời mà rải cúng dường, đem tất cả các bảo vật cõi trời mà dâng cúng dường vị đó. Vì sao? Vì vị đó hoan hỷ phổ truyền pháp Diệu. Dù chỉ trong giây phút, nhưng nếu ai nghe mà liễu ngộ thì cũng đều được rất ráo chúng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giải luận

Đoạn này xin tóm gọn và nhấn mạnh thêm:

Đức Phật hỏi Bồ tát Dược Vương: “Sau khi Như Lai diệt độ thì ai sẽ thành Phật?” và cũng tự Đức Phật trả lời: “Sáu thành phần tu tập phổ truyền kinh Pháp Hoa sẽ thành Phật”.

Tu tập phổ truyền đầy đủ toàn bộ kinh thì quá tuyệt. Chỉ đọc - tụng - thọ trì - in chép - cúng dường và thuyết giải một câu, một chữ kinh Pháp Hoa cũng được thành Phật.

Hoặc dùng tất cả các phẩm lễ quý báu, hoặc chỉ dùng một món như hương hoa, kỳ nhạc để cúng dường kinh Pháp Hoa thì vị đó là Pháp sư kinh Pháp Hoa.

Hoặc chỉ chấp tay cung kính kinh Pháp Hoa thì vị đó sẽ được trời thần người quý rông đều chiêm ngưỡng sùng kính như chư Phật.

Nói rộng ra vị nào trọn đời bằng đủ sáu cách tu tập, phổ truyền toàn bộ kinh Pháp Hoa thì vị đó đang dùng đức trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Trời thần người quý rông xem và kính trọng vị đó như Bồ tát đã tự rời bỏ cảnh thanh tịnh để nhập đời mà phổ truyền kinh này vậy. Vị đó chính là sứ giả của Như Lai, do Như Lai giao phó việc phổ truyền kinh Pháp Hoa. Chẳng những chư Phật khắp mười phương đều hộ trì, mà chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng đã chính thức công bố: “Ta là Thích Ca Như Lai sẽ lấy y ca sa phủ lên thân người đó, dùng tay xoa đầu vị đó, dùng vai chống vị đó”. Tầm quan trọng như thế, cho nên trời thần người quý rông chẳng những cung kính lễ lạy cúng dường là đủ, mà còn cần phải dùng phẩm lễ hương báu, vật báu của các cõi trời dâng cúng dường vị đó. Kể cả những ai nghe vị đó thuyết cũng đều được rất ráo đắc quả vị Phật vậy.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa trên:

**Nếu muốn trụ Phật đạo
Thành tựu vô sư trí
Phải luôn luôn cúng dường
Người thọ trì Pháp Hoa
Có ai muốn mau đặng
Nhất thiết chùng trí huệ
Nên thọ trì kinh này
Và cúng dường người trì
Nếu ai hay thọ trì
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Vị ấy sứ giả Phật
Xa rời nơi thanh tịnh
Thương chúng nên sinh đây
Phải biết người như thế
Chỗ muốn sinh tự tại
Ở nơi đời ác này
Rộng nói pháp Vô thượng
Hương hoa y báu trời
Dâng cúng dường vị đó
Ai thay Phật thọ trì
Mọi người nên kính lễ
Như kính lễ Như Lai
Y báu cùng vật thực
Dâng cúng dường vị đó**

**Để được nghe pháp Diệu
Sau ai thọ kinh này
Ấy sứ giả Như Lai
Do Như Lai phân nhiệm
Suốt kiếp chửi mắng Phật
Tội này không kể xiết
Nhưng lời báng Pháp sư
Tội nặng triệu lần hơn
Suốt kiếp cung kính “Ta”
Được vô lượng công đức
Một lời mừng Pháp sư
Công đức nhiều vạn bội
Suốt tám mươi ức kiếp
Cúng dường chư Như Lai
Bằng một cúng pháp Diệu
Suốt kiếp khen Như Lai
Bằng một khen pháp Diệu
Chốc lát nghe Pháp Hoa
Vui mừng đặng lợi lớn
Này Bồ tát Dược Vương!
Thấy kinh Như Lai thuyết
Pháp Hoa kinh đệ nhất
Pháp Diệu nơi kinh này
Pháp tuyệt vời siêu đẳng.**

Giảng luận

Chúng ta hãy nhắm mắt lại một phút. Thở thật nhẹ một phút nữa để xả hết tất cả các chất âm tử nơi cơ thể của chính mình. Lại thêm một phút nữa, đóng kín cả sáu giác quan. Quên hết tất cả các tạp pháp. Pháp tạp lẫn pháp chơn. Sau ba phút, chúng ta tập trung tám thức về một ý, để chiêm nghiệm đoạn kinh Đức Phật nói với tám mươi nghìn vị mà lại phải trải qua câu tiếp vận của Bồ tát Dược Vương. Tám mươi nghìn vị đại sĩ là tám vạn vị Đại Bồ tát. Con số tám vạn, đây cũng lại là một bí pháp của Pháp Hoa kinh. Nói với tám mươi nghìn vị đại sĩ mà là lại thọ ký cho những ai có đủ sáu tiêu chuẩn, hoặc từ một đến sáu tiêu chuẩn tu Pháp Hoa cũng đều được thọ ký thành Phật.

Sau khi chúng ta liễu thông phần nào về những bí pháp này rồi thì chúng ta mới chuyển sang nét thứ nhì, rằng tại sao Đức Phật lại tán thán sáu thành phần phổ truyền kinh Diệu Pháp Liên Hoa nhập đời như thế?

Trên khắp hoàn vũ nói chung, Việt Nam nói riêng, thêm Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa này nói riêng, có biết bao nhiêu người đã và đang đọc - tụng - thọ trì - in chép - cúng dường và thuyết giải kinh Pháp Hoa? Vậy thì tất cả những người này đều là Pháp sư của Pháp Hoa kinh chứ còn gì nữa?

Không! Chúng ta đã lầm lẫn quá lớn rồi! Lầm lẫn là vì chúng ta quên mất chữ Diệu. Chúng ta đang đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải, nhưng còn ở trong vòng pháp thô, hoặc có ai cao hơn một chút thì cũng chỉ mới đi vào pháp tế mà thôi, chứ chưa nhập vào công pháp vi thì làm gì có pháp Diệu!

Xin nói lại một lần nữa để chúng ta nhớ rõ khỏi lầm lẫn. Đức Phật tán thán, ngợi khen, trân trọng các vị Pháp sư của kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chứ không phải ca ngợi, tán thán, thọ ký cho người đọc sách, hoặc thọ trì sách Pháp nhưng chưa có Hoa. Sách Pháp khác xa với kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Pháp Diệu nhập đời chỉ có Pháp sư mới chuyên pháp. Đặc biệt và điều kiện tiên quyết của vị Pháp sư là cuộc sống nhập Diệu.

Pháp chuyển người nên tên Diệu pháp Người chuyển pháp đời gọi Pháp sư.

Pháp “**Diệu hữu**” cùng một với pháp “**Chơn không**”, mà chơn không thì đồng Thực tướng. Khi nào chứng ngộ Thực tướng của các pháp, lúc bấy giờ mới tỏ ngộ rằng: Chẳng Chơn không, mà cũng chẳng Diệu hữu, chẳng Giải thoát, mà cũng chẳng Pháp sư. Còn bây giờ thì rất cần Pháp sư, pháp Diệu và rất tha thiết mong đợi Pháp sư chuyển pháp Diệu.

Cũng tin tưởng rằng cuối kỷ nguyên 21, lớp hậu học sẽ cống hiến cho Tổ quốc, cho non sông, cho quần chúng, cho thế giới nhân loại và muôn loài hàng ngàn, hàng vạn vị Pháp sư nhập đời chuyển pháp Diệu.

--- o0o ---

Kinh Pháp Hoa là tạng bí yếu của các kinh, cho nên rất khó hiểu, khó tin

Chính văn

3- Bấy giờ Đức Phật lại nói với Bồ tát Dược Vương rằng: “Nhu Lai đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết nhiều vô lượng kinh điển. Nhưng trong hết thảy số kinh này thì chỉ có kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa là bộ kinh khó hiểu nhất, cho nên rất khó có nhiều người tin.

Này Bồ tát Dược Vương! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí yếu của chư Phật, cho nên quý vị chớ nên “vọng trao”, phân bố cho những ai

thiếu niềm tin. Bởi vì kinh đây là bộ kinh mà chư Phật đã giữ gìn từ xưa đến nay, chưa từng tuyên thuyết. Kể cả khi ta là Thích Ca Như Lai hiện đang còn tại thế, vậy mà cũng vẫn còn có nhiều kẻ oán ghét kinh này, huống gì là sau khi ta diệt độ.

Bồ tát Dược Vương nên biết! Sau khi ta là Thích Ca Như Lai diệt độ, nếu ai phát tâm đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh này, hoặc vì người khác tuyên thuyết giải bày thì sẽ được ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên thân người đó. Nhất là sẽ được chư Phật khắp mười phương đồng hộ trợ. Người đó sẽ đạt niềm tin lớn và chí nguyện lớn, đầy đủ căn lành. Và phải nên biết rằng vị đó đang cùng chung ở với ta, được ta là Thích Ca Như Lai dùng tay xoa đầu.

Bồ tát Dược Vương cũng nên hiểu thêm rằng: “Bất kỳ nơi nào, chốn nào, hoặc có người đọc tụng, hoặc thuyết giải, hoặc in chép, hoặc có sẵn kinh Pháp Hoa thì nên dựng tháp bảy báu để tôn thờ, không cần phải có xá lợi mà tháp ấy vẫn linh thiêng.

Vì sao? Vì trong bộ kinh Pháp Hoa đã có đầy đủ toàn thân Như Lai rồi vậy! Lại còn cần phải dùng đủ các thứ quý như hương hoa, hương đốt, chuỗi ngọc, lọng lụa, tràng phan, kỹ nhạc, tán thán, cúng dường, cung kính, tôn trọng Bửu tháp. Nếu ai thấy được Bửu tháp này mà cung kính, lễ lạy, cúng dường thì vị đó đã gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi vậy!

Bồ tát Dược Vương! Có nhiều người tại gia, xuất gia đang hành đạo Bồ tát mà chưa nghe, hoặc chưa thấy, chưa đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh Pháp Hoa này thì người đó chưa khéo biết tu hạnh Bồ tát vậy!

Nếu có người đặng nghe kinh điển này mới là hay khéo tu đạo Bồ tát. Ngược lại, nếu có ai đang tu cầu Phật đạo mà được thấy, hoặc được nghe kinh này, nghe xong tin hiểu, phát tâm thọ trì thì nên biết rằng vị này đang gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng luận

Đức Phật đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết nhiều bộ kinh, nhưng tại sao Đức Phật lại xác quyết là chỉ có kinh Pháp Hoa là bộ kinh cao siêu đứng vào hàng đệ nhất so với các kinh khác?

Siêu tột ở điểm nào? Ở điểm bao gồm cả Tiểu thừa, Đại thừa lẫn Tội thượng thừa ư? Hay là siêu việt ở điểm chỉ rõ thực tướng của các pháp? Hay là siêu việt ở chỗ có Đức Phật Đa Bửu hiện bửu tháp đến để làm nhân chứng? Hay là siêu việt ở chỗ nữ giới đắc ngộ kinh, được thành Phật ngay

trước mặt đại chúng? Hay là siêu việt ở chỗ thành phần nhân sự được thọ ký tùy theo khả năng? Hay là siêu việt ở chỗ bao gồm hầu hết các pháp môn tu như thiền, tịnh, mật, hiển, duy thức, luật ...vân vân... Hay là siêu việt ở chỗ pháp Diệu nhập đời? Hay là siêu việt ở chỗ chỉ có Phật và Phật mới thấu suốt tất cả bí pháp của bộ kinh, chứ hàng Bồ tát thì không làm sao liễu thông, thấu suốt toàn phần bộ kinh này?

Chúng ta đặt một triệu câu hỏi và giải đáp trọn vẹn đủ tất cả cũng vẫn không thể nào đúng toàn triệt phần siêu việt đệ nhất của bộ kinh Pháp Hoa. Nhưng dù sao chúng ta cũng không được quyền khoanh tay, ngồi nhìn, thờ ra, để mặc cho mọi bí pháp siêu việt đệ nhất của bộ kinh này luôn bị rơi vào chỗ bí mật hoàn toàn. Ta phát nguyện tu, phát nguyện luyện, phát nguyện mở rộng tâm bằng tâm Phật, nguyện bằng nguyện Phật thì nhất định một ngày nào đó, một kiếp nào đó, chúng ta nhất định sẽ vén lớp màn bí mật siêu đẳng thuộc chỗ đệ nhất pháp siêu đẳng này vậy!

Đoạn kinh này chia thành hai phần khác nhau:

a. Phần một: Đức Phật dạy Bồ tát Dược Vương rằng: “Kinh Pháp Hoa là tạng bí yếu của chư Phật, cho nên các vị không nên **“vọng trao”**, phân bổ cho người thiếu niềm tin. Bởi vì chư Phật luôn luôn giữ gìn, chưa từng thuyết. Đức Phật lại còn nhấn mạnh: Ta là Thích Ca Như Lai, hiện đang còn tại thế, vậy mà vẫn còn có nhiều kẻ oán ghét kinh, huống gì sau khi ta diệt độ”.

b. Phần hai: Đức Phật cũng dạy Bồ tát Dược Vương rằng: “Sau khi ta là Thích Ca Như Lai diệt độ, nếu có ai đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải kinh này thì sẽ được ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên người đó, được chư Phật khắp mười phương hộ trợ. Người đó sẽ đạt niềm tin lớn, chí nguyện lớn và đầy đủ căn lành. Vị đó đang cùng chung ở với ta là Thích Ca Như Lai và vị đó sẽ được Như Lai dùng tay xoa đầu.

Nơi nào có kinh Pháp Hoa là nơi đó có ta là Thích Ca Như Lai nơi đó.

Hai câu cùng một phẩm kinh nhưng lời dạy lại khác nhau. Câu một: Chớ nên vọng trao, phân bổ cho người thiếu niềm tin. Câu hai: Nếu có ai đọc, tụng, thọ trì, in chép và cúng dường, hoặc vì người khác tuyên thuyết giải bày thì được chư Phật đồng hộ trợ. Riêng ta là Thích Ca Như Lai dùng y ca sa phủ đắp lên thân, dùng tay xoa đầu, người ấy đang cùng chung ở với Như Lai.

Hãy tóm gọn mạch văn và đọc đi đọc lại rất nhiều lần, nhiều ngày tháng năm khi nào bùng nổ mới thôi. Lúc nổ thì thấy rất dễ dàng, không còn

thấy sự mâu thuẫn, không hề có sự thắc mắc. Còn đọc qua một vài lần rồi khởi sự nghi vấn, thắc mắc, rồi ấn định rằng Đức Phật dạy mâu thuẫn thì ta sẽ bị rơi vào chỗ ức đoán, sa đọa, bởi vì lời dạy chẳng hề mâu thuẫn.

- Câu một: Không được vọng trao.

- Câu hai: Hãy đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, kể cả phổ thuyết.

Hai ý nghĩa của hai câu rất rõ ràng:

* Câu một: Chớ nên làm Giáo sư tham vọng đứng lên bục giảng dạy của trường Tiểu học mà phổ biến sách đại học trong khi mình chưa có trình độ Giáo sư.

* Câu hai: Hãy lo học cho giỏi, học đủ các phương pháp, khi nào được Hội đồng giám khảo trao áo, trao mũ và bổ nhiệm, lúc ấy mới được làm Giáo sư dạy sinh viên. Lúc đó mới có thể cùng ở chung, ăn chung mâm, ngồi chung chiếu với Ngài Viện trưởng Viện đại học và được hưởng chế độ lương bổng cấp giáo sư.

Bốn chữ **vọng động truyền trao** nó đã lột hết ý nghĩa của lời căn dặn. Vậy mà hậu thế còn biết bao người chẳng những vọng động mà còn manh động, chưa nhập một tý gì về pháp Diệu, đã tự động tôn xưng mình là Pháp sư, truyền trao tâm ấn này, mật ấn khác. Kinh điển ghi rất rành mạch, tự vì hậu thế không tư duy thâm sâu hầu thấy rõ sự mâu nhiệm của giáo pháp. Thấy chỗ nào hơi khó hiểu một chút đã vội tạo thành nghi tình, không chịu khó giải nghi, vậy thử hỏi làm sao thâm nhập pháp Diệu?

Lưu ý: Truyền trao khác với thuyết giải. Thuyết giải cứ nói ai nghe hay không tùy họ, còn truyền trao mà là vọng động truyền trao bắt buộc người đối diện phải nhận thì chớ nên.

--- o0o ---

Ví như người đào giếng

Chính văn

Đức Phật bảo Bồ tát Dược Vương rằng: “Ví như có người khát nước, đào giếng tìm nước nơi gò cao. Lúc đầu chỉ thấy toàn đất khô, người ấy biết còn cách xa mạch nước. Gia công đào mãi, dần dần thấy đất ướt, rồi thấy bùn. Lúc ấy người đào giếng mới tin tưởng đã gần mạch nước.

Bồ tát hành đạo, ví như người đào giếng tìm nước. Lúc đầu nếu chưa được nghe, chưa được hiểu, chưa tu tập theo kinh Pháp Hoa thì vị Bồ tát đó còn cách đạo rất xa. Nếu được nghe, được hiểu và chuyên tu tập theo kinh này thì chắc chắn đã gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ tát tu đều ở nơi kinh này. Kinh này khai mở môn phương tiện, phơi bày tướng chơn thật. Tạng kinh pháp Diệu nhập đời này sâu xa, huyền nhiệm, khó có người liễu đạt đến đích. Nay Như Lai vì mục đích giáo hóa chúng sanh thành tựu Bồ tát nên mới chỉ bày.

Này Bồ tát Dược Vương ! Nếu có vị Bồ tát nào nghe kinh này mà kinh nghi sợ sệt thì vị ấy chỉ là hạng Bồ tát sơ phát tâm. Hoặc nếu có vị Thánh Thanh Văn nào nghe kinh Pháp Hoa này mà kinh nghi sợ sệt thì vị ấy là kẻ tăng thượng mạn.

Này Bồ tát Dược Vương ! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có hàng thiện nam, tín nữ nào vì hàng tứ chúng mà thuyết giải kinh Pháp Hoa này thì phải y theo phương thức nào?

- Phải vào nhà Như Lai.
- Phải mặc áo Như Lai.
- Phải ngồi tòa Như Lai.

Đủ ba yếu tố quan trọng này mới được thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa hầu rộng độ cho hàng tứ chúng.

- + Nhà Như Lai là tâm từ bi rộng lớn đối với tất cả chúng sinh.
- + Áo Như Lai là ý nhấn nhục nhu hòa.
- + Tòa Như Lai là thân trụ nơi pháp không

Hãy an trụ vào đây phát tâm tinh tấn, vì Bồ tát và hàng tứ chúng rộng thuyết giải kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Bồ tát Dược Vương! Nếu được như thế thì ta là Thích Ca Như Lai dù đang ở nơi các quốc độ khác, vẫn khiến các hóa nhân làm thỉnh chúng, đến tham dự nghe vị đó thuyết giải kinh Pháp Hoa. Ta cũng khuyến cử hàng Tăng Ni và nam nữ Phật tử đến thỉnh pháp. Tất cả thành phần “hóa chúng” này đến nghe, tin nhận, hộ trì, nhất là thuận hợp. Nếu nơi nói pháp là chỗ xa vắng, ta sẽ sai khiến hàng trời thần quỷ rồng đến thỉnh pháp và hộ trì. Dù ta là Thích Ca Như Lai đang ở các quốc độ khác, nhưng ta vẫn làm cho vị Pháp sư đó thấy rõ toàn thân ta. Hoặc vị Pháp sư đó rui quên ý Diệu của kinh, ta sẽ trợ lực trí nhớ đầy đủ.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

**Diệt trừ bệnh lười biếng
Chỉ có Pháp Hoa kinh
Kinh này khó đặng nghe
Người tin nhận càng khó
N như người khát cần nước
Đào nước nơi gò cao
Chỉ gặp lớp đất khô
Biết mạch nước còn xa
Gắng đến đất ứ đọng bùn
Tin rằng sắp gặp nước
Này Bồ tát Dược Vương
Người chưa nghe Pháp Hoa
N như gã đào đất khô
Còn cách xa Phật lắm
Nếu được nghe Pháp Hoa
Hiểu rõ pháp Thanh Văn
Kinh siêu đẳng bậc nhất
Nghe xong chiêm nghiệm liễu
Người này đang gần Phật
Ai muốn thuyết Pháp Hoa
Gồm ba điều tiên quyết:
Phải ở nhà Như Lai
Mặc áo của Như Lai
Và ngồi tòa Như Lai
Trụ giữa chúng chẳng sợ
Rộng thuyết giải kinh này
Đại từ bi làm nhà
Nhu hòa nhẫn nhục áo
Các pháp không làm tòa
Trụ nơi đây giảng pháp
Nếu lúc thuyết kinh này
Có kẻ ác mắng nhiếc
Dùng gậy đá đánh ném
Nhớ Phật nên nhẫn nhục
Như Lai từ cõi khác
Hiện sắc thân chói vàng
Hộ trì người thuyết pháp
Thuyết kinh độ chúng sanh
Khi Như Lai diệt độ**

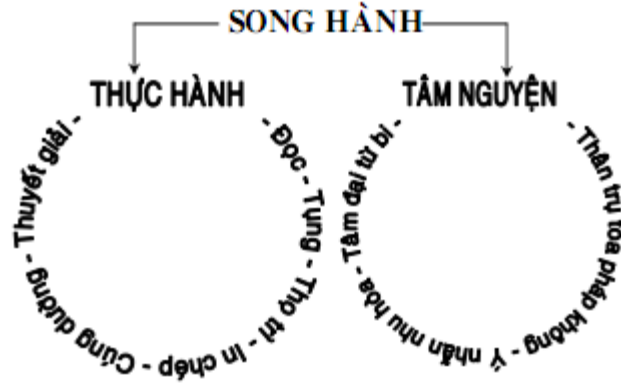
**Nếu ai thuyết kinh này
Ta sai hóa tứ chúng
Hộ trì vị Pháp sư
Dẫn dắt người nghe pháp
Nếu có kẻ ám hại
N hư Lai khiến an lành
Nếu đạo tràng vắng vẻ
Ta khiến chúng ủng hộ
Nếu quên sót nghĩa kinh
Ta hộ trì thông thuộc
Ai đủ đức thuyết pháp
Sẽ thấy rõ thân ta
Nếu ở nơi vắng vẻ
Ta sai trời quý thần
Hiện làm chúng thính pháp
Phân giải không trở ngại
Nhờ chư Phật hộ trì
Hay khiến đại chúng mừng
Ai gần được Pháp sư
Mau đạt quả Bồ tát
Thuận theo thầy học pháp
Đặng thấy Hằng sa Phật.**

Giảng luận

Nét này đã quá rõ ràng, vì nhờ câu chuyện người đào giếng. Chỉ có một điểm chắc có nhiều người thắc mắc rằng, tại sao mình cũng đã từng thực tu y như lời kinh dạy, mà sao chưa thấy Phật dùng tay xoa đầu, dùng y phủ đắp lên thân, chưa thấy toàn thân Đức Phật hiện?

Thắc mắc này hơi tham vọng quá mức, nên khỏi phải giải thích dài dòng, mà chỉ xin đặt ngược lại người thắc mắc một câu hỏi thôi.

Xin hỏi: “Bạn đã trụ nơi nhà Như Lai chưa? Mặc áo Như Lai chưa? Đã ngồi tòa Như Lai chưa? Nếu chưa thì hãy thực tập, thực luyện, thực tu, thực chứng. Nếu lúc đó không có thì thắc mắc cũng chẳng muộn.



Phần quan trọng cốt lõi của phẩm Pháp sư, không chỉ đơn thuần ở sáu phần thực hành đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải kinh Pháp Hoa, mà cần phải song hành. Đời sống của hành giả kinh Pháp Hoa phải đúng tâm nguyện, tức là cuộc sống sáng chói bên trong. Một con người sáng nội tâm, có Phật chất. Tâm phải là tâm đại từ bi. Ý phải là ý nhãn nhục nhu hòa. Thân phải là thân an trụ nơi các pháp không.

Mới đọc nửa phẩm Pháp sư, ai cũng nghĩ mình chính là Pháp sư, nhưng khi đọc, hoặc tụng đến phần kết phẩm kinh gặp đoạn:

Pháp sư kinh Pháp Hoa cần phải:

- Ở nhà Như Lai.
- Mặc áo Như Lai.
- Ngồi tòa Như Lai.
- + Nhà Như Lai tâm từ bi rộng lớn.
- + Áo Như Lai ý nhãn nhục nhu hòa.
- + Tòa Như Lai thân an trụ nơi các pháp không.

Đến đây có người xếp kinh lại và thở ra, chán ngán, thốt lên rằng: “Vậy thì mình đành bỏ cuộc. Nhà thế gian, áo thế gian, tòa ngồi thế gian mà mình còn chưa trọn vẹn hướng chi nhà, áo và tòa ngồi đều là của Như Lai! Xin ai đó hãy bình tĩnh! Mở ròi từ mỗi ban đầu.

Đọc: Mỗi ngày đọc vài trang kinh Pháp Hoa. Ngày nào cũng đọc. Khi đọc hãy liên tưởng thương một vài người thân quen, hoặc loài vật mình nuôi, hoặc cây cảnh mình trồng.

Tụng: Qua một thời gian đọc hơi quen, lúc bấy giờ chuyển sang tụng. Tụng một vài trang, tụng có nghi thức. Mỗi ngày đều tụng, hoặc mỗi tuần. Tụng tối đa một phẩm. Thời gian tụng nên tập tánh nhin. Nhẫn nhin.

Thọ: Tụng một thời gian, lâu mau tùy hoàn cảnh và căn cơ mỗi người. Lúc bấy giờ thọ nhận một phương pháp, hoặc theo một câu kinh trong bộ kinh Pháp Hoa mà thực hành. Tập sống theo đức tính nhẫn nhục. Ai làm nhục mình mà mình vẫn chẳng thấy nhục. Thời kỳ này nhận giữ một câu, một chữ của kinh Pháp Hoa và sống đúng như lời kinh dạy.

Trì: Thời gian cuộc sống chẳng còn cố gắng nhẫn, cũng chẳng còn thấy có nhục, đó là thời gian đã đọc, đã tụng, hoặc vừa thọ nhận pháp Diệu. Thời gian này là giai đoạn cam go nhất. Vượt qua thời kỳ này mới có thể tự tin mình trì được vài chữ trong toàn bộ kinh Pháp Hoa, chữ gì tùy mình. Thời kỳ này tập sống nhu nhuyễn để chuẩn bị chuyển sang nhu hòa.

Phần này thâm sâu vào phẩm An Lạc Hạnh.

In chép: Hoặc in, hoặc chép. Mỗi ngày một vài hàng, một vài trang, hoặc nhiều trang. Nếu ai đủ điều kiện thì in, ấn tống một quyển, hoặc nhiều quyển. Thời kỳ tu tập in chép này, người tu kinh Pháp Hoa hòa mình vào với một câu, vài câu, một đoạn, hoặc một pháp Diệu nơi kinh Pháp Hoa.

Thời kỳ này mở tâm từ bi sâu rộng hơn thời kỳ mới tập tu. Sống giảm bớt tối đa sự phân biệt. In chép kể cả cúng dường chẳng hề kể công. Chẳng bao giờ nghĩ đến danh, hoặc đến tư lợi, chứ đừng bảo là kể.

Cung kính và cúng dường: Cung kính người tu trì kinh Pháp Hoa và cúng dường người thọ trì kinh Pháp Hoa. Cung kính và cúng dường thoáng qua là một, nhưng nó là hai sự việc khác nhau. Cung kính là tôn trọng, như trường hợp Bồ tát Thường Bất Khinh, còn cúng dường là thành tâm dâng tịnh tài, tịnh vật, phẩm lễ hương hoa cúng dường người tu kinh Pháp Hoa.

Thuyết giải kinh Pháp Hoa: Thời kỳ này là thời kỳ hiểu các pháp là vô thường, vô ngã. Tướng các pháp vốn không, kể cả tánh cũng không.

Cung kính như thế mới là cung kính. Cúng dường như vậy mới là cúng dường. Thân an trụ nơi tòa “**pháp không**” như thế mới thuyết giải kinh Pháp Hoa.

Thuyết giải kinh Pháp Hoa bằng tâm niệm như thế mới là người chuyển pháp Diệu. Chuyển được pháp Diệu nhập đời. Làm được việc ích đời như thế mới là Pháp sư.

- + Ở nhà Như Lai.
- + Mặc áo Như Lai.
- + Ngồi tòa Như Lai.

Đó là ba nhu cầu cần thiết của vị Pháp sư thuyết giải kinh Pháp Hoa. Chẳng ai mới sinh đã liền đắc Thánh, phải kiên nhẫn tu luyện từng bước

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

Ngoài đời, ai cũng có thể học, mà học thì nhất định phải biết chữ. Học đến đích tuyệt cao thì đạt trình độ viện sĩ, học giả, giáo sư, bác sĩ, đại công trình sư ...vân vân... Nhưng mà số học đâu có nhiều, đa số chỉ học nửa chừng đã nghỉ!

Còn về mặt đạo thì cũng có thể tu, cũng có thể luyện, mà tu luyện thì nhất định phải chứng đắc. Chứng đắc đến chỗ tối tôn là thành Phật. Nhưng thật khó quá! Phật dạy Ngài là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Vậy sẽ là chừng nào? Phải có vạch ra mức độ, chứ kết chung chung thì biết bao giờ thành?

Mức độ Đức Phật hướng dẫn nơi kinh Pháp Hoa, phẩm Pháp sư này là trước khi thành Phật phải thành Pháp sư. Không thành toàn phần Pháp sư thì thành nửa phần, nếu không thì một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn ... không được hay sao? Sáu cách không đạt thì một cách: đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và thuyết giải khó quá không được thì đọc. Đọc một bộ không được, khó quá thì đọc một câu. Đọc một câu khó quá thì cung kính cúi đầu. Cúi đầu trước bàn thờ Phật, trước kinh Pháp Hoa nếu còn khó quá thì cung kính cúi đầu trước người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa. Như vậy cũng khó nữa sao?

Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh công cùm tội lỗi khó lắm, khó vô cùng, sao lại không chán ngán. Làm Pháp sư kinh Pháp Hoa được trời thần người quý rông cung kính cúng dường, được Đức Phật dùng tay xoa đầu, dùng y ca sa đắp lên thân, dùng vai cõng mà lại không ham. Vậy thử hỏi ham Pháp Hoa ở chỗ nào?

Làm toàn phần Pháp sư, bán phần, thiếu phần Pháp sư chưa được thì thử tập đạt một phần nhỏ xíu Pháp sư có được không?

**Tâm từ bi làm nhà
Sống nhẫn nhục làm áo
Các pháp không làm tòa ngồi.**

Chưa mở rộng tâm từ để làm đủ cái nhà thì xin bố thí kẻ khác chút tình cảm để tạo từng viên gạch. Chưa sống nhẫn nhục nhu hòa để có toàn chiếc áo thì xin tập nhịn người khác một điều để làm sợi chỉ. Chưa sống theo các pháp đều không để làm tòa ngồi thì xin nhìn khoảng hư không mênh mông kia là pháp không, để tạm làm cái đôn ngồi. Cả ba đều quá dễ dàng vậy mà

cũng chẳng được hay sao? Nếu thực sự như thế thì tệ quá, còn nói làm gì nữa!

Ai ai cũng có thể làm Pháp sư kinh Pháp Hoa với những điều kiện cần thiết đó là: Niềm tin chân chánh - Tâm thiện lành hoan ca - Sống cuộc sống ôn hòa - Phá chấp sự chật hẹp để hòa nhập rộng rãi bao la.

Rất mong ai đã từng đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường, thuyết giải kinh Pháp Hoa làm được cả sáu, hoặc chỉ được một, hoặc chỉ được một phần nhỏ tí, đều có công đức. Do công đức tuần tự trở thành Pháp sư của Pháp Hoa kinh. Nhất là những ai đủ nhân duyên đọc bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa - Giảng luận. Đọc xong in sao viết chép truyền bá sâu rộng thì nhất định hiện đời hưởng phước đức và công đức của vị Pháp sư kinh Pháp Hoa.

Ngoài đời càng ngày càng văn minh tiên bộ, nhờ càng có nhiều bác học, học sĩ, viện sĩ, học giả, giáo sư, bác sĩ, kỹ sư ... Trong đạo càng lúc càng bùng, càng siêu việt, là nhờ có nhiều vị Pháp sư Pháp Hoa kinh. Toàn phần, bán phần, thiếu phần hoặc một phần tí của Pháp sư.

Đức Phật dạy nơi kinh Niết Bàn: Đời mạt pháp vẫn có những nơi hưng hiển chánh pháp. Vậy thì đây, tại quốc độ Việt Nam đang là thời kỳ chánh pháp đang hưng hiển.

Việt Nam như thể cái lâu Ngày sau các nước đâu đâu phục tùng

Kính lạy chư Phật mười phương độ trì cho chúng con. Kính lạy Đức Từ Phụ Bổn Sư Thích Ca Như Lai dùng vai cõng chúng con, dùng y phủ lên thân chúng con, dùng tay xoa đầu chúng con, nhất là những đứa con chịu học, chịu tu, chịu luyện, chịu thâm nhập vào kinh Pháp Hoa.

Cầu mong chư Thiên, chư Tiên, chư Thần, chư Thánh, chư Thiên Long Bát Bộ, phát tâm hộ độ cho những hành giả kinh Pháp Hoa, khiến cho kinh Pháp Hoa mỗi ngày mỗi phổ rộng truyền xa khắp nơi cõi Sa Bà, khắp các thế giới và trùng trùng pháp bao la.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyển thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Quy y Phật là trở về với tĩnh lặng

Quy y Pháp là trở về với an vui

Quy y Tăng là trở về với hòa hợp

--- o0o ---

Bài 19 - Phẩm Hiện Bửu Tháp - Thứ Mười Một
Tháp báu hiện hiện.

Đại chúng muốn biết lai lịch Bửu tháp.

Đức Phật Thích Ca nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà.

Đức Phật Thích Ca khai mở Bửu tháp.

Đức Phật Thích Ca thuyết thơ kệ trùng tuyên phẩm hiện Bửu tháp.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Từ phẩm một đến phẩm mười kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, cả phần chính văn lẫn thơ kệ đều nặng nghiêng về sự tướng, mặc dù lời nào Đức Phật cũng đều tướng tánh quyện lẫn, sự lý viên dung. Tuy vậy, từ phẩm mười một, Đức Phật bắt đầu nâng cao trình độ thính chúng. Vì nếu còn thấp như mười phẩm trước thì không thể nào hiểu sự hiện hiện tháp báu. Trong giới thức giả của chúng ta có người chưa liễu thông, nhưng lại viết bừa giảng bướng rằng, sự hiện Bửu tháp chỉ là tướng tượng mà thôi! Nếu các vị thức giả ấy chịu nhìn khoa học phát minh, giới khoa học đang thiết lập trạm không gian, đưa hàng ngàn tấn thép ra khỏi bầu khí quyển để ráp thành bãi đáp cho các con tàu vũ trụ. Chưa đủ, họ còn dự định thiết lập một sân vận động ngoài quả đất, chuẩn bị đưa người lên thưởng thức bóng đá. Người phàm thuộc giới khoa học đã và đang làm được việc như thế, Đức Phật là đáng toàn chơn, chẳng lẽ không đưa được một Bửu tháp trụ giữa không trung hay sao? Nhận thức thấy tháp báu bằng “**Quán chiếu của Định**” chứ không bằng mắt thường của phàm tục.

Nếu hành giả Pháp Hoa vẫn còn chấp giữ hành trạng hiểu biết như thời gian tu tập từ phẩm một đến mười thì khó hiểu sự tụ tán của Đức Phật.

Hành giả Pháp Hoa nên đặc biệt chú tâm để hiểu chỗ Đức Phật nâng cao trình độ đại chúng, không phải bằng cách hạ thấp Bửu tháp ngang thính chúng, mà là dùng thân lực Như Lai đưa thính chúng lên ngang tầm nhìn Bửu tháp.

Những ai lật bộ kinh Pháp Hoa để đọc, hoặc tụng mà còn cố chấp trình độ hồi còn học Phật ở thời kỳ hiểu các pháp đều vô thường thì không thể nào liễu thông kinh Pháp Hoa. Bởi vì kinh Pháp Hoa đã đến trình độ Đại thừa, tức là đại học, hoặc trên đại học, mà đã là trên đại học thì phải khác hơn lúc ban đầu. Khi còn thấp thì phải học cho nhuần, cho nhuyễn, cho liễu, cho thông rằng các pháp là vô thường, nhưng khi lên cao thì phải vượt lên để hiểu: **Tướng thế gian vẫn còn**, tức là hữu thường và **Pháp trụ trên ngôi pháp** (Pháp trên pháp).

Pháp trụ trên ngôi pháp Thế gian tướng vẫn còn

(phẩm Phương tiện)

Phẩm hiện Bửu tháp, Đức Phật Thích Ca nâng trình độ hành giả Pháp Hoa lên rất nhanh, nhanh như con tàu vũ trụ phóng vọt ra ngoài bầu khí quyển! Bắt buộc con người phải bùng vỡ kiến thức, phải vượt khỏi vùng tư duy bằng ý, bằng thức. Vì đến đây hành giả Pháp Hoa đã bắt đầu lâm nhằm bốn chữ: “Bất khả tư nghì”. Làm sao tư và nghì được, khi tụng đọc đến đoạn kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni triệu nhóm chư Phật do chính Ngài phân thân khắp mười phương cõi, nay vì có Bửu tháp của Đức Phật Đa Bửu Như Lai từ đất vọt lên, trụ lừng lơ cách xa mặt đất. Muốn mở cửa Bửu tháp, phải thêm một điều kiện là triệu nhóm chư Phật phân thân về. Tại sao vậy? Đây cũng lại là vấn đề bất khả tư nghì. Không thể dùng ý thức phân biệt, mà phải bằng trình độ quán chiếu của vô thức. Bùng vỡ vấn đề bằng trình độ liễu tri, đến liễu ngộ của trí, của tuệ, chứ không còn ở thời kỳ ý, hoặc thức nữa!

Bắt đầu từ phẩm mười một, hành giả kinh Pháp Hoa đang từ từ bước vào hành trình thực tu, thực chứng, chứ không còn ở thời kỳ nghiên cứu lý và thuyết. Đó là chưa kể sự “**tu và chứng**” phải theo quy trình triệu nhóm toàn bộ Phật của chính mình phân thân nay về lại bản gốc, mới mở được cánh cửa quá khứ. Phải vượt khỏi sự lẫn lộn quân phạm tình. Nhất là đến đây có sự hiển hiện của quá khứ Phật, để làm nhân chứng cho pháp Diệu nhập đời, đây là sự minh chứng siêu đẳng nhất. Quá khứ Phật, mà là quá khứ Phật đầy đủ nhiều thứ báu, chứ không phải chỉ một thứ báu.

Khi đầy đủ điều kiện và cửa tháp báu Đa Bửu vừa mở thì tất cả hàng Bồ tát Thanh Văn, Duyên Giác, trời thần người quỷ rồng thảy đều thấy rõ Đức Đa Bửu Như Lai đang ngồi sẵn nơi tòa ngồi trong tháp báu, một điểm đặc biệt mà mọi người không thể nào hiểu được, đó là Đức Đa Bửu Như Lai lại tự động chuyển dịch sang nửa phần tòa ngồi và nhường nửa phần mời Đức Phật Thích Ca cùng ngồi. Việc tuy hết sức giản đơn, nhưng ý nghĩa quá to lớn. Phá vỡ tập tục khách chủ. Đây là bí pháp khách chủ chẳng hề hai.

Khi vào phần chính văn và giảng luận, đến đoạn này mong quý vị xếp kinh lại, khoan đọc tụng phần tiếp theo. Ăn phải chờ tiêu hóa, chứ không nên ăn nhồi nhét khi dạ dày không còn khả năng chứa đựng và tiêu hóa. Xếp sách kinh lại rồi làm gì nữa? Câu trả lời phải do bạn tự trả lời. Chẳng những trả lời, mà tuân tự làm nhiệm vụ khám phá và khai mở kho tàng tri thức của chính mình. Khi nào lóe chút ánh sáng hiểu phần nào, lúc ấy xin mời tiếp tục mở sách kinh Giảng luận ra đọc tụng.

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

Tháp báu hiển hiện

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, phía trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có một tháp bảy báu, cao năm trăm do tuần, chu vi rộng hai trăm năm mươi do tuần, từ đất vọt lên, trụ giữa hư không. Tháp được trang hoàng bằng đủ thứ báu, năm ngàn bao lớn, hàng vạn căn phòng, vô số tràng phan, trang sức treo phủ, chuỗi ngọc báu, chuông rung báu số nhiều hàng vạn. Bốn mặt tháp tỏa mùi hương gỗ chiên đàn, gỗ ly cầu thơm khắp thế giới. Phan lọng của tháp đều làm toàn bằng bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khô hợp thành. Tháp cao gần đụng trời Tứ Thiên Vương. Cối trời Dao Lợi rưới hoa Mạn đà la cúng dường Bửu tháp.

Ngoài ra còn có muôn ngàn ức chúng Thiên Long Bát Bộ, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhơn, phi nhơn đem tất cả hoa, hương, chuỗi ngọc, phan lọng, kỹ nhạc cúng dường Bửu tháp và cung kính tôn trọng, tán thán.

Lúc ấy trong Bửu tháp có âm thanh lớn vọng ra, khen rằng: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Ngài hay dùng đại trí tuệ bình đẳng, vì đại chúng mà thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, Giáo Bồ tát pháp, Phật sở hộ niệm. Đúng thế! Đúng thế! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Những lời mà Thế Tôn thuyết đều chơn thật.

Giảng luận

Qua thời thuyết giảng về công hạnh của những vị Pháp sư Pháp Hoa kinh thì hiện tượng lạ tháp báu hiển hiện nơi Pháp Hoa hội Linh Sơn xứ Ấn Độ.

- Tháp cấu tạo bằng bảy thứ báu (thất bảo).
- Chiều cao năm trăm do tuần.
- Chu vi hai trăm năm mươi do tuần.
- Từ đất vọt lên.
- Trụ lơ lửng giữa không trung.
- Tháp có hàng vạn phòng thờ.
- Năm ngàn bao lông, tràng phan, chuỗi ngọc và chuông rung nhiều không thể tính đếm.
- Các mùi hương báu từ tháp tỏa ra.
- Tháp cao gần đến trời Tứ Thiên Vương.
- Tầng trời Đao Lợi rưới hoa cúng dường.
- Các cõi trời khác và khắp thấy các nơi trời thần người quỷ rồng đều tụ về cúng dường tháp báu.
- Trong Bửu tháp có âm thanh vọng ra tán thán rằng: Đức Phật Thích Ca Như Lai đã dùng trí tuệ bình đẳng để thuyết kinh Pháp Hoa.

Mười mấy vấn đề đoạn kinh này đều vượt ngoài sự tư duy của ý và thức. Trước nhất chúng ta thâm sâu vào chiều cao của Bửu tháp. Tháp cao gần đặng tầng trời Tứ Thiên Vương.

Tầng trời Tứ Thiên Vương nếu so với sáu tầng trời thuộc các cõi dục giới thì tầng trời này thấp nhất.

Tầng trời này do bốn vị Thiên Vương cai quản, nằm lưng chừng gần sát đỉnh núi Tu Di. Tầng trời này lại có một ngọn núi riêng tên là Kiên Đà La. Núi có bốn ngọn, mỗi vị Thiên Vương ở một ngọn để bảo hộ mỗi cõi thiên hạ, vì thế nên còn gọi các Ngài là Hộ Thế Tứ Thiên Vương.

- Ngài phía Đông tên là Trì Quốc Thiên Vương.
- Ngài phía Nam tên là Tăng Trưởng Thiên Vương
- Ngài phía Tây tên là Quảng Mục Thiên Vương.
- Ngài phía Bắc tên là Đa Văn Thiên Vương.

Kinh Trường A Hàm ghi rằng:

- Phía Đông: Đa La Tra Thiên Vương.
- Phía Nam: Tỳ Lưu Ly Thiên Vương.
- Phía Tây: Tỳ Lưu Bác Xoa Thiên Vương.
- Phía Bắc: Tỳ Sa Môn Thiên Vương.

+ Ngài Trì Quốc Thiên Vương, quản lĩnh Càn Thát Bà và thần tướng Tỳ Xá Xà. Bảo hộ người Phát Bà Đề.

+ Ngài Tăng Trưởng Thiên Vương, quản lĩnh Cưu Bàn Đà và thần Tiết Lệ. Bảo hộ người Diêm Phù Đề.

+ Ngài Quảng Mục Thiên Vương, quản lĩnh các loài rồng ác và Phú Đơn Na. Bảo hộ người Ca Na Ni.

+ Ngài Đa Văn Thiên Vương, quản lĩnh tướng Dạ Xoa và La Sát. Bảo hộ người Tất Đàn Việt.

Bốn vị Thiên Vương này đều đặt dưới quyền chỉ đạo của Ngài Đế Thích Thiên Vương, từng trời Đao Lợi.

Vì tháp báu cao gần đặng từng trời Tứ Thiên Vương, nên từng trời này không rải hoa cúng dường được, nên phải nhường lại từng trời Đao Lợi.

Từng trời Đao Lợi:

Đao Lợi thiên là từng trời thứ hai của sáu từng trời thuộc các cõi dục giới. Từng trời Đao Lợi do Ngài Đế Thích Thiên Vương thống lãnh, gồm ba mươi ba thiên thành nên còn gọi là Tam thập tam thiên (Phạn văn gọi là Trāyas trimsátdeva). Từng trời này nằm trên chót đỉnh núi Tu Di, cách quả đất tám vạn do tuần. Quan dân từng trời Đao Lợi sống thọ một ngàn năm. Một ngày đêm ở đó bằng một trăm năm ở quả đất. Thân hình các vị quan dân trời Đao Lợi cao một do tuần. Áo chỉ nặng một thù (chưa bằng 1gr bây giờ). Nơi Ngài Đế Thích Thiên Vương ở gọi là thành Hỷ Kiến, rộng tám vạn do tuần. Chung quanh núi Tu Di đều có các ngọn núi nhỏ bao bọc quanh đỉnh Tu Di, mỗi ngọn chiều cao năm trăm do tuần. Tháp báu cũng cao năm trăm do tuần. Lưu ý ẩn nghĩa bí pháp về con số năm trăm trùng hợp này.

Tháp báu cấu tạo bằng bảy thứ báu: Ngọc trân châu - Ngọc mai khôi - Ngọc lưu ly - Ngọc mã não - Xà cừ - Vàng và Bạc. Bảy thứ báu này cấu tạo thành Bửu tháp. Tháp cao năm trăm do tuần, ngang và rộng chu vi hai trăm năm mươi do tuần.

Chúng ta nhắm mắt lại tư duy trong vòng một phút. Cõi trần gian này chỉ vì chút ít vàng ngọc đã đưa đến cảnh mưu mô tranh giành hãm hại lẫn nhau rồi, làm gì đến tháp cao rộng như thế mà cấu tạo toàn bằng bảy thứ báu! Đây cũng là một ẩn nghĩa thuộc về bí pháp.

Do tuần : (Skt: Yojina) Do tuần còn gọi là “Du thiên na”, là số đo lường chiều dài ngày xưa của Ấn Độ không thể dễ hiểu! Một vị Đế Vương đi hành quân một ngày, tính là một do tuần. Vậy ai biết được vị Chuyển Luân Thánh Vương một ngày đi được bao nhiêu? Lại có nơi ghi một do tuần có 40 dặm. Hoặc chia nhỏ một do tuần có 8 Câu lưu xá. Một Câu lưu xá căn cứ

âm thanh tiếng rống của một con trâu lớn. Một Câu lưu xá chia xuống số nhỏ có 50 cung. Mỗi cung có 4 trừu. Mỗi trừu là 20 chỉ. Mỗi chỉ có 7 túc mạch. Tất cả con số vẫn còn khó hiểu, các nhà đo lường ngày nay đang nghiên cứu để hợp thức hệ thống đo lường xưa thành mét, thành ký lô mét, hầu giúp cho đàn hậu học dễ nắm bắt, dễ liễu thông, chứ để hệ thống ngày xưa thì càng giải thích càng rối thêm. Nào là Câu lưu xá, cung, trừu, chỉ, túc mạch, nghe nó rối rắm làm sao, kể cả đơn vị đo tuần, hay là Du thiện na cũng đầy sự khúc mắc.

* Tháp từ đất vọt lên. Vậy trong đất, một ngọn tháp lớn như vậy nằm ở chỗ nào? Vì trong ruột quả đất nóng sôi thành nước sệt lỏng (dung nham). Câu này phải hiểu: “Tháp từ **phía dưới quả đất** vọt lên”.

Ngày nay khoa học mới chứng minh được sức hút của quả đất, chứ chưa chứng minh được sức hút của núi Tu Di. Ngày nào khoa học chứng minh được sức hút của núi Tu Di thì giới hành giả kinh Pháp Hoa mới liễu ngộ được việc tháp báu treo lơ lửng giữa không trung, là do sức hút của núi Tu Di. Nếu núi Tu Di không có sức hút thì mặt trời làm sao đứng vững giữa không trung nơi tầng thứ bảy của núi Tu Di? Tính từ dưới tháp lên thì núi Tu Di cao 28 tầng. Trời Đao Lợi ở sát đỉnh tầng thứ nhất của núi Tu Di.

* Kinh văn ghi tháp từ đất vọt lên. Vậy vọt cách nào? Như mọt mặng, hay như cái nắm? Việc này phải mượn khoa học mới chứng minh dễ hiểu. Ta hãy liên tưởng việc tháp báu đến với quả đất, cũng như việc một con tàu vũ trụ của quả đất đáp vào một hành tinh ngoài quả đất, hoặc như đĩa bay của các hành tinh khác đáp vào quả đất. Hiểu khoa học, chúng ta mới liễu thông vấn đề Bửu tháp. Còn bảo tháp dưới đất hay là trong lòng quả đất vọt lên thì dù cho có là Thánh cũng không tài nào hiểu nổi. Không lẽ Bửu tháp từ không trung xa xăm đáp theo kiểu thạt lát xuống mặt đất rồi lạng ngược lên không trung?

* Tháp có hăng vạn căn phòng thờ, vì tháp báu cao gần đụng trời, cho nên có hăng vạn phòng đó là lẽ đương nhiên. Ngày nay ở Âu Mỹ có nhiều tòa nhà hai ba trăm tầng mà vẫn có hăng vạn phòng. Nhà chỉ cao chọc trời mà còn như thế, huống gì tháp gần đụng trời.

* Việc năm ngàn bao lơn. Con số năm ngàn thuộc về số ẩn mật, chúng ta chưa đủ trình độ để liễu thông.

* Kể cả chuỗi ngọc, chuông linh báu tràng phan cũng vậy!

* Mùi hương lạ từ tháp tỏa ra, đây là một trong những nét đặc biệt của những vị Cổ Phật, nếu tu mà không có mùi hương thì chúng ta chẳng ham tu! Tu để có hương. Hương do giới, do định, do tuệ. Hương ấy là chơn hương, nên mùi thơm mới tỏa rộng khắp mười phương.

* Vì tháp cao gần đụng trời Tứ Thiên Vương nên tầng trời này không thể rải hương hoa cúng dường được, mà phải là tầng trời cao hơn, đó là tầng trời Đao Lợi mới có thể rải hoa cúng dường.

* Các tầng trời và các cõi quý thần, các cõi khác cũng hội tụ về dâng hoa, dâng nhạc cúng dường tháp báu.

* Đặc biệt là dù chưa mở cửa, nhưng trong tháp có tiếng vọng ra tán thán Đức Phật Thích Ca về việc phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Các nhà bác học, khoa học, dùng vệ tinh đứng ngoài quả đất quan sát quả đất thì mới chính xác. Vệ tinh có thể quan sát chính xác ly nước của mình để trên sân thượng. Phẩm hiện Bửu tháp, Đức Phật nâng cao tầm kiến thức cho đại chúng tại Pháp Hoa hội Linh Sơn. Bởi vì ai muốn hưởng hương thơm không thể lặn mình sâu xuống bùn để thưởng thức, mà phải vượt khỏi ao bùn. Phải vượt khỏi kiến thức bình thường mới hưởng mùi hương của quả khư Phật.

Một đoạn kinh ngắn mà Đức Phật đề cập đến mười mấy vấn đề, toàn khúc mắc, vượt ngoài kiến thức thế gian, dẫn thính chúng nhập tri kiến siêu thế gian, hầu mới liễu thông phần pháp Diệu nơi phẩm này và các phẩm kinh kế tiếp.

--- o0o ---

Đại chúng muốn biết lai lịch Bửu tháp

Chính văn

2- Bấy giờ đại chúng thấy tháp báu lớn, trụ giữa hư không, lại nghe từ trong lòng Bửu tháp vang rõ tiếng nói, nên tất cả đều được niềm vui và ngạc nhiên vì gặp điều chưa từng có. Tất cả từ chỗ ngồi đứng lên cung kính chấp tay, đứng qua một bên.

Lúc ấy có Đại Bồ tát tên Đại Nhạo Thuyết hiểu tâm trạng thắc mắc của tất cả trời người quý thần nơi thế gian, nên đứng lên bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có tháp báu từ đất hiện lên, lại có tiếng nói từ tháp vang vọng ra”.

Lúc ấy Phật dạy Bồ tát Đại Nhạo Thuyết rằng: “Trong lòng Bửu tháp này có toàn thân Đức Đa Bửu Như Lai, bởi từ thuở quá khứ, cách ngàn vạn ức cõi nước ở phương Đông, có nước tên là Bửu Tịnh, trong nước ấy có Đức Phật hiệu là Đa Bửu, vị Phật này khi còn tu hạnh Bồ tát có phát đại nguyện rằng: “Nếu ta được thành Phật và sau khi diệt độ, ở khắp mười phương cõi nước, chỗ nào có thuyết kinh Pháp Hoa thì tháp

báu sẽ vụt hiện ngay phía trước để chứng minh và tán thán rằng: “Hay thay!”. Đức Phật đó thành Phật rồi, lúc sắp diệt độ ở trong đại chúng trời người mà dạy các Tỷ kheo rằng: “Sau khi ta diệt độ, muốn cúng dường toàn thân của ta thời nên dựng một tháp lớn”.

Đức Phật đó dùng sức nguyện thần thông, nơi nơi chỗ chỗ trong mười phương cõi nước, nếu chỗ nào có thuyết kinh Pháp Hoa, thời tháp báu đó đều hiện ra ở trước đạo tràng và toàn thân Đức Phật trong Bửu tháp khen rằng: “Hay thay! Hay thay! . . .”

Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Nay Bửu tháp Đức Phật Đa Bửu Như Lai vì nghe giảng kinh Pháp Hoa nên từ đất vụt hiện lên, mà khen ngợi: “Hay thay! Hay thay!... là vậy đó”.

Giảng luận

Đại chúng thấy tháp báu hiển hiện và trụ lơ lửng giữa không trung. Lại còn nghe âm thanh từ trong tháp vọng ra tán thán việc phổ thuyết kinh Pháp Hoa của Đức Phật Thích Ca. Tất cả đều khởi tâm hoan hỷ đứng lên chấp tay đợi chờ.

Lúc ấy Bồ tát Đại Nhạo Thuyết, thay mặt đại chúng đứng lên xin Đức Phật giải thích việc tháp báu hiển hiện và âm thanh tán thán vừa rồi.

Đức Phật Thích Ca cho biết bên trong Bửu tháp có vị Cổ Phật, hiệu là Đa Bửu Như Lai, từ nước Bửu Tịnh ở phương Đông đã vì lời phát nguyện, nên Ngài di chuyển Bửu tháp đến đây để tán thán ta là Thích Ca Như Lai, đã khéo biết tùy cơ mà phổ truyền kinh Pháp Hoa. Chẳng những tán thán việc thuyết kinh Pháp Hoa ở cõi Sa Bà, mà khắp cả mười phương, hễ nơi nào có phổ thuyết kinh Pháp Hoa là Đức Phật Đa Bửu Như Lai đều di chuyển Bửu tháp đến tận nơi đó, để tán

thán việc khó làm này.

Nếu chưa có niềm tin sâu thì không thể nào liễu thông đoạn kinh này. Vì một Đức Phật thời quá khứ, từ thuở lâu xa lắm và quốc độ cũng cách xa ngàn vạn ức triệu cõi nước, thuộc phương Đông, lại đến đây bằng phương tiện tháp báu và tán thán việc thuyết kinh Pháp Hoa của vị Giáo chủ cõi Sa Bà này.

Cách nay hơn ngàn năm, nếu thiếu sự “**thâm tín**” hoặc “**chứng đắc**” thì không thể nào liễu thông, hoặc tin được. Nhưng ngày nay nhờ khoa học phát minh quá nhanh, việc con tàu vũ trụ vào các hành tinh, còn tại quả đất thì đã bay từ các hành tinh khác vào đây là chuyện bình thường. Nhờ vậy mà việc luận giải sự Bửu tháp hiển hiện để các hành giả Pháp Hoa hiểu là việc rất

phổ thông, rất dễ hiểu và chắc chắn chẳng còn gì để thắc mắc, nếu có ai vô tình hoặc cố ý không hiểu thì người đó phước mỏng, nghiệp dày, nên cần phải tu theo pháp sám hối, khi nào mài mòn nghiệp chướng, mài mòn ý tội, lúc bấy giờ mới liễu thông ý nghĩa về Bửu tháp hiện.

--- o0o ---

Đức Phật Thích Ca nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà

Chính văn

3- Lúc ấy, Bồ tát Đại Nhạo Thuyết nương thần lực của Phật mà bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con muốn chiêm ngưỡng toàn thân Đức Đa Bửu Như Lai.

Đức Phật Thích Ca dạy: Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Đức Đa Bửu Như Lai có lời thệ nguyện sâu nặng rằng: “Khi tháp báu của ta vì nghe kinh Pháp Hoa mà hiện ra trước chư Phật, nếu có Đức Phật nào muốn đem thân ta để chỉ bày cho hàng tứ chúng thì Đức Phật đó phải nhóm tất cả chư Phật do mình phân thân ra ở khắp mười phương, nay phải triệu nhóm về chỗ gốc. Được vậy thì sau đó toàn thân của ta mới hiển hiện”.

Này Bồ tát Đại Nhạo Thuyết! Chư Phật do ta là Thích Ca Như Lai phân thân ở khắp mười phương đang thuyết pháp, nay đang chuẩn bị nhóm họp về cõi Sa Bà.

Bồ tát Đại Nhạo Thuyết bạch Phật: “Chúng con cũng muốn được chiêm ngưỡng chư Phật do Đức Thế Tôn phân thân, để lễ lạy cúng dường”. Liên lúc ấy, Đức Phật Thích Ca phóng một đạo hào quang từ nơi lông trắng giữa chặn mày, đại chúng liền nương theo, thấy chư Phật khắp các cõi nước số đông nhiều hơn năm trăm ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng. Những cõi này ở phương Đông, mặt đất cõi này là ngọc pha lê, trang trí cũng bằng cây ngọc báu, các quốc độ đó có vô số ngàn vạn ức Bồ tát. Màn báu, lưới báu giăng khắp nơi. Chư Phật các cõi quốc độ đó sử dụng đại âm thanh tinh diệu mà thuyết pháp. Vô số vị Bồ tát ở đây khắp các quốc độ này, cũng vì chúng sanh mà thuyết pháp.

Các phương khác: Tây, Nam, Bắc, bốn hướng phụ lẫn hai phương trên dưới cũng thế. Tất cả đại chúng đều nương ánh sáng từ lông trắng chặn mày của Đức Phật Thích Ca mà nhìn thấy như thế.

Lúc đó chư Phật ở mười phương do Đức Phật Thích Ca phân thân đều dạy hàng Bồ tát rằng: “Chư thiện nam tử! Ta nay cần đi đến thế

giới Sa Bà, chỗ Đức Phật Thích Ca, cũng là để cúng dường tháp báu và cúng dường Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

Lúc đó, cõi Sa Bà liền biến thành quốc độ thanh tịnh. Lưu ly thay mặt đất, cây ngọc trang hoàng, vàng ròng làm dây giăng chia tám đường. Không có thôn xóm, thành thị, biển, sông, suối, núi, rừng, bụi. Đốt hương báu quý, hoa Mạn đà la rải khắp mặt đất. Màn lưới báu giăng phủ, chuông rung báu treo khắp. Tất cả trời người nơi cõi Sa Bà dờn đến quốc độ khác, chỉ lưu lại hội chúng đang nghe kinh Pháp Hoa.

Lúc ấy, mỗi Đức Phật phân thân đều đem theo một vị Đại Bồ tát để làm Thị giả. Khi đến thế giới Sa Bà, mỗi vị đều ngồi dưới gốc cây báu. Tất cả các cây báu đều cao năm trăm do tuần, cành, lá, hoa, trái đều thứ lớp xum xuê. Dưới gốc các cây báu đều có một tòa sư tử, chiều cao năm do tuần, cũng đều dùng các vật quý báu mà trang trí. Lúc ấy, mỗi Đức Phật đều ngồi kiết già trên tòa sư tử. Lần lượt như vậy, tràn đầy cả một đại thiên thế giới mà chư Phật do Đức Phật Thích Ca phân thân chỉ một phương thôi cũng vẫn chưa hết.

Bấy giờ, Đức Thích Ca muốn đủ chỗ ngồi cho chư Phật do mình phân thân, nên cùng khắp cả tám phương đều mở rộng thêm hai trăm vạn ức trăm triệu cõi quốc độ nữa. Tất cả đều được thanh tịnh. Hết thấy không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La, nhất là đã dờn trời người đến các cõi quốc độ khác. Các cõi quốc độ mới hóa ra đó, cũng dùng ngọc lưu ly thay mặt đất, cây báu trang hoàng, cao năm trăm do tuần, cành lá bông trái thảy đều thứ lớp xum xuê.

Dưới mỗi gốc cây đều có tòa sư tử quý báu, cao năm do tuần, trang trí đủ các loại quý báu, lại cũng không có sông núi rừng biển cả, cùng núi Mục Chân Lân Đà, núi Đại Mục Chân Lân Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di ... Tất cả các quốc độ này đều thông nhau thành cõi Phật. Mặt bằng là các thứ báu xen lẫn, màn báu phủ khắp, phan lọng trang hoàng, hương quý, hoa trời rải cùng khắp mặt phẳng ấy.

Lúc ấy, chư Phật phân thân tại phương Đông của Đức Thích Ca, ở khắp các cõi, số nhiều bằng số cát của ngàn vạn ức trăm triệu lần sông Hằng. Chư Phật phân thân đó ngưng thuyết pháp để hội nhóm về cõi Sa Bà. Thế là chư Phật ở cả mười phương cũng lần lượt đến hội nhóm về đầy đủ, ngồi ở khắp tám hướng.

Bấy giờ ở mọi phương có bốn trăm ngàn vạn ức triệu cõi quốc độ đều có chư Phật phân thân đều ngồi đầy đủ.

Lúc đó, Đức Phật nào cũng ngồi trên tòa sư tử dưới gốc cây báu, mỗi Đức Phật đều cử một vị Bồ tát Thị giả, đồng thời trao hoa báu cho và dạy rằng: Này thiện nam tử! Hãy đến hội Linh Sơn, nơi Đức Thích Ca mà đạo đạt y như lời ta: “Thưa Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít não và có được mạnh khỏe an vui chăng? Chúng Bồ tát Thanh Văn thấy đều an ổn chăng?”.

Các vị hãy rải hoa báu này mà hiến cúng Đức Thích Ca Như Lai, rồi bạch rằng: “Thưa Đức Phật! Chúng con muốn cùng với Đức Phật Thích Ca Như Lai mở cửa Bửu tháp của Đức Phật Đa Bửu. Tất cả các Bồ tát Thị giả của chư Phật phân thân đến gặp Đức Phật Thích Ca Như Lai cũng đều tác bạch và dâng lễ cúng dường đúng phong cách như vậy”.

Giải luận

Đoạn kinh này ý nghĩa lại quá thâm huyền. Bồ tát Đại Nhạo Thuyết, hiểu tâm trạng đại chúng đang muốn được thấy toàn thân vị Phật quá khứ, nên đến bạch xin và được Đức Thích Ca Như Lai dạy rằng, chưa có thể mở tháp để thấy rõ toàn thân Đức Phật quá khứ được. Vì nếu muốn được chiêm ngưỡng toàn thân Đức Phật quá khứ thì phải hoàn thành ba việc: Thứ nhất là Đức Phật Thích Ca phải mở rộng quốc độ, tức là phải mở rộng cõi Sa Bà. Thứ hai là phải biến đổi cõi Sa Bà từ uế trược thành thanh tịnh. Thứ ba Đức Phật Thích Ca phải triệu nhóm chư Phật phân thân khắp mười phương về cõi Sa Bà. Thực hiện đủ ba dữ kiện này mới đủ điều kiện mở cửa Bửu tháp.

Khởi sự: Đức Thích Ca Như Lai, từ lông trắng giữa chận mày, phóng một luồng hào quang. Đại chúng nhìn theo thấy đông nhiều hơn năm trăm ngàn vạn ức triệu lần cát sông Hằng, cõi nước ở phương Đông đều sáng đẹp. Ngọc, pha lê thay mặt đất, cây cũng bằng ngọc báu, cùng các thứ quý báu khác dùng để trang hoàng cũng đều toàn là các thứ trân quý. Vô số ngàn vạn ức Bồ tát đầy cả quốc độ và tất cả chư Phật phân thân đều sử dụng âm thanh vi diệu mà thuyết pháp. Toàn thể Bồ tát cả cõi quốc độ ở phương Đông cũng đều thuyết pháp như thế. Các cõi quốc độ khắp chín phương khác cũng vậy.

Chư Phật phân thân khắp mười phương đều dạy hàng Bồ tát rằng chư Phật phân thân sắp hội nhóm về lại thế giới Sa Bà, nơi Đức Thích Ca vị Phật chính thân làm Giáo chủ để cúng dường Đức Phật Thích Ca cùng cúng dường Đức Phật Đa Bửu Như Lai và tháp báu.

Đọc đoạn này nên chú ý:

- Đức Phật chính thân Thích Ca Như Lai.

- Chư Phật phân thân do Đức Thích Ca Như Lai phân ra hàng trăm ngàn vạn triệu tỷ Đức Phật khác.

- Cõi thế giới Sa Bà do Đức Phật Thích Ca làm Giáo chủ.

- Các cõi thế giới khác khắp mười phương do chư Phật phân thân làm Giáo chủ.

- Sa Bà uế trước bỗng nhiên thành quốc độ thanh tịnh vì trời người đã được dời đi nơi khác.

- Mỗi Đức Phật phân thân khi quy hội về cõi Sa Bà đều đem theo một vị Bồ tát để làm Thị giả.

- Mỗi Đức Phật phân thân khi quy hội về cõi Sa Bà đều đem theo một tòa ngai bằng ngọc cao năm do tuần.

- Đức Phật Thích Ca Như Lai phải mở rộng cõi Sa Bà, để đủ chỗ triệu nhóm chư Phật phân thân.

- Số chư Phật phân thân muốn tính một phương thôi phải dùng nhiều gấp ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng, tính một hạt cát là một cõi quốc độ. Nếu tính hết mười phương thì số quốc độ bao nhiêu? Nhiều lắm, nhiều không thể nào tính đếm hết, chỉ khái quát là mười phương có hàng bốn năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ quốc độ. Cõi quốc độ nhiều như thế, chư Phật phân thân lại còn nhiều hơn chẳng thể nào tính đếm.

Đoạn kinh này mà dùng kiến thức phàm tục suy luận thì chẳng hiểu gì cả, bởi vì lời kinh đã rõ ràng là dời trời người đi sang quốc độ khác, chỉ còn có chư Phật và chư Bồ tát thì mới mở cửa bửu tháp bảy báu. Chúng ta là người thì làm gì còn có mặt ở đây mà suy, mà luận.

Trình độ Bồ tát, mà Bồ tát đang tình trạng Quán chiếu của lúc đang nhập thiền định thì mới liễu tri việc di dời quốc độ và hội tụ chư Phật phân thân, kể cả chư Bồ tát Thị giả về.

Sự tán và tụ ở đoạn kinh này như sự tụ tán của nguyên tử, phân tử, hạt nhân, điện tử vậy!

--- o0o ---

Đức Phật Thích Ca khai mở Bửu tháp

Chính văn

4- Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai thấy các vị Phật của mình phân thân đều an tọa nơi tòa sư tử và được biết chư Phật phân thân đều muốn cùng mở tháp báu, Đức Phật Thích Ca liền từ chỗ ngai, đứng dậy trụ trên hư không, tất cả hàng bốn chúng đồng đứng dậy chấp tay, một lòng nhìn Phật. Khi ấy Đức Thích Ca Như Lai đưa ngón tay phải mở

cửa tháp bảy báu. Tiếng vang lớn như tháo mở chốt cửa thành lớn và đại chúng đồng thấy Đức Đa Bửu Như Lai ngồi tòa sư tử, nơi tháp báu, toàn thân như đang thiên định. Cả đại chúng lại đồng được nghe Đức Phật Đa Bửu Như Lai nói rằng: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Như Lai đương nhiên sẽ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, ta vì nghe kinh này mà đến đây”.

Bấy giờ hàng tứ chúng thấy Đức Đa Bửu Như Lai dù đã nhập diệt cách nay vô lượng ngàn vạn ức triệu kiếp, mà nay nói lời như thế để tán thán thì đây thật là việc hy hữu chưa từng có. Chư thiên đồng gom hoa báu cõi trời rải dăng cúng dường hai Đức Phật: Đức Đa Bửu Như Lai và Đức Thích Ca Như Lai.

Lúc đó, Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa mời Đức Thích Ca Như Lai cùng ngồi nơi Bửu tháp. Liền đó, Đức Thích Ca Như Lai bước vào Bửu tháp ngồi lên nửa tòa bửu tháp.

Lúc ấy đại chúng nhận thấy hai Đức Phật đang ngồi xếp bằng nơi tòa sư tử trong tháp bảy báu, đều thầm nghĩ: “Đức Như Lai cao xa quá! Xin Phật dùng sức thần thông làm cho chúng con được ở trên hư không”. Đáp ứng thỉnh cầu, Đức Thích Ca Như Lai dùng sức thần thông nâng cao đại chúng lên ngang tầm nhìn bửu tháp và dùng âm thanh lớn mà phổ diễn cùng đại chúng rằng: “Ai có thể ngay nơi cõi Sa Bà này mà rộng thuyết kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa thì nay chính là đúng thời. Ta là Thích Ca Như Lai không còn bao lâu nữa sẽ nhập Niết bàn, nên ta muốn có người để phó chúc kinh Pháp Hoa”.

Giảng luận

Đức Phật Thích Ca đứng lên dùng một ngón tay khai mở Bửu tháp, tiếng vang như tháo chốt cửa của một thành trì lớn. Nhờ vậy mà đại chúng được nhìn thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

*** Đức Đa Bửu Như Lai tán thán**

Đức Đa Bửu Như Lai tán thán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Như Lai đương nhiên sẽ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, vì vậy nên ta là Đa Bửu Như Lai mới đến cõi Sa Bà để tán thán và nghe kinh này.

Liễu thông sự tụ tán của nguyên tử, điện tử thì mới có thể hiểu được sự tụ tán của chư Phật phân thân. Sự nhóm hội của chư Phật phân thân về đông đủ thì Đức Thích Ca Như Lai mới mở cửa Bửu tháp. Dù hiểu được sự “phân tán” của nguyên tử, nhưng chưa thực nghiệm được sự “hội tụ” những phân tử của nguyên tử thì cũng chưa dám thí nghiệm định lý nguyên tử.

Đức Phật Thích Ca phân thân được, nhưng nếu không nhóm hội được chư Phật phân thân thì làm sao đủ điều kiện để mở “cánh cửa quá khứ” để thấy được vị Phật quá khứ. Còn việc Đức Phật quá khứ tán thán Đức Phật hiện tại lại càng khúc mắc khó hiểu, nếu muốn hiểu phải mượn khoa học làm cầu nối với đạo học. Mượn khoa học chứng minh lời nói của Đức Phật nơi đoạn kinh này. Nhiều người quan niệm những việc đã qua là thuộc quá khứ không còn. Nhưng ngày nay các nhà khoa học Úc châu đang chế máy, để quay được các trận đánh của Hai Bà Trưng, của Bô Na Pát, của Hoàng đế Quang Trung ...vân vân... Chẳng những chỉ quay lại hình, mà còn ghi được cả âm thanh. Nửa hoặc một vài kỷ nguyên nữa, loại máy này sẽ lưu hành sâu rộng. Lúc bấy giờ hành giả Pháp Hoa sẽ dễ liễu thông việc phân thân và triệu hội của Đức Phật Thích Ca. Trong giới đạo học đa phần khi gặp chỗ nào khúc mắc thì thường cho trôi qua hoặc đổ nghiêng nó thuộc mặt lý tánh, tức là nó thuộc về tư tưởng, trừu tượng, như việc phân thân và triệu nhóm của Đức Phật nơi đoạn kinh này. Trái lại giới khoa học thì lại không chịu bỏ qua và cũng chẳng chịu xô nghiêng qua cho lý tánh, mà lại đổ nghiêng về mặt sự tướng. Vì vậy giới khoa học về mặt sự tướng họ đã thành công, tức là thành công về mặt nguyên tử tán và tụ. Mặc dù chưa phân thân và triệu nhóm được như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng ngoài sự tụ tán nguyên tử thì giới khoa học còn triệu nhóm hàng trăm ngàn vạn ức người, hàng trăm triệu con ong con mối, hàng ngàn vạn tỷ con kiến, côn trùng, từ nơi một vùng đất rộng bao la tụ vào một mặt kính nhỏ của máy tivi. Khi muốn thay đổi trên mặt tivi, chỉ cần bấm một nút thay đổi băng tần. Ví dụ băng tần đang ở số chín Đài truyền hình Thành phố, chỉ cần bấm nút băng tần số một Đài truyền hình Việt Nam, tích tắc thay đổi cảnh quan một cách dễ dàng, như việc Đức Phật dời đổi cõi Sa Bà thành cõi thanh tịnh rộng rãi, đủ dung chứa đông người. Tán tụ đổi thay chỉ cần bấm nút.

*** Các cõi trời rải hoa cúng dường**

Muốn dễ hiểu việc này, xin mời bạn đến tham quan, hoặc ngồi yên lặng nghe người đã chứng kiến kể việc các nước văn minh tiên tiến, hằng ngày họ cho máy bay rải dầu thơm ở vùng đông dân cư, nhất là vùng thành phố. Tại Việt Nam vào thời chiến tranh thế kỷ hai mươi cũng được máy bay rải, nhưng không phải rải dầu thơm, mà là rải chất khai quang.

*** Đức Phật Đa Bửu Như Lai nương tòa ngò**

Công thức này các vị nguyên thủ quốc gia thuộc thể chế dân chủ, hoặc một số nhà ngoại giao đại tài, đã áp dụng quy pháp này. Đó là khi tiếp khách, không còn phân biệt chủ khách như những nơi phong kiến xưa. Phong kiến thì ghé vua ngò là ngai vàng, thêm nạm ngọc, cấn vàng, còn ghé khách ngò thì bằng gỗ chỉ trải vải, hoặc gấm thêu là cùng.

*** Xin hạ thấp ngang tầm để được nhìn thấy Phật**

Tháp báu trụ lơ lửng trên cao, còn đại chúng thì vẫn ở sát mặt đất, nên mong cầu của đại chúng là tháp báu hạ thấp ngang tầm để được nhìn rõ hai Đức Phật. Nhưng Đức Thích Ca Như Lai lại dùng thần thông đưa đại chúng lên cao ngang tầm Bửu tháp.

Các nhà lãnh đạo giáo quyền, lẫn thế quyền, nên nghiên cứu và thâm sâu đoạn kinh này, hầu nâng cao trình độ dân trí ngang tầm với các cấp lãnh đạo, nếu không dân trí sẽ bị tụt hậu thì các cấp lãnh đạo chỉ còn ở lơ lửng một mình trên chót vót mà thôi! Nâng cao dân trí bằng cách bình đẳng hưởng quyền nâng cao văn minh và được đi học. Con nhà nghèo không tiền đóng học phí thì trung học không có chứ đừng nói đến Tiến sĩ!

*** Đức Thích Ca Như Lai phổ quảng**

Ai có thể thay ta là Thích Ca Như Lai phổ thuyết kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà này! Bởi vì ta sắp nhập Niết bàn, việc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì Như Lai đang đợi người để phó chúc.

Khi mới thuyết kinh Pháp Hoa thì Đức Phật dạy kinh Pháp Hoa khó lắm, chỉ có Phật với Phật mới thông suốt pháp không tướng, còn Bồ tát vẫn chưa hiểu trọn vẹn. Vậy mà khi vào gần nửa chừng của hội thuyết Pháp Hoa thì Đức Phật lại phổ quảng rằng: Ai có thể phổ truyền kinh Pháp Hoa, Như Lai sẽ phó chúc cho. Vậy thì ai sẽ được phó chúc, chờ phần kết các phẩm sau.

Loài người chẳng những ngàn xưa, mà mãi mãi ngàn sau, ít người chịu thâm nhập đoạn kinh này, cho nên dòng đời thường bị hụt hẫng vì thiếu thừa kế. Tại sao? Bởi vì lớp tiền nhiệm chẳng chịu truyền trao phó chúc. Lúc nào lớp tiền bối cũng nghĩ rằng mình tuyệt vời hơn lớp hậu sinh. Có nhiều vị giáo lẫn thế quyền tuổi đã ngoài tám chín chục, thế mà vẫn lo tìm thuốc bồi dưỡng để sống lâu, hầu tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo. Có nhiều vị kiêm nhiệm năm bảy chức, nhưng chẳng làm được việc nào cả, bởi vì đã làm sai định luật thiên nhiên. Có nhiều vị tiến bộ hơn, hoặc sợ miệng thế gian, sợ lịch sử lên án là tham quyền cố vị, nên rút lui giữ vai trò Thái thượng hoàng nhưng vẫn phủ rèm nhiếp chính.

Mong rằng Pháp Hoa kinh đoạn này, thâm nhập vào những thành phần lãnh đạo thế quyền cũng như giáo quyền, để việc phó chúc truyền trao sớm giống như phương thức của Đức Phật Thích Ca Như Lai.

Đức Phật Thích Ca thuyết thơ kệ trùng tuyên phẩm hiện Bửu tháp

Chính văn

**5- Đức Phật Đa Bửu
Diệt độ đã lâu
An nhập tháp báu
Còn vì pháp đến
Đại chúng tại sao
Chẳng hộ Pháp Hoa
Phật này nhập diệt
Trải vô lượng kiếp
Vẫn vì Pháp Hoa
Bởi pháp khó gặp
Bổn nguyện Phật này
Sau khi diệt độ
Nơi nào cũng đến
Vì nghe Pháp Hoa
Thích Ca phân thân
Vô lượng chư Phật
Như cát sông Hằng
Đều muốn nghe pháp
Thấy Phật diệt độ
Đa Bửu Như Lai
Nên bỏ cõi diêu
Cùng chúng đệ tử
Trời người thần rồng
Và việc cúng dường
Muốn pháp trụ lâu
Nên đã đến đây
Để đủ chỗ ngồi
Phật dùng thần thông
Dời trời người đi
Khiến cõi thanh tịnh
Mỗi mỗi vị Phật
Đều đến cây báu
Như sen thanh tịnh
Nơi ao trong sạch
Dưới mỗi cây báu
Có tòa sư tử
Phân thân tọa đó**

Sáng rõ trang nghiêm
Nhu trong đêm tối
Đốt ngọn đèn lớn
Thân tỏa hương thơm
Thơm mùi cõi nước
Chúng sanh được nhờ
Vui không xiết kể
Nhu ngọn gió lớn
Thổi lay nhánh nhỏ
Đức Phật Đa Bửu
Dùng phương tiện này
Để pháp dài lâu
Bảo cùng đại chúng
Ta diệt độ rồi
Phổ thuyết kinh này
Ai hay hộ trì
Nay trước Đức Phật
Tự nói lời thề
Phật Đa Bửu kia
Nhập diệt từ lâu
Vì bốn nguyện sâu
Vang âm sư tử
Đức Phật Đa Bửu
Cùng với thân ta
Và chư hóa Phật
Sẽ hiểu ý ấy
Này các thiện tín
Ai hay hộ pháp
Nên phát đại nguyện
Cho được dài lâu
Ai người hay hộ
Pháp của kinh này
Là đã cúng dường
Ta và Đa Bửu
Cổ Phật Đa Bửu
Tọa trong tháp báu
Thường đi mười phương
Chỉ vì Pháp Hoa
Cũng là cúng dường
Hóa Phật đến đây

**Trang nghiêm sáng đẹp
Ở thế giới khác
Rõ nói kinh này
Là đã thấy ta
Cùng Phật Đa Bửu
Và các hóa Phật
Này các thiện tín
Phải nên nghĩ kỹ
Đây là việc khó
Nên phát đại nguyện
Các kinh điển khác
Như cát sông Hằng
Nói hết kinh đó
Chưa đủ là khó
Nếu nắm Tu Di
Ném đi các nơi
Trải nhiều cõi Phật
Cũng chưa thật khó
Nếu dùng ngón chân
Hát đại thiên giới
Rơi xa cõi khác
Cũng chưa phải khó
Trên đỉnh hiện hữu
Vì người diễn nói
Vô số kinh khác
Cũng chưa là khó
Sau khi Phật diệt
Trong đời ác trược
Nói được kinh này
Thì mới là khó
Ví như có người
Tay nắm hư không
Mà đi dạo chơi
Vẫn chưa là khó
Khi ta diệt độ
Kẻ tự chép kinh
Hoặc bảo người chép
Đó mới thật khó
Đem cả cõi đất
Đề trên móng chân**

Bay lên Phạm Thiên
Cũng chưa đủ khó
Phật diệt độ rồi
Trong đời ác trược
Đọc tụng kinh này
Đó mới là khó
Giá như lửa bùng
Mà gánh cỏ khô
Vào không bị cháy
Cũng chưa đủ khó
Ta diệt độ rồi
Trì tụng kinh này
Vì một người giảng
Đó mới là khó
Nếu trì tám muôn
Bốn ngàn pháp tạng
Mười hai bộ kinh
Vì người phổ giảng
Làm cho kẻ nghe
Được sáu thần thông
Tùy được như thế
Vẫn chưa đủ khó
Sau ta diệt độ
Hiểu rành Pháp Hoa
Đó mới là khó
Như người nói pháp
Khiến ngàn vạn ức
Vô lượng vô số
Chúng sinh sông Hằng
Đắc quả La Hán
Gồm đủ lục thông
Tuy lợi ích nhiều
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nếu hay phụng trì
Kinh điển này đây
Đó mới là khó
Ta vì Phật đạo
Ở vô lượng cõi
Từ xưa đến giờ

**Rộng nói các kinh
Nhưng trong số đó
Kinh này đệ nhất
Kẻ nào trì được
Là gìn thân Phật
Này các thiện nam
Sau ta diệt độ
Ai hay thọ trì
Độc tụng kinh này
Nay trước Phật đây
Tự nói lời thề
Kinh này khó giữ
Có ai tạm trì
Là ta vui mừng
Chư Phật cũng thề
Người nào như vậy
Được chư Phật khen
Là bậc dũng mãnh
Đó là tinh tấn
Đó là trì giới
Tu hạnh đầu đà
Mau chóng đạt được
Phật đạo Vô thượng
Đời sau có thể
Độc trì kinh này
Phật tử chơn chánh
Trụ ở đất lành
Phật diệt độ rồi
Hiểu được nghĩa kinh
Đó là mắt sáng
Trời, người, thế gian
Ở đời hãi sợ
Nói chút ít thôi
Hết thấy trời người
Đều phải cúng dường.**

Giảng luận

Phản trùng tuyên nơi thơ kệ đã có ở phần chính văn và cũng đã giảng luận đại cương rồi, nên không lặp lại. Đoạn luận giải này chỉ nêu thêm

những nét mà chính văn chưa đề cập, chỉ ở phần thơ kệ Đức Phật mới nêu thêm vào đời có chín việc khó làm, nhưng chưa khó bằng thọ trì, phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Trong chín việc khó này xin nêu ví dụ một việc thứ tám: Có người thọ trì tu luyện đủ tám vạn bốn ngàn pháp môn, học tu đủ mười hai bộ kinh, rồi thuyết giảng cho nhiều người nghe, khiến cho họ đều đắc sáu thần thông, chứng Thánh quả. Như thế vậy mà vẫn chưa phải là việc khó. Sau khi Phật diệt độ, ai đọc tụng, hoặc thọ trì, hoặc in sao viết chép, hoặc cung kính, hoặc cúng dường, hoặc phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì đây mới thật là việc rất khó. Ai làm được cả sáu công đức về Pháp Hoa thì người đó là người duy trì mạng mạch của đạo Phật, cho nên Đức Phật tán thán ngợi khen và khuyên mọi người nên hoan hỷ cúng dường những vị ấy.

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

Giới Tăng tín đồ Phật giáo, nếu là hàng thức giả thì khi đọc tụng phẩm hiện Bửu tháp, đa phần thường ứng dụng ý để trực diện với những vấn đề khúc mắc của phẩm kinh. Nếu là giới bình dân thì lại ứng dụng niềm tin mà chấp nhận. Hậu quả: giới thức giả thì đổ nghiêng phẩm kinh sang phần lý tánh, còn giới bình dân cũng đổ nghiêng về lý, nhưng lừng lơ nơi mặt tâm linh. Phải cả hai lý tánh và sự tương hòa một thì mới gọi là pháp Diệu nhập đời. Nếu chỉ nghiêng về một bên thì vô tình mình đã xén đôi pháp Diệu, như thế thì còn đâu pháp Diệu?

Nếu hiểu đúng lý sự bất nhị thì tu hành đắc pháp bất nhị, còn hiểu nghiêng về bên này, hay là bên kia thì tu hành sẽ đạt phân nửa, nào khác gì một cái bình pha lê bị bể đôi, nên nó trở thành vô dụng.

Chưa đắc pháp bất nhị thì mãi loay hoay trong sự cố chấp: “**Các pháp vô thường**”, chẳng biết bao giờ liễu thông để chứng đắc: “**Tướng thế gian vẫn thường**”.

Không thấu đạt, hoặc chứng đắc các pháp vẫn thường thì chẳng tài nào liễu thông được phẩm hiện Bửu tháp. Không thể nào liễu thông được quá khứ, hiện tại chẳng hề hai. Tán và tụ chẳng hề hai. Chủ và khách chẳng hề hai. Thấp và cao chẳng hề hai. Uế trước và trong sạch chẳng hề hai.

Nói tóm lại, nếu đọc tụng thọ trì phẩm kinh này mà vẫn chủ quan nghiêng về một bên như từ mới học Phật, nghĩa là chỉ hiểu nó thuộc về mặt lý, lừng quên về sự thì không thể nào liễu thông ý nghĩa về phẩm kinh. Không liễu thông trọn vẹn mà tự nhận mình là hành giả Pháp Hoa kinh thì chẳng khác nào cái bình bằng ngọc pha lê đã bị vỡ làm đôi kia vậy!

Nếu mà giới đạo học khẳng định Bửu tháp thuộc về lý trí, mọi vấn đề phân thân, triệu nhóm cũng thuộc về mặt lý trí tưởng tượng ...*vân vân*... Còn giới khoa học thì chỉ chuyên chú thẳng vào thực dụng, dù họ chưa đủ trình độ hiểu Bửu tháp cao năm trăm do tuần như Đức Phật Đa Bửu Như Lai, nhưng họ đã chứng minh được phương thức này. Họ cũng cho Bửu tháp vụt bằng cách phóng tàu vũ trụ vượt khỏi bầu khí quyển, để thám hiểm các hành tinh cách xa quả đất. Họ chưa đủ thần lực để phân thân chư Phật khắp mười phương, hoặc triệu nhóm chư Phật phân thân về cõi Sa Bà để mở Bửu tháp như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng họ đã thành công việc thu nhiều hình ảnh vào Đài truyền hình để phổ truyền rộng khắp mười phương, kể cả vấn đề thu hẹp trên mặt tivi, nhất là họ chưa đủ thần thông, phóng một luồng hào quang giữa chận mây chiều sáng đến các cõi ở phương Đông, cách xa quả đất hàng triệu do tuần như Đức Phật Thích Ca Như Lai, nhưng họ đã thành công đứng ở châu này nhìn vào viễn vọng kính, thấy sự sinh hoạt châu khác, hoặc qua vệ tinh từ ngoài quả đất thấy rõ sự việc nơi quả đất và các thiên thể xa xăm, hoặc thu hình từ bán cầu bên Tây, chiếu về bán cầu bên Đông, hoặc ngược lại.

- Đạo học thâm sâu vào phân lý.
- Khoa học chứng minh rõ về phân sự.

Mong sao phẩm hiện Bửu tháp thuộc kinh Pháp Hoa, thẩm nhập cả sự lẫn lý cho cả hai giới. Ngày nào đó rất gần, hai giới đạo học và khoa học, hợp tác nhau đạt thông pháp Diệu, hầu sớm áp dụng nền văn minh pháp Diệu, đem nền văn minh **Diệu** cống hiến cho dòng đời thì muôn loài vạn vật hưởng được lợi ích biết bao.

Kính lạy Đức Phật Đa Bửu Như Lai, kính lạy Đức Phật Thích Ca Như Lai, dùng thần thông nâng chúng con, giới khoa học lẫn giới đạo học lên ngang tầm để nhìn rõ pháp Diệu. Kính lạy chư Phật phân thân, chư vị Bồ tát, chư hiền Thánh Tăng hỗ trợ cho quả đất sớm đạt nền văn minh "**Bất nhị**". Cầu mong chư Thiên Long Bát Bộ, hộ pháp, chư Thiên, chư Tiên, hộ thế Tứ Thiên Vương cùng chư Thần, chư Thánh hỗ trợ cho hai giới đạo học lẫn khoa học sớm liễu thông và sớm thành tựu phương thức "**Bất nhị**", hầu giúp dòng đời đều tỏa ngát tuệ hương.

Hồi hướng tất cả công đức tu luyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa đến các pháp giới chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

--- o0o ---

Bài 20 - Phẩm Đề Bà Đạt Đa - Thứ Mười Hai
Tiền thân Đức Phật Thích Ca cầu pháp Diệu.

Đối chiếu xưa và nay.

Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa.

Công chúa cung rông thành Phật.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Sở dĩ Đức Phật và Đề Bà Đạt Đa phải diễn tuồng đóng vai thù nghịch, qua sự việc trò phản thầy, em hại anh là để có phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm thứ 12 trong bộ kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa, bộ kinh quan trọng nhất của cuộc sống.

Định lý đương nhiên của dòng đời từ ngàn trước dẫn đến ngàn sau, bất cứ ở đâu hễ có âm là có dương, có chánh thì có tà, có thiện thì có ác, có thuận là có nghịch. Hàng thức giả và trí giả ai cũng đều phải lội qua dòng chảy thuận nghịch này. Nếu ai sợ nó thì an phận đành chịu hụp lặn nơi vũng bùn phàm phu tục tử. Không riêng hàng đệ tử Đức Phật, mà tất cả ai muốn ngoi khỏi vùng ô uế của dòng đời thì điều trước nhất là nên nắm vững quy tắc thuận nghịch đương nhiên là như thế, để khi trực diện nghịch cảnh khỏi ngỡ ngàng.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa hệ thống hóa nguyên lý thuận và nghịch, bằng hai câu chuyện đơn giản hầu giúp loài người dễ hiểu, dễ nhớ và dễ tin để an ủi cho chính mình đủ sức tự chủ khi gặp nghịch cảnh, hoặc lúc gặp thuận duyên kịp nắm thời cơ thành tựu. Mặt khác phẩm kinh này là chìa khóa vàng của nữ giới. “Bình đẳng tánh trí”. Nếu sự tương cũng bình đẳng thì xã hội không còn là xã hội. Có nhiều học thuyết chủ trương bình đẳng cả sự lẫn lý nên lập luận rằng tất cả đều dân chủ. Nhưng nên nhớ **dân chủ tự giác**, chứ không thể nào **dân chủ tự do**. Có người mới học một ít giáo thuyết đã tự đắc vỗ ngực rằng tôi chứng đắc nên không còn phân biệt. Vậy hãy thí nghiệm bằng cách: để một chén cơm, một chén đất dĩa dĩa kín. Khi giờ dĩa ra nếu gặp chén đất, lúc đó có phân biệt và có ăn không? Khi nào chứng A La Hán mới nói câu không còn phân biệt. Tối thiểu về mặt đời, phải là bác học, chế biến được máy móc tinh lọc các chất uế độc, lúc bấy giờ mới dám tuyên bố các pháp vốn chẳng dơ sạch. Cuộc sống vốn chẳng thể chỉ có thuận mà chẳng trộn pha cái nghịch.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa, phẩm kinh hướng dẫn cho chúng sinh tu tập pháp môn thuận nghịch. Mong giới học Phật và giới thức giả chớ nên lướt trôi qua phẩm kinh này. Xin tóm gọn đại cương phẩm kinh thành tám câu:

**Kẻ ác phá ta - như hoa gặp gió
Người lành giúp mình - nước tưới bông hoa
Chính việc Đề Bà hại Phật Thích Ca
Đó là phương thức bông hoa gặp gió
Đức Văn Thù giúp công chúa cung rồng
Thì đó là đem nước tưới bông hoa
Gặp nghịch duyên truân chuyên không chán
Nghịch thuận song hành định lý đương nhiên**

Phật giáo có nhiều người trình độ còn sơ cơ, nhưng lại có duyên với kinh Pháp Hoa, nhưng tụng đến phẩm Đề Bà Đạt Đa thường không hiểu nên hoang mang, hoặc giận ghét Đề Bà Đạt Đa, đồng thời liên đới về cuộc sống chính mình, khi gặp nghịch rất oán hận những kẻ lừa thầy phản bạn, kẻ ham bả lợi danh tán tận lương tâm. Trái lại khi thuận thì nửa tin nửa nghi. Tại sao nàng công chúa cung rồng vừa là loài vật, vừa là con nít lại là nữ giới vậy mà chỉ nghe Đức Bồ tát Văn Thù truyền dạy kinh Pháp Hoa chỉ có một lần liền chứng đắc quả vị Như Lai. Càng đọc tụng càng nghi ngờ. Chớ nên nghi ngờ bỏ cuộc, trái lại nên chuyên cần đọc tụng, nên tư duy, nghiền ngẫm, bởi vì kinh Đại thừa là như vậy đó, không hề có khác hơn. Nếu tin thì tụng đọc, không tin thì thôi chứ không thể khác hơn, bởi vì như vậy, vì đây là lý ẩn mà trí hiện cho nên phải dùng trí soi lý chứ không thể suy nghĩ, bàn luận thường tình mà hiểu được. Đọc tụng, nghiền ngẫm, tư duy đến độ hiểu **như vậy đó**, chúng ta mới bắt đầu áp dụng vào cuộc sống hằng ngày.

Đây là công thức, là pháp mật truyền chứ không thể luận bàn, mà phải tuyệt đối tin như vậy đó “Như thị pháp”.

Khi mở đầu bài này, chúng tôi đề cập là hai Ngài đóng kịch để có câu chuyện, hầu bổ túc cách sống cho loài người khi gặp nghịch cảnh. Ai gặp nghịch cảnh nên giải mở bằng hai câu:

**Hãy quên câu ân đền oán trả
Luôn nhớ câu oán trả bằng ân**

Tiền thân Đề Bà Đạt Đa khi còn là một vị Tiên, đã có pháp Đại thừa, truyền dạy cho một ông vua. Vị vua này bỏ ngôi theo học pháp Diệu đại thừa, nhờ đó sau này thành Phật. Vì vị vua nhận biết giáo pháp quý báu nên đã hầu hạ vị tiên tột mức, đem thân làm giường cho tiên nằm, phục vụ vị vua không thiếu sót chỗ nào. Còn Đề Bà Đạt Đa khi còn là vị tiên đã cao quý như vậy, đến đời này trải qua nhiều kiếp và đang làm vị Tỷ kheo mà lại theo

hại Phật đến mức độ đó u! Vậy nếu không gọi là đóng kịch thì gọi là gì cho dễ hiểu đây? Điểm đáng nghiền ngẫm về pháp tu phẩm kinh này là dù bị Đề Bà Đạt Đa hãm hại như thế, nhưng Đức Phật chẳng hề trách móc oán giận, trái lại còn kể chuyện tiền thân của mình và của Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật lại còn can đảm nhận lỗi là không tròn lời hứa, không hậu hạ suốt đời, mà chỉ mới vừa liễu ngộ pháp Diệu đã vội lén bỏ đi. Mỗi lời, mỗi câu nơi phẩm kinh là một bí pháp, nếu ai bước vào dòng đời mà hiểu và hành đúng những điểm then chốt này thì dầu đời hàng tấn vàng cũng khó chuyển thay.

Trước khi vào nội dung của phẩm kinh, chúng tôi nêu thêm hai điểm không kém phần quan trọng của phần mở đề.

Thứ nhất: Suốt bốn mươi chín năm thuyết pháp độ sanh của Đức Phật thì loài người chưa có ai chứng đắc quả vị Phật, quả vị Bồ tát! Vậy mà loài rồng chẳng những công chúa cung rồng mới tám tuổi đắc quả vị Phật, mà hàng quan rồng, dân rồng đắc quả vị Bồ tát đông nhiều vô số, như thế là thế nào? Có phải đây là mật nghĩa, là bí pháp hay không?

Vấn đề thứ hai: Loài người sống nơi quả đất này, nơi nào phổ cập bình đẳng giữa nam và nữ trước nhất? Xin thưa: **Việt Nam**. Hai vị nữ Thánh Trung, người đầu tiên của nhân loại dựng cờ khởi nghĩa dẹp quân xâm lược, đem độc lập về cho Tổ quốc non sông và lên ngôi vua. Nam giới làm vua, nữ giới cũng làm vua. Nam giới yêu nước cứu nước thì nữ giới cũng yêu nước và cứu nước bình đẳng như nhau.

Hiện nay Việt Nam tụng đọc kinh Pháp Hoa quá đông, nhưng thọ trì và chứng đắc phẩm Đề Bà Đạt Đa thì còn quá khiêm tốn, bởi vì trong hàng bốn chúng đệ tử Phật, phần nữ giới vẫn chưa chứng đắc, tại vì còn có nhiều người ngần ngại, nghĩ mình là nữ, nhất là Ni giới.

**Giới luật bát kinh pháp
Tu chứng vẫn như nhau
Chẳng trước cũng chẳng sau
Chẳng chướng ngại hạ lạp.**

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

Tiền thân Đức Phật Thích Ca cầu pháp Diệu

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Như Lai truyền dạy cho hàng Bồ tát và đại chúng rằng:

“Nhu Lai từ vô lượng kiếp, về thuở quá khứ, hằng cầu pháp Diệu, chẳng hề mỏi mệt. Qua nhiều kiếp làm vua, hằng phát nguyện cầu đạo vô thượng Bồ đề, tâm chẳng hề thôi chuyển. Vì tu pháp “Lục ba la mật” nên thường hành pháp bố thí rớt ráo, tâm chẳng hối tiếc. Bố thí voi ngựa, thất bảo, quốc thành, thê tử, bạn bè, người hầu cận, kể cả đầu, mắt, tủy, não, thân, thịt, tay, chân, chẳng hề luyến tiếc.

Thuở đó, thọ mạng của quốc dân sống lâu vô lượng. Vua vì cầu pháp, nên từ bỏ ngôi, giao lại cho Thái tử. Đánh trống truyền rao khắp bốn phương: “Vua cần cầu giáo pháp. Ai có thể thuyết dạy pháp Đại thừa thì nhà vua sẽ trọn đời theo cung cấp hầu hạ”.

Khi đó có vị tiên nhân đến gặp vua thưa rằng: “Ta có kinh Đại thừa, tên là Diệu Pháp Liên Hoa, nếu đại vương không trái ý ta, ta sẽ vì đại vương mà truyền trao”.

Nhà vua vui mừng chấp nhận, theo vị tiên nhân để cầu học đạo. Hằng ngày nhà vua lo cung cấp vật thực cho tiên nhân, chăm lo củi nước rau quả, hầu hạ tiên nhân, đến dùng thân mình làm giường ghế. Hầu hạ tiên nhân suốt cả ngàn năm chẳng hề thiếu sót và không hề xao lãng.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

Nhu Lai nhớ kiếp xưa
Vì cầu pháp Đại thừa
Đang ngự nơi ngôi báu
Chẳng ham vui ngũ dục
Đánh chuông rao bốn phương
Ai có pháp Đại thừa
Nếu vì ta giải nói
Vua nguyện xin hầu hạ
Bấy giờ tiên Trường Thọ
Đến thưa cùng Đại vương
Tiên có pháp nhiệm mầu
Trong đời ít ai có
Nếu vua chịu tuân hành
Tiên sẽ vì vua thuyết
Vua nghe tiên nói xong
Khởi tâm vui mừng lớn
Liên đi theo tiên như
Cung cấp đồ cần dùng
Nhặt củi và rau trái

**Theo lời cung kính dâng
Lòng ham pháp Đại thừa
Thân tâm không một mối
Nguyện vì khắp chúng sanh
Siêng cầu pháp Diệu lớn
Cũng chẳng vì thân mình
Bỏ cả vui ngũ dục
Nên dẫu ngôi vua lớn
Vẫn cầu đắc Pháp Hoa
Nhờ đó nay thành Phật
Nay kể tất cả nghe.**

Giảng luận

Đoạn thứ nhất phẩm Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật kể lại chuyện một vị vua truyền ngôi cho thái tử, để theo một vị tiên tu học pháp Diệu Đại thừa. Vị vua đó ngày nay là Đức Phật Thích Ca, vị tiên xưa thì ngày nay là Đề Bà Đạt Đa.

Thời khoa học chưa phát minh và phương tiện truyền thông báo đài chưa phổ biến sâu rộng, nhất là tin tức các vị thần đồng năm bảy tuổi, mà thông minh ngang trình độ các giáo sư đại học, khắp thế giới nước nào cũng có thần đồng. Gần đây đài truyền hình Nha Trang Việt Nam đã loan tin tại tỉnh Khánh Hòa có em bé ba tuổi mà trình độ giỏi toán như các vị giáo sư tiến sĩ.

Nhờ những tin tức cụ thể này mà câu chuyện tiền thân của Đức Phật và Đề Bà Đạt Đa rất dễ hiểu, dễ tin.

Cuộc sống của con người nó luôn vòng quanh, như quả đất với mặt trời. Ai được ngồi vào con tàu vũ trụ, vượt ra ngoài bầu khí quyển thì mới khỏi bị cảnh nhìn thấy sự vòng quanh. Nếu chưa ngồi vào con tàu vũ trụ và đang sống trong sự sống quay vòng tròn thì khi gặp những cảnh trái ngang, vay trả ta chớ nên ngạc nhiên, mà cần phải hiểu rõ rằng nợ nần vay trả do nghiệp chương tạo ra của những kiếp trước.

Thông hiểu câu chuyện tiền thân của Đức Phật Thích Ca và Đề Bà Đạt Đa nơi phẩm kinh này thì khi gặp nghịch cảnh chúng ta không còn ngạc nhiên, trái lại vui lòng trả nghiệp, hoặc thành tâm sám hối và phát nguyện tinh tấn tu hành để có công đức mà hồi hướng về với món nợ nghiệp chương đã do tiền kiếp gây nên.

Hành giả tu theo kinh Pháp Hoa nên chú ý là chẳng riêng phẩm Đề Bà Đạt Đa, mà là toàn bộ kinh, phẩm nào, câu nào, chữ nào cũng là pháp Diệu, mà là pháp Diệu phải được hòa nhập vào cuộc sống, bởi vì tên bộ kinh này,

sau hai chữ **pháp Diệu** lại còn thêm hai chữ **hoa Sen** (liên hoa). Bông sen thì không thể xa rời bùn, dù nhập bùn nhưng chẳng hề nhiễm hôi bùn. Nhập đời nhưng không bị đời đồng hóa để trở thành dơ bẩn.

Đối chiếu với đoạn kinh, mỗi chúng ta tự kiểm lại mình hiện có nợ nần nhiều kiếp nhiều đời hay không? Nếu ai cảm nhận mình mắc nợ nhiều kiếp trước thì hoan hỷ trả, hoặc sám hối xin bớt nợ, hoặc trì chú Bạt nhưt thiết nghiệp chương căn bản, đắc sinh Tịnh độ Đà ra ni. Nghiệp chương căn bản là nghiệp chương đã mọc gốc đâm rễ: căn là rễ, bản là gốc ... để giải bớt nợ xưa, nhất là pháp môn hồi hướng là hiệu quả mau nhất. Có hoan hỷ trả nợ, hoặc xin bớt nợ và khởi trái “**ý từ, tâm bi**” để giải quyết mọi việc thì nghiệp chương mới tiêu trừ.

Có nhiều vị đọc tụng đến phẩm kinh này thì nghĩ rằng: đây là phẩm kinh Đức Phật kể chuyện tiền thân của Phật để hàng Bồ tát nghe, chứ có liên quan gì đến mình! Chẳng những có liên quan, mà là cần thiết như gió thổi, như nước uống, như cơm ăn vậy! Chẳng cần phải hiểu biết và áp dụng toàn phẩm kinh vào cuộc sống của mình, mà chỉ tu đúng đoạn tiền thân này là chúng ta đang thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa rồi vậy.

--- o0o ---

Công đức của Đề Bà Đạt Đa

Chính văn

2- Đức Phật dạy đại chúng rằng: Vị vua thuở đó thì nay chính là “Ta”, còn vị tiên nhân kia nay chính là Đề Bà Đạt Đa. Do nhờ vị thiện trí thức Đề Bà Đạt Đa làm cho ta đầy đủ sáu pháp Ba la mật - Từ bi - Hỷ xả - Ba mươi hai tướng tốt - Tám mươi vẻ đẹp, sắc thân vàng chói - Đủ mười trí lực - Bốn pháp chẳng sợ hãi - Bốn pháp nhiếp phục - Mười tám pháp bất cộng - Thần thông đạo lực thành bậc chánh đẳng chánh giác. Tất cả công đức này đều do từ nhân duyên thiện trí thức Đề Bà Đạt Đa cả.

Giải luận

Tiền thân Đề Bà Đạt Đa đã là một vị tiên có trình độ cao như thế, đã truyền trao cho một vị vua tức là tiền thân Đức Phật Thích Ca tâm pháp siêu việt như thế thì vị tiên này thuở xưa là vị Đại Bồ tát cải dạng, nay là Đề Bà Đạt Đa. Vậy nếu không phải các Ngài đóng kịch để hoàn chỉnh pháp Diệu của một võ tòng pháp nghịch nơi kinh điển Đại thừa thì chúng ta gọi là gì

cho dễ hiểu? Dụng và đóng vai nghịch cảnh, nghịch duyên thành kinh điển dễ dạy đời, đó là việc làm của chư Bồ tát.

Nếu là vị tiên thì làm gì thông suốt sáu pháp Ba la mật. Hiểu rộng Ba la mật là gì?

Có ba nghĩa chính:

- ① Cứu cánh.
- ② Đáo bỉ ngạn.
- ③ Vô cực.

* Y theo sáu pháp này tu hành độ mình rất ráo nên gọi là Cứu cánh.

* Nuông sáu pháp này tu hành rất ráo rời bỏ bờ trần tục, nhập Niết bàn, nên gọi là Đáo bỉ ngạn.

* Nhờ y theo sáu pháp này tu đến độ thông suốt cả sự lẫn lý đến chỗ rất ráo, đến chỗ dung thông, đến chỗ tự tại vô ngại, nên gọi là Vô cực.

Sáu pháp gồm những gì?

- ① Bồ thí.
- ② Trì giới.
- ③ Tinh tấn.
- ④ Nhẫn nhục.
- ⑤ Thiền định.
- ⑥ Trí tuệ.

Cả sáu pháp, pháp nào cũng đến cực điểm “Ba la mật” cả! Tức là rất ráo cả!

Đại thừa nghĩa chương còn giải rằng: “Bồ tát phải thực hiện sáu pháp Ba la mật này, gọi là Lục độ Ba la mật, suốt sáu mươi vạn kiếp mới đắc quả thành Phật”.

Tiên trưởng, tức tiền thân Đề Bà Đạt Đa truyền dạy nhà vua, tức tiền thân Đức Phật Thích Ca mười hai pháp gì?

01. Sáu pháp Ba la mật.
02. Từ bi.
03. Hỷ xả.
04. Cách tu luyện đặc ba mươi hai tướng tốt.
05. Cách tu luyện đặc tám mươi vẻ đẹp.
06. Đủ mười trí lực.
07. Bốn pháp không sợ hãi.
08. Bốn pháp nhiếp phục.

09. Mười tám pháp bất cộng.
10. Thần thông.
11. Tự tại.
12. Pháp môn tu chứng đắc thành Phật rộng độ chúng sanh.

Khi tu học lên trình độ cao mới chi tiết từng pháp.

Đến đây có ai còn bảo người tu kinh Pháp Hoa không chấp nhận kinh Tiểu thừa. Vậy mười hai pháp tu này có phải ở kinh điển Tiểu thừa hay không? Sinh viên tuy học cao rộng nhưng không thể bỏ bốn phép cộng trừ nhân chia của Tiểu học.

--- o0o ---

Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa

Chính văn

3- Đức Phật dạy hàng tứ chúng: “Qua vô lượng kiếp về sau, ông Đề Bà Đạt Đa sẽ được thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi nước đó tên là Thiên Đạo. Lúc đó Đức Phật Thiên Vương độ đời hai mươi trung kiếp, rộng vì chúng sanh mà diễn thuyết pháp mầu. Số chúng sanh đông nhiều như số cát sông Hằng đều đắc quả A La Hán. Vô số chúng sanh phát tâm duyên giác và số chúng sanh đông nhiều như cát sông Hằng, phát tâm vô thượng đạo, đặng vô sanh pháp nhẫn, đến bậc bất thối chuyển.

Sau khi Đức Thiên Vương Như Lai nhập Niết bàn. Chánh pháp trụ lại đời cũng hai mươi trung kiếp. Toàn thân xá lợi dựng tháp bằng bảy báu, cao sáu mươi do tuần, ngang dọc bốn mươi do tuần. Cả hàng trời người đều đem hoa đẹp, hương bột, hương xoa, hương đốt, y phục, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng báu, kỹ nhạc ca tụng lễ lạy cúng dường tháp bảy báu đó. Vô lượng chúng sanh đặng quả A La Hán, vô lượng chúng sanh ngộ Bích Chi Phật, không thể nghĩ bàn số chúng sanh phát tâm trí tuệ, đến bậc bất thối chuyển.

Giải luận

Chúng sanh nào cũng có Phật tánh, chúng sanh nào cũng thành Phật. Đề Bà Đạt Đa đem tâm độc ác hãm hại Đức Phật Thích Ca, nhưng sau khi rời địa ngục A Tỳ, trải qua vô lượng kiếp, chứng đắc quả vị Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai. Chỗ đáng chú ý là Đề Bà Đạt Đa rời địa ngục, trải qua vô

lượng kiếp, trong số vô lượng kiếp này, dĩ nhiên là có nhiều kiếp tu thiện, mà tu thiện vun bồi nhiều công đức thì tánh Phật bừng khai, chứng đắc quả vị Phật - khác với chủ thuyết dù cho tạo nhiều tội lỗi, nhưng hồi tội thì liền được sanh về trời. Thật là quá đơn giản, chẳng những chỉ sám tội một đời, mà phải sám tội trải qua nhiều đời nhiều kiếp.

Đức Phật Thiên Vương sống lâu đến hai mươi trung kiếp và khi nhập Niết bàn chánh pháp cũng trụ đời hai mươi trung kiếp. Lưu ý kéo dài lần giữa Phật trụ ở đời và chánh pháp trụ ở đời.

Khác ở chỗ sống thọ và chánh pháp trụ

Có những Đức Phật độ chúng sanh rất ít, nhưng ở đây Đức Thiên Vương Như Lai độ chúng sanh quá đông, nhiều như cát trên bờ sông Hằng. Trong số chúng sanh được độ đều chứng các quả vị Thánh Thanh Văn, Bích Chi và đắc vô sinh pháp nhẫn để rồi đến bực bất thối chuyển.

Điểm thâm sâu của đoạn kinh thuộc phẩm này là thấy được cái tốt của Đề Bà Đạt Đa. Khai mở tánh Phật và sự thành Phật hết sức đặc biệt của Đề Bà Đạt Đa. Thế thái nhân tình thường cố chấp, người xấu ác thì tất cả đều xấu ác, người hiền đức thì tất cả hiền đức. Họ chưa ngộ được công thức trong cái này có cái kia, trong cái kia có cái này. Trong gió có nước, trong nước có gió. Trong những người cực ác, vẫn có nhất điểm lương tâm. Trong những bậc hiền triết vẫn có những điểm sai khuyết. Tất cả nếu mọi người chúng ta liễu ngộ được “**luận tương đối**” này thì xã hội đẹp biết bao nhiêu.

Hành giả Pháp Hoa nói riêng, hàng đệ tử Đức Phật nói chung, ai ai cũng liễu ngộ công thức nghịch cảnh của phẩm Đề Bà Đạt Đa thì sự hòa hợp, sự an vui, sự tĩnh lặng đã phủ trùm cõi trần tục này lâu rồi. Đức Phật Thích Ca chủ trương hòa hợp với người ác để rồi độ cho người ác. Hiểu Đề Bà Đạt Đa để thấy Đề Bà Đạt Đa thành Phật hiệu Thiên Vương Như Lai và đủ mười tôn hiệu.

---o0o---

Chính văn

Đức Phật dạy các Tỷ kheo: Về các đời sau, nếu có người thiện nam, tín nữ nào nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa mà khởi tâm thanh tịnh kính tin, chẳng hề nghi ngờ thì chẳng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và được sinh nơi chư Phật khắp mười phương. Người đó sinh ở những nơi thường được nghe kinh này. Nếu sinh vào cõi trời người thì hưởng mọi sự an vui rất thù thắng. Nếu sinh nơi có Phật thì từ hoa sen hóa sinh.

Giảng luận

Dù hàng ngàn vạn năm sau khi Phật nhập diệt mà có ai tin phẩm kinh này thì nhất định không còn đọa ba đường dữ, địa ngục, nga quý, súc sinh; trái lại còn được sinh ở những nơi có Phật, nhờ vậy mà thường được nghe kinh Pháp Hoa. Hoặc nếu có sanh ở các cõi trời thần và phi nhân thì thường hưởng được sự an vui rất thù thắng. Hoặc sanh từ cõi Phật thì từ hoa sen hóa sanh.

Tại sao nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa rồi kính tin dù mới chỉ nghe tin chứ chưa thọ trì và phổ thuyết, cúng dường vậy mà đã đạt được công đức thù thắng như vậy? Rất dễ hiểu! Vì trong phẩm Đề Bà Đạt Đa là công thức hóa giải tất cả mọi nghịch cảnh, nghịch duyên. Do đâu mà bị đọa địa ngục, nga quý, súc sinh? Vì độc ác, tham sân, si mê. Các món thuốc độc này giết chết lương tri con người, nên phải đọa tam đồ. Tại sao tin nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa khỏi đọa tam đồ? Tại vì nghe và tin phẩm kinh này là đã trừ dứt được oán hận, không còn đem oán trả oán, trái lại tâm vui vẻ đem ân trả oán. Kể cả quên câu ân đền oán trả mà luôn nhớ câu oán trả bằng ân. Tin việc Đề Bà Đạt Đa trải qua vô lượng kiếp thành Phật Thiên Vương Như Lai thì trong tâm hồn mình thoải mái đối với mọi kẻ ác độc, bởi vì kẻ độc ác ấy trải qua vô lượng kiếp cũng thành Phật như Đề Bà Đạt Đa.

Bí pháp của phần một phẩm kinh là: **Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh**. Thiện có Phật tánh tu hành thành Phật, ác biết bỏ ác tu hành cũng thành Phật như thiện. Lưu ý Đề Bà Đạt Đa trước khi thành Thiên Vương Như Lai thì ông vẫn theo luật nhân quả, vay trả, dù không ai đòi, nhưng chính quả ác của ông đã vùi ông vào địa ngục A Tỳ, tự trả xong ăn năn sám hối tu thiện dần dần thành Phật.

--- o0o ---

Gặp thuận cảnh công chúa Rong thành Phật

Chính văn

4- **Bấy giờ ở hạ phương có Bồ tát Trí Tích, vị Thị giả của Đức Phật Đa Bửu liền đến trình bạch thỉnh Phật Đa Bửu hỏi về bốn quốc. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy Bồ tát Trí Tích rằng: “Thiện nam tử, chớ giây lát sẽ có Bồ tát Văn Thù Sư Lợi về đây cùng đàm luận pháp mầu rồi sẽ hoàn về bốn độ”.**

Giảng luận

Khách muốn giã từ, chủ mời ở lại. Ở lại để làm gì? Để cùng đàm luận pháp mầu. Ai đàm luận pháp mầu với ai? Bồ tát Trí Tích đàm luận với Bồ tát Văn Thù.

Đoạn này nhắc cho hành giả Pháp Hoa chuẩn bị đón cuộc đàm luận rất thú vị giữa hai vị Bồ tát, hay nói rõ hơn là mỗi hành giả Pháp Hoa hãy chiếu sáng hai đức tánh Bồ tát của chính mình cho người khác học.

Nếu mỗi chúng ta ai muốn sống theo hạnh của Bồ tát Đại Trí Văn Thù thì nên tự soi rõ “**Lý ẩn mà trí hiện**”. Nếu ai muốn sống theo hạnh Bồ tát Trí Tích thì nên tự soi để thấy rõ “**Lý hiện mà trí ẩn**”. Nhưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn hành giả Pháp Hoa phải soi rọi thấy rõ cả hai. Trường hợp phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa đoạn này thì Lý ẩn bên trong là đúng. Trường hợp này chỉ nên dùng trí mới thấy được lý vì lý ẩn tàng quá sâu thẳm. Chúng ta nghe Bồ tát Trí Tích đối thoại với Bồ tát Văn Thù rằng: “Ngài nói vô lý”. Bởi vì lý ẩn khó thấy chỉ có Bồ tát Văn Thù là bậc đại trí nên mới thấy được lý ẩn, còn Bồ tát Trí Tích thì tuy có trí, nhưng trí còn ẩn tàng tích tụ bên trong, cho nên chẳng những Ngài mà nhiều người chỉ nhìn thấy cái lý nổi bên ngoài. Khi nào chúng ta gặp trường hợp lý ẩn chúng ta chớ nên lớn tiếng nói là vô lý. Dòng đời xung đột nhau, có khi đi đến hãm hại nhau, nói rộng lớn hơn là chiến tranh tàn hại, cũng vì cái nhìn khi trí đang tích tụ tàng ẩn bên trong, còn đại trí thì chưa hiện bên ngoài, nên khó nhìn thấy cái lý đang ẩn sâu.

Trí còn đi đôi với thức nên vẫn chưa bừng vỡ sáng chói. Trí đến trình độ “**Tri**” cũng chưa thấy được lý ẩn. Khi nào đạt đến trình độ đại trí, tức là đại trí tuệ mới thấy rõ lý ẩn. Đó là chưa nói lý hợp lý nó thành gì? Lý cộng với sự nó thành gì? Lý cộng với tình nó thành gì? Như trường hợp mười ba chén chè của cô gái Hà Đông (tỉnh phía Bắc Việt Nam). Việc này nếu trí không cộng với tình mà phân xử thì đó ai làm sáng tỏ được vấn đề. Câu chuyện mười hai ông quan huyện đều bị cách chức bởi vì không xử được, hai hàng chè, mỗi hàng bảy chén, tại sao chỉ còn mười ba? Như thế là chồng tôi ăn vụng một chén!

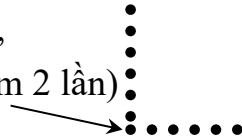
Đến ông huyện thứ mười ba nhờ biết kết hợp với bà huyện nên mới giải tỏa được bài toán khó. Hai hàng chè mỗi hàng bảy chén, đếm tổng cộng cả hai hàng là mười ba chén. Tại sao vậy? Thế mà quan huyện phán: “Vợ chồng anh chị thấy rõ hai hàng bảy là mười ba chưa, vậy có còn kiện nữa không?”. Hai vợ chồng nguyên và bị cáo nở nụ cười ra vẻ. Mấy năm sau, cặp vợ chồng kiện chè này gặp ông quan huyện về làng ăn cỗ, cha chồng cô này là chánh tổng. Chị vợ muốn trả ơn quan huyện đã quá thông minh, tìm ra đáp số cho nên vợ chồng chị ấy khỏi ly dị, ngày nay sanh con hạnh phúc.

Nhưng cô gái Hà Đông này cũng không quên dí dỏm trách yêu ông quan huyện. Cô ta hát ru con để ông quan huyện nghe:

**À ơi! Trách rằng ông huyện Hà Đông
Xử vị lòng chồng hai bảy mươi ba
Hai bảy mươi ba vợ chồng ta mới có
Hai bảy mươi bốn người ta thiếu gì!**

Thử tài thông minh của hành giả chúng tôi không giải rõ, tại sao hai hàng chè mỗi hàng bảy chén, vậy mà hai hàng cộng lại đếm chỉ có mười ba chén, hỏi còn một chén nữa ở đâu? Ai giải được hai bảy mươi ba, mới hiểu được “Luận tương đối”. Dù sờ sờ trước mắt nhưng rất khó nhìn thấy, cho nên mới bảo là lý ẩn.

Hai hàng song song thì mười bốn: $\begin{matrix} 7 & \text{-----} \\ 7 & \text{-----} \end{matrix} \left\{ \begin{matrix} \\ \\ \end{matrix} \right. 14$

còn hai hàng hình chữ L thì đếm mười ba,
vì chén góc chữ L đếm hai lần. (chén đếm 2 lần) 

Trường hợp công chúa Ròng tám tuổi nghe kinh Pháp Hoa thành Phật, dẫn giải nơi phẩm này là lý ẩn.

---o0o---

Chính văn

Đồng lúc đó Ngài Văn Thù Sư Lợi ngồi hoa sen nghìn cánh, lớn như bánh xe chuyển luân vương, các vị Bồ tát cùng đi, đều ngồi hoa sen báu, từ biển lớn nơi cung rồng Ta Kiệt La, thân nhiên vượt mạnh khỏi mặt nước, trụ giữa không gian, rồi về Pháp Hoa hội Linh Sơn. Từ hoa sen bước xuống, đến trước Phật, đầu mặt lạy lên chân hai Đức Phật. Kính lễ xong, đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích và ngồi qua một bên.

Ngài Trí Tích hỏi Bồ tát Văn Thù: Ngài đến cung rồng hóa độ chúng sinh được bao nhiêu?

Bồ tát Văn Thù đáp: Số đông vô lượng, chẳng thể tính hết. Chẳng dùng miệng nói, hoặc tâm suy lường được, chờ giây lát chúng ta sẽ tự chứng biết. Nói chưa dứt lời thì đã có vô số Bồ tát ngồi hoa sen báu từ biển vọt lên trụ giữa khoảng không và đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Các

vị Bồ tát này do Bồ tát Văn Thù hóa độ. Các vị đầy đủ hạnh Bồ tát đều chứng đắc và luận giải sáu pháp tu rất ráo. Riêng phần các vị Thanh Văn từ trước nay trụ giữa khoảng không để thuyết giải hạnh Thanh Văn, nay cũng tu hành “nghĩa không” của Đại thừa. Bồ tát Văn Thù nói tiếp: Ta giáo hóa ở nơi biển là như thế đó.

Liên lúc ấy Bồ tát Trí Tích thuyết kệ ngợi khen rằng:

**Ngài Đại Trí dũng mãnh
Độ vô lượng chúng sanh
Nay cả hội lớn này
Và ta đều chứng thấy
Ngài diễn nghĩa “thực tướng”
Khai mở pháp Nhất thừa
Rộng độ các chúng sanh
Khiến mau đắc trí tuệ.**

Giảng luận

Bồ tát Văn Thù là vị Đại Pháp sư của chư vị Bồ tát đã từ vô lượng xa xưa đến giờ, vậy mà sau khi thuyết kinh Pháp Hoa độ cung rỗng, trở về Pháp Hoa hội Linh Sơn trước nhất là thực hành đúng lễ nghi tôn kính cấp trên mình, chẳng những lễ lạy đúng cách năm vóc sát đất, mà còn phải “Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ”. Nghĩa là đầu và mặt sát đất giáp giữa hai bàn chân của Phật. Ngày nay thời pháp suy nên trong lễ nghi Phật giáo phương tiện biến chế rất nhiều. Chế giảm lạy đầu mặt và hai bàn tay không còn úp lên hai bàn chân của người mình lạy, mà còn rơi vào ngã mạn lạy. Những gì là năm vóc?

- Hai nửa cánh tay phía ngoài từ cùi chỏ đến bàn tay kể cả hai bàn tay lật úp sát đất.

- Hai đầu gối sát đất.

- Và đầu mặt sát đất.

Sự lạy sai cung cách, vị tuyền luật sư không chịu quở trách những hạng người ngã mạn lạy. Thế nào là ngã mạn lạy? Lạy mà năm vóc không sát đất đó là ngã mạn lạy, như việc lạy hai bàn tay để ngửa có thuộc ngã mạn lạy hay không? Lạy như thế chỉ có ba vóc chứ không đủ năm vóc. Ngoài hạng công cao ngã mạn lạy lại còn có một số vị đạo đức chân chánh lại không chịu ngòai nhận sự lễ lạy để đúng giáo pháp như kinh này đã dạy. Việc này có hai. Một những bậc chân đức sợ miệng đời lên án mình còn phong kiến vua

quan, ngồi nhận người khác lễ lạy. Hai có những người nguy đạo đức, giả thầy tu cho nên không dám nhận sự lễ lạy.

Hành giả Pháp Hoa thực hành theo lời dạy lạy đúng pháp của kinh thì nên noi gương Bồ tát Văn Thù mà thành kính lễ lạy những bậc đáng lễ lạy. Lạy người đáng lạy và không lạy những kẻ không đáng lạy. Khi lạy phải lạy đúng cách. Riêng các bậc tôn đức nên vì sự hiển hưng chánh pháp mà chịu thọ nhận sự lễ lạy của những người tâm đạo, họ cần cầu lạy người đức độ để tu cầu phước đức.

Trong văn kinh chúng ta chẳng những chú ý từng câu từng chữ mà cần phải quán suốt từng cử chỉ từng hành động. Bồ tát Văn Thù lễ lạy hai Đức Phật xong mới đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích. Chào hỏi xong bước qua ngồi một bên. Có người nói, việc đơn giản như thế cần gì phải học nơi kinh Pháp Hoa. Chính đơn giản mà giới thức giả thường phạm phải sai khuyết.

Phật là lớn không ngoài mà nhỏ không trong. Hàng đệ tử Đức Phật không phân biệt xuất gia hay tại gia, chớ nghĩ những việc nhỏ nhất là không quan trọng.

Kinh Pháp Hoa là kinh nhập đời, bất cứ việc gì ở đời đều dạy rõ nơi kinh Pháp Hoa. Hành giả Pháp Hoa nên chú ý lưu tâm thực hành theo từng sự việc, nói rộng hơn là từng câu, từng chữ và toàn văn cả bộ kinh.

Ngồi qua một bên: Ăn xem nòi, ngồi xem hướng. Nồi nhỏ người đông, đã vét khô cạn đến cơm cháy, vậy mà còn đưa bát đòi bới thêm cơm.

Bồ tát Văn Thù chào hỏi Bồ tát Trí Tích xong, liền qua ngồi một phía, bởi vì chính giữa đó có hai Đức Phật ngồi nhìn ra, vậy không lẽ Đức Văn Thù ngồi ngay trước mặt thì còn gì là Bồ tát Văn Thù. Vậy mà ở đời cũng lắm kẻ vô ý luôn vi phạm cách ngồi, nên kinh văn mới chép thêm câu này hầu lưu truyền giúp hành giả thực hành đúng oai nghi tế hạnh.

Bồ tát Trí Tích hỏi:

Trí ở sâu (tích lũy) như cầm đèn từ trong nhà rọi ra ngoài sân, nên chỉ lấy lý phơi bày, chớ làm sao thấy được lý ẩn sâu. Muốn thấy rõ lý ẩn sâu phải rọi đèn từ ngoài vào mới thấy rõ.

Đã là Bồ tát, mà là Bồ tát Thị giả một Đức Phật thì làm gì không biết Bồ tát Văn Thù vừa rồi độ cung rông được bao nhiêu, cần gì phải đặt câu hỏi! Không phải là hỏi thừa, không phải Bồ tát hỏi Bồ tát, mà các Ngài nhắc khéo chúng ta, những ai muốn mở đầu câu chuyện. Bồ tát Trí Tích đang ở tại Pháp Hoa hội Linh Sơn, còn Bồ tát Văn Thù thì từ xa mới về. Người ở nhà hỏi trước thì đó cũng là cách mở đầu để khỏi phải rơi vào tình trạng bỡ

ngõ cho cả hai. Tiên chủ hậu khách. Chủ là người ở nhà, khách là người đi xa mới về.

Bồ tát Văn Thù trả lời: Nếu trả lời bằng con số thì nó tầm thường. Trả lời số đông nhiều vô lượng không thể tính đếm hết, không thể dùng miệng, thậm chí không thể dùng tâm suy lường được. Đến đây đủ chưa? Chưa đủ! Mới một vế thứ nhất. Vế thứ hai: Chờ giây lát quý vị sẽ chứng biết. Thật là tuyệt vời! Vừa trọn vẹn ý nghĩa mà cũng vừa chấm dứt câu chuyện vấn đáp. Chờ xem, vì trăm nghe không bằng một thấy.

Tiếp theo: Nói chưa dứt thì vô số vị Bồ tát ngồi hoa sen từ biển vọt lên, bằng thân thông, thẳng đến Pháp hội. Như vậy là vô số rỗng thành vô lượng Bồ tát. Công đức này của ai? Của Bồ tát Văn Thù thuyết kinh Pháp Hoa độ cung rỗng Ta Kiệt La! Không phải chỉ riêng loài người mới đắc quả vị Bồ tát mà rỗng cũng đắc đầy đủ hạnh Bồ tát, chứng đắc và luận giải sáu pháp tu rất ráo (Ba la mật). Chúng đắc thành quả vị Bồ tát của vô lượng vô biên vị rỗng mà hàng Thánh Thanh Văn từ trước đến nay vẫn trụ giữa khoảng không để thuyết pháp Tam thừa, nay cũng tu hành theo nghĩa “Không tướng” thuộc kinh Pháp Hoa của Đại thừa.

Câu tóm của Bồ tát Văn Thù với ý nghĩa sâu mầu:

Ta giáo hóa chúng sanh ở nơi biển là như thế đó! Vừa ngắn gọn, vừa xác quyết, vừa trí mà lại vừa hùng. Cái hay của Bồ tát Trí Tích là dù đã lãnh hội được mọi việc rõ ràng, đứng ra trả lời, nhưng không! Ngài chỉ tuyên xưng thơ kệ để tán thán công đức của Bồ tát Văn Thù.

Trong tám câu thơ kệ này đặc biệt có hai câu:

**Ngài diễn nghĩa “thực tướng”
Khai mở pháp Nhất thừa**

Không tướng tức đồng với thực tướng. Tướng tánh đều không: **Nhất thừa.**

--- o0o ---

Luận đàm giữa hai Ngài Bồ tát

Chính văn

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi nói: “Khi ta ở biển chỉ thường tuyên thuyết Diệu Pháp Liên Hoa”.

Bồ tát Trí Tích hỏi Bồ tát Văn Thù rằng: Kinh Pháp Hoa thâm sâu vi diệu, là pháp quý báu nhất so với các kinh, ở đời rất ít có. Vậy có

chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh này mau đặng thành Phật chăng ?

Giảng luận

Tại sao Bồ tát Văn Thù không thuyết các bộ kinh khác mà chỉ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa?

Vì rỗng nhờ bản chất giữ tịnh được giữa động. **Pháp trụ trên ngôi pháp**. Nói cách khác: Pháp tịnh trụ nơi pháp động. Động tịnh tuy khác nhau, nhưng vốn đồng một pháp. Tối sáng tuy khác nhau, nhưng vốn đồng một pháp. Phương tiện phân hai để giúp người sơ cơ học Phật được dễ hiểu, còn kỳ thực động trong tịnh và tịnh trong động. Động tịnh quyện lẫn nhau nên nói là đồng một pháp. Muốn nghe kinh Pháp Hoa, trước nhất phải liễu ngộ pháp tịnh trụ trên pháp động này, hay nói khác hơn là phải đắc pháp tịnh. Rỗng nhờ đắc tịnh giữa động, nên nơi cung rỗng Bồ tát Văn Thù chỉ tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, mà loài rỗng khỏi phải trải qua pháp Tam thừa vẫn chứng đắc.

* Hãy chứng minh rằng rỗng đắc tịnh giữa động.

- Qua trận bão biển kinh khiếp nhưng rỗng vẫn bình yên.

* Tại sao Bồ tát Trí Tích lại đặt câu hỏi: Nếu chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh Pháp Hoa thì có mau thành Phật không?

- Câu hỏi này mở toang cánh cửa bí mật của kinh Pháp Hoa, bởi vì đa phần hành giả kinh Pháp Hoa bị ám ảnh bởi “Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa”, còn thêm một tên nữa “**Giáo Bồ tát pháp, chư Phật sở hộ niệm**”. Chỉ có Phật với Phật mới hiểu thấu cùng tột, còn Bồ tát thì chưa.

Cuộc đàm luận giữa hai vị Bồ tát còn đang sôi nổi, hành giả Pháp Hoa nếu chú ý lắng tâm từng lời từng chữ nơi cuộc đàm luận này thì nhất định lớp màn nghi ngờ sẽ vệt sáng, cánh cửa bí ẩn của phẩm kinh sẽ được mở rộng.

✽

Chính văn

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi cho biết: Có công chúa cung rỗng Ta Kiệt La, mới tám tuổi mà căn tánh lanh lợi, có trí huệ, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh. Nàng đắc pháp tổng trì và các tạng pháp rất sâu kín do chư Phật tuyên thuyết, đều có thể thọ trì, thâm sâu thiền định, rõ thấu các pháp. Trong giây phút phát tâm Bồ đề, đặng bậc bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương mến chúng sanh như con thơ, công

đức đầy đủ, tâm nghĩ miệng thuyết pháp nhiệm màu rộng lớn, từ bi, nhân đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, nàng ấy có thể đến Bồ đề.

Bồ tát Trí Tích nói rằng: Ta thấy Đức Thích Ca Như Lai đã trải qua vô lượng kiếp thực hành hạnh khổ khó làm, tích tụ vô lượng công đức để cầu Vô thượng Bồ đề, chưa từng ngưng nghỉ. Ta xem trong cõi tam thiên đại thiên thế giới dù chỉ ở nơi nhỏ bằng hạt cải, cũng đều là chỗ Bồ tát bỏ thân mạng, để vì lợi ích chúng sanh, như vậy sau mới đắc thành quả vị Phật. Ta chẳng tin, nàng công chúa rằng chỉ trong giây lát chứng thành bậc chánh giác.

Giảng luận

Vì là Trí còn Tích nên khó tin những gì Bồ tát Văn Thù nói: Tại sao còn dè dặt chưa tin. Khi trí còn ần tích thì phải chờ thấy chứ nghe chưa đủ để tin.

Đoạn kinh này nhắc nhở hành giả Pháp Hoa, cùng bất cứ những ai muốn thành công trước nhất là khi nghe gì phải dè dặt, chớ vội vàng tin khi chưa hội đủ sự quán sát của sáu giác quan, dù lời nói đó bất cứ là của ai, kể cả Bồ tát Văn Thù nói mà Bồ tát Trí Tích vẫn chưa tin. Tại sao nàng công chúa rằng được thành Phật còn chúng ta chưa được? Chúng ta đọc đi đọc lại đoạn kinh này thật nhiều lần. Chẳng những đọc mà cần phải nhấn mạnh nghiền ngẫm, sau đó đối chiếu chính ta được điểm nào như nàng công chúa rằng chưa. Đoạn kinh này quan trọng của người tu cần nhất là căn tánh lạnh lợi, chứ căn tánh ám độn thì khó lãnh hội kinh Pháp Hoa. Người nào ám độn phải luyện tập không tham ăn, không mê ngủ. Muốn thành Phật phải có trí tuệ, phải đắc tổng trì, tức là đắc mật chú Đà ra ni. Muốn thành Phật chẳng phải chỉ biện tài vô ngại mà phải thương mến chúng sanh. Phải từ bi, nhơn đức khiêm nhường, hòa nhã, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh.

Dĩ nhiên ngay từ bây giờ, hoặc từ đời này chúng ta chưa có những đặc điểm siêu việt như thế, nhưng tinh tấn tu luyện, lập công bồi đức nhiều đời nhiều kiếp thì sao ta không đắc như nàng công chúa rằng.

---o0o---

Chính văn

Đang bàn luận, bỗng có công chúa của vua Rồng xuất hiện nơi pháp hội; đầu, mặt lễ Phật rồi đứng về một bên, thuyết kệ tự tán thán rằng:

Ta rõ tướng tội phước
Rộng chiếu khắp mười phương
Pháp thân tịnh vi diệu
Đủ ba hai tướng tốt
Và tám mươi vẻ đẹp
Đề trang nghiêm pháp thân
Trời người đều cung kính
Long thần đều quy ngưỡng
Tất cả hàng chúng sanh
Ai ai cũng tôn phụng
Lại nghe thành Bồ đề
Chỉ Thế Tôn rõ biết
Ta thuyết pháp Đại thừa
Độ vô lượng chúng sanh.

7- Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi: “Nàng nói sắp thành Phật? Việc này thật là khó tin! Vì sao? Vì thân nữ ô uế, chẳng phải thân pháp khí. Vậy làm thế nào có thể thành Phật được? Đạo Phật sâu rộng, phải trải qua vô lượng kiếp tu hành cần mẫn, chứa nhóm công đức, đặc nhiều pháp môn, sau đó mới chứng đắc quả vị Phật. Còn nữ giới thì lại có năm điều chướng ngại: Một chẳng đặng làm Phạm Thiên Vương, hai chẳng đặng làm Đế Thích Thiên Vương, ba chẳng đặng làm Thiên Ma Vương, bốn chẳng đặng làm Chuyển Luân Thánh Vương, năm chẳng đặng làm Phật. Vậy thì thế nào nàng là nữ lại có thể mau chóng thành Phật được?”

Nàng Long nữ có viên ngọc báu, giá trị bằng tài sản của ba ngàn đại thiên thế giới, cúng dường lên Đức Phật. Đức Phật hoan hỷ thọ nhận.

Long nữ nói với Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất: “Ta dâng viên ngọc báu, cúng dường Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã thọ nhận, việc ấy có nhanh chãng?”

Đáp: Rất nhanh.

Nàng Long nữ tiếp: “Dùng sức thần thông của quý Ngài, quan sát việc ta thành Phật, lại còn nhanh hơn thế đó!”

Liên lúc ấy, toàn thể chúng hội, đều nhìn thấy nàng Long nữ, thoát nhiên biến thành nam giới, đầy đủ hạnh Bồ tát và bay thẳng về phương Nam, nơi cõi nước Vô Cấu. An tọa trên tòa sen báu. Chứng đắc quả vị Phật (Chánh đẳng Chánh giác), đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám

mười vẻ đẹp. Vì tất cả chúng sanh. Khắp mười phương mà rộng thuyết pháp màu vi diệu.

Giảng luận

Bồ tát Văn Thù cho đại chúng biết công chúa rồng sắp thành Phật, Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất không tin và nói là vô lý. Đang bàn luận thì nàng công chúa rồng xuất hiện và tuyên xưng một bài kệ xác nhận như lời Bồ tát Văn Thù. Nhìn thấy và được nghe công chúa rồng nói nàng sắp thành Phật nhưng đại chúng cũng chưa tin nên Tôn giả Xá Lợi Phất mới nêu thắc mắc. Nàng công chúa rồng không trả lời trực tiếp mà bằng cách nêu ví dụ việc nàng dâng ngọc cúng dường Đức Phật, Đức Phật nhận, việc này nhanh chẳng? Dĩ nhiên người thắc mắc phải đáp là nhanh. Nàng xác quyết việc nàng thành Phật còn nhanh hơn thế ấy.

Chúng ta vào đời nếu gặp trường hợp tương tự như vậy, nên học theo cách trả lời là nêu ví dụ như nàng rồng, tức là nêu câu hỏi, lần thứ hai mới trả lời.

- Lần thứ nhất nêu một việc gì có liên quan câu hỏi, để rồi hỏi lại người hỏi, người hỏi trả lời.

- Lần thứ hai mới chính thức phơi bày đáp số cho người hỏi. Cách trả lời câu hỏi theo phương pháp lập câu truyền hình.

Nhưng dù có theo phương pháp nào mà khi kết quả không đúng mục tiêu thì hoàn toàn thất bại. Nếu kết cuộc nàng rồng không thành Phật thì còn gì là uy tín, cho nên liệu khả năng kết thúc của mình rồi mới trả lời, không nên theo cảm tính của mình và nhất là đừng tin khả năng trợ lực của người khác. Người đời đa số ngẫu hứng thường phát ngôn theo trường phái không tưởng, cất nhà trên cát, tuy không bảo đảm nhưng còn hơn là hạng người hoang tưởng mơ xây nhà trên mây.

Lưu ý: Nàng công chúa rồng biến thành nam giới, rồi mới thành Phật. Tại sao phải biến thành nam giới? Dành câu giải đáp cho quý vị hành giả kinh Pháp Hoa.

Nàng công chúa rồng sau khi thành nam giới liền bay về phương Nam, đến cõi nước Vô Cấu, ngồi trên tòa sen mới thành Phật, đủ mười tôn hiệu, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thuyết pháp độ chúng sanh khắp mười phương.

Yếu tố nhân sự thành công của Bồ tát Văn Thù, Ngài chỉ độ một công chúa rồng thành Phật và quan dân rồng thành Bồ tát, đã làm cho khắp mười phương chuyển động. Đến đây có người thắc mắc, không biết Bồ tát Văn

Thù thuyết kinh Pháp Hoa, mà nàng công chúa rồng liễu ngộ phẩm nào, hay là câu nào, bí pháp nào khiến nàng mau chứng đắc quả vị Phật như thế? Xin thưa! Thuyết toàn bộ kinh Pháp Hoa và đắc toàn bộ kinh Pháp Hoa.

Thắc mắc: Biết toàn bộ kinh nhưng cốt lõi ở pháp môn nào?

Xin thưa: Cả tám vạn bốn ngàn pháp môn và trọng yếu là chứng đắc **Tướng không của các pháp**.

Lại thắc mắc: Vậy muốn tu đắc **pháp tướng không** thì trước nhất phải tu luyện qua phương pháp nào?

Xin thưa: Trước nhất pháp tịnh trụ nơi pháp động. Tiếp theo là quy vạn pháp về Tam thừa, quy Tam thừa vào Nhất thừa, lúc bấy giờ mới tu luyện để chứng đắc pháp Không tướng.

Câu một cây đón đưa lữ khách Thuyền đáy không chở sạch nợ trần.

(Câu một cây là Pháp Hoa nhất thừa, thuyền đáy không là Bát nhã).

Chẳng riêng công chúa rồng đắc quả vị Phật nhanh như thế, mà vô số vị rồng dân, rồng quan ở cung rồng, đông nhiều như cát trên bờ sông Hằng cũng chứng đắc quả vị Bồ tát.

Rồng tu còn chứng đắc, chúng ta là người há chịu bỏ cuộc hay sao? Chứng đắc hiện đời chứ không hẹn, nếu chưa đắc quả cao thì liễu ngộ và chứng đắc từng phần, từng pháp môn.

---o0o---

Chính văn

Khi đó cõi Ta Bà hàng Bồ tát Thanh Văn, trời, rồng, bát bộ, Nhơn và phi Nhơn đều xa thấy nàng công chúa rồng thành Phật và đã vì khắp trời người trong hội đó thuyết pháp. Tất cả người nghe đều khởi tâm vui mừng, từ xa kính lạy. Vô lượng chúng sanh nhờ nghe pháp, liễu ngộ đắc bực bất thối chuyển. Vô lượng chúng sanh lãnh lời thọ ký thành Phật. Cõi Vô Cấu sáu nhip rung động. Cõi Sa Bà ba nghìn chúng sanh trụ bậc bất thối, ba nghìn chúng sanh khác phát tâm Bồ đề mà được lãnh lời thọ ký.

Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất cùng tất cả trong chúng hội yên lặng, tín nhận.

Giải luận

Chúng ta đọc tụng kinh thường gặp danh từ Nhơn và phi Nhơn, tức là người và chẳng phải người. Vậy người thì dễ hiểu còn phi người thì sao? Phi

người nghĩa là chẳng phải người, mà cũng chẳng phải thần, thoát khỏi kiếp làm người, nhưng chưa đạt đến đẳng cấp thần, đang ở giữa người và giữa thần. Phi nhân lại không có thân tứ đại, nhưng có thân thông quảng đại, dù chưa bằng quý vị thiên thần. Trong các hội thuyết pháp của Đức Phật thì hàng phi nhân về thính pháp rất đông, họ có nhiều tín tâm và hộ trì Phật pháp rất đặc lực, trong tám bộ hộ pháp thì phi nhân thuộc một. Khi ngài công chúa rồng thành Phật thì tất cả từ hàng Bồ tát đến trời người rồng tám bộ, dù là xa vẫn chứng kiến rõ ràng, kể cả đồng đến nghe vị Phật mới thành ở quốc độ Vô Cấu, vọng về thế giới Sa Bà, vì chúng sanh mà thuyết pháp hóa độ.

Đến đây Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất mới không còn cho rằng vô lý nữa, trái lại yên lặng tin nhận.

Dòng đời nhiều đục ít trong, cho nên nếu cứ dùng lời để giải đáp thì đâu có trải qua trọn kiếp cũng không nhiếp phục nhiều người khác.

Muôn thành tựu bất cứ là địa hạt nào cũng phải đầy đủ cả hai, lời nói lẫn sự việc kết quả mới đủ sức thuyết phục nhiều người. Cứu cánh có thành tựu mới đủ yếu tố trả lời phương tiện. Nói đến đâu thực hành kết quả đến đó, sau mới nói tiếp.

--- oOo ---

III - TÓM KẾT

Phương pháp sống theo kinh Pháp Hoa là nhập đời, là vi, là diệu, cho nên chữ nào, câu nào, phẩm nào cũng đều Diệu, mà đã là Diệu thì làm sao nhìn thấy để dễ hiểu, bởi thế cho nên mới nói là bí pháp.

Thông thường bậc hiền thiện tu hành mới chứng đắc quả vị Phật, còn ở phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa vị ấy độc ác, thế mà cũng được thọ ký thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai.

Điều thứ hai: thường nữ giới không được thành năm địa vị, trong đó địa vị Thiên Ma Vương không được làm, vậy mà phẩm kinh này thì công chúa rồng mới tám tuổi đã đắc quả vị Phật, hiện tiền thành Phật trước mặt hai Đức Phật và đại chúng nhanh như chớp mắt.

Như thế nếu không đưa vào bí pháp để chú ý lắng tâm khai mở, cứ lo tụng đọc trôi qua thì biết chừng nào hai quy tắc **thuận nghịch** này thâm nhập vào cuộc sống hàng ngày của chính mỗi chúng ta? Muốn có chìa khóa vàng để mở toang cánh cửa bí mật này thì trước nhất phải chú ý “**mã số**” của nó. Mã số ở nơi lý và trí, thông thường lý lúc nào cũng phơi bày ra trước mắt rất rõ ràng, còn trí thì tiềm ẩn bên trong tàng thức, nhưng phẩm Đề Bà Đạt

Đa thì ngược hẳn sự thông thường, cho nên muốn mở cửa bí mật của công thức nghịch thuận thì phải rõ hiểu điều lý ẩn trí thì hiện. Trí ở ngoài chiếu soi vào trong mới thấy lý. Chứng đắc phần này thực hành nhuần nhuyễn nhập vào cuộc sống hằng ngày sự ẩn hiện thì mới hy vọng mở được cửa bí mật của nghịch thuận. Bài thực tập để chứng đắc phần đầu lý ẩn là khi vừa thấy nghe sờ ngửi nếm và tư duy qua sự việc, dù rõ ràng bao nhiêu cũng không được mở miệng phát ngôn hai chữ **vô lý**. Đã là lý thì không thể dùng ý để nhận thức, nhất là không dùng trí từ bên trong soi ra, mà phải dùng trí ở bên ngoài rọi vào, tức là trí không chủ quan, trái lại phải dùng cái trí đã trải khắp không gian rọi vào một điểm của cái lý. Trường hợp này gọi là trí hiện mà lý ẩn, hay nói cách khác là trí ở ngoài mà lý ở trong, được như vậy mới thấy rõ chơn lý. Chơn lý của Dòng đời là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, hoặc Như Lai là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành. Khác nhau chữ đã và chữ sẽ. Công chúa rồng nhờ tu luyện đắc được pháp tịnh trụ giữa pháp động, nên mới mau thành Phật. Việc này không có gì là vô lý cả. Vậy mà khi mới nghe nàng công chúa rồng sắp thành Phật thì Ngài Xá Lợi Phất đã phát biểu hai tiếng “**vô lý**”.

Chúng ta phàm phu sao hơn bậc đại trí tuệ Xá Lợi Phất, vì vậy nên phải dè dặt tránh không nên phát ngôn hai tiếng vô lý.

Ca dao Việt Nam có những câu:

- ◆ **Nước rặc mới thấy cỏ thối.**
- ◆ **Cháy nhà mới ra mặt chuột.**
- ◆ **Thức lâu mới biết đêm dài**
Chơi lâu mới rõ nghĩa ai thâm trầm.

Còn nhiều câu ca dao tương tự như vậy, ca dao và phẩm kinh Đề Bà Đạt Đa về lý ẩn tuy là việc khác nhau, nhưng đồng một nguyên lý đó là lý ẩn khó thấy, phải chờ xem. Dè dặt khi vừa thấy, vừa nghe chớ nên vội vàng qua quyết là vô lý, nhất là tuyệt đối tránh sự tranh cãi rằng bạn nói vô lý. Xin kể trường hợp Vương An Thạch: “**Minh nguyệt sơn đầu kiêu**”, tức là Minh nguyệt hót trên đầu núi. Còn Tô Đông Pha khi vừa nhìn thấy thì cậu sinh viên này liền bảo là vô lý, vội đi lấy bút mực sửa một chữ, chữ kiêu thành chữ chiếu. Trăng chiếu sáng trên đồi núi, chứ sao trăng sáng kêu trên đỉnh núi. Sau đó Tô Đông Pha được bổ nhiệm về vùng sơn cước, được tiếp cận thực tế nên đã ân hận sự sai trái của mình, đó là: Minh Nguyệt không phải chỉ riêng mặt trăng, mà còn dùng để chỉ tên một loài chim. Con chim “**Minh Nguyệt**” nó hót trên đỉnh núi. Ở đời mình tài giỏi, có người tài giỏi hơn mình, cho nên chớ lấy ý mình để tranh luận với người, đừng bao giờ phát

ngôn hai chữ vô lý, bởi vì lý ẩn khó thấy, chỉ có bậc trí hiện mới thấy rõ vấn đề.

Khi đạt phần đầu này mới cầm chìa khóa vàng mở cửa thuận nghịch nơi tòa lâu đài Pháp Hoa (phẩm Đề Bà Đạt Đa).

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện vào đời trên vùng đất phương Đông, nhất là xứ Ấn Độ là nơi sống theo tập tục trọng nam khinh nữ. Trong tất cả việc làm của Đức Phật thì việc truyền bá vào đời học thuyết bình đẳng giữa nam nữ là khó nhất. Ấy vậy mà Đức Phật đã thành công cuộc cách mạng trọng đại này, qua sự thành Phật của công chúa rồng tám tuổi.

Sơ lược một vài bí pháp “**thuận**”, còn bí pháp “**ngịch**” là Đề Bà Đạt Đa ám hại Phật, thế mà Đức Phật lại tuyên bố rằng Đề Bà Đạt Đa là “**ân nhân**”. Nét này mới thật là thâm sâu, mới thật là huyền bí. Đời sống của mỗi chúng ta, ai ai cũng gặp cái nghịch oái oăm này. Cái cảnh trò lừa thầy dù có vượt thì cũng gặp cái điệp khúc bạn bè phản. Người thân hôm qua, nay bỗng thành kẻ thù. Đời ai không gặp một lần như thế!

Ta tu luyện theo Đề Bà Đạt Đa phải rõ thông và chấp nhận rằng đây là những vị “**ân nhân**” của mình. Nhờ cái dở của nó mới mở cái hay. Ca dao Việt Nam có những câu: **Ơn kẻ dữ chứ không ơn người lành**, hoặc **Thất bại là mẹ thành công**.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa còn nhiều bí pháp ẩn mật, rất mong giới “**học giả**” kinh Pháp Hoa liễu tri, riêng các “**hành giả**” kinh Pháp Hoa thì chứng đắc và các bậc “**trí giả**” kinh Pháp Hoa lại triển khai, tức là pháp luân thường chuyển huệ tâm khai.

Nếu nhân loại đều chứng đắc phẩm Đề Bà Đạt Đa thì thế giới không còn chiến tranh, nước nước yên hưởng hòa bình, nhà nhà ngập tràn an vui và hạnh phúc.

Kính lạy Đức Phật Đa Bửu Như Lai, kính lạy Đức Phật Thích Ca Như Lai, dùng thân thông nâng chúng con, cả giới khoa học lẫn đạo học lên ngang tầm bửu tháp để nhìn rõ pháp Diệu.

Kính lạy chư Phật phân thân, chư vị Bồ tát, chư hiền Thánh Tăng, chư Thiên Long Bát Bộ, hộ pháp, chư Thiên, chư Tiên, hộ thế Tứ Thiên Vương cùng chư Thần, chư Thánh hộ trì cho hai giới đạo học lẫn khoa học sớm liễu thông và chứng đắc pháp Diệu, hòa nhập vào dòng đời, khiến muôn nơi đều tỏa ngát tuệ hương.

Hồi hướng công đức tu luyện, đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết phẩm Đề Bà Đạt Đa này đến hai giới khoa học sớm đạt lý sự viên

dung. Hai giới nam nữ bình đẳng tánh trí. Hai trường hợp thuận nghịch không còn làm ray rứt lòng người. Trời thần người quý rỗng, chúng sanh khắp pháp giới mệnh mông đều liễu ngộ Pháp Hoa, đều chứng đắc thành quả vị Phật.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

--- o0o ---

Bài 21 - Phẩm Trì - Thứ Mười Ba

Hai Ngài Đại Bồ tát Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết cùng với hai vạn vị Bồ tát phát thệ nguyện.

Năm trăm vị Thánh Tăng và tám ngàn vị học và không còn phải học phát thệ nguyện.

Đức Phật thọ ký cho nữ giới.

Tám vạn ức triệu tỷ vị Bồ tát phát thệ nguyện.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Ngàn xưa dẫn đến ngàn sau, các bậc Thầy Tổ lẫn mẹ cha ai cũng âu lo việc duy trì hơn là tạo dựng. Vì tạo lập nan thủ thành bất dị. Dựng nước khó nhưng giữ nước khó hơn. Xây nhà khó nhưng giữ nhà khó hơn. Mở đạo khó nhưng giữ đạo lại càng khó hơn.

Vì ý nghĩa ấy nên vào hội thượng Pháp Hoa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết phẩm Trì. Lẽ sống của dòng đời là thế, muốn chuyển pháp thì phải áp dụng pháp Diệu, nhưng muốn đạt pháp Diệu thì phải trải qua và thành tựu hai giai đoạn “**vi và tế**”. Pháp Phật lưu truyền chia thành nhiều bộ kinh thì bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa là cao siêu hơn hết, là mẹ đẻ các kinh, là biển cả còn các kinh khác chỉ là sông suối hồ ao. Đặc biệt nhất của kinh Pháp Hoa là pháp Diệu, cho nên mới có tên là Diệu Pháp. Tánh chất thứ hai của kinh Pháp Hoa là nhập đời, nên bổ túc tên kinh là Liên Hoa. Diệu Pháp Liên Hoa là pháp Diệu bông sen nhập đời.

Trong hai mươi tám phẩm của bộ kinh Pháp Diệu nhập đời thì phẩm “Trì” đứng vào hàng thứ mười ba, nằm giữa bộ kinh cho nên sứ mệnh quan trọng của phẩm kinh là cây cầu nối liền các phẩm đầu với các phẩm sau. Hành giả tu luyện Pháp Hoa mà không nối liền được các phẩm thì chưa nếm được mùi vị tuyệt vời của mật nghĩa kinh. Muốn có cây cầu nối liền các

phẩm kinh thì phải liễu ngộ phẩm Trì. Nhiều vị hành giả đọc tụng đến phẩm Trì thường lướt qua, vì nghĩ rằng phẩm kinh này không quan trọng, bởi chưa phân tích nghiên ngẫm để thấy những nhân vật quan trọng nơi phẩm kinh này.

- + Ngài Đại Bồ tát Dược Vương.
- + Ngài Đại Bồ tát Đại Nhạo Thuyết.
- + Cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc.

Tất cả chư Đại Bồ tát này đều phát đại thệ nguyện giữ gìn, phổ truyền và cúng dường kinh Pháp Hoa. Lại còn:

- + Năm trăm vị Thánh Tăng.
- + Tám ngàn vị học và không còn phải học.

Cũng đều phát đại thệ nguyện trước mặt hai Đức Phật nhận việc thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa.

Khi tụng đọc đến đây vẫn chưa thấy tầm mức quan trọng của phẩm Trì, muốn để liễu ngộ phải ôn trở lại phẩm Đề Bà Đạt Đa. Khi công chúa rồng chứng đắc quả vị Phật và vô lượng vị rồng được đắc quả vị Bồ tát, nhất của phẩm này là việc Đức Phật thọ ký cho hàng nữ giới thành Phật.

- Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di Ma Ha Ba Xà Ba Đề.
- Ni trưởng Tỷ kheo Ni Da Thân Đà La.

- Cùng với sáu ngàn vị nữ giới đều được thọ ký cho sau này thành Phật và tất cả hàng nữ giới này đều phát lời thệ nguyện thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa, nhất là ở khắp các cõi quốc độ khác.

Còn kể về số đông của phẩm Trì thì tám mươi ngàn vạn ức triệu tỷ vị Đại Bồ tát tự động đến trước Đức Phật phát nguyện thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa ở khắp bảy mươi phương thế giới.

Như vậy số lượng thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa đông nhiều không thể tính đếm và không những chỉ riêng thọ trì, phổ truyền, cúng dường ở cõi này mà là tất cả các cõi khắp mười phương thế giới.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa mới mở màn đề cập về giới nữ, phẩm Trì mới thâm sâu về nữ giới, chẳng những hai vị Tỷ kheo Ni mà có hơn sáu ngàn vị nữ giới nối tiếp nhau thọ ký và đồng phát đại thệ nguyện thọ trì, phổ truyền, cúng dường kinh Pháp Hoa khắp các cõi mười phương thế giới.

Từ xa xưa mãi đến mai sau, bất cứ tổ chức nào, công việc nào mà nữ giới thành tín tham gia đông đảo thì sự việc đó, tổ chức đó sẽ thành công viên mãn.

Sáu ngàn vị nữ giới phát thệ nguyện duy trì, hiển hưng kinh Pháp Hoa là bí pháp hướng dẫn cho bất cứ ai muốn thành công trên mọi địa hạt. Đây là chìa khóa mở cửa lâu đài vinh quang của các bậc yếu nhân, danh nhân, những nhà chỉ đạo, lãnh đạo. Ai xem thường nữ giới thì không nên tụng phẩm kinh này. Ai thọ trì và muốn thành tựu phẩm kinh này thì cần nên lưu ý điểm phải có số nữ giới làm quyến thuộc. Trong số sáu ngàn này phải có hai vị đứng đầu đầy đủ tư cách tác phong lãnh đạo. Trong tất cả các bí pháp dẫn đến thành công thì sáu ngàn vị nữ giới là bí pháp tối ưu quan trọng.

Năm bí pháp thành tựu của phần duy trì:

- ① Đại Dược vương.
- ② Đại Nhạo Thuyết.
- ③ Năm trăm vị Thánh đồng một lý tưởng và tám ngàn vị quyến thuộc.
- ④ Sáu ngàn vị nữ giới.
- ⑤ Tám mươi vạn ức triệu tỷ vị cùng chung một lý tưởng, một hạnh nguyện phục vụ (Bồ tát hạnh).

Nếu chưa đủ năm yếu tố nêu trên thì chưa thành tựu mặt duy trì.

Pháp nào, việc nào có nhiều thành phần hộ trì thì cũng có một số ít chống báng. Trong số chống báng kinh Pháp Hoa, nhất là không thích phẩm Trì Dược chia có ba hạng:

- ① Hạng người vị kỷ, tiêu cực, sống theo chủ nghĩa cá nhân.
- ② Hạng người ngã mạn kiêu căng hoặc quá khích.
- ③ Hạng người dựa thân ý thế, hoặc mượn đạo tạo đời, hoặc đắm tham danh lợi.

Những hạng người này không tin nhân quả, chấp đoạn, chấp thường, không trồng căn lành. Chẳng những họ chống báng kinh Pháp Hoa, mà còn oán ghét những ai đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nhưng không vì những hạng người chống báng, hoặc oán ghét mà kinh Pháp Hoa không được phổ biến sâu rộng, trái lại càng ngày pháp Diệu càng hòa nhập vào lẽ sống của nhân loại và muôn loài.

Mong mọi người thâm sâu phân chính văn và giảng luận để rút tía khai mở chi tiết các bí pháp của phẩm kinh.

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

Hai Ngài Đại Bồ tát cùng với hai vạn vị Bồ tát phát thệ nguyện

Chính văn

1. Lúc bấy giờ Ngài Dược Vương Đại Bồ tát và Ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ tát Ma Ha Tát cùng với hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc đều ở trước Đức Phật phát lời thệ rằng: “Cúi mong Đức Thế Tôn đừng lo về sau này dù Phật đã nhập Niết bàn, chúng con vẫn thọ trì đọc tụng thuyết giảng kinh này, về các đời ác sau, chúng sanh lắm kẻ tăng thượng mạn, ham lợi dưỡng cúng dường, càng ngày càng chẳng lành càng thêm lớn nên xa lìa đạo giải thoát. Tuy khó giáo hóa nhưng chúng con sẽ khởi sức nhẫn lớn, đọc tụng kinh này, thọ trì, thuyết giải, in chép, cúng dường, kể cả chẳng tiếc thân mạng.

Giải luận

Muốn nói truyền Đức Phật để trì giữ kinh Pháp Hoa thì việc trước nhất, người thọ trì phải có đầy đủ Đại Dược vương và Đại Nhạo Thuyết.

Đọc tụng phẩm Trì, trước nhất chúng ta gặp hai Ngài Đại Bồ tát Dược Vương và Đại Bồ tát Đại Nhạo Thuyết cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc, phát nguyện duy trì và phát huy kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Vậy việc muốn giữ gìn phát triển kinh Pháp Hoa, hành giả kinh này phải cần yếu tố gì đầu tiên. Có ba yếu tố:

❶ **Thuốc vua:** Dược Vương Đại Bồ tát tức là thánh dược thân khẩu ý lần tâm.

❷ **Phổ truyền điều vui lớn:** Đại Nhạo là niềm vui lớn, còn Thuyết tức là diễn thuyết, là du thuyết, là thuyết trình, là thuyết pháp.

❸ **Phải có hai mươi ngàn vị quyền thuộc đồng hạnh nguyện như mình.**

Thời hưng pháp tại Trung Hoa, Tổ Trí Giả Đại sư thành lập “**Tông Thiên Thai**” tại núi Thiên Thai để duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa; còn gọi tông này là Pháp Hoa tông. Ảnh hưởng phát huy kinh Pháp Hoa của Ngài Trí Giả Đại sư không chỉ tại Trung Hoa mà còn lưu truyền sâu rộng đến nhiều quốc gia thời đó và nhiều đời sau, phần lớn là nhờ Ngài có rất đông quyền thuộc. Biên sử truyền rằng sau lệnh kiêng chùy niệm Phật thì tiếng niệm Phật vang xa mấy dặm.

---o0o---

Chính văn

2. Lúc đó nơi đại chúng có năm trăm vị Thánh Tăng thuộc thành phần đã được thọ ký, các Ngài đồng bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện ở nơi cõi khác, rộng thuyết kinh này”.

Lại có tám ngàn vị đều là bậc học và không còn phải học, họ trước đây đã được Đức Phật thọ ký, nay từ chỗ ngồi đồng đứng lên, chấp tay hướng về Đức Phật phát lời thệ nguyện rằng: “Thế Tôn! Chúng con ở cõi khác sẽ rộng giải thuyết kinh này. Vì sao? Vì người nơi cõi Sa Bà có nhiều điều tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, giận hờn, dua vạ, tâm không chơn thật.

Giải luận

Muốn duy trì phải có nhân sự, mà nhân sự thì phải đủ tiêu chuẩn, phải đúng bí pháp và có nhiều thành phần. Đoạn này của phẩm kinh là trình bày hai thành phần:

- Thứ nhất thuộc thành phần đa hệ, nên đã có Đại Dục vương, lại còn có Đại Nhạo Thuyết, cùng quyến thuộc, số đông nhiều đến hai mươi ngàn vị, đầy đủ việc làm Bồ tát đạo. Thành phần đa hệ này thay mặt Đức Phật duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa tại cõi Sa Bà này.

- Thứ nhì thuộc thành phần đơn hệ, gồm có năm trăm vị Thánh Tăng (A La Hán) và tám ngàn vị học và không còn phải học. Cả tám ngàn năm trăm vị đều là đơn hệ (chú ý đa khác với đơn). Nếu đơn hệ thì duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa ở các cõi khác.

Hành giả Pháp Hoa thâm sâu đoạn kinh này và rọi chiếu lại mình thuộc dạng đơn hệ, hay là đa hệ, sau đó mới phát lời thệ nguyện duy trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa ở quốc độ nào, nhưng lưu ý số lượng hai mươi ngàn và số lượng tám ngàn năm trăm rất là quan trọng, nếu chưa có con số này thì chưa có thể duy trì và hưng hiển kinh Pháp Hoa. Nếu đủ số nhưng thuộc thành phần đơn hệ thì duy trì và phổ truyền cõi khác. Nếu đủ số và thuộc thành phần đa hệ thì duy trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa tại cõi Sa Bà.

Một điều tối ưu quan trọng của kinh điển Phật giáo là con số năm trăm. Bắc tông Phật giáo thường đọc chú Đại bi, nhưng không hành theo chú Đại bi, bởi vì chưa hiểu câu đầu: **Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm Đà Ra Ni**.

Phải đủ ngàn tay ngàn mắt bởi một cái đầu thì chỉ đạo mới thực hành pháp Đại từ bi rộng lớn không hề bị chướng ngại. Đà ra ni có nghĩa là tổng trì là bao quát cùng khắp. Một ngàn tay và một ngàn mắt mà đến năm trăm cái đầu chỉ đạo thì đây chỉ là một nhóm người hỗn tạp, như một đội quân ô

hợp, như đàn bò không có con bò đầu đàn. Loài trâu và bò giống nhau về tướng dụng, nhưng khác nhau về khôn dại. Người đời ca ngợi trâu bao nhiêu thì mắng chê loài bò bấy nhiêu.

Lạc đường nắm đuôi chó.

Lạc ngõ nắm đuôi trâu.

Hoặc:

Ham ăn như chó mới có mà ăn.

Thảo ăn như trâu của đầu mà chịu.

Còn bò thì:

Mày ngu như bò.

Tại sao vậy? Tại vì bò không có con bò đầu đàn, còn trâu hễ một đàn trâu đông thì chúng tự tôn lên một con làm đầu đàn để chống với thú dữ bảo vệ bầy đàn, nếu rừi đầu đàn chết thì cả đàn cũng tan rã. Mất trâu đầu đàn là rã tan bầy nghé (trâu nhỏ).

Thiên thủ thiên nhãn tức là ngàn tay ngàn mắt đều hành động dưới sự chỉ đạo của một cái đầu, nếu mạnh ai nấy hành động thì có khác gì đàn bò vô tổ chức. Ngày nay đa số học đòi bình quyền và dân chủ. Đồng ý là bình quyền ở phần lý tánh chứ không thể bình quyền sự tướng. Đồng ý là dân chủ nhưng dân chủ tự giác chứ không thể nào dân chủ tự do. Dân chủ đặt quyền lợi công cộng lên trên, chứ không phải dân chủ theo cá nhân chủ nghĩa. Con trâu đầu đàn suốt đời nó lo bảo vệ sự an vui cho cả đàn, chứ không phải cho riêng nó, lúc nào nó cũng chịu hy sinh thua thiệt sống phục vụ chứ không sống để thụ hưởng. Một cái đầu chỉ đạo ngàn tay ngàn mắt há thua con trâu đầu đàn ư! Thiếu cái đầu chỉ đạo ngàn tay ngàn mắt chung theo một đầu chỉ đạo thì không bao giờ trải rộng được tâm đại từ bi cho khắp muôn loài, không bao giờ đạt được đại bi vô ngại. Thế gian nếu nhà lãnh đạo thực hành đúng ngàn tay ngàn mắt cùng chung lo việc nước thì dân nước đó tôn gọi là chính quyền, do dân và vì dân. Nếu trái lại, dùng vũ lực để cai trị nước, sống vị kỷ xa hoa, không cần kiệm liêm chính, không chí công vô tư mà ngồi ở địa vị cai trị nước thì gọi đây là bạo quyền.

Trong đạo là nơi linh thiêng mầu nhiệm lại càng cao thượng hơn và càng dân chủ tự giác hơn. Bậc lãnh đạo phải hội đủ tài đức, phải là cái đầu có sự cộng tác của ngàn tay ngàn mắt. Luôn áp dụng “**Chính kỳ tâm để trị kỳ an**” trong đạo giáo, chứ không dùng quyền lực, danh vọng bán chức mua danh hoặc chèn ép người không đồng quan điểm với mình. Tóm lại trong đạo nếu gặp bậc chỉ đạo chơn tu đức hạnh hướng dẫn giới xuất gia đúng nguyên tắc ngàn tay ngàn mắt thì đây là ngôi Tăng bảo, đây là thời kỳ giáo

pháp hiển hưng. Bằng ngược lại chia rẽ, địa phương, phe phái để lãnh đạo bốn chúng, cả vú lấp miệng em, dùng đông người cùng phe bè nhóm phủ quyết mọi nguyện vọng chính đáng thì dù có ngôi trên cái ghế bằng trầm hương được nhà vua ban bổng lộc như Ngô Đạt Thiên sư thì đó chỉ là hình tướng dối gạt thế gian chứ không phải là ngôi Tăng bảo, mà phải gọi cho đúng là nhóm người cậy dựa quyền uy làm “**Tang bảo**”, tức là làm tan rã ngôi Tam bảo, nó phủ trùm lên ba ngôi báu một màu tang thương!

Nơi nào gặp hoàn cảnh như thế là mặt pháp. Việt Nam hiện đại đầu kỷ nguyên hai mươi mốt đang chập chững bước vào thời kỳ hưng pháp, rất mong đạo Phật Việt Nam được áp dụng câu thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà ra ni. Nhất là được thực hành đúng đoạn kinh nơi phẩm Trì, tức là năm trăm vị A La Hán và tám ngàn vị học và không còn phải học lãnh sứ mạng duy trì phổ truyền kinh Pháp Hoa.

---o0o---

Chính văn

3. Khi đó di mẫu của Phật là Ni trưởng Ma Ha Ba Xà Ba Đề, cùng với sáu ngàn vị học và không còn phải học, quyền thuộc của Ni trưởng từ chỗ ngôi đứng lên chiêm ngưỡng dung nhan Đức Phật, mắt chẳng nháy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Ni trưởng Kiều Đàm Di, có chi Ni trưởng nhìn Như Lai sắc mặt hơi buồn, hay Ni trưởng đang nghĩ rằng Như Lai chẳng đề cập đến Ni trưởng, để thọ ký cho quả vị Chánh đẳng Chánh giác?

Này Ni trưởng Kiều Đàm Di! Như Lai trước đã tổng thọ ký cho hàng Thanh Văn, trong đó có Ni trưởng, nay Ni trưởng muốn hiểu rõ thêm về tương lai, bà ở nơi pháp hội của sáu mươi tám ngàn ức Đức Phật, làm vị Đại Pháp sư, còn sáu ngàn quyền thuộc Tỷ kheo Ni học và không còn phải học, cũng làm vị Pháp sư và dần dần đủ đạo hạnh Bồ tát, như thế sẽ thành Phật hiệu là Nhứt Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Này Kiều Đàm Di! Đức Nhứt Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai đó và sáu nghìn Bồ tát tuần tự thọ ký đặng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ mẹ của La Hầu La là Ni trưởng Da Thâu Đà La Tỷ kheo Ni nghĩ rằng: “Thế Tôn ở nơi trong hội thọ ký, riêng chẳng nói đến tên mình”.

Phật bảo Ni trưởng Da Thâu Đà La: “Người ở đời sau trong pháp hội của trăm ngàn vạn ức Đức Phật, tu hạnh Bồ tát, làm vị Đại Pháp sư, dần dần đầy đủ Phật đạo, ở trong cõi Thiên quốc sẽ đặng thành Phật hiệu là Cự Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Thọ mạng Đức Phật ấy lâu vô lượng kiếp”.

Lúc đó Ni trưởng Đại Ái Đạo Tỷ kheo Ni và Ni trưởng Da Thâu Đà La Tỷ kheo Ni cùng tất cả quyền thuộc đều rất vui mừng, đặng việc chưa từng có. Liền ở trước Phật tuyên thuyết thơ kệ rằng:

**Đấng Thế Tôn Đạo sư
Làm an ổn trời người
Chúng con nghe thọ ký
Lòng an vui tràn đầy.**

Các Tỷ kheo Ni thuyết kệ xong lại bạch Phật rằng: “Chúng con cũng có thể ở các cõi nước phương khác rộng tuyên thuyết kinh này”.

Giảng luận

Tụng đọc phẩm Trì đến đoạn Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di và Ni trưởng Tỷ kheo Ni Da Thâu Đà La cùng sáu ngàn vị nữ giới học và không còn phải học được thọ ký thành Phật, có nhiều người thắc mắc, tại sao nữ giới có năm chướng ngại, Thiên Ma Vương còn không được làm, vậy mà phẩm kinh này nữ giới được thọ ký thành Phật như vậy có mâu thuẫn chăng?

Tự chúng ta mâu thuẫn chứ không phải kinh điển mâu thuẫn. Nữ giới có năm chướng ngại, trong đó chướng ngại thứ năm là không được làm Phật, đó là nữ giới, còn đoạn kinh của phẩm này có chỗ nào nữ giới thành Phật đâu? Chẳng những là người nữ giới, mà muôn loài đều có Phật tánh như nhau, mà có Phật tánh thì có quyền thành Phật. Nhưng lưu ý tánh thì bình đẳng, còn tướng nữ vì nặng nghiệp, dơ uế, nếu ai cứ cố chấp thân tướng nữ thì không thể thành Phật được.

Nàng công chúa rộng biến thành nam giới, sau đó mới thành Phật kia mà! Chúng ta đọc lại đoạn kinh thọ ký này, thành vị Đại Pháp sư hộ trì nhiều ngàn ức Đức Phật rồi mới thành Phật:

“Như Lai nói rõ ràng về các đời vị lai, nơi pháp hội của sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật, Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di sẽ làm vị Đại Pháp sư, sáu ngàn vị nữ giới học và siêu học cũng làm Pháp sư. Riêng Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di thực hành đầy đủ đạo hạnh Bồ tát sẽ chứng đắc quả vị thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai, đầy đủ mười tôn hiệu: Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Còn sáu ngàn vị nữ giới thành Pháp sư Bồ tát và sẽ tuân tự thứ lớp thọ ký cho nhau thành Phật”.

Các đời sau này làm vị Bồ tát Đại Pháp sư, nơi các pháp hội của sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật, sau đó sẽ thành Phật. Làm Bồ tát Đại Pháp sư trải qua suốt sáu vạn tám ngàn ức Đức Phật thì còn đâu tìm ra nữ giới?

Giải đáp thắc mắc thứ hai: Tại sao Đức Phật nêu nhiều quy tắc, để cho nữ giới xuất gia phải trải qua nhiều khó khăn thử thách như vậy?

* **Trước nhất:** là áp dụng vào thời đó. Ni trưởng Ái đạo Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di là mẹ nuôi Đức Phật, khi Đức Phật còn Thái tử. Vì thâm tình đó nên khó tránh khỏi sự ỷ lại của bà mẹ nuôi. Nhận bà vào hàng ngũ xuất gia thuộc dòng Thích tử nếu không có nguyên tắc, nhất là không có những quy điều, những khó khăn ban đầu, không có tám pháp cung kính dành cho vị Ni giới thì ngôi Tăng bảo về các đời sau ấy quy củ đâu để mà ổn định tổ chức.

Nếu người thân tộc mà không giữ mình trong khuôn khổ giới luật, trái lại tự cho mình là một bà mẹ có quyền uy theo nếp sống phàm trần thì đạo sẽ mau đi vào giai đoạn mạt pháp.

* **Khó thứ hai:** Khi bà Di mẫu của Phật xin xuất gia, Đức Phật từ chối. Tôn giả A Nan phải nhiều lần ân cần cầu xin Đức Phật để bà mẹ nuôi của Ngài được nhập vào hàng ngũ xuất gia, dĩ nhiên Đức Phật bắt buộc giới nữ phải tuân thủ tám pháp cung kính, tại sao phải như vậy?

Sở dĩ có sự ràng buộc như thế, không phải Đức Phật đề phòng bà Di mẫu, hay lo ngại cho uy tín của Tăng đoàn vào thời đó, mà là Ngài đã tiên liệu những tệ nạn xảy ra về các đời sau này, nhất là sau Đức Phật nhập diệt năm trăm năm. Những tệ nạn này, hiện nay đang xảy ra ở một số chùa, có trường hợp con trai làm Trụ trì, bà mẹ cũng cạo tóc, mặc ca sa làm bà vải nắm quyền nhà bếp, tay hòm chìa khóa, quản lý toàn chùa, có nơi còn biến điệu chúng thành tôi tớ. Bỏ đạo người nào giàu có hoặc khéo nịnh theo với bà, hoặc đồng phe phái thì được thầy Trụ trì và bà vải (mẹ thầy Trụ trì) trọng

vọng. Ngoài số ưu tiên này thì tất cả các thành phần khác, kể cả điều chúng không thuộc phe nhóm đều bị xem như kẻ xa lạ. Mặc dù Đức Phật đã đề phòng và đã chế ra bát kính pháp, đã chế giới luật, đã dạy Tăng Ni không được ở cùng chùa, nhưng mà đời mạt pháp nên cũng có một số người không chịu tuân nghe, trái lại còn xem thường giới luật, phớt lờ bát kính pháp. Hơn nữa mẹ thầy Trụ trì xuất gia làm bà vải thì có ai mà dám nói, đằng này có ai nhắc đến bát kính pháp thì bà bảo tôi đâu có thọ Cụ túc giới nên tôi chẳng theo bát với kính, ông con trai tôi là Trụ trì thì còn ai lớn hơn và dĩ nhiên tôi là mẹ của thầy Trụ trì cho nên vị Trụ trì phải kính tôi, chứ không lẽ tôi kính ông thầy con của mình ư! Ngoài đời dù Hoàng đế là người đứng đầu thiên hạ cả nước, nhưng Hoàng thái hậu có quyền quở phạt đánh rầy vị Hoàng đế kia mà! Trong đạo không lẽ không bằng lễ nghi như ngoài đời hay sao! Thế là cả mẹ lẫn con của họ đang dọn đường đi vào địa ngục. Có người hỏi thêm mẹ thầy Trụ trì không xuất gia chỉ làm cư sĩ thì sao? Quá tốt, nhưng cũng phải giữ sự lịch duyệt với mọi người đừng nên ỷ lại.

Hành giả Pháp Hoa kinh, ai tu phẩm Trì thực hành theo đoạn kinh này, khi bước chân vào bất cứ chùa nào, nên quán trước xem sau, coi ngôi chùa đó có giữ giới hay không? Chớ nên quơ đũa cả nắm, lại cũng chớ nên áp dụng câu **“Quy nhất tự lễ bách Tăng”**. Kính trọng chùa mình đang quy y thì phải kính trọng hàng trăm, hàng ngàn chùa khác! Nhưng phải tránh những ngôi chùa không tuân theo giới luật mà Đức Phật đã dạy, không giữ đúng giới luật, nếu như chùa Ni mà thiếu bát kính pháp, hoặc nơi nào biến chùa làm nơi sinh sống cho cả gia đình tộc họ, hoặc phe phái địa phương, mượn đạo tạo đời thì không nên kính trọng.

Ngoài ra còn có một số chùa lười nhác chẳng công phu bái sám, chẳng tu tập nên Long thần Hộ pháp không ủng hộ thiếu gạo ăn, vì họ không giữ giới thì phước đức đâu mà kính trọng.

Ý nghĩa phẩm kinh, đoạn này là đề phòng các đời sau có nơi lợi dụng đạo mâu để làm những điều tội tệ, biến cửa chùa thành nơi sinh sống, chẳng chịu phục vụ chúng sinh, khiến Phật pháp suy tàn, khiến lòng người chán nản, mất niềm tin nơi ngôi Tăng bảo.

Tác phẩm sãi vải của Nguyễn Cư Trinh nhạo báng đạo Phật dưới thời nhà Nguyễn, có lẽ nhà văn này đã gặp phải trường hợp đáng buồn như vừa nêu chẳng!

Ngày nay nhân loại đang sống theo nếp văn minh, dân trí mỗi quốc gia, nhất là Việt Nam đang hòa nhập vào trào lưu tiến hóa, khoa học đang phát minh vậy không lẽ đạo học lại đậm chân tại chỗ, hoặc phản tiến hóa. Chúng ta phải mạnh dạn nhìn thẳng vào từng nếp sống của từng vị Tăng Ni, có sống

đúng giới luật, có sống đúng quy pháp, Tăng Ni có ở riêng biệt hay không? Nếu nơi nào, hoặc vị nào chưa được hoàn chỉnh, xin nhẹ nhàng tự sửa đổi cho hợp giới luật. Nơi nào sống chưa đúng giới luật cũng nên cùng nhắc nhở sửa đổi cho đúng, để cho toàn đại gia đình đạo Phật sớm hành đúng kinh điển, nhất là giới Phật tử chớ nên bịt đầu tin đó!

Bàn giải về Ni trưởng Tỷ kheo Ni Kiều Đàm Di mà không đề cập đến Ni trưởng Da Thủ Đà La, mẹ của La Hầu La thì chưa tròn phần giảng luận của phẩm Trì.

Theo một số kinh ghi rằng, nhiều kiếp trước lúc nào tiền thân của Da Thủ Đà La cũng có nhân duyên làm vợ của tiền thân Thái tử Tất Đạt Đa, nên kiếp này cũng trở lại làm vợ như thế. Lối lập luận như vậy chỉ đứng vững ở một khía cạnh. Vậy đặt thêm câu hỏi rằng: Đã biết tiền kiếp như thế thì kiếp này chuyển cái nhân đã có từ tiền kiếp đó đi có được không? Tại sao phải tái thêm một lần cuối nữa mới dứt? Một vị Bồ tát lâm phạm như Ngài Hộ Minh thì có gì không chuyển được? Bởi vì đây không phải là nghiệp chướng mà chẳng chuyển được. Ở trường hợp này là phương tiện đóng kịch mà thôi! Tại sao phải đóng kịch như vậy? Nếu một vị Bồ tát lâm phạm làm một vị Thái tử, rồi thuở thanh niên trốn vua xuất gia tu luyện chứng đắc quả vị Phật thì có gì để gọi là **bí pháp**. Hành giả Pháp Hoa không bùng tỏ, liễu ngộ chỗ này thì sao gọi là tu theo phương pháp bông sen nhập bùn. Nếu cứ đồng ấu xuất gia thì các đời sau trong hàng ngũ xuất gia chỉ toàn là đồng ấu. Đạo Phật không đóng băng trên giáo điều, hơn nữa giới trung niên xuất gia không phải là số ít trong hàng ngũ ngôi Tăng bảo. Nếu Thái tử Tất Đạt Đa không lập gia đình với công chúa Da Thủ Đà La, rồi sau đó mới cắt đứt mối tình riêng, can đảm rời vợ con để xuất gia thì thiên hạ các đời sau sẽ nhìn những vị trung niên có gia đình xuất gia bằng cặp mắt khinh miệt đến thế nào?

Dĩ nhiên đồng niên xuất gia là hơn trung niên xuất gia. Nhưng đồng niên mà thiếu giới luật, thiếu oai nghi, thiếu đức độ, trí kém, huệ khô, tâm hồn chật hẹp thì làm sao sánh kịp với vị trung niên xuất gia giữ đầy đủ các khuôn phép của giới xuất gia.

Còn nói về nữ giới, trung niên xuất gia như Ni trưởng Da Thủ Đà La có phải đây là một vị Tỷ kheo Ni đức hạnh đầy đủ, hiện đời tu hành chứng đắc quả vị A La Hán, làm mẫu mực cho Ni giới và được thọ ký trải các đời lâu xa về sau được thành Phật hiệu là **Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai**. Như thế có phải đây là các bậc siêu phàm phương tiện đóng tròn tuồng kịch để mở lối cho các đời sau hay không? Nếu cách nay hơn hai ngàn rưỡi năm mà không có sự hiện diện của Ni trưởng Kiều Đàm Di và Ni

trưởng Da Thâu Đà La thì ngày nay trong giới Ni liệu có được huy hoàng như vậy hay không?

Phẩm Trì đoạn kinh nói về giới nữ là một cuộc cách mạng thời bấy giờ, chẳng riêng tại xứ Ấn Độ mà cả Á Đông, bởi vì học thuyết trọng nam khinh nữ nó đã đè nặng trên phong tục tập quán của tư tưởng nhiều người. Ni trưởng Kiều Đàm Di cùng với Ni trưởng Da Thâu Đà La và sáu ngàn vị nữ quyền thuộc đã được thọ ký thành Phật, tất cả phát đại thệ nguyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, phổ quảng và cúng dường kinh Pháp Hoa đã xác định chấm dứt sự kỳ thị trọng nam khinh nữ.

Những lời dạy của Đức Phật nơi kinh Pháp Hoa vừa nhẹ nhàng thanh thoát vừa hùng mạnh cao siêu, tháo gỡ biết bao điều phi lý mà từ ngàn xưa nó đã đè nặng lên con người, đây là một cuộc cách mạng hết sức ngoạn mục.

Loài người và nhất là hành giả Pháp Hoa, càng thâm sâu, càng gặp nhiều bí pháp, những bí pháp nhập đời để hướng dẫn đời, đi đến đích hòa hợp, an vui và bình đẳng.

---o0o---

Chính văn

Bấy giờ Đức Phật Thích Ca nhìn tám mươi vạn ức triệu tỷ vị Đại Bồ tát, hàng Bồ tát này toàn là những bậc bất thối chuyển, đã từng chuyển pháp luân chẳng hề lui bước, đều đắc các pháp tổng trì. Tất cả rời chỗ ngồi, đứng lên đến trước Phật, thành tâm chấp tay, thề nguyện rằng: “Nếu Đức Thế Tôn dạy bảo chúng con thuyết kinh này thì chúng con sẽ như lời Phật dạy mà rộng tuyên thuyết kinh Pháp Hoa”.

Các vị đó lại nghĩ: “Nay Đức Phật yên lặng chẳng thấy dạy, vậy chúng ta phải làm thế nào?”

Lúc đó các vị Bồ tát kính thuận ý của Phật và muốn tự thỏa mãn bốn nguyện bèn ở trước Phật lớn tiếng mà phát lời thệ nguyện rằng: “Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con qua lại khắp vòng khắp mười phương thế giới, thường khiến cho chúng sanh in chép, thọ trì, giải thuyết ý nghĩa kinh này; đồng thời nghĩ nhớ chơn chánh và đúng như pháp mà tu hành, được như thế là nhờ sức oai thần của Đức Thế Tôn. Cúi mong Đức Thế Tôn ở phương xa hộ giữ cho.

Giải luận

Đây là sự tự nguyện phổ trì kinh Pháp Hoa của hàng Bồ tát không tên tuổi, số đông nhiều đến tám muôn ức na do tha, chữ na do tha là chỉ cho số

nhiều không thể tính đếm được nên mới tạm mượn con số, tám mươi vạn ức triệu tỷ vị Bồ tát, đó là ám chỉ cho con số nhiều mà thôi.

Có người lại thắc mắc, số đông nhiều như vậy thì chỗ đâu dung nạp. Xin thưa! Đến thế kỷ hai mươi một công nguyên, khoa học đã đưa con người tiến xa ra khỏi bầu khí quyển, vậy mà ở đạo học lại có người thắc mắc những chuyện dễ hiểu như thế thì làm sao liễu ngộ được kinh Đại thừa. Quý vị có xem truyền hình không? Trên mặt kính truyền hình rộng bao nhiêu, thế mà dung chứa hàng trăm ngàn người hoặc nhiều hơn nữa. Hàng A La Hán hoặc Bồ tát còn siêu đẳng hơn người phàm trần trên mặt kính truyền hình, vậy tại sao hành giả Pháp Hoa không liễu ngộ?

Hàng Bồ tát không tên tuổi số đông nhiều như thế, đặc pháp Đà Ra Ni, lại còn đặc và chuyên pháp chẳng hề thôi chuyên, các Ngài tự động đến trước Đức Phật thàm nguyện phổ truyền kinh Pháp Hoa. Dù thấy rõ sự việc như thế, nhưng Đức Phật vẫn giữ thái độ điềm nhiên, đây chính là một nét bí pháp, lưu truyền lại cho hành giả Pháp Hoa.

Đức Phật điềm nhiên không hề dạy lời nào, vậy mà đoạn kinh tiếp theo ghi rõ ràng: “Lúc ấy các vị Bồ tát **kính thuận ý Phật**. Bốn chữ kính thuận ý Phật, nhất là chữ ý và hai chữ kính thuận ở đây hàm chứa một ý nghĩa sâu xa thuộc về bí pháp. Đức Phật điềm nhiên không nói, vậy mà gọi là kính thuận “**ý**” Phật, nếu Đức Phật nói hay là mỉm cười thì là kính thuận “**lời dạy**”, hoặc kính thuận thân Phật. Sự giáo hóa của Đức Phật chia làm nhiều cách, khẩu giáo, thân giáo và ý giáo. Hành giả Pháp Hoa ai chưa liễu ngộ và chưa áp dụng đủ ba cách giáo hóa này thì chưa có thể phổ truyền kinh Pháp Hoa. Các bậc làm cha mẹ, làm lãnh đạo chưa thông suốt và nhuần nhuyễn ba lối giáo hóa này thì chưa có thể giáo hóa con cháu, hoặc quần chúng thành công, nhất là các bậc thầy cô giáo.

Những chữ “**qua lại giáp vòng**” của đoạn kinh kế tiếp này vô cùng quan trọng, đi giáp vòng khắp mười phương mà không qua lại thì chỉ có một. Đi một thì giáo hóa một thôi! Sự giáo hóa phải trải qua nhiều lần, như cách bò nhơi cỏ thì mới đạt kết quả. Hành giả Pháp Hoa, nhất là giới thức giả nên lưu ý điểm này.

Đoạn kinh: “**Hay khiến chúng sinh in chép, thọ trì, đọc, tụng, giải nói kinh này**”. Năm việc làm phổ truyền kinh Pháp Hoa nghe qua rất dễ, nhưng đi sâu vào việc làm, nếu không có hàng Bồ tát, hoặc những vị mang hạnh Bồ tát “**khiến**” (hướng dẫn) cho người khác làm thì chắc chắn không có ai in chép, thọ trì, đọc, tụng, phổ thuyết kinh Pháp Hoa, nhất là việc cúng dường kinh Pháp Hoa. Nhiều hành giả Pháp Hoa nói rằng cá nhân mình tu kinh Pháp Hoa thì được chú khuyến khích người khác tu luyện phổ truyền là

việc khó quá. Nếu không khó thì đoạn kinh này chư Bồ tát không sử dụng chữ “**khuyến**”, tức là hướng dẫn vào đây. Bởi khó cho nên phải khuyến, chưa tròn chữ khuyến nơi phẩm Trì thì chưa phải là hành giả kinh Pháp Hoa.

Câu sau cùng của đoạn kinh là tất cả việc làm phổ thuyết kinh Pháp Hoa đều được thành tựu là chúng con nương nhờ oai thần của Phật. Vậy cho nên dù Phật ở phương hướng nào, thế giới nào cũng hướng về nơi chúng con hành đạo mà thủ hộ cho chúng con (chư Phật hiện toàn thân). Dù tự nguyện của chúng con dũng mãnh tha thiết bao nhiêu mà thiếu sự hộ trì của chư Phật thì việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cũng khó thành tựu.

Hàng Bồ tát đồng thanh tuyên thuyết thơ kệ:

---o0o---

Chính văn

5. Xin Thế Tôn chớ lo
Sau khi Phật diệt độ
Dù đời ác đáng sợ
Chúng con vẫn thuyết rộng
Nếu có người thiếu trí
Lời ác mắng nhiếc con
Hoặc gậy dao chém đánh
Chúng con đều nhẫn nhục
Đời ác: - Có Tỷ kheo
Trí tà lòng dua vạy
Chưa đắc nói đã đắc
Tâm đầy sự ngã mạn
Hoặc người mặc áo vá
Lặng lẽ ở nơi vắng
Tự xưng tu chơn đạo
Khinh miệt người thế gian
Thường tham ưa danh lợi
Thuyết pháp cho người đời
Được nhiều người cung kính
Ngang hàng A La Hán
Kẻ đó có ác tâm
Thường đả việc thế tục
Giả danh “A Luyện Nhã”
Thích nói lỗi chúng con
Họ thường nói thế này

Các gã Tỷ kheo đó
Vì tâm ham danh lợi
Thuyết truyền nghĩa ngoại đạo
Tự đặt ra kinh điển
Dối gạt người trần tục
Vì muốn được danh tiếng
Mà giải nói Pháp Hoa
Họ lẫn trong đại chúng
Đề phá hại chúng con
Kẻ quốc vương tể quan
Bà La Môn, cư sĩ
Lẫn hạng Tỷ kheo khác
Bôi xấu chê chúng con
Rằng con là tà kiến
Đang thuyết kinh ngoại đạo
Chúng con vì kính Phật
Nên nhẫn các điều đó
Họ còn chế nhạo rằng
Các người đều là Phật
Lời khinh chê như thế
Chúng con đều nhẫn được
Vào đời ác kiếp dơ
Các việc sợ hãi nhiều
Quý dữ nhập thân đó
Máng rửa hủy nhục con
Chúng con tin kính Phật
Luôn mặc giáp nhẫn nhục
Chủ đích thuyết Pháp Hoa
Nên nhẫn việc khó nhẫn
Con chẳng tiếc thân mạng
Chỉ mến đạo vô thượng
Chúng con ở đời sau
Thọ trì lời Phật dạy
Thế Tôn tự biết cho
Đời ác có Tỷ kheo
Chẳng hiểu Phật phương tiện
Thuyết pháp tùy cơ nghi
Châu mày thốt lời ác
Luôn luôn bị đuổi xua
Xa rời nơi chùa tháp

**Các điều ác như thế
Nhớ lời Phật dạy khuyên
Nên nhẫn được tất cả
Các xóm làng thành ấp
Nơi có ai cầu pháp
Chúng con đến chỗ đó
Thuyết những lời Phật dạy
Con là sứ giả Phật
Ở giữa chúng chẳng sợ
Con sẽ khéo thuyết pháp
Xin Thế Tôn an lòng
Con ở trước Thế Tôn
Trước mười phương Phật nhóm
Con phát nguyện như thế
Phật chứng lòng chúng con.**

Giảng luận

Phân cốt lõi của phẩm Trì không phải thuyết pháp giỏi mà là sự nhẫn nhục. Ai cũng thao thao bất tuyệt rằng tôi luôn luôn giữ sống đúng pháp nhẫn nhục, vì nhẫn nhục đệ nhất đạo, nhưng kỳ thực có được vậy không? Sự sân hận nó đến rất đột biến, đến với mình thì có thể nhẫn được, nhưng nếu có người hủy báng kinh điển Đại thừa thì sao? Trong đoạn kệ các Ngài Bồ tát đã nói rất rõ họ chẳng hiểu Phật phương tiện thuyết pháp Đại thừa, nên họ hủy báng, chúng con vẫn nhẫn chịu. Nếu không nhẫn chịu được thì làm sao trì giữ được kinh Pháp Hoa. Trong bài kệ dài tám chục câu, gồm bốn trăm chữ, tất cả chư vị Bồ tát đều nhấn mạnh sự nhẫn nhục. Không nhẫn nhục không trì được kinh Pháp Hoa. Hành giả Pháp Hoa đa phần đọc tụng chứ ít người thọ trì, bởi vì người tu hạnh nhẫn nhục chưa chứng đắc. Phải chứng đắc nhiều phương diện. Đại Dược Vương, Đại Nhạo Thuyết. Bình đẳng tánh trí, giữa nam nữ và đức tánh sau cùng mà cũng là đức tánh cao tột nhất là sự tu luyện đắc nhiều về nhẫn nhục.

Lưu ý đoạn kệ này có câu: **“Đời ác có Tỷ kheo, Trí tà lòng dua vạy”**, chứ đừng nên đọc tụng **“Tỷ kheo trong đời ác, trí tà lòng dua vạy”**. Đọc sai như thế sẽ có sự hiểu lầm rằng: Về các đời sau khi Phật nhập diệt thì đời ác toàn là những vị trí tà lòng dua vạy. Đời nào cũng vậy, khi Phật còn tại thế vẫn có Đề Bà Đạt Đa. Sau Phật nhập Niết bàn biết bao vị Bồ tát, biết bao vị Thánh Tăng bị hàm oan. Ngày nay dù là thời mạt pháp, nhưng cũng có nhiều nơi đang hiển hưng chánh pháp, biết bao vị Thánh Tăng ân dạng hồng truyền chánh pháp, biết bao vị Bồ tát lâm phạm cứu độ chúng sanh. Gần đây

nhất và rõ ràng nhất là Bồ tát Quảng Đức, Ngài chẳng những cứu nguy Phật giáo mà đã cứu độ biết bao chúng sanh.

Câu văn tối nghĩa: “Tỷ kheo trong đời ác, Trí tà lòng dua vạ” của đoạn kệ này chỉ là sự vô tình dịch chưa được sáng nghĩa lắm, chúng ta đọc tụng phải có trí nhận xét, chớ bói lông tìm vết mà tổn phước. Chớ nên câu nệ hoặc cố chấp một vài chữ nơi văn kinh mà bỏ một bộ kinh siêu đẳng, cho nên chúng ta không bảo là Phật tiên liệu các đời sau như thế.

Hán dịch:

**Ác thế trung tỷ khuru
Tà trí tâm siểm khúc**

Đã hiểu sai:

**Tỷ khuru trong đời ác
Trí tà lòng dua vạ**

Xin sửa lại:

**Đời ác có Tỷ kheo
Trí tà lòng dua vạ**

Câu Tỷ kheo trong đời ác, có người xuyên tạc hiểu lầm là các vị Tỷ kheo trong đời ác đều là xấu cả. Còn đời ác có Tỷ kheo là trong đời ác có một số ít vị Tỷ kheo xấu. Chúng ta nên đảo ngược câu này, chớ nên hiểu sai tổn phước.

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

Tạo lập nan, thủ thành bất dị. Đây là câu châm ngôn gối đầu của bất cứ ai muốn đạt đến điểm thành tựu, nhất là hành giả Pháp Hoa.

Phẩm Trì là phẩm kinh thứ mười ba của bộ kinh Pháp Hoa, bộ kinh hai mươi tám phẩm. Đọc tụng liễu ngộ được phẩm Trì mới quý trọng bộ kinh Pháp Hoa. Đọc lướt qua phẩm Trì chẳng liễu thông được cách duy trì toàn bộ kinh Pháp Hoa. Đa phần giới học Phật chỉ nói kinh Pháp Hoa là bộ kinh chỉ cách tu thành Phật. Nói vậy đúng, nhưng mới có phần nào thôi! Phải nói bộ kinh Pháp Hoa là bộ kinh hướng dẫn nhân loại và muôn loài thành tựu từng vấn đề cho từng đẳng cấp. Ai cầu giải thoát thì tu thành Phật, thành Bồ tát, thành Thánh, thành Bích Chi, ai trung bình thành trời thần tiên siêu nhân, ai thường thì thành tựu kiếp sống một con người. Về người lại chia nhiều thành phần: vĩ nhân, yếu nhân, hiền nhân, triết nhân. Nếu nói về khía cạnh đất nước thì đưa đất nước đến phồn vinh, nếu nói gia tộc thì đưa gia tộc đến hạnh phúc. Như Hiến pháp nước Nhật là trích từ bộ kinh Pháp Hoa và lập

thành một bản Hiến pháp hoàn chỉnh nhất thế giới. Có người lại giành phần phải rằng, đạo Phật Việt Nam tu học đọc tụng bộ kinh Pháp Hoa, như vậy thì đạo Phật Việt Nam sẽ tuyệt vời. Xin thưa! Giới đệ tử Phật tại Việt Nam phần đông mới tu ngoài cái vỏ Pháp Hoa, nói cách khác là mới đến cổng Pháp Hoa chứ chưa lên thêm Pháp Hoa thì làm gì có sự tu luyện kinh Pháp Hoa tuyệt vời !

Có một bài thơ được phổ nhạc cả tân lẫn cổ, trong đó có một câu:

**Nhẹ nhàng, thanh thoát, lặng yên,
Quán sâu, chiếu sáng lên thêm Pháp Hoa.**

Phải trải qua năm giai đoạn mới bước chân lên thêm Pháp Hoa. Lên thêm mới vào nhà và còn nhiều nữa mới là tu luyện và chứng đắc Pháp Hoa chứ! Nói chung kinh Pháp Hoa, Đức Phật thuyết và phổ truyền công khai, không đặc quyền cho riêng hàng đệ tử của Ngài, lại cũng không chỉ dành riêng cho loài người, nhất là không độc quyền cho nam giới, trường hợp nàng công chúa rồng và hai vị Ni trưởng cùng sáu nghìn nữ quyến thuộc đã quá rõ.

Những điều kiện cần phải có của phẩm Trì đã phơi bày rất rõ ràng và rất tử mỹ, mong các vị hành giả Pháp Hoa lưu ý và phải hội đủ yếu tố của chữ trì, tối thiểu là một yếu tố, bằng không thì chẳng thể nào là trì kinh Pháp Hoa, chứ đừng bảo là phổ truyền. Họ chẳng nếu ai quá thích kinh Pháp Hoa, hoặc kính ngưỡng kinh Pháp Hoa thì cũng chỉ ở vào hàng đọc hoặc tụng, để cầu phước hiện đời và nhiều đời sau, chứ còn bảo là tôi đang thọ, hoặc trì, hoặc phổ truyền kinh Pháp Hoa thì chưa ! Vì đọc hoặc tụng chưa phải là thọ trì, lại càng chưa phải là phổ truyền !

Quốc Tổ Lạc Long Quân hướng dẫn một trăm sắc tộc rời đất phương Bắc, theo dấu chân loài chim Lạc đến sông Hồng lập thành nước Hồng Bàng, nay là Việt Nam, nối truyền nhau mười tám tộc vua Hùng, mỗi tộc có mấy chục ông vua. Nước Hồng Bàng duy trì nền an ninh thịnh trị suốt dòng thời gian 2.622 năm. Một thời gian thịnh trị siêu lịch sử quốc tế. Người thứ hai vị thức giả Từ Phước, dẫn năm trăm sinh viên, rời Trung Hoa đến quần đảo Phù Tang lập thành nước Nhật và cũng duy trì nền thịnh trị từ thời Tàn Thủy Hoàng đến nay. Việc lập quốc lập làng thì dễ, nhưng duy trì nền thịnh trị mới là khó.

Việc in chép kinh Pháp Hoa, dịch kinh Pháp Hoa, tụng kinh Pháp Hoa, hoặc lập Đạo tràng Pháp Hoa rất khó, nhưng việc phổ truyền và duy trì kinh Pháp Hoa nhập vào đời mới thật là khó. Một điều tối ưu quan trọng là lối duy trì kinh Pháp Hoa không toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, mà chia cắt từng phần

như người mù sờ voi. Con voi là con voi vì nó chỉ là con voi, chứ không là cái quạt, không là cái chổi ... Kinh Pháp Hoa là kinh Pháp Hoa, chứ không phải chỉ thọ trì hoặc là niệm đề kinh Pháp Hoa, cũng không chỉ là phẩm Phổ môn, nó lại không thể là một phần bản, hay của tích môn, phổ truyền từng phần là phương tiện tùy căn cơ của từng thời kỳ mà độ sanh chứ chưa gọi là thọ trì toàn bộ kinh Pháp Hoa được. Việc thọ trì toàn bộ phải là hàng Đại Bồ tát, hoặc những ai phát nguyện tu hạnh Bồ tát.

Lưu ý: Muốn thọ trì kinh Pháp Hoa phải khởi từ Tiểu thừa đến Đại thừa, đến Tội thượng thừa. Phải khởi luyện từ sáu căn tám thức đến vô thức, chuyển sang tứ trí, sang an lạc, sang Như Lai thân lực, sang Dược vương, Diệu âm, Quán Thế Âm, Đà Ra Ni, chuyển lên cao là Tịnh Tạng, Tịnh Nhân, Tịnh Đức để dòn về xóa tâm vương (Diệu Trang Nghiêm Vương), cuối cùng trải rộng hạnh Phổ Hiền. Không thể bỏ chữ nào, câu nào, phẩm nào cả. Đời này chưa đắc nguyện nói đời sau, kiếp này chưa thành nguyện kiếp sau, bởi vì lời dặn của Pháp Hoa là “**không gian vô biên thời gian vô tận**”.

Phật thuyết một thời pháp, thời gian sáu mươi tiểu kiếp vậy mà thính chúng nghe chừng như một bữa ăn.

Hành giả tu tập kinh Pháp Hoa phải có ý chí kiên nhẫn như cậu bé học trò từ mẫu giáo, đến mãn phần trung học, rồi đến cử nhân, cao học, tiến sĩ, bác học và siêu bác học vậy.

Phạm vi phẩm Trì chưa nói hết toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, nhưng nó khẳng định người tu kinh Pháp Hoa phải có chí kiên trì, tâm nhẫn nhục, tánh vị tha, hạnh Dược vương, giới Thánh quả, nhất là thân khẩu ý Đại Nhạo Thuyết và tư tưởng phải tuân theo pháp, bình đẳng giữa mọi người mọi loài, nhất là chấm dứt sự xem thấp nữ giới.

Điều đáng lưu ý là nữ giới. Trên tất cả các địa hạt, gia đình, đoàn thể, tôn giáo muốn phát triển thì nam giới, nhưng muốn duy trì thì cần phải có nữ giới. Nhưng cũng cần phải lưu ý là phải quân bình âm dương đúng nguyên lý tạo thành của nguyên tử, nhất là chỉ đạo, lãnh đạo mở mang, không phải ở nữ. Hai vị nữ Thánh Trưng đuổi xâm lăng được nhưng giữ nước không được.

Hệ thống tổ chức nhân sự phải cho đúng. Địa hạt duy trì thiếu nữ thì thất.

**Văng đàn ông quạnh nhà
Văng đàn bà quạnh bếp.**

Kinh Pháp Hoa, phẩm Trì chỉ rõ còn hay mất đạo cũng như đời. Trì sai thì rơi vào mê tín dị đoan. Trì đúng thì chánh pháp hiển hưng, muôn loài đều an vui, quốc thái dân an, nhà nhà thịnh vượng, người người hạnh phúc.

Hồi hương công đức đến các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyến thuộc, kiếp kiếp đời đời hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

--- o0o ---

Bài 22 - Phẩm An Lạc Hạnh - Thứ Mười Bốn

Bồ Tát Văn Thù bạch Phật và Đức Phật dạy

An trụ bốn pháp :

Tiêu chuẩn đức hạnh.

Những nơi chẳng nên mật thiết.

Cuộc sống an lạc.

Phát khởi Ý từ, tâm bi.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Hành giả Pháp Hoa tu luyện đến phẩm thứ mười bốn là đã thuận duyên học qua nửa phần pháp Diệu. Đến đây hành giả đã chuyển từ sự tướng sang hòa lý tánh, tức là tánh tướng đều tìm được pháp để an trụ. Nếu chưa tìm được pháp an trụ thì cuộc sống chưa được an vui. Muốn an trụ nơi bốn pháp an vui thì phải hành theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi đã là vị cô Phật hiện thân Bồ tát, vậy thì tại sao Đức Phật phải căn dặn. Những lời dặn nơi phẩm kinh này là Đức Phật muốn mượn Ngài Bồ tát Văn Thù để chỉ dạy cho những ai muốn dẫn trí nhập hạnh an vui. Vì vậy nên ai muốn làm hành giả phẩm An Lạc Hạnh này thì không thể chỉ đọc qua, hoặc tụng kỹ phẩm kinh là đủ, mà cần phải thọ trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa. Việc thọ trì phải tuân thủ đúng quy pháp, ngoài ra cần phải biết hành xử thế nào và ý trụ nơi nao. Hai phần còn lại là thức, ý và tâm cũng phải tuyệt đối tuân thủ lời dạy của Đức Phật dặn. Nên nhớ đây là những lời mượn Bồ tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi để dặn, chứ không trực tiếp riêng chúng ta. Vì là hành giả Pháp Hoa tu học phẩm này dù chưa chứng đắc đại trí như Bồ tát Văn Thù, nhưng khi đọc tụng thọ trì in sao viết chép phổ truyền và cúng dường kinh này nên trụ nơi tâm nguyện mà tu luyện, nghĩa là

không thể dùng tư duy phàm tục để suy lường, dùng trí thấp kém để thảo luận mật nghĩa kinh, lại không cố chấp văn tự mà tu luyện. Trường hợp có một số chùa tụng đọc phẩm An Lạc Hạnh rồi cố chấp văn tự không dám nuôi chú tiểu nhỏ tuổi, vì nuôi trẻ nhỏ là phạm vào hạnh không an lạc. Thật quan niệm sai lầm đáng tiếc, bởi chuyên từ Hoa văn sang Việt ngữ chưa chính xác, hai chữ “**thân cận**” thành hai chữ “**gần gũi**”. Không được thân cận vua quan tể tướng, không được thân cận thiếu nhi ít tuổi ... lại hiểu không được gần gũi vua quan tể tướng, không được gần gũi Sa di trẻ tuổi, không nuôi trẻ nhỏ. Lại không nên gần gũi các hàng bất nam bất nữ cùng các hạng đàn bà con gái, cho nên không chịu nuôi chú tiểu, bởi vì một số người chấp hai chữ chẳng nên gần gũi, khi người cố chấp về chùa thấy có chú tiểu là kêu toáng lên rằng thầy vi phạm phẩm An Lạc Hạnh kinh Pháp Hoa, tức là thầy cãi lại lời Phật dạy. Khổ thay hiểu trật một ly sai đi một dặm. Đây chính là ly kinh một chữ tức đồng ma thuyết. Nếu hiểu hai chữ thân cận thành hai chữ “**Mật thiết**” thì làm gì có trường hợp ghen lối nổi truyền nhân sự. Không nuôi chú tiểu thì nuôi ai, không lẽ chỉ nuôi giới lớn tuổi là đúng lời Phật dạy ư ! Nếu vậy thì thuở ấy La Hầu La là sao?

Chuyện gì sai, biết sửa sai, tuy chậm mà có còn hơn không. Rất mong chương trình nuôi dưỡng đào tạo Tăng “**tài đức**” của các chùa đừng cố chấp sai lạc, mà bỏ quên nuôi dưỡng chú tiểu. Không nên mật thiết, tức là không chung ăn chung nằm ôm ấp cung chịu hôn nựng như cha mẹ đối với con, chứ gần gũi thì phải gần, nếu không gần gũi thì làm sao nuôi dạy? Không gần gũi để nuôi dạy Sa di, chú tiểu thì ai nổi truyền ngôi Tăng bảo?

Thọ trì đọc tụng phổ truyền kinh Pháp Hoa phẩm An Lạc Hạnh, hành giả đặc biệt chú tâm vào những lời dạy của Đức Phật về câu chuyện viên ngọc trong búi tóc của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương. Viên ngọc là gì? Nhà vua là ai? Và ai là tướng sĩ được ban thưởng viên ngọc? Nhiều người ngỡ tưởng mình là hàng tướng sĩ của Đức Phật đang được thưởng viên ngọc nơi búi tóc, bởi vì mình có công đọc tụng in chép kinh Pháp Hoa! Làm tướng hay tướng trúng cũng được, nhưng nhớ kiểm lại mình đủ tiêu chuẩn được ban thưởng viên ngọc chưa? Đừng biến mộng tướng thành hoang tưởng, bởi vì tu kinh Pháp Hoa là liễu đạt để chứng đắc thực tướng của các pháp, mà thực tướng các pháp tức đồng không tướng, mà không tướng chẳng phải là ngoan không như lông rùa sừng thỏ.

Hành giả thâm sâu thực tu và thực luyện hầu sớm liễu ngộ phẩm An Lạc Hạnh để ích mình lợi người.

II - NỘI DUNG

Ngài Bồ tát Văn Thù bạch Phật và Đức Phật dạy

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ tát con đấng Pháp vương bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các vị Bồ tát đây thật ít có, vì sự kính ngưỡng Phật, nên phát đại thệ nguyện: Sau này gặp đời trước ác hộ trì đọc tụng phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Thế Tôn! Các vị Đại Bồ tát ấy, gặp đời ác, làm thế nào để phổ truyền kinh Pháp Hoa?”.

Đức Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: “Nếu vị Bồ tát sau gặp đời ác mà muốn thuyết giải kinh này thì phải an trụ nơi bốn pháp”.

--- oOo ---

A. Tiêu chuẩn đức hạnh

2- Một Bồ tát an trụ nơi hành xứ và thân cận xứ thì mới có thể vì chúng sanh mà thuyết giải kinh này.

Này Bồ tát Văn Thù! Thế nào gọi là “hành xứ” của Đại Bồ tát? Nếu vị Đại Bồ tát trụ nơi đất nhẫn nhục, nhu hòa, hiền thuận, nhất là chớ nóng giận, tâm chẳng hề sợ hãi, lại luôn theo pháp chẳng phân biệt mà quán tưởng như thật của các pháp, tức là chẳng làm theo pháp phân biệt, như thế gọi là chỗ hành xứ của Bồ tát.

Giải luận

Đoạn kinh này chỉ pháp hành xứ của hàng Đại Bồ tát. Hàng Đại Bồ tát phát đại thệ nguyện, sau khi Như Lai diệt độ, dù gặp đời ác nhưng các Ngài vẫn thay Phật đọc tụng thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Ngài Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thấy vậy khi vào phần hạnh an lạc Ngài mới quỳ bạch Phật rằng hàng Đại Bồ tát kia làm cách nào mà vào thời kỳ không có Phật lại gặp đời ác mà các Ngài có thể thuyết giảng, phổ truyền kinh Pháp Hoa? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho biết, muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa vị Đại Bồ tát cần phải an trụ nơi bốn pháp, trước nhất là hành xứ và thân cận xứ.

Hành xứ và thân cận xứ này nặng cả hai sự tương và lý tánh. Muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa thì hàng Đại Bồ tát, mà hàng Đại Bồ tát cũng phải an trụ nơi bốn pháp, trong đó hành xứ là một. Đây nói về an trụ thứ nhất. Đạt hành xứ này hàng Đại Bồ tát mới có một tiêu chuẩn trong bốn pháp phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Kinh Pháp Hoa thì chia làm sáu phần đọc - tụng - thọ trì - in chép - phổ thuyết và cúng dường. Hành giả Pháp Hoa dễ hành theo bốn phần đầu, còn việc thọ trì và phổ thuyết thì thật là khó. Hành giả Pháp Hoa nếu chưa vào thọ trì và phổ thuyết thì chưa đòi hỏi bốn pháp. Còn những vị thọ trì và phổ thuyết dù là Bồ tát hay là hạnh nguyện Bồ tát cũng cần phải an trụ trên bốn pháp.

Hiểu chi tiết về hành xứ và thân cận xứ

a. Hành xứ: An trụ trong nhẫn nhục. Nhẫn có năm thời kỳ tu luyện:

① **Nhẫn nhịn:** Nhịn bên ngoài hình thức, còn trong lòng vẫn chưa thanh thản, chưa thấy vui vẻ.

② **Nhẫn nhục:** Không còn thấy gì là nhục cả, dù kẻ đối nghịch dùng nhiều cách khiêu khích hoặc bôi nhục, nhưng hành giả luôn cảm thấy sự thư thái tràn ngập, từ bên ngoài thân thể đến bên trong tâm hồn. Người đạt đến trình độ nhẫn nhục là người đã đắc pháp chẳng hai, tâm địa Bồ tát hạnh, trải rộng bao la, hoa từ và bi đang tỏa ngát hương, nhất là đã liễu thông bốn âm thanh năm pháp quán của Bồ tát Quán Thế Âm.

③ **Nhẫn nhu:** Cuộc sống đã đạt đến thời kỳ nhẫn nhục, nhưng đây chỉ lợi cho mình nhiều hơn tha nhân, cho nên khi tu luyện đắc pháp nhẫn nhục thì cần phải tinh tấn vươn lên một bậc nữa, đó là bậc thứ ba của chữ nhẫn. Thế nào là nhẫn nhu? Nhu là gì? Là mềm là nhuẫn, mình chịu nhẫn nhục, nhưng người thì vẫn dùng bạo lực hăm dọa hoặc triệt hạ mình, vì vậy đức nhẫn thứ ba của người tu nhẫn là phải nhu, chẳng riêng mình nhu, mà còn chuyển hóa kẻ đối nghịch với mình cũng phải nhu. Nếu làm được chất đường nhu mềm chảy thành nước, còn bột thì vẫn đóng cục thì làm sao tròn hạnh nhẫn nhu. Cho nên bằng mọi cách bột phải nhu nhuئن như đường đã nhu nhuئن vậy.

④ **Nhẫn hòa:** Thời kỳ nhẫn hòa là thời kỳ tu luyện cao điểm của hạnh tu nhẫn. Mình nhu và người cũng nhu, cả hai đều nhu mới hòa được. Đường nhu nhờ nước, bột nhu cũng nhờ nước, cả hai đem hòa trộn lại với nhau. Đến thời kỳ thứ tư tu luyện pháp nhẫn là thời kỳ nhẫn hòa.

⑤ **Vô sinh pháp nhẫn:** Thường chữ pháp ở kinh Phật được dịch là các pháp hoặc giáo pháp, hoặc pháp Phật, riêng đặc biệt ở câu này không thể dịch chữ pháp thành chữ phương pháp, hoặc giáo pháp được mà phải dịch thành chữ trí thì mới giải thông liễu nghĩa toàn câu văn: **Vô sinh pháp nhẫn**. Phải hiểu vô sinh pháp nhẫn là **Trí đã đạt đến vô sinh diệt thì chẳng còn gì để mà nhẫn**. Nếu nhẫn còn ở thời kỳ nhu hoặc hòa thì vẫn chưa hoàn chỉnh. Dù bột và đường đã nhuئن thành nước, nhưng lúc nào cũng phải

kèm cái muỗng một bên để khuấy, nếu không thì bột lắng đọng riêng bột, đường lắng đọng riêng đường. Thời kỳ tu nhân thứ năm, là thời kỳ vượt khỏi thức, chuyên sang trí và trí đã liễu ngộ được các pháp không hề có sinh diệt. Đã đến thời kỳ liễu ngộ “**Thế gian tướng thường trụ**”, lúc ấy là lúc pháp không tướng hiển hiện, vậy thì còn có cái gì để phân biệt tôi và người. Lúc đó là lúc Nhất thừa pháp đã lộ bày tướng chơn thật thì còn tìm đâu ra cái đối kháng để mà mình nhẫn, chẳng hề có riêng người thì làm gì có mình để mà nhẫn. Cũng ví như bột đường nước đã hòa chung bắt lên bếp gião vừa chín rồi dùng lá gói thành bánh, hấp thật chín thì còn đâu là bột là đường là nước để phân biệt, để nhu nhuyễn, để hòa nhập. Vô sanh pháp nhẫn là như thế. Học thuyết Phật giáo không hề dạy đệ tử nhu thắng cương, nhược thắng cường. Trái lại dạy rằng: “Chẳng thắng chẳng thua chẳng hòa chẳng đấu. Con đấu hơn người gây người đau khổ. Con đấu thua người người sẽ hại con”. Danh từ nhu hòa và hiền thuận, kể cả không nóng giận đều giải nghĩa ở năm pháp tu nhân.

Lòng chẳng sợ hãi: Người thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa nếu còn hãi sợ, nếu còn tham sanh úy tử thì không thể nào phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Trụ nơi pháp vô phân biệt: Trụ nơi pháp này và làm gì nữa? An trụ nơi đây mới quán được tướng chơn thật. Tướng chơn thật là gì? Là tướng không của các pháp. Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ. Tướng không của các pháp là **Tướng thế gian vẫn còn**.

Đây là đại cương về hành xử của vị Bồ tát hoặc đang tu luyện hạnh nguyện Bồ tát để trì và truyền kinh Pháp Hoa.

--- o0o ---

B. Những nơi chẳng nên mật thiết

Chính văn

Thế nào gọi là chỗ “thân cận” của Đại Bồ tát? Vị Đại Bồ tát chẳng nên mật thiết với vua, con vua, quan lớn, tể tướng, chẳng mật thiết hàng ngoại đạo, phạm chí, đạo lõa thể ... Lại chẳng nên mật thiết với những kẻ viết sách ca ngâm thể tục, sách ngoại đạo; cũng chẳng mật thiết với pháp thuận theo ngoại đạo, kể cả những phái nghịch với ngoại đạo. Lại cũng chẳng nên mật thiết những kẻ chơi đùa hung hiểm đâm chém đánh vật nhau, kể cả bọn múa hát thể tục, những kẻ bày trò ảo thuật. Lại cũng chẳng mật thiết với những kẻ làm nghề đồ tể, chăn nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn, chài lưới, hạng người sinh sống bằng nghề xấu ác. Nếu

cần phải thuyết pháp cho hạng người này thì Bồ tát chỉ thuyết chứ không lòng mong cầu.

Lại cũng chẳng nên mật thiết những vị Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, hoặc hạng người cầu quả Thanh Văn, hoặc trong phòng riêng, hoặc nơi kinh hành, hoặc nơi giảng đường chẳng nên cùng chung mật thiết, hoặc có lúc hạng người này đến gần, Bồ tát phải tùy cơ nghi thuyết pháp, chứ không có lòng mong cầu.

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ tát chẳng nên nhìn thân tướng người nữ mà khởi sanh tư tưởng dục nhiễm rồi thuyết pháp, cũng không nên ưa thấy. Nếu vào nhà người chẳng nên cùng với nữ nhi, nữ trinh, nữ góa ... mà riêng nói chuyện. Cũng chẳng mật thiết năm giống người phi nam, phi nữ mà thân hậu.

Chẳng riêng một mình vào nhà người, nếu có nhân duyên cần vào một mình thì chuyên tâm thâm niệm Phật.

Nếu phải vì người nữ thuyết pháp thì chẳng nên cười hở răng, chẳng lộ bày hông ngực, vì pháp mà còn chẳng như thế, huống là việc khác.

Chẳng mật thiết với đệ tử Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ, cũng chẳng ưa cùng với chúng chung học cùng thầy. Thường ưa ngồi thiền ở nơi thanh vắng, tu nhiếp tâm mình.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Đó gọi là chỗ “thân cận” ban đầu.

Giảng luận

Đoạn kinh ghi rất rành mạch rằng đây là sự thân cận của Bồ tát. Vậy mà có một số hành giả Pháp Hoa cứ ngỡ tưởng là đoạn kinh này dạy mình. Có người còn ngỡ mình là Bồ tát, được dạy không được gần gũi hạng này, không được gần gũi kẻ khác, không được nuôi dưỡng kẻ nọ, không được ở chung kẻ kia ... Thật là một sự sai lầm đáng ghê sợ. Sai lầm không thể tưởng tượng, hoặc nói cách khác là làm hư nát nhiều thế hệ !

Chi tiết về thân cận xứ của Bồ tát:

Đức Phật dạy các vị Đại Bồ tát, vì có chữ ma ha tát nên mới gọi là Đại, chứ có dạy chúng ta đâu? Hay là các vị hành giả Pháp Hoa ngỡ tưởng mình là hàng Bồ tát ma ha tát.

Đức Phật dạy các Ngài “**Đại Bồ tát**”: Bồ tát ma ha tát bắt “**thân cận**” quốc vương, vương tử ... Bất thân cận là chẳng nên mật thiết, vậy mà chúng ta lại hiểu rằng chẳng thân cận tức là không được gần gũi. Nghĩ thế nào mà quả quyết như thế? Thân sao có thể bảo là gần, cận sao gọi là gũi. Thân có nghĩa là mật, cận có nghĩa là thiết. Đức Phật dạy hàng Đại Bồ tát muốn phổ

giải kinh Pháp Hoa chẳng nên thân cận với một số hạng người như thế, tức là không được “mật thiết” với hàng vua chúa, con vua, quan lớn, hoặc với những người ngoại đạo ... Tại sao? Tại vì hàng Bồ tát mà mật thiết với vua chúa hoặc con vua, hay là quan lớn có hai mặt không lợi: Thứ nhất cậy thân ý thế vua quan, nhất là được hưởng bổng lộc của triều đình sẽ mất chất khổ hạnh của vị hành giả. Thứ nhì, những quyền thuộc của vị hành giả chủ quan dựa mượn thế lực, gây phiền não. Còn mật thiết với các hạng người khác như hàng lỗa thể, phi nam phi nữ, ngoại đạo, gái góa, gái trinh, gái thơ. Nhất là người tu hạnh Bồ tát một mình nói chuyện mật thiết với một người nữ chổ kín đáo sẽ bị tiếng đời dị nghị mà sự đấm nhểm sao lường trước được. Còn việc nuôi dưỡng Sa di thiếu nhi trẻ tuổi mà mật thiết hoặc đồng thầy với chúng thì sự giáo dưỡng rất khó kết quả. Mật thiết với hạng người làm nghề đồ tể, hoặc chăn nuôi súc vật. Có một số chùa nuôi súc vật, dầu không phải là hành giả Pháp Hoa, nhưng việc nuôi súc vật trong chùa là trái giới đức, mất thanh tịnh chôn thiên môn.

Pháp hành xứ và thân cận xứ chú trọng nhiều đối với hàng Đại Bồ tát, muốn thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa thì không nên mật thiết với những hạng người như thế.

---o0o---

Chính văn

3- Lại nữa vị Đại Bồ tát quán sát “Nhứt thiết pháp không - như thật tướng”. Chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thôi, chẳng chuyển, như hư không không có thật tánh, tất cả sự nói năng ngưng dứt, cũng đều chẳng sanh, chẳng dứt, chẳng khởi, cũng không danh, không tướng, thật không chỗ có. Không lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh, cho nên mới nói: Thường ưa quán sát pháp tướng như thế đó, mới gọi là chổ thân cận thứ hai của Bồ tát.

Giải luận

Nơi an trụ thứ hai cũng của hàng Đại Bồ tát, nêu Tăng Ni Phật tử, thức giả, hành giả, trí giả chúng ta muốn sống an trụ trong chổ thân cận thứ hai này thì phải dứt bỏ mọi suy luận phân biệt phàm phu tục tử từ trước. Hãy thâm sâu từng chữ, từng câu sâu xa mầu nhiệm, nhược bằng mãi còn phân biệt như từ xưa đến nay thì tốt nhất xếp đoạn kinh này lại vì chưa liễu thông thì chẳng những vô ích mà còn mâu thuẫn nơi tâm hồn của người thực hành.

Câu đầu tiên của đoạn kinh: “**Vị Đại Bồ tát quán sát hết thấy pháp không - đều như thật tướng**”. Chỉ có hàng Đại Bồ tát mới quán sát tất cả pháp không như thật tướng, còn chúng ta thì chưa liễu ngộ, chỉ tập luyện mà thôi! Còn hành giả Pháp Hoa muốn quán sát “Tất cả pháp không như thật tướng” thì trước nhất phải tu luyện cho nhuần nhuyễn hai câu kệ nơi phẩm Phương tiện:

... **Thị pháp trụ pháp vị
Thế gian tướng thường trụ ...**

Việt dịch: Pháp trụ trên ngôi pháp
Tướng thế gian vẫn thường.

Nghiên ngẫm tư duy bưng tỏ để liễu ngộ được hai câu này, mới dò dẫm mở cửa vào nhà Pháp Hoa để tìm hiểu, để quán sát câu: “**Tất cả pháp không, đều như thật tướng**”, quán sát Tướng không là tướng chơn thật. Có liễu ngộ được tướng chơn thật mới liễu thông được tướng không, chính đặc tướng không mới bảo tướng thế gian vẫn thường. Trái lại nếu hiểu tướng có thì nhất định là vô thường. Người tu Pháp Hoa mà quán các pháp vô thường là quán tướng có thì sai lầm! Vì có và vô thường là thời kỳ nhập môn, chứ khi đã lên thêm và vào nhà Pháp Hoa thì phải khởi sự quán sát tướng không là tướng chơn thường. Thế gian tướng vẫn thường. Đạt trình độ này mới quán sát **Tất cả pháp không, đều như thật tướng**.

Khi liễu ngộ được tất cả pháp không như thật tướng, lúc ấy chúng ta mới vào hạnh Bồ tát, học hỏi những gì mâu nhiệm siêu đẳng của Bồ tát. Đến đây mới thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa, để rồi chứng đắc Pháp Hoa, chứng đắc Bồ tát, từ đó tu luyện tinh tấn mới chứng đắc Bồ tát ma ha tát, còn hiện nay thì chưa, bởi vì chưa quán sát liễu thông để chứng đắc câu “**Tất cả pháp không, đều như thật tướng**”.

Liễu thông câu một của pháp an trụ này, mới bắt đầu quán sát thâm sâu từng chữ từng câu tiếp theo:

- + Chẳng điên đảo
- + Chẳng động.
- + Chẳng thối.

+ Chẳng chuyển, như hư không, chẳng hề có thật tánh, kể cả sự nói năng ngậm thính cũng đều chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng khởi, bởi vì tất cả không sinh, không tướng. Tại sao? Tại vì thật không chỗ có, nó chỉ là:

- Không thể lường.
- Không hề có ngăn mé.

- Cũng chẳng hề có chương.
- Chẳng hề có ngại.

Quán đặc tất cả pháp đều do nhân duyên sinh, tức là nhiều nhân nó duyên lại với nhau thành ra một pháp. Mà hễ các nhân có duyên hợp thì phải có lúc hết duyên sẽ tan rã. Khi tan rã rồi nó trở lại duyên. Duyên hợp, tan rã, rồi duyên hợp, cứ thế mà vòng tròn tan hợp. Cũng ví như từng hạt nguyên tử, các âm tử duyên cùng với một dương tử, khi đủ âm dương tự nhiên thành một nguyên tử, rồi bỗng nhiên có một âm tử khác sáp nhập thì nguyên tử đó bị dư âm tử nên tức tức tan vỡ. Cứ như thế tan vỡ rồi hợp thành và hợp thành để rồi tan vỡ. Các pháp khác cũng hợp tan, cũng nhờ nhiều nhân duyên lại với nhau thành một pháp. Khi pháp đó dư âm tử thì liền tan vỡ, cho nên mới bảo các pháp từ nhân và duyên sinh và các pháp cũng từ nhân duyên diệt, chứ chính mỗi pháp không hề có chủ thể của nó.

- **Không có chủ thể:** Ta đến cảm ơn người thợ gốm, đã tạo ra những dụng cụ bình chén tô đĩa để ta có mà sử dụng hằng ngày. Người thợ gốm từ chối vì không phải do một mình anh ta làm nên bình chén ly tách, bởi vì anh ta phải nhờ chàng nông dân cày ruộng trồng lúa mới có gạo ăn để làm những vật dụng gốm. Ta vội vàng đến cảm ơn người nông dân, vị nông dân từ chối, bởi vì nếu không có anh thợ làm nhà thì anh ở đâu để sản xuất lúa gạo. Thế là chúng ta chạy sang nhà anh thợ làm nhà để cảm ơn. Anh thợ làm nhà từ chối, bởi vì không có bác thợ rèn thì búa cưa đục khoan đâu để anh cưa đục cây gỗ. Lại cũng chẳng riêng anh thợ rèn mà phải có chị kéo sợi, chị dệt vải, chị thợ may, chị nấu cơm, nhiều nhân hợp lại mới có cái nhà ... Đã quá mỗi một, mà dù có đi hết tháng này, đến năm khác, đời này đến kiếp khác cũng vẫn không sao tìm gặp người nào là chủ đầu tiên của vật dụng bình ly chén đĩa. Vì thế nên giáo thuyết nhà Phật mới xác quyết rằng **các pháp chính nó chẳng hề có chủ thể**. Và để minh định vấn đề này, đạo Phật bảo rằng các pháp là do từ duyên đảo mà sanh, ai quán sát thấu rõ để chấm dứt được cái sự phân biệt và chủ quan duyên đảo đó, tức là quán sát được **“Tất cả các pháp chẳng hề có thật tướng”**; bởi vì nó từ tánh không cho nên tướng cũng không, từ không tướng hợp thành các pháp rồi cũng trả về nơi không tướng. Chỉ có không tướng mới là pháp chơn thật của các pháp. Lưu ý không tướng ở đây không đồng nghĩa với ngoan không như lông rùa sừng thỏ.

Muốn liễu thông phân an trụ về hành xứ thứ hai của hàng Đại Bồ tát nơi phẩm An Lạc Hạnh thì trước nhất phải liễu ngộ mười như thị pháp, cũng đều là giả tướng, nơi phẩm Phương tiện kinh Pháp Hoa.

Chính văn

Lúc đó Đức Thế Tôn cần trùng tuyên lại nghĩa trên nên thuyết thơ kệ rằng:

4- Nếu có Bồ tát
Nơi đời ác sau
Tâm chẳng sợ hãi
Muốn thuyết kinh này
Nên vào “hành xứ”
Và “thân cận xứ”
Chẳng mật thiết vua
Và con của vua
Đại thần, quan trưởng
Kẻ đùa hiểm hung
Bọn người đồ tể
Ngoại đạo Phạm Chí
Cũng chẳng mật thiết
Hạng tăng thượng mạn
Tiểu thừa tham chấp
Rành ba tạng kinh
Tỷ kheo phá giới
Xưng A La Hán
Cả Tỷ kheo Ni
Thích trò cười cợt
Các nữ du ca
Tham năm món dục
Niết bàn hiện tại
Các nữ cư sĩ
Đều chớ mật thiết
Nếu hạng người đó
Dùng tâm tốt đến
Nơi của Bồ tát
Để nghe pháp Phật
Bồ tát nên dùng
Tâm chẳng sợ hãi
Không khởi mong cầu
Thuyết pháp cho họ
Gái góa, gái trinh
Và phi nam nữ

Đều chớ mật thiết
Chẳng mật thiết họ
Cũng chẳng thân cận
Đồ tể cát thái
Săn bắt chài lưới
Giết hại vì lợi
Sống nghề bán thịt
Lăn buôn sắc gái
Hạng người như thế
Đều chớ mật thiết
Đấu vật hung hiểm
Các thứ trò đùa
Cả hàng dâm nữ
Đều chớ mật thiết
Chẳng riêng chỗ khuất
Người nữ cầu pháp
Nếu phải thuyết giải
Chớ có cười đùa
Vào xóm khát thực
Phải hai Tỷ kheo
Nếu chỉ một mình
Nhất tâm niệm Phật
Điều đó gọi là
“Hành xứ”, “cận xứ”
Dụng hai xứ trên
Thuyết pháp an ổn
Lại chẳng nương theo
Pháp thượng, trung, hạ
Hữu vi vô vi
Thật hoặc giả pháp
Cũng chẳng phân biệt
Là nam hay nữ
Chẳng chọn các pháp
Chẳng biết chẳng thấy
Đây gọi tên là
“Hành xứ” Bồ tát
Tất cả môn pháp
Đều không chỗ có
Chẳng có thường trụ
Lại không khởi diệt

Là chỗ “thân cận”
Của hàng trí giả
Đảo điên phân biệt
Pháp có hoặc không
Thật hay chẳng thật
Sinh hay chẳng sinh
Ở nơi thanh vắng
Đòi trao nhiếp tâm
An trụ chẳng động
Tợ núi Tu Di
Quán tất cả pháp
Thấy đều không thật
Tợ như hư không
Chẳng hề bền chắc
Chẳng sinh chẳng xuất
Chẳng động chẳng lui
Thường trụ một tướng
Gọi là “cận xứ”
Nếu có Tỷ kheo
Sau “Ta” diệt độ
Vào hành xứ này
Và thân cận xứ
Lúc thuyết Pháp Hoa
Tâm chẳng khiếp nhược
Bồ tát có khi
Vào nơi tịnh thất
Nghĩ tưởng chơn chánh
Đúng nghĩa quán pháp
Từ thiên định dậy
Vì các quốc vương
Vương tử, quan dân
Cùng Bà la môn
Khai hóa diễn bày
Rộng thuyết kinh này
Tâm họ an ổn
Chẳng chút khiếp nhược
Văn Thủ Sư Lợi !
Đó là Bồ tát
An trụ sơ pháp
Có thể đời sau

Thuyết kinh Pháp Hoa.

Giảng luận

Thơ kệ thường trùng tuyên lại chính nghĩa kinh văn, nhưng tóm gọn để dễ tụng đọc và dễ nhớ. Nhưng cũng có chỗ thì thơ kệ và kinh văn khác hơn, hoặc chính văn không có mà thơ kệ lại tuyên thuyết rõ ràng, như trường hợp phẩm kinh này, đoạn kệ có một số câu hoàn toàn khác với kinh văn, như đoạn kệ sau đây:

Bồ tát có khi
Vào nơi tịnh thất
.....
Từ thiên định dậy
Vì các quốc vương
Vương tử, quan dân
Cùng Bà la môn
Khai hóa diễn bày
Rộng thuyết kinh này

Vì sợ hiểu lầm giữa vị Bồ tát mang sứ mệnh thuyết giảng kinh Pháp Hoa, mà sao lại chẳng mật thiết cùng hàng quốc vương, vương tử, quan đại thần, hàng Phạm Chí, Bà la môn ... đoạn kệ này giải tỏa ... Những vị Bồ tát rời thiên định lại vì quốc vương, vương tử, đại thần, Phạm Chí, Bà la môn mà thuyết giảng kinh Pháp Hoa.

Đoạn văn kinh trước ghi là hàng Bồ tát thuyết kinh Pháp Hoa chẳng nên mật thiết với quốc vương, vương tử, đại thần, đạo sĩ ... là để tránh sự y lại dựa nương một cách quá mật thiết, chỉ có thể thôi! Mục đích để tránh tình trạng Ngô Đạt Quốc Sư, chứ không phải cấm chẳng cho gần gũi. Nếu không gần gũi thì làm sao có đoạn kệ này. Đoạn kệ ghi: Bồ tát từ thiên định dậy thuyết kinh Pháp Hoa cho hàng quốc vương, vương tử, đại thần ... Hiểu sai chẳng những gây mâu thuẫn mà còn vô tình đào hố chia rẽ. Bồ tát tu pháp vô phân biệt, vậy tại sao không được gần gũi vua quan, vương tử, đại thần ... Tư tưởng sai lạc, hoặc vô tình, hoặc cố ý chia rẽ giữa người phổ truyền kinh Pháp Hoa và người nghe kinh, vậy xin từ nay nên chấm dứt, hầu mới lấp bằng cái hố chia rẽ. Cũng cần giải thích thêm về hai chữ thân mật tức là mật thiết. Trước đã giải sơ lược, đây xin rõ thêm mật thiết như cha mẹ mật thiết với con trẻ, hôn hít cung nựng, hoặc đồng hội chung thè đồng tử đồng sanh... Nói chung là chẳng nên mật thiết như người thế tục. Vị Đại Bồ tát là của chung, như ánh sáng mặt trời, lợi ích cho cả muôn loài vạn vật, chứ không như ánh đuốc, hay lò sưởi chỉ dành cho riêng rẽ. Mật thiết là hành động của cá thể.

Bí pháp của phẩm An Lạc Hạnh không phải ở nơi chữ nghĩa mà ở chỗ “**Dụng**” của nó. Dụng của phẩm kinh này là Đức Phật chỉ rõ những điều cần có của một vị Đại Bồ tát để thuyết giảng phổ truyền kinh Pháp Hoa. **Dụng** của vị Bồ tát là: Được an trụ nơi bốn pháp. Hành xử đã khó, mà thân cận xử và hạnh an lạc lại càng khó hơn. Chúng ta phải chú ý chẳng lẽ những lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nơi phẩm kinh này là chỉ để dành riêng cho hàng Đại Bồ tát thôi ư ! Ngoài sự dạy Bồ tát, Đức Phật cũng còn dạy chúng ta chứ! Vậy thì chúng ta, hàng học giả, hành giả, trí giả của Pháp Hoa tu gì đây, đó mới chính là bí pháp.

Một vấn đề quan trọng khác là đa phần hành giả Pháp Hoa ưa đọc tụng qua rồi thôi, ít ai trích đoạn và học thuộc, để hằng ngày ôn nhuần và áp dụng vào đời sống phàm tình của chính mình. Ví dụ như đoạn kệ nhân mạnh về cận xử:

**Quán tất cả pháp
Thấy đều không thật
Tự như hư không
Chẳng hề bền chắc
Chẳng sinh chẳng xuất
Chẳng động chẳng lui
Thường trụ một tướng
Gọi là “cận xử”**

Học thuộc tám câu, 32 chữ này, rồi ngày nào cũng đọc một vài lần, trải qua hơn một năm chúng ta sẽ rõ thấy sự linh nghiệm của sự tu luyện này đã làm cho tâm trí của mình, tự khai mở và hiệu quả của sự an lạc về cuộc sống của chính mình nó sẽ sáng suốt an vui khác trước rất nhiều. Nên tuyệt đối tin tưởng và yên lặng thực nghiệm, sau đó mới phổ truyền cho người khác để cùng thâm tín, để cùng thọ trì kinh Pháp Hoa như mình.

Trên đây chỉ nêu đại cương một đoạn thơ kệ, còn ai phù hợp đoạn nào, câu nào, chữ nào thì chọn đoạn đó, chữ đó. Như luyện hai chữ “Diệu âm” của phẩm Phổ Môn, hoặc luyện bốn chữ “trí hiện lý ân” của phẩm Đề Bà Đạt Đa ... Nói chung tu luyện theo đoạn nào, câu nào, chữ nào cũng được, miễn rằng tu phải có luyện, mà luyện thì phải tinh chuyên. Có công mài sắt có ngày nên kim, nhất là giới học giả lại cần phải tu luyện hơn ai hết. Võ sinh không luyện thì sao thành võ sĩ, khi đạt võ sĩ mà không luyện thì sao thành võ sư. Hành giả không luyện làm sao thành trí giả, giảng sư không luyện làm sao thành Pháp sư.

Trong bốn pháp của Bồ tát an trụ để thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa, pháp nào, chi tiết nào cũng quan trọng, đoạn nào cũng có thể trích để

tập luyện được cả. Nhưng khi đã gia công tập luyện thì phải chuyên cần, nhất là liễu thông và chứng đắc chủ đích đó.

--- o0o ---

C. Cuộc sống an lạc

Chính văn

5. Lại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi Như Lai diệt độ, nơi đời mạt pháp Bồ tát muốn thuyết kinh này cần phải trụ ở “hạnh an lạc”.

Khi tuyên thuyết hoặc đọc tụng kinh này thì chẳng ưa nói lỗi của người và của kinh điển, cũng chẳng khinh mạn các Pháp sư khác, chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác. Ở nơi hàng Thanh Văn cũng chẳng nêu đích danh, chớ nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng nêu tên khen ngợi điều tốt của người đó.

Lại cũng chớ sanh lòng oán hiềm, luôn giữ tâm khéo tu hạnh an lạc như thế, nên mọi người nghe pháp không trái ý. Có ai gạn hỏi, chớ nên dùng pháp Tiểu thừa mà đáp, nên khéo dùng Đại thừa mà thuyết giải khiến người nghe đặng bậc “Nhất thiết chủng trí”.

Giải luận

Không nói lỗi của người, chẳng khinh mạn Pháp sư, chẳng nói việc xấu dở của người khác. Việc này chỉ có hàng Đại Bồ tát chứ còn hành giả Pháp Hoa thì trong số trăm người hết tám chín chục vị vi phạm, bởi thế nên suốt đời chưa bước vào nhà Pháp Hoa, chứ đừng nói đắc thành Đại Bồ tát phổ truyền kinh Pháp Hoa. Các Đạo tràng Pháp Hoa thường thường biến thành nơi hí trường (nhà hát) bình luận khen chê thầy này dịch hay, thầy kia in chép dở, thầy nọ giảng hay, thầy khác tụng dở. Việc giảng kinh chứ đâu phải văn nghệ, nêu dở thì đừng nghe, bỏ tránh đi nơi khác, mở miệng bình phẩm làm gì! Các vị Giảng sư, Pháp sư Pháp Hoa đâu phải là ca sĩ, hay diễn viên điện ảnh mà đem ra bình luận khen chê. Có người chịu tu cái miệng không chê chỗ dở của kinh hoặc của Pháp sư, nhưng cái ý chưa được như cái miệng. Việc khen chê Giảng sư, Pháp sư tuy rất đơn giản dễ tránh, thế mà rất khó được đa phần thực hiện.

Hôm nay chúng ta đã hiểu rõ, rất mong giới học giả lẫn hành giả, trí giả kinh Pháp Hoa tĩnh lặng, an vui, hòa hợp bước vào tu tập “**hạnh**” Bồ tát, tập làm việc Bồ tát làm, hầu sớm đắc quả Bồ tát, để cùng nhau phổ truyền kinh Pháp Hoa.

--- o0o ---

**Khi ấy Đức Thế Tôn tuyên thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa đoạn
kinh này:**

Chính văn

**6- Bồ tát luôn trụ
An lạc thuyết kinh
Ở nơi thanh tịnh
Ổn định sàn tòa
Dùng dầu xoa thân
Gội tắm bụi dơ
Mặc y phục mới
Trong ngoài đều tịnh
An định pháp tòa
Tùy hỏi mà đáp
Nếu có Tỷ kheo
Hoặc Tỷ kheo Ni
Thiện nam Phật tử
Cùng nữ cư sĩ
Quốc vương, vương tử
Quan quân, quần chúng
Ai cần diệu nghĩa
Vui vẻ nói trao
Nếu có gạn hỏi
Tùy nghĩa mà đáp
Nhân duyên, thí dụ
Phân biệt rõ ràng
Áp dụng phương tiện
Đều khiến phát tâm
Dần dần thêm đông
Nhập giáo pháp Phật
Trừ tâm biếng nhác
Lẫn tướng giải đãi
Khiến bớt ưu não
Tâm lành thuyết pháp
Đem ngày thường thuyết
Giáo pháp vô thượng
Dùng các nhân duyên
Vô lượng thí dụ**

**Chỉ dạy chúng sanh
Đều khiến hoan hỷ
Giường nằm, y phục
Ăn uống thuốc men
Sẵn dành đầy đủ
Chẳng hề mong cầu
Chỉ nhất tâm niệm
Thuyết pháp nhân duyên
Nguyện thành Phật đạo
Mọi người cũng thể
Đó là lợi lớn
An vui cúng dường
Sau ta diệt độ
Nếu có Tỷ kheo
Có thể thuyết được
Kinh Diệu Pháp Hoa
Tâm chẳng ganh hờn
Các nãi chướng ngại
Cũng chẳng ưu sầu
Cũng chẳng mắng nhiếc
Lại không hãi sợ
Bởi các dao gậy
Không xua đuổi ai
Vì an trụ nhẫn
Người trí như thế
Khéo tu tâm mình
Khá trụ an lạc
Như ta nói trên
Công đức người này
Nghìn muôn ức kiếp
Tính đếm, thí dụ
Nói chẳng hết được.**

Giảng luận

Đoạn thơ kệ trùng tuyên lại hạnh thứ ba của vị Đại Bồ tát phổ truyền kinh Pháp Hoa, hoặc người mới tập hạnh Bồ tát.

Muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa thì phải an trụ đủ bốn pháp. Dù hành xử và thân cận xử đã tròn, nhưng thiếu hạnh an lạc thì việc phổ truyền kinh Pháp Hoa sẽ ít thành tựu. Ví dụ như người phổ truyền kinh Pháp Hoa mà tâm luôn ganh ghét hoặc mắng nhiếc người khác, tâm ý âu sầu, hãi sợ, hay

xua đuổi người khác, nhất là dùng vũ lực hăm dọa người khác thì ai nghe theo mà phổ truyền? Người muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa phải an trụ nơi các hạnh nhẫn. Chẳng những là lời kinh căn dặn mà Đức Phật còn thuyết thơ kệ trùng tuyên rất cặn kẽ. Trong chúng ta ai cũng có thể làm theo một lời dạy của Đức Phật nơi hành xứ này. Nếu chưa thực hành hoàn chỉnh thì cũng được một phần. Nhất là trích từng đoạn từng câu, hoặc từng chữ, đọc đi đọc lại rất nhiều lần. Đọc đến khi nhập tâm lúc nào chẳng hề hay biết, phương pháp hành trì này sẽ đạt kết quả không ngờ.

Tóm lại muốn phổ truyền kinh Pháp Hoa độ mình và làm cho đời ngày càng ngạt ngào hương Diệu Pháp thì điều cần thiết là phải thực hành, tức là tu phải luyện. Trước nhất học thuộc, rồi đọc tụng thọ trì chuyên cần và nhuần nhuyễn. Đừng đọc trôi qua, nhất là tu luyện chớ nên để gián đoạn thiếu tinh chuyên thì không kết quả sẽ ân hận, bởi vì đã uổng mất một đời được làm thân người và đã gặp được pháp môn tu luyện Pháp Hoa.

---o0o---

Chính văn

7. Lại này Bồ tát Văn Thù ! Vị Đại Bồ tát

ở đời rất sau, lúc pháp gần diệt, mà ai đọc tụng thọ trì kinh này thì chớ nên dua nịnh, dối trá ganh ghét, cũng chớ khinh khi mắng nhiếc người, chớ nên vạch tìm chỗ hay dở của người tu theo đạo Phật. Nếu là hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, hàng nam nữ cư sĩ, hoặc người cầu Thanh Văn, hoặc người cầu Duyên Giác, hoặc tu cầu Bồ tát đạo, cũng không nên làm náo hại những người đó, làm cho họ nghi hối, chớ nói với người đó là các người còn cách đạo rất xa, trọn đời không thể đắc bậc nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì dù cho có người buông lung đối với đạo, thường hay biếng trễ. Lại cũng chớ nên tranh giỡn, giành cãi về Phật pháp. Phải vì hết thấy chúng sanh mà khởi tâm đại từ bi, còn đối với chư Phật thường tâm tưởng kính mến như vị cha lành của mình, đối với chư Bồ tát thường tưởng kính như bậc đại sư. Đối với chư Bồ tát ở khắp mười phương, thường tín tâm tôn kính lễ lạy, còn đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng thuyết pháp. Vì thuận theo pháp nên chẳng thuyết nhiều, hoặc ít, nhẫn đến đối với kẻ mến thích giáo pháp, cũng không nên nói nhiều.

Bồ tát Văn Thù! Vị Đại Bồ tát ở đời rất sau, lúc pháp gần diệt, nếu thành tựu được hạnh an lạc thứ ba đây thì khi thuyết pháp này chẳng ai nào loạn, lại được bạn tốt đồng học cùng chung đọc tụng kinh này, lại được đại chúng thường đến nghe thọ trì. Nghe rồi luôn nhớ, nhớ rồi

luôn tụng, tụng rồi luôn thuyết, thuyết rồi hay chép, hoặc khuyên bảo nhiều người cùng chép, cúng dường và tôn trọng, cung kính, tán dương.

Giảng luận

Đoạn kinh văn này đã chuyển sang pháp an trụ thứ ba, tức là vị Bồ tát đang an trụ ở hạnh an lạc để thuyết kinh Pháp Hoa.

Đoạn này không riêng chú trọng hàng Đại Bồ tát, mà Đức Phật dụng ý nhắc tất cả những ai tu luyện kinh Pháp Hoa, chớ nên giữ tâm ganh ghét nhỏ mọn đua nịnh, chớ khinh mắng người khác, chớ vạch lông tìm vết, tìm chỗ lỗi của người để nói xấu người.

Đặc biệt lại còn nói về hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam nữ Phật tử, kể cả những vị tu cầu Thanh văn, Duyên giác thì vị Đại Bồ tát và những người tập luyện hạnh Bồ tát không nên gây cho họ sự ngờ vực. Phá giới không bằng phá kiến. Không nên nói những lời rằng các vị tu không chứng bởi vì các vị cách đạo rất xa. Lại cũng chớ nên tranh luận kể cả giành cãi. Tu theo phương pháp an trụ hạnh an lạc, hành giả phải khởi tâm bình đẳng, tâm không hề phân biệt. Cũng không vì thích ưa thuyết giảng quá nhiều, cũng không nên thuyết quá ít.

Không đợi đến hàng Đại Bồ tát, mà bốn chúng đệ tử Phật đều phát tâm tu luyện để tập sự phổ truyền kinh Pháp Hoa, nhưng phải sống an trụ nơi hạnh an lạc đúng như lời Đức Phật dặn dò nơi đoạn kinh này. Nếu ngược lại thì chẳng những không đem lợi ích an vui cho người mà còn đem sự hiểu lầm phá tín tâm của hàng thánh chúng. Phần thơ kệ tiếp theo là bổ túc cho sự an trú nơi hạnh an lạc.

---o0o---

Chính văn

Lúc đó Đức Phật tuyên thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này:

- 8. Nếu muốn thuyết kinh này**
- Phải dứt bỏ ganh hờn**
- Chớ ngạo đối tà ngụy**
- Tinh tấn tu chánh trực**
- Chẳng được khinh miệt người**
- Cũng chẳng hí luận pháp**
- Chẳng gây người nghi nan**
- Rằng họ không thành Phật**
- Đệ tử Phật thuyết pháp**
- Luôn nhẫn nhục nhu hòa**

**Khởi tâm từ tất cả
Không sanh tâm lười biếng
Đại Bồ tát mười phương
Thương chúng sanh hành đạo
Phải khởi tâm kính lễ
Là bậc Pháp sư mình
Đối chư Phật Thế Tôn
Kính là cha vô thượng
Trừ bỏ tâm kiêu ngạo
Thì thuyết pháp chẳng ngại
Pháp thứ ba như thế
Bậc trí phải giữ gìn
Nhất tâm An Lạc Hạnh
Vô lượng chúng cung kính.**

Giảng luận

Thường thường tụng đọc kinh văn chưa liễu ngộ, nhưng tụng tụng nhiều lần thơ kệ liền bùng vỡ trí sáng nơi chính mình, thói hư tật xấu nhờ đó mà dần dần thay đổi. Ai tu hành được như thế thì gọi là tụng, là thọ, là trì kinh Pháp Hoa. Còn đọc suông để tính đếm số nhiều mà khoe khoang rằng tôi trì tụng hàng trăm, hàng ngàn bộ kinh Pháp Hoa, mỗi ngày đêm tôi tụng và trì đến mấy bộ kinh. Ai tu như thế thì đó chỉ mới có đọc kinh Pháp Hoa, chứ chưa phải là tụng. Chưa đúng nghĩa tụng thì sao có thể bảo là trì. Vậy thì thế nào là đọc, thế nào là tụng? Đọc là nhanh như đọc sách, còn tụng thì phải có nghi lễ khai kinh, đọc chú Tịnh khẩu nghiệp, Tịnh pháp giới, Tịnh tam nghiệp. Nếu không đọc các bài chú này mà tụng thì tiếng tụng chỉ lẫn quẩn nơi dơ bẩn chứ không thể phóng xa ra khỏi bầu khí quỳên thì làm gì âm thanh tùy xứ kiết tường vân, làm gì có chư Phật hiện toàn thân. Nhất là khi tụng kinh phải có hương hoa trà quả, nếu thiếu trà quả thì phải có hương hoa, bằng ít nhất cũng phải có một cây hương thơm để mượn mùi hương xóa đi sự hôi hám đang chung quanh ta. Tiếng chuông mõ hợp cùng các nhạc cụ trống, bồng, khánh, tạo thành âm thanh do các hợp chất kim - mộc - thủy - hỏa - thổ tạo thành giúp tiếng tụng kinh của mình hòa nhập cùng với trùng trùng pháp giới bao la. Nhưng sử dụng mõ chuông bắt buộc phải như nhạc sĩ hòa tấu, chứ không phải đánh nhanh như mõ báo động cháy nhà. Nếu đánh nhanh quá các vị quỷ thần tưởng mõ báo động nên quy tụ đến tận nơi thì ôi thôi cả người đánh mõ lẫn quỷ thần đều ngẩn ngơ. Còn trì thọ thì linh thiêng hơn tụng. Muốn tập trở thành một nhạc công, một nhạc sĩ, một người thọ, một vị kỹ sư, bác sĩ ... thì tốn biết bao công phu tập luyện, nhỏ biết bao giọt mồ hôi. Còn ở đây tu tập để trở thành một hành giả, một thức giả, một trí

giả, một vị Bồ tát, một vị Đại Bồ tát để phổ truyền kinh Pháp Hoa và cuối cùng là đắc thành một vị Pháp sư, thế mà có người tu kinh Pháp Hoa lại bày trò lừa phỉnh đời và dối thánh thần, biến một pháp môn màu nhiệm thành một trò tiêu khiển, cũng có vị biến thành trò đùa hoặc dùng để khoe khoang, tụng nhiều kinh để dễ che mắt mọi người tỏ ra là có nhiều uy tín, để thiên hạ thấy mình “tu niệm giỏi” thì mới dễ làm ăn, mới dễ áp phe, mới dễ hót hụi. Ở đời việc không tốt cũng có người dám làm. Nhưng việc linh thiêng màu nhiệm đừng nên pha trộn vào những việc thiếu chơn chánh. Hành giả Pháp Hoa giúp người nhập vào lẽ chánh nên phát tâm đọc đi đọc lại, tụng tới tụng lui, đọc chậm rãi bỗng trầm như một dàn nhạc hòa tấu để âm thanh vi diệu của kinh Diệu Pháp Liên Hoa dễ thấm vào lòng người, dễ nhập vào dòng đời, giúp đời vui bớt thương đau, bớt phiền não, giảm giọt lệ, tăng nụ cười.

Chúng ta không thể hành đúng bốn pháp an trú của phẩm An Lạc Hạnh như các Ngài Đại Bồ tát thì tối thiểu cũng hành theo một vài điều mà Phật đã dạy kỹ nơi phẩm kinh.

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

(Nửa phẩm An Lạc Hạnh)

Chúng ta đã đi qua ba pháp an trú của các Ngài Đại Bồ tát khi các Ngài phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Nếu trong số chúng ta ai muốn an trú pháp nào để học hạnh của các Ngài, theo chân các Ngài để tu luyện và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nếu không thực hành hết toàn phần những lời chỉ dạy của Đức Phật thì cũng tu luyện một vài điểm là đã tốt lắm rồi.

Nếu chọn đoạn nào thì chép đoạn ấy, câu ấy, hoặc cũng có thể tụng toàn phần giảng luận cũng được. Có người nói tụng kinh chứ ai lại tụng sách. Pháp Hoa giảng luận gồm cả kinh lẫn phần giảng luận, vậy thì đây thuộc là sách rồi, làm sao tụng? Ai bảo không tụng được? Cứ vẫn tụng theo âm điệu ngân nga, bỗng trầm khoan nhặt, chỉ khác là sử dụng mõ chuông. Tụng kinh vẫn thì lời nào tiếng mõ đó, còn tụng giảng luận thì ba lời mới nhịp một tiếng mõ, có khi đến dấu phẩy mới có tiếng mõ, đến dấu chấm mới có tiếng chuông.

Chia phẩm An Lạc Hạnh thành hai bài học giúp hành giả dễ nhớ và dễ thực hành. Chúng tôi nêu vấn đề như thế chắc chắn cũng có người không đồng ý phẩm An Lạc Hạnh là phẩm kinh Đức Phật dạy cho hàng Đại Bồ tát, còn mình là phàm nhân thì làm gì vơ lên cho đến những lời dạy cao siêu của phẩm kinh.

Ai có tư tưởng như thế thì đã tự mình đánh mất tánh Phật của mình rồi vậy! Đồng ý là Phật dạy hàng Đại Bồ tát, các Ngài Đại Bồ tát là những vị Bồ tát ma ha tát “**đã thành**”, còn chúng ta là những vị Bồ tát “**sẽ thành**” kia mà! Hàng Đại Bồ tát vâng lời Đức Phật thực hành tất cả những lời Đức Phật dạy nơi phẩm kinh, còn chúng ta là phạm phu chẳng lẽ không thực hành theo một vài lời chỉ dạy của Đức Phật hay sao? Bồ tát hành theo nhẫn nhục nhu hòa và vô sanh pháp nhẫn, còn chúng ta khởi đầu tập hành theo hai chữ “**nhẫn nhịn**”, dần dần tiến đến nhẫn nhục rồi mới tấn lên cao hơn. Nhẫn nhịn khác xa nhẫn nhục. Nhẫn nhịn dễ tập dễ luyện. Ngoài xã hội đâu phải ai cũng là đệ tử giỏi của Đức Phật, vậy mà biết bao người sống tròn hạnh nhẫn nhịn, có người đạt luôn đức tánh nhẫn nhục, kể cả nhu hòa.

Chúng ta đã là đệ tử của Đức Phật há lại thua nhiều người ngoài xã hội hay sao?

Trước mắt chúng ta có những loài vật, chúng đang sống nhẫn nhịn nhu hòa, đó là loài vịt, loài trâu. Loài vịt dù bao nhiêu ngàn vạn con vẫn sống thương yêu nhường nhịn nhau không bao giờ cắn xé tàn hại nhau. Tu luyện an trụ pháp thứ ba của phẩm này Đức Phật dạy **không mắng nhiếc kẻ khác ... không dao gậy đánh nhau**. Vịt chúng làm được điều này, còn ta là người đang đọc tụng tu tập kinh Pháp Hoa không lẽ thua chúng hay sao? Vậy thì có ai phản đối rằng tôi tu phẩm khác chứ không tu phẩm An Lạc Hạnh hay không? An Lạc là an vui mà tránh né, từ chối, vậy không lẽ thích và chấp nhận phiền não hay sao?

Tu kinh Pháp Hoa không bắt buộc phải hoàn toàn tu hành đúng theo toàn phần bộ kinh Pháp Hoa, nhưng quyết định là không nên đọc suông mà không chịu thực hành một phần nào theo lời dạy nơi kinh. Một mình thực hành vẫn chưa đủ, cần phải phổ truyền khuyến khích người khác cùng tu theo kinh Pháp Hoa. Chú bé chơi trò chơi vọc bùn, nhưng ngộ nghĩnh hơn các đứa bé khác, đó là bé dùng móng tay vẽ ba vòng tròn hợp lại nhau. Vòng tròn trên nhỏ, tượng trưng là phần đầu, vòng giữa lớn hơn tượng trưng là thân thể, vòng dưới lại lớn hơn vòng giữa, tượng trưng hai chân xếp bằng kiết già. Vẽ xong bé mừng reo: “Mẹ ơi! Con vẽ Đức Phật”. Đứa bé đó sau này nhất định sẽ thành Phật. Một bà cụ già không thông chữ nghĩa, nên không đọc kinh điển, nhưng khi bà đi ngang qua chùa, vừa nhìn thấy tượng Phật, bà áy nghiêng một bàn tay và cúi đầu xá Phật, còn tay kia bà bận cầm vật khác. Như thế đó, chỉ nghiêng một tay và cúi đầu xá, chứ chưa lễ lạy, vậy mà Phật dạy rằng người đó sau này nhất định sẽ thành Phật. Tu kinh Pháp Hoa dễ như thế đó, tại sao có người lại ngần ngại, lại xa lánh kinh Pháp Hoa? Trái lại có người thuộc dạng trí thức, nên phát biểu rằng, việc tu luyện kinh Pháp Hoa dễ dàng lắm, cho nên đây chỉ là pháp dành cho đàn bà con nít

tu chứ còn trí thức chúng tôi có gì trong đó để mà tu. Khoan đã, chớ vội vàng ứ đoán chủ quan như thế, xin mời những ai đó hãy đi sâu vào các đoạn kinh: Hãy quán sát các pháp không tướng. Không tướng là thực tướng, bởi vì không tướng đồng với thực tướng. Ai chứng đắc thể tướng không này mới liễu ngộ Pháp Hoa, hoặc Pháp trụ trên ngôi pháp. Vậy pháp nào trụ trên pháp nào? Hoặc câu “Tướng thế gian vẫn thường”. Đã là tướng của thế gian thì thuộc về vật thể, mà vật chất thì tan mất, là vô thường, chứ sao lại nói là vẫn thường? Một vài nét về kinh Pháp Hoa khai mở chỗ thắc mắc để ai ai cũng có thể tu kinh Pháp Hoa. Nhưng với một điều kiện tối hậu là phải thông lý đạt sự. Phải học thông suốt về lý tánh và tập luyện để đắc sự tướng.

Hồi hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyên thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát ma ha tát, tác đại chứng minh.

Xin đọc tiếp pháp an trụ thứ tư của phẩm An Lạc Hạnh nơi bài 23 kế tiếp.

--- o0o ---

Bài 23 - Phẩm An Lạc Hạnh - Thứ Mười Bốn (tiếp theo)

Viên ngọc minh châu nơi búi tóc nhà vua.

Phật truyền trao kinh Pháp Hoa như vua trao ngọc.

Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại nghĩa này.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Phẩm An Lạc Hạnh chia thành bốn phần chính, bài 22 đã trình bày ba phần:

- + Tiêu chuẩn đức hạnh (Hành xứ).
- + Những nơi chẳng nên mật thiết (Thân cận xứ).
- + Cuộc sống an lạc (An Lạc Hạnh).

Phần còn lại của phẩm kinh nơi bài này trình bày vị Đại Bồ tát và những vị phổ truyền kinh Pháp Hoa phải an trụ nơi pháp thứ tư, đó là phát khởi **ý đại từ** và **tâm đại bi**. Đức Phật ví kinh Pháp Hoa như viên ngọc minh châu trong búi tóc của nhà vua, mà là vua nào? Điều quan trọng tiếp theo là đến lúc nào mới trao và tặng cho ai chứ không phải bạ đâu trao đó. Đức Phật suốt mấy mươi năm thuyết pháp, truyền trao cho trời người thần quỷ rồng

các kinh khác, nhưng kinh Pháp Hoa vẫn chưa trao truyền, mãi đến khi vào Pháp Hoa hội Linh Sơn, Đức Phật mới tuyên thuyết và truyền trao kinh này cho những ai đã đầy đủ nhân duyên. Thuở Đức Phật còn tại thế mà sự truyền trao còn gặp khó khăn, huống gì sau này. Đã cách mấy ngàn năm mà còn được gặp kinh Pháp Hoa thì đây có phải là niềm vui hy hữu cho những ai đầy đủ túc duyên. Vậy tại sao chúng ta không trân trọng thọ nhận, giữ gìn và phổ truyền khắp mọi nơi.

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

Chính văn

9- Nay Đại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Về các đời rớt sau, khi pháp gần diệt, nếu có hàng Đại Bồ tát phát tâm trì kinh Pháp Hoa ở nơi Tăng Ni, Phật tử, mà khởi tâm đại từ, ở nơi hạng người chẳng phải Bồ tát mà khởi tâm đại bi thì phải nghĩ như vậy: Đức Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp, nhưng có hạng người chẳng biết, chẳng hay, chẳng tin, chẳng hỏi thì những người như thế mất lợi lớn. Dù hạng người đó chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, nhưng Như Lai là đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên dấu họ ở đâu, Như Lai cũng dùng sức thần thông, sức trí tuệ dẫn dắt hạng người này khiến họ được an trụ trong pháp này.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Vị Bồ tát sau khi Như Lai diệt độ, nếu thành tựu được pháp thứ tư này thì lúc thuyết kinh Pháp Hoa không có làm lỗi, hàng được hàng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam Phật tử, nữ Phật tử, quốc chủ, con quốc chủ, quan quân, cùng nhân dân, đạo sĩ, cư sĩ, cả thầy cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Hàng chư thiên ở nơi hư không vì nghe pháp cũng thường theo hầu. Nếu ở nơi xóm làng, thành ấp, rừng cây vắng vẻ, hoặc có người đến muốn gạn hỏi thì hàng chư thiên ngày đêm vì pháp mà hộ vệ vị ấy, khiến cho người nghe thấy đều vui mừng.

Vì sao? Vì kinh này được sức thần của tất cả các Đức Phật đã qua, hiện nay và mai sau đều giữ gìn vậy. Bồ tát Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này ở trong vô lượng cõi nước, nhấn đến tên bộ kinh còn chưa được nghe, huống chi là được thấy, đọc tụng, thọ trì.

Giảng luận

Tụng đọc nhiều bản âm Hoa, kể cả Việt ngữ của đoạn này hành giả chẳng thể nào hiểu! Có lẽ do in ấn chưa hoàn chỉnh, nên có những chỗ không rõ nghĩa.

--- o0o ---

A. Trích nguyên văn và dịch lại vài đoạn

9- Lại Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Các vị Đại Bồ tát ở đời rốt sau, lúc pháp gần diệt, khi trì kinh Pháp Hoa này, ở trong hàng người tại gia xuất gia, sanh lòng từ lớn, ở trong hàng người chẳng phải Bồ tát, sanh lòng bi lớn, phải nghĩ thế này: “**Những người như thế thời là mất lợi lớn**”. Đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói pháp, chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi. Người đó dẫu chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, **lúc ta đặng** Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác người đó tùy ở chỗ nào, ta dùng sức thần thông, sức trí huệ dẫn dắt đó, khiến đặng trụ trong pháp này.

Đoạn này có hai chỗ khó hiểu:

Đức Như Lai hiện đang là Phật, là Như Lai, là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, chứ còn bảo đợi **lúc ta đặng** Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba chữ lúc ta đặng rất khó hiểu.

* Hàng Đại Bồ tát trì kinh Pháp Hoa đã vì Tăng Ni Phật tử khởi lòng từ lớn, hoặc vì hàng không phải Bồ tát khởi lòng bi lớn phải nghĩ thế này: Những người như thế thời là mất lợi lớn. Tại sao phát tâm đại từ, phát tâm đại bi mà mất lợi lớn?

--- o0o ---

B. Trích nguyên văn âm Hoa chữ Việt đoạn kinh này của nhiều bộ Pháp Hoa :

9- Hựu Văn Thù Sư Lợi ! Bồ tát ma ha tát ư hậu mạt thế pháp dục diệt thời, hữu trì thị Pháp Hoa kinh giả, ư tại gia xuất gia nhơn trung sanh đại từ tâm, ư phi Bồ tát nhơn trung sanh đại bi tâm, ưng tác thị niệm **Như thị chi nhơn tắc vi đại thất**. Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp bất văn, bất tri, bất giác, bất vấn, bất tín, bất giải, kỳ nhơn tuy bất văn, bất tín, bất giải, thị kinh, ngã đắc a nậu đa la, tam miệu tam bồ đề thời, tùy tại hà địa, dĩ thần thông lực trí huệ lực, dẫn chi linh đắc trụ thị pháp trung ...

Cả đoạn này từ âm Hoa lẫn Việt dịch đều khó hiểu, chỉ khác hơn một chữ “**ngã đắc**” chứ không có thêm chữ “**lúc ta đặng**”. Vì khó hiểu nên chúng tôi mới nghĩ rằng đây có lẽ là do in ấn, hoặc do người sửa bản in làm

lẫn làm tối nghĩa đoạn kinh nên mới dám xin đổi một vài câu, từ phía dưới lên, hầu dễ hiểu, chứ không dám sửa hoặc thêm bớt, bởi vì y kinh giải nghĩa ba đời oan ức cho chư Phật, nhược bằng rời kinh một chữ tức là nói lời của ma !

--- o0o ---

C. Kinh Pháp Hoa giảng luận tập 2, đoạn này, đảo mấy chữ từ trên xuống :

9- Lại này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Chư vị Đại Bồ tát về các đời rất sau, lúc pháp gần diệt, nếu vị Bồ tát nào trì kinh Pháp Hoa này, mà ở nơi Tăng Ni Phật tử thì nên **khởi tâm đại từ**, hoặc ở nơi những người không phải Bồ tát thì nên **khởi tâm đại bi** (dời chín chữ ra sau).

Đức Như Lai phương tiện tùy nghi thuyết pháp **ta nghĩ như thế này**: Có hạng người chẳng được nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi: “**Những người như thế thì mất lợi lớn**”. Dù hạng người đó chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, nhưng **Như Lai là đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác** nên dẫn họ ở đâu Như Lai cũng dùng sức thần thông, sức trí tuệ dẫn dắt hạng người này khiến họ được an trụ trong pháp này.

So sánh ba trích đoạn để hành giả Pháp Hoa dễ nghiên cứu.

Đọc tụng phẩm này chúng ta nghe lời kinh chỉ dẫn, hàng Bồ tát hoặc tập tu nhập hạnh Bồ tát thì cần phải an trụ nơi bốn pháp, nhưng ba nơi an trụ trước thì dễ hiểu, vì chẳng những kinh văn, mà còn thơ kệ, Đức Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần về:

- | | | |
|----------------|--------------------------------|----------------------------------|
| 1. Hành xử | } * <i>tiêu chuẩn đức hạnh</i> | |
| 2. Thân cận xử | | * <i>nơi chẳng nên mật thiết</i> |
| 3. Hạnh an lạc | | * <i>cuộc sống an lạc</i> |

Còn nơi an trụ thứ tư, nếu không lắng sâu thì rất khó hiểu.

Nơi an trụ thứ tư: Trì kinh Pháp Hoa ở giữa nơi Tăng Ni Phật tử **khởi tâm đại từ**, ở nơi chẳng phải Bồ tát **khởi tâm đại bi**. Vì chỉ có tám chữ nên nhiều người chưa phân tích để liễu thông và liễu ngộ. Có người lầm tưởng nơi an trụ thứ tư là viên ngọc minh châu nơi búi tóc của vị Chuyển Luân Thánh Vương.

“Khởi tâm đại từ ... khởi tâm đại bi” chỉ có thể thôi! Nhưng không phải dễ khởi sanh tâm đại từ và tâm đại bi. Vì đại từ và đại bi là hai pháp quán trong năm pháp tu quán và chứng đắc của Bồ tát Quán Thế Âm.

- + Chơn quán.
- + Thanh tịnh quán.
- + Đại trí tuệ quán,
- + Bi quán.
- + Từ quán.

Đọc thì chơn quán trước, nhưng tu trước nhất cần phải tập luyện “**Từ quán**”, khi nào chứng đắc mới chuyển sang hành pháp “**Bi quán**” và cứ thế lần lần ngược lên đến điểm cao là đến “**Chơn quán**”. Năm pháp quán, hay hai pháp tu luyện ý đại từ, tâm đại bi cũng là những pháp môn hành quán của hàng Đại Bồ tát. Vì vậy nên kinh Pháp Hoa phẩm An Lạc Hạnh mới ghi hai pháp môn tu này vào nơi an trụ thứ tư của Bồ tát, cũng như của bất cứ ai muốn học và tu theo hạnh Bồ tát. Có an trụ được bốn pháp ghi nơi phẩm này mới có thể thọ trì và phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Có nhiều hành giả Pháp Hoa vì vô tình không hiểu, hay cố ý lộng ngôn rằng tôi đã an trụ nơi bốn hành xứ của phẩm An Lạc Hạnh.

Đại từ tâm và đại bi tâm

Nơi an trụ thứ tư của những vị Đại Bồ tát khi trì kinh Pháp Hoa là đại từ tâm và đại bi tâm. Trong giới Phật giáo có người hiểu lầm đại từ cũng giống đại bi nên thường ghép hai chữ làm một và thường gọi chung là “đại từ bi”. Phẩm An Lạc Hạnh này Đức Phật phân biệt rõ ràng. Nếu đối với Tăng Ni Phật tử thì phát đại từ tâm, nhưng với hạng người không phải Bồ tát thì nên phát đại bi tâm. Tại sao mà Đức Phật phải dặn dò hàng Đại Bồ tát và những ai tập hạnh Bồ tát kỹ lưỡng như vậy ? Là vì giới Tăng Ni Phật tử dù sao cũng là những người đã hiểu đạo, nên hàng Đại Bồ tát chỉ phát khởi “**Hạnh Từ**” để hỗ trợ mà thôi. Từ năng giữ lạc, chỉ giữ điều vui cho hàng xuất gia tại gia. Nhưng trái lại đối với hạng người không phải là Bồ tát, có nhiều khi họ cũng có đạo, nhưng mà đạo khác cho nên vị Đại Bồ tát phải phát khởi “**Đại bi tâm**” để xua những nỗi khổ cho họ, bởi vì “**bi năng bạt khổ**”, tức là bi thì xóa những nỗi khổ cho người.

Phẩm Phổ Môn tu về hạnh từ và hạnh bi rõ hơn, đó là từ thì còn đình ở nơi ý, còn bi thì phải chuyển về tâm. Từ giữ điều vui - bi bạt điều khổ. Từ thì diệu - bi thì hùng. Từ năng giữ lạc - bi năng bạt khổ. Bi ở tâm nên mạnh như sấm rền - Bi tâm răn như sấm. Từ thì ở ý nên vi diệu hơn - Từ ý diệu dường mây.

Nơi an trụ của vị Đại Bồ tát trì kinh Pháp Hoa là phải an trụ ở nơi ý từ đối với nội bộ trong nhà Phật giáo, còn đối với người ngoài Phật giáo thì phải tâm bi để xua tan nỗi khổ cho người.

--- o0o ---

Viên ngọc minh châu trong búi tóc của vị Chuyển Luân Thánh Vương

Chính văn

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi! Thí như Chuyển Luân Thánh Vương sức lực hùng mạnh, muốn đem uy thế hàng phục những nước nhỏ chưa phục tùng mệnh lệnh. Bấy giờ Chuyển Luân Thánh Vương cử các đạo binh đi chinh phạt. Vua thấy trong đám binh tướng có những người đánh giặc lập công lớn, nên rất vui mừng, tùy theo công mà ban thưởng. Hoặc ban cho ruộng vườn, nhà cửa, xóm làng, thành ấp, hoặc ban cho phẩm vật y phục và các món trang sức nơi thân, hoặc ban cho các món trân bảo, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, hoặc voi ngựa, xe cộ, người giúp việc, nhân dân. Chỉ có viên ngọc minh châu trong búi tóc của mình thì nhà vua chẳng đem ra cho. Vì sao? Vì riêng trên đỉnh đầu của vua mới có viên ngọc minh châu, nếu đem cho thì quyền thuộc của vua sẽ sinh kinh ngạc.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi! Như Lai cũng như thế, dùng sức thiên định trí tuệ, khắp các cõi nước, đem giáo pháp hóa độ, trùm cả ba cõi, thế mà ma vương chẳng chịu thuận phục, các tướng hiền thánh của Như Lai cùng ma đánh nhau. Thấy những người có công nên lòng rất vui mừng, Như Lai ở nơi bốn chúng vì họ mà tuyên thuyết các kinh. Để khiến mọi người sanh tâm vui thích, ta ban cho các pháp thiên định, giải thoát, vô lậu, căn lực và còn ban cho thành Niết bàn, bảo rằng đã được diệt độ để dẫn dắt tâm họ, làm cho thấy đều được vui mừng, nhưng chưa vì họ mà thuyết kinh Pháp Hoa.

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi! Như vua Chuyển Luân, thấy hàng quân tướng những người có công lớn, tặng viên minh châu khó ai tin nổi giá trị, từ lâu để trong búi tóc chưa từng cho bừa bãi mà nay lại đem ban thưởng vậy!

Đức Như Lai cũng lại như thế, làm vị Đại Pháp vương, khắp ba cõi, đem pháp mầu giáo hóa tất cả chúng sanh. Thấy quân tướng hiền thánh, cùng ma ngũ ấm, ma phiền não, ma chết, đánh nhau có công lao lớn, diệt được ba độc, vượt khỏi ba cõi, phá tan lưới ma. Lúc ấy Như Lai cũng rất vui mừng. Kinh Pháp Hoa này có thể làm cho chúng sanh chứng đắc đến bậc “Nhất thiết trí”, là pháp ở thế gian, có người oán ghét, khó tin, nên từ trước chưa hề tuyên thuyết, mà nay mới thuyết vậy!

**

Giảng luận

Hành giả Pháp Hoa khi đọc tụng thọ trì nên chú ý quan tâm từng chữ, vì lời sử dụng ngôn từ của Đức Phật ở kinh này nếu đọc thoáng qua thì tưởng rằng Như Lai dụng lời văn bình dân, nhưng ai chú ý mới thấy ý của kinh toàn văn minh triết, chỗ nào cũng rất sâu mầu. Nếu chúng ta quan niệm nhà vua có viên ngọc minh châu dấu nơi búi tóc là một ông vua thường, hoặc một ông hoàng đế thì sai ý nghĩa cao siêu của đoạn kinh, bởi vì Đức Phật nêu một vị **Chuyển Luân Thánh Vương**.

Để bổ túc cho hàng sơ cơ học Phật có dịp nghiên cứu mở rộng chiều cao tầm kiến thức, nên xin sơ lược về ý nghĩa của bốn chữ “Chuyển Luân Thánh Vương”. Danh từ để xưng gọi vị Chuyển Luân Thánh Vương, cũng có nơi gọi là Chuyển Vương, hoặc Chuyển Luân Vương. Tiếng Phạn gọi là Chuyển Ca La Đại Cự Đề Hạt La Xà, cũng còn gọi là Gia Ca Việt La, cũng còn gọi là Chuyển Luân Thánh Đế Luân Vương. Vị vương này thân có đủ ba mươi hai tướng tốt. Theo **Luận trí độ, quyển 4**. Vị vương này khi lên ngôi, do Thiên Cảm mà có được Luân bảo, rồi lại vận chuyển Luân bảo đó mà hàng phục bốn phương, nên gọi là Chuyển Luân Vương. Lại nữa, do có khả năng bay lượn trong không trung, nên gọi là Phi Hành Hoàng đế. Theo **Luận câu xá, quyển 12**: “Ở châu đó, từ lúc con người sống lâu vô hạn, cho đến tám vạn tuổi lúc ấy, có vị Chuyển Luân Vương sinh ra, khi giảm đi tám vạn tuổi, là lúc loài hữu tình giàu có sung sướng, tuổi thọ giảm tòn, các việc xấu càng nhiều lên, không phải là loại đại khí, cho nên không có Luân Vương nữa. Vị vương này do luân chuyển ứng phó, hàng phục tất cả nên gọi là Chuyển Luân Vương. Các thuyết nêu ra gồm có bốn loại luân vương là: Kim, Ngân, Đồng, Thiếc. Theo thứ tự đó, các vị lần lượt cai quản các châu 1, 2, 3, 4, ... **Khế kinh chép**: Nếu như vua sinh vào dòng Sát Đế Lợi, nối ngôi Sái Đỉnh, trong vòng mười lăm ngày sẽ thọ trai giới, tắm gội đầu thân, nhận đủ trai giới rồi bay lên đền đài. Thân tiên kéo đến phụ tá. Ở phía Đông chợt có Kim luân bảo xuất hiện. Có đến hàng ngàn luân xa, đủ cả vành trục, mọi thứ viên mãn, như thọ khéo làm ra vậy. Ánh hào quang tỏa chiếu rọi tới vương sở. Vị vương này chắc hẳn là Kim Chuyển Luân Vương. Các vị Chuyển Luân Vương khác cũng như thế.

So sánh:

Vị vua và vị Chuyển Luân Thánh Vương cao thấp khác nhau một trời một vực. Các kinh khác so với kinh Pháp Hoa cũng như thế! Hành giả Pháp Hoa nên lưu ý, thâm sâu nhuần nhuyễn từng phẩm, từng đoạn, từng câu, từng lời của kinh Pháp Hoa.

Viên ngọc của nhà vua giá trị khác, tức là thấp hơn viên ngọc của vị Chuyển Luân Thánh Vương. Các kinh giá trị có chừng mực, còn kinh Pháp Hoa giá trị tối thượng và tuyệt đối.

Có người còn nêu thắc mắc, giá trị cao thấp ở điểm nào? Xin thưa toàn bộ kinh, từng phẩm, từng đoạn, từng câu, từng chữ, từng lời. Một chữ Diệu của đề kinh phải giảng luận một vài tháng, còn tu chứng đắc chữ Diệu phải trọn đời trọn kiếp, có khi phải trải qua nhiều kiếp nhiều đời. Nhưng cũng có khi gặp thuận duyên chỉ nghe qua một vài giờ mà sự liễu ngộ nhanh hơn chớp mắt (Nàng công chúa rồng thành Phật). Các bộ kinh khác: Các pháp đồng một pháp. Kinh Pháp Hoa: Pháp trụ trên ngôi pháp. Các bộ kinh khác: Tướng thế gian vô thường. Kinh Pháp Hoa: Tướng thế gian vẫn thường. Nói tóm lại lưu ý chú tâm tinh tấn tu luyện liễu thông chứng đắc trong nháy mắt. Nếu ngược lại chỉ ngồi mà lý thuyết suông thì chẳng biết đến bao giờ mới tri kiến được **pháp không tướng**. Có liễu ngộ được pháp không tướng mới hiểu được sự quý giá của viên ngọc trong búi tóc của vị Chuyển Luân Thánh Vương, tức là mới liễu ngộ được pháp tối thượng, tuyệt vời của kinh Pháp Hoa.

Đức Phật đã ví các bộ kinh khác như ngàn suối, trăm sông; còn kinh Pháp Hoa là sự rộng sâu của biển cả. Nhưng những người tu học Phật, khi mới bước vào lợi nước thì nên lợi suối, qua sông cho quen, chứ đừng vội vàng nhập vào lòng biển lớn. Các bộ kinh khác, như chương trình Tiểu - Trung học, còn kinh Pháp Hoa như Đại học và trên Đại học.

---o0o---

Chính văn

Này Bồ tát Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này là lời nói bậc nhất của Như Lai, tất cả mọi lời nói thì đây là rất sâu, mãi rồi sau nay mới ban cho, như vị Chuyển Luân Thánh Vương, từ lâu dùng uy lực gìn giữ viên minh châu, mãi nay mới cho vậy!

Lại Bồ tát Văn Thù ! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của chư Phật, ở nơi các kinh thì kinh này là bậc trên hết, từ lâu gìn giữ chẳng vọng phổ thuyết, mãi đến nay Như Lai vì các vị mà tuyên bày pháp lớn vậy.

Giải luận

Cũng là lời trong kinh, tại sao lại có lời nói bậc nhất trên các lời nói? Cũng là chữ nghĩa sách vở, nhưng nhất định chữ nghĩa nơi sách vở của đại

học và trên đại học phải trở thành bậc nhất so với lời trong sách trung tiểu học chứ!

Kinh Pháp Hoa tại sao lại là tạng bí mật của chư Phật? Xin thưa! Phải gọi là tạng bí mật là vì tất cả phương pháp chứng đắc quả vị Phật, quả vị Bồ tát, ngay hiện đời đều nằm gọn nơi kinh này. Trường hợp công chúa rồng thành Phật trong nháy mắt, hàng quan dân cung rồng, thành Bồ tát số đông nhiều hơn số cát trên bờ sông Hằng, chỉ nhờ nghe Bồ tát Văn Thù thuyết một thời kinh Pháp Hoa thôi. Tại sao trong tất cả các kinh thì kinh này là bậc trên hết? Xin thưa! Các bộ kinh khác đơn thuần đơn hệ, chỉ có kinh Pháp Hoa bao gồm đa dạng, nhất là hợp nhất được cả Tiểu thừa lẫn Đại thừa. Các bộ kinh khác mở đầu phẩm Tựa chỉ có sáu điểm thành tựu, còn kinh Pháp Hoa thì đến bảy điểm thành tựu. Điểm thành tựu thứ bảy, Đức Phật Đa Bửu Như Lai hiện hữu tại Pháp Hoa hội Linh Sơn để làm nhân chứng kinh Pháp Hoa và nhường nửa tòa ngời mời Đức Phật Thích Ca cùng ngời, việc làm tuy hết sức đơn giản nhưng minh chứng cho muôn loài biết rằng chư Phật vốn bình đẳng. Quá khứ, hiện tại và sau này vốn bình đẳng. Điều này hướng dẫn muôn loài thực hiện tòa ngời bình đẳng. Nếu ai vâng tin theo lời Phật thì các đại lễ chẳng phải nhọc sức dài dòng giải thích là chúng tôi đoàn kết, chúng tôi bình đẳng, mà chỉ cần làm theo kinh Pháp Hoa! Cả hai vị cựu và tân cùng ngời chung một tòa ngời và ngang nhau, chẳng hề phân cựu tân, lại cũng chẳng hề phân ngời chủ khách, nhất là chẳng phân không gian có biên cương và thời gian có quá khứ hiện tại. Quá giản đơn như thế, nhưng ít ai trì kinh Pháp Hoa. Nói chung còn biết bao nhiêu điểm trên hết, biết bao nhiêu quy tắc thuộc pháp Diệu hương sen nhập đời.

Tại sao kinh Pháp Hoa được giữ gìn từ lâu, mà nay gặp Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và đầy đủ Bồ tát Thanh Văn, Duyên Giác, trời thân người quý rồng, nhất là có sự hiện hữu của Đức Phật Đa Bửu Như Lai. Nói chung là đầy đủ đại chúng nơi Pháp Hoa hội Linh Sơn. Đức Phật Thích Ca mới chịu tuyên thuyết truyền trao? Nhưng xin thưa! Truyền trao thì dễ, còn chọn người xứng đáng nhận pháp quý báu như nhận ngọc minh châu của vị Chuyển Luân Thánh Vương mới là khó. Đọc, tụng, in chép, phổ biến, cúng dường thì rất nhiều người, nhưng thọ trì phổ thuyết mới thật là khó. Phải đợi gặp Bồ tát Văn Thù Sư Lợi có mặt mới công bố trao cho hàng Đại Bồ tát thọ trì kinh Pháp Hoa. Hàng Đại Bồ tát tức là hàng Bồ tát ma ha tát mới tuyên thuyết truyền trao trách nhiệm trì kinh Pháp Hoa. Những bậc trì kinh Pháp Hoa phải có đủ nhiều yếu tố, trong đó phải có thêm yếu tố an trụ bốn pháp và pháp thứ tư ý phải phát khởi đại từ và tâm đại bi. Tâm ý vừa giữ niềm vui vừa xua nỗi khổ. Đây là hạnh nguyện của một vị Đại Bồ tát, đủ tư cách thọ trì và tuyên thuyết kinh Pháp Hoa.

---o0o---

Chính văn

10. Lúc đó Đức Thế Tôn lại thuyết thơ kệ trùng tuyên nghĩa trên:

Thường tu nhân nhục
Thương tất cả chúng
Mới có thể thuyết
Kinh Phật ngợi khen
Đời mặt về sau
Người trì kinh này
Xuất gia, tại gia
Chẳng phải Bồ tát
Phát tâm từ bi
Nếu chẳng ai nghe
Chẳng tin kinh này
Thời mất lợi lớn
Ta đăc Phật đạo
Dùng sức phương tiện
Thuyết giảng pháp này
Khiến trụ trong đó
Ví như sức mạnh
Chuyển Luân Thánh Vương
Binh tướng có công
Ban thưởng các vật
Voi ngựa xe cộ
Món báu trang điểm
Kể cả ruộng nhà
Xóm làng thành ấp
Hoặc ban y phục
Các món châu báu
Người hầu tiền của
Vui vẻ ban cho
Có người tráng kiện
Làm được việc khó
Vua mở búi tóc
Ban cho minh châu
Như Lai cũng vậy

Là vua các pháp
Sức lớn nhẫn nhục
Tàng báu trí tuệ
Dùng đại từ bi
Đúng pháp độ đời
Thấy thấy mọi người
Chịu nhiều khổ não
Mong cầu giải thoát
Đánh dẹp quân ma
Phật vì chúng sanh
Thuyết các pháp dễ
Dùng đại phương tiện
Thuyết các pháp này
Biết rõ chúng sanh
Được nhiều sức mạnh
Rốt sau vì họ
Thuyết kinh Pháp Hoa
Nhu vua mở tóc
Trao tặng minh châu
Kinh này là lớn
Trên cả các kinh
Ta thường giữ gìn
Chẳng vọng chỉ bày
Nay đã đúng thời
Vì các người thuyết
Sau ta diệt độ
Người cầu Phật đạo
Muốn được an ổn
Diễn thuyết kinh này
Phải thường thân cận
Bốn pháp như thế
Đọc tụng kinh này
Thường chẳng ưu phiền
Cũng chẳng bệnh khổ
Nhan sắc xinh đẹp
Chẳng sanh nhà nghèo
Ti tiện xấu xí
Chúng sanh thích nhìn
Nhu mền thánh hiền
Đồng tử cõi trời

Dùng làm sai bảo
Dao gậy khó xâm
Độc hại chẳng nhập
Kẻ ác muốn mắng
Miệng đành ngậm thinh
Đạo đi chẳng sợ
Như vua sư tử
Trí huệ sáng suốt
Như mặt trời sáng
Nếu trong chiêm bao
Chỉ thấy điềm lành
Thấy rõ chư Phật
Ngồi tòa sư tử
Các chúng Tỷ kheo
Vây quanh thuyết pháp
Lại thấy long thần
Cùng A Tu La
Như cát sông Hằng
Cung kính chấp tay
Tự nhìn chính mình
Vì chúng thuyết pháp
Lại thấy chư Phật
Thân tướng sắc vàng
Phóng nhiều hào quang
Chiếu khắp tất cả
Dụng âm thanh lớn
Diễn thuyết các pháp
Phật vì bốn chúng
Thuyết pháp vô thượng
Thấy rõ nội tâm
Chấp tay ngợi Phật
Nghe pháp lòng mừng
Mà cúng dường vậy
Được pháp tổng trì
Chứng trí bất thối
Phật biết tâm người
Thâm sâu Phật đạo
Liên thọ ký cho
Thành tối chánh giác
Đây người thiện nam

Vào đời mai sau
Đắc trí vô lượng
Đạo lớn của Phật
Cõi nước nghiêm tịnh
Rộng lớn đều bằng
Cũng có tứ chúng
Chấp tay nghe pháp
Lại thấy thân mình
Trụ giữa núi rừng
Tu tập pháp lành
Chứng pháp thật tướng
Thấm vào thiên định
Thấy mười phương Phật

**

Chư Phật sắc thân vàng
Trăm phước tướng trang nghiêm
Nghe pháp vì người thuyết
Thường chiêm bao tốt đẹp
Lại mộng làm quốc vương
Bỏ quyền thuộc cung điện
Và năm dục cao diệu
Đi đến nơi đạo tràng
Ngồi dưới gốc Bồ đề
An tọa tòa sư tử
Cầu đạo quá bảy ngày
Đắc trí của chư Phật
Thành đạo vô thượng xong
Đứng dậy chuyển pháp luân
Vì bốn chúng thuyết pháp
Trải nghìn muôn ức kiếp
Thuyết pháp màu vô lậu
Độ vô lượng chúng sanh
Sau mới nhập Niết bàn
N như khói hết lửa tắt
Nếu giữa đời ác sau
Thuyết pháp hạng nhất này
Người đó được lợi lớn
Các công đức như trên.

Giảng luận

Phần thơ kệ của nhiều bản Việt ngữ kinh Pháp Hoa vì muốn sáng nghĩa nên dịch thành thể thơ năm chữ. Trong lúc đó chính văn Hoa ngữ đa phần bốn chữ. Đoạn thơ kệ này, cũng như toàn phẩm An Lạc Hạnh, kể cả toàn bộ kinh Pháp Hoa. Nơi Pháp Hoa giảng luận này, chúng tôi cố giữ y như bản Hoa ngữ, chỗ nào chính bản năm chữ chúng tôi Việt dịch năm chữ, chỗ nào bốn chữ Việt dịch bốn chữ. Quan trọng là Hoa ngữ có mấy câu thì Việt dịch cũng giữ mấy câu. Vì vậy nên không làm sao sáng nghĩa hơn các bản Việt dịch khác. Rất mong hành giả Pháp Hoa, khi đọc Pháp Hoa giảng luận liễu tri cho.

Đoạn thơ kệ này là phần cuối phẩm An Lạc Hạnh, trùng tuyên ý nghĩa về nơi an trú thứ tư của phẩm kinh, nghĩa là nơi an trú của vị Đại Bồ tát, hoặc nhập hạnh Bồ tát khi thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì ý phải khởi đại từ, tâm phải khởi đại bi đối với tất cả mọi người.

Đoạn thơ kệ lập lại để nhấn mạnh việc phổ thuyết kinh Pháp Hoa của Đức Phật, cũng ví như việc ban thưởng viên ngọc minh châu từ trong búi tóc của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương.

Đoạn kệ này gồm 126 câu bốn chữ và 24 câu năm chữ, tất cả là 624 chữ. Câu nào, chữ nào cũng đều quan trọng cả. Nhưng hành giả Pháp Hoa đang tập bước vào tòa lâu đài Pháp Hoa minh mông cao rộng, nếu tổng quan đầy đủ sẽ bị chóa mắt và ngợp, nên tùy mình sở thích câu nào, đoạn nào thì nghiền ngẫm đoạn đó. Ví dụ như:

**... Sau Phật diệt độ
Ai cầu Phật đạo
Muốn được an ổn
Diễn thuyết Pháp Hoa
Phải thương thân cận
Bốn pháp như thế ! ...**

Bốn pháp như thế đã diễn tả rõ ràng ở phần kinh văn và một số câu kệ, nhưng vì kinh rộng bao la hơn biển, nên nếu thiếu hoa tiêu thì sẽ lạc lối, khó cập đúng bến. Hành giả ngoài ý chí kiên cường, còn đòi hỏi lòng nhẫn nại, nhất là sự định tâm chú ý từng câu từng đoạn thì mới nhớ, mới hiểu, mới tin, có tin mới chịu thực hành, khi thực hành bắt đầu có ít nhiều kết quả, lúc ấy mới tinh tấn tập luyện, mới liễu ngộ, mới chứng đắc, lúc ấy mới là thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

Bốn pháp như thế là pháp nào?

Lập đi lập lại nhiều lần để dễ nhập tâm:

- ① Tiêu chuẩn đức hạnh.
- ② Những nơi chẳng nên mật thiết.
- ③ Cuộc sống an lạc.
- ④ Ý khởi đại từ, tâm rộng đại bi.

Muốn được hoàn toàn an ổn trong sứ mệnh thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì phải sống đầy đủ bốn pháp vừa nêu đó là của hàng Đại Bồ tát, còn hàng học giả, hành giả, trí giả của kinh Pháp Hoa chưa chứng đắc quả vị Đại Bồ tát thì chưa thọ trì và phổ thuyết toàn phần kinh Pháp Hoa, mà ta chỉ tập luyện thọ trì, tập luyện phổ thuyết từng phần nhỏ của kinh Pháp Hoa để nhập hạnh Bồ tát, hầu sẽ chứng đắc quả vị Bồ tát và dần dần sẽ đắc quả vị Bồ tát ma ha tát. Bởi vì Như Lai là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành. Hàng Đại Bồ tát là những bậc đã đắc quả vị Đại Bồ tát, còn hàng học, hành và trí giả của kinh Pháp Hoa là những vị sẽ đắc quả vị Bồ tát ma ha tát. Khác nhau đã đắc và sẽ đắc.

Chúng ta phát nguyện sống theo từng phần nhỏ xiu của bốn nơi an trú của hàng Đại Bồ tát, thuyết kinh Pháp Hoa.

Đoạn kệ 624 chữ như 624 giọt vàng ngọc đang lẫn trong cát đất. Hành giả Pháp Hoa kiên trì đãi lọc, gom từng giọt ngọc vàng, khi có nhiều giọt ngọc vàng mới được trao thưởng như Đức Chuyển Luân Thánh Vương mở búi tóc trao thưởng ngọc minh châu.

--- o0o ---

III.- TÓM KẾT

Trong số hành giả Pháp Hoa có người tu luyện toàn bộ kinh, có người tu luyện một đoạn, hoặc một câu, cũng có người chỉ chọn một chữ hoặc vài chữ, lại cũng có vị chọn toàn phẩm An Lạc Hạnh để tu luyện. Những vị chọn phẩm An Lạc Hạnh thì có người giữ được cuộc sống an nhàn, cũng có người vất vả lặn lội, long đong, khiến kẻ xấu nhìn vào số hành giả nhọc khổ này mà đổ thừa tại các vị đó tu luyện phẩm An Lạc Hạnh nên bị nghiệp chướng đổ tàn tệ như thế! Sự phát ngôn thiếu khách quan này đúng hay sai? Đã tu hạnh An Lạc mà tàn tệ là sao? Nếu nói vậy thì sao không thấy số hành giả tu an lạc hạnh họ đang đạt cuộc sống an nhàn thanh thoát kia thì sao?

Nghiệp chướng khảo đảo là do tâm ý của hành giả chứ không do phẩm An Lạc Hạnh. Nghiệp chướng của Ngô Đạt Quốc Sư đổ là do tâm ý của Ngài chứ đâu do chiếc ghế trầm hương, cũng không tại nhà vua tặng ghế. Muốn xác minh vấn đề này phải hiểu rõ ràng từng nét.

Bốn hạnh an trụ của Bồ tát:

① Hành xứ (Tiêu chuẩn đức hạnh)

Vị Bồ tát an trụ trong nhân nhục nhu hòa, khéo thuận mà không lật bật. Tâm chẳng hãi sợ, trụ ở pháp chẳng hề phân biệt mà quán tưởng như thật của các pháp. Lại vị Đại Bồ tát, quán sát tất cả các pháp không, đều như thật tướng, vậy mà hành giả quán sát pháp nào cũng đều **là pháp có** chứ chưa thấy tướng không của các pháp. Có sắc đẹp, có tài lợi, có danh chức cao thấp, có ăn uống món ngon dở, có ngủ nghỉ sai khác. Chưa quán sát thâm sâu để liễu thông sắc tài danh lợi và ngũ ngũ thì làm sao chứng ngộ? Chưa liễu được pháp nào cả thì sao gọi là hành giả Pháp Hoa, chưa làm được vị hành giả Pháp Hoa thì sao an trụ nơi bốn pháp, chưa an trụ được “bốn pháp” thì làm sao nhập hạnh Bồ tát, làm sao hiện đời an trụ nơi bốn pháp an lạc. Bốn pháp an lạc còn nhiều lắm, nào là chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không chẳng có thật tánh, tất cả lời nói phô bày chám dứt cũng vậy! Tất cả đều chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi, chẳng danh, chẳng tướng, thật không chỗ có, không thể lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh. Đây là những tiêu chuẩn về đức hạnh của hàng Đại Bồ tát giữ tiêu chuẩn này mà thọ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Còn giới hành giả Pháp Hoa chưa có thể sống đủ tiêu chuẩn đức hạnh như những vị Đại Bồ tát, nhưng tối thiểu cũng phải có ảnh hưởng phần nào theo các tiêu chuẩn đức hạnh này thì cuộc sống mới an vui vững vàng để tập sự thọ trì phổ truyền kinh Pháp Hoa. Nếu được như thế thì sao có nghiệp chướng đổ vì tu theo phẩm An Lạc Hạnh. Trường hợp có những hành giả mới đọc tụng chưa liễu thông vì chưa đến giai đoạn thọ trì cho nên nghiệp chướng mới đổ. Lại cũng có hành giả chịu nhận nghiệp thế cho các hành giả khác, nên nghiệp mới đổ. Nhưng nếu ai nghiệp chướng đang đổ thì nên vui mừng bởi các món nợ nần, những điều xấu xí nó đang đổ và nó sẽ đổ hết, giúp thân tâm được sớm nhẹ nhàng, thanh thoát. Cũng như người đãi lọc ngọc vàng, nếu không loại trừ được cát đá thì làm sao thu nhặt được ngọc vàng. Không đổ hết nghiệp chướng thì làm sao rời địa vị phàm nhân để nhập vào hàng ngũ hiền triết, làm sao tập làm hành giả thọ trì phổ quảng kinh Pháp Hoa.

Còn ba yếu tố sau:

- ② Những nơi chẳng nên mật thiết.
- ③ Cuộc sống an vui.
- ④ Khởi ý từ, tâm bi.

② Nơi thân cận (những nơi chẳng nên mật thiết):

Đức Phật dạy hàng Đại Bồ tát, khi thuyết giải kinh Pháp Hoa, có một số thành phần không ưa thích, vì vậy nên cần vững nơi bốn pháp an trú. Tiêu chuẩn thứ hai là Đức Phật dạy: Có một số nơi, hành giả Pháp Hoa chẳng nên thân mật, tức là chớ nên mật thiết. Giá như không mật thiết thì ai nhắc nhở Phật tánh của các giới sang trọng như hàng vua quan, tướng sĩ, quân dân, cùng một số khác. Ngoài ra cũng còn các giới thấp kém như phi nam, phi nữ, đồ tể, phái tu lỗia thể ... những hạng người này xã hội rẻ khinh, hất hủi, nếu các Ngài Đại Bồ tát và các vị hành giả Pháp Hoa tránh xa, không gần gũi họ thì họ sống làm sao? Ai mở khai tánh Phật cho họ. Đoạn kinh thân cận xứ này Đức Phật dạy: “Chớ nên **mật thiết** mà thôi!”.

❸ Hạnh an lạc (cuộc sống an lạc)

Muốn mình được sống cuộc đời an lạc thì chính mình phải tôn trọng sự an lạc của người. Mình muốn người kính trọng mình thì chính mình phải kính trọng người.

Chê bai kinh điển, nói xấu người khác, hủy báng Pháp sư, kể cả việc tốt, điều hay của người khác cũng không nêu, luôn giữ tâm ý không để một mảy may oán hờn ngự trị nơi tâm ý của mình. Lúc nào ý cũng khởi đại từ, tâm luôn khởi đại bi. Hạnh thứ tư của Đại Bồ tát phổ thuyết Pháp Hoa lúc nào cũng khởi tâm đại bi, khởi ý đại từ.

Những vị Đại Bồ tát “phổ thuyết” kinh Pháp Hoa và những vị hành giả “phổ quảng” kinh Pháp Hoa nên:

**An tọa pháp tòa
Theo hỏi mà thuyết
Nếu có Tỷ kheo
Hoặc Tỷ kheo Ni
Các nam cư sĩ
Hoặc nữ cư sĩ
Quốc vương, vương tử
Quan dân, tướng sĩ
Dùng nghĩa nhiệm màu
Vui vì họ thuyết.**

Đoạn kệ này một lần nữa đã xác quyết là hàng Bồ tát, cùng người tu tập hạnh Bồ tát không xa tránh quốc vương, vương tử, đại thần, không có chỗ nào cấm chẳng được gần gũi những hàng vua, tướng sĩ, quân chúng cả. Đoạn kệ trên đã nói rất rõ.

Trích một đoạn kệ nữa để làm sáng tỏ vấn đề hơn:

Thường hành nhẫn nhục

**Thương mến tất cả
Mới đủ diễn thuyết
Kinh Phật ngợi khen
Sau lúc mặt thế
Người trì kinh này
Cùng tại, xuất gia
Hoặc chẳng Bồ tát
Nên sanh từ bi ...**

Hàng Bồ tát, cũng như hành giả khi thọ trì phổ quảng kinh Pháp Hoa luôn sống đúng pháp nhãn nhu, thương mến chúng sanh, ý khởi đại từ, tâm khởi đại bi. Như thế mới là an trụ nơi hạnh thứ tư đúng lời dạy ở phẩm An Lạc Hạnh.

Hành giả Pháp Hoa đang trên lộ trình thăng tiến về bảo sở, chuẩn bị lên thêm và vào nhà Pháp Hoa, hầu liễu ngộ Pháp Hoa để thọ trì và phổ quảng kinh Pháp Hoa.

Tóm lại, các giới quần chúng, Phật tử, độc giả, các nhà nghiên cứu, học giả, hành giả, trí giả khi đọc, hoặc nghiên cứu, hoặc trì tụng kinh Pháp Hoa, qua phẩm An Lạc Hạnh, chưa kể đến thọ trì và phổ truyền. Ai ai khi vừa lướt qua cũng đều cảm thấy nó có một điểm gì là lạ, nhất là đọc phẩm kinh từ đầu đến rốt chẳng liên quan gì đến mình, kể cả câu chuyện ví dụ viên ngọc của nhà vua thuộc về một nhà vua siêu tướng. Việc mượn địa vị của Ngài Chuyển Luân Thánh Vương để làm nổi bật cao siêu cho cốt chuyện, chứ không dẫn người đọc về tiểu sử của nhà vua.

Lại càng thấy khó hiểu hơn đoạn kinh: Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ. Vậy thì ai giáo dưỡng những người này? Phải hiểu rất rõ rằng xã hội có hai thành phần trí thức và bình dân. Hành giả Pháp Hoa và Bồ tát không được rời bỏ thành phần nào cả! Phật chỉ dạy là chớ nên mật thiết mà thôi! Chớ mật thiết khác với chớ gần gũi. Vì mật thiết thì khó độ những hạng người này.

Hôm nay chúng ta đủ nhân duyên hiểu rõ để từ nay không còn cố chấp, cũng không còn đồ thừa là siêu là thiếu mà nên hiểu đúng kinh văn, chớ nên cố chấp một nốt ruồi nơi gò má mà chê trách, hoặc loại bỏ một cô gái nhân hậu. Kinh Pháp Hoa là kinh Pháp Hoa, phẩm An Lạc Hạnh là phẩm An Lạc Hạnh. Toàn thể chúng ta mọi người đều thấm nhuần và ảnh hưởng được sự ích lợi to lớn của phẩm An Lạc Hạnh.

Hội hướng công đức này đến thầy các pháp giới chúng sanh đều nhuần triêm công đức. Xin kết thành Bồ đề quyền thuộc, kiếp kiếp đời đời đọc tụng, thọ trì, chứng đắc và hoằng dương Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh.

Nam mô Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát ma ha tát, tác đại chứng minh.

--- o0o ---

Bài 24 - Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất - Thứ Mười Lăm
Chư vị Bồ tát cõi khác, xin sau này thay Phật phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

Hàng Bồ tát từ phía dưới quả đất vọt lên.
Trong số này có bốn vị hướng đạo sư.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

- Phẩm An Lạc Hạnh thứ 14, Ngài Bồ tát Văn Thù Sư Lợi thưa hỏi Đức Phật là tượng trưng lý trí.

- Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất thứ 15 này, Ngài Bồ tát Di Lặc thưa hỏi là tượng trưng tình cảm.

Mở đầu kinh Pháp Hoa, phẩm Tựa, hai Ngài Bồ tát Văn Thù và Di Lặc gặp nhau, tượng trưng cả tình cảm lẫn lý trí. Nếu vào đời thiếu một trong hai, hoặc thiếu cả hai yếu tố này thì nhất định không thành công. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh tổng lược tất cả các phương pháp nhập đời (pháp Diệu bông sen nhập bùn). Vì vậy nếu hành giả Pháp Hoa mà thiếu, hoặc chưa luyện đủ hai yếu tố lý trí và tình cảm thì không thể liễu thông và chắc chắn không thể nào trở thành hành giả Pháp Hoa.

Đầu bộ kinh cần phải đủ cả hai yếu tố lý trí và tình cảm, nhưng tình cảm trước (Bồ tát Di Lặc hỏi Bồ tát Văn Thù).

Vào giữa bộ kinh thì lại tách rời tình cảm và lý trí, ở phẩm An Lạc Hạnh áp dụng lý trí trước. Sau đó phẩm Tùng Địa Dũng Xuất mới phơi bày tình cảm. Tuy việc này thoáng qua rất đơn giản, nhưng thâm sâu thì đây là một bí pháp quan trọng cho việc nhập đời, chẳng riêng cho hành giả Pháp Hoa, mà là chung cho tất cả mọi người chúng ta nếu ai muốn thành công.

Mười bốn phẩm trước (từ phẩm Tựa đến phẩm An Lạc Hạnh) nghiêng nhiều về ý thức và trí thức, nên danh từ gọi là tích môn. Mười bốn phẩm sau (từ phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến phẩm Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát) thì nghiêng nhiều về tâm nguyện và đức hạnh, nên tạm gọi là bản môn. Phần bản môn mặt giảng luận khó trình bày rõ nét.

Đọc tụng thọ trì phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, hành giả Pháp Hoa nên chú ý những điều then chốt của phẩm kinh, chia từng phần, từng đoạn, từng ý nghĩa để khỏi rối loạn, hầu để liễu thông thế nào là thực tướng, có liễu thông mới liễu ngộ những nét bí pháp của kinh, bằng không chỉ đọc suông thì mới góp thêm phần tu phước, hoặc để tiêu khiển, hầu mở thêm kiến thức như đọc sách, chứ không phải đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa.

Tu luyện phẩm kinh này nếu chưa liễu thông thì không tin, mà đã không tin thì làm sao đủ hấp lực để tinh tấn đọc tụng thọ trì. Ví dụ như các Ngài Bồ tát không tên tuổi, từ ngoài quả đất vọt mạnh lên đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, có vị đến một mình, nhưng đa số đều đem theo quyến thuộc, như các vị thượng thủ hàng quyến thuộc tùy tùng đông đến ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng. Chỉ bằng một lần số cát sông Hằng cũng đã khó tưởng tượng nổi, huống gì đông đến **“ngàn vạn ức triệu lần số cát sông Hằng”**. Trong giới tu học của chúng ta có người chẳng những không tin, mà còn nghi ngờ nên cũng có người thắc mắc, nếu đông nhiều như vậy thì ngồi ở đâu? Xin thưa! Ngồi cùng chỗ của vị Bồ tát chủ của họ. Chúng ta hãy liên tưởng vào thực tại, hàng triệu người trên mặt kiếng truyền hình xem họ ngồi làm sao? Hơn nữa, số người trên mặt kiếng truyền hình là phạm nhân, còn Bồ tát và quyến thuộc của Bồ tát mà không biết tìm có chỗ ngồi thì sao còn gọi là Bồ tát.

Như đã đề cập từ đầu, nếu ai đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa mà dùng trí phạm nhân để phân tích, suy lường thì chẳng cách nào có thể liễu thông các bí pháp của Pháp Hoa.

Một vấn đề khác rất khó liễu thông: Hàng Bồ tát từ các quốc độ khác đến Pháp Hoa hội Linh Sơn nơi cõi Sa Bà, số đông nhiều tới tám lần số cát sông Hằng. Tất cả đều quỳ lễ xin Phật sau này được thay Phật đọc, tụng, thọ trì, in chép, phổ thuyết và cúng dường kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà. Thế nhưng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại từ chối không ủy thác. Như thế là thế nào? Tại sao có đông vị Bồ tát phát nguyện sau khi Phật diệt độ đã có người thay Phật chịu trách nhiệm việc khó làm như thế, mà Đức Phật Thích Ca lại không chấp thuận. Xin xem phần giải rõ ở đoạn giảng luận.

Một vấn đề khác cũng ở phẩm này: Tại sao hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, lại không họ, không tên cũng không trú xứ mà là từ đất vọt lên; từ đất là từ đất nào, không lẽ trong lòng đất? Còn nhiều vấn đề sâu xa khó hiểu khác, còn nhiều bí pháp. Những vấn đề khúc mắc ở đây cũng có người giải thích được phần nào, nhưng bí pháp thì đành chịu, bởi vì bí pháp thuộc về mật hạnh, không thể dùng ý thức hoặc kiến thức để phơi bày hoặc thấy rõ được, đòi hỏi hành giả Pháp Hoa phải thực sự tu luyện và nhập đời, cũng

như hạt sen phải vào bùn và phải đỏi, phải nứt vỏ cứng của hạt sen, phải hút bùn, phải tinh lọc mới nở hoa, mới có hương nhụy, đơm bông kết hạt. Chẳng những một pháp môn sen mà cần phải có phương pháp sống Diệu, hành giả nắm vững hai phương pháp rồi tinh tấn tu luyện phải trải qua thời gian mới liễu thông, nhiều khi thông mà chưa liễu thì cũng khó mà thành tựu Pháp Hoa. Liễu thông, phải liễu ngộ, có liễu ngộ mới là hành giả Pháp Hoa. Khi liễu ngộ Pháp Hoa tự nhiên hiểu từng bí pháp của Pháp Hoa, còn chưa liễu ngộ thì dù có giảng, có luận, có bàn, hoặc có tư duy đến đâu cũng chỉ hiểu đề mà tu luyện chứ không thể liễu ngộ bí pháp. Chưa liễu ngộ thì chưa áp dụng bí pháp cho cuộc sống chính mình và chưa phổ truyền cho nhiều người khác.

Đọc tụng, in sao viết chép và cúng dường là đề liễu thông Pháp Hoa, khi liễu thông mới thọ trì đề liễu ngộ, có liễu ngộ mới thuyết giải phổ truyền kinh Pháp Hoa.

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

◆ Chư Bồ tát từ cõi khác đến

Chính văn

1- Lúc bấy giờ, chư vị Đại Bồ tát từ các cõi nước phương khác đến, số đông nhiều hơn lượng cát của tám sông Hằng, đồng đứng lên giữa đại chúng làm lễ rồi bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Cho phép chúng con sau khi Phật diệt độ, chúng con được tinh tấn đọc tụng, thọ trì, in chép, cúng dường kinh này thời chúng con sẽ ở trong cõi này mà phổ thuyết sâu rộng”.

Khi đó Đức Phật dạy các Ngài Đại Bồ tát: “Này các thiện nam tử ! Chẳng phải cần sức nhọc mệt đến quý ông để hộ trì kinh này. Vì sao? Vì cõi Sa Bà đã có hàng Đại Bồ tát, số đông nhiều bằng sáu vạn lần số cát sông Hằng. Mỗi vị Bồ tát lại có quyền thuộc cũng đông nhiều như thế. Sau khi Như Lai diệt độ, số vị này có thể đọc tụng, hộ trì, rộng phổ thuyết kinh Pháp Hoa ở cõi này”.

Giải luận

Sở dĩ Đức Phật từ chối các vị Bồ tát từ các cõi ở phương xa đến phát nguyện hộ trì phổ thuyết kinh Pháp Hoa nơi cõi này là vì muốn bộ kinh nhập đời, hướng dẫn quy thức cho đời.

* **Bản thân:** Không thể thay toàn thể các bộ phận của thân thể.

* **Gia đình và gia tộc:** Không thể thay toàn thể cháu con người khác làm việc, còn cháu con mình thì ngồi chơi.

* **Quốc gia dân tộc:** Khi các vị lãnh đạo ngành giáo dục hay vị quốc chủ qua đời, rồi nước này lại chấp nhận toàn hệ nhân sự của nước khác đến thay thế giáo dục con em của nước này, hoặc lãnh đạo đất nước này. Chi tiết các mặt khác, kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự ... cũng vậy! Khi cần học cái hay của người thì mình cho con em hoặc cán bộ du học, hoặc là mời chuyên viên, chứ không rước cổ vấn, nếu rước cổ vấn là ươm mầm mất nước. Lịch sử từ ngàn xưa đã chứng minh điều này, hầu hết các quốc gia bị mất chủ quyền cũng đều khởi từ chỗ rước viện binh và cổ vấn về giúp nước mình. Giúp xong họ sẵn cổ ngon ngồi lại ăn luôn, thỉnh thoảng mới có trường hợp giúp xong hoan hỷ lui về.

Việc phổ truyền kinh Pháp Hoa khác với việc đời, tuy nhiên Đức Phật khéo léo đưa công thức đừng ý lại, đừng nhờ người cõi khác, đây là phương pháp dạy đời. Việc đạo Bồ tát các cõi khác, đến xin phổ thuyết kinh ở cõi này, mà Đức Phật còn chưa chấp thuận, huống chi là việc đời. Học đạo để áp dụng cho đời.

Tổ tiên chúng ta có câu châm ngôn: **Của ruộng đắp bờ.** Dùng đất dưới ruộng, đắp lên bờ, chứ không chở đất chỗ khác về đắp cho bờ ruộng ở đó. Câu châm ngôn ngắn gọn, nhưng kết quả và lưu truyền kinh nghiệm sâu xa thuộc nhiều mặt, thật là sáng suốt tuyệt vời!

Đặt giả thuyết ba vấn đề, nếu Đức Phật chấp thuận chư Bồ tát cõi khác đến cõi này thuyết kinh, vậy thì vấn đề thứ nhất: Đức Phật bỏ chúng sinh các cõi khác đó hay sao? Vấn đề thứ hai: Chỉ có cõi khác mới có Bồ tát thuyết kinh, còn cõi này không có Bồ tát hay sao? Chẳng những có mà có nhiều gấp bội phần. Số lượng các cõi khác đến chỉ có số đông bằng tám lần số cát sông Hằng, còn cõi này số đông nhiều đến sáu vạn lần cát sông Hằng, còn quyền thuộc tùy tùng thì đông nhiều không thể tính đếm! Vấn đề thứ ba hàng hậu học sẽ ý lại rằng có Bồ tát cõi quốc độ khác, hoặc cõi mình thì không có Bồ tát! Cho nên họ không tin chính họ có hạt giống Bồ tát, mà chẳng cầu tu thành Bồ tát.

Đa phần giới hiếu kỳ thường có xu hướng vọng ngoại, không tự tin chính mình đã đành, mà lại không tin những gì siêu tuyệt của Tổ quốc mình, dân tộc mình, loài người mình, chẳng những không tin mà còn chê. Dù mọi khía cạnh từ văn hóa, xã hội, kể cả hàng hóa, cũng tìm mua hàng nước khác, dù rằng nước khác có nhiều phương diện thua mình xa một trời một vực.

Một câu chuyện mới đây, trong buổi gặp mặt, có người hỏi một vị thức giả: Ngài đi Hàn quốc mới về có gì kể chúng tôi nghe với. Vị thức giả thuật

tóm lược chuyển đi và khen đão, khen đẽ, nhất là phương diện điện ảnh. Vị ấy nói Việt Nam mình còn kém xa, biết bao giờ theo kịp. Từ đầu chúng tôi không tham gia, nhưng đến đây chúng tôi mới mở lời: “Việt Nam có nhiều điểm còn thua các nước tiên tiến trên thế giới, nhưng cũng có rất nhiều điểm thế giới phải đến Việt Nam mà học. Riêng về điện ảnh thì chưa chắc nước nào đóng phim xã hội hay bằng Việt Nam. Nhiều phim lắm, điển hình như phim “**Cánh đồng hoang**”, hỏi có nước nào đóng hơn, dù chúng tôi không theo dõi toàn cốt chuyện phim, chỉ xem dứt đoạn, nhưng cũng đủ để nhận xét và công nhận là xuất sắc.

Đức Phật đã dạy chúng ta nơi kinh Pháp Hoa rất rõ ràng: “Ở đâu cũng có Phật, ở đâu cũng có Bồ tát, ở đâu cũng có ma, có quỷ! Ai ai, loài nào cũng có quyền sẽ thành Bồ tát, sẽ thành Phật”.

**Trong quỷ đỏi có thánh hiền
Trong em có Phật, trong tiên có phàm**

Trích Thi phẩm Từng giọt Ma Ni

Và châm ngôn Tổ tiên Việt Nam đã dạy người Việt Nam:

**Ở đâu cũng có anh hùng
Ở đâu cũng có người khùng người điên**

Vậy hành giả Pháp Hoa, nhất là ai đã nhận mình là Việt Nam, là con người thì chớ nên bảo thủ và cũng chớ nên vọng ngoại, nhất là đừng vợ đũa cả nắm. Mía sâu có đốt, nhà dột có nơi.

Ý nghĩa đoạn kinh này còn nhiều thâm sâu, rất mong những ai đã tự nhận mình là hành giả Pháp Hoa, nên lắng sâu để tận hưởng được từng giọt ngọt vô giá của kinh.

--- o0o ---

◆ **Bồ tát từ phía dưới quả đất vụt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn**

Chính văn

Lúc Đức Phật thuyết lời vừa dứt thì cõi Sa Bà khắp ba ngàn đại thiên quốc độ, đất đều chấn động, mà trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị Đại Bồ tát đồng lúc vụt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Các vị đều thân sắc vàng và đủ ba mươi hai tướng tốt, cùng vô lượng ánh sáng từ trước nay đều ở nơi cõi Sa Bà quốc độ trụ giữa hư không. Chư vị Bồ tát này nghe âm thanh thuyết pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nên

từ phương dưới mà đến. Mỗi vị đem theo quyển thuộc bằng sáu vạn lần cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo năm vạn quyển thuộc, hoặc đông nhiều bằng bốn vạn, ba vạn, hai vạn, một vạn lần số cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo quyển thuộc bằng một lần số cát sông Hằng, hoặc nửa, hoặc một phần trăm số cát sông Hằng. Cũng có vị đem theo một phần ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng. Huống là đem theo một phần ngàn vạn, trăm vạn, một vạn của số cát. Huống là đem theo một nghìn, một trăm, nhân đến mười quyển thuộc. Huống là đem theo năm, bốn, ba, hai, một người đệ tử. Huống là những vị vì ưa hạnh viễn ly nên chỉ một mình.

Số Bồ tát này và quyển thuộc đông nhiều vô lượng, vô biên dường ấy thì làm sao tính đếm hoặc thí dụ để biết hết được.

Giải luận

Số Bồ tát không tên, không hiệu, không trú xứ, mặc dù biết là vẫn ở cõi Sa Bà, nhưng từ quốc độ nào mà đến lại từ dưới đất vọt lên? Dưới là ở đâu, không lẽ từ trong lòng đất vọt lên, trong lòng đất thì chỉ có đất và nước, còn đào sâu khỏi lớp vỏ quả đất thì chỉ có lửa chứ làm gì có nơi để Bồ tát trú ngụ mà từ đất vọt lên. Trong chính văn kinh phần Việt văn có chỗ đề chữ mặt đất nứt Bồ tát vọt lên. Chữ “**nứt**” này e khiến cho hàng sơ cơ hiểu lầm, hiểu phản khoa học, biến mình thành mê tín dị đoan. Từ dưới, chữ dưới ở đây là ở phía dưới ngoài quả đất, nơi một hành tinh khác, vì cõi Sa Bà có nhiều quốc độ chứ không phải chỉ riêng một hành tinh quả đất. Từ phía dưới quả đất vọt lên thì dễ hiểu, hơn là từ đất vọt lên. Thêm ba chữ từ “**phía dưới quả**” đất thì sai bản Hoa văn, nhưng hành giả dễ hiểu, còn khư khư nệ chấp rằng Hoa văn mấy chữ thì Việt văn cũng mấy chữ thì chỉ làm thêm tội nghĩa, hơn là đọc chính Hoa văn; bởi vì Hoa văn nhiều khi quá tóm lược, như trường hợp câu “**Vô sinh pháp nhẫn**”. Câu này chỉ có bốn chữ, nếu Việt văn cũng bốn chữ thì chỉ khiến cho lớp trẻ Việt Nam bị thu hẹp về mặt kiến thức mà thôi! Vì sao? Vì chữ “**pháp**” trong câu bốn chữ này không thể dịch là phương pháp hay là bất cứ chữ nào khác, mà phải dịch đến bảy chữ “**trí đắc chẳng sinh diệt hết nhẫn**”. Nghĩa là khi tu luyện trí đã chứng đắc các pháp chẳng hề sinh diệt thì còn gì để nhẫn.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và quyển thuộc của các Ngài đông nhiều vô số như thế, đông đến độ gấp trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần (na do tha) số cát sông Hằng thì ai mà tính đếm được số lượng và như thế thì hiện nay số đông này ở đâu mà không thấy hộ trì kinh Pháp Hoa? Xin thưa! Hộ trì kinh Pháp Hoa rộng khắp cõi Sa Bà, chứ đâu phải chỉ ở phạm vi chật hẹp nơi hành tinh quả đất cho nên chúng ta không thể nào thấy được.

Còn số đông nhiều là số đông nhiều dưới mắt của chư Phật, chư Bồ tát, Duyên Giác, chư hiền Thánh Tăng, nếu thêm nữa là hàng chư Thiên chứ đâu phải số đông nhiều để tầm nhìn của những cặp mắt phàm nhân nhận biết, lại càng không phải chỗ suy lường của hàng sơ cơ học Phật.

Còn phần Bồ tát tại sao không tên, chưa hiệu, xem giảng luận phần thượng hạnh, phẩm này.

Chính văn

3- Chư vị Bồ tát này, từ phía dưới quả đất vọt mạnh lên, tất cả đồng đến trước tháp quý bảy báu, chỗ Đức Đa Bửu Như Lai và Đức Phật Thích Ca đang an tọa mà thực hành đầy đủ nghi lễ và cúng dường hai Đức Phật. Đồng lúc ấy hàng Bồ tát này đến chỗ các Đức Phật phân thân, đang an tọa nơi tòa sư tử dưới cội cây báu mà lễ lạy. Tất cả kính hành nơi pháp hội vòng theo chiều phía phải ba lần, lại cung kính chấp tay sử dụng đúng pháp tán dương Bồ tát mà tán thán chư Phật, xong đều đứng về một bên, hoan hỷ chiêm ngưỡng hai Đức Thế Tôn.

Thời gian chư vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất sử dụng phương thức Bồ tát mà tán thán chư Phật là năm mươi tiểu kiếp. Thời gian này, Đức Phật Thích Ca cùng hàng tứ chúng cũng đều yên lặng, nhờ thần lực của Phật mà đại chúng chỉ thấy nhanh như nửa ngày.

Bấy giờ hàng tứ chúng cũng nhờ thần lực của Phật thấy các Bồ tát đông nhiều vô lượng ngàn vạn ức cõi nước khắp hư không.

Giảng luận

Ngày nay khoa học phát minh giúp loài người mở rộng kiến thức, đồng thời cũng giúp cho giới tu hành kinh Pháp Hoa phá vỡ được nghi tình, để sớm trở thành vị hành giả.

Đa phần người tu kinh Pháp Hoa, đọc tụng kinh Pháp Hoa, gặp chỗ nào khúc mắc thì một là nghi ngờ, hai là phó mặc, phần nhiều phó mặc rằng đây là những lời của Đức Phật muốn ẩn ý gì đây? Lại có người nói rằng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là từ trong đất vọt mạnh lên. Đất đây ý nói là tâm địa của chúng sinh, hoặc có chỗ phó mặc cho trôi nổi theo gió mây, có chỗ thì bảo Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là nói về lý! Xin thưa! Đức Phật không hề tách đôi có sự tướng và lý tánh riêng biệt, trái lại tánh tướng đồng một thực tướng. Vậy thì phẩm kinh này không phải chỉ riêng cho phân lý tánh, cũng không phải đặt ở đây là tâm địa chúng sinh. Dù ngày nay tàu vũ trụ chở người thám hiểm không gian, nhưng mới thám hiểm được một số hành tinh và chở một số ít người từ quả đất nhưng chưa đủ điều kiện để giao tế với các hành tinh khác thì làm sao có thể tiếp đón các cõi khác tới đây! Những hiện

tượng các hành tinh ngoài quả đất còn đòi hỏi nhiều khám phá của giới khoa học, rất mong giới đạo học cũng tự mở khai tuệ trí, chứng minh cụ thể sự tương về Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, hầu góp phần làm sáng tỏ những bí ẩn mà giới khoa học đang suy tìm. Giữa khoa học và đạo học hợp tác nhau khai mở những bí ẩn của vũ trụ thì hạnh phúc biết bao cho nhân loại. Nếu đạo học và khoa học còn tách rời thì loài người càng thiếu thốn những gì quý báu nhất của dòng đời. Không ai tự cho mình là độc quyền khám phá vũ trụ, khai mở tâm linh. Giới khoa học cũng có quyền phát minh về vấn đề khai mở tâm linh, trái lại giới đạo học cũng có quyền khám phá về phương diện vật chất của vũ trụ quan và nhân sinh quan. Ngày ấy còn xa, nhưng nhất định phải đến. Trước mắt nên đưa pháp môn “**cảm ứng đạo giao nan tư nghì**” trở thành một nền văn minh đạo đời nhập cuộc thực tế. Chưa mở được Viện đại học hướng dẫn sinh viên ròng chuyên về phương pháp cảm ứng giữa người và người, giữa hành tinh này với hành tinh khác, giữa thiên hà này với thiên hà khác, giữa cõi này với cõi khác, nhất là giữa tất cả các cõi và trùng trùng pháp giới mệnh mông đồng chung một niềm cảm ứng. Đạo học ngày nay đã mở rộng được thêm gì để hài hòa với bên ngoài các hành tinh, các thiên hà và trùng trùng pháp giới bao la, còn bên trong đã tự quán chiếu, tự sáng soi được gì để thấy rõ chính cái tiêu ta cùng đại ta lẫn chơn ta là một, là cảm ứng liễu thông nhau? Ai cũng tự mãn, ai cũng tự cho là tôi như thế này, tôi như thế khác, đời tôi là thế đó, đời tôi là như thế kia! Chưa đập nát vụn cái tôi để hòa nhập vào cái chúng tôi vào với tạm gọi là tập thể “xã hội” thì làm gì hòa nhập cùng với đại ta (đại đồng), tức là với loài người? Đại ta chưa nhập thì làm sao hòa nhập chơn ta, tức là với muôn loài vạn vật, khắp các cõi và trùng trùng pháp giới bao la.

Đem cái muỗng ăn canh, hòng múc cho cạn khô nước biển! Đem cái trí cón con để tính toán suy lường cái không gian trùng trùng pháp giới bao la! Vậy thì than ôi! Sao có thể nói mình là hành giả Pháp Hoa! Hành giả Pháp Hoa sao không liễu thông được Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất? Sao chẳng hiểu gì về thời gian năm mươi tiểu kiếp chỉ là nửa ngày thôi! Một tiểu kiếp, mười sáu triệu tám trăm ngàn năm, vậy mà năm mươi tiểu kiếp chỉ cảm thấy nhanh bằng nửa ngày. (Thu ngắn thời gian, xin xem Pháp Hoa giảng luận – tập một).

--- o0o ---

◆ **Bốn vị đạo sư**

Chính văn

4- Trong chúng Bồ tát đó có bốn vị đạo sư: Một - Thượng Hạnh. Hai - Vô Biên Hạnh. Ba - Tịnh Hạnh. Bốn - An Lập Hạnh. Bốn vị đều là

bậc thượng thủ. Hướng đạo sư trong chúng đó. Ở trước đại chúng, bốn vị đều chấp tay nhìn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Thế Tôn có được ít bệnh, ít não và an vui luôn chẳng? Những người đáng độ, họ thọ giáo có dễ chẳng? Họ có làm Đức Thế Tôn khởi nhọc mệt chẳng?”

Khi đó bốn vị Đại Bồ tát hướng đạo sư đồng xướng kệ rằng:

**Thế Tôn an lạc
Ít bệnh ít não ?
Giáo hóa chúng sanh ?
Được không nhọc mệt ?
Lại các chúng sanh
Thọ hóa dễ chẳng ?
Chẳng làm Thế Tôn
Sanh nhọc mệt ư ?**

Giải luận

Đoạn trước hành giả Pháp Hoa phân vân tại sao hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất đông nhiều như thế mà đại chúng chẳng hề quen biết, bởi vì các Ngài chẳng có tên, cũng chẳng có danh hiệu! Xin thưa! Đoạn kinh này đã trả lời rất rõ ràng minh bạch.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là hàng “**Vô danh Bồ tát tuổi tên đầu mang**”. Tại sao? Sở dĩ các Ngài không tuổi tên, không danh hiệu? Vì các Ngài không sống theo nếp bình thường, mà là phi thường. Trong năm điều mà người xuất gia quyết vượt khỏi thì **danh** đứng hàng thứ ba, ngoại trừ các Ngài Đại Bồ tát vì phương tiện độ đời, nên phải tạm mượn giả danh để có danh hiệu, tức là còn nương sự tướng để chỉ tánh. Khi chúng sinh tánh tướng hòa một. Khi tất cả đặc thật tướng thì các Ngài còn nương danh làm gì? Còn đây hàng Bồ tát không trú xứ muốn ẩn để độ cho nên mới là vô danh, vì vô danh vượt qua tướng tánh nên các Ngài nương hạnh để mượn hạnh mà chỉ danh. Hạnh rất nhiều nhưng có bốn chiều hướng **cao sâu rộng mạnh**. Phật là gì là cực cao, cực sâu, cực rộng và cực mạnh, nhỏ không trong mà lớn cũng không ngoài.

Hàng vô danh Bồ tát từ phía dưới quả đất vọt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, bốn vị thượng thủ làm hướng đạo sư. Mỗi Ngài chưa đầy đủ cả bốn hạnh như chư Phật, nhưng mỗi vị chuyên một.

Vị thứ nhất Thượng Hạnh sống theo hạnh cao. Vị thứ hai Vô Biên Hạnh sống theo hạnh rộng. Vị thứ ba Tịnh Hạnh sống theo hạnh sâu thẳm. Vị thứ tư An Lập Hạnh sống theo hạnh hùng mạnh. Vì còn ẩn tu, trong đơn hạnh và

trong hạnh Bồ tát vô danh, vô trụ nên mỗi Ngài thượng thủ hướng đạo sư và những vị quyền thuộc sống từng hạnh. Khi nào luyện tu chúng đắc đủ bốn hạnh và liễu ngộ nhỏ không trong, lớn không ngoài lúc đó là lúc các Ngài đắc thành quả vị Phật.

Đã là Bồ tát mà còn ẩn nơi vô danh tánh, vô thể tướng, vô trụ xứ để tu luyện từng hạnh, hướng gì giới hành giả Pháp Hoa! Trong đời hỏi ai có toàn bích, cho nên nơi phẩm An Lạc Hạnh thứ mười lăm dặn người thọ trì phổ truyền kinh Pháp Hoa, chớ nên khen chê kẻ khác.

Mỗi người mỗi hạnh, có ai giống ai, các Ngài Bồ tát còn vậy, huống chi là phàm nhân, cho nên ai khen, hoặc chê người khác thì chưa phải là hành giả Pháp Hoa, nếu không tu luyện Pháp Hoa thì cũng chưa xứng đáng là chơn chánh đệ tử Phật.

---o0o---

Chính văn

5- Đức Thế Tôn lúc bấy giờ, từ nơi chúng Đại Bồ tát đáp lời rằng: “Đúng vậy! Đúng vậy! Các thiện nam tử: Như Lai an vui, ít bệnh, ít não, chúng sanh dễ độ, cũng chẳng hề nhọc mệt.

Vì sao? Vì các chúng sanh này, đã nhiều đời đến nay, họ thường được Như Lai giáo hóa và cũng từng ở nơi chư Phật quá khứ, tôn trọng cung kính trông các căn lành. Các chúng sanh đó mới vừa thấy thân ta, nghe ta thuyết pháp liền đều tin nhận, nhập được trí tuệ của Như Lai, ngoại trừ hạng trước kia tu hạnh Tiểu thừa, những người như thế Như Lai cũng làm cho họ được nghe kinh này, nhập vào huệ Phật.

Giải luận

Bốn vị thượng thủ đại diện hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, đứng lên vấn an sức khỏe Đức Thế Tôn có ít bệnh, ít não hay không? Đã là Phật thì làm gì còn bệnh còn não, nếu giả như có bệnh thì cũng như bệnh của cư sĩ Duy Ma Cật, khởi từ những chứng bệnh của chúng sinh mà thôi !

Còn việc hỏi thăm Đức Phật, những người đáng độ có dễ độ không? Họ có làm Như Lai sanh mỗi một chẳng ?

Chỗ này chư vị Bồ tát và Đức Phật muốn nhắc khéo các vị Giảng sư, Pháp sư, nhất là hành giả Pháp Hoa.

Câu hỏi của các vị Bồ tát, người đáng độ có dễ độ chẳng? Đức Phật trả lời dễ độ! Câu hỏi tiếp theo, có làm cho Đức Thế Tôn mỗi một chẳng? Đức Phật trả lời chẳng mệt mỏi.

Những câu hỏi và đáp của chư vị Bồ tát cùng Đức Phật là để nhắc nhở một cách khéo léo cho những ai đang là hành giả cùng chư vị Giảng sư và Pháp sư Pháp Hoa.

Các vị hành giả cùng quý vị Giảng và Pháp sư Pháp Hoa đọc lại câu: “Những người đáng độ có dễ độ chăng?”. Các vị bắt chước Đức Phật trả lời: “**Đễ độ**”. Những người ấy họ có làm cho các vị mệt mỏi chăng? Các vị bắt chước Đức Phật trả lời: “**Chẳng mệt mỏi**”.

Sao mà dễ độ, sao mà không mệt mỏi? Các phẩm kinh trước Đức Phật đã nhấn mạnh: “Kinh Pháp Hoa là tạng pháp bí mật nhất của chư Phật suốt ba đời. Đây là phương pháp chỉ dạy cách nhập vào đời dễ độ đời và cũng là giáo pháp dạy chư Bồ tát thành Phật”. Đời trước, đời này và mãi mãi ngàn sau, hết thấy chư Phật đều y theo đây mà tu luyện để đắc thành quả vị. Vì vậy cho nên cả những lúc Như Lai còn hiện hữu, vẫn còn có nhiều người oán ghét, hủy báng, chống phá kinh này, huống gì sau khi Như Lai diệt độ. Cho nên chư vị Bồ tát và hàng đệ tử của “Ta”, ai phát nguyện đọc, tụng, thọ trì, in chép, cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa thì phải mặc áo Như Lai, ở nhà Như Lai và ngôi tòa Như Lai. Áo Như Lai là tình thương rộng lớn (đại từ bi). Nhà Như Lai là sống nhẫn nhục, nhu hòa. Tòa Như Lai là các pháp không. Đời mật pháp làm sao chư vị Bồ tát, các vị Pháp sư dễ độ, làm sao không mệt mỏi. Nhưng Đức Phật đã trả lời dễ độ, không mệt mỏi, cho nên chẳng những là Bồ tát, mà bất cứ ai là đệ tử của Ngài cũng nên phát thệ nguyện và cảm nhận rằng lúc nào cũng dễ độ, lúc nào cũng không mệt mỏi.

Bí pháp đoạn kinh này nằm nơi ba chữ “**người đáng độ**”. Nếu hành giả Pháp Hoa liễu thông được ba chữ này thì đúng là “**dễ độ**” và chắc chắn là “**không mệt mỏi**”. Trong kinh có những chữ ẩn mật, tự chúng ta không chú ý: Bồ tát (hoặc người sống theo hạnh Bồ tát, hoặc hành giả Pháp Hoa) nếu vì hàng người “**đáng phổ truyền**” mà phổ truyền Pháp Hoa, nhưng còn thêm bốn chữ “**lòng không mong cầu**”.

Nói rõ hơn phổ truyền Pháp Hoa, tức là hóa độ, như ánh sáng mặt trời đối với muôn loài vạn vật thì làm gì có sự mặt trời mong cầu. Hai chữ mong cầu nơi kinh là một nét bí pháp. Trái với mặt trời thì ánh sáng đèn và đuốc là có dụng ý mong cầu của người chủ hướng nó.

Hành giả Pháp Hoa lưu ý, phổ thuyết Pháp Hoa với ba chữ “**không mong cầu**”, cộng thêm hai chữ những người “**đáng độ**” thì sẽ có đáp số “**dễ độ**” và “**không mệt mỏi**”.

Nói thêm về hai chữ đáng độ. Thuở Đức Phật an trú ở Tịnh xá Kỳ Hoàn, có một bà già ở phía Đông thành phố. Hàng ngày bà vừa thấy bóng xa xa đoàn Tăng lữ và Đức Phật thì bà nằm úp mặt sát xuống đất, khi nào đoàn

người đi qua khỏi bà mới ngược dậy, kể cả chuyến trưa về của đoàn cũng vậy. Đức Phật còn tại thế, cũng chỉ độ cho người hữu duyên, còn bà già thành Đông, Đức Phật cũng không cách nào độ được, cho nên mới có câu: “Đức Phật không độ được bà già thành Đông”. Hành giả Pháp Hoa không lẽ chẳng rõ bí pháp này ư!

Ông cha chúng ta có câu: “Mặt trời, mặt trăng tuy sáng không soi được lòng chậu úp”.

---o0o---

Chính văn

Lúc ấy các vị Bồ tát tuyên thuyết thơ kệ:

**Hay thay! Hay thay!
Đại hùng Thế Tôn
Thấy hàng chúng sanh
Đều dễ hóa độ
Thường hỏi chư Phật
Trí tuệ thâm sâu.**

Khi đó Đức Thế Tôn khen ngợi các vị Đại Bồ tát thượng thủ: “Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Các vị có thể đối với Đức Như Lai mà phát tâm tùy hỷ.

Giải luận

Các vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, sau khi vấn an Đức Thế Tôn và được sự hoan hỷ trả lời của Ngài, các vị Bồ tát thượng thủ tuyên xưng thơ kệ để nhấn mạnh về ý nghĩa cao siêu này. Trong đoạn thơ kệ sáu câu, hai mươi bốn chữ, chúng ta đặc biệt chú ý các chữ: “Thấy hàng chúng sanh, đều dễ hóa độ”. Chữ thấy là quan trọng đáng lưu ý. Như vậy thì chữ thấy này mâu thuẫn với hai chữ đáng độ của đoạn trên. Nếu chỉ đọc hai câu rồi chấm dứt thì chữ thấy này mâu thuẫn, nhưng đọc thêm hai câu kết: “Hay hỏi chư Phật, trí tuệ thâm sâu”. Những chúng sanh hay học hỏi về trí tuệ của chư Phật rất thâm sâu thì hạng người này là những người đáng độ và dĩ nhiên là hạng người này dễ độ, mà dễ độ thì không mệt mỏi. Chữ thấy nằm ở thể thơ kệ bốn chữ, cho nên tóm gọn để chỉ rõ cho số ít người hay học hỏi chư Phật về chiều sâu của trí tuệ, chứ không phải chữ thấy là toàn thể hết thấy muôn loài chúng sinh khắp các pháp giới trùng trùng bao la. Nếu tổng kết toàn thể số chúng sinh này khắp trùng trùng pháp giới bao la thì khó độ, còn thấy số người hay học hỏi chư Phật về chiều sâu trí tuệ thì dễ độ. Hai chữ thấy tuy

cùng một âm nhưng nằm ở hai dạng khác nhau. Chữ thầy ở câu thơ kệ này là chỉ cho số ít, chỉ cho thành phần hay học hỏi trí tuệ của chư Phật.

**Chư chúng sanh đẳng
Đĩ khá hóa độ
Năng vấn chư Phật
Thậm thâm trí tuệ.**

Còn chữ thầy văn từ thường dùng là chữ hết thầy chỉ cho số nhiều tất cả toàn thể chúng sinh.

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

Hành giả Pháp Hoa chỉ đọc tụng phẩm kinh Tùng Địa Dũng Xuất này chưa nói đến thọ trì là đã vượt qua một trình độ học Phật khá xa, nhưng mới chỉ phân lý thuyết, khi nào đi vào phần tu luyện, tức là phần thọ trì thì mới liễu thông đáng kể. Như thế nào để biết là mình đang thọ trì? Rất dễ hiểu, khi nào mình cảm nhận được sự mật thiết giữa mình và phẩm kinh, mặc dù phẩm kinh là của hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất nhưng ai cảm mình liên quan mật thiết với phẩm kinh, tin hiểu và tu luyện theo từng phần của phẩm kinh, để mình cũng sẽ thành Bồ tát như các Ngài Tùng Địa Dũng Xuất.

Ví dụ có một đoàn y tế, dĩ nhiên là có nhiều vị Bác sĩ, họ về làng để khám và phát thuốc, chữa bệnh cho dân làng. Tuy làng có rất nhiều trẻ em, nhưng chỉ có một vài em nói với dân làng: “Sau này cháu lớn cũng làm Bác sĩ, đi khám và biếu thuốc, chữa bệnh cho nhiều người khác”. Còn các em khác thì cảm thấy đoàn Bác sĩ như những vị thiên thần, cách xa các em không liên quan gì, nên chúng chẳng hề mơ ước làm Bác sĩ! Thế rồi qua mấy chục năm, các em bé đã tuyên bố thành Bác sĩ thì hiện thực chính thức là những vị Bác sĩ, còn các em nhìn đoàn Bác sĩ như kẻ xa lạ kia thì vẫn đến xin được chữa bệnh.

Những người đọc tụng phẩm kinh này nghĩ rằng: Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất với mình chẳng hề liên quan gì với nhau, cho nên họ chẳng những đời này, mà nhiều đời nhiều kiếp, cũng vẫn là người đọc tụng kinh Pháp Hoa chứ chẳng thành Bồ tát! Còn trong số hành giả đọc tụng này, có người cảm nhận mình và Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất có sự liên quan mật thiết với nhau như người cùng nhà, nhờ vậy mà sau này đắc quả Bồ tát.

Hành giả Pháp Hoa tuy chưa đắc quả Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, nhưng nếu đúng là hành giả thì lúc nào cũng hòa mình trong nếp sống quần chúng, họ sống như cái bóng trong đêm sương lạnh, không danh không

tướng, không sống tư lợi vị kỷ cho riêng mình. Họ là những nhà hiền sĩ ẩn sau lớp bụi mờ, là những người vô danh nhưng hữu ích, là những bà mẹ của các bậc hiền triết, hoặc những bà mẹ anh hùng, sống dâng trọn đời mình cho xã hội, cho sự lợi ích chung. Họ là những bậc thiên tài vô danh nhưng hữu đức ... Hiện đời này họ đang gieo nhân để mai sau họ gặt quả Bồ tát. Ý nghĩa phẩm kinh nghĩa bóng là như thế, nên chỉ đọc tụng phẩm kinh này, đừng nghĩ Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và mình là hai thành phần tách rời nhau, được như vậy mới là hành giả Pháp Hoa, mới là người đang tu, đang luyện, đang thọ trì, đang cúng dường và chuẩn bị phổ truyền kinh Pháp Hoa, phổ truyền phẩm Tùng Địa Dũng Xuất.

Trên bình diện quốc gia áp dụng bí pháp Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ mất nước. Trên bình diện gia đình áp dụng Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ nhà tan. Trên bình diện cá nhân áp dụng Tùng Địa Dũng Xuất thì không bao giờ đói nghèo, dốt nát.

Nguyên tắc của Tùng Địa Dũng Xuất là sống bằng hạnh và sống ân khắp muôn nơi, khi xuất hiện là lúc đời đang cần thiết. Chư Phật đầy đủ bốn hạnh rộng mạnh cao sâu, còn Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất chỉ chuyên luyện rèn từng hạnh.

Dòng đời lúc nào cũng có hai, nhưng hai trong cái một. Nên đạo vì nhập đời nên mới phương tiện có hai vô danh và hữu danh Bồ tát. Hàng vô danh Bồ tát, tức là Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, còn hàng hữu danh Bồ tát là hàng Thập Địa Bồ tát có tướng có danh. Cả hữu lẫn vô tuy khác nhưng chỉ là một mà thôi !

Hữu danh độ chúng sinh trong nhiều hình thức, vô danh độ người lặng lẽ nhưng tiềm ẩn khắp mọi nơi. Chẳng những riêng đạo mà chính pháp sống của đời cũng phải hiện hữu cả hai. Số anh hùng vô danh chẳng tên chẳng tuổi họ sống theo câu phương châm làm ơn chẳng mong trả, gá nghĩa chẳng trông đền, họ đến họ đi lúc nào chẳng ai hay biết, họ đóng góp trọn cuộc đời họ cũng chẳng đợi ghi công. Nhưng khác với hàng vô danh thì đời cũng cần hữu tướng, có bổng lộc, có danh vị dưới trên. Nói tóm lại, đời cũng như đạo tuy tạm phân thành hai thành phần nhưng đồng một nghĩa cử như nhau. Nếu có khác đi chẳng là tâm nhận thức và có chịu thực hành đúng quy pháp hay không?

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất vì nhiều chi tiết nên phải phân hai bài để người đọc, tụng, thọ trì, thuyết giải dễ nhớ hầu dễ thực thi.

Xin xem tiếp bài 25.

Nguyện cầu chư vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, bốn vị Thượng Thủ thường xuyên và hiện hữu cùng khắp khắp mọi nơi, như sự phân công truyền trao phú chúc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và cũng là lời phát thệ nguyện của quý Ngài. Kinh Pháp Hoa nhờ công đức của hàng Bồ tát vô danh mà kinh Pháp Hoa ngày càng phổ biến sâu rộng khắp mọi nơi, mọi chốn.

Lạy Phật từ bi gia hộ cho tất cả chúng sinh đồng thành Phật đạo.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Pháp Hoa hội thượng Phật Bồ tát, Bồ tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Phật là tĩnh lặng

Pháp là an vui

Tăng là hòa hợp

--- o0o ---

Bài 25 - Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất - Thứ Mười Lăm

Bồ tát Di Lặc bạch Phật.

Đức Phật trả lời Bồ tát Di Lặc.

Bồ tát Di Lặc và đại chúng vẫn còn nghi vấn.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất chia hai bài học. Bài đầu gồm ba nét chính:

* Chư Bồ tát từ các cõi đến xin thay Phật sau này phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

* Đức Phật không chấp thuận thì liền lúc ấy có chư vị Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất.

* Trong số Bồ tát vô danh này có bốn vị Thượng Thủ đại diện.

Phần tiếp theo bài này cũng ba nét chính:

* Nét thứ nhất: Bồ tát Di Lặc trình bạch lên Đức Phật.

* Nét thứ hai: Đức Phật trả lời.

* Nét thứ ba: Bồ tát Di Lặc và đại chúng bực bạch những nghi vấn.

Đến Bồ tát Di Lạc và đại chúng nơi Đạo tràng thuở đó mà vẫn còn nghi vấn, vậy ngày nay chúng ta thì sao? Chúng ta phải hóa giải nghi vấn, bởi vì chúng ta là hành giả Pháp Hoa. Không giải được nghi vấn thì không tin, mà không tin thì không thể nào tu luyện được. Phần hóa giải nghi vấn nơi phẩm này, một phần phải chờ ở phẩm sau. Tuy chúng ta chờ phẩm sau, nhưng phẩm này cũng phải chú tâm hóa giải những gì mình có thể hóa giải được. Muốn đọc, tụng, thọ trì, thuyết giải thì phải tự hóa giải những nghi vấn, mà muốn giải mọi nghi vấn thì không thể giao cho ý hoặc cho trí, lại cũng không căn cứ nơi lý hoặc nơi sự, lại càng không nên lấy số đông người, hoặc nhiều đời đã truyền tụng để giải nghi những việc mà hàng Đại Bồ tát đứng lên đặt nghi vấn trước Đức Phật. Các Ngài đặt nghi vấn là các Ngài diễn bày những chỗ khó để mở lối cho chúng ta thôi, chứ không phải các Ngài không liễu ngộ!

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất dẫn dắt hành giả Pháp Hoa rời sự tư duy phạm tục, rời sự quán tưởng của Thiên quán để nhập về với thực tướng của các pháp vốn nó là tướng không.

Muốn đạt đến chiều rộng bao la, chiều sâu thăm thẳm của phẩm kinh thì hành giả Pháp Hoa chỉ tạm mượn lời kinh, chứ không thể y theo lời kinh, đồng thời việc quan trọng nhất của hành giả khi tu phẩm kinh này là cần ở điểm tự sáng nội tâm, khi nội tâm bừng sáng thì cũng chớ nên bo bo chấp giữ cái điểm sáng chật hẹp ấy làm chi! Bởi vì trong điểm sáng nội tâm ấy, nó chẳng phải chơn tâm vắng lặng. Mục đích của hành giả Pháp Hoa là liễu ngộ chơn tâm. Chơn tâm thì lớn không ngoài, mà nhỏ cũng không trong. Khi nhập chơn tâm, hành giả mới hiểu tại sao chư Bồ tát từ các cõi khác đến xin sau này thay Phật phổ truyền kinh Pháp Hoa, vậy mà Đức Phật lại không chấp thuận! Đến lúc đó hành giả Pháp Hoa phải bằng mọi cách để liễu thông về Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất. Hàng Bồ tát này, không phải từ các cõi khác đến như hàng Bồ tát trước đây, mà là vẫn ở tại cõi Ta Bà này và tại sao Đức Phật lại giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho hàng Bồ tát vô danh này? Khi liễu thông được hai vấn đề, lại tiếp tục xem mình là ai và hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là ai? Giữa các Ngài và mình cả hai thành phần có liên quan gì không?

Đọc tụng lướt qua thì câu chuyện nơi phẩm kinh quá đơn giản, như chuyện khoa học giả tưởng. Nhưng không, đây là sự thật, hoàn toàn thật, cho nên nếu hành giả Pháp Hoa nào rơi tõm được giữa lòng chiều sâu thăm thẳm của phẩm kinh thì đây là người mới có thể làm mắt thấy, làm tai nghe được những gì trọng đại để báo hiệu cho dòng đời đang sống giữa sự sống trong đục, hầu giúp đời biết cách gạn đục, mà hưởng trong.

Điểm tối ưu quan trọng của phẩm kinh là hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất từ phía dưới quả đất chỉ vọt lên khi Đức Phật còn tại thế, hay mãi đến bây giờ cũng còn trùng trùng lớp lớp từ phía dưới quả đất vọt lên?

Tư tưởng hành giả Pháp Hoa phải trải rộng xa ra ngoài quả đất thì mới thấy phẩm kinh có liên quan với cuộc đời, hay chỉ dành riêng cho Phật giáo mà thôi!

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất thì một là không nằm trong phương pháp suy tưởng để liễu ngộ, vì phẩm kinh này trình bày theo lối ngược đời. Nào là số Bồ tát không danh tánh, bốn vị đại diện là bốn Ngài Thượng Thủ, lấy hạnh thay tên. Ngược đời thứ hai là cha trẻ mà con già, cha chỉ ba bốn mươi tuổi, còn con thì bảy tám mươi tuổi. Vì vậy cho nên mới xác quyết, muốn liễu ngộ phẩm kinh này thì phải **rời tư duy**, phải **rời thiên quán**. Tu theo đạo Phật là phải tư duy, phải thiên quán mới sáng tỏ được vấn đề, mới liễu thông được những vấn đề ngược đời của phẩm kinh này. Vậy không tư duy, không thiên quán thì tu pháp môn nào? Có chứ! Nếu đắc thiên quán thì mới có trình độ Nhứt niệm. Khi đắc Nhứt niệm thì chỉ cao hơn Chánh niệm, Tam niệm và Nhị niệm mà thôi. Vì vậy đắc thiên quán chứng Nhứt niệm thì mới ở giữa đường, làm sao gọi là đến bảo sở, làm sao đáo bỉ ngạn, làm sao đến đích giác ngộ. Đó là nói những vị chứng đắc Nhứt niệm, chứ những người chưa đắc mà đã tự xưng mình đắc thì lại là vấn đề khác! Vậy thì còn chứng đắc đến thế nào mới cao hơn Nhứt niệm? Có chứ! Khi đắc Nhứt niệm, mới tiếp tục tu luyện để chứng đắc "**Vô niệm**" và còn cao hơn nhiều cấp nữa.

Cũng nên chú ý câu đừng tự mãn bo bo cố chấp rằng mình đã soi sáng nội tâm, mà không tiếp tục tinh tấn tu luyện để chứng đắc hơn nữa, bởi vì trên điểm sáng nội tâm lại còn có chơn tâm.

Mười bốn phẩm bốn môn thì phẩm Tùng Địa Dũng Xuất này là phẩm mở đầu cho mười ba phẩm tiếp theo, hành giả Pháp Hoa không buông trôi theo dòng ý thức, hoặc dù có vượt thức sang trí, cũng khó liễu ngộ phần "**bốn môn**". Càng lên các phẩm cao, lại càng thâm sâu huyền bí.

Kính mong người đọc, người tụng Pháp Hoa liễu thông từng bí pháp của từng mỗi đoạn, mỗi phẩm kinh, hầu sớm chuyển nhập vào thọ trì và phổ thuyết Pháp Hoa kinh. Kinh Pháp Hoa nhập đời, đời quyện kinh Pháp Hoa. Đời đạo đã là không hai thì còn đâu phân biệt đạo này đạo khác, nước này nước khác, chủ thuyết này chủ thuyết khác, thành phần này thành phần khác, hành tinh này hành tinh khác, bởi vì tất cả các pháp không thấy đều thật tướng, mà thật tướng thì làm gì có hai.

II - NỘI DUNG

◆ Bồ tát Di Lạc bạch Phật Chính văn

6- Lúc bấy giờ Bồ tát Di Lạc, cùng đại chúng Bồ tát số đông nhiều hơn tám nghìn lần số cát sông Hằng, tất cả đều nghĩ rằng: “Chúng ta từ xưa nay chẳng thấy, chẳng nghe hàng Bồ tát nào như thế, họ từ phía dưới quả đất vọt lên, đứng trước Đức Thế Tôn, chấp tay, cúng dường thăm hỏi Như Lai”.

Lúc đó Bồ tát Di Lạc biết tâm niệm của chư Bồ tát, số đông nhiều hơn tám nghìn lần số cát sông Hằng và Ngài cũng muốn tự giải chỗ phân vân của mình, bèn chấp tay hướng về phía Phật thuyết kệ thừa rằng :

Vô lượng nghìn vạn ức
Hàng đại chúng Bồ tát
Xưa nay chưa từng thấy
Xin Thế Tôn giải thích
Họ từ chốn nào đến
Do duyên gì nhóm họp
Thân đủ thân thông lớn
Trí huệ chẳng nghĩ bàn
Chí niệm họ bền chắc
Có sức đại nhẫn nhục
Việc chúng sanh muốn biết
Là từ chốn nào đến
Mỗi mỗi vị Bồ tát
Đem theo hàng quyến thuộc
Số đông không thể lường
Nhiều hơn cát sông Hằng
Hoặc có Đại Bồ tát
Hơn sáu vạn cát sông
Hàng đại chúng như thế
Nhứt tâm cầu Phật đạo
Những đạo sư cũng vậy
Sáu vạn cát sông Hằng
Đều đến cúng dường Phật
Cùng hộ trì kinh này
Đem năm vạn Hằng sa
Số này ít số trên

Bốn vạn và ba vạn
Hai vạn đến một vạn
Một nghìn một trăm thầy
Nhấn đến một Hằng sa
Nửa phần ba, phần tư
Một phần trong vạn ức
Nhỏ vạn na do tha
Vạn ức các đệ tử
Nhấn đến chỉ nửa ức
Số vị ít hơn trên
Phần trăm đến phần vạn
Một nghìn hoặc một trăm
Năm mươi cùng mười vị
Nhấn đến ba, hai, một
Một mình không quyến thuộc
Trống vắng thường vui ở
Đều đi đến chỗ Phật
Số này ít hơn trước
Đại chúng nhiều như thế
Nếu người phát thể đếm
Kiếp số nhiều Hằng sa
Còn chẳng thể biết hết
Gặp các bậc oai đức
Chúng Bồ tát tinh tấn
Ai vì đó thuyết pháp
Giáo hóa cho thành tựu
Ai từ đâu phát tâm ?
Xưng dương Phật Pháp nào ?
Thọ trì tu kinh gì ?
Tu Phật đạo thể nào ?
Các Bồ tát như thế ?
Đại trí sức thần thông
Bốn phương đất rung chuyển
Đều từ dưới vụt mạnh
Thế Tôn ! Con từ xưa
Chưa từng thấy như thế
Xin dạy rõ lai lịch
Quốc độ danh hiệu gì ?
Con thường dạo các nước
Chưa hề biết chúng này

**Con ở trong chúng đây
Chẳng hề quen ai hết
Bỗng nhiên phía đất lên
Xin thuyết rõ nhân duyên
Nay nơi đại hội này
Vô lượng trăm ngàn ức
Các chúng Bồ tát đây
Đều muốn biết việc đó
Hàng chúng Bồ tát kia
Gốc ngọn nhân duyên nào ?
Thế Tôn Đức vô lượng
Cúi mong giải nghi chúng.**

Giải luận

Bồ tát Di Lạc thuận theo tâm niệm của đại chúng nơi Đạo tràng và cũng muốn được giải chỗ phân vân của mình, nên đứng lên hướng nhìn Đức Phật, chấp tay cung kính mà thuyết thơ kệ trình bày lên Đức Phật để được giải nghi.

Qua 78 câu kệ 390 chữ đều cùng chung một ý, đó là hiện tượng chư vị Bồ tát, từ phía dưới quả đất vọt mạnh đến Pháp Hoa hội Linh Sơn, tại quả đất thuộc xứ Ấn Độ, số Bồ tát này và quyển thuộc đông nhiều không thể nào tính đếm được, phải dùng phép lấy số cát sông Hằng để làm thí dụ. Chữ na do tha là con số của trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng, như thế dù bậc Thánh cũng không thể tính đếm được số lượng chính xác, chỉ có thể tưởng tượng để biết số đông đến mức độ như thế đó. Số đông nhiều gấp trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần số cát sông Hằng. Tuy quan trọng nhưng chưa quan trọng bằng mở rộng tư tưởng của người đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa. Khi đọc đến chỗ số đông như vậy tư tưởng mình có đông theo hay không ? Nếu theo thì có thể tưởng tượng được chỗ dung chứa hay không ?

Câu chuyện Trung Hoa, Lưu Bang hỏi Hàn Tín: “Như Trầm đây quản lý được bao nhiêu binh”. Hàn Tín trả lời: “Bệ hạ chỉ cai quản được mười vạn quân, nếu nhiều hơn thì hàng ngũ ... sẽ rối loạn!”. Lưu Bang hỏi tiếp: “Vậy nếu như Nguyên soái Hàn Tín thì cai quản được bao nhiêu binh?”. Hàn Tín trả lời: “Càng đông bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu!”. Vì vậy cho nên hồi đó và mãi mãi ngàn sau giới Quân sư thường có câu: Điem binh của tướng công sánh như Hàn Tín.

Khi Hàn Tín nói câu đó thì bá quan văn võ khiếp đảm, vì rằng sợ Lưu Bang ghép tội khi quân cho Hàn Tín. Nhưng Lưu Bang nét mặt vẫn ung dung vui cười hơn hờ và hỏi bá quan văn võ trong đó có Hàn Tín: “Điem

binh và cầm binh ra trận Trẫm thua Hàn Tín! Trẫm ổn định nhân dân ở hậu phương và vận lương ra tiền tuyến lại thua Tể tướng Tiêu Hà! Ngồi một chỗ tính toán ngàn dặm xa, bầm mấy đốt ngón tay hiểu rõ việc trăm năm qua, trăm năm hiện tại và cả trăm năm sau thì Trẫm thua Quân sư Trương Lương. Vậy tại sao ba vị đó lại ở dưới trướng của Trẫm và Trẫm thì làm Hoàng đế, tức là ở ngôi vị Quân, còn ba vị vẫn thuộc hàng Thần”. Tất cả đều không có lời đáp. Lời đáp này để dành cho Lưu Bang, chỉ có Lưu Bang và sau này thì lại có hành giả Pháp Hoa kinh, những ai tụng đến đoạn kinh này mà đầu óc không u trệ, không bối rối.

Trong đoạn thơ kệ 78 câu này có một số câu rất dễ gây sự suy diễn sai, như câu:

**Nhấn đến một Hằng sa
Nửa phần ba, phần tư
Một phần trong vạn ức
Nhỏ vạn na do tha ...**

Số đông trước thì trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần so với số cát sông Hằng, nhưng sau đó lại bắt đầu giảm số ít. Số ít chỉ bằng một lần số cát của sông Hằng. Câu tiếp theo nửa phần ba, phần tư, tức là bằng nửa phần ba lần, nhấn đến chỉ bằng một phần tư so với số cát sông Hằng.

+ **Nhỏ hơn**

Một phần trong số vạn ức, tức là đem số cát chia thành vạn ức phần thì số quyền thuộc của vị Bồ tát này chỉ có một phần trong số ngàn vạn lần.

+ **Lại ít hơn nữa**

Nhỏ vạn na do tha, tức là đem số cát sông Hằng chia ra trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần nhỏ hơn, thì số quyền thuộc của vị Bồ tát chỉ có **một phần** trong số cát đã chia nhỏ.

Nếu không tinh tường, người đọc tụng sẽ rối nùi không biết đặng nào mà so sánh.

Lại có vị chỉ đem theo ba, hai, một vị quyền thuộc. Lại có vị chỉ đến có một mình. Đoạn kinh cũng như các câu thơ kệ phía sau đã xác quyết rằng càng sau con số càng nhỏ. Hành giả lật kinh chữ Việt âm Hoa đọc đi đọc lại càng nhiều lần càng rối như tơ vò, không hiểu so sánh làm sao cho mở được trí, chẳng thể nào hiểu thông số lượng quyền thuộc của hàng Bồ tát Tỳ Lô Địa Dũng Xuất.

**◆ Hàng Thị giả chư Phật phân thân cũng thắc mắc
Chính văn**

7. Khi ấy chư Phật phân thân của Đức Thích Ca Mâu Ni, từ vô lượng nghìn muôn ức cõi nước ở phương khác đang ngồi xếp bằng trên tòa sư tử, nơi các cột cây báu khắp tám phương. Hàng Thị giả của chư Phật này, đều thấy đại chúng Bồ tát ở từ bốn phương tám cõi tam thiên đại thiên đã từ phía dưới quả đất vọt lên, trụ giữa hư không như thế. Hàng thị giả đều đến bạch với chư Phật phân thân của mình rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các đại chúng số đông vô lượng a tăng kỳ Bồ tát đó, từ chốn nào mà đến”

Lúc ấy chư Phật phân thân đều dạy Thị giả: “Chư thiện nam tử ! Hãy chờ giây lát, hiện tại có vị Đại Bồ tát danh là Di Lặc, Ngài là vị được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thọ ký, tiếp theo đây sẽ thành Phật. Ngài đã hỏi việc này rồi, Đức Phật Thích Ca sẽ giải đáp, quý vị nhân dịp này sẽ được nghe”.

Giảng luận

Không phải chỉ riêng đại chúng và Bồ tát Di Lặc, tại Pháp Hoa hội Linh Sơn, thắc mắc về lai lịch của hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, mà hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng thắc mắc phân vân về hiện tượng của chư Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất.

Điều chúng ta đáng nghiên ngẫm là hàng Thị giả của chư Phật phân thân, chỉ đến nêu thắc mắc với Đức Phật mà mình đang Thị giả. Nghiên ngẫm để rút tía những chỗ tế nhị khi hành giả Pháp Hoa vào cuộc sống, mỗi khi gặp điều phân vân nên hỏi ai? Điều này hai đoạn kinh đã nêu rất rõ. Bồ tát Di Lặc thì hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn hàng Thị giả của chư Phật phân thân thì hỏi Đức Phật mà mình đang Thị giả.

Phân cần hiểu của hành giả Pháp Hoa, là các vị đã có ai, ai là vị để khi mình gặp điều phân vân thì mình trực tiếp hỏi. Đời sống của mỗi con người hỏi có ai không gặp điều thắc mắc. Những lúc ấy nếu không có người đáng dựa nương để mình hỏi điều mình phân vân thì cứ tưởng tượng sự phân vân đó nó ray rứt hành hạ mình đến dường nào? Nhưng chớ gặp ai cũng nêu điều mình phân vân. Đức Bồ tát Di Lặc không nêu thắc mắc với Phật phân thân, hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng không nêu thắc mắc với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một điều tế nhị sâu sắc nhất của đoạn kinh này là chư Phật phân thân dạy hàng Thị giả của mình hãy chờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ giải đáp mọi nghi vấn, bởi vì Đức Bồ tát Di Lặc đã hỏi vấn đề này rồi.

Hành giả Pháp Hoa, nếu hiểu thông đoạn kinh này thì áp dụng vào đời sống hằng ngày không phạm phải điều sai lầm đáng tiếc, về mọi phương diện, quốc gia, tộc họ, bản thân; nhất là việc tộc họ, khi ngày giỗ Tổ con cháu nhiều phái tụ hội về nhà từ đường của tộc họ, người trưởng mỗi gia đình phải đem đoạn kinh này mà áp dụng dạy bảo con cháu của mình, nhất là tự dạy lấy mình, mỗi khi con cháu của phái nào theo nề nếp của phái đó. Con cháu của những vị thứ phái thắc mắc và hỏi điều gì, không được quyền hỏi vị chánh phái, tức là vị tộc trưởng; nếu rui có hỏi thì vị thứ phái không được trả lời cho con cháu mình, mà phải dẫn con cháu mình chờ nghe giải đáp của vị chánh phái, tức là vị tộc trưởng. Vì điều phân vân đó đã được con cháu của vị tộc trưởng nêu. Trường hợp con cháu vị tộc trưởng không nêu điều thắc mắc, nếu bất tuân quy pháp đoạn kinh này áp dụng vào những ngày tụ hội thì sẽ trở thành một đám người ô tạp, gia phong của họ cũng chẳng vào đâu ! Ngày xưa thể chế phong kiến thì quá độc tài, vua quan trọn nắm quyền sinh sát. Mãi đến đời cải cách quân chủ, nền dân chủ được thiết lập nhiều quốc gia trên thế giới. Nhưng than ôi, họ chưa học hiểu dân chủ mà họ đã học đòi làm dân chủ, chỉ có dân chủ tự giác, chứ không thể nào có dân chủ tự do. Một anh ký giả mà được dân chủ viết bài bôi nhục một vị nguyên thủ quốc gia; một nhóm quân nhân Phật tử bịa đặt thêm bớt nêu nhiều tội xấu của vị lãnh đạo Giáo hội với mưu đồ chính trị dơ bẩn, chứ không phải vì xây dựng. Họ xưng Tăng lữ, nhưng họ chưa đọc đoạn kinh này lần nào nên họ rơi vào vị Thị giả của Phật phân thân, nêu thắc mắc thẳng Đức Phật chính thân, làm cho xã hội đảo lộn ồn ào, làm cho Giáo hội ly tan phá hòa hợp Tăng; dĩ nhiên nhóm người phá hòa hợp Tăng ấy tự rơi vào địa ngục hiện tiền, mà những kẻ chỉ dạy số người thác loạn cũng không còn chút gì giá trị. Kinh Pháp Hoa là bộ kinh pháp Diệu, hoa sen nhập bùn, kinh hoa nhập đời, mong giới hành giả Pháp Hoa mở rộng pháp Diệu kinh Sen nhập đời để đời an đạo hiện.

--- o0o ---

◆ **Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở lời**

Chính văn

8. Bấy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ tát Di Lạc: “Hay thay ! Hay thay ! Này A Đạt Đa, quý vị có thể nên đồng nhất tâm, mặc giáp tinh tấn, giữ ý bền vững. Nay Như Lai cũng cần tuyên bày trí tuệ của chư Phật, sức thần thông tự tại của chư Phật, sức mạnh nhanh như kẻ tử của chư Phật, sức oai thế lớn mạnh của chư Phật.

Đức Thế Tôn liền tuyên thuyết thơ kệ phơi bày rõ nghĩa trên:

**Phải nhứt tâm tinh tấn
Nhu Lai nói việc này
Chớ nên có nghi ngờ
Phật trí chẳng nghĩ bàn
Quý vị gắng sức tin
Trụ giữa nơi thiện nhân
Pháp từ xưa chưa nghe
Nay sẽ được toại ý
Chúng được ta an ủi
Chớ giữ tâm nghi ngại
Phật chẳng lời hư dối
Trí tuệ Phật không lường
Phật đặc pháp bậc nhất
Thắm sâu khó phân biệt
Nhu thế nay sắp thuyết
Quý vị chí tâm nghe**

Giảng luận

Dòng đời vốn đa nghi, dù nói việc phải cũng vẫn bị đời nghi ngờ. Cũng như Đức Phật đã thuyết về vũ trụ quan mà nhiều kinh đã lưu truyền, rằng quả đất hình bầu dục, thế mà chẳng ai chịu tin, buồn cười nhất là kể cả những khi đạo Phật hiển hưng nhất ở Trung Hoa mà học thuyết của Trung Hoa vẫn tin là trời tròn đất vuông. Mãi hơn hai ngàn năm sau, có nhà khoa học Ga Ghi Lê tuyên bố quả đất hình tròn, chẳng những đời không nghe mà còn giáng tai họa lên đầu ông ta. Nhưng rồi cái gì chơn thật bất hư, dần dần nhân loại mới tin là quả đất tròn. Nhà khoa học được phục hồi danh dự và nhân loại tán dương nhà khoa học Ga Ghi Lê. Nhưng thực tế nhà khoa học vẫn chưa chính xác. Hiện hữu quả đất hình bầu dục qua ống kính vệ tinh, việc mà trước đây hơn hai ngàn rưỡi năm Đức Phật đã công bố, cho nên mới bảo là dòng đời vốn đa nghi. Loài người không tin những gì mà kiến thức họ chưa liễu tri, chưa đạt tới, như trường hợp đĩa bay là con tàu vũ trụ của các hành tinh khác đến thám hiểm địa cầu, vậy mà loài người vẫn chưa chính thức thừa nhận, bởi vì kiến thức họ vẫn chưa đạt tới. Chẳng như thế mà ai chê họ thì họ giận lắm. Cho nên mới có trường hợp những bậc hiền tài, ẩn sĩ chôn vùi trọn đời mình trong câm lặng. Nhược bằng ai dám hé môi thì bị đời trừ dập, nhiều khi bị hãm hại. Đức Phật thưở đó mà dám nói là vì sau lưng Ngài có các vị đại Hoàng đế hậu thuẫn, tuy thế nhưng đời vẫn không tin.

Khi vào Pháp Hoa hội Linh Sơn, Đức Phật thuyết đến phẩm Tùng Địa Dũng Xuất là lúc đã đi vào đoạn đường gay gắt đầy nguy hiểm. Máy triệu

năm sau, đời mới đạt trình độ chứng kiến Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất, còn hiện thời thì phẩm kinh này nói chuyện ngược đời, như đĩa bay, con tàu vũ trụ của các hành tinh ngoài quả đất thì đó thuộc về chuyện ngược đời. Thuở Đường Minh Hoàng cho chào đời vũ khúc Du nguyệt điện (dạo chơi cung trăng) thì đời gán cho danh hiệu hoang đường (chuyện không có của đời nhà Đường).

Dù Đức Phật biết sự việc Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất đối với đời là ngược đời, nhưng vì đại đa số đều phân vân, đều thắc mắc, đều muốn biết sự bí ẩn của sự việc hiển hiện trước mắt. Chẳng những đại chúng tại Pháp Hoa hội Linh Sơn mà hàng Thị giả của chư Phật phân thân cũng thắc mắc, cũng phân vân. Cho nên việc chẳng đặng đừng, Đức Phật phải trình bày, nhưng mượn Ngài Bồ tát Di Lặc làm cầu nối. Mặc dù sự việc đầy đủ như thế nhưng khi mở lời trình bày Đức Phật cũng còn phải trải qua nhiều lần rào trước ngăn sau. Cũng ví như nhạc sĩ phải dạo nhạc trước khi cho lời nhạc chính thức hiển đời.

Tuy những dòng thơ kệ, Đức Phật tha thiết: **“Các vị phải tinh tấn. Ta muốn thuyết việc này. Chớ sanh lòng ngờ vực ...”** Suốt đoạn kệ mười sáu câu, câu nào cũng chơn tình, cũng dặn dò kỹ lưỡng, bởi vì pháp mà Đức Phật sắp phơi bày là pháp bất khả tư nghì. Đời không thể nghĩ, không thể bàn.

Đức Phật nói với đại chúng, trong đó đa phần là Bồ tát, vậy mà còn phải như thế ! Hành giả hoặc Giảng sư, Pháp sư, khi đưa pháp Diệu vào đời sẽ gặp trở ngại khó khăn thế nào ! Vì thế nên muốn nói bất cứ việc gì có tánh cách quan trọng, người phổ truyền nên noi theo Đức Phật. Việc gôn và dễ nhất là nên bắt chước nhạc sĩ chơi nhạc.

--- o0o ---

◆ **Cha trẻ mà con già**

Chính văn

9- Đức Thế Tôn thuyết thơ kệ vừa dứt, liền tiếp dạy Bồ tát Di Lặc: “Nay Như Lai ở nơi đại chúng tuyên bảo quý vị. Nay A Đạt Đa! Các hàng Đại Bồ tát vô lượng, vô số a tăng kỳ, từ phía dưới quả đất vụt mạnh đến đây, từ xưa đại chúng chưa từng thấy. Đây là do Như Lai ở cõi Ta Bà, khi đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì liền giáo hóa chỉ dẫn cho hàng Bồ tát này, điều phục được tâm họ, khiến họ khởi đạo tâm.

Các hàng Bồ tát đây, ở cõi Ta Bà phía dưới quả đất vụt lên trụ giữa hư không, họ từ nơi các kinh điển đọc tụng thông suốt, tư duy liễu ngộ, nghĩ tưởng chơn chánh. Nay A Dật Đa ! Hàng Bồ tát này không thích nói bàn giữa nơi đông người, thường ưa nơi thanh vắng, tinh tấn tu niệm, chẳng hề gián đoạn. Sự cư trú cũng chẳng nương tựa người và trời. Quán chiếu thâm sâu trí tuệ, chẳng hề gặp chướng ngại, cũng thường vui theo giáo pháp của Phật, chuyên tâm tinh tấn tu cầu đắc huệ vô thượng.

Lúc đó Đức Thế Tôn tuyên thuyết thơ kệ lập lại nghĩa này:

A Dật Đa nên biết
Hàng Đại Bồ tát đây
Từ vô số kiếp nay
Tu luyện trí huệ Phật
Đều do ta hóa độ
Khiến phát tâm đại đạo
Chúng đó là con ta
Y chỉ thế giới này
Thường tu hạnh đầu đà
Chỉ thích trụ nơi vắng
Rời nơi chúng náo nhiệt
Chẳng thích luận bàn nhiều
Hàng Bồ tát thể đó
Học tu giáo pháp ta
Ngày đêm hằng tinh tấn
Chỉ để cầu Phật đạo
Ở phương dưới Ta Bà
Trụ giữa khoảng hư không
Chí lực niệm bền vững
Thường siêng cầu trí huệ
Thuyết hết thầy pháp Diệu
Tâm họ chẳng hãi sợ
Ta ở thành Già Da
Ngồi nơi cõi Bồ đề
Thành bực đẳng Chánh giác
Chuyên pháp luân Vô thượng
Rời mới giáo hóa họ
Khiến khởi phát đạo tâm
Nay đều trụ bất thời
Đều sẽ đắc thành Phật

**Nay ta nói chơn thật
Quý vị định tâm tin
Ta từ lâu xa lại
Giáo hóa Bồ tát đó.**

Giảng luận

Văn kinh và thơ kệ của đoạn này, Đức Phật giải đáp mọi thắc mắc phân vân của Bồ tát Di Lặc, cùng hàng Thị giả của chư Phật phân thân và đại chúng hiện hữu rằng, số Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là do chính Đức Phật Thích Ca Như Lai giáo hóa họ. Giải thích để gỡ cái phân vân thắc mắc chưa ai hiểu rõ lại còn chòng lên thêm một điều thắc mắc nữa, đó là cha thì còn trẻ, mà con thì quá già. Đức Phật mới thành Phật cách mấy chục năm, còn hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất thì công đức và sự thân thông trải lâu nhiều ngàn kiếp, vậy mà Đức Phật tuyên bố hết thầy hàng Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất là do Ngài giáo hóa. Đó ai hiểu được cha trẻ con già. Đúng những điều xảy ra ở phẩm kinh hoàn toàn ngược đời, hỏi có được mấy ai thông hiểu, đến như Bồ tát Di Lặc mà còn phải nêu vấn đề xin Phật giải nghi. Đức Phật chưa giải nghi mà lại còn chòng lên thêm một nghi vấn “Cha trẻ mà con già”.

Phẩm kinh dạy hành giả Pháp Hoa và những ai muốn thành tựu những việc gì nơi dòng đời này thì không nên nghe ngắt khúc nữa chừng, mà phải nghe từ đầu đến cuối, như trường hợp cha trẻ mà con già, mà nếu chỉ nghe đến đây rồi phân vân thì suốt đời ôm nỗi phân vân ấy mà ngậm hờn phải chờ sự tiếp theo. Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ 17 thì mới giải được phân vân.

Chẳng riêng hành giả Pháp Hoa, mà ai chỉ đọc hoặc tụng, kể cả chưa biết Pháp Hoa mà nghe thuật lại lý pháp giải nghi của Đức Phật nơi phẩm kinh này, liền đem bí pháp này áp dụng vào cuộc sống hằng ngày bằng cách giải nghi mà chẳng giải nghi lại chòng thêm điều nghi vấn còn khó hiểu gấp trăm ngàn lần thì mình sẽ gặp người cao thượng, bằng không rồi đâu phải đó, nóng đầu xoa đó thì chỉ lẫn quẩn trong vòng phàm tục biết bao giờ gặp bậc thánh triết.

Người nhà nông gieo giá ba ngày đã có ăn, trồng rau phải ba tuần, trồng bắp - khoai - lúa - củ phải ba tháng, lập vườn cây ăn quả ba năm, lập đồn điền phải hàng chục năm. Muốn giải đáp một đáp số dễ vài phút, nếu khó vài giờ, vài tháng, vài năm. Nếu gặp những điều quá gút mắc phải trải qua hàng chục năm, trăm năm, ngàn năm. Như quả đất hình bầu dục phải trải qua mấy ngàn năm. Việc Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất phải chờ trình độ tu chứng đến quả vị Bồ tát, có khi cả một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn vạn ức kiếp.

Bởi vì giáo thuyết của Đức Phật là không có thời gian cũng chẳng thể phân không gian.

Không gian vô biên - Thời gian vô tận

Chưa hiểu ngộ tới thiếu là hiểu thông nguyên lý này thì không bao giờ xóa được mọi điều phân vân, vô tình biến mình thành ra mẫu người bất mãn thường trực, thì làm sao trở thành hành giả Pháp Hoa.

---o0o---

Chính văn

10. Lúc bấy giờ Bồ tát Di Lặc, cùng vô số chúng Bồ tát, lòng sinh thắc mắc, đây thật lạ chưa từng có nên thầm niệm rằng: “Đức Thế Tôn làm cách nào, chỉ trong thời gian quá ngắn, mà có thể giáo hóa vô lượng vô biên nhiều a tăng kỳ số Đại Bồ tát đó, làm cho trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Liên đến bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Thế Tôn còn làm thái tử, rời khỏi cung dòng Thích, ngôi nơi đạo tràng, cách thành Già Da chẳng bao xa, tu đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đó đến nay mới hơn bốn mươi năm, Đức Thế Tôn làm cách nào chỉ trong thời gian ngắn như thế ? Vậy mà đã dựng nên Phật sự to lớn như hàng Đại Bồ tát đây nhờ Phật lực của Thế Tôn, do công giáo hóa của Đức Thế Tôn mà nhất định hàng đại chúng đây sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Thế Tôn ! Giả sử có người trong chúng Đại Bồ tát đây trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp đếm cũng không thể hết, cũng chẳng tìm được ranh giới. Chúng Bồ tát đây từ lâu đến nay, đã từng ở nơi vô lượng vô biên chư Phật, trông các căn lành, thành tựu đạo Bồ tát, thường tu phạm hạnh.

Thế Tôn ! Việc như thế làm sao đời tin được. Cũng như có người sắc đẹp tóc đen, tuổi hai mươi lăm, nói người trăm tuổi là con của ta. Người trăm tuổi cũng chỉ vị tuổi nhỏ, đó là cha của ta, đã sinh và nuôi ta. Việc ấy khó tin. Chuyện Đức Phật cũng như thế !

Từ lúc thành đạo cho đến nay kỳ thật chưa bao lâu, vậy mà hàng Bồ tát này, đã ở nơi vô lượng nghìn muôn ức kiếp, đã vì Phật đạo nên siêng năng tin tấn, khéo léo xuất nhập an trú, nơi vô lượng nghìn muôn ức tam muội, đắc đại thần thông, tu hạnh thanh tịnh đã lâu, khéo sắp

thứ lớp tu tập các pháp lành, giỏi việc vấn đáp, đây là báu quý trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có.

Vậy mà ngày nay Đức Thế Tôn lại nói, lúc đấng Phật đạo mới bắt đầu khiến hàng Bồ tát phát tâm và giáo hóa, chỉ dạy dìu dắt, làm cho họ hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu mà lại có thể thực hiện được việc công đức lớn như thế.

Chúng con dù nhất tâm tin Phật, tùy cơ nghi nói pháp, lời Phật nói ra chưa từng sai vọng. Chỗ Phật biết thấy điều thông suốt, nhưng hàng Bồ tát mới phát tâm sau khi Phật diệt độ: Nếu ai nghe lời này, thì chẳng tin nhận, mà thời phá chánh pháp, khởi nhân duyên gây nghiệp tội.

Kính bạch Đức Thế Tôn mong vì hàng đại chúng mà giải quyết phá trừ nghi tội của chúng con, cùng các hàng nam tử về các đời sau này, nghe được lời giải nghi thì chẳng còn nghi ngờ.

Giảng luận

Người tu học pháp môn duy thức, việc trước nhất phải học thuộc và hiểu - và thực hành được câu: “Thấy nghe sờ ngửi nếm, kể cả tư duy để hiểu rõ việc đó rất rành mạch vẫn chưa đúng ! Tại sao ?

+ **Thấy vậy mà không phải vậy !**

Học thuộc, hiểu thông, hành đúng câu sáu chữ này mới khả dĩ vào trăm cửa sáng của pháp Duy thức. Câu này là cửa thứ nhất. Thông dong qua cửa thứ nhất thì chín mươi chín cửa còn lại xem như dạo vườn xem hoa. Duy thức học gọi là “**Bách pháp minh môn luận**”. Qua khỏi Bách pháp minh môn luận mới vào được nhà duy thức, mới học hiểu trăm bộ luận của Ngài Thế Thân Bồ tát khi hoàn toàn hiểu thông duy thức mới tạm gọi là **Liễu thông sự tướng**. Khi liễu thông sự tướng, cấp tốc phá tan chỗ hiểu thông này thì mới nhập vào pháp tánh. Khi tánh tướng viên dung, mới liễu thông được các pháp không - đều là thật tướng. Hoặc thật tướng của các pháp là pháp không.

Ngày xưa khi Phật còn tại thế tại Ấn Độ, Đức Phật chế ba tông để chia làm ba thời kỳ tu hành cho tứ chúng.

1. Pháp tướng tông
2. Pháp tánh tông
3. Pháp tướng tông

Vượt ba tông nhập Vô niệm, nhập Bát nhã, nhập Tịch tịnh từ đó, từ đẳng cấp vô chúng cho đến đẳng cấp thứ mười thành Phật.

Buồn thay bây giờ lại bày đặt cái cách lời dạy của Đức Phật lập đến mười tông và rồi chấp chặt cứng nhắc nơi tông của mình đang tu học. Ví dụ như chấp chặt Tịnh độ chứ không bao giờ chịu chuyển lên Thiền. Cũng có vị chấp cứng nơi Thiền, không chấp nhận các tông khác. Có gì là duy nhất, hết thấy là giả pháp kia mà ! Đắc tướng tánh viên dung, còn phải bỏ để tấn tu lên nữa, nếu không thì làm sao chứng đắc quả vị tối thượng. Tất cả các tông, các cách đều là phương tiện, mà phương tiện chỉ độ sanh. Hành phương tiện độ sanh, để đạt cứu cánh thành Phật.

Đức Phật thuyết pháp độ sanh suốt nhiều kiếp, nhất là bốn mươi chín năm của kiếp này, thế mà Ngài tuyên bố bốn mươi chín năm Như Lai chẳng nói gì cả ! Còn nói còn năng là còn ở phương tiện, phải bỏ phương tiện mới đạt cứu cánh.

Câu chuyện cha trẻ mà con già của đoạn kinh này tóm gọn bằng sáu chữ: “**Thấy vậy mà không phải vậy !**”.

---o0o---

Chính văn

Lúc đó Bồ tát Di Lặc tuyên thuyết thơ kệ để lập lại nghĩa này :

**11- Phật xưa từ dòng Thích
Xuất gia gần Già Da
Ngồi nơi cội Bồ Đề
Đến nay còn chưa xa
Các hàng Bồ tát này
Thì đông không thể tính
Lâu đời tu Phật đạo
Trụ vào sắc thân thông
Khéo học đạo Bồ tát
Chẳng nhiệm pháp thế gian
N như bông sen từ bùn
Phía dưới đất vọt lên
Đến trước mặt Thế Tôn
Đều khởi tâm cung kính
Việc này chẳng nghĩ bàn
Thế nào mà tu được
Phật đắc đạo rất gần
Thành tựu kia thì xa
Mong Phật giải lòng nghi
Phân biệt thuyết như thật**

Ví như người trẻ mạnh
Tuổi mới hai mươi lăm
Gọi người trăm tuổi già
Tóc bạc và da nhăn
Họ là do ta sinh
Nhóm già tôn trẻ cha
Cha trẻ mà con già
Mọi người chẳng ai tin
Việc Thế Tôn như thế !
Ngài đắc đạo rất gần
Còn chúng Bồ tát đây
Chí vững không khiếp nhược
Từ vô lượng kiếp nay
Ròng tu đạo Bồ tát
Thông nơi gạn hỏi đáp
Tâm cũng đều vô úy
Tâm nhẫn nhục đã thành
Oai nghi đạt tể hạnh
Phật mười phương ngợi khen
Khéo hay phân biệt thuyết
Chẳng thích giữa đông người
Thường ưa tu thiên định
Vì cầu Phật đạo vậy
Phương dưới trụ hư không
Chúng con từng nghe Phật
Nên việc này chẳng nghi
Nguyện Phật vì người sau
Diễn bày khiến hiểu rõ
Nếu người nghe phẩm này
Chẳng tin lòng ngờ vực
Liên bị đọa đường dữ
Mong nay Phật giải thuyết
Vô lượng Bồ tát đây
Thế nào thời gian ngắn
Giao hóa khiến phát tâm
Mà trụ bậc bất thối.

Giảng luận

Cuối đoạn thơ kệ, chấm dứt phẩm kinh, nhưng sự việc chưa chấm dứt.
Hành giả Pháp Hoa đọc tụng đến đây tạm xếp kinh lại, mặc dù sức mình tự

đọc phẩm tiếp, nhưng ngưng để suy ngẫm tại sao ? Dòng đời vốn vẫn như thế. Có việc chấm dứt rất gọn gàng, có việc phải đợi đời sau. Chư Tổ còn đợi kiếp sau. Liễu tông được chỗ này là bưng tỏ “**Không gian vô biên và thời gian vô tận**”. Đã không còn nhứt thiết bắt buộc là phải cho xong trong khoảng thời gian như vậy, vì nó vốn là việc lớn.

Từ khi dựng nước, tộc họ vua Hùng phân nhau trị an đất nước đến 2.622 năm. Từ đó đến nay gần năm ngàn năm, nhưng có đời lãnh đạo nào dám tuyên bố là chính ta đã làm xong việc xây dựng nước; nhất là có nhà lãnh đạo nào dám liêu lĩnh tuyên bố việc giữ nước ta đã làm xong.

Không gian thì vô biên, thời gian thì vô tận là thế. Dòng đời không có khởi đầu thì cũng chẳng có chấm dứt. Lớp sau nối trước, lớp lớp trùng trùng, ngàn vạn tỷ kiếp cũng không có cái giây phút sau cùng. Nếu có thì càng về sau càng văn minh tiên tiến, đạo và đời dễ gần gũi bên nhau, để hòa cùng một là tình người không có không gian.

Việc chưa giải nghi xong, mà Đức Phật đã tạm dứt phẩm kinh, để chờ phẩm tiếp, có phải đây chính là sự dụng ý, để dạy chúng sanh hiện hữu lần mai sau là đừng bao giờ “**Ngủ quên trên thỏa mãn**”. Thường xuyên nhào nặn thì ý thức mới chuyển sang trí. Trí chuyển sang tri. Tri nhập tâm vương. Xóa tâm vương để nhập về chơn tâm vắng lặng. Nếu giải nghi cấp thời thì khiến người nghe sớm thỏa mãn mà khi quen dần với thỏa mãn là ngủ quên trên tảng đá tự đại, tự cao.

Phải có thời gian để hành giả định thiền quán chiếu. Khi chiếu quán nhập “**Chí**” thì thiền quán mới thành công, mới bưng khai nhứt niệm. Khi đạt nhứt niệm rồi, từ từ tinh tấn lên cao, khi ở điểm cao thì tự nhiên thấy lùm rừng cây cỏ, khi đã liễu ngộ do công đức tinh tấn tu luyện thì chẳng còn phân vân, thắc mắc việc cha trẻ con già, hoặc nghi vấn về Bồ tát vô danh. Chính mình sẽ là vô danh Bồ tát và các pháp giới trùng trùng Bồ tát vô danh, chứ đâu chỉ riêng một vài người mà mình thắc mắc. Khi đã tự giải nghi cho mình rồi thì mới rõ lời chỉ dạy của Như Lai.

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

Phẩm Tụng Địa Dũng Xuất có hai bài. Bài đầu đã có bài tóm kết, bài này chỉ tóm kết nửa bài sau.

Trước nhất hành giả Pháp Hoa và toàn thể những ai có tâm hồn mến ưa **pháp Diệu hoa thơm nhập đời** nên chú tâm vào các điều chính.

Cuộc hỏi đáp của Bồ tát Di Lạc và Đức Phật, trong đó có liên quan đến bản thân mình, gia tộc mình, Tổ quốc mình, nhân loại và muôn loài cùng chung sống với mình.

Bồ tát Tùng Địa Dũng Xuất và đại thể chúng ta, có liên quan gì nhau không ? Hay là đường ai nấy đi, mạnh ai nấy làm. Nếu có liên quan thì chỗ nào mật thiết, chỗ nào chưa mật thiết ?

Đọc hoặc tụng, chưa nói đến thọ trì và phổ truyền, hành giả Pháp Hoa rút ra được những gì quý báu của phẩm kinh, hầu áp dụng trực tiếp vào cuộc sống của chính đời sống của mình hằng ngày.

Dòng đời vốn đa nghi, cho nên mới có nhiều phân vân ngờ vực, chính hành giả Pháp Hoa vẫn rơi vào tình trạng này. Sau khi đọc tụng nhiều lần đã rút tía được những gì nơi phẩm kinh và đã làm vơi đi phần nào nỗi phân vân ngờ vực vốn nó đã áp ủ trong lòng mình từ lâu. Nếu chưa đạt phần dễ chịu nhờ bớt ngờ vực thì xin mời tiếp tục đọc tụng nhiều lần nữa. Nếu vơi bớt phần nào thì tự mình xin trân trọng mời mình chuyển sang thời kỳ thọ trì để chuẩn bị cúng dường và phổ thuyết kinh Pháp Hoa.

Thế gian có câu “Một nghi mười ngờ, một ngờ mười tội”. Vậy cho nên chỉ có một điều nghi mà phải chịu chướng nghiệp một trăm tội. Muốn giảm nghi trước nhất là phải tướng pháp không tướng.

Ngoài những điểm đáng chú tâm vừa nêu trên, hành giả Pháp Hoa và những ai ưa mến pháp Diệu hương sen nhập đời cũng cần phải thâm sâu một số điều cần thiết.

- * Những người đáng độ
- * Dễ độ
- * Không mỗi mệt

Cả ba liên quan nhau. Nếu những người không đáng độ mà mình mong cầu quyết độ thì không thể nào dễ độ, lại không thể nào không mệt mỗi.

Một vấn đề khác: Khi hành giả Pháp Hoa và những ai ưa mến pháp Diệu hương sen nhập đời thì cần phải thông hiểu khoa học, phải mở rộng tâm nhìn, mở rộng quán tưởng ra khỏi địa cầu, ra khỏi thiên hà và nhập vào trùng trùng pháp giới bao la thì mới quay về đạo học để hiểu thông Bồ tát vô danh Tùng Địa Dũng Xuất an trụ nơi nào. Điểm khó nhất là số lượng, là chẳng nhắc đến tuổi tên, mà lại nhấn mạnh đến bốn hạnh. Bốn Ngài Thượng Thủ làm đạo sư cho hàng vô danh Bồ tát, chỉ đưa bốn hạnh vào đời hòa nhập muôn loài lẫn vạn vật cỏ cây.

Từ xưa giới tu học Phật chỉ học về Đức Phật Thích Ca qua mặt lịch sử, chứ chưa hề học hiểu Đức Phật Thích Ca về mặt tôn giáo, đọc phẩm kinh này để hiểu thông và vệt lớp màn để thâm nhập, để liễu thông Đức Phật Thích Ca thuộc về mặt tôn giáo. Tôn giáo phi thời gian, lẫn phi không gian.

Bài học còn nhiều nét đáng tóm kết, nhưng chúng tôi dành lại người đọc, người tụng, người thọ trì sẽ tiếp tục tóm kết còn nhiều nét tinh vi hơn.

Hành giả Pháp Hoa lẫn trời người quý thần, và phi Nhơn, kể cả tam đồ ai liễu ngộ, hoặc liễu thông một nét nơi phẩm kinh này là bắt đầu bước đến công Pháp Hoa.

Kinh Pháp Hoa từ đây không còn riêng của đạo Phật mà nó là gia bảo của muôn loài vì pháp Diệu hương sen nhập đời, nên đời cùng chung hưởng hương sen pháp Diệu.

Lạy mười phương chư Phật, Đức Phật Thích Ca, cùng chư Phật phân thân cùng tất cả hai giới Bồ tát hiền danh và vô danh hộ trì cho kinh Pháp Hoa ngày một được phổ truyền sâu rộng, chẳng riêng cõi Sa bà mà khắp thủy trùng trùng pháp giới bao la.

Nam mô Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ tát, Bồ Tát Ma Ha Tát, tác đại chứng minh.

Vô danh Bồ tát

★ Trích Thi phẩm “Tùng giọt Ma Ni”

*Rừng không tên
Biển không tên
Ngũ trược ác thế
Sao rằng có tên.*

*Người không tên
Đất không tên
Nhập hạnh Bồ tát
Đợi gì có tên.*

*Chẳng họ tên
Lên từ đất
Dũng xuất trùng trùng
Rừng gọi biển thưa.*

Biển vẫn thưa
Rừng đang gọi
Lớp lớp hàng hàng
Bồ tát không tên.

Chẳng họ tên
Nên hữu hạnh
Gió lộng mây ngàn
Rộng mạnh cao sâu.

Sâu tịnh hạnh
Rộng vô biên
An lập lời nguyên
Cao siêu thượng hạnh.

Ý nhập cảnh
Tâm an nhiên
Tỏa tỏa hương thiên
Viên viên tuệ trí.

Thơ trăng hỷ
Nhạc suối reo
Tĩnh tú quy về
Liên Hoa Diệu Pháp.

Liên Hoa ngát
Diệu pháp màu
Ai chuyển Pháp Hoa
Vô danh Bồ tát.

Rồng mây bạc
Hạc non tùng
Nước lửa ngân rung
Viên dung bửu tháp.

Gió trời nhạc
Mây hòa thơ
Trời đất lặng lẽ
Trăng sao Diệu Pháp.

*Tình man mác
Nghĩa bao la
Cha trẻ con già
Vô danh Bồ tát* ◆

Con ơi !

- **Hãy xem thứ vật thể nào không hề có màu sắc.**
- **Hãy nghe những âm điệu nào không hề có âm thanh.**

--- o0o ---

Bài 26 - Phẩm Như Lai Thọ Lượng - Thứ Mười Sáu
Ba lần tuyên xưng sự thọ mạng dài lâu của Như Lai.
Sự tối ư cần thiết để mở đầu cho những bí pháp.
Bí pháp cha trẻ mà con già.
Đức Phật phương tiện như người thầy thuốc.
Đức Phật thuyết thơ kệ trùng tuyên lại toàn phẩm kinh.

--- o0o ---

I - MỞ ĐỀ

Những phân vân của Bồ tát Di Lặc và đại chúng ở phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đến phẩm này mới được giải thích. Trước khi vào phần giải thích, Đức Phật phải ba lần lập lại câu: “Quý vị phải tin hiệu lời nói chắc thật của Như Lai”. Xin hỏi từ xưa đến nay, các cuộc diễn thuyết, đã có diễn giả nào mở đầu mà đã ân cần **lập đi lập lại** đến ba lần một câu như thế hay không?

Xin thưa là không! Vậy mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại sử dụng cách diễn thuyết khác đời, đó là **lập đi lập lại** một câu đến ba lần. Chưa hết, việc này mới khó hơn, đó là đại chúng cũng ba lần cần cầu thưa thỉnh. Vì vậy nên giới thính giả, nhất là những ai chưa từng đọc kinh, nay bỗng nhiên gặp phải nên hơi ngạc nhiên, có người còn nói kinh Phật có chỗ quá lắm cảm, như chỗ này chẳng hạn. Thực ra chúng ta lắm cảm chứ không phải kinh lắm cảm, nếu lắm cảm thì sao kinh Phật tồn tại trên quả đất hơn hai mươi lăm thế kỷ và hiện tại đang phát triển nhanh hơn máy bay phản lực. Vậy xin những ai đã vội ức đoán hãy chịu khó đọc hết phần mở đầu về giảng luận phẩm kinh này, sau sẽ thấy chính mình lắm cảm chứ không phải kinh lắm cảm.

Lập đi lập lại ba lần:

Phàm sự sống của con người, kể cả các bậc thánh, cũng phải có ba phần tiếp thu:

Thân + miệng + ý

Thân gồm có mắt - tai - mũi. Miệng gồm có miệng và lưỡi. Ý gồm có ý và mặc na. Siêu ý gồm có A lại da và vô thức. Người đời nhiều thất bại chua cay hơn là thành tựu ngọt ngon, tất cả đều khởi từ nguyên do, tức là từ phát xuất, lần tiếp thu chưa đúng phương pháp. Thế nào là đúng phương pháp? Thân thể gồm nhiều bộ phận, quan trọng trong số đó có 84 ngàn lỗ chân lông là phát thu năng lượng và âm thanh nhiều nhất, rồi mới đến mắt, tai và mũi, ba giác quan này tuy là bộ phận hệ thuộc của thân, nhưng vẫn có từng ngành chi tiết trực thuộc luôn tức trực phát và thu sắc tướng, âm thanh và mùi vị. Cả ba hợp thành phân hành phát thu, chạm xúc sắc tướng, âm thanh và mùi vị. Cơ quan thứ hai là miệng, cơ quan này gồm môi, miệng, nóc vòm, lưỡi. Cơ quan miệng đóng vai trò quan trọng hơn ba bộ phận kia, cho nên công nó đứng đầu, mà tội nó cũng lãnh đủ. Thân ba, miệng bốn, ý ba. Miệng chẳng những nói mà lại còn nếm, cho nên sự thu phát của miệng nếu đúng thì lợi lớn, nếu sai thì hại to. Cơ quan thứ ba gồm cả ý, mặc na và A lại da. Mặc na định nghĩa là ý + ý. Hai ý gồm lại là mặc na. Ý thứ nhất ban ngày hoặc lúc thức mặc na phụ tá cho ý, để ghi nhận tất cả những gì ý phát tải hoặc thu nhập. Nhưng lúc ngủ là lúc ý vắng mặt nơi thân thể con người, chỉ còn một mình mặc na ở lại để làm tròn hai nhiệm vụ: giữ gìn thân thể và chuyển mọi dữ kiện của ý về bộ nhớ, danh từ Phật giáo gọi nó là A lại da. Khi con người tôi luyện loại bỏ những gì không đáng nhớ và còn tồn kho những gì xét cần phải nhớ, lúc bấy giờ chuyển sang cơ quan siêu ý, đó là vô thức.

Ba cơ quan thân, miệng và ý mỗi mỗi đều có một sứ mệnh riêng biệt, nhưng ý là thủ trưởng, còn thân và miệng chỉ là phụ tá. Tuy nhiên khi thu hoặc phát chúng lại có quyền hành riêng của nó. Vì vậy cho nên nếu nói một lần thì chỉ mới có một cơ quan thu nhận, nếu việc tối ưu quan trọng, hoặc những việc thuộc về bí pháp thì cần phải đủ ba lần tuyên xưng. Cũng không nhất thiết là bí pháp hay là việc quan trọng, mà sự sống đời thường hằng ngày nếu ai chịu áp dụng bí pháp ba lần thì nhất định sẽ ít gặp thất bại.

Đạo Phật khởi việc gì đều niệm một danh hiệu Phật ba lần, nhưng khi kết cũng lại niệm Phật ba lần, có người nói như vậy là thừa, có nơi niệm bốn câu hồi hướng, nhưng niệm chỉ có một lần (Nguyện đem công đức này ...).

Tại Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm - Phú Nhuận, lúc bắt đầu cũng niệm Phật ba lần như các nơi khác, nhưng khi kết thúc lại cũng xưng niệm ba lần câu:

Con nguyện mến thương muôn loài.

Thời gian trải qua suốt mười năm, chiều Chủ nhật nào cũng giữ niệm ba lần kết thúc buổi Phật pháp, nhờ vậy mà Đạo tràng đứng nề nếp, nhẹ nhàng, thanh thoát, lặng yên. Những năm hai cuộc kháng chiến mù khói lửa đạn bom, đứng ra những điều các nhà lãnh đạo truyền đi dân chúng sẽ quên hết, nhưng mà họ nhớ rất rõ, chẳng những nhớ mà họ còn truyền lại cho người khác không thiếu một mảy may, đó là nơi những cuộc mittinh mỗi khi hoan hô hoặc đả đảo tất cả đều hô ba lần. Những buổi họp kết thúc vẫn bằng ba lần hô to “**Nhất trí**”.

Lập lại ba lần thoáng qua thì thấy dư thừa, nhưng càng chiêm nghiệm càng thấy là hữu lý. Chẳng những chu đáo mà còn tế nhị, chẳng những rực sáng vấn đề mà là văn minh, chẳng những lợi mình mà còn ích đời.

Qua phân tích đại cương về công thức ba lần tuyên xưng, nếu hành giả Pháp Hoa và bất cứ ai muốn thành tựu mọi sự việc nên hay không nên tôn giữ nguyên tắc truyền thông một vấn đề phải đủ ba lần. Kể cả một việc nhỏ nhất như sai con cháu đi mua chai nước tương, cũng phải đủ ba lần, nếu không nó sẽ mua chai nước mắm.

Vậy phẩm kinh Như Lai Thọ Lượng là bí pháp quá ư là huyền nhiệm, không thể dùng trí mà suy lường, cho nên khi mở đầu phẩm kinh Đức Phật phải giữ đúng nguyên tắc về nhân sinh quan và vũ trụ quan mà tuyên xưng đủ ba lần; chẳng những tuyên xưng đưa ra ba lần, mà lại còn phải đợi đủ ba lần trở về, đó là ba lần cần cầu của Bồ tát Di Lặc và đại chúng muốn được nghe.

Chuyện Lưu Bị vua nhà Thục phải ba lần đi thỉnh Không Minh. Đòi nhà Đường, Tiết Đình San phải ba lần cầu thỉnh Phàn Lê Huê. Về chuyện đám cưới cũng phải đủ ba lần lễ dạm, lễ hỏi và cuối cùng mới đến lễ cưới. Nếu có giảm là chỉ giảm lễ nạp tài, ghep lễ hỏi và nạp tài làm một.

Người Á Đông áp dụng công việc lập đi lập lại ba lần không phải ảnh hưởng đạo Phật, mà hình như đây là định lý nên trùng hợp như thế. Cho nên việc kinh Pháp Hoa ghi lời Đức Phật lập lại ba lần không có gì khúc mắc cả.

Một nét đặc biệt của phẩm kinh này là nguyên lý toán học, cân đo đong đếm cho hậu thế, nhất là giúp các nhà toán học chiếc chìa khóa để nhập vào phương pháp tính toán đo lường, chẳng những đo lường bằng sáu giác quan mà còn cần sự tưởng tượng **của trí** và **của tuệ**.

Thêm một điểm đặc biệt của phẩm kinh này mà chúng ta không thể nào bỏ qua đó là phương pháp dẫn dụ. Nhiều khi trình bày rất linh động, sâu sắc, dí dỏm và mạch lạc, nhưng thiếu dẫn dụ thì rất khó hấp dẫn để lôi cuốn

người nghe. Nhưng dẫn dụ thế nào? Bí pháp dẫn dụ nơi phẩm kinh này chẳng những là khuôn vàng thước ngọc cho hành giả Pháp Hoa, mà lại còn cho các giới thầy cô giáo, các bậc làm cha mẹ, làm nhà lãnh đạo, nhà mô phạm nơi dòng đời.

Kể câu chuyện cha trẻ con già để dẫn dụ người nghe dễ tin hiểu rằng Đức Phật Thích Ca đã thành Phật, đã giáo hóa chúng sinh cách nay vô lượng triệu tỷ kiếp, từ thuở quá khứ xa xăm nơi cõi Sa Bà, chứ không phải mới thành Phật đời này kiếp này tại xứ Ấn Độ. Đây là một mẫu chuyện dẫn dụ giúp người nghe dễ liên tưởng, dễ hiểu, dễ tin khỏi cần phải động não để suy luận.

Đọc qua bài giảng luận này, chắc chắn sẽ làm bung vỡ sự chật hẹp của hai hạng người:

* Hạng người thứ nhất: khư khư bảo thủ kinh Pháp Hoa là bộ kinh cao quý nhất, chỉ để dành cho Bồ tát tu thành Phật, còn chúng sinh chẳng được bén mảng đến kinh Pháp Hoa, nếu có thì chỉ đọc tụng, hoặc cúng dường để cầu phước mà thôi!

Đồng ý kinh này là phương pháp dạy cho Bồ tát thành Phật, nhưng lại còn một nguyên lý hệ trọng nữa, đó là pháp Diệu nhập đời để dạy chúng sinh thành Bồ tát chứ!

Chương trình của Bộ Giáo dục không chỉ để dành dạy cho sinh viên thành Bác sĩ, Kỹ sư, Tiến sĩ, Giáo sư, mà cũng còn để dạy cho người chưa biết chữ được biết chữ chứ!

Cũng vậy, nếu kinh này không dạy chúng sinh thành Bồ tát thì làm sao có Bồ tát để thành Phật? Từ đâu có sinh viên để thành Giáo sư, Tiến sĩ?

* Hạng người thứ hai: khư khư ôm giữ bộ kinh Pháp Hoa, chấp từng lời từng chữ, chẳng thông chẳng thoáng, nhất là không chịu áp dụng phương pháp Diệu của kinh này vào đời sống của mình và mọi người trong xã hội, lẫn muôn loài vạn vật đều sống đúng pháp Diệu của kinh.

Hạng nào cũng chỉ phiến diện: hạng thứ nhất như những người cuồng tín cố chấp nơi sách viết về điện và nghĩ là quyển sách này sẽ tỏa ánh sáng và sách này là phép huyền bí của Kỹ sư điện. Hạng thứ hai như người ăn mía nhai nuốt cả bã mía nên bị trầy cổ mà chẳng cảm thấy ngọt ngon. Hành giả Pháp Hoa tu luyện pháp Diệu chẳng như hai hạng trên và chớ như hai hạng dưới. Hạng thứ nhất nhìn trăng không nương ngón tay. Hạng thứ hai chỉ chăm chăm nhìn nơi ngón tay. Cả hai đều chẳng thấy được ánh sáng của trăng.

--- o0o ---

II - NỘI DUNG

Ba lần tuyên xưng sự thọ mạng dài lâu của Như Lai Chính văn

1- Lúc bấy giờ Đức Phật bảo chư vị Bồ tát cùng đại chúng: “Này các thiện nam tử! Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”. Lại bảo đại chúng: “Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”.

Lại còn bảo đại chúng: “Quý vị phải tin hiểu lời nói chơn thật của Như Lai”.

Lúc đó Bồ tát Di Lạc, vị đứng hàng đầu chư đại Bồ tát, liền chấp tay bạch Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Cúi mong Thế Tôn thuyết cho, chúng con nguyện tin nhận lời Phật”. Ba lần cầu thỉnh liên tục chẳng dứt: “Cúi mong Đức Phật thuyết cho chúng con nguyện tin nhận lời Phật”.

2- Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy hàng Bồ tát, đã ba lần cần cầu thỉnh hỏi liên tục, nên mới bảo rằng: “Quý vị lắng nghe! Sức bí mật thần thông của Như Lai, mà tất cả trong đời, từ trời thần người đều cho rằng Đức Phật Thích Ca, rời cung họ Thích, đến thành Già da, chẳng được bao lâu, ngồi tu nơi đạo tràng, đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Nhưng, này chư thiện nam tử! Sự thật là ta đã thành Phật từ thuở đó đến nay đã vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức na do tha kiếp. Ví như năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi tam thiên đại thiên thế giới có người đem ra nghiền nhỏ thành từng hạt bụi, rồi đi qua phương Đông, cách năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi nước, làm rơi nơi đó một hạt bụi; rồi đi qua phía Đông cũng làm như thế, làm đến khi nào hết cả số hạt bụi này. Chư thiện nam tử! Ý quý vị nghĩ sao? Số cõi thế giới này có thể so tính suy nghĩ, đo lường, tính đếm được chăng?

Bồ tát Di Lạc và hết thấy hàng Bồ tát đáp rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Số thế giới đó quá nhiều đến số vô lượng vô biên như thế, nên chúng con chẳng thể nào suy nghĩ hiểu biết được số này. Chúng con đã trụ đến bậc bất thối, nhưng việc này chẳng thể nào thông đạt nổi!

Thế Tôn! Các thế giới như thế nhiều vô lượng vô biên”.

Giảng luận

Ý nghĩa hai đoạn kinh này đã trình bày khái quát ở phần mở đề. Đoạn một, sự quan trọng của ba lần, đoạn thứ hai là phương pháp đo lường. Hai bí pháp này không chỉ dành riêng cho hành giả Pháp Hoa mà là chung cho tất cả, nhất là giới thức giả.

--- o0o ---

A. Bí pháp ba lần

- ❶ Lần thứ nhất khai mở năm giác quan.
- ❷ Lần thứ hai cho đầy ý thức và mạng na.
- ❸ Lần thứ ba là cung ứng dữ kiện cho A lại da và vô thức.

Lưu ý hai đoạn kinh này Đức Phật dạy cho hàng Bồ tát, nếu vị Bồ tát nào muốn tu luyện thành Phật thì phải nhận bí pháp ba lần khai mở. Chẳng những ba lần khai mở, mà còn phải trải qua ba lần cần cầu thưa thỉnh muốn nghe. Muốn nghe là nghe cả năm giác quan, cả ý, mạng na, A lại da và kể cả vô thức.

Ngoài nhu cầu thành Phật thì bất cứ một vấn đề nào cũng vậy. Vấn đề tròn tánh người giảm tánh thú, vấn đề đạt thành công giảm thất bại ... cũng cần phải trải qua ba lần. Vì vậy nên kinh Pháp Hoa mới có nhân duyên với chúng sinh, chứ không phải chỉ dành riêng cho hàng Bồ tát, dù hai đoạn kinh này Đức Phật chỉ dạy riêng cho hàng Bồ tát bí pháp thứ nhất, còn bí pháp thứ hai thì Ngài Đại Bồ tát Di Lặc đứng ra làm nhịp cầu giữa Phật và Bồ tát đều nhấn mạnh ba lần cần cầu thưa thỉnh muốn nghe. Nói đến đây chúng tôi liên tưởng hồi còn tuổi học trò, bữa nào gặp vị thầy giáo khi sắp vào giờ học ông hỏi ba lần và học trò đáp: “Vâng chúng con chú ý nghe”. Thoáng qua thì thấy việc làm này dư thừa, thế mà đến giờ vị thầy giáo này, học trò dễ mở trí nhớ, còn các vị khác bước vào giờ học là đổ chữ ra liên tục, học trò chúng tôi đưa nào cũng muốn điên cái đầu, sau buổi học về nhà không nuốt nổi cơm. Đến bây giờ chúng tôi mới hiểu câu “giáo dục nhồi sọ” là thế nào! Một nền giáo dục mà toàn những vị thầy cô giáo chuyên đổ chữ vào đầu học trò thì kết quả đất nước đó, chế độ đó sẽ thu nhặt một đám người từ chương, một thế hệ chỉ biết ngoan ngoãn vâng theo như những gã nô tỳ. Từ nguyên nhân là đào tạo một thế hệ nô tỳ thì kết quả đất nước đó chuẩn bị bàn giao cho nước khác.

Chúng sinh nói chung, loài người nói riêng xem thường kinh Phật, có nhiều vị trí thức lên án là trừu tượng. Tiếc thay trên châu thổ bảo mà đem tặng cho một em bé đang đói bụng thì chẳng những không ích lợi gì, em ấy chẳng cảm ơn mà còn giận ghét.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là kinh **pháp Diệu bông Sen**. Hai chữ Liên Hoa là ẩn nghĩa nhập đời. Dòng đời tạp loạn như ao bùn, bông sen tinh khiết, chẳng những có sắc đẹp, mà lại còn nhiều hương thơm và biết bao điều lợi ích khác. Bông sen đến với ao bùn, chẳng hề làm hao tổn gì, trái lại còn làm tăng vẻ cao quý ích lợi cho ao bùn. Bông sen đến với ao bùn không hề bị nhiễm dơ bởi ao bùn và cũng chẳng hề làm cho ao bùn bị nhiễm dơ. Vì thế cho nên từ người đến vật, kể cả thần linh chẳng hề có một ai giận ghét bông sen, thấp hèn nhất là loài ong bướm thuộc loại chuyên đi hút mật của tất cả các loài hoa, vậy mà chúng đối với bông sen vẫn một lòng cung kính, chẳng hề dám đến gần, chứ đừng bảo là hút mật. Pháp Diệu nhập đời, làm thơm cho đời, làm ích cho đời, góp cho dòng đời những bí pháp sống tuyệt vời. Vậy thì tại sao người đời lại có những người chê bai, hủy báng, hãm hại người phổ truyền kinh Sen, kẻ ấy há thua loài ong bướm ư!

Nước Nhật Bản có một thời hãm hại, giam nhốt Pháp sư Nhật Liên là vị Pháp chủ kinh Sen và còn chặt hàng trăm, hàng ngàn cái đầu của giới tăng lữ đang phổ thuyết kinh Pháp Hoa. Hậu quả dẫn nước Nhật trở thành nước phát xít, đem quân xâm chiếm toàn cầu, tàn hại dân Đại Hàn tuyệt giống. Việt Nam là nạn nhân cả hai triệu người miền Bắc chết đói, miền Nam thì nam nữ thanh niên có nhiều người tự tử vì không vải may quần để làm lễ tân hôn. Nói chung chỗ nào, nước nào gót giày phát xít giẫm lên thì cỏ không thể mọc chứ đừng bảo là con người. Nhưng con voi hung thì cũng gặp anh nài dữ. Nhật bị phạt hai quả bom nguyên tử của Mỹ, hàng triệu người bị chết chỉ trong một giờ. Ôi thảm khốc quá, rùng rợn quá!

Trong lúc nổi niềm đau thương phủ trùm lên xứ hoa anh đào thì một hôm vị Hoàng đế của Nhật, Ngài Minh Trị Thiên Hoàng đi công du, bỗng chứng kiến cảnh một chiếc đầu của nhà sư đang phổ truyền kinh Pháp Hoa lăn lông lốc trên đại lộ. Nhà vua hỏi mới biết là trong nước của ông, đã hàng ngàn, hàng ngàn chiếc đầu nhà sư đang phổ truyền kinh Pháp Hoa bị rơi như thế. Vị Hoàng đế anh minh này cấp tốc ban chiếu chỉ phóng thích vị Pháp chủ, Ngài Hòa thượng Nhật Liên Pháp sư ra khỏi tù, bảo vệ kinh Pháp Hoa và người phổ truyền. Hiến pháp Nhật lấy kinh Pháp Hoa làm cốt lõi. Nước Nhật chẳng những qua cơn đại nạn, mà vươn lên như phi thuyền, đưa nền văn minh lẫn kinh tế Nhật lên hàng thứ ba của thế giới và người Nhật xem nhân loại như anh em một nhà. Nếu loài người, nhất là giới trí thức, chịu khó quay nhìn kinh nghiệm đưa kinh pháp Diệu vào đời của Nhật thì chắc chắn không còn ai đàn áp hủy báng, kinh Pháp Hoa và không còn cảnh hãm hại người phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Bí pháp đoạn một phẩm kinh này, nếu được hành giả Pháp Hoa triệt để tin tưởng và áp dụng vào từng nếp sống cho mình hằng ngày, đồng thời phổ

truyền sự kết quả ích lợi cho nhiều người khác thì đời gặp biết bao vinh hạnh.

--- o0o ---

B- Bí pháp đo lường

Phương pháp cân đo đong đếm thường được áp dụng bằng mắt tai mũi lưỡi và thân, bởi vì cân đo đong đếm thuộc về phép đo lường, mà đo lường thì thuộc về sự tương. Sự tương đo lường thời gian lẫn không gian, nhưng thời gian triệu tỷ kiếp trở lại thì có thể tính đếm trình bày, còn nếu thời gian lâu xa hơn trăm ngàn vạn ức tỷ kiếp thì làm sao tính đếm được, cho nên khi gặp trường hợp này Đức Phật phải dùng tỷ dụ và chuyển đưa sự đo lường sang ý chứ không còn nằm ở nơi năm giác quan nữa. Đến thời kỳ ý, mặc na và A lại da phải đo lường. Đức Phật đem câu chuyện dẫn dụ, Ngài nêu lên con số gấp năm trăm ngàn vạn triệu tỷ cõi tam thiên thế giới, rồi bước thứ hai là nghiền nát số cõi này thành hạt bụi. Đến đây óc thông minh của loài người không thể nào tính đếm được bao nhiêu hạt bụi. Máy móc khoa học có tinh vi bao nhiêu cũng đành chịu. Hàng Bồ tát cũng không thể dùng tâm trí để tính đếm được. Vậy mà phép suy lường cũng chưa chấm dứt nơi đây. Qua đoạn ba, Đức Phật đem tất cả số bụi đã có, cứ qua một quốc độ chấm làm dấu một hạt bụi, vậy thì bao nhiêu thế giới? Đến đây Bồ tát cũng ngần ngại chứ đừng bảo là máy móc của khoa học. Nhưng chưa, số đo lường còn tăng lên nữa, đem các nước dù có chấm hạt bụi trần hay là chấm sót. Tổng số cõi nước này rồi xay nhỏ một lần nữa, lúc bấy giờ mới tính tổng số. Số hạt bụi trần của các thế giới đã được nghiền nhỏ ra làm đơn vị tính toán.

Bắt đầu phép tính:

Cứ tính một hạt bụi là một kiếp. Từ khi Đức Phật Thích Ca đắc quả đến nay, số kiếp nhiều hơn số trăm ngàn vạn tỷ lần lâu xa như thế!

Việc này chúng ta phải chia thành hai cách: tính đếm không gian và tính đếm thời gian.

① **Tính đếm không gian:** Đem năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ cõi thế giới nghiền nát thành bụi trần, rồi đi mỗi thế giới chấm một hạt bụi để làm dấu. Có bao nhiêu thế giới, bao nhiêu cõi nước được chấm bụi, lấy số đó làm tổng số không gian.

② **Tính đếm thời gian:** Đem tổng số cõi thế giới đã được làm dấu mà nghiền nát thành từng hạt bụi trần, rồi tính đếm tổng số được bao nhiêu hạt bụi trần là được bấy nhiêu kiếp của Đức Thích Ca đã thành Phật.

Phần đo lường tính đếm chia nhiều trình độ. Trình độ thấp thì chỉ nằm ở cộng trừ nhân chia. Lên cao thì phân số, lập trình, giải mã, vi tính. Các phần này thuộc của phạm nhân. Hàng thánh A La Hán và Bồ tát lại còn siêu hơn. Vậy mà đến phẩm kinh này Đức Phật nói với hàng Bồ tát. Hàng Bồ tát không hiểu nên Đức Phật mới lập dụ để trình bày số kiếp thành Phật của Ngài lâu xa như thế. Lập dụ như thế chẳng những cho Bồ tát mà chúng sinh cũng có thể suy diễn để mà hiểu đại cương sự thọ lượng của Đức Thích Ca Như Lai dài lâu như thế. Còn việc từ cung vua Tịnh Phạn xứ Ấn Độ, Thái tử Tất Đạt Đa thành Phật Thích Ca Mâu Ni trong kiếp này chẳng qua là thị hiện mà thôi. Ai hiểu được thọ lượng của Đức Phật Thích Ca dài lâu như thế thì mới mở rộng được tầm kiến thức, mới thâm nhập được kinh Pháp Hoa.

Nơi kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa - Giảng luận tập 1 trang 41 chúng tôi có đề cập đến việc chia mười cho ba. Em bé học trò lớp ba chỉ gấp làm ba miếng giấy mười phân là xong, còn vị Giáo sư Tiến sĩ toán không thể chia đều mười cho ba. Đó là phần đầu bộ kinh vẫn còn ở phân tích môn, nói về mặt sự tương thực nghiệm nên vị giáo sư toán không thể dùng phép tính chia để chia đều cho ba. Hôm nay đến phẩm kinh thứ mười sáu, đã đi vào phần bốn môn, nên chúng tôi đề cập thêm vấn đề này. Cũng như chúng tôi vừa trình bày phép đo lường chia nhiều trình độ. Khi còn ở phần sự tương chia tờ giấy mười phân cho ba phần đều nhau thì vị giáo sư toán không thể dùng phép tính chia để chia cho đều, bởi vì chia bao nhiêu lần, xuống số nhỏ bao nhiêu cũng còn lẻ một. Trường hợp này không thể sử dụng phép cộng trừ nhân chia và vị giáo sư toán không cần vào công việc này. Còn việc đo lường phân chia lên nhiều trình độ cao hơn thì sẽ dễ dàng thôi, nếu không chia được thì làm sao các nhà giáo sư toán học đo lường phân được không gian và chia được thời gian để phi thuyền mẹ lắp ráp với phi thuyền con. Nhà toán học làm được việc đáng làm, còn việc phân chia tờ giấy mười phân thành ba phần đều nhau bằng phép tính thì nhà toán học không chia được, hay nói rõ hơn là không được phép chia, bởi vì đây là việc của trẻ nhỏ.

Việc thọ mạng của Đức Thích Ca Như Lai dài lâu vô lượng như thế không thể đem nói với những ai chưa đủ trình độ. Vì vậy nên khi Đức Phật còn tại thế, Ngài chỉ dạy cho Bồ tát Di Lặc và chúng Đại Bồ tát mà thôi, còn những ai khác muốn nghe thì nghe, không nghe thì thôi, nhưng nghe với tính cách dự thính.

Có mở rộng được không gian, có phơi bày rõ thời gian lâu xa như thế và ai là người tin nhận thông hiểu liễu ngộ thì kẻ đó chứng đắc, mà khi đã liễu ngộ chứng đắc đến trình độ này thì không giành công việc chia tờ giấy mười phân làm ba phần, việc ấy để cho giới sơ cơ làm. Giáo sư dùng phân

số, lập trình, vi tính để chia, chứ không còn dùng phép cộng trừ nhân chia của Tiểu học!

---o0o---

Chính văn

4- Chư thiện nam tử! Kinh điển của Đức Như Lai tuyên thuyết, cũng chỉ độ thoát chúng sinh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ thân mình, hoặc chỉ thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người, các lời nói thảy đều chơn thật, chẳng hề hư dối.

Vì sao? Vì Như Lai thấy biết tướng của tam giới đúng như thật, nghĩa là chẳng hề có sanh tử, cũng chẳng thối, cũng chẳng xuất, cũng chẳng tồn tại mãi ở đời, mà cũng chẳng hề có diệt độ, chẳng thật, chẳng hư, chẳng như, chẳng dị, chẳng phải ba cõi, mà thấy là ba cõi. Các việc vốn là như thế, Như Lai thấy rõ, chẳng hề lầm lẫn.

Chỉ tại chúng sinh có đủ các món tánh, món dục, món hạnh, món nhớ tưởng phân biệt, nhưng Như Lai muốn làm cho chúng sinh trông sâu các căn lành, nên mới đem bao nhiêu nhân duyên thí dụ, ngôn ngữ thuyết giải đủ cách mà làm các Phật sự chưa hề dừng nghỉ. Như thế thì rất dễ hiểu, từ khi ta là Thích Ca Như Lai thành Phật đến nay, tuổi thọ dài lâu vô lượng a tăng kỳ kiếp, trường tồn chẳng hề nhập diệt.

Này các thiện nam tử! Từ xa xưa khi Như Lai còn tu hạnh Bồ tát, sự cảm thành thọ mạng đến nay vẫn chưa dứt. Thời gian còn dài lâu gấp bội số đã nêu trên, như nay chẳng phải diệt độ, nay sở dĩ tuyên bố sẽ diệt độ, đó là Như Lai dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh.

Vì sao? Vì nếu chúng sinh biết Phật thọ mạng dài lâu thì những người đức mỏng thiếu căn lành, bản hàn ty tiện, đắm say ngũ dục sẽ sa vào lưới nhớ tưởng vọng kiến, mà họ thấy Như Lai thường còn chẳng mất sẽ khởi tâm buông lung, nhác trễ, chẳng khởi ý cung kính và khao khát gặp Như Lai, nên Như Lai mới dùng phương tiện bảo rằng: “Các vị Tỷ kheo nên biết chư Phật vào đời rất khó gặp”.

Vì sao? Vì những người đức mỏng trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp, hoặc có người được gặp Phật, hoặc có người chẳng gặp là bởi lý do này, nên Như Lai mới nói rằng: “Tỷ kheo Đức Như Lai khó có thể gặp được”.

Các chúng sinh đó nghe như thế nên mới khởi ý tưởng khó được gặp Phật, nhờ vậy mới khởi tâm luyện mộ khát ngưỡng sự gặp Phật,

nên mới gieo nhân lành, vì vậy nên dù chẳng diệt độ Như Lai vẫn tuyên bố diệt độ.

Lại thiện nam tử! Phương pháp của chư Phật chứng đắc như thế, vì hóa độ chúng sinh nên hết thấy mọi phương tiện đều là chơn thật, chẳng mảy may hư dối.

Giảng luận

Muốn giải chỗ cha trẻ mà con già và giải cả đoạn kinh này thì phải hiểu rất rõ phẩm kinh trước, phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, kể cả phẩm Hiện Bửu tháp. Tự nhiên có một tháp báu xuất hiện tại Pháp Hoa hội Linh Sơn và với điều kiện tiên quyết, là muốn mở cửa tháp báu thì phải tập hợp tất cả hàng chư Phật do thân Đức Phật Thích Ca phân ra khắp mười phương số đông nhiều trăm ngàn vạn ức na do tha. Khi đông đủ tại Pháp Hoa hội Linh Sơn thì cửa tháp bảy báu liền được mở chốt. Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa ngòai mời Đức Phật Thích Ca cùng an tọa. Sau đó Bồ tát không tên từ phía dưới quả đất vụt mạnh và cũng đến Pháp Hoa hội Linh Sơn. Hội thuyết kinh Pháp Hoa đến đây có ba dữ kiện siêu việt:

❶ Tháp báu xuất hiện và Đức cổ Phật mời vị hiện tại Phật chung tòa ngòai.

❷ Chư Phật phân thân khắp mười phương, nay đều hội tụ về Pháp Hoa hội Linh Sơn.

❸ Chư Bồ tát vô danh từ phía dưới quả đất cũng tụ hội về Pháp Hoa hội Linh Sơn.

Lúc đầu câu chuyện cha trẻ con già đã làm đảo lộn toàn bộ tư duy của hàng Bồ tát và đại chúng, nhưng dần dần khi vào phẩm Như Lai thọ lượng thì vấn đề từ từ sáng tỏ, nhất là ai nhớ rõ ý nghĩa hai chữ Như Lai thì lại càng sáng tỏ hơn, Như Lai là:

“Chẳng đến chẳng đi vị chi là Phật”.

Đã là Như Lai thì còn đâu để gọi là nhập Niết bàn, còn đâu mà gọi là diệt độ, chẳng qua là vì pháp phương tiện để rộng độ chúng sinh mà thôi!

Hành giả kinh Pháp Hoa tu luyện đến phẩm kinh này, nếu ai liễu ngộ thì câu tâm kinh Bát Nhã: **“Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm”** cũng vừa bùng tỏ.

Tiểu học Phật giáo thì tu luyện để liễu ngộ lý **vô thường**, nhưng đến đại học và trên đại học Phật giáo thì tu luyện để liễu ngộ lý **chơn thường**. Khi còn trình độ tiểu học Phật giáo thì Đức Thích Ca Mâu Ni có đản sanh, có

nhập diệt; nhưng khi đến trình độ Đại thừa pháp Diệu nhập đời lúc này đã liễu thông lý chơn thường. Đã là chơn thường thì còn chỗ nào để sanh, đã không sanh thì làm gì có diệt. Khi rõ thông và chứng ngộ lý bất sanh bất diệt thì làm gì còn tăng, còn giảm.

Pháp trụ trên ngôi pháp Thế gian tướng vẫn thường.

Thế gian tướng vẫn thường thì làm gì có việc Như Lai chết. Đã không chết mất thì làm gì có cha trẻ con già. Sở dĩ hành giả Pháp Hoa chưa liễu ngộ chỗ này nên mới chấp có đản sanh Niết bàn, bởi chưa liễu tri việc đản sanh Niết bàn là áp dụng phương tiện trí để rộng độ chúng sinh mà thôi! Đến đây hành giả Pháp Hoa đã hết phân vân cha trẻ mà con già hay chưa?

Câu chuyện bông hồng cài áo là phương tiện độ sinh về đức hiếu, thế mà khi áp dụng vào sự thì người thực hiện làm sai lạc ý nghĩa. Lại chia ra cài bông trắng cho những ai mất mẹ và bông hồng cho những ai còn mẹ. Như vậy là chấp đoạn à? Chấp thường cũng sai, mà chấp đoạn cũng sai! Nếu mẹ của hàng đệ tử Đức Phật đã chết thì mẹ Đức Mục Kiền Liên cũng chết, tại sao Ngài lại cứu được mẹ, còn kẻ khác thì không còn mẹ để cứu. Nếu mẹ chúng sinh đã chết thì mẹ Đức Phật cũng chết, vậy Đức Phật thuyết kinh Địa Tạng nơi cung trời cho Vương mẫu nghe là sao? Dụng ý của tác giả ở câu chuyện bông hồng là phương tiện, cũng như câu chuyện cha trẻ con già ở phẩm kinh này vậy!

---o0o---

Chính văn

5- Ví như người thầy thuốc trí tuệ sáng suốt, đã khéo luyện được phương thuốc trị khỏi các bệnh. Vị này rất đông con cháu, mười hoặc hai mươi, có thể đến số trăm, vì có sự cần đi các nước phương xa. Các con cháu ở nhà uống nhầm thuốc lạ, thuốc có chất độc nên phát điên loạn, lăn nhào trên đất.

Bấy giờ người cha về thấy con mình dại khờ uống phải thuốc độc, nhiều đứa loạn trí, đứa mất bốn tâm, hoặc có đứa còn tỉnh, xa thấy cha về thấy đều vui mừng, quỳ lạy hỏi thăm sự an lành của cha, đồng thời kể cha nghe sự ngu muội đã uống lầm thuốc có chất độc, xin cha ban cho thuốc giải và ban thọ mạng cho các con.

Người cha thấy các con khổ não như thế, y theo các kinh phương tìm cỏ thuốc tốt, mùi sắc vị ngon, thấy đều đầy đủ, nghiền xay giã tán, hòa trộn bảo các con uống và dạy kỹ: Các món diệu được này, sắc

hương vị tuyệt diệu, đầy đủ các chất, các con gấp uống để trừ đau bệnh, chẳng còn khổ não.

Trong số con này, những người chưa loạn tâm hồn, thấy các diệu dược sắc hương vị đều tốt, vâng lời gấp uống sớm được bình phục. Ngoài ra còn có số người tâm trí rối loạn, thấy cha về dù có vui mừng thăm hỏi và cầu xin cha trị bệnh, nhưng khi cha trao thuốc thì chẳng chịu uống.

Vì sao? Vì chất độc đã thấm sâu, làm mất bốn tâm, dù là thuốc tốt đẹp hương vị thơm ngon mà họ vẫn nghi ngờ không uống. Người cha nghĩ rằng: “Những đứa con này thật rất đáng thương, chúng đã trúng độc, tâm hồn điên đảo, dẫu thấy cha về mừng cầu xin cứu chữa, thuốc tốt như thế mà chẳng chịu uống, nay người cha bày chước phương tiện để chúng uống thuốc”.

Nghĩ như thế liền bảo rằng: “Các con phải biết, cha nay già yếu, giờ chết đã đến, nên mới để lại các thứ diệu dược tốt này, các con nên nhớ uống, chớ lo không khỏi bệnh”. Sau đó người cha bỏ đi đến nước khác, rồi sai người về thông báo: “Cha các người đã chết”.

Nghe tin cha chết, lòng các con sầu khổ liền nghĩ rằng: “Nếu cha chúng ta còn, sẽ được thương xót, sẽ được cứu khỏi bệnh, còn hôm nay cha đã bỏ đi xa và đã chết ở nước khác. Phận chúng ta cô cút, chẳng còn chỗ nương nhờ, lòng thương bi cảm đến cha, giật mình tỉnh ngộ, nhìn thấy thuốc, sắc hương vị thơm ngon, liền vội lấy uống, bệnh độc đều lành. Người cha nghe các con đều đã mạnh lành, liền quay trở về gặp mặt các con.

Các thiện nam tử! Các vị nghĩ sao? Có ai lên án vị thầy thuốc kia có lỗi hư dối chăng?

- Thừa Thế Tôn, không thể lên án được!

Đức Phật nói tiếp: “Nhu Lai cũng như thế! từ khi thành Phật đến nay đã trải qua vô lượng, vô biên, trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ kiếp, Nhu Lai đã vì chúng sanh mà dùng pháp phương tiện nói rằng: “Sẽ diệt độ” như thế, không ai có thể đúng như pháp mà bảo ta có lỗi hư dối”.

Giảng luận

Như người cha biết nghề thầy thuốc

Đoạn kinh này không dành riêng cho hành giả Pháp Hoa, cũng không riêng cho người có tín ngưỡng đạo Phật, mà là chung cho bất cứ ai đủ trình

độ nhận thức và đủ niềm tin, không phải nhận thức đoạn kinh, hay là đủ trình độ nhận thức và niềm tin về mình.

Mỗi con người chúng ta không phải chỉ biết sử dụng một số kiến thức nông cạn để hiểu về một con người qua dòng tiểu sử của một đời người. Thân của chính chúng ta đã do nhiều nhân duyên cấu tạo từ nhiều đời nhiều kiếp, do hun đúc tội hoặc phước trải qua nhiều thành quả ít nhất là do nhiều ngàn đời. Cũng ví như một quốc gia không phải chỉ mới cấu tạo thành từ vị Quốc vương và bộ máy điều hành cùng toàn dân của kiếp sống trước mắt mà nó đã hình thành từ dựng nước, mở rộng nước và giữ gìn nước qua nhiều lớp trước hình thành một quốc gia. Như Việt Nam đã hình thành từ gần năm ngàn năm văn hiến từ Sơ Tổ Lạc Long Quân - Âu Cơ nổi truyền mười tám tộc họ vua Hùng với dòng lịch sử thanh bình suốt 2.622 năm và truyền lưu mãi đến ngày nay đã gần năm ngàn năm dựng mở và giữ nước. Đó là chưa kể đến sự hình thành đất đai rừng núi sông ngòi biển cả khởi từ một ngôi sao vỡ vụn nguội dần thành quả đất đã trải qua bao nhiêu ngàn triệu tỷ năm. Còn nếu kể tắt từ Sơ Tổ của dòng Bách Việt do Lạc Việt đứng đầu, thời kỳ sơ khởi ở Động Đình Hồ, Trung Hoa rồi dời sang sông Hồng mở mang đến sông Cửu cho đến ngày nay, nêu đem tầm kiến thức trích ngang để nói về Việt Nam thì thế nào?

Nhìn đứa bé ba bốn tuổi đã biết làm toán đại học thì kiến thức chật hẹp của văn minh nhân loại ngày nay giải thích hiện tượng này như thế nào? Không lẽ nói em bé này khởi sự mới ba bốn năm, đành khoanh tay và gượng ép hai chữ thần đồng, chứ vẫn chưa hoàn toàn công nhận là em bé đó đã trải qua nhiều kiếp trước, nhất là kiếp cận kề trước đời này em đó đã là một vị giáo sư đại học ngành toán. Nếu mỗi mỗi con người chúng ta ai ai cũng đủ niềm tin là mình không thể đơn giản chỉ mấy mươi tuổi và rồi đây sẽ chết thì ôi còn gì là chơn lý uyên nguyên của kiếp sống con người. Sở dĩ con người từ Á sang Âu bị rơi vào chỗ tiêu cực thâm lạm của công, hoặc thụ hưởng quá tiêu chuẩn để rồi rơi vào hậu quả thân tê danh bại là do họ nghĩ họ sắp chết và họ mới được sinh làm người trong đời này. Tai hại nhất là khi chết là hết, họ chấp đoạn nên họ liều mạng rơi vào chỗ vi phạm. Nếu mọi người ai cũng đủ trình độ và đủ niềm tin về nguyên lý của đoạn kinh này và tin thọ lượng dài lâu của chính mình là vô thí, là vô chung, là không gian vô biên, là thời gian vô tận thì làm gì còn có sự khổ não, làm gì có sự tranh giành hãm hại lẫn nhau, làm gì có xâm lăng để rồi có sự chống xâm lăng, nhất là làm gì còn có chiến tranh tương tàn tương sát lẫn nhau. Như Lai thọ lượng dài lâu, con người cũng thọ lượng dài lâu, nhưng con người chỉ khác Như Lai ở chỗ Như Lai đã tinh lọc đến tột cùng cho nên không hề có đến có đi, còn con người

nói riêng và tất cả các loài thuộc chúng sinh nói chung là còn đang tinh lọc, còn trong tiến trình tụt hậu hay là thăng tiến.

Muốn liễu ngộ được công thức của câu chuyện cha trẻ mà con già của đoạn kinh thuộc phẩm Như Lai thọ lượng này đòi hỏi cần phải đủ trình độ và liễu thông học thuyết: **Không gian vô biên, thời gian vô tận**".

Một khi đã liễu thông hoặc liễu ngộ đoạn kinh cha trẻ con già nói riêng và phẩm Như Lai thọ lượng nói chung là lúc người đó sắp bước chân vào tòa lâu đài **An Lạc giữa cõi trần gian này vậy!**

---o0o---

Chính văn

6- Từ khi “Ta” thành Phật
Trải lâu vô số kiếp
Vô lượng trăm ngàn vạn
Thường diễn pháp giáo hóa
Nhiều vô số chúng sinh
A tăng kỳ ức năm
Khiến họ nhập Phật đạo
Đến nay vô lượng kiếp
Vì rộng độ chúng sinh
Phương tiện hiện Niết bàn
Sự thật chẳng diệt độ
Trụ mãi đây thuyết pháp
Ta vẫn trụ cõi này
Dùng phương tiện thần thông
Cứu chúng bớt điên đảo
Tuy gần mà chẳng thấy
Chỉ thấy “Ta” diệt độ
Rộng cúng dường Xá lợi
Thấy u hoài luyện mộ
Khát ngưỡng nên phát tâm
Chúng sinh đã tin phục
Chơn thật ý diệu hòa
Ước mong được gặp Phật
Chẳng luyện tiếc thân mình
Giờ ta cùng chúng Tăng
Đầu rời núi Linh Thứu

Như Lai báo mọi loài
Thường ở đây chẳng diệt
Diệt ấy là phương tiện
Chứ làm gì có diệt
Chúng sinh nơi cõi khác
Tâm cung kính tín thành
Như Lai lại đến đó
Thuyết pháp mầu vô thượng
Các vị chưa tỏ tường
Nên nói “Ta” diệt độ
Ta nhận thấy chúng sinh
Đắm chìm biển khổ não
Nên chưa hiện thân liền
Khiến các nơi khát ngưỡng
Nhơn tâm kia luyện mộ
Ta phổ pháp đúng thời
Sức thần thông tự tại
Ở trong vô số kiếp
Thường tại núi Linh Thú
Và trụ các xứ khác
Chúng sinh thấy tận kiếp
Lúc lửa lớn thiêu đốt
Cõi Sa Bà an ổn
Trời người hăng đông vui
Vườn rừng cùng nhà gác
Nhiều món bấu trang nghiêm
Cây quý nhiều bông trái
Nơi chúng sinh vui chơi
Chư thiên chuyển trống trời
Và trỗi toàn kỹ nhạc
Rưới bông mạn đà la
Cúng Phật cùng đại chúng
Tịnh thổ này chẳng hư
Nhưng nhiều người thấy rõ
Lo sợ buồn khổ não
Như thế nhiều đầy đầy
Những hạng ấy tội báo
Gây nhân duyên nghiệp dữ
Trải a tăng kỳ kiếp
Chẳng nghe danh Tam bảo

**Kẻ nhu hòa chơn thật
Luyện tu nhiều công đức
Thường thấy được Như Lai
Thuyết pháp tại nơi đây
Hoặc vì số người này
Nói Phật thọ vô lượng
Ai lâu mới thấy Phật
Ta nói Phật khó gặp
Trí lực ta như thế
Huệ quang soi vô lượng
Thọ mạng vô số kiếp
Tu lâu cảm hóa được
Các vị hàng hữu trí
Ở đây chớ sinh nghi
Đây nên dứt hết ngờ
Lời Phật thật chẳng dối
Như lương y chước khéo
Vì cứu chữa cuồng tử
Còn sống mà nói chết
Lời ấy chẳng dối hư
Như Lai cha trời người
Cứu chúng sinh đau khổ
Thương phạm phu điên đảo
Thật còn nói diệt độ
Bởi có thường thấy “Ta”
Họ sinh lòng kiêu mạn
Buông lung ham ngũ dục
Sẽ sa ba đường dữ
Như Lai biết chúng sinh
Hành đạo nói chẳng hành
Vì chỗ đáng được độ
Tùy họ nói các pháp
Hằng tự nghĩ thế này:
Pháp nào trao chúng sinh
Để đắc huệ vô thượng
Nhanh thành tựu thân Phật.**

Giảng luận

Chuyện ma dẫn hoặc dấu người vào bụi gai thường xảy ra nơi vùng nông thôn hoang vắng. Muốn đi tìm phải nhờ có chó, vì chó dễ thấy ma.

Loài vật mắt có thần mà không có tinh, trái lại loài người thì mắt có tinh mà chẳng có thần.

Đa số giới bình dân không đam mê chuyện liêu trai chí dị, mà lại thích nghe kể chuyện ma, dù nghe xong thì sợ ma không dám ra sau vườn. Cũng có vài nơi ma hiện nguyên hình, có nhiều người trông thấy, dù cùng đứng chung địa điểm, nhưng một số khác không hề trông thấy. Trường hợp này danh từ đạo học gọi là **thức biến**.

- Thức biến trải rộng cho vị tha là nguyện lực
- Thức biến bởi vị kỷ là nghiệp lực.

Nơi đoạn kinh này chia ra hai thành phần tùy sự cảm niệm khác nhau. Cũng tại cõi này, nhưng mà cảm nhận được sự an vui, chẳng khác gì thế giới cực lạc, vui nghe tiếng trống trời, kỹ nhạc của chư thiên trời, cảm thấy được lầu gác vườn rừng, cùng hết thấy các món bảo vật đều trang nghiêm, cảm nhận được sự rải hoa thơm cúng dường của chư thiên, trời người đông đúc, tự tại an ổn. Trái lại thành phần thứ hai thì vì nghiệp chướng sâu nặng nên họ thấy cõi này đang tan rã, lửa lớn đang thiêu đốt, họ buồn rầu, lo âu, khổ não không cùng!

Hành giả Pháp Hoa nhập đời, nương đời độ mình và độ người khác, nên trải **nguyện lực** rộng khắp mười phương. Từ thức biến chuyển thành vô thức, từ vô thức chuyển sang tứ trí, đừng để thức biến bị rơi lại **ng nghiệp lực**. Các giới khác như thức giả, trí giả dù không phải hành giả Pháp Hoa vẫn hiện ngang trên đại lộ nguyện lực trải rộng khắp mười phương, đừng để bị nghiệp lực cuốn trôi vào dòng sinh tử. Tu luyện hay không, khác nhau hai chữ **nguyện lực** hay là **ng nghiệp lực** mà thôi!

*** Người cha biết làm thầy thuốc:**

Người cha biết làm thầy thuốc, khéo dùng mưu chước đi xa nhân về phỉnh các con rằng: Cha các người đã chết. Mục đích để các con sợ bệnh khổ mà uống thuốc.

Đức Phật là đấng cha lành của mọi loài chúng sinh nên dùng phương tiện nhập Niết bàn. Kỳ thực làm gì có việc nhập Niết bàn, tức là chẳng hề nhập diệt. Mục đích khiến cho chúng sinh không còn ý lại, sợ khổ luân hồi, chịu tu chịu luyện hầu sớm thấm nhuần pháp giải khổ.

Vì dùng phương pháp phỉnh dụ để cứu các con nên người cha biết nghề thầy thuốc này chẳng hề hư dối. Vì phương tiện cứu chúng sinh nên đấng đại giác chẳng hề hư vọng.

Hành giả Pháp Hoa, hoặc các bậc thức giả, trí giả chớ quá mê chấp từng ngôn từ, danh tự mà quên pháp phương tiện. Hành theo pháp phương tiện của chư Phật, chư vị Bồ tát, hoặc khéo biết dùng pháp phương tiện hầu lợi người độ mình, đúng nguyên tắc bất biến tùy duyên, nhưng lưu ý là dấu tùy duyên nhưng bất biến.

*** Phật thọ mạng dài lâu vô lượng:**

Phần chính văn Đức Phật đã đề cập nhiều về sự thọ mạng dài lâu của Đức Phật, nhưng vào đoạn thơ kệ phần sau cùng của phẩm kinh Phật lại còn nhấn mạnh về vấn đề này, như thế đủ biết sự thọ mạng dài lâu của Đức Phật quan trọng đến dường nào.

Những ai tu luyện mà chưa liễu thông nguyên lý bất di bất dịch này thì khó mà nhập vào Đại thừa. Vẫn còn mê chấp rằng Đức Phật Thích Ca đã diệt độ, bởi không hiểu đây là pháp phương tiện thì khó mà gặp Phật.

Hạt nguyên tử có thể tan vỡ, nhưng tan vỡ trong tư thế: “**Tướng thế gian vẫn thường**”. Nếu nguyên tử vỡ tan rồi mất vĩnh viễn thì vũ trụ làm sao còn, hạt nhân, điện tử cũng không còn. Tán rồi tụ, tụ rồi tán như thế không phải thường mà cũng chẳng phải diệt. Không thể bảo là **diệt mất**, mà phải xác nhận là **vẫn thường** thì dễ hiểu hơn. Khi tan vỡ đến cuối cùng, đến cực vi thì nó lại liên tụ hội lại thành cực lớn. Điện tử là đơn vị mà ngày nay nhân loại tạm cho là đơn vị cực vi, còn vũ trụ là đơn vị cực lớn. Có liễu thông cực vi và cực lớn là bằng nhau thì mới hiểu “**Tướng thế gian vẫn thường**”. Hiểu tướng thế gian vẫn thường mới liễu ngộ Như Lai vô lượng thọ.

Thế gian tướng vẫn thường, vậy thì Phật làm sao có thể mất? Thông được câu này là liễu thông các pháp. Bí pháp này cũng nên đem khoa học chứng minh thì mới dễ hiểu rằng: do nhiều nhân duyên hợp lại với nhau mới thành một pháp. Cũng như do nhiều âm tử duyên với một dương tử mới thành một nguyên tử. Khi một nguyên tử vỡ tan, không phải nguyên tử đó mất hoàn toàn, mà nó vẫn đang lửng lơ để chuẩn bị duyên lại với nhau, hầu tụ thành một hạt nhân, hạt nhân vỡ tan thành nhiều điện tử, điện tử lại vỡ tan cho đến cực vi, không còn có gì để vỡ tan được nữa, lúc bấy giờ lại bắt đầu tụ hội, tức là các nhân nó duyên lại với nhau để thành một pháp. Cứ thế tụ thành đến nguyên tử, đến sơn hà đại địa. Các pháp duyên theo không gian, bám víu theo thời gian mà tan mà hợp. Như thế thì làm gì có nhất định là đản sanh, làm gì nhất định có sự diệt độ. Tất cả cũng chỉ là phương tiện. Ý chưa nhập phương tiện thì trí khó đạt cứu cánh. Phương tiện chỉ độ sanh, cứu cánh mới giải thoát, hành giả Pháp Hoa có người cố chấp phương tiện, ôm giữ phương tiện nên khó đạt cứu cánh.

--- o0o ---

III - TÓM KẾT

Giáo pháp đạo Phật sâu rộng mênh mông, người tu luyện theo giáo pháp này cần phải có một tâm hồn, một tư tưởng mênh mông sâu rộng mới chuyên chở, mới thâm nhập được giáo pháp. Muốn như thế hành giả cần phải nhuần nhuyễn tám chữ:

Không gian vô biên Thời gian vô tận

Phẩm kinh thứ mười lăm Tùng Địa Dũng Xuất xuyên suốt khoảng không gian. Phẩm này, thứ mười sáu, Như Lai thọ lượng thì xuyên suốt được dòng thời gian. Hành giả Pháp Hoa cũng như giới thức giả, trí giả nghiên cứu, hoặc tu luyện kinh Pháp Hoa mà chưa nhuần nhuyễn hai phẩm kinh này thì tâm hồn không thể mở rộng không gian mênh mông, tư tưởng khó thâm sâu và xuyên suốt được dòng thời gian vô tận.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất đã có phần giảng luận và tóm kết. Vậy phần tóm kết chỉ nêu những đặc điểm để hành giả liễu ngộ rằng thời gian là vô tận?

Phần tóm kết bài này gồm sáu đoạn:

1. Đức Phật ba lần công bố và đại chúng ba lần thừa thỉnh

Thực hành theo đoạn 2 của phẩm Như Lai thọ lượng, kinh Pháp Hoa là khi muốn phổ truyền việc gì tối ư quan trọng thì phải giữ đúng nguyên tắc lập đi, lập lại ba lần, tức là một vấn đề công bố ba lần.

2. Tuổi thọ dài lâu của Đức Phật Thích Ca

Đa phần giới tu học khi tìm học về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì lại chỉ thăm sâu về Đức Phật lịch sử, chứ ít người chịu tu học đúng tinh thần Đức Phật chơn lý.

Đức Phật lịch sử thì có ngày giờ đản sanh, xuất gia, thành đạo, bốn mươi chín năm thuyết pháp độ sinh và tám mươi năm nhập Niết bàn, lưu Xá lợi và lưu truyền ba tạng giáo pháp Kinh - Luật - Luận.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni theo chơn lý thì là vô lượng thọ, chẳng đản sanh, thành đạo, Niết bàn. Đức Phật này khó thâm nhập vào tiềm thức đại đa số quần chúng, nhưng mở khai tuệ trí cho giới tu học về mặt công đức. Còn Đức Phật lịch sử thì dễ hiểu, dễ tin, nhưng khó mở rộng trí tuệ cho giới tu học, chỉ phương tiện giúp họ tu phước mà thôi!

Là hành giả Pháp Hoa phải thông suốt về Đức Phật thuộc hai dạng thức:

- * Đức Phật phương tiện theo dòng lịch sử.
- * Đức Phật cứu cánh đúng chơn lý.

3. Cách đo lường số nhiều về không gian và thời gian

Nếu hành giả Pháp Hoa gặp con số đo lường quá sức tưởng tượng, trí không thể nào tính toán đo lường được, chúng ta nên học theo cách đo lường của đoạn kinh này, chia thành hai phần:

a. Phần thứ nhất mở rộng không gian

Đem năm trăm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi tam thiên đại thiên thế giới, giả sử nghiền nát số thế giới này thành từng hạt bụi vi trần. Hỏi số hạt vi trần có nhiều chăng? Một cõi tam thiên đại thiên thế giới mà nghiền thành bột vi trần cũng đã quá sức nhiều, huống gì năm trăm ngàn vạn ức na do tha. Một na do tha đã quá sức nhiều, vậy mà ở đây đến năm trăm ngàn vạn ức triệu tỷ lần như thế. Chẳng những na do tha mà lại còn na do tha a tăng kỳ đều thành hạt bụi trần, rồi lại còn qua phía Đông cứ cách năm ngàn vạn ức na do tha a tăng kỳ cõi nước như thế mới chấm xuống một hạt bụi vi trần, chấm cho hết số hạt vi trần đó, hỏi cõi quốc độ có nhiều chăng? Nhiều quá sức không thể nào tưởng tượng nổi, nhiều vô lượng vô biên.

b. Phần thứ hai mở rộng thời gian

Khi giả sử rằng có một số quốc độ đã chấm từng hạt vi trần để mở rộng không gian như thế rồi, lại tiếp theo lần thứ hai là đo lường thời gian. Bây giờ lại đem số quốc độ đã dùng hạt bụi vi trần để điểm, dù nhiều vô lượng vô biên nhưng cũng đem tất cả số cõi quốc độ này mà nghiền nhỏ. Lần này số hạt bụi vi trần nhiều quá, nhiều đến độ không thể tính đếm được. Hãy mừng tụng một lần nữa và tạm tính về thời gian đem các thế giới hoặc có chấm hay chấm sót. Tất cả số quốc độ này nghiền nát thành vi trần, cứ tính một hạt vi trần là một kiếp. Từ khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật cho đến nay số kiếp lâu xa gấp trăm ngàn triệu na do tha a tăng kỳ như thế (mỗi tiểu kiếp mười sáu triệu tám trăm ngàn năm). Suốt thời gian này Đức Phật Thích Ca vẫn ở cõi Sa Bà để giáo hóa chúng sinh cõi này, thỉnh thoảng mới đi giáo hóa các cõi khác. Trong thời gian này Đức Thích Ca nói có Đức Phật Nhiên Đăng ... Lại còn nói là Đức Thích Ca nhập diệt, kỳ thực chẳng hề có nhập diệt, cũng chẳng hề có một Đức Phật nào khác giáo hóa cõi này. Tất cả mọi phương tiện nói có diệt độ, có Đức Phật khác đều chỉ là để dễ độ chúng sinh mà thôi!

4. Hiện nay Đức Phật Thích Ca có còn độ cõi này không ?

Sở dĩ Đức Phật bảo rằng diệt độ là chỉ vì để dễ rộng độ những người phước mỏng nghiệp dày nghe Đức Phật không có ở đây, mới khởi tâm luyện mộ, khát ngưỡng, không còn ý lại, nhờ đó mới tinh tấn tu luyện, mới trông cõi lành, hầu thâm nhập giáo pháp khiến họ mau chứng đắc quả vị Phật, chỉ có thể thôi! Hiện nay Đức Phật Thích Ca vẫn là Giáo chủ cõi Ta Bà đang rộng độ chúng sinh cõi này.

5. Ví như người cha biết làm thầy thuốc

Có người cha làm nghề thầy thuốc giỏi, vậy mà các con ông chẳng chịu uống thuốc. Ông bèn lập mưu chước bỏ nhà đi sang xứ khác, rồi sai người về báo rằng cha các người đã chết. Đàn con nghe tin hốt hoảng, nhớ thương luyện tiếc, lúc ấy mới chịu uống thuốc. Khi biết được các con mình ngoan ngoãn uống thuốc, người cha liền quay lại quê nhà. Làm như vậy chỉ vì khéo dùng phương chước để cứu các con, vị cha thầy thuốc không hề phạm lỗi hư dối.

Đức Phật cũng như vị lương y, sở dĩ bảo rằng có diệt độ, nhưng chẳng hề diệt độ. Mục đích là tạm lánh một thời gian để dễ rộng độ những người nghiệp dày phước mỏng mà thôi!

6. Đức Phật thuyết thơ kệ

Phân thơ kệ tóm gọn phần kinh phẩm này, riêng về giảng luận chúng tôi có những chỗ có khác bản chính chữ Trung Hoa nhưng không hề khác sai ý kinh. Ví dụ câu thơ kệ thứ mười lăm: Đầu câu dùng chữ “**Linh**”, chúng tôi dịch là “**cứu**”, chứ không dịch thành chữ “**khiến**”.

Trích ba câu Hoa văn:

**Ngã thường trụ ư thử
Đĩ chư thần thông lực
Linh diên đảo chúng sanh**

Một số bản kinh Việt dịch:

**Ta thường ở nơi đây
Dùng các sức thần thông
Khiến chúng sinh diên đảo**

Phân giảng luận chúng tôi dịch khác hơn:

**Ta vẫn trụ cõi này
Dùng phương tiện thần thông
Cứu chúng bớt diên đảo.**

Như Lai dụng thần thông để cứu chúng sinh bớt điên đảo, chứ không thể nào Như Lai lại dùng thần thông để khiến cho chúng sinh điên đảo. **Khiến tức là làm cho.** Làm cho chúng sinh điên đảo thì Như Lai đâu nữa! Vì thế chữ **Linh** dịch là **Khiến** sẽ tối nghĩa!

Suốt đoạn thơ kệ 102 câu, đều nhấn mạnh về yếu tố thời gian. Từ khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành Phật đến nay, không phải chỉ có hai ngàn năm trăm bốn mươi bảy năm mà là lâu xa vô lượng vô ức kiếp, dài lâu không thể nghĩ bàn và còn dài lâu hơn nữa, chứ không phải đến đây rồi chấm dứt.

Hành giả Pháp Hoa cùng hàng thức giả, trí giả ai đã chú tâm nghiên cứu, hoặc thọ trì, nhất là phổ truyền kinh Pháp Hoa mà chưa liễu thông bí pháp thời gian vô tận nơi phẩm kinh này thì vẫn còn ở nơi thêm Pháp Hoa, chứ chưa vào được nhà Pháp Hoa. Chưa vào nhà thì chưa làm chủ. Chưa làm chủ thì chưa phải là Pháp sư – Nếu có cố gắng thì cũng chỉ ở phần Giảng sư, hoặc Thiền sư mà thôi! Mà Giảng sư, hoặc Thiền sư thì vẫn còn phân biệt có không gian biên giới, có thời gian năm tháng. Còn chấp có chấp không, chấp đi chấp về thì còn xa Pháp Hoa.

Pháp Diệu nhập đời, đến lúc nào không còn thấy đời khác pháp Diệu, bởi vì pháp Diệu và đời làm gì có hai. Nếu nói cho đúng thì không hề rời và nhập. Có danh từ rời nhập chẳng qua chỉ là phương tiện mà thôi!

Quên đếm giọt thời gian

** Trích thi phẩm Từng giọt Ma Ni*

*Quên đếm giọt thời gian
Tâm hồn thôi ray rứt
Rộng mở hết không gian
Bình lặng phủ cuộc đời.*

*Thời gian tợ thuốc quý
Không gian sánh nôi đời
Chiếc nôi càng trải rộng
Giấc trẻ càng an nhiên.*

*Thuốc pha quên cái thuốc
Dược liệu hay tuyệt vời
Khi ta du nhập đời
Chuỗi thời gian chớ tính.*

*Khoảng không gian rộng khơi
Chẳng biên cương giới tuyến
Chỉ có tình người thôi
Quên thời gian năm tháng.*

*Chỉ nhớ có một lời
Lời Từ phụ dặn khuyên
Tự soi mình sáng tỏ
Đạo đời hằng chu viên.*

*Quá khứ đã trôi qua
Tương lai thì chưa đến
Nhắc - trông chi rầy rà
Sống vui tròn hiện hữu.*

*Hòa mình biển phong ba
Nhưng thực tế mới là
Làm sao vô biên giới
Thời gian phi dạng mà.*

*Thánh khác phàm lẽ sống
Mâu nhiệm ngát Liên Hoa ◆*

--- o0o ---

TÓM LƯỢC 9 PHẨM PHÁP HOA GIẢNG LUẬN – TẬP 2

--- o0o ---

PHẨM THỨ TÁM - PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Tôn giả Phú Lô Na bạch Phật.

Trao ký cho Tôn giả Phú Lô Na.

Trao ký cho năm trăm vị A La Hán.

Năm trăm vị A La Hán bạch Phật.

Kể chuyện thí dụ và đối chiếu.

--- o0o ---

1. Tôn giả Phú Lô Na bạch Phật

Lúc bấy giờ, Tôn giả Phú Lô Na sau khi nghe Đức Phật nói về những phương tiện tùy cơ thuyết pháp, lại được nghe Đức Phật thọ ký cho năm vị đệ tử lớn, lại được nghe việc nhân duyên đời trước và sức thần thông tự tại của chư Phật, Tôn giả rõ hiểu rất sâu nên thâm tâm đồng phần khởi vui mừng, ý thanh tịnh, bèn quỳ lễ Phật bạch rằng: “Ngưỡng bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn thật là đặc biệt, đã làm những việc mà ít ai làm được, đã thuận theo tánh chúng sanh mà diễn pháp, cứu vớt tất cả ra khỏi nơi tham đắm. Chúng con không thể dùng lời nào mà diễn bày công đức cho đầy đủ. Chỉ có Đức Thế Tôn mới biết rõ bốn nguyện của chúng con”.

2. Trao ký cho Tôn giả Phú Lô Na

Đức Phật dạy rằng: “Tôn giả Phú Lô Na đây là người thuyết pháp giỏi vào hàng bậc nhất và việc trợ tuyên chánh pháp của Như Lai cũng vào hàng bậc nhất:

- Tôn giả đã giải thích trọn vẹn giáo pháp của Như Lai.
- Thường tu hạnh thanh tịnh.
- Thông suốt rành rẽ về pháp không.
- Đầy đủ thần thông của Bồ tát.

Về những thuở xa xưa và mãi mãi các đời sau, Tôn giả cũng là người thuyết pháp và trợ tuyên chánh pháp cho vô lượng chư Phật thuộc vào hàng đệ nhất. Vì muốn tạo thành cõi Phật thanh tịnh, nên Tôn giả Phú Lô Na thường tinh tấn giáo hóa chúng sinh lần lần đầy đủ đạo Bồ tát”.

Đức Phật thuyết xong liền thọ ký cho Tôn giả Phú Lô Na sau này được thành Phật, hiệu là Pháp Minh Như Lai và đủ mười tôn hiệu, nước tên Thiện Tịnh, kiếp tên Bửu Minh, thọ mạng vô số kiếp, pháp trụ đời cũng lâu vô số kiếp. Nói xong Đức Phật trưng tuyên bằng một bài kệ.

3. Trao ký cho năm trăm vị A La Hán

Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị A La Hán tâm đã tự tại, đều cùng nghĩ: “Nếu Đức Phật đều thọ ký cho mình như đã thọ ký cho năm vị đệ tử lớn thì vui thích biết bao”.

Đức Phật biết tâm niệm của các vị này, bèn lần lượt thọ ký cho năm trăm vị A La Hán, bắt đầu là Tôn giả Kiều Trần Như và năm trăm vị A La Hán, tất cả sẽ thành Phật đồng một hiệu là Phổ Minh Như Lai (đủ mười tôn hiệu).

4. Năm trăm vị A La Hán bạch Phật

Năm trăm vị A La Hán được Đức Phật thọ ký, phấn khởi vui mừng, đến trước Đức Phật bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con trước nay cứ ngỡ là được diệt độ, nay biết rõ mới thấy mình là kẻ vô tri, bởi vì quả A La Hán mà chúng con đã chứng thì chưa vào đâu cả. Đáng lẽ chúng con được trí tuệ Phật từ lâu, nhưng tại vì chấp chặt pháp Tiểu thừa, nên Thế Tôn chưa chỉ dạy truyền trao quả vị Phật.

5. Kể chuyện thí dụ và đối chiếu

Tôn giả Kiền Trần Như thay mặt năm trăm vị A La Hán trình bày tâm trạng qua câu chuyện thí dụ:

Bạch Đức Thế Tôn! Có gã nghèo khổ, đến nhà bạn giàu thăm chơi. Sau buổi tiệc, gã ngủ say vùi. Người bạn bạn đi xa nên cài vào bầu áo gã một viên ngọc quý. Tỉnh giấc ra về, gã vẫn tiếp tục nếp sống lang thang, đầu đình góc chợ. Thời gian sau, tình cờ gặp lại bạn xưa, ân nhân ngạc nhiên hỏi: “Tại sao anh vẫn nghèo? Trước kia tôi đã cài vào bầu áo anh một viên ngọc quý kia mà”. Gã nghèo bưng tỉnh, lúc bấy giờ gã mới biết mình vẫn giàu như ai. Gã sử dụng viên ngọc làm vốn kinh doanh, rồi trở thành nhà tỷ phú.

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con nào khác gã nghèo khổ ấy. Từ lâu Đức Thế Tôn đã giáo hóa gieo vào tâm chúng con hạnh nguyện cầu tu thành Phật, vậy mà chúng con nào hay, đặc chút Niết bàn Thanh Văn vội bảo là đủ. Nay được Đức Thế Tôn khai hóa, chúng con mới thấy mình từ đây được chính thức là con tuệ mạng của Đức Phật và là Bồ tát đã được Đức Phật thọ ký sắp thành Phật, lòng chúng con vui mừng khôn xiết.

--- o0o ---

PHẨM THỨ CHÍN - PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ

Tôn giả A Nan trình bày tâm nguyện.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan.

Đại chúng thắc mắc và được Đức Phật giải thích.

Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La.

Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học.

--- o0o ---

1. Tôn giả A Nan trình bày tâm nguyện

Lúc bấy giờ, Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La trầm nghĩ: “Nếu mỗi chúng ta đều được Đức Phật thọ ký thì vui thích biết bao!”.

Hai vị liền đến trước Đức Phật trình bày tâm nguyện, cầu mong được Đức Phật thọ ký. Đồng lúc ấy, hai nghìn vị còn học và không còn phải học cũng đứng lên lễ Phật, chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan Đức Thế Tôn, tỏ ý cùng một sở nguyện với hai vị Tôn giả A Nan và La Hầu La.

2. Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A nan

Đức Phật bảo Tôn giả A Nan: “Này Tôn giả A Nan! Về tương lai ông sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Huệ Tụ Tại Thông Vương Như Lai (đủ mười tôn hiệu). Giáo hóa số đông nhiều gấp hai nghìn lần số cát sông Hằng, khiến những Bồ tát ấy thành tựu đạo Bồ đề”.

Quốc độ của Phật Sơn Hải Huệ tên là Thường Lập Thắng Phan. Quốc độ thanh tịnh trang nghiêm, mặt đất bằng lưu ly. Kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn, thọ mạng của Phật dài lâu vô lượng và được mười phương chư Phật ngợi khen công đức.

Đức Thế Tôn tuyên thuyết một bài thơ kệ lập lại nghĩa này.

3. Đại chúng thắc mắc và được Đức Phật giải thích

Lúc bấy giờ, tám nghìn vị Bồ tát mới phát tâm đều trầm thắc mắc: “Chúng ta chưa nghe hàng Bồ tát được thọ ký như thế, có sao hàng Thanh Văn lại được như vậy?”.

Đức Phật biết tâm niệm ấy, bèn dạy rằng: “Này các thiện nam tử! Về thuở xa xưa, vào thời Đức Phật Không Vương Như Lai, ta và A Nan cùng đồng tu học, đồng phát tâm cầu đạo vô thượng, nhưng Tôn giả A Nan chỉ lo học rộng, còn ta thì tinh tấn tu trì, cho nên hôm nay ta thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni, còn A Nan thì phương tiện hiện đang làm Thị giả của ta. Trong tương lai, A Nan lại vẫn tiếp tục thọ trì giáo pháp của chư Phật cho đến khi thành Phật”.

Nghe Đức Phật kể nhân duyên xa xưa, Tôn giả A Nan liền nhớ lại tất cả tạng pháp của vô lượng chư Phật thuở quá khứ và lời nguyện của mình.

4. Đức Phật thọ ký cho Tôn giả La Hầu La

Đức Thế Tôn lại tiếp tục thọ ký cho Tôn giả La Hầu La, về tương lai, sau khi cúng dường và làm Trưởng tử cho vô lượng chư Phật, La Hầu La sẽ

thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai (đủ mười tôn hiệu), cõi nước trang nghiêm, thọ mạng vô lượng kiếp.

5. Đức Phật thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học

Sau khi Đức Phật thọ ký cho Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La xong, hai nghìn vị còn học và không còn phải học nhất tâm chiêm ngưỡng Đức Phật. Lúc đó, Đức Phật nhận thấy hai nghìn vị này ý căn nhu nhuyễn tịch nhiên, thanh tịnh. Đức Phật dạy Tôn giả A Nan: “Hôm nay Như Lai tiếp tục thọ ký cho hai nghìn vị còn học và không còn phải học về các đời sau được thành Phật, đồng một hiệu là Bửu Tướng Như Lai, có đầy đủ Bồ tát và Thanh Văn để trang nghiêm quốc độ, thọ mạng của các Đức Phật này dài lâu một kiếp”. Được Đức Thế Tôn thọ ký, hai nghìn vị còn học và không còn phải học đọc bài kệ tán thán Đức Phật và nói lên sự vui mừng của mình:

**Thế Tôn đèn tuệ sáng
Chúng con được thọ ký
Lòng vui mừng đầy đủ
Như được rưới cam lộ ...**

--- o0o ---

PHẨM THỨ MƯỜI - PHẨM PHÁP SƯ

Đức Phật thọ ký cho đại chúng hiện diện và hàng chúng sinh sau này.

Sáu hạng Pháp sư.

Kinh Pháp Hoa là kho tàng tối tôn tối mật của chư Phật.

Như việc đào giếng.

Những điều kiện trở thành Pháp sư.

Sự hộ niệm của chư Phật.

--- o0o ---

1. Đức Phật thọ ký cho đại chúng hiện diện và hàng chúng sinh sau này

Đức Thế Tôn dạy Bồ tát Dược Vương và tám vạn Bồ tát rằng: “Tất cả hàng trời rồng quỷ thần tám bộ cùng bốn chúng Tỷ kheo, Tỷ kheo Ni, nam nữ cư sĩ, bất luận ai tu cầu quả vị nào, hễ ai đang ở trước mặt Như Lai, nghe được một bài kệ, một câu kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hoặc chỉ phát tâm vui nghe thì Như Lai cũng đều thọ ký cho thành bậc Chánh giác.

Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có chúng sinh nào vui nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, hoặc thoáng có ý tưởng hoan hỷ thì Như Lai cũng đều thọ ký cho thành bậc Chánh giác”.

2. Sáu hạng Pháp sư

Ai đang tu theo kinh Pháp Hoa, tức là dùng đức trang nghiêm của chư Phật để tự trang nghiêm cho chính mình. Nếu có ai hoặc tin nhận, hoặc giữ gìn, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc in chép, hoặc cúng dường, hoặc thuyết giải kinh Pháp Hoa thì sáu hạng này đời vị lai sẽ được thành Phật, hiện đời là Pháp sư. Những Pháp sư này là sứ giả của Như Lai, đều được chư Phật hộ niệm và được mọi người tôn trọng, cung kính, cúng dường.

Hủy báng Phật trọn kiếp tội tuy nặng, nhưng hủy báng Pháp sư tội còn nặng hơn gấp bội. Công đức xưng tán Phật tuy nhiều, nhưng công đức xưng tán Pháp sư còn nhiều hơn.

3. Kinh Pháp Hoa là kho tàng tối tôn tối mật của chư Phật

Đức Phật dạy: “Trong vô lượng kinh của chư Phật đã thuyết, đang thuyết và sẽ thuyết thì kinh Pháp Hoa là khó tin, khó hiểu nhất, vì đó là kho tàng bí yếu tối tôn tối mật của chư Phật, được chư Phật giữ gìn từ xưa đến nay, chưa đem ra nói. Bởi có ấy nên các vị đừng truyền trao bừa bãi. Chính khi Như Lai hiện đời mà kinh này còn bị oán ghét, huông chi sau khi Như Lai diệt độ”.

Sau khi Như Lai diệt độ, nếu ai làm Pháp sư để phổ truyền kinh Pháp Hoa thì được Như Lai lấy áo trùm thân và được chư Phật ở phương khác hộ niệm. Người ấy có đức tin lớn, chí nguyện mạnh, căn lành sâu ở gần Như Lai và được Như

Lai dùng tay xoa đầu.

4. Như việc đào giếng

Tu kinh Pháp Hoa như việc đào giếng, càng đào sâu càng thấy khó khăn, nhưng lại thấy sự dịu mát.

- Không nghe kinh như gặp đất khô.
- Nghe mà chưa tin hiểu như gặp đất ướt.
- Được nghe hiểu, suy ngẫm tu tập kinh này ví như gặp mạch nước.

Hàng Bồ tát nghe kinh Pháp Hoa mà nghi sợ là hạng Bồ tát mới phát tâm. Hàng Thanh Văn nghe kinh Pháp Hoa mà nghi sợ là hạng tăng thượng mạn.

5. Những điều kiện trở thành Pháp sư

Sáu hạng sứ giả của Như Lai, đặc biệt nhất có hạng thuyết giảng Pháp sư phải hội đủ ba điều kiện:

- + Vào nhà Như Lai.
- + Mặc áo Như Lai.
- + Ngồi tòa Như Lai.

Nhà Như Lai là tâm từ bi rộng lớn. Áo Như Lai là nhẫn nhục nhu hòa. Tòa Như Lai là tất cả các pháp đều không. Phải an trụ nơi đặc tính này để phổ truyền kinh Pháp Hoa.

6. Sự hộ niệm của Đức Phật

Được vậy thì Như Lai dù ở phương nào cũng vẫn sai hàng hóa nhân đến nghe pháp và khiến hàng tứ chúng hộ trì. Nếu vị Pháp sư thuyết pháp ở nơi xa vắng thì Như Lai sẽ khiến Bát Bộ Thiên Long đến nghe. Dù ở quốc độ khác Như Lai luôn luôn làm cho vị thuyết giảng kinh Pháp Hoa thấy rõ thân Như Lai. Nếu người ấy quên câu mật chữ, Như Lai sẽ khiến cho được nhớ đầy đủ thông suốt.

Đức Thế Tôn tuyên thuyết một bài thơ kệ lập lại nghĩa trên.

--- o0o ---

PHẨM THỨ MƯỜI MỘT - PHẨM HIỆN BẢO THÁP

Tháp báu xuất hiện.

Mở cửa tháp báu và thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

Đức Phật Thích Ca thông báo.

--- o0o ---

1. Tháp báu xuất hiện

Lúc bấy giờ, trước mặt Đức Phật Thích Ca

xuất hiện một tòa linh tháp bảy báu, cao năm trăm do tuần, rộng hai trăm năm mươi do tuần. Mùi hương ly cầu tỏa thơm ngào ngạt, tháp này từ đất vọt lên và lơ lửng nơi không trung. Trong tháp có tiếng vọng ra tán thán công đức của Đức Phật Thích Ca về việc thuyết kinh Pháp Hoa. Đại chúng nơi đạo tràng lấy làm ngạc nhiên, Bồ tát Đại Nhạo Thuyết thay mặt đại chúng bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn! Điềm lành gì thế?”.

Đức Phật đáp: “Trong tháp này có toàn thân Phật, cách nay lâu xa lắm (thời quá khứ), tại nước Bửu Tích, có Đức Phật hiệu Đa Bửu Như Lai, lúc còn hành Bồ tát đạo, Ngài phát nguyện nơi nào có thuyết kinh Pháp Hoa, Ngài sẽ hiện tháp báu đến chứng minh tán thán công đức.

Đại chúng muốn thấy Đức Đa Bửu Như Lai, Đức Phật Thích Ca cho biết: Muốn mở bửu tháp, Ngài phải nhóm hết thầy chur Phật do Ngài phân thân trở về đông đủ thì mới mở được cửa bửu tháp. Nhưng muốn nhóm chur Phật phân thân thì phải biến cõi Ta Bà ứ độ thành tịnh độ trang nghiêm.

Giải thích xong, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng hào quang lông trắng giữa chận mày, để triệu thỉnh chur Phật phân thân khắp mười phương. Thấy ánh sáng đó, chur Phật đều báo cho hàng Bồ tát của mình biết là sắp về lại thế giới Sa Bà để cúng dường tháp báu của Phật Đa Bửu Như Lai.

Để đủ chỗ chur Phật phân thân sắp về, Đức Phật Thích Ca chẳng những dời trời, người, quỷ thần nơi cõi Ta Bà đi nơi khác, mà còn mở rộng khắp tám phương, rộng hai trăm muôn ức na do tha nước, nước nào cũng đều thanh tịnh trang nghiêm. Chur Phật phân thân tuân tự về đủ và mỗi Đức Phật đều có một vị Bồ tát làm Thị giả.

Chur Phật phân thân đều an tọa nơi bảo tòa, mỗi Ngài đều cử Thị giả đến kính lễ thăm hỏi và cúng dường Đức Phật bản gốc của mình (tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni). Các vị Thị giả đều thăm hỏi Đức Phật Thích Ca có an vui, ít bệnh, ít não chãng; đồng thời xin Đức Phật Thích Ca mở cửa bửu tháp để giúp tất cả được thấy rõ toàn thân Đức Phật Đa Bửu Như Lai.

2. Mở cửa bửu tháp và thấy Đức Phật Đa Bửu Như Lai

Đức Phật Thích Ca vì sự thỉnh cầu của các vị Phật phân thân cùng đại chúng, nên Ngài đứng lên mở cửa bửu tháp. Tiếng tháo chốt bửu tháp vang lên như tiếng mở cửa thành lớn (đây là trạng thái đột ngộ của người tu kinh Pháp Hoa). Đại chúng thấy rõ toàn thân Đức Phật Đa Bửu Như Lai khi tháp vừa mới mở (bất sinh bất diệt).

Đức Phật Đa Bửu Như Lai nhường nửa tòa ngò, mời Đức Phật Thích Ca. Hai Đức Phật cùng ngò chung một tòa ngò: “Phật thân vốn bình đẳng, dù cỏ hay kim, nhưng khi là Phật thì đều bình đẳng”. Hai Đức Phật ngò trên không trung quá cao, nên đại chúng đồng nguyện xin làm sao cho họ thấy được hai Đức Phật và nghe được tiếng Phật thuyết pháp. Đức Phật Thích Ca chấp nhận, Ngài bèn dùng thần thông nâng đại chúng lên cao giữa không trung.

3. Đức Phật Thích Ca thông báo

Đức Thế Tôn cho đại chúng biết là kinh Pháp Hoa đã đúng lúc phổ truyền. Ngài hứa phú chúc, trao truyền cho ai muốn đại diện Đức Phật thuyết giải kinh Pháp Hoa. Ngài còn cho biết là ngày giờ nhập Niết bàn của Như Lai không còn xa.

Đức Phật Thích Ca phân tích các việc: đời non lập biển, gánh rom đi trong lửa, dạy vô lượng chúng sinh, chứng quả A La Hán và bất cứ việc làm khó khăn nào ở trên đời này, cũng vẫn chưa khó bằng việc tu trì, in chép, đọc tụng và phổ truyền kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là bậc nhất. Ai đọc tụng, tu trì, thuyết giải kinh này ắt làm cho chư Phật hoan hỷ. Ai làm được như trên là người dũng mãnh tinh tấn. Đó thật là người trì giới tu hạnh nhẫn khổ, là người được mau chứng quả vô thượng. Đời sau ai nhận giữ đọc tụng kinh này là Phật tử chân chính, là bậc thuần thiện. Sau Phật diệt độ, ai hiểu được kinh này là mắt sáng suốt của trời người. Giữa lúc cảnh sợ hãi, ai thuyết giải kinh này, dù trong chốc lát, là người đáng được trời người cúng dường.

--- o0o ---

PHẨM THỨ MƯỜI HAI - PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Đức Phật kể chuyện tiền thân và thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa.

Công đức nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa.

Bồ tát Trí Tích.

Bồ tát Văn Thù hóa độ cung rồng.

Việc Long nữ thành Phật.

--- o0o ---

1. Đức Phật kể chuyện tiền thân và thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa

Sau khi Đức Phật Thích Ca công bố cho đại chúng biết là chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ nhập Niết bàn, nên muốn đem kinh Pháp Hoa này phó chúc lại. Đức Phật liền bảo đại chúng: “Về thuở xa xưa cách nay vô lượng kiếp, ta đã từng làm vua và thường tinh tấn cầu kinh Pháp Hoa. Trong số kiếp đó có một đời, ta làm vua trị vì một nước thanh bình. Nhưng ta muốn cầu nghe kinh Pháp Hoa, nên trao ngôi lại cho Thái tử, rồi theo hầu hạ một vị tiền nhân, suốt hàng ngàn năm không hề chênh lệch”.

Đức Phật bảo tiếp: “Vị vua thuở ấy chính là tiền thân của ta, còn vị tiền nhân kia chính là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa. Hôm nay ta đã thành bậc Vô thượng giác, phần lớn là nhờ vị thiện trí thức đó”.

Sau đó, Đức Phật thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa, qua vô lượng kiếp sau sẽ thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai (đủ mười tôn hiệu), nước tên là Thiên Đạo. Đức Phật Thiên Vương Như Lai sống lâu hai mươi trung kiếp và chính pháp trụ đời cũng hai mươi trung kiếp.

2. Công đức nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa

Ai nghe phẩm Đề Bà Đạt Đa mà khởi tâm thanh tịnh thì người đó nhất định không đọa vào ba đường dữ, được sinh vào các cõi Phật (tùy theo bản nguyện). Nếu sinh vào cõi Trời thì người đó được hưởng an vui tốt cùng. Nếu sinh vào cõi Phật thì sẽ hóa sinh từ hoa sen.

3. Bồ tát Trí Tích

Bồ tát Trí Tích, vị Thị giả của Đức Phật Đa Bửu Như Lai, thỉnh Đức Đa Bửu trở về bốn quốc, nhưng Đức Phật Thích Ca bảo Bồ tát Trí Tích ở lại chờ gặp Bồ tát Văn Thù để cùng đàm luận pháp mầu.

Đức Phật Thích Ca vừa dứt lời thì Bồ tát Văn Thù cùng các vị Bồ tát khác, từ cung rồng Ta Kiệt La ngồi trên tòa sen báu, dùng thần thông đến đạo tràng. Tất cả đều đánh lễ hai Đức Thế Tôn. Bồ tát Văn Thù đến chào hỏi Bồ tát Trí Tích, hai vị Bồ tát thăm hỏi nhau về pháp mầu.

4. Bồ tát Văn Thù hóa độ cung rồng

Nơi cung rồng Ta Kiệt La, Bồ tát Văn Thù đã hóa độ vô lượng chúng sanh, đa số đều đắc thành Bồ tát. Những vị Bồ tát này thường cùng Đức Văn Thù biện thuyết sáu pháp Ba la mật và được sự hướng dẫn của Ngài, nên các vị ấy từ cung rồng ngồi tòa sen báu, bay lên núi Linh Thứu trụ giữa không

trung. Trong số này có những vị trước kia là Thanh Văn, hôm nay nhân dịp này, các Ngài cũng tu theo nghĩa “không tướng” của Đại thừa.

5. Việc Long nữ thành Phật

Bồ tát Văn Thù cho biết: Khi ở cung rồng, Ngài chỉ tuyên thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu ai siêng tu kinh Pháp Hoa, sẽ mau thành đạo Vô thượng Bồ đề. Cũng như con gái vua rồng Ta Kiệt La, mới tám tuổi mà đầy đủ trí đức, biết vâng nghe nhận lãnh, giữ gìn được kinh Pháp Hoa thâm sâu và ẩn mật của chư Phật, hiểu thấu được pháp “không tướng”, tu theo đúng kinh Pháp Hoa. Nhờ vậy mà nàng sắp thành Phật.

Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất không tin việc nàng công chúa Rồng sắp thành Phật, vì các Ngài cho rằng đạo Phật cao siêu, sâu rộng, phải trải qua vô lượng kiếp, cần khổ, chứa nhóm công hạnh và đầy đủ các pháp Ba la mật thì mới thành quả vị Phật. Ở đây, nàng công chúa Rồng là thân nữ, còn bị rất nhiều điều chướng ngại, như vậy thì làm sao trong khoảng sát na nàng thành Phật được?

Bàn luận chưa xong thì nàng Long nữ đã xuất hiện, đến quỳ lễ Đức Phật, đọc kệ tán thán, xong cúng dường lên Đức Phật Thích Ca viên ngọc trị giá bằng ba nghìn cõi đại thiên thế giới. Long nữ nói với Bồ tát Trí Tích và Tôn giả Xá Lợi Phất, nàng thành Phật còn mau hơn cúng dường ngọc.

Nói xong, nàng liền biến thành thân nam, đủ hạnh Bồ tát, bay qua cõi Vô Cấu ở phương Nam, đắc thành quả vị Chánh giác, vị Phật này vì chúng sinh thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Chúng sinh cả hai cõi Vô Cấu và Sa Bà đều được nghe pháp. Như vậy vô lượng chúng sinh đắc quả vị bất thối và được thọ ký. Tôn giả Xá Lợi Phất, Bồ tát Trí Tích cùng đại chúng nơi đạo tràng đều yên lặng và tin tưởng tuyệt đối.

--- o0o ---

PHẨM THỨ MƯỜI BA - PHẨM TRÌ

Chư vị Bồ tát phát nguyện.

Các vị tu chứng và các vị học rộng hiểu xa xin đi cõi khác.

Đức Phật thọ ký cho hai bà Kiều Đàm Di và Da Du Đà La.

Tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, bậc bất thối chuyển phát nguyện.

--- o0o ---

1. Chư vị Bồ tát phát nguyện

Hai Ngài Bồ tát Dược Vương và Đại Nhạo Thuyết, cùng hai vạn vị Bồ tát quyền thuộc, đến trước Đức Phật phát nguyện, sau khi Đức Phật diệt độ, các Ngài sẽ phụng trì, đọc tụng, thuyết giảng kinh Pháp Hoa, rộng độ chúng sinh cõi Sa Bà, mặc dù vẫn biết chúng sinh cõi này nhiều tệ ác. Các Ngài phát nguyện hoằng truyền kinh Pháp Hoa, dù có hy sinh tính mạng.

2. Các vị tu chứng và các vị học rộng hiểu xa xin đi cõi khác

Năm trăm vị A La Hán, tám nghìn vị còn học và không còn phải học, toàn là những vị đã được thọ ký, đên danh lễ Đức Phật và phát nguyện thọ trì kinh Pháp Hoa, nhưng thọ trì ở những cõi khác, vì các Ngài chê cõi Sa Bà chúng sinh dơ xấu, bủn xỉn.

3. Đức Phật thọ ký cho hai Ni trưởng Kiều Đàm Di và Da Thủ Đà La

- Ni trưởng Kiều Đàm Di và sáu nghìn Tỷ kheo Ni quyền thuộc. Ni trưởng Kiều Đàm Di thành Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến. Đức Phật Hỷ Kiến tuần tự thọ ký cho sáu nghìn quyền thuộc thành Chánh đẳng Chánh giác.

- Ni trưởng Da Thủ Đà La và quyền thuộc đứng dậy lễ Đức Phật, cầu xin Đức Phật thọ ký. Đức Thế Tôn trao ký cho thành Phật hiệu Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng.

Hai Ni trưởng Kiều Đàm Di và Da Thủ Đà La cùng tất cả Tỷ kheo Ni đều vui mừng hơn hở vì được việc chưa từng có. Các vị Tỷ kheo Ni này cũng xin Đức Phật thọ trì kinh Pháp Hoa ở cõi khác, lý do cũng như các vị Tỷ kheo Tăng.

4. Tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, bậc bất thối chuyển phát nguyện

Đức Thế Tôn chấp nhận cho hàng tứ chúng được đi nơi khác phổ truyền kinh Pháp Hoa. Vậy ai hộ trì kinh Pháp Hoa ở cõi Sa Bà này? Ngài bèn nhìn tám mươi muôn ức na do tha vị Bồ tát, những bậc bất thối chuyển và đặc pháp tổng trì. Hàng Bồ tát này đứng lên chiêm ngưỡng Đức Phật và thềm

ngĩ: “Chắc Đức Phật dạy cho mình được phổ truyền kinh Pháp Hoa nơi cõi Sa Bà?”.

Trước sự lạng thình của Đức Thế Tôn, để vừa hợp ý Đức Phật vừa thỏa nguyện cho mình, các Ngài đồng thề nguyện trước Đức Phật: “Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con sẽ đi khắp mười phương thế giới khiến chúng sinh biên chép, tin giữ, đọc tụng, thuyết giải y pháp tu hành theo kinh này. Nếu được vậy là nhờ uy lực của Đức Phật, cúi xin Đức Thế Tôn ở phương khác, xa thấy mà hộ trì chúng con”. Liền đó, các vị Bồ tát đều tuyên đọc thơ kệ.

--- o0o ---

PHẨM THỨ MƯỜI BỐN - PHẨM AN LẠC HẠNH

Bốn nơi an trụ của Bồ tát.

Đức Phật kể chuyện thí dụ.

Sự lợi ích.

--- o0o ---

1. Bốn nơi an trụ của Bồ tát

Bồ tát Văn Thù Sư Lợi xin Đức Phật cho biết những vị Bồ tát muốn thuyết kinh Pháp Hoa nơi đời ác thì phải thệ nguyện thế nào và phải an trú pháp nào. Đức Phật bảo: Bồ tát muốn nói kinh này phải an trú bốn pháp:

- + Hành xử.
- + Thân cận xử.
- + An lạc hạnh.
- + Pháp vô phân biệt.

a. An trú nơi hành xử: Bồ tát phải an trú trong nhẫn nhục hòa dịu, khéo thuận, không sợ sệt, ở giữa muôn vật mà không đắm nhiễm, ở nơi pháp chẳng phân biệt mà thuyết giải kinh này. Đó là hành xử của Bồ tát.

b. An trú nơi thân cận xử (chỗ và người đáng thân cận): Bạc Bồ tát không nên nương tựa và mật thiết hàng cây quyền lực, những kẻ ca tụng pháp ác của thế gian, kẻ ngoại đạo, các phái khổ hạnh của ngoại đạo. Lại chẳng gần gũi những kẻ giết hại sinh vật và hàng tứ chúng phá giới. Gặp Đại Bồ tát thực hành pháp “**thân cận**” này, phải đầy đủ oai nghi, không vì danh lợi dục nhiễm mà nói pháp, không mật thiết Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ, hoặc cùng chúng nó đồng một thầy, thường ưa ngồi thiền ở chỗ vắng tu nhiếp tâm mình.

Lại nữa, vị Đại Bồ tát phải quan sát **các pháp không** là **thực tướng**, chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng chuyển, thấy như hư không, thấy muôn vật không có thật tính, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng khởi, thấy đều là vô danh, vô tướng, vô lượng, vô biên, vô ngại, vô chướng. Nếu chấp nơi danh tự ngôn ngữ để chỉ sự vật này nọ thì đều trái với chân lý. Các pháp chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sinh, nên mới nói thế này thế khác. Bậc đại trí phải suy xét thấy các tướng của vạn vật là như thế. Đó là thân cận xứ của Hạnh Bồ tát.

c. An trụ nơi an lạc hạnh: Nghĩa là nơi các đời sau bậc Bồ tát muốn diễn bày pháp Đại thừa phải an trụ nơi hạnh an lạc. Khi tuyên nói hoặc đọc tụng kinh, đều chẳng nên nói lỗi của người và của kinh điển. Chẳng đua nịnh, chẳng ca tụng vì lợi dưỡng, chẳng nên kêu tên các bậc Thanh Văn mà khen ngợi, hoặc nêu tên người, nói lỗi người. Nếu có người hỏi thì chẳng dùng pháp Tiểu thừa để giải đáp, mà chỉ nên dùng pháp Đại thừa.

Đức Phật lại căn dặn Bồ tát Văn Thù Sư Lợi và đại chúng: Về đời mạt pháp, những vị hành Bồ tát đạo phải an trụ nơi hạnh an lạc này, phải sinh lòng đại bi đối với tất cả chúng sinh. Không ganh ghét đua đòi, không bày lỗi khinh mắng kẻ trì kinh, không biếng trễ mà luôn luôn cung kính, cúng dường, lễ lạy chư Phật và chư Bồ tát, phải bình đẳng với tất cả chúng sinh mà nói pháp.

Ở đời rốt sau, nếu có vị Bồ tát nào thành tựu được hạnh an lạc thứ ba đây, thời được vô lượng chúng sinh cung kính.

d. An trụ nơi pháp vô phân biệt: Bậc Bồ tát thực hành pháp vô phân biệt thì phải giữ tâm bình đẳng mới có thể diễn bày pháp Đại thừa Vô thượng của chư Phật (không có tâm phân biệt người thượng căn, hạ trí), vì nơi pháp này đã hiển bày các pháp Nhất thừa Phật tính. Phải bình đẳng như cơn mưa, như ánh sáng mặt trời, dần dần sưởi ấm muôn vật, thấm nhuần khắp chúng sinh nhưng không thấy đã thấm nhuần, không hay đã sưởi ấm. Đó là pháp “**vô phân biệt**” thứ tư của Bồ tát.

Đức Phật còn cho biết, nếu người thiện nam, thiện nữ nào đã thực hành được pháp thứ tư này thì thường được hàng trời người cung kính, cúng dường, ủng hộ. Người đó, dù ở bất cứ nơi nào cũng đều được chư Thiên hộ vệ, bởi vì kinh này được sức thần của chư Phật ba đời gìn giữ.

--- o0o ---

2. Đức Phật kể chuyện thí dụ

Vua Chuyển Luân Thánh Vương có thể lực mạnh mẽ, muốn dùng oai thế hàng phục các nước khác, nhưng các vị vua nhỏ không thuận mệnh. Bấy giờ vua đem quân đánh dẹp. Khi xong việc, nhà vua tùy theo người có công lớn, nhỏ mà ban thưởng nào là: vườn, nhà, xe cộ, voi ngựa và vật báu, nhưng nhà vua không ban cho viên ngọc minh châu trên búi tóc. Vì nếu cho sớm thì quyền thuộc vua phải kinh ngạc. Về sau, nhà vua thấy binh tướng có công lớn, liền đem viên ngọc quý trong búi tóc ra ban thưởng.

Cũng vậy, Như Lai dùng sức thiên định, trí tuệ đặc pháp, thấu suốt hết thấy các cõi, giáo hóa cả tam giới, nhưng Ma vương không thuận phục, các tướng hiền thánh của Như Lai mới cùng ma đánh nhau. Những người có công chinh phục Ma vương thì Như Lai ban cho các pháp thiên định, giải thoát, vô lậu, căn lực, niết bàn và thuyết các kinh khác mà chưa thuyết kinh Pháp Hoa. Nhưng khi các sứ giả của Như Lai chiến thắng được nội ngoại ma, khỏi ba độc tham sân si, vượt tam giới, bấy giờ Như Lai mới đem giáo pháp tối thượng “**kinh Diệu Pháp Liên Hoa**” mà ban cho. Vì là pháp tối thượng, là tạng bí mật của chư Phật nên phải đúng lúc, đúng thời mới nói. Kinh này có năng lực chuyển độ chúng sinh, đạt đến bậc nhất thiết trí.

--- o0o ---

3. Sự lợi ích

Sau khi Đức Phật diệt độ, trong đời ác sau, người đọc tụng kinh này tâm không phiền não, thân ít đau bệnh, nhan sắc tốt đẹp, không sinh vào chốn ti tiện bần cùng, được trời người và mọi loài mến luyến ủng hộ, được xa lìa các điều tai hại.

Người trì kinh Pháp Hoa trí tuệ sáng suốt, uy dũng như sư tử vương, không nhút nhát sợ sệt, khi chiêm bao thấy những điềm lành tốt đẹp. Sau này nơi đời ác năm trước, ai phổ truyền kinh Pháp Hoa thì được nhiều lợi ích và công đức không thể nghĩ bàn.

--- o0o ---

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM - PHẨM TÙNG ĐỊA DỮNG XUẤT

Đức Phật không chấp thuận giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho Bồ tát các cõi khác.

Đức Phật giao hàng Bồ tát vô danh việc phổ truyền kinh Pháp Hoa.

Hàng Bồ tát vô danh ra mắt Đức Phật.

**Bồ tát Di Lạc bạch Phật.
Đức Phật Thích Ca giải đáp.
Đại chúng vẫn còn phân vân.**

--- o0o ---

1. Đức Phật không chấp thuận giao việc phổ truyền kinh Pháp Hoa cho Bồ tát các cõi khác

Đức Phật giảng xong phẩm An Lạc Hạnh, vô số Bồ tát ở các cõi khác xin Đức Phật Thích Ca cho phép được phổ truyền và hộ trì kinh Pháp Hoa. Đức Phật không chấp thuận, vì ở cõi Sa Bà có vô lượng Đại Bồ tát sẽ thay Như Lai phổ truyền kinh Pháp Hoa.

2. Đức Phật giao hàng Bồ tát vô danh việc phổ truyền kinh Pháp Hoa

Lúc ấy cả ba nghìn đại thiên thế giới đất đều rung nứt và vô lượng Đại Bồ tát từ đất vọt lên. Tất cả đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và đều dẫn theo quyển thuộc của mình. Mỗi vị đem, sáu, năm, bốn, ba, hai, một quyển thuộc, ít nhất một quyển thuộc, cũng có Ngài chẳng đem theo quyển thuộc nào. Trong số Bồ tát này có bốn vị Bồ tát đại diện là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh và An Lập Hạnh.

3. Hàng Bồ tát vô danh ra mắt Đức Phật

Các vị Bồ tát làm lễ Đức Phật, tán thán hai Đức Thế Tôn, đồng thời thăm hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có an vui, ít bệnh, ít não không? Chúng sinh có dễ độ và họ có làm cho Đức Thế Tôn mệt nhọc không?

Đức Phật Thích Ca đáp là: Ngài được an vui, không bệnh, không não, chúng sinh rất dễ độ, vì chúng sinh này đã được Như Lai dạy bảo nhiều đời nhiều kiếp và từng trông căn lành nơi chư Phật quá khứ, nên vừa nghe pháp thì liền tin nhận và dễ nhập vào trí tuệ của Phật.

4. Bồ tát Di Lạc bạch Phật

Bồ tát Di Lạc và đại chúng thắc mắc: Không biết các vị Bồ tát từ đất vọt lên là ai? Từ đâu đến? Do nhân duyên gì mà nhóm? Do ai giáo hóa? Tu tập và xưng dương Phật pháp nào?

5. Đức Phật Thích Ca giải đáp

Hàng Bồ tát từ đất mới vọt lên đây là do Như Lai mới giáo hóa, Như Lai đã làm cho hàng Bồ tát này phát tâm tu cầu trí tuệ vô thượng.

6. Đại chúng vẫn còn phân vân

Đại chúng nghĩ rằng trong thời gian hơn bốn mươi chín năm làm sao Đức Thế Tôn có thể giáo hóa được vô lượng Đại Bồ tát như thế, vì các vị này từ nơi vô lượng chư Phật quá khứ đã thành tựu đạo Bồ tát. Còn Đức Thế Tôn lúc thành đạo mới bắt đầu giáo hóa, thời gian từ đó đến nay quá ngắn thì làm thế nào mà thực hiện được việc công đức to lớn như vậy. Điều này cũng chẳng khác nào cha trẻ con già, thiên hạ làm sao tin nổi? Tất cả đều xin Đức Phật thương xót hàng chúng sinh mà giải mối nghi này.

--- o0o ---

PHẨM THỨ MƯỜI SÁU - PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

Đức Phật Thích Ca dạy đại chúng.

Đức Phật thí dụ.

--- o0o ---

1. Đức Phật Thích Ca dạy đại chúng

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ba lần khuyên bảo đại chúng nên tin hiểu lời nói chân thật của Ngài. Liên đó, Bồ tát Di Lặc đại diện đại chúng, ba lần thỉnh Đức Phật giải mối nghi cho đại chúng.

Thấy đại chúng nhiều phen cầu thỉnh, nên Đức Phật mới giảng dạy rằng: “Tất cả thế gian đều hiểu Phật là vị hoàng tử Tất Đạt Đa, rời khỏi cung xuất gia, đến ngôi nơi đạo tràng, cách thành Già Da, rồi đắc quả thành Phật”.

+ **Không gian:** Nếu ai đem ba ngàn đại thiên thế giới nghiền nhỏ, chẻ thành mục, rồi đem số mục này đi, trải qua trăm ngàn muôn ức tỷ tỷ cõi quốc độ mới chাম xuống một giọt. Chạm hết số mục trên thì số cõi quốc độ ấy có nhiều chăng? Được bao nhiêu? – Nhiều lắm, không thể tính đếm được.

+ **Thời gian:** Đem nghiền những cõi này thành bụi vi trần, tính mỗi vi trần là một kiếp thì từ khi Đức Thế Tôn thành Phật đến nay, số kiếp nhiều lâu như thế (hàng Thánh Tăng cũng không thể tính đếm được).

- Vì lợi ích chúng sinh, từ đó đến nay, Như Lai ở cõi Ta Bà này và khắp các cõi, tùy theo chỗ đáng độ và căn tánh chúng sinh mà phương tiện nói pháp vi diệu.

- Có lúc Như Lai nói về mình, có lúc nói về người, nhưng không hề mâu thuẫn và đúng như thật. Phật thấy rõ thực tướng của ba cõi không có sinh tử, không thôi, không xuất, không thường, không đoạn, chẳng thực, chẳng hư, chẳng như, chẳng dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy ba cõi.

- Thọ mạng của Như Lai dài vô lượng, nhưng sợ chúng sinh căn tánh thấp kém, sinh ý buông lung, ý lại nên Đức Phật mới phương tiện nói là có diệt độ, có Đức Nhiên Đăng Như Lai và chư Phật khó gặp, để chúng sinh khởi tâm tin nhận mà tinh tấn tu hành.

2. Đức Phật thí dụ

Có một vị thầy thuốc giỏi và rất đông con, vì bận việc đi xa, những đứa con uống nhầm thuốc độc. Người cha về kịp lúc, các con vui mừng xin cha giải độc. Thấy thế, người cha cho thuốc giải. Những đứa con còn tỉnh vâng lời cha uống thuốc, nên được lành bệnh. Còn những đứa bị nặng, điên đảo nên không chịu uống. Sau đó, ông giả vờ tìm cách đi xa, rồi cho người về báo với các con rằng: “Cha các người đã chết”. Những đứa con điên đảo kia nghe cha chết, lòng buồn nghĩ: “Mình nay côی cút, không nơi nương tựa”. Lúc bấy giờ mới tỉnh ngộ, chịu uống thuốc do cha chúng để lại và được lành bệnh. Lúc ấy, người cha trở về.

Như Lai và chư Phật cũng thế, đều sử dụng phương tiện đó để độ chúng sinh nên không hề sai dối.

--- o0o ---

Lời Sau Sách

Kinh Pháp Hoa giảng luận - tập Một từ ươm mầm đến thành tựu phải mất nhiều năm và được nhiều vị thức giả góp ý, nhất là Học giả Lý Việt Dũng trách nhiệm rà soát, trước khi lên bản in.

Tập Hai - từ sơ khởi đến hoàn thành, thời gian chưa đầy nửa năm, lại gặp phải nhiều thử thách, số vị thức giả góp ý cũng thưa vắng. Còn về phần Học giả Lý Việt Dũng thì bị bệnh suốt thời gian này. Đến những ngày chót, còn một tuần nữa lên bản in thì Học giả mới thuyên giảm.

Tập Hai dù gặp nhiều thử thách, nhưng cũng có nhiều chỗ cao sâu hơn tập Một, ý giảng luận có phần khó thâm nhập đối với giới sơ cơ, nhưng lại dễ cho hành giả.

Thời gian và điều kiện thành tựu tập Hai có phần chật hẹp hơn, nên chắc chắn cũng chưa hài lòng quý vị độc giả. Rất mong sự niệm tình hỷ xả mọi thiếu sót.

Chúng tôi mong nhận được mọi sự chỉ dạy của quý bậc cao minh và góp ý xây dựng của các giới thức giả, trí giả, đồng thời mong được giới độc giả và hành giả Pháp Hoa nhiệt tình nuôi dưỡng Pháp Hoa giảng luận.

Nguyện đem công đức này hồi hướng về tứ trọng ân. Đón đợi sự đóng góp xây dựng Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa giảng luận - tập Ba sắp đến.

Thành thật cảm ơn Nhà xuất bản Tôn giáo, Nhà in Nguyễn Minh Hoàng, các vị đạo tâm góp tịnh tài ấn tống, chư Tăng Ni và Phật tử, cùng giới tu học viên Đạo tràng Diệu Pháp Liên Hoa - Tổ đình Quán Thế Âm, đã đồng tâm phổ biến sâu rộng và nghiên cứu tu luyện để bốn mùa sen nở rạng rỡ, hầu tô thêm nét đẹp cho đời, ích nhà lợi nước, ích vật lợi người.

Xin hồi hướng công đức này đến khắp pháp giới chúng sinh thấy đều nhuần triêm phước huệ.

Trân trọng.

Tổ Đình QUÁN THẾ ÂM
Ngày mùng 1 tháng 5 năm Quý Mùi
Người dịch và giảng luận
Sa môn THÍCH THỔNG BỬU

---o0o---

PHỤ BẢN

DANH SÁCH ẤN TỐNG KINH
DANH SÁCH PHẬT TỬ ẤN TỐNG
KINH PHÁP HOA GIẢNG LUẬN - TẬP II

---❀---

HỌ VÀ TÊN	PHÁP DANH	SỐ QUYỀN
NHÓM CÔ THANH TỊNH		
Gia đình NGUYỄN HOÀI HIỆP CÁ THỊ PHẠM NGUYỄN HOÀI THIỆN		250 quyền
Gia đình NGUYỄN HỒNG PHÚC MAI AN LẠC NGUYỄN HỒNG ĐỨC		150 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ PHƯỚC NGUYỄN THÁI TUẤN	Thủy Ngọc	150 quyền
Gia đình NGUYỄN VĂN NĂM LÝ BẠCH YẾN	Diệu Oanh	100 quyền
Gia đình LÝ BẠCH YẾN xin hồi hương Hương linh cha: LÝ CÔNG NÊN Hương linh mẹ: VÕ THỊ TỐT	Diệu Oanh	100 quyền
Gia đình TRẦN LÊ LỆ THU - TRẦN LÊ THU DIỆU cầu siêu HI Cha TRẦN VĂN PHÁN		100 quyền
Gia đình THÁI NGỌC MẬU - chồng và các con		100 quyền

Ni cô QUẢNG TỊNH và gia đình TỊNH PHỤNG - DIỆU THANH - AN TÍN - AN HẠNH - AN NGUYỆT		100 quyển
Gia đình TRƯỜNG VĂN ĐƯỢC		100 quyển
Gia đình TRẦN THỊ TIẾT		100 quyển
Gia đình Sư cô THANH THẠNH		50 quyển
Gia đình LÝ CÔNG THUẬN - NGUYỄN THỊ HƯỜNG và các con		50 quyển
Gia đình Cụ NGUYỄN THỊ THẠNH VÕ THỊ HAI NGUYỄN THỊ BÔNG VÕ THỊ TOÀN NGUYỄN THỊ QUỐC MỸ	Viên Thạnh Thanh Tịnh	50 quyển
Gia đình KIM MAI	Kim Hải	50 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ HƯƠNG NGUYỄN VĂN HỮU	Quảng Tín	50 quyển
Gia đình NGUYỄN HIỀN và LAN		50 quyển
Gia đình NGUYỄN HẢO và THIÊN		50 quyển
Gia đình cô THU	Diệu Hồng	50 quyển

Gia đình LÊ CÔNG NAM TRẦN NGỌC PHƯƠNG		50 quyển
Gia đình QUẢNG TỊNH		50 quyển
Gia đình HUỖNH XUÂN MAI	Quảng Ái	50 quyển
Gia đình PHÙNG KIM KHÁNH hồi hướng Hl. ĐÀO CHÍ HUỆ	Diệu Nhơn	50 quyển
Gia đình chị NGA xin hồi hướng: Hl. QUÁCH TÔN TÚ Hl. QUÁCH ĐÌNH PHÙNG	Quảng Diệu Nguyệt Quảng Minh Phát Quảng Minh Hậu	50 quyển
Gia đình LÝ KIM NGHIÊM Hồi hướng Hl. LÝ HÀ - TRIỆU THỊ KIÊU - DƯƠNG BÌNH NGHIỆP - TRẦN THỊ TEN	Quảng Nghiêm Quảng Phước	50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LAN	Diệu Thực	50 quyển
Gia đình TRẦN THỊ LOAN	Diệu Minh	50 quyển
Gia đình NGUYỄN BẠCH PHƯƠNG, chồng và các con		50 quyển
Gia đình NGUYỄN LYLÝ HỢP		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUỆ và QUANG		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỒNG	Diệu Hương	25 quyển

Gia đình cụ DIỆU THÀNH - DIỆU VIÊN		25 quyển
Gia đình cô HỒNG NGỌC		25 quyển
Gia đình NGUYỄN TẤN THÀNH		25 quyển
Gia đình NGUYỄN THẾ LONG		25 quyển
Gia đình NGUYỄN HÙNG PHI		25 quyển
Gia đình THÁI NGỌC LOAN VƯƠNG PHƯỚC LỢI	Quảng Thụy	25 quyển
Gia đình CHỨC TUYÊN, chồng và các con		25 quyển
Gia đình NGÔ KIM LÝ ANH		20 quyển
Gia đình VIÊN VĂN CHÚNG NGÔ KIM LAN		20 quyển
Gia đình NGÔ JEREMY VĂN LỢI		20 quyển
Gia đình DIỆU MỸ và chú TRE		20 quyển
Gia đình GIANG NGA	Diệu Mỹ	20 quyển
Gia đình LIÊN THỊ HÚN		20 quyển
Gia đình LÝ KIM PHƯƠNG	Quảng Liên	20 quyển
NGUYỄN THỊ TRÂM HƯƠNG	Quảng Nhật	10 quyển
NGUYỄN THỊ THẢO HƯƠNG		10 quyển
NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG		10 quyển

NGUYỄN CHÍ ĐỨC		10 quyển
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG	Nghiêm Hoa	10 quyển
NGUYỄN THỊ MỸ (chị Cảnh)		25 quyển
Gia đình TRẦN THỊ YẾN	Tâm Thanh	50 quyển
Sư cô THANH TÂM	Từ Quang	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HIỀN	Diệu Viên	25 quyển
Gia đình LÂM CHIÊU		10 quyển
Gia đình NGÔ THỊ SỬU hội hướng Hl Ngô Thu Hương		15 quyển
Gia đình TUỆ CHÂU		7 quyển
Gia đình TRẦN ANH TUẤN		5 quyển
Gia đình LÊ THỊ HOA (Sam Jose)	Huệ Hồng	10 quyển
Gia đình TRƯƠNG HỒNG TRINH	Diệu Bạch	10 quyển
Gia đình THIỆN LONG - KIM SƠN		25 quyển
Gia đình ĐỨC HUỲNH hội hướng Hl mẹ Trịnh Thị Minh (Sư cô Giác Cảnh)		30 quyển
Gia đình NGUYỄN KIẾN BÌNH - LÊ MAI ANH - NGUYỄN LÊ NAM ANH		25 quyển
TRẦN NAM TIẾN - LÊ THỊ TRÂM ANH - TRẦN LÊ TƯỜNG ANH		25 quyển

Gia đình LÊ THỊ LAN ANH NGUYỄN NGỌC ĐIệp		15 quyển
LÊ THỊ QUỲNH ANH - PHÓ QUỐC ĐĂNG - AMY		15 quyển
NGUYỄN VĂN SƠN - NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG - NGUYỄN ÁI ĐIỂM THI		10 quyển
Gia đình NGUYỄN HỮU PHÒNG		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ HẠNH		10 quyển
Gia đình VŨ THỊ CHI	Diệu Diệu	20 quyển
Gia đình chị MƯỜI	Diệu Thiện	10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN TỐT hồi hướng HI HUỲNH THỊ LỜI HI Cha NGUYỄN VĂN TỨ		25 quyển
Cụ TẠ THỊ Y	Ngộ Ngọc	10 quyển
Gia đình TẠ THỊ GHÉT		10 quyển
Gia đình CHÂU TIÊN	Quý Ngọc	10 quyển
Gia đình HỒ VĂN THÔI		10 quyển
Gia đình CHÂN SÚ BÚI		10 quyển
Gia đình TRƯƠNG PHÚ TINH		5 quyển
Gia đình TRƯƠNG LINDA		5 quyển

Gia đình CHÂU THU HỒNG		10 quyền
Gia đình CHÂU HOA		10 quyền
Gia đình LA HUÊ		10 quyền
CHÂU ĐIỂM HẰNG		5 quyền
CHÂU CHÍ BÌNH		5 quyền
CHÂU CHÍ VỊNH		5 quyền
CHÂU SÚ LINH		10 quyền
CHÂU THANH HƯƠNG		10 quyền
CHÂU HOÀNG HẢI		10 quyền
CHÂU MỸ HOA		10 quyền
CHÂU MỸ LAN		10 quyền
CHÂU SÚ KHIÊM		10 quyền
CHÂU THÚY NGÀ		10 quyền
NGUYỄN VĂN PHƯỚC		10 quyền
CHÂU HÒA MINH		10 quyền
HỒ TRI CHÂU		5 quyền
HỒ CHÂU ĐỨC		5 quyền
HỒ CHÂU LỘC		5 quyền
HỒ CHÂU DANH		5 quyền
Gia đình NGÔ XUÂN LIỄU		10 quyền
Gia đình LÝ KIM MAI		10 quyền
Gia đình LÝ CẨM NHUNG		10 quyền

Gia đình LÝ KIM THẨM		10 quyền
Gia đình cô LOAN	Thu Ngọc	10 quyền
Gia đình LÂM HOÀNG YẾN LƯU TÀI	Quảng Thanh	10 quyền
Gia đình chị DIỆU KIM		10 quyền
Gia đình bà LAI THỊ TẮC HẠNH		10 quyền
Gia đình cô QUẢNG ĐẠO hồi hướng Hl. TRẦN DUY TÂN		10 quyền
Gia đình cô QUẢNG YẾN		10 quyền
Gia đình HỒNG NGUYỄN ALAMEDA	Quảng Diệu Ngọc	10 quyền
Gia đình cô BÍCH	Quảng Ngọc	10 quyền
Gia đình LÊ TRẦN BÍCH CHI KIM HẢI	Chân Diệu Lạc	10 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ CHÍN (Lâm Quế Anh)		10 quyền
Gia đình cô NGỌC HÓA		5 quyền
Gia đình LÝ TRUNG TÂM		5 quyền
Gia đình LÝ TRUNG THÀNH		5 quyền
Gia đình LÝ KIM TƯƠI		10 quyền
Gia đình LÊ CỎ BÍCH		10 quyền

Gia đình NGUYỄN VĂN TÂN		10 quyền
Gia đình cô TRÍ NGỌC (Hayward)		10 quyền
Gia đình LÊ THỊ HÒA	O Chin Ya	10 quyền
THANH TỊNH hồi hương Hl. BÙI KIM	Diệu Thông	10 quyền
Gia đình DIỆU XUÂN		10 quyền
Gia đình LÂM CHIÊU		10 quyền
Gia đình QUÁCH MỸ CHÂU		25 quyền
Gia đình THẢO - MINH - BÌNH		30 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ BẠCH PHƯƠNG cùng chồng và các con		50 quyền
Gia đình Cô VÂN Chú TÀI (tiệm Song Hỷ)	Dolma Dorze	50 quyền
Gia đình LÊ THỊ TUẤT	Tịnh Niệm	7 quyền
Gia đình HOÀNG THỊ NGA	Chúc Hòa	50 quyền
Gia đình UÔNG THỊ VÂN	Diệu Viên	10 quyền
Gia đình LA KHOA LẬP		12 quyền
Gia đình PHAN THỊ TUYẾT hồi hương Hl. NGUYỄN HỮU TÍN Hl. NGUYỄN HỮU KEVIN	Diệu Xuân Quảng Thành Quảng Viên	25 quyền
Gia đình HÀNG ANH DU (Ma Connie)		10 quyền

Gia đình LƯU TUYẾT MAI	Diệu Quang	10 quyền
Gia đình THÁI NHUẬN TU		25 quyền
Gia đình LÝ BÍCH DUNG	Ngọc Đức	10 quyền
Gia đình TĂNG ANH HOA		10 quyền
TRẦN THỊ LAN (Nguyên Hoàng)		3 quyền
Gia đình Bà RIỆU	Diệu Hòa	3 quyền
Gia đình Bà BÀNH		1 quyền
NHÓM CÔ THANH TỊNH và CÔ DIỆU VIÊN		
Gia đình DIỆU AN		25 quyền
Gia đình QUANG LIÊU		19 quyền
Gia đình QUẢNG TÍN		15 quyền
Gia đình DIỆU HUÊ (Tâm)		15 quyền
Gia đình QUẢNG MINH		10 quyền
VÔ DANH		10 quyền
Gia đình ÂU NÁI		10 quyền
Gia đình LIÊU HUI TRINH		10 quyền
Gia đình LIÊU HUI NGHIÊM		10 quyền
Gia đình LIÊU VĂN QUANG		10 quyền
Gia đình LÝ NGUYỆT HƯƠNG		10 quyền
Gia đình QUẢNG DIỆU NHẬT		10 quyền

Gia đình DIỆU THÀNH		10 quyền
Gia đình Cô HOA		10 quyền
Gia đình BÙI THỦY	Diệu Thanh	10 quyền
Gia đình QUẢNG NGHIÊM		10 quyền
Gia đình Bác GIÁC		10 quyền
Gia đình Chị QUANG		10 quyền
Gia đình THÚY MAI		10 quyền
Gia đình DIỆU XUÂN		10 quyền
Gia đình LÂM KIÊN		10 quyền
Gia đình LÂM CÔNG ĐĂNG		5 quyền
Gia đình ĐỖ XUÂN THIÊN		5 quyền
Gia đình ĐỖ QUANG TRUNG		5 quyền
Gia đình Cô DUNG		5 quyền
NHÓM CÔ TỊNH QUANG		
TENZIN THUBPA - PHU DUNG	Tịnh Quang	21 quyền
Sư cô PHÁP HY (Thụy Điền)		14 quyền
DIEU TIEN		7 quyền
LU DONG THUAN	Đông Tho	21 quyền
Ông bà NGUYEN THI LIENGRUNG SOUR		30 quyền
CO VIEN DO		21 quyền

HUA VAN HUY (71 tuổi)		14 quyền
HUA VAN MINH		3 quyền
HUA THU PHUONG		3 quyền
HUA TU HUONG		3 quyền
HUA THU NGUYET		3 quyền
HOANG TO ANH	Giác Quang	14 quyền
NGUYEN VAN MOI	Giác Hưu	14 quyền
CO VIEN HIEN		7 quyền
CO VIEN HANH		7 quyền
HUYNH THI CUC	Diệu Thuận	21 quyền
TENZIN DUMCHIO - LINH KHIEM		7 quyền
CO SAU	Ngọc Thiện	14 quyền
VO DANH		21 quyền
DIEU LY		3 quyền
NGUYEN THUA		7 quyền
QUANG LAI		3 quyền
CO DAI	Tri Khiem	21 quyền
MY ANH THAIN		7 quyền
BANH TRI HUNG		7 quyền
BANH LE MAI		7 quyền
BANH LE THUY		7 quyền
BANH TRI QUYEN		7 quyền
BANH MY LINH		7 quyền
BANH TRI THANH		7 quyền
BANH MY THANH		7 quyền
TRAN KIM THANH		3 quyền
DIEU HOA		3 quyền
LE VAN THI		7 quyền
LE KIM HOA		7 quyền
DIEU PHUC		3 quyền

DIEU THUY		7 quyền
VO DANH		3 quyền
VOONG SENH SEN		7 quyền
MINH HOA		7 quyền
MINH DAI		14 quyền
Gia đình HOANG NGUYET LINH - TO HUYNH CHI hội hướng HI. TO GIA AN	Giac Binh	54 quyền
CO DONG	Chuc Thanh	3 quyền
CO UT (Manchester)		14 quyền
DIEU AN		7 quyền
NGUYEN VAN AN		7 quyền
NGUYEN VAN THINH		7 quyền
Gia đình CO PHAP CHAN		21 quyền
Gia đình BA THAI	Dieu Phuoc	7 quyền
ĐÀO THANH HỮU (Thụy Điển)		30 quyền
Gia đình NGỌC LIÊN	Ly Ha	20 quyền
TỔ HAI		20 quyền
VÔ DANH		20 quyền
Gia đình ĐẶNG THỊ HƯƠNG hội hướng HI ông LƯƠNG TÀI LINH		20 quyền
Gia đình PHÙNG THỊ GIÁC	Diệu Ân	10 quyền
Gia đình HUỆ NIỆM		10 quyền
Gia đình GIÁC VÂN		5 quyền

Gia đình ĐẶNG THỊ LỆ		5 quyền
NHÓM CÔ CHÚC NHỤY		
Sư Cô QUẢNG TỊNH (Niệm Phật đường Phật Quang)		100 quyền
Gia đình CHÚC NGỘ		100 quyền
Gia đình TỊNH QUẢ		50 quyền
Gia đình TẮC VĂN và DIỆU HUYỀN		50 quyền
Gia đình DIỆU NGUYỆT		50 quyền
Gia đình TỊNH PHỤNG		50 quyền
PHÁP NHÃN và CHỨC NHỤY		25 quyền
DIỆU HIỀN (90 tuổi)		25 quyền
Gia đình ĐỨC HỒNG		25 quyền
Các con của CHIẾU THỤ		25 quyền
Gia đình NGỌC NHƯ		25 quyền
Gia đình NGUYỄN PHƯƠNG		10 quyền
NGUYỄN HOA - NGUYỄN TRƯỜNG		10 quyền
Gia đình CHIẾU HÒA		10 quyền
Gia đình DƯƠNG NHÂN TÀI		10 quyền
Gia đình NGUYỄN NGHIÊM		10 quyền
Gia đình DIỆU PHƯỚC		5 quyền

Gia đình NHƯ TUỆ		5 quyền
Gia đình DIỆU THANH		5 quyền
Gia đình THANH NGỌC		5 quyền
Gia đình DIỆU TỬ		5 quyền
NHÓM CÔ DIỆU NGA		
Phật tử DIỆU NGA		100 quyền
Đại đức THÍCH PHÁP THE		30 quyền
Phật tử TINH NIEM		30 quyền
Phật tử NGUYEN NHU		30 quyền
Phật tử DIEU QUY - TRI THUAN		30 quyền
Phật tử DIEU THANG Phật tử PHUC THANG		30 quyền
Phật tử DIEU CHUYEN		30 quyền
Phật tử NGUYEN XA		30 quyền
Phật tử NGUYEN VU		30 quyền
Phật tử TINH NIỆM		30 quyền
Phật tử LỆ CHÁNH		30 quyền
Sư cô PHÁP THE		30 quyền
Phật tử DIEU CHUYEN cầu siêu Hl. DONG VAN CHUNG		30 quyền
Phật tử CHAU		15 quyền

Phật tử DAT DIEU		15 quyển
Phật tử DIEU DIEN		15 quyển
Phật tử VIEN HIEP		15 quyển
Phật tử NGUYEN BINH TUYEN		15 quyển
Phật tử CHUC TANH		15 quyển
Phật tử DIEU NGHI		15 quyển
Phật tử NGUYEN LINH		15 quyển
Ni Co HY AN		15 quyển
Phật tử DIỆU LỢI		15 quyển
Ni Co THONG HUE		12 quyển
Phật tử NHAT HOA		12 quyển
Phật tử LAM TRI KHON		12 quyển
Phật tử CHAN TAM		9 quyển
Phật tử PHUC THANH		6 quyển
Phật tử DUC		6 quyển
Phật tử MINH TRI		6 quyển
Ni Co HY LAC		6 quyển
Phật tử DIEU CHAU		6 quyển
Phật tử NGUYEN TRANG		6 quyển
Phật tử HUNG		6 quyển
ÂN DANH		6 quyển
DHAM MO		3 quyển
Phật tử DIEU TIEN		3 quyển

Phật tử NGUYEN DUNG		1 quyền
Phật tử HONG HOA		1 quyền
Phật tử NGUYEN THIEU		1 quyền
Gia đình HI PHẠM BÌNH Gia đình HI PHẠM NHƠN Phật tử PHẠM KIM THỊNH Phật tử CHU TAM CƯỜNG Phật tử CHU TAM KHÔI Phật tử CHU CẨM TÚ		120 quyền
NHÓM CÔ CÁT TƯỜNG		
Gia đình CÁT TƯỜNG		150 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM HỒNG	Chúc Hưng	200 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH	Chúc Ngọc	100 quyền
Gia đình NGUYỄN QUANG THIỆN		150 quyền
Gia đình Bà NGUYỄN THỊ CHÍNH		100 quyền
Gia đình Chị BÙI THỊ LÀNH		100 quyền
Gia đình Chị TRẦN THỊ NẾT		50 quyền
Gia đình TRANG		50 quyền
NGUYỄN THỊ THANH (Arizona - Mỹ)		50 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ MỆO		25 quyền

Gia đình anh LỘC		25 quyển
Gia đình Chị NGÔ BẠCH VÂN		25 quyển
Gia đình Chị LÊ THỊ THANH		10 quyển
Gia đình MANG VIÊN BẢO		10 quyển
Gia đình ĐẶNG VĂN BÉ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN QUỐC ẮN		10 quyển
Gia đình NGUYỄN PHƯƠNG CÁC		10 quyển
Gia đình VÕ VĂN TÀI		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGOAN		5 quyển
Gia đình BÙI THIÊN SỨ		5 quyển
Gia đình LISA		5 quyển
Gia đình Mr. TED KUHN		1 quyển
NHÓM HÀ NỘI		
NGUYỄN THỊ NHƯ'	Diệu Tâm	50 quyển
PHAN NGỌC THANH	Chúc Nhất	20 quyển
NGUYỄN THỊ NGÀ	Hoa Đức	12 quyển
PHẠM THU HIỀN	Hoa Đạo	10 quyển
NGUYỄN THANH QUỲNH	Hoa Đạo	10 quyển
VŨ THỊ THI	Hoa Đạo	10 quyển
NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG		10 quyển

PHẠM NGỌC CHÂN		10 quyển
PHÙNG THỊ LAN		10 quyển
PHẠM XUÂN THIỀU		10 quyển
LÂM TUYẾT MAI	Chúc Loan	10 quyển
TRẦN THỊ CHU	Chúc Viên	10 quyển
TRẦN THỊ PHƯỢNG		10 quyển
TÂN	Hoa Đức	7 quyển
VŨ THỊ LÂU	Hoa Đức	7 quyển
NGÔ THỊ THANH LỊCH	Hoa Đạo	5 quyển
VŨ THỊ MAI	Hoa Xuân	5 quyển
NGUYỄN THANH HÀ		5 quyển
NGUYỄN THỊ XUÂN	Hoa Tâm	5 quyển
CÔNG THỊ HỢP (chúng A Nan)		5 quyển
NGUYỄN VIỆT ANH		5 quyển
LÊ NGỌC TUYẾT	Hoa Đức	5 quyển
NGUYỄN THỊ CHINH	Hoa Trí	3 quyển
VI KIM PHONG	Hoa Thiện	3 quyển
VŨ THỊ THANH TỰ	Diệu Tiến	3 quyển
BÙI THỊ MINH		3 quyển
BÙI THỊ CHANH	Hoa Tâm	3 quyển
NGUYỄN THỊ HẠNH	An Chính	3 quyển
ĐỖ THỊ NGỌC		3 quyển
TRẦN THẾ HÙNG		3 quyển
HÀ THỊ NHIỄU		3 quyển
TÔ MINH LOAN	Hoa Minh	3 quyển
TRẦN NGUYỆT		3 quyển
ĐỖ THỊ BIỂU	Hoa Thiện	3 quyển
NGUYỄN NHÀN	Hoa Hạnh	3 quyển

ĐẶNG THỊ LOAN (chúng Diệu Âm)		2 quyền
NGUYỄN THỊ CHỨC		2 quyền
PHẠM THỊ HUỆ	Hoa Trí	2 quyền
TẠ THỊ DẬU (Diệu Trang Nghiêm)		2 quyền
ĐINH THỊ ĐIỂM	Hoa Thiện	2 quyền
PHẠM MINH SINH	Hoa Phước	2 quyền
NGUYỄN THỊ HẠNH	An Chính	2 quyền
NGUYỄN THỊ VƯỢNG		2 quyền
NGUYỄN THỊ TẾ	Hoa Thiện	2 quyền
VŨ THỊ THƯỢNG		2 quyền
VŨ THỊ NHÂM (chúng Dược Thượng)		2 quyền
QUÁCH THỊ THUẬN		2 quyền
PHẠM THỊ THÀNH		2 quyền
HOÀNG LỆ HƯỜNG		2 quyền
CAO THỊ DUNG		2 quyền
PHẠM HỒNG QUÂN	Pháp Thiện	1 quyền
TRƯƠNG BẠCH YẾN		1 quyền
TRẦN THỊ HÙNG (chúng Q. Thế Âm)		1 quyền
VŨ THỊ NGÂN	Hoa Quang	1 quyền
NGUYỄN DUY	Hiển Đức	1 quyền
NGUYỄN TRỌNG SƠN	Pháp Đức	1 quyền
NGUYỄN TRỌNG KHÁNH		1 quyền
TRẦN THỊ XUÂN	Hoa Tâm	1 quyền
NGUYỄN THỊ VINH	Hoa Minh	1 quyền
PHẠM THỊ NHUẬN		1 quyền
TRẦN THỊ THẢO		1 quyền
NGUYỄN THỊ MẶN		1 quyền
ĐỖ THỊ HỒNG		1 quyền
PHẠM THẾ SƠN		1 quyền
VŨ THỊ LUYỆN		1 quyền
VŨ THỊ HUYỀN MY		1 quyền

VŨ THỊ HÀ MY		1 quyển
LÊ THỊ NGỌC		1 quyển
VŨ THỊ THANH HÀ		1 quyển
VŨ THỊ HUYỀN NGỌC		1 quyển
VŨ THANH TÙNG		1 quyển
VŨ THỊ LIÊN		1 quyển
QUÁCH HUÂN TÀI		1 quyển
NGUYỄN THỊ NGHĨA	Hoa Đạo	1 quyển
PHAN THỊ LỢI	Hoa Huệ	1 quyển
CAO THANH VIỆT		1 quyển
ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Pháp Hiếu	1 quyển
TRẦN THỊ SÁU	Hoa Đức	1 quyển
NGUYỄN THỊ TUẤT		1 quyển
BÙI THỊ CẢNH	Diệu Phúc	1 quyển
ĐÀO THỊ LOAN	Hoa Minh	1 quyển
NGUYỄN HỒNG LÊ TUYẾT MINH		1 quyển
TẠ MINH THU		1 quyển
VĂN PHÒNG TỔ ĐÌNH QUÁN THỂ ÂM		
DIỆU LIÊN (Cao nguyên)		100 quyển
CỤ DƯƠNG THỊ TƯỜNG và các con	Diệu Vân	100 quyển
Gia đình Phật tử TUỆ AN		100 quyển
NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG		100 quyển

Gia đình quý vị BIÊN THỊ THUỜNG - BIÊN THỊ KIỀU - NGUYỄN THỊ KIM LIÊN - NGUYỄN THỊ SỬ - NGUYỄN NGỌC ĐÁP - NGUYỄN NGỌC THIÊN - NGUYỄN NGỌC ĐÊN - TRẦN THỊ DUYÊN - NGUYỄN NGỌC THÙY DIỄM - NGUYỄN QUỐC ĐẠT		88 quyển
Đoàn bát quan trai Tịnh xá NGỌC TÂM		70 quyển
Gia đình VÕ ĐÀO NGUYỄN		70 quyển
Gia đình Phật tử MI HỒNG		68 quyển
Gia đình HUỖNH MINH KHOA		67 quyển
Gia đình LẠI THỊ MAI		60 quyển
NGUYỄN THỊ LƯỢM - BÙI TẤN KIỆT - BÙI HƯỚNG DƯƠNG		52 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LÝ	Chúc Chơn	50 quyển
Gia đình KIM SEN MƯỜI		50 quyển
Gia đình NGUYỄN CÔNG CẬN NGUYỄN THỊ LIÊN		50 quyển

Gia đình NGUYỄN NGỌC THANH ĐẶNG THỊ TUYẾT HOA		50 quyển
Gia đình TRẦN ÁNH NGUYỆT TRẦN QUỐC HÙNG		50 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGOAN		50 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NÉT		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BẠCH MAI		50 quyển
Gia đình Ông LÊ HOÀNG ANH LÊ LAN ANH	Trí Tuấn Trí Minh	45 quyển
Gia đình PHẠM THỊ MÙI		37 quyển
Gia đình Phật tử NGỌC và CHI		34 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CƠ	Minh Thừa	34 quyển
Gia đình LẠI THỊ ĐẶNG THANH	Diệu Hiếu	34 quyển
Gia đình LÊ THỊ HOA	Chúc Pháp	30 quyển
Gia đình PHẠM TIẾN QUỲNH	Chúc Nhuận	30 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ SƠN		27 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HỒNG	Chúc Ân	25 quyển
Gia đình NGUYỄN KHÁNH MINH	Chúc Hải	25 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUÂN		25 quyển

Ông bà ĐẶNG XUÂN XOÀI - HỒNG VÂN - ĐẶNG HỒNG PHƯƠNG		25 quyển
Gia đình DƯƠNG KÝ MINH		20 quyển
Gia đình Bà LÊ THỊ MINH	Diệu Chánh	20 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HƯƠNG		20 quyển
BÙI THỊ LƯƠNG - BÙI THỊ PHÚC		20 quyển
Gia đình TRẦN THỊ SÁCH	Chúc Bảo	20 quyển
Gia đình LÊ CÔNG HỨC	Chúc Khải	20 quyển
Đại đức THÍCH CHỨC PHƯỚC		20 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LỢI	Chúc Dưỡng	20 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN NỈ		17 quyển
Gia đình PHẠM THỊ THANH THỦY	Diệu Nguyệt	17 quyển
Gia đình PHẠM THỊ OANH	Diệu Thanh	17 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ THỨC		17 quyển
Gia đình Cô DIỆU ĐẠO		17 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THANH KÍNH		17 quyển
Gia đình cô PHẠM THỊ HOA MAI	Chúc Thái	17 quyển
Gia đình cô NGUYỄN THỊ HƯƠNG		17 quyển
DIỆU TÍN - NGUYỄN KHÁNH NGỌC		17 quyển

Gia đình HỒ CHUYÊN NGUYỄN THỊ KIÊN	Quảng Ngộ Diệu Hiền	16 quyển
Gia đình PHẠM THỊ THÙY HƯƠNG	Chúc Giới	16 quyển
Gia đình ông LÊ VĂN ĐÀO - NGỌC TRƯỜNG LÂM - VŨ ĐĂNG KHOA		15 quyển
Gia đình quý vị NGUYỄN THÀNH ĐẠT - TÂM XOAN - TÂM NGỘ - TÂM BÍCH - DIỆU NGỌC		15 quyển
Tả quân LÊ VĂN DUYỆT		14 quyển
Gia đình PHẠM THỊ LIÊN		13 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THỦY		13 quyển
Gia đình TRẦN BÍCH PHƯƠNG		13 quyển
Gia đình DIỆP XUÂN - PHẠM THỊ LOAN - PHẠM ĐÌNH SÓ		12 quyển
Gia đình HL. bà HỒ THỊ VINH	Diệu Hoa	12 quyển
Gia đình cô CHÚC QUÝ		12 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM LOAN		11 quyển
Gia đình LÊ TUẤN TÚ		11 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ VINH	Chúc Hiền	10 quyển
NGUYỄN THỊ TRÚC QUỲNH		10 quyển

Gia đình NGUYỄN THỊ HANH		10 quyền
Gia đình PHÙNG THỊ XUÂN LAN	Tuệ Minh	10 quyền
Gia đình HUỖNH NGỌC CÂN		10 quyền
Gia đình TRIỆU TUYẾT DUY	Chúc Ngô	10 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ NHU	Chúc Thanh	10 quyền
Gia đình VÕ THỊ LỆ	Chúc Minh	10 quyền
Gia đình PHÙNG THỊ TÁM		10 quyền
LƯƠN DA CẨM - LƯƠN KIM YẾN		10 quyền
ĐỖ THỊ ANH - LƯƠN THỊ TƯỜNG		10 quyền
Gia đình THIÊN NGA		10 quyền
Gia đình LÊ THỊ THƠM	Diệu Huệ	10 quyền
Gia đình LA HON		10 quyền
Gia đình LA KIM THẠNH		10 quyền
Gia đình Cô DIỆU HUỆ		10 quyền
Gia đình Phật tử CHÚC LUẬN		10 quyền
Gia đình DƯƠNG THỊ MINH HIỂN	Diệu Phước	10 quyền
Gia đình Cụ KIM		10 quyền
Phật tử CHÚC PHÁP		10 quyền
Phật tử CHÚC THÙY		10 quyền

Gia đình HỒNG SEN		10 quyển
Gia đình MAI THỊ CÀI	Đồng Hội	10 quyển
Gia đình DIỆU COI		10 quyển
Gia đình HỒ THỊ TỰ		10 quyển
Gia đình DIỆU BÍCH		10 quyển
Gia đình DIỆU NGŨ		10 quyển
Gia đình VÕ THỊ BẠC	Chúc Thuận	10 quyển
Chúng Hòa thượng MẬT NGUYỄN		10 quyển
Gia đình LÊ THỊ MỸ DUNG	Chúc Hiệp	10 quyển
Gia đình HUỖNH THỊ KIM ANH	Chúc Khuê	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CHÂM	Hoàng Xuyên	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NGUYỆT	Chúc Hy	10 quyển
Gia đình LÊ THỊ CẨM VÂN	Chúc Long	10 quyển
Gia đình LÊ THỊ MỸ NGỌC	Chúc Trí	10 quyển
Gia đình PHAN THỊ LIỄU		10 quyển
Gia đình NGUYỄN PHÚC THỌ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN CHÂU KIM THƯ	Chúc Tri	10 quyển
Gia đình TRƯƠNG QUỐC QUANG LƯU THANH HÁN		10 quyển

Gia đình THIÊN NIỆM - NHƯ HOA		10 quyển
Gia đình THỦY		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ DĨ		10 quyển
Gia đình NGUYỄN VĂN THANH	Diệu Đạt	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ TOÀN	Diệu Thắng	10 quyển
Gia đình NGUYỄN TRUNG HIẾU	Đức Thuận	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THẢO NGUYÊN		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ LAN	Diệu Bảo	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁNH	Quảng Nguyệt	10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THANH TÂM		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ CHẤN	Diệu Thật	10 quyển
Gia đình TRỊNH THANH HOÀNG	Chúc Huy	10 quyển
Gia đình Ông TRẦN CÔNG NGOAN		10 quyển
Gia đình HÀ THỊ ÉN	Chúc Hải	10 quyển
Gia đình Hương linh PHÍ THỊ MỄ	Diệu Thái	10 quyển
Gia đình TRẦN MINH PHƯƠNG NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Huệ Bình	10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THỌ	Chúc Đức	10 quyển
HỒ BẮC - TÔ NGÀ - HỒ LONG		10 quyển

Gia đình Cô CHỨC KHIÊM		10 quyển
Gia đình quý vị THÁI THỊ NGỌC XOÀN - NGÔ NGỌC HƯƠNG - HÀ THANH TRÚC - HÀ ĐỨC DŨNG - HÀ ĐỨC TRÍ		10 quyển
Gia đình TRẦN VĂN QUẾ Gia đình NGUYỄN VĂN LOAN		10 quyển
Gia đình PHÙNG THỊ HƯỜNG		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HÓN	Diệu Hân	10 quyển
Gia đình BÙI THỊ KIM PHƯỢNG	Diệu Huệ	10 quyển
Gia đình TRẦN ĐỨC PHONG		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ BÍCH	Chúc Nguyệt	10 quyển
Gia đình TÔN NỮ THỊ DINH	Ngọc Đoan	10 quyển
Gia đình cô QUẾ CHI		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ HUỲNH HOA		10 quyển
Gia đình PHAN THỊ HUỲNH MAI		10 quyển
Gia đình DƯƠNG THỊ THÁI BÌNH		10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ THANH LỆ		10 quyển
Ông MÃ THÀNH KÍNH và các con	Chúc Pháp	10 quyển
Gia đình cô THÁI CẨM LỆ	Chúc Thanh	10 quyển

Gia đình NGUYỄN QUỐC VIỆT		10 quyền
Gia đình PHẠM THỊ THANH THỦY	Diệu Nguyệt	10 quyền
Gia đình ĐẶNG THỊ ĐỆT		7 quyền
Gia đình Cô THANH NGUYỄN THỊ KIM PHƯƠNG		7 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ VINH		7 quyền
Gia đình NGUYỄN HOÀNG PHONG		7 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ ANH MẠC THỊ THÀNH		7 quyền
Gia đình LẠI THỊ ĐĂNG VÂN	Chúc Long	7 quyền
Gia đình HÀ NGỌC CHIẾU		7 quyền
Gia đình TRẦN NGỌC HÂM		7 quyền
Gia đình Cô VŨ MỘNG LAN		7 quyền
Gia đình TÔ THỊ CHIÊM	Diệu Thông	7 quyền
Gia đình DUƠNG THỊ DUNG	Diệu Nhan	7 quyền
Gia đình TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN		7 quyền
Gia đình BUI THỊ GÁM		7 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ DUNG		7 quyền
Gia đình bà ĐỖ THỊ ĐẠT		7 quyền
Gia đình LÊ THỊ KIM ANH	Diệu Nguyệt	7 quyền

Gia đình ĐẶNG TUYẾT MAI	Diệu Thiện	6 quyển
Gia đình HUỖNH BẠCH NƯƠNG Gia đình HUỖNH KIM HUÊ		6 quyển
LƯƠNG SIÊU - ĐẶNG TUYẾT MAI		6 quyển
Phật tử Liên chúng TỊNH ĐỘ		6 quyển
Gia đình LÝ THỊ HAI		5 quyển
Gia đình Ông NGUYỄN XUÂN GIAI và bà QUYẾN		5 quyển
Gia đình Cô MIÊN		5 quyển
Gia đình DIỆU NGUYỄN		5 quyển
Gia đình TỊNH HOA		5 quyển
Gia đình NGUYỄN HẢI YẾN	Diệu Hà	5 quyển
Gia đình Phật tử CHỨC THÔNG		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HỒNG		5 quyển
Gia đình LƯU THỊ BẢY	Huệ Phước	5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ CHU	Chúc Viên	5 quyển
Gia đình TRỊNH THỊ A	Diệu Phi	5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ HƯỜNG		5 quyển
Gia đình TRƯƠNG THỊ MINH	Chúc Ánh	5 quyển
Gia đình NGUYỄN CẨM VÂN		5 quyển
Gia đình NGUYỄN NGỌC TRINH	Chúc Tường	5 quyển

Gia đình VŨ KIM OANH	Diệu Hoa	5 quyển
Gia đình NGUYỄN TRỌNG QUÂN		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ OANH	Diệu Minh	5 quyển
Gia đình LÊ THỊ NGỌC AN	Chúc Trang	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ MÚI	Chúc Hiền	5 quyển
Gia đình NGUYỄN HỒNG CHIẾN		5 quyển
Gia đình Cô DIỆU ĐỨC		5 quyển
Gia đình FÔNG KIM CHUNG		5 quyển
Gia đình TRÂM	Chúc Châu	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ LIÊN	Diệu Huệ	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ LỘC	Diệu Phước	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HOA	Chúc Nguyên	5 quyển
Gia đình MÃ THU HỒNG	Quảng Hương	5 quyển
Gia đình LƯƠNG MUỐI		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THANH HÀ		5 quyển
Gia đình NGUYỄN NGỌC CHÂU		5 quyển
Gia đình TRẦN NGỌC MAI		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁNH	Diệu Từ	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	Diệu Giác	5 quyển

Gia đình NGUYỄN THỊ BÍCH HẢO	Chúc Dung	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG		5 quyển
Gia đình CHÚC THƯỜNG		5 quyển
Gia đình ĐẶNG THỊ LÊ	Nguyên Lý	5 quyển
Gia đình TÂM HƯƠNG		5 quyển
Gia đình NGUYỄN ANH DUNG		5 quyển
Gia đình NGUYỄN TRUNG BỬU CHÂU THỊ ĐOÀN LIÊN	Chúc Hiệp	5 quyển
Gia đình CHÚC KÍNH		5 quyển
Gia đình PHẠM HỒNG NHẤT	Diệu Lộc	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ HUỆ	Chúc Chương	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ ÁI		5 quyển
Gia đình VÕ THÀNH LẦN		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ MỸ DUNG	Chúc Diệu	5 quyển
Gia đình HÀ KIM DANH		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ NHI	Chúc Dưỡng	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HUỆ	Ngọc Thiện	5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ CHÂU	Diệu Ngọc	5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HỨA	Diệu Lý	5 quyển
Gia đình TRẦN THU NIÊN		5 quyển

Gia đình TRƯƠNG NHƯ MINH		5 quyển
Gia đình cô LÊ TUYẾT NGÀ		5 quyển
Gia đình cô DIỆU THIÊN		5 quyển
Gia đình HOÀNG THỊ CHỨC	Chúc Ân	5 quyển
NGUYỄN QUANG LỆ TRINH		5 quyển
Gia đình TRỊNH THỊ TỐ HOA		5 quyển
Gia đình PHẠM THỊ YÊN		5 quyển
Gia đình ĐỖ THỊ NHUNG		5 quyển
Gia đình HOÀNG LẠI HÙNG		5 quyển
Gia đình NGUYỄN MINH TUẤN		5 quyển
Gia đình DIỆU NGỘ		5 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HOÀI	Chúc Niệm	5 quyển
Gia đình TRẦN TIẾN DƯƠNG		5 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NGỌC NHUNG		5 quyển
Gia đình NÔNG THỊ LIÊN		50 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ Á	Chúc Liên	50 quyển
Gia đình VÕ THỊ HUỆ		
Gia đình VÕ THỊ LẠC		20 quyển
Gia đình bà HÀ THỊ LÊ và con TRẦN MINH		10 quyển

Gia đình ông bà KHÔNG MINH - TRẦN QUẾ ANH cùng các con		10 quyển
Gia đình ông bà NGUYỄN KIM HOÀNG - TRẦN TUYẾT MAI		10 quyển
Gia đình TRẦN TY		10 quyển
Gia đình ông bà LÝ PHI SƠN - TRẦN THỊ LAN		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Diệu Liễu	10 quyển
Gia đình bà BÙI THỊ ĐÁO	Diệu Huệ	10 quyển
TRẦN NGỌC MAI - TÔ THANH HUY		10 quyển
TRẦN VĂN TỶ - MAI THỊ HẠNH		10 quyển
Gia đình TRẦN VĂN PHÁT NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI		10 quyển
Gia đình TRẦN THỊ NGỌC LOAN TRẦN KHẢI HIỆP		10 quyển
Gia đình TRẦN KHẢI CƯỜNG PHAN BÍCH HẰNG		10 quyển
Gia đình ĐỖ THỊ SONG PHƯƠNG		10 quyển
Gia đình LÊ TUẤN HẢI		10 quyển
Gia đình NGUYỄN THỊ HƯỜNG		10 quyển

Gia đình NGUYỄN VĂN HUỆ		10 quyền
Gia đình TRẦN PHI VÂN		10 quyền
NGUYỄN THỊ THANH XUÂN		10 quyền
Gia đình TRẦN NGỌC LOAN		10 quyền
Gia đình CHÂU THỊ MỸ DUNG		7 quyền
Gia đình LÊ THỊ THÚY NGỌC	Lệ Hiếu	6 quyền
Gia đình HÀN VĂN PHONG	Tâm Vũ	5 quyền
Gia đình NGUYỄN THỊ KIM LONG	Lý Tắc	5 quyền
TT. THÍCH NGUYỄN TRÍ		5 quyền
Gia đình TRƯƠNG HUỆ TÂM		5 quyền
Gia đình THƯỜNG HUỆ PHƯƠNG		5 quyền
Gia đình THƯỜNG HANH		5 quyền
Gia đình TRẦN VĂN ĐÌNH		5 quyền
Gia đình Phật tử DIỆU HAI		5 quyền
Gia đình ĐOÀN THỊ SÁU		5 quyền
Gia đình CHÚC QUÝ		5 quyền

Những vị ấn tống bốn quyền: BÙI THỊ KIM OANH - TRẦN THỊ HƯỜNG - ĐẶNG THỊ KIM THỊNH - NGUYỄN TRÍ DŨNG - Gia đình ĐỖ THỊ MỸ DUNG - NGUYỄN HỮU CHÍN - NGUYỄN MÃN - ĐẶNG THỊ ẨM - HOÀNG THỊ DUNG - VIÊN SƠN và các con - CHÚC ĐẠT - LÊ THÀNH THÂN.

Những vị ấn tống ba quyển: PHẠM THỊ TUẤN - VŨ THỊ CHIÊN - HUỖNH THỊ TRÂM - PHẠM THỊ TUYẾN - NGUYỄN THỊ HỒNG - NGUYỄN THỊ THẢO - Gia đình ĐỖ HỒNG SƠN - Gia đình NGUYỄN TIẾN BAN - HUỖNH OANH - TỪ KIM OANH - CHÚC LỘC - LÝ VĂN MINH - HỨA THỊ TUYẾT SƯƠNG - CHÚC ĐỨC - NGUYỄN TÙNG - NGUYỄN THỊ BÍCH - DIỆU NGỌC - ĐẶNG THỊ BÍCH PHƯƠNG - HOÀNG PHƯƠNG - TRẦN VĂN HẬU - VƯƠNG PHỤNG - HÀ ANH - DIỆU TRÍ - PHÙNG NGỌC MINH PHƯƠNG - VƯƠNG THANH THỌ - NGUYỄN THỊ VƯỢNG - TRẦN THỊ HOA - HÀ VĂN NÊN - HÀ NGỌC CHÂU - GIANG TUYẾT VÂN - Gia đình cô ĐỨC HOA - HUỖNH THỊ HOA - Bà VŨ KIM NGỌC HUÊ - NGUYỄN THỊ THU VÂN - LÊ TRƯƠNG HẢI NHI - LÊ THỊ CÚC - DIỆU THẢO - HOA ĐỨC - LƯƠNG THỊ CỬA - NGUYỄN THÀNH ĐẠT - VƯƠNG THÁI BẢO - Gia đình TRẦN THU THỦY - Gia đình NGUYỄN NGỌC HUỖNH - BÙI THỊ NIÊN - Gia đình LÊ THỊ PHẤN - NGUYỄN THỊ NGỌC - MẠC THỊ HUỆ - NGUYỄN ANH ĐỨC - NGUYỄN THANH TUYỀN - DIỆU LÀNH - TUỆ SƠN - QUÁCH THỊ THỦY - NGUYỄN TRẦN NGUYỆT ANH - Gia đình NGUYỄN THỊ BẢO TRẦN - NGUYỄN THỊ NHAN - THỊ NGỌC - NGUYỄN THỊ OANH - Gia đình HI. LÊ ĐÌNH LẠNG - TRƯƠNG THỊ GIAO - NGUYỄN THỊ XUÂN - DIỆU HẠNH - DIỆU HƯƠNG - TRƯƠNG THỊ HOA - Gia đình KHÁNH TOÀN - ĐẶNG VĂN QUỐC - PHẠM THỊ TUẤN - VŨ THỊ CHIÊN - NGUYỄN THỊ THANH NGUYỆT - Gia đình TĂNG DUY BÌNH - QUANG DŨNG - NGUYỄN THU HÀ - HOÀNG THỊ CHI HƯƠNG (Diệu Thủy) - TRẦN PHƯỚC TÀI - Gia đình TRẦN VĂN HAI - LƯU ĐỨC TRÍ - NGUYỄN THỊ CHỮ.

Những vị ấn tống hai quyển: TRẦN THỊ VIÊN - TRẦN THỊ PHƯỢNG - ĐỒNG THỊ THỦY - PHÚ THỌ LIÊN - ĐẶNG THỊ THÚY - Cô NGUYỆN - Cô LỢI - Gia đình TUỆ MINH - Gia đình TUỆ ANH - NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP - LÊ THỊ CẬN - PHẠM AN MƯỜI - DƯƠNG THỊ XUÂN - TRẦN THỊ THANH THÙY - NGUYỄN VĂN QUAY - TRẦN THỊ LƯỢNG - NGUYỄN THÀNH TRUNG - NGUYỄN THANH HÙNG - TRẦN THỊ LƯỢNG, PHÙNG HUY PHÁT - PHÙNG HUY TÀI - PHÙNG THỊ HẠNH - PHÙNG HUY PHÚC - ĐOÀN KẾ TƯỜNG - PHÙNG THỆ HẠNH - NGUYỄN THỊ MÀU - CHÚC CẨM - NGUYỄN NGỌC THANH PHƯƠNG - PHẠM THỊ BÍCH LOAN - HOA MINH - PHẠM THỊ THẢO - THU NGỌC - ĐỨC PHƯỚC - DIỆU LINH - TRƯƠNG THỊ DƯƠNG - BẠCH THỊ HUỆ - BẠCH THỊ LAN - PHAN VĂN NGHĨA - PHAN THỊ ÁNH NGỌC - PHAN THỊ

XUÂN HƯƠNG - CAO THỊ THÌN - ĐẶNG LÊ THANH MAI - BÙI THỊ HIỂN - HẠNH TÂM - Gia đình VÕ VĂN GIÀU - ĐÀO BÍCH LIÊN - VŨ THỊ KIM OANH - NGUYỄN THỊ NGỌC - NGUYỄN TRUYỀN - TÂM HUỆ - CHIẾU HƯƠNG - TRẦN VĂN TRƯỜNG - Gia đình DIỆU GIÁC - PHAN LOAN - DIỆU HẠNH - NGỌC HẠNH - DIỆU HỸ - NGUYỄN THỊ TIÊN - NGUYỄN THỊ HỒNG - DIỆU THIÊN - HẠNH NHƯ - NGUYỄN THANH HÀ - MAI LAN - MAI THỊ THOM - VŨ THỊ ĐIỂN - PHAN VĂN HY - NGUYỄN HỮU NHU - THANH KIM - LÊ THỊ HƯỜNG - CHÚC LÂM - CHÚC HÀNH - TÂM NGHĨA - DIỆU MINH - TRƯƠNG NGỌC MAI - LÊ THỊ KIM ANH - CHÚC THỦY - ĐỖ THÚY HÀ - PHẠM THỊ LỆ THẢO - TỊNH NGỌC - NGUYỄN VĂN HIỀN - PHẠM THỊ TUYẾT - PHẠM THỊ CHÂU - TRẦN THỊ KIM THOA - CHÚC SƠN - CHẾ THỊ THANH VÂN - TRẦN THỊ NGỌC ÁNH - NGUYỄN THỊ DIỆP - CHÚC ĐIỂM - TRẦN THỊ MẠNH ANH - NGHIÊM THỊ HẠNH - NGUYỄN THỊ HOA ĐÀO - QUẢNG NHƯ - CẨM CÚC - TỊNH QUÁN - NGUYỄN ĐỘ - NGUYỄN TÀI - GIÁC TRÍ - CHÚC NHẢ - NGUYỄN VĂN TIẾP - NGUYỄN THỊ HỢP - NGUYỄN THỊ THÂN - CHÚC DUNG - HUỲNH YẾN LINH - ĐẠI MINH NGUYỆT - ĐÀM THỊ MỸ NGUYỆT - TRẦN HUỆ PHƯƠNG - Gia đình NGUYỄN XUÂN NƯƠNG - PHẠM THỊ CÚC - TÂM NGỘ - NGÔ KIM UYÊN - NGÔ DIỆU ANH - NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH - VŨ THỊ THOM - BÙI VĂN NGA - BIÊN THỊ KIỀU - TRỊNH THÚY VI - DIỆU THÀNH - NGUYỄN THỊ MỸ - CHÚC HƯƠNG - NGUYỄN TRỌNG HUYỀN - NGUYỄN NGỌC THANH YẾN - NGUYỄN THÁI HƯƠNG - NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY - NGUYỄN NGỌC SANG - NGUYỄN THỊ HƯỜNG - NGUYỄN MỸ HẰNG - HỒ THỊ EM - TRƯƠNG THỊ LOAN - NGUYỄN KHÁNH TÀI - NGUYỄN THỊ KIM KHUÊ - QUANG DŨNG - CHÚC KIM - NGUYỄN TRẦN NGUYỆT ANH - NGUYỄN KIM THÀNH - TÔ ÁNH NGUYỆT - NGUYỄN THỊ THANH XUÂN - NGUYỄN QUỐC THANH - DƯƠNG THỊ KIM THỦY - NGUYỄN KHÁNH TOÀN - CHÚC HIỆP - BÙI KIM THÚY - PHẠM HƯƠNG - LÊ THỊ XUÂN HẰNG - TRẦN ĐỨC CẬN - VŨ THỊ ĐÀO - NGUYỄN THỊ THANH TRÀ - NGUYỄN LỆ THỦY - ĐẶNG THỊ MUỚP - NGUYỄN THỊ THANH (Chúc Tịnh) - NGUYỄN THANH LÂM.

Những vị ấn tống một quyển: PHẠM VĂN LƯƠNG - ĐẶNG THỊ DẬU - CÔ ÊM - HOÀNG THỊ HỒNG - Gia đình NGUYỄN THỊ TUỆ LAN - Gia đình NGUYỄN TÂM NHƯ - Bà ĐÌNH THỊ XUÂN - PHẠM

THỊ HOÀNG - NGUYỄN THỊ NHẬT THANH - ĐỖ THỊ CHÍNH -
PHẠM AN NHÂN - PHẠM THỊ NGỌC HẠNH - LÊ ĐỨC XÚ - PHẠM
THỊ HOA - LÊ THỊ HẠNH - BÙI THỆ MAI - THANG QUỐC
CƯỜNG - THANG KIM THANH - THANG QUỐC BẢO - THANG
QUỐC NGỌC - BÙI LỆ QUYÊN - HUỲNH THỆ HOA - NGUYỄN
THỆ TUYẾT NHI - TÔ LẬP KIÊN - NGUYỄN SƠN VÙNG - TÔ THỊ
NGÀ - LÂM KIM ANH - LÂM KIM HUỆ - SÂM PHÁN QUÂN -
MẠCH PHÚ - ĐOÀN THỊ BẠCH - TẶNG TÔ TỬ - MẠCH TUYẾT
PHƯỢNG - MẠCH TUYẾT NHI - MẠCH CHÍ THÔNG - NGUYỄN
THỊ BÉ - NGUYỄN THỊ CỬA - ĐOÀN VĂN ĐOÀN - ĐOÀN VĂN
ĐANG - MẠCH TÙNG HUY - MẠCH BÁ HẢI - MẠCH BÁ DƯƠNG -
MẠCH PHỐI LINH - ĐOÀN VĂN CƯỜNG - TRƯƠNG TÔ HÀ -
TRƯƠNG VĂN CƠ - THÚY - LÊ THỊ NGỌC ẪN - BÙI THỊ VIỆN -
NGUYỄN MINH KHOA - TẠ THỊ PHƯƠNG DUNG - CHÚC THẠNH
- LƯƠNG THỊ XÍ - HẠNH NHẪN - HẠNH THANH - HẠNH HIẾU -
TRẦN THỊ KIM DUYÊN - PHAN THỊ BẢY - NGUYỄN THỊ HOÀNG
YẾN - TẶNG THỊ KHÁNH - PHẠM VĂN QUẾ - Gia đình HL.
NGUYỄN THỊ LƯỢM - CHÚC NHÀN - ĐỨC THIÊN - DIỆU
NGUYỄN - TRẦN THỊ NHÓN - TRẦN THỊ NĂM - TRẦN THỊ NHẬN
- HUỲNH CẨM HÀ - NGUYỄN THỊ XUÂN - PHẠM THỊ THỦY MAI
- NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH - NGUYỄN NGỌC CHÂU - LÊ
THÀNH THÂN - ĐỒNG NGHĨA - DIỆU THƠM - PHAN NGUYỄN
GIA BẢO - CHÚC DIỆU - DIỆU HOA - DIỆU THẢO - TRẦN VĂN
VANG - TRẦN VĂN THỊNH - NGUYỄN GIỚI - THANH CHÁNH -
DIỆU NHIÊN - DIỆU THIÊN - CHÚC HUẤN - CHÚC HÒA - HOA
THÀNH - CHÚC ẪN - NGUYỄN THỊ XIÊM - PHẠM THỊ TỬ -
PHẠM THỊ MƯỜI - PHẠM THỊ ÚT - BÙI PHAN NHẬT DUY -
NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH - TRẦN THỊ HẬU - TRẦN THỊ NỤ -
TRẦN THỊ DỪ - CHÚC HIỂN - ĐÀM MINH TRỌNG - PHẠM VĂN
CÓ - PHẠM VĂN CHÍ - PHẠM VĂN BÉ - THÁI THỊ VÂN - PHẠM
MẠNH HÙNG - PHẠM THU THỦY - PHẠM HÙNG CƯỜNG -
PHẠM CHÍ THÀNH - ĐÌNH THỊ CANH - CAO THỊ SÂM - PHẠM
HỒNG YẾN - TRẦN THỊ HẠNH - ĐỖ THỊ TƯỜNG - VŨ THỊ QUÁT
- TRẦN THỊ ANH THƯ - ĐÀO NGỌC THANH - NGUYỄN THỊ THU
VÂN - NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ - LÂM UYÊN HUỆ - DIỆU HỮU -
DIỆU TÂM - QUẢNG HÒA - QUẢNG CHÂU - HỒNG VINH - DIỆU
ĐỨC - CHÚC PHƯỢNG - LÊ THỊ HOÀNG OANH - HỒ THỊ DANH -
HỒ THỊ TIÊN - MAI VĂN CHÂU - LƯ HÙNG - TẠ XUÂN -
TRƯƠNG VĂN NHÂN - TRẦN THỊ KIỆU DUNG - LƯƠNG CHÍ
QUANG - MAI VĂN BÔI - NGUYỄN THÀNH GIÁP - TRẦN THỊ

ĐÀO - HỒ THỊ XUÂN HỒNG - NGUYỄN THỊ THÙY LINH -
 NGUYỄN HỮU THÀNH - NGUYỄN HOÀNG DŨNG - HÀ MINH
 HƯƠNG - TRẦN HẠNH NIỆM - MAI THỊ MỸ THỂ - VÕ THÀNH
 NAM - VÕ THỊ CHÍ LIÊU - VÕ HỒNG THÁI - VÕ THỊ THU TRANG
 - ĐINH THÀNH PHƯƠNG - NGUYỄN THỊ CHI - TRẦN THỊ BÍCH
 NGA - TRẦN THỊ KIM DUNG - ĐINH NGỌC HUỲNH ANH - BẠCH
 VĂN SANG - ĐỖ PHAN LONG - DIỆU NGHIÊM - NGỌC PHÁT -
 NGUYỄN THỊ DUYÊN - NGUYỄN THỊ KIM DUNG - PHẠM THỊ
 NGỌC DUNG - NGUYỄN VĂN HẢI - VÕ THỊ HỒNG THƠ -
 NGUYỄN NGỌC THANH DUNG - GIÁC LIÊN - TRƯƠNG THỊ HOA
 - DIỆU NHÂN - NGUYỄN TRẦN THÚY THU HÀ - TRỊNH THỊ
 PHÚC - VŨ THỊ TRÂM - TRẦN THỊ TUYẾT HỒNG - CHÚC ỨNG -
 TRẦN HỒNG CHÂU - NGUYỄN THỊ CHẤN - NGUYỄN THỊ
 NHUẬN - LIÊN BÍCH NGỌC - BÙI THU NGUYỄN - CÔ CHÚC THY
 - TRƯƠNG THỊ LỆ THU - NGUYỄN TẤN TÀI - NGUYỄN THỊ
 MỘNG LỘC - LƯU THỊ TRUNG.

---☞ MỤC LỤC ☞---

Số TT	PHÁP HOA GIẢNG LUẬN	Trang
01	Lời phi lộ	05
02	Bài số 16	09
03	Bài số 17	48

04	Bài số 18	88
05	Bài số 19	130
06	Bài số 20	177
07	Bài số 21	227
08	Bài số 22	269
09	Bài số 23	316
10	Bài số 24	353
11	Bài số 25	386
12	Bài số 26	430
13	Tóm lược 9 phẩm - 11 bài	481
14	Lời sau sách	514
15	Danh sách ấn tống Kinh	516
16	Mục lục	545

**KINH ĐẠI
THỪA DIỆU
PHÁP LIÊN
HOA
GIẢNG LUẬN**
Tác giả: Sa môn
**THÍCH THÔNG
BỬU**



**NHÀ XUẤT
BẢN TÔN GIÁO**
10 Chu Văn An –
Ba Đình – Hà Nội
ĐT: 08.048106

**Chịu trách nhiệm
xuất bản**

THIỆU QUANG THẮNG

**Chịu trách nhiệm bản thảo
PHẠM NGỌC HẬU**

**Biên tập
NGUYỄN TƯỜNG LONG**

**Trình bày bìa
Họa sĩ NGỌC HÂN**

**Xuất bản lần thứ nhất 5.000 cuốn, khổ 16 cm x 24 cm tại Xí nghiệp
in Nguyễn Minh Hoàng - ĐT: 8.555812.**

Địa chỉ: 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP.HCM

Giấy phép xuất bản số: 3 - 740 / XB – QLXB cấp ngày 27 - 6 - 2003.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 07 - 2003.